

# **Cảm Ứng Thiên Vựng Biên**

**感應篇彙編**

**(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội  
năm 2000)**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo chánh: Đức Phong - Huệ Trang**

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

**(blank page)**



*Cảm Ứng Thiên Vựng Biên*

## **Cảm Ứng Thiên Vựng Biên**

### **感應篇彙編**

#### **Quyển 1**

#### **Phần 1**

(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội năm 2000)

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong - Huệ Trang

### ***Lời tựa đề xướng in Cảm Ứng Thiên Vựng Biên***

Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, nói đơn giản, chính là bài văn dùng Lý và Sự nhân quả cảm ứng để khuyên mọi người làm lành, bỏ ác. Chẳng biết tác giả là ai! Có người nói là Cát Hồng<sup>1</sup>, người học chưa chắc đã tin theo thuyết ấy. Còn như nói [tác giả là] Thái Thượng

---

<sup>1</sup> Cát Hồng (283-343) tự là Trĩ Xuyên, hiệu Bão Phác Tử, thường được gọi là Cát Tiên Ông, là người xứ Đơn Dương, Câu Dung (nay thuộc tỉnh Giang Tô). Ông xuất thân từ dòng dõi thư hương, thuở bé học Nho, lập chí chấn hưng Nho giáo. Đời Tây Tấn loạn lạc, ông lánh đời, học theo Đạo Giáo, chú tâm luyện đan, cầu tìm thuật trường sinh. Trước tác nổi tiếng nhất của ông là bộ sách Bão Phác Tử bao gồm những quan niệm luân lý đạo đức của ông cũng như các nguyên lý luyện đan.

[Lão Quân]<sup>2</sup>, là giáo huấn xứng theo lòng trời lập ra, thuyết ấy càng mơ hồ, chẳng thể nào tra cứu được! Kể từ đời Triệu Tống<sup>3</sup> đến nay, bài văn này được lưu truyền rất thịnh, được ghi chép trong Đạo Tạng<sup>4</sup>. Ngoài những sách dạy về bùa chú, luyện đơn, hành công, tu luyện ra, đây là một tác phẩm giúp giữ yên cõi đời bậc nhất của Đạo Giáo. Toàn bộ bài văn này chỉ hơn một ngàn chữ, nhưng Lý lẫn Sự đều chu đáo. Trong ấy đã kể ra hơn hai trăm chuyện lầm lỗi mà thế gian thường phạm để cảnh tỉnh mọi người, [bao gồm những điều] to lớn hay nhỏ nhất, chẳng sót một điều nào, chẳng ngại phiền phức, do thương xót kẻ đôi khi vì chẳng thận trọng mà trót phạm, sẽ chuốc lấy họa tai! Ý tưởng thanh thoát, ngôn từ hòa nhã, nhưng khí thể chánh nghĩa tràn trề, lẫm liệt, dường như có quỷ thần xét soi, khiến cho người đọc hoảng sợ, xót xa, áy náy, hổ thẹn

---

<sup>2</sup> Thái Thượng Lão Quân, còn gọi là Thái Thượng Hồn Nguyên Lão Quân, Phạm Hình Thần Bảo Huyền Chân Giáng Sanh Đạo Đức Thiên Tôn, hoặc Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn, là một trong ba vị Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh) của Đạo giáo. Lão Tử được coi là thân giáng trần của Thái Thượng Lão Quân. Lão Tử được coi là tổ sư của Đạo giáo, các tổ sư Đạo Giáo thường tự xưng là đã được học đạo trực tiếp hay gián tiếp từ Thái Thượng Lão Quân.

<sup>3</sup> Tức là nhà Tống (960-1279) do Triệu Khuông Dẫn sáng lập. Gọi là Triệu Tống để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dũ sáng lập vào thời Nam Bắc Triều, cũng như những nhà Tống vụn vặt, ngắn ngủi trong lịch sử Trung Hoa như Từ Tống (do Từ Thợ Huy sáng lập cuối đời Nguyên), nhà Hàn Tống (do Hàn Lâm Nhi sáng lập, về sau bị Châu Nguyên Chương diệt) v.v...

<sup>4</sup> Có thể coi Đạo Tạng là Đại Tạng Kinh của Đạo Giáo, tức toàn tập các bộ kinh điển và trước tác được chấp nhận là chánh thống của Đạo Giáo. Đạo Tạng bao gồm Chánh Thống Đạo Tạng được ấn hành vào năm Chánh Thống thứ mười (1455) đời Minh Anh Tông và Vạn Lịch Tục Đạo Tạng được ấn hành vào năm Vạn Lịch thứ 15 (1587). Đạo Tạng được chia thành các phần như Tam Động, Tứ Phụ, Thập Nhị Loại, bao gồm 1.400 tác phẩm. Đạo Tạng được manh nha hình thành từ thời Nam Bắc Triều khi Lục Tu Tĩnh viết Tam Động Kinh Thư Mục Lục, và được coi như hoàn thiện vào giữa đời Minh.

chẳng yên! Từ đây, tự vấn lòng mình, mạnh mẽ tỉnh ngộ, lại còn lập tức hiểu hóa phước là do chính mình tạo, cũng như thấu đạt ý nghĩa sống động trong trời đất, sẽ có hy vọng thành thánh, thành hiền. Do bài văn này chỉ bảo rành rành, dẫu ngu hay hiền, [hễ đọc đến] đều được lợi lạc. Khuyên dụ đủ mọi lẽ, dẫu kẻ học kém vẫn dễ thấu đạt lẽ cao xa, mà cũng toàn là những điều học vấn thiết thực, gần gũi. Do vì như vậy, nó có hiệu quả khuyên thiện rành rành, có công năng giữ yên cõi đời sâu xa. Đạo trưởng dưỡng sự tăng tấn, học vấn nhằm giáo hóa dân, giữ yên mỹ tục, đều được chứa đựng hết trong tác phẩm này. Dẫu nói đây là trước tác của Cát Hồng cũng được, dẫu bảo là lời dạy của trời cao truyền lại, cũng đều chẳng có gì là không được!

Trải các đời, đã có nhiều người chú giải. Có vị giảng giải văn từ, có vị trích dẫn những lời lẽ xiển dương nghĩa lý, có vị dùng những câu chuyện để làm chứng. Cho đến đời Thanh, những người có chí bèn hội tập, chỉnh lý, nhuận sắc, khiến cho ngữ ý tường tận, nghĩa lý thấu triệt, dẫn chứng rộng rãi, đặt tên là Vụng Biên. Do vậy, những lời nghị luận liên quan đến tâm tánh và đức nghiệp trong sách Nho, kinh Phật, những mẫu chuyện liên quan đến nhân duyên quả báo trong chánh sử, dã sử [đều được thấu thập] hết sức phong phú, tinh hoa nối tiếp khôn cùng. [Bộ sách này] có khoảng hai mươi vạn chữ, văn chương trong sáng, lưu loát dễ đọc, Sự lẫn Lý cùng dung hội. Nói chung là lấy lòng nhân từ trắc ẩn làm Thể, lấy chuyện yên đời lợi người làm Dụng. Một niềm khẩn thiết rạng ngời trên

giấy, mỗi phen đọc đến, chẳng khi nào không cảm thấy chánh khí tốt lành tràn trề nảy sanh. Đúng là một bộ đại kỳ thư trong thiên hạ vậy!

Nếu bảo: “Thiện ác là nghĩa lý của Nho gia, nhân quả là pháp giáo trong Phật môn, cảm ứng là sự chỉ dạy của đạo nhân, có sao lại khiến cưỡng kết hợp ba thứ ấy? Hơn nữa, để khuyến thiện, cần gì phải dùng nhân quả, cảm ứng? Từ xưa, giáo huấn ‘*thành tựu phẩm đức, trọn hết cái tâm để biết tánh*’ của bậc thạc Nho đã đủ để nói rồi, chưa hề dùng nhân quả và cảm ứng vì sợ rúng động lòng người. Dùng cảm ứng và nhân quả để khuyến thiện, có nghĩa là đánh động đến họa, phước, lợi, hại. Do vì họa, phước, lợi, hại mà làm lành, điều thiện ấy sẽ chẳng phải là chân thiện!” Tôi cho rằng, phẩm cách của con người có nhiều loại, giáo hóa cũng có nhiều cách. Từ tánh cách như Nghiêu, Thuấn trở xuống, trăm vị quân tử thuở đầu lập chí, chưa vị nào có thể thuần thiện, vô dục! Khi động tâm, lòng canh cánh nhân quả, kiêng dè họa phước, há chẳng phải là đã giúp đỡ to lớn cho sự kiêng sợ, nỗ lực [giữ vẹn phẩm đức] suốt từ sáng đến tối đó ư? Hơn nữa, nhân quả báo ứng, họa phước đưa tới, có cảm bèn ứng, vốn là chuyện thật tình trong trời đất, tạo hóa. Cậy vào đó, sẽ chẳng hề thêm nhiều, dầu gặt bỏ đi, cũng chẳng ít bớt. Bậc quân tử tăng tấn đức hạnh, có so đo [lợi, hại, họa, phước để làm lành] hay không, lạnh nóng tự biết. Thoạt đầu, dựa vào đó thì nặng nề, cuối cùng bỏ đi thì nhẹ nhàng<sup>5</sup>;

---

<sup>5</sup> Ý nói, thoát đầu phải dựa vào cảm ứng họa phước và nhân quả để gắng sức hành thiện, trau dồi phẩm đức, sẽ thấy khó khăn. Đến khi đã thuần thực, sẽ chẳng thấy



cũng chẳng trở ngại công phu tâm tánh có thể ngày càng thêm tinh thuần, danh vọng, tài lộc, địa vị, trường thọ chẳng cầu mà tự đạt! Vì thế, người khéo tu đức, tuy dốc chí nơi tâm tánh, vốn chẳng cầu công quả mà tự có công quả, có gì cứ phải vất vả gặt bỏ [nhân quả, cảm ứng] để tự coi mình là cao siêu?

Huống hồ dân chúng khắp cõi nước do ôm lòng lợi hại mà làm, người tránh được lỗi lầm sẽ nhờ đó càng đông. Tâm tánh khó thể thành lập, nhưng nhân quả lại dễ hiểu. Chẳng nói đến họa phước vì sợ lòng người kinh hãi, làm sao có thể khuyên răn rộng rãi [mọi người] tránh né tội lệ cho được? Vì thế, người khéo nói nhân quả, tuy lời lẽ phải dựa vào họa phước, rốt cuộc vẫn là chú trọng nơi tâm tánh, nhưng ít nhắc tới tâm tánh đó thôi! Sao lại cứ phải ra rả nêu lên những điều như thế để bắt chẹt người khác ư?

Nếu có thể dốc ý nơi tâm tánh mà bàn nhân quả, khiến cho nhân dân vì sợ quả báo mà chẳng dám làm ác hòng gieo nhân, dần dà, họ sẽ an trụ nơi tâm tánh, thích làm lành, hòng thành tựu đức hạnh. Đây chính là phương tiện môn trong Phật pháp, chuyển thành công năng hỗ trợ sự giáo hóa của Nho gia. Thiện ác và nhân quả, dùng cảm ứng để kết hợp chặt chẽ, một Thể thành tựu lẫn nhau. Đây chính là phương tiện chân thật, mà cũng là sự giáo hóa chân thật.

Nếu nói rộng ra, sẽ là do “*tận hết cái tâm để biết tánh*” của Nho gia mà tâm tánh ấy ắt sẽ là đức hợp thiên địa. Phật môn liễu nhân chứng quả, ắt nhân quả ấy sẽ bao trùm trọn khắp pháp giới. Đối với đạo thì cảm thấu suốt, ứng cùng cực, ắt sẽ do sự cảm ứng ấy mà thấu triệt u minh<sup>6</sup>. Thiên địa, pháp giới, u minh, đều trọn đủ vô lượng đức, vô lượng nghĩa. Nói tâm tánh, nói nhân quả, nói cảm ứng, xét theo phương cách giáo huấn, chẳng thể nói là không khác; nhưng xét theo thật lý, ắt có chỗ tương đồng! Không chỉ là ý tưởng dạy dân, hướng dẫn thế tục tương đồng, mà kể cả sự thành tựu cũng tương thông, chẳng thể nói là sai khác!

Có kẻ bảo: “Tôi thường cảm thấy thuyết nhân quả huyền hoặc, sâu thẳm, lạ lùng, hư huyền, chuyện cảm ứng hết sức đáng ‘quái lực, loạn thần’<sup>7</sup>, nay đang thuở khoa học phát triển rực rỡ, phàm những chuyện không có căn cứ để khảo sát, hãy nên xem như mê tín mà phá trừ. Có sao tin sâu chẳng nghi? Há chẳng phải là tự dối mình, lừa người đấy ư?” Tôi nói: Đấy chính là lời lẽ của kẻ chẳng hiểu rõ khoa học vậy. Khoa học là thái độ hể tin thì truyền bá lòng tin, hể nghi thì truyền bá lòng nghi, chẳng vượt phạm, chẳng tràn lan. Bọn chúng ta cố nhiên chẳng thể dối gạt chuyện huyền vọng thành chuyện thật sự có, mà bọn họ cũng chẳng thể nói

---

<sup>6</sup> U minh (幽冥): U minh là một khái niệm xuất phát từ kinh Dịch, phẩm chỉ các hiện tượng đối lập như sáng và tối, hữu hình và vô hình, trí huệ và ngu si v.v...

<sup>7</sup> Quái lực, loạn thần: Đây là một câu nói xuất phát từ Luận Ngữ: “*Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần*” (Khổng Tử chẳng nói đến chuyện quái dị, dũng lực, phản loạn, quỷ thần). Dần dần từ ngữ “*quái lực loạn thần*” được dùng theo nghĩa hẹp để chỉ sự huyền hoặc, hoang đường, ma quái, kỳ quái.

“những gì chẳng thể chỉ rõ, ắt sẽ là hư vô” được! Ngán thay, kể từ phong trào Ngũ Tứ<sup>8</sup> đến nay, hễ nói đến khoa học, [thiên hạ] thường nghĩ những gì có thể chứng nghiệm bằng vật lý là chân thật duy nhất. Ngoài những thứ ấy ra, nhất loạt coi là mê tín. Chẳng biết Lý có nhiều đường lối, mà Sự chẳng dễ nêu rõ, cứ lỗ mãng diệt trừ, bác bỏ, sỗ toẹt hết thảy, tự cho mình là đúng, coi kẻ khác sai bét. Đây chính là sự mê tín lớn nhất. Bản chất và biểu hiện của nhân quả cảm ứng đúng là mờ ảo, xa vời, khó hiểu, lời lẽ [phê phán] trong cõi đời chẳng tránh khỏi xuyên tạc, thêm thắt. Thế nhưng Lý rạn ngời, Sự rành rành cũng có chẳng ít, sao lại nhất loạt bác bỏ là không có? Đối với những chuyện cần phải thể nghiệm sâu xa, khó thể tra cứu, suy lường, cái trí thông tục hiếm có khi lãnh hội được, càng phải nên kính sợ, để lại đó chớ bàn luận, sao lại khổ công bộp chộp gièm báng? Nếu có kẻ vờ vịt bày chuyện nhân

---

<sup>8</sup> Phong trào Ngũ Tứ là một phong trào đấu tranh sau Đệ Nhất Thế Chiến do các thành phần trí thức và sinh viên đề xướng tại Trung Hoa nhằm đập đổ tất cả các phương cách giáo dục cổ truyền, đòi hỏi hiện đại hóa. Do cuộc biểu tình lớn nhất nổ ra nhằm ngày Bốn tháng Năm năm 1919 bao gồm phần lớn sinh viên của mười ba trường đại học tại Bắc Kinh, nên gọi là phong trào Ngũ Tứ (Ngũ Tứ vận động). Nguyên do dấy lên phong trào này là sau khi Đệ Nhất Thế Chiến kết thúc, trong hiệp ước Versailles, các nước thắng trận đã chuyển giao tô giới Sơn Đông từ Đức sang chính quyền Nhật Bản, không thêm hỏi ý chính quyền Dân Quốc. Sinh viên, học sinh dưới sự sách động của một số trí thức như Lý Đại Chiêu, Trần Độc Tú... đã biểu tình phản đối chính quyền, đòi cách chức ba viên chức thân Nhật là Tào Nhữ Lâm, Lục Tông Dư, và Chương Tông Tường. Chính quyền Dân Quốc trước sức ép của phong trào đã cự tuyệt ký hòa ước Versailles, cách chức ba người ấy. Những người lãnh đạo phong trào đã quy kết sự yếu hèn của chính quyền Trung Hoa Dân Quốc là do nền giáo dục cổ truyền cũng như do các tư tưởng triết học, nhân văn, tôn giáo truyền thống gây ra. Do vậy, họ đề xướng gạt bỏ Tam Giáo, cấm ngặt sinh viên đọc các trước tác của bách gia, chư tử, kinh Phật, kinh Đạo Giáo, loại bỏ Văn Ngôn...

quả hồng dối gặt kẻ ngu, lừa bịp thế tục, ai nấy đều phải nên bài xích, đả phá; chứ đối với những bậc khéo dẫn chuyện báo ứng để khuyên đời, lợi lạc cõi tục, đại cơ đại quyền lập ra những lời dạy bảo chánh đáng, lợi ích cõi đời rất nhiều, có gì cứ khăng vội vã gặt bỏ? Vì thế, ắt phải là bậc hiểu học, suy nghĩ sâu xa, khiêm tốn, biết kiềm chế, hiểu rõ tường tận, khéo vận dụng trí thức, chẳng mặc tình khuấy loạn thì mới thật sự là bậc thông thạo trong giới khoa học vậy!

Lại có người đọc tác phẩm này, thấy nêu ra các chuyện chứng thực toàn là chuyện cũ người xưa, bèn cho là chẳng phù hợp thời thế khít khao, coi những chuyện sách đã kể như chó rơm. Nghe xong lờ đi là được rồi, sao cứ phải khăng khăng ôm lòng chê bai là viễn vông, vớ vẩn? Tôi cho rằng, sự việc trong thiên hạ có Lý, có Sự. Đời có thể đổi khác, nhưng tánh con người chẳng khác, Sự có thể biến đổi, nhưng lòng người chẳng cần biến đổi! Tánh chẳng khác, tâm bất biến, vậy thì Lý ấy luôn tồn tại. Các nhà Duy Thức từ Sự mà tìm ra Lý, dùng Lý để ứng Sự, vậy thì người xưa chuyện cũ có thể dùng để giúp cho thời nay thường chuyển pháp luân. Đối với tác phẩm này, nếu có người có thể nêu bày những sự việc khác, phù hợp khít khao hiện thời để thay thế, cố nhiên là chuyện tốt đẹp. Nhưng nếu chưa có, thì bản xưa cũng đủ để ứng dụng rồi, tùy thuộc độc giả tự lựa chọn như thế nào!

Nhằm đang lúc thời thế suy vi, đạo học tuyệt diệt, đang buổi lòng người suy đồi, vùi lấp, có những bậc lo

### *Cảm Ứng Thiên Vụng Biên*

cho đời, mạnh mẽ phát chí khuông phò mỹ tục, đề xướng in bộ Vụng Biên này, sai tôi viết lời tựa, bảo là có thể giúp lưu truyền rộng rãi hòng phụ trợ giáo hóa cõi đời! Than ôi! Sự giáo hóa cõi đời hưng thịnh vốn do mạng trời, tôi còn chẳng đủ thời gian để phản tỉnh, há dám rườm lời tán trợ, tuyên truyền! Nhưng thấy người ấy lòng thành, bèn lược thuật những điều tâm đắc của chính mình khi đọc Vụng Biên trình lên, nguyện những người có lòng nhân trong thiên hạ gắng sức, cũng như đề nghị đại chúng đọc kinh hãy nên đọc đi đọc lại bộ sách này. Chẳng đầy năm ngày hoặc một tuần, sẽ có thể ghi nhớ nằm lòng, ắt sẽ được thọ dụng suốt đời chẳng hết. Người có thể hiểu văn nghĩa, hãy để bộ sách này bên cạnh chỗ thường ngồi, luôn luôn giờ xem, ắt sẽ được lợi ích tăng tấn nơi sự tu tập và đức hạnh chẳng thể lường được!

Ngày Rằm tháng Sáu, Trung Hoa Dân Quốc năm 87 (1998), Vương Tài Quý kính đề

### *Lời tựa tái bản*

Thiên sách này dùng hai chữ Cảm Ứng để đặt tên. Cảm chính là nhân, Ứng chính là quả. Bốn câu mở đầu [của thiên sách này] là: *“Họa phước vô môn, duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình”* (Họa phước chẳng có cửa, do con người tự chuốc lấy. Thiện

báo, ác báo như bóng theo hình), xiển dương lý nhân quả, báo ứng “*làm lành được phước, tạo ác mắc họa*” hết sức đơn giản, rõ ràng. Nếu ai có thể hiểu lý nhân quả, biết làm ác nhất định mắc họa hại, ắt hẳn bị ép làm chuyện ác, trong tâm ắt kiêng sợ, chẳng dám làm theo! Biết làm lành nhất định được phước lộc, ắt tâm cũng mong cầu, tuy bị ngăn trở làm lành, cũng chẳng chịu thôi! Pháp sư Ấn Quang từng bảo: “*Nhân quả là phương tiện to lớn để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong thế gian hiện thời, nếu chẳng đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, mà muốn cho thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, dẫu Phật, Tổ, thánh hiền cùng xuất hiện, cũng chẳng làm sao được!*”

Cảm Ứng Thiên tuy trích từ Đạo Tạng, nhưng lời chú giải phần nhiều trích từ sách Nho, kinh Phật. Đọc một quyển sách mà tìm được nghĩa lý tinh hoa trong tam giáo. Đó là một điều vui sướng.

Vựng Biên là tác phẩm hội tập các bản chú giải xưa nay, tra cứu cặn kẽ để chọn lựa, đã tinh vi lại càng thêm tinh vi, biên tập thành sách. Do vậy, đọc bộ sách Vựng Biên, tức là đã đọc trọn hết các bản chú giải Cảm Ứng Thiên vậy. Đây là hai điều vui sướng.

Tài nghệ của người biên tập xuất sắc cao trỗi, chẳng ai sánh bằng. Độc giả có được người hướng dẫn tốt lành này, tâm lượng do vậy rộng mở, phước duyên do đây được vun bồi rộng rãi. Đó là ba điều vui sướng.

Những câu danh ngôn chí lý của Nho giáo, công phu chánh tâm thành ý, yếu quyết tu thân tề gia đã được bộ sách này thu thập quá nửa. Từ tác phẩm này, cũng có thể thấy đại lược phần nào Văn Tự Bát Nhã của Phật môn. Yếu nghĩa nhiếp tâm của Đạo gia cũng được thu vén vào bộ sách này. Đó là bốn điều vui sướng.

Vì thế, Vựng Biên không chỉ đứng đầu trong các bản chú giải Cảm Ứng Thiên, mà thật sự là vua của hết thảy các thiện thư vậy. Hễ ai được gặp gỡ, chính là người có phước. Có thể đọc một mạch từ đầu đến cuối, lắng tâm tĩnh khí, nghiền ngẫm nhiều phen, lãnh hội trong tâm, vận dụng vào cách cư xử, sẽ là người đại phước. Nếu lại còn thấu đạt lẽ tinh túy, [sẽ nhận biết bí quyết] thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm Tổ đều trọn hết trong ấy. Người sống trong cõi đời, chẳng thể không đọc bộ sách vua của các sách này, trăm luân bao kiếp dài lâu, không cách nào tự thoát, há chẳng phải là chuyện đại bất hạnh ư?

Cảm Ứng Thiên được chú giải minh bạch như thế, tường tận như thế, thấu triệt như thế, khẩn thiết như thế, khác nào mạng lệnh ở sát ngay bên tai, khác nào lớn tiếng hò hét ư? Tấm lòng bi mẫn lệ tuôn theo từng câu nói. Hữu duyên đọc đến sách này, hãy nên tự quay đầu, há còn ngờ chi? Hai trăm chín mươi ba điều thiện ác được chép trong thiên sách này, lớn nhỏ đều đủ cả, nguyện khắp đại chúng siêng trì thiên sách này. Hãy nên luôn luôn thâm nhớ trong lòng, từng chữ đều áp

dụng nơi thân, những chuyện trái lẽ, dần dần ít đi. Ngày nào cũng như thế, năm nào cũng như vậy, tự nhiên mọi hành vi đều là thiện, tiếp xúc nơi đâu cũng là thiện, sẽ tự trừ khổ được vui, có phước, không họa, có cát, chẳng hung vậy!

Tháng Năm năm 1959, Lâm Hiệp Am ở Phật Sơn do tái bản bèn kính cẩn đề tựa.

***Lời tựa tái bản Cảm Ứng Thiên Vựng Biên***

Tấm lòng của trời đất là tấm lòng chí thiện. Con người do khí thiên địa hóa sanh, tánh vốn đều lành, nhưng dễ khơi gợi, dẫn dụ, cổ vũ, vun bồi niềm tin, ắt đều nhờ vào sách Cảm Ứng. Nay nói những điều lành với người đời, khiến họ chẳng dám làm điều sai trái, riêng mình sách Cảm Ứng [có tác dụng ấy]. Thường là những kẻ coi thường, đọc lướt qua, thậm chí nhăn mày chẳng vui, xét ra, ý họ cứ ngỡ “thuyết cảm ứng dùng để dạy kẻ ác, ta chẳng có điều ác gì, đọc để làm chi?” Riêng tôi cho rằng, không phải đã là người lành thì chẳng thể đọc thiện thư. Vì lẽ nào vậy? Do thiện sẽ cảm thiện, như keo bỏ vào sơn, như tô hòa với lạc, có cùng căn khí, có cùng loại, sẽ cảm lẫn nhau, tự nhiên [sẽ thấy những lời dạy trong sách] ý vị nồng nàn, mỗi ngày một có công hiệu. Tôi tin là như thế. Chẳng phải hẳn là người lành thì không nên đọc thiện thư, làm thiện sự, lập thiện luận! Hay là như tôi còn nói, Nho và Đạo nói “cảm ứng” giống như Thích giáo nói nhân quả. Cảm chính là



nhân, Ứng chính là quả. Vì thế, dùng thiện để cảm, sẽ được phước quả. Dùng bất thiện để cảm, sẽ mắc khổ quả. Dùng Lục Độ vạn hạnh Vô Thượng Bồ Đề để cảm, sẽ đắc Phật quả. Dùng siêng tu Tịnh Độ niệm Phật cầu vãng sanh để cảm, sẽ đắc quả nơi đài sen trong cõi Cực Lạc. Chẳng có cảm nào không phải là nhân, chẳng có ứng nào không phải là quả. Cảm ứng đã rõ ràng, nhân quả càng thêm tỏ lộ. Các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có pháp nào không thể dùng sách này để làm bậc thang [tấn nhập]. Chỉ mong nhà nào cũng có bộ sách này, tin nhận, phụng hành. Thiện niệm ngày càng chan chứa, tâm địa ngày càng thanh tịnh. Dùng đó để hồi hướng Tịnh Độ, cầu sanh Cực Lạc. Tiến lên là cầu Phật quả, sẽ chẳng khó khăn. Khắc in lại bộ sách này há chẳng phải là một điều hết sức vui sướng ư? Do vậy viết lời tựa.

Niên hiệu Quang Tự đời Thanh, tháng Ba năm Bính Thân (1896), Đại Liên cư sĩ Trương Bính Viêm rửa tay kính đề

***Lời thưa trình khuyên đọc Cảm Ứng Thiên Vựng Biên***

Tuy Cảm Ứng Thiên phát xuất từ Đạo Tạng, nhưng lời chú giải phần nhiều trích dẫn từ sách Nho, kinh Phật. Đọc một quyển sách mà nắm được nghĩa lý

ting hoa của tam giáo. Đây là điều vui sướng thứ nhất. Vựng Biên là tác phẩm biên tập các bản chú giải xưa nay, tra cứu cặn kẽ để chọn lựa, đã tinh vi lại càng thêm tinh vi, biên tập thành sách. Do vậy, đọc bộ sách Vựng Biên, tức là đã đọc trọn hết các bản chú giải Cảm Ứng Thiên vậy. Đây là hai điều vui sướng. Tài nghệ của người biên tập xuất sắc cao trời, chẳng ai sánh bằng. Độc giả có được người hướng dẫn tốt lành này, tâm lượng do vậy rộng mở, phước duyên do đây được vun bồi rộng rãi. Đó là ba điều vui sướng. Những câu danh ngôn chí lý của Nho giáo, công phu chánh tâm thành ý, yếu quyết tu thân tề gia đã được bộ sách này thu thập quá nửa. Từ tác phẩm này cũng có thể thấy đại lược phần nào Văn Tự Bát Nhã của Phật môn. Yếu nghĩa nhiếp tâm của Đạo gia cũng được thu vén trong bộ sách này. Đó là bốn điều vui sướng.

Vì thế, Vựng Biên không chỉ đứng đầu trong các bản chú giải Cảm Ứng Thiên, mà thật sự là vua của hết thảy các thiện thư vậy. Hễ ai được gặp gỡ, chính là người có phước. Có thể đọc một mạch từ đầu đến cuối, lắng tâm tĩnh khí, nghiền ngẫm nhiều phen, lãnh hội trong tâm, vận dụng vào cách cư xử, sẽ là người đại phước. Nếu lại còn thấu đạt lẽ tinh túy, [sẽ nhận biết bí quyết] “thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm Tổ” đều ở trong ấy. Người sống trong cõi đời, chẳng thể không đọc bộ sách vua của các sách này, trầm luân bao kiếp dài lâu, không cách nào tự thoát, há chẳng phải là chuyện đại bất hạnh ư?

Cảm Ứng Thiên được chú giải minh bạch như thế, tường tận như thế, thấu triệt như thế, khẩn thiết như thế, khác nào mạng lệnh ở sát ngay bên tai, khác nào lớn tiếng hò hét. Tấm lòng bi mẫn lệ tuôn theo từng câu nói. Hữu duyên đọc đến sách này, hãy nên tự quay đầu, há còn ngờ chi? Những người gặp ác báo như đã được chép trong Vụng Biên, cứ ủa đến chỗ chết như loài cò, đến chết vẫn chẳng ngộ, đều là do cả đời chưa từng đọc Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên lợi ích nhân sinh, há chẳng phải là đường tắt duy nhất để chuyển họa thành phúc, hoặc cũng có thể coi là pháp môn bất nhị để siêu phàm nhập thánh đây ư?

### ***Thái Thượng Cảm Ứng Thiên (nguyên văn)***

***Thái Thượng viết: - Họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình. Thị dĩ, thiên địa hữu tư quá chi thần. Y nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán. Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn, nhân giai ố chi, hình họa tùy chi, cát khánh tự chi, ác tình tai chi. Toán tận tắc tử, hựu hữu Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỷ toán. Hựu hữu Tam Thi thần, tại nhân thân trung, mỗi đáo Canh Thân nhật, triếp thượng nghệ thiên tào, ngôn nhân tội quá. Nguyệt hối chi nhật, Táo thần diệc***

*nhiên. Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỷ, tiểu tắc đoạt toán. Kỳ quá đại tiểu, hữu sở bách sự, dục cầu trường sanh giả, tiên tu tỵ chi. Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái. Bất lý tà kính, bất khi ám thất. Tích đức lũy công, từ tâm ư vật, trung hiếu hữu để, chánh kỷ hóa nhân, căng cô tuất quả, kính lão hoài ấu. Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương. Nghi mẫn nhân chi hung, nhạo nhân chi thiện. Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy. Kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất, như kỷ chi thất. Bất chương nhân đoãn, bất huyển kỷ trường. Át ác dương thiện, thôi đa thủ thiếu. Thọ nhục bất oán, thọ sủng nhược kinh. Thi ân bất cầu báo. Dĩ nhân bất truy hối, sở vị thiện nhân, nhân giai kính chi, thiên đạo hựu chi, phước lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi, sở tác tất thành, thần tiên khả ký. Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.*

*Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bồi lý nhi hành, dĩ ác vi năng, nhân tác tàn hại, âm tắc lương thiện, ám vũ quân thân, mạn kỳ tiên sinh, bạo kỳ sở sự, cưỡng chư vô thức, báng chư đồng học, hư vu trá nguy, công kiết tông thân, cang cường bất nhân, ngận lệ tự dụng, thị phi bất đang, hướng bồi quai nghi, ngược hạ thủ công, siểm thượng hy chỉ, thọ ân bất cảm, niệm oán bất hưu, khinh miệt thiên dân, nhiều loạn quốc chánh, thưởng cấp phi nghĩa, hình cấp vô cô, sát nhân thủ tài, khuynh nhân thủ vị, tru hàng lục phục, biếm chánh bài hiền, lãng cô bức quả, khí pháp*

*thọ lộ. Dĩ trực vi khúc, dĩ khúc vi trực. Nhập khinh vi trọng, kiến sát gia nộ. Tri quá bất cải, tri thiện bất vi, tự tội dẫn tha, ung tắc phương thuật, sán báng thánh hiền, xâm lãng đạo đức. Xạ phi trực tẩu, phát trập kinh thê, điền huyết phúc sào, thương thai phá noãn. Nguyên nhân hữu thất, hủy nhân thành công. Nguy nhân tự an, giảm nhân tự ích. Dĩ ác dịch hảo, dĩ tư phế công. Thiết nhân chi năng, tế nhân chi thiện. Hình nhân chi xú, kiết nhân chi tư, hao nhân hóa tài, ly nhân cốt nhục, xâm nhân sở ái, trợ nhân vi phi. Sính chí tác oai, nhục nhân cầu thắng. Bại nhân miêu giá, phá nhân hôn nhân. Cầu phú nhi kiêu, cầu miễn vô sỉ. Nhận ân thôi quá, giá họa mại ác, cô mãi hư dự, bao trữ hiểm tâm. Tọa nhân sở trường, hộ kỷ sở đoản, thừa oai bách hiếp, túng bạo sát thương. Vô cố tiền tài, phi lễ phanh tể, tán khí ngũ cốc, lao nhiều chúng sanh. Phá nhân chi gia, thủ kỳ tài bảo, quyết thủy phóng hỏa, dĩ hại dân cư. Vặn loạn quy mô, dĩ bại nhân công. Tồn nhân khí vật, dĩ cùng nhân dụng. Kiến tha vinh quý, nguyện tha lưu biếm. Kiến tha phú hữu, nguyện tha phá tán. Kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi. Phụ tha hóa tài, nguyện tha thân tử. Can cầu bất toại, tiện sanh chú hận. Kiến tha thất tiện, tiện thuyết tha quá. Kiến tha thể tướng bất cự nhi tiểu chi. Kiến tha tài năng khả xưng nhi ức chi. Mai cổ yếm nhân, dụng dược sát thụ. Khuể nộ sư phó, chỉ xúc phụ huynh. Cường thủ cường cầu, hiếu xâm hiếu đoạt, lỗ lược trí phú, xảo trá cầu thiên, thưởng phạt bất bình, dật lạc quá tiết. Hà ngược kỳ hạ, khủng*

*hách ư tha. Oán thiên vuơ nhân, ha phong mạ vũ. Đẩu hợp tranh tụng. Vọng trực bằng đẳng. Dụng thê thiếp ngữ, vi phụ mẫu huấn. Đắc tân vong cổ. Khẩu thị tâm phi. Tham mạo ư tài, khi vông kỳ thượng. Tạo tác ác ngữ, sàm hủy bình nhân. Hủy nhân xưng trực, mạ thần xưng chánh, khí thuận hiệu nghịch. Bối thân hướng sơ. Chỉ thiên địa dĩ chứng bỉ hoài, dẫn thần minh nhi giám ỏi sự. Thí dữ hậu hối, giả tá bất hoài, phận ngoại doanh cầu, lực thượng thi thiết. Dâm dục quá độ, tâm độc mạo từ. Uế thực ủy nhân. Tả đạo hoặc chúng. Đoản xích hiệp độ, khinh xứng tiểu thăng. Dĩ nguy tạp chân, thải thủ gian lợi. Áp lương vi tiện, mạn mộ ngu nhân, tham lam vô yém. Chú trớ cầu trực. Thị tửu bột loạn. Cốt nhục phần tranh. Nam bất trung lương, nữ bất nhu thuận. Bất hoà kỳ thất, bất kính kỳ phu. Mỗi hiếu căng khoa, thường hành đồ kỵ. Vô hạnh ư thê tử, thất lễ ư cữu cô, khinh mạn tiên linh. Vi nghịch thượng mạng, tác vi vô ích, hoài hiệp ngoại tâm. Tự chú chú tha, thiên tăng thiên ái. Việt tỉnh việt táo, khiêu thực khiêu nhân. Tổn tử đạo thai, hành đa ẩn tịch. Hồi lạc ca vũ, sóc đán hiệu nô. Đối Bắc thể thóa cập nịch. Đối táo ngâm vịnh cập khốc. Hựu dĩ táo hỏa thiêu hương, uế sài tác thực. Dạ khởi lửa lộ, bát tiết hành hình. Thóa lưu tinh, chỉ hồng nghê, triếp chỉ tam quang. Cứu thị nhật nguyệt. Xuân nguyệt liệu liệt. Đối Bắc ác mạ, vô cổ sát quy đả xà.*

*Như thị đẳng tội, Tư Mạng tùy kỳ khinh trọng, đoạt kỳ kỷ toán. Toán tận tắc tử, tử hữu dư trái, nãi*

*ương cập tử tôn. Hựu chư hoạn thủ nhân tài giả, nãi kế kỳ thê tử gia khẩu dĩ đương chi, tiệm chí tử táng. Nhược bất tử táng, tắc hữu thủy hỏa đạo tặc, di vong khí vật, tật bệnh, khẩu thiệt chư sự, dĩ đáng vọng thủ chi trực. Hựu uổng sát nhân giả, thị dịch đao binh nhi tương sát dã. Thủ phi nghĩa chi tài giả, thí như lậu bồ cứu cơ, trăm tửu chỉ khát, phi bất tạm bão, tử diệc cập chi.*

*Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi cát thần dĩ tùy chi. Hoặc tâm khởi ác, ác tuy vị vi, nhi hung thần dĩ tùy chi. Kỳ hữu tăng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cứu cứu tất hoạch cát khánh. Sở vị chuyển họa vi phước dã. Cố cát nhân ngữ thiện, thị thiện, hành thiện, nhất nhật hữu tam thiện, tam niên thiên tất giáng chi phước. Hung nhân ngữ ác, thị ác, hành ác, nhất nhật hữu tam ác, tam niên thiên tất giáng chi họa, hồ bất miễn nhi hành chi?*

## 太上感應篇

太上曰。禍福無門。惟人自召。善惡之報。如影隨形。是以天地有司過之神。依人所犯輕重。以奪人算。算減則貧耗。多逢憂患。人皆惡之。刑禍隨之。吉慶避之。惡星災之。算盡

則死。又有三台北斗神君。在人頭上。錄人罪惡。奪其紀算。又有三尸神。在人身中。每到庚申日。輒上詣天曹。言人罪過。月晦之日。灶神亦然。凡人有過。大則奪紀。小則奪算。其過大小。有數百事。欲求長生者。先須避之。

是道則進。非道則退。不履邪徑。不欺暗室。積德累功。慈心於物。忠孝友悌。正己化人。矜孤恤寡。敬老懷幼。昆蟲草木。猶不可傷。宜憫人之凶。樂人之善。濟人之急。救人之危。見人之得。如己之得。見人之失。如己之失。不彰人短。不炫己長。遏惡揚善。推多取少。受辱不怨。受寵若驚。施恩不求報。與人不追悔。所謂善人。人皆敬之。天道佑之。福祿隨之。眾邪遠之。神靈衛之。所作必成。神仙可冀。欲求天仙者。當立一千三百善。欲求地仙者。當立三百善。



苟或非義而動。背理而行。以惡為能。忍  
作殘害。陰賊良善。暗侮君親。慢其先生。叛  
其所事。誑諸無識。謗諸同學。虛誣詐偽。攻  
訐宗親。剛強不仁。狠戾自用。是非不當。向  
背乖宜。虐下取功。諂上希旨。受恩不感。念  
怨不休。輕蔑天民。擾亂國政。賞及非義。刑  
及無辜。殺人取財。傾人取位。誅降戮服。貶  
正排賢。凌孤逼寡。棄法受賂。以直為曲。以  
曲為直。入輕為重。見殺加怒。知過不改。知  
善不為。自罪引他。壅塞方術。訕謗聖賢。侵  
凌道德。射飛逐走。發蟄驚棲。填穴覆巢。傷  
胎破卵。願人有失。毀人成功。危人自安。減  
人自益。以惡易好。以私廢公。竊人之能。蔽  
人之善。形人之醜。訐人之私。耗人貨財。離  
人骨肉。侵人所愛。助人為非。逞志作威。辱  
人求勝。敗人苗稼。破人婚姻。苟富而驕。苟  
免無恥。認恩推過。嫁禍賣惡。沽買虛譽。包

貯險心。挫人所長。護己所短。乘威迫脅。縱  
暴殺傷。無故剪裁。非禮烹宰。散棄五穀。勞  
擾眾生。破人之家。取其財寶。決水放火。以  
害民居。紊亂規模。以敗人功。損人器物。以  
窮人用。見他榮貴。願他流貶。見他富有。願  
他破散。見他色美。起心私之。負他貨財。願  
他身死。干求不遂。便生咒恨。見他失便。便  
說他過。見他體相不具而笑之。見他才能可稱  
而抑之。埋蠱厭人。用藥殺樹。恚怒師傅。抵  
觸父兄。強取強求。好侵好奪。擄掠致富。巧  
詐求遷。賞罰不平。逸樂過節。苛虐其下。恐  
嚇於他。怨天尤人。呵風罵雨。鬥合爭訟。妄  
逐朋黨。用妻妾語。違父母訓。得新忘故。口  
是心非。貪冒於財。欺罔其上。造作惡語。讒  
毀平人。毀人稱直。罵神稱正。棄順效逆。背  
親向疏。指天地以證鄙懷。引神明而鑒猥事。  
施與後悔。假借不還。分外營求。力上施設。

淫慾過度。心毒貌慈。穢食餒人。左道惑眾。  
短尺狹度。輕秤小升。以偽雜真。採取姦利。  
壓良為賤。謾驀愚人。貪婪無厭。咒詛求直。  
嗜酒悖亂。骨肉忿爭。男不忠良。女不柔順。  
不和其室。不敬其夫。每好矜誇。常行妒忌。  
無行於妻子。失禮於舅姑。輕慢先靈。違逆上  
命。作為無益。懷挾外心。自咒咒他。偏憎偏  
愛。越井越灶。跳食跳人。損子墮胎。行多隱  
僻。晦臘歌舞。朔旦號怒。對北涕唾及溺。對  
灶吟詠及哭。又以灶火燒香。穢柴作食。夜起  
裸露。八節行刑。唾流星。指虹霓。輒指三光  
。久視日月。春月燎獵。對北惡罵。無故殺龜  
打蛇。如是等罪。司命隨其輕重。奪其紀算。  
算盡則死。死有餘責。乃殃及子孫。又諸橫取  
人財者。乃計其妻子家口以當之。漸至死喪。  
若不死喪。則有水火盜賊。遺亡器物。疾病口  
舌諸事。以當妄取之值。又枉殺人者。是易刀

兵而相殺也。取非義之財者。譬如漏脯救饑。鴆酒止渴。非不暫飽。死亦及之。夫心起於善。善雖未為。而吉神已隨之。或心起於惡。惡雖未為。而凶神已隨之。其有曾行惡事。後自改悔。諸惡莫作。眾善奉行。久久必獲吉慶。所謂轉禍為福也。故吉人語善。視善。行善。一日有三善。三年天必降之福。凶人語惡。視惡。行惡。一日有三惡。三年天必降之禍。胡不勉而行之。

*(Tạm dịch<sup>9</sup>: Thái Thượng nói: - Họa và phúc chẳng có cửa ngõ [nhất định], chỉ do con người tự chuốc lấy. Thiện báo, ác báo như bóng theo hình. Vì thế, trong trời đất có các vị thần trông coi tội lỗi [của người đời]. Căn cứ con người đã phạm [tội lỗi] nặng hay nhẹ mà giảm bớt tuổi thọ của họ. Giảm thọ thì thường bị nghèo túng, hao tổn, gặp nhiều nỗi ưu tư, hoạn nạn, ai nấy đều ghét bỏ. Hình phạt, tai họa theo đến, chẳng gặp những sự tốt lành, mừng vui. Sao ác gieo tai họa. Tuổi thọ đã hết phải chết. Lại có Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân ở trên đầu con người, ghi*

---

<sup>9</sup> Chúng tôi tạm dịch phần này dựa theo cách diễn giải trong các sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên Bạch Thoại Tiết Bản, cũng như dựa theo lời giảng của lão hòa thượng Tịnh Không, pháp sư Định Hoàng và ông Hoàng Bách Lâm.

*chép tội ác của họ để tước bớt tuổi thọ. Lại có thần Tam Thi ở trong thân người, mỗi khi đến ngày Canh Thân, liền lên chốn thiên tào, tâu tội lỗi của con người. Vào ngày cuối tháng, Táo thần cũng vậy. Hễ ai có lỗi, nặng thì giảm thọ mười hai năm, nhỏ thì giảm thọ một trăm ngày. Tội lỗi lớn nhỏ của con người, có đến mấy trăm chuyện. Kẻ mong sống lâu, trước hết hãy nên tránh né.*

*Hợp đạo thì tiến, trái đạo thì lui. Chẳng theo đường tà, chẳng dối lừa dẫu ở trong phòng tối. Tích lũy công đức, từ tâm đối với muôn loài, trung, hiếu, thuận thảo với anh em. Sửa mình, dạy người. Thương xót con cô, cứu giúp quả phụ. Kính già, thương trẻ. Côn trùng, thảo mộc chớ nên thương tổn. Hãy nên xót thương kẻ ác, vui vì điều thiện của họ, giúp người trong cơn nguy cấp. Thấy người khác đạt được, [cảm thấy] như chính mình đạt được. Thấy người khác mất mát, [cảm thấy] như chính mình bị mất mát. Chẳng phô bày sự kém cỏi của kẻ khác, chẳng khoe khoang cái hay của chính mình. Ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều lành. [Khi phân chia], nhường cho người khác phần nhiều, giữ cho mình phần ít. Bị nhục chẳng oán, được sung ái phải sợ. Thi ân chẳng cầu báo, đã cho người khác thì đừng nghĩ lại rồi hối tiếc. Người được coi là thiện nhân ai cũng đều kính trọng, đạo trời giúp đỡ họ, phước lộc thuận theo, các thứ tà quái tránh xa, do họ được thần linh hộ vệ, việc làm ắt thành, có thể mong thành thần tiên. Muốn cầu thành thiên tiên, hãy nên làm một ngàn*

*ba trăm điều lành. Muốn thành địa tiên, hãy nên làm ba trăm điều thiện.*

*Nếu có kẻ làm những điều phi nghĩa, trái nghịch đạo lý [như sau]: Coi thủ đoạn độc ác là tài năng, nhẫn tâm làm chuyện tàn ác, độc hại, ngấm hại người lương thiện, ngấm khinh vua và cha mẹ, khinh rẻ thầy dạy, phản bội người mình phải phụng sự, lừa kẻ không hiểu biết, gièm báng bạn học, dối trá, hư nguy, công kích thân thuộc, ương bướng bất nhân, sử dụng những thủ đoạn độc ác, tàn nhẫn. Chẳng phân biệt đúng sai, hành xử không thích đáng<sup>10</sup>, ngược đãi kẻ dưới để lập công, nịnh bợ kẻ trên để đón ý [cầu lợi]. Chịu ơn [người khác] mà chẳng cảm kích, luôn ôm lòng oán hận chẳng dứt, khinh miệt dân chúng, nhiễu loạn nền chánh trị trong nước, khen thưởng kẻ phi nghĩa, trừng phạt người vô tội, giết người cướp của, lật đổ người khác để chiếm đoạt địa vị, giết hại kẻ đã đầu hàng, giáng chức người ngay, gạt bỏ người hiền, lăng nhục con cô, bức hại bà góa, coi thường pháp luật mà tiếp nhận hối lộ. Coi thẳng là cong, lấy cong làm thẳng. [Kẻ đáng phán] tội nhẹ bèn phạt nặng hơn. Thấy [người khác mắc tội] đã bị giết chết mà vẫn còn giận dữ. Biết lỗi chẳng sửa, biết điều thiện mà chẳng làm. Tự mình có tội, khiến cho kẻ khác liên lụy. Cản trở tài*

---

<sup>10</sup> Nguyên văn “bối hướng quai nghi”, hiểu theo nghĩa đen là “những điều trái nghịch và hướng theo đều chẳng đúng lẽ”. Sách *Cảm Ứng Thiên Vựng Biên* Bạch Thoại Tiết Bồn giảng: “Đối với kẻ ác, đáng nên xa lìa, mà lại ngược ngạo hướng lòng theo họ. Đối với người lành phải nên thân cận, lại ngược ngạo chống trái. Làm như vậy, đúng là rất trái lẽ vậy”. Chúng tôi chỉ dịch gọn là “hành xử không thích đáng”.

*năng của kẻ khác. Chê bai, báng bổ thánh hiền. Xâm phạm, lăng nhục bậc đạo đức. Săn bắn chim thú, phá tổ côn trùng, kinh động nơi chim đậu, lấp hang, lật tổ, phá thai, hại trứng. Mong cho người khác phạm sai lầm, hủy hoại sự thành công của người khác. Làm người khác lâm nguy để chính mình an ổn. Giảm trừ lợi ích của người khác để chính mình được lợi. Dùng thứ xấu thay cho đồ tốt [trong khi giao dịch]. Vì lòng riêng tư mà phế trừ lễ công. Trộm cắp tài năng của kẻ khác. Che lấp điều lành của người khác. Phô bày những điều xấu của người khác. Rêu rao chuyện riêng tư của người ta. Làm cho kẻ khác hao tổn tài vật. Chia lìa cốt nhục của kẻ khác. Xâm phạm những thứ yêu thích của người khác. Giúp kẻ khác làm quấy. Phô trương oai thế cho thỏa chí. Làm nhục người khác để giành phần thắng. Hủy hoại mùa màng của người ta, phá hoại hôn nhân của kẻ khác. Vừa mới giàu có đã kiêu căng, tùy tiện trốn thoát không biết hổ thẹn. Mạo nhận ân huệ, chối bay tội lỗi. Giá họa, ác ý. Mua bán danh hão, ôm lòng sâu hiểm, ém tài người khác, giấu diếm sự kém cỏi của chính mình. Cậy oai bức hiếp, phóng túng hung bạo, giết hại, tổn thương [kẻ khác]. Vô cớ cắt xén, không có lễ lạc mà giết hại gia súc. Phung phí ngũ cốc. Khiến cho chúng sanh vất vả, ưu phiền. Phá hoại nhà người khác, chiếm đoạt của cải. Phá hoại đê điều, đốt nhà làm hại dân cư. Làm loạn phép tắc để khiến cho công sức của người khác bị thất bại. Phá hoại vật dụng của người khác khiến họ chẳng sử dụng được. Thấy người khác vinh hiển, sang cả, mong họ bị lưu đày, biếm*

*trích. Thấy người khác giàu có, mong họ tàn mạt. Thấy vợ con người ta xinh đẹp, nấy lòng dan díu. Thiếu nợ người khác tiền bạc, của cải, bèn mong họ chết đi. Mong cầu chẳng được toại ý, sanh lòng oán hận, chửi rủa. Thấy người khác sa chân lỡ bước, bèn rêu rao lỗi lầm của họ. Thấy người khác hình hài chẳng vẹn toàn bèn chê cười. Thấy người khác có tài năng đáng ca ngợi bèn chèn ép. Chôn bùa ếm đối hại người. Dùng thuốc giết chết cây cối. Oán giận thầy dạy của chính mình. Xung đột với cha anh. Đoạt ngang, cướp cạn, thích xâm lấn, chiếm đoạt. Cướp bóc để trở nên giàu có. Xảo trá cầu thăng quan lên chức. Thưởng phạt chẳng công bằng. Hưởng lạc quá độ. Hà khắc, ngược đãi cấp dưới. Đe dọa người khác. Oán trời hờn người. Chửi gió, mắng mưa. Tranh chấp kiện tụng. Kéo bè kết đảng làm quấy. Nghe lời thê thiếp, trái nghịch lời cha mẹ dạy răn. Có mới nới cũ. Tâm khẩu chẳng nhất trí. Tham lam, xằng bậy đoạt tiền của, lừa dối bề trên. Nói lời ác độc, gièm chê, hủy báng người lành. Hủy báng kẻ khác, tự khoe bản thân chánh trực. Nhục mạ thần linh, tự xưng mình là chánh đáng. Bỏ thuận theo nghịch. Phản bội người thân thuộc, chạy theo người ngoài. Chỉ trời đất thề thốt làm chứng cho lòng dạ xấu xa. Viện dẫn thần minh hồng chứng giám chuyện tội tề. Cho rồi lại hối. Vay mượn không trả. Cầu mong quá phận. Dốc hết sức bày vẽ, tạo tác. Dâm dục quá mức. Lòng dạ thâm độc, ra vẻ hiền lành. Cho người khác ăn thực phẩm dơ. Bàng môn tả đạo dối đời. Thước non, thước thiếu, cân nhẹ, thăng non. Đồ giả xen lẫn hàng*



thật. Dùng thủ đoạn để kiếm lợi gian trá. Chèn ép người lành khiến họ mặt rệp. Dối gạt kẻ ngu. Tham lam không chán. Thề thốt để người khác tin mình chánh trực. Ham nhậu nhẹt, quây phá. Ruột thịt giận dữ, tranh chấp. Trai không trung lương. Gái chẳng nhu thuận. Bất hòa với vợ. Chẳng kính trọng chồng. Thường thích khoác lác, kiêu căng. Thường hay ganh tỵ. Đối xử với vợ con không ra gì. Chẳng lễ phép đối với bố mẹ chồng. Khinh rẻ tổ tiên. Vi phạm mạng lệnh của bề trên. Làm chuyện vô ích. Ngâm dối lòng thay dạ. Rửa mình, rửa người. Yêu ghét thiên vị. Nhảy qua giếng và bếp lò. Nhảy qua thức ăn, nhảy qua người khác. Tổn hại con cái, phá thai. Làm nhiều chuyện ám muội. Ca múa vào cuối tháng, ngày lạp. Gào hét, giận dữ vào ngày đầu tháng hoặc sáng sớm. Quay về hướng Bắc hỉ mũi, khạc nhổ, tiểu tiện. Đối trước bếp lò ca hát, khóc lóc. Lại còn dùng lửa từ bếp lò để châm hương. Nấu thức ăn bằng củi dơ. Ban đêm thức dậy, thân thể lỏa lồ. Hành hình nhằm tám ngày Tết. Hướng về sao băng khạc nhổ, chỉ trỏ cầu vòng, bộp chộp chỉ trỏ tam quang, nhìn mặt trời, mặt trăng thật lâu. Mùa Xuân đốt rừng để săn bắn. Hướng về phương Bắc chửi rửa độc địa. Vô duyên vô cớ, đánh giết rắn rùa.

Đối với các tội như thế, thần Tư Mạng tùy theo tội nặng hay nhẹ mà bớt tuổi thọ của người gây tội. Tuổi thọ đã hết, sẽ phải chết. Đã chết mà còn chưa hết nợ thì con cháu phải gánh tai ương. Lại còn những kẻ cướp ngang tài vật của người khác thì vợ con, cả gia đình của hắn phải hứng chịu dần dần cho đến chết. Nếu

không chết chóc, sẽ bị những chuyện như tai họa nước, lửa, trộm cướp, mất mát vật dụng, bệnh tật, khẩu thiệt để trả cái giá cướp càn. Lại còn những kẻ giết oan người khác, sẽ đổi lại bị giết trong chiến tranh. Kẻ chiếm giữ tài sản phi nghĩa, ví như dùng thịt nhiễm độc<sup>11</sup> để cứu đói, dùng rượu ngâm lông chim Trám để khỏi khát, không chỉ là chẳng tạm no mà còn phải chết. Hễ dấy thiện niệm, tuy chưa làm lành, cát thân đã đi theo. Tâm móng niệm ác, tuy chưa làm ác, hung thân đã theo. Nếu kẻ đã từng làm ác, về sau sửa đổi, hối hận, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, lâu ngày chầy tháng, ắt được cát khánh, đó gọi là “chuyển họa thành phước” vậy. Do vậy, người cát tường nói lời lành, xem điều lành, làm điều lành, mỗi ngày có ba điều lành thì ba năm trời ắt ban phước cho. Còn kẻ ác nói lời ác, xem điều ác, làm điều ác, mỗi ngày có ba điều ác, ba năm trời ắt sẽ giáng họa. Sao không cố gắng thi hành vậy thay?)

## **Thái Thượng Cảm Ứng Thiên**

### **Chú Giảng Chứng Án Vựng Biên<sup>12</sup>**

---

<sup>11</sup> Nguyên văn “lậu bô” (漏脯) nghĩa là thịt khô để nơi dột nát, sẽ sanh ra nấm mốc rất độc.

<sup>12</sup> Danh xưng này có nghĩa là “hội tập toàn bộ những chú thích, giảng giải, và những câu chuyện để chứng thực thiên sách Thái Thượng Cảm Ứng”.

Thái Thượng là danh xưng chí tôn, vì xứng theo lòng trời mà lập ra giáo huấn, nhằm dạy con người chớ nên sơ suất, xem thường. Cảm là như gieo trồng, Ứng như hoa quả. Dùng hai chữ ấy để đặt tên cho bài văn này, ngụ ý: Hễ có cảm, ắt sẽ có ứng, mà cũng là hễ cảm bèn ứng, nêu tỏ lẽ nhân quả báo ứng trong đạo trời vậy. Tục ngữ có câu: *“Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Lưới trời lồng lộng, tuy thưa chẳng lọt”*. Đây chính là nói đến sự cảm ứng. Cả thiên sách này lấy bốn câu đầu tiên làm đề cương, bao gồm toàn bộ ý nghĩa trong thiên sách.

Tiếp đó, toàn là những câu nhằm tận lực giảng rõ bốn câu ấy. Từ câu *“thị dĩ thiên địa hữu tư quá chi thân”* (vì thế, trời đất có những vị thần trông coi tội lỗi) cho tới *“tiên tu tỵ chi”* (hãy nên tránh né trước), chính là phần luận định chung về sự giám sát nghiêm ngặt của thần minh, phạt tội nghiêm khắc, nhằm trước hết khơi gợi cái tâm kính sợ của mọi người. Từ câu *“thị đạo tắc tấn”* (hợp đạo thì tiến) cho tới *“đương lập tam bách thiện”* (hãy nên làm ba trăm điều thiện) nhằm nói tới chuyện do làm lành mà cảm vời phước báo. Từ câu *“cẩu hoặc phi nghĩa nhi động”* (nếu làm chuyện phi nghĩa) cho tới *“ương cập tử tôn”* (tai ương lan tới con cháu) là nói tới quả báo do chuyện làm ác cảm vời. Sau đây, lại dùng hai chuyện cướp đoạt ngang xương và giết chóc oan uổng để đặc biệt nhắc lại, nhằm nói tới chuyện làm ác cùng cực! Từ câu *“phù tâm khởi ư thiện”* (hễ tâm dấy thiện niệm) cho đến *“hung thân dĩ tỳ chi”* (hung thân đã theo) nhằm [nhấn mạnh ý]: Suy

đến tận gốc, lúc ý niệm vừa mới dấy lên, thần minh ngay lập tức soi thấu. Đối với nền tảng phước và mầm móng họa, hãy nên thận trọng, kiêng dè, biện định từ thuở ban đầu! Từ câu “*kỳ hữu tăng hành ác sự*” (có kẻ từng làm chuyện ác) cho tới “*chuyển họa vi phước*” (chuyển họa thành phước) nhằm dạy [mọi người] đừng vì lầm lỗi trước kia mà buông xuôi! Nếu có thể sửa lỗi, chuyển lành, ắt sẽ chuyển họa thành phước. Đúng là hết sức dễ dàng! Đây chính là ý chỉ chánh yếu trong lời khai thị của Thái Thượng vậy. Đó gọi là “*họa hay phước, không gì chẳng do chính mình cầu*” ứng hợp với ý “*duy nhân tự triệu*” (chỉ do con người tự chuốc lấy) trong phần trước.

Phần tổng kết cuối cùng nêu ra ba chuyện để hành, đây chính là khuôn phép trừ khử phiền não để phụng hành, tích lũy [công đức]. Câu kết thúc nhằm cổ vũ [người đọc] hãy thực hành. Một chữ Miễn (勉, gắng sức) chính là bí quyết trọng yếu để sửa lỗi, chuyển thành tốt lành, mang ý nghĩa dặn dò sâu thẳm, thiết tha tận bậc vậy!

Thế đạo chẳng bằng thuở trước, lòng người ly tán, bạc bẽo, lễ giáo chẳng thể khuyến hóa, hình phạt chẳng thể cấm đoán. Chỉ có hai chữ Cảm Ứng là có thể đánh động lương tâm để [mọi người] thuận theo điều thiện, trừ khử điều ác. Con người dẫu chẳng sợ phép vua, chưa có kẻ nào chẳng sợ quỷ thần! Đối với phép vua, có thể dùng thế lực hoặc mách khéo để trốn thoát, đối với quỷ thần thì chắc chắn chẳng thể dùng phú quý, nấp

kín để tránh né được! Vì thế, có người viết lời tựa cho thiên sách này đã nói: *“Người lành nghe thấy thì càng được khuyên lon [hòng mạnh mẽ thực hiện hơn], chẳng cần chờ được tưởng thưởng. Kẻ ác trông thấy, sẽ tự cảm thấy bất an còn hơn bị hình phạt giáng xuống”*. Có thể thấy thiên sách này không chỉ giúp sức cho kinh điển của thánh hiền, mà còn bổ trợ sự giáo hóa của nhà vua nữa kia!

Có người bảo thiên sách này xuất phát từ Đạo Tạng, nghi ngờ nó trái nghịch đạo Nho. Nói chung, kẻ ấy chưa từng nghiên cứu tinh tường sách Nho! Kinh Dịch dạy: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích lũy điều thiện ắt điều lành có thừa. Nhà chứa điều bất thiện, ắt tai ương có thừa). [Kinh Dịch dùng chữ] Tích (積) cho thấy thiện ác không chỉ là một chuyện. Chữ “dư” (餘) cho thấy quả báo không chỉ là một đường. Lời chú giải kinh Dịch nói tóm gọn, bao quát, sách này nói rõ từng điều. Lại như kinh Thư có chép: *“Túc thiện giáng chi bách tường. Túc bất thiện giáng chi bách ương”* (Làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm điều bất thiện thì trăm điều tai ương giáng xuống). Kinh Thi ngâm vịnh sự xét soi của Thượng Đế, Lễ Ký chép sự được mất của con người. Kinh Xuân Thu thì chép sự việc trong phần trước, ghi sự báo ứng trong phần sau. Những điều được sáu kinh ghi chép toàn là những lời lẽ tinh rỗng về cảm ứng, há có gì là chẳng ứng với lý này ư?

Thiên sách này lại ghi chép điều thiện, chuyện ác tỉ mỉ, căn kẽ. Ngay như chuyện ca khốc, khắc khổ, đều liên quan đến sự giám sát của trời. Do đọc những lời lẽ ấy, người ta bèn nghi là mơ hồ, vớ vẩn, chẳng thể tra cứu đến nơi đến chốn, [nghi như vậy tức là] chẳng biết thánh hiền cố nhiên coi trọng đạo “thận trọng nơi những điều nhỏ nhất”. Kinh Thư chép: “*Tế hành bất cang, đại đức chi lũy*” (Chẳng cẩn thận nơi những hành vi nhỏ nhất, sẽ khiến cho đức lớn bị tổn giảm). Kinh Dịch nói: “*Tiểu nhân dĩ tiểu thiện vi vô ích nhi bất vi dã, dĩ tiểu ác vi vô thương nhi bất khả dĩ. Cố ác tích nhi bất khả yểm, tội đại nhi bất khả giải*” (Tiểu nhân coi điều lành nhỏ là vô ích nên chẳng làm, cứ nghĩ điều ác nhỏ chẳng tổn hại gì nên chẳng bỏ. Do vậy, điều ác chất chứa chẳng thể che giấu được, tội to lớn chẳng thể giải trừ được). Cả bộ sách Lễ Ký, đối với nhất cử nhất động của con người đều có khuôn phép, chừng mực. Cổ nhân dạy mọi người cẩn thận trong từng hành vi nhỏ nhất, phần nhiều là như thế đó!

Đời Minh, tiền sĩ Vương Chí Kiên ở Côn Sơn đọc rộng rãi các sách, lại còn thông thạo nội điển (kinh Phật), thường bảo con em: - *Cảm Ứng Thiên nói đến hai trăm chín mươi ba chuyện. Trong một thiên sách, cạn, sâu, tinh, thô, trước sau bổ trợ<sup>13</sup> cho nhau. Như đối với giới sát thì nói “côn trùng thảo mộc, do bất khả*

---

<sup>13</sup> Theo pháp sư Định Hoằng, câu này có nghĩa là “tùy theo kiến giải của người đọc mà thấy thiên sách này là nông cạn hay sâu xa, tinh tế hay thô lược. Đọc đến những phần sau, đối chiếu với những nhận định này sẽ thấy rõ ràng. Vì thế nói là tiền hậu hỗ kiến”.

*thương” (côn, trùng, cỏ cây, chó nên tôn thương), rất chi ly. Nói “phi lễ phanh tể” (chẳng phải là lễ lạc mà giết mổ) tức là chẳng cấm ăn thịt. Nói “vô cố tiền tài” (vô cố mà cắt xén) tức là chẳng cấm ăn mặc chải chuốt. Lại nói “xuân nguyệt liệu liệp” (trong tháng mùa Xuân đốt rừng để săn bắn), nói “vô cố sát quy đả xà” (vô duyên có giết rùa đánh rắn) dường như là càng thêm khoan dung vậy. Ấy là vì một đằng là nói với người học đạo, một đằng là nói với những kẻ thông tục. Kẻ học đạo được nghe lời này bèn tìm cầu chỗ tinh tú, sẽ có thể siêu phàm nhập thánh, mà kẻ bình phàm quen thói tạo nghiệp cũng có thể nhờ đó mà bỏ những điều quá đáng, chẳng đến nỗi buông lung không ngăn dè. Cần phải đọc thiên sách này như thế thì mới biết là nó chẳng nói trùng lặp vậy.*

Người trì thiên sách này cần phải trong tâm luôn luôn thâm niệm, đối với từng chữ đều xét lại tự thân, [chính mình] có chuyện ấy hay là không, [nếu có, sẽ gắng sức] dần dần bỏ bớt. Hằng ngày như thế, hằng năm như vậy, tự nhiên mọi hành động đều là thiện, tiếp xúc chỗ nào cũng là thiện. Trong quyển đầu tiên của các bản in khác có chép nghi thức trì tụng, và các thánh hiệu, dụng ý chỉ nhằm dạy người ta nhiếp tâm làm lành, học theo chuyện ông Triệu Duyệt Đạo<sup>14</sup> [hằng ngày] thấp hương thưa với trời những chuyện đã làm [trong

---

<sup>14</sup> Triệu Duyệt Đạo, tên thật là Triệu Biện, Duyệt Đạo là tên tự. Ông là người huyện Cù, tỉnh Chiết Giang, là một nhà văn học lỗi lạc đời Tống, làm quan Ngự Sử đời Tống Nhân Tông. Ông nổi tiếng là người minh bạch, có thói quen mỗi đêm thấp hương tâu trình với Thượng Đế những chuyện đã làm trong suốt một ngày, với ý nghĩa: Không làm chuyện gì xấu để rồi đến nỗi không dám thưa với trời đất.

mỗi ngày] đó thôi. Nếu chẳng thật tình phụng hành, chỉ tụng niệm suông hồng cầu phước, tức là đã sai lầm quá xa rồi!

Thiên sách này chuyên nhằm khuyên con người chuyên dụng tâm để tu sửa những điều sai trái mà nói. Nho giáo có lý “*huệ cát, nghịch hung*” (惠吉逆凶, thuận theo điều nhân từ, sẽ có điều tốt lành đưa tới; ngả theo điều trái lẽ nghịch đạo, sẽ có chuyện hung hiểm đưa tới). Có được tác phẩm này (Cảm Ứng Thiên) càng cảm thấy tường tận, rõ ràng gấp bội! Thích giáo (đạo Phật) có thuyết nhân quả luân hồi. Đọc thiên sách này, sẽ có thể thấy đại khái [giáo thuyết ấy]. Quán thông tam giáo, dù hành những chuyện khác nhau, mà đạt thành tựu như nhau, đúng là bậc thêm đề siêu phàm nhập thánh, thật sự là con đường để chuyển hóa thành phước. Khuyên trọn khắp những người cùng hàng, hãy tin, nhận, phụng hành. Những chuyện linh nghiệm sẽ được trình bày như dưới đây.

Đời Nam Tống, huyện lệnh huyện Nga Mi là Vương Tương, vào năm Thiệu Hưng 31 (1161) đã phát tâm thề hành mấy chục chuyện trong thiên sách này. Một ngày nọ, do bệnh mà ngất lịm, con cái vây quanh khóc lóc. Vương Tương cảm thấy thân thể như đang ở trên không trung, nghe tiếng khóc nhỏ rí như tiếng ong, tiếng ruồi. Trong chốc lát, có vị thần nói: “Vương Tương vừa mới toan dốc sức thực hiện Cảm Ứng Thiên, hãy nên mau thả về”. Về sau, ông thọ đến một trăm lẻ hai tuổi!



Đời Nam Tống, Châu Trì ở phủ Toại Ninh hằng ngày tụng thiên sách này. Lại thích giảng nói cho người khác. Giữa Xuân năm Thiệu Hưng 21 (1151), chết bất ngờ, trải qua một ngày mới sống lại, bảo vợ: - Ta tới âm ty, thấy hai bên đều là những người bị chết đói trong làng. Trên điện, có một vị quan gọi ta, dặn dò: “Người vốn có tên trong sổ những kẻ đói kém. Do kiên thành phụng hành Cảm Ứng Thiên, giảng nói cho người khác. Kẻ nghe xong, hồi tâm làm lành rất nhiều. Nay sửa cho người được hưởng lộc thọ. Nếu vẫn kiên cố tu trì, có thể chứng đại đạo, chẳng trở lại chỗ này nữa”. Tôi đi ra, gặp một viên nha lại, [ông ta] căn dặn: “Người sống lại, càng nên lưu truyền rộng rãi thiên sách này. Nếu một vùng thọ trì, ắt một vùng sẽ thoát nạn. Thiên hạ thọ trì, ắt thiên hạ ấm no, thịnh trị. Người truyền dạy, kẻ thọ trì, công nghiệp đều chẳng cạn! Không chỉ là thoát khỏi các tai ách nước, lửa, binh đao, giặc cướp, bệnh tật, mà cầu con nối dõi, cầu thọ, cầu lộc, cầu tiên đều như đã nói trong kinh này”.

Đời Minh, Dương Thủ Nghiệp ở Hà Gian<sup>15</sup>, hằng ngày tụng thiên sách này. Tuổi đã sáu mươi mà chẳng có con. Năm Vạn Lịch thứ sáu (1578), bị bệnh chết, đột nhiên sống lại, bảo người nhà: “Ta tới cõi âm, thấy một vị quan cầm sổ bộ điểm danh, bảo ta vốn không có con, do luôn tụng Cảm Ứng Thiên sẽ được tăng lộc và thọ, ban cho một con”. Năm sau, quả nhiên sanh một trai,

---

<sup>15</sup> Hà Gian (河間) là một quận thuộc thành phố Thương Châu, tỉnh Hà Bắc.

[đưa con ấy] phụng dưỡng cha mẹ, chôn cất chu đáo, lại còn đỗ đạt.

Đời Tống, Lý Xương Linh người Tây Thục, làm Thái Thú ở Quang Châu<sup>16</sup>, xử lại các vụ án bắt giam oan uổng, hết sức có tiếng tăm. Ông chú giải tường tận Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, khiến cho người đọc do Sự mà tìm được Lý, góp phần tuyên dương, giáo hóa. Những ý nghĩa chánh yếu trong kinh này được tỏ lộ rạn rỡ trong cõi đời. Ông làm quan đến chức Ngự Sử Trung Thừa, phước lẫn thọ đều cao.

Đời Tống, Trịnh Thanh Chi ở Việt Quốc đã từng dâng thiên sách này lên Tống Lý Tông. Sau khi lên ngôi, nhà vua ban tiền để ông khắc ván in ra. Vua đích thân viết hai câu “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*” ở đầu thiên sách. Từ đó, người phụng hành càng đông. Thanh Chi đã từng hứa soạn bài tán [ca ngợi sách Cảm Ứng Thiên], nhưng chưa làm, do vậy bị bệnh mắt có mộng thịt. Ông gắng hết sức chống chọi cơn bệnh để soạn bài tán, mắt liền khỏi. Về sau, được giữ chức quan trọng cơ mật, làm Đồng Tri Xu Mật Viện Sự<sup>17</sup>.

---

<sup>16</sup> Tây Thục chính là Tứ Xuyên. Quang Châu là một huyện thuộc tỉnh Hà Nam, không phải là Quảng Châu.

<sup>17</sup> Xu Mật Viện (樞密院) là danh xưng để gọi cơ quan quản trị quân sự (trương đương với bộ Quốc Phòng hiện thời) dưới các triều đại Đường, Ngũ Đại, Tống, Liêu và Nguyên của Trung Hoa. Vị quan đứng đầu Xu Mật Viện gọi là Xu Mật Sứ (thường gọi thông tục là Thái Úy). Dưới Xu Mật Sứ là Tri Xu Mật Viện Sự, Đồng Tri Xu Mật Viện Sự, Xu Mật Phó Sứ, Thiêm Thư Xu Mật Viện Sự... Nếu nói theo

Vương Trúc ở Thai Châu, có con trai tên là Tịnh, bốn tuổi bị bệnh chết. Họ Vương đau buồn khôn xiết, phát tâm khắc in thiên sách này, mong cầu đứa con trai đã mất sẽ quay lại làm con lần nữa. Vợ quả nhiên có thai. Do tới Hoàng Nham dâng hương, chợt giống như cùng với Tịnh ngồi cùng kiệu về nhà. Vợ sanh con ra, đặt tên là Sur Hôi, diện mạo giống như trước chẳng khác. Cốt nhục lại được vẹn toàn.

Dương Sâm ở huyện Hoàng Nham thấy người khác khắc in thiên sách này, tự nghĩ mình chẳng có sức, bèn tùy duyên, góp tiền khắc ván trang thứ mười bảy. Mộng thấy thần bảo: “Sẽ đậu giống như ông đã khắc”. Quả nhiên, đỗ Tiến Sĩ hạng mười bảy.

Trầm Cầu ở Nam Trục do vợ là Hạng thị có thai lắm bệnh, bèn phát tâm khắc [Cảm Ứng Thiên] thành một quyển sách nhỏ để người khác thuận tiện trì tụng. Hôm thợ khắc mang bản in đến nhà, vợ sanh được một trai, mẹ và con đều khỏe mạnh.

Uông Tĩnh Hư ở Hàng Châu có ý định khắc ván [Cảm Ứng Thiên] để thí rộng rãi. Do quan chức nhỏ nhoi [chẳng có nhiều tiền bạc], nên chưa tròn nguyện. Con ông ta là Nguyên bèn nối chí cha, bỏ tài sản ra để khắc ván thành công, dùng nhiều cách khuyến mộ các thiện sĩ đóng góp, in thí một vạn bộ. Ông Nguyên mộng thấy cha bảo: “Con đã khéo thành tựu chí nguyện

của cha, khuyến thiện, bố thí trọn khắp. Cha đã sanh lên trời, mẹ con cũng thọ. Mọi người và con đều được ghi tên vào sổ lành”.

Vương Tôn ở Giản Châu bị bệnh đã lâu, [bỗng thấy mình] đến âm phủ. Thấy một nha môn, biển đề bằng chữ vàng, ghi Đông Nhạc Phủ. Bên trái tòa điện có một tấm bia chạm chữ bằng vàng, [nội dung] chính là bài Cảm Ứng Thiên. Vương Tôn đọc một lượt, hoan hỷ, cung kính. Liền nghe thần nói: “Vương Tôn vừa thấy chân kinh, liền sanh lòng kính mộ như vậy. Nếu từ rày trở đi có thể phụng hành, kiên trì giới sát, sẽ tự nhiên bệnh lành, thân an, chẳng cần ở chỗ này”. Bèn được hoàn hồn, bệnh nặng nhanh chóng bình phục. Do vậy, phụng hành chẳng lười nhác. Ấy là kẻ không biết chữ tụng kinh sẽ trội hơn người biết chữ, do không có tạp tưởng. Đọc kinh thuộc lòng sẽ thù thắng hơn nhìn vào kinh bỏ để đọc, do có thể nhiếp tâm. Nghĩa lý chỉ ở tại chữ Kinh. Vương Tôn có thể làm chứng vậy.

Tần Tam ở Từ Khê, nhà nghèo, làm lụng vất vả nuôi mẹ; bị trúng phong lâu ngày thành tàn phế. Gặp một đạo sĩ bảo: “Người hãy theo ta, ta sẽ trị cho người”; bèn kéo chân Tần Tam đuổi ra, bệnh khỏi ngay. Tần Tam thưa với mẹ xin theo [đạo sĩ]. Đạo sĩ bảo Tần Tam nhắm mắt, cầm tay kéo theo, cuời gió mà đi. Tới một ngọn núi trên biển, người trên núi chê: “Gã này chẳng có tiên cốt, sao lại đến đây?” Đạo sĩ bảo: “Nhà hần thờ phụng Cảm Ứng Thiên mấy đời, thường vì con cháu khuyến giảng, thiện căn chẳng dứt. Do vậy,

ta thấu nhận”. Tần Tam đau đầu nhớ mẹ, lại được [đạo sĩ] đem trở về thì đã qua mười ba ngày rồi!

Trương đạo nhân ở Thiên Bành tụng Cảm Ứng Thiên. Đi hóa duyên sống qua ngày, nhưng chỉ có thể tụng thuộc lòng một nửa. Bỗng bị bệnh, thấy mình tới cõi âm. Một vị quan hỏi: “Người tụng Cảm Ứng Thiên, sao không gắng tụng thuộc trọn hết cả thiên, mà chỉ tụng thuộc một nửa? Hãy nên trở lại nhân gian, chịu đựng khổ sở một trăm ngày”. Lúc đi ra, gặp một nha lại rắn dạy: “Do người chẳng tụng thuộc cả thiên nên tới chỗ này. Nay hãy nên tự hối, và khuyên lớn rộng khắp người đời. Không chỉ là khỏi tội, mà công hạnh còn tăng thêm”. Đạo nhân tỉnh lại, khuyên khắp một vùng, quả nhiên mọi người kính tin. Nơi ấy nhiều năm được mùa, đạo nhân cũng được lành bệnh, về sau đắc đạo!

Uông Nguyên ở Tiền Đường, nhà nghèo, không con, chỉ có mẹ già còn sống. Hằng ngày tụng thiên sách này, quyển tiền khắc in để cầu mẹ sống thọ và có con nối dòng. Vừa mới khắc quyển đầu, vợ đã có thai. Về sau, sanh con trai. Mẹ sống rất thọ. Uông Nguyên thường nói: “Ta do một niệm chân thành, cầu mẹ sống thọ, mẹ bền thọ. Cầu con nối dòng, bền có con nối dòng”. Lý cảm ứng đã sáng vằng vặc vậy!

Hứa Đình Du ở Hàng Châu, cả nhà kiên thành phụng trì thiên sách này. Lại còn viết thành một bức tranh chữ, treo trong nhà. Một tối, có kẻ giặc dữ vào cướp, dường như là bị xua đuổi phải bỏ chạy. Về sau,

ông Hứa biết chuyện này, càng thêm phụng hành chuyên dốc.

Trần Bích Tùng ở Vũ Lâm thường giúp người, lợi vật, lại còn khắc in thiên sách này rất đẹp dễ, lưu thông khắp chốn. Về sau, gặp trận mưa kéo dài cả tháng, ông Trần đi xa chưa về. Vợ ông ban đêm chưa ngủ, chợt nghe đập cửa ầm ầm. Khi ấy, bọn giặc hung bạo vào làng cướp bóc liên tiếp; nhà nào nhà nấy đề phòng nghiêm ngặt. Vợ ông Trần [nghe tiếng đập cửa dữ dội] bèn kinh hoảng, cho là bọn cướp kéo tới, vội gọi người nhà cùng trốn đi. Mới ra khỏi nhà, bức tường cao bỗng sụp đổ, đồ vật trong nhà vỡ tan như bột, nhưng cả nhà không hề hấn gì!

Đời Minh, Châu Nhữ Đăng ở Hải Môn theo học dưới trướng của tiên sinh Long Khê đã lâu, nhưng chẳng đạt được gì. Về sau, hành theo thiên sách này, soạn thành tác phẩm biên tập những điểm trọng yếu để khuyên đời, người theo về đường lành đông đảo. Do công đức ấy, một hôm [ông Châu] tâm địa mở mang, thông sáng, hiểu rõ thánh đạo, trở thành bậc đại Nho cuối đời Minh. Than ôi! Nay Nho học thánh, Thích học Phật, Đạo học tiên, có kẻ học suốt một đời chẳng ngộ, dở dang nửa chừng. Đó là vì căn khí kém cỏi, lại chẳng có công đức bằng ai. Trương Tử Dương nói: *“Nếu không tích tập tu hành âm đức, hễ động tới, bèn có các thứ ma gây chướng duyên”*. Người có chí nơi đạo, há chẳng nên tỉnh ngộ mạnh mẽ ư?

Đời Minh, Vu Ngọc Bệ ở huyện Tiền Đường có vợ là Lương thị, bệnh rề rề đã ba năm. Một tối, mộng thấy Pháp Vân đại sĩ giáng xuống, đứng trên đám mây, quang minh chói lòa, quở mị đều trốn sạch. Ngày hôm sau, đến lễ bái Vân Thê đại sư<sup>18</sup>, Lương thị thấy từ nhan nghiêm nhiên như trong giấc mộng, bất giác hoan hỷ, bệnh ngặt đã lâu nhanh chóng khỏi hẳn. Đại sư dạy: *“Bệnh sanh từ nghiệp, nghiệp từ tâm sanh. Gắng hết sức làm công đức, sẽ có thể tăng thọ”*. Sư bèn đem Cảm Ứng Thiên trao cho Ngọc Bệ bảo: *“Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành chính là ý chỉ chánh yếu trong thiên sách này. Nói nông cạn là ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều thiện. Chỉ cần tận lực nói với những người dân lành vâng giữ bốn phạm trong một thôn có ba nhà<sup>19</sup>. Nói tốt cùng, đoạn hết sạch những điều ham muốn nhỏ nhặt, muôn điều thiện sẽ tròn đầy, là trời trong trời, là thánh của các thánh. Đức Thế Tôn cũng giống như vậy. Ông hãy nên lưu truyền rộng rãi để thực hiện pháp thí to tát”*. Ngọc Bệ cảm ngộ, tin nhận, soạn bộ [Cảm Ứng Thiên] Tiêu Nguyên tám quyển để khuyên đời.

Phương Thời Khả ở Hưu Ninh thuở nhỏ lắm bệnh, gặp một dị nhân bảo: *“Tướng mạo của người nghèo hèn, lại không có con, chẳng thọ. Hãy nên gieo nhiều thiện căn”*. Do vậy, họ Phương phát nguyện khắc in

---

<sup>18</sup> Vân Thê đại sư chính là ngài Liên Trì Châu Hoằng, tác giả bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao.

<sup>19</sup> Ở đây đại sư nói tỷ dụ: Một thôn có ba nhà tức là thôn ấy hết sức nhỏ, chỉ có ba gia đình. Dù một thôn ít người như thế mà tận lực làm lành, công đức vẫn là vô lượng.

thiên sách này để thí tặng, khuyến lơn. Về sau, bệnh nhanh chóng khỏi hẳn, gia đình dần dần khá lên, sanh được ba trai đều vinh hiển, tuổi già mới mất.

Đời Minh, Mạo Khởi Tông nhằm năm Bính Ngọ (1606) trong niên hiệu Vạn Lịch, vào trường học hành. Hễ hơi rảnh rỗi, bèn kiên thành đọc thiên sách này. Ông đỗ khoa thi Hương năm Mậu Ngọ (1618). Lúc thi khoa ấy, do bị bệnh nặng, lúc vào trường thi, tứ chi bải hoải, mắt chẳng nhìn thấy quyển thi, chẳng biết đặt bút viết chỗ nào. Ra khỏi trường thi, đối với bài văn đã làm, chẳng nhớ một chữ. Tới khi thi đỗ, thấy quyển bài thi từng chữ đều ngay ngắn, chân phương, mới biết là trong trường thi dường như có thần giúp đỡ. Năm Kỷ Mùi (1619), ông thi trượt, lại phát nguyện chú giải Cảm Ứng Thiên rộng thêm, dẫn chứng rộng rãi những điều khảo cứu, không điều nào chẳng tường tận. Soạn xong sách bèn đậu Tiến Sĩ, làm quan tới chức Bô Chánh<sup>20</sup>.

Tháng Chạp năm Giáp Thân (1644) niên hiệu Thuận Trị nhà Thanh, Xương Môn ở Tô Châu bị hỏa hoạn lớn. Trước đó ba ngày, có người cầm sào đo đất. Mọi người hỏi thăm, người ấy trả lời bí hiểm. Tới khi hỏa hoạn, mới thấy những chỗ bị cháy vừa đúng những chỗ người ấy đã đo, mới biết người ấy là thần. Trong khi hỏa hoạn, tại ngõ Chuyên Chư của Xương Môn có nhà ông Trần Tùng Hiên, vốn có khách từ Tân An đến

---

<sup>20</sup> Bô Chánh là gọi tắt của chức quan Thừa Tuyên Bô Chánh Sứ Ty Bô Chánh Sứ, còn gọi là Phương Bá, Phiên Đài, hay Phiên Ty, tương đương với tỉnh trưởng hiện thời.



trọ tại đó, cách ngọn lửa chừng gang tấc. Người trong thành đều thấy có vị thần đứng trên nóc nhà ấy chữa cháy. Khi lửa tàn, nhà chung quanh đều cháy sạch, chỉ riêng căn nhà ấy còn nguyên. Ngày hôm sau, mới biết người khách từ Tân An đã khắc in và giữ bản in Cảm Ứng Thiên.

Lỗ Tử Tấn là chư sanh<sup>21</sup> ở Cối Kê, kiên thành phụng hành thiên sách này, lại còn chú thích tường tận. Do nhà nghèo bèn bán ruộng để khắc in lưu thông. Con trai ông Lỗ là Đức Thăng làm quan tới chức Hàn Lâm Viện Kiểm Thảo<sup>22</sup>.

Sự linh nghiệm cảm ứng đã được ghi chép xưa nay chẳng thể thuật trọn. Nay nêu đại lược các trường hợp như trên đây đều đích xác là [do người ghi chép] đích thân thấy nghe, đã đáng tin lại còn rõ rệt, hòng chứng thực lý cảm ứng quyết định. Chỉ mong những người có được sách này, [đọc những câu chuyện ấy], chớ nên bài bác. Trong khi ngồi ngay ngắn, thanh tịnh, hãy gạt bỏ những xáo động bộp chộp, giữ tâm lòng cung kính rỗng rang để tiếp nhận, đọc cẩn thận, tường tận, nghiền ngẫm sâu xa, gắng sức thực hiện. Cái duyên tốt lành không chi lớn bằng, hãy cẩn thận đừng đánh mất. Khôn ngăn thấp hương, dập đầu cầu khẩn!

---

<sup>21</sup> “Chư sanh” là tiếng gọi chung những người đã đỗ Tú Tài. Những người đã đỗ Tú Tài được gọi là Sanh Viên, lại chia thành nhiều cấp như Tăng Sanh (những người được lấy đỗ thêm ngoài hạn ngạch, không được hưởng thóc gạo), Phụ Sanh (những người được lấy đỗ thêm ngoài danh sách Tăng Sanh), Lãm Sanh (những người thuộc danh ngạch chính thức, được trợ cấp gạo), Hương Sanh (những người có danh Tú Tài do bỏ tiền ra đóng góp).

<sup>22</sup> Hàn Lâm Viện Kiểm Thảo là chức quan chấp chương Quốc Sử Quán.

Sách Dịch Cát Lục có chép: - Một là mong hãy dấy lên lòng tin. Phàm thuận theo điều thiện, sẽ có tốt lành đưa tới. Phàm trái nghịch điều thiện, sẽ có hung hiểm xảy tới. Thánh nhân đã thốt lời đoan quyết, nhưng cõi đời gần như coi lẽ thuận nghịch ấy là mơ hồ, cứ mông muội chẳng tin! Họ cho rằng làm lành chưa chắc đã được báo đáp, làm ác chưa chắc đã bị tai ương, cắt đứt phước duyên của chính mình, diệt thiện căn của kẻ khác. Cái tâm ấy thật sự là tâm gì vậy? Người thấy điều này, hãy nên tự dấy lên tín tâm to lớn. Một niệm tín sẽ là một niệm thiện căn. Niệm nào cũng đều tin, tức là niệm nào cũng là niệm thiện căn.

Một điều mong mỗi nữa là hãy siêng tu. Phàm làm lành, chẳng thể do hai, ba [thiện] niệm mà đạt được quả báo [tốt lành. Ví như] dùng một chén nước để dập tắt lửa của một xe củi [cháy], rồi bảo “chẳng cần làm lành”, lười nhác sống ơ hờ qua ngày, há chẳng còn tệ hơn kẻ bất nhân ư? Hãy nên sốt sắng tu trì, đừng mãi chẳng biếng nhác. Thường như trời đất giáng lâm trên đỉnh đầu ta, quỷ thần răn dạy ta, thì mới chẳng cô phụ cái thân này. Nếu không, hờ hững, qua quýt, ngày lại qua ngày, tuổi thọ được mấy? Cứ đợi ta thông dong tích lũy, sợ rằng vô thường bỗng ập tới, than thở còn kịp hay chẳng?

Một điều nữa là coi trọng dưỡng tâm. Quán Tử nói: *“Hy khí nghênh nhân, thân ư huynh đệ. Nộ khí nghênh nhân, thân ư binh qua”* (Dùng sự hoan hỷ đối xử với người khác, họ sẽ thân thiết như anh em. Dùng

sự cẩu giận đối đãi người khác, sẽ thê thảm như chiến tranh). Nam Hoa [Kinh]<sup>23</sup> cũng nói: “*Bình mạc thảm ư nhân, nhi Mạc Gia vi hạ*” (Chẳng có gì thảm khốc bằng sự tàn nhẫn của kẻ cầm binh khí, dầu thanh gươm Mạc Gia cũng chẳng bằng). Do vậy mới nói, do ảnh hưởng của chí khí, dầu chưa cứu giúp chúng sanh, mà họ đã được hưởng sự hài hòa, hạnh phúc. Vì thế, [sự cảm ứng] nhanh chóng như dùi gõ vào trống [liền phát ra tiếng]. Xưa vua Đại Vũ và ông Hậu Tắc phù tá vua Nghiêu, vua Thuấn định thiên hạ. Dân bị lệnh đêngh vì nạn lụt mới sống yên, dân đói mới được no ấm. Vì thế, [các vị ấy] có công đức mênh mông, thật sự giúp dân vậy. Ni Sơn (Khổng Tử)<sup>24</sup> áo vải, chưa thi thố được kế sách nào, nói suông, há có thực hiện được gì? Riêng [áp ủ] một lòng yêu già, thương trẻ, siêng gắng, khẩn thiết đến chết, rớt cuộc so lường công đức với những kẻ ngoảnh mặt về phía Nam<sup>25</sup>, Ngài được tôn thờ là vị thầy của muôn đời. Như vậy là tâm có trọn đủ muôn pháp, con người chỉ nên hàm dưỡng cội nguồn sẵn có<sup>26</sup> sao cho tràn đầy hòa ái, hoạt bát, chẳng đánh động những thói bộp chộp. Gặp cha mẹ bèn có thể hiếu, gặp muôn vật bèn có thể nhân. Gặp điều lành bèn có thể thực hiện vẹn toàn. Gặp nhục nhã bèn có thể nhẫn. Hữu

---

<sup>23</sup> Nam Hoa Kinh tức là sách Trang Tử. Do Trang Tử ẩn cư tại núi Nam Hoa, đến đời Đường Huyền Tôn, nhà vua đã phong tặng cho ông hiệu là Nam Hoa Chân Nhân, cho nên Đạo giáo gọi bộ sách Trang Tử là Nam Hoa Kinh.

<sup>24</sup> Do Khổng Thúc Lương Ngột (cha của Khổng Tử) đã cao tuổi vẫn chưa có con nối dõi (vì con trai đầu của Thúc Lương Ngột là Mạnh Bì bị tàn tật), bèn lấy bà Nhan Trung Tại để mong kiếm được con trai nối dòng. Hai vợ chồng cầu con tại núi Ni, đẻ ra Khổng Tử, bèn đặt tên là Khâu, và Khổng Tử có tên tự là Trọng Ni.

<sup>25</sup> Thời cổ, vua ngồi ở phương Bắc, ngoảnh mặt về phía Nam.

<sup>26</sup> Cội nguồn sẵn có (bồn nguyên) chính là tâm địa.

tình, vô tình, hữu sự, vô sự, luôn là một bầu ý niệm hòa hợp ngập tràn cõi hư không. Phước đức ấy còn có thể nghĩ bàn hay sao? Làm lành chính là nhiệm vụ cấp bách bậc nhất vậy!

Một điều nữa là quý ở chỗ kiên trì vĩnh hằng. Điều thiện nhỏ thì quả báo gần. Điều thiện lớn thì quả báo xa. Quả báo gần thì phước nhẹ, quả báo xa thì phước dày. Như do thể chất của liễu bồ<sup>27</sup>, sáng trông, tối đã tăng trưởng. Tùng, bách chẳng phải vậy, [lúc chưa tăng trưởng] bị cỏ dại phủ lấp, bị trâu, dê làm hại, nhưng sau đó, sẽ có thể dùng đến ngàn vạn năm! Đời này, chẳng phải là không có kẻ tin vào điều thiện, nhưng người kiên trì vĩnh hằng chẳng nhiều! Bởi có kẻ trong khi hành theo một vài chuyện [được nói trong Cảm Ứng Thiên], lỡ gặp phải thử thách, gieo neo, bèn làm lạc bảo “đạo trời khó biết”, nhanh chóng bỏ sạch những gì đã tu trước đó. Đấy đều là làm lạc do cái tâm mong cầu “sẽ nhanh chóng đạt được” mà ra. Vì thế, tích đức mà nhún nhường, đấy là nền tảng của phước. Gặp cảnh hiểm mà bền chí, đấy là thực hành đức. Cổ nhân nói: “*Chăm chú vun bồi đức, gắng trừ sạch ác*”. Thường thấy những nhà nầy sanh những chuyện tốt lành là do đã nhiều đời hành trì tích tập, hoặc do đã nhiều năm tận

---

<sup>27</sup> Liễu bồ thật ra là hai loại cây, tức là liễu và thủy dương. Liễu (柳, Willow) là loại cây thân mộc, cao, lá hẹp dài, có hoa màu vàng nở vào mùa Xuân, có rất nhiều loại như thủy liễu (liễu rủ), dương liễu, hà liễu... Bồ (蒲, Reedmace, Broadleaf cattail, Bullrush, Nailrod), còn gọi là Xương Bồ, là một loại cỏ mềm chi cao tới đa hai mét, thấp hơn liễu, thường mọc quanh bờ ao, gốc vùi trong bùn, nở hoa vào mùa Hạ. Lá Bồ dài và nhọn, người Hoa thường dùng lá nó để dệt đệm, bện thành quạt.

lực làm lành. Những kẻ gặp điều tốt lành có thừa, chẳng phải là do một sáng, một chiều! Nếu có một chút thiện quả, liền mong phước dày, cội nguồn đã kém tẻ, mong chi có lắm chuyện mừng vui dòn lại! Ông Châu Thiên Lân<sup>28</sup> nói: “*Có tâm cảm, sẽ cảm chẳng linh. Có tâm mong ứng, sẽ chẳng ứng nổi*”. Hãy nên thuận theo tự nhiên, chớ nên làm lạc sanh tâm so đo. Vì thế, kiên trì vĩnh hằng là một điều rất then chốt trong việc tích đức!

Một điều nữa là coi trọng lưu truyền. Chỗ nào có kinh sách, đây chính là thiện duyên. Giấu kín chẳng truyền, ắt bị trời giáng tai ương. Theo Công Quả Cách, truyền thiện thư cho một người, sẽ được mười điều thiện. Truyền cho mười người, sẽ là trăm điều thiện. Truyền cho bậc đại quý nhân, đại hào kiệt, người có thể lực lớn, sẽ là ngàn điều thiện. In lại để lưu truyền, phát hành rộng rãi không ngần ngại, sẽ là một vạn điều thiện. Luôn luôn xưng nói, luôn luôn nhắc nhở, dầu là kẻ nông dân, nữ nhân trong chốn khuê phòng, mục đồng, trẻ nhỏ chốn làng quê, không kẻ nào chẳng biến đổi, sẽ là thiện duyên vô biên, mà phước duyên cũng vô biên. Xưa kia, Tôn Chân Nhân<sup>29</sup> in Thiên Kim Phương [để

---

<sup>28</sup> Châu Thiên Lân (朱天麟, ?-1652), tên tự là Du Sơ, biệt hiệu là Chân Thanh, là bậc danh Nho cuối đời Minh sống vào thời Sùng Trinh. Ông là người thông duệ, không xu nịnh, thanh cao, còn để lại những tác phẩm nổi tiếng như Đạo Thống Lục, Trị Thống Lục, Dịch Đỉnh Tam Nhiên, Thiên Văn Hoàn Độ Biện, Lục Thao Toàn Thuật v.v...

<sup>29</sup> Tôn Chân Nhân chính là Tôn Tư Mạo (541-682), một cao nhân đắc đạo thời Đường, tinh thông Tam Giáo, giỏi y thuật. Tôn Tư Mạo quê ở Kinh Triệu, Hoa Nguyên (nay thuộc huyện Diêu, tỉnh Thiểm Tây). Thuở bé, bảy tuổi đi học, ông Tôn đã làm thầy giáo kinh ngạc vì mỗi ngày có thể thuộc hơn một ngàn chữ. Do

phổ biến rộng khắp], sách in xong, Ngài thành tiên. Ông Châu Trì giảng Cảm Ứng Thiên cho người khác, thoát khỏi sổ ghi tên chết đói. Đức hạnh do công bố điều thiện, há có số lượng ư?

Một điều nữa là nguyện bổ sung, phát huy. Những chuyện báo ứng thiện ác xưa nay, há có ngần hạn? Ngẫu nhiên chép lại [một hai chuyện], há có thể nào [coi như] đã hoàn thiện ư? Những người cùng ôm ấp ý niệm ấy, hoặc chọn lựa từ những điều đã ghi chép trong sách vở, hoặc dựa theo sự thấy nghe của chính mình, chẳng ngại chép thêm vào sách này, vận dụng đại học vấn, gọt giũa những nghĩa lý tinh vi, trau chuốt những lời ngay thẳng, khiến cho người đọc khoái mắt sướng lòng. Một câu tán dương là một câu hộ trì thiện căn. Một niệm [muốn làm lành, kiêng làm ác được] đầy động, cũng là một niệm tiêu trừ tội nghiệp. Phát huy càng rộng, lý tốt càng càng rõ, giúp trời xiển dương giáo hóa, công lao ấy sâu dày thay!

---

vậy, nguyên lão Độc Cô Tín của nhà Bắc Châu đã gọi ông là Thánh Đồng. Ông tinh thông học thuyết của chư tử, sở trường về Lão Trang, Âm Dương, số thuật, lại còn yêu thích kinh Phật. Do thuở nhỏ ốm bệnh, lại thấy dân chúng khổ sở vì bệnh tật mà không có tiền chữa trị, ông lập chí học y. Do tài y thuật, ông từng được các vua Châu Tuyên Đế, Châu Tĩnh Đế, Tùy Văn Đế, Đường Thái Tông, Đường Cao Tông phong chức quan cao để giữ bên mình, nhưng ông đều khéo léo từ chối. Vì tình thế ép buộc, ông phải làm Ngự Y cho Đường Thái Tông một thời gian. Lúc sắp mất, ông dặn con cháu: “Vùi lấp sơ sài cho xong, không chôn theo đồ tùy táng, đừng sát sanh cúng bái”. Người đương thời tôn ông là Tôn Dược Vương. Hiện thời tại núi Dược Vương ở quê nhà, vẫn còn miếu thờ ông, gọi là Dược Vương Miếu. Đạo giáo xưng tụng ông là Thiên Y Diệu Ứng Chân Quân. Bộ Thiên Kim Phương (tên gọi đầy đủ là Cấp Bị Thiên Kim Yếu Phương) gồm ba mươi quyển, chứa đựng những bài thuốc hữu hiệu nhất. Ngoài những toa thuốc, sách còn chứa đựng lý luận Trung Y, cách dùng thuốc, châm cứu, cách trị liệu bằng ăn uống thích hợp.

*(Chánh văn) Thái Thượng viết: - Họa phước vô môn, duy nhân tự triệu.*

**(正文)太上曰。禍福無門。惟人自召。**

*(Chánh văn: Thái Thượng nói: - Họa phước chẳng có cửa ngõ [nhất định], do con người tự chuốc lấy).*

Đoạn này hợp với đoạn sau thành cương lĩnh của cả thiên sách này, đây chính là ý chỉ chánh yếu trong lời dạy này. Luận theo cái tâm của thánh hiền, chẳng ngoài [dạy cho con người] do cầu phước tránh họa, sau đó sẽ làm lành, chẳng làm ác. Luận theo lý của tạo hóa, do tích thiện hay tích ác mà sẽ là vui sướng có thừa hay tai ương có thừa. Do vậy, chẳng hề sai lầm!

Nhỏ thì gọi là “cát, hung”, lớn thì gọi là “họa, phước”. “Vô môn” là chẳng có cửa ngõ nhất định. “Tự triệu”: Tự làm, tự chịu. Ý nói trời đất chẳng có lòng riêng tư, do muôn vật [có tâm tư, hành vi] như thế nào mà ứng theo như thế ấy để giáng họa hay ban phước, vốn chẳng có cửa ngõ nhất định. Nghe theo sự cảm vùi [của đương sự] mà báo ứng, chỉ là do lòng người tự chuốc lấy đó thôi! Nhưng khi con người chưa dậy lên một niệm, cái tâm trong lặng giống như hư không, chẳng có thiện ác gì! Chỉ vì một niệm mới động, nếu

hướng theo chuyện tốt sẽ là lành, nếu hướng theo chuyện xấu sẽ là ác. Trước hết, bắt quá là dấy lên một niệm, làm một chuyện; về sau, trải qua năm tháng tích lũy, bèn có người lành, kẻ ác sai khác. Nhưng mắc họa hay được phước, đều được quyết định khi ý niệm dấy lên. Vì thế, Thái Thượng vừa mở miệng bèn bảo là “*vô môn*” (không có cửa ngõ, ý nói không có sự chủ định sẵn), bảo là “*tự triêu*” (tự chiêu cảm lấy). Phải dè dặt lúc con người khởi niệm, hãy cẩn chặt rằng, chú tâm cảnh giác. “*Giác*” là nội quán, chiếu soi thấu triệt rỗng rang. Lòng người thiện hay ác, không có gì chẳng do ý niệm vi tế nảy sanh [dẫn đến điều thiện lẽ ác ấy]. Một niệm quán chiếu nội tâm, sẽ biết nên hướng theo ngã nào<sup>30</sup>. Kinh Dịch nói: “*Cơ, động chi vi*” (Cơ<sup>31</sup> là sự dấy động vi tế), [từ sự quán chiếu nội tâm, nhận biết ý niệm vi tế dấy lên là thiện hay ác] sẽ thấy trước cát hay hung [trong tương lai]. Do điều này mà có thể thấy thấu suốt, tự làm chủ, tự nhiên sạch dục, lý thuần, làm gì cũng tương ứng với chuyện tốt lành. Nếu có may mắn sai khác, sẽ cách biệt vời vời như trời với đất!

Đời Tống, thiền sư Linh Nguyên bảo Y Xuyên (Trình Di): “*Họa có thể sanh ra phước. Phước có thể sanh ra họa*”. Họa có thể sanh ra phước, tức là khi gặp cảnh nguy hiểm, bèn thiết tha nghĩ đến sự an ổn, tìm

---

<sup>30</sup> Ý nói do quán chiếu, sẽ biết niệm ấy là thiện hay ác, có nên tiếp tục dấy khởi hay không, hay là sẽ trừ diệt, thay thế nó bằng một thiện niệm.

<sup>31</sup> Ở đây, lời chú giải dẫn cách định nghĩa chữ Cơ (幾) trong kinh Dịch để giải thích câu trước “*nhân tâm thiện ác, mạc giai hữu cơ*” (lòng người thiện hay ác, không gì là chẳng do ý niệm vi tế nảy sanh [dẫn đến điều thiện lẽ ác ấy]).



cầu sâu xa đạo lý, càng nên kính sợ, cẩn trọng. Phước có thể sanh ra họa là khi hưởng yên vui, bèn buông lung, có ý niệm xa xỉ, mặc tình kiêu căng, lười nhác, càng thêm coi thường, khinh rẻ, ngạo mạn.

Đông Nhạc Đại Đế huân dụ: *“Làm việc lành như cỏ trong vườn xuân, chẳng thấy nó tăng trưởng, nhưng hằng ngày nó đều mọc dày hơn. Làm ác như đá mài dao, chẳng thấy bị hao tổn, nhưng hằng ngày đá đều bị mòn đi”*. Họa phước ngầm ngầm chuyển dời, nhưng kẻ mê chẳng cảm thấy.

Đời Đường, Lục Tô Huệ Năng bảo: *“Hết thấy các phước điền, chẳng lìa một tác vuông”*<sup>32</sup>. Kinh dạy: *“Cát, hung, họa, phước đều do tâm tạo”*. Lại nói: *“Tội phước hai vàng, khổ lạc hai quả, đều do ba nghiệp tạo ra, do một tâm cảm”*. Nếu có một niệm tâm sân khuể, tà dâm, chính là nghiệp địa ngục. Keo kiệt, tham lam, chẳng thí, chính là nghiệp ngạ quỷ. Ngu si tối tăm che lấp chính là nghiệp súc sanh. Ngã mạn, kiêu căng chính là nghiệp Tu La. Giữ vững Ngũ Giới chính là nghiệp làm người. Tu ròng Thập Thiện chính là nghiệp cõi trời. Chứng ngộ Nhân Không chính là nghiệp Thanh Văn. Biết tánh của duyên là lìa, chính là nghiệp Duyên Giác. Tu trọn Lục Độ chính là nghiệp Bồ Tát. Chân từ, bình đẳng, chính là nghiệp thành Phật. Tâm tịnh sẽ là đài hương, cây báu, hóa sanh cõi tịnh. Tâm nhơ ắt đòi, gò, hàm, hổ, gởi thân nơi uế độ. Chẳng phải là trời

---

<sup>32</sup> Nguyên văn “*phương thôn*” (方寸) là thuật ngữ chỉ cái tâm.

giáng xuống, há có phải do đất sanh ra, chỉ là do một niệm ban đầu mà ra. Là khỏi nguồn tâm, chẳng có cái Thể nào khác!

Cơ duyên cảm ứng nhỏ nhiệm thay! Nẻo thiện ác nguy hiểm thay! Cái khó gìn giữ nhất chính là lòng người. Tiếp xúc sự vật, cái tâm vừa động, bèn chìm đắm trong vực sâu hay bay lên trời thăm [chỉ vì dấy động ác niệm hay thiện niệm]. Ý niệm chuyển dời, sẽ là ngưng đọng thành băng, hay lửa hừng đốt sạch. Vì thế, cổ nhân ngày siêng năng ba lượt phản tỉnh, đêm không sợ có bốn điều biết<sup>33</sup>. Do vậy, gà gáy bèn thức dậy, sốt sắng làm lành, chẳng bỏ khắc nào không giữ gìn, thực hiện, khiến cho cái tâm như gương luôn sáng ngời. Gương tâm đã sáng, chính mình sẽ làm chủ được điều thiện, lẽ ác, mà họa phước cũng có thể làm chủ được. Do vậy, mạng trời vốn ở nơi ta. Vì thế, luận định lẽ “họa phước do tự mình chuốc lấy, quyền thao túng [họa phước] vốn ở nơi tâm”, lại chép thêm những câu cách ngôn của bậc tiên nho hòng tuyên dương lời dạy của Thái Thượng.

---

<sup>33</sup> Đây là hai điển cố về sự luôn phản tỉnh của cổ nhân: Tăng Sâm là đệ tử của Khổng Tử thường nói: “*Ngô nhật tam tỉnh thân, vị nhân mưu chi bất trung hồ? Dĩ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?*” (Tôi hằng ngày luôn tự xét mình ba điều, vì người khác lo toan có tận hết trách nhiệm hay không? Chơi với bạn bè có giữ chữ tín hay không? Đối với những điều được truyền dạy có thực hành hay không?) “*Bốn điều biết*” là nói tới Dương Chấn đời Đông Hán. Ông Dương làm quan đến chức Thái Thú. Một đêm có người mang ngàn lạng vàng đến hối lộ, ông kiên quyết cự tuyệt. Người ấy năn nỉ: “Đêm sâu có ai biết đâu mà Ngài lo?” Dương Chấn đáp: “Sao có thể nói là không ai biết? Tôi biết, ông biết, trời biết, đất biết”.

Có kẻ hỏi: “Gà gáy thức dậy, còn chưa tiếp xúc sự vật, làm lạnh như thế nào?” Trình Tử bảo: “Chỉ cần cốt yếu giữ lòng kính, sẽ là làm lạnh”.

Đời Tống, Trương Tử<sup>34</sup> nói: “Khởi đầu của việc chánh tâm, hãy nên coi cái tâm mình như một vị thầy nghiêm khắc, đối với những hành động đều biết kiêng sợ, dè dặt. Như thế thì trong vòng một, hai năm, sẽ giữ được vững vàng, tự nhiên cái tâm là chánh”.

Châu Tử<sup>35</sup> nói: “La tiên sinh dạy học, trong lúc tĩnh tọa, bèn xem xét lúc mừng, giận, buồn, vui chưa nổi lên, sẽ có khí tượng<sup>36</sup> như thế nào? Đây chính là thuật trọng yếu để dưỡng cái tâm vậy!”

Lại nói: “Cái tâm cần phải giữ sao cho chỉ ngưng lặng một chỗ, chớ nên xen tạp sự việc bên ngoài, nhưng vẫn cần phải siêng năng tu dưỡng, gìn giữ. Hễ gặp chuyện, dừng tạm thời buông lỏng tinh thần. Tập luyện lâu ngày, sẽ tự thành. Nếu siêng gắng gìn giữ, kiên cố ý niệm, thật sự dụng công khẩn thiết, dầu chỉ nửa tháng là đã có thể thấy sự hiệu nghiệm vậy!”

---

<sup>34</sup> Trương Tử ở đây chính là Trương Tải (tự là Tử Hậu, hiệu là Hoành Cừ Chân Nhân), một trong những người sáng lập Lý học đời Tống. Ông này là chú họ của Trình Di và Trình Hạo.

<sup>35</sup> Châu Tử ở đây là Châu Hy, tự là Nguyên Hối, hiệu là Hối Am, người xứ Vụ Khê, tỉnh Phúc Kiến, là học trò đời thứ tư của Trình Di và là học trò của Châu Đôn Di, là một trong những người hoàn thiện Lý học và khai sáng Tống Nho. La tiên sinh ở đây chính là La Tung Ngạn, một bậc đại Nho thuở ấy, từng giảng kinh Dịch cho Dương Thời (đệ tử đích truyền của Trình Di và Trình Hạo).

<sup>36</sup> Có thể hiểu chữ “*khí tượng*” (氣象) ở đây như cảnh giới, trạng thái.

Lại nói: “Công phu hàm dưỡng “*bốn nguyên*” (cội nguồn vốn có) dễ bị gián đoạn nhất; nhưng vừa cảm thấy gián đoạn, bèn tiếp tục ngay. Chỉ cần thường tự cảnh tỉnh, cứ tích lũy từng phân, từng tác một, lâu ngày sẽ tự nhiên trở thành liên tục, trở thành một khối”.

Lại nói: “Trong khi tĩnh lặng, ý niệm riêng tư (vọng niệm) nẩy sanh toí bời. Đây là căn bệnh chung của người học. Có thể tự phản tỉnh, quan sát đến chỗ này, rất khó đạt được. Hãy nên lấy lòng tôn kính làm chủ để quan sát sâu xa khi ý niệm riêng tư mới vừa chớm nẩy, [hòng nhận biết] phần lớn là chuyện gì, đối với chỗ nặng nhất bèn thống thiết khắc chế. Lâu dần thuần thực, sẽ tự thấy hiệu quả. Chớ nên [mới thực hiện mà] đã mong thành công trong một sáng, một chiều, mà cũng chẳng bị rối loạn bởi lảm thuyết”<sup>37</sup>.

Lại nói: “Giữ chánh niệm thì các vọng tự nhiên lui mất, vãng phục”.

Lại nói: “Khổng Tử dạy: ‘*Hành xử luôn cung kính, làm việc luôn cung kính, trung hậu đối với người khác*’. Đây là cách giữ vững chánh niệm”. Nếu nói năng mà cảm thấy không đúng, sẽ không nói. Làm việc mà cảm thấy chẳng đúng, sẽ không làm. Đó cũng là cách giữ gìn chánh niệm.

---

<sup>37</sup> Nguyên văn “*nhi đa vị thuyết dĩ loạn chi dã*”, pháp sư Định Hoàng giảng câu này như sau: “*Đây chính là tuy học mà hoàn toàn chẳng thực hiện. Nghe rất nhiều, học rất nhiều, nhưng chẳng chuyên tịnh, đâm ra công phu của chính mình chẳng đắc lực. Vì thế, hễ học tập, tu đạo, hãy chú trọng thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”.

Lại nói: - Đối chuyện học vấn, cần phải tự cảnh tỉnh. Hòa thượng Thụy Nham hằng ngày đều tự hỏi: “Chủ nhân ông có tỉnh giác hay không?” Tự đáp: “Tỉnh giác”. Người học hãy nên bắt chước.

Môn nhân là Châu Ngạn Văn hỏi: “Gần đây con cảm thấy đi, ngồi, nói năng, im lặng đều chẳng thể lừa dối chính mình!” Châu Tử đáp: “Đây là chỗ đặc lực, tâm linh đã hợp nhất với cái thân, chỉ nên luôn giữ cái tâm ngậm nhận biết”.

Đời Tống, Trần Liệt khổ sở vì không có trí nhớ. Ngẫu nhiên đọc sách Mạnh Tử thấy có câu: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, chỉ mong sao thấu hời cái tâm buông lung mà thôi). Bỗng ngộ ra, nói: “Ta chưa hề thấu hời cái tâm, làm sao có thể ghi nhớ cho được”, bèn đóng cửa tĩnh tọa, chẳng đọc sách hơn một trăm ngày để thấu hời cái tâm buông lung. Sau đấy đọc sách, vừa đọc bèn ghi nhớ chẳng sót!

Nếu hỏi dáng vẻ cung kính là như thế nào, Tạ Thượng Thái<sup>38</sup> nói: “Có thể thấy từ dáng vẻ đoan nghiêm, trầm mặc như đang suy nghĩ”. Hỏi: “[Như vậy thì] làm như thế nào để khỏi phải gắng sức quá mức hòng giữ gìn [dáng vẻ ấy]?” Đáp: “Cố ý gắng sức quá

---

<sup>38</sup> Tạ Thượng Thái là một vị học giả đời Tống, tên thật là Tạ Lương Tá, là một trong bốn vị đại đệ tử của Trình Di. Ông Tạ đỗ Tiến Sĩ dưới thời Tống Thần Tông. Do ông là người xứ Thọ Xuân, phủ Thượng Thái, nên thường được gọi là Thượng Thái Tiên Sinh.

mức để giữ thì sai mất rồi! Hãy nên đừng quên bằng, mà cũng đừng cố ý gìn giữ”.

Cao Cảnh Dật nói: “Mỗi lúc chiều tà, bèn lặng lẽ kiểm điểm những chuyện đã làm trong suốt một ngày. Nếu chẳng thiết thực rèn luyện thân tâm, tức là đã uổng phí một ngày. Phải nên cân trọng tiếc nuôi thời gian”<sup>39</sup>. Lại nói: “Vì thế, kẻ tiếc nuôi thời gian, chẳng để cho tư tưởng tà vạy, vọng niệm chiếm cứ tâm địa dẫn trong chớp mắt, ngô hầu ngày qua tháng lại, [tâm địa] luôn huân tập sáng ngời bởi quang minh”. Lại nói: “Phương pháp để chúng nhập sự thành kính của các vị tiên nho chính là chỉnh tề, nghiêm túc, là thường cảnh tỉnh, là thâm liễm, chẳng vương vẩn bất cứ sự vật gì”. Nay cái tâm của bọn chúng ta nhộn nhạo, nháo nhào, muôn ngàn sự vật đều chất chứa đầy ắp trong ấy, há chỉ là một vật? Nếu muốn tránh khỏi tình trạng này, cần phải thường xuyên tỉnh giác. Để tỉnh giác thì phải chỉnh tề, nghiêm túc. Ba pháp ấy lại có thứ tự.

Do không ham muốn nên tĩnh. Hễ làm chủ được cái tâm thì lòng sẽ rộng rang. Đây chính là cương yếu trong đạo học vấn về cái tâm vậy.

Đời Tống, em trai của tiên sinh Trình Minh Đạo (Trình Hạo) là Trình Y Xuyên (tức Trình Di) qua sông, thuyền sắp lật, mọi người đều kinh hoàng, sợ hãi. Chỉ mình tiên sinh vẫn ngồi nghiêm chỉnh như thường.

---

<sup>39</sup> Nguyên văn “*lưu quang khả cụ*”, ý nói thời gian do trôi đi không ngừng như dòng nước chảy, nên gọi là “*lưu quang*”, phải biết sợ thời gian đã trôi đi mất, chẳng trở lại. Do vậy, chúng tôi dịch đại lược là “*cân trọng, tiếc nuôi thời gian*”.

Được hỏi, tiên sinh liền đáp: “*Đấy là do trong lòng giữ sự thành kính*”.

Vị lão tăng ở chùa Chân Không nói: - Vọng tưởng của phàm nhân chẳng đồng nhất. Hoặc là nhớ tới vinh, nhục, ân huệ, cừ thù, buồn, vui, chia lìa, tụ hợp, và đủ loại chuyện vớ vẩn mấy chục năm trước. Đó là vọng tưởng về quá khứ. Nếu chuyện xảy tới trước mắt, chỉ nên thuận theo cảnh duyên mà ứng phó, [thế mà] lại sợ đầu, sợ đuôi, do dự chẳng quyết! Đây là vọng tưởng trong hiện tại. Hoặc mong ngày sau phú quý, vinh hoa, con cháu phát đạt, cùng với hết thảy những chuyện chẳng thể không thành, chẳng thể không đạt được. Đây là vọng tưởng về tương lai. Thứ ba là vọng tưởng hoặc sanh, hoặc diệt, gọi là “huyễn tâm”. Thấy thấu suốt những thứ ấy là vọng, hễ dấy niệm bèn đoạn dứt ngay thì gọi là “giác tâm”. Vì thế nói là ‘*chẳng sợ niệm dấy lên, chỉ sợ nhận biết chậm*’. Cái tâm ấy giống như thái hư, phiền não còn có chỗ nào để đặt chân được nữa ư?

Trên đây đều là những câu lời luận định tinh vi, xuất thần nhập hóa. Người có chí hãy nên suy nghĩ sâu xa, gắng sức thực hiện, mong sao đạt tới mức thuần thực, trở thành tự nhiên mới thôi. Xưa kia, vào đời Tống, ông Triệu Khang Tĩnh<sup>40</sup> để hai cái bình chứa đậu. Hễ dấy một thiện niệm, bèn bỏ vào đó một hạt đậu trắng. Hễ khởi một ác niệm, sẽ bỏ một hạt đậu đen. Thoạt đầu, đậu đen rất nhiều; kế đó, dần dần ít đi. Lâu

---

<sup>40</sup> Ông này tên thật là Triệu Khái, là một người rất có đạo đức, học rộng, làm quan tới chức Thái Tử Thiếu Sư (thầy dạy cho Thái Tử), thụy hiệu là Khang Tĩnh.

ngày, hai ý niệm thiện và ác đều mất, bình đưng đậu cũng bỏ đi, chẳng dùng tới nữa, vì đã tiêu tan sạch sẽ cả rồi. Hơn nữa, Âm Chất Văn có câu: “*Nếu con người có thể giữ tâm lòng như ta, ắt trời sẽ ban phước cho các người*”. Ấy là vì có cái tâm như thế nào là do chính ta [quyết định], chỉ mong sao khắc chế lòng riêng tư, khôi phục chân tánh để thờ trời<sup>41</sup>, để mặc cho trời báo đền. Do hễ có cùng khí chất, thể loại giống nhau, sẽ cuốn hút lẫn nhau, tự nhiên là chẳng sai xẩy. Do vậy biết: Đạo đề “*trừ họa, vời phước*” cốt yếu ở chỗ giữ gìn cái tâm như thế nào. Ý chỉ là như vậy đó!

Đời Tống, Vệ Trọng Đạt thoát đầu làm quán chức<sup>42</sup>, bị bắt tới âm phủ. [Các quan chức trong cõi âm] tra xét sổ sách thiện và ác, thấy sổ ghi chép điều ác chật sần, sổ ghi điều thiện chỉ có một quyển nhỏ. Minh quan (冥官, viên quan trong cõi âm) biến sắc, sai đem cân, đấm ra quyển sổ nhỏ nặng hơn các quyển sổ ác. Quan vui mừng bảo: “Ông có thể thoát rồi!” Trọng Đạt hỏi: “Tôi chưa đầy bốn mươi tuổi, sao lại có lắm điều ác như vậy?” Quan bảo: “Chỉ một niệm bất chánh, quỷ thần không gì chẳng biết. Hễ biết bèn ghi chép, chẳng đợi phải làm”. Hỏi: “Trong quyển sổ nhỏ ghi chép điều gì?” Quan bảo: “Triều đình đã từng xướng suất công trình đòi hỏi một lượng lớn dân phu nhằm sửa chữa ba

---

<sup>41</sup> “*Thờ trời*” không có nghĩa là cúng tế, vái lạy, cầu đảo, mà là sống theo thiên đạo, tức là giữ đạo đức, giữ thiện tâm, tuân theo đức hiếu sinh của trời đất v.v...

<sup>42</sup> Quán chức (館職): Vào thời Đường - Tống, có nhiều cơ quan được gọi là quán như Sử Quán, Tập Hiền Quán, Chiêu Văn Quán v.v... Các quan chức làm việc trong các cơ quan ấy được gọi chung là “*quán chức*”.



chiếc cầu bằng đá trong núi. Ông tận lực can gián; điều ấy đã được ghi chép lại”. Hỏi: “Can gián nhưng chưa được nghe theo, làm sao thiện lực có thể truyền đến tận đây?” Quan đáp: “Ý niệm của ông rất chân thành, lời lẽ có thể giáo huấn cõi đời. Giả sử [triều đình] có thể nghe theo, công đức há có hạn lượng? Nhờ vào đó mà cứu độ cõi đời há khó khăn chi? Hiềm rằng ác niệm quá nhiều, thiện lực bị giảm mất nửa, chẳng thể mong làm Tể Tướng được!” Về sau, quả nhiên ông chỉ làm quan tới chức Lại Bộ Thượng Thư. Than ôi! Điều ác của Trọng Đạt chỉ là ý niệm suông, thế mà còn gây tổn hại cho phước báo làm Tể Tướng trong hiện đời. Điều thiện của Trọng Đạt chỉ có nói suông, thế mà đã áp đảo những quyền sở ghi điều ác chứa đầy cả sân, huông hồ kẻ thật sự làm thiện, tạo ác? Có thể thấy một niệm khởi lên chính là cửa ngõ dẫn đến họa hay phước vậy!

Đời Tống, Liêu Đức Minh là đệ tử của Châu Hối Am. Thuở nhỏ, từng nằm mộng thấy [chính mình] cầm danh thiếp đến yết kiến một ngôi miếu. Người giữ cửa hỏi danh thiếp, ông Liêu rút thiếp từ trong tay áo ra, thấy ghi là Tuyên Giáo Lang Liêu mỗ, bèn tỉnh giấc. Về sau, ông Liêu thi đỗ, quả nhiên được bổ làm Tuyên Giáo Lang trông coi xứ Mân (Phước Kiến). Đức Minh nghĩ tới giấc mộng trước, sợ rằng chỉ làm quan tới chức vụ đó, chẳng muốn đi, bèn thỉnh ý Hối Am. Ông (Châu Hối Am) chỉ các vật trên bàn nói: “Con người chẳng giống các vật dụng, như bút chỉ có thể dùng để viết, gươm chẳng thể làm đàn. Vì thế, [các vật dụng] hình thành hay hủy hoại lâu hay mau, có thời hạn nhất định.

Con người chẳng phải vậy. Vì thế, có kẻ sáng là Đạo Chích mà tôi là vua Thuần. Cát, hung, họa, phước cũng thuận theo đó mà biến đổi, khó thể nói nhất định được. Nay ông đi làm quan, hãy nên mở rộng Tánh Đức, nỗ lực làm chuyện tốt, đừng bị vướng mắc bởi giấc mộng khi trước”. Đức Minh vâng lời, về sau, quả nhiên làm quan tới chức Chánh Lang<sup>43</sup>.

Nhà Tất Sưởng giàu có, chuyên dùng mưu trí để gạt người, tàn nhẫn, khắc bạc lập nghiệp. Sinh được hai con trai. Có người muốn bán gia sản cho ông ta, ông ta bề ngoài cự tuyệt: “Ta chẳng muốn”. Sau đó lại sai người ngấm ngầm dụ dỗ. Tới khi người ấy tìm đến, lại bảo: “Ta thật sự không muốn [mua]”, người ấy không biết làm sao, phải giảm giá cho xong việc. Tới khi viết khế ước, lại nói: “Ta không sẵn tiền, hẹn ngày nào đó đến lấy”. Đến ngày giao tiền, lại dùng bạc xấu hoặc dùng gạo, ngũ cốc để bù vào, trọn chẳng trả đúng như số tiền đã ước hẹn. Suốt đời thường làm những chuyện như thế. Về sau, đưa con cả do hại mạng người khác phải đi tù, phá sản mà chết. Đưa con thứ do đam mê cờ bạc, phải lưu lạc, ăn mày nơi khác. Tất Sưởng rốt cuộc tuyệt tự!

Đời Minh, Viên Liễu Phàm viết *Lập Mạng Thiên*<sup>44</sup> có đoạn viết: - Ta mồ côi cha từ bé, mẹ bảo: “Hãy thôi

---

<sup>43</sup> Chánh Lang là chức quan thấp hơn Thị Lang. Đứng đầu một bộ là Thượng Thư, viên phó của Thượng Thư gọi là Thị Lang. Dưới Thị Lang là Chánh Lang. Có thể tạm hiểu Chánh Lang như cục trưởng hoặc ty trưởng trong hiện thời.

<sup>44</sup> Đây là thiên sách thứ nhất trong bộ *Gia Huấn* của ông ta, thường được biết dưới tên gọi *Liễu Phàm Tứ Huấn*.

theo cử nghiệp để học làm thầy thuốc, vừa có thể nuôi sống, mà còn có thể giúp người khác. Học lấy một nghề thành danh chính là tâm nguyện xưa kia của cha người vậy!” Về sau, tại chùa Từ Vân, ta gặp một cụ già, râu dài, dáng vẻ hùng vĩ, phiêu dật như tiên. Ta kính lễ cụ. Cụ bảo ta: “Anh là người thuộc giới sĩ tử, sang năm có thể vào học trường huyện, sao không đọc sách?” Ta thưa nguyên do. Cụ bảo: “Ta họ Khổng, là người Vân Nam, thông thạo Hoàng Cực Chánh Truyền của Thiệu Tử<sup>45</sup>. Theo số vận, đáng nên truyền cho ngươi”. Ta dẫn cụ về nhà, thưa với mẹ. Thử đoán mạng, những chuyện đầu rất nhỏ nhặt cũng đều ứng nghiệm. Ta bèn dấy lên ý niệm đi học.

Cụ Khổng đoán mạng cho ta, bảo khóa thi đồng sanh ở huyện<sup>46</sup> sẽ đỗ hạng thứ mười bốn. Thi trên phủ sẽ đỗ thứ bảy mươi một. Khi thi đề học, sẽ đậu thứ chín. Năm sau, đi thi, thứ hạng ở ba chỗ đều phù hợp. Cụ lại đoán mạng hên xui suốt đời cho ta, nói năm nào sẽ thi đỗ hạng thứ mấy. Năm nào đi thi để được bổ làm lẫm sanh, năm nào sẽ đỗ Cống Sanh<sup>47</sup>. Sau khi đỗ Cống

---

<sup>45</sup> Hoàng Cực Chánh Truyền tức là phương pháp bói dựa theo sách Hoàng Cực Kinh Thê của Thiệu Khang Tiết, thường gọi là Mai Hoa Dịch Số. Thiệu Khang Tiết, tên thật là Thiệu Ung (1011-1071), tự là Nghiêu Phu, hiệu Khang Tiết, người đời Bắc Tống. Ông vận dụng dịch số để bói theo ngày tháng, theo nét chữ, theo âm thanh, từ đó lập ra các quẻ Bát Quái để đoán số.

<sup>46</sup> “Đồng sanh” (童生) là những sĩ tử chưa đỗ Tú Tài, nhưng đỗ kỳ thi tại địa phương để được dự vào danh sách cho đi thi Hương. Khoa thi tuyển đồng sanh gồm ba cấp, huyện khảo (thi ở huyện), phủ khảo và viện khảo (còn gọi là Đề Học Khảo).

<sup>47</sup> Cống Sanh (貢生) là người đã đậu Tú Tài. Xưa kia, khoa thi này còn gọi là Minh Kinh (明經). Đến đời Minh - Thanh, người đỗ khoa thi này được gọi là Sanh Viên

Sanh mấy năm, sẽ được chọn làm đại doãn<sup>48</sup> ở Tứ Xuyên, giữ chức ba năm rưỡi, hãy nên cáo quan xin về. Vào giờ Sửu, ngày Mười Bốn tháng Tám vào lúc tròn năm mươi ba tuổi, sẽ hết tuổi thọ. Tiếc là không có con. Ta ghi chép cẩn thận xong, từ đó về sau, hễ gặp dịp thi cử, thứ tự đỗ đạt trước sau đều chẳng khác những điều cụ Không đã đoán định. Chỉ riêng lần cụ đoán ta được ăn gạo lẫm sanh là chín mươi một thạch năm đấu, thì khi sắp đỗ Công Sanh, đã được hưởng gạo hơn bảy mươi thạch. Đồ tông sư<sup>49</sup> liền phê chuẩn cho ta đậu Công Sanh, ta bèn trộm ngờ [cụ Không đã đoán sai]. Kết quả là bị quan thự ấn là ông Dương bác đi, cho đến năm Đinh Mão mới chấp thuận cho ta dự vào hàng Công Sanh. Tính toán số gạo trước và sau đó, đúng là chín mươi một thạch năm đấu. Do vậy, ta càng tin

---

(生员), có thể vào học trường Quốc Tử Giám ở kinh đô. Công Sanh khác với Công Sĩ (貢士). Công Sĩ là người đã đậu kỳ thi Hội. Kỳ thi này nếu nói chi tiết sẽ có nhiều bậc:

1. Tuế Cống: Ba năm mở một lần hoặc hai hay ba năm, tuyển theo quy chế từ huyện, phủ lên tỉnh để lựa người vào học Quốc Tử Giám. Sĩ tử thi đậu sẽ được trợ cấp gạo, gọi là Lẫm Sanh.
2. Bạt Cống: Sáu năm mở một lần để tuyển thêm sinh viên cho Quốc Tử Giám. Đến đời Càn Long là mười hai năm; lại còn lập ra Phó Cống để tuyển thêm người thi đỗ.
3. Ân Cống: Khoa thi đặc biệt do nhà vua khai ân khi mới lên ngôi hay vào những dịp khánh điển trọng thể (như sanh Hoàng Thái Tử, lễ thượng thọ của Thái Hậu v.v...)
4. Ưu Cống: Ba năm mở một lần, do ty học chánh các tỉnh tuyển sinh, lấy số lượng người đậu rất hạn chế.
5. Lệ Cống: Là con em của những nhà có tiền quyền tặc, hoặc con quan, được đặc cách làm công sanh. Loại này lại còn chia thành Phụ Cống, Tăng Cống, Lẫm Cống v.v...

<sup>48</sup> Thời Minh - Thanh, Đại Doãn là chức quan đứng đầu công việc hành chánh trong một huyện, chỉ cao hơn nha lại một chút, trực thuộc quyền sai phái của tri huyện.

<sup>49</sup> Đồ tông sư là vị quan trông coi học chánh họ Đồ.

tưởng tiền thoái đều có số mạng, sẽ đến sớm hay trễ đều có thời! [Vì thế], điềm nhiên chẳng mong cầu. Đỗ Công Sanh xong, lên Bắc Kinh, ở lại kinh đô một năm, suốt ngày tĩnh tọa, chẳng đọc văn chương. Sau đó, trở về, sang chơi Nam Kinh, chẳng vào trường Quốc Tử Giám.

Trước hết, đến thăm thiền sư Vân Cốc trong núi Thê Hà. Ngồi đối diện với Sư trong cùng một tĩnh thất, suốt ba ngày ba đêm, chẳng chớp mắt. Vân Cốc hỏi: “Sở dĩ phạm nhân chẳng thể thành thánh, chỉ vì bị vọng niệm trói buộc. Ông ngồi suốt ba ngày, chẳng thấy dây lên một vọng niệm”. Ta thưa: “Con đã được Không tiên sinh tính mạng sẵn. Vinh, nhục, chết, sống đều có số mạng định sẵn. Dầu có muốn vọng tưởng, cũng chẳng thể vọng tưởng được!” Ngài Vân Cốc cười bảo: “Ta ngỡ ông là bậc hào kiệt, [nào ngờ] chỉ là phạm phu”. Hỏi nguyên do, Sư dạy:

- Con người chưa thể không có tâm, rốt cuộc bị lẽ Âm Dương trói buộc, làm sao không có số mạng cho được? Nhưng chỉ phạm nhân có số mạng, chứ đối với bậc cực thiện, cố nhiên là số mạng chẳng thể ràng buộc nhất định được. Kẻ cực ác số mạng cũng chẳng thể ràng buộc nhất định được. Suốt hai mươi năm qua, ông đã bị ông ta tính sẵn, chưa hề cự quấy mảy may! Há chẳng phải là phạm phu ư?

Ta hỏi:

- Vậy thì có thể trốn thoát số mạng ư?

Sư dạy:

- Mạng do ta tự tạo, phước do chính mình cầu! Những điều được nhắc nhở trong kinh Thi, kinh Thư, đích xác là những giáo huấn minh bạch. Trong giáo điển của ta, có nói: “*Cầu công danh được công danh. Cầu phú quý được phú quý. Cầu con cái được con cái. Cầu trường thọ được trường thọ*”. Nói dối chính là điều bị Phật Thích Ca cấm ngặt, chư Phật, Bồ Tát há nói dối gạt người ư?

Ta lại hỏi thêm:

- Mạnh Tử nói: “*Cầu tắc đắc chi, cầu tại ngã giả dã*” (Hễ cầu bèn được, cầu ở nơi ta). Đạo đức, nhân nghĩa có thể tận lực cầu, chứ công danh, phú quý cầu bằng cách nào?

Sư Vân Cốc bảo:

- Lời Mạnh Tử chẳng sai, ông tự hiểu lầm! Ông không thấy Lục Tổ nói: “*Nhất thiết phước điền, bất ly phương thôn*” (Hết thửa phước điền, chẳng rời tác lòng) ư? Hãy tìm từ nơi tâm, không gì chẳng cảm thông! Cầu từ nơi ta, chẳng phải chỉ là đạt được đạo đức, nhân nghĩa, mà còn đạt được công danh, phú quý. Trong lẫn ngoài đều đạt được. Đây chính là do mong cầu, đạt được bèn có ích! Nếu chẳng phản tỉnh nơi nội tâm, chỉ hướng ra ngoài rong ruổi cầu tìm, ắt là có phương pháp để cầu, nhưng phải do số mạng thì mới đạt được. Trong lẫn ngoài đều bị tổn hại. Vì thế vô ích.

Sư hỏi: “Ông Không tiên đoán số mạng suốt đời của ông như thế nào?” Ta thừa sự thật. Ngài Vân Cốc nói: “Ông hãy tự xét chính mình có đáng nên đồ đạt hay không? Có nên sanh con hay không?”

Ta suy xét hồi lâu bèn thưa:

- Chẳng nên! Những người đồ đạt đều thuộc loại có phước tướng. Con bạc phước, lại chẳng thể tích lũy công hạnh để tạo nên phước sâu dày. Lại còn chẳng thể chịu đựng những nỗi phiền toái quá mức, chẳng thể bao dung người khác. Có lúc nghĩ mình tài trí hơn người, nghĩ gì làm nấy [chẳng suy tính cẩn thận], ăn nói bộp chộp. Phàm những điều như vậy đều là tướng bạc phước, há có nên đồ đạt ư? Đất bản sanh nhiều vật, nước trong thường là không có cá. Con ưa sạch sẽ. Hòa khí có thể sanh trưởng muôn vật, con hay giận. Ái chính là cái gốc để sanh ra các sanh vật. Tàn nhẫn là căn cội khiến chẳng thể sanh nở<sup>50</sup>. Con hết sức quý tiếc danh tiết, thường chẳng thể bỏ mình cứu người. Lại còn nói nhiều hao khí, thích uống rượu khiến tinh bị hao tổn. Thích ngồi suốt đêm, chẳng bảo dưỡng nguyên thần, đây đều là những lý do đáng nên không con. Những điều lỗi ác khác hãy còn nhiều lắm, chẳng thể tính trọn.

Ngài Vân Cốc bảo:

---

<sup>50</sup> Nguyên văn “ái vi sanh sanh chi bản, nhẫn vi bất dục chi căn”. Chúng tôi dịch câu này theo lời giải thích của pháp sư Định Hoàng.

- Há chỉ là đồ đạt ư? Kẻ hưởng tài sản ngàn vàng trong thế gian, chắc chắn là nhân vật đáng giá ngàn vàng. Kẻ hưởng tài sản trăm lạng vàng, chắc chắn là nhân vật đáng giá trăm lạng vàng. Kẻ phải chết đói, chắc chắn là nhân vật đáng bị chết đói. Trời bất quá do tài năng của mỗi người mà dốc sức giúp cho thành tựu, chưa từng có may mắn ý niệm ban phước, giáng họa! Ngay như chuyện sanh con, kẻ có đức trăm đời, chắc chắn là sẽ có con cháu trăm đời. Có đức mười đời, chắc chắn sẽ có con cháu mười đời. Kẻ có đức hai, ba đời, chắc chắn sẽ có con cháu hai, ba đời. Kẻ tuyệt tự vô hậu, đức mỏng tột bậc. Ông nay đã biết lỗi, hãy nên tận tâm sửa đổi tướng chẳng đồ đạt, tướng chẳng sanh con. Phải hết sức chú trọng tích đức, phải chú trọng mở rộng tâm lượng, phải chú trọng hòa ái, phải chú trọng tiếc quý tinh thần. Những điều trước kia ví như hôm qua đã chết, từ rày trở đi mọi điều đều ví như mới sanh từ hôm nay. Đây là cái thân nghĩa lý được tái sanh vậy.

Phàm cái thân xương thịt thì vẫn có số mạng, chứ cái thân nghĩa lý há chẳng thể cảm lòng trời ư? Thái Giáp<sup>51</sup> nói: *“Trời tạo nghiệt, còn có thể chống lại. Chính mình tạo oan nghiệt, sẽ chẳng thể trốn tránh”*. Kinh Thi nói: *“Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa*

---

<sup>51</sup> Thái Giáp (tên thật là Tử Chí) là cháu nội của vua Thành Thang, làm vị vua thứ tư của nhà Thương Thang. Khi Thái Giáp tham hưởng dục lạc, bỏ bê triều chánh, đối xử hà khắc với nhân dân. Y Doãn là cố mạng đại thần, giữ quyền Tể Tướng, đã đày vua sang Đồng cung, gần lăng mộ vua Thành Thang để sám hối, tự nhiếp chánh. Ba năm sau, Thái Giáp hối cải, Y Doãn lại đón về, giao quyền lại. Thái Giáp đã nói câu này khi tự xét lỗi mình. “Nghiệt” (孽) ở đây là tai ương. “Trời tạo nghiệt” nghĩa là trời giáng tai ương.



*phước*” (Vĩnh viễn hành xử phù hợp mạng trời, sẽ được nhiều phước). Như Không tiên sinh đoán mạng ông chẳng đỗ đạt, chẳng sanh con; đấy chính là tai ương do trời gieo vậy, vẫn có thể chống lại được. Ông nay hãy nỗ lực làm các thiện sự, tích nhiều âm đức. Đấy là phước do chính mình tạo ra, há chẳng thể thọ hưởng ư? Kinh Dịch là [giáo huấn] để bậc quân tử mưu tính [các biện pháp sửa mình] hòng hưởng điều cát, tránh né điều hung. Nếu nói “mạng trời thường hằng [chẳng thể biến đổi]”, [vậy thì] làm sao có thể hướng đến điều cát, làm sao có thể tránh né điều hung cho được? Do vậy, vừa mở đầu quyển sách ấy, nghĩa thứ nhất là *‘nhà tích thiện, ắt điều tốt lành có thừa. Nhà tích bất thiện, ắt tai ương có thừa’*! Ông có tin hay chẳng?

Ta tin lời ấy, lạy Sư, nghe theo lời dạy. Do vậy, bèn đem tội trước kia, đối trước Phật tận tình bày tỏ, viết số dâng lên, trước hết là cầu đỗ đạt, thề làm ba ngàn điều lành nhằm báo đức của trời đất, tổ tông. Ngài Vân Cốc đem sách Công Quá Cách dạy ta, bảo hằng ngày hãy ghi chép những việc đã làm. Thiện thì ghi số, ác bèn trừ bớt. Sư lại còn dạy trì chú Chuẩn Đề để cầu ắt được hiệu nghiệm. Sư bảo ta:

- Những nhà bùa chú có nói: *“Chẳng biết vẽ bùa sẽ bị quỷ thần cười nhạo”*. Điều bí truyền trong ấy chỉ là “chẳng động niệm”. Hễ cầm bút vẽ bùa, trước hết, hãy buông xuống muôn duyên. Từ đấy, chẳng dấy động ý niệm, chấm bút xuống, gọi là hỗn độn vừa mở nền tảng. Do vậy, vẽ xong ngay trong một nét bút, chẳng hề

suy nghĩ. Đạo bùa ấy sẽ linh. Hễ cầu trời lập mạng, đều phải từ chỗ vô tư vô lự để cảm thông. Mạnh Tử luận về học vấn “*lập mạng*” đã nói: “*Yếu và thọ chẳng hai!*” Nếu nói chi ly hơn, dư dật và thiếu thốn không hai, sau đây mới có thể lập cái mạng nghèo hay giàu. Cùng quần hay hanh thông chẳng hai, sau đây mới có thể lập mạng sang hay hèn. Yếu và thọ chẳng hai, sau đây mới có thể lập mạng sanh hay tử! Người sống trong thế gian, chỉ có sống chết là quan trọng. Nói yếu hay thọ, tức là hết thấy các sự thuận nghịch đều được bao gồm trong ấy. Còn chuyện tu thân thì hãy chờ đó, chính là chuyện tích đức để cầu trời vậy<sup>52</sup>. Nói “tu” tức là thân có lỗi, có ác, hãy đối trị, trừ khử. Nói “đợi” tức là chẳng có mấy may mong ngóng, chẳng có mấy may đón chờ, [những ý niệm ấy] đều nên chặt đứt. Đạt đến địa vị ấy, thẳng thừng tạo ra cảnh tiên thiên<sup>53</sup>. Đó là học vấn thật sự. Ông chưa thể vô tâm, chỉ nên trì chú Chuẩn Đề, chẳng tính đếm, chớ để gián đoạn. Trì đến mức thuần thục, sẽ là trì mà không trì, không trì mà trì. Cho tới khi chẳng động niệm, sẽ linh nghiệm.

---

<sup>52</sup> Lão hòa thượng Tịnh Không giảng câu này có nghĩa là “*chuyện tu thân thì phải chờ khi vận mạng của ta đã biến đổi, sửa đổi. Để sửa đổi mạng vận chẳng phải là chuyện ngày một, ngày hai mà hòng đạt được. Phải có thời gian tích lũy, phải dừng mãnh, tinh tấn. Điều này liên quan đến chính mình siêng, lười, mê, ngộ. Vẫn là phải dừng mãnh tinh tấn chờ đủ thời gian, nhất định sẽ đạt được hiệu quả*”.

<sup>53</sup> Theo lão hòa thượng Tịnh Không, “*cảnh tiên thiên*” được nói ở đây chính là như Phật pháp thường nói “*phản bản hoàn nguyên, tự tánh lưu lộ*”. Nói “*tiên thiên*” là sánh ví như vũ trụ nguyên thủy, chưa tách rời thành âm dương, là thái cực nguyên thủy trong quan niệm của kinh Dịch. Nói “*cảnh tiên thiên*” tức là chân tánh vĩnh hằng thanh tịnh, tịch chiếu, chẳng bị biến đổi, chẳng bị chấp trước hư vọng che lấp.

Thoạt đầu, ta có hiệu là Học Hải, nay đổi hiệu thành Liễu Phàm. Ấy là vì đã ngộ thuyết lập mạng, chẳng muốn rơi vào khuôn sáo cũ của phàm phu nữa. Từ đây trở đi, suốt ngày dè dặt, bèn cảm thấy khác hẳn khi trước. Trước kia là ơ hờ, tùy tiện, nay tự có cảnh tượng dè dặt, thận trọng. Dẫu ở trong nhà tối, buồng kín, thường sợ mắc tội với trời, đất, quỷ thần. Gặp kẻ ghét ta, chê gièm ta, có thể điềm nhiên chịu đựng. Đến năm sau, Lễ Bộ mở khoa thi. Không tiên sinh đoán ta sẽ đậu hạng ba, bỗng ta đậu hạng nhất. Lời tiên đoán ấy chẳng ứng nghiệm. Cho tới khoa thi mùa Thu, bèn đậu [Cử Nhân]. Nhưng làm việc nghĩa vẫn chưa thuần, kiểm điểm bản thân [thì thấy] hãy còn nhiều sai lầm, hoặc thấy điều thiện mà chẳng dừng mãi [thực hiện], hoặc cứu người khác mà tâm thường tự nghi. Hoặc thân gắng sức làm lành, mà nói năng có lầm lỗi. Hoặc lúc tỉnh thì hành trì, sau khi đã say bèn buông lung. Do có lỗi mà công bị giảm, hằng ngày thường phí uổng. Phát nguyện từ năm Kỷ Ty cho đến năm Kỷ Mão, trải hơn mười năm, ba ngàn thiện hạnh mới hoàn tất, bèn khởi nguyện cầu con, cũng hứa làm ba ngàn việc thiện. Năm Tân Ty, sanh con trai tên là Thiên Khải.

Ta làm mỗi chuyện đều ghi lại. Mẹ ngươi<sup>54</sup> chẳng biết viết, mỗi lần làm một chuyện [tốt lành], bèn dùng bút lông ngỗng, khoanh một chấm son trên nhật lịch. Hoặc là bố thí người nghèo, hoặc phóng sanh. Mỗi

---

<sup>54</sup> Ông Viên Liễu Phàm viết sách này nhằm răn dạy con, nên dùng chữ “mẹ ngươi” (nhữ mẫu) ở đây. Vợ ông Viên không biết chữ, nên không thể ghi chép. Hai vợ chồng đều tận lực hành thiện.

ngày có đến mười mấy cái khoanh tròn. Tới tháng Tám năm Quý Mùi, con số ba ngàn đã mãn, tức là chín tháng mười ba ngày. Lại bắt đầu nguyện đồ Tiên Sĩ, hứa làm một vạn điều thiện sự. Năm Bính Tuất thi đỗ, được bổ làm tri huyện Bảo Trì. Ta để một quyển sách toàn giấy trắng, đặt tên là Trị Tâm Biên. Sáng thức dậy ra công đường, gia nhân đem sách giao cho các nha lại, đặt ở trên bàn. Những việc thiện ác đã làm ắt đều ghi chép tường tận trong ấy. Đến đêm, kê bàn trong sân, bắt chước Triệu Duyệt Đạo dâng hương thưa trình với Thượng Đế. Mẹ người thấy những việc đã làm chẳng nhiều, nhắc nhở bảo: “Trước kia ông ở nhà, có thể giúp ông làm lành. Vì thế, hoàn tất con số ba ngàn. Nay hứa làm một vạn, trong nha môn vô sự thì mới có thể làm, đến chừng nào mới viên mãn đây?” Ban đêm, chợt mộng thấy một vị thần, ta thưa nguyện có khiến cho thiện sự khó thể hoàn tất. Thần bảo: “Chỉ do một chuyện giảm thuế, vạn hạnh sẽ đều hoàn tất”. Ấy là vì ruộng ở Bảo Trì, mỗi mẫu phải đóng thuế hai các ba ly bảy hào. Ta quyết định giảm xuống một các bốn ly sáu hào.

Tuy làm việc này, tâm vẫn nghi hoặc. Vừa khéo có thiền sư Huyền Dư từ Ngũ Đài tới, ta kể lại giấc mộng ấy, cũng như hỏi chuyện này có đáng tin hay chẳng? Sư dạy: “Cái tâm ấy chân thật, thiết tha, tức là làm một chuyện có thể coi như một vạn điều thiện. Huống hồ giảm thuế cả huyện, vạn dân được hưởng phước ư?” Ta bèn quyên tặng tiền lương, cậy sư đem về núi Ngũ Đài cúng trai tăng một vạn người để hồi

hướng. Cụ Khổng tiên đoán ta lúc năm mươi ba tuổi sẽ gặp hạn, ta chưa từng mong sống thọ, nhưng suốt năm ấy chẳng sao cả! Nay đã sáu mươi chín tuổi rồi.

Kinh Thư nói: “*Thiên nan kham, mạng mị thường*” (Mạng trời khó tin chắc, vận mạng chẳng thường hằng). Lại nói: “*Duy mạng bất ư thường*” (Chỉ có mạng là chẳng thường hằng), đều chẳng phải là những lời dối trá! Do vậy, ta bèn biết: Nếu nói đến họa phước, không gì chẳng phải là do tự mình cầu. Thánh hiền dạy như thế đó. Nếu bảo “*họa phước chỉ do trời định*” thì chính là luận điệu của thế tục! Chẳng biết mạng của người sẽ như thế nào. Dẫu người đang lúc vinh hiển, hãy thường nghĩ chính mình chẳng đặc chí. Dẫu đang gặp lúc thuận lợi, hãy nghĩ đang gặp cảnh khó khăn. Dẫu trước mắt no đủ, hãy thường nghĩ là nghèo túng. Dẫu được người ta yêu kính, thường nghĩ là kinh sợ. Dẫu gia thế sang cả, thường nghĩ là thấp hèn. Dẫu học vấn khá giỏi, thường nghĩ chính mình tri kiến hẹp kém. Xa là mong làm rạng rỡ đức hạnh của tổ tiên, gần là mong che lấp tội khiên của cha mẹ. Trên là mong báo ân đất nước. Dưới là nghĩ tạo phước cho gia đình. Ngoài là nghĩ giúp đỡ người khác trong cơn túng ngặt. Trong thì nghĩ giảm bớt những thói tà vạy của chính mình. Hằng ngày biết mình sai quấy, hằng ngày sửa lỗi. Ngày nào chẳng biết lỗi quấy, tức là ngày ấy tự cho mình là đúng. Ngày nào không có lỗi để sửa, tức là ngày ấy chẳng thể tiến bộ. Kẻ thông minh, tài năng trong thiên hạ chẳng ít, do vì chẳng gắng tu đức, mà tài năng chẳng thể thêm rộng! Chỉ vì hai chữ “chần chừ”

mà lỡ làng cả đời. Thuyết lập mạng do thiên sư Vân Cốc truyền dạy chính là lý tinh thuần tốt bậc, sâu xa tốt bậc, chân chánh tốt bậc. Hãy nghiền ngẫm kỹ càng, gắng sức thực hiện, đừng ruồng rẫy chính mình!

*(Chánh văn) Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình.*

**(正文)善惡之報。如影隨形。**

*(Chánh văn: Thiện báo, ác báo, như bóng theo hình).*

“Thiện ác” là nói đến lòng người. “Báo” là nói tới thiên lý. Hình ngay, bóng sẽ ngay. Hình lệch, bóng sẽ lệch. Nói chung là chẳng sai sẩy mảy may! Nhân lành, quả sẽ vui. Nhân ác, quả sẽ khổ. Thánh nhân dạy rất tường tận, hiềm rằng kẻ ngu chẳng tin. Do vậy bèn trái nghịch điều lành, hướng theo điều ác. Đó là vì thấy người trong đời này, người lành có kẻ gặp cảnh gieo neo, kẻ ác lại sống thọ, chết an lành, các thứ hững hờ trong đời này đủ mọi thứ khác nhau, bèn bảo: “Có điều thiện lẽ ác chẳng có báo ứng! Dường như nhân quả chẳng đáng để tin tưởng vậy!” Nào có biết người trong cõi đời có vô số lần trăm năm, trời hãy còn những bản án chưa kết thúc! Kẻ thuần thiện, thuần ác hiềm hoi, căn cơ có thể là thiện hay ác [tùy theo sự giáo huấn] là

dễ [thành tựu] viên mãn nhất<sup>55</sup>. Niệm có chuyển dời, [để luận định về] báo, hãy nên chiêm chước, [bởi lẽ, tùy theo cái nhân chín muồi như thế nào mà] hoặc [báo ứng] ở nơi thân mình, hoặc nơi con cháu, hoặc trong đời này, hoặc trong thân sau. Lớn, nhỏ, chậm, nhanh, biến hóa, đổi dời, chẳng sai chạy mảy may! Tục ngữ có câu: *“Thiện ác rốt ráo rồi đều có báo, chỉ là sớm muộn khác nhau thôi”*. Đừng luận định [báo ứng] dựa theo [những chuyện xảy ra] trước mắt, hãy nên xem xét rốt ráo. Há có bao giờ [báo ứng] chẳng như bóng theo hình ư?

Theo cách nói [nhân quả] thông khắp ba đời trong kinh Phật, chúng sanh tạo nghiệp, sẽ có ba loại báo:

- 1) Một là hiện báo, hứng chịu trong đời này.
- 2) Hai là sanh báo, hứng chịu trong đời thứ hai.
- 3) Ba là hậu báo, hứng chịu trong đời thứ ba và mười, trăm, ngàn, vạn đời [sau nữa].

Vì vậy, trong cõi đời, kẻ làm lành mắc họa là do sự ác trong đời trước đã chín muồi. Kẻ làm ác được phước là do điều thiện trong đời trước chín muồi.

Trong phước có họa, trong họa có phước, chẳng phải là thuần thiện, thuần ác! Thoạt đầu là phước, cuối cùng là họa, chính là vì thiện tâm lui sụt. Thoạt đầu là

---

<sup>55</sup> Nguyên văn *“khả thiện, khả ác chi cơ tới viên mãn”*. Chúng tôi dịch câu này theo sự diễn giải của pháp sư Định Hoằng.

họa, cuối cùng là phước, là do ác tâm mà hồi cải. Khô và lạc chẳng dời đổi, chính là hiển trực báo (顯直報, báo ứng rõ rệt, trực tiếp). Tai ương và cát tường cùng xuất hiện, tức là ẩn xảo báo (隱巧報, báo ứng ẩn kín, khéo léo)<sup>56</sup>, cũng có trường hợp do có đức ẩn giấu, hay làm lỗi ẩn giấu [mà có báo ứng. Những sự báo ứng ấy chẳng phải là do] thiện hay ác trong hiện tiền như mọi người thấy biết. Loan Yểm có báo ứng tàn bạo là do Loan Thư, cái chết của Loan Doanh chính là quả báo của Loan Yểm<sup>57</sup>. [Chỉ nhìn vào những sự kiện trước mắt, sẽ ngỡ là báo ứng] điên đảo, những trường hợp

---

<sup>56</sup> Theo pháp sư Định Hoằng, ngấm ngấm làm ác, nghĩ ác, không ai nhận biết, nên gọi là Ẩn. Do khéo léo giấu diếm nên không ai biết kẻ đó bề ngoài tốt đẹp, bên trong thói tha, bại hoại, cho nên gọi là Xảo.

<sup>57</sup> Câu này hơi khó hiểu nên chúng tôi mạn phép giải thích rườm rà như sau: Dòng họ Loan của nước Tấn thời Xuân Thu là dòng dõi võ tướng, lập nhiều chiến công. Đến đời Loan Thư, do công lao hiển hách, trở thành quyền thần lấn át nhà vua, Loan Thư bèn cùng với Tuân Yển và Tam Khích (Khích Chí, Khích Xu, Khích Kỳ) thao túng chánh quyền nước Tấn. Do vậy, Chỉ Huy Sứ Tư Đồng lập mưu, giết chết Tam Khích, bắt giam Loan Thư và Tuân Yển. Tấn Lệ Công nghĩ công lao chinh chiến nhiều năm của Loan Thư nên tha chết. Lấy oán trả ân, chờ dịp vua xuất du, Loan Thư hợp binh với Tuân Yển chiếm đóng kinh thành, giết chết bọn Tư Đồng, bắt giam Tấn Lệ Công (Cơ Thọ Mạn) rồi giết chết nhà vua trong ngục, lập vua mới. Con Loan Thư là Loan Yểm còn tàn bạo, hiếu sát hơn cha, chinh chiến liên miên. Đến khi con Loan Yểm là Loan Doanh lên thay cha, bố vợ của Loan Yểm là Phạm Huyền Tử vốn đã thù ghét dòng họ Loan, bèn mưu tính với con gái (mẹ ruột Loan Doanh) vu cáo Loan Doanh mưu phản, khiến Loan Doanh phải đào vong. Loan Doanh chạy sang cầu cứu vua Tề, đem binh về đánh nước Tấn, thua trận, bị bắt giết. Thừa cơ, bọn Phạm Huyền Tử và Sĩ Ưng tru diệt toàn bộ gia tộc họ Loan. Họ Loan bị xóa sổ ở nước Tấn. Cả câu có ý nói: Do sự tàn bạo của Loan Thư mà sanh con cũng tàn bạo hiếu sát như Loan Yểm. Loan Thư và Loan Yểm tuy tàn bạo vẫn chết an lành, đến đời Loan Doanh, quả báo chín muồi, vợ Loan Yểm tàn nhẫn âm mưu giết con, hại chết toàn thể gia tộc nhà chồng. Đây mới là quả báo thật sự cho Loan Thư và Loan Yểm, phí bao tâm cơ thao túng chính quyền, rốt cuộc tàn gia diệt tộc!



như vậy cũng nhiều! Nhưng Bạch Khởi<sup>58</sup> hãm hại binh lính đã quy hàng, Lý Lâm Phủ<sup>59</sup>, Tần Cối tàn độc dân đen, chẳng phải là [báo ứng] có thể xong hết trong một đời.

Nói chung, đời trước hay đời này, cùng trong một đời sẽ bị người tru diệt, quỷ thần tru diệt, đau đớn như nhau, nhưng cõi đời chẳng hề nghĩ ngợi! Tuy vậy, báo ứng có bao giờ sai sót vậy thay! Thế mà vẫn có kẻ hỏi: “Bạc vương giả<sup>60</sup> phô bày điều thiện, ghét điều ác, há nên lải nhải vấn đề này, [nếu thiện ác báo ứng là có thật], sao trời không lập tức thực hiện [sự báo ứng] khiến cho con người cảnh tỉnh, kinh sợ, mà cứ thông thả như thế?” Đây là vì [kẻ ấy] nào có biết, nếu vương

---

<sup>58</sup> Bạch Khởi là danh tướng của nước Tần thời Chiến Quốc. Do giết nhiều người quá nên sử gọi ông ta là “*nhân đồ*” (tên đồ tể giết người). Bạch Khởi giỏi dùng binh. Năm 293 trước Công Nguyên, trong trận Y Khuyết, Bạch Khởi đã đánh tan liên quân Hàn và Ngụy, hạ lệnh chém chết hàng quân đến hai mươi bốn vạn người. Trong trận Yên Thành, ông đã dẫn nước sông Yên Thủy chảy vào Yên Thành, chìm chết mấy mươi vạn quân nước Sở. Trong trận Hoa Dương, Bạch Khởi đánh bại liên quân Triệu và Ngụy, giết chết mười ba vạn quân địch. Trong trận Hình Thành, ông ta hạ lệnh chém giết đến năm vạn thủ cấp. Tần nhân nhất là trong trận chiến Trường Bình, sau khi đánh tan đoàn quân nước Triệu do Triệu Quát cầm đầu, bắt được bốn mươi vạn binh, Bạch Khởi sợ hàng quân sẽ thừa cơ nổi dậy, bèn sai mổ trâu nấu cỗ, ban rượu, báo quân Triệu ăn uống no say. Sau đấy, ngầm truyền quân Tần quấn vải trắng trên đầu để nhận nhau, cứ gặp ai không có vải trắng là chặt đầu. Bốn mươi vạn hàng quân chỉ còn hai trăm bốn mươi người sống sót, bị đuổi về kinh đô nước Triệu.

<sup>59</sup> Lý Lâm Phủ là thừa tướng đời Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng), miệng ngọt ngào, lòng dạ rắn rết, hãm hại trung thần. Theo ghi chép, mỗi lần bàn về chánh sự, ông ta nói năng như kẻ ngốc, người say, nhưng thích nói không ngừng. Hắn khéo nịnh nọt, bợ đỡ nên rất được hoàng đế tín nhiệm. Do vậy, hắn đã gây nên biến loạn An Lộc Sơn.

<sup>60</sup> Theo pháp sư Định Hoàng, chữ “*vương giả*” ở đây phải hiểu là bậc thánh vương, thánh quân.

pháp<sup>61</sup> có sơ sót, đạo trời ắt chẳng lơ là, sai lầm! Hơn nữa, bậc vương giả chẳng nở lòng, ắt sẽ xót thương bảo toàn. Lòng trời nhân từ tốt bậc, thường dung thứ kẻ biết hối hận vì trót gây họa. Cổ nhân xung tụng: *“Ông trời có lòng nhân nại cao nhất, con người cũng nên có lòng kiên nhẫn!”* Ví như mắc nợ, mai sau phải trả nợ, nhưng có kỳ hạn năm tháng sai khác. Một đời, hai đời, cho đến ba, bốn, năm đời cũng là con số to lớn trong thời hạn phải đền trả của trời đất. Hễ báo ứng chậm, ắt sẽ phải trả tiền lãi gấp bội! Hơn nữa, con người thấy như vậy là xa xôi, chứ trời thấy [chỉ là chuyện xảy ra] trong sáng tối! Do vậy, nói: *“Tạo tác thiện thiện, ác ác, báo ứng như bóng theo hình, đừng nói là tạo ác chẳng báo! Chờ cho đến khi điều ác tràn ngập [rồi sẽ báo ứng]. Chớ bảo tu điều thiện chẳng ứng, chờ cho đến khi thiện quả viên thành”*.

Lại nói: *“Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã làm chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, quả báo vẫn tự chịu”*. Do vậy biết sự khổ lạc trong tam giới, thăng trầm trong lục đạo, đều ngộ là do tự tâm chiêu cảm. Khó trốn thoát lưới trời, dầu lầm lạc sanh lòng mong trốn tránh, sẽ như giữa đường gặp mưa, nhìn bốn phía đều ướt nhẹp, mờ mịt chẳng có chỗ ẩn náu! Nhưng người đời chẳng ngộ, cứ bỏ mặc đó chẳng xét. Do báo

---

<sup>61</sup> “*Vương pháp*” ở đây không có nghĩa là “pháp luật của vua” như trong cách hiểu thông thường, mà là pháp tắc cai trị bằng lòng nhân từ, chủ yếu dùng các biện pháp cảm hóa dân chúng khiến cho họ sống đạo đức, an ổn. Có thể hiểu “*vương pháp*” là cách cai trị của các vị thánh quân như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, khác với “*bá nghiệp*” là dùng những thủ đoạn chính trị hà khắc, các mẹo kế để làm suy yếu các quốc gia lân cận ngộ hầu chính mình hùng mạnh, thống trị kẻ khác.

lâu xa, cho nên chẳng thấy kịp, còn như những điều có thể thấy chính là những cảnh thuận nghịch thông thường, nhưng đều bị coi thường, chẳng nhận biết. Còn đối với những chuyện “*thuận theo đạo nghĩa dẫn tới điều tốt lành, trái nghịch đạo nghĩa dẫn tới sự hung hiểm*” to lớn đáng tin, lại viện dẫn những chuyện dường như chẳng hoàn toàn ứng nghiệm trong lễ báo ứng để tự huyễn hoặc, tự nghi ngờ, chìm đắm, do dự, chẳng tỉnh ra. Nếu như từng trải đã lâu, bỗng sanh giác ngộ, nhưng người đã già, thói quen đã tập thành [khó thể sửa đổi], thế mà đang độ tuổi trẻ trung, hào khí hùng hực, lại chẳng tin tưởng. Đây chính là lý do khiến cho cõi đời này lắm kẻ lạc nẻo, buồn thay!

Đời Thanh, Hoàng Vĩnh Tước ở Sùng Minh được thầy bói đoán quyết ông ta chẳng có con, chỉ thọ sáu mươi tuổi. Về sau, có một chiếc thuyền ở Nam Dương gặp gió sắp bị lật, họ Hoàng vội bỏ ra mười lạng bạc thuê thuyền đánh cá ra cứu. Mười ba mạng đều sống sót. Gặp lại thầy bói, ông ta kinh hãi bảo: “Mặt ông toàn là nét âm chất, ắt có đức dày. Không chỉ là sẽ có con, mà còn đỗ Trạng Nguyên, và cũng được thượng thọ”. Về sau quả nhiên sanh con trai, đặt tên là Chấn Phụng. Đỗ đầu khoa thi Hội năm Kỷ Mùi (1679) đời Khang Hy, thọ chín mươi mấy tuổi, chết an lành. Đạo trời đáng tin cậy dường ấy, sao con người chẳng bỏ ác làm lành vậy?

Đồ Phan Kỳ ở Tú Thủy, làm nhiều chuyện bất nghĩa, xúi người khác kiện cáo để đoạt tài vật của họ,

gian dân vợ con kẻ khác. Gặp chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhất, bèn oán hận chửi bới trời, thần. Bỗng chết đi, qua một đêm bèn tỉnh lại, gọi vợ kêu mọi người đến, bảo: “Diêm Vương bảo người chết chịu báo, kẻ sống chẳng biết. Kẻ thọ báo chịu khổ, kẻ tạo tác vẫn đắc chí, thật đáng buồn đau! Nay Phan Kỳ tội ác cùng cực, mượn nó để chỉ báo muôn người”. Thế rồi vung dao tự cắt đứt dương vật nói “đây là quả báo dân tà”. Tự khoét mắt, bảo: “Đây là báo ứng vì đã giận dữ nhìn tiên, Phật, cha mẹ và chúng sanh”. Tự chặt tay nói: “Đây là quả báo vì đã mổ xẻ sanh linh”. Mổ bụng lôi tim ra nói: “Đây là quả báo vì âm hiểm, tàn nhẫn hãm hại”. Cắt lưỡi nói: “Đây là quả báo của lừa dối, nguyên rủa, chửi bới quàng xiên”. Xa gần trông thấy, truyền tụng, ai cũng kinh sợ. Phan Kỳ quần quai sáu ngày, thân thể không còn miếng da nào lành lặn mà chết. Tự làm, tự chịu, nhanh chóng ngàn ấy. Miếu Đông Nhạc có một cặp câu đối: *“Dương thế gian hùng, nhẫn tâm hại lý giai do kỷ. Âm ty báo ứng, cổ vãng kim lai phóng quá thùy”* (Lúc sống gian hùng, nhẫn tâm trái lý do mình tạo, cớ âm báo ứng, xưa qua nay lại sót ai đâu?) Có sao con người đã biết rõ mà vẫn cố phạm, tạo khổ vô cùng? Xin hãy mạnh mẽ cảnh tỉnh, sám hối, ai nấy sớm quay đầu. Theo gió lướt sóng cầm chắc lái, bên bờ vực thẳm gấp gò cương, ắt sẽ đều cùng thoát khỏi cửa ải tai họa, cùng bước lên đường phước.

Đời Tống, Tào Bân trung thành thờ vua, giữ phận khiêm cung, chẳng tranh giành tài vật, chẳng ban ơn riêng tư cho ai. Ông giúp đỡ kẻ thiếu thốn, hoặc lâm

vào đường cùng, châu cấp kẻ góa bụa, mừng hay giận chẳng để lộ. Phú quý mà chẳng kiêu căng. Dẫn quân chinh phạt, chưa hề giết chóc bừa bãi. Khi đánh chiếm Thành Đô<sup>62</sup>, bắt được phụ nữ, đều đem họ nhốt kín trong một ngôi nhà, khoét lỗ để đưa đồ ăn vào. Lại căn dặn người chung quanh: “Dành để dâng lên trên, hãy nên bảo vệ nghiêm ngặt”. Xong việc, tìm kiếm người thân để trả họ về. Kẻ nào không có thân thích, bèn sắm sửa đầy đủ lễ vật để gả đi. Khi ông Tào đánh hạ thành Kim Lăng, trước đó bèn thắp hương thề với mọi người: “Chẳng giết bậy một ai!” Trước sau toàn thể những người được sống sót chẳng thể tính rõ số. Những chuyện khác như bỏ oán riêng mà gỡ tội cho Triệu Xương Ngôn, nói gièm bản thân để cứu Vương Toàn Bản, hoãn chuyện xử phạt viên nha lại mới cưới dâu<sup>63</sup>,

---

<sup>62</sup> Thành Đô là tỉnh lỵ tỉnh Tứ Xuyên, đây chính là kinh đô của nước Cổ Thục thời Chiến Quốc, và cũng là kinh đô của nhà Thục Hán khi Lưu Bị làm vua xứ Quan Trung. Vào thời Ngũ Đại, nơi này trở thành kinh đô của nhà Tiền Thục (còn gọi là Vương Thục, do Tây Xuyên Tiết Độ Sứ Vương Kiến sáng lập, tồn tại mười tám năm) và Hậu Thục (934-965, còn gọi là Mạnh Thục, do Mạnh Hòa Tường sáng lập).

<sup>63</sup> Triệu Xương Ngôn có lần dâng sớ đàn hặc lên Tống Thái Tổ, kết án Tào Bản không chú trọng giữ kỷ cương trong quân đội, dung túng thuộc hạ, đòi triều đình phán tội chết cho Tào Bản. Tuy nhà vua không nghe theo, nhưng Triệu Xương Ngôn đã trở thành cừu nhân của Tào Bản. Đến khi Xương Ngôn bị kẻ khác vu cáo, muốn xin diện kiến hoàng đế để kêu oan, hoàng đế từ chối không gặp, Tào Bản đã van xin nhà vua cho Xương Ngôn có cơ hội gặp mặt thưa rõ chuyện. Nhờ đó, Xương Ngôn thoát tội chết.

Vương Toàn Bản là một vị tướng khác, có tài cầm quân, nhưng tính tình tàn nhẫn, dung túng thuộc hạ thả sức cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc mỗi khi chiến thắng địch quân. Vì thế, quân địch thù hận, không chịu hàng. Sau khi bình định xong trận phản loạn ở Tứ Xuyên, triều đình bàn định ban thưởng cho Tào Bản, trị tội Vương Toàn Bản vì những hành vi của ông ta khiến cho địch quân nhất quyết liều chết khiến cho cuộc phản loạn cứ dây dưa kéo dài. Tào Bản tâu: “Tướng sĩ chinh Tây đều bị tội, sao thân riêng được thưởng ư?” Ông kiên quyết từ chối nhận thưởng, triều đình bèn thôi không truy cứu tội của Vương Toàn Bản.

chẳng kinh động những loài tiểu trùng ngủ Đông, đều là những chuyện đức dày. Con ông ta là Vĩ, Tông, Xán, đều lần lượt lãnh tiết việt, [một người con khác tên là] Kỷ được phong tước vương. Sanh con gái là Quang Hiến Thái Hậu. Con cháu hưng thịnh khôn sánh.

Lại như Tào Hàn hạ thành Giang Châu, giận dữ vì [dân chúng] trong thành chống cự lâu ngày, bèn giết sạch. Tào Hàn chết đi, chưa đầy ba mươi năm, con cháu có đứa đi ăn mày! Tuy hai vị tướng thành công như nhau, nhưng do dụng tâm khác biệt, cũng vì đó mà trời báo đền sai khác. Để mong hậu duệ hưng thịnh, trước hết phải khởi đầu bằng giữ cho cái tâm chánh đáng. Tư Mã Ôn Công<sup>64</sup> nói: *“Chứa vàng để lại cho con cháu, chưa chắc con cháu đã có thể giữ được. Chứa sách để lại cho con cháu, chưa chắc con cháu đã đọc được. Chẳng bằng tích âm đức trong chốn âm thầm, con cháu ắt có thể hưởng báo”*.

Ông Phan Tùng Tiên nói: - Tôi có một người bạn tên là Nguyễn Kiến Điền, thấy đồ tể mổ một con lợn,

---

Khi Tào Bân làm quan ở Từ Châu, có một nha lại phạm tội, phải chịu hình phạt đánh trượng. Ông đã quyết định hoãn lại, chờ hôm sau mới hành hình. Người khác hỏi nguyên cớ, ông bảo: “Nó mới làm đám cưới cho con trai, ngay hôm rước dâu mà bố chồng bị đòn, người ta sẽ nghĩ là điềm bất tường”.

<sup>64</sup> Tư Mã Ôn Công chính là Tư Mã Quang (1019-1086), tự Quân Thập, hiệu Vũ Tẩu, người huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Tây. Ông làm quan từ thời Tống Nhân Tông, kịch liệt chống những cái cách mang tính cách cấp tiến đầy phiêu lưu của Vương An Thạch. Ông giữ nhiều chức vụ thời Tống Nhân Tông, Tống Anh Tông, Tống Thần Tông và được các hoàng đế hết sức coi trọng vì lòng trung thành và sự tận tụy. Ông làm thừa tướng đời Tống Triết Tông khi đã quá cao tuổi. Công trình lớn nhất và giá trị nhất của ông là bộ sử Tư Trị Thông Giám. Khi ông mất, đã được truy tặng chức Thái Sư Ôn Quốc Công, thụy hiệu là Văn Chánh, bia mộ được đề tặng Tinh Trung Túy Đức.

trên da nó có ba chữ “*Tần Bạch Khởi*” (Bạch Khởi đời Tần). Đây là hắc trâm luân trong ngạ quỷ, địa ngục, ngẫu nhiên làm lợn ở một nơi để tỏ rõ nghiệp báo. Hơn một ngàn năm qua, ngoại trừ thọ sanh bị giết mổ, ắt phải chịu đựng không dứt nỗi khổ nơi núi đao, rừng kiếm. Chẳng biết đến năm nào, mới có thể kết thúc vụ án Trường Bình<sup>65</sup>. Lại có một con trâu cày bị sét đánh chết. Một nho sĩ đi qua nói: “*Bất hướng nhân gian trừ ác nghiệp. Thiên tòng điền nội đả canh ngư*” (Nhân gian ác nghiệp chẳng trừ, trên đồng, sét đánh trâu cày chết tươi). Nói xong, sét lại đánh tung con trâu, da trâu bị nứt ra, hiện chữ: “*Đây là Lý Lâm Phủ đời Đường, ba đời làm gái điếm, bảy đời làm trâu, đến nay là hết*”. Suy ra, đây chính là phải chịu báo trong đời hiện tại, tính đại lược đã hơn ba trăm năm. Ngoài ra, còn phải chịu hình phạt nghiêm ngặt khổ sở tột cùng trong chốn âm phủ chẳng sót ngày nào! Mong được tạm ngưng thọ khổ [trong địa ngục] để làm gái điếm hoặc trâu cày, vẫn là quá sức tuyệt diệu! Ác nghiệp khó trốn khỏi lưới trời! Cố nhiên là như thế đó.

***(Chánh văn) Thị dĩ thiên địa hữu tư quá chi thần, y nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán.***

---

<sup>65</sup> Trong trận chiến Trường Bình, Bạch Khởi đã giết chết bốn mươi vạn quân ra hàng.

**(正文)是以天地有司過之神。依人所犯輕重。以奪人算。**

*(Chánh văn: Do vậy, trời đất có thần trông coi tội lỗi của con người, tùy thuộc con người phạm tội nặng hay nhẹ mà giảm thọ của họ).*

Câu này cho tới “*toán tận tắc tử*” (tuổi thọ đã hết sẽ chết) là một đoạn. Ý nói trong đời mỗi người, ngày đêm mỗi thời khắc, trên, dưới, bốn phía đều có quỷ thần giám sát. Trời thì có Tam Quan, Ngũ Đế, trăm thần, các vị có chức trách<sup>66</sup>. Đất có ngũ nhạc, tứ độc, thành hoàng, lý xã<sup>67</sup>. Lại có Cử Ý Ty, chuyên chủ quản

---

<sup>66</sup> Tam Quan (gọi đủ là Tam Quan Đại Đế, hoặc Tam Nguyên Đại Đế), tức là Thiên Quan (Thượng Nguyên Nhất Phẩm Cửu Khí Tứ Phước Thiên Quang Diệu Linh Nguyên Dương Đại Đế Tử Vi Đế Quân), Địa Quan (Trung Nguyên Nhị Phẩm Thất Khí Xá Tội Địa Quan Động Linh Thanh Hư Đại Đại Đế Thanh Linh Đế Quân) và Thủy Quan (Hạ Nguyên Tam Phẩm Ngũ Khí Thủy Quan Kim Linh Động Âm Đại Đế Dương Cốc Đế Quân). Ba vị này trông coi trời, đất và biển cả. Ngày vía của ba vị này tương ứng với ba ngày rằm lớn, tức Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Bảy và Rằm tháng Mười. Từ danh hiệu của các vị này mà người ta hay gọi là Lễ Thượng Nguyên (đọc trại thành Thượng Nguyên). Đạo Giáo lại nói ba vị này do Tam Thanh hóa ra, chẳng hạn Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn (Lão Tử) hóa thành Thủy Quan. Ngũ Đế chính là Ngũ Phương Thượng Đế, tức là năm vị thiên thần cai quản năm phương, chia thành Thượng Thiên Ngũ Đế (Đông Phương Thanh Đế Thái Hạo, Nam Phương Xích Đế Viêm Đế, Tây Phương Bạch Đế Thiếu Hạo, Bắc Phương Huyền Đế Chuyên Húc, và Trung Ương Hoàng Đế Hiên Viên). Hậu Thiên Ngũ Đế chính là hóa thân của các vị này trên thế gian, gồm có Phục Hy, Viêm Đế (Thần Nông), Hoàng Đế, Thiếu Hạo và Chuyên Húc.

<sup>67</sup> Ngũ Nhạc (五嶽) là Đông Nhạc Thái Sơn, Nam Nhạc Hành Sơn, Tây Nhạc Hoa Sơn, Bắc Nhạc Hằng Sơn và Trung Nhạc Tung Sơn. Theo Đạo Giáo, các vị thần núi này đều được gọi là Đại Đế, cai quản các vị thành hoàng trong thiên hạ. Riêng Đông Nhạc Đại Đế cai quản sanh tử.



những ý niệm thiện ác dấy lên của con người. Những vị ấy đều là “*tư quá chi thân*” (thần trông coi tội lỗi). “*Phạm*” (犯) là chính mình tự chuốc lấy. “*Đoạt*” (奪) là trừ bớt. “*Toán*” (算) là một trăm ngày.

Lòng trời nhân ái, muốn cho con người dẫu ở một mình<sup>68</sup> vẫn làm lành, bỏ ác, cho nên có những vị thần trông coi tội lỗi, dò xét những lỗi con người đã phạm, cân nhắc nặng nhẹ để trừ bớt tuổi thọ. Vì thế, nói: “*Nhân gian tư ngữ, thiên văn nhược lời. Âm thất khuy tâm, thần mục như điện*” (Những lời nói riêng tư trong nhân gian, trời nghe vang như sấm. Chuyện do thiếu cẩn trọng mà làm trong phòng kín, mắt thần như chớp). Trong kinh Thi và kinh Thư cũng nói: “*Thượng Đế lâm nhữ, nhật giám tại tiên*” (Thượng Đế giáng xuống nơi người, hằng ngày soi xét trước mặt), “*thập mục, thập thủ, thần chi thính chi*” (mười mắt, mười tay, thần luôn nghe thấy), tức là khi ta ở chỗ chỉ riêng ta biết, chính là lúc luôn có đông đảo quỷ thần rành rành xếp hàng nghiêm ngặt giám sát. Đây chính là lý “*trời người hợp nhất*” vậy!

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Mỗi người sanh ra đều có hai vị trời đi theo, một vị tên là Đồng Sanh, vị thứ hai*

---

Tứ Độc (四瀆) là Trường Giang (sông Dương Tử), Hoàng Hà, Hoài Hà và Tế Thủy, bốn vị thủy thần. Đồi Đường, Hoài Hà được gọi là Đông Độc, Trường Giang là Nam Độc, Hoàng Hà là Tây Độc, Tế Thủy là Bắc Độc.

Lý Xã (里社) chính là thần thổ địa.

<sup>68</sup> Nguyên văn “*ngô tâm độc tri chi địa*” (nơi chỉ có một mình tâm ta biết), tức là ở chỗ chỉ có một mình ta, không ai biết ta đang làm gì.

*là Đồng Danh. Trời thường thấy người, người chẳng thấy trời”.* Đây chính thiện ác nhị bộ đồng tử. Hằng ngày con người trong mười hai thời, đối với những chỗ dấy ý, thốt lời, cất bước, gặp vật, ứng duyên, hãy thường nghĩ tới hai vị trời ấy, chớ để cho ác niệm tiếp tục. Lỡ có dấy lên một ác niệm, hãy gấp rút phấn chấn tinh thần xoay chuyển nó lại, khắc phục những tập khí, thói xấu của chính mình, cần phải thực hiện từ chỗ khó thể khắc chế, mãi cho đến khi thấu đáo tột cùng chỗ ý niệm dấy lên, diệt mất, vậy thì vô biên nghiệp chướng sẽ ngay lập tức thanh tịnh, lặng trong như thái hư! Như thế thì cái quyền giảm thọ thuộc về ta, quỷ thần chẳng thể thao túng được, còn có chuyện những vị thần trông coi tội lỗi trừ tuổi thọ để nói nữa ư?

Đời Minh, Vương Dụng Dư ở Nghi Châu, làm người trung hậu, ôn trọng, đơn giản, trầm lặng. Chuyên thờ phụng Văn Xương kính cẩn nhất, kết Văn Xương Xã<sup>69</sup> trong làng. Ngày Nguyên Đán mỗi năm, thay phiên nhau lập đàn cúng tế tại hành cung của Văn Xương Đế Quân trên đỉnh núi Vân Trung. Trong Văn Xương Xã, có ông Du Lân, được khen ngợi là hiếu thảo, can trọng. Xa gần đều cấp tráp theo về. Lại có ông Úc Tùng Châu phong thái cao cả, khí độ rộng rãi, nghị luận hùng hồn, nhắc bút liền viết ra ngàn chữ. Người trong làng tôn sùng, kính phục hai ông ấy. Ngày Nguyên Đán năm Tân Dậu (1441) trong niên hiệu Chánh Thống, Dụng Dư đến miếu trước, ngủ lại một

---

<sup>69</sup> Văn Xương Xã là tổ chức của những người cùng tu theo Văn Xương Âm Chất Vãn.

đêm, mộng thấy Đế Quân thẳng điện. Các vị thành hoàng trong thiên hạ nhóm lại tâu trình danh sách những người sẽ đỗ trong khoa thi Hương. Một vị thần mặc triều phục màu đỏ ôm một đồng danh sách to để dâng lên cho Đế Quân ký duyệt. Dụng Dư hỏi vị thần ôm danh sách: “Trong danh sách đỗ đạt của tỉnh này, có tên Vương Dụng Dư, Du Lâm, Úc Tùng Châu hay không?” Đáp: “Không”.

Chốc lát, các vị thần Thành Hoàng lui ra, vị thần mặc triều phục màu đỏ ôm danh sách vào điện, quỳ trước án, trình lên. Đế Quân nhất nhất phê duyệt. Dưới mỗi tên [trong danh sách] Ngài đều ký duyệt, cũng có lúc do dự chẳng hạ bút. Một lúc thật lâu sau, vị thần mặc triều phục màu đỏ phát danh sách, tuyên chỉ dụ: “Giao cho thành hoàng các tỉnh, mau tra cứu âm đức của mọi nhà, xem [nhà nào] có con nhân đức, trung hậu, hãy báo danh để thay vào những tên không được phê duyệt trong danh sách”. Dụng Dư ẩn mình dưới cột, chột nghe trong điện truyền ra tiếng hô “Vương Dụng Dư vào điện diện kiến”. Dụng Dư phủ phục dưới thềm, được gọi đến trước án. Đế Quân bảo:

- Chuyện công danh là chuyện được ghi chép bí mật của thiên tào, chẳng thể dễ dãi tiết lộ. Do người chỉ thành, mười mấy năm như một ngày. Vì thế, vời người tới đây để phân tích [cho người biết rõ]. Ông nội người hết sức chất phác, cẩn trọng, tay làm hàm nhai, chưa từng thiếu nợ ai. Đã ghi tên người đậu khoa thi Hương trong danh sách trước (thượng bảng), hòng tỏ rõ sự báo

ứng cho dòng dõi trung hậu. Do người thường gặp thần, Phật, bèn cúi đầu, nhưng thâm cầu được công danh như ý và cầu cho vợ là Dương Thị được lành bệnh, sống với nhau đến già. Mẹ góa của người vẫn còn sống, thế mà trọn chẳng có một câu cầu nguyện cho mẹ. Do vậy, giáng người đồ chặm hai khoa, đồ thứ năm mươi ba trong hạ bảng. Người hãy nên sửa đổi, đừng làm mất lòng trời nữa!” Dụng Dư khấu đầu tạ tội. Đế Quân lại bảo: “Châu Cát là người cùng Văn Xương Xã, sẽ đậu Giải Nguyên của tỉnh này”. Khi ấy, trong Văn Xương Xã chỉ có Châu Cát là người nhũn nhận nhất, văn chương lại chẳng hay hơn ai. Nghe xong, [Dụng Dư] khôn ngăn ngạc nhiên; do vậy, thưa hỏi lý do vì sao ông ta đỗ Giải Nguyên. Đế Quân bảo:

- Cha và ông của Châu Cát đều là người có học, chưa hề viết một chữ nào thừa kiện, cũng chẳng gian dân phụ nữ nào, suốt cả ba đời [đều là như vậy], chưa hề phô bày sự kém cỏi của kẻ khác, chưa hề bộc lộ một điều ác của kẻ khác. Hơn nữa, ông cố của Châu Cát còn vẽ Bách Nhân Đồ để khuyên kẻ khác, người được cảm hóa đông lắm. Vì thế, cha con, ông cháu đều có nền tảng phước giản dị, an tĩnh hơn sáu mươi năm, âm đức cao nhất, nhưng mọi người đều không biết. Thượng Đế ban thưởng cho hưng thịnh cả ba đời. Nay Châu Cát đỗ Giải Nguyên, chính là khởi đầu của phước trạch đặc biệt vậy.

Dụng Dư lại dập đầu, thưa: “Con chưa rõ người cùng Văn Xương Xã là Du Lâm và Úc Tùng Châu có đỗ

đạt hay không?” Đế Quân kiểm lại danh sách sĩ tử của Thái Nguyên, lộ vẻ không vui nói:

- Du Lâm đáng lẽ thi đậu, nhưng vì thờ mẹ [bề ngoài hiếu thảo] mà trong bụng ngầm phỉ báng, lại còn luận định người khác cay nghiệt, chẳng biết thông cảm, lại còn xằng bậy tự coi mình là bậc quân tử! Vì thế, đánh hỏng khoa này, khiến cho hắn suốt đời lêu bêu trong phường Tú Tài mà thôi!

Dụng Dư thưa hỏi: - Trong bụng phỉ báng là sao ạ?

Đế Quân dạy: - Đối với ngôn ngữ, hành vi của cha mẹ, trong lòng hắn đều coi chẳng ra gì, chỉ miễn cưỡng giấu diếm thanh sắc, vờ vạy thuận theo, ngày càng lìa khỏi chân tánh, ngày càng trở thành hư nguy, xem cha mẹ như kẻ qua đường. Hạnh hư giả, trộm danh, khiến thần giận nhất. Vì thế, trừng phạt hắn. Còn như Úc Tùng Châu, bẩm sinh có tài lạ, [lẽ ra] hai mươi sáu tuổi đỗ Tiến Sĩ, ba mươi mấy tuổi lẽ ra được thăng quan thành Trung Thừa<sup>70</sup>. Bốn mươi lăm tuổi được bổ làm Đại Tư Không, kiêm lãnh các ấn Tư Nông, Tư Khấu<sup>71</sup>.

---

<sup>70</sup> Trung Thừa có thể là Điện Trung Thừa tức Điện Trung Tỉnh Thừa chăm lo việc hậu cần cho triều đình, tức là sắp xếp những tạp vụ cho các buổi thiết triều, hoặc lễ lạc. Hoặc là Ngự Sử Trung Thừa, là vị quan thuộc hạ của Ngự Sử Đại Phu. Do đời Minh đổi Ngự Sử Đài thành Đô Sát Viện, phế bỏ chức quan này, lập ra Đô Ngự Sử đứng đầu Đô Sát Viện. Do vậy, Trung Thừa chính là Phó Đô Ngự Sử.

<sup>71</sup> Đại Tư Không là quan coi về công tác thủy lợi, kiến tạo. Đây chính là cách gọi khác của chức vị Công Bộ Thượng Thư. Tư Khấu chuyên quản trị các hình phạt, giám sát, soạn thảo luật lệ. Đây là tên gọi khác của Hình Bộ Thượng Thư đời Minh. Tư Nông quản lý nông nghiệp, về sau mở rộng thành quản trị thuế khóa, tài chính, quốc khố, kinh tế. Đây là tên gọi khác của Hộ Bộ Thượng Thư đời Minh - Thanh.

Năm mươi bốn tuổi, lãnh chức Thiếu Bảo<sup>72</sup> về hưu. Tới sáu mươi chín tuổi bèn qua đời an lành. Chỉ vì kể từ mười bảy tuổi, khi được dự vào hàng chư sanh, cậy tài khinh người, châm biếm, bỡn cợt, lời lẽ phần nhiều là ngọt ngào giả dối, nhưng chuyên môn đá đều. Minh ty đã chép lỗi ăn nói khinh bạc của hắn đến hơn hai ngàn bốn trăm bảy mươi điều. Thượng Đế tức giận, ghi tên hắn vào sổ những kẻ có điều ác ngấm ngấm, trừ sạch tất cả [công danh]. Nếu chẳng biết hối lỗi, khi đã vượt hơn ba ngàn điều, sẽ đoạt mất tuổi thọ, ghi tên con cháu hắn vào sổ ăn mày. Tồn thương sự hòa khí của trời đất, phạm điều cấm kỵ của thần minh, không gì quá đáng hơn chuyện này! Do vậy, tội này giống như sát sanh, tà dâm v.v... Các người hãy thận trọng.

Một hồi lâu sau, Ngài lại dạy rằng:

- Dâm, giết, ăn nói sai lầm, dẫu bằng sợi tơ, hạt thóc đều có báo ứng, chẳng cần phải nói nữa. Nhưng đối với hai nghiệp dâm và sát, kẻ biết tự thương thân thì còn biết ngăn ngừa, tránh phạm, còn như ngoài miệng châm biếm, chê cười, mặt tình bươi móc, biếm nhẽ, ngấm ngấm ôm lòng tàn sát, hãm hại, do đã quen thói, chẳng nhận biết được! Xét tới ngôn từ, dáng vẻ, bụng dạ, toàn là khinh bạc, quỷ thần ắt ghi chép, sự hung ác sẽ đưa tới. Vốn sẵn phận phước đức sâu dày,

---

Nếu như Úc Tùng Châu không phạm lỗi, sẽ trở thành một nhân vật đầy quyền thế vì đồng thời chương quản cả ba bộ.

<sup>72</sup> Theo quy chế đời Minh và Thanh, Tam Thái và Tam Thiếu đều là các quan cố vấn của Thái Tử. Thái Sư dạy văn, Thái Phó dạy võ, Thái Bảo lo việc bảo vệ an toàn. Thiếu Sư, Thiếu Phó, Thiếu Bảo đều là các chức vị phó của Tam Thái.

nhanh chóng đổi thành thân xác bần cùng! Đáng tiếc, đáng sợ thay! Người hãy nên khuyên rộng khắp người đời, nhìn vào gương ấy mà răn dè, chẳng phải ta khi ký duyệt danh sách thi đậu, quá tốn công do dự.

Dụng Dư lại lay, lui ra. Nghe tiếng chuông sớm bèn tỉnh giấc, gà đã gáy canh ba, bèn lay tạ, vung bút ghi lại. Cho đến khoa thi mùa Thu, lúc yết bảng, quả nhiên Châu Cát đỗ đầu cả tỉnh. Dụng Dư do vậy công bố lời dạy ấy trong cõi đời.

Đời Tống, An thiền sư chùa Quang Hiếu, trong Định thấy hai vị Tăng trò chuyện. Thoạt đầu có thiên thần ủng hộ. Nghe một hồi lâu sau, họ bỏ đi. Trong chốc lát, có ác quỷ thóa mạ, xóa sạch dấu chân của họ. Bởi lẽ, hai vị Tăng ấy thoát đầu bàn luận Phật pháp, kể đó, kể lẽ con cà con kê. Cuối cùng, bàn luận lợi dưỡng. Đàm luận thế sự, còn bị quỷ thần cẩu giện, quở trách. Huống hồ, người thời nay thân, khẩu, ý nghiệp không chỉ là như vậy. Chẳng bị thần giện, quỷ trách thì sẽ lại như thế nào đây? Cũng đáng sợ thay!

*(Chánh văn) Toán giảm tắc bần hao, đa phùng ưu hoạn.*

**(正文)算減則貧耗。多逢憂患。**

*(Chánh văn: Do tuổi thọ bị giảm, sẽ nghèo cùng, hao tổn, gặp nhiều nỗi ưu tư, hoạn nạn).*

Từ chỗ này cho tới câu “*toán tận tắc tử*” (tuổi thọ đã hết sẽ chết) đều là những lời thành thật nói về chuyện tuổi thọ bị giảm bớt. “*Bần*” (貧) là không có tiền của. “*Hao*” (耗) là nhà cửa phá tán. “*Đa phùng*” (多逢) là nói kẻ bất thiện cứ thường gặp phải [chuyện chẳng lành]. “*Uu*” (憂, ưu tư) xuất phát từ chính mình, “*hoạn*” (患, hoạn nạn) sanh từ bên ngoài. Ấy là vì thần trông thấy những điều dối trá, giấu diếm của kẻ bất thiện; do vậy, giảm bớt tuổi thọ [của kẻ đó]. Vì thế, nghèo túng, hao tổn, ưu tư, hoạn nạn nối gót nhau xảy tới.

“*Do làm lành mà được phước, do dâm dật mà mắc họa*”, đó là đạo lý đã định của tạo hóa. Ai muốn tránh né điều hung, hướng về điều cát, ắt phải nên hướng lành, sửa lỗi. Trước hết, phải nên đối trị cái tâm, kiểm điểm tam nghiệp của chính mình, đừng để chúng buông lung, đọa trong lưới tà. Hãy nên khuyên răn lẫn nhau, [sao cho] tâm và miệng [của chính mình] khuyên răn lẫn nhau, tâm nhắc nhở miệng rằng: “Người hãy nên nói điều lành, đừng nói lời phi pháp”. Tâm lại nhắc nhở thân: “Người hãy tinh tấn, đừng nên giải đãi”. Mỗi ngày, mỗi thời, mỗi khắc, mỗi niệm, cho đến trong mỗi sát-na, giản dị, trầm mặc như thế, tự chế ngự cái tâm ta, tự thận trọng miệng ta, tự đối trị cái thân ta, lâu ngày chầy tháng chẳng gián đoạn, tự nhiên sẽ chẳng bị động



tâm bởi ngoại cảnh. Trầm tĩnh, chẳng ham muốn thì toàn thể sẽ là lành, há đến nỗi giảm thọ, bần cùng, hao tổn, ưu tư, hoạn nạn ư?

Huyện lệnh huyện Phụng Phù là Tiền Nhược Ngu, gian hiểm, ngoan cố, được bổ làm quan từ lúc còn trẻ. Dù đã được phái đi làm quan ở nhiều nơi, phần nhiều chẳng trọn hết nhiệm kỳ. Tuổi già càng thêm khốn khó, con cái chết lần, chết mòn, áo cơm chật vật. Do vậy, cầu nguyện với thần, [ông ta] mộng thấy thần bảo: “Người do tội ác mà bị giảm thọ đến mức ấy. [Hễ còn sống] thì hãy còn bị khổ sở, bần cùng, hao tổn!”

Từ Hạnh ở Ngô Trung, tánh tình tham lam, ác độc. Thoạt đầu làm kẻ buôn dược liệu, chèn ép, lừa gạt để làm giàu. Hắn ôm tiền của sang Liêu Đông để buôn nhân sâm, gặp giặc kéo tới, chịu đủ mọi nỗi kinh khủng. Trong muôn phần chắc chắn là chết, lại được sống. Về sau, lại qua huyện Đăng Lai tỉnh Sơn Đông, lại gặp phải cừu gia tố cáo hắn ta là dư đảng của Bạch Liên Giáo, bắt giữ, toan giải lên quan, phải tốn sạch tiền của mới được thoát. Cuối cùng, hắn ta lại sang Xuyên Trung buôn bán dược liệu, đến khi quay về, thuyền đi được nửa đường, bỗng có thủy tặc kéo tới, phải bỏ của chạy lấy người. Từ đấy trở đi, gia cảnh suy sụp, buồn lo, uất ức, ngã bệnh mà chết.

*(Chánh văn) Nhân giai ố chi.*

## (正文)人皆惡之。

(*Chánh văn: Mọi người đều ghét*).

“Ố” (惡) là ghét bỏ. Ngọc Xu Kinh<sup>73</sup> nói: “*Nhược nhân bất tu thiện nghiệp, thiên tất vi chi trảm thần nhiếp phách, sử chi điên đảo, nhân sở yếm ó, nhân sở hiềm hại*” (Nếu kẻ nào chẳng tu nghiệp lành, trời ắt sẽ cắt xén tinh thần, thâm bót phách, khiến cho kẻ ấy điên đảo, bị người khác chán ghét, bị kẻ khác hiềm nghi, làm hại). Nay ta cảm hận kẻ khác lừa dối ta, há có biết là tự đã đánh mất cơ hội phản tỉnh<sup>74</sup>, khiến cho ta luôn chẳng gặp thời ư? Từ nay, ta được may mắn [vì được nghe giáo huấn từ trong Cảm Ứng Thiên], xin hãy nên đổi chí, gột lòng, theo lành, bỏ ác, ắt lòng trời sẽ nhân từ, khoan dung, chẳng tru diệt kẻ biết hối cải tội lỗi. Lỗi cũ có thể chuộc, hạnh sau có thể mong, dầu là kẻ bầm

---

<sup>73</sup> Ngọc Xu Kinh (玉樞經) là một quyển kinh văn của Đạo Giáo, có tựa đề đầy đủ là Cửu Thiên Ứng Nguyên Lô Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn Ngọc Xu Bảo Kinh, xuất hiện từ thời Bắc Tống, có quan hệ mật thiết với cách tu luyện pháp của hai phái Bạch Ngọc Thiềm và Thần Tiêu. Trong Đạo Giáo, Lô Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn là một trong chín vị thượng đẳng thần, gọi chung là Thần Tiêu Cửu Thần Đại Đế. Phổ Hóa Thiên Tôn chương quản ngũ lô, có chức trách chương thiện phạt ác.

<sup>74</sup> Nguyên văn là “*thiên đoạt kỳ giám*” (天奪其鑒, trời đoạt mất tấm gương soi), có nghĩa bóng là “đánh mất cơ hội tự xét mình”. Thành ngữ này xuất phát từ một câu nói của Bộc Yển nước Tấn phê phán vua Quắc sau khi đánh bại rợ Nhung tại Tang Điền: “*Quắc tất vong hỹ! Vong Hạ Dương bất cự, nhi hựu hữu công, thị thiên đoạt chi giám, nhi ích kỳ tật dã*” (Nước Quắc chắc chắn sẽ mất! Đã thua trận Hạ Dương mà chẳng sợ, lại cứ dẫn quân đánh nhau. Đây là trời đoạt mất khả năng suy xét của ông ta (vua nước Quắc), khiến cho thói xấu của ông ta càng tăng thêm).

sanh biết lỗi, hay là kẻ do gặp cảnh khốn cùng mới biết<sup>75</sup>, hễ thành công thì đều như nhau. Muôn phần chó nên tự ruồng rẫy chính mình!

Kẻ làm ác, ai nấy đều chán ghét. Ấy là vì lẽ công bằng ở ngay trong lòng người, mà cũng chính là chỗ lương tâm vốn tốt lành vậy! Chỉ mong hãy đẩy lên ý niệm [vốn tốt lành] ấy, thấy điều thiện của kẻ khác mà chính mình chẳng bằng, thấy điều bất thiện sẽ như chạm phải nước sôi, bèn tự gắng sức hòng đạt đến chỗ “có thiện, không ác”. Nếu chỉ ghét suông điều ác của kẻ khác, chẳng trừ khử điều ác của chính mình, lẽ nào sẽ tránh khỏi [chính mình] chẳng bị kẻ khác ghét bỏ ư?

Đời Đường, Lai Tuấn Thần làm Thị Ngự Sử, do ăn hối lộ mà của cải [tích tập] như núi, oan hồn nghẽn đường! Rốt cuộc, do mưu phản mà bị chặt đầu ngoài chợ, người ta tranh nhau ăn thịt hân, khoét mắt, giành tim, trong chốc lát đã hết sạch!

Lại nữa, đời Tống, Đinh Vị và Khấu Lai Công (Khấu Chuẩn)<sup>76</sup> làm quan đồng triều. Người trong thiên

---

<sup>75</sup> Nguyên văn “*sanh tri, khốn tri*”. Đây là một câu nói phát xuất từ sách Trung Dung: “*Hoặc sanh nhi tri chi, hoặc học chi nhi tri chi, hoặc khốn nhi tri chi, hoặc an nhi hành chi, hoặc lợi nhi hành chi, hoặc miễn cưỡng nhi hành chi, cập kỳ thành công nhất dã* ” (Hoặc là sanh ra đã biết, hoặc là do học mà biết, hoặc là do gặp cảnh ngộ khốn đốn mới biết, hoặc do an vui mà làm, hoặc vì lợi lộc mà làm, hoặc vì gắng gượng mà làm, đến khi thành công thì đều như nhau).

<sup>76</sup> Khấu Chuẩn (961-1023) là bậc danh thần đời Bắc Tống, tên tự là Bình Trọng, người xứ Hạ Bang thuộc Hoa Châu (nay là Vị Nam, tỉnh Thiểm Tây). Ông làm Tể Tướng đời Tống Chân Tông, từng được phong làm Lai Quốc Công. Khi Tống Chân Tông bệnh nặng, quyền hành rơi vào tay Lưu Hậu, ông chủ trương phế bỏ Lưu Hậu vì sợ nạn ngoại thích cướp quyền. Quyền thần Đinh Vị đã chèn ép, khiến cho ông

hạ hể nhắc tới ông Khấu bèn bảo là bậc tận trung. Nhắc tới họ Đinh, ắt kêu là gã gian nịnh. Hể nghe có điều tốt lành nào, họ ắt quy về ông Khấu, [dẫu điều thiện ấy] chưa chắc đã là do ông Khấu làm. Hể nghe một điều ác, ắt quy tội cho gã họ Đinh, dẫu chưa chắc là do gã họ Đinh gây nên!

Lại nữa, đời Tống, Tần Cối khi quân, làm hại nước nhà, hãm hại bậc trung lương. Cả trăm đời sau, chẳng có ai không ghét sự gian trá của hắn! Còn Nhạc Vương (Nhạc Phi) tinh trung báo quốc, đời sau cũng chẳng có ai không ngưỡng mộ phong thái của Ngài. Đền thờ Ngài có đúc tượng Tần Cối và vợ là Vương Thị bằng sắt, quỳ trước án, [bên cạnh] treo một bàn tay bằng gỗ. Người từ nơi xa chôn gần đến bái yết, đều kính cẩn lạy Nhạc Vương, lại cầm bàn tay gỗ và tượng [vợ chồng Tần Cối]. Gộp chung lại để xét, dân vốn chẳng có tâm yêu ghét riêng tư, [mỗi người được yêu hay ghét] khác nhau là do tương ứng với thiện hay ác vậy!

*(Chánh văn) Hình họa tùy chi.*

**(正文)刑禍隨之。**

---

bị mất chức, bị đày đi trông coi Thiểm Châu cho đến khi mất. Mãi cho đến đời Tống Nhân Tông, triều đình mới khôi phục danh dự cho ông.

(**Chánh văn:** Hình phạt, tai họa theo nhau [xảy tới]).

“*Hình*” (刑) là hình phạt nơi cửa quan. “*Họa*” (禍) là tai ương từ trời. “*Tùy*” (隨) nghĩa là đeo cùng theo, chẳng lìa khỏi. Thái Hư chân nhân<sup>77</sup> nói: “*Nếu người khác gieo họa cho ta, ta dùng phước đáp trả. Như vậy thì khí phước đức thường sanh nơi ta. Khí tai hại, ương họa nặng nề tự sanh nơi kẻ ấy*”. Ở đây nói “*hình họa*” (hình phạt và tai họa) thường theo sát kẻ ác, tức là khí tai hại, tai ương nặng nề luôn ở nơi thân kẻ ấy!

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Diêm Phù Đề nội, ngũ trược chúng sanh, bất tu Thập Thiện, chuyên tạo ác nghiệp, sát, đạo, tà dâm, vọng ngôn, y ngữ, ác khẩu, lường thiệt, tham, sân, tà kiến, bất hiếu phụ mẫu, bất kính Tam Bảo, cánh tương phần tranh, hồ kiến hủy nhục, nhậm tình khởi kiến, phi pháp mưu cầu. Dĩ thị nhân duyên, đao binh, cơ cấn, tật bệnh, tử, tang, nhân họa, thiên hình, chủng chủng thọ báo*” (Trong cõi Diêm Phù Đề, chúng sanh ngũ trược chẳng tu mười điều thiện, chuyên tạo nghiệp ác, giết, trộm, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều, tham, sân, tà

---

<sup>77</sup> Theo Đạo Giáo, vị này chính là Xích Tùng Tử, có hiệu đầy đủ là Tả Thánh Nam Cực Nam Nhạc Chân Nhân hoặc Tả Tiên Thái Hư Chân Nhân. Theo truyền thuyết, ông từng là thầy dạy của Đế Khốc (một trong năm vị Ngũ Đế thời huyền sử Trung Hoa).

kiến, bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính trọng Tam Bảo, do giận dữ mà tranh chấp với nhau, hủy báng, nhục mạ lẫn nhau, mặc tình dấy lên kiến giải [tự cậy là đúng], mong cầu phi pháp. Do nhân duyên ấy, chiến tranh, đói kém, tật bệnh, chết chóc, tai họa do người, tai vạ từ trời, thọ báo đủ mọi lẽ). Do vậy, bèn nói: Có thể thấy [tai họa] luôn luôn là do nghiệp của chính mình chiêu cảm, chẳng phải do ai khác tạo ra! Nhưng xu cát, ty hung (hướng lành, tránh dữ) chỉ trong một niệm, thiên đường hay địa ngục chỉ ở trước mắt. Nếu có kẻ nào thật sự tu các điều thiện mà vướng phải ác báo, ắt chẳng có lẽ ấy!

Đời Hán, Lương Thống xin tăng cường pháp luật nặng nề hơn, triều đình chẳng thuận theo. Sau đó, Lương Thống mộng thấy thần bảo: “Tuy may mắn là triều đình không nghe theo lời người, nhưng âm phủ đã ghi lỗi của người rồi. Nay người toan dùng hình pháp để đối xử tàn độc với kẻ khác, con cháu sẽ bị báo ứng, há có thể tránh khỏi bị hình phạt ư? Mắc tội với trời, không thể cầu xin được!” Con cái của Lương Thống đều chết ngang trái. Cho tới khi tội ác càng sâu, rốt cuộc bị diệt tộc.

Lưu Giáp hễ giao du với ai, [kẻ ấy] ắt mắc họa. Vương Kiến chẳng tin, vừa mới nói ra, chưa hết ngày, Vương Kiến đã bị hỏa hoạn. Do vậy, [Lưu Giáp] bị coi là kẻ mang lại điềm gở<sup>78</sup>, hễ trông thấy, [ai nấy] đều

---

<sup>78</sup> Nguyên văn là “*hưu phục*” (鴟鵂) là một loại cú mèo, được coi là loại chim chuyên đem lại những điều bất hạnh.

nhanh chân tránh né. Mai Thừa nói: “*Có nền tảng để sanh ra phước, có căn nguyên để sanh ra họa. Hãy tiếp nhận nền tảng phước, đoạn tuyệt căn nguyên họa, họa sẽ do đâu mà có?*” Chí lý thay!

*(Chánh văn) Cát khánh tỵ chi.*

**(正文)吉慶避之。**

*(Chánh văn: Điều tốt lành, vui mừng tránh né).*

“*Tỵ*” (避) có nghĩa là cầu mà chẳng được! Đạo trời chẳng thiên vị, chỉ ưa thích người lành. Người có thể bỏ ác, làm lành, giữ lòng khiêm cung, thuận theo thiên lý, tự nhiên tỉnh thì sẽ hợp với đạo, động thì đều có phước. Nếu như trái nghịch, [xét theo phương diện] rõ ràng thì sẽ bị pháp luật trừng phạt, [xét theo phương diện] ngầm ngầm thì bị thần tru lục, giảm thọ, yếu thọ, điều lành sẽ tránh né, sự hung hiểm đưa tới. Tất nhiên là chẳng thể tránh khỏi!

Xưa có chàng học trò họ Vương, bảm tánh gian ác, toàn làm những chuyện trái lý nghịch trời. Anh ta dự khóa thi mùa Thu<sup>79</sup>, văn chương rất hay, viên quan chấm bài muốn xếp anh ta vào loại đỗ đầu. Tới khi lên

---

<sup>79</sup> Khóa thi mùa Thu để tuyển Cử Nhân.

danh sách [những người thi đậu], bỗng để thất lạc quyển bài thi ấy. Ghi danh sách xong, hóa ra quyển bài thi ấy bỏ trong tay áo. Viên quan giám khảo hết sức hối hận, ngậm gắp mặt chàng, hứa hẹn sẽ dùng chuyện khác để bổ cứu. Không lâu sau, viên giám khảo được chuyển sang Thuyên Bộ (bộ Lại), chàng Vương bèn nộp thóc để được vào trường Thái Học<sup>80</sup> và dự khảo tuyển. Viên quan giám khảo đang coi sóc việc tuyển chọn, thấy chàng Vương bèn rất mừng, ngấm ngấm chuẩn bị để bù đắp êm đẹp thiếu sót [trong lần trước, dự tính] nhờ vào “*ân lệ*”<sup>81</sup> để tuyển [chàng Vương làm quan]. Tới kỳ hạn, viên quan giám khảo vì tang cha phải xin nghỉ [cư tang] tới ba năm sau mới lại ra làm việc, vẫn được bổ nhiệm trông coi việc tuyển khảo. Chàng Vương cũng dùng lý do thâm niên để xin dự tuyển, hòng được bổ làm một chức quan, coi như [nắm chắc] có thể đạt được [lương bổng] vạn lượng rồi. Chưa được mấy hôm, chàng Vương gặp phải tang mẹ, phải cư tang [không thể làm quan]. Viên giám khảo thương chàng Vương số mạng bần cùng, bèn tiến cử chàng dạy học ở nhà quan Tuần Phủ, [cứ ngỡ] trong ba năm chắc cũng có được ngàn lượng [do hưởng lương bổng]. Chưa tròn một tháng, quan Tuần Phủ vì chuyện [sai

---

<sup>80</sup> Nguyên văn “*thành quân*” (成均) chính là tên gọi cũ của trường Thái Học. Theo Đồng Trọng Thư, vào thời Ngũ Đế, triều đình mở trường Thái Học để dạy vương tôn và con cái chư hầu, đặt tên là Thành Quân.

<sup>81</sup> “*Ân lệ*” (恩例) là những điều lệ do đế vương ban hành nhằm tuyên bày ân đức, theo đó, những sĩ tử nào phù hợp điều kiện, có thể được đặc cách chọn lựa làm quan. Chẳng hạn vào thời vua Ung Chánh nhà Thanh, vua có đặt ra ân lệ để chọn những người đã đỗ Tú Tài làm huyện lệnh.



phạm] cũ mà mất chức quan. Mấy lượt gặp kỳ ngộ, đều trở thành bánh vẽ! Chàng Vương phần hận thành bệnh, nằm bẹp trên giường suốt ba năm. Một hôm, bỗng ngộ ra, nói: “Đều là do những điều ác của ta tích tập vậy”. Sau đấy, bệnh dần dần khỏi, còn được chết an lành.

Ông Tiết Tây Nguyên thường nói: “*Đối với phước lộc trong vòng trời đất, nếu chẳng giữ tâm lòng lo lắng, siêng năng, dè dặt, gắng công, sẽ chẳng đạt được. Nếu chẳng làm những chuyện giúp người, lợi vật, sẽ chẳng hưởng [phước lộc] được*”. Lời ấy đúng thay!

*(Chánh văn) Ác tinh tai chi.*

**(正文)惡星災之。**

*(Chánh văn: Sao ác giáng tai họa).*

“*Ác tinh*” (惡星) là thần chưởng quản hết thủy tai họa, ách nạn trong nhân gian. Người sống trên đời, mỗi ngày, mỗi tiết khí<sup>82</sup> đều do tinh quang (星光)<sup>83</sup> chủ

---

<sup>82</sup> Tiết khí (節氣, Solar term) theo nghĩa gốc chính là hai mươi bốn điểm đặc biệt trên đường hoàng đạo (Ecliptic, quỹ đạo giả định của mặt trời khi nó di chuyển trên bầu trời nếu nhìn từ trái đất). Thời gian giữa hai điểm tiết khí thường được gọi là một tiết khí tức là một khoảng thời gian có thời tiết đặc thù. Thông thường, mỗi tiết khí kéo dài từ mười bốn đến mười sáu ngày. Có hai mươi bốn tiết khí, tức là Lập Xuân, Vũ Thủy, Kinh Trập, Xuân Phân, Thanh Minh, Cốc Vũ, Lập Hạ v.v...

quản. Tâm kẻ ác thường tối tăm, khí đen xông lên cao. Do điều ác chuốc vời sự ác; vì thế, có sao ác. Do đó, có những ngôi sao ác chiếu tới, giáng tai họa. Nếu là thiện nhân, do tánh thể quang minh, khí phạm ác sẽ lui tan. [Các ác tinh] tránh né [người ấy] sợ còn chẳng đủ nhanh, huống hồ gieo tai họa cho người ấy ư? Ôi! Ác do con người tự tạo ra, tinh tú mới có thể gieo tai họa được. Chẳng phải là do tinh tú gieo họa, mà là do người ta tự gây nên tai họa. Chẳng phải tinh tú là ác, mà là do con người tự làm ác vậy! Vậy thì người ta há chẳng nên kiêng sợ, tu tỉnh để vãn hồi lòng trời ư?

Mã trưởng sử<sup>84</sup> ở Cử Thành, tỉnh Sơn Đông, cậy tài mặc sức hoành hành, không điều ác nào chẳng làm. Một hôm, có một vắn thạch rớt xuống nhà hắn, biến thành đá. Từ đấy, những chuyện kiện thưa, tù ngục, khẩu thiệt, tật bệnh v.v... chẳng dứt! Hơn một năm sau, trưởng sử chết, người nhà ly tán, phòng ốc trống tuếch! Viên đá ấy mỗi bề to mấy thước, màu hơi tím, có những đường vân giống như chữ viết, đến nay vẫn còn.

*(Chánh văn) Toán tận tắc tử.*

**(正文)算盡則死。**

---

<sup>83</sup> Pháp sư Định Hoàng giảng: “Theo Đạo Giáo, mỗi người đều có các loại tinh tú chủ quản, cũng như nói ‘trên đầu ba thước có thần minh’, chữ ‘tinh’ là nói đến các vị thần minh. Tinh quang là ánh sáng của vị thần minh ấy”.

<sup>84</sup> Trưởng Sử tương đương với chức Bí Thư Trưởng hiện thời, mang tính chất là người đứng đầu công việc hành cho các quan, đôi khi còn gọi là Biệt Hạ.

*(Chánh văn: Hết tuổi thọ sẽ chết).*

Câu này chính là Thái Thượng rất miệng buông lời răn dạy. Tập khí ác của chúng sanh khó thể dẹp trừ. Làm các điều bất thiện, nghiệp thức mờ mịt, [giống như] lửa cháy hao dầu. Mỗi ngày qua đi là [thọ mạng] mất đi một ngày, tuổi thọ bị giảm dần tới hết<sup>85</sup>. Chết rồi hãy còn nợ, chìm đắm trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tức ba đường ác hiểm, nghiệp báo chẳng cùng tận, khổ sở không ngớt! Ai nói “chết rồi là hết, chẳng còn có chuyện gì khác nữa”. Nói đến đây, khôn ngoan lớn tiếng kêu gào, đau đớn khóc lóc, nước mắt đầm đìa! Ôi chao! Thân người dễ mất, định nghiệp trốn được sao? Chỉ mong bậc thông triết, người có chí, hãy tin sâu chẳng nghi. Thừa dịp hãy còn một hơi thở, hãy nên sám hối tội ác ngập trời. Nếu như vẫn chần chừ, do dự, trăm năm như mũi tên bay, một khi đến lúc Tứ Đại chia lìa, dẫu hối hận há có thể cứu vãn được ư?

Xưa có một cụ già, chết rồi gặp Diêm Vương, trách móc nhà vua chẳng sớm gửi thư nhắc nhở. Vua nói: “Mất ông mờ là thư thứ nhất. Tai ông điếc là thư thứ hai. Răng ông rụng là thư thứ ba. Thân thể ngày càng suy, chẳng biết là thư thứ mấy?” Lại có một thiếu niên đến đó, cũng trách nhà vua: “Tôi mắt sáng, tai tỏ, răng sắc, thân thể khỏe mạnh, sao vua không gởi thư

---

<sup>85</sup> Theo pháp sư Định Hoằng, thấp đèn thì phải tốn dầu, giống như phước báo tiêu dần, nghiệp báo hiện tiền. Mỗi ngày phước báo một giảm dần, thọ mạng bị giảm trừ, cuối cùng bị trừ đến hết sạch. Hết sạch sẽ chết.

cho tôi?” Vua bảo: “Ta cũng có gởi thư cho người. Người không thấy hàng xóm bên Đông có kẻ mới ba, bốn mươi tuổi mà đã chết đó thôi! Hàng xóm bên Tây có kẻ mới mười hoặc hai mươi tuổi mà chết đấy thôi! Cũng có đứa trẻ vừa đầy năm, hoặc có trẻ thơ mà chết đấy thôi! Đều là thư tín cả!”

Do vậy nói: “*Mạng người vô thường, ví như sương buổi sớm. Một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, thân này là cái vỏ*”. Kinh Tứ Thập Nhị Chương có chép: “Đức Phật hỏi sa-môn: ‘*Mạng người trong khoảng nào?*’ Thưa: ‘*Mấy ngày*’. Đức Phật bảo: ‘*Ông chẳng biết đạo*’. Lại hỏi một vị sa-môn khác, vị ấy đáp: ‘*Trong khoảng bữa ăn*’. Đức Phật bảo: ‘*Ông chẳng biết đạo*’. Lại hỏi một sa-môn khác, vị ấy thưa: ‘*Trong một hơi thở ra, hít vào*’. Đức Phật bảo: - Lành thay! Ông biết đạo”.

Đời Nguyên, thiền sư Thiên Như chùa Sư Tử Lâm ở Cô Tô đã nói:

- Phật, Tổ xuất thế, chỉ riêng vì những kẻ như các ông! Ai nấy dưới gót chân của chính mình đều có một đoạn sanh tử đại sự. Đó gọi là ‘*sanh chẳng biết từ đâu đến, chết không biết đi về đâu*’. Sanh tử như thế trọn hết đại địa, bị nó giam nhốt trong lòng. Từ xưa tới nay, chẳng có một ai không bị sanh tử nuốt chửng. Đừng nói chi thời cổ, chỉ nói từ lúc ông chào đời đến nay, hãy hỏi tưởng mười năm hay hai mươi năm trước, thân thích, bằng hữu đã chết bao nhiêu? Đừng nói tới người khác,

chỉ nói về chính ông. Đối với sắc thân Tứ Đại hiện tiền, làm nhận là ta, từ sáng đến tối, đủ mọi thứ yêu thương, bảo vệ nó, đủ mọi thứ chăm chút cho nó. Nó vẫn đổi thay trong mỗi niệm, dần dần tiêu mất. Bất tri, bất giác, ngày Ba Mươi tháng Chạp xảy đến, chỉ cảm thấy chân cuống, tay loạn, giống như con cua rớt vào nước sôi. Bình thường là anh hùng hào kiệt, [trong lúc ấy] có còn thật sự giữ được nữa chăng?

Lại nữa, sau khi đã chết, dáng vẻ biến hoại, xú uế khiến người khác kinh hãi. Tuy là cốt nhục chí thân, cũng chẳng chịu nhìn thẳng vào. Tình nghĩa ân ái thường ngày, há còn đâu nữa? Vì thế, tổ sư nói: “*Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ giống như bụi đất. Lối trước mờ mịt, chẳng biết đi về đâu!*” Chỉ đành mặc cho chết rồi bèn thiêu, đúng là đáng thương!

Huống hồ còn phải theo nghiệp thọ báo, đúng là chuyện khần yếu. “*Theo nghiệp thọ báo*” là gì? Những gì các ông đã làm, đã tạo trong thường ngày, chẳng có gì không phải là nghiệp! Hễ có nghiệp bèn có báo. Báo thuận theo nghiệp như bóng theo hình. Thân này đã chết, thần thức hoặc đọa địa ngục, hoặc đọa ngạ quỷ, súc sanh. Xoay vần luân hồi, chịu vô lượng khổ. Ở nơi đây là cảnh giới thọ báo, ở nơi kia là sanh tử nghiệp căn. Nghiệp căn ở ngay trong một niệm hiện thời của ông. Từ vô thủy đến nay, ông do tham, sân, si, vô minh phiền não, vọng tưởng cuồng tâm, chạm cảnh gặp duyên, theo đuổi thanh sắc, khiến cho [cái tâm] điên

đảo nháo nhào, không nghiệp nào chẳng tạo! Đây chính là cội rễ sanh tử vậy!

Suy lường chuyện sanh tử, dầu là kẻ sắt đá cũng ngội lạnh tấm lòng! Do vậy, Phật, Tổ vận dụng lòng từ bi rộng lớn, phát khởi lòng xót thương to tát, dạy các ông tham Thiền, học đạo, khiến cho ông quét sạch vọng tưởng, cuồng tâm, nhận biết chủ nhân ông, nhận biết diện mạo sẵn có. Hãy tranh thủ lúc mắt còn sáng, chân còn mạnh, để làm một người giải thoát thanh tịnh! Tới khi lâm chung, sẽ được thọ dụng to lớn, sanh tử vô ngại, đi ở tự do. Đây gọi là “*liễu sanh thoát tử*”, thật sự là bậc đại trượng phu!

Đời Minh, trong một khúc ca của Liên Trì đại sư ở chùa Vân Thê, Hàng Châu có đoạn: “*Quân bất kiến Đông gia phụ, kiện như hổ. Phúc dụng thường tương niên nguyệt số. Tạc tiêu do tự ý môn lưu. Kim triều mạng dĩ quy hoàng thổ. Hưu bất kiến Tây gia tử, mãnh như long. Hoàng hôn bão phạn, thủy chánh nùng. Du hồn nhất khứ bất phục phản. Ngũ canh mạng dĩ thuộc Diêm ông. Mục tiền nhân, thương như thử. Viễn địa tha phương na khả số? Tế tương thân hữu tế thôi tâm. Niên khứ nguyệt lai đa thiếu tử. Phương tín đắc, Tử Dương thi. Ngũ đích ngôn chân quả bất khi. Tạc nhật nhai đầu do tẩu mã, kim triều quan nội dĩ miên thi. Linh lợi nhân, hưu khắp thủy. Biệt nhân dữ ngã đồng nhất loại. Hồ thổ tương khan bất giáo đa. Nhân tiền phóng trước đa thiếu lệ. Toàn mã phúc, nhập ngưu thai. Địa ngục tâm toan cánh khả ai. Nhược hoàn yếu đắc nhân thân*

*phục. Đông hải lao châm mạn đả nhai. Ngã tác ca, chân khổ thiết. Nhân trung trích trích lưu tiên huyết. Khổ khuyến thế nhân tác cấp tu. Hồi đầu mãnh tỉnh tu tự quyết”* (Tạm dịch: Anh có thấy thiếu phụ nhà bên Đông khỏe như cọp, quanh năm mấy tháng ôm bụng bầu, tối qua vẫn còn đang tựa cửa, sáng nay đã xuống chôn hoàng tuyền. Lại chẳng thấy gã trai nhà bên Tây mạnh như rồng. Chập tối ăn no, ngủ thật say. Hồn đã lìa thân chẳng trở lại, canh năm mạng đã thuộc Diêm quân. Người trước mắt đã là như thế. Chỗ xa phương khác biết bao nhiêu? Xét kỹ người thân cùng bằng hữu, năm qua tháng lại chết bao người? Mới tin lời thơ của Tử Dương. Lời lẽ đích xác, thật chẳng lừa. Hôm qua còn cười ngựa ngoài phố, hôm nay xác lạnh trong quan tài. Kẻ lạnh lợi thôi đừng ngủ gật, người khác và ta giống hệt nhau. Cáo thỏ nhìn nhau<sup>86</sup> có khác gì, bao nhiêu gương đã bày trước mắt, lọt vào bụng ngựa, nhập thai lừa, địa ngục xót lòng buồn bã nhĩ, mong được làm người lần nữa ư? Đông hải mò kim vẫn chóng hơn! Tôi soạn bài ca, đau đớn bấy! Mất tuôn từng giọt máu tươi hồng. Khổ sở khuyến người hãy gấp tu, quyết nên tỉnh ngộ gấp quay đầu!)

Trong bài văn Phổ Khuyến Tu Hành của Nhan Bính đời Tống có đoạn:

- Chỉ nói đến sắc thân này, ai tin “cái thân là gốc khổ”, cứ tận hết sức tham hưởng niềm vui trong cõi đời. Chẳng biết lạc là cái nhân của khổ. Kiếp phù sinh

---

<sup>86</sup> Câu này dựa theo thành ngữ “*thố tử hồ bi*” (thỏ chết, cáo buồn).

đề qua, há tồn tại lâu dài! Huyền chất chẳng chắc chắn, rớt cuộc đều mòn diệt. Trước ngày vào trong bào thai, há có hình thể nam nữ này? Chỉ nhờ vào Địa, Thủy, Hỏa, Phong giả hợp mà thành, chẳng tránh khỏi nổi khổ sanh, lão, bệnh, tử điều tàn. Trên là chẳng có tơ tóc để vướng mắc, dưới là chẳng có căn cội để sanh. Hư huyền, phập phều như bọt nước, chỉ tồn tại trong thoáng chốc, chẳng lâu dài, mỏng manh như hạt sương treo ngọn cỏ, bỗng dưng chẳng còn! Người sống lâu, bất quá sáu, bảy mươi năm đều chết ngóp. Đứa đoản mạng, phần lớn là hai, ba chục tuổi đã chết yểu! Lại còn ngày nay chẳng biết chuyện ngày mai, lại còn có chuyện lên giường chẳng có lúc xuống giường! Gần như là một hơi không hít vào được nữa, sẽ là ngàn thu vĩnh biệt.

Than ôi! Thân này chẳng thật, hiềm rằng có ai mà chẳng bị nó lừa? Gân chẳng bộ xương bảy thước, da bọc một túi thịt. Chín lỗ thường tuôn những thứ bất tịnh. Sáu căn mặc tình phô bày vô minh. Tóc, lông, răng, móng, tụ tập như đông bụi. Nước miếng, đàm, dãi, các chất dịch, bản như câu tiêu di động. Bên trong toàn là giòi, trùng tụ hội; bên ngoài rủ rê muỗi, rận vầy đoàn. Hễ vướng phải tai ương, bệnh tật, đều có thể chết người. Nóng bức, lạnh căm, thúc giục con người chóng già. Mắt bị sắc dấp về ngạ quỷ. Tai theo tiếng đọa trong



A Tỳ. Miệng nếm trọn hết ngàn thứ vị, chết rồi chỉ thêm mấy giọt dầu<sup>87</sup>.

Tám thân này chớ nên yêu tiếc! Mọi người hãy nguyện xuất ly, có sao mê muội vậy? Vẫn còn tỏ lộ vẻ phong lưu, tức là gã hồ đồ, vẫn còn sanh khởi điên đảo. Hoặc có kẻ trên chiếc đầu lâu, cài hoa, giắt cỏ; hoặc có kẻ bên cái đẫy da thối, đeo xạ, ướp hương. Áo lượt là phủ trùm túi máu mủ. Mền gấm che đắp thùng cứt đại. Dùng trọn trăm kế gian ngoan, cho là sẽ sống vạn năm trên cõi đời. Chẳng biết đầu nhúc, mắt hoa, vua Diêm La [sắp sửa] đón tiếp người trở về. Lại còn bạc tóc, rụng răng, quỷ vô thường gởi thư tìm kiếm.

Ai nầy luyện sắc tham tài, đều là con đường tắt để đánh mất thân người. Ngày ngày nốc rượu, xơi thịt, không gì chẳng phải là gieo sâu cội rễ địa ngục. Mong cầu vui sướng chốc lát trước mắt, thân sau chịu đắng cay muôn kiếp! Một mai mạng căn đã tuyệt, lúc phong đao Tứ Đại cắt xẻ, ngoài thì chân tay co quắp, trong thì gan ruột nứt toác đau nhói. Dầu vợ con thương tiếc, chẳng có cách nào giữ ông lại. Ví như cốt nhục đầy nghẹt trước mặt, có ai chết thay cho ông? Lúc sanh ra chỉ gào khóc thống thiết, chết thì chẳng khởi thần thức bươn bả! Tiền đồ chẳng thấy quang minh, nhìn khắp trọn không bầu bạn. Qua khỏi bờ Nại Hà, những gì trông thấy không gì chẳng bi thương! Vào quỷ môn

---

<sup>87</sup> Theo pháp sư Định Hoằng, câu này có nghĩa là chết đi, con cháu nếu hiếu thuận, lập bàn thờ, thắp một ngọn đèn đốt bằng dầu, tức là người chết coi như chỉ nhắm nháp mấy giọt dầu.

quan, khắp chốn thấy đều thê thảm. Trên dương thế mới qua bảy ngày, trong cõi âm đã bị áp tải qua chỗ thập vương. Tào quan ôm hồ sơ chẳng nề tình, ngực tốt cầm chĩa chẳng thềm cười! Kẻ bình sanh làm lành, được đưa về thiên đạo, tiên đạo, nhân đạo. Kẻ thường ngày tạo ác, bị ép vào thang đồ, hỏa đồ, đao đồ<sup>88</sup>. Vạc sôi sùng sục như núi lở, rừng gươm như thế núi chót vót. Rót nước đồng sôi, khắp thân nát thịt. Nuốt viên sắt khắp miệng bốc khói. Bị xay, giã, máu thịt đầm đĩa. Vào hàn băng, da dẻ đông cứng, nứt toạc. Thân đã nát, gió nghiệp thổi qua bèn sống lại. Mạng đã hết, la-sát hét bèn hồi sanh.

Nhân gian đã qua trăm lần Xuân Thu, trong địa ngục mới là một ngày một đêm. Hồn phách tuy đã về quỷ giới, xác thân vẫn nằm trong quan tài. Hoặc cách dăm ba bữa, hoặc trong vòng sáu, bảy tháng, sẽ hư nát xuất huyết, sanh trùng. Thôi um xông sục trời đất, trương phềnh chẳng nở nhìn! Xấu ác thật đáng sợ! Thôi thúc [người còn sống] phải cho một mối lửa, chôn hẩn trong núi hoang vạn dặm. Thuở trước là hồng nhan nũng nịu, bỗng trở thành tro tàn. Nay thì xương trắng chốn hoang vu, biến thành khối bùn! Xưa kia ân ái, đến nay rỗng không! Xưa làm anh hùng, nay còn chi nữa! Khi lệ tuôn đầm đĩa, vắng tanh vắng ngắt. Gió buồn thổi lạnh ù ù! Đêm sâu quỷ khóc thần gào. Lâu năm ắt

---

<sup>88</sup> Thang đồ (湯塗, là đường nung nấu trong vạc sôi) tức địa ngục, hỏa đồ (火塗, đường lửa) chính là ngạ quỷ, vì luôn bị cái đói như lửa nung đốt ruột gan. Đao đồ (刀塗) chính là đường súc sanh vì luôn bị mổ xẻ, cắt chặt.

qua mô, chim rĩa. Cỏ hoang phủ trùm bia đá. Cành dương xanh vướng tiền giấy phát phơ<sup>89</sup>. Rốt cuộc đều khó tránh như thế, đã đến chỗ này rồi sao chẳng tỉnh ngộ?

Mọi người đều có mắt, hãy thôi hồ đồ. Xoay người nhảy khỏi bến mê, trong một khảy ngón tay, xé toang lưới ái. Hãy thôi tìm cách sống trong hang quý, phải biết trong khối thịt có chân nhân. Là nam hay nữ đều có thể tu. Dẫu trí hay ngu thảy đều có phần. Chỉ xin hồi quang phản chiếu, sẽ biết bản thể vốn là Không. Nếu chưa thể học đạo, tham Thiền, vẫn nên siêng trì trai, niệm Phật. Xả ác theo lành, sửa lỗi cũ, từ nay tu tập. Chuyển lục tặc thành lục thần thông. Lìa bát khổ, đắc bát tự tại, sẽ khéo thay trời hành hóa, chẳng ngại thay Phật tiếp dẫn người khác. Đối trước mọi người, vì đại chúng tuyên dương. Trở về nhà, vì cả nhà giải nói, khiến cho nơi nơi đều biết giác ngộ. Dạy trọn hết mọi người đều tránh khỏi trầm luân. Trên là giúp chư Phật chuyển pháp luân. Dưới là cứu bạt chúng sanh lìa biển khổ. Chẳng tin lời Phật, lời nào đáng tin? Chẳng tu đạo làm người, đường khác sẽ khó tu. Đừng để có ngày thay lớp da<sup>90</sup>, dẫu có ngàn vị Phật cũng khó cứu được ngươi! Hãy khẩn cấp tiến lên, thời gian chẳng đợi ai. Xin mỗi vị hãy ngay lập tức gánh vác, đừng để luống uổng đời này!

---

<sup>89</sup> Theo pháp sư Định Hoàng, câu này có nghĩa là người đến viếng mộ, đốt giấy tiền vàng bạc, những mảnh tiền chưa cháy hết, bị gió thổi tung lên, bám vào những cành dương liễu quanh đó.

<sup>90</sup> Theo pháp sư Định Hoàng, câu này có nghĩa là “đạo làm ngọc quý, súc sanh”, tức là thay đổi thân người thành thân trong tam ác đạo.

*(Chánh văn) Hựu hữu Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỷ toán.*

**(正文)又有三台。北斗神君。在人頭上。  
錄人罪惡。奪其紀算。**

*(Chánh văn: Lại có Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, ở trên đầu con người, chép tội ác của họ, giảm bớt tuổi thọ).*

Đoạn này nhằm nói đến cái thân của mỗi người, đi, đứng, nằm, ngồi, đều có quỷ thần giám sát. Tam Thai<sup>91</sup> gồm có sáu ngôi sao, Thượng Thai coi về mạng, Trung Thai coi về phước, Hạ Thai coi về lộc, chủ trì sanh, tử, thọ, yếu của con người. Bắc Đẩu chính là Tử Cực Đô Tào<sup>92</sup>, là cội nguồn của mặt trời, mặt trăng, sông, rạch, biển, cả, kết hợp các đức của Âm, Dương,

---

<sup>91</sup> Tam Thai gồm ba cặp sao, mỗi cặp gồm hai ngôi sao, nằm trong chùm sao Đại Hùng Tinh (Ursa Major). Tổng Sử mô tả như sau: “*Tam Thai, gồm có Thượng Thai là hai ngôi sao gần sao Văn Xương, chủ về thọ mạng, hai ngôi sao kế đó là Trung Thai chủ trì tông tộc, hai ngôi sao ở phía Đông gọi là Hạ Thai, chủ về tài lộc và binh quyền. Tam Thai lại như bậc cấp trên bầu trời, trong Thượng Thai, sao trên là thiên tử, sao dưới là nữ chúa (hoàng hậu), Trung Thai thì sao trên là tam công, sao dưới là các vị khanh đại phu, Hạ Thai thì sao trên là nho sĩ, sao dưới là dân thường*”.

<sup>92</sup> Tử Cực (紫極) là tên của một ngôi sao, Đạo Giáo thường dùng danh xưng này để chỉ chỗ thần tiên cư ngụ. Tử Cực Đô Tào chính là danh xưng chỉ thiên đình.

Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy, tuyên dương oai quyền trong tam giới, ngự trị trọn khắp vạn linh, xoay chuyển khí vận [của trời đất], châm chước lẽ tử sanh. Hễ ai phạm tội lỗi, sẽ ghi vào sổ ác, đo lường nặng nhẹ.

“*Đoạt kỳ kỷ toán*” (Giảm bớt tuổi thọ của họ): “*Kỷ*” (紀) là mười hai năm, [Toán là một trăm ngày]. Quán Lộ<sup>93</sup> lại nói: “*Nam Đẩu ghi chép về sanh, Bắc Đẩu ghi chép về tử. Hễ con người thọ thai, đều từ Nam Đẩu đến Bắc Đẩu. Nếu có điều cầu nguyện, hãy nên hướng về Bắc Đẩu*”. Thất Chân (七真)<sup>94</sup> lại nói: “*Ta mỗi tháng vào ngày mồng Ba và ngày Hai Mươi Bảy, ắt sẽ giáng hạ một lần, nhận sự cúng tế của con người, xem xét sự thiện ác của con người*”.

Kinh Nghiệp Báo Nhân Duyên lại nói: “*Khí của bảy ngôi sao thường kết thành một vì sao ở trên đầu con người, cách đỉnh đầu ba tấc. Nếu người ấy làm lành, [ngôi sao ấy] sẽ sáng ngời; hễ làm ác, ánh sáng sẽ lu mờ. Đại thiện thì quang minh càng sáng ngời. Đại ác thì ánh sáng tắt mất. Con người không thấy, nhưng quỷ thần trông thấy*”. Nay nói ở trên đỉnh đầu người ta, chép tội để trừ bớt tuổi thọ, xác thực chẳng phải là hư vọng vậy!

---

<sup>93</sup> Quán Lộ (209-256) là một chiêm tinh, bói toán lừng danh thời Tam Quốc, quê ở quận Bình Nguyên, được coi là tổ sư của những thầy bói. Ông cùng với Châu Kiến Bình và Quỷ Cốc Tử là những nhà tướng số lừng danh thời cô. Quán Lộ thông thạo Phong Thủy, thiên văn (chiêm nghiệm tinh tú), coi tướng.

<sup>94</sup> Theo pháp sư Định Hoàng, Thất Chân ở đây chính là bảy vị Tinh Quân thuộc chòm sao Bắc Đẩu.

Đời Đường, Lâu Sư Đức, vào thời Cao Tông, có công huân to lớn, được vua yêu chuộng. Một sáng thức dậy, chợt thấy tinh quan<sup>95</sup> bảo: “Ông từng giết lầm hai mạng người. Do tội ấy sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Ánh sáng của ngôi sao [trên đỉnh đầu] sắp tắt”. Ngày hôm ấy, ông Lâu lập tức thần trí lơ đãng; do vậy, bảo mọi người: “Ta suốt đời cẩn thận, chỉ vì ngộ sát hai mạng, nay đã bị chết sớm hơn [tuổi thọ vốn có] mười hai năm”. Không lâu, quả nhiên qua đời. Trương Cung Thần<sup>96</sup> nói: “*Ông Lâu thuở trước được khen là sáng suốt, khoan dung, là bậc trọng thần đời Đường, còn chẳng tránh khỏi bị giảm thọ mười hai năm, huống chi thường nhân tạo ác lắm nỗi ư? Há chẳng thận trọng hay sao?*”

***(Chánh văn) Hựu hữu Tam Thi thần, tại nhân thân trung, mỗi đáo Canh Thân nhật, triếp thượng nghệ thiên tào, ngôn nhân tội quá.***

---

<sup>95</sup> Tinh quan (星官, không phải là “tinh quân”) ở đây chính là khí của bảy ngôi sao thuộc chòm sao Bắc Đẩu kết thành một ngôi sao, tức “vị thần ở trên đầu mỗi người” như đã nói trong đoạn trên. Tinh quân (星君) là vị thần bản thể của một vị sao, chẳng hạn vị thần cai quản mặt trời gọi là Thái Dương Tinh Quân.

<sup>96</sup> Trương Cung Thần, tên tự là Ngưỡng Đức, là người xứ Long Sơn, huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông, là một vị quan nổi tiếng đời Minh. Ông từng đảm nhiệm chức coi kho Thái Thương, làm Tham Nghị tại Bộ Chánh Ty tỉnh Phước Kiến, khâm mạng tào vận Nam Kinh rồi làm chức Quản Lý Diêm Vận. Ông có tiếng là người thanh liêm.

**(正文)又有三尸神。在人身中。每到庚申日。輒上詣天曹。言人罪過。**

*(Chánh văn: Lại có thần Tam Thi ở trong thân con người, mỗi khi đến ngày Canh Thân, bèn lên thiên tào, tâu tội lỗi của người ta).*

Đoạn này nói về cái tâm của mỗi người. Ý niệm vi tế vừa dấy động, đều có quỷ thần giám sát.

Thượng Thi Thanh Cô tên là Bành Cự (彭踞), ở trong đầu người, khiến cho người ta suy nghĩ nhiều, ham muốn nhiều, mắt mờ, tóc rụng. Trung Thi Bạch Cô tên là Bành Chí (彭躋), ở trong ruột người, khiến cho con người ham ăn, hay quên, thích làm chuyện ác. Hạ Thi Huyết Cô tên là Bành Kiêu (彭驕) ở trong chân người, khiến cho con người háo sắc, thích giết chóc, tứ chi, nội tạng bị nhiễu động. Tam Thi mong cho con người mau chết, để họ thoát ra khỏi [thân người] trở thành quỷ, hưởng thụ huyết thực<sup>97</sup>. Vì thế, vào ngày Canh Thân, thừa dịp người ta ngủ say, [Tam Thi] cùng với bảy phách trong thân lên chón thiên tào, tâu bày tội lỗi của người đó. Đó gọi là “trong các loài quỷ nghe

---

<sup>97</sup> Huyết thực (血食) là hưởng sự cúng tế. Do người Hoa thường giết súc vật, nhất là ba con vật gọi là “tam sinh” để cúng quỷ thần, nên quỷ thần được thờ phụng sẽ gọi là “hưởng huyết thực”.

*tiếng từ nơi tâm, khẩu, ý, ngữ của con người, Tam Thi nghe nhạy bén nhất”.*

Người hiện thời chẳng biết kiểm điểm, khắc chế bản thân, thanh tâm, ít ham muốn, chỉ cậy suông vào phương pháp “*thủ Canh khử Thân*”<sup>98</sup> của Đạo gia, nhằm đoạn tuyệt con đường đi tố cáo của Tam Thi. Đúng là tự dối mình đó thôi! Phải biết nếu ý niệm, suy nghĩ đoạn chánh, quỷ thần sẽ tự lui tránh, Tam Thi cũng có gì đáng lo ư? Bài Tiêu Thi của Trình Tử (Trình Di) có câu: “*Bất thủ Canh Thân cánh bất nghi. Thử tâm thường dĩ đạo tương y. Đế thiên dĩ tự tri hành chỉ, nhậm nhĩ Tam Bành thuyết thị phi*” (Chẳng cần không ngủ trong ngày Canh Thân cũng chẳng có chi ngờ vực, tâm này thường phù hợp với đạo, Thượng Đế tự biết hành vi của ta, mặc kệ Tam Bành tố cáo đúng sai gì đi nữa).

Tam Thi chính là hồn phách trong thân người. Con người có ba hồn, một là Sảng Linh (爽靈), hai là Thai Quang (胎光), ba là U Tinh (幽精). Thường nhân kêu gọi tên của chúng, hồn sẽ yên, thân an định<sup>99</sup>.

Lại nữa, tác phẩm chú giải Đạo Đức Kinh có nói:

- Hồn là Thân của Khí, có thanh, có trược. Sở dĩ miệng và mũi [có thể] hít vào, thở ra; thở ra là Dương

---

<sup>98</sup> Do Đạo gia có thuyết Tam Thi đi tố cáo tội lỗi của con người trong khi ngủ, các đạo sĩ bèn cho rằng chỉ cần trong ngày Canh Thân, hoàn toàn không ngủ, Tam Thi sẽ không có cách nào mượn bảy phách nơi thân người để lên thiên đình được!

<sup>99</sup> Điều này là chủ trương của Đạo Giáo.



rộng mở, hít vào là Âm bị thu lại. Phách là Thần của Tinh, có hư và thật. Sở dĩ tai và mắt có thể nghe, nhìn; nhìn là Dương thông sáng, nghe là sự nhạy bén của Âm vậy. Dương thần là Nhật Hồn, Âm thần là Nguyệt Phách. Vì thế, bậc chí nhân (thánh nhân) dùng hồn để chuyển phách, còn mọi người (phàm nhân) dùng phách để nhiếp hồn. Ban ngày, hồn ở tại mắt; ban đêm, phách chứa trong gan. Mắt chẳng nhìn thì hồn ở gan, tai không nghe thì Tinh ở thận. Lưỡi chẳng động thì Thần ở nơi tâm. Mũi vừa ngửi thì phách ở phổi. Bốn là vô lậu, Tinh là Thủy, Thần là Hỏa, Hồn là Mộc, Phách là Kim, đều tụ hợp trong Ý là Thổ, gọi là “*hòa hợp bốn nhà*”. Thâu hẹp ánh mắt, ngưng sự nghe ngóng nơi tai, điều hòa hơi thở nơi mũi, thâu giữ khí nơi lưỡi, Tứ Đại<sup>100</sup> bất động, khiến cho Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ đều hội tụ nơi Trung Cung<sup>101</sup>. Đó gọi là “*hòa hợp Ngũ Hành*”.

Bởi lẽ, do phách mà có Tinh, do Tinh mà có hồn, do hồn mà có Thần. Do Thần mà có Ý, do Ý mà có phách. Năm là vận hành chẳng ngơi; vì thế, cái tâm hư ngụy của ta lưu chuyển tạo hóa mấy ức vạn năm, chẳng có cùng cực. Do vậy, bậc thánh nhân đối với sự diễn tiến của vạn vật trước mắt, chẳng dùng tâm (vọng tâm) để đối ứng, mà dùng tánh để đối ứng. Tánh là tâm chưa nảy sanh [vọng niệm]. Chẳng có tâm (chẳng có vọng

---

<sup>100</sup> Trong các kinh văn Đạo gia, Tứ Đại là mắt, tai, mũi, lưỡi.

<sup>101</sup> Theo pháp sư Định Hoằng, Trung Cung ở đây không phải là một bộ vị nhất định trên thân thể, mà có nghĩa là Ngũ Hành hết sức cân bằng.

tâm sanh khởi), sẽ chẳng có ý. Hễ chẳng có ý, sẽ chẳng có hồn, cho nên chẳng bị sanh tử, luân hồi bèn dứt.

Thê Nham Hứa Chân Nhân<sup>102</sup> nói:

- Thường hành nội quán để trừ khử Tam Thi, trừ diệt sáu tặc, dồn khí vào Đôn Điền, định tâm nơi biển giác. Tâm định ắt thần yên, khí trụ. Tinh, Khí, Thần hợp lại, ba nhà (Tinh, Khí, Thần) tương ứng với nhau, kết thành thánh thai.

Thanh Tịnh Kinh<sup>103</sup> có nói:

- Nguyên thần của con người chuộng sự thanh tịnh, nhưng cái tâm quấy nhiễu. Lòng người chuộng tĩnh, nhưng bị dục lôi kéo. Hễ thường có thể trừ khử lòng dục ấy, cái tâm sẽ tự tĩnh. Lắng trong cái tâm, nguyên thần tự thanh tịnh, tự nhiên lục dục chẳng sanh, tam độc tiêu diệt.

Còn như kinh Phật thì dạy: *“Dùng gương trí huệ phá giấc phiền não. Dùng đao trí huệ xé toạc lưới*

---

<sup>102</sup> Hứa Chân Nhân chính là Hứa Do (239-374), tự là Kính Chi, là một đạo sĩ nổi danh thời Tấn. Ông quê ở huyện Nam Xương (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây), được tôn là tổ sư của hai phái Tịnh Minh Đạo và Lư Sơn của Đạo Giáo. Ông từng làm huyện lệnh Thắng Dương. Do vậy, còn được gọi là Thắng Dương Tổ Sư. Ông thuở trẻ thích săn bắn, có lần toan bắn một con nai con, nai mẹ đã tung mình đón mũi tên chịu chết để cứu con. Ông cảm động, thôi săn bắn, theo học đạo với Ngô Mãnh. Khi loạn Bát Vương nổ ra, ông từ quan, đi tu, truyền bá Đạo Giáo tại Dục Chương. Ông lại còn bỏ công sức lo thủy lợi ngăn ngừa nạn lụt tại Hồ Quảng, Dục Chương, Phước Kiến...

<sup>103</sup> Thanh Tịnh Kinh ở đây không phải là bộ kinh Pasadika Sutta trong tạng Nikaya của Phật giáo Nam Truyền, mà là Thái Thượng Lão Quân Thuyết Thường Thanh Tịnh Kinh của Đạo Giáo. Kinh này rất ngắn chưa đến bốn trăm chữ, dạy người ta trừ dục nhập tịnh, tĩnh tâm, giữ cho tâm thần trong sáng v.v...

*phiền não. Dùng lửa trí huệ đốt củi phiền não. Quán kỹ Tứ Đại vốn là Không, phiền não còn có chỗ nào để đặt chân nữa! Chuyển tam độc thành tam giải thoát, xoay phiền não thành Bồ Đề. Như thế thì tam nghiệp thanh tịnh, muôn đức vẹn toàn, há còn có lỗi ác gì để nói nữa ư?”*

***(Chánh văn) Nguyệt hối chi nhật, Táo thần diệc nhiên.***

**(正文)月晦之日。竈神亦然。**

***(Chánh văn: Vào ngày cuối tháng, Táo Quân cũng thế).***

Đoạn này nói đến trong nhà của mỗi người, động, tĩnh, cư xử đều có quỷ thần giám sát. “*Nguyệt hối*” (月晦) là ngày cuối tháng. “*Táo thần*” (Táo Quân, ông Táo) có danh hiệu là Tư Mạng (司命), do cai quản vận mạng tốt xấu trong mỗi gia đình. Đối với tội ác trong sáng tối của con người, không chuyện gì nhỏ nhặt mà Ngài chẳng thấy. Đến cuối tháng, sẽ tấu trình lên hai cõi âm và dương để chép vào sổ đen. Than ôi! Táo thần xem xét rõ ràng như thế, lại có chức trách tấu trình như thế. Người đời hành xử chỉ biết cốt sao sướng khoái một chốc, há có quan tâm trong nhà có Táo thần sẽ ghi

sự sai phạm ấy, [để rồi] đến mỗi tháng, việc lớn chuyện nhỏ đều tâu trình thiên tào hay chẳng? [Nếu biết, ắt sẽ] kinh sợ, tu tỉnh, chẳng dám giải đãi trong một khắc!

Một nho sĩ ở Hoài Quận, do say rượu, bốn cột đưa tở gái. Đưa tở gái cũng biết hổ thẹn, cố gắng chống cự, thoát khỏi. Khi ấy nhằm đúng ngày cuối tháng Giêng, [nho sĩ ấy] ngủ tới canh tư, vợ bỗng đánh thức, kể: “Thiếp vừa [nằm mộng] thấy một vị tinh quân, đội mũ, mặc y phục màu đen, cỡi ngựa ruồi gấp, cầm theo sổ sách. Ngài hướng về phía thiếp chỉ trở rồi đi mất, chẳng biết Ngài muốn nói gì? Oai thể của thần hùng hực, thiếp bất giác kinh hãi, tỉnh giấc”. Chàng nho sĩ rợn da gà, chẳng dám nói rõ, chỉ nói: “Chắc chắn là Táo Thần, chẳng ngờ chi nữa”. Về sau, chàng gả đưa tở gái ấy cho người khác; nhân đó bảo vợ: “Khi trước, nàng mộng thấy Táo thần, hướng về nàng chỉ dạy là do ta trước đó đã từng đùa bốn [phi lễ] với đưa tở ấy. Nó tận lực chống cự, thoát khỏi. Chẳng ngờ ban đêm liền có sự cảnh cáo ấy. Ta cho rằng sự tuy chưa làm, nhưng do đã có cái tâm lừa dối ấy, cho nên thần Tư Mạng đã ghi chép. Trước kia, ta chẳng nói ra, vì sợ nàng ngờ vực, sẽ làm khó dễ đưa tở gái ấy. Nay nói rõ, một mặt nhằm biểu thị tiết tháo của đưa tở gái ấy, mặt khác nhằm phô rõ tội lỗi của ta”.

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, ông Du ở Giang Tây, húy là Đô, tên tự là Lương Thần, lắm tài, học rộng. Mười tám tuổi đã đậu Công Sanh, mỗi lần thi cử ắt đều đậu cao. Đến tuổi tráng niên, nhà nghèo, phải

dạy học trò [kiếm sống qua ngày]. Ông với mười mấy người cùng là tường sanh<sup>104</sup> lập Văn Xương Xã, [thực hiện chuyện] tiếc chữ, phóng sanh, răn dè dâm, giết, tội lỗi nơi miệng. Đã hành nhiều năm; trước sau, ông đi thi bảy khoa, đều chẳng đỗ. Sanh năm đứa con, bốn đứa chết yếu vì bệnh. Đứa con thứ ba, hết sức thông minh, tuần tú, dưới lòng bàn chân trái có hai nốt ruồi, vợ chồng yêu quý như của báu. Lên tám, nó đi chơi trong làng, bị lạc mất, chẳng biết nơi nào. Sanh bốn đứa con gái, chỉ còn được một đứa. Vợ vì con cái mà khóc lóc, hai mắt đều mù!

Ông suốt đời lao đao, nghèo khổ, túng quẫn càng ngặt. Tự xét mình chẳng phạm lỗi to lớn, cứ sao bị trời phạt thế thảm? Lúc đã ngoài bốn mươi, mỗi năm vào cuối tháng Chạp, tự dùng giấy vàng để viết sớ, cầu xin Táo thần hãy tấu trình lên trên. Vài năm như vậy, cũng chẳng có báo ứng gì! Tới lúc bốn mươi bảy tuổi, đêm trừ tịch<sup>105</sup>, ông ngồi với người vợ mù và đứa con gái, cả nhà lặng ngắt, thê lương, an ủi lẫn nhau. Bỗng nghe có tiếng gõ cửa, ông cầm đuốc ra xem, thấy một nho sĩ đội khăn xéo<sup>106</sup>, mặc áo đen, râu tóc đã bạc một nửa. Chắp

---

<sup>104</sup> Tường sanh là những người đã đậu Tú Tài, được vào học trường huyện, nhưng chưa đậu Cử Nhân. Tường (庠) là trường học được mở ở huyện, do chánh quyền tài trợ.

<sup>105</sup> Trừ Tịch (除夕) là đêm Ba Mươi tháng Chạp. Gọi là Trừ Tịch vì theo lệ cổ từ thời Tần, người ta đốt pháo xua đuổi tà quỷ. Có thuyết lại nói, Trừ Tịch tức là đêm chia đôi giữa năm cũ và năm mới, nên gọi là Trừ Tịch.

<sup>106</sup> Nguyên văn “giác cân” (角巾), ta thường dịch là “khăn xéo”, nhưng thật ra chẳng phải là khăn, mà là một loại mũ, không có cánh chuồn, thường làm bằng vải, màu đen, do nhìn từ phía trước có hai mặt châu vào nhau, phía dưới có hai cánh mũ

tay vái chào, mời ngồi. Ông ta nói mình họ Trương, “do từ nơi xa trở về, nghe trong nhà Ngài than thở sâu thẳm, đặc biệt đến an ủi”. Ông Du trong lòng cảm thấy người ấy kỳ lạ, giữ lễ hết sức cung kính. Nhân đó, kể về mình suốt đời đọc sách, tích tập công hạnh, đến nay công danh chẳng toại, vợ con chẳng được vẹn toàn, cơm áo thiếu hụt. Lại còn đem những bài sớ đã đốt dâng lên ông Táo đọc cho ông Trương nghe. Ông Trương nói:

- Tôi biết chuyện nhà ông đã lâu rồi! Do ý ông phạm lỗi ác quá nặng, chuyên chú trọng hư danh. Khắp trang giấy đều là lòng oán hờn, lời lẽ trần thuật xúc phạm Thượng Đế, sợ rằng không chỉ là bị phạt như vậy đâu nhé!

Ông Du nghe nói hết sức kinh hãi, nói:

- Tôi nghe nói trong chốn âm thầm, điều lành nhỏ nhặt nhất đều được ghi chép. Tôi thề làm việc lành, dốc lòng phụng hành quy củ đã lâu, sao lại toàn là hư danh cho được?

Ông Trương bảo:

- Ngay như trong các quy củ [của Văn Xương Xã], đối với điều khoản tiếc chữ, học trò ông và những bạn

---

bẻ ngược lên trông như mũ có hai lớp, nên gọi là “giác cân”. Các vị ẩn sĩ thường đội loại mũ này. Người Hoa có thói quen gọi tất cả các loại mũ là “đầu cân” (khăn đội đầu), tuy nó chẳng phải là khăn quấn trên đầu như các dân tộc khác. Các loại mũ mang tính chất nghi lễ sẽ gọi là Mạo hoặc Quan. Điểm khác biệt là Mạo thường che hết đầu, trong khi Quan chỉ che búi tóc.

tri giao thường dùng giấy đã viết văn, hoặc sách cũ để dán cửa sổ, gói đồ, thậm chí dùng để lau bàn. [Sau đấy], viện có “đùng ô uế chúng” liền đem đốt đi. Hằng ngày ông chính mắt trông thấy, cứ mặc kệ, chẳng răn nhắc một tiếng nào! Chỉ là trên đường thấy giấy có chữ viết, bèn nhặt về đem đốt, có ích gì chẳng?

Trong Văn Xương Xã, mỗi tháng phóng sanh, ông theo đuôi người khác, do người khác mà thực hiện. Nếu mọi người chẳng tiến hành, ông cũng lờ vờ mà thôi. Thật ra, ý niệm từ bi trọn chẳng dấy động trong tâm! Lại còn trong nhà ông, những thứ tôm, cua v.v... cũng bị đun nấu; riêng chúng chẳng phải là sanh mạng ư?

Nếu xét đến chuyện tội lỗi nơi miệng, ông ăn nói nhanh nhạy, khéo léo. Hễ bàn luận thường khiến cho người khác đuối lý trước ông. Khi ấy, ông thốt lời, trong lòng cũng tự biết đã gây thương tổn sâu đậm, nhưng trong khi trò chuyện cùng bạn bè, đã quen thói mất rồi, cứ thừa cơ chê bai, cười cợt, chẳng thể ngăn dứt được! Miệng lưỡi sắc nhọn châm chọc khiến cho quỷ thần tức giận, cõi âm đã ghi chép điều ác chẳng biết cỡ nào! Thế mà vẫn tự cho mình là người giản dị, trung hậu, ta lừa dối ai đâu? Lừa dối trời đất chứ!

Tuy chẳng có chuyện tà dâm thật sự, nhưng ông thấy con gái nhà người khác xinh đẹp, ắt phải nhìn kỹ, lòng rung động, chẳng dứt bỏ được. Chỉ là không có tà duyên tụ hội [để được thỏa chí] đó thôi! Ông hãy tự xét chính mình khi gặp cảnh ấy, có thể được như người đàn

ông nước Lỗ<sup>107</sup> hay không? Vậy mà nói là “suốt đời, chẳng phạm tà sắc”, tức đối trước trời, đất, quỷ, thần, ông là kẻ thật sự hư vọng vậy!

Đối với những điều quy củ do ông đã thề thực hiện mà còn như thế, huống hồ những chuyện khác? Những lá sớ do ông đốt nhiều năm liên tiếp, đều được trình lên cõi trời. Thượng Đế hằng ngày sai sứ giả đến xem xét điều thiện lẽ ác của ông, đã mấy năm mà chẳng thấy có một điều thiện thật sự nào đáng ghi chép. Nhưng lúc ông ở một mình, thấy tham niệm, dâm niệm, ý niệm ganh ghét, ý niệm sân hận, ý niệm đề cao mình, hạ thấp kẻ khác, ý niệm nhớ nhung chuyện cũ, mong mỏi cho tương lai, ý niệm đền ân trả oán của ông loang loáng trong bụng, chẳng thể cùng tận! Các thứ ý ác ấy đã kết chặt trong lòng, thần ghi chép đã nhiều, cõi trời trừng phạt ngày càng nặng nề. Ông trốn họa còn chẳng kịp, lấy đâu để cầu phước nữa đây!

Ông Du kinh ngạc, run sợ, phủ phục xuống đất, ứa nước mắt thưa:

- Ngài đã thấu hiểu chuyện trong chón u minh, chắc là một vị tôn thần, xin hãy cứu vớt.

Ông Trương nói:

- Ông đọc sách, hiểu lẽ, cũng biết vui thích, hâm mộ điều thiện. Khi nghe được một lời tốt lành, [cảm

---

<sup>107</sup> Người đàn ông nước Lỗ ở đây chính là Liễu Hạ Huệ, có thể cho mỹ nữ ngồi trong lòng mà không nảy sinh dục niệm nào.



thấy như được] khích lệ, khuyên lơn chẳng xiết. Lúc thấy một chuyện lành, cổ vũ khôn xiết, nhưng thấy đó, nghe đó, bèn quên ngay, tín căn vốn chẳng sâu. Do vậy, cái tánh thường hằng chẳng kiên cố. Vì thế, thiện ngôn, thiện hạnh trong cả đời toàn là phô trương, hời hợt, há có chuyện gì là thật sự! Lại còn ý ác ngấp dạ, [ý niệm làm lành] thường dấy lên rồi tan mất triền miên. Vẫn muốn đòi trời ban cho quả báo tốt đẹp, sẽ như gieo trồng gai góc khắp đất, thế mà vẫn cứ si dại mong cầu thu thập thóc lúa phong phú, há chẳng lầm lạc ư?

Ông từ nay trở đi, hễ có các tạp niệm tham, dâm, khách sáo, vọng tưởng, trước hết, hãy có sức lực mạnh mẽ để gạt bỏ hết thảy, thân hồi sạch sành sanh. Mỗi ý niệm đều chỉ quan tâm tới điều lành. Nếu có sức thực hiện các thiện sự, hãy đừng mong cầu thiện báo, chẳng chú trọng tiếng tăm. Bất luận chuyện lớn, nhỏ, khó, dễ, đều thực hiện chân thật, giữ lòng nhẫn nại mà làm. Nếu chẳng đủ sức để làm, cũng phải siêng năng, khẩn thiết, khiến cho thiện ý ấy được viên mãn. Thứ nhất là phải có lòng nhẫn nại, thứ hai là phải có cái tâm vĩnh hằng. Quan trọng nhất là chớ nên tự lười biếng, chớ nên tự dối gạt mình. Hành lâu ngày chày tháng, sẽ tự đạt được hiệu nghiệm chẳng thể ngờ được! Gia đình ông thờ phụng ta hết sức kiên thành, thanh tịnh, cho nên đặc biệt dùng ý này để báo đáp ông. Hãy nhanh chóng gắng vâng giữ, sẽ có thể xoay chuyển ý trời đất.

Nói xong, liền bước vào nhà trong của ông Du. Ông Du liền đứng dậy đi theo, tới chỗ bếp, bỗng chẳng

thấy đầu nữa, mới biết [ông Trương] chính là thần Tư Mạng. Do vậy, thấp hương lay tạ. Lập tức trong ngày hôm sau, tức là ngày Nguyên Đán, bèn lễ bái, cầu nguyện cùng trời đất, thề sửa lỗi trước, thật sự làm việc lành. Tự đặt biệt hiệu cho mình là Tịnh Ý Đạo Nhân, quyết thề trừ khử các thứ hư vọng. Lúc mới hành, tạp niệm toi bờ, nếu chẳng nghỉ ngơi thì sẽ là lười nhác. Thời gian thấm thoát mà vẫn bộp chộp, hời hợt y như cũ. Do vậy, bèn đối trước tượng Quan Âm Đại Sĩ được thờ trong nhà, dập đầu, tuôn máu, kính cầu phát thệ nguyện: *“Thiện niệm chân thuần, thiện lực tinh tấn. Nếu có lúc lơ lửng mảy may, sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục”*. Hằng ngày vào sáng sớm, ông kiên thành niệm thánh hiệu đại từ đại bi một trăm câu, để mong [Bồ Tát] ngấm ngấm che chở. Từ đây trở đi, mỗi lời nói, mỗi hành động, mỗi niệm, mỗi lúc, đều như có quý thần ở sát bên cạnh [giám sát], chẳng dám dối trá, phóng túng.

Phàm hết thấy những chuyện hữu ích cho người khác, có lợi cho muôn vật, bất luận chuyện lớn hay nhỏ, bản thân bận bịu hay rảnh rang, người khác có biết hay là không, có đủ sức hay không, đều hoan hỷ hành trì, khéo léo thành tựu mới thôi! Tùy duyên phương tiện, gieo trồng âm đức rộng rãi. Lại còn giữ vẹn luân thường, siêng học, giữ tánh khiêm tốn, nhẫn nhục. Lại còn hề gặp người khác đều dùng những lời lẽ nhân quả báo ứng để cảm hóa, hướng dẫn, chỉ sợ chẳng kịp thời gian. Mỗi bữa cuối tháng, liền tính toán việc làm và lời lẽ trong cả tháng rồi đến chỗ Táo thần dâng sớ tâu bày.

Hành trì đã thuần thực, hễ động thì muôn điều thiện đều thuận theo; hễ tĩnh bèn chẳng dấy một niệm.

Suốt ba năm như thế, vào lúc năm mươi tuổi, nhằm năm Vạn Lịch thứ hai (1574), đi thi Hội trong năm Giáp Tuất, [nhằm lúc] Trương Giang Lăng<sup>108</sup> giữ chức Thủ Phụ. Xong khoa thi, ông Trương hỏi thăm các đồng hương để chọn thầy dạy học cho con trai mình. Mọi người đều tranh nhau tiến cử ông Du. Do vậy, ông Trương bèn mời ông Du lên kinh đô. Ông Du dẫn gia quyến đi theo. Ông Trương kính trọng phẩm đức của ông Du, theo quy chế từ trước, mời ông Du vào trường Quốc Học. Năm Bính Tý, tức năm Vạn Lịch thứ tư (1576), đến kinh đô, dự kỳ thi Hương, bèn đỗ đạt. Năm sau, đỗ Tiến Sĩ. Một hôm, yết kiến nội giám<sup>109</sup> là ông Dương. Ông Dương bảo năm đưa con ra chào, những đứa con ấy đều do ông Dương tìm được ở bốn phương để nối dõi hòng vui hưởng tuổi già. Trong ấy, có một đứa tuổi mười sáu, khuôn mặt dường như rất thân thuộc đối với ông Du. Hỏi quê quán, nó thưa là

---

<sup>108</sup> Trương Giang Lăng tức là ông Trương Cư Chánh, do ông là người huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc, nên thường gọi là Trương Giang Lăng. Thủ Phụ (首輔) là người đứng đầu trong các vị đại học sĩ. Theo quy chế nhà Minh, kể từ đời Minh Thái Tổ, do thừa tướng Hồ Duy Dung bị tội xử trảm, vua phế hẳn chức Thừa Tướng, lập ra các cơ cấu Ngũ Phủ, Lục Bộ, Đô Sát Viện, Đại Lý Tự để lo việc nước. Do việc nước quá nhiều, lại không có cố vấn trực tiếp để giúp vua lo liệu, bắt buộc phải phong cho các vị đại thần thành Đại Học Sĩ, chia thành Hoa Cái Điện, Vũ Anh Điện, Văn Uyên Các, Đông Các Điện chư đại học sĩ. Trên thực tế, Thủ Phụ chính là Tế Tướng.

<sup>109</sup> Nội giám chính là thái giám.

người Giang Hữu<sup>110</sup>. Thuở bé, lên nhăm thuyền chở gạo, nhưng vẫn còn nhớ lơ mờ tên họ và quê nhà. Ông Du hết sức kinh ngạc, bảo nó cởi giày bên chân trái ra, [quả nhiên] có hai nốt ruồi giống hệt [như đứa con thứ ba đã bị thất lạc từ lâu của ông]. Ông kêu âm lên: “Người là con ta”. Ông Dương cũng kinh ngạc, liền tặng đứa con ấy cho ông Du. Nó theo ông Du trở về chỗ cư ngụ.

Ông chạy đến nói với vợ. Phu nhân ôm con, hết sức đau lòng, huyết lệ ràn rụa. Đứa con cũng khóc, ôm mặt mẹ, liếm mắt mẹ. Hai mắt mẹ sáng trở lại. Ông buồn vui chen lẫn, chẳng mong làm quan, từ tạ Trương Giang Lăng quay về quê. Ông Trương đánh giá cao đạo nghĩa của ông Du, biếu tặng hậu hĩnh để ông Du trở về. Ông Du ở quê nhà, càng dốc sức làm lành. Đứa con ấy cưới vợ, sanh liên tiếp bảy đứa con đều nuôi được, đều nói dòng thư hương. Ông chính tay viết lại chuyện gặp Táo thần, và chuyện thật sự làm những việc sửa lỗi để giáo huấn con cháu. Bản thân ông khỏe mạnh, hưởng thọ tám mươi tám tuổi. Ai nấy đều nói do ông thật sự làm thiện sự, mà xoay chuyển được sự báo ứng của trời. Hậu học cùng làng là La Trinh ghi lại.

***(Chánh văn) Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỷ, tiểu tắc đoạt toán.***

---

<sup>110</sup> Giang Hữu là tên gọi khác của tỉnh Giang Tây. Do thời cổ, phía Tây nơi hạ lưu của Trường Giang sẽ gọi là Giang Hữu, phía Đông gọi là Giang Tả. Vì thế, tỉnh Giang Tây thường được gọi là Giang Hữu.

## (正文) 凡人有過。大則奪紀。小則奪算。

*(Chánh văn: Hễ ai có lỗi, lớn thì bị giảm thọ mười hai năm, nhỏ thì giảm thọ một trăm ngày).*

Đoạn này nhằm tổng kết ý của các câu trước đó, nêu rõ trong đời, trong thân, trong tâm, trong nhà mỗi người, chỗ nào cũng đều có quỷ thần đông đảo vây quanh. Vì thế, lỗi lớn, lỗi nhỏ, chẳng có lúc nào hòng trốn khỏi sự giám sát được, tước bớt tuổi thọ đích xác là [chuyện] chẳng sai chạy! Phạm mỗi người được sanh ra, tuổi thọ đều được ghi chép nơi chư thiên. Thái Thượng sắc truyền chư thần tra xét, đối chiếu. Cứ ba ngày bèn thưa một lần, cứ mười ngày bèn tâu lên, cứ một trăm ngày bèn tổng kết. Nếu [người ấy] tu thiện, lập công, sẽ có thể tăng thọ; lỡ vạ nhất tạo tội, lập tức bị giảm bớt. Lỗi có lớn hay nhỏ, cho nên giảm bớt tuổi thọ cũng sai khác. Thái Thượng chẳng ngại rất miệng, rườm lời, nhằm nêu rõ những nghĩa lý [mà con người] chưa thấy, chưa hiểu rõ ràng, không gì chẳng nhằm dạy mỗi người phải thận trọng ngay cả trong lúc chỉ ở một mình đó thôi!

Đời Minh, đại sư Vương Bích Như<sup>111</sup> ở núi Thiên Thai, húy là Lập Cốc. Sư đậu Hương Tiến<sup>112</sup> vào năm

---

<sup>111</sup> Vị này pháp hiệu là Bích Như, có họ ngoài đời là Vương nên gọi ghép như vậy. Ngài có tục danh là Lập Cốc, tức Vương Lập Cốc.

<sup>112</sup> Nguyên văn “lãnh hương tiến”, tức là dự khoa thi Hương do các châu huyện tiến cử, nếu đỗ kỳ thi ấy thì gọi là “lãnh hương tiến”.

Bính Ngọ (1605), nhằm thời Vạn Lịch, được bổ làm huyện lệnh huyện Tân Cam. Từ bé, Sư đã thọ bốn giới giết, trộm, dâm, dối. Về sau, do làm quan bèn phước bốn giới ấy. Năm Mậu Ngọ (1618), vào kinh châu vua, thuyền đậu ở Vu Hồ, Sư bị bắt tới cũi âm. Thấy trên điện có một vị vua ngồi, hai vị quan ngồi hai bên. Vua gọi tên, quát mắng: “Mạng người đáng lẽ đã hết vào tháng Tám năm Bính Thìn (1616), sở dĩ kéo dài đến nay là do sức trai giới. Có sao người lại buông bỏ?” Nói xong, sai lấy sổ sách cho xem. Thấy phía dưới tên có ghi rõ năm tháng, đến tháng Tám năm Bính Thìn sẽ chết. Ông Vương xem xong, khấu đầu, thưa trình: “Con làm quan, do tình thế, chẳng thể nào không như vậy được!” Vua dạy: “Cố nhiên là thế! Hiềm rằng tuổi thọ đã hết thì sao?” Vua hạ lệnh đuổi ông ta vào ngục, liền có con quỷ dáng điệu hung tợn chạy tới, làm ra vẻ như sắp bắt trói.

Vị quan bên trái tâu: “Xin hãy thử xem xét những chuyện sau khi hấn đã phá giới”. Trong khoảnh khắc, [người hầu] khênh tới hai cái rương to, [những thứ chứa trong ấy] đều là những quyển hồ sơ khi [ông Vương] làm huyện lệnh Tân Cam. Phàm là một phong thư, một bản yết thị, và những câu viết chơi trên những mảnh giấy nhỏ cũng đều có. [Những thứ ấy] đều có khí bốc lên cao, xanh, đen, đỏ, trắng khác nhau. Vua sai kiểm xem [để xếp những thứ cùng loại] vào một chỗ; trước hết, kiểm đóng hồ sơ màu đen và xanh, kế đến kiểm đóng màu đỏ. Đóng [hồ sơ] có khí màu xanh bốc lên bị ảm đi, đóng có khí màu đen thì rút nhỏ như chiếc

đũa, còn riêng đồng màu đỏ là to lớn. Ông Vương liếc nhìn trong đồng hồ sơ ấy, thấy có bộ kinh Kim Cang và Hiếu Sanh Thiên do chính mình đã khắc đều có. [Quý sứ] xếp thành đồng xong, giọng điệu của người đứng đầu hòa hoãn hơn, ngó vị quan bên trái bảo: “Do vậy biết là hấn gieo đức, hãy còn có đường sống. [Phật hấn] ngũ quan bị hao tổn, bảo toàn thân mạng hấn, được chớ?” Vua sai ngục tốt móc mắt ông Vương, đặt lên cột trong điện, tỏa ánh sáng chiếu ngời bốn phía. Ông Vương nghĩ: “Mắt đã bị khoét, làm sao có thể trông thấy cho được?” Trong nháy mắt, bỗng tối sầm, cung điện lẫn ngục tốt đều chẳng thấy nữa. Kế đó, cảm thấy có người vỗ lưng bảo: “Hãy đi cho nhanh, đi nhanh lên”. Trong chốc lát, bị vấp ngã bèn tỉnh giấc. Hôm sau, hai mắt đều mù, bèn bỏ nhà, tu đạo. Về sau, do ngộ đạo Thiên, hai mắt sáng lại. Sư từng đến tham học dưới tòa Vân Thê, Bác Sơn<sup>113</sup>, chân tham thật chứng, kiêm hành Đại Bi Sát Pháp, sống thêm mười hai năm nữa.

Ôi! Con người ngoại trừ các vị thánh hiền, chẳng có ngày nào không phạm lỗi, cái có thể trông cậy để văn hồi tạo hóa chỉ là “có thể sửa đổi” mà thôi! Nếu không, nhân trước đã kém cỏi, nghiệp sau lại tăng, dẫu nhiều phước, lắm con trai, đến lúc một hơi thở ra chẳng

---

<sup>113</sup> Vân Thê ở đây là ngài Liên Trì Châu Hoàng đại sư. Bác Sơn tức là thiền sư Nguyên Lai. Sư Bác Sơn xuất gia lúc mười sáu tuổi tại chùa Tĩnh Am ở núi Ngũ Đài; về sau, do đọc Cảnh Đức Truyền Đăng Lục mà khai ngộ. Sau đây, Sư theo học với thiền sư Huệ Kinh được ấn khả. Sư về núi Bác Sơn ở Tín Châu (nay là huyện Quảng Phong, tỉnh Giang Tây), dựng chùa Năng Nhân, tu hành tại đó, đề xướng “*Thiền Tịnh bát nhệ*”. Giáo thuyết này được viết thành sách, người đời sau gọi tác phẩm ấy là Bác Sơn Vô Dị Thiền Sư Quảng Lục.

hít vào được nữa, sẽ chỉ có nghiệp theo thân, chỉ thấy nổi khổ vì bị Diêm Vương tra xét, tính toán, [lúc ấy] có thể mang theo gia sản hay chẳng? Có thể dẫn theo con cái hay chẳng? Hãy suy nghĩ đi!

Đời Tống, Phù Trọng Tín giàu có, thích bốc thí. Lúc ba mươi lăm tuổi, bỗng mắc bệnh nguy ngập. Tự nói mình đã đến cõi âm, gặp mấy người quen biết cũ, họ gọi: “Ân công vì sao đến đây?” Họ dắt ông Phù đến lạy chào, cầu xin một viên nha lại. Viên nha lại nói: “Người này vốn đáng lẽ bị đói rét, do có hảo tâm bốc thí, giúp đỡ; do vậy, có thể tay trắng làm nên. Vốn thọ đến năm mươi chín tuổi, nhưng vì chẳng thấp nhang, ngủ dậy trễ, nay đều bị tước sạch”. Mấy người hỏi: “Hai chuyện ấy là lỗi nhỏ, sao lại đến nỗi như thế?” Viên nha lại đáp: “Chẳng thấp nhang tức là chẳng có lòng tôn kính trời đất. Ngủ dậy trễ, tức là có nhiều dâm ý, sao lại bảo là lỗi nhỏ?” Mọi người kinh sợ, nhìn nhau, nói: “Đức dày như ông Phù còn vì chuyện này mà [tuổi thọ bị] tước giảm, người ta há nên buông lung ư?” Không lâu sau, ông Phù chết.

Trong đời người, cái khó có nhất là tuổi thọ, thế mà cái bị cõi âm tước đoạt cũng là tuổi thọ. Do vậy, Thái Thượng ra rả nói chuyện này, ngõ hầu răn nhắc con người thận trọng đối với chuyện phạm lỗi trong một niệm, cốt sao hưởng phước đầu tiên trong năm phước. Đây là lòng từ bi to lớn của Thái Thượng vậy!



*(Chánh văn) Kỳ quá đại tiểu hữu số bách sự, dục cầu trường sanh giả, tiên tu tỵ chi.*

**(正文)其過大小有數百事。欲求長生者。  
先須避之。**

*(Chánh văn: Tội lỗi lớn nhỏ của con người có đến mấy trăm chuyện. Kẻ mong sống lâu, trước hết hãy nên tránh né).*

“Mấy trăm chuyện” là những chuyện từ câu “phi nghĩa nhi động” (làm những điều phi nghĩa) cho đến câu “tử diệc cập chi” (mà còn phải chết). Phần trước nói đến chuyện “giảm đoạt” [tuổi thọ] nhằm dạy người ta biết kiêng tránh. Nay nói đến chuyện trường sanh, nhằm dạy người ta biết điều đáng hâm mộ. Nói “tiên tu tỵ chi” (trước hết hãy nên tránh né), chẳng phải là người khác chẳng cần tránh né, mà có ý nói: Những người mong được sống lâu, càng phải nên cẩn thận kiêng dè. Dầu là những lỗi lầm nhỏ nhất, cũng chớ nên phạm!

Kẻ học đạo hãy lấy chuyện gieo bồi đức hạnh làm gốc. Nơi Nho là tứ đoan, bách hạnh<sup>114</sup>, nơi Thích là Lục

---

<sup>114</sup> Tứ đoan (四端) là nhân, nghĩa, lễ, trí. Sách Mạnh Tử có đoạn nói: “Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã. Tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã. Từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã. Thị phi chi tâm, trí chi đoan dã” (Cái tâm trắc ẩn là đầu mối của Nhân. Cái tâm hổ thẹn chính là đầu mối của Nghĩa. Cái tâm từ ái, nhường nhịn là đầu mối

Độ vạn hạnh, nơi Đạo là “ba ngàn công, tám trăm hạnh”, đều là nói tới chuyện tích thiện, tránh ác; nhưng muốn tích thiện hồng sửa lỗi, không chỉ bằng trước hết là thấu hiểu chí đạo (至道, đạo tột cùng). Muốn thấu hiểu chí đạo, không gì bằng hiểu rõ bản tâm. Tâm là cái Thể của đạo, đạo là Dụng của tâm. Người có thể quan sát tâm tánh, ắt cái Thể viên minh sẽ tự hiện, tác dụng (Dụng) vô vi sẽ tự thành; chẳng cần phải tốn công mà nhanh chóng vượt lên bờ kia! Chuyện này nếu chẳng do tâm kính (心鏡, gương lòng) rạng ngời, thần châu (神珠)<sup>115</sup> trong suốt, sẽ do đâu mà có thể nhanh chóng lìa khỏi các tướng, chẳng nhuốm bản mảy may, nguồn tâm tự tại, quyết định vô sanh vậy thay? Do vậy, bậc minh tâm thấu hiểu đạo, chẳng để cho tám thân liên lụy tánh ấy, [chẳng để] cảnh giới làm loạn chân tâm này. Trong sự tùy cơ mà tương ứng với muôn vật, sẽ tự trụ nơi ý chỉ vô sanh. Điều ấy được gọi là “*vô thượng chí chân diệu đạo*”.

Nữ tiên Dương Chánh Kiến sắp có ngày thành tiên, nhưng Thượng Đế khiển trách: Cô ta thuở bé, khi cha mẹ xâu tiền lại thành chuỗi để nộp thuế, Chánh Kiến đã làm chuyện không đúng là chọn lựa hai đồng tiền tròn trịa, đẹp để lén giấu đi. Đó gọi là “*lén giấu*”

---

của Lễ. Cái tâm phân định đúng sai chính là đầu mối của Trí). “*Bách hạnh*” là từ ngữ phiếm chỉ các đức hạnh.

<sup>115</sup> Theo giảng sư Hoàng Bách Lâm, “*thần châu*” chính là Ma Ni Bảo Châu, tỷ dụ chân tâm, như nhà Thiền hay nói: “*Ta có một viên thần châu*”.

*điểm vật dụng thuộc về chánh quyền*”. Lại phạt cô ta bị đày ở lại trong nhân gian thêm một năm nữa.

Tử Hư Nguyên Quân<sup>116</sup> và Mao Quân<sup>117</sup> cùng ở trong cung Thanh Hư<sup>118</sup>, cân nhắc, xem xét những chuyện được mất của [những người sẽ được thành] chân tiên trong thiên hạ, đã đánh rớt ngay bốn mươi bảy người, tâu trình lên trên chỉ được hai người. Ấy là vì [những kẻ bị đánh rớt đã] ôm tâm lòng dâm dục để tu trì mong thành tiên, chẳng thể nào không phạm lỗi được! Giấu tiền là phạm lỗi nhỏ, [sau khi] chur tiên cân nhắc công và tội, [Dương Chánh Kiến] còn bị phạt như thế, huống hồ những kẻ mặc tình tùy tiện mà chẳng tránh né [tội lỗi] ư? Nay kẻ cầu trường sanh, chỉ cậy vào tàng tinh<sup>119</sup>, hít thở, luyện thuốc, thiêu đan<sup>120</sup>, cho

---

<sup>116</sup> Tử Hư Nguyên Quân chính là Ngụy Hoa Tồn (251-334), còn gọi là Ngụy Phu Nhân, là nữ đạo sĩ thời Tấn, người huyện Phàn Ấp, tỉnh Sơn Đông. Bà được coi là người truyền bá Thượng Thanh Kinh, là thái sư đời thứ nhất của Mao Sơn Tông. Năm hai mươi bốn tuổi, bà được gả cho Lưu Ấu Ngạn là quan huyện Tu Vũ. Bà tính thông Lão Trang, ngũ kinh của Nho gia, tin thờ Thiên Sư Đạo, giữ chức Tế Tửu. Tương truyền bà được Thanh Hư Chân Nhân truyền đạo Thần Chân, sau đó được Cảnh Lâm Chân Nhân truyền dạy kinh Hoàng Đình. Trong cơn chiến loạn Vĩnh Gia, bà mang hai con lánh về vùng Giang Nam, truyền Thiên Sư Đạo xuống phương Nam. Sau khi bà mất, đạo sĩ Dương Hy tôn bà là Tử Hư Nguyên Quân Nam Nhạc Ngụy Phu Nhân.

<sup>117</sup> Mao Quân tên thật là Mao Doanh, tự Thúc Thân, người Hàm Dương. Cha ông là Mao Mông theo tương truyền học đạo ở Mao Sơn, thành tiên, bay đi mất dưới thời Tấn Thủy Hoàng. Lúc mười tám tuổi, Mao Doanh cũng vào núi Cú Dung học đạo, thành tiên sau hai mươi năm tu tập. Hai em ông là Mao Cổ và Mao Trung cũng đều theo anh tu đạo, đều thành tiên. Do vậy, kinh sách Đạo Giáo thường gọi ba vị này là Tam Mao Quân.

<sup>118</sup> Theo Đạo Giáo, Đông Thiên tức tầng trời phía Đông có cung điện của Tam Quan Đại Đế, gồm Tử Vi Cung, Thanh Hư Cung và Thanh Hoa Cung. Thanh Hư Cung là chỗ ở của Địa Quan Đại Đế.

<sup>119</sup> “*Tàng tinh*” là giữ cho tinh khí không bị thất thoát. Do có những phái trong Đạo gia quan niệm Tinh là cội gốc của Khí và Thần, nên họ đề ra những cách luyện khí

là có thể ngộ đạo, trở thành chân tiên, chẳng biết những chuyện ấy đều là ngoại đạo. Chỉ có tu chân luyện tánh, hết thấy vọng niệm vừa mới chớm nảy liền nhận biết, hễ vừa nhận biết liền diệt trừ, cốt sao trong mười hai thời, thanh tịnh như minh châu. Cái tâm an định, rỗng rang, sẽ tự an trụ trong đạo. Sống lâu tăng thọ, sẽ là lẽ đương nhiên!

Trong *Cải Quá Thiên*<sup>121</sup> của Viên Liễu Phàm đời Minh có viết:

- Các vị đại phu thời Xuân Thu nhìn vào lời nói và hành động của người khác mà suy đoán điều họa, lẽ phước của kẻ đó, không gì chẳng ứng nghiệm. Từ những ghi chép trong sách *Tả Truyện* và *Quốc Ngữ*<sup>122</sup>

---

bể tinh trong khi hành phòng (ân ái). Họ tin là có thể sử dụng các cách hít thở theo các vòng Châu Thiên trong thân thể để nung tinh thành nguyên thần bồi bổ não v.v... Từ đó, họ đề ra những cách hít thở đặc biệt, các tư thế đặc biệt khi giao hoan, với hy vọng sẽ chuyển tinh từ thận tạng lên Nê Hoàn Cung trên đỉnh đầu. Tức là chỉ chú trọng nơi rèn luyện sắc thân, chẳng thanh tâm, quả dục để đạt tới diệu đạo. Do vậy, trong đoạn trước có nói bốn mươi bảy người bị đánh rớt vì ôm lòng dâm dục mà tu chân.

<sup>120</sup> Tức là những phương cách luyện kim đan, dùng các kim loại quý để nấu thành thuốc tiên. Họ tin tưởng: Uống những thứ “tiên đan” ấy sẽ hoá thai hóa cốt, chuyển thành thân tiên, có thể bay lên trời, ngao du các cõi tiên. Đa số các loại kim đan (tiên đan) có chứa nhiều chất độc như thủy ngân, chì, thạch tín, sulfur v.v... uống vào sẽ bị trúng độc lâu dài, hay mất trí. Do đan sa (tức sulfur thủy ngân) có màu đỏ được coi là màu đẹp nhất, nên được các nhà luyện đan sử dụng rất nhiều. Trong lịch sử, các vua Tần Ai Đế, Ngụy Đạo Vũ Đế, Đường Hiến Tông, Đường Mục Tông, Đường Kính Tông, Minh Thế Tông... đều bị trúng độc do uống kim đan, trở thành điên cuồng, chết sớm, hoặc thân thể lở loét, đau đớn mà chết.

<sup>121</sup> *Cải Quá Thiên* là một chương sách trong bộ *Liễu Phàm Tứ Huấn* nhằm dạy cách sửa đổi lỗi lầm.

<sup>122</sup> *Quốc Ngữ* là một bộ sử cổ của Trung Hoa, chép các sự kiện lịch sử của nhà Châu và các nước chư hầu Lỗ, Tề, Tấn, Trịnh, Sở, Ngô, Việt từ năm 974 trước Công Nguyên cho đến năm 453 trước Công Nguyên. Đây là một trong những bộ sử đầu tiên của Trung Hoa, là nguồn tham khảo cho tất cả những bộ sử Trung Hoa về

mà có thể thấy [rõ chuyện này]. Phần lớn những điềm cát hung đều nảy mầm từ cái tâm rồi thể hiện ra hành động. Kẻ rất nhân hậu sẽ thường được phước, kẻ rất khắc bạc sẽ thường gặp tai họa. Mắt tục bị lăm thứ che lấp, thường bảo là “[họa phước] chẳng nhất định, chẳng thể dự đoán được!” Chí thành sẽ hợp với lòng trời, phước sẽ đưa đến, cứ nhìn vào những điều lành của đương sự, ắt sẽ biết trước. Đối với kẻ sắp gặp họa, cứ nhìn vào những chuyện bất thiện của họ, ắt sẽ biết trước. Nay muốn được phước, xa lánh họa, chưa bàn đến chuyện làm lành, cần phải sửa lỗi trước đã!

Nhưng để sửa lỗi, thứ nhất là phải sanh tâm hổ thẹn. Nghĩ thánh hiền thời cổ cũng là trượng phu như ta, do vì lẽ nào mà họ có thể làm thầy trăm đời, ta vì lẽ nào mà tám thân [hèn tẻ] như viên ngói nát? Nhiễm đấm thối tình trần tục, lén lút làm chuyện bất nghĩa, cứ nói là “kẻ khác không biết”, cứ ngạo ngễ, chẳng thẹn thùng! Ngày càng chìm đắm trong loài cầm thú mà chẳng tự biết! Chuyện đáng nhục, đáng thẹn trong cõi đời không gì lớn bằng chuyện này! Mạnh Tử nói: “*Sĩ chi ư nhân đại hỹ*” (Đối với con người, lòng hổ thẹn rất quan trọng); do có lòng hổ thẹn, sẽ là thánh hiền. Bởi lẽ, đánh mất lòng hổ thẹn, sẽ là cầm thú. Đây là chỗ then chốt trọng yếu để sửa lỗi vậy.

Thứ hai là phải sanh lòng kiêng sợ. Trời đất ở trên, khó thể lừa dối quỷ thần. Tuy tội lỗi của ta giấu kín,

nhỏ nhiệm, nhưng thiên địa quỷ thần thật sự soi thấy. Nặng thì sẽ giáng xuống trăm điều tai ương, nhẹ thì tôn giảm phước trong hiện tiền. Há lẽ nào ta có thể chẳng kinh sợ? Không chỉ là như vậy, dầu ở nơi thanh vắng, [trời đất, quỷ thần] vẫn xét soi rất rõ ràng<sup>123</sup>. Tuy ta giấu diếm rất kín, che đậy rất khéo<sup>124</sup>, nhưng gan phổi đã sớm bộc lộ, rốt cuộc khó thể dối gạt chính mình. Bị người khác nhìn ra, [tư cách của chính mình] sẽ chẳng đáng giá một đồng! Há có nên chẳng kiêng dè? Không chỉ là như thế, hễ còn một hơi thở, dầu tội ác ngập trời, vẫn có thể hối cải! Cổ nhân có kẻ suốt đời làm ác, đến khi sắp chết hối cải, tỉnh ngộ, dấy lên một thiện niệm, bèn được chết an lành; có nghĩa là một niệm dừng mãnh, kiên định, đủ để gột rửa tội ác trăm năm! Ví như hang tối ngàn năm, một ngọn đèn vừa chiếu, ắt bóng tối ngàn năm đều bị trừ sạch. Vì thế, bất luận tội lỗi lâu hay mau, chỉ quý ở chỗ sửa đổi! Nhưng trần thế vô thường, nhục thân dễ chết, hễ một hơi thở chẳng còn, dầu muốn sửa đổi cũng chẳng có cách nào! [Tội lỗi] hiển nhiên thì trăm ngàn năm, phải gánh vác tiếng xấu, dầu con hiếu, cháu hiền cũng chẳng thể gột rửa. [Tội lỗi] ngấm ngấm thì trăm ngàn kiếp phải chịu báo ứng

---

<sup>123</sup> Nguyên văn “*chỉ thị chiếu nhiên*” (指視昭然, chỉ ra, nhìn thấy rành rành). “*Chỉ thị*” là từ ngữ phát xuất từ một câu nói trong Kinh Thư “*thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ*” (mười mắt nhìn vào, mười tay chỉ vào).

<sup>124</sup> Nguyên văn “*văn chi thậm xảo*” (文之甚巧). Theo ông Hoàng Bách Lâm, chữ Văn phải hiểu là “che đậy” do dựa theo câu nói trong Luận Ngữ: “*Tiểu nhân chi quá dã tất văn*”, Khổng Dĩnh Đạt chú giải câu này phải hiểu là “*kẻ tiểu nhân nhất định giấu diếm lỗi lầm*”.

trầm luân trong địa ngục. Dầu thánh hiền, Phật, Bồ Tát, chẳng thể dẫn dắt thoát ra! Há lẽ nào chẳng sợ?

Thứ ba là cần phát khởi cái tâm dũng mãnh. Kẻ chẳng sửa lỗi, phần nhiều là vì chần chừ, do dự. Ta cần phải sốt sắng, hăng hái, chớ nên lần khần, đừng phiến chờ đợi! [Tội lỗi] nhỏ thì [cảm thấy] như mũi nhọn đâm vào thịt, hãy nhanh chóng khoét bỏ. [Tội lỗi] lớn thì như rắn độc cắn ngón tay, hãy nhanh chóng chặt đứt, chẳng có mảy may ngưng trệ nào! Đây chính là lý do vì sao Phong Lô được gọi là Ích vậy!<sup>125</sup>

Có đủ ba tâm ấy, ắt có lỗi bèn sửa. Như băng mùa Xuân gặp phải mặt trời, lo gì chẳng tiêu tan! Nhưng đối với tội lỗi của con người, có trường hợp sửa từ nơi sự tướng, có khi sửa từ lý, có khi sửa từ nơi tâm, công phu bất đồng, hiệu nghiệm cũng khác. Như thuở trước đã sát sanh, nay kiêng chẳng giết. Thuở trước nóng giận, chửi rủa, nay kiêng chẳng giận. Đây là sửa đổi nơi sự vậy. Cưỡng chế từ bên ngoài, khó gấp trăm lần! Đã thế, rốt cuộc gốc bệnh vẫn còn, Đông diệt Tây sanh, chẳng phải là đường lối diệt trừ rỗng rang rốt ráo vậy! Kẻ khéo sửa lỗi chưa ngăn dứt nơi sự, mà đã hiểu rõ lý trước, như trong quá khứ đã sát sanh, bèn nghĩ:

---

<sup>125</sup> Đây là nói đến quẻ Phong Lô Ích (風雷益) trong kinh Dịch. Quẻ này do quẻ Tốn ở trên và quẻ Chấn ở dưới gộp lại. Tốn biểu thị gió, Chấn là sấm, nên gọi là Phong Lô. Gió thổi nhanh chóng xua tan khí u ám, sấm chấn động đột ngột, cả hai thứ đều tạo lợi lạc, nên là Ích. Xét theo Tượng Truyện của kinh Dịch thì quẻ này được giải thích là “*Lôi Phong Ích: Quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên, hữu quá tắc cải*” (Lôi và Phong là Ích. Bậc quân tử thấy điều thiện bèn hướng theo, hề có lỗi bèn sửa đổi).

“Thượng Đế hiếu sanh, muôn loài đều yêu mến tánh mạng, giết chúng để nuôi ta, há có thể an lòng ư? Hơn nữa, chúng bị giết chóc, đã bị mổ, cắt, lại còn vào chảo, vào vạc, đủ mọi nỗi thống khổ thấu tận xương tủy. Để nuôi thân ta, những món ngon quý bày ra la liệt, nuốt vào sẽ như là chẳng có gì [ngon quý nữa]. Món chay, canh rau, đủ để no lòng; há cần giết chết mạng chúng, tổn phước của chính mình ư? Lại nghĩ chúng thuộc loại huyết khí, đều có linh tri. Đã có linh tri thì đều có cùng một Thể với ta. Dầu chẳng thể cung kính tu tập đức hạnh tốt bậc, khiến [cho muôn loài] tôn trọng ta, thân cận ta, há nên hằng ngày giết hại sanh mạng loài vật, khiến cho chúng nó cừ hận ta, căm ghét ta vô cùng? Hễ nghĩ tới chuyện này, sẽ đối với chuyện ăn chúng nó mà cảm thấy đau lòng, chẳng thể nuốt xuống được!”

Nếu trước kia hay giận, ắt sẽ nghĩ: “Người ta có những chuyện sai sót, xét theo tình người, hãy nên thương xót, họ làm chuyện trái nghịch đạo lý, chứ liên can gì đến ta? Vốn chẳng thể giận được! Lại nghĩ trong thiên hạ, chẳng có ai tự cho mình là bậc hào kiệt, cũng chẳng có ai học vấn hơn người! Hễ có gì chẳng làm được, đều là do chính mình chưa tu đức, chưa cảm thông đến tốt bậc vậy! Ta đều nên tự xét lại, ắt những sự hủy báng xảy đến đều là chỗ để ta rèn luyện hồng thành tựu tốt đẹp. Ta hãy nên hoan hỷ tiếp nhận sự ban thưởng ấy, làm sao có lòng giận dữ cho được? Lại còn nghe hủy báng chẳng giận. Tuy ngọn lửa sàm báng xông rực trời, giống như nổi lửa đốt không trung, rốt cuộc sẽ tự tắt. Nghe hủy báng bèn giận, dầu tâm nghĩ



đủ cách hay khéo để tận lực biện giải, vẫn như con tầm kéo kén, tự chuốc lấy sự quán trối. Giận dữ không chỉ là vô ích, mà còn có tai hại. Đối với các thứ lỗi ác khác, đều nên dựa theo lý để suy nghĩ. Đã hiểu rõ lý ấy, lỗi sẽ tự dứt.

Thế nào là “sửa đổi từ nơi tâm”? Lỗi có ngàn mối, đều chỉ do tâm tạo. Tâm ta bất động, lỗi sanh từ đâu cho được? Người học đối với các thứ tội lỗi như hiếu sắc, hiếu danh, ham mê của cải, ưa giận dữ, chẳng cần phải truy cầu [cách đối trị] theo từng loại, chỉ nên nhất tâm làm lành. Chánh niệm luôn hiện tiền, tà niệm tự nhiên chẳng thể ô nhiễm được. Như vàng mặt trời [sáng rực] giữa không trung, các loài quỷ mị ẩn nấp, tiêu mất. Đây chính là lẽ chân truyền về sự chuyên nhất, ròng rắt<sup>126</sup> vậy! Lỗi do tâm tạo thì cũng do tâm sửa. Như chặt cây độc, cứ chặt thẳng nơi gốc, cần gì phải đẵn từng cành, vặt từng chiếc lá ư?

Nói chung, cách [để sửa lỗi] tối thượng là đối trị từ cái tâm, lập tức thanh tịnh, [vọng tâm] vừa động bèn giác. Hễ giác, [những phiền não] ấy sẽ chẳng còn nữa. Nếu chưa thể như vậy, cần phải dùng hiểu rõ lý để trừ khử. Nếu vẫn chưa thể như thế, ắt phải thuận theo từng sự mà khắc chế. Dùng những sự thuộc về bậc thượng

---

<sup>126</sup> Nguyên văn “*tinh nhất chi chân truyền*”. Chữ “*tinh nhất*” xuất phát từ một câu trong thiên Đại Vũ Mô của sách Thượng Thư: “*Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung*”. Tiên sinh Nam Hoài Cẩn coi câu này là cốt lõi của truyền thống văn hóa Trung Hoa. Các nhà chú giải giải thích câu nói này có nghĩa là: Lòng người dễ bị xáo động, đạo tâm kín nhiệm, chỉ cốt sao giữ cho tâm luôn chuyên ròng, ý niệm thuần nhất, luôn hành xử theo Trung Đạo.

để kiêm hành những công phu bậc hạ, chưa hề là chuyện thất sách. Nếu chấp vào bậc hạ, chẳng hiểu những chuyện thuộc bậc thượng, sẽ là cách thức vụng về<sup>127</sup>. Xét theo phương diện “phát nguyện, sửa lỗi”, [nhìn theo phương diện] rõ ràng thì cần phải có bạn lành nhắc nhở. [Xét theo phương diện] ngấm ngấm, thì cần phải có quỷ thần chứng minh, nhất tâm sám hối, ngày đêm chẳng lười nhác, qua bảy ngày, hoặc mười bốn ngày, cho đến một tháng, hai tháng, ba tháng, ắt có hiệu nghiệm. Hoặc là cảm thấy tâm thần thoáng đặng, hoặc cảm thấy trí huệ nhanh chóng mở mang. Hoặc là đối với những chỗ trầm trệ chẳng thông hiểu [khi trước, nay] vừa nghĩ tới thấy đều thông suốt. Hoặc gặp oán cừu mà có thể chuyển sân thành hỷ. Hoặc mộng thấy nhả ra vật có màu đen. Hoặc mộng thấy các bậc vãng thánh tiên hiền đề huề tiếp dẫn. Hoặc mộng thấy bay lên thái hư, hoặc mộng thấy tràng, phan, lọng báu, các thứ sự việc thù thắng. Đây đều là các dấu hiệu cho thấy lỗi tiêu, tội diệt vậy; nhưng chớ nên chấp trước chuyện này để rồi tự cao, tự vạch giới hạn, chẳng thể tiến được!

---

<sup>127</sup> Câu này hơi khó hiểu, chúng tôi xin mạn phép rườm lời dẫn lời giảng giải của ông Hoàng Bách Lâm: Sửa đổi lỗi từ nơi cái tâm là bậc thượng, còn sửa đổi lỗi bằng cách đối với từng sự việc bèn tận lực khắc chế dục vọng để khỏi phạm lỗi thì là bậc hạ. Nói “*dùng những sự thuộc về bậc thượng để kiêm hành những công phu bậc hạ*” tức là sửa đổi từ cái tâm, nhưng không bỏ những chuyện hành trì nơi sự tướng. Tu tập như vậy thì chưa hề bị thất bại, hoặc lạc lối. “*Nếu chấp vào bậc hạ, chẳng hiểu rõ những sự nơi bậc thượng*” tức là chỉ biết giữ giới nghiêm ngặt nơi hình tướng, không biết chuyển đổi cái tâm, như vậy sẽ là như trừ khử lỗi lầm nơi cành nhánh, không diệt từ căn bản, cho nên sẽ rất tốn công, không phải là phương tiện khéo léo của hàng Bồ Tát!

Xưa kia, ông Cừ Bá Ngọc lúc hai mươi tuổi đã cảm thấy thuở trước sai trái, tận lực sửa đổi. Tới lúc hai mươi một tuổi, bèn biết những lỗi đã sửa đổi khi trước vẫn chưa hết. Tới lúc hai mươi hai tuổi, nhìn lại khi hai mươi một tuổi, [thấy chính mình trong thuở trước] giống như vẫn đang ở trong mộng. [Do vậy], cứ mỗi năm thêm một tuổi, lần lượt sửa đổi. Lúc năm mươi tuổi, vẫn biết bốn mươi chín năm trước sai lầm. Đạo học vẫn về sửa lỗi của cổ nhân là như thế đó. Bọn chúng ta là lũ phàm phu, lỗi ác chi chút như lông nhím. Kẻ nghĩ lại những chuyện cũ, mà thường thấy dường như chẳng có lỗi gì, tức là kẻ tâm thô thấp, mắt bị màng mộng vậy!

Thế mà kẻ lỗi ác sâu nặng, cũng có những điều ứng nghiệm như tâm thần tối tăm, bế tắc, [chuyện mới đó mà vừa] quay đầu đã quên, hoặc là chẳng có chuyện gì mà thường phiền não, hoặc thấy bậc quân tử mà hổ thẹn, ử rữ, hoặc nghe chánh luận bèn chẳng vui, hoặc bố thí ân huệ đâm ra bị người khác oán trách, hoặc đêm nằm mộng điên đảo. Đến mức quá đáng, sẽ là ăn nói hư vọng, thần trí chẳng ổn định. Đây đều là những tướng cho thấy kẻ đó đã tạo nên mầm móng nghiệp chướng. Nếu thuộc về loại này, hãy nên dừng mãi, hăng hái, bỏ cũ theo mới, mong hãy chớ nên tự làm lạc!

***(Chánh văn) Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái.***

## (正文)是道則進。非道則退。

(*Chánh văn*: Chuyện hợp đạo thì hành theo, chuyện chẳng hợp đạo thì hãy nên tránh né).

Từ chỗ này cho tới câu “*tam bách thiện*” (ba trăm điều thiện) chính là lời chân thật dạy về chuyện làm lành. Ai có thể dốc hết sức thực hiện, sẽ lập tức có phước báo. Đạo ví như đường lớn. Thuận lẽ trời, hợp lòng người, sẽ phẳng phiu, ngay thẳng, đấy chính là đạo. Nghịch lẽ trời, trái lòng người, sẽ là gai góc, hiểm trở, tức là “*phi đạo*”. Hai câu này, một đăng là chuyên hướng theo điều lành, câu kia thuộc về sửa lỗi, nhưng chỉ là một ý: Tránh [những gì thuộc về] phi đạo, thực hiện [những chuyện] hợp đạo, đều quy vào một điều thiện mà thôi! Hai chữ “*tắc*” (則) [trong hai câu trên đây] có nghĩa là phải khẩn thiết dốc sức. Biện định đúng sai ngay trong một niệm, tiến hay thoái (thực hiện hay tránh né) cần phải quyết định ngay lập tức. Ở chỗ này, cần phải là thủ đoạn chém đinh chặt sắt, chẳng thể có mảy may do dự! Nếu ý niệm vừa chuyễn, sẽ lại đọa vào trong sự nắm giữ của ma. Hãy nên luôn luôn tự kiểm điểm bản thân, chuyện gì cũng phải thận trọng tu tập thì mới là hiểu được ý này.

Đạo ở đây chính là đạo “*thiên mạng vị tánh, suất tánh vị đạo*” (cái được trời ban cho thì gọi là Tánh,

hành xử theo Tánh thì gọi là đạo)<sup>128</sup>. Trong cuộc sống thường nhật, nói năng hay im lặng, động hay tĩnh, không gì chẳng phải là đạo, chỉ cần biết là lẽ chân (đạo) bền vững mãi mãi thực hiện. Cổ đức nói: “*Đại đạo chẳng lìa trước mắt*”, thế nhưng trước mắt lại khó thấy! Phải biết chân thể của đại đạo, chẳng lìa thanh, sắc, ngôn ngữ. Đạo Đức Kinh nói: “*Thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi*” (Người căn cơ bậc thượng nghe đạo, sẽ siêng năng hành theo). Nội Quán Kinh<sup>129</sup> nói: “*Tri đạo dị, tín đạo nan. Tín đạo dị, hành đạo nan*” (Biết đạo dễ, tin đạo khó. Tin đạo dễ, hành đạo khó). Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trường dưỡng nhất thiết chư thiện căn, đoạn trừ nghi vọng, xuất ái hà. Khai thị Niết Bàn vô thượng đạo*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức. Nuôi lớn hết thảy các căn lành, đoạn trừ lưới nghi, thoát sông ái. Khai thị đạo vô thượng Niết Bàn). Ấy là vì ai nấy đều có sẵn đạo thể, tuy chìm đắm trong muôn điều dục, nếu chịu nhất niệm hồi quang, điều nào là chân hay chẳng chân sẽ không thể lừa dối bằng mảy may được! Đó gọi là “*thiên lý bất tức chi Thể*” (cái thể của thiên lý<sup>130</sup> chẳng hề bị

---

<sup>128</sup> Đây là cách nói gọn của câu “*thiên đạo chi vị tánh, suất tánh chi vị đạo*” trong sách Trung Dung. Chúng tôi dịch câu này dựa theo cách diễn giải của tiên sinh Nam Hoài Cần.

<sup>129</sup> Bản kinh Đạo gia này có tên gọi đầy đủ là Thái Thượng Lão Quân Nội Quán Kinh, không biết do ai viết, xuất hiện từ đời Tùy, được xếp vào bộ loại Động Thần trong Đạo Tạng. Nội dung kinh dạy về cách quán tâm. Cách quán tâm của họ là tĩnh tọa cho quên hết ý niệm, khá tương đồng với các bộ Linh Bảo Định Quán Kinh và Thường Thanh Tịnh Kinh của Đạo gia.

<sup>130</sup> “*Thiên lý*” ở đây nếu hiểu theo nghĩa hẹp của Nho gia sẽ là thiên mạng, tức quy luật vận hành của vũ trụ, chân lý trong vũ trụ. Nếu hiểu theo Phật giáo, sẽ là chân tâm.

gián đoạn). Mở rộng ra, muôn kiếp ngàn đời, chẳng hề bị đọa lạc. “*Tri hành hợp nhất*”, sẽ trở thành thánh nhân chẳng khó! Hãy nên tin tưởng!

Xưa kia, có một người nông dân từng bị thương bởi hổ. Có người nói đến chuyện hổ tấn công người, ai nấy đều kinh hãi, chỉ riêng người nông dân ấy vẻ mặt biến đổi dị thường! Ôi! Hổ tấn công người, không ai chẳng biết, nhưng bản thân chưa từng trải qua, vì thế chỉ giật mình. Riêng người nông dân đã chịu nỗi khổ ấy; vì thế, mặt tái mét. Người ta vẫn làm những chuyện trái đạo, cũng là do chưa từng thật sự biết. Nếu thật sự biết, quyết sẽ chẳng làm! Người hiện thời ngày đêm mơ màng, chỉ như nằm mộng nói mớ! Trong mỗi khoảnh khắc, hay trong khi nghỉ ngơi đều duy trì, bảo dưỡng cái tâm tỉnh giác ấy. Một điểm linh quang thường tịch, thường chiếu, tuy có trần duyên dấy lên hay diệt mất, bản thể vẫn bất biến. Đấy mới là suốt ngày thâu đêm đều biết đạo, sẽ chẳng có chuyện phi đạo nào khiến cho người ấy bị mê hoặc hay rối loạn được!

Đời Tống, Triệu Thanh Hiến Công<sup>131</sup> mỗi đêm thắp hương tâm trình với trời. Có người hỏi [nguyên do], ông bảo: “Tôi từ thuở bé tới nay, ngày làm điều gì,

---

<sup>131</sup> Vị này tên thật là Triệu Biện (1008-1084), tên tự là Duyệt Đạo, hiệu là Tri Phi Tử, người xứ Tây An, Cù Châu (nay là Cù huyện, tỉnh Chiết Giang). Ông làm quan thanh liêm, làm quan tới chức Tham Tri Chánh Sự. Do phản đối chánh sách Thanh Miêu (cho nông dân vay nợ trước, đến mùa gặt sẽ trả nợ), bị Vương An Thạch đổi ra làm tri huyện Hàng Châu, rồi bị chuyển đi nhiều nơi từ Thành Đô cho đến Sơn Đông, mãi về sau mới được đưa về làm tri huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Khi vùng Ngô Việt bị mất mùa to, ông đã tận lực cứu đói. Khi ông mất, vua ban tặng thụy hiệu là Thanh Hiến, nên sách này gọi ông là Triệu Thanh Hiến Công.

đêm ất tâu trình Thượng Đế. Chuyện gì chẳng dám bẩm báo, sẽ chẳng dám làm”.

Trương Kỳ Uẩn dốc lòng nơi Lý Học, chú trọng hiếu thảo cha mẹ, hòa hợp với anh em. Mỗi lời lẽ, hành vi, đều tuân theo lễ pháp. Hễ hơi phạm sai sót liền thống trách hồi cải, suốt đêm chẳng ngủ. Cha mẹ qua đời, mỗi lúc gặp những món cha mẹ lúc còn sống thích ăn, ông luôn đối trước chúng che mặt khóc. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, suốt đời chẳng lấy thêm vợ lẽ. Cư xử trong gia đình nghiêm túc. Dầu ở một mình, vẫn chẳng có dáng vẻ lười nhác. Hễ gặp con em, ắt sốt sắng khuyên dạy, khiến cho chúng có thành tựu. Người thân, xóm giềng có chuyện nan gấp, nếu sức mình chẳng thể [giúp đỡ] toàn vẹn, ắt sẽ tìm nhiều cách cầu cạnh người khác lo toan cứu giúp. Hễ chuyện được thành tựu, sẽ vui vẻ. Nếu không, ắt sẽ sầu muộn, than thở chẳng ngơi! Lúc về già, càng thêm tinh tấn. Ông thường nói: “Nhà ta từ ông cao tổ là Quán Tâm Công dùng hiếu thảo, hòa thuận để mở mang nền tảng, đời nào cũng giữ lòng trung hậu. Tánh ta vọng về, chẳng thể làm ăn hòng để lại của cải cho con cháu, chỉ mong chẳng khiến cho thanh danh của gia tộc bị đọa lạc, giữ vẹn một mảnh ruộng tâm cho kẻ đời sau gieo cấy mà thôi!”

Đời Hậu Hán, Quán Ninh đã từng cùng với Hoa Hâm cuốc đất, tìm được vàng. Quán Ninh chẳng nhìn tới, Hoa Hâm móc lên, quăng đi. Gặp thời loạn lạc,

Quản Ninh lánh nạn sang Liêu Đông. Công Tôn Độ<sup>132</sup> dùng lễ mời mọc, Quản Ninh không màng. Do vậy, vào núi ở, có nhiều người theo ông. Trâu nhà hàng xóm phá ruộng, Quản Ninh bèn dắt trâu tới chốn núi hoang chăn dắt. Chủ trâu hổ thẹn, cảm tạ. Dần dần, chỗ ông ở trở nên đông đúc. Do vậy, Quản Ninh bèn dạy thi thư, chỉ bày lễ nghi, giảng rõ phép lễ nghĩa, khiêm tốn. Nếu chẳng phải là người cầu học, ông sẽ không tiếp. Phong thái của ông vang dội khắp Liêu Đông, dân chúng được cảm hóa bởi đức hạnh của ông. Mỗi lần gặp Công Tôn Độ, chỉ nói về đạo đức, chẳng dính dáng chuyện đời. Công Tôn Độ ca ngợi sự hiền đức của Quản Ninh. Ông ở đất Liêu ba mươi bảy năm, do tuân mạng lệnh của triều đình mà vượt biển trở về. Biển nổi sóng to gió cả, những phu chèo thuyền kêu trời, sám hối tội lỗi. Quản Ninh nói: “Tôi đã từng có một buổi sáng [thức dậy] không đội mũ, ba buổi sáng dậy quá trễ, một lần đi nhà xí chẳng đội mũ. Tội lỗi ắt là những điều ấy” Các thuyền cùng đi đều chìm hết, thuyền ông Ninh được thoát. Ông trở về, được phong làm Đại Trung Đại Phu, chẳng nhận. Hoa Hâm nhường chức Thái Úy, ông cũng từ chối. Ông mất lúc tám mươi bốn tuổi. Nơi cái giường gỗ ông thường ngồi, hai chỗ ông đặt đầu gối

---

<sup>132</sup> Công Tôn Độ, tự Thăng Tế, là tướng lãnh quân phiệt cuối thời Hán khi Đồng Trác khuynh loát nhà Hán. Xuất thân là nha lại dưới quyền thái thú Công Tôn Vực, được Công Tôn Vực quý mến, nâng đỡ, Công Tôn Độ được tiến cử làm Hữu Đạo của quận Huyền Thố, rồi đến Lạc Dương làm quan, nhận chức Thượng Thư Lang, sau đó được bổ làm quan ở Ký Lang. Khi Đồng Trác làm Thừa Tướng, do mối thân tình với bộ tướng Từ Vinh của Đồng Trác, Công Tôn Độ được bổ làm Thái Thú Liêu Đông. Công Tôn Độ hiếu sát, giết gần hết những gia đình vọng tộc ở Liêu Đông, dần dần toan tính độc lập xưng bá, tự xưng là Châu Mục xứ Bình Châu, tước Liêu Đông Hầu, không thèm nghe theo lệnh triều đình.



đều bị lồm xuồng, [chứng tỏ] suốt năm mươi năm chưa từng co gồi ngồi xồm. Thân thích, hàng xóm có người nghèo túng, dầu nhà thiếu gạo ăn, ông ắt sẽ chia sẻ cứu giúp. Với con bèn nói đến hiếu, với em bèn nói nhường, với bày tôi bèn nói trung. Dáng vẻ cung kính, ngôn từ nhu thuận, có thể nhờ vào sự việc để hướng dẫn người khác về điều lành. Những kẻ biết thẹn chẳng ai không được cảm hóa.

Người hiện thời hãy thử nghĩ trong mười hai thời, đối với những chuyện trái ý trong gia đình, có nên sanh phiền não hay không? Ở yên, no ấm, có nên sanh lòng dâm dục hay không? Sanh kế rất đặm bạc, có nên tranh đoạt danh lợi hay không? Là khỏi sự đốc thúc của những người bạn đạo, chính mình có sanh hôn trầm, lười nhác hay không? Sống yên ổn, có đừng nghĩ tới ruộng đất, nhà cửa hay không? Thấy kẻ khác phú quý, có đừng nghĩ tới chuyện vinh hoa hay không? Chính mình nghèo hèn, có đừng nghĩ chuyện buôn chải, tranh giành hay không? Hễ có một điều trong những điều ấy, sẽ đều đủ để thoái thất đạo tâm, trở thành trái lý, chớ nên lời là! Vì thế, kẻ phản tỉnh, học đạo chân thật, hiểu biết những điều sai trái, sẽ tiến bộ nơi đạo.

*(Chánh văn) Bất lý tà kính, bất khi ám thất.*

**(正文)不履邪徑。不欺暗室。**

(*Chánh văn*: Chẳng đi theo nẻo tà, chẳng lừa dối khi ở trong buồng tối).

“*Lý*” (履) là chỗ đích thân thực hiện, cũng như những chỗ nghĩ đến, sẽ đều gọi là “*lý*”. Chữ “*tà kính*” (邪徑) chỉ những chỗ hết sức nhỏ nhiệm, dễ bị sơ sót, ý nói là những chuyện hoặc những niệm tà vạy. “*Khi*” (欺, lừa dối) có nghĩa là biết rõ mà cố ý vi phạm. “*Ám thất*” (暗室, phòng tối) là chỗ người khác chẳng thấy, chẳng nghe; đây chính là ranh giới phân chia ban đầu giữa thiện và ác vạy. “*Bất lý tà kính*”: Từ nơi nguồn tâm, luôn chú trọng giữ cho nó đàng hoàng, chánh đáng từng ly, từng tý. Tuy là đường tà nhỏ nhất, nó có mối quan hệ rất vi tế. Cho đến khi ấy, sẽ quyết đoán chẳng làm theo. [Như thế thì] đối với những điều to tát, sẽ biết [phải nên làm như thế nào]. “*Bất khi ám thất*”: Quét dọn nguồn tâm cho sáng ngời, rạng rỡ. Tuy là chỗ buồng kín chỉ riêng ta biết, tức là chỗ kín đáo nhất, ngay trong khi ấy, cương quyết chẳng cầu thả. [Như vậy thì] đối với những chỗ tỏ lộ (ai cũng trông thấy), sẽ biết [phải nên hành xử như thế nào]. Có thể làm như thế, sau đây, tích lũy công đức, hành các điều lành, do một điều sẽ quán thông hết thảy.

Phước do đức mà có. Hễ có đôi chút cái tâm mong cầu [được phước khi tích lũy công đức], sẽ là “*tà kính*” (nẻo tà). Vì thế, phải nên vì con cháu tạo phước, chớ

nên vì con cháu cầu phước. Giữ gia quy nghiêm cẩn, chuộng tiết kiệm, chất phác, dạy bảo con cháu cày cấy, đọc sách, tích lũy âm đức. Đó là tạo phước. Tạo tác ruộng đất, nhà cửa cho nhiều, dùng các mối quan hệ hôn nhân để tạo vây cánh, tìm cách bớt tiền đóng thuế, mua bán công danh. Đây là cầu phước. Tạo phước, [phước ấy] thanh đạm nhưng lâu dài; cầu phước thì phước ấy nồng đượm nhưng ngắn ngủi. Danh phải tương ứng với thực chất; hễ hơi có cái tâm cầu danh, sẽ là nẻo tà! Vì thế, hãy nên tiếc danh trong đời này, chớ nên cầu danh trong đời này! Siêng học thi thư, đề cao khí tiết, thận trọng trong việc cho và nhận, cẩn trọng oai nghi, đó là tiếc danh. Cạnh tranh để được nổi tiếng, ve vãn bậc quyền quý, truy cầu những kiểu thói quái lạ, quen thói hành xử hàm hồ; đó là cầu danh. Kẻ tiếc danh sẽ an tĩnh, thanh tịnh. Kẻ mua danh sẽ xáo động, trật vuột.

Tiền tài là để nuôi dưỡng sanh mạng; hễ hơi có cái tâm phô trương tiền tài, sẽ là nẻo tà! Vì thế, hãy nên vì cả nhà dụng tài, chớ nên vì cả nhà phô trương tiền tài. Giúp đỡ họ hàng, xóm giềng, trả tiền lương rộng rãi cho thầy dạy học, cứu giúp kẻ đói kém, đóng góp cho các việc nghĩa, đây là “dụng tài”. Nhà cửa vườn tược xa hoa, [bỏ tiền ra thuê] người dạy ca múa<sup>133</sup>, tiệc tùng xa xỉ, chất chứa những đồ vật quý báu, đẹp đẽ. Đó là

---

<sup>133</sup> Khi xưa, những nhà quý tộc giàu có thường nuôi con hát trong nhà. Nhiều nhà còn có riêng rạp hát, đoàn hát với toàn bộ ca nhi, nhạc công. Theo ông Hoàng Bách Lâm, nếu hiểu theo nghĩa hiện thời, điều này sẽ có nghĩa là mua sắm những thiết bị âm nhạc, phương tiện giải trí đắt tiền như máy karaoke, home theater, mượn thầy dạy khiêu vũ riêng v.v...

phô trương tiền tài. “*Dụng tài*” thì tuy tiền tài hao tổn [nhưng rồi] sẽ lại tràn đầy; phô trương tiền tài, [thoạt đầu] thì choáng lộn, [cuối cùng] thiếu hụt. Bản thân là người làm chủ gia đình, hễ có cái tâm riêng tư, sẽ là nẻo tà! Vì thế, hãy vì đại chúng mà tu thân, đừng nên ích kỷ chỉ lo riêng cho gia đình mình. Giảm bớt ham muốn, giảm bớt lo nghĩ, tránh phần hận, bớt ăn uống. Đó là tu thân. Chuyện gì cũng tính lợi hại, tránh né những chuyện nhọc nhằn, hoặc [những chuyện mà khi ta lo liệu sẽ dễ] bị oán trách, chăm bẵm nhà cửa, chấp trước vợ con. Đó là “*tư thân*” (私身, lo riêng cho bản thân). Tu thân thì [thoạt nhìn dường như] là tiết chế, an phận, nhưng sẽ có tiếng tăm to lớn. Tư thân thì tuy có vẻ giàu có, nhưng hẹp hòi, kém cỏi.

Dực Thánh Chân Quân<sup>134</sup> dạy ông Trương Thủ Chân như sau: - Nếu có thể thanh sạch cái thân, giữ lễ chánh, tác lòng chẳng lừa dối, tự nhiên sẽ ngầm hợp thiên lý.

Quan Thánh Đế Quân nói: - Người có tâm như trên bầu trời có mặt trời. Quang minh soi thấu suốt, từng ly từng tí chẳng riêng tư.

---

<sup>134</sup> Dực Thánh Chân Quân, còn gọi là Hắc Sát Nguyên Soái, là một vị thần bảo hộ trong Bắc Cực Tứ Thánh của Đạo Giáo. Tứ Thánh là Thiên Bồng, Thiên Do, Chân Vũ và Dực Thánh. Vị này được biết tới do đạo sĩ Trương Thủ Chân đề xướng. Theo họ Trương, vào thời Bắc Tống, ông ta đi vào núi Chung Nam Sơn gặp một vị thần tiên hiển linh, tự xưng là Cao Thiên Đại Thánh Ngọc Đế Phụ Thần có sứ mạng phù tá nhà Tống, dạy Trương Thủ Chân làm đàn cầu Hắc Sát Thần bảo hộ hoàng triều. Tống Thái Tổ phong cho Hắc Sát Thần làm Dực Thánh Tướng Quân. Về sau Tống Chân Tông lại gia phong là Dực Thánh Bảo Đức Chân Quân.

Lục Tượng Sơn<sup>135</sup> nói: - Con người chỉ có một tâm, dấy lên ý niệm, ý niệm có chánh đáng hay không chỉ trong khoảnh khắc! Nếu một niệm bất chánh mà trong khoảnh khắc sẽ biết ngay, sẽ liền có thể đoạn chánh ý niệm. Ý niệm đoạn chánh mà trong khoảnh khắc bị mất đi, tức là bất chánh. Những điều này đều ở ngay trong một cái tâm của con người.

Kinh Thư nói: “*Duy thánh vãng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh*” (Thánh mà chẳng chế ngự được ý niệm sẽ thành cuồng, kẻ cuồng mà có thể khắc chế ý niệm sẽ là thánh). Thánh hiền ngàn đời [sở dĩ thành thánh thành hiền] bất quá là có thể soi xét chỗ vi tế ngay trong một niệm. Trời, đất, quỷ thần phần nhiều giám sát điều thiện lẽ ác ở chỗ này. Người nào có thể từ nơi đây mà cúi đầu, ngẩng đầu chẳng then, chẳng xấu hổ với bóng áo, lẽ nào có thể làm chuyện sai quấy ở nơi riêng tư ư?

Bài thơ Không Lừa Dối của ông Vương Mai Khê<sup>136</sup> có đoạn: “*Thất minh, thất ám lương hề nghi,*

---

<sup>135</sup> Lục Tượng Sơn tên thật là Lục Cửu Uyên (1139-1193), tự Tử Tĩnh, người xứ Kim Khê, Phủ Châu (nay là huyện Kim Khê, tỉnh Giang Tây). Ông là một nhà triết gia theo trường phái Lý Học, và cũng là một văn gia lừng danh thời Bắc Tống. Do ông sáng lập Tượng Sơn Thư Viện nên thường được gọi là Lục Tượng Sơn, hoặc Tượng Sơn Tiên Sinh.

<sup>136</sup> Vương Thập Linh (1124-1171), tự là Quy Linh, hiệu là Mai Khê, người xứ Lạc Thanh, Ôn Châu (nay là huyện Lạc Thanh, tỉnh Chiết Giang). Ông là một văn nhân nổi tiếng của nhà Tống. Khi ông còn trẻ, do Khâm Tông bị người Kim bắt, Cao Tông chạy về Nam lập ra Nam Tống, trọng dụng Tần Cối. Vì Tần Cối lũng đoạn quy chế thi cử, ông không đi thi. Cho đến khi Tần Cối chết, ông mới đi thi và đỗ Tiến Sĩ khi đã bốn mươi một tuổi. Do tán đồng quan điểm đánh lên phía Bắc để chiếm lại đất đai của nhà Tống từ tay quân Kim, ông bị phe chủ hòa vùi dập. Khi làm Thị Ngự Sử dưới thời Tống Hiếu Tông, trong vòng một tuần lễ, ông đã dâng

*phương tôn thường tôn bất khả khi, mạc vấn thiên cao quỹ thần ố, yếu tu tiên úy tự gia tri*” (Thường giữ tắc lòng không dối trá, dẫu nhà sáng tối há ngờ chi. Khoan sợ đất, trời, thần quỷ ghét, hãy sợ nhà mình biết trước đi).

Trong bài Úy Thuyết (nói về Sợ) của Trúc Căn lão nhân có đoạn: - Nói chung, lòng người chẳng thể không biết sợ; còn có lòng kiêng sợ hay không chính là căn cứ để phán định thiện hay ác vậy. Do vậy, quân tử trong là sợ cha mẹ, ngoài thì sợ thầy bạn, ngẩng lên bèn sợ trời, cúi xuống bèn sợ người. Chỉ vì có lòng sợ, cho nên chuyện phi lễ chẳng dám làm, chuyện phi nghĩa không dám rở. Hễ một niệm hồ thẹn, ắt tâm sẽ bị chấn động, áy náy. Hễ có chuyện đáng xấu hổ, đáng vẽ sẽ hồ thẹn. Dè dặt, kiêng sợ, tự gìn giữ, hằng ngày sẽ giảm bớt lỗi mà chẳng tự biết, sẽ dự vào hàng quân tử vậy.

Đời Tống, Lưu An Thế<sup>137</sup>, tuổi đã già, danh càng trọng. Lương Sư Thành<sup>138</sup> nắm quyền, có thể quyết

---

mười sáu tờ sớ hạch tội quyền thần Sử Hạo. Do thấy Hiếu Tông chủ hòa, ưa nịnh, thiếu sáng suốt, ông chán nản, từ quan. Nhưng năm sau triều đình gọi ông đi coi Nhiêu Châu, rồi Quý Châu, Tuyên Châu. Ông luôn chú trọng việc nông, thủy lợi, yêu dân như con, được dân Tuyên Châu lập đền thờ sống. Năm 1171, triều đình lại gọi ông về giữ chức Chiêm Sử trong cung Thái Tử, nhưng ông bệnh nặng, mất vào tháng Bảy năm ấy, thụy hiệu là Trung Văn.

<sup>137</sup> Lưu An Thế (1048-1125), tên tự là Khí Chi, người huyện Đại Danh, tỉnh Hà Bắc. Ông vốn là học trò của Tư Mã Quang. Khi Tư Mã Quang làm Tể Tướng, đã đề cử ông làm việc ở Quốc Sử Quán, tiến dần lên chức Giám Nghị Đại Phu. Ông nổi tiếng cương trực, bàn luận không kiêng nể, vị tình, thẳng thừng vạch trần những lập luận quanh co, lừa gạt của các kẻ quyền thần hay những gã xu phụ trong triều, khiến họ rất e ngại. Vì thế, các đồng僚 thường gọi ông là Điện Thượng Hồ (cọc trên triều đình). Khi Tống Huy Tông lên ngôi, do sợ bị ông chỉ trích, đã đưa ông đi

định sự sống chết của kẻ khác, trong tâm khâm phục sự hiền năng của ông Lưu, sai người đến khuyên dụ để trọng dụng ông. Do đó, [người ấy] khuyên ông hãy tính toán cho con cháu. An Thế cười bảo: “Nếu ta vì con cháu, sẽ chẳng [chờ đợi] cho đến hiện thời. Bị bãi truất ba mươi năm, ta chưa hề viết một chữ nào gởi cho bậc quyền quý trong triều [để nhờ vả]. Ta mong gìn giữ nhân cách hoàn mỹ thời Nguyên Hựu<sup>139</sup> để gặp ngài Tư Mã Quang dưới suối vàng, chẳng thể phá giới được!” Ông trả lại thư ấy, chẳng đáp!

Đời Minh, Đồng Phác từ quan về nhà. Đúng dịp sứ giả<sup>140</sup> đến đất Sở (Hò Bắc) là học trò của ông. Trước đó, người ấy đã gởi đề thi [do các quan chủ khảo] định sẵn [trong khoa thi ấy] cho ông. Ông đốt đi, không cho con xem. Về sau, con ông thi đỗ.

Đời Minh, có quan Thượng Thư tên Dương Chử, là người huyện Ngô. Mộng thấy đến chơi một khu vườn, ăn hai quả mận. Tỉnh giấc bèn tự trách: “Do ta

---

làm tri phủ Chân Định. Khi gian thần Thái Kinh làm Tể Tướng, hắn đã đày ông đến Hiệp Châu.

<sup>138</sup> Lương Sư Thành, tên tự là Thủ Đạo, là hoạn quan thời Bắc Tống, kết bè kéo cánh với Thái Kinh, Đồng Quán, Vương Phủ, Lý Ngạn, và Châu Dân thao túng triều chánh thời Tống Huy Tông, Sử thường gọi bọn họ là Lục Tặc (sáu thằng giặc). Sư Thành chỉ biết đọc biết viết, thoát đầu là thái giám chuyên truyền chỉ dụ của nhà vua, trông coi tạp vụ tại Nghệ Thư Cục. Do khéo nịnh hót, miệng lưỡi trơn tru, hắn được vua đặc cách ghi tên vào sổ Tiến Sĩ, lại được cử làm Quan Sát Sứ Duyện Châu rồi Tiết Độ Sứ, Kiểm Hiệu Thái Phó. Sau đó Thái Úy, Khai Phong Nghị Đồng Tam Tư oai quyền lấn át hoàng đế. Người đương thời gọi hắn là Ân Tướng (vị tể tướng ăn mặt).

<sup>139</sup> Nguyên Hựu là niên hiệu của Tống Triết Tông.

<sup>140</sup> “Sứ giả” ở đây có nghĩa là quan do triều đình phái xuống làm chủ khảo khoa thi tại tỉnh Hò Bắc.

thường ngày đối với nghĩa và lợi chẳng hiểu rõ, cho nên đến nông nổi này”. Ông bèn nhịn ăn nhiều ngày!

Xưa kia, có một sa-di tám tuổi tên là Diệu Nhan, đã trọn đủ thân thông của bậc La Hán, bay vào vương cung. Hoàng hậu muốn ôm lấy, Diệu Nhan nói: “Hãy ngừng lại, đừng làm vậy! Chớ nên thân cận sa-môn”. Hoàng hậu nói: “Khanh còn nhỏ, giống như con của ta, tuy ôm khanh cũng có sao đâu!” Diệu Nhan đáp: “Nếu nói theo tình cảm thế gian, đúng như phu nhân đã dạy; nhưng tình chấp đều từ điều nhỏ nhặt mà dấy lên, ví như một đóm lửa, có thể đốt cháy vạn dặm đồng hoang! Ví như từng giọt nước có thể xuyên thủng đá Thái Sơn! Mọi chuyện đều do dần dà mà thành, do ít mà thành nhiều, do nhỏ mà thành lớn. Vì thế, người trí tránh xa chuyện hiềm nghi, dập tắt những gì vừa mới manh nha!”

Đời Hán, Dương Chấn làm Thái Thú quận Đông Lai, trên đường đi qua Xương Ấp. Viên quan đứng đầu huyện ấy là Vương Mật, vốn là một Tú Tài<sup>141</sup> được ông Dương đề cử. Đêm khuya, Vương Mật đem vàng đến yết kiến, dâng lên. Dương Chấn khước từ. Vương Mật nói: “Đêm sâu chẳng có ai biết”. Dương Chấn nói: “Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết. Sao lại nói là

---

<sup>141</sup> Nguyên văn là Mậu Tài. Ông Hoàng Bách Lâm nói Mậu Tài chính là Tú Tài. Do Hán Quang Vũ Đế tên là Lưu Tú, nên sách vở thời Hán kỵ húy, viết Tú thành Mậu.



không ai biết?” Vương Mật hồ thẹn lui ra. Dương Chấn làm quan tới địa vị Tam Công<sup>142</sup>.

Hà Trùng giỏi nghề thuốc. Có người họ Tôn, bệnh đã lâu không lành, mời Hà Trùng đến chữa mấy lần. Vợ người ấy ngầm nói với Hà Trùng: “Chồng tôi bệnh lâu ngày, [tài sản trong nhà] đã cầm bán gần hết rồi, xin dùng tám thân này để trả tiền thuốc”. Hà Trùng nghiêm mặt nói: “Cớ sao bà nói vậy? Bà hãy yên lòng, đừng lo. Tôi sẽ chữa trị. Nếu làm chuyện ô nhục ấy, không chỉ là khiến cho tôi vĩnh viễn là đứa tiểu nhân, mà bà cũng bị mất danh tiết. Dẫu chẳng bị người trách, khó tránh trời phạt!” Về sau, Hà Trùng mộng thấy mình đến một dinh thự, thần bảo: “Người làm nghề y có công, lại chẳng vì người ta gặp lúc khó khăn, ngặt nghèo mà dâm loạn phụ nữ của họ, Thượng Đế ban cho người một chức quan, năm vạn quan tiền”. Không lâu sau, Hoàng Thái Tử mắc bệnh, tìm thầy thuốc chữa trị [đều không lành, đến cuối cùng] kiếm được Hà Trùng, chẳng cần thuốc thang mà lành bệnh. Vua ban chức quan và tiền bạc đều đúng như con số [thần đã dạy].

***(Chánh văn) Tích đức lũy công.***

---

<sup>142</sup> Đến cuối đời, Dương Chấn được bổ làm Thái Úy. Theo quy chế đời Hán, đây là chức quan chỉ huy cao nhất trong quân đội. Thời Tây Hán, Thái Úy, Thừa Tướng và Ngự Sử Đại Phu được gọi là Tam Công. Thời Đông Hán, Thái Úy đổi thành Đại Thái Úy, cùng với Tư Đồ và Tư Không được gọi là Tam Công. Dương Chấn sống vào thời Đông Hán. Dòng họ ông có đến bốn đời lần lượt làm Thái Úy, tức là bản thân ông, con trai là Dương Bình, cháu là Dương Tứ, chắt là Dương Tổ đều làm Thái Úy. Cụ tăng tổ của ông là Dương Sưởng làm Thừa Tướng thời Hán Cao Tổ.

## (正文)積德累功。

(*Chánh văn: Tích lũy công đức.*)

Gìn giữ chân tâm là Đức, thể hiện qua các sự gọi là Công. Do ít thành nhiều, từ thấp lên cao, đó là Lũy. Đức chẳng tích sẽ không cao. Công chẳng “lũy” (累, chất chứa) sẽ chẳng to. Nếu có thể chú trọng tỉ mỉ như nông dân mong được mùa; nóng lòng mong mỏi [phát tài] như con buôn đang kinh doanh, hôm nay tích một đức, ngày mai lại tích một đức, hôm nay chứa một công, ngày mai chứa một công khác nữa. Nói “*[để trở thành] thiên tiên, hãy thực hành một ngàn ba trăm điều thiện chỉ trong bốn năm. [Để thành] địa tiên thì hành ba trăm điều thiện chỉ trong một năm*”, vậy thì phàm nhân sẽ chẳng thể, sợ rằng sẽ đến nỗi bỏ dở giữa chừng. Ấy là vì chấp trước đã sâu, tập nhiễm (những thứ đắm nhiễm do tập khí) khó trừ. Lý chẳng thắng nổi dục<sup>143</sup>, lương tâm vừa dấy lên lại bị ngưng lặng. Vì thế, rốt cuộc chẳng có dịp để làm lành!

Chỉ mong những người đã phát khởi thiện nguyện trong cõi đời hãy có tấm lòng chân tín, tâm dũng mãnh, tâm tinh tấn, tâm kiên trì, vĩnh hằng. Chớ nên vì keo tiết tiền của mà bỏ dở giữa chừng. Chớ sợ những lời lẽ chê bai mà tự ngờ vực. Chớ quen thói an nhàn, thuận

---

<sup>143</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này có nghĩa là tuy hiểu đạo lý, nhưng không thực hiện được, tức là lý trí không thắng nổi dục vọng tâm thường.

tiện để rồi chẳng mạnh mẽ, hăng hái. Chớ bị ham muốn riêng tư lôi kéo để rồi chẳng cương quyết, đoạn tuyệt [những thói hư tật xấu]. Chớ qua loa tắc trách để rồi bỏ dở nửa chừng. Chớ chấp vào sự thành tựu nhỏ nhặt mà vui sướng, tự mãn. Chớ mong mỏi những điều hiem hoi, cao xa, để rồi chẳng chú trọng thật sự tu tập. Chớ vì thấy sự việc to tát mà ngại khó. Chớ vì điều lành nhỏ nhoi mà xem nhẹ. Chớ vì sự việc phiền toái mà đùn đẩy [cho người khác]. Chớ tiếc nuôi danh tiết để rồi chẳng cứu người hoạn nạn. Chớ gắng sức nơi chỗ dễ thấy mà lơ là chỗ ẩn kín. Chớ gắng sức nơi hành vi, mà xem nhẹ lời ăn tiếng nói. Chớ nói ngọt ngào sáo rỗng, để rồi hành vi chẳng phù hợp sự thật. Chớ giữ cái thường hằng, xem nhẹ cái tạm bợ. Chớ siêng lúc đầu, biếng nhác lúc sau. Chớ ty hiem. Chớ ngại kẻ khác oán hận [để rồi không tích lũy công đức]. Chớ chần chừ, chớ gián đoạn, chớ lơ mãng, chớ mong được báo đáp, chớ ham danh. Hễ gặp hết thấy các việc thiện, hãy đều hoan hỷ hành trì, hành xử khéo léo cốt sao thành tựu mới thôi. Như vậy mới là chủng tử tốt đẹp trong việc phụng trì, [tích lũy công đức] vậy!

Tử Hư Nguyên Quân nói: - Xưa kia có Phó tiên sinh, từ bé đã ham thích đạo. Vào ở nơi thạch thất trong núi Tiêu, tu tập ba năm, bỗng gặp Thái Cực Chân Nhân<sup>144</sup> trao cho cái dùi gỗ bảo hãy đục thủng một tảng đá, căn dặn: “Đá thủng thì ta sẽ độ ngươi”. Đá dày hơn năm thước, ông Phó cứ dùi mãi không ngừng. Trải qua

---

<sup>144</sup> Theo sách Vân Cáp Thất Thiên, Thái Cực Chân Nhân tên là Đỗ Xung, tự Viễn Dật, sống vào thời Châu Chiêu Vương, thành tiên vào thuở ấy.

bốn mươi bảy năm, đá bỗng bị xuyên thủng. Thái Cực Chân Nhân quả nhiên đến độ ông ta. Phàm tích lũy công đức, tuy chẳng phải là dùi đá, nhưng cứ từ chuyện này mà suy, chỉ sợ người ta không làm, hoặc bỏ cuộc giữa chừng vậy. Kẻ có chí, sự rốt cuộc sẽ thành, chuyện này chẳng phải là được chứng nghiệm rõ ràng đó sao?

Đời Tống, Thái Thú xứ Trấn Giang là Cát Phồn, mỗi ngày hành mấy điều thiện, suốt bốn mươi năm chẳng bỏ. Người khác thưa hỏi, ông nói: “Ta chẳng có gì khác, chỉ là mỗi ngày làm một, hai chuyện có lợi cho người khác”. Nhân đó, ông chỉ cái bọc lót chân nơi chỗ ngồi, bảo: “Vật như thế nếu kê chẳng ngay, ắt sẽ làm dập chân người khác. Ta kê lại cho ngay ngắn. Người ta khát bèn cho một chén nước, đều là những chuyện lợi lạc. Từ bậc khanh tướng cho đến người ăn mày đều có thể làm được. Chỉ là làm lâu ngày thì sẽ có lợi ích đó thôi!”

Dương Tuần làm Thôi Tư<sup>145</sup> xứ Quỳ Châu, tích lũy công đức, bắt chước ông Châu Trì hành mười điều lợi ích trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Một là thu nhặt những trẻ nhỏ bị bỏ rơi trên đường phố, cạy người

---

<sup>145</sup> Theo quy chế đời Tống, cơ cấu tư pháp được chia thành hai hệ thống là Sự Thật Thảm và Pháp Luật Thảm. Sự Thật Thảm nhằm thẩm vấn, phá án, phán tội, còn Pháp Luật Thảm là cơ quan giám sát, nhằm đảm bảo việc xử án đúng luật, không oan khuất. Những quan lại trực thuộc hệ thống Sự Thật Thảm sẽ được gọi là Thôi Tư, Ngục Tư và Thôi Khám Quan. Những vị quan thuộc về Pháp Luật Thảm sẽ được gọi là Pháp Quan hoặc Kiểm Pháp Quan. Quy chế song hành này được áp dụng từ trung ương cho đến địa phương, thường gọi là Tả Đoán Hình, Hữu Trị Ngục, tức là các vị thuộc cơ cấu bên tả sẽ lo việc thi hành luật, các vị thuộc cơ cấu bên hữu sẽ phụ trách giám sát.

chăm sóc. Chờ cho nó đến tuổi mười lăm, nếu nó muốn nhận lại [cha mẹ ruột], sẽ trao lại cho đoàn tụ với cha mẹ. Thứ hai, mỗi mùa Đông, bắt đầu từ ngày mùng Ba tháng Mười Một, sẽ thu nhận người từ sáu mươi tuổi trở lên, trẻ nhỏ dưới mười lăm, và kẻ ăn mày, người nghèo hèn vào Dưỡng Tế Viện của chính ông. Mỗi ngày cho một thưng gạo, mười lăm đồng. Ba tháng sau sẽ để họ tự tiện tìm cách sống. Thứ ba, thí rộng rãi những loại thuốc thang có hiệu nghiệm để giúp đỡ người bệnh khổ. Thứ tư, thí quan tài, châu cấp những gia đình không có sức mai táng. Thứ năm, thí gái trưởng thành, chẳng đòi tiền chuộc thân, mà ban cho quần áo, tư trang đúng mức, giúp nó lấy người thích đáng. Thứ sáu, chuyên nhất kiêng giết, cứu vớt, bảo vệ chúng sanh. Hễ gặp loài vật dù là phi cầm hay tảo thú, lớn hay nhỏ, đều mua hay chuộc lấy để phóng sanh. Thứ bảy, mỗi khi gặp nạn mất mùa, lương thực đắt đỏ, thiếu thốn, ông bèn chẩn tế dân nghèo. Thứ tám, hễ thánh tượng trong chùa hoặc đạo quán bị tổn hoại, tróc lở, sẽ sửa chữa, tô điểm. Cầu, bến, đường sá, ngòi, rạch chẳng thông, sẽ đều sửa chữa. Thứ chín, đối với hàng sĩ phu lưu lạc xa quê, bèn giúp tiền cho họ về quê. Thứ mười, làm quan bèn giúp người khác giải bày nỗi oan uổng, luôn biết nghĩ tới người khác, giúp đỡ người gặp cảnh nguy khốn, dè nén kẻ cậy quyền hiếp đáp, giúp người yếu được sống yên. Về sau, con ông là Dương Xuân đỗ đầu thiên hạ (đỗ Trạng Nguyên). Phàm những kẻ chẳng biết [do trông tía] sẽ có lợi ích được mùa vào tiết Thu, thấy người khác gieo hạt, bèn chê trách: “Sao

lại lấy thứ để ăn đem vớt xuống bùn lầy?” Kẻ chẳng biết phước điền cũng giống như thế. Ngạn ngữ có câu: “*Trồng tre được măng, gieo sen được ngó*”. Phàm những ai cùng hàng với tôi, đã biết nghiệp rồi, hãy thận trọng, đừng tiếc sức gieo trồng [phước điền]!

Đời Hậu Châu, ông Yên Sơn Đậu Vũ Quân, làm quan Giám Nghị thời Ngũ Đại<sup>146</sup>, đã ba mươi tuổi mà chẳng có con. Mộng thấy ông nội bảo: “Người không có con, lại chẳng thọ. Hãy nên sớm làm lành”. Vũ

---

<sup>146</sup> Ngũ Đại là thời phong kiến quân phiệt cát cứ sau khi nhà Đường diệt vong kéo dài từ năm 907 cho đến 979. Sử thường gọi thời này là Ngũ Đại Thập Quốc vì có năm triều đại chính nối tiếp nhau, đồng thời có đến mười tiểu quốc xen kẽ. Thời kỳ này chấm dứt khi Triệu Khuông Dã thống nhất Trung Hoa.

Năm triều đại là:

1. Hậu Lương (907-923), do Châu Ôn sáng lập, kéo dài được ba đời vua, kinh đô là Khai Phong.
  2. Hậu Đường (923-937), do Lý Tồn Úc sáng lập, kéo dài bốn đời vua, kinh đô là Lạc Dương.
  3. Hậu Tấn (936-947), do Thạch Kính Đường sáng lập, được hai đời vua, kinh đô là Khai Phong.
  4. Hậu Hán (947-951), do Lưu Trí Viễn sáng lập, hai đời vua, kinh đô là Khai Phong. Đây là triều đại ngắn nhất trong lịch sử Trung Hoa.
  5. Hậu Châu (951-960), do Quách Oai sáng lập, ba đời vua, kinh đô là Khai Phong.
- Thập Quốc là mười quốc gia trong giai đoạn ấy, tức Ngô (902-937, do Dương Hành Mật sáng lập), Nam Đường (937-975, do Lý Biện sáng lập), Ngô Việt (907-978, do Tiền Liêu sáng lập), Mân (909-945, do Vương Thâm Tri sáng lập), Bắc Hán (951-979, do Lưu Mân sáng lập), Tiền Thục (903-925, do Vương Kiến sáng lập), Hậu Thục (934-965, do Mạnh Tri Tường sáng lập), Kinh Nam (924-963, do Cao Quý Hưng sáng lập), Sở (927-951, do Mã Ân sáng lập), Nam Hán (917-971, do Lưu Cung sáng lập). Dưới thời Nam Hán, ngay trong thời Lưu Cung (Nam Hán Cao Tổ), tại Giao Châu, Ngô Quyền đã dấy binh từ Ái Châu (vùng Thanh Nghệ) khởi nghĩa tấn công tiết độ sứ Giao Châu là Kiều Công Tiễn (gã này đã giết Dương Diên Nghệ để chiếm quyền). Kiều Công Tiễn cầu cứu nhà Nam Hán, Lưu Cung sai đưa con thứ chín là Lưu Hoàng Thao dẫn quân đánh Giao Châu (thời ấy được gọi là Tĩnh Hải). Ngô Quyền đã tốc chiến tốc thắng, giết chết Kiều Công Tiễn, hạ thành Đại La trước khi quân Nam Hán kéo sang. Do kiêu căng, vô mưu, Hoàng Thao bị rơi vào bẫy phục binh của quân Việt và bị giết chết. Thế là nước Việt được độc lập, chấm dứt thời kỳ Bắc Thuộc.

Quân vâng dạ. Ông Đậu làm người có phong thái của bậc trưởng giả. Trước kia, có gã đầy tớ ăn cắp hai trăm ngàn đồng, lo chuyện bị phát giác, do hấn có đứa con gái còn thơ ấu, bèn tự viết bằng khoán, buộc vào tay con gái, ghi rằng: “Bán đứa bé gái này vĩnh viễn cho nhà ông để đền tiền thiếu nợ”, rồi trốn xa. Ông Quân thương xót, đốt tờ bằng khoán ấy, dặn vợ hãy nuôi nấng cẩn thận. [Khi đứa con gái ấy] đến tuổi cài trâm, ông bèn dùng món tiền hai trăm ngàn [làm của hồi môn], chọn người đàn ông hoàng để gả. Gã đầy tớ nghe chuyện, cảm động, khóc lóc, trở về đợi ông trị tội. Ông bỏ lửng, không hỏi tới. Lại vào hôm Nguyên Đán ở chùa Diên Khánh, ông nhặt được hai đỉnh vàng và mười lượng bạc, bèn cầm về. Hôm sau đến chùa, đợi người mất của để trả lại, người ấy bèn dùng [món tiền đó] để chuộc tội cho cha. Lại nữa, những người cùng họ hoặc thông gia hề có tang mà chẳng thể làm đám ma được, ông bèn bỏ tiền an táng. Có đến hai mươi bảy [trường hợp như thế]. Có cô gái nào chẳng thể gả chồng, ông bèn bỏ tiền lo cưới gả, có đến hai mươi tám trường hợp như vậy. Những thân thích bằng hữu nghèo túng, cần tiền nhiều hay ít, ông đều cho vay để họ buôn bán. Nhờ ông mà mấy chục nhà được sống sót. Hiền sĩ bốn phương nhờ ông đề cử chẳng thể kể xiết!

Ông lại còn ở phía Nam nhà mình, lập thư viện rộng bốn mươi gian, chứa đến ngàn quyển sách, lễ thỉnh bậc nho sĩ có tài văn chương và đức hạnh đến làm thầy. Những kẻ mồ côi, nghèo túng nhưng có chí học hành từ bốn phương nghe chuyện ấy tự đến, được ông

cấp lương thực và tiền chi dụng hậu hĩnh. Vì thế, những sĩ tử ấy văn chương, kiến thức ngày càng rộng rãi. Mỗi năm, ông tính toán thu nhập, trừ món tiền dùng để cúng giỗ ra, [khoản còn lại] đều dùng giúp đỡ kẻ khác. Trong nhà hết sức tiết kiệm, giản dị, chẳng có đồ trang sức bằng vàng, ngọc. Vợ không chung diện lụa là. Về sau, ông lại mộng thấy ông nội bảo: “Người không có con, tuổi thọ lại ngắn ngủi. Do mấy năm tích lũy âm đức, đã được ghi danh nơi thiên tào. Thượng Đế đặc biệt tăng cho người thọ thêm ba mươi sáu năm, có năm con trai quý hiển, phước thọ. Sau khi mất, còn được bổ làm Động Thiên Chân Nhân”. Lại nói: “Lý âm dương nói chung là chẳng khác! Thiện báo, ác báo, hoặc phát sanh trong đời này, hoặc báo ứng trong đời sau. Lưới trời tuy thưa, nhưng khó lọt. Chớ nên nghi ngờ!” Ông càng tích lũy âm công, năm con trai, tám cháu nội đều quý hiển<sup>147</sup>. Ông hưởng thọ tám mươi hai tuổi. Một tối, ông cùng với thân hữu cười nói rồi qua đời.

---

<sup>147</sup> Chánh sử không chép hết về quan chức con cháu của ông, chỉ biết là năm người con trai lần lượt đỗ Tiến Sĩ, đều ra làm quan. Sử gọi là Đậu Thị Ngũ Long (năm con rồng họ Đậu). Con trai trưởng của ông là Đậu Nghi làm Lễ Bộ Thị Lang đời Châu Thế Tông, về sau làm Công Bộ Thượng Thư, kiêm nhiệm Đại Lý Tự. Người em kế là Đậu Nghiễm làm sử quan suốt bốn triều đại (Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Châu và Tống), được thăng Lễ Bộ Thị Lang nhà Tống. Hầu hết các miếu hiệu của vua chúa, thân thuộc nhà Tống thưở đầu đều do Đậu Nghiễm đặt. Người con thứ ba là Đậu Kháng, làm quan Khởi Cư Lang thời Hậu Châu. Người con thứ tư là Đậu Chương làm Xu Mật Viện Trục Học Sĩ rồi Giám Nghi Đại Phu thời Bắc Tống. Người con thứ năm là Đậu Hy, làm Tả Bộc Khuyết đời Bắc Tống.



Đời Tống, Ngụy Công Hàn Kỳ<sup>148</sup>, đỗ Tiến Sĩ từ lúc còn ít tuổi. Điều đáng nói nhất là ông có thể hiếu thảo với tổ tiên, cha mẹ, nuôi dưỡng các cháu giống hệt như con ruột của chính mình. Ông châu cấp cơm áo cho một trăm người họ hàng. Hễ được [vua] ban thưởng, sẽ luôn chia sẻ cho thân tộc trước. Ông làm Tể Tướng của ba triều vua. Nếu là chuyện có lợi cho xã tắc, hễ biết đến, không gì chẳng làm! Dốc trọn lòng trung dũng hòng làm cho thiên hạ thái bình. Ông dạy con noi theo điều nghĩa, nghiêm ngặt, chẳng thể vi phạm! Ngôn ngữ và cách hành xử của ông đều tỏ lộ sự chí thành. Giúp đỡ người khác đang gặp cảnh cấp bách, nếu chẳng đủ sức, bèn quyên tặng quần áo, những món đồ dùng, vật ưa thích của chính mình; lại còn gỡ trâm và bông tai của vợ đem cho. Con cháu của người quen biết nghèo túng, nương nhờ ông mà sống, thường có đến mấy chục gia đình.

Ông làm An Phủ Sứ tại Ích Châu, gặp năm đói to, bèn giảm tiền thuế, quyên mộ người khác (những kẻ giàu có) đóng góp gạo. Lại tuyển mộ những kẻ mạnh khỏe làm lính; một người đi lính, mấy người [trong nhà người ấy] được sống sót. Trong niên hiệu Minh Đạo (niên hiệu đời Tống Nhân Tông), do thấy có nạn đói, bèn khuyến dụ [những kẻ giàu có] đóng góp gạo thóc, chứa trong kho Thường Bình, để phát cho những hộ

---

<sup>148</sup> Do Hàn Kỳ được phong làm Ngụy Quốc Công và người Hán có thói quen gọi tên tự hay chức tước lồng vào giữa tên để tỏ lòng kính trọng, không gọi thẳng tên tục, sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vọng Biên ghi là “*Hàn Ngụy Công Kỳ*”.

nghèo đói nấu cháo. Dân nhờ đó sống sót qua nạn đói hơn một trăm chín mươi vạn người.

Ông làm tri huyện ở Tinh Châu. Phong tục xứ Hà Đông là hỏa táng, ông bèn mua chỗ đất bỏ không để họ chôn vào đó. Khi ông làm tri phủ Đại Danh, bất luận chuyện lớn hay nhỏ, ông đều đích thân coi sóc. Tuy bị bệnh, ông vẫn phê duyệt công văn trên giường. Có người khuyên ông hãy giao cho thuộc hạ làm, ông nói: “Thưa kiện, hạ ngục là chuyện to lớn của người ta. Sanh, tử, được, mất sẽ được quyết định trong một lời, há chẳng nên thận trọng ư? Tôi thường sợ có chỗ chẳng sai sót, còn dám giao cho người khác ư?”

Có người dâng hai cái chén ngọc, ông dùng một trăm lạng biếu lại. Mỗi lần mời khách ăn tiệc, đặc biệt bày ra một bàn, đặt cái chén lên đó, phủ gấm lên. Một hôm, đãi tiệc Tào Sứ<sup>149</sup>, viên tiểu lại<sup>150</sup> vô ý đụng đổ bàn, chén vỡ nát, mọi người đều kinh ngạc. Ông thần sắc bất động, cười bảo khách: “Phàm mọi vật đều có thành, có hủy, đều có vận số”. Lại nhìn viên nha lại, bảo: “Người vô ý, chẳng phải là cố tình, đừng kinh hãi”. Khách đều thán phục.

Ông chương quản binh quyền tại Vũ Định, ban đêm viết thư, một tên lính hầu cầm đuốc soi bên cạnh. Tên lính ngẫu nhiên nhìn sang chỗ khác, để lửa cháy

---

<sup>149</sup> Tào Sứ là gọi tắt của Tào Vận Sứ, một chức quan trông nom việc chuyển vận bằng đường thủy. Chức vụ này còn được gọi Chư Châu Thủy Lộ Chuyển Vận Sứ, hoặc Tào Ty.

<sup>150</sup> “Tiểu lại” (小吏) có nghĩa là một viên nha lại cấp thấp.

bén râu ông. Ông chỉ dùng tay áo phẩy râu, viết thư như cũ. Trong chốc lát, nhìn lại, đã đổi thành một người lính khác. Ông sợ người đứng đầu đám lính hầu sẽ đánh đòn [tên lính hầu ấy], bèn vội gọi đem tên lính ấy trở lại: “Đừng đổi! Gã ấy nay đã có thể cảm được”. Mọi người nghe chuyện, không ai chẳng cảm phục. Ông chết già. Lúc mất, có một vầng thạch lớn [giáng xuống], tiếng vang như sấm. Ông [được triều đình đặt] thụy hiệu là Trung Hiến. Năm người con đều quý hiển, con cháu hưng thịnh khôn sánh!

Đời Minh, cách phủ thành Thiệu Hưng ba mươi dặm về phía Bắc là biển cả, thường có thủy triều ồ ạt tràn vào, ngập hết ruộng lúa. Trong niên hiệu Gia Tĩnh, người xứ Miên Trúc đất Thục (Tứ Xuyên) là Thang Đốc Trai làm tri phủ [Thiệu Hưng]. Ông đã đốc hết tâm tư sức lực, đắp đê ngăn biển hơn trăm dặm, xây hai mươi tám cửa cống [xả lũ], cắt người đứng lúc đóng hay mở. Từ đấy, mỗi năm đều được mùa, muôn dân vĩnh viễn được nhờ. Về sau, ông được thiên chuyển sang trấn nhậm nơi khác. Dân chúng gào khóc rền trời, lập đền thờ ở Tam Giang, đến nay vẫn được cúng tế không dứt!

Ông Tiêu là người xứ Đông Kinh, ba đời đều chẳng có đích tử (嫡嗣)<sup>151</sup>, bèn làm thương nhân buôn bán khắp nơi. Ông đến yết kiến bậc cao nhân khắp chốn, hỏi về nhân quả ấy. Ông gặp một vị lão tăng bảo:

---

<sup>151</sup> Đích tử là con trai do vợ cả sanh ra.

“Không con thì có ba nguyên do. Một là tổ tiên chẳng có đức, bản thân vô hạnh. Hai là tuổi tác, vận mạng của vợ chồng sợ phạm phải cấm kỵ. Ba là chẳng giữ Tinh và Thần, thê thiếp máu lạnh”. Ông Tiêu đáp: “Đối với đức hạnh và vận mạng thì đều có thể thọ trì, máu lạnh thì có cách nào trị?” Vị tăng bảo: “Chẳng khó, nhưng trước hết phải tích lũy công đức, sau là điều dưỡng thân thể. Ba năm sau, ông tới núi Ngũ Đài, ta sẽ truyền cho một phương thuốc lạ”. Từ đấy trở đi, ông Tiêu luôn luôn hành phương tiện, làm các việc âm đức, thi ân bố đức suốt ba năm. Sau đấy, đến Ngũ Đài, tìm vị lão tăng nhưng chẳng gặp, bỗng thấy một hành đồng (行童, sadi), tay cầm một quyển sách, bảo: “Thầy tôi dặn tôi thưa lại với ông: Ông công thành hạnh mãn, hãy về nhà hòa thuốc [ghi trong quyển sách này], chí thành uống, ắt sẽ có con cháu phú quý thuận theo lòng mong mà giáng sanh”. Về sau, quả nhiên ông sanh được Tiêu viên ngoại.

Viên ngoại sanh đưa con lại chẳng ra gì, tự hận vì sao lại tồn đức như thế này, cũng tìm đến Ngũ Đài, thấy hành đồng bảo: “Thầy dặn tôi chuyển lời, cần gì phải tới hỏi nữa. Chỉ hành đúng như cha ông đã làm thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ nghèo sẽ tự giàu vậy!” Viên ngoại hỏi: “Kẻ nghèo được trở thành giàu là do mạng. Còn kẻ ngu là do tánh vốn như thế, há có thể đâm ra trở thành người hiền được ư?” Hành đồng nói: “Xưa kia, năm đưa con của ông Đậu lúc mới sanh ra, thân thể đều chẳng vẹn toàn. Về sau, do ông ta thi ân bố đức, chúng

đều được an lành, lại còn đều đỗ đạt hết, rành rành chẳng sai vậy”. Viên ngoại cảm tạ, trở về, tin tưởng, hành theo lời ấy. Hai mươi năm sau, đã có nhiều con nối dòng, lại còn sang cả.

Người thời nay đều biết năm đứa con ông Đậu nối tiếp nhau hiển vinh, nào có biết lúc mới sanh ra, chúng đều bị bệnh tật, tàn phế. Do [ông Đậu] thoát đầu tích lũy [công đức] mà [năm người con] đều được an toàn; về sau, do công đức mà có những sự gặp gỡ [tốt lành]. Sự cảm thông giữa trời và người dễ dàng như thế đó. Vì thế, đặc biệt ghi tường tận chuyện này để làm bằng chứng cho chuyện tích lũy công đức. Nguyên những người có chí, hãy vững lòng, đừng giải đãi!

Trong thiên sách Tích Thiện, ông Viên Liễu Phàm đời Minh đã viết:

- Kinh Dịch chép: *“Nhà tích thiện, ắt mừng vui có thừa”*. Xưa kia, họ Nhan gả con gái cho Thúc Lương Hột<sup>152</sup> là do xét thấy tổ tông ông ta tích đức sâu dày, suy ra ắt biết con cháu ắt được hưng vượng. Không Tử

---

<sup>152</sup> Thúc Lương Hột (叔梁紇) chính là cha của Không Tử. Ông này tên là Không Ngột (Hột), tên tự là Thúc Lương, nên thường gọi là Thúc Lương Hột, là đại phu nước Lỗ. Vợ cả của Thúc Lương Hột là Thí Thị sanh chín con gái, không có con trai. Người thiếp sanh ra Mạnh Bì, chân lại bị tật. Theo quy chế thời ấy, Mạnh Bì không thể kế nghiệp, tập ấm cha. Thúc Lương Hột bèn xin cưới con gái của họ Nhan, chỉ có cô Nhan Trưng Tại chịu lấy ông, đẻ ra Không Tử. Mạnh Bì thật ra chỉ tên là Bì, do là con trai cả nên gọi là Mạnh Bì. Mạnh Bì sanh được một trai và một gái. Con trai Mạnh Bì là Không Trung là một trong bảy mươi hai môn đệ nổi tiếng (thất thập nhị hiền) của Không Tử, con gái Mạnh Bì lấy Nam Cung Quát (tự là Tử Dung). Nam Cung Quát cũng là một môn đệ khác của Không Tử thuộc vào thất thập nhị hiền.

ca ngợi lòng đại hiếu của vua Thuần như sau: “*Tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi*” (Tổ tông được thờ phụng, con cháu giữ gìn [phước báo])<sup>153</sup>, đều là những lời luận định chí lý vậy.

Thử dùng chuyện cũ để chứng minh. Thiếu Sư<sup>154</sup> Dương Vinh, người xứ Kiến Ninh, [tổ tiên] nhiều đời sống bằng nghề chèo đò. [Có lần] mưa lâu ngày, nước khe ngòi dâng tràn, nước lũ cuồn cuộn thúc vỗ chỗ cư ngụ của dân chúng, những người chết đuối trôi theo giòng nước. Những thuyền khác lo vớt đò vật, chỉ riêng ông cố và ông nội của Thiếu Sư lo cứu người, chẳng lấy một món đồ nào. Người làng chê cười là ngu đần. Đến khi sanh ra cha của Thiếu Sư, gia cảnh dần dần khá lên. Có vị thần hóa thành đạo nhân nói: “Tổ phụ của ngươi có âm đức, con cháu sẽ quý hiển. Hãy nên chôn ở cuộc đất nọ”. Bèn vâng theo lời dạy ấy mà chôn cất, tức là khu mộ Bạch Thố hiện thời. Về sau, sanh ra Thiếu Sư, hai mươi tuổi đỗ đạt, [quan chức] đạt tới địa vị Tam Công. Vua gia phong ông cố và ông nội chức quan giống như Dương Vinh vậy. Con cháu sang cả, hưng thịnh. Đến nay vẫn còn nhiều người hiền đức.

---

<sup>153</sup> Tông miếu (宗廟) tức là miếu thờ tổ tông. Câu này có ý nói vua Thuần do lòng đại hiếu, mà tổ tông được kính cẩn phụng thờ, con cháu nối tiếp giữ gìn đức hạnh của cha ông.

<sup>154</sup> Thiếu Sư (少師) một trong vị Tam Thiếu, là thầy dạy của Thái Tử, đồng thời kiêm nhiệm chức vụ đứng đầu, quản trị mọi việc trong cung của Thái Tử. Vị này mang tính chất là vị thầy hướng dẫn về cách cai trị của nhà vua tập sự (Thái Tử), vạch ra kế sách hành xử, trong khi Thiếu Phó mới là người thật sự dạy chữ (có thuyết nói Thiếu Phó là thầy dạy võ, nhưng trong lịch sử, Thiếu Phó phần nhiều do các quan văn đảm nhiệm). Thiếu Bảo lo mọi việc an ninh, đối ngoại.

Người xứ Ngân là Dương Tự Trùng, thoát đầu làm nha lại ở huyện, có lòng nhân hậu, vâng giữ pháp tắc công bằng. Huyện tể (quan huyện) thuở ấy nghiêm khắc, có lần đánh một tù nhân máu văng tung tóe trước [công đường], vẫn chưa nguôi cơn giận. Ông Dương bèn quỳ lạy, mềm mỏng khuyên giải. Quan huyện nói: “Hiềm rằng tên này vượt pháp, trái lý, chẳng khỏi khiến cho người khác không giận được”. Tự Trùng dập đầu thưa: “Bề trên chẳng vẹn đạo, lòng dân rời rã đã lâu. Nếu thấu hiểu tình cảnh này, hãy nên xót thương, chẳng thể cảm thấy vui nổi. Vui còn chẳng nổi, huống là giận dữ ư?” Quan huyện dịu nét mặt. Nhà ông Dương rất nghèo, trọn chẳng nhận quà biếu, của đứt lót. Hễ thấy tù nhân thiếu ăn, thường dùng nhiều cách giúp đỡ. Một lần, có mấy người tù mới chuyển tới, không có cái ăn, nhà lại thiếu gạo, ông bèn cho tù ăn, để người nhà nhìn đói. Ông thấy tù nhân đáng thương, bèn bàn bạc với vợ. Vợ hỏi: “Tù nhân từ đâu đến?” Đáp: “Từ Hàng Châu đến, đi đường đã phải chịu đói, xanh xao đáng thương”. Do vậy bèn bớt phần gạo của chính mình để nấu cháo cho tù nhân ăn. Về sau, ông sanh hai con trai, con trưởng là Thủ Trần, con thứ là Thủ Chỉ làm Nam Bắc Lại Bộ Thị Lang. Cháu đích tôn làm Hình Bộ Thị Lang, cháu nội kế làm Liêm Hiến ở Tứ Xuyên, họ đều là những vị quan nổi tiếng. Ông Sở Đình Dương Đức Chánh hiện thời cũng là hậu duệ của họ.

Xưa kia, trong niên hiệu Chánh Thống, Đặng Mậu Thất khởi xướng làm loạn tại Phước Kiến. Dân chúng theo gã giặc ấy rất đông, triều đình sai Đô Hiến huyện

Ngân là Trương Giai cầm quân nam chinh. Ông Trương dùng kế bắt giặc, sau đó giao cho Bồ Chánh Ty Tạ Đô Sự bắt giết lũ giặc ở Đông lộ. Ông Tạ tìm kiếm sổ sách của bọn giặc ghi chép những người theo giặc. Đối với những người không theo giặc [mà bị ép buộc phải gia nhập, ông Tạ] ngầm bảo họ dùng vải trắng làm chiếc cờ nhỏ, ước định vào ngày quân binh kéo tới, sẽ cắm [lá cờ ấy] ở cổng, răn quân sĩ chẳng được giết chóc bừa bãi. [Do vậy], giữ tròn tánh mạng của một vạn người. Về sau, con của ông Tạ đỗ Trạng Nguyên, làm Tể Tướng. Cháu là Phi, lại đỗ Thám Hoa.

Tổ tiên của họ Lâm ở Phủ Điền có một bà cụ già thích làm lạnh, thường làm bánh bao chỉ<sup>155</sup> thí cho người khác. Hễ xin, cụ cho ngay, chẳng lộ vẻ mỗi mệ. Một vị tiên hóa thành đạo sĩ, mỗi sáng đến xin sáu, bảy viên bánh. Bà cụ hằng ngày đều cho. Suốt ba năm đều như một ngày. [Vị tiên ấy] biết lòng thành của cụ, do vậy, bảo: “Ta ăn bánh bao chỉ của bà suốt ba năm, dùng gì để báo đáp bà? Sau nhà bà có một khu đất, [sau khi bà mất] hãy chôn vào đó, con cháu sẽ có quan tước nhiều như một thung mề vậy”. Con bà vâng theo lời chỉ dạy mà chôn cất. Đời thứ nhất có chín người đỗ đạt, trải các đời trâm anh<sup>156</sup> rất đông. Đất Phước Kiến có lời

---

<sup>155</sup> Nguyên văn là phần đoàn (粉團). Đây là một loại bánh ở miền Nam Trung Hoa, làm bằng bột nếp hòa lẫn bột gạo, trộn đậu xanh lẫn với bột (có khi là đậu xanh bọc bột), nặn thành viên, lăn qua mè hay sợi dừa, hấp chín. Chúng tôi thấy hình chụp giống như loại bánh thường gọi là “bánh bao chỉ” nên tạm mượn danh xưng này!

<sup>156</sup> Do khi xưa để tóc dài, đội mào phải búi tóc lên, dùng trâm (簪) đâm qua búi tóc để giữ cho mào khỏi tuột. Mào đội thường có hai dải dài hai bên để buộc cho khỏi



đồn “nếu không có họ Lâm [thi đỗ], sẽ không yết bảng!”

Cha của Thái Sử<sup>157</sup> Phùng Trác Am là tường sanh của huyện. Một ngày mùa Đông rét căm căm, ông dậy sớm đi học. Trên đường, gặp một người bị ngã nằm trong đồng tuyết. Ông sờ thấy đã đông cứng một nửa rồi, bèn cởi áo bông của chính mình để bọc lấy, lại còn ôm về nhà, cứu cho tỉnh lại. Ông mộng thấy thần bảo: “Người cứu một mạng người, tỏ lộ lòng chí thành, ta sai Hàn Kỳ làm con người”. Đến khi sanh ra Trác Am, bèn đặt tên là Kỳ<sup>158</sup>.

Ứng Thượng Thư ở Thai Châu, thuở tráng niên học hành trong núi. Ban đêm, có quỷ tụ lại kêu gào, thường khiến cho mọi người kinh hãi. Ông chẳng sợ hãi. Một đêm, nghe quỷ nói: “Người đàn bà nọ do chồng bỏ sang đất khách đã lâu ngày không về, bố mẹ chồng ép gả cho người khác. Đêm mai, [cô ta] sẽ thất cổ chết ở chỗ này, ta có người thế mạng rồi”. Ông ngầm bán ruộng, được bốn lượng bạc, liền giả vờ dùng tên chồng cô ta viết thư gởi bạc về nhà. Cha mẹ anh ta xem thư, thấy nét chữ không giống bèn nghi ngờ. Hỏi

---

tuột hoặc chỉ nhằm mục đích trang trí, gọi là Anh (纓). Vì thế, những người làm quan thường được gọi là “trâm anh”.

<sup>157</sup> Thái Sử là một chức quan rất cổ đã có từ thời Châu, đảm nhiệm việc biên soạn văn thư, chỉ dụ, ghi chép quốc sử, chương quản tài liệu, trông coi thiên văn, lịch pháp, tế tự... Đến đời Đường, việc soạn văn thư giao cho Hàn Lâm Viện, Thái Sử chỉ chú trọng tính toán lịch pháp và quản trị sử sách. Đến đời Minh - Thanh, do Hàn Lâm Viện phụ trách việc biên soạn sử, nên quan đứng đầu Hàn Lâm Viện được gọi là Thái Sử.

<sup>158</sup> Ông này tên thật là Phùng Kỳ, tên tự là Trác Am.

lâu nói: “Thư có thể giả, bạc chẳng thể giả”, nghĩ con không có chuyện gì. [Do vậy], đưa con dâu chẳng bị gả đi. Về sau, người con trở về, vợ chồng chung sống êm ấm như thuở đầu. Ông lại nghe quý nói: “Ta sắp được người khác thay thế, hiềm rằng gã Tú Tài này làm hư chuyện của ta”. Một con quý ở bên cạnh nói: “Sao mà không giáng họa cho nó?” Đáp: “Do Thượng Đế thấy người này có lòng tốt, hạ lệnh: ‘Anh ta vì có âm đức, sẽ làm Thượng Thư’, tao làm sao dám gây họa?” Ông Ứng càng thêm nỗ lực, gắng sức, ngày càng thêm điều lành nhiều hơn, đức ngày càng thêm dày. Gặp năm đói kém, bèn quyên tặng gạo để cứu giúp. Gặp thân thích có chuyện cấp bách, bèn tìm đủ mọi cách giúp đỡ. Hễ gặp chuyện ngang trái, bèn tự vấn, tự trách, vui vẻ thuận theo. Con cháu đỗ đạt, tới nay vẫn đông đảo!

Ở Thường Thục, Từ Thúc tên tự là Phụng Trúc, cha khá giàu có. Gặp năm đói kém, [cha của Từ Thúc] là người trước hết đã đề xướng giảm tiền thu tô trong huyện, lại còn chia gạo để cứu giúp kẻ nghèo túng, thiếu hụt. Ban đêm, nghe quý hô to ngoài cửa: “Ngàn phần chẳng dối, muôn phần chẳng bịa, chàng Tú Tài nhà họ Từ sẽ đỗ Cử Nhân”, hô liên tục suốt đêm chẳng ngừng. Năm ấy, quả nhiên Phụng Trúc đỗ Cử Nhân trong khoa thi Hương. Do vậy, cha ông ta càng thêm tích đức, cần mẫn chẳng biếng nhác, tạo cầu, sửa đường, trai tăng, tiếp dẫn người khác. Hễ là chuyện có lợi ích, không gì chẳng tận tâm. Về sau, lại nghe quý hô to ngoài cửa: “Ngàn phần chẳng dối, muôn phần chẳng bịa, chàng Cử Nhân nhà họ Từ sẽ làm đến chức Đô

Đường”<sup>159</sup>. Rốt cuộc, Phụng Trú làm quan tới chức Lương Chiết Tuần Phủ.

Đồ Khang Hy Công<sup>160</sup> ở Gia Hưng, thoát đầu làm Chủ Sự ở bộ Hình, ngủ đêm trong ngục để thăm dò căn kẽ tình huống của tù nhân, tìm ra bao nhiêu người vô tội. Ông chẳng tự cho đó là công lao, ngầm ghi chép chuyện ấy để bẩm lên đường quan<sup>161</sup>. Sau đó, khi triều thăm<sup>162</sup>, đường quan thường trích dẫn lời ông Đồ để bênh vực các tù nhân, không ai chẳng phục. Ông đã gỡ oan cho mười mấy người. Nhất thời, tại kinh thành, [dân chúng] đều ca tụng Thượng Thư [bộ Hình] sáng suốt. Ông lại bẩm báo: “Tại kinh thành mà hãy còn nhiều dân oan, trong bốn biển rộng khắp, dân đông cả triệu, há chẳng có người oan uổng ư? Hãy nên cứ năm năm sai một vị giám hình quan (vị quan đặc trách tái thẩm các bản án) xem xét kỹ càng sự thật để sửa sai”. Thượng Thư tâu lên, triều đình chấp thuận kiến nghị ấy. Lúc đó, ông cũng được cử làm một trong những vị

---

<sup>159</sup> Đô Đường (都堂) có nghĩa gốc là tổng dinh thự hành chánh của Thượng Thư Tỉnh theo quy chế đời Đường. Thượng Thư Tỉnh cai quản lục bộ. Đứng đầu Thượng Thư Tỉnh là Tả Bộc Xạ và Hữu Bộc Xạ, đều gọi là Đô Tỉnh. Đến thời Minh - Thanh, do các quan Tổng Đốc hoặc Tuần Phủ trông coi các tỉnh đều kiêm thêm hàm Đô Ngự Sử, Phó Đô Ngự Sử, hoặc Kiêm Đô Ngự Sử, nên dân gian thường gọi các quan đầu tỉnh là Đô Đường.

<sup>160</sup> Ông này tên thật là Đồ Huân. Do sau khi mất, được đặt thụy hiệu là Khang Hy, nên người chép truyện ghi là Đồ Khang Hy Công.

<sup>161</sup> Đường quan: Vị quan chủ trì công đường xét án được gọi là “đường quan”, tức là vị quan đứng đầu một cơ cấu lãnh đạo như tri phủ, tri huyện v.v...

<sup>162</sup> Đây là quy chế thời Minh - Thanh nhằm giảm bớt những vụ án xử oan. Vào tiết Sương Giáng mỗi năm, ba cơ cấu tư pháp là bộ Hình, Đô Sát Viện và Đại Lý Tự sẽ tái thẩm những vụ trọng án, nhất là các án tử hình, lập hồ sơ căn kẽ, tấu trình lên cho cửu khanh, tức chín vị đại thần thẩm duyệt trước khi phán án chung cục.

giảm hình quan. Ông mộng thấy một vị thần bảo: “Mạng ông không có con, nay do đề nghị giảm thiểu hình phạt, rất hợp lòng trời, Thượng Đế ban cho ông ba đứa con, đều là áo tía, eo vàng”<sup>163</sup>. Đêm hôm ấy, vợ ông có mang, về sau sanh ra Ứng Huân, Ứng Khôn, và Ứng Tuấn, đều làm quan to.

Bao Bằng ở Gia Hưng, tên tự là Tín Chi. Cha làm Thái Thú xứ Trì Dương, sanh ra bảy con trai. Ông Bằng là con út, ở rể nhà họ Viên tại Bình Hồ, giao du rất thân với cha tôi. Ông Bằng học rộng, tài cao, thi nhiều lần chẳng đậu, lưu tâm học tập Phật giáo lẫn Đạo giáo. Một hôm, sang phía Đông, đến chơi Mão Hồ, ngẫu nhiên đến một ngôi chùa trong thôn, thấy tượng Quán Âm bị dầm mưa dãi nắng. Ông liền dốc túi, tìm được mười lạng trao cho vị Tăng trụ trì, bảo sửa chữa điện thờ. Vị Tăng nói công trình xây dựng to tát mà tiền thì ít, chẳng thể hoàn thành được. Ông lại lấy bốn xấp vải Tùng Giang, kiểm trong tráp thấy có bảy tấm áo đều trao cho. [Những tấm áo ấy] đều là áo kép bên trong lót vải lanh, toàn là mới sấm. Người đầy tớ can ngăn, ông Bằng nói: “Chỉ cần thánh tượng không bị sao, dầu ta lỗ ló có sao đâu?” Vị Tăng rơi nước mắt, nói: “Xả tiền, y phục và vải, vẫn chưa phải là chuyện khó, chỉ với tấm lòng này, há dễ có ư?” Về sau, công trình hoàn thành, ông kéo cha tôi đến đó chơi. Đêm ngủ lại chùa, ông mộng thấy thần Già Lam đến cảm tạ:

---

<sup>163</sup> Ý nói sẽ làm quan to.

“Con ông sẽ hưởng lộc trong đời”. Về sau, con ông là Biện, cháu là Sanh Phương đều đỗ đạt, làm quan to.

Cha ông Chi Lập ở Gia Thiện làm nha lại tại hình phòng<sup>164</sup>. Có người tù vô tội bị phán tử hình, ông thương xót muốn cứu sống người ấy. Người tù bảo vợ: “Ý tốt lành của ông Chi, thẹn không có gì để đền đáp. Ngày mai, nàng hãy mời ông ta xuống làng, dùng thân báo đáp. Nếu ông ta chịu độc sức, ta cũng có thể sống sót”. Người vợ khóc, nghe theo lời dặn. Ông Chi đến, người vợ tự ra mời rượu, thưa rõ ý chồng. Ông Chi không nghe, rút cuộc tận lực xóa án. Người tù ra khỏi ngục, vợ chồng đến thăm ông, lay tạ thưa: “Ngài có đức dày như thế, rất hiếm có trong đời mạt này. Nay Ngài không có con trai, tôi có một đứa con gái nhỏ, tặng cho Ngài làm thiếp để lo việc quét dọn”. Chuyện này xét theo lẽ có thể chấp nhận được, ông Chi bèn sắm sửa đủ lễ cưới thiếp, sanh ra Chi Lập. Hai mươi tuổi, Chi Lập đỗ Trạng Nguyên, làm quan tới chức Hàn Lâm Khổng Mục<sup>165</sup>. Chi Lập sanh ra Chi Cao, Chi Cao sanh ra Chi Lộc, đều là bậc học rộng. Chi Lộc sanh ra Đại Luân cũng đỗ đạt.

---

<sup>164</sup> Hình phòng là cơ quan quản trị hồ sơ các vụ án trong các công đường thuở trước.

<sup>165</sup> Khổng Mục là chức quan được thành lập từ đời Đường, chuyên quản trị hồ sơ. Đời Minh, Hàn Lâm Khổng Mục là chức quan trông coi việc ban hành chiếu chỉ, sắc lệnh của nhà vua, cũng như lập hồ sơ, thu lưu, tường trình tấu sớ của các quan. Chức quan này không cao, nhưng hoàng đế và các đại thần rất coi trọng. Người giữ chức này phải là người cẩn thận, nghiêm túc, tự trọng, cương trực. Đến đời Thanh lập ra Điện Bạ Sảnh, ủy cho Khổng Mục chương quản.

Trong mười điều trên, [những người ấy] tuy làm những việc khác nhau, nhưng đều quy vào điều thiện mà thôi! Nếu nói cặn kẽ hơn, ắt thiện có chân và giả, có đoan chánh, có cong queo, có âm và dương (ngâm ngầm và công khai), có đúng và sai, có thiên lệch hay chánh đáng, có chưa trọn vẹn và trọn vẹn, có lớn và nhỏ, có khó và dễ, đều đáng nên biện định sâu xa. Làm lành mà chẳng cùng tận lý, tuy tự nói là hành trì, nào có biết là tạo nghiệp, sẽ phí công khổ tâm mà vô ích!

Chân và giả là gì? Xưa kia có mấy nho sĩ yết kiến hòa thượng Trung Phong (tức quốc sư Phổ Ứng núi Thiên Mục đời Nguyên), thưa hỏi: “Nhà Phật luận định báo ứng thiện ác như bóng theo hình. Nay có người nọ là thiện nhân, nhưng con cháu chẳng khá, kẻ nọ là người ác, thế mà gia môn hưng thịnh. [Dường như là] thuyết của nhà Phật không có căn cứ vậy”. Ngài Trung Phong dạy: “Phàm tình chưa gột sạch, chánh nhãn chưa mở, ngỡ thiện là ác, đó là chuyện thường có, chẳng hỏi tiếc chính mình thị phi điên đảo, cứ ngược ngạo oán trời báo ứng phân biệt ư?” Mọi người thưa: “Vì sao thiện hay ác sẽ dẫn đến báo ứng khác biệt?” Ngài Trung Phong bảo họ nêu ra những trường hợp để thử phán đoán. Một người nói “chửi người, rửa người là ác; kính trọng, lễ độ đối với người khác là thiện”. Ngài Trung Phong nói: “Chưa chắc đã là như vậy!” Một người khác nói: “Tham tài lấy xằng là ác, liêm khiết tuân thủ quy củ là thiện”. Ngài Trung Phong nói: “Chưa chắc đã là như vậy!” Ai nấy đều nêu ra sự phán

đoán, ngài Trung Phong đều bảo là “chưa phải là như vậy”. Mọi người thưa hỏi, ngài Trung Phong bảo:

- Có ích cho người khác là thiện, có ích cho chính mình là ác. Hễ có ích cho người ta thì đánh người, rửa người, cũng đều là thiện. Có ích cho chính mình thì kính trọng, lễ độ với người khác cũng đều là ác. Vì thế, người làm lành, hễ có lợi cho người khác thì là công, công thì là thật. Lợi lộc cho riêng mình thì là tư, tư thì là giả. Lại nữa, [chuyện làm lành] có căn cội từ cái tâm thì là chân, [nếu chỉ là] biểu hiện bề ngoài thì là giả. Lại nữa, vô vi mà làm thì là chân, hữu vi mà làm thì là giả. Hãy đều nên tự suy xét!

Đoan chánh và cong queo là gì? Người hiền thời thấy kẻ thật thà, ba phải, bèn cho là thiện để chọn lấy; thánh nhân thà chọn những kẻ có chí nguyện mạnh mẽ, phẩm chất thanh liêm, đều coi họ là thiện để chọn lấy. Còn như kẻ thật thà, ba phải, tuy cả làng đều nói người ấy là tốt, nhưng [trong cái nhìn của thánh nhân], ắt là kẻ giặc đối với đạo đức<sup>166</sup>. Đây là điều thiện lẽ ác của người đời rõ ràng là tương phản với thánh nhân. Từ chuyện này mà suy ra, các thứ lấy hay bỏ [của người đời], chẳng có gì không sai lầm! Trời, đất, quỷ thần ban

---

<sup>166</sup> Ở đây, do biện định về thiện ác với các Nho sĩ, ngài Trung Phong đã dẫn Luận Ngữ để nói: “*Hương nguyện, đức chi tặc dã*” (Kẻ thật thà, ba phải sẽ là kẻ giặc đối với đạo đức), các nhà chú giải giảng “*hương nguyện*” hoặc “*cẩn nguyện*” (謹愿) là nói những kẻ thật thà, an phận, mang tính cách ba phải, không kèn cựa với ai, nhưng không có lập trường, ai nói sao cũng xuôi theo, người như vậy không bị ai ghét, nên rất dễ được coi là người hiền lành, nhưng thật ra, người ấy đã gây hại cho đạo đức vì thiện ác chẳng phân định được, vô tình giúp sức cho kẻ ác.

phước cho người lành, giáng họa cho kẻ dâm dật, đều do xét đoán lẽ đúng sai giống như [quan niệm của] thánh nhân vậy, chẳng giống như sự lấy bỏ của thế tục. Hễ muốn tích chứa điều lành, quyết chẳng thể thuận theo tai mắt (chẳng thể thuận theo sự thấy biết bình phàm), chỉ nên thuận theo chỗ ẩn kín, vi tế trong nguồn tâm (tức là xét theo khởi tâm động niệm), lắng lẽ gột rửa, sao cho [khởi tâm động niệm] thuần là cái tâm giúp đời, đó là đoạn chánh. Nếu tâm có mảy may dôi đời, tức là cong queo. Thuần là cái tâm yêu thương con người thì là đoạn chánh. Hễ tâm có mảy hận đời sẽ là cong queo. Thuần là cái tâm kính trọng người khác thì sẽ là đoạn chánh, hễ cái tâm có mảy may ngạo đời, sẽ là cong queo. Hãy đều nên biện định tỉ mỉ.

Âm dương là gì? Phàm làm lành mà người khác biết thì là “*dương thiện*” (điều lành công khai). Làm lành mà chẳng ai biết, tức là âm đức. Âm đức sẽ được trời báo đáp, dương thiện sẽ được nổi danh trong cõi đời. Danh tiếng cũng là phước. Danh là điều tạo vật chẳng ưa. Được nổi tiếng trong cõi đời mà thực chất chẳng tương ứng, sẽ bị nhiều tai họa lạ lùng! Con người chẳng thể nào không có lầm lỗi. Kẻ bị gán cho tiếng ác mà con cháu thường đột nhiên hưng thịnh là [cái quả của điều thiện] xét theo lẽ âm dương vậy, nhỏ nhiệm thay!

Đúng sai là gì? Pháp luật nước Lỗ quy định người nước Lỗ nếu có thể chuộc kẻ làm nô tỳ từ các chư hầu,



sẽ được chánh quyền trả tiền<sup>167</sup>. Tử Cống chuộc người, nhưng chẳng nhận tiền. Khổng Tử nghe chuyện, chê trách: “Tứ<sup>168</sup> đã sai mất rồi”. Thánh nhân hành xử có thể thay đổi phong tục, nhưng lời dạy bảo của các Ngài có thể áp dụng cho dân chúng, chẳng phải chỉ riêng thích hợp cho một mình ta làm. Nay nước Lỗ người giàu thì ít, kẻ nghèo thì đông. [Nếu chê] người nhận tiền thưởng là chẳng liêm khiết, sẽ dựa vào đâu để có thể chuộc người? Từ nay trở đi, chẳng còn có ai chuộc người từ các chư hầu nữa! Tử Lộ cứu người chết đuối, người ấy tạ ơn bằng một con trâu, Tử Lộ nhận lấy. Khổng Tử vui mừng bảo: “Từ nay nước Lỗ sẽ có nhiều kẻ cứu người chết đuối”. Trong cái nhìn của thế tục, Tử Cống chẳng nhận tiền là cao thượng, Tử Lộ nhận trâu là kém cỏi. Khổng Tử tán đồng cách làm của ông Do<sup>169</sup> mà chê trách ông Tứ.

Do vậy biết: Người ta làm lành, chớ luận theo hiện hành, mà phải luận định xem việc ấy có gây nên thói tệ hay không? Đừng luận định theo một thời, phải luận định lâu xa. Đừng luận theo một thân, mà phải luận theo thiên hạ. Hiện hành tuy là lành, nhưng gây nên những hệ lụy đủ để hại người thì chuyện ấy giống như thiện mà thật sự chẳng phải là thiện. Hiện hành tuy bất thiện, nhưng hậu quả hữu ích cho mọi người thì sẽ là

---

<sup>167</sup> Nguyên văn “Lỗ nhân hữu thực nhân thân thiếp ư chư hầu”. Thời Chiến Quốc, các nước chư hầu đánh nhau liên miên, dân chúng bị bắt làm tù binh trong các cuộc chiến sẽ biến thành nô tỳ, nam thì gọi là Thần (臣), nữ gọi là Thiếp (妾).

<sup>168</sup> Tử Cống tên thật là Đoan Mộc Tứ, Tử Cống là tên tự.

<sup>169</sup> Tử Lộ tên thật là Trọng Do, tên tự là Tử Lộ. Vị này được xếp vào hàng Thập Triết, tức mười vị đại đệ tử của Khổng Tử.

chẳng phải thiện mà thật sự là thiện. Tôi chỉ luận định một điều này mà thôi, đối với điều nghĩa mà chẳng phải là nghĩa, lễ mà chẳng phải là lễ, tín mà chẳng phải là tín, lòng từ mà chẳng phải là từ, hãy đều nên quyết định rõ ràng để quyết định chọn lựa.

Thiên lệch và chánh trực là gì? Xưa kia, Lữ Văn Ý Công<sup>170</sup>, lúc mới xin nghỉ làm Tể Tướng, trở về quê nhà, cả nước ngưỡng mộ như Thái Sơn, Bắc Đẩu. Có một gã người làng say rượu chửi bới ông, ông Lữ bất động, bảo đầy tớ: “Chớ nên so đo với kẻ say!” Đóng cửa tạ tuyệt. Hơn một năm, kẻ ấy phạm tội tử hình bị giam. Ông Lữ mới hỏi hặn nói: “Nếu khi ấy, ta so đo đôi chút, giao hấn cho quan lại trách phạt, sẽ có thể là do bị phạt nhẹ mà hấn sẽ hết sức kiên dè. Khi ấy, ta chỉ muốn giữ lòng trung hậu, không ngờ dưỡng thành chuyện ác đến nông nổi như thế này!” Đây là dùng thiện tâm mà làm chuyện ác vậy.

Lại có khi do ác tâm mà làm thiện sự. Như ông X... giàu to, gặp năm đói kém, dân nghèo cướp gạo ở chợ giữa ban ngày. Thừa lên huyện, huyện mặc kệ, dân nghèo càng làm càn. Ông ta bèn tự bắt giữ, làm khó họ, mọi người mới yên. Nếu không, sẽ gần như là loạn lạc. Vì thế, thiện thì là chánh đáng, ác thì là thiên lệch, mọi người đều biết. Kẻ do thiện tâm mà làm chuyện ác thì là thiên lệch trong chánh đáng. Kẻ do ác tâm mà làm

---

<sup>170</sup> Lữ Văn Ý Công ở đây là ông Lữ Nguyên, người huyện Tú Thủy, tỉnh Chiết Giang, tự là Phùng Nguyên, thụy hiệu là Văn Ý. Vị này là Tể Tướng dưới thời Tống Anh Tông.

thiện sự thì là chánh đáng trong thiên lệch vậy. Chớ nên không biết!

Chẳng trọn vẹn và trọn vẹn là gì? Kinh Dịch nói: *“Thiện bất tích, bất túc dĩ thành danh. Ác bất tích, bất túc dĩ diệt thân”* (Thiện chẳng chất chứa, chẳng đủ để thành danh. Ác chẳng chất chứa, chẳng đủ để diệt thân). Kinh Thư nói: *“Thương tội quán doanh, như trữ vật ư khí, cần nhi tích chi tắc mãn. Giải nhi bất tích tắc bất mãn”* (Tội của nhà Thương (vua Trụ) đầy ắp, giống như chứa vật trong đồ đựng, siêng năng tích lũy sẽ đầy. Lười nhác chẳng tích lũy, sẽ không đầy). Đây là một thuyết vậy.

Xưa có cô gái nọ vào chùa, muốn cúng thí mà chẳng có tiền, chỉ có hai đồng, bèn quyên cúng. Vị sư Trụ Trì đích thân vì cô ta sám hối. Về sau, cô ta vào cung, trở thành phú quý, đem mấy ngàn lạng cúng vào chùa. Vị tăng Trụ Trì chỉ sai đồ đệ hồi hướng cho cô ta; do vậy, [cô ta] bèn hỏi: “Xưa kia, tôi cúng hai đồng tiền, thầy vì tôi đích thân sám hối. Nay thí đến mấy ngàn lạng, sao thầy chẳng hồi hướng là vì lẽ nào?” Sư đáp: “Lần trước, vật tuy đơn bạc, nhưng cái tâm bố thí rất chân thành, nếu lão tăng chẳng đích thân sám hối, sẽ chẳng đủ báo đức. Nay vật tuy hậu hĩnh, cái tâm bố thí chẳng thiết tha bằng khi trước, kẻ khác thay tôi sám hối là đủ rồi”. Ngàn lạng là chẳng trọn vẹn, mà hai đồng là viên mãn vậy.

Chung Ly truyền dạy cách luyện đan cho Lữ Tô (Chung Ly Quyền và Lữ Động Tân đều là người đời Đường), điểm sắt thành vàng, có thể cứu đời. Họ Lữ hỏi: “Có thể biến [thành vàng] vĩnh viễn ư?” Đáp: “Sau năm trăm năm, vàng sẽ trở lại bản chất”. Ông Lữ nói: “Như thế thì sẽ làm hại người năm trăm năm sau, con chẳng muốn làm”. Ông Chung đáp: “Tu tiên phải tích lũy ba ngàn công hạnh. Do một lời này của ngươi, ba ngàn công hạnh đã mất!” Đây là một chuyện nữa. Ví như dùng tài vật để giúp người khác, trong chẳng thấy mình, ngoài chẳng thấy người, trung gian chẳng thấy vật được thí, đó gọi là “*tam luân thể không*”, là “*nhất tâm thanh tịnh*”. [Như thế thì] một đấu gạo đủ để gieo phước không bờ bến, một đồng có thể tiêu tội ngàn kiếp. Nếu cái tâm [chấp trước bố thí] ấy chẳng quên, dầu vàng ròng vạn dật<sup>171</sup>, phước chẳng viên mãn! Đây là một điều nữa.

Lớn nhỏ là gì? Đời Tống, Vệ Trọng Đạt giữ quán chức<sup>172</sup>, bị bắt tới âm ty. Vị chủ quản (Diêm Vương) sai nha lại trình lên hai loại sổ ghi thiện và ác. Khi đem tới, sổ ghi điều ác chật sân, sổ ghi điều thiện [chỉ nhỏ bé] như chiếc đĩa. Sai đem cân, hóa ra những sổ chứa đầy sân lại nhẹ hơn, mà quyển sổ như chiếc đĩa đậm ra nặng hơn. Trọng Đạt hỏi: “Tôi chưa đến bốn mươi, lẽ nào lỗi ác nhiều ngàn ấy?” Đáp: “Một niệm bất chánh

---

<sup>171</sup> Dật (鎰) là đơn vị đo lường thời cổ, sử dụng cho đến hết đời Tần. Một Dật bằng hai mươi bốn Lạng.

<sup>172</sup> Quán chức là chức quan thuộc các Quán dưới đời Đường, Tống, như Tập Hiền Quán, Quốc Sử Quán v.v...

chính là ác, chẳng đợi phạm lỗi!” Do vậy, [Vệ Trọng Đạt] bèn hỏi trong quyền trục ấy chép chuyện gì. Đáp: “Triều đình từng đề ra một công trình xây dựng lớn là sửa chữa ba chiếc cầu đá trong núi. Ông đã dâng sớ can gián, chuyện này đã được ghi lại”. Trọng Đạt thưa: “Tôi tuy nói, triều đình chẳng nghe theo, chẳng có lợi ích gì cho chuyện ấy, làm sao có thể tạo ra sức mạnh như vậy?” Đáp: “Tuy triều đình chẳng nghe theo, nhưng ông trong một niệm đã nghĩ tới muôn dân. Giả sử họ nghe theo, thiện lực càng lớn hơn nữa”. Vì thế, có chí vì thiên hạ, vì nước nhà, ắt điều thiện tuy ít mà to tát. Nếu chỉ vì một thân, dầu nhiều vẫn là ít.

Khó dễ là gì? Bậc tiên nho bảo: “*Khắc kỷ, tu tùng nan khắc xư khắc tương khứ*” (Khắc chế những điều sai trái của chính mình, phải thực hiện từ chỗ khó khắc chế). Phu Tử luận định chuyện thực hiện lòng nhân, cũng bảo phải làm chuyện khó trước. Ất như ông Thư ở Giang Tây, bỏ ra toàn bộ món tiền lương ít ỏi do ông dạy học suốt hai năm để đền tiền công khó thoát giùm người khác, khiến cho vợ chồng họ được toàn vẹn. Cũng như ông Trương ở Hàm Đan bỏ ra món tiền đã nhọc nhằn chắt chiu suốt mười năm để làm tiền chuộc thân cho người khác hòng cứu sống vợ người ta. Đây đều gọi là “*có thể bỏ ở chỗ khó bỏ*”. Như ông Cận ở Trấn Giang, tuy tuổi già, không con, chẳng nỡ lòng lấy cô gái trẻ làm thiếp, giao trả lại cho hàng xóm<sup>173</sup>.

---

<sup>173</sup> Câu chuyện này được nói chi tiết hơn trong Thọ Khang Bảo Giám như sau: “Ông Cận ở Trấn Giang đã năm mươi tuổi mà không con. Dạy trẻ vỡ lòng tại huyện Kim Đan. Thấy con gái nhà hàng xóm khá xinh xắn, vợ ông liền bán thoa,

Đây là đôi với chỗ khó nhằn mà có thể chịu đựng. Vì thế, trời giáng phước đặc biệt đây. Phàm là kẻ có tiền tài, có thể lực, lập đức đều dễ. Dễ mà chẳng làm, tức là đã tự ruồng rẫy chính mình! Nghèo hèn thì làm phước luôn khó khăn, khó mà có thể làm, đây là điều đáng quý! Tùy duyên giúp đỡ người khác, thể loại hết sức nhiều. Nói đại cương, đại lược thì có mười loại:

Thứ nhất là vì người khác mà làm lành. Thứ hai là giữ lòng kính yêu. Thứ ba là giúp cho người khác thành tựu. Thứ tư là khuyên kẻ khác làm lành. Thứ năm là giúp người khác trong cơn nguy cấp. Thứ sáu là hưng kiến đại lợi. Thứ bảy là bỏ tiền của làm phước. Thứ tám là hộ trì chánh pháp. Thứ chín là kính trọng tôn trưởng. Thứ mười là yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh.

1) Thế nào là “*vì người khác làm lành*”? Xưa kia, vua Thuần ở Hà Tân, thấy người đánh cá giành nhau chỗ đầm sâu, hồ sâu, còn người già yếu thì đánh cá ở chỗ nước chảy xiết, bãi cạn. Vua xót thương, bèn đi đánh cá. Thấy kẻ nào tranh giành bèn nín lặng chẳng nói. Thấy người nhường nhịn bèn ca ngợi, bắt chước theo. Sau một năm, [mọi người] đều nhường chỗ hồ

---

xuyến, mua về làm thiếp. Ông trở về nhà, bà vợ bày rượu trong phòng, bảo ông: “Tôi đã già chẳng thể sanh nở. Nàng này khá hiền lành, chắc có thể sanh con nối dòng cho nhà họ Cận”. Ông cúi đầu, đổ mặt tía tai. Bà vợ cho rằng mình có mặt thì chồng sẽ ngân ngại, bèn đi ra, đóng chặt cửa lại. Ông bèn leo qua cửa sổ thoát ra, bảo vợ: “Ý bà tốt lành, nhưng tôi thường bông bé cô ta thuở bé, luôn mong cô ta sẽ được gả vào chỗ đàng hoàng. Tôi đã già rồi, lại còn lắm bệnh, chẳng thể làm nhục cô ta được”, bèn trả cô ấy về. Năm sau, bà vợ sanh ra Văn Hy Công, mười bảy tuổi đã đậu Giải Nguyên, năm sau đỗ nghè. Về sau, [Văn Hy Công] là một vị Tể Tướng hiền đức”.

đầm sâu. Ôi! Vua Thuấn là bậc minh triết, há chẳng thể thốt ra một lời giáo huấn mọi người ư? Nhưng vua chẳng dùng ngôn giáo, mà dùng bản thân để chuyển biến họ. Đây là dụng tâm khổ sở để làm chuyện tốt lành vậy! Bọn chúng ta sống trong đời Mạt, chớ dùng sở trường của mình để lấn lướt người khác, chớ vì mình có điều thiện mà phô trương bản thân, chớ vì mình lắm tài mà làm khó dễ người khác. Hãy thâm liễm tài trí dường như chẳng có, dường như rỗng tuếch. Thấy lỗi lầm của người khác, hãy bao dung, che giấu. Một là khiến cho người ấy có thể sửa đổi, đằng khác là khiến cho kẻ ấy do có điều cố kỵ, sẽ chẳng dám cầu thả. Thấy người khác có chút ưu điểm đáng tuân thủ, hoặc có điều thiện nhỏ đáng ghi chép, bèn lập tức xả mình để làm theo, lại còn nồng nhiệt ca ngợi, kể nói rộng rãi. Phàm là trong thường nhật, thốt một lời, làm một chuyện, hoàn toàn chẳng vì chính mình mà dấy niệm, toàn là vì nêu gương cho chúng sanh. Đây chính là độ lượng của bậc đại nhân chuyên vì thiên hạ.

2) Thế nào là “*giữ lòng yêu kính*”? Đối với bậc quân tử và kẻ tiểu nhân, nếu nhìn từ hành vi, sẽ thường dễ bị lẫn lộn, chỉ có một điểm duy nhất để phân định là cái tâm, ắt thiện và ác sẽ khác biệt vời vời, rành rành như trắng tương phản với đen! Vì thế nói: “*Quân tử sở dĩ khác với phàm nhân là do tấm lòng mà thôi!*” Quân tử chỉ giữ tấm lòng yêu kính người khác. Ấy là vì con người có thân, sơ, sang, hèn, có trí, ngu, hiền, bất tiểu (不肖, không ra gì), muôn phẩm khác nhau, nhưng đều

là đồng bào của ta, đều có cùng một Thể với ta, có ai mà chẳng đáng nên kính yêu? Yêu kính mọi người, tức là yêu kính thánh hiền. Có thể cảm thông chí hướng của mọi người, tức là có thể cảm thông chí hướng của thánh hiền. Vì sao? Chí thánh hiền vốn mong cho cõi đời này và người đời này ai nấy đều được sống yên vui. Ta hãy nên yêu, hãy nên kính, khiến cho mọi người trong một đời được bình an, đấy chính là giống như thánh hiền đã khiến cho họ sống an vui vậy.

3) Thế nào là “*giúp cho người khác thành tựu*”? Ngọc ẩn trong đá, hễ quăng ném bèn là ngói, sỏi; nếu được tạc, mài sẽ thành ngọc khuê, ngọc chương! Vì thế, hễ thấy người khác làm một việc lành, hoặc người khác có chí hướng đáng tán đồng, hãy nên giúp họ tăng tấn, đều nên khuyên nhủ, giúp sức cho thành tựu, hoặc là cổ vũ, giúp đỡ, hoặc ủng hộ họ, hoặc hóa giải những lời lẽ vu cáo họ, hoặc làm tan những lời phỉ báng, cốt sao họ được thành tựu mới thôi! Nói chung, ai nấy đều ghét những kẻ chẳng giống mình. Kẻ trong làng người lành thì ít, kẻ bất thiện đông đảo. Thiện nhân sống trong cõi tục, cũng khó tự lập. Hơn nữa, bậc hào kiệt kiên cường đều chẳng thể hiện nơi hình tích cho mấy, [do vậy], phần nhiều bị chỉ trích. Vì lẽ đó, thiện sự thường dễ bị thất bại, thiện nhân thường bị hủy báng. Chỉ có bậc trưởng giả là người có lòng nhân, sẽ thẳng thắn khuông phò, giúp đỡ. Công đức ấy rộng nhất.

4) Thế nào là “*khuyến người khác làm lành*”? Đã sanh làm người, có ai không có lương tâm? Đường đời



gập ghềnh, dễ bị chìm đắm nhất. Hễ cư xử với người khác, hãy nên phương tiện nhắc nhở, phá trừ sự mê hoặc của họ. Ví như đêm dài mộng sâu, hãy đánh thức họ. Ví như bị hãm trong phiền não đã lâu, bèn dẹp tan cho họ được thanh lương, đó là ban ân huệ to lớn nhất. Hàn Dũ nói: “*Khuyên người khác trong một thời thì dùng miệng, khuyên người trăm đời thì dùng sách*”. So với chuyện vì người khác mà làm lành, tuy có hình tích, nhưng là đối ứng với căn bệnh mà cho thuốc, luôn có hiệu quả lạ lùng, chớ nên phế bỏ. [Nếu khuyên bảo người khác làm lành] mà khiến người ta bức bối, hoặc nói lỗ lòi, hãy nên xét lại trí huệ của mình.

5) Thế nào là “*cứu người trong cơn nguy cấp*”? Ai cũng gặp phải lúc hoạn nạn, thất ngật. Hễ có lúc gặp phải [người lâm vào cảnh ngộ ấy], hãy nên như thân chính mình bị ung nhọt mà nhanh chóng giải cứu. Hoặc do một lời để phôi bày nổi oan khuất, niềm uất ức của người ấy, hoặc dùng nhiều cách để cứu vớt họ khỏi cảnh khốn đốn, bất an. Thôi Tử nói: “*Huệ bất tại đại, phó nhân chi cấp khả dã*” (Ân huệ chẳng cần phải to lớn, giúp người trong cơn nguy cấp là được rồi), đây là lời lẽ của người có lòng nhân vậy thay!

6) Thế nào là “*hưng kiến đại lợi*”? Nhỏ thì trong vòng một làng; lớn thì là trong một huyện. Hễ có lợi ích, đáng nên khởi sự thực hiện nhất. Phàm có lợi ích, hoặc là khơi ngòi dẫn nước, hoặc đắp đê ngăn ngừa họa hoạn, hoặc sửa cầu đường cho người đi đường xa thuận tiện, hoặc thí trà, thí cơm để giúp đỡ kẻ đói khát. Tùy

duyên khuyên nhủ, hướng dẫn, góp sức thực hiện, chớ nề hà hiềm nghi, chớ ngại nhọc nhằn, oán thán.

7) Thế nào là “*bỏ tiền tài để làm phước*”? Muôn hạnh trong cửa Thích lấy bố thí làm đầu. Nói “*bố thí*” chỉ là một chữ Xả mà thôi. Bậc thông đạt trong là bỏ lục căn, ngoài bỏ sáu trần. Hết thấy sở hữu, không gì chẳng xả! Nếu chưa thể như vậy, trước hết, hãy bố thí nơi tài vật. Người đời coi áo cơm là tánh mạng; vì thế, tài được coi trọng nhất. Do đó, bọn ta xả tài, trong là phá lòng keo kiệt của ta, ngoài là để giúp người khác trong cơn túng ngặt. Thoạt đầu thì miễn cưỡng, rốt cuộc sẽ là vui vẻ. Cách này có thể gột sạch tình chấp riêng tư, loại trừ sự chấp trước, keo tham dễ nhất.

8) Thế nào là “*hộ trì chánh pháp*”? Pháp chính là con mắt của sanh linh trong muôn đời. Chẳng có chánh pháp, sẽ dùng cái gì để tham dự, giúp đỡ quyền sanh thành dưỡng dục của trời đất? Dùng gì để vun bồi, thành tựu muôn vật? Dùng gì để thoát khỏi trần lao, lìa trói buộc? Dùng gì để nhập thế, xuất thế? Vì thế, hãy thấy miếu mạo của thánh hiền, kinh thư, sách vở, đều nên kính trọng tu bổ. Còn như tuyên dương chánh pháp, trên là báo ân Phật, càng phải nên gắng sức.

9) Thế nào là “*kính trọng bậc tôn trưởng*”? Cha anh trong gia đình, quân vương, trưởng quan trong quốc gia. Đối với những người tuổi cao, đức cả, địa vị cao, chức quyền cao, đều nên đặc biệt chú ý hầu hạ. Ở nhà thì phụng dưỡng cha mẹ, cốt sao đối xử với cha mẹ

bằng lòng yêu thương sâu xa, vẻ mặt mềm mỏng, ăn nói ôn hòa, nhẹ nhàng, tập quen thành tánh. Đó là cội rễ của sự hòa khí cảm thông cõi trời. Ra ngoài bèn thờ vua, hễ làm chuyện gì, đừng bảo là “vua không biết” để rồi mặc sức làm càn. Xử phạt một kẻ nào đó, đừng bảo “vua chẳng thấy” để rồi ra oai! Thờ vua như thờ trời, đó chính là lời luận định chí lý của cổ nhân. Những chỗ này liên quan đến âm đức nhiều nhất. Hãy thử xem nhà trung hiếu, chẳng có ai không có con cháu hưng thịnh liên tục lâu dài, hãy nên hết sức thận trọng!

10) Thế nào là “*yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh*”? Con người sở dĩ là người, chỉ là vì có lòng trắc ẩn đó thôi. Người mong cầu lòng nhân bèn mong cầu ở chỗ này. Người tích đức bèn tích đức ở chỗ này! Theo Châu Lễ, “*Mạnh Xuân chi nguyệt, hy sanh bất dụng tân*” (Tháng đầu Xuân giết sanh vật [để tế lễ], chẳng dùng những con vật cái). Mạnh Tử bảo: “*Quân tử viễn bào trù*” (Bậc quân tử xa lánh bếp núc). Nguyên do toàn là vì lòng trắc ẩn của ta. Vì thế, người đời trước có lời răn “*chẳng ăn bốn thứ*”, tức là nghe giết [con vật ấy] bèn không ăn [thịt của nó], thấy nó bị giết bèn không ăn, tự mình nuôi sẽ không ăn, chuyên vì ta mà giết bèn không ăn. Người học chưa thể thôi ăn thịt, hãy nên kiêng tránh từ những điều này, tăng dần dần. Từ tâm càng tăng trưởng, sẽ không chỉ kiêng sát sanh. Các loài hàm linh ngộ ngộ đều là những sanh vật có mạng sống. Do muốn có tơ mà lược kén, cuộc đất giết trùng. Nghĩ đến nguồn cội của áo cơm đều là do giết chúng sanh để mong chính mình được sống! Vì thế, tội

nghiệt phung phí phá hoại [tài vật] sẽ giống như sát sanh. Còn như [những chúng sanh] do tay ta vô tình làm tổn thương, chân vô ý giẫm đạp, chẳng biết là bao nhiêu! Hãy đều nên khéo léo ngăn ngừa. Cổ thi có câu: “*Ái thử thường lưu phạn, liên nga bất điểm đăng*” (Do thương chuột mà thường chừa cơm, do thương thiêu thân nên chẳng thắp đèn), nhân ái thay! Thiện hạnh vô cùng, chẳng thể thuật trọn. Vì thế, từ mười sự này mà có thể suy rộng ra, ắt sẽ có thể trọn vẹn muôn đức vậy!

*(Chánh văn): Từ tâm ư vật.*

**(正文)慈心於物。**

*(Chánh văn: Từ tâm đối với muôn loài).*

Từ là cội gốc của muôn điều thiện, tức là lòng nhân. Từ có hai nghĩa: Một là giúp nghèo, dẹp khổ; hai là kiêng giết, phóng sanh. Suy ngẫm chữ này, hãy nên nói theo phương diện “*suy tới muôn loài*”, có nghĩa là bậc quân tử tích lũy công đức, không chỉ là “*thân thân nhân dân*” (親親仁民, thân ái đối với người thân, có lòng nhân đối với những người khác) mà thôi, mà lòng Từ còn hướng đến muôn vật nữa.

Đại Tạng Kinh nói: “*Người chẳng sát sanh, yêu thương, bảo vệ sanh mạng muôn vật, và phóng sanh,*

*thí thực, sẽ được quả báo sống lâu*”. Người hiện thời, đối với chuyện trẻ con trong nhà chơi đùa, hãy đều nên ngăn cấm, đừng để cho chúng nó tổn hại các loài ruồi, muỗi, bướm, trùng, kiến, chim chóc v.v... [Nếu để mặc, không răn đe], không chỉ là thương tổn các sinh vật, mà còn khiến cho ý niệm giết chóc của chúng lừng lẫy; lớn lên, chúng nó sẽ chẳng biết nhân từ, khoan dung! Đối với tôi tớ, hễ họ đổ, hắt nước nóng, và đốt củi, quét đất, [sẽ khiến cho] các loài như đĩa, kiến v.v... phần nhiều bị tổn thương, cũng nên răn nhắc. Hễ ai trông thấy hết thấy chúng sanh gieo mình vào tử địa, như thiêu thân đâm đầu vào đèn, trùng vướng vào lưới [nhện], chim chóc bị thương, dế, kiến bị đập, tôm, cá, những loài có vảy nhỏ bé bị mắc lưới v.v... hãy nên tạo phương tiện cứu giúp, che chở khiến cho chúng nó được toàn mạng! Đây là hành vi của bậc phước thọ lâu dài vậy!

Kinh Quán Thế Âm nói Đại Phạm Thiên Vương hỏi về tướng mạo của Đà La Ni, Bồ Tát bèn đáp: *“Là tâm đại từ bi”*. Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận nói: *“Quán Thế Âm biểu thị vị trí Tây phương. Do phương Tây thuộc về chỗ Thu sát<sup>174</sup>, Ngài hành lòng Từ cứu khổ ở chỗ ‘sát’, nên tên là Quán Thế Âm”*. Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm chép: *“Nhược linh chúng sanh hoan hỷ, tất nhất thiết Như Lai hoan hỷ. Hà dĩ cố? Chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm nhi vì Thế cố, nhân ư chúng sanh nhi khởi đại bi, nhân ư đại bi sanh Bồ Đề tâm.*

<sup>174</sup> Do mùa Thu thuộc về Kim trong Ngũ Hành, cây cối úa vàng rụng lá trước gió Thu, nên cổ nhân nói gió mùa Thu có sát khí, thường gọi là Thu Sát.

*Nhân Bồ Đề tâm, thành Đẳng Chánh Giác*” (Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ, hết thấy Như Lai sẽ hoan hỷ. Vì sao vậy? Vì chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi làm Thể, do vì chúng sanh mà dấy lòng đại bi, do vì đại bi mà sanh tâm Bồ Đề, do tâm Bồ Đề mà thành Đẳng Chánh Giác). Chúng sanh yêu quý thân mạng nhất, chư Phật yêu mến chúng sanh nhất. Có thể cứu thân mạng của chúng sanh, tức là có thể thành tựu tâm nguyện của chư Phật. Do vậy, xét ra, chư Phật, Bồ Tát ngàn lời vạn lẽ, không gì chẳng nhằm dạy mọi người hãy cứu khổ cho chúng sanh! Ngàn lời vạn lẽ của tà ma, ngoại đạo, không gì chẳng nhằm dạy con người ăn thịt chúng sanh. Vì thế biết: Khuyên kẻ khác phóng sanh, chính là khơi gợi lòng từ bi của họ, là cái nhân lành để hưởng sự vui sướng dài lâu nhiều kiếp. Khuyên kẻ khác sát sanh, tức là dấy động lòng tàn nhẫn của họ, sẽ là căn cội oan khiên bao kiếp! Một lời là then chốt gây nên họa hay phúc như thế đó, há chẳng thận trọng ư?

Đời Hán, Dương Bảo lúc chín tuổi, trông thấy một con sẻ lông vàng bị chim cú đánh văng xuống đất, lại bị kiến bu. Dương Bảo cứu nó, đặt trong rương, cho nó ăn hoa vàng. Đến khi nó mọc lông vũ, bèn thả đi. Một tối, có một đứa bé trai mặc áo vàng, hướng về Dương Bảo bái tạ: “Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu<sup>175</sup>, đến núi

---

<sup>175</sup> Tây Vương Mẫu còn gọi là Diêu Trì Kim Mẫu, Kim Mẫu Nguyên Quân, Tây Linh Vương Mẫu, Cửu Linh Thái Diệu Quy Sơn Kim Mẫu, Tây Trì Cực Lạc Kim Từ Thánh Mẫu, hoặc Bạch Ngọc Quy Đài Cửu Linh Thái Chân Kim Mẫu Nguyên Quân v.v... Bà được coi là chúa các vị nữ tiên trong Đạo Giáo. Theo Tây Dương Tạp Trử, bà họ Dương, tên Hối, ngự trong cung điện ở Tây Bắc núi Côn Luân. Trong niềm tin của dân gian, bà được coi là vợ của Hạo Thiên Thượng Đế. Theo

Bồng Lai, qua đây gặp phải ách nạn này, cảm tạ ông đã cứu giúp”. Bèn đem bốn chiếc vòng ngọc tặng cho ông ta, nói: “Khiến cho con cháu ông làm tới Tam Công, trắng sạch như những chiếc vòng này”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa! Về sau, Dương Bảo sanh ra Dương Chấn, Dương Chấn sanh Dương Bình, Dương Bình sanh Dương Tứ, Dương Tứ sanh ra Dương Bru, bốn đời làm Tam Công, thanh bạch khôn sánh!

Đời Minh, Trầm Vạn Tam thấy có người cầm mấy trăm con ếch sắp đem giết, bèn mua hết, đem thả trong ao. Một hôm, đến bên bờ ao, thấy lũ ếch ngồi quanh một cái chậu sành, Vạn Tam bèn cầm về làm chậu rửa mặt. Ngẫu nhiên rửa tay, đánh rớt một chiếc nhẫn vào đó. Sáng hôm sau, thức dậy, cầm đèn, nhẫn đã đầy chậu. Ông Trầm kinh dị, lấy vàng, bạc thử bỏ vào cũng thế. Đây chính là Tụ Bảo Bồn (聚寶盆, chậu gom chứa của báu), [ông Trầm trở thành] giàu có nhất nước.

Đời Tống, thiền sư Diên Thọ là người xứ Đan Dương. Thoạt đầu, Sư làm nha lại ở huyện Dư Diêu,

---

Thần Tiên Truyện, bà và Thượng Đế có hai mươi bốn người con gái, có thuyết nói bà có chín người con trai và hai mươi ba người con gái. Trong bộ Châm Trung Thư, Cát Hồng nói: “Lúc lưỡng nghi chưa phân, trời, đất, mặt trời mặt trăng chưa xuất hiện, đã có Bàn Cổ Chân Nhân, tự xưng là Nguyên Thi Thiên Vương, dạo chơi trong ấy. Về sau, Ngài cùng Thái Nguyên Thánh Mẫu thông qua hai thứ khí kết tinh sanh ra Đông Vương Công và Tây Vương Mẫu. Sau đó lại sanh ra Địa Hoàng, Địa Hoàng lại sanh ra Nhân Hoàng”. Sách Thần Tiên Thập Di nói chi tiết hơn: “Phù Tang Đại Đế Đông Vương Công tức là Hạo Thiên Thượng Đế sanh thành vạn vật, Tây Vương Mẫu được gọi là Cửu Quang Huyền Nữ hóa sanh các hàm linh”.

thâm thùng tiền trong kho mấy chục vạn. Hữu Ty<sup>176</sup> tra hỏi, [hóa ra] chỉ là do Sư mua những con vật đem phóng sanh, xài lỗ vào đó, chẳng ngờ thiếu hụt ngân ấy. [Quan trên phán định] tội phải chết, lúc sắp bị xử tử, Sư vẻ mặt chẳng đổi, nói: “Ta cứu sống mấy muôn vạn sanh mạng, nay tuy chết, sẽ mau chóng về Tây Phương, há chẳng vui ư?” Tiền Vương<sup>177</sup> nghe nói thương xót, tha tội ấy. Sư trở thành Tăng, mộng thấy ngài Quán Âm dùng cam lộ rưới vào miệng, huệ tánh ngày càng mở mang. Sư viết bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập gồm sáu quyển. Sư trụ tại chùa Vĩnh Minh, thọ chín mươi tám tuổi, ngồi chấp tay, qua đời. [Môn nhân] dựng tháp [an táng Sư] bên cạnh chùa, có một vị Tăng hằng ngày nhiều quanh tháp, lễ bái. Có người hỏi duyên cớ, Tăng đáp rằng:

- Tôi là một ông sư ở Phủ Châu, do bị bệnh, đến cõi âm. Thấy bên góc điện có treo một cuộn tranh vẽ, Diêm Vương đích thân đến đánh lễ. Tôi hỏi người đứng đầu các nha lại, người ấy đáp: “Thọ thiên sư đây mà! Phàm người chết đều phải qua chỗ này, riêng có thiên sư đến thẳng Tây Phương Cực Lạc thế giới, thượng

---

<sup>176</sup> Hữu Ty (有司) là những cấp chủ quản của một viên chức trong chính phủ, hoặc những cấp lãnh đạo có liên quan đến một cơ cấu chính quyền nào đó. Hữu Ty cũng thường được dùng để chỉ giới quan lại lo việc hành chánh và tư pháp nói chung.

<sup>177</sup> Tiền Vương ở đây chính là Tiền Liêu (852-932), tự là Cự Mỹ, là vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại Thập Lục Quốc. Nước Ngô Việt bao gồm mười ba châu, tức là toàn bộ tỉnh Chiết Giang hiện thời, phía Đông Nam tỉnh Giang Tô, và một phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Trong các tiểu quốc thời ấy, nước này tồn tại lâu nhất mãi cho đến khi Triệu Khuông Dã lập ra nhà Bắc Tống, thống nhất Trung Hoa. Do các vua Ngô Việt cai trị đều nhân từ, sáng suốt, việc học Phật rất thịnh hành, xã hội ổn định, người đương thời thường xưng tụng xứ Ngô Việt là Phật Quốc.



phẩm thượng sanh. Vì thế, Diêm Vương kính lễ”. Có thể thấy rõ là sanh về Tây Phương được âm phủ kính trọng dường ấy.

Trong bài Giới Sát Văn (bài văn khuyên kiêng giết) của Liên Trì đại sư đời Minh có đoạn:

- Ai nấy đều yêu mạng, muôn vật tham sống. Sao lại sát hại thân thể chúng nó để thỏa thích miệng bụng ta? Hoặc là dao bén mổ bụng, hoặc đao nhọn chọc tim. Hoặc lột da, lóc vẩy, hoặc cắt họng, chẻ mai, hoặc luộc sôi, nướng sống ba ba, lươn. Hoặc dùng muối, rượu để muối tươi cua, tôm. Đáng thương thay! Đau thảm thiết khôn nổi giải bày, khổ cùng cực khôn bề chịu đựng! Tạo ác nghiệp ngập trời, kết thành mối oán cừ sâu đậm muôn đời. Một mai vô thường, liền đọa địa ngục. Vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao. Khi thọ tội xong, còn làm súc sanh. Oán oán báo thù, mạng mạng đền bồi. Hết nợ, được làm người, lắm bệnh, chết yểu. Tôi nay đau xót thừa cùng người đời, khuyên khắp mọi người chớ giết, càng nên tùy sức phóng sanh, lại còn trì niệm danh hiệu Phật, không chỉ là phước đức tăng cao, ắt còn tùy nguyện vãng sanh, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, công đức vô lượng.

*(Chánh văn): Trung hiếu.*

**(正文)忠孝。**

*(Chánh văn: Trung hiếu).*

Làm bầy tôi tận trung, làm con tận hiếu, đây là thiên lý thường hằng, là cội gốc của nhân luân. Nếu làm bầy tôi mà bất trung, ắt vua còn mong cậy gì bầy tôi nữa? Làm con bất hiếu, cha còn mong đợi gì ở con nữa đây? Súc sanh cảm thú đều chẳng bằng, há còn đáng gọi là người nữa ư?

Loài người tuy đáng dự vào tiên phẩm, [nhưng để thành tiên], ắt cần phải trải qua nhiều năm tháng! Chỉ có kẻ tột trung, tột hiếu, hôm nay tạ thế, ngày mai liền sanh cõi trời. Người biết làm bầy tôi, làm con trung hiếu, tiết tháo cao cả, há có biết đây lại càng là cội gốc để được siêu độ ư?

Kẻ có hiếu, trước hết phải giữ yên đất nước. Do nước đã yên, [dân chúng] sẽ an cư. Do an cư, họ sẽ thực hiện hạnh hiếu thảo. Vì thế, cổ nhân tìm trung thân, ắt tìm nơi hiếu tử. Trung hiếu toàn vẹn đôi bề mới là đạo trọng yếu để đạt đến đức hạnh cao tột. Nhưng cũng có khi trung hiếu chẳng thể đều vẹn toàn được, do vậy, chia ra [thành từng phương diện] để luận định, ngõ hầu mỗi người sẽ tùy theo sự việc mà biết trọn hết tấm lòng.

“*Trung*” là tận tâm, chẳng lừa dối. Phàm trong các mối quan hệ giữa con người với nhau, như kẻ dưới phụng sự người trên, như những người cùng hàng chơi

với nhau, xử sự, giao tiếp, đều nên có [lòng Trung], nhưng đoạn kinh văn này nhằm chuyên nói về kẻ làm bầy tôi. Cha con, anh em, vợ chồng, ai nấy đều tự biết kính yêu, còn như [mối quan hệ] vua tôi là do đạo nghĩa mà kết hợp, ai nấy dễ phạm lỗi cầu thả. Ở đây, nói lòng Trung là nói tới chuyện thiên kinh địa nghĩa, là chuyện chẳng thể trốn tránh giữa vòng trời đất vậy.

Ông Phan Trọng Mưu nói:

- Trong đời mỗi người, ngoài trời, đất, cha mẹ ra, ân vua lớn nhất. Trong thường nhật, bất luận cư trụ, ăn uống<sup>178</sup>, không gì chẳng phải là ân vua. Khi vào trường học tập<sup>179</sup>, cho đến lúc ra làm quan, được phong tước, vinh hiển tổ tông, rạng mặt nở mày ba họ<sup>180</sup>, hoặc được vua coi như kẻ tâm phúc, phong cho quan cao chức cả<sup>181</sup>, bất quá là mong bồi dưỡng kẻ sĩ hòng báo đáp

---

<sup>178</sup> Nguyên văn “*tiễn thổ, thực mao*” (踐土食毛). Đây là một thành ngữ phát xuất từ một đoạn văn trong Tả Truyện: “*Phong lược chi nội, hà phi quân thổ? Thực thổ chi mao, thù phi quân thân?*” (Trong lãnh thổ của nhà vua, có chỗ nào chẳng phải đất nhà vua, ăn lông từ đất (tức ăn rau cỏ mọc trên đất), có ai chẳng phải là bầy tôi của vua?) Vì thế, “*tiễn thổ, thực mao*” có nghĩa là (đi trên đất của vua, ăn rau của vua), hiểu theo nghĩa bóng là nơi ta sinh sống, những gì ta ăn uống, đều thuộc về quốc gia. Cũng do ý này mà trong bài Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc, cụ Nguyễn Đình Chiểu đã viết: “*Tác đất, ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta*”.

<sup>179</sup> Nguyên văn “*đương giao tường tạo tự*” (當膠庠造就, vào trường Thái Học hoặc trường huyện để đào tạo bản lãnh). Đời Châu, trường Thái Học được gọi là Giao (膠), còn các trường huyện được gọi là Tường (庠).

<sup>180</sup> Nguyên văn “*vinh thí tam đẳng*” (榮施三黨). Theo tự điển Nhĩ Nhã, “*tam đẳng*” là một từ ngữ cổ, dùng để chỉ họ cha, họ mẹ và họ vợ. Câu này có nghĩa là người đỗ đạt, vinh quy bái tổ, ba họ được thom lây.

<sup>181</sup> Nguyên văn “*long dĩ tư mục*” (隆以司牧), “*tư mục*” có nghĩa là quản lý, cai trị, thường được dùng để chỉ các quan lại.

[nước nhà] đó thôi! Con người chẳng phải là cây cỏ, ai chẳng động lòng? Thế mà có kẻ đã hưởng ân đất nước, chẳng nghĩ dốc sức như khuyến mã để báo đáp, chỉ biết vun vén cho bản thân và gia đình, cái tâm sao mà tàn nhẫn vậy?

Ông Vu Thiết Tiêu nói:

- Sĩ, nông, công, thương mắt chẳng thấy cửu trùng cung khuyết<sup>182</sup>, dường như chẳng có ơn vua để đáng nói tới. Nhưng hãy thử nghĩ: Ở một phương, những chốn chằm, đầm là nơi bọn giặc cướp chiếm cứ, là nơi bọn vong mạng dấy binh, ắt [chúng nó] sẽ đâm, giết, cướp bóc, sáng chẳng bảo đảm tới. Nếu không có oai phước của quân đội triều đình diệt sạch [giặc cướp, loạn quân] cho an toàn, há [dân chúng bình phàm] có thể yên lòng ngồi hưởng phước bốn biển thái bình ư? Nghĩ đến đây, [sẽ thấy] gã phu gồng gánh, đứa trẻ chăn trâu, phụ nữ canh cửi, anh chàng cấy cày, chôn chôn đều thọ ơn vua, lúc nào cũng đều là do sức vua! Hãy nên tùy phận dốc trọn lòng trung, hướng hồ kẻ đọc sách ăn lộc vua ư? Kẻ chẳng biết một chữ Trung, cũng đáng thẹn lắm thay!

Đạo làm bầy tôi không phải chỉ có một. Người làm tể phụ<sup>183</sup>, ắt dốc trọn lòng phù tá việc cai trị là

---

<sup>182</sup> “Cung khuyết” là từ ngữ chỉ cung điện của nhà vua. Do ngoài cửa cung có hai cái Khuyết, nên gọi là cung khuyết. Khuyết (闕) là một cấu trúc gồm một đài cao, trên có lầu cao, phía dưới thì bỏ trống ở giữa để làm lối đi lại.

<sup>183</sup> Tể phụ (宰輔) chính là ngôi Tể Tướng. Do Tể Tướng có vai trò phụ tá hoàng đế trông coi việc triều chánh cho nhà vua, đứng đầu các quan, nên gọi là Tể.

trung. Là kẻ ngôn quan (言官, gián quan, ngự sử, gián nghị đại phu) ắt coi chuyện can gián nhằm khuông phò [hoàng đế theo đúng chánh đạo] là trung. Làm quan trông coi về hình pháp, bèn coi chuyện chấp hành pháp luật công bằng, khoan dung là trung. Làm quan lại, coi yêu dân, siêng năng nơi chức trách là trung. Làm quan võ, coi dốc hết sức dẹp yên loạn lạc là trung. Những người giữ việc tiến cử, trông coi văn học, lấy chuyện tuyển chọn nhân tài cho đất nước là trung. Chuyện [tròn hết trách nhiệm để tận trung] khó thể nêu trọn! Sở dĩ ý niệm [trung thành] của kẻ làm bầy tôi bị phân tán đến nỗi chẳng đoái nghĩ đáng quân vương<sup>184</sup> là do có mấy điều, tức là do gia đình của chính mình, do tước vị, do quyền thế, do ân oán, do danh dự. Ý niệm về bản thân, gia đình, tước vị xuất phát từ kẻ tầm thường thì chuyện xấu [gây nên bởi cái tâm bất trung ấy] vẫn còn nhỏ. Ý niệm quyền thế phần nhiều phát sanh từ kẻ gian nịnh, thường liên quan đến lẽ lợi hại của thiên hạ, nước nhà, nhưng nỗi hại ấy rốt cuộc cũng gây hại cho chính kẻ gian! Còn như ân oán và danh dự, dầu là kẻ được cõi đòi xung tụng là quân tử, vẫn có khi chẳng tránh khỏi! Từ thời Đường, Tống tới nay, mối họa kéo bè kết đảng là như thế đó. Chỉ có trung thì sẽ tận tâm, chẳng lừa dối. Chẳng lừa dối thì sẽ chí thành. Hễ chí thành thì khởi tâm động niệm, hoàn toàn chẳng vì bản thân, vì gia đình, vì tước vị mà dấy lên, chẳng tránh né kẻ quyền thế mạnh mẽ, chẳng bị ảnh hưởng bởi tình cảm

---

<sup>184</sup> Nguyên văn là “*quân phụ*” (君父). Theo ông Hoàng Bách Lâm, do coi vua giống như cha nên gọi là quân phụ, chứ “*quân phụ*” không có nghĩa là vua và cha.

riêng tư, chẳng tiếc nuôi công danh của chính mình, trọn chẳng cầu được tiếng thơm là bậc trung nghĩa, chánh trực. Tuy khéo léo chu toàn sự việc, nhưng chẳng a dua, phụ họa, hoặc là chấp pháp chẳng nể nang tình cảm, chẳng vì tình tự khích động mà uốn cong luật lệ. Chỉ cần là chuyện thật sự hữu ích cho quốc kế, dân sanh, [sẽ đều tận lực thực hiện]. Lại còn coi vua của mình đúng là như vua Nghiêu, vua Thuấn, chẳng dám manh nha ý niệm coi thường. Đây mới là lòng trung cung kính vậy!

Hàn Thi Ngoại Truyện<sup>185</sup> chép:

- Đạo trung có ba loại. Một là thờ vua bằng cách dùng đạo để bảo vệ thì là đại trung. Dùng đức hạnh để uốn nắn, phò tá vua thì là thứ trung (trung thành bậc thứ). Dùng lời lẽ can gián những chuyện sai trái để cứu nhà vua thì là hạ trung.

Sách Thuyết Uyển<sup>186</sup> nói:

- Tuân theo mạng lệnh, có lợi cho vua thì gọi là Thuận. Tuân theo mạng lệnh mà có hại cho vua thì gọi

---

<sup>185</sup> Hàn Thi Ngoại Truyện là một phần của một bộ sách do Hàn Anh viết vào thời Tây Hán. Sách gồm có mười quyển, chia thành hai phần Nội Truyện và Ngoại Truyện. Nội Truyện đã thất truyền từ lâu.

<sup>186</sup> Thuyết Uyển (說苑) là tác phẩm thuộc loại tạp sự tiểu thuyết do Lưu Hưởng viết vào thời Tây Hán. Đến đời Tống, Tăng Cung nhuận sắc. Tác phẩm này gồm hai mươi quyển, ghi chép những truyền thuyết và những câu chuyện lịch sử từ thời Tiên Tần cho đến đời Tây Hán, có kèm thêm những lời bình luận theo quan điểm của Nho gia.

là A Dua. Trái mạng mà gây hại cho vua thì gọi là Loạn. Trái mạng mà có lợi cho vua thì gọi là Trung.

Nhan Quang Trung<sup>187</sup> nói:

- Phàm là người làm quan xử sự trong cõi đời, [khi gặp] những chuyện thị phi to tát, gặp những chỗ có ảnh hưởng lợi hại to lớn, thường liên quan đến tánh mạng, tuy lúc rảnh rang thì có thể lo liệu chánh vụ, tuân thủ chánh đạo, nhưng cho đến khi ấy (đến khi phải quyết định những chuyện trọng đại), cứ ngập ngừng muốn nói lại thôi, [cứ phân vân nên] thuận theo hay trái ý cấp trên, ắt sẽ có chuyện giết người để lấy lòng người khác! Nếu không, sẽ là phường hồ đồ, chẳng quyết đoán, bại hoại quốc sự, khiến cho thế gian này phải hứng chịu [hậu quả của] sự chần chừ ấy.

Xưa nay, những bậc hào kiệt hành sự, thành tựu đại công danh, đại nhân phẩm, đều là do từ trong “*muôn phần chết, một phần sống*” mà ra, đạt được định lực từ nơi ấy; sau đấy, quốc gia mới được lợi ích. Như Gia Cát Lượng cúc cung tận tụy, Quách Lệnh Công (Quách Tử Nghi, 郭子儀)<sup>188</sup> một mình một ngựa

---

<sup>187</sup> Nhan Mậu Du (?-1637), tự là Tráng Kỳ và Quang Trung, biệt hiệu là Hoàn Bích Cư Sĩ, quê ở huyện Bình Hòa, thuộc phủ Chương Châu, tỉnh Phước Kiến, đỗ Tiến Sĩ năm Sùng Trinh thứ bảy (1634) đời Minh. Ông viết rất nhiều về nhân quả, bộ sách nổi tiếng nhất của ông là *Địch Cát Lục* cũng bàn về lẽ nhân quả, được Trần Long Chánh tôn xưng là “sách báu cứu đời”. Tác phẩm này được lưu hành rộng rãi tại Giang Nam chỉ kém bộ *Liễu Phàm Tứ Huấn*.

<sup>188</sup> Quách Tử Nghi do từng đảm nhiệm chức Trung Thư Lệnh nên được gọi là Lệnh Công. Chữ Lỗ chỉ quân Hôi Hột; chúng tôi tạm dịch là giặc Hồ vì người Trung Hoa có thói quen gọi tất cả các dân tộc thiểu số ở Tân Cương là Hồ.

gặp giặc Hồ, Lý Lâm Hoài<sup>189</sup> giấu đao trong giày [để tỏ rõ chí], Hàn Kỳ Vương<sup>190</sup> mười ngón tay còn bốn, Lưu Thuận Xương<sup>191</sup> chứa củi đợi chết [nhằm tỏ ý sanh tử quyết chiến]. Ông ta ra vào giữa vạn quân, [trong vòng]

---

<sup>189</sup> Lý Lâm Hoài tên thật là Lý Quang Bất, là một vị danh tướng đời Đường. Do ông ta được phong làm Lâm Hoài Vương, nên Sử thường gọi ông là Lý Lâm Hoài. Ông Lý khỏe mạnh, đa mưu, thiện chiến, giỏi bắn tên, giỏi cưỡi ngựa. Ông làm Tiết Độ Sứ Lạc Dương. Khi Sử Tư Minh giết chết con An Lộc Sơn là An Khánh Tự, xưng là Đại Yên Hoàng Đế, tấn công Lạc Dương ráo riết, Lý Lâm Hoài nhận thấy khó thể giữ thành Lạc Dương, bèn chuyển dân chúng đi nơi khác, lui quân về Hà Dương. Sau này, Lý Lâm Hoài đánh bại cánh quân của Sử Tư Minh tại Lạc Dương, góp phần dẹp yên cuộc biến loạn của An Lộc Sơn. Trong khi giao chiến, ông giấu một con dao nhọn trong ủng, bảo thuộc hạ: “Ta thuộc vào địa vị Tam Công, chẳng thể chịu nhục trong tay giặc được. Nếu lỡ bị thua trận, ta sẽ tự vẫn để tạ tội với thiên tử”.

<sup>190</sup> Hàn Kỳ Vương chính là danh tướng Hàn Thế Trung của nhà Nam Tống. Do được phong làm Kỳ Vương, nên Sử thường gọi ông là Hàn Kỳ Vương. Ông thân thể to lớn, anh dũng, thiện chiến, nhiều mưu lược, cầm quân nghiêm minh, khinh tài, trọng nghĩa. Do từng bị trúng phải độc tiễn, vì thế, bàn tay của ông chỉ còn bốn ngón. Cùng với Nhạc Phi, ông lập nhiều chiến công hiển hách khiến cho quân Kim kinh hồn. Ông một mực phản đối chính sách hòa đàm của Tần Cối. Tần Cối bèn giả chiếu chỉ gọi ông về triều, giao cho trông coi Xu Mật Sứ, tước hết binh quyền. Ông đã gặp thẳng vua, tâu rõ Tần Cối chính là kẻ hại chết Nhạc Phi, nhưng nhà vua vẫn u mê, chẳng nghe lời can gián. Chán nản, ông bỏ về hưu, đóng cửa tạ khách.

<sup>191</sup> Lưu Thuận Xương tên thật là Lưu Kỳ. Do từng đánh bại quân Kim tại Thuận Xương, nên người đời thường gọi ông là Lưu Thuận Xương. Ông là một vị tướng nổi danh kháng Kim của nhà Nam Tống. Lúc đó, tướng Hoàn Nhan Xương của quân Kim nghị hòa với Tần Cối. Một điều khoản nghị hòa là quân Kim sẽ trả lại phủ Khai Phong của Đông Kinh, phủ Hà Nam của Tây Kinh, và phủ Ứng Thiên của Nam Kinh cho Nam Tống. Lưu Thuận Xương được phái đến trấn thủ Thuận Xương. Khi còn cách Thuận Xương ba trăm dặm, ông Lưu nghe tin quân Kim đã đánh xuống miền Nam. Ông đã thành công chỉ huy quân Tống phá tan đội quân chủ lực của Hoàn Nhan Tông Bất tại Thuận Xương. Không lâu sau, Tần Cối lại chủ trương tiếp tục nghị hòa, bắt ông phải triệt thoái, đổi sang làm tri phủ Kinh Nam. Trong cuộc chiến Thuận Xương, khi Hoàn Nhan Tông Bất dẫn đến bốn đạo binh cùng tấn công Thuận Xương, ai nấy kinh sợ khuyên ông nên tạm thời rút về Giang Nam để chờ thời cơ. Ông hạ quyết tâm, ra lệnh: “Kẻ nào dám bàn ra tán vào, sẽ chém”. Ông cho người đưa vợ con đến một ngôi chùa gần đó, sắp sẵn một đồng củi to, dặn dò thuộc hạ: “Nếu ta lỡ bị thua trận, hãy nổi lửa thiêu chết vợ con ta để họ cùng ta hy sinh vì nước”. Nghe tin ấy, quân sĩ hăng hái, liều sức chiến đấu khiến cho Hoàn Nhan Tông Bất bị thua to.



tên đạn chỉ chút, [thế mà] thần khí bất động, lạng lẽ thắng trận, há dễ dàng ư? Tấm thân đã sớm giao cho nước nhà rồi! Nhưng đó vẫn là nói về bậc chiến tướng. Còn như Từ Hữu Công<sup>192</sup>, Địch Lương Công<sup>193</sup>, Lý Phiên<sup>194</sup> đều [bị vu cáo, hãm hại mà] mắc tội tử hình. Bùi Tấn Công<sup>195</sup>, Trương Ngụy Công<sup>196</sup>, Hàn Ngụy Công<sup>197</sup> bị vây hãm bởi kiêu khách<sup>198</sup>, nhưng họ rất

---

<sup>192</sup> Từ Hữu Công là người huyện Yên Sư, tỉnh Hà Nam, sống vào đời Đường. Ông vốn làm quan thuộc ngành tư pháp, được cử làm chức tư pháp tham quân, trông coi quân kỷ. Đối xử với phạm nhân rất khoan hậu, chẳng dùng nhục hình. Ông Từ tánh tình kiên quyết, chất trực, không xu phụ quyền thế, dám tranh biện không e ngại trước mặt Vũ Tắc Thiên, một mực bênh vực những kẻ bị hàm oan do bọn gian thần sàm tấu. Do ông nhiệt thành tận lực điều tra, minh oan cho rất nhiều người, dân chúng gọi ông là Nhân Nhân (người nhân từ).

<sup>193</sup> Địch Lương Công chính là Địch Nhân Kiệt, một vị quan văn nổi tiếng dưới thời Đường Cao Tông. Ông Địch là người xứ Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, trung hiếu vẹn toàn, cương trực, vô tư, tự gánh vác trách nhiệm phục hưng nhà Đường. Ông đã dùng tài trí, khéo léo lái Vũ Tắc Thiên thực hiện những kế sách khiến cho quốc gia thịnh trị. Vũ Tắc Thiên hết sức kính nể ông, tôn xưng ông là Quốc Lão. Bọn gian thần như Trương Diệc Chi, anh em nhà Vũ Tam Tư nhiều phen tìm cách vu cáo, hãm hại ông, nhưng đều thất bại.

<sup>194</sup> Lý Phiên là một vị đại thần đời Đường, tài đức vẹn toàn. Ông giữ chức Cấp Sự Trung thời Đường Huyền Tông, dùng những lời lẽ rất thẳng can gián nhà vua khi nhà vua u mê tin vào bọn phương sĩ, chỉ mong trường sanh bất tử. Về sau, ông được phong làm Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, thực chất là Tể Tướng dưới đời Đường Hiến Tông.

<sup>195</sup> Bùi Tấn Công chính là Bùi Độ, làm ngự sử, chủ trương tước quyền các phiến thần. Ông làm Tể Tướng dưới bốn đời vua, tức Đường Hiến Tông, Đường Mục Tông, Đường Kính Tông và Đường Văn Tông. Cuối đời, do can vua đừng trọng dụng hoạn quan khiến triều chánh bị lũng đoạn, nhưng vua không nghe theo, ông chán nản, từ quan, đóng cửa tạ khách.

<sup>196</sup> Trương Ngụy Công chính là Trương Tuấn, do được phong là Ngụy Quốc Công, nên Sử thường gọi ông là Trương Ngụy Công. Trương Tuấn làm Tể Tướng, chủ trương kịch liệt kháng Kim, trọng dụng Nhạc Phi và Hàn Thế Trung. Sau này, Tàn Cối khéo xu nịnh, trở thành Tể Tướng, Trương Tuấn bị bãi chức suốt hai mươi năm. Ông vẫn liên tục dâng sớ lên triều đình phản đối nghị hòa.

<sup>197</sup> Hàn Ngụy Công chính là Tể Tướng Hàn Kỳ thời Bắc Tống.

<sup>198</sup> Kiêu khách ở đây là những gã thích khách do bọn gian thần phái đến hãm hại những vị này.

cuộc bắt tử, công huân trọn khắp trời đất, danh treo cùng nhật nguyệt. Cố nhiên là họ đã bỏ sạch [bản thân] như thế, nhưng sau đó đã đạt được tác dụng to lớn.

Do vậy biết tạo vật, quỷ thần cũng dùng chuyện này để thử thách con người. Khi đã vượt được thử thách, thần linh sẽ luôn bảo vệ, vũ trụ sẽ thuộc quyền chấp chưởng của họ. Khi chẳng vượt được sự thử thách ấy, sẽ là thân bại danh liệt. Như Vương Diễn, Ân Hạo<sup>199</sup> v.v... thoát đầu cũng tự phụ là hạng người đứng thẳng nơi cao muôn trượng, tiếng tăm lừng lẫy trong bốn biển, nhưng thấy cây cỏ thì vui vẻ, thấy sói bèn run rẩy, vì sẵn mang bản chất của loài dê! Hễ gặp chuyện biến hóa, bèn run giọng, líu lưỡi, bọn họ làm sao có thể tranh thủ xoay chuyển vận mạng càn khôn, có bản tánh của những nhân vật an định cho được? Ấy là vì họ gieo trồng căn cội giả trá<sup>200</sup>, giả sẽ ứng với giả, nếu nhận được đôi chút phước trạch nhỏ nhoi là đã tiện nghi lắm

---

<sup>199</sup> Vương Diễn, tên tự là Di Phủ, sống vào thời Đông Tấn, làm quan tới chức Tư Đồ, Trung Thư Lệnh, và Thượng Thư Lệnh đời Tây Tấn, giỏi văn chương, thích đàm huyền thuyết diệu, tự coi mình là người thanh cao, thực chất là kẻ lười nhác chẳng màng chánh sự, chỉ lo bo bo giữ cho thân mình được vinh thân phì gia. Khi Lưu Uyên lập ra nhà Hán để chống lại nhà Tấn, Vương Diễn chỉ lo gom góp tiền bạc, kéo vây cánh để tìm đường rút lui nếu nhà Tấn thất trận. Khi Tư Mã Luân trong loạn bát vương giết chết Giả Hựu, do có quan hệ huyết thống với Giả Hựu, Vương Diễn đã giả điên để lánh nạn, không nghĩ cách bảo vệ đất nước.

Ân Hạo là người thời Đông Tấn, học rộng, thông thạo Lão Trang, kinh Dịch, cũng thích đàm huyền thuyết diệu, tự coi mình là bậc thanh cao, tài cao chí cả hơn người. Khi Hoàn Ôn chuyên quyền, Ân Hạo làm Trung Quân Tướng Quân, nhưng thiếu năng lực, chỉ biết nói suông. Hoàn Ôn trách tội, tâu vua phế Ân Hạo làm thứ dân. Trong đoạn văn kể đó, ông Nhan Quang Trung có chê họ thấy sói bèn run sợ, tức là chê trách Vương Diễn khiếp nhược, hèn mọn trước oai thế của Tư Mã Luân và Thạch Lặc, Ân Hạo sợ Hoàn Ôn một phép!

<sup>200</sup> Ý nói cái mà họ thể hiện bề ngoài đều là giả, mang tấm lòng giả dối, khoe khoang.

rồi! Hiềm rằng do được hưởng danh tiếng quá nặng, tự mong mỗi thái quá, đến khi lộ rõ bản chất, chẳng thi triển được một mảnh khoe [giả dối] nào, bị thiên hạ cười nhạo. Do vậy bèn nói: Sự soi xét [của thiên địa, quỷ thần] rất ân nhiệm, chẳng dung kẻ dối trời lừa người hòng cầu may mắn mà đạt được thành công đâu nhé! Vì thế, đối với chỗ này, phải gấp nên giữ cho thanh tịnh.

Tám thân này đã phó thác thiên địa, vạn vật, dầu bất hạnh mà chết, như những cái chết của Quan Tráng Mục, Trương Tuy Dương, Nhạc Vũ Mục, Văn Văn Sơn<sup>201</sup> [vẫn hết sức có giá trị]. Hãy xem bọn Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung, Hàn Thác Trụ, Giả Tự Đạo<sup>202</sup>

---

<sup>201</sup> Quan Tráng Mục chính là Quan Vũ, tức Quan Công. Do sau khi chết, Quan Vũ được truy tặng tước Tráng Mục Hầu, nên ở đây gọi ông là Quan Tráng Mục. Trương Tuy Dương tên thật là Trương Tuân (709-757), còn gọi là Trương Trung Thừa, người xứ Bồ Châu, Hà Đông. Khi An Lộc Sơn dấy loạn, ông làm huyện lệnh Chân Nguyên, đã đem binh trấn giữ Ung Khưu, một mình suất lĩnh quân sĩ chống lại Yên Quân của An Lộc Sơn. Sau đó, ông được điều sang trấn giữ Tuy Dương (nay là Thương Khâu, tỉnh Hà Nam), cộng đồng tác chiến với thái thú Hứa Viễn. Ông thể lực trơ trọi, thiếu thốn lương thảo, không người cứu viện, vẫn anh dũng giữ vững Tuy Dương suốt hai năm. Thành vỡ, bị bắt, ông khảng khái đón nhận cái chết, không chịu hàng giặc. Nhạc Vũ Mục chính là Nhạc Phi. Sau khi mất, Nhạc Phi được triều đình đặt thụy hiệu là Vũ Mục. Văn Văn Sơn chính là Văn Thiên Tường. Khi quân Nguyên diệt Tống, ông Văn phụng mạng bảo vệ hoàng đế. Về sau, do giao chiến thất bại, ông bị quân Nguyên bắt, nhưng nhất quyết không đầu hàng. Trước khi bị tử hình, ông viết bài Chánh Khí Ca hào khí凛冽, khiến cho người đương thời đọc đến không ai cảm được nước mắt.

<sup>202</sup> Lý Lâm Phủ là hoàng tộc nhà Đường, thích âm nhạc, làm quan tới chức Lễ Bộ Thượng Thư. Gã này tánh tình giảo hoạt, lắm mưu mẹo xảo trá, miệng lưỡi ngọt ngào, thuộc loại “*miệng nam mô, bụng một bồ dao găm*”, cấu kết với bọn phi tần, khéo nịnh bợ hoàng đế, nên tuy thiếu học thức, vẫn luôn được trọng dụng. Lần lần hần chiếm được lòng tin của vua, trở thành Tể Tướng dưới đời Đường Huyền Tông, thao túng triều chánh suốt mười chín năm, tận sức hưởng lạc, hãm hại rất nhiều bậc đại thần công chính, kể cả việc gây nên cái chết của ba vị hoàng tử Lý

## có kết cục như thế nào? Có ai không chết? Chỉ có bậc

---

Anh, Lý Dao và Lý Cứ. Hắn cầu kết với Vũ Huệ Phi (Dương Quý Phi) chèn ép hoàng thái tử Lý Dục, buộc Thái Tử phải bỏ vợ.

Dương Quốc Trung vốn có tên là Dương Chiêu, là một tay quyền thần dưới thời Đường Huyền Tông. Hắn là anh em họ của Dương Quý Phi. Sau khi Dương Quý Phi được Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng) sủng ái, hắn nịnh bợ em họ để bà ta xúi giục vua cất nhắc mình. Vua mê muội nghe theo, còn đặt tên cho hắn là Quốc Trung. Hắn nắm quyền Kinh Triệu Doãn (tương đương với chức Đô Trưởng hiện thời), kiêm nhiệm Binh Bộ Thị Lang, kiêm Kiểm Nam Tiết Độ Sứ. Sau khi Lý Lâm Phủ chết, hắn được cử làm Hữu Tướng, kiêm Lại Bộ Thượng Thư, Tập Hiền Đại Học Sĩ v.v... Tính ra, hắn kiêm nhiệm đến hơn bốn mươi chức vị khác nhau, lại còn được gia phong là Ngụy Quốc Công. Trong thời gian hắn chấp chánh, đã phát động chiến tranh với Nam Chiếu khiến cho quốc khố trống rỗng, hao tổn hơn hai mươi vạn quân! Khi An Lộc Sơn dấy loạn, hắn chỉ biết khuyên vua chạy vào Tứ Xuyên lánh nạn. Khi chạy đến Mã Ngôi, quân sĩ chán nản không chịu tiến nữa, Thái Tử Lý Hanh, hoạn quan Lý Phủ Quốc, Cao Lực Sĩ v.v... truyền hịch hạch tội Dương Quốc Trung, ép vua xử trảm anh em Dương Quốc Trung. Dương Quốc Trung chạy trốn đến Tây Môn thì bị loạn quân chém chết, Dương Quý Phi bị ép thắt cổ tự tử.

Hàn Thác Trụ là chất của Hàn Kỳ. Ông ta được Tống Ninh Tông trọng dụng, thăng lên làm Tể Tướng. Thác Trụ cực lực bài xích Lý Học, thỉnh cầu hoàng đế cấm tuyệt Lý Học, bức hại những người theo Lý Học. Ngay cả tông thất là Triệu Nhữ Ngụy vì theo Lý Học mà bị ông ta hạch tội, đến nỗi phải bị biếm trích. Về sau, ông ta bị Sử Di Viễn âm mưu với Dương Hoàng Hậu cắt đầu gởi cho quân Kim.

Giả Tự Đạo cũng sống vào thời Tống, do chị ruột là quý phi của vua mà được sủng ái, làm đến chức Hữu Thừa Tướng thời Tống Lý Tông. Về sau, Giả Tự Đạo được thăng lên chức Thái Sư Bình Chương Quân Quốc Sự, gia phong Ngụy Quốc Công. Ông ta xây một gian tư thất, đặt tên là Bán Gian Đường, bắt các quan viên phải mang công văn đến tư thất cho ông ta phê duyệt. Sau khi Mông Cổ liên kết với Tống diệt Kim, người Mông Cổ đã vi phạm hòa ước, tấn công Nam Tống, Giả Tự Đạo tuân lệnh vua cầm quân, nhưng không biết gì về quân sự, bèn lén lút nghị hòa với quân Mông Cổ, nhưng bị quân Mông Cổ bác bỏ. Khi hoàng đế Mông Kha chết trận ở thành Diệu Ngư, Giả Tự Đạo lại lén lút hòa đàm với Hốt Tất Liệt, xưng thần, tiến cống triều đình Mông Cổ mỗi năm hai vạn lạng bạc. Khi quân Mông Cổ rút quân, ông ta dẫn quân thừa cơ tấn công, giết được hơn một trăm quân Mông Cổ, khoe dối với triều đình đã lập đại công, liên tiếp báo tiếp. Khi thành Tương Dương bị quân Mông triệt hạ, Giả Tự Đạo vẫn lo ăn chơi, không màng đến việc triều chánh. Khi quân Mông Cổ đã chiếm được Ngạc Châu, tình hình nguy ngập, dưới sức ép của các đồng僚, Giả Tự Đạo phải thân chinh cầm quân kháng địch, nhưng không làm gì, chỉ lo nghị hòa. Khi kinh đô Lâm An cũng mất, dưới sức ép của các đại thần, Tả Thái Hoàng Thái Hậu bãi truất Giả Tự Đạo, nhưng vẫn không xoa dịu được sự phẫn nộ của quần chúng. Không lâu sau đó, nhà Nam Tống diệt vong.

chánh trực, trung hiếu, hễ chết sẽ thành thần, được triều đình phong tặng hiển vinh, được tôn sùng, cúng tế vẻ vang, con cháu được tập ấm. Chẳng thấy bọn quyền thần, gian nịnh chết rồi sẽ được như vậy! Chẳng bàn đến bọn quyền thần, gian nịnh, ngay như bọn Ca Thur Hàn, Tiêu Chí Trung, Vương Nhai, Giả Tốc<sup>203</sup> nem nẹp

---

<sup>203</sup> Ca Thur Hàn là thủ lĩnh của bộ tộc Ca Thur thuộc sắc dân Đột Kỵ Thĩ (Türgish), là tướng lĩnh dưới thời Đường Tuyên Tông. Ca Thur Hàn thuộc dòng dõi gia đình giàu có, từng làm bộ tướng của Vương Trung Tự (tiết độ sứ Lũng Hữu). Khi An Lộc Sơn làm loạn, trước đó, Ca Thur Hàn đã bị trúng phong, bán thân bắt toại, phải lui về Trường An nghỉ ngơi. Do bọn quyền thần vu hãm, các danh tướng Phong Thường Thanh, Cao Tiên Chi v.v... đều bị giáng chức rồi bị giết chết, tình thế hết sức nguy ngập. Đường Huyền Tông bèn sai Ca Thur Hàn trấn thủ Đồng Quan, Ca Thur Hàn phụng mạng, nhưng bệnh tình nghiêm trọng, hoàn toàn phải cậy vào bọn Điền Khâu Lương, Vương Tư Lễ, và Lý Thừa Quang xử lý chiến sự. Ca Thur Hàn chủ trương cố thủ; do vậy, Tể Tướng Dương Quốc Trung nghi kỵ, sàm tấu, bắt ông ra quân giao chiến với Thôi Càn Hựu (tướng của An Lộc Sơn). Ca Thur Hàn thua trận, phải rút lui về Đồng Quan. Bộ tướng của Ca Thur Hàn là Hỏa Bạt Quy Nhân đã trối ông vào ngựa nộ cho An Lộc Sơn. Khi bị giải đến trước An Lộc Sơn, Ca Thur Hàn đã lộ vẻ sợ sệt, thỉnh tội với An Lộc Sơn. An Lộc Sơn vui mừng, phong cho Ca Thur Hàn làm Tư Không để chiêu dụ quân Đường. Ca Thur Hàn bèn viết thư chiêu hàng các tướng dưới quyền. Về sau, An Khánh Thụ (con trai của An Lộc Sơn) giết cha, chiếm ngôi. Sau nhiều lần đại bại trước quân Đường, An Khánh Thụ phải bỏ Trường An, chạy về đất Nghiệp. Trước khi rút lui, hắn đã hạ lệnh giết chết Ca Thur Hàn.

Tiêu Chí Trung sống vào đời Đường, do xu phụ bọn Vũ Tam Tư (cháu Vũ Tắc Thiên), nên được phong làm Trung Thừa. Về sau, do An Lạc Công Chúa âm mưu thâm tóm quyền hành, đã thông đồng với mẹ là Vi Hậu, giết chết Đường Trung Tông. Nào ngờ một hoàng tử khác là Lý Long Cơ đã ra tay trước, dẹp tan âm mưu của mẹ con Vi Hậu. Sau khi An Lạc Công Chúa và Vi Hậu bị giết chết, Lý Long Cơ lên ngôi, tức Đường Huyền Tông, đã truy sát những tay chân của Vi Hậu. Do đó, Tiêu Chí Trung cũng bị xử trảm.

Vương Nhai từng làm tới Tể Tướng dưới thời Đường Văn Tông. Trước đó, kể từ thời Đường Huyền Tông, bọn hoạn quan đã thừa cơ triều chánh suy vi, xâm nhập chánh quyền, ngày càng lớn mạnh, trở thành một thế lực đáng gờm. Năm Bảo Lịch thứ hai (826), Đường Kính Tông bị hoạn quan Lưu Khắc Minh sát hại, các hoạn quan Vương Thủ Trừng, Lương Thủ Khiêm đưa Lý Ngang là con thứ của Đường Mục Tông lên kế vị, tức Đường Văn Tông. Vương Nhai tuy thân làm Tể Tướng, chẳng lo củng cố triều chánh, chỉ lo lấy lòng bọn hoạn quan. Đường Văn Tông bất mãn trước sự chuyên quyền của bọn hoạn quan, bèn ngầm âm mưu với Lý Huân và

xu phụ, mong giữ được đầu cổ, nhưng khi đại hạn xảy tới, ngọc đá chẳng còn! Đã sớm biết cũng bị chết ngang trái như vậy, sao không liệt liệt oanh oanh, đội trời đạp đất vậy thay?

Lại như vào thời Hán Vũ Đế, thời Đường Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên), khí tượng như thế nào? Những kẻ bị họ vô có tru sát, tuyệt diệt vô số, nhưng những quan lại chủ trì công đạo thuở đó, chẳng có ai chết! Những gã đón ý xu phụ kẻ tàn khốc, bạo ngược khi ấy, chẳng có kẻ nào bắt tử. Dẫu chẳng dám nhất loạt luận định [những trường hợp như thế đó] đều là họa phước, nhưng [đã hiểu] vì sao mạng (vận mạng) được gọi là mạng, chẳng thể khiến cho ta càng thêm tự tin ư? Có gì cứ ắt phải nem nép để rồi vì tiếc nuôi tánh mạng này mà phụ bạc ơn vua, gieo rắc mầm độc trong cõi đời!

---

Trịnh Chú diệt được Vương Thủ Trừng. Sau khi Vương Thủ Trừng chết, Lý Huân và Trịnh Chú tranh công, húc hặc lẫn nhau. Tháng Chín năm đó, Văn Tông phong cho Lý Huân làm Tể Tướng, đổi Trịnh Chú làm Phụng Tường Tiết Độ Sứ. Theo kế hoạch, trong đám tang Vương Thủ Trừng, Trịnh Chú sẽ đem quân về Trường An phối hợp diệt trừ hoạn quan, nhưng Lý Huân sợ Trịnh Chú lập đại công nên đã ra tay diệt hoạn quan trước. Ngày Mười Bốn tháng Chạp, Văn Tông thiết triều tại điện Tử Thần, Tả Kim Ngô Tướng Quân Hàn Ước tâu vua là tối qua có cam lộ giáng xuống cành thạch lựu trong vườn hoa của doanh trại Tả Kim Ngô, thỉnh vua đến xem. Lý Huân tuyên bố chuyện này chẳng thật, vua liền sai các hoạn quan đi xem. Do sự do dự của Quách Hành Dư và Hàn Ước, bọn hoạn quan đánh hơi được tình thế, nhanh chóng thoát thân, cướp vua chạy vào nội cung, sai quân tàn sát các đại thần. Sử gọi chuyện này là Cam Lộ Chi Biến, Vương Nhai cũng bị giết trong vụ này.

Giả Túc cũng là một đại thần bị giết trong vụ biến loạn Cam Lộ, ông ta giỏi văn chương, khéo ăn nói, nhưng thích phô trương, tánh tình nóng vội, tâm lượng nhỏ nhen, gió chiều nào che chiều ấy. Khi thấy vụ tiêu diệt hoạn quan của Lý Huân bị lộ, Giả Túc cứ nghĩ mình thường lấy lòng, nịnh nọt bọn hoạn quan sẽ không sao. Nào ngờ Giả Túc cũng bị bọn chúng thâm sát.

Lý Bí làm Tể Tướng thời Đường Đức Tông. Đức Tông vì chuyện Cáo Quốc Trưởng Công Chúa<sup>204</sup> mà muốn phế Thái Tử, gọi Lý Bí tới, kể cho biết. Lại còn bảo: “Thư Vương<sup>205</sup> gần đây đã trưởng thành, hiếu kính, thuận thảo, ôn hòa, nhân từ”. Lý Bí nói: “[Thái Tử] là con trai duy nhất của bệ hạ, có sao bệ hạ muốn phế đi để lập cháu? Hơn nữa, đối với con ruột của bệ hạ mà còn hoài nghi, làm sao không có [lòng nghi] đối với cháu? Thư Vương tuy hiếu, [nhưng chẳng phải là con ruột]; từ nay, bệ hạ hãy nên nỗ lực, chớ nên mong cầu nơi lòng hiếu thuận ấy (lòng hiếu thuận của Thư Vương)”. Vua nói: “Khanh không yêu thương gia tộc ư?” Lý Bí tâu: “Chỉ vì thần yêu thương gia tộc, cho nên chẳng dám không nói hết lời. Nếu sợ cơn thịnh nộ của bệ hạ mà ép mình thuận theo, ngày sau, bệ hạ hối hận, nhất định sẽ oán thần: ‘Ta riêng cử người làm Tể Tướng, người chẳng tận lực can gián!’ Đến nỗi ấy, ắt

---

<sup>204</sup> Cáo Quốc Công Chúa vốn là Diên Quang công chúa, con gái út của Đường Túc Tông (Lý Hanh). Thoạt đầu, bà được gả cho cháu của Dương Quý Phi là Bùi Huy. Trong cuộc biến loạn tại Mã Ngôi, do Bùi Huy bị giết, bà lại được gả cho Thái Bộc Khanh Tiêu Thăng. Bà sinh được một con gái là Tiêu Phi với người chồng sau. Đến đời Đường Đức Tông, do bà là cô của nhà vua, nên được gọi là Trưởng Công Chúa, và đổi phong hiệu là Cáo Quốc Trưởng Công Chúa. Con gái của bà được gả cho Thái Tử Lý Tụng của Đường Đức Tông. Do vậy, bà tự do ra vào Đông Cung. Sau khi Tiêu Thăng mất, Cáo Quốc Trưởng Công Chúa tư thông lung tung. Các nhân tình của bà bao gồm Bành Châu Tư Mã Lý Vạn, Thục Châu Biệt Hạ Tiêu Đình, huyện lệnh Phong Dương là Vi Uẩn, Thái Tử Chiêm Sự là Lý Thăng v.v... Do Trương Đức Thưởng vu cáo Cáo Quốc Công Chúa tâng tịu với Lý Tụng nên Đường Đức Tông tức giận, toan phế Thái Tử. Để trừng phạt, vua giam lỏng Cáo Quốc tại nhà riêng. Bà ta bèn học cổ thuật nguyên rửa vua Đường. Sự việc bị phát giác, vua giận dữ, tước sạch phong hiệu của công chúa, phế làm thứ dân, sai người đánh chết Lý Vạn, đuổi bọn Tiêu Đình, Vi Uẩn, Lý Thăng, lưu đầy năm đứa con tư sinh của Cáo Quốc xuống vùng biên địa Lãnh Nam, đồng thời giết chết Tiêu Phi.

<sup>205</sup> Thư Vương tên là Lý Mô, là con trai của Lý Mạo (em ruột Đường Đức Tông).

[bệ hạ] sẽ giết con thần. Thần đã già rồi, những năm tháng còn lại chẳng đáng tiếc! Nếu [bệ hạ] giết oan con thần, khiến cho thần phải lấy cháu làm người nối dõi, thần chẳng biết có được hưởng sự cúng tế ấy hay không?” Nhân đó, nghẹn ngào tuôn lệ; vua cũng khóc, nói: “Sự đã như vậy, biết làm sao?” Ông tâu: “Đối với chuyện lớn này, xin hãy suy xét. Từ xưa, hễ cha con ngờ nhau, chưa từng có chuyện không mất nước”. Vua nói: “Trong các niên hiệu Trinh Quán và Khai Nguyên đều thay Thái Tử, có sao chẳng mất nước?” Ông tâu: “Chuyện Thừa Càn âm mưu làm phản bị phát giác, Thái Tông bắt đắc dĩ phế trừ và còn phế bỏ Ngụy Vương Thái. Còn như Vũ Huệ Phi (Dương Quý Phi) gièm pha ba anh em Thái Tử Lý Anh, khiến họ bị giết, toàn quốc oán hận, phần nộ; đây chính là chuyện trăm đời đều nên răn ngừa, há lại có thể phỏng theo ư? Thần xin bệ hạ hãy thông thả trong ba ngày, xét rõ đầu mối, ắt sẽ biết rõ Thái Tử không có tâm gì khác. Nếu thật sự có dấu tích ấy, xin bệ hạ hãy theo như phương pháp thời Trinh Quán, phế luôn Thư Vương, lập hoàng tôn, ắt trăm đời sau, người có được thiên hạ vẫn là con cháu của bệ hạ. Nếu nói với bọn người như Dương Tố, Hứa Kính Tông, Lý Lâm Phủ, họ sẽ vâng theo ý chỉ này, sẽ lập công mưu định sách lược với Thư Vương”. Vua nói: “Ta sẽ vì khanh kéo dài chuyện này tới ngày mai để suy nghĩ”. Lý Bí tâu: “Như thế thì thần biết cha con bệ hạ ‘cha nhân từ, con hiếu thuận’ như thuở đầu vậy. Nhưng bệ hạ hãy nên tự tra xét, đoán định, chớ để lộ ý này với kẻ chung quanh. Nếu để lộ ra, họ sẽ tăng công



với Thư Vương, Thái Tử sẽ bị nguy”. Sau một ngày, vua ngự tại Diên Anh Điện, triệu kiến một mình Lý Bí, tuôn nước mắt bảo: “Chẳng có lời [can gián] thống thiết của khanh, hôm nay trẫm sẽ hối hận chẳng kịp. Thái Tử nhân hiếu, thật sự chẳng có tâm gì khác”. Lý Bí làm Tể Tướng bốn triều<sup>206</sup>, là bậc Tể Tướng lừng danh đời Đường; về sau, lại thành thần tiên.

Đời Đường, Ngụy Trưng có đảm lược, khéo xoay chuyển ý vua. Đối với chuyện [nhà vua sai trái dẫu] lớn hay nhỏ, ông ắt cực lực can gián, chẳng ngại mất lòng vua. Dẫu vua hết sức giận dữ, ông vẫn chẳng thôi. Vua từng có một con điều hâu đẹp đẽ, cho nó đứng trên cánh tay của mình. Nó thấy Ngụy Trưng từ xa đến, bèn trốn trong lòng vua. Ngụy Trưng cố ý tâu chuyện lâu lắt; rốt cuộc, điều hâu chết trong lòng vua. Văn Đức hoàng hậu<sup>207</sup> băng, vua nghĩ nhớ không thôi, làm lầu mấy tầng trong thượng uyển để nhìn về phía Chiêu Lăng. Vua từng dẫn Ngụy Trưng theo lên đó, bảo hãy nhìn xem. Ngụy Trưng nhìn kỹ, tâu: “Thần hoa mắt

---

<sup>206</sup> Lý Bí làm Tể Tướng dưới bốn triều vua Đường Huyền Tông, Đường Túc Tông, Đường Đại Tông và Đường Đức Tông.

<sup>207</sup> Văn Đức Hoàng Hậu họ Trương Tôn, Sử không chép rõ bà ta tên thật là gì. Bà là con của Trương Tôn Thịnh. Trương Tôn Thịnh giữ chức Hữu Nhiêu Vệ Tướng Quân của nhà Tùy. Khi Trương Tôn Thịnh mất, bà và anh trai là Trương Tôn Vô Kỵ (ông này về sau trở thành đại thần khai quốc của nhà Đường) cùng mẹ là Cao Thị bị con trưởng của Trương Tôn Thịnh là Trương Tôn An Nghiệp đuổi khỏi nhà, phải nương nhờ người cậu là Cao Sĩ Liêm. Dưới sự giàn xếp của cậu, bà được gả cho Lý Thế Dân. Bà đã âm thầm giúp chồng qua việc tranh thủ sự hậu thuẫn trong hậu cung của Lý Uyên. Bà thích đọc sách, có thể cùng chồng tranh luận rất tâm đắc mọi chuyện cổ kim. Vua rất quý mến bà đến nỗi sau khi bà mất, vua đã sai dựng nhiều ngôi chùa để cầu siêu cho bà, chẳng lập người khác làm hoàng hậu. Chiêu Lăng chính là nơi an táng bà ta. Hiên Lăng là nơi an táng Lý Uyên (Đường Cao Tổ).

chẳng thể thấy”. Vua bèn chỉ cho thấy, Ngụy Trưng tâu: “Thần ngỡ là bệ hạ dõi nhìn Hiến Lăng. Nếu là Chiêu Lăng thì đương nhiên là thần trông thấy”. Vua khóc, sai hủy cái lều ấy. Ngụy Trưng khuyên vua: “Hãy giảm bớt đao binh, chú trọng văn hóa. Trung Quốc đã yên, tứ di tự phục tùng”. Vua nghe theo lời ấy. Về sau, Hiệt Lợi<sup>208</sup> bị bắt, viên tù trưởng ấy còn đeo đao, làm túc vệ. [Thịnh trị] đến nỗi [nhà dân chúng] cửa ngoài không cần đóng, người đi xa chẳng mang theo lương thực, đều do sức của Ngụy Trưng vậy. Ngụy Trưng là bậc đại thần hữu danh đời Đường, được phong làm Trịnh Công, cháu năm đời là Mô lại làm Tể Tướng.

Thời Vũ Tắc Thiên, các pháp quan đua nhau tàn khốc, chỉ riêng có quan Tư Hình Thừa là Từ Hữu Công giữ lòng công bằng, khoan dung. Thoạt đầu, ông trông coi về hình pháp ở Bồ Châu, chẳng đánh đập tù nhân. Các nha lại ước định với nhau: “Nếu vi phạm, sẽ bị Từ tư pháp đánh đòn, bị mọi người cùng chê trách”. Cho đến khi ông mãn nhiệm, chẳng đánh đòn một ai, các người có chức trách cũng sửa đổi. Tới khi ông làm Tư Hình Thừa, đối với những kẻ bị bọn nha lại tàn ác lại

---

<sup>208</sup> Hiệt Lợi Khả Hãn (Illig-Baghatur qaghan), vốn có tên là A Sử Na Đột Bí, về sau được phong là Quy Nghĩa Vương. Ông là Khả Hãn cuối cùng của Đông Đột Quyết Hãn Quốc (Göktürks). Ông vốn là em trai của Đột La Khả Hãn (Chulo Qaghan). Khi Đột La mất, vợ ông ta là công chúa Nghĩa Thành thuộc hoàng tộc nhà Tùy đã chọn Hiệt Lợi làm vua. Về sau, ông lấy Nghĩa Thành làm vợ. Ông nhiều lần mưu toan xâm nhập Trung Nguyên. Hiệt Lợi tin tưởng, trọng dụng Triệu Đức Ngôn làm cố vấn, khiến nhiều người Đột Quyết bất mãn. Sau đó, ông đã nhiều lần tấn công Trung Nguyên. Năm Trinh Quán thứ tư (630), Hiệt Lợi bị thua trận dưới tay Lý Tĩnh, Đông Đột Quyết diệt vong. Hiệt Lợi bị giải về Trường An. Vua xá tội, phong Hiệt Lợi làm thứ sử Quốc Châu, nhưng ông từ chối. Do vậy, vua phong cho ông chức Hữu Vệ Đại Tướng Quân.

vu cáo, cấu kết tội trạng, ông đều làm rõ trắng đen, cứu sống vô số người. Ông từng tranh luận trước triều đình về chuyện tù ngục, Thái Hậu (Vũ Tắc Thiên) nghiêm sắc mặt cật vấn, Hữu Công thần sắc không nao núng, tranh luận càng thêm thiết tha. Thái Hậu tuy hiếu sát, nhưng biết Hữu Công là người chánh trực, hết sức kính nể, kiêng dè. Bọn Châu Hưng v.v... sàm tấu, gièm xiểm đủ kiểu, rót cuộc chẳng thể hại ông. Sau đó, ông được cất nhắc làm Tả Đài Điện Trung Thị Ngự Sử, con cháu nhiều người hiển đạt.

Đời Đường, Quách Tử Nghi trong cơn biến loạn An Sử<sup>209</sup>, đã thu phục hai kinh<sup>210</sup>, công đứng đầu các tướng. Thời Đường Đại Tông, bọn hoạn quan (thái giám) nắm trọn quyền, Tử Nghi bị ngồi chơi xơi nước đã lâu, thuộc hạ ly tán. Bổng Thổ Phiên<sup>211</sup> xâm nhập

---

<sup>209</sup> Cuộc biến loạn này do An Lộc Sơn và Sử Tư Minh cầm đầu, nên gọi là loạn An Sử.

<sup>210</sup> Hai kinh thời Đường là Trường An và Lạc Dương.

<sup>211</sup> Thổ Phiên (Tubo, tiếng Tây Tạng là Bod Chenpo) là một vương triều ở cao nguyên Thanh Tạng, cai quản phần lớn vùng bồn địa Tây Tạng và vùng Tân Cương hiện thời. Vương triều do Nhiếp Xích Tán Phổ (Nyakhri Tsanpo) sáng lập, thịnh trị dưới thời Tùng Tán Can Bố (Songtsan Gampo). Dưới thời Songtsan Gampo, Thổ Phiên liên tục tấn công miền Tây Trung Hoa. Nhà Đường phải gả công chúa Văn Thành cho Songtsan Gampo để xoa dịu. Công chúa Văn Thành đã mang Phật giáo vào Tây Tạng. Theo truyền thuyết, tượng Thích Ca Mâu Ni Phật thờ tại chùa Đại Chiêu (Jokhang) ở Lhasa là do công chúa Văn Thành đem tới. Cho đến hiện thời, người Tây Tạng vẫn tin Songtsan Gampo là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, còn công chúa Văn Thành là hóa thân của Tara Bồ Tát (còn dịch là Đà La Bồ Tát, hoặc Độ Mẫu, một hóa thân khác của Quán Thế Âm Bồ Tát). Dưới thời Ralpacan (Trisuk Detsen), vương triều này chiếm trọn vùng bồn địa Tarim, mở rộng tới Bengal ở phía Tây, cao nguyên Pamir và một phần tỉnh Cam Túc cũng như Vân Nam của Trung Hoa. Dẫu đã có hòa ước từ thời Đường Thái Tông, Thổ Phiên luôn kiếm cơ hội quấy nhiễu biên thùy chiếm đất của nhà Đường. Dưới thời Đường Minh Hoàng, quân Thổ Phiên đã liên kết với An Lộc Sơn tấn công Trường An. Vương triều sụp đổ dưới thời Langdarma (Tri Uidumtsan) khi nhà vua do chính

[Trung Hoa] cướp phá, kinh thành chấn động, kinh hãi. Vua phải chạy qua Thiểm Châu. Các đại tướng như Lý Quang Bật v.v... đều ghét bọn hoạn quan lộng quyền, đóng yên quân đội chẳng đến [cứu giá]. Riêng mình Tử Nghi tuyên mộ hai mươi kỵ binh, lập tức lên đường, kết hợp các tướng, gióng trống, giăng cờ, đốt nhiều đồng lửa để khiến cho quân Thổ Phiên nghi ngại. Bọn Thổ Phiên sợ hãi, tranh nhau rút lui. Về sau, lại có mấy chục vạn quân Hồi Hột<sup>212</sup> xâm nhập cướp bóc. Các tướng phần lớn chẳng dẫn quân đến đúng lúc. Tử Nghi một mình cưỡi ngựa đến thuyết phục quân Hồi Hột, đại phá quân Thổ Phiên. Tử Nghi làm đại tướng, chỉ huy đoàn quân hùng mạnh, bọn Trình Nguyên Chấn, Ngư Triều Ân sầm tẩu, hủy báng đủ kiểu. Chiếu thư truyền xuống triệu tập ông, không lần nào ông chẳng lập tức lên đường; do vậy, bọn chúng sầm tẩu, hủy báng không được. Ông làm quan đến chức Trung Thự Lệnh, đã làm chủ khảo hai mươi bốn lần, được phong làm Phần Dương Vương. Tám con trai, bảy rể, hiển đạt chẳng ai bằng!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) làm Tể Tướng, vì nước mà hy sinh thân mình, vì nước mà hy sinh tâm thân. Khi đã bị bệnh, do các phép thanh

---

sách đàn áp Phật giáo dữ dội, đã bị một ân sĩ giết chết, nội loạn xảy ra liên miên khiến cho vương triều sụp đổ.

<sup>212</sup> Hồi Hột là từ ngữ người Hán thời Đường dùng để gọi dân Uigur (còn viết là Uyghur, hiện thời trong các văn bản chính thức của Trung Hoa, họ được gọi là Duy Ngô Nhĩ). Trải qua các triều đại, họ được gọi bằng các danh xưng Hồi Cốt, Ô Hột, Ô Hột, Uy Ngột Nhi v.v... Thời Đường, Hồi Hột Hãn Quốc do liên minh nhiều bộ tộc người Uigur, gọi chung là Orkhon Uyghur.

miêu, miễn dịch, tướng quan<sup>213</sup> vẫn còn, Tây Hạ<sup>214</sup> chưa chịu hàng, ông than: “Bốn điều tai hại chưa trừ, ta chết chẳng nhắm mắt”. Tân khách thấy ông còm cõi, dẫn chuyện Gia Cát Lượng ăn ít, lảm việc [đến nỗi hao mòn, chết sớm] để khuyên răn. Ông đáp: “Sanh tử là mạng” rồi càng thêm dộc sức. Tới khi bệnh đã ngặt nghèo, không còn tỉnh táo, những điều ông lảm bảm như nói trong mộng toàn là chuyện triều đình, thiên hạ.

---

<sup>213</sup> Đây là các biện pháp cải cách do Vương An Thạch đề xướng. Pháp Thanh Miêu (青苗) là cho dân vay tiền và thóc quan phủ vào những lúc thiếu kém, để đợi đến vụ mùa sau khi thu hoạch sẽ trả. Hình thức này rõ ràng là vay nợ trong khi lúa còn non, nên gọi là Thanh Miêu. Do lãi suất nặng nề, cách này gây hại, khiến dân chúng bị tô thuế, mắc nợ nặng nề hơn. Miễn Dịch (免役) là quy định được nộp tiền để khỏi đi lao dịch. Sở dĩ các nho sĩ chống đối cách này vì khoản tiền miễn dịch khá lớn, gây nên tệ nạn quan trên ăn hối lộ, chèn ép bắt dân nghèo đóng góp nặng nề hơn. Tướng Quan (將官) là cách tinh giảm quân đội, sa thải những lính già, các lãnh đạo cao cấp trong quân đội phải là người biết võ nghệ, thông hiểu binh lược, trái với truyền thống các quan văn là người chỉ huy cao nhất, các quan võ chỉ là phụ tá.

<sup>214</sup> Tây Hạ là một vương triều do người Đảng Hạng (Tangut) sáng lập, bao gồm vùng Ninh Hạ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Bắc Tân Cương, Tây Nam Nội Mông và cực nam của Ngoại Mông. Kinh đô thoát đầu là ở Ninh Hạ, sau dời sang Kharakhoto. Tên của vương quốc là Đại Hạ Bạch Thượng Quốc, nhưng do nằm ở phía Tây Trung Hoa, nên sử Trung Hoa thường gọi tắt là Tây Hạ. Vương quốc này hình thành bởi bộ tộc Thác Bạt (Tuoba) của người Tiên Ty (Xianbei) thuộc vương quốc Thổ Dục Hồn (Tuyuhun). Sau khi người Tây Tạng tiêu diệt Thổ Dục Hồn, lãnh tụ Thác Bạt Xích Từ (Tuoba Chici) quy thuận nhà Đường, góp phần tiêu diệt quân phản loạn Hoàng Sào, nên được ban quốc tánh là Lý. Đền đời Tống, Lý Kế Thiên nổi lên chống lại nhà Tống, tự xưng vương. Vua Tây Hạ chính thức xưng đế dưới thời Lý Nguyên Hạo (cháu nội Lý Kế Thiên) vào năm 1038. Vương triều Tây Hạ thường xâm lăng lãnh thổ nhà Tống, nhà Tống phải triều cống, xưng thần. Tây Hạ thường đánh nhau với nhà Kim, cuối cùng cả Kim lẫn Tây Hạ đều bị nhà Nguyên của người Mông Cổ tiêu diệt.

Ngụy Cao Tông<sup>215</sup> bảo quần thần: - Vua và cha như một. Cha có lỗi, con không gởi thư cho mọi người can gián, mà can ngăn trong buồng riêng, chỗ khuất, chẳng muốn phô bày điều ác của cha. Như ông Cao Doãn, trẫm có lỗi, ông chưa hề nói ngay trước mặt khiến cho trẫm chẳng thể chịu nổi. Trẫm biết lỗi mà thiên hạ không biết, chẳng đáng gọi là trung ư? Cao Doãn một dạ trung thành, không chỉ là kẻ phê phán kịch liệt chẳng thể [sánh bằng ông ta], mà kẻ ưa châm biếm cũng chẳng thể bằng được. Đáng gọi là biết cách can gián vậy.

Đời Tống, Tô Bình dâng sớ bàn luận quốc sự, bị đày đi Nhiêu Châu. Họ Tô đi qua đất Lạc, trọ ở chỗ ông Doãn Thuần. [Trong khi trò chuyện] có ý [phàn nàn] bị thiên chuyển, biếm trích. Ông Thuần nói: “Khi Quý Minh<sup>216</sup> dâng thư, chính là tính toán cho đất nước đó ư? Hay là vì tính toán cho bản thân? Nếu tính toán cho đất nước, sẽ hoan hỷ phó nhậm Nhiêu Châu. Nếu vì tính toán con đường tiến thủ, thì bị biếm trích tới Nhiêu Châu vẫn còn là hình phạt nhẹ nhàng”. Ông Bình vỗ lể. Trương Khả Am nói: *“Sĩ tử làm quan, nếu có cái tâm mong cầu công danh, cầu được thông dong, vui sướng,*

---

<sup>215</sup> Ngụy Cao Tông tên thật là Thác Bạt Tuấn, vua thứ năm của vương triều Bắc Ngụy (Nguyên Ngụy). Ông được coi là một vị vua nhân từ. Dưới thời Thái Vũ Đế do bận chinh chiến liên miên, vua đã đề Thái Tử Thác Bạt Hoảng làm giám quốc. Hoảng quan Tông Ái vu hãm Thái Tử, ám sát Thái Vũ Đế, đưa Thác Bạt Dư lên làm vua. Khi Thác Bạt Dư chống lại Tông Ái, hắn lại giết chết vua. Sau đó, các quan như Độc Cô Ni, Nguyên Hạ, Bạt Bạt Khất Hưu và Bộ Lục Cô Ly đã lật đổ Tông Ái, đưa Thác Bạt Tuấn lên làm vua.

<sup>216</sup> Quý Minh là tên tự của Tô Bình.

*sẽ chẳng làm được một chuyện gì ra hồn”!* Nói đúng lắm thay!

Xem khắp xưa nay, những kẻ bày tội tận trung bèn được báo đáp, nhiều khôn kể xiết! Còn những bậc chẳng đánh mất tiết tháo cao cả, thấy hiểm nguy bèn dâng hiến tánh mạng, [dẫu khi ấy] do vận mạng chông chênh, ôm hận ngàn thu, tội hồ được trời trả báo đặc biệt lạ lùng. Nào có biết khi sống bèn hưởng tiếng tăm lừng lẫy trong thuở ấy, chết đi được muôn dân quý lạ. Trời báo đáp họ so với những kẻ hưởng phú quý, an lạc, há chỉ gấp trăm lần! Những kẻ quên ơn vua, hại dân, trời báo ứng thê thảm lại càng chẳng cần phải nói nữa! Nay khoan nói về sự báo ứng đối với kẻ có lòng trung hay bất trung, hãy nhìn vào những kẻ hời hợt, qua loa, chẳng quan tâm dân đen, [sẽ thấy bọn họ] cũng chẳng có kết cuộc tốt đẹp! Có thể thấy bổng lộc của ông chắc chắn là chẳng thể phụ bạc một chữ Trung này. Từ Tể Tướng cho tới dân chúng, phần nhiều đáng nên trọn hết lòng trung, nhưng tánh mạng của bọn dân đen liên quan đến quan huyện nhiều nhất. Vì thế, quan huyện càng chẳng thể không có lòng trung. Quốc gia đặt ra quan huyện là để ông ta dưỡng dân. Cổ nhân nói: *“Dân là cội gốc của đất nước”*; cái gốc có vững vàng thì đất nước mới yên ổn được. Được phó thác trọng trách như vậy, há có thể cô phụ ư?

Ấy là vì người đọc sách bèn phát khởi cái tâm cứu đời chân thật, thiết tha; đến khi nắm quyền, có thể, càng phải chú trọng sao cho phút giây nào cũng đều

nghĩ đến trời, đất, vua, cha mẹ, hành thiện sự rộng lớn, thanh liêm, thận trọng hướng dẫn thuộc hạ, siêng năng tìm hiểu rõ nỗi khổ của dân, phỏng theo cách cai trị tốt đẹp của Trình, Châu, học hỏi khuôn mẫu tốt lành của những bậc hiền năng đương thời. Đừng xử sự theo tình riêng, chớ yêu mến tiền của, hãy đề cao chuyện lành, trừng phạt kẻ dữ, hưng khởi điều lợi, trừ khử điều hại, đề xướng [tuân thủ] những ước định của mỗi làng, chú trọng nông tang<sup>217</sup>, uốn nắn kẻ sĩ, quan tâm việc học, dạy dân siêng năng, tiết kiệm, thúc đẩy, răn đe [dân chúng] chú trọng nghĩ tưởng pháp lành. Đối với chuyện hình ngục, thường trọn hết lòng nhân. Trừ bỏ những tục lệ nhảm nhí, trái lẽ, giám sát bọn nha lại gian ngoan, phát hiện sớm những vấn đề về lụt lội, hạn hán để nhanh chóng báo lên cấp trên. [Khi gặp] tai ương, đói kém, bèn tìm cách cứu tế, cắt cử người chăm nuôi kẻ góa bụa, cô đơn, mồ côi. Khuyến khích tu bổ đền điều, ngòi, rạch hữu hiệu. Nghiêm cấm những chuyện ác như dìm chết con gái<sup>218</sup>, bắt cóc người khác đem bán, cờ bạc, hút sách, chơi bời, ngênh thần, diễn tuồng, dâm thư, quật mồ, mổ trâu v.v... Đề xướng những việc lành như lập kho [trữ gạo cứu đói] trong xã, Đồng Thiện Hội<sup>219</sup>, nuôi trẻ mồ côi, nghĩa học, nghĩa trũng<sup>220</sup>, trạm

---

<sup>217</sup> Nông (農) là làm ruộng, Tang (桑) là trồng dâu nuôi tằm. Nông Tang là từ ngữ phiếm chỉ sự sản xuất.

<sup>218</sup> Đây là một hủ tục của Trung Hoa. Khi đói kém, nếu sanh ra con gái, dân chúng sẽ giết chết, chỉ giữ lại con trai để nối dòng. Ngoài ra, nếu người nữ bị coi là phạm tội thất tiết hoặc bị vu cáo, sẽ thường bị đem dìm xuống sông cho chết.

<sup>219</sup> Đồng Thiện Hội (同善會) là hội từ thiện do giới sĩ phu đề xướng từ thời Vạn Lịch nhà Minh, bao gồm các hoạt động diễn thuyết khuyến thiện, thí gạo, thí tiền giúp đỡ người nghèo, khen thưởng, biểu dương người tiết nghĩa.



phát thuốc mùa Hè, trạm phát cháo mùa Đông, xường in sách, trạm tạm trú cho những người lưu lạc v.v... Đúng như đã gom góp núi báu vậy. Trong lời chú giải cho phần trước đã nói “*quan lại coi chuyện yêu dân, tận tụy chức trách là trung*”, tôi nay lại không ngại đôi ba lượt rât miệng, thật sự là vì [những chuyện này] liên quan đến tánh mạng của người dân nhiều nhất. Nếu có thể một niềm vâng giữ, có chuyện gì mà chẳng làm được? Phước đức ấy há có thể lường ư? Lại chuyên ghi thêm vài câu chuyện để những người làm “*dân chi phụ mẫu*” xem tới mà tiếp nhận lời khuyên.

Đời Tống, Trình Minh Đạo làm huyện lệnh Tấn Thành, giữ thân đoan chánh để làm gương cho mọi người, dùng lễ nghĩa dạy dân. Hễ dân có sự lên huyện, ông ắt bảo ban họ về hiếu, đễ, trung, tín: Ở nhà thì phụng sự cha anh, ra ngoài xã hội ắt phụng sự bậc trưởng thượng. Ông ước lượng các làng quê xa hay gần để lập ra chế độ bảo vệ<sup>221</sup>, khiến cho họ ra sức giúp đỡ lẫn nhau trong các việc lao dịch, đùm bọc nhau trong cơn hoạn nạn, chẳng dung kẻ gian dối, trá ngụy. Phàm

---

<sup>220</sup> Nghĩa học (義學) là trường học miễn phí cho trẻ em nhà nghèo, đôi khi còn chu cấp tiền bạc, gạo cho chúng. Nghĩa trủng (義冢) là nghĩa trang miễn phí dành cho người nghèo khổ, không có tiền mua đất chôn cất người thân.

<sup>221</sup> Đây là một quy chế đã có từ đời Đường, được gọi là “*ngũ bảo*” (伍保), tức năm nhà liên kết bảo vệ lẫn nhau. Mỗi thôn xóm, thanh niên trai tráng từ mười sáu tuổi trở lên, trừ những người già, yếu, bệnh tật, trẻ nhỏ, đàn bà, tăng sĩ, con quan được miễn (vì đã có gia đình đảm nhiệm) đều kết thành đội chia phiên tuần hành, đảm bảo trị an, giúp đỡ lẫn nhau bảo vệ chống lại giặc cướp. Những đội gần nhau đều phải có trách nhiệm tương trợ lẫn nhau, nhất là khi có thiên tai hoặc giặc cướp tấn công.

những người cô quạnh, tàn phế, đều cắt cử thân thích, xóm giềng chăm nom, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi bơ vơ. Những kẻ đi xa, lỡ bị ngã bệnh trên đường, đều có người chăm sóc. Nhân tiện, ông lập ra sáu mươi mấy ngôi trường làng. Lúc rảnh rang, bèn mời phụ lão tới trò chuyện hòng thăm hỏi nỗi khổ của dân. Đối với những sách học của trẻ nhỏ, ông đều đích thân chấm câu<sup>222</sup>. Kẻ nào dạy học không tốt, sẽ bị thay đổi, loại bỏ. Ông chọn lựa những đứa sáng dạ trong đám con em để gom lại dạy dỗ. Liên kết dân các làng để lập hội, đặt ra các quy định, nêu bày rành rẽ điều thiện, sự ác, khiến cho họ được khuyên răn mà biết hổ thẹn. Minh Đạo xem dân như con. Những kẻ muốn thừa gởi, có thể chẳng cần cầm theo đơn, cứ tới thẳng công đường, thưa bày đầu đuôi. Tiên sinh thông dong bảo ban, ra rả dặn dò chẳng biết mệt. Ông ở huyện ấy ba năm, dân chúng yêu mến như cha mẹ. Ngày ông rời đi, tiếng khóc vang rền ngoài đồng nội. Chỗ nào Minh Đạo đến trấn nhậm, trên dưới đều bị ảnh hưởng thuận theo; ấy là vì ông đã hành xử hợp lòng dân, cho nên họ bị ảnh hưởng. Thiên địa tạo hóa chỉ là [do hành xử hợp lẽ mà] tự nhiên ảnh hưởng mọi người đó thôi!

Minh Đạo cai quản một huyện. Giữa Hè, đê bị vỡ to, theo đúng lẽ, phải bấm lên phủ, phủ sẽ bấm lên

---

<sup>222</sup> Chữ Hán thời cổ khi viết không có chấm câu. Người đọc phải biết suy xét để ngắt câu cho đúng. Do đó, đối với trẻ học vỡ lòng, thầy thường dùng bút son khuyên tròn từng chỗ để trẻ biết ngắt câu. Đôi khi, do thầy không giỏi, chấm câu sai. Trình Minh Hạo đã chấm câu nhằm giúp cho trẻ hiểu đúng mạch văn.

tào<sup>223</sup>, sẽ phải mất hơn một tháng mới bắt đầu sửa chữa được. Tiên sinh sợ hư lúa mạ, bảo: “*Cứu dân thì mắc tội cũng chẳng từ*”, bèn xướng suất dân chúng sửa chữa. Năm đó, [huyện ấy] được mùa to.

Ông làm Chủ Bạ xứ Thượng Nguyên, thuộc Hà Đông Lộ<sup>224</sup>. [Sản vật trong vùng đã không nhiều lại còn phải] nộp thuế nên không sung túc. Hễ quan trên thu mua<sup>225</sup>, vật giá vẫn tăng vọt, dân chúng sẽ bị khổ sở mỗi năm. Tiên sinh ước lượng nhu cầu, bảo các nhà giàu mua gạo dự trữ, theo giá đã định để bán ra. [Làm như vậy], nhà giàu chẳng bị lỗ, mà dân chúng phải tốn thêm chẳng quá hai ba phần mười so với trước đó. Hơn nữa, khoản thuế [lương thực] do dân đóng góp, thường được chuyển đến chỗ gần [phủ lý] hơn. Do phải chở đi đường xa, ắt cước phí sẽ tốn kém rất nhiều. Tiên sinh chọn những nhà giàu đảm nhiệm [chuyện vận chuyển thuế khóa], dặn họ mua gạo trữ sẵn ở quận, chi phí được giảm bớt rất lớn, dân được sống thoải mái hơn.

---

<sup>223</sup> Tào (漕) ở đây là cơ quan đặc trách đường thủy của mỗi phủ, thường do quan Tào Vận Sứ trông coi.

<sup>224</sup> Lộ (路) là một đơn vị hành chánh đời Tống. Cả nước được chia thành mười lăm lộ (Kinh Đông, Kinh Tây, Hà Bắc, Hà Đông, Thiểm Tây, Hoài Nam, Giang Nam, Kinh Hồ Nam, Kinh Hồ Bắc, Lương Chiết, Phước Kiến, Tây Xuyên, Giáp, Quảng Nam Đông, và Quảng Nam Tây). Về sau, các lộ lớn lại tách ra thành nhiều lộ nhỏ hơn. Hà Đông Lộ bao gồm hai mươi hai phủ, bao gồm miền Trung và Nam tỉnh Sơn Tây ngày nay, cũng như một phần phía Bắc tỉnh Thiểm Tây. Trị sở của lộ này là Thái Nguyên.

<sup>225</sup> Nguyên văn “*khoa mại*” (科買) là một quy chế vào đời Tống, đối với các sản vật lương thực mỗi năm, quan phủ có lập ra hạn định thu mua để dự trữ.

Khi ông làm tri huyện Phù Câu, trong dân chúng có chuyện đốt phá, cướp bóc tài vật của các nhà thuyền. Mỗi năm ắt xảy ra mười mấy lần. Ông bắt được một tên, bèn bắt nó chỉ điểm để bắt được mấy chục đứa. Ông chẳng truy cứu lỗi cũ của chúng, mà tách chúng ra sống ở những chỗ khác nhau, cho bọn chúng sống bằng nghề kéo thuyền. Lại còn giám sát những kẻ làm ác. Từ đây, vùng đó không có nạn đốt thuyền nữa.

Ông làm tri huyện Kỳ Ấp, dân chúng đói rách vì lụt lội, tiên sinh xin phát gạo cho dân chúng vay. Quan Tư Nông<sup>226</sup> bực tức, sai người xuống tra xét tình hình. Người ấy bẩm báo không nên cho vay, tiên sinh cứ xin vay mãi không thôi, bèn vay được sáu ngàn thạch<sup>227</sup> gạo, dùng để cứu giúp những kẻ đói. Quan Tư Nông càng thêm giận, vì thấy trong sổ ghi nợ, mỗi hộ được phân loại giống như nhau, [lẽ ra phải nên ghi số lượng cho vay giống nhau], nhưng số gạo đã vay mỗi nhà mỗi khác, bèn truyền lệnh xuống huyện đánh đòn người đứng đầu đám nha lại. Tiên sinh nói: “Để cứu đói, hãy

---

<sup>226</sup> Tư Nông (司農) là chức quan quản lý tài chánh, thời Tiên Tần, chức quan này được gọi là Trì Túc Nội Sử, đến đời Hán Cảnh Đế đổi thành Đại Nông Lệnh, thời Hán Vũ Đế lại đổi thành Đại Tư Nông. Dưới chức quan này có năm cấp thuộc hạ. Chức thuộc hạ quan trọng nhất là Thái Thương trông coi kho thóc dự trữ, vận chuyển, cung ứng lương thực, điều hòa giá cả, quản lý quốc khố. Đến đời Thanh, Đại Tư Nông chính là Hộ Bộ Thượng Thư. Theo mạch văn, Tư Nông ở đây có lẽ là một chức quan trông coi về tài chánh thuộc một Lộ mà thôi.

<sup>227</sup> Thạch (石) là đơn vị đo lường thời cổ, đặc biệt dùng để đo lường ngũ cốc (đúng ra, khi dùng như đơn vị đo lường, phải đọc là Đán, nhưng theo thói quen, đều đọc là Thạch). Theo chương Luật Lịch Chí trong Hán Thư: “Hai mươi bốn thù là một lượng, mười sáu lượng là một cân, ba mươi cân là một quân, bốn quân là một thạch”. Đại khái, một thạch bằng ba mươi sáu kilogram hiện thời.

nên xét xem mỗi hộ số người nhiều hay ít, chớ nên xét theo hộ giàu hay nghèo, hãy xét theo tình hình thật sự mà làm. Đó chẳng phải là tội của nha lại, mà đáng phải nên làm như thế”. Tiên sinh thường nói: *“Đã giữ chức vụ huyện lệnh, ắt phải làm cho dân chúng trong vùng cai trị của chính mình nhằm năm mất mùa, đói kém, chẳng bị tử vong, ăn no, ở yên, tuân theo giáo huấn lễ nghĩa thì mới là trọn hết trách nhiệm vậy”*.

Làm huyện lệnh Phù Câu, ông hướng dẫn dân chúng tận lực khai thông ao, lạch. Tiếc là chưa xong chuyện ấy, đã bị điều đi nơi khác, cho nên chuyện đó phải ngưng lại. Khi tiên sinh trông coi phu phen, lúc rét buốt, hoặc khi nắng gắt, ông chẳng khoác áo cừu, chẳng che dù, luôn đi đôn đốc khắp nơi, mọi người chẳng thể biết lúc nào ông sẽ đến. Vì thế, ai nấy đều gắng sức, thường là hoàn tất trước kỳ hạn. Hễ tiên sinh làm quan huyện, ở chỗ ngồi đều viết bốn chữ *“thị dân như thương”*<sup>228</sup>. Thường nói: *“Hạo”*<sup>229</sup> *thường then đối với bốn chữ ấy”*.

Đời Tống, khi Châu Tử làm tri huyện Chương Châu đã nói: “Ta muốn lưu tâm nơi trường học, bèn mời Hoàng Tri Lục nêu gương cho chư sanh. Lại thỉnh những bậc nho sĩ tiền bối cùng nêu gương sáng, khiến cho sĩ tử biết những điều nên tuân theo, nên kiêng giữ, biết cách làm lành, khiến cho người trong một nước

---

<sup>228</sup> Theo Thành Ngữ Từ Điển, câu này có nghĩa là *“luôn coi dân chúng như đang bị thương tật”*, có ý nói luôn quan tâm dân chúng như họ đang ở trong cảnh ngặt nghèo, phải gắng sức làm cho họ được an cư lạc nghiệp.

<sup>229</sup> Ông Trình Minh Đạo tên thật là Trình Hạo, tên tự là Minh Đạo.

cùng đều thành bậc quân tử”. Lại do thế tục chẳng biết lễ, ông bèn chọn lễ nghi chôn cất, cưới hỏi thời cổ để nêu ra, chỉ dạy, truyền các bậc phụ lão giải nói, dạy bảo con em. Ông cấm dân Chương Châu trảy hội<sup>230</sup>, chơi núi. Ông nói: “Chỉ vì nam nữ hỗn tạp, phải nên ngăn cấm”. Lại trừ bỏ những khoản đóng góp vô nghĩa trong huyện, hằng năm miễn đến bảy vạn [tiền thuế]. Ông từng đến Đường Thạch, tiếp đãi những ông cụ chốn làng quê và tiểu phu như tiếp đãi tân khách, chẳng hề có mấy may ngăn cách, phân biệt. Ông nói: “Đối với hạng người ấy, nếu có sự cách biệt, làm sao có thể khiến cho họ dốc hết tâm lòng được!”

Ông làm tri huyện Nam Khang, ra cáo thị: - Huyện này đất xấu, dân thưa, tạp dịch nhiều, thuế má nặng nề, sức dân ngày càng mệt mỏi, hết sức đáng thương. Nay dưới quyền cai trị của tôi, dân chúng, phụ lão, tăng, đạo, quân, dân các giới, những ai biết được cội nguồn của điều lợi, lẽ hại, hãy lần lượt hợp tác, xử trí như thế nào hòng có thể giúp giảm nhẹ, cứu vãn. Lại xin hãy nêu cặn kẽ tình trạng thật sự chẳng nề hà sớm hay trễ, hãy đến huyện trình bày để tôi có thể tận mặt thăm hỏi, [tìm tòi] nhiều cách thực hiện, ngõ hầu nhà nào cũng mỗi năm một khá hơn, gia đình đông đủ.

---

<sup>230</sup> Nguyên văn “trại hội” (賽會), tức là các lễ hội địa phương ở miền Hoa Nam, nhất là vùng Phước Kiến, Giang Tô. Dân chúng ăn mặc rực rỡ, đốt pháo, thổi kèn, đánh trống, gõ thanh la ồm ồm, rước kiệu thần, vừa đi vừa ca hát, bọn đồng cốt vờ xưng là được thần nhập thân, cầm cờ lệnh nhảy múa, lắc lư trước kiệu thần. Nam nữ có thể thừa dịp này chòng ghẹo, tán tỉnh nhau.

Làm tri huyện Nam Khang, ông có bài văn khuyên dụ rằng: “Tá điền cấy cày nơi ruộng đất của chủ ruộng, phải tốn nhiều công sức, hoàn toàn cấy vào sự thu tô của chủ ruộng. [Hãy nên] thương xót giúp đỡ cho họ được sống yên vui”.

Ông khuyên dụ những nhà quan lại như sau: “Đã gọi là nhà sĩ hoạn, tức là chẳng giống như thường dân, càng phải nên an phận, noi theo lý, chú trọng khắc chế những thói xấu của chính mình, tạo lợi ích cho người khác”.

Ông khuyên dụ những nhà thuộc cùng một tổ liên kết bảo vệ nhau (ngũ bảo) hãy khuyên răn lẫn nhau như sau: “Đã là người cùng một tổ, hãy nên khuyên răn lẫn nhau, hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc trưởng thượng, hòa thuận với họ hàng, sui gia, giúp đỡ xóm giềng. Ai nấy tuân giữ bốn phận, ai nấy trau dồi nghề nghiệp của chính mình. Đừng làm chuyện gian dâm, trộm cắp, đừng buông lung nhậu nhẹt, cờ bạc, đấu đá lẫn nhau, đừng thừa kiện nhau. Con hiếu, cháu ngoan, chồng có nghĩa, vợ tiết hạnh. Đối với những người có cách cư xử tốt đẹp rõ rệt, hãy bẩm báo đầy đủ lên trên, sẽ được biểu dương, thưởng thưởng theo đúng luật lệ. Kẻ nào chẳng nêu gương, cũng bẩm báo lên, [để quan trên] theo đúng pháp luật xem xét mà nghiêm trị”.

Ông làm tri huyện Nam Khang, cứ năm ngày lại đến trường học một lần, gặp gỡ chư sanh, tận lực giảng giải, bảo: “Nay [các người có] cảm thấy bị ảnh hưởng

hay không, dần dà theo thời gian, những thói xấu trước kia cũng sẽ bị chuyển biến đôi chút!”

Ông làm quan tại Sùng An, do dân bị đói, bèn xin quan đầu quận là ông Từ Gia sáu trăm thạch gạo để cho dân vay. Do đó, bèn lập xã thương (社倉, kho thóc cứu đói trong huyện) cho đến ba mươi năm sau, chứa trăm ngàn斛<sup>231</sup> gạo. Hễ mất mùa bèn phát ra, trong làng chẳng có năm nào bị đói kém.

Vùng Chiết Đông bị nạn đói lớn, vua sai Châu Tử giữ chức Đề Cử Thường Bình<sup>232</sup>. Đã vâng mạng, ông bèn gởi thư cho các nhà buôn gạo ở các quận khác đề khuyên họ quyên tặng, [người quyên tặng] sẽ được miễn thuế. Hằng ngày, ông cùng các thuộc hạ thảo luận, tra xét những ẩn tình của dân chúng đến nỗi bỏ cả ăn ngủ. Việc trừ hoạch đã yên, ông bèn chiếu theo kế hoạch đã định, lần lượt đi khắp non sâu, hang thẳm, không chỗ nào chẳng đến hòng thăm hỏi, vỗ về, giúp đỡ. Những người được sống sót [do ông giúp đỡ] chẳng thể kể xiết. Mỗi lần ông đi đâu, chỉ ngồi một xe, bỏ hết các tùy tùng, giảm thiểu nhu cầu đến mức thấp nhất, không phiền đến châu huyện [phải lo cung đón]. Về

---

<sup>231</sup> Hộc (斛) là đơn vị đo lường, nhưng độ lớn biến đổi theo thời gian. Theo quy chế đời Đường, một hộc là mười đấu, nhưng từ thời Tống trở đi, một hộc là năm đấu. Một đấu khoảng chừng năm ký lô hiện thời.

<sup>232</sup> Thường Bình Thương (常平倉) tức là kho thóc dự trữ để cứu đói, giống như Xã Thương, tại mỗi phủ huyện đều có. Khi được mùa, giá gạo rẻ bèn thu mua; lúc gặp tai nạn, sẽ lấy ra phát chẩn hay bán cho dân với giá rẻ hơn thị trường nhằm điều tiết giá cả, nên mới gọi là Thường Bình. Đề Cử Thường Bình (提舉常平) là chức quan có nhiệm vụ quản lý các kho thóc dự trữ ấy.



sau, ông viết thư trình báo cho quan thái thú phủ Kiến Ninh như sau: *“Lo việc nước trong khi cứu tế tai nạn chẳng giống lúc bình thường, quyết chẳng có lẽ nào rũ tay ngồi yên mà có thể bắt được chim! Kẻ giàu lắm gạo, hãy cho họ giữ lại một phần để đợi đến năm sau. Họ nghe theo lệnh quan giúp đỡ xóm giềng bị thiếu hụt, lẽ nào không nên khuyên dụ họ hãy vì lòng nhân mà thi ân? Hãy dùng đại nghĩa để khuyên trách. Kẻ nào chẳng nghe theo, hãy dùng hình phạt trừng trị. Đối với kẻ vui lòng làm theo, bèn ban thưởng để đền đáp. Sao lại đến nỗi sợ họ oán giận, lo họ dối trá ta rồi chẳng làm ư?”*

Ông lại hạ lệnh cho các huyện thuộc quyền hạn rằng:

- Hãy khuyên dụ các nhà khá giả, chuẩn bị đôi chút rượu, quả, mời họ đến khuyên dụ, tỏ ý hết sức lễ độ, dùng điều lợi, lẽ hại bảo ban họ, chớ nên dung túng cho thuộc hạ quấy nhiễu họ! Những nhà khá giả đã là nhà giàu có, nhất định sẽ có thể thấu hiểu ý này. Trong số ấy, e rằng cũng có kẻ chưa thể hiểu chuyện, cũng nên khuyên dụ đôi ba lượt. Thấm định hư thực như thế nào để tăng hay giảm số lượng [quyên góp]. Nếu họ dối trá, chống cự, liền bẩm báo danh tánh cụ thể để đợi cách xử trí đặc biệt.

Lại nói:

- Hãy mang theo một ít tùy tùng, đích thân đến nơi, chớ nên ngồi chỗ thanh thoi, mát mẻ, chỉ trông cậy

vào những người thuộc ngũ bảo dưới làng [lo liệu mọi việc giùm ta].

Châu Tử thường nói:

- Do cứu dân mà mắc tội, cũng chẳng dám từ nan.

Đời Thanh, Lục Giá Thu<sup>233</sup> thường nói: *“Bọn ta vâng mạng triều đình mà được vẻ vang, chẳng thể dốc sức báo đáp, chỉ đành giữ chức phận nuôi nấng, yêu thương [dân chúng] như con đò, bồi dưỡng nguyên khí cho nước nhà”*.

Ông Lục thoát đầu trần nhậm xứ Gia Định. Đối với chuyện giục thuế, ông lập ra cách “*cam hạn*” (甘限, cam kết kỳ hạn), tức là cho phép người đóng thuế hạn định bao nhiêu ngày đó, đến thời hạn ấy mà đóng được một nửa thì coi như đã đóng đủ thuế. Vì vậy, trợn chẳng dùng hình phạt đánh trượng mà người đóng thuế tranh nhau nộp. Chỉ những kẻ quen thói ngoan cố, đôi khi mới phải phạt trượng. Ông thấy người nộp thuế đông đúc, sợ dân phải vay mượn [rồi quít nợ], liền ra cáo thị buộc những người vay mượn phải có kỳ hạn trả nợ.

---

<sup>233</sup> Lục Giá Thu chính là ông Lục Lũng Kỳ (1630-1692), vốn có tên là Long Kỳ, tên tự là Giá Thu, là một nhà Lý Học đầu đời Thanh. Ông đỗ Tiến Sĩ năm Khang Hy thứ chín (1670), được bổ làm tri huyện Gia Định (nay là khu Gia Định của thành phố Thượng Hải). Do tánh tình cương trực, không ăn cánh với tuần phủ Mộ Thiên Nhân, bị hấn dân số đàn hặc lên triều đình, ông bị bãi chức. Ngày ông ra đi, dân chúng dìu già ôm trẻ khóc lóc vang dội. Năm Khang Hy 22 (1683), Ngụy Tượng Xu đã dùng lý do “*thiên hạ đệ nhất thanh liêm*” để cực lực tiến cử ông làm tri huyện Linh Thọ. Khi ông mất, được phong tặng thụy hiệu là Thanh Hiên, phối thờ trong Không Miếu.

Mỗi tháng vào ngày mùng Hai, mùng Bốn, mùng Sáu, mùng Tám, lo liệu việc ở công đường xong, ông đến trường nghe chư sanh giảng sách. Những nho đồng<sup>234</sup> có chí [học tập], ông bèn cho theo chư sanh nghe giảng. Đối với những quyển bài thi, ông phê chấm đại lược, chẳng phân hạng cao thấp. Đối với chuyện giảng sách<sup>235</sup>, [ông yêu cầu nội dung bài văn] phải dẫn khởi chuyện liên quan đến [việc tăng tấn] thân tâm, chẳng phải chỉ luận định theo cách nhìn cử nghiệp. Ông lại nghĩ ra một đề tài văn sách để cho chư sanh trở về khảo cứu minh bạch, ngõ hầu người học sẽ thông thạo thêm về cách kinh bang tế thế.

Ông Lục xử án, hoàn toàn chẳng câu nệ pháp luật. Khi phán xử, miệng nói đến hiếu, đễ, trung, tín chẳng ngớt, hòa nhã, bình ổn, thông cảm, dùng lời lẽ chí tình để cảm động [các phạm nhân và những người kiện tụng]. Từ đó về sau, đất Gia Định cũng rất ít có những vụ thừa kiện. Lại do [người nơi ấy] quen thói xa hoa, ăn chơi, ông thống thiết răn đe cấm đoán, khấn thiết răn dạy, lại còn tự mình làm gương, thói tục bèn biến đổi.

---

<sup>234</sup> Nho đồng (儒童) là danh xưng gọi chung những người sắp đi thi Tú Tài, bất luận tuổi tác lớn hay nhỏ, đều gọi là “đồng sanh” hay “nho đồng”, hoặc “văn đồng”. Trong khi đó, “chư sanh” là những người đã đỗ Tú Tài, được vào trường huyện chuẩn bị thi Cử Nhân. “*Nghe giảng*” ở đây là nghe bình luận những bài viết nghị luận về những kinh điển của Nho gia.

<sup>235</sup> Nguyên văn “*sở giảng chi thư*”. Từ ngữ này có ý nói đến một thể loại văn thường gọi là Sách Văn, ta thường gọi là Văn Sách, tức là thầy lấy một câu hay một đoạn trong kinh điển của Nho gia làm đề tài, yêu cầu học trò trình bày kiến giải. Trò sẽ viết một bài nghị luận, trình bày kiến giải của chính mình đối với đề tài ấy, bài viết ấy thường gọi là Đối Sách. Vào thời Minh - Thanh, bài đối sách bắt buộc phải viết bằng thể loại văn Bát Cổ.

Trong thị trấn, lại có bọn đầu bò kết đảng, làm khổ xóm làng, ông nắm trọn tên tuổi chúng nó, chẳng bắt ngay. Hễ có ai tố cáo, bèn bắt giữ, giam trong nha môn, luôn luôn khuyến dụ. Nếu thấy kẻ đó thật sự hối cải, bèn thả. Chưa hết tháng, băng đảng ấy tự tan rã, trở thành dân lành. Ông lại soạn bài văn khuyên tù, sai nha lại vào tù giảng giải đọc cho tù nhân nghe. Các tù nhân đều đau lòng, khóc khan cả tiếng!

Ông Lục là người tiết tháo thanh cao, liêm khiết<sup>236</sup>, yêu dân như con, do vô ý phạm lỗi mà bị cách chức. Muôn dân oán thán, đau xót. Khi ông chưa đi, [dân chúng] ngơ ngác chẳng họp chợ. Khi ông đã đi, nhà nhà đều đặt hương án đưa tiễn<sup>237</sup>.

Ông lại được bổ làm huyện lệnh huyện Thọ. Sợ dân làng ngu si, vô tri, ông đi khắp các làng để đề xướng chuyện hương học<sup>238</sup>, khiến cho ai nấy đều biết nên làm lành. Phàm những lời giảng giải cho bọn tiểu dân được gộp thành một quyển sách, đem in. Ông từng nói: “Quyển sách của kẻ hèn này đem giảng giải vào

---

<sup>236</sup> Nguyên văn “*âm băng*” (飲冰). Thành ngữ này xuất phát từ thiên sách Nhân Gian Thế của Trang Tử: “*Kim ngô triêu thọ mạng, nhi tịch âm băng, ngã kỳ nội nhiệt dư?*” (Nay ta buổi sáng vâng chiếu, buổi chiều uống băng, trong tâm ta chẳng còn nóng ư)? Thành Huyền Anh chú thích cả câu có ý nói người tận tụy trách nhiệm, luôn giữ lòng dè dặt, kinh sợ, cho nên trong tâm nóng nảy, nặng lòng ái quốc, giống như phải uống băng cho đỡ nóng. Về sau, từ ngữ này được dùng để chỉ người liêm khiết, thanh cao.

<sup>237</sup> Nguyên văn là “*thi chúc*” (尸祝), có nghĩa là “bái tế người đã khuất”. Ở đây, từ ngữ này được dùng với ý nghĩa dân chúng lập hương án hai bên đường bái lạy tiễn biệt ông Lục.

<sup>238</sup> Hương học là mỗi làng đều lập trường để dạy dỗ dân chúng.

ngày mồng Một và ngày Rằm sẽ có thể thắng hung tàn, trừ giết chóc ư? Chỉ đáng để khơi gợi đầu mối ấy mà thôi! Nếu như mở rộng ra, dẫn dắt ra, khiến cho nhà nào nhà nấy đều hiểu, thấm sâu tận xương tận thịt, gột sạch tà uế, tan hết cái căn<sup>239</sup>, tùy thuộc từ nay trở đi sẽ hành như thế nào đó thôi!”

Làm tri huyện Linh Áp<sup>240</sup>, được lệnh phải vận chuyển than đá nộp lên trên, dùng năm chiếc xe lừa [để chở]. Ông thấy các huyện khác [có xe chuyên chở] nhiều hơn, bèn đứng ra cầu thỉnh cho tới khi thượng cấp chấp thuận thì mới được thay thế [bằng phương pháp vận chuyển khác].

Ông làm tri huyện Linh Áp, có [một người dân tên là] Vương Khôi bán thân cho người Mãn Thanh. Người Mãn Thanh cầm trát đòi người đến [huyện đường] xin cấp công văn [để làm bằng chứng], lại còn bắt cả vợ người ấy là Từ Thị đi theo. Ông kiên quyết bỏ ra tiền lương để chuộc người ấy về.

Linh Áp dựa vào núi, nhìn ra sông, cuộc đất nơi ấy có thể canh tác được, nhưng dân đen lo ngại hễ cày cấy thì sẽ phải đóng thuế, thế mà thâm nhập sẽ chẳng đủ để nộp thuế. Lợi hữu hạn mà hại vô cùng, họ căn dặn nhau chẳng dám khai khẩn. Ông Lục yết thị cho mọi người đều biết: “Nếu quan trên chẳng điên cuồng, sẽ không

---

<sup>239</sup> Cái căn (渣滓, tra chỉ) ở đây chính là những thói quen xấu ác như tà vạy, dâm dật, phóng túng v.v...

<sup>240</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, Linh Áp ở đây là huyện Linh Thọ.

bức ép các người nộp thuế để gây nổi hại vô cùng cho các người”. Thế là dần dần có người [khai khẩn] cuộc đất ấy.

Linh Ấp bị lụt to, ông Lục đích thân đến khảo sát tình hình tai ương tại các làng, bảo vệ nhiều cách, báo lên cấp trên, khẩn cầu [thượng cấp] tâu trình xin miễn thuế. Đến khi cứu chữa, ông mỗi ngày đem theo lương khô bươn bả khắp hang cùng ngõ hẻm [đón đóc cứu trợ], hoàn tất [việc cứu tế] trong vòng bốn mươi lăm ngày. Lại nữa, năm nào Linh Ấp thâm hoạch không khá, ông sẽ dùng nhiều cách cứu trợ, [khiến cho] muôn dân an toàn. Khi ấy, có kẻ thâm gom tiền của để [mời đoàn hát về] diễn tuồng, ông quở trách nghiêm khắc kẻ cầm đầu, dùng món tiền họ thâm góp được để giúp cho việc thí cháo. Về sau, ông được đề cử về kinh<sup>241</sup> làm Ngự Sử, húy là Thanh Hiến, được thờ phụng trong Không Miếu.

Trong các bộ Nhị Trình Toàn Thư, Châu Tử Văn Tập Đại Toàn, Ngũ Loại Đại Toàn đã chép các việc cai trị rất tường tận. Người có tâm lo cho đời, có thể chọn lựa, biên tập thành một quyển sách, [nghiền ngẫm kỹ lưỡng, sẽ thấy] không có người nào lo việc nước mà không có quy củ. Ngay như trong bộ sách gần đây là Lục Thanh Hiến Niên Phổ cũng có những pháp tắc cai

---

<sup>241</sup> Nguyên văn “*hành thủ*” (行取) là một thuật ngữ thông dụng trong giới quan trường thời Minh - Thanh, có nghĩa là các quan lại địa phương được đề cử, hoặc tiến cử lên hoàng đế, được vua chọn về làm quan tại kinh đô.

trị tốt đẹp để có thể học theo. Do vì bộ Vựng Biên này hạn hẹp, không thể trích lục đầy đủ được!

Trong bài Hiếu Đễ Luận của tiên sinh Nhan Quang Trung có nói:

- Hữu Tử<sup>242</sup> nói: “*Hiếu đễ vi nhân chi bản*” (Hiếu đễ là cái gốc của lòng nhân). Mạnh Tử nói: “*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hỹ*” (Đạo của Nghiêu, Thuấn là hiếu đễ mà thôi). Hiếu đễ có mối quan hệ rất lớn, ngang lần dọc, từ xưa tới nay, chẳng có bên bờ, đều là sự vật này, nhưng cần phải hiểu hiếu đễ là vật như thế nào? Cội rễ và mầm mống của hiếu đễ là gì? Con người [tồn tại] trong vòng trời đất chỉ là một hơi thở, kể từ khi có vũ trụ cho tới nay, chẳng có ngày nào không sanh, đều luôn sống động. “*Nhân*” (仁, nhân từ) là sống động; khi chân tay ta sống động, sẽ biết đau ngứa. Chỗ nào bị tê bại, sẽ chẳng biết đau ngứa. Hãy xem muôn vật trong trời đất hoạt động, [thực vật] xanh biếc, [sinh vật] nhảy nhót, bay vọt lên, rên rỉ, kêu, hót, đều khiến cho tâm ta xúc động, nảy sanh ý tưởng nhận biết nỗi đau đớn của chúng có tương quan với ta. Đó gọi là lòng Nhân.

---

<sup>242</sup> Hữu Tử (518-458 trước Công Nguyên), tên thật là Hữu Nhượng, tự là Tử Hữu, người nước Lỗ. Đời Minh, ông được tôn xưng là Tiên Hiền Hữu Tử. Mạnh Tử có nói, sau khi Khổng Tử mất, các môn đệ là Tử Hạ, Tử Trương, Tử Du đã coi Hữu Nhượng như thánh, muốn giữ lễ đối với Hữu Tử giống như Khổng Tử vậy, nhưng Tăng Tử phản đối. Khi ông mất, Lỗ Diệu Công đích thân đến phúng điếu. Cháu đời thứ bảy mươi hai của Hữu Tử là Hữu Thủ Nghiệp làm quan Hàn Lâm Viện Ngũ Kinh Bác Sĩ dưới đời Càn Long.

[Hãy thử xét xem] sự sống nơi thân ta do đâu mà có? Liên quan đến Tinh và Khí, mà Tinh Khí vốn chẳng phải là cái ta sẵn có, nó liên quan đến hình sắc này, nhưng hình sắc cũng chẳng phải là cái mà ta có sẵn, mà đều là được chia sót từ cha mẹ. Hãy thử xét xem, ở trong bụng mẹ, mẹ thở thì con cũng thở, mẹ hít vào, con cũng hít vào. Con được nuôi dưỡng trong thai mẹ, uống máu mẹ. Trong ấy, vốn sẵn có cái thân xác của chính mình hay chẳng? Một mai ra khỏi thai, mới có tánh mạng, nhưng có nơi nào chẳng quán quít cha mẹ? Thử xem những đứa trẻ thơ, suốt ngày tỉnh thì cũng tỉnh bên cha mẹ. Suốt ngày ngủ thì cũng ngủ bên cha mẹ. Suốt ngày vui cười, khóc lóc, đều là vui cười, khóc lóc bên cha mẹ. Hễ rời khỏi cha mẹ, sẽ chẳng làm gì được, chẳng nẩy sanh được tình tự gì! Trong ấy còn có thân xác sẵn có của chính mình hay chẳng? Đó chính là cuộc sống trong một gia đình, cả nhà cha, mẹ, anh, chị chăm bẵm đứa bé ấy. Đứa bé ấy một mực chẳng có gì cả, quán quít với cha, mẹ, anh, chị thành một khối. Vậy thì ân của người, oán của ta, người đúng, ta sai, há chẳng phải là một Thể hòa quyện ư? Đó gọi là Nhân. Nhân chính là [mối quan hệ tốt đẹp] giữa con người với nhau, vốn hòa hợp cha con, anh em trở thành như một người. Đến sau này, khi đã hơi lớn, [đứa trẻ ấy] chẳng quán quít theo cha mẹ nữa, tự có ý muốn chạy nhảy một mình. Chẳng còn vui giận bên cha mẹ, mà có ý tưởng đùa nghịch, lì lợm của riêng mình. Chẳng còn lẩn quẩn ăn nghỉ bên cha mẹ, mà tự có ý thích của riêng mình, có ý nghĩ mong cầu tiện nghi, há



chẳng phải là cái Thê của ta (ý niệm chấp Ngã) ngày càng lộ rõ thì dần dần càng xa cách cha mẹ đó ư?

Nhưng kẻ làm cha mẹ lại chẳng nhận biết điều này, cứ dẫn dụ nó, chỉ sợ nó chẳng thuận theo tình cảm thông tục trong cõi đời, [sợ nó] chẳng trở thành chấp trước ngã tướng, đối với mọi việc luôn khen ngợi: “Bé ngoan của ta, cưng ngoan của ta”. Điều ấy dẫn khởi cái gốc khen chê, chú trọng bề ngoài của nó, mai sau sẽ trở thành thói khoe tài, hay làm khổ kẻ khác, ham mê danh tiếng, giả vờ chính mình là người có phẩm tiết tốt đẹp. Đối với anh em [của bọn trẻ], bèn đùa bỡn nói: “Đứa này là con ta, đứa kia là con nuôi. Đứa này được ta thương, đứa kia chẳng được ta thương”, dẫn động cái gốc đồ kỵ, cái gốc [phân biệt] ta - người của chúng nó. Mai sau sẽ trở thành thói đồ kỵ, làm trở ngại người hiền, ruột thịt chẳng thuận hòa! Hễ gặp đồ ăn, bèn đùa giỡn bảo: “Đồ ăn của ta phải nhiều chứ!” dẫn động tánh tham ăn và lòng tham lam [của trẻ], mai sau sẽ thành thói tranh ruộng, tranh tài vật, nhận hối lộ, đút lót. Gặp trẻ buồn khóc vì được mất đôi chút [thứ gì đó], bèn nói: “Ai chọc con ta vậy? Ta sẽ đánh nó”, tức là dẫn động căn cội rất hung tợn, căn cội ân oán của nó. Mai sau sẽ thành thói lập đảng trái lẽ, âm hiểm, đầu đá tàn hại. Những thói ấy dần dần hình thành, dần dần lộ rõ, ngay cả cha mẹ cũng chẳng thể làm gì được đối với đứa con như thế.

Vì sao? [Khi con còn thơ ấu], cha mẹ cũng chớ nên lúc nào cũng nói ngon ngọt, chớ nên lúc nào cũng

nuông chiều, chớ nên cho ăn uống quá lố, chớ nên không dạy con hiểu rõ ràng về cách cư xử phải lẽ trong ân tình. Do vậy, những gì [do cha mẹ] đã dạy con trước kia, sẽ đều dội ngược lại thân cha mẹ. Giữa người nhà, cha con, bèn có ý nghĩ “ngươi sai, ta đúng”, mưu tính cho mình được phần nhiều. Hễ bị mọi người phê bình, bèn nói “cha mẹ thật sự [dạy tôi] như thế đó”. Trong mỗi gia đình, trong tiếng cười, lời nói, đều là ân ân, oán oán, thắng thắng, thua thua, không thể kể xiết! Các tranh chấp giữa phe đảng Lý Nguru và Lạc Sóc<sup>243</sup> đều là do người nhà [xúi giục], mà cục diện nhường nhịn, tranh giành, hay soán đoạt đều là từ trong một nhà chia rẽ mà ra<sup>244</sup>, huống hồ còn rong ruổi theo sự dụ hoặc bên ngoài, bị mê hoặc bởi lời vợ, con cái, và người hầu xúi giục! Như thế thì có thể giữ nổi lòng nhân hay chẳng? Nhà mình là như thế, vậy thì có thể cư xử với người khác bèn quên đi vật chất lẫn bản thân trong cảnh giới dù thuận hoặc nghịch hay chẳng? Có lẽ sẽ có một, hai người biết nghĩa lý, có chí khí, kiên quyết giữ được hiếu để. Nhưng từ vô thủy tới nay, tâm quen nghĩ như

---

<sup>243</sup> Lý Nguru là hai phe đảng tranh chấp quyền lực từ thời Đường Hiến Tông cho đến Đường Tuyên Tông, kéo dài suốt năm mươi năm. Phe Lý do cha con Lý Đức Dụ cầm đầu, phe Nguru do Nguru Tăng Nho cầm đầu. Mãi cho tới thời Đường Tuyên Tông lên ngôi, Lý Đức Dụ bị đày tới Nhai Châu (nay là Quỳnh Sơn, tỉnh Quảng Đông), cuộc tranh chấp mới kết thúc. Lạc Sóc là cuộc tranh chấp thời Tống. Phe cấp tiến, phiêu lưu do Vương An Thạch cầm đầu cải cách, đề ra nhiều biện pháp khắc nghiệt bị phe bảo thủ phản đối quyết liệt. Trong phe bảo thủ, lại tách ra thành ba phái. Phái được cầm đầu bởi Trình Di gọi là Lạc Đảng (tức phe phái ở Lạc Dương). Phe thứ hai do Lưu Chí cầm đầu, vì ở phương Bắc nên gọi là Sóc Đảng. Phe thứ ba do Tô Thức và Lữ Đào cầm đầu, gọi là Thục Đảng.

<sup>244</sup> Ông Hoàng Bách Lâm bảo: Câu này có nghĩa là sự tranh chấp, chia rẽ được dưỡng thành từ bé trong một gia đình. Do giữa anh chị em đã có sự tranh giành đồ vật này nọ, tạo thành thói quen tranh đấu.

thế, thói quen như thế khó thể san bằng, khó thể cởi gỡ được! Trăm bề khiêm tốn, hăng hái, bỗng hiện ra căn cội kiêu ngạo, lười nhác. Trăm bề thuận thảo, bỗng hiện ra căn cội lỗ mãng, hung tợn. Trăm bề nhường nhịn, bỗng hiện căn cội “ta có thể, ta biết”. Chẳng đoạn trừ triệt để các căn cội ấy, tinh thần và khí sắc bỗng lưu lộ [những tập khí xấu ác]. Cha con, anh em ắt phải thăm quan sát những điều nhỏ nhất ấy [để răn nhắc lẫn nhau]. Do vậy, chớ nên vui vẻ, hồn nhiên [coi như] không có chuyện gì!

Vì thế, hiếu để chẳng phải là vật có hình chất<sup>245</sup>. Hễ có hình chất, sẽ trọn chẳng thể khởi tác dụng cảm ứng đạo giao được! Do không có hình chất, nó sẽ có thể thông đạt thiên hạ. Vì sao? Vô ngã, nhân nhục, khéo nhún nhường, tuy chẳng nói ra, nhưng người uống tự biết [nước nóng hay lạnh], sẽ bị ảnh hưởng<sup>246</sup>. Điều này (hiếu để) nếu tồn tại trong một nhà, cả nhà sẽ bị cảm động. Nếu tồn tại trong thiên hạ, thiên hạ sẽ bị cảm động. Vì thế, bên Đông gọi mẹ, bên Tây dựa vào con, mỗi mỗi đều dính dáng đến hiếu để, ắt phải nghĩ cách vỗ về, khuyên dụ. Già không nơi nương tựa, trẻ nhỏ lênh đênh, mỗi mỗi đều dính dáng đến hiếu để; cho nên ắt phải nghĩ đến chuyện phụng dưỡng suốt đời. Người

---

<sup>245</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Hiếu để là Tánh Đức, là lương tri, lương năng, không có hình trạng, chẳng thể tìm được hình tướng, nhưng nó khởi tác dụng, nên nói là “*vô bì xác đích vật*” (vật chẳng có da, chẳng có vỏ).

<sup>246</sup> Câu này hơi khó hiểu, nên xin dẫn lời ông Hoàng Bách Lâm giải thích như sau: Đã có những phẩm hạnh vô ngã, nhân nhục, khéo khiêm hạ như thế, thì chẳng cần phải thốt lời khoe khoang, người ta vẫn tự nhận biết người ấy có đức hạnh, họ sẽ hòa quyện theo (tức là bị ảnh hưởng) như gió thổi cỏ rạp.

đi lao dịch, kẻ đi lính thú ngoài biên thùy, không rảnh rang để phụng dưỡng cha mẹ, mỗi mỗi đều liên quan đến hiếu đễ, ắt phải suy nghĩ giúp đỡ họ. Cá to, cá con bị chết ngay trong thai, gà mẹ dẫn gà con, xòe cánh ấp trứng, cỏ cây tươi tốt do cây vào rễ mầm, mỗi mỗi đều dính đến hiếu đễ, ắt phải nghĩ đến chuyện tận lực giúp đỡ khi chúng gặp cảnh khốn cùng, bảo vệ cho toàn thể được sống sót linh động như thế<sup>247</sup>. Đúng là “*thiên thiên linh, địa địa ứng*” (trời hằng ngày đều linh, đất nơi nào cũng ứng). Cho đến mọi rợ, các thứ dị loại, hễ là người có tâm huyết, [sẽ cảm nhận] không gì chẳng có sự liên quan [đến chính mình, như thế thì] làm sao bắt nạt cho được? Thường thấy những bậc hiếu tử từ xưa, hoặc là các thứ chim dữ chẳng tấn công, thú dữ chẳng vồ người ấy, sao sáng, mây lành, điềm tốt lành ứng hiện, há chẳng phải là do thuận theo đức hạnh mà thành ra như thế ư? Trời đất vận hành thuận lý; vì thế, mặt trời, mặt trăng chẳng vận hành sai lạc, bốn mùa

---

<sup>247</sup> Nguyên văn “*Côn nhi thai yếu, tương sở dục noãn, thảo anh mộc tú, đới căn khảo nha, nhất nhất chàng trước hiếu đễ, tắc tất tư sở dĩ nhu mạt chi*”. Côn (鯪) là con cá to trong sách Trang Tử, giống như loài kinh ngư, có thể hóa thành chim bằng bay vạn dặm. Nhi (鰓) là loài cá bé. Sô (雛) là con chim non, gà con, “*dục noãn*” (翼卵) là xòe cánh ấp trứng. “*Nhu mạt*” (濡沫) là dùng nước dãi để cho một vật khác được thấm ướt, giống như cá mắc cạn bèn nhả nước rãi cho nó được sống. Điều này tỷ dụ chuyện tận lực giúp đỡ người khác trong cảnh khốn cùng. Câu này hơi khó hiểu, chúng tôi xin dẫn lời giảng của ông Hoàng Bách Lâm như sau: Phải mở rộng lòng hiếu đễ, đối với những loài động vật lẫn thực vật, phải đối đãi bằng tấm lòng giống như gà mẹ dẫn dắt gà con, như gà mẹ nâng niu xòe cánh ấp trứng, ngăn dứt những chỗ khiến cho trứng, cá con của những loài cá tránh khỏi nguy cơ bị đoạn diệt, bảo vệ mầm rễ của các loài thảo mộc cho chúng luôn xum xuê, giúp đỡ cho chúng được sống sót trong những hiểm cảnh. Mỗi điều ấy đều nhằm khảo nghiệm tấm lòng hiếu đễ của chúng ta.

chẳng sai lạc. Thánh nhân cư xử thuận theo lý, hình phạt rõ ràng, công bằng, dân chúng phục tùng, một bầu hòa thuận. [Sự hiếu đễ ấy khác nào] trân trọng dâng cúng Thượng Đế, trời đất đầy ấp sự nhân ái; [sự hiếu đễ ấy khác nào] cúng quả tổ tông [bằng cỗ bàn thịnh soạn]<sup>248</sup>. Lòng hiếu thảo với cha mẹ đều ở tại nơi đây. Ngoài những điều này ra, chẳng có chuyện gì khác nữa.

Mạnh Tử nói: “*Nghiêu Thuấn, hiếu đễ nhi dĩ hỹ*” (Đạo của Nghiêu, Thuấn là hiếu đễ mà thôi). Lại nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao thấu hỏi cái tâm buông lung đó thôi). Hai điều “*mà thôi*” ấy liên quan khít khao với nhau. Nếu hiếu đễ, chẳng thể nào không tìm lại cái tâm đã đánh mất vì buông lung. Hễ tìm lại cái tâm buông lung, sẽ không thể nào chẳng hiếu đễ! Chẳng phải là đã hoàn tất một chuyện, thì trăm điều cũng sẽ hoàn tất ư? Bởi lẽ, tâm chẳng phải là quả tim trong lồng ngực, mà vốn là ôn hòa, hoan hỷ, vốn là lòng trắc ẩn, xót xa, vốn là tự nhiên sống động. Trời

---

<sup>248</sup> Nguyên văn “*nhất đoạn hòa dư khí tượng, ân tiến Thượng Đế, nhi nhân thiên địa, phối tổ khảo*”, chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của ông Hoàng Bách Lâm. Theo đó, “*ân tiến Thượng Đế*” (殷薦上帝) nghĩa là dùng những thứ đẹp nhất, ca nhạc hay nhất dâng lên Thượng Đế. Ở đây, phải hiểu “*ân tiến Thượng Đế*” chính là do có lòng hiếu đễ, thuận theo lòng trời, đẹp lòng trời, nên sự hiếu đễ ấy chẳng khác gì đã phụng hiến Thượng Đế trang trọng nhất. “*Nhân thiên địa*” (仁天地) là khắp trời đất đều là một bầu nhân ái. “*Phối tổ khảo*” (配祖考) là thờ cúng tổ tông, tổ (祖) là ông nội, khảo (考) là danh xưng để gọi cha đã khuất. Lòng hiếu đễ khiến con cháu thuận hòa, dòng dõi hưng thịnh, đẹp lòng tổ tiên, khác nào đã cúng dường ông bà tổ tiên bằng những vật thực ngon lành, trọng hậu nhất. Hoặc có thể hiểu: Lòng hiếu hạnh, hòa thuận với anh em là những lễ vật đẹp đẽ nhất, trang trọng nhất, quý báu nhất để dâng lên Thượng Đế, tổ tiên.

khoảng khoát, đất mênh mông, tâm nhãn trọn khai. Trời tối, đất đen, [sẽ khiến cho tâm người ta cảm thấy] sầu loạn, lạng lẽ, [điều ấy chứng tỏ] trời đất và tâm là một<sup>249</sup>. [Ngắm nhìn] cỏ xanh non, cây cao vót, chim rìa lông, nai nằm, [sẽ cảm thấy] vui sướng vô hạn. [Trông thấy] núi non sụp đổ, hao khuyết, [trông thấy] kẻ hung ác, thú dữ [khiến cho chúng sanh] bị chết yểu, [chúng ta sẽ cảm nhận sự] thê lương, kinh hoàng vô hạn. Đây chính là vạn vật có cùng một tâm. Bỏ điều này để đắm đuối những thứ tiện nghi, cầu lợi khi người khác bị tai ương, vui mừng vì kẻ khác mắc họa, như thế sẽ gọi là “*buông lung cái tâm*”. Nếu chẳng phải vậy, thì cái tâm mong cầu tiếng tăm, cái tâm ghét bỏ tiếng tăm xấu ác, cái tâm ham học rộng rãi, tràn lan nhiều thứ, cái tâm yêu chuộng tô điểm tiếng tăm, cái tâm khô khan giữ lấy sự lạng lẽ<sup>250</sup>, cũng đều gọi là “*tâm buông lung*”. Vì sao? [Những cái tâm như vậy] đều chẳng thuộc vào cái tâm sống động (chân tâm) của ta. Do vậy, trong phần trước đã nói phân minh: “*Nhân là cái tâm của con người*”<sup>251</sup>.

Hiếu đễ là sự thấu lộ đầu tiên từ căn cội lòng nhân, là sự xum xuê tươi tốt bậc nhất. Từ chỗ này, do cội rễ nuôi sống, [dưỡng chất sẽ] thông thấu cành, lá, ngàn vạn đóa hoa cùng một lúc nở chi chít, như trong một thân người, tai nghe, mắt thấy, tay cầm, chân đi, không

<sup>249</sup> Câu này nhằm nói hoàn cảnh bên ngoài có thể ảnh hưởng đến tâm tình của phàm nhân, biểu thị hoàn cảnh bên ngoài và cái tâm có cùng một Thể.

<sup>250</sup> Tức là cái tâm chấp vào sự không tịch thiên lệch của hàng Nhị Thừa.

<sup>251</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm câu này phải hiểu theo sự biểu thị pháp là: Lòng nhân chính là Tánh Đức sẵn có của mỗi người.

gì chẳng phải là một bầu hòa thuận. Sự tu dưỡng của Đạo gia chỉ là luyện thần khí cho thuần thực, hễ “*thủ nhất*”<sup>252</sup>, chuyện trường sanh sẽ dễ dàng thực hiện được. Ấy là vì một chỗ đã linh thì ngay cả các đốt xương cũng đều linh. Hiếu để đối với trời, đất, người, vật cũng thế, nó cũng là thần khí nơi toàn thân, chính là chỗ trọng yếu trong thuật luyện đan [tu dưỡng] của Đạo gia<sup>253</sup>. Hễ tu luyện từ chỗ trọng yếu ấy, sẽ thoát phàm thành thánh trong khoảnh khắc, chẳng còn phải [tu luyện công phu] điều hòa nơi các đốt xương nữa. Do vậy, hạ một lời chuyển ngữ rằng: “*Đạo học vấn chỉ là lòng nhân mà thôi. Đạo của lòng nhân chỉ là hiếu để mà thôi*”. Do vậy, hai chữ “*mà thôi*” tương quan khít khao, chẳng có dấu vết vậy!

Ông [Nhan Quang Trung] lại nói:

- Sở dĩ thiên hạ rối bời không an tĩnh chỉ là vì tâm tư, khí thể cường mãnh, nóng giận bộc phát, ra sức đấu đá, xông xáo xung đột tấn công để tranh giành. Cuộc

---

<sup>252</sup> “*Thủ nhất*” (守一) là từ ngữ xuất phát từ câu nói “*thiên địa hữu quan, âm dương hữu tàng, thận thủ như thân, vật tương tự tráng, ngã thủ kỳ nhất, thiên nhị bách tuế hĩ*” (trời đất đều có chủ tể, âm dương hòa hợp trong tạng phủ, hãy cẩn thận giữ gìn cái thân người, đừng nên tàn hại nó, ta giữ được nhất tâm thì có thể sống đến một ngàn hai trăm năm). Đạo gia dùng khái niệm “*thủ nhất*” để chỉ trạng thái đạt đến cái tâm không tạp niệm, chuyên nhất một cảnh. Nếu hiểu theo mức độ cao hơn, “*thủ nhất*” tương ứng với “*trụ trong chân tâm*” của Phật giáo.

<sup>253</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, ở đây, ông Nhan Quang Trung không nhằm ca ngợi thuật tu luyện đan của Đạo gia, mà chỉ dùng cách nói của họ, với ngụ ý: Do hiếu để đạt đến tốt bậc, sẽ chứng nhập Nhất Chân pháp giới, tức là đã chuyển phàm thành thánh, thoát ly mười pháp giới, trở thành Pháp Thân đại sĩ. Ông Nhan Quang Trung tạm tỷ dụ chuyện này giống như trong Đạo gia, khi tu luyện đến mức nội đan và ngoại đan hợp nhất, sẽ thoát thai hoán cốt đăng tiên. Ông Nhan Quang Trung dùng tỷ dụ này để nói với người bình phàm cho dễ hiểu đó thôi!

chiến Trác Lộc<sup>254</sup>, thất hùng giận dữ thét gào<sup>255</sup>, tiếng trống thúc quân phản loạn chốn Ngư Dương<sup>256</sup>. Hãy xem kẻ chỉ trong một hơi thở lật nhào đất trời là gì vậy? Họ thoát đầu chỉ vì đôi chút lòng hung hăng, giận dữ

---

<sup>254</sup> Trận chiến Trác Lộc là cuộc chiến quyết định thắng bại giữa liên minh Hữu Hùng Thị Hoàng Đế và Thần Nông Thị Viêm Đế đánh bại tộc Cửu Lê dưới sự lãnh đạo của Xi Vu. Hoàng Đế là thủ lĩnh của các bộ lạc Hoa Hạ, chiếm cứ vùng Trung Nguyên vốn là địa bàn của tộc Cửu Lê, nay thuộc địa bàn các tỉnh Hà Nam, Hà Bắc, và Sơn Đông. Cuộc quyết chiến nổ ra ở cánh đồng Trác Lộc. Theo truyền thuyết, ba người con của Xi Vu đã chia các bộ tộc thành ba cánh. Một cánh chạy xuống miền Nam, trở thành tộc Tam Miêu, một cánh chạy lên miền Bắc, số người còn lại vẫn ở Trác Lộc, và bị đồng hóa với bộ tộc Viêm Hoàng. Để biện minh cho hành động cướp bóc, lấn đoạt của người Hoa Hạ, sử Trung Hoa thường tô vẽ Xi Vu như một kẻ hung bạo, nửa người nửa thú, độc tài, thiện chiến, sử dụng phù phép, mưu toan phản loạn chống lại liên minh Viêm Đế nên bị chinh phạt. Một số các sắc dân ở Đông Á vẫn coi Xi Vu là thủy tổ, chẳng hạn người H'mong (ta thường gọi là người Mèo) coi họ là con cháu của Xi Vu, dân Đại Hàn tôn Xi Vu là quốc tổ.

<sup>255</sup> Nguyên văn “*thất hùng hao hám*”, “*thất hùng*” (七雄) là bảy nước chư hầu hùng mạnh thời Chiến Quốc, đánh nhau liên miên nhằm tranh hùng xưng bá, tức Tần, Sở, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn, và Tề. “*Hao hám*” (虯鬪) là thành ngữ phát xuất từ câu thơ “*hám như hao hổ*” (gào thét như con hổ đang giận dữ) trong bài Thường Vũ thuộc phần Đại Nhã của kinh Thi. Sử gia Ban Cố đã dùng cách nói “*thất hùng hao hám*” để phê phán tánh đam mê quyền lực, tranh đấu dữ dội của bảy nước chư hầu thời cổ.

<sup>256</sup> Nguyên văn “*hoàng trì ngư dương chi bễ cổ*”. “*Hoàng trì*” (潢池) theo nghĩa đen là cái ao của hoàng đế, thường dùng theo nghĩa bóng là “lãnh thổ của hoàng đế”. Lại có câu thành ngữ “*hoàng trì lộng binh*” (múa may vũ khí trong cái ao của hoàng đế), hiểu theo nghĩa rộng là dấy binh làm phản triều đình. Ngư Dương nay là huyện Kê thuộc thành phố Thiên Tân. Năm 755, dưới đời Đường Huyền Tông, An Lộc Sơn khởi binh dấy loạn tại Ngư Dương. “*Bễ cổ*” (鼙鼓) là cái trống nhỏ do kỵ binh thường cầm, mỗi khi xung trận, họ gõ ầm lên để thôi thúc tinh thần chiến đấu. Toàn bộ câu “*hoàng trì ngư dương chi bễ cổ*” đã dựa theo ý thơ của Bạch Cư Dị: “*Ngư Dương bễ cổ động địa lai, kinh phá nghệ thường vũ y khúc*” (Trống trận Ngư Dương rền cõi đất, kinh hoảng nghệ thường khúc múa tan). “*Nghệ thường vũ y khúc*” là một khúc ca múa do Đường Huyền Tông chế ra sau khi nằm mộng thấy chính mình lên chơi cung trăng. Ông cho các cung nữ mặc xiêm áo rực rỡ như bảy sắc cầu vồng, gọi là “nghệ thường y”. Vũ khúc được gọi là “vũ y khúc”, nghĩa là khúc hát múa của những người mặc áo kết bằng lông chim, tức tiên nữ.



chen ngang trong lòng ngực, dần dần sôi sục, nuốt xuống chẳng được, thế là kháng cự cha anh, ngạo mạn bậc trưởng thượng. Đây là mầm cội của sự kháng cự, ngạo mạn, sẽ trở thành kèm kẹp quan trưởng, giết người vui thây để báo cừu, sẽ là kéo bè tụ đảng những kẻ bất đắc chí [để cướp bóc, hoành hành]. Vì thế, Dịch Truyện<sup>257</sup> có câu: “*Tụng tất hữu chúng khởi*” (Thừa kiện là phải do nhiều người dấy lên). Không chỉ là thừa kiện lên quan trên, mà trong nhà mình cũng tỏ lộ nổi thị phi, có cái tâm tranh đoạt thua thắng, đã bộc lộ khí thế hung hãn hoành hành<sup>258</sup>. Vua Nghiêu bảo Đan Châu<sup>259</sup>: “*Khí tụng khả hô?*” (Có nên chẳng trung tín và hay tranh chấp hay chẳng?) Vua Vũ lại răn rằng: “*Nhược vô Đan Châu ngạo*” (Đừng nên ngạo mạn như Đan Châu).

Xét ra, một chữ Tụng (訟, thừa kiện), chỉ là vì một chữ Ngạo (傲, ngạo mạn). Vì thế, thờ cha mẹ mà ngạo mạn, ắt chẳng thể trọn hiếu được! Phụng sự bề trên mà ngạo mạn, ắt chẳng thể trung. Cai trị dân chúng mà ngạo mạn, ắt chẳng thể có lòng nhân. Chỉ do một chữ Ngạo, sẽ thuộc về hạng cấu kết làm ác, bất tài, chẳng thể giải cứu! Vì thế, bậc quân tử có đại đạo, hễ kiêu

---

<sup>257</sup> Dịch Truyện là phần chú giải của kinh Dịch, tức phần Thập Dục.

<sup>258</sup> Nguyên văn “*quyết trương hoành hành*”, “*quyết trương*” (蹶張) có nghĩa gốc là dùng chân đạp lên loại nỏ cứng để bắn tên. Từ ngữ này thường được dùng với ý nghĩa người có sức mạnh, hung hăng thể hiện sự oai vũ.

<sup>259</sup> Đan Châu là con trai của vua Nghiêu. Ông này tên là Châu, nhưng do được phong ở đất Đan Thủy, nên thường gọi gộp chung là Đan Châu. Đan Châu tánh tình ngạo mạn, hoang dã.

căng, ngạo mạn, ắt sẽ đánh mất [đại đạo ấy]. Kẻ kiêu căng, tự cao, ngạo mạn, quý mình, khinh người, tự cho mình là đúng, coi người khác là sai bét, thấy mình là trí huệ, kẻ khác ngu đần, há có tâm tình gì để mưu tính tạo lợi ích, trừ điều hại cho dân, nghĩ đến sự bệnh khổ của dân chúng ư? [Nội dung của] sách Đại Học, từ “*tề gia*” cho đến “*bình thiên hạ*” đều chẳng ngoài “*hiếu, đễ, từ*”. Do vậy, kẻ kiêu căng rõ ràng là bất hiếu, bất đễ (chẳng hòa thuận, chẳng nhường nhịn anh em), chẳng Từ; nhưng tuy là bất hiếu, bất đễ, bất từ, rốt cuộc chẳng giống với người khác. Vì thế, tuy có kẻ hết sức ương bướng, nhưng không thể nào chẳng phục tùng cha mẹ; có kẻ tột cùng hung hăng, nhưng không thể nào chẳng khuất phục trước bậc tôn trưởng. Đó là thiên tánh chẳng thể nào cời bỏ được!

Thử xem những kẻ bất hiếu, đến trước người khác cũng sẽ tự kiềm chế, thu liễm đôi chút. Nếu để cho kẻ ấy ngồi, cha hấn phải đứng, chắc chắn hấn sẽ bất an. Nếu như lại bảo hấn là kẻ hiếu thảo, hấn sẽ vui vẻ; chê hấn là đứa bất hiếu, hấn sẽ tức giận! Đây cũng là vì căn cội làm người chưa bị đứt mất. Chỗ chưa bị đoạn đứt ấy chính là chỗ để dung nhập thiên tánh, có thể tiếp nhận sự cảm hóa của ta. Vì vậy, đối với con hiếu, em hòa, hễ được khơi gợi từ chỗ này, sẽ có thể chuyển biến. Như Trịnh Trang Công đã từ bỏ mẹ ruột của chính mình, [trông thấy] Dĩnh Khảo Thúc ăn thịt bèn chữa lại [để đem về] biếu mẹ, hết sức liên quan đến

chuyện của nhà vua, bèn hoàn toàn hối hận, tỉnh ngộ<sup>260</sup>. Lại như Tử Cao cư tang, khóc ra máu suốt ba năm, chưa từng nhe răng cười, há còn tham dự vào việc cai trị trong huyện Thành ư? Nhưng xứ Thành có kẻ tuy anh mình đã chết [mà chẳng đau buồn, không mặc tang phục], do Tử Cao [trở thành quan huyện], người ấy bèn mặc tang phục. Trong lúc ấy, chẳng biết vì sao cảm, vì sao ứng, [cái tâm của Tử Cao] không có hình tướng mà tiếp xúc, lay động [kẻ đó] tận tim phổi, tức là nếu không do thiên tánh xui khiến, sẽ không thể làm như vậy được!

Xưa kia có ông Thí Hữu, anh em tranh nhau ruộng đất. Do Thí Hữu có lần cùng ngồi thuyền với Nghiêm Phụng, nhắc đến chuyện [tranh chấp] tài sản, ông Phụng không ngừng gạt lệ. Ông Hữu hết sức cảm ngộ, những chuyện như vậy đều chớ nên phô ra. Nhà ông Nghiêm hiếu thảo, hòa thuận, việc gì phải quản chuyện nhà ông Thí mà nước mắt đầm đìa; nào có biết từng giọt lệ ấy đã thấm vào lòng ông Thí! Nói chung, trong

---

<sup>260</sup> Trịnh Trang Công (Cơ Ngụ Sanh) là vua nước Trịnh, là con của Trịnh Vũ Công (Cơ Quật Đột). Trịnh Trang Công có người em cùng mẹ tên là Cơ Đoạn; do Cơ Đoạn được phong thái ấp ở Kinh Ấp, nên thường gọi là Thái Thúc Đoạn (Thúc có nghĩa là em trai thứ). Do được mẹ là Vũ Khương nuông chiều, Thái Thúc Đoạn âm mưu với mẹ làm phản hòng đoạt ngôi của Trịnh Trang Công. Sự việc thất bại, Thúc Đoạn phải trốn sang đất Cộng, nên lại gọi là Cộng Thúc Đoạn. Trịnh Trang Công tức giận, sai người giam lỏng mẹ, tuyên cáo từ bỏ mẹ, và thề độc: “Chỉ nhìn lại mặt mẹ khi nào xuống suối vàng”. Có lần vua đãi yến cho quan đại phu Dĩnh Thúc Khảo. Trong yến tiệc có món thịt, Dĩnh Thúc Khảo không ăn, mà cẩn thận gói lại. Vua hỏi vì sao, Dĩnh Thúc Khảo thưa: “Thần bỗng lộc kém, không thể thường xuyên mua thịt cho mẹ ăn được. Nay có món ngon, không nỡ hưởng riêng, nên chừa lại đem về biếu mẹ”. Vua cảm động, hối hận, nhân đó, hỏi Dĩnh Thúc Khảo tìm cách nào tha lỗi cho mẹ mình. Để vua khỏi trái lời thề, Dĩnh Thúc Khảo bày kế, đào hố sâu dưới đất, vua xuống đó gặp mẹ, cõng về phụng dưỡng.

vòng trời đất, kẻ xử sự theo sự xung động của tình cảm, kẻ kèn cựa, kẻ so đo, sẽ đều phát sanh xung đột với người khác, [đó là] do chẳng có căn bản, [cho nên] không làm sao được, [bởi lẽ, kẻ ấy] chẳng tự biết. Riêng người có thể khiến cho kẻ khác cảm động, dẫu sanh trong hoàn cảnh nào, [dẫu] là kẻ ngu nhất, nghèo hèn nhất, nhưng là một đứa con có hiếu, há mọi người chẳng ca ngợi, chẳng kính phục, hoặc ngấm ngấm then với kẻ ấy ư? Khi có lòng kính trọng, then thùng đôi với kẻ ấy, đúng là cái tâm hung hãn sẽ lắng xuống, cái tâm bộp chộp sẽ tan đi, sẽ là cảnh giới một bầu đáng mến, đáng yêu. Trong một nhà thì nhà ấy bình yên, trong thiên hạ thì thiên hạ thanh bình. Trên là đến quan trưởng, cho đến quân vương, tể tướng, quyền lực càng lớn, [càng có sức] cổ vũ, khuyến dụ đại chúng [to lớn], há lẽ nào chẳng khiến cho khắp thiên hạ đều là con hiếu, em hiền ư? Vì thế nói: “*Nhất gia nhân, nhất quốc hưng nhân*” (Một nhà nhân từ sẽ khiến cho cả nước đều dấy lên lòng nhân). Lại nói: “*Nghiêu Thuấn soái thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tùng chi*” (Vua Nghiêu, vua Thuấn dùng lòng nhân để dắt dìu thiên hạ, dân chúng đều vâng theo), then chốt ở ngay chỗ này.

Khi phong tục trong thiên hạ bại hoại, nói chung là do [chính mình] trước hết đã làm hỏng con em của mình. Khi nhân phẩm, tâm thuật bại hoại, nói chung cũng là do trước hết [phụ huynh] đã làm hỏng con em. Từ bé, [nếu trẻ] đã có tánh sai trái, hung tợn chẳng thể dung túng được, hơi có chút tài năng đã chẳng thể thâu liễm, thì khi đến lúc trưởng thành, [chúng nó] sẽ nảy

sanh [những chuyện tội tệt] không thể hình dung được, chẳng thể chịu đựng được! Từ xưa, chuyện quét dọn, ứng đối, châu chực bên án, đứng hầu<sup>261</sup>, đều nhằm tiêu trừ cái tâm cường mãnh của con em, khiến cho chúng nó tử mĩ, tinh tể. Lại như con của thiên tử, [khi vào trường học], sẽ chiếu theo độ tuổi mà xưng hô khiêm tốn với các bạn học. Nói “*quân tại tắc lễ nhiên, phụ tại tắc lễ nhiên, trưởng tại tắc lễ nhiên*” (hễ vua hiện diện bèn giữ đúng lễ quân thân, hễ cha hiện diện bèn giữ đúng lễ nghi giữa cha con, hễ người trên có mặt thì giữ đúng lễ nghĩa giữa người trên kẻ dưới) là có ý nghĩa như thế nào? Chẳng lo thiên hạ không có kẻ tài cán, mà lo âu họ chẳng có tánh chân thật. Chẳng lo không thể làm vua, cha, thầy, mà lo không thể làm đệ tử tốt lành! Dùng đạo làm con để lãnh đạo thì chỗ nào cũng sẽ có ý nghĩ phụng sự, thương tiếc. Dùng đạo làm em để lãnh đạo thì khắp nơi sẽ đều có ý nghĩ: “*Hễ cày cấy bèn có thể nương ruộng, đi lại sẽ có thể nương đường*”.

Xưa kia, vua Thuấn, vua Vũ có được thiên hạ, thiên hạ mới âu ca, [các vị vua ấy] xét xử, [được quan

---

<sup>261</sup> Đây là cách giáo dục trong Nho gia theo giáo huấn trong Châu Tử Trị Gia Cách Ngôn: Con em từ thuở lên ba, hằng ngày phải dậy sớm, quét dọn trong ngoài cho sạch sẽ, giữ tánh tiết kiệm, không phung phí vật thực, luôn nghĩ hạt com manh áo là công khó của bao nhiêu người. Cha mẹ, người trên hễ gọi liền dạ, nghe lời dạy bèn vâng. Người trên hỏi đến phải thưa gởi rành rẽ, không dối trá, quanh co, đó gọi là “*ứng đối*” (應對). Khi cha mẹ, bề trên ngồi, con em phải đứng bên cạnh chờ xem có gì sai bảo. Cha mẹ cho ngồi mới được ngồi. Đó là “*thị lập*” (侍立, đứng hầu). Luôn chú ý coi cha mẹ, người bề trên có gì cần dùng, sai phái sẽ nhanh chóng thực hiện, đó là “*phụng ký*” (奉几, hầu bên bàn). Theo chú giải, “*ký*” phải hiểu là “*ký án*” (几案) tức cái bàn nhỏ.

lại] châu hầu tốt bậc hiền hách, nhưng vua Thuần tự coi mình bất quá là kẻ nghèo cùng của họ Hữu Ngu. Giếng, kho vẫn còn<sup>262</sup>, chỉ là chẳng thấy vận tải lương thực nữa! [Vua Thuần] gào khóc ngoài đồng, mới hận không nơi giải bày [nỗi niềm buồn bực vì mình chưa đủ hiếu thảo để cảm động cha mẹ], mà thiên hạ đã được bình trị. Vua Vũ tự thấy mình bất quá là đứa con của tội nhân ở Vũ Sơn<sup>263</sup>, chẳng chuộc được nỗi đau của cha, sóng lớn kinh rợn tận xương. Giữa đường gặp tội nhân, bất giác lệ tuôn mấy lượt<sup>264</sup>, thế mà thiên hạ lại được bình trị. Cho đến Văn Vương, Vũ Vương, lòng hiếu thảo đều là như thế. Vua (Văn Vương) vẫn hằng ngày đến châu nơi tắm môn của Vương Quý [để thỉnh an] ba lượt. Vẫn đối với mọi chuyện đều quan tâm tới từng hơi thở nặng nề của cha, lúc nào cũng vâng theo lời giáo huấn<sup>265</sup>. Vì thế nói: “*Sự tử như sự sanh, sự vong*

---

<sup>262</sup> Vua Thuần là người thuộc bộ tộc Hữu Ngu, mẹ mất sớm. Cha là Cổ Tẩu lấy mẹ kế, sanh được một đứa con trai, đặt tên là Tượng. Cha nghe lời mẹ kế, toan giết hại vua Thuần nhiều lần. Có lần, Cổ Tẩu sai vua Thuần sửa chữa kho chứa lúa, rồi rút mất thang, đốt kho cho vua Thuần chết cháy, nhưng vua Thuần thoát thân được. Cổ Tẩu lại sai vua Thuần đào giếng, rồi lấp giếng cho vua Thuần chết ngộp, nhưng vua Thuần theo khe ngạch thoát ra được. Ông không oán hận cha và dì ghẻ ác độc, chỉ tự trách mình bạc đức, chẳng trọn hiếu đến nỗi bị ghét bỏ. Cổ Tẩu (瞽叟) có nghĩa là “ông già mù”, nhưng các nhà chú giải cho rằng đó là cách gọi bóng bẩy của cổ nhân nhằm chê trách một ông già có tâm nhìn thiên cận, mù quáng.

<sup>263</sup> Cha vua Vũ là Đại Cỗn được vua Thuần sai trị thủy (làm công tác thủy lợi để chống nạn lụt), không thành công, bị vua Thuần kết tội, bị giết tại Vũ Sơn.

<sup>264</sup> Theo sách Thuyết Uyển, vua Vũ đi ra ngoài thấy tội nhân, bèn xuống xe, hỏi chuyện rồi khóc ròng. Tùy tùng can: “Gã này do chẳng thuận theo vương pháp nên thành ra như vậy, có sao bệ hạ lại đau lòng đến nỗi ấy?” Vua Vũ nói: “*Là con dân của vua Nghiêu, vua Thuần, đều lấy cái tâm của Nghiêu, Thuần làm tâm của mình. Nay quả nhân làm vua, bá tánh mỗi người có cái tâm riêng, cho nên đau lòng vậy*”.

<sup>265</sup> Vương Quý là cha của Văn Vương, vốn tên là Quý Lịch. Sau khi Văn Vương (Cơ Xương) lên ngôi, đã tôn cha là Vương Quý làm Thái Thượng Hoàng. Tắm môn

*như sự tôn*” (Thờ phụng [cha mẹ] sau khi đã chết, giống như phụng sự họ khi còn sống; thờ phụng người đã khuất như hầy còn sống). Ấy là vì Văn Vương, Vũ Vương trọn chẳng coi mình là vua của mọi người, mà hoàn toàn coi mình là con của dân chúng để phụng sự họ, luôn mong tưởng tạo ân huệ cho người thiếu số, góa vợ, góa chồng, an ủi dân, trừng phạt kẻ tàn bạo, chỉ có những điều mong mỏi của tiên nhân rạng ngời trong gan ruột. Đan Châu là người thông minh, há chẳng phải là kẻ có tài, nhưng do một chữ Ngạo, đã đoạn sạch mạng căn của thiên hạ. Do vậy, ngũ điển, bách quỹ đều thuộc về họ Hữu Quan vậy<sup>266</sup>.

---

(寢門) là cửa phòng ngủ. Theo quy chế xưa, buồng ngủ của vua có năm tầng cửa, chư hầu có ba tầng cửa, các đại phu có hai tầng cửa. Tẩm môn chính là cửa trực tiếp dẫn vào nội phòng. Hằng ngày, Văn Vương ba lượt đến tẩm môn của cha để thỉnh an. Hễ nghe nội thụ (內豎, tức thái giám) báo vua cha bình an, Văn Vương sẽ hết sức vui mừng. Vũ Vương là con của Văn Vương (Cơ Phát), khi cha bị bệnh đã không cởi áo ngoài, không bỏ mào, châu hầu suốt ngày đêm, lắng nghe từng hơi thở nặng nhọc của cha.

<sup>266</sup> Hữu Quan Thị (有鰥氏, người ở trong hoàn cảnh khốn khó) là biệt hiệu của vua Thuần. Danh xưng này phát xuất từ sách Thượng Thư, chương viết về vua Nghiêu: “Đế viết: *Tư! Tư nhạc, trầm tại vị thất thập tải, nhữ năng dung mạng tập trầm vị?*” Nhạc viết: “*Bỉ đức thêm đế vị*”. Viết: “*Minh minh dương trắc lậu*”. Sư tích đế viết: “*Hữu quan tại hạ, viết Ngu Thuần*”. Đế viết: “*Du! Du văn, như hà?*” Nhạc viết: “*Cổ tử phụ ngoan, mâu khí, Tượng ngạo, khắc hài dĩ hiếu chưng chưng, nghệ bất cách gian*” (Vua Nghiêu nói: “Ôi! Nay các vị tù trưởng bốn phương! Ta đã làm vua bảy mươi năm, các ông có thể vâng mạng trời nối ngôi ta hay không?” Các tù trưởng thưa: “Chúng thần đức kém, chẳng xứng ngôi vua”. Vua bảo: “Vậy thì các ông xét kỹ, đề cử những người còn ẩn tàng!” Mọi người thưa: “Có người ở trong hoàn cảnh khốn khó là Ngu Thuần”. Vua nói: “À! Ta có nghe nói, người ấy như thế nào?” Các tù trưởng thưa: “Ông ta là con của Cổ Tẩu, cha ương bướng, mẹ hay đặt điều gièm xiêm, [em trai là] Tượng ngạo mạn, nhưng Thuần luôn cư xử thuận thảo, dùng lòng hiếu cảm hóa, khiến cho chẳng theo đường tà nữa). Ngũ Điển (五典)

Lại nói:

- Thánh nhân nói đến Hiếu đều chẳng coi đó là chuyện nhỏ nhặt. Sách Lễ Ký chép: “*Tiểu hiếu dụng lực, trung hiếu dụng lao, đại hiếu bất quý*” (Hiếu nhỏ là bỏ ra sức của chính mình [để phụng dưỡng, chăm sóc nhu cầu của cha mẹ], trung hiếu là tạo lập công nghiệp [khiến cho cha mẹ được rạng mày nở mặt], đại hiếu là rộng thí muôn vật chẳng có ngần mé). Phu Tử nói đến sự đại hiếu của vua Thuần, bèn nói: Do đức hạnh mà vua là thánh nhân, do đại đức ắt sẽ tiếp nhận mạng trời, rõ ràng vẫn là dùng “cái được sanh ra bởi trời” (thiên tánh). Dùng thiên tánh ấy để phụng sự cha mẹ.

Cần phải hiếu cha mẹ là vật gì, chẳng phải là nói đến cha mẹ theo kiểu một khối máu thịt! [Phải hiếu] ta do cha mẹ sanh ra vốn là vật gì, chẳng phải là cái ta một khối máu thịt đâu nhé! Vốn tròn xoe<sup>267</sup>, sáng vàng vạc, mọi người đều hòa thành một khối<sup>268</sup>. Cha mẹ cũng là vật này, mà muôn vật trong trời đất cũng là vật này. Cha mẹ sanh ra thân ta; do vậy, phải dâng hiến tất cả những gì thuộc về thân ta, dâng hiến toàn bộ cho cha mẹ thì mới là hiếu thuận. Nếu chỉ “*dụng lực, dụng lao*” (phụng dưỡng bằng vật chất, kiến lập công nghiệp), tức là đã phụng sự cha mẹ bằng hình tướng thô thiên bên

---

chính là Ngũ Thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Bách Quỷ là (百揆) tận lực hành trì Ngũ Đễ, khiến cho mọi việc đều tuân theo nguyên tắc, pháp độ.

<sup>267</sup> Nguyên văn là “*viên đà đà*” (圓陀陀). Đây là một thuật ngữ trong nhà Thiền để chỉ tự tánh. “*Viên đà đà*” nghĩa là viên mãn, chẳng có ngần mé.

<sup>268</sup> Ý nói mọi người có cùng một Thể là chân tâm linh tri.



ngoài; nhưng đối với một điểm chân cốt huyết rỗng rang, thông linh (chân tâm), tức là món bảo bối vô biên, bèn quăng đi, chẳng ngó ngang tới, có thể gọi là hiếu tử hay chăng? Ta thờ cha mẹ, mong sao mỗi điều nhỏ nhặt, mỗi niệm, mỗi cử động của cha mẹ, cho tới khắc nhỏ, bắc ghế, dâng gậy, không gì chẳng tận tình dâng hầu, nhưng đối với một điểm chân cốt huyết thông linh, rỗng rang, tức là đối với món bảo bối vô biên, lại ném đi, chẳng ngó ngang tới, có thể nói là hiếu tử được chăng?

Vì thế, hễ nói đến đại hiếu thì chính là thuận thân, dưỡng chí. “*Thuận thân*” (順親) chính là thuận theo tình thân linh diệu (giác tánh), thuận theo tình thân nơi phần tiên thiên chưa phân ra [để cứu họ thoát khỏi tam đồ]. Hễ chìm đắm trong tình thức, sẽ là nguy thân (tình thân hư nguy). “*Dưỡng chí*” (養志) là nuôi cái chí đại công [vô tư]<sup>269</sup>, dưỡng cái chí “*bào dân dữ vật*” (胞民與物, coi mọi người đều là ruột thịt, muôn loài chẳng khác gì ta) thông trời thấu đất. [Nếu chỉ quan tâm đến] cái thân xác này, sẽ là cái chí hư nguy. Nhưng đã phải thuận thân, dưỡng chí rồi, lại còn phải “*thành thân, thủ thân*” (誠身守身, giữ cho cái thân chân thành, gìn giữ cái thân). “*Thủ thân*” là giữ lấy cái thân tuân theo đạo lý sáng ngời, tốt lành, giữ lấy cái thân hòng đạt được đức hạnh, đạt đạo. Nếu không, dầu dốc cạn

---

<sup>269</sup> “*Chí đại công*” là chí luôn nghĩ đến trọn khắp mọi người, không có tình chấp riêng tư.

sức chăm nom, phụng dưỡng, vẻ mặt mềm mỏng, hầu hạ, vẫn là cái thân hư nguy<sup>270</sup>! Có thể nhận biết cái thân thật sự thì mới có thể nhận biết tình thân chân thật! Vì thế nói: *“Chẳng thấu đạt cái thân chân thật, sẽ chẳng phải là tùy thuận tình thân”*.

Thân của Tăng Tử và thân của Tăng Nguyên<sup>271</sup> khác nhau vời vợi; do vậy, họ phụng sự cha mẹ cũng khác nhau. Nay lại xét đến lòng hiếu của vua Thuấn và lòng hiếu của Vương Tường. Lòng hiếu của Vương Tường tốt bậc chân thật, tốt bậc khản thiết, chẳng tiếc nuôi mấy may sức lực nào, há chẳng bằng [lòng hiếu] *“không suy nghĩ, không gắng sức”* (ý nói: Lòng hiếu hạnh tự nhiên lưu lộ) của vua Thuấn hay sao? Nếu luận theo lòng hiếu thì [lòng hiếu của Vương Tường] giống hệt như [lòng hiếu của] vua Thuấn, Vương Tường chính là Nghiêu Thuấn. Nếu nói theo địa vị phẩm hạnh thì sẽ cách biệt vời vợi, tâm lượng [của Vương Tường] chưa hoàn mãn.

---

<sup>270</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Câu này có nghĩa là dùng đủ mọi cách chăm sóc, lời lẽ mềm mỏng khiến cho cha mẹ thoải mái, nhu cầu đầy đủ, thì vẫn chỉ là phụng dưỡng cái thân máu thịt hư giả nếu không chú trọng hướng dẫn cha mẹ thông hiểu chân tánh (đó là thân thể chân thật), lìa phiền não, tu hành hòng thoát khỏi tam đồ.

<sup>271</sup> Tăng Nguyên là con của Tăng Tử (Tăng Sâm). Câu này nhằm nói đến lời phê phán Tăng Nguyên trong thiên Ly Lâu sách Mạnh Tử: Tăng Tử phụng dưỡng cha là Tăng Tích, mỗi bữa ăn đều có rượu thịt. Khi cha ăn xong, lúc sắp dọn xuống, ắt Tăng Tử sẽ thưa hỏi, thức ăn còn thừa sẽ cho ai? Nếu Tăng Tích hỏi “có còn thức ăn thừa hay không?”, Tăng Tử sẽ luôn đáp là có, [khiến cho cha yên lòng hưởng dụng]. Đến khi Tăng Nguyên phụng dưỡng Tăng Tử, mỗi bữa ăn cũng có rượu thịt, nhưng khi dọn xuống, hoàn toàn chẳng hỏi. Nếu như Tăng Tử hỏi “có dư hay không?” Sẽ đáp là “chẳng dư”, khiến cho Tăng Tử chẳng nỡ lòng ăn nhiều. Như vậy là Tăng Nguyên chỉ nuôi ăn, chứ không quan tâm làm vui lòng cha!

Lại gạn rằng: “Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi”. Ấy là vì Đại Thuấn nhận thức tình thân bằng sự linh thông, sáng suốt (linh tánh, chân tánh), còn Vương Tường nhận biết tình thân nơi xác thân. Đại Thuấn coi Cổ Tẩu là bậc chí thần, chí thánh, chí nhân, chí từ: “Nếu cha muốn giết ta, chẳng muốn cho ta cưới vợ, [những tâm niệm ấy] đều là những vọng tâm huân tập về sau. Chân tâm vốn chẳng phải là như vậy”. Nếu tuân theo cái mạng lệnh vô lý ấy hòng [lòng cha được] vui thỏa một chốc, tuân phụng cái tâm tập khí của cha, cắt đứt chủng tử chí thần, chí thành, chí nhân của phụ mẫu chân thật, sao nữ cam lòng đối với tâm, nữ nào tàn nhẫn đối với tánh? Vì thế, trăm cách duy trì, trăm cách đào bới, kêu gọi để thật sự hiện ra chân phụ mẫu! Những người như Vương Tường nằm bằng [khóc lóc xin trời ban cho cá chép để dâng lên mẹ], cố nhiên là thiên tánh tha thiết, nhưng đối tượng tùy thuận [của Vương Tường] chính là cha mẹ theo phương diện tình thức, vẫn là duyên theo phương diện thân thể của Vương Tường, [cho nên] vẫn chưa đạt tới địa vị như Ngu Thuấn<sup>272</sup>. Vì thế, sự nhận biết cũng chỉ đạt tới mức đó; đây chính là do chưa hiểu rõ về thiện vậy.

Đã hiểu rõ thiện, sẽ hoàn toàn linh hoạt, sống động, cách ứng xử trong từng trường hợp sẽ đều có chừng mực. [Như cha đánh bằng] gậy nhỏ thì hứng chịu, [cha dùng] gậy lớn thì bỏ chạy. Những chuyện

---

<sup>272</sup> Vua Thuấn tên là Trọng Hoa, thuộc bộ tộc Hữu Ngu, vì thế, Sử hay gọi ông là Ngu Thuấn. Do ông được sanh ra ở Diêu Khư, nên lấy chữ Diêu làm họ.

như không thừa trình mà lấy vợ<sup>273</sup> chẳng phải là do có pháp đã thành lập sẵn bèn noi theo, mà là do tâm linh của chính mình [suy xét cẩn thận] như thế rồi quyết định, tự lập chủ ý như thế. Vì vậy, phụng sự cha mẹ cũng là như thế. Do đó, nói: “*Sự phụ mẫu cơ gián*” (Thờ cha mẹ thì phải can ngăn từ những ý niệm nhỏ nhất vừa dấy lên). “*Cơ*” (幾) là những ý niệm vi tế dấy lên; có thể thấy trước [điều xấu] lẽ tốt [từ chỗ này]. Cha mẹ vốn chỉ có một tấm lòng lành, hoàn toàn thuộc về cát tường, thiện sự<sup>274</sup>. Do vì có một ý niệm nhỏ nhất dấy lên, lòng lành ấy cũng bị ẩn khuất, nhưng chưa hề hoàn toàn bị mất sạch. Đây cũng chính là ý niệm vi tế để chuyển hung thành cát. Thờ cha mẹ thì hãy nên uyển chuyển từ chỗ này<sup>275</sup>. Nếu ý niệm vi tế ấy chưa dấy lên bèn khơi gợi. Ý niệm vi tế ấy đã chớm động bèn dẫn dắt. Ý niệm vi tế ấy bị mất đi, hãy phục hồi lại. Đây là dùng cái tâm [chân thành của ta] để xoay chuyển cái tâm [của cha mẹ], chính là công khóa “*thấy cái vô hình, nghe cái không có tiếng*”. Vì thế, chẳng đợi [cho đến khi cha mẹ] có chuyện hành xử không tuân theo đạo lý [mới can gián], mà hãy nên [can gián ngay] khi trông thấy [cha mẹ] có chí hướng [hành xử] chẳng tuân theo đạo lý, người con hiếu đã trọn hết tâm cơ vậy. Chỉ có như vậy thì mới có thể khiến cho tâm [của chính

---

<sup>273</sup> Khi vua Nghiêu gả hai con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh cho vua Thuấn, ông đã lấy vợ mà chẳng xin phép cha mẹ.

<sup>274</sup> Ý nói: Từ bản chất, cha mẹ luôn yêu thương con, đó là thiên tánh, dầu có lúc nóng giận, đánh đập hay chửi mắng, nhưng lòng yêu thương vẫn không hề mất.

<sup>275</sup> Ý nói hãy khéo léo vận dụng lòng thương yêu con sẵn có của cha mẹ để khuyên can, khơi gợi cha mẹ hướng thiện.

mình và tâm của cha mẹ] hòa thành một, chưa hề có trái nghịch.

Có lòng thành như thế, thuận thảo như thế, cái chân nguyên tương quan “*có cùng một gốc*” của ta và cha mẹ sẽ được bao gồm toàn bộ trong ấy, mà chân nguyên “*trời đất có cùng căn cội, muôn vật có cùng một Thể*” cũng được bao gồm toàn bộ trong ấy, há có tánh mạng<sup>276</sup> nào chẳng trọn vẹn, có “*địa vị chánh đáng, vạn vật sanh thành*”<sup>277</sup> nào chẳng hành, có chuyện nào trong thiên hạ mà chẳng trọn lẽ thông đạt quyền biến, chẳng vận hành trong sự linh minh<sup>278</sup> của ta? Đây chính là nói “*gom góp trăm điều thuận thảo để làm vui lòng cha mẹ*”. Sở dĩ Đại Thuần có đức hạnh của bậc thánh nhân là do đã trọn đủ sự tôn kính, phụng dưỡng như vậy đó! Sở dĩ Châu Vũ Vương và Châu Công thờ cha mẹ đã mất giống hệt như cha mẹ hãy còn sống, thờ cha mẹ đã khuất như hãy còn tại thế, cũng là vì lẽ này. Điều này thường tồn tại, thường sống động, thấu triệt căn nguyên của vạn sự vạn vật, quán thông mọi loài. Vì thế, vua Thuần có thể gánh vác sứ mạng của thượng thiên, thành tựu mỹ đức do trời ban tặng, dùng thiên tánh để phụng sự cha mẹ.

---

<sup>276</sup> “*Tánh mạng*” ở đây là một khái niệm thuộc phạm trù triết học cổ của Trung Hoa, bao hàm ý nghĩa “*bẩm tánh thiên phú của muôn vật*”.

<sup>277</sup> Nguyên văn là “*vị dục*” (位育). Đây vốn là một thành ngữ xuất phát từ câu nói “*trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên*” (đạt tới sự trung chánh, hòa bình chính là địa vị vốn có của trời đất, vạn vật được sanh thành).

<sup>278</sup> “*Linh minh*” (靈明) ở đây là nói đến nhất niệm chân tánh của ta vốn sáng suốt, thấu triệt trọn khắp.

Vũ Vương cúng tế tổ tiên của chính mình, đạt tới sự thờ phụng thiên địa và tổ tiên của toàn thể thiên hạ, dùng tình chí thân nơi bản tánh để phụng sự trời<sup>279</sup>, rốt cuộc là một chữ Sanh. Kể từ khi có trời đất đến nay, chẳng ngày nào không sanh. Sự chí thân [nơi bản tánh] và ta đều là sanh thành liên tục trong suốt một đời<sup>280</sup>. Lại còn do cái Sanh ấy mà toàn thể những sự vật tương quan trong suốt một đời đều bị ảnh hưởng, tác động theo, [đều được chuyển biến thành thanh tịnh], đây mới gọi là “*chẳng thẹn với đáng sanh ra ta*”. Bài Tây Minh của Trương Tử<sup>281</sup> hoàn toàn nhằm giảng rõ ý này.

Còn như lòng hiếu của Vương Tường chẳng tránh khỏi là một cách thức [vận dụng lòng hiếu] chết cứng, [chẳng phải là đã] lãnh hội [ý nghĩa] “*bất tư, bất miễn*” (chẳng suy lường, chẳng gắng công), chưa thể nói là “*bất tư nhi đắc, bất miễn nhi trúng*” (chẳng suy nghĩ

---

<sup>279</sup> Nguyên văn “*Vũ tự hồ kỳ tiên, nhi đạt hồ giao miếu, dĩ thân sự thiên dã*”. Theo ông Hoàng Bách Lâm, “*giao miếu*” (郊廟) là chỗ thờ phụng trời đất và tổ tiên. “*Nhi đạt hồ giao miếu*” phải hiểu là vua Vũ không chỉ cúng tế tổ tiên của riêng mình, mà còn thờ phụng tổ tiên của toàn thể thiên hạ và trời đất. Chữ “*thân*” trong câu “*dĩ thân sự thiên dã*” phải hiểu là sự chí thân nơi bản tánh.

<sup>280</sup> Nguyên văn “*tự hữu thiên địa dĩ lai, vô nhật bất sanh, thân dữ ngã, đô thị nhật sanh sanh tương tục*”. Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Chữ Sanh ở đây phải hiểu là tánh tri giác, ta thường nói là “*linh tánh*”. Linh tánh bất sanh bất diệt, vĩnh viễn là sanh sôi chẳng ngừng. Vì thế nói là “*vĩnh sanh*”. Giữa sự chí thân và ta, luôn luôn là sanh sôi liên tục.

<sup>281</sup> Trương Tử ở đây chính là Trương Tải, tức Trương Hoành Cừ, một nhà Lý Học thời Bắc Tống. Ông viết một bài văn, đặt tên là Chánh Mông Càn Xung Thiên, chia làm hai phần, phần trước gọi là Biếm Ngu, phần sau gọi là Đỉnh Ngoan. Về sau, Trình Di gọi phần Biếm Ngu là Đông Minh, phần Đỉnh Ngoan là Tây Minh. Trong bài Tây Minh, Trương Tải đã đề xướng khái niệm “*dân bào vật dữ*” (mọi người là ruột thịt của ta, mọi vật có cùng một Thể với ta).

mà đạt được, chẳng gắng sức mà trúng)<sup>282</sup>. Đắc và Trúng là vật như thế nào? Chúng là những thứ tự nhiên, sống động, có thể tác động những quy củ vô hình, có thể trọn hết những chuẩn mực trong thiên hạ. Vì thế nói: *“Quy củ là chuẩn mực đã đạt tới tận cùng, là tốt cùng của nhân luân”*. Thung dung Trung Đạo là thánh nhân, nhưng chẳng lãnh hội Đắc, chẳng lãnh hội Trúng, thì cũng có thể nói là *“tư miễn”* (思勉, suy nghĩ, gắng công). *“Tư miễn”* là ý, là thức. Nếu tánh chẳng thật sự tỏ lộ toàn vẹn, ắt sẽ thành ra xử sự theo tình cảm<sup>283</sup>. Nếu động đến Tánh Đế, tuy khóc lóc, buồn bã mong cầu [cha mẹ nghĩ lại sẽ thương yêu mình] như vua Thuấn, chẳng thể là bậc thánh nhân, mà cũng chẳng thể [trọn hết đạo tận hiếu của] kẻ làm con, như thế thì sẽ là khôn khó cùng cực [để giữ tròn đạo hiếu]<sup>284</sup>,

---

<sup>282</sup> Do câu này quá khó hiểu, chúng tôi xin dẫn lời giải thích của ông Hoàng Bách Lâm như sau: *“Lòng hiếu thuận của ông Vương Tường hoàn toàn chẳng linh động, nên nói là cách thức chết cứng. Bởi lẽ, do Vương Tường thấy mẹ đói, mong được ăn cá, bèn cỡi trần nằm trên băng khóc xin băng nứt ra để bắt được cá dâng mẹ. Tức là lòng hiếu ấy có sự dối dãi, có đối tượng để phát khởi. Ông ta chẳng khế nhập ý nghĩa ‘bất tư nhi đắc, bất miễn nhi trúng’ (chẳng suy nghĩ mà đạt được, chẳng gắng sức mà trúng). Lòng hiếu thuận của vua Vũ, vua Thuấn là tự nhiên, không cần suy nghĩ. Vua hiếu thảo với cha mẹ của chính mình và hiếu thảo đối với cha mẹ của thiên hạ chẳng khác gì nhau, hoàn toàn lưu lộ từ Tánh Đức”*.

<sup>283</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này như sau: *“Nếu chẳng tương ứng với Tánh Đức, lòng hiếu ấy sẽ dính đến tình cảm, có tình chấp, có tác ý, có Năng và Sở, chẳng phải là lưu lộ từ Tánh Đức. Do vậy, lòng hiếu sẽ vướng mắc nơi phương tiện ý thức, tức phân biệt, chấp trước, và Tạng Thức”*.

<sup>284</sup> Nguyên văn *“nhược động trước Tánh Đế, tuy như Thuấn chi hào khắp oán mộ, bất khả vi nhân, bất khả vi tử, giá dạng khôn miễn chi cực”*. Theo ông Hoàng Bách Lâm, Tánh Đế chính là tên gọi khác của Tánh Đức. Chữ *“nhân”* ở đây phải hiểu là *“thánh nhân”*. Theo ông Hoàng, câu này phải hiểu như sau: Nếu như ta dùng ý thức, tức là còn có tình chấp, xử sự theo cảm tình, dầu có lúc khế nhập Chân Đế trong bản tánh đôi chút, dầu khóc lóc, ôm nỗi niềm ai oán mong được cha mẹ thể hiện tình thân như vua Thuấn, nhưng vì hãy còn có tình chấp, cho nên chẳng thể trở

[chẳng thể] nghiêm nhiên [có thể trọn hết đạo hiếu] chẳng do suy nghĩ, chẳng phải gắng sức được!

Chúng ta đã chẳng thể sanh khởi [lòng đại hiếu] hoàn toàn giống như Nghiêu, Thuấn, [vậy thì] hãy nên nghĩ cha mẹ đã ban cho ta vật gì? [Vật ấy] vốn chẳng phải là một cái sọ rồng tuếch có mắt thấy, tai nghe, hoặc là một túi rượu, đũa cơm thối tha! Há nên sống cả đời khiến cho vật ấy bị khuất lấp, hồ đồ? Hãy nên dùng vật ấy (chân tánh, linh tánh) để phụng sự cha mẹ. Nghĩ đến đây, phải [làm sao cho Tánh Đức được] hiển lộ, toàn thân toát mồ hôi, chẳng chịu nhường chuyện bậc nhất trong thiên hạ (hiếu kính) cho người khác thực hiện! Chính mình làm được một phần, đó là trọn hết một phần hiếu để. Khi đạt đến [mức độ] hoàn toàn, do Tu Đức, phước sẽ trọn đủ, ắt lòng hiếu của vua Thuấn, vua Vũ, lòng hiếu của thừa tướng Châu Công, lòng hiếu của Tổ Vương<sup>285</sup> Khổng Tử, không gì chẳng phải là tuy khác đường mà cùng quay về một nơi vậy.

Lại nói:

- Thiên hạ chẳng phải là không có kẻ bất hiếu. Tuy có kẻ bất hiếu, nhưng nếu được gọi là hiếu thì kẻ ấy sẽ vui vẻ, gọi là bất hiếu, kẻ ấy sẽ tức giận, hổ thẹn. Hơn

---

thành bậc thánh nhân, cũng chẳng thể trọn hết lòng chí hiếu của kẻ làm con. Do đó, để tròn hết đạo hiếu, sẽ rất miễn cưỡng, rất khó khăn, nên mới nói là “*khốn miễn chi cực*”.

<sup>285</sup> Tổ Vương (素王) có nghĩa là một vị vua chân chánh, chẳng có lãnh thổ, chẳng có nhân dân, nhưng vĩnh viễn được tôn kính, giáo huấn của Ngài vĩnh viễn được tuân phụng trong lịch sử nhân loại.



nữa, trước mặt người khác sẽ chú trọng, tô điểm danh tiết, chẳng dám buông lung phóng túng như trong chốn riêng tư. Đây cũng là chỗ lương tâm không bị chìm đắm. Có trọn đủ cái lương tri ấy, sẽ là căn cội và mầm mống của lòng đại hiếu. Chỉ vì chưa thể tự hóa giải tập tâm (習心, cái tâm thuận theo tập khí) và tập khí. Vì thế, vẫn bất hiếu y như cũ. Phân tích minh bạch [điều này], cho nên cha [phải nên] biết dạy con, con [phải nên] biết tự khắc chế [tập khí phiền não của chính mình]. Ví như tấn công giặc, biết giặc ở chỗ nào thì mới hòng dẹp yên chúng nó!

Lại nói:

- Lý do khiến cho [mỗi cá nhân] huân tập thành tiểu bất hiếu có bốn điều:

1) Một là kiêu sủng, [tức là] vì cha mẹ thương yêu con quá đáng, thường thuận theo tánh khí của con. Nó bỗng dưng ương bướng, [cha mẹ] chẳng chịu nổi, thường nhường cho nó chiếm lẽ tiện nghi, để mặc cho nó buông lung vui thú! Bảo nó làm lụng hoặc phụng dưỡng, nó sẽ chẳng quen. Ở trước mặt người khác, nó nói năng phạm những sai lầm nho nhỏ, cha chẳng nổi lòng làm mất mặt con, [thế mà] con dám mạo phạm cha. Đối với phương diện văn chương, phẩm hạnh, tài nghệ, năng lực, cha khen ngợi con, chỉ sợ con chẳng hơn mình, nhưng con ắt mong cha phải thua kém mình! Tích tập thói kiêu căng, phóng túng ấy, đối trước kẻ khác, sẽ chẳng thể thi thố được, chỉ riêng đối trước cha

mẹ là giở quẻ đủ trò. Đúng là kẻ đã già đầu mà chẳng có kiến thức vậy!

2) Hai là thói quen. Do quen ăn nói thô lỗ, bộp chộp, nên dám xung đột [với người khác]. Do quen thói hành động cục mịch, dễ dãi, cho nên dám buông lung, tùy tiện. Do quen thói được cha mẹ chia sẻ những thứ ngon lành, tốt đẹp nhất từ bé, cho nên chẳng còn nhớ tới sự ngọt ngào ấy. Do quen thấy cha mẹ chống chọi bệnh tật, chịu đựng đau khổ, cho nên [con cái] chẳng còn hỏi han cha mẹ đau đớn ra sao.

3) Ba là thích buông tuồng. Thấy những kẻ ngang vai bằng lứa bèn nhiệt thành khôn ngoan, nhưng lạt lẽo đối với cha mẹ. Vào phòng riêng ngàn nỗi vui thú, gặp cha mẹ bèn lặng thinh. Thậm chí rõ ràng coi cha con, anh em như những vật thô tục, chẳng thích tiếp xúc; như vậy thì ý niệm hiếu đễ sẽ do đâu mà phát sanh cho được?

4) Bốn là quên ơn, nhớ oán. Đã quen chịu ân lâu ngày, sẽ càng quên bằng; thường oán hận lâu ngày, sẽ càng chất chứa. Tình cảm của con người là như thế đó! Vì thế, đãi người khác một bữa cơm, họ sẽ nhớ ân đức, nhưng thường [đãi đàng như thế] lâu ngày, họ sẽ dấy lòng chê bai, chán ghét. Cho một lần thì cảm ơn, thường giúp đỡ thì họ sẽ [so đo vật được cho] ít hay nhiều! Gặp mặt một lần thì thân thiết, [thường gặp gỡ] lâu ngày sẽ nghi kỵ, hiềm oán nặng nề. Huống hồ cha mẹ, anh em đã quen gặp cả đời, bèn coi tình thân ái là

chuyện cố nhiên rất tầm thường. Lại còn có khi [người thân tỏ lòng] quan tâm đến ta mà phải chuốc lấy sự bức bội. Coi những lời giáo huấn, nhắc nhở như lời lẽ rất tai! Lại còn có [những lúc người thân] khen ngợi ta mà bị ta chán ghét. Coi chuyện [người thân] che chở, giúp đỡ chẳng nài mệt nhọc, hết sức lo toan [cho ta] là chuyện bình thường. Lại còn có khi [vì người thân] xen vào chuyện của ta quá mức mà bức bội. Đối với đại ân trước mắt bèn điềm nhiên chẳng nhận biết, làm sao có thể nghĩ tới sự nhọc nhằn mang thai, nuôi dưỡng, nỗi khổ sở bông bé, bú mớm, nỗi đau đớn kinh hồn [khi sanh nở] nơi thân thể yếu đuối [của mẹ] cho được? Vì thế, nhân tình thế thái có khi hết sức điên đảo, hết sức cổ quái, mà chẳng tự nhận biết. Con cái đối với cha mẹ là như thế đó, kẻ không vì làm ân mà bị mắc oán hiềm hoi lắm thay!

Những điều như vừa kể ấy đều là thói quen thường tình của con người, nhưng họ cũng chưa hề là không có chân tánh, chỉ là vì [thói quen] tích tập lâu ngày, cho nên chẳng biết là sai lầm đó thôi! Do vậy, hãy nên gấp mau lay tỉnh, khắc phục, đối trị cho sớm, luôn luôn suy lường, đừng bảo “lòng cha mẹ nhân từ, ta có thể tự khoan dung [cho sự bất hiếu của chính mình]”, đừng nói “thói đời bạc bẽo, [dẫu ta bất hiếu] vẫn còn đỡ hơn người khác”. Tiểu bất hiếu tích lũy dần dần sẽ trở thành đại bất hiếu, chẳng đáng sợ ư?

Lại nói:

- Nguyên do huân tập thành đại bất hiếu có bốn điều.

1) Một là tài sản riêng. Hễ tiền tài lọt vào tay ta, sẽ thành cái ta có, nhưng tiền tài ở trong tay cha mẹ thì lại nói: “Ta phải có phần chứ!” Tiền tài đầy đủ bèn quên cha mẹ, tiền tài thiếu thốn bèn dòm ngó [tiền tài của] cha mẹ. Cầu mong tiền tài không được bèn oán hờn cha mẹ. Cha mẹ chẳng thể tự sống, phải ăn nhờ ở đậu ta, ta sẽ lại oán trách cha mẹ. Thậm chí có khi cha trơ trọi một thân, con là con một, nhưng vì tiền tài mà có chuyện hục hặc. [Hễ phải phụng dưỡng cha mẹ thì con cái] đứa lớn, đứa nhỏ đùn đẩy lẫn nhau. Cũng có khi bỏ mặc cha mẹ, không phụng dưỡng, chẳng biết thân [của chúng ta] là thân của ai, tài sản [của ta] là tài sản của ai! Ta chẳng đem theo một đồng nào tới [thế gian này], nhưng ăm bòng, bú mớm chẳng khuyết cho đến hiện thời là do ai làm vậy? Đến khi kiếm được tiền nhiều hơn mấy đồng bèn toan so đo, tính toán cùng cha mẹ!

2) Hai là mê luyến vợ con! Đang thân thiết với vợ con, mà cha mẹ [vừa bước vào] bèn tẻ ngắt. Có thức ăn ngon, tiền bạc, bèn toan chiều vợ nuông con. Hễ có hội hè, dịp vui, bèn dẫn vợ, bế con [đi dự], ý niệm làm vui lòng cha mẹ ngày càng nhỏ bé, chẳng nghĩ đứa con là con của ta, mà ta là con của ai? Con của cha mẹ là ta, mà ta chẳng đoái hoài, vậy thì ta cũng [trông mong] nhờ cậy con cái nổi gì? Vợ chồng hòa hảo cố nhiên là chuyện vui thú trong gia đình, nhưng lúc [chính mình] còn đang oa oa đợi bú, lúc tiêu tiêu còn chưa phân định

rõ ràng, há có biết mê luyến vợ hay không? Há vợ có thể chăm sóc cho ta được sống sót hay không? Cha mẹ thấy con đã trưởng thành, có gia đình, vui sướng khôn xiết suốt đời, [ngờ đâu] con có vợ, đâm ra [cha mẹ] bị mất luôn đứa con rồi!

3) Ba là đàn đĩm. Lửa dục hùng hực, khách [bị gái làng chơi hoặc kẻ nữ lời lả] dụ dỗ như cuồng, dẫu có người tựa cửa mong chờ, đau lòng mà chẳng biết. Lãng phí gia nghiệp, [khiến cho] vợ và mẹ chồng hực hực, có khi cãi cọ, trách móc, mà [chồng vẫn thờ ơ] chẳng quan tâm. [Vợ] ôm con chẳng ngủ, hồn mơ màng mưa gió thê lương thâu đêm. Người tóc bạc (cha mẹ) chẳng vui, sự phụng dưỡng vật chất đơn bạc nửa đời sau cũng bị chông chênh<sup>286</sup>. Than ôi! Sự mê cuồng ấy đẩy lên mấy chốc, mà nữ khiến có chuyện xảy ra như thế ấy.

4) Bốn là tranh giành, đồ kỵ. Trời đất to tát [ngần ấy], thế mà còn có kẻ bức bội [oán trời trách đất]. Cha mẹ đối với các con, há chẳng khỏi có khi tình cảm thiên vị! Do vậy, [các con] xắn tay áo tranh phần, gườm mắt

---

<sup>286</sup> Nguyên văn “*thục thủy lãnh bán sanh chi phụng*”. Chữ Thục Thủy (菽水) phát xuất từ một đoạn văn trong thiên Đàn Cung của sách Lễ Ký: “*Tử Lộ viết: Thương tai bản dã! Sanh vô dĩ vi dưỡng, tử vô dĩ vi lễ dã. Khổng Tử viết: Xuyết thực ẩm thủy, tận kỳ hoan, tư chi vị hiếu*” (Tử Lộ nói: “Đau lòng thay! Con nghèo quá nên cha mẹ còn sống thì chẳng thể phụng dưỡng. Cha mẹ đã khuất rồi chẳng có gì để cúng lễ”. Khổng Tử bảo: “Ăn đậu, uống nước, tận hết sức khiến cho cha mẹ vui lòng, đó gọi là hiếu”). Do vậy, chữ Thục Thủy thường được hiểu theo nghĩa bóng là sự phụng dưỡng trọn hết tấm lòng, dẫu đơn bạc về mặt vật chất. Ông Hoàng Bách Lâm giảng “*thục thủy lãnh bán sanh chi phụng*” phải hiểu là “*cũng vì con say mê đàn đĩm, phá nát gia nghiệp mà ngay cả cuộc sống vật chất đơn bạc trong nửa đời sau của cha mẹ cũng gặp phải nguy cơ*”.

nhìn nhau tranh giành lòng sủng ái [của cha mẹ], hoặc anh em hục hặc bất bình, hoặc chị em so đo từng chuyện nhỏ nhặt, che chắn khuyết điểm, tranh chấp sở trường, chia bè lập phái công kích kẻ không cùng phe, bêu riếu lẫn nhau khiến cho gia đạo suy vi, chất chứa [những tình tự] sân hận, ưa thích, [khiến cho] tâm tình hiếu thuận bị lộn lạo.

Bốn điều ấy cũng là thói thường tình của mọi người, sợ rằng hiếu tử cũng chẳng tránh khỏi, dần dần trở thành đại bất hiếu. Ôi! Đáng sợ thay!

Lại nói:

- Có kẻ dường như là có hiếu, mà chẳng phải là có hiếu! Cha có lỗi, [con cái] hãy nên khéo léo can gián. Cha phạm lỗi bèn lập tức che đậy. Nếu chỉ biết thuận theo cha mẹ về mặt tình cảm, chẳng biết tùy thuận cha mẹ theo phương diện lý trí, hoặc mặc tình thiên vị chiều theo, sẽ khiến cho gia đình gặp nguy cơ; hoặc để mặc cho cha mẹ phóng túng [làm bậy], sẽ chuốc lấy sự ghét bỏ của xóm giềng, hoặc do che giấu những chuyện lén lút ngấm ngầm của cha mẹ, sẽ đắc tội với trời đất. Đây là thành tựu điều ác của cha mẹ, há có phải là hiếu! Có kẻ tự bảo chính mình là hiếu, mà thật ra chẳng phải là hiếu. Có thể chăm nom, hầu hạ cha mẹ, có thể phụng dưỡng, nhưng lộ vẻ tự đắc ta là người có đức hạnh! Trong những gia đình thường dân, chỉ có một nhà, cha con sớm tối quây quần, ắt sẽ có lúc lời lẽ va chạm, phải tìm cách tiêu trừ ngay những [xung đột] ấy,

hòng khôi phục tình cảm chân thành, thân thiết. Có kẻ sĩ thông hiểu sách vở, nhưng ngại ngần vì cha già cả, bèn viện cớ muốn cho cha sống an nhàn mà an trí [cha] ở nơi khác. Hoặc là do sợ cha mẹ quá cổ hủ, bèn mượn cớ ấy để chống trái, xa lìa. Hoặc là vì thấy cha mẹ kém cỏi, bèn mượn cớ để đàn áp, đến nỗi ngày càng lợt lạt, ít nói chuyện với cha mẹ, biểu lộ thái độ lãnh đạm, tuy tôn kính, nhưng không thân thiết.

Cũng có hạng người thích rong chơi, bỏ niềm vui quây quần trong gia đình, để vầy đoàn cùng bạn bè, [đi qua] làng khác, tỉnh xa lâu năm chầy tháng, mong mỗi đạt được lợi lộc từ người khác, mượn tiếng là vì nhà nghèo [phải tìm cách] nuôi sống gia đình, thật ra là tích cóp để phụng dưỡng vợ con, há có phải là hiếu thảo! Lại có kẻ được người khác thấy là hiếu, nhưng thần thấy [kẻ ấy] chẳng phải là hiếu. [Cha mẹ] còn sống thì cũng tận hết sức phụng dưỡng, cũng quây quần bên cha mẹ, [cung phụng] vật chất đầy đủ, nhưng thiếu sót tâm lòng, trọn chẳng có niềm vui [đền đáp ân cha mẹ] thật sự. Đến khi cha mẹ tạ thế, ma chay chu đáo, khóc lóc, vật vã theo thói thường, nhưng cũng chẳng buồn rầu thật sự. Còn như kiếm cuộc đất để an táng, bèn dốc cạn sức, tốn nhiều tiền, lại là vì mưu tính phước lộc cho con cháu, chẳng phải vì mong cho cha mẹ được yên nghỉ. Mắt của chư thần thấy chuyện này rất rõ.

Lại có kẻ được khen là hiếu trong một thời, chẳng thể được đề cao ngàn đời. Dẫu có thể được truyền tụng là hiếu thảo ngàn đời, vẫn chẳng thể thỏa mãn tâm

lòng. Kẻ ấy chẳng hề phạm một lỗi nào trong những lỗi vừa kể trên đây, không một hiếu hạnh nào chẳng trọn vẹn, nhưng chưa nghe đại đạo, đối với chuyện “tu thân, trọn hết tánh” vẫn còn khuyết thiếu. Nói chung là di thể đọa lạc<sup>287</sup>, chẳng báo ân cha mẹ. Vì thế, [trau giòi] đức hạnh trở thành bậc thánh nhân thì sự hiếu thảo ấy mới được gọi là đại hiếu. Kẻ làm con hãy nên gấp phản tỉnh!

Lại nói:

- Tuổi già bị con cháu chán ghét cũng có mấy loại [nguyên do].

1) Một là lạc hậu. Áo mũ, lễ số chẳng hợp thời nghi. Hãy nên nghĩ tóc bạc da mồi, sao còn mãi được? [Những tình tự, kinh nghiệm, đức hạnh] cổ xưa rất thú vị, khiến cho kẻ khác yêu tiếc.

2) Hai là tiếc tiền tài. [Người già] thâm gom [tiền tài], nắm giữ, tính toán, cấm con cháu lạm dụng. Hãy nên nghĩ [người già] vì ai mà gian khổ? Những thứ ta ăn hoặc dùng hằng ngày là do ai để lại?

3) Ba là gầy yếu, cử động chẳng tiện, đến nỗi [con cháu] phải vất vả dìu đỡ, trông nom. Hãy nên nghĩ báo đáp ân cù lao, cha mẹ nuôi con hòng nhờ cậy tuổi già chính là vào lúc này.

---

<sup>287</sup> Ý nói: Tầm thân này do cha mẹ mà có, nên thân thể ta là do cha mẹ để lại, nên gọi là “di thể”. Ta không tu hành chân thật, nên không có khả năng hướng dẫn cha mẹ vãng sanh Cực Lạc, tức là đã phí uổng tầm thân này! Vì thế nói là “di thể đọa lạc”.



4) Bốn là lằm cằm, già suy. Nói năng chẳng rõ ràng, nặng tai, câu cú trúc trắc. Hãy nên nghĩ đến lúc chính mình mới sanh ra, chẳng biết gì, chẳng nói được, ai đã yêu thích chơi đùa với ta?

5) Năm là yêu chiều. Đối với trẻ nhỏ bên nội, bên ngoại, [cha mẹ thường] nhường cơm, nhường áo, che chở thiên vị quá đáng. Hãy nên nghĩ: Đối với tôi tớ mà ta còn phải nên có tấm lòng thông hiểu thương yêu, huống hồ đối với những người ruột thịt.

Nếu đối với những điều này mà dấy lòng chán ghét, sẽ là bất hiếu mà chẳng tự biết. Hãy nên gấp phản tỉnh.

Lại nói:

- Lại nữa, giữa những đứa con sanh trước và sanh sau, giữa con dòng đích và con dòng thứ<sup>288</sup>, nếu cha mẹ có sự thiên vị thì kẻ làm con cũng dễ sanh lòng hiềm oán. Đối với chuyện này, ta hãy nên đối xử bằng tấm lòng [chân thành], mong sao cha mẹ vui lòng mới thôi. Hàn Ngự Công (Hàn Kỳ) đời Tống đã nói: “*Cha từ, con hiếu, đó là chuyện thường tình, chẳng đáng phải bàn luận. [Chỉ riêng trường hợp] cha mẹ chẳng có lòng từ, mà con chẳng đánh mất đạo hiếu [thì mới đáng bàn định]. Đây là lý do vì sao xưa nay ca ngợi Đại Thuấn vậy*”. Nói chung, chuyện cấp bách nhất là tiêu trừ, hóa giải [sự thiên vị trong tình thương của cha

---

<sup>288</sup> Con dòng đích là do vợ cả sanh ra, con dòng thứ là con của các người thiếp (vợ lẽ).

mẹ]. Ở trong hoàn cảnh ấy, [phải tiêu trừ] cho đến khi những căn bã (chấp trước, sân hận, oán hận, hiềm khích, chướng ngại) hoàn toàn bị tiêu tan, chẳng còn một mảy tánh nóng giận nào! Hãy lưu tâm làm cho cha mẹ vui lòng bội phần cẩn thận hơn những kẻ làm con thông thường. Nếu cha mẹ là người có lòng nhân, tự nhiên sẽ chuyển thành thương yêu ta. Nếu [cha mẹ] là người không có lòng nhân, [dẫu ta] chẳng thể khiến cha mẹ cảm động, há nên mâu thuẫn với cha mẹ? Vẫn hãy chỉ nên tự mình trọn hết đạo làm con, ngõ hầu chẳng bị hãm vào phùng ngộ nghịch mà thôi! Nếu cứ một mực thấy cha mẹ sai trái, lửa giận đầy ắp trong bụng chẳng thể tiêu trừ, chẳng thể tháo gỡ, ắt sẽ có lúc chẳng đè nén được, [do vì] căn cội nhỏ nhiệm chẳng trừ, sẽ dẫn đến tức nước vỡ bờ. Tôi sợ rằng đến khi ấy, trách cha mẹ thì nhẹ, mà tội lỗi của kẻ làm con sẽ chẳng thể trốn tránh được đâu nhé!

Lại nói:

- Há chỉ là chớ nên tích lũy ý niệm và tập khí oán giận<sup>289</sup>, mà còn phải làm cho cha mẹ, anh em hành theo thiên lý, phải làm cho cha mẹ, anh em yêu thương ta, thân thiết với ta. Đây là ý tốt, nhưng cũng chớ nên quá nóng vội, dùng biện pháp quá nặng nề. Quá nặng thì họ sẽ chấp nhận, chẳng thể chuyển biến được!

Lại nói:

---

<sup>289</sup> Nguyên văn: “Khởi duy oán nộ bất khả sử hữu tức vật”. Ông Hoàng Bách Lâm giảng: “Vật” ở đây chính là ý niệm tích lũy trong tâm ta. Nói theo Phật pháp, “vật” chính là A Lại Da Thức. “Tức” là nói đến tập khí từ nhiều đời nhiều kiếp.

- Lại còn có bốn hạng cha mẹ, càng phải đối đãi hiếu thảo thiết tha hơn. Phạm tội bất hiếu với [bốn hạng cha mẹ ấy], sẽ đặc biệt nặng nề hơn đối với những loại khác. Một là già cả, hai là bệnh tật, ba là góa bụa, bốn là nghèo nàn, túng thiếu. Thuở cha mẹ trẻ trung, khỏe mạnh, ăn, nghỉ, đi, đứng vẫn có thể tự lo liệu được. Tới lúc run rẩy, quạnh quẽ, chóng gầy, dễ ngã, lạng lẽ khổ sở trong đêm lạnh, xương cứng khó thể chịu đựng. Còn nếu như bị trúng phong, bệnh tật lâu ngày, ngồi, nằm chẳng thoải mái, vương vãi những thứ bẩn thỉu, khiến chiếu, đệm đáng gớm. Con khó phụng dưỡng cha mẹ chỉ trong lúc này, mà cha mẹ cũng trông cậy con chỉ trong lúc này.

Lại như tuổi già mất người phối ngẫu, ai hỏi đến nóng lạnh, cùng nhau chung bóng, chẳng thể thốt lên những lời ấp ủ trong tâm! Bậc trượng phu thì còn được, chứ bà góa biết làm thế nào đây? Ngay như người con cháu đông đầy, đứa có đôi lứa bèn vui vầy đôi lứa, đứa có con thơ sẽ lo chăm bẵm con thơ, mỗi người ngủ ngáy o o, mỗi kẻ lo làm chuyện chính mình vui thích. Đêm dài [người già thao thức] nghe tiếng đồng hồ điểm bèn chịu không nổi, lệ trào đầm gối, biết tỏ cùng ai? [Người nào] có con cháu hiếu thuận, có thể chăm nom, phụng dưỡng thì còn có thể tạm thời gởi gắm tâm tình lạnh lẽo [vì nỗi cô tịch do góa bụa] nơi nhiệt tâm [hiếu thuận của con cháu]. Bất hạnh gặp phải con dâu hung tợn, quen thói thô tháo, vô lễ, hung tợn, nếu chồng hiếu thuận với bố mẹ ruột, cô ả sẽ ngang ngược gây trở ngại, cách tuyệt. Chỉ vì gìn giữ nửa điểm cốt nhục [thân

tình], [cha mẹ vất vả cả đời chăm chút cho con đẻ] phí công đôi lầy một đời thê lương, khổ sở!

Lại có kẻ vì chăm chút cho con mà tiền tài rỗng tuếch, do lo cưới gả mà tài cùng lực kiệt. Thuở trẻ trung, khỏe mạnh, lo toan cho con ấm áo, no cơm dư dật<sup>290</sup>, tới khi già cả, bần cùng, gãi đầu do dự, do mơ tưởng một món ăn ngon mà thêm rở dãi, nín nhịn ăn mảy ba bữa cơm [của con]! [Mẹ già] sáng đun tối nấu mà vẫn bị mắng mỏ là ăn không ngồi rồi. Dệt vải, thêu vá, ẵm cháu, vẫn bị trừ rửa cho mau chết! Những người làm cha mẹ như thế ấy, oán khí đủ để thấu trời, kẻ làm con cháu của họ càng phải nên hiếu thảo gấp bội những đứa con thông thường khác. Kẻ khuyến hóa cũng nên khẩn thiết [khuyên răn] từ chỗ này!

Trong sách Khuyên Giới Toàn Thư của ông Trần Thành Khanh có viết:

- Lại như kinh Tăng Nhất [A Hàm] đã nói, trong đời có kẻ tỳ thiếp sanh con cho chủ nhân. Họ cũng mang thân nữ như mọi người, nhưng do sanh trong nhà

---

<sup>290</sup> Nguyên văn là “*phì noãn*” (肥暖), đây vốn là một từ ngữ có ý nghĩa “cuộc sống vật chất dư dật, sung sướng”. Từ ngữ này phát xuất từ một đoạn trong sách Mạnh Tử, thiên Lương Huệ Văn Vương: “*Vi phì cam bất túc ư khẩu dĩ, khinh noãn bất túc ư thể dĩ, ức vi thái sắc bất túc thị ư mục dĩ, thanh âm bất túc thính ư nhĩ dĩ. Tiện bế bất túc sử linh ư tiên dĩ. Vương chi chư thần giai túc dĩ cung chi, nhi vương khởi vi thị tai*” (Có phải là vì miệng nhà vua chẳng ăn đủ những món ăn béo ngậy, ngon ngọt ư? Có phải là vì những thứ y phục nhẹ, ấm chẳng đủ cho thân thể ư? Có phải là mắt nhìn chẳng thỏa những thứ đẹp đẽ ư? Có phải là tai nghe chẳng đủ những thứ âm thanh [hay khéo] ư? Những kẻ bề tôi chẳng đủ cho vua sai sử ư? Các bầy tôi của nhà vua đều có thể cung cấp đầy đủ những thứ đó, vậy thì vua còn phải bận tâm đến những chuyện ấy để làm gì?)

nghèo hèn, bị rơi vào tay kẻ phú quý, những tối chia chăn sẻ gối [với chồng] thì ít, những đêm ngủ đơn côi thì nhiều. Kẻ còn may mắn, gặp bà chủ (vợ cả) là người hiền lành, hiểu biết, hoặc tánh tình lúc tốt lúc xấu thì còn có thể miễn cưỡng sống qua ngày. Nếu gặp [vợ cả] có tánh ghen tuông, hung tợn, suốt ngày chửi mắng dữ dần, lẳng nhục đủ mọi cách. Hễ thốt một lời biện bác, ắt bị chửi là quá phận, vô lễ. Kẻ khổ [với chồng] nửa câu, [vợ cả] bèn căm hận [rửa xả vợ lẽ] “xúi giục bên gối”. Lại gặp phải con dâu bất hiếu, con trai, con gái bất hiếu, chẳng nghĩ đến chuyện bố chồng thương tiếc, cứ một mực xúc xiểm với mẹ đích của chồng, lũ tôi tớ lại phụ họa theo, sóng gió nổi nơi đất bằng, sấm sét giáng xuống từ trời xanh!

Lại bất hạnh gặp phải chủ nhân bạc tình, chẳng biết đến ấm lạnh, chẳng thương xót lúc ốm đau. Trong khuê phòng, lệ đầm áo xanh<sup>291</sup>, ở ngoài cửa, [chồng] hò reo, nhậu nhẹt thỏa thích! Thậm chí có kẻ nuông chiều mê mệt người yêu mới, chán ghét tình cũ. Tự thương mình mạng bạc, mấy phen tìm cái chết, thật đáng đau xót! Ngẫu nhiên có thai, phải che giấu nhiều cách. Chẳng che giấu được, sẽ chịu đủ mọi nổi ê chề, phần uất. Ngồi trên cỏ mà sanh nở, lấy ai chăm sóc? Nếu may mắn có con, sẽ bị [vợ cả] ghen ghét, chẳng dung, [người thiếp] phải càng thêm dè dặt. Hở ra [sẽ bị nhiếc móc] là “cậy có con rồi buông tuồng”! Hễ con mắc bệnh, khoét thịt trị vết thương, cam chịu đói rét! Kinh

---

<sup>291</sup> Thuở xưa, đây là những nhà quyền quý mặc áo màu chàm.

dạy: “*Mười tháng hoài thai mẹ vất vả, ba năm bông ẵm lòng mẹ ân cần*”. Nếu bản thân là tỳ thiếp, sẽ phải siêng khổ gấp bội bình thường! Đến khi con trưởng thành, được có vợ con, được hưởng ruộng đất, nhà cửa, hoàn toàn chẳng nghĩ những thứ được hưởng thụ trong hiện thời đều là do mẹ ta khô máu, mòn xương, cạn lệ, đứt ruột mà ra. Nói nghĩ đến đây, chẳng thể không cay mũi! Kẻo làm con hãy nên thường nghĩ đến điều này, phát phần lập chí, thề mong sẽ có ngày rang mảy nở mặt [mẹ ruột], hồng đèn đáp muôn ngàn nỗi đắng cay, khổ sở. Hãy thường xuyên phụng dưỡng. Hãy nên nghĩ mẹ vất vả, khổ sở, [mạng sống leo lét] như ngọn đuốc trước gió đáng lo để sớm bề phụng dưỡng. Nếu chẳng tận tâm kiệt lực, sẽ càng là đại nghịch bất đạo hơn những đứa con bất hiếu thông thường, chắc chắn sẽ nhanh chóng bị trời diệt!

Hiếu đạo há trọn hết được, quý ở chỗ kịp thời! Đừng để cho tháng ngày [cha mẹ còn sống với ta] ngắn dần, để rồi hối hận tâm ta chưa trọn hết. Đừng dốc sức lo cho con cái [của chính mình] ngày càng nhiều, [để rồi lơ là cha mẹ], khiến cho cha mẹ ta thương tâm mất rồi! Cha mẹ đợi cho đến khi con có thể phụng dưỡng, nói chung là đã năm, sáu chục tuổi, ví như cầm cây đuốc ngắn mà đi đường dài, bươn bả đến quán trọ sợ còn chẳng kịp, há dám nhờ như trên đường ư? Kẻo làm con ôm vợ ẵm con, ăn no, ngủ kỹ, nào có biết người già trong nhà tóc bạc, mắt mờ lại bị mất đi một ngày? Vợ con hãy còn ít tuổi, ngày tháng hưởng dụng hãy còn dài, mà cha mẹ sanh ta bóng dâu sắp xế, dòng sông

[thời gian] trôi mãi chẳng ngừng! Vạn nhất sây chân, khó báo đáp chừng bằng mảy bụi, giọt nước! Lên trời, xuống đất, chẳng tìm được lối! Than thở sông nổi bi hoài “cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng”, đôi trước gà lợn [dâng cúng vong linh cha mẹ] tuôn trào nước mắt, chẳng phải là di hận suốt đời ư? Vì thế, hằng ngày hãy nghĩ cha mẹ ân sâu khôn sánh, ta chẳng thể thường có cha mẹ, ắt hiếu tâm sẽ tự nhiên dậy khởi. Xưa kia, đã có người truy điệu [cha mẹ] đã khuất như sau: “*Huyền huyền bất hiếu khu, thốn thốn từ thân huyết. Ô điều chánh đa tình, bách niên không lệ kiệt*” (Tám thân bất hiếu đẹp xinh, mỗi tác đều do máu mẹ thành, chẳng thể báo đền như chim quạ, trăm năm khô cạn lệ sông thôi). Lời ấy bi thương thay! May mắn là còn chưa đến nông nổi ấy, hãy nên mau hiếu dưỡng!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) đã nói:

- Ta thờ cha mẹ chẳng có gì hơn người khác, chỉ có thể chẳng khinh dối mà thôi. Thờ vua cũng thế! Có bốn điều đại cương về lòng hiếu: Lập đức, kế thừa gia nghiệp, giữ gìn thân thể, dưỡng chí. Trong những điều ấy, sẽ có điều chẳng trọn hết, cho nên [thành ra] mỗi người một khác. Điều cốt yếu là tùy phần, tùy sức, trọn hết những điều đáng nên trọn hết. Thật sự có một niềm chí thành, thực hiện những điều ấy suốt cả một đời cho đến khi nhắm mắt, chẳng có mảy may nuối tiếc thì cũng gần như đã trọn hết lòng hiếu vậy!

La Thị nói:

- Hiếu tử thờ song thân, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta sanh lòng lãnh đạm, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta sanh tâm phiến nảo, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta có tâm kinh hãi, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta sanh lòng sầu muộn, chẳng thể khiến cho cha mẹ có nỗi niềm khó nói, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta có tâm xấu hổ, ân hận.

Vu Thiết Tiều nói:

- Kẻ làm con phải hoàn toàn thấu hiểu tấm lòng kỳ vọng của cha mẹ đối với con. Tuy danh lợi trong thế gian, không phải là ai cũng ắt đều đạt được, nhưng kẻ đọc sách khắc khổ dùi mài, kẻ theo nghề nông bèn nỗ lực làm lụng vất vả, kẻ buôn bán, tận tâm kinh doanh, chuyên chở, hòng tấm thân có thể đạt tới địa vị sang giàu, khiến cho trong lòng cha mẹ thường nghĩ như mình là người được phong tặng, là người giàu có. Đây cũng là bí quyết để dưỡng chí. Kẻ làm con mà khiến cho cha mẹ chẳng mong mỗi điều gì, đau lòng lắm thay!

Ôn Tiết Hiếu<sup>292</sup> nói:

- Trong nhà có người bạc đầu chính là phước của con cháu. Một là liên lạc với những bậc cổ cự, hai là

---

<sup>292</sup> Ôn Tiết Hiếu tên thật là Ôn Hoàng, tên tự là Tiết Hiếu, người tỉnh Chiết Giang, đỗ Tiến Sĩ vào đời Sùng Trinh nhà Minh. Ông có biên soạn bộ Ôn Thị Mẫu Huấn (lời giáo huấn của mẹ trong nhà họ Ôn). Khi quân Mãn Thanh diệt nhà Minh, ông đã tự sát.



được xóm làng tin phục, ba là con cháu vâng theo mạng lệnh, tôi tớ tuân theo quy củ, bốn là nói kể chuyện cũ của tổ tiên, làm bậc tiền bối gương mẫu trong quận, ấp, năm là hòa giải thói mạnh bạo, nóng nảy của bọn trẻ tuổi, sáu là chăm chút những điều chi ly.

Trong bài Khuyên Hiếu Thiên của Vương Trung Thư có đoạn:

- Đòi có kẻ bất hiếu, sống uống kiếp phù sanh, chẳng nghĩ ơn cha mẹ, sống nào khác cây khô? Khi thân chưa thành người, mười tháng trong bụng mẹ, khát bèn uống huyết mẹ, đói bèn ăn thịt mẹ. Khi thân con sắp sanh, thân mẹ như bị chém, cha vì mẹ đau xót, vợ khóc trước mặt chồng, chỉ sợ khi sanh nở, sẽ thành quuyến thuộc quý. Đến khi thấy mặt con, mừng một mạng hầy còn. Do tấm lòng từ mẫu, ngày đêm siêng chăm bẵm. Mẹ nằm đệm, chiếu ướt, con ngủ mền đệm khô. Con đang ngủ yên ổn, mẹ chẳng dám đuổi người. Thân vui trong xú ướ, chẳng rảnh nghĩ tấm gọi. Trâm lệch, mũi đội ngược, hình dung chẳng đoái hoài. Đi lại sợ sụp hố, giở chân sợ té lăn. Bú mớm suốt ba năm, máu, mồ hôi mấy hộc? Vất vả muôn ngàn nỗi! Con vừa tuổi choai choai, tánh tình dần cứng cỏi, hành tung khó câu thúc. Theo bạn bè rong chơi, mặc sức thỏa tửu sắc! Sáng tôi chẳng về nhà, mẹ tựa cửa ngóng trông, từ hoàng hôn tới sáng. Con đi ngàn dặm đường, lòng mẹ ruỗi ngàn dặm. Con cưới được vợ đẹp, tình cá nước hòa hợp, thấy mặt mẹ như đất, thấy mặt vợ như ngọc! Nếu mẹ trách một lời, nén giận, mắt đỏ lửa! Nếu vợ chửi

mọi cách, cười mơn, chẳng thấy nhục. Mẹ mặc áo xống cũ, vợ khoác lụa là mới, chẳng ngại người ghét hiêm, chẳng hiểu người then ghét. Nếu cha mẹ góa bụa, lẻ loi trong đêm trường. Khỏe thì cho bữa cơm, bệnh thì cho bữa cháo, bỏ lửng trong phòng trống, giống như khách ở trọ! Sắp thành quý suối vàng, mạng như đuốc trước gió, nhanh chóng sắp vô thường, cô hồn vùi hang núi, hồn linh chốn suối vàng. Ai nghĩ đang thọ khổ?<sup>293</sup> Cha mẹ vừa nằm xuống, anh em chia của cải, chẳng nghĩ ân mẹ cha, chỉ nhủ ta có phước! Phải bảo hạng người ấy, chẳng bằng loài cầm thú! Quạ hiên mớm ngược lại, dê núi còn khụy chân<sup>294</sup>. Khuyên người là phận con, kinh sách siêng tụng đọc. Hoàng Hương<sup>295</sup> hè quạt chiếu, đông bèn giữ ấm chăn, Vương Tường nằm băng lạnh, Mạnh Tông<sup>296</sup> khóc trúc khô. Quách Cự<sup>297</sup> còn chôn

---

<sup>293</sup> Nguyên văn “*thùy niệm ưng trất cốc*” (ai nghĩ đến người đang hứng chịu công xiềng). Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Ý nói đứa con vô tâm chẳng nghĩ đến cha mẹ còn sống, phải ăn nhờ ở đậu con, giống như tù nhân đang chịu đựng mọi nỗi tù túng, hạn chế.

<sup>294</sup> Đây là những tấm gương hiếu thảo được kể trong quyển Vật Do Như Thử, quạ biết mớm mồi cho cha mẹ già, dê khụy chân đỡ cho mẹ khỏi lăn xuống vực.

<sup>295</sup> Hoàng Hương là người xứ An Lục, Giang Hạ, sống vào thời Đông Hán. Ông hết sức hiếu thuận, mồ côi mẹ khi mới vừa chín tuổi. Vào tiết Hè, ông thường quạt cho chiếu mát lạnh để cha nằm ngủ thoải mái. Mùa Đông khi cha sắp ngủ, ông ủ ấm chăn cho cha khỏi bị lạnh. Ông thông thạo kinh điển, có tài văn chương, làm quan đến chức Thượng Thư Lệnh.

<sup>296</sup> Mạnh Tông là người xứ Giang Hạ ở Đông Ngô thời Tam Quốc, thờ mẹ hết sức hiếu thảo. Mẹ thích ăn măng, nhưng gặp tiết Đông không có măng. Mạnh Tông bèn vào rừng trúc buồn khóc, hết sức thương tâm van nài trúc hãy cho măng. Trúc bỗng nảy một giò măng to để ông cắt về nấu canh cho mẹ ăn.

<sup>297</sup> Quách Cự là người xứ Lũng Lự thuộc Hà Nội thời Tây Hán. Nhà ông rất nghèo, thờ mẹ hết sức hiếu thuận. Khi ông dâng thức ăn lên mẹ, mẹ thường chia bớt cho cháu nội, tức là con của Quách Cự ăn. Do nhà nghèo, thức ăn thiếu thốn, ông sợ mẹ cứ nhin cho cháu ăn sẽ bị đói, bèn bàn với vợ: “Vợ chồng ta còn có thể có đứa con khác, chứ mẹ mất rồi sẽ chẳng thể có lại được”. Tính đem con chôn đi. Khi đào đất, ông đào được hũ vàng, trên vàng có đề chữ “*trời ban cho Quách Cự*”.

con, Đinh Lan<sup>298</sup> từng khắc gỗ. Có sao người thuở nay, chẳng học theo thói cổ, chớ mang đầu bất hiếu, sống uổng trong nhà người! Chớ dùng thân bất hiếu, mặc uổng y phục người. Chớ dùng mồm bất hiếu, ăn uổng cả ngũ cốc! Đất trời tuy rộng lớn, chẳng dung phùng ngõ nghịch, hãy sớm hối lỗi trước, đừng chờ trời tru lục!

Bài Thân Ân Ca (bài ca về ân cha mẹ) của Đường tiên sinh như sau:

- Nay ta chưa nói, lệ đã ướt đầm trước. Ân cha mẹ dưỡng dục khó thể báo đền! Đúng là đứt ruột khó thể thốt lời. Lòng đau như xé, thừa cùng mọi người. Mẹ mang thai chịu đựng đập vùi, đủ mọi nỗi ma chướng khó thể chịu nổi! Đừng nói là sanh nở chẳng có tốt hay xấu, sống chết trong khoảnh khắc, chẳng biết làm thế nào? Bụng nay đau nhói lòng hoảng hốt, gọi người cời bót y phục cho. Ngàn sông vạn chết nhiều khôn xiết, chỉ cậy trời thần che chở cho! Sanh con máu đầm, tâm hồi hộp. Hàm răng cắn chặt, mắt trợn ngược. Cho đến khi đã cắt nhau xong, lại phải ba hôm mới tỉnh người. Phân tiểu thường xuyên vấy khắp mình, tanh tưởi hôi dơ khó thể ngửi, lòng mẹ chẳng chút nào chán ghét, rửa giặt lấm phen thật nhọc nhằn. Nghe con thơ khóc một tiếng bèn xoay mình giơ tay bồng. Nghĩ ra khi con mới nửa năm hoặc tròn một tuổi, có bao giờ mẹ được ngủ

---

<sup>298</sup> Đinh Lan là người Hà Nội (ở phía Bắc Hoàng Hà), sống vào thời Đông Hán, mồ côi cha mẹ từ bé. Ông hết sức tưởng nhớ cha mẹ, bèn dùng gỗ khắc tượng cha mẹ, thờ phụng trên bàn thờ. Hằng đi đâu bèn vái chào xin phép đi. Lúc về bèn thưa bẩm “con đã về”, hỏi thăm cha mẹ có khỏe hay không.

tròn giắc? Ngày tháng Chạp tuyết rơi dày đặc, kẻ đầu áp má ôm con ngủ. Chỉ vì sữa để cho con bú, suốt đêm phanh ngực lộ ra ngoài. Nghe nói trẻ con sẽ lên đậu, mẹ lập tức sợ vàng cả mắt. Một khi con vừa chớm lên đậu, mẹ suốt ngày chẳng màng đến cơm nước. Dập đầu lễ bái, thắp hương, suýt soa khăn vái Đậu nương nương. Nếu có thể kêu van động lòng Đậu nương nương, nào ngại lũng đầu, chảy não ra! May sao con đã tròn hai tuổi, có thể bám vào bàn ghế để tự đi. Chỉ lo con té, sung đầu mặt, bụng đầy một niềm lo ngay ngáy. Sanh phải đưa con tánh ngang ngược, mặc tình làm theo ý nó thích, thế mà cha mẹ quá yêu chiều, vẫn nói “con ta ngoan thế đấy!” Con nay tóc đã chám ngang vai, chớp mắt là con đã trưởng thành. [Lòng cha mẹ] hết sức đau xót không buông bỏ được, [vì] con chẳng thể thương [lân quản] dưới gối. Tuy kiếm được một chút ruộng vườn, [cha mẹ] phải hứng chịu muôn ngàn vất vả, chẳng phải vì con trai thì cũng vì con gái, chính mình ăn xài được mấy đồng? Cha nhìn mẹ, mẹ nhìn cha, vì sao suốt ngày má hóp, mặt vàng vọt? Chỉ vì con cái sắp kết hôn. Cau mày nhìn nhau trong một phòng. Từng ly từng tý đều là ân đức, ai có thể miêu tả đúng được nửa mảy? Giả sử bài thơ Liễu Nga có thể miêu tả được, thì cũng chỉ là phảng phất sáu bảy phần!

Bài Hiếu Thuận Ca như sau:

- Khi mẹ mang thai mười tháng, bước chân cao thấp đều sợ tổn thương con. Con hãy nên suốt đời ghi nhớ ý ấy. Giữ thân chánh đáng, tôn trọng cha mẹ,

chẳng thiếu sót hai điều ấy. Chữa trị cho con khi nó bị sốt hay cảm lạnh, hận chẳng thể moi móc tim, phổi, gan! Nếu cha mẹ có điều phiền não, hãy nên tìm đủ mọi cách khiến cho cha mẹ vui lòng. [Cha mẹ] giận đến mức quỷ thần đều bị dọa sợ, vừa thấy con thơ mặt liền tươi cười. Kẻ làm con cũng phải nên thương giống như vậy. Đối với cha mẹ đừng mang một mảy râu hân nào! Âm con dạy nói, bắt chước kiểu nói của con, con cười hay mắng cha mẹ đều khoan khoái. Mai sau ở trước cha mẹ nghe giáo huấn, dầu bị đánh đập chẳng rên siết. Cha mẹ và con đừng sống tách riêng. Hãy xem thử xem quan chức xét án, giám định cha con bằng cách trích máu, cho nên chẳng đành sống khác nơi. Lúc con vừa cất tiếng khóc lọt lòng, anh em vốn là cùng một cội. Trời sanh cành lá hãy chóng đỡ nhau. Nếu nghĩ đến chuyện chia cắt gia đình, đó chính là đã chối bỏ ơn cha mẹ vậy. Phú quý, bần cùng là do chính bản thân ta [đã tạo nghiệp trong quá khứ], làm vương hầu hay làm kẻ tôi đòi, đều do cái nhân khác nhau. Khuyên chàng nghèo túng đừng trách hận song thân. Phú quý đừng quên người sanh ra mình. Thường chuyển tình cảm vợ chồng thấm thiết vào hiếu đạo. Khuyên chàng hãy hiểu rõ song thân là duy nhất. Chồng chết, vợ mất đều tái hôn được, cha mẹ mất rồi, há tái sanh? Cha mẹ vốn giống như cây cối, sao khỏi trút lá trước gió thu? Khuyên chàng khi [cha mẹ] còn sống, hãy tận lực phụng dưỡng, cha mẹ mất rồi khóc lóc cũng như không! Kẻ làm con mang tám thân bảy thức sống trên đời, suốt đời khó báo đền ơn song thân. Khuyên chàng

hãy siêng năng vào dịp tang tế, thường đến bên đầu núi tảo mộ.

Kim Thiều Tung nói:

- Xét ra, chuyện tang lễ cho tới nay đã suy đồi cùng cực! Chuyện gì cũng đều chẳng được như thuở xưa! Chuyện cưới gả trong vòng bảy thất càng chẳng hợp lẽ thường! Bậc quân tử thời cổ cư tang, ăn chẳng thấy ngon, nghe nhạc chẳng vui, chỗ ở [dầu tốt đẹp nhất vẫn cảm thấy] không yên, [cư tang suốt] ba năm mà còn như vậy. Nay những kẻ nhẫn tâm, trái nghịch lý lại ngược ngạo toan tính cưới gả trong vòng bảy thất, bỏ năm rơm gói đất để dùng đệm cỏ<sup>299</sup>, thay áo tang<sup>300</sup> để khoác gấm thêu. Gạt bỏ niềm tang tóc cha mẹ để mưu tính sự vui vợ chồng, có hợp lẽ hay chẳng? Có an tâm được chẳng? Đứa con làm như thế đáng gọi là kẻ đại bất hiếu. Cha mẹ dạy con làm như thế chính là dạy con đại bất hiếu. Hơn nữa, trong lúc đang có chuyện hung mà cử hành chuyện cát, cả vợ lẫn chồng đều bất tường. Chẳng biết do kẻ nào đầu tiên, đến nay đã thành

---

<sup>299</sup> Nguyên văn “*xả thiêm khối nhi quán điệm*”. Thiêm (苫) là cái chiếu bện bằng rơm hoặc ổ rơm, Khối (塊) tức là Thổ Khối, nghĩa là dùng đất nắn thành cái gói hoặc gói dầu lên cục đất, biểu thị ngủ không yên giấc vì tưởng nhớ cha mẹ. Quán điệm (筵簾) là cái đệm bện bằng cỏ bò, tương đối nằm thoải mái hơn chiếu bện bằng rơm. Cả câu này hàm ý người hiện thời dầu cư tang vẫn chọn cách thức ăn ngủ an nhàn, thoải mái.

<sup>300</sup> Nguyên văn là “*trảm thôi*” (斬衰) là một loại áo tang may bằng vải xô (vải mỏng), hoặc vải gai, không may mép và vắt gấu, để các mép vải lờm xờm. Theo cổ lễ, con trai và con gái chưa chồng, con dâu, cháu nội, vợ để tang cho chồng đều phải mặc tang phục theo lối Trảm Thôi. Thời Tiên Tần, các chư hầu để tang thiên tử cũng như các quan để tang vua đều mặc theo lối Trảm Thôi.

thói quen, trở thành phong tục mất rồi! Thậm chí nhà thi lễ cũng có kẻ làm như thế, quả thật là tội nhân đối với Châu Công, Không Tử vậy! Hãy nên thống thiết dứt trừ!

Trầm Long Giang nói:

- Kẻ làm con thờ cha mẹ, không gì lớn bằng chuyện lo hậu sự. Nếu đối với chuyện này mà chẳng trọn hết tấm lòng thì còn có chuyện gì để có thể trọn hết tấm lòng nữa đây? Hiềm rằng anh em đông đảo, đùn đẩy lẫn nhau; do vậy, qua quýt cho xong chuyện, đến nỗi ôm hận về sau. Tôi trộm cho rằng, nếu kẻ làm con trưởng mà có thể tự một mình lo liệu, hãy nên coi đó là trách nhiệm của chính mình, chẳng cần phải sai phái những đứa con khác. Trong số các con, nếu ai có sức lo liệu, cũng nên coi đó là nhiệm vụ chính mình, chẳng cần phải khăng khăng làm phiền con trưởng. Ai nấy tận tâm, tranh nhau dốc sức trước hết thì mới đúng phận làm con. Nếu có cái tâm trông mong người khác góp sức một phần, tức là trong cái tâm của chính mình đã có một phần chẳng thể tận tâm vậy!

Thời cổ, tang ma chú trọng đau buồn, người thời nay chẳng buồn! Thời cổ, tế lễ chủ yếu là cung kính, người thời nay bất kính. Cả hai đều là phi lễ, mà thất lễ trong tang ma lại càng quá đáng! Vì thế, đối với chuyện này, phải hết sức chú ý.

Ông Châu Tại Am nói:

- [Thời cổ], đại phu thì [quản quan tài] ba tháng, sĩ phu thì hơn một tháng. Vì thế, chưa chôn cất thì chẳng biến đổi y phục, thay đổi thức ăn, [nhằm biểu thị] lòng đau buồn vì cha mẹ chưa an nghỉ. Người thời nay bị mê hoặc bởi thuyết Phong Thủy, tham cầu cuộc đất tốt, nên cứ kéo dài lâu ngày [không an táng]. [Có kẻ] đã chôn rồi, lại do có lăm nổi nghi ngại [chôn nhằm cuộc đất xấu], bèn lăm phen đào lên, chẳng nghĩ đến ý nghĩa chọn cuộc đất tốt của cổ nhân chỉ là vì con hiếu cháu thảo tôn trọng di thể [của ông bà, cha mẹ], chẳng để cho [di thể ấy] bị gió và nước xâm phạm, chẳng bị trùng kiến đục khoét, chẳng bị cày bừa chạm đến, ngày sau [chỗ mộ phần ấy] không trở thành đường sá, không trở thành thành quách, ngòi, ao, như thế là được rồi. Há có phải là dùng hài cốt của cha mẹ để làm công cụ tạo phước lợi cho con cháu ư? Vì thế, chẳng cần phải tham cầu Phong Thủy! Lại có kẻ lăm lạc vì cái thuyết phân phòng<sup>301</sup>, [khiến cho] anh em bàn bạc nhiều lẽ, lăm khân suốt năm. Đã chọn năm, tháng, ngày, giờ, lại ngờ núi<sup>302</sup>, nước bị lệch hướng. Tức là cha mẹ sanh nhiều hơn một đứa con, đâm ra sẽ tăng thêm một ngày hài cốt bị phơi bày vậy! Há có biết họa phước của con người, ai có nhân duyên nấy, liên quan gì đến núi, nước? Tức là chẳng cần phải chấp nhặt chuyện Phân Phòng! Nếu

---

<sup>301</sup> Phân Phòng (分房) là một thuyết của môn Địa Lý (chọn huyết chôn cất) cho rằng tùy theo cuộc đất mà con cái sẽ bị ảnh hưởng khác nhau. Chẳng hạn cha mẹ có nhiều con thì chôn ở cuộc đất này sẽ khiến cho con trưởng được hưng vượng, nhưng người con thứ hai suy bại v.v...

<sup>302</sup> Núi ở đây là thuật ngữ được dùng trong Phong Thủy để chỉ các gò, đống, hoặc khối đất nhô cao hơn mặt đất ở nơi chọn lựa để an táng, không phải là núi non.



cứ mê muội chấp trước chẳng tỉnh ngộ, hễ gặp phải lợi danh dấn dấp, sẽ lần khần [quần linh cữu của cha mẹ] nơi quê người, năm này qua năm kia, chẳng mong chi [người đã khuất] sẽ được an táng! Hoặc gặp phải lụt lội, hỏa tai, lại có nỗi lo lửa thiêu, nước trôi! Kẽ làm con há có thể an tâm ư? Lại có chuyện quần xác chờ ngày tốt, muôn phần chớ nên để lâu ngày! Hễ để lâu, sẽ bị nước mưa thấm ướt, khí nóng nung nấu phía dưới, chưa an táng mà gỗ đã mục nát. Người nhân từ, con hiếu thảo, hãy nên thiết tha suy nghĩ!

Người có hiếu thời cổ như Tăng Tử (Tăng Sâm) hễ đọc thấy điều gì liên quan đến lễ, vạt áo ướt đầm [nước mắt], Mẫn Tử (Mẫn Tử Khiên) bằng một lời an lòng mẹ, Lão Lai<sup>303</sup> mặc áo màu sắc sỡ, giốn hót làm vui lòng mẹ, Hoa Bảo<sup>304</sup> không [làm lễ] đội mũ, đau đớn khóc thương cha, Bá Du<sup>305</sup> bị gậy đập bèn khóc thảm, Vương Bào<sup>306</sup> vịn cây bách khóc ai oán, Quách

---

<sup>303</sup> Lão Lai (老萊) là một nho sĩ ẩn cư của nước Sở sống vào cuối thời Xuân Thu, hết sức hiếu thuận. Tuổi đã bảy mươi vẫn mặc áo màu mè sắc sỡ, cười nói như đứa trẻ khiến cho cha mẹ bật cười.

<sup>304</sup> Hoa Bảo là người xứ Vô Tích, sống vào thời nhà Tề của Nam Bắc Triều. Cha ông là Hoa Hào có trách nhiệm bảo vệ Trường An trong niên hiệu Nghĩa Hy của Tấn An Đế nhà Đông Tấn. Khi ấy, Hoa Bảo mới lên tám, cha ra đi, bảo Hoa Bảo: “Khi ta về sẽ làm lễ đội mũ cho con”. Về sau, Trường An bị vây hãm, Hoa Hào chết trận. Hoa Bảo đến tuổi bảy mươi vẫn không kết hôn, không làm lễ đội mũ. Hễ có người hỏi đến nguyên do, ông khóc lóc rất thương tâm.

<sup>305</sup> Hàn Bá Du là người sống vào thời Tây Hán cũng rất hiếu thuận. Có một lần mẹ dùng gậy đập ông, ông khóc âm lên. Mẹ hỏi: “Trước kia ta đánh ngươi, ngươi đều không khóc, vì sao nay ngươi lại khóc?” Hàn Bá Du thưa: “Trước kia, con cảm thấy rất đau, biết là thân thể mẹ hãy còn khỏe mạnh. Nay con bị mẹ đánh mà cảm thấy không đau, cho thấy thân thể mẹ đã yếu, cho nên con đau lòng khóc lóc”.

<sup>306</sup> Vương Bào là người Doanh Lăng, tỉnh Sơn Đông, sống vào thời Tây Tấn. Ông học rộng, rất tài hoa. Do cha ông bị Tư Mã Chiêu làm hại, ông suốt đời chẳng ngồi

Bình ra sức làm thuê [để có tiền] chôn cất cha mẹ, Giang Cách làm mướn để nuôi mẹ. Ai nấy trọn đủ lòng chí tánh, chí tình, tạo khuôn mẫu lỗi lạc cho trăm đời, nay lại nêu tạm lược vài chuyện hòng bảo ban người đời để cùng xem biết.

Hóa Thư<sup>307</sup> nói:

- Văn Xương Đế Quân giáng sanh tại Ngô Hội vào đầu thời Châu, thờ cha mẹ chí hiếu. Mẹ tuổi đã sáu mươi, mọc mụn nhọt lở loét ở lưng. Đế Quân bèn hút vết loét suốt ba ngày, [máu mủ] đầy miệng. Nhổ ra xem, thấy có màng như vải, mủ trắng như gạo, đây chính là nguyên do gây nên vết loét vậy. Mẹ bèn được yên, nhưng do bệnh tật lâu ngày, mẹ bị gầy mòn. Thầy thuốc nói: “Đối với căn bệnh đã lâu này, hãy dùng thịt người để bổ người, dùng chân khí bồi bổ chân khí thì mới mong bình phục được”. Đế Quân ban đêm bèn khoét thịt nơi bắp đùi, nấu lên dâng mẹ. Bỗng nghe trong không trung có tiếng nói: “Do người thuần hiếu, thượng thiên cho mẹ người thọ thêm mười hai năm

---

ở phía Tây, biểu thị chẳng thần phục nhà Tấn. Ông ẩn cư, dạy học; hễ đọc đến câu “*ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao*” (thương thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn) bèn khóc lóc. Quanh mộ song thân của ông có mấy cây bách, mỗi lần đến viếng mộ, ông đều vịn cây bách khóc lóc bi thương. Lệ thấm vào lá khiến lá bách bị héo úa.

<sup>307</sup> Hóa Thư (化書) chính là bộ sách Tử Đồng Đế Quân Hóa Thư, không rõ tác giả, xuất hiện vào thời Nguyên, chép về truyện ký của Văn Xương Đế Quân. Vào năm Diên Hựu thứ ba đời Nguyên Nhân Tông, nhà vua đã sắc phong Đế Quân danh hiệu Tử Đồng Thần Hiệu Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Vương Tư Lộc Hoàng Nhân Đế Quân. Theo sách ấy, Đế Quân đã nhiều lần giáng sanh trong nhân gian, như vào đầu đời Châu, Ngài thị hiện làm quan chữa bệnh tên là Trương Thiện Huân. Thời Châu Tuyên Vương lại giáng sanh làm quan đại phu Trương Trung Từ, đầu đời Hán lại giáng sanh làm Hán Vương Như Ý v.v...

nữa”. Quả nhiên mẹ lành bệnh. Khi Đế Quân ba mươi sáu tuổi, cha mẹ mất, tự dốc hết tiền của đã dành dụm từ trước để lo liệu tang ma, ngủ bên cạnh mộ. Rốt cuộc, ba năm sau, lũ lụt bộc phát, Đế Quân trai giới canh mộ, ngày đêm tụng kinh Đại Động<sup>308</sup> chẳng thiếu sót, và nghiêm cẩn thờ tượng Nguyên Thủy [Thiên Tôn], cầu thoát khỏi lũ lụt. Tới khi nước rút, thấy khe hang trước mộ đã biến thành gò cao, rộng khoảng một dặm. Từ đây, những cây tùng [trồng quanh mộ] vĩnh viễn không bị lụt lội nữa. Sau khi mất, Thượng Đế sai [Đế Quân] cai quản Quân Sơn. Về sau, [Đế Quân] lại sanh trong nhà họ Trương, phụng sự Châu Tuyên Vương, kết bạn với Doãn Cát Phủ, [tình bạn ấy được] kinh Thi gọi là “*Trương Trọng hiếu hữu*”. Nay kẻ sĩ hằng ngày thờ phụng Văn Xương, chẳng biết Đế Quân sở dĩ đạt thành chánh quả toàn là do lòng hiếu hữu! Vì thế, sao lục [sự tích của Ngài đầu tiên] để dạy bậc quân tử đọc sách.

Đời Tống, cha mẹ của Triệu Cư Tiên tuổi đã ngoài chín mươi. Tánh tình [Cư Tiên] rất nghiêm túc, cẩn trọng. Vợ chồng Cư Tiên phụng dưỡng [song thân] siêng năng, cẩn trọng, dốc lòng hiếu hạnh. Hằng ngày thấp nhang cầu xin cha mẹ khỏe mạnh, tìm đủ mọi cách khiến cho cha mẹ vui vẻ trong lúc xế bóng mới thôi! Thượng Đế thấy tâm ý ông chuyên nhất, thưởng cho

---

<sup>308</sup> Kinh Đại Động là một bộ kinh của Đạo Giáo, có tên gọi đầy đủ là Thượng Thanh Đại Động Chân Kinh Tam Thập Cửu Chương. Đây là kinh điển chủ yếu của phái Thượng Thanh trong Đạo Giáo, được tôn là kinh đứng đầu trong các kinh thuộc hệ thống Thượng Thanh.

ông bảy con trai, ba rể đều đỗ đạt cao. Vợ chồng Cur Tiên đều chứng quả thành tiên.

Dương Phủ ở Thái Hòa<sup>309</sup>, từ biệt mẹ vào đất Thục (Tứ Xuyên) để đến bái phỏng Vô Tế Đại Sĩ<sup>310</sup>. Trên đường đi, gặp một vị lão Tăng, hỏi [Dương Phủ] đi đâu, thưa: “Con đến bái phỏng ngài Vô Tế”. Vị Tăng bảo: “Chẳng bằng thấy Phật”. Thưa: “Ở đâu ạ?” Vị Tăng bảo: “Người hãy quay về, thấy ai mang dép ngược, mặc áo màu như thế đó, vị ấy chính là Phật”. Ông bèn quay về. Đêm khuya gõ cửa, mẹ mừng rỡ khoác áo, đi ngược dép ra cửa, đây chính là hình dạng đức Phật như vị Tăng đã nói. Dương Phủ kinh ngạc, ngộ ra! Từ đó, dốc cạn sức kính mẹ, chú giải Hiếu Kinh đến mấy vạn chữ, hề nghiên mực sắp cạn, nước mực bỗng tràn đầy, ai cũng nói là do lòng hiếu cảm vời.

Phật Di Lặc nói:

- *“Trong nhà có hai vị Phật, bực thay người đời chẳng biết. [Hai vị Phật ấy] chẳng dùng vàng lấp lánh sơn thếp, cũng chẳng do chiêm-đàn khắc thành. Song thân nay hãy còn sống, chính là Thích Ca, Di Lặc. Nếu có thể thành kính đối với cha mẹ, cần gì phải mong cầu công đức nào khác”*.

Mạo Khởi Tông nói:

---

<sup>309</sup> Thái Hòa là tên một huyện thuộc thành phố Đại Lý, tỉnh Vân Nam.

<sup>310</sup> Vô Tế Đại Sĩ chính là cao tăng Vô Tế Thiền Sư sống vào đời Minh, tác giả của bộ Đạo Lâm Lục được lưu truyền trong cõi đời.

- Bậc cao nhân danh sĩ thời Lục Triều tín ngưỡng Hiếu Kinh, hoặc là tuần táng, hoặc siêu độ vong linh, hoặc bị bệnh tụng [Hiếu Kinh] bèn được lành, gặp tranh chấp bèn tụng niệm mà được giải trừ, [có người đang tụng kinh bỗng] gặp hỏa hoạn cứ [nghiêm nhiên tụng tiếp] lửa bèn tắt. [Có sự thần hiệu] chẳng thể nghĩ bàn như thế! Vì vậy, Hoàng Khản hằng ngày tụng Hiếu Kinh hai mươi lượt, phỏng theo [cách tụng đọc] kinh Quán Âm (phẩm Phổ Môn). Than ôi! Bỏ vị Phật hiện tại để cầu vị Phật quá khứ hiển linh, tức là trái nghịch cái tâm vậy. Chẳng niệm Hiếu Kinh, chỉ cầu may được phước nơi các kinh khác, thần sẽ chán ghét!

Kinh Bảo Tạng dạy:

- Phụng sự hiếu thảo đối với cha mẹ, tức là Thiên Chúa Đấng Thích ở trong nhà người. Hiếu dưỡng cha mẹ, Đại Phạm tôn thiên ở trong nhà người. Hiếu kính cha mẹ, Thích Ca Văn Phật ở trong nhà người. Vì thế, Thiểm Ma Bồ Tát<sup>311</sup> khoét mắt cứu mẹ, bệnh trầm kha lành ngay trong một ngày. Từ Tâm đồng tử phát nguyện chịu khổ thay [cho các chúng sanh trong địa ngục], vàng lửa tiêu tan ngay trong khoảnh khắc. Hạnh

---

<sup>311</sup> Theo kinh Bảo Tạng, xưa kia có một vị trưởng giả hai vợ chồng đều bị mù, vào trong núi cầu đạo. Khi ấy, có một vị Bồ Tát tên là Nhất Thiết Diệu Kiến sanh lòng thương xót, bèn đầu thai làm con, được họ đặt tên là Thiểm Ma. Thiểm Ma chí hiếu nhân từ, khi tròn mười tuổi, theo cha mẹ vào núi để phụng sự. Thiểm Ma mặc áo da hươu, vác bình lấy nước. Khi ấy quốc vương là Ca Di vào núi săn bắn, ngỡ là hươu, giương cung bắn trúng Thiểm Ma. Cặp vợ chồng ngựa mặt kêu trời: “Thiểm Ma chí hiếu, trời biết cho, ắt sẽ giúp Thiểm Ma sống lại”. Do vậy, Thích Phạm Tứ Thiên giáng xuống trước Thiểm Ma, đồ thuốc vào miệng, nhổ mũi tên ra, Thiểm Ma sống lại. Cha mẹ kinh ngạc, mừng rỡ, hai mắt sáng lại.

tốt cùng động lòng trời, lòng chân thành cảm Phật, từ xưa đều luôn là như vậy! Ai nấy hãy nên dốc lòng tin tưởng. Theo giáo huấn của nhà Phật, chính mình tuân thủ, vâng theo giới luật, khắc khổ tu hành. Lại còn có thể hướng dẫn song thân trai giới, niệm Phật thì mới hợp với giáo chỉ của Như Lai, tổ tiên chín đời được sanh lên thiên đường. Người nương theo Đạo Giáo cũng [phải nên làm] như thế. Nay kẻ tục đạo, tục tăng chẳng thể như vậy, cứ nói: “Ta xuất gia là đã độ cha mẹ rồi”, đúng là tự dối mình!

Thôi Miện tánh rất hiếu thảo. Mẹ bị mù, ông bèn dốc cạn gia sản để chữa trị, chẳng cưới nữa, chẳng tháo đai để hầu hạ mẹ suốt ba mươi năm. Mỗi khi có chỗ phong cảnh đẹp đẽ, hoặc dịp tốt lành, ắt sẽ dắt dìu mẹ [đến tham dự] ăn uống, cười nói để mẹ quên nỗi khổ sở. Mẹ mất, ông tiều tụy, học máu, ăn chay suốt đời. Yêu mến anh chị gần như mẹ, thương yêu các cháu còn hơn con ruột. Hễ có bổng lộc, ắt sẽ chia sẻ, bảo: “Ta đã buồn vì cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, không thể nào biểu lộ lòng hiếu của ta. Xét ra, mẹ nghĩ nhớ chỉ có bốn năm người này, đều phải đối xử nồng hậu với họ, ngõ hầu an ủi [lòng mẹ] nơi chín suối”. Về sau, ông làm quan đến chức Trung Thư Thị Lang. Con ông là Hữu Phủ là một vị Tể Tướng hiền lương. Ôi! Ông Thôi là hiếu tử thật sự. Mẹ còn sống bèn tận hết sức làm vui lòng mẹ; mẹ đã khuất bèn dưỡng chí. Đời có kẻ thuộc hạng phú quý, nhưng đối đãi với ruột thịt như kẻ qua đường, tệ bạc với các cậu như khách lạ! Đọc đến đây, ai mà chẳng toát mồ hôi, cảm hóa?

Lữ Thăng mất mẹ từ bé, thờ bố đã trăm tuổi hết sức hiếu thảo. Tuổi bố càng cao, tiêu tiêu không kiểm soát được, Lữ Thăng bèn ngủ chung với bố để hầu hạ, chiều ý bố cẩn thận. Mỗi đêm, thức dậy bốn năm lượt [để nâng đỡ bố đi vệ sinh]. Gặp lúc chiến tranh, ông cống bố vào núi. Giặc cảm động trước lòng hiếu thảo của ông, nên ông giữ tròn mạng sống. Bố thích ăn trái hạnh ngọt, bị hàng xóm đoạt mất. Lữ Thăng viết sớ cầu thần, thần liền khiến cho gã hàng xóm cây thế bị mọc nhọt ở lưng. Thần bảo hấn mau trả lại quả hạnh cho đứa con hiếu thảo thì mới được lành bệnh!

Lại như Quách Tông mất cha, chỉ còn mẹ, thường than thở tưởng nhớ ơn mệnh mông của cha mẹ. Suốt ba mươi năm chẳng dùng rượu thịt, sớm chiều kiên thành cầu đảo. Mẹ thọ một trăm lẻ bốn tuổi, tai mắt chẳng suy, ăn uống càng khỏe mạnh.

Dương Ất đi xin ăn để phụng dưỡng cha mẹ. Hễ xin được thức ăn, dầu rất đói, chẳng dám nếm, ắt dâng lên cha mẹ trước. Hễ có được thức ăn ngon, ắt quỳ dâng lên. Ông nhảy nhót, múa may, hát những bài sơn ca<sup>312</sup> để đẹp lòng cha mẹ. Suốt mười năm như vậy, người trong làng cảm động trước lòng hiếu thảo ấy, bèn cho tiền, thuê ông làm việc. Ông chẳng nhận, thưa: “Chẳng thể lìa khỏi cha mẹ một ngày!” Song thân đều chết, ông xin được quan tài, cởi áo của chính mình để [làm vải] liệm, dầu rét buốt căm căm, để mình trần chẳng quản! Ông chôn [cha mẹ] ngoài đồng, ngày đêm

---

<sup>312</sup> Sơn ca là những khúc hát của dân miền núi.

gào khóc buồn bã, cúng tế hằng năm chưa từng thiếu sót!

Đời Đường, Lý Huýnh Tú tánh chí hiếu. Mẹ thuở trẻ xuất thân nghèo khó, thấp hèn, vợ ông có lần mắng là kẻ nô tỳ. Mẹ bị xúc phạm, chẳng vui lòng. Ông liền bỏ mẹ vợ ấy. Có người hỏi, ông đáp: “Cưới vợ là vì muốn vợ hầu hạ mẹ chồng. Nếu ả ta khiến cho mẹ buồn bực thì giữ lại để làm gì?” Lòng hiếu cảm động lòng trời, trong nhà mọc nấm linh chi. Đường Trung Tông khen thưởng gia đình ông.

Cổ Hùng nhà nghèo, phải ngồi dạy học tại nhà người khác. Tiền lương mỗi năm đều dâng lên cha, cha thường lãng phí. Chủ nhà thương ông nghèo, tặng tiền lương cả năm cho ông, bảo: “Cụ nhà không biết, ông có thể tậu ruộng để làm kẻ thuê nhập cho vụ Thu”. Cổ Hùng đáp: “Tôi há nổi lòng vì mấy thạch gạo mà thay đổi hiếu tâm thường nhật ư?” Ông đưa trọn món tiền ấy cho cha. Ông sanh con có tên là Tế Minh, tuổi còn thiếu niên đã đỗ đạt.

Lý Quỳnh cưới vợ đã có con, liền chuyển vào sống cùng chỗ với mẹ. Mỗi đêm, Lý Quỳnh thường phải thức dậy mười mấy lượt [để nâng đỡ mẹ]. Mẹ nói: “Con mấy năm nay đã yếu rồi, hãy nên thuê tớ gái hầu mẹ”. Lý Quỳnh thưa: “Đối với những gì mẹ cần, nếu con không đích thân làm, trong tâm cảm thấy như mất mát”. Do vậy, mẹ chẳng ép; vì thế, người nhà chẳng có ai dám lười biếng.



Đời Hán, Tào Nga ở Thượng Ngu, cha là Tào Hu, làm nghề thầy cúng. Ngày mùng Năm tháng Năm, [Tào Hu làm lễ] đón thần bên sông, ngã xuống nước chết đuối. Khi ấy, Tào Nga mười bốn tuổi, tìm xác cha không được, khóc lóc dọc bờ sông suốt bảy ngày đêm, nhảy xuống sông, tới ngày thứ năm, công xác cha nổi lên mặt sông. Quan lệnh doãn Thượng Ngu là Độ Thượng tâu trình chuyện ấy. Nhằm biểu dương người con gái hiếu thảo, bèn lập miếu thờ bên sông, cho đến nay vẫn được cúng tế.

Đời Tống, vợ của Ngô Hiếu góa chồng từ trẻ, không có con, thờ mẹ chồng chí hiếu. Mẹ chồng đã già, lại bị đau mắt, nghĩ bà Ngô cô đơn, muốn kiếm một đứa con nuôi. Bà Ngô khóc thưa: “Gái trinh liệt chẳng thờ hai chồng! Vợ dốc hết sức hầu hạ [mẹ chồng]”. Bà Ngô se gai bện sợi cho làng nước, hễ được tiền bèn dùng để nuôi mẹ chồng. Nếu có món ăn ngon, ắt sẽ gói ôm về cho mẹ chồng dùng. Đã có một lần, bà Ngô nấu cơm chưa chín, do bà cụ hàng xóm gọi, bèn ra ngoài. Mẹ chồng cho là cơm quá chín, bèn lấy ra đựng trong chậu. Do chẳng nhìn thấy, cụ đổ lầm vào cái thùng đựng đồ nhơ uest. Bà Ngô về đến nhà, chẳng nói gì, vội sang nhà hàng xóm vay cơm cho mẹ ăn. [Sau đấy, bà] kéo nước, gột sạch cơm bản mấy lượt, hấp lên tự ăn. Một hôm, bỗng mộng thấy có hai đứa trẻ mặc áo xanh (tiên đồng) cười mây đến, tay cầm công văn, nói là “Thượng Đế triệu kiến”, dẫn bà vào triều kiến. Thượng Đế nói: “Người là một người nữ ở làng quê, có thể phụng sự mẹ chồng đã già, chịu thương, chịu khó tận

tâm. Đúng là đáng trọng! Thường cho người một ngàn đồng để có tiền ăn, từ nay chẳng cần phải làm mướn nữa”. [Thượng Đế] sai hai tiên đồng đưa [bà Ngô] về. [Bà tỉnh giấc], quả nhiên thấy đầu giường có món tiền một ngàn đồng. Từ đó, hễ dùng hết, lại có một ngàn đồng khác, liên miên chẳng ngừng!

Khâu Đặc chôn mẹ ở chỗ khoảng khoát trên núi Phụng Minh, khóc kể: “Suốt đời Đặc chẳng lìa khỏi gôi mẹ chừng gang tấc. Nay mẹ đã qua đời, đành phải gởi thể phách nơi gò hoang không người”, bèn dựng lều tranh bên mộ, sớm chiều dâng thức ăn như khi còn sống. Trong đêm lạnh, không trăng, gió thảm thổi ù ù, Khâu Đặc sợ mẹ quạnh quẽ, liền đi rảo quanh mộ, khóc lóc ai oán: “Đặc ở đây!” Vùng ấy có nhiều cọp, nghe tiếng khóc của ông Đặc bèn tránh đi, người ta xưng tụng ông là hiếu tử thật sự.

Vào đời Minh, Ngô Chương mồ côi [cha] từ bé. Khi lên mười, mẹ là Lục Thị trong niên hiệu Vĩnh Lạc vâng theo lệnh tuyển, vào cung. Mẹ theo thân vương (Hoài Tĩnh Vương Châu Chiêm) đến đất phong ở Thiều Châu, Quảng Đông. Ngô Chương nghe tin, cảm thán, tuôn trào nước mắt, bỏ nhà tìm mẹ. Trong thuyền, Ngô Chương bày tượng Quán Âm để lễ bái, cầu gặp được mẹ. Thành tâm, khẩn thiết, cất tiếng khóc thê thảm. Giữa đường, ông mắc bệnh lỵ, ngày đêm đi ngoài cả trăm lượt. Trong khi đã mê mệt, miệng vẫn gọi mẹ không thôi. Đến Thiều Châu, [mới biết tin] mẹ lại theo thân vương đổi sang đất phong ở Giang Tây, ông bèn

theo đường bộ qua Nhiêu Châu. Do ruồi rong trên cát đá, hai chân đều sưng phù, nằm gục ngoài đồng. Có một vị đạo nhân tự nói họ là Tiêu, lấy thuốc thoa cho, [Ngô Chương] lập tức khỏi. Qua núi, [Ngô Chương] bị một con rắn đen mổ trúng chân, ngã lăn xuống đất. Lại thấy Tiêu đạo nhân tìm đến bôi thuốc cho, đau đớn hết sạch. Ông nghỉ đêm tại cô thôn, chưa đến sáng đã đi, gặp trận tuyết lớn, phải đụt tại ngôi miếu cổ. Bỗng lại thấy Tiêu đạo nhân đến, phủ dụ rằng: “Vì mẹ quên thân dường ấy, đúng là người có ý chí cương quyết”. Lấy bánh cho ăn, [ăn xong, Ngô Chương] nhanh chóng quên mất đói lạnh. Tới Nhiêu Châu, hỏi thăm, mới biết mẹ ở trong vương phủ, bèn dâng thư xin gặp, chẳng được chấp thuận. Ông bèn thuê một phòng trong phủ, chính giữa viết chữ to “*Tư Thân*” (nhớ mẹ). Bên cạnh đó viết: “*Muôn dặm tìm mẹ, trái trăm nỗi gian nan chẳng hối hận. Một mai được thấy mẹ, thề chết chín lần nào ngại?*” Về sau, cầu thỉnh được, bèn vào cung gặp mẹ ở nơi dưỡng bệnh. Bệnh tình mẹ đã nguy ngập, hôn mê chẳng nhận biết con. Ngô Chương thấp nhang cầu trời, cắt bắp đùi nấu cháo dâng mẹ. Mẹ dần dần tỉnh lại, ôm con đau đớn khóc ròng. Thân vương nghe chuyện, biết ông Chương là người hiền, vời đến ban vàng lụa, sai đưa mẹ về. Về sau, con Ngô Chương là Hồng, cháu là Sơn, đều làm quan đến chức Hình Bộ Thượng Thư. Cho đến nay [con cháu ông Ngô] đỗ đạt chẳng dứt.

Lưu Tuân Trục vào thuở đề chỏm, cha mẹ đều mất, khóc lóc bi thương gần đứt hơi. Gắng gỏi chuyên tâm học hành, đọc sách tới nửa đêm. Có một đêm,

người chú nghe Tuân Trục khóc lóc hết sức ai oán, bèn hỏi nguyên nhân. Ông thưa: “Cháu đọc truyện Mã Châu, tới chỗ sách chép ông ta mất cha mẹ từ bé, không cách nào thể hiện lòng khuyên mã phụng dưỡng<sup>313</sup>, bèn buồn bã cảm thương không thể tự ngăn được!” Chú cũng lắc đầu thở dài. Sau này, [Lưu Tuân Trục] thi đỗ.

Thời Hán Vũ Đế, Trương Thang và Đỗ Châu đều là hạng quan lại tàn khốc, nhưng con của hai người ấy lại hết sức công bằng, khoan dung. [Trong khi soạn bộ sử Hán Thư], trong phần Khốc Lại (酷吏, quan lại tàn khốc), [sử gia] Ban Cố đặc biệt tỏ ra khoan dung đối với họ Trương, họ Đỗ là vì con của họ vậy. Con của Trương Thang là Trương An Thế, làm quan suốt ba mươi năm, trung tín, cẩn thận, đôn hậu, siêng năng lo việc quan, ản giấu khuyết điểm của người khác, chú trọng khoan hồng. Con Đỗ Châu là Diên Niên, phù tá Hoắc Quang. Hoắc Quang vận dụng pháp luật rất nghiêm, Diên Niên làm phụ tá lại khoan hồng. Thấy sau khi Văn Đế bị hao hụt quốc khố, đã nhiều lượt thưa với Hoắc Quang, “*hãy nên cai trị như thời Hiếu Văn, tiết kiệm, khoan dung, hòa hoãn, hồng thuận lòng trời, đẹp ý dân*”. Hoắc Quang nghe theo lời ấy. Về sau, An Thế làm quan tới chức Đại Tướng Quân, được phong là Phú Bình Hầu, con cháu nối tiếp nhau kế thừa tước vị. Chắt là Thuần lại làm Đại Tư Không. Diên Niên do

---

<sup>313</sup> Từ ngữ này phát xuất từ thiên Vĩ Chánh trong sách Luận Ngữ: “*Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chỉ ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính, hà dĩ biệt hồ?*” (Nay cứ cho con phụng dưỡng cha mẹ là hiếu, nhưng chó, ngựa cũng đều có thể nuôi đấy thôi! [Nuôi cha mẹ] mà chẳng kính, có khác gì [nuôi chó, ngựa] đâu?)

công tôn lập thiên tử, được phong tước hầu, lại làm Ngự Sử Đại Phu. Con ông ta là Hoãn cũng kế thừa tước hầu. Lễ Ký nói: *“Phanh thực tiến hình, thường nhi trí chi, phi hiếu dã, dưỡng dã. Quân tử chi sở vị hiếu giả, quốc nhân giai viết, hạnh tai”* (Nấu chín, dâng hiến đồ ăn thơm ngon, nếm trước rồi mới dâng lên, đó chẳng phải là hiếu, chỉ là dưỡng mà thôi. Bậc quân tử được khen là người có hiếu, người trong nước đều mừng rỡ bảo: “May mắn thay!”). Có con như thế, có thể nói là hiếu vậy! Dám dùng những điều này để khuyên mọi người hãy kính trọng cha mẹ, che giấu những lỗi lầm của cha mẹ.

Đời Tống, Hàn Trung Ngạn là con của Hàn Kỳ. Hàn Kỳ tận trung, không có ý riêng tư. Trung Ngạn làm tể tướng, trừ bỏ nạn thuế khóa hao hụt, phục hồi chức vị cho những người bị lưu đày, thân nhận sử dụng những bậc danh hiền. Đặng Tuân Vũ nói: “Trung Ngạn có thể kế thừa chí cha”.

Lại nữa, Phạm Thuần Nhân là con của Phạm Trọng Yên. Trọng Yên coi thiên hạ là trách nhiệm của chính mình. Thuần Nhân làm tri phủ Khánh Châu, do kêu oan cho người khác mà bị bắt giam. [Lúc ông bị giải đi], mấy vạn người chặn ngựa, khóc lóc. Ông làm quan từ Giám Nghị Xu Mật thăng lên Tể Tướng, ba lần bị bãi chức, ba lần phục chức. Ông lấy khoan dung, rộng rãi làm phẩm đức chánh yếu, chẳng ghi sâu tội lỗi của người khác. Khi đã bệnh nặng, vẫn cố gắng biện

giải chuyện Tuyên Nhân<sup>314</sup> bị vu cáo, gièm báng. Ông mất đi, có thụy hiệu là Trung Tuyên. Vua đích thân viết lên bia: “*Cứu đời, trung trực*” hồng tở rõ ân vua sủng ái.

Hai vị này có thể thừa kế chí của người đời trước như vậy đó! Lại thấy những kẻ giầu điều ác, bất tài, làm nhục lây tổ tiên, sẽ biết [chính mình phải nên làm] như thế nào? Vì thế, sách Lễ Ký viết: “*Phụ mẫu tuy một, tương vi thiện, tư di phụ mẫu lệnh danh, tất quả. Tương vi ác, tư di phụ mẫu tu nhục, tất bất quả*” (Tuy cha mẹ đã mất, làm lành để tạo tiếng thơm cho cha mẹ, ắt sẽ làm được. Toan làm ác khiến cho cha mẹ xấu hổ, nhục nhã, ắt sẽ chẳng được). Lại nói: “*Phụ mẫu một, thận hành kỳ thân, bất di phụ mẫu ác danh, khả vị năng chung hỹ*” (Cha mẹ đã mất, hành xử thận trọng, chẳng gieo tiếng ác cho cha mẹ, có thể gọi là người trọn vẹn vậy). Có thể thấy, bất luận cha mẹ còn hay mất, chỉ giữ tâm lòng lành thì là hiếu. Nếu cha mẹ chẳng còn, vẫn có thể dốc lòng hiếu từ chỗ này. Nếu làm chuyện sai quấy, khiến cho cha mẹ bị nhục nhã, bị người khác ghét bỏ, tức là đại bất hiếu.

---

<sup>314</sup> Tuyên Nhân là hoàng hậu của Tống Anh Tông. Về sau, được tôn là Tuyên Nhân Liệt Thánh Thái Hoàng Thái Hậu. Bà họ Cao, tên là Thao Thao, là mẹ của Tống Thần Tông (Triệu Húc), bà nội của Tống Triết Tông (Triệu Hú) và Tống Huy Tông (Triệu Cát). Bà kịch liệt phản đối các biện pháp của Vương An Thạch, trọng dụng phe Tư Mã Quang. Bà được ca ngợi có tài chấp chánh, giúp cháu là Tống Triết Tông cai trị. Các sử gia đánh giá bà uyên bác, anh minh, nghiêm chỉnh chấp hành lễ pháp, giúp cho thời kỳ đầu cai trị của Tống Triết Tông khá thịnh trị. Do vậy, bà được tôn là Nữ Trung Nghiêu Thuấn. Sau khi bà mất, những kẻ căm ghét bà đã bôi bác, tìm mọi cách bêu xấu bà. Chuyện bôi xấu này cũng do Tống Triết Tông chỉ đạo vì nhà vua vốn đã ham chơi, thích hưởng lạc, lại luôn bị bà nội gò ép vào kỷ cương, cho nên ngấm ngầm ôm lòng oán hận!

Đời Minh, Dương Sĩ Kỳ là nguyên lão bốn triều, được quốc gia hết sức ưu đãi, nhưng con ông là Tắc cậy thế làm ác. Sĩ Kỳ nuông chiều con quá mức, chẳng biết. Tới khi những kẻ bị hại đua nhau tâu lên triều đình [danh sách] những người đã bị hấn sát hại và những chuyện ác của hắn đến mấy chục điều, vua mới giao vụ án này cho pháp ty, lại còn hạ chiếu chỉ đặc biệt an ủi Sĩ Kỳ: “Con của khanh đã trái nghịch gia huấn, phạm đến kỷ cương của quốc gia, trẫm chẳng dám có lòng riêng tư, khanh hãy nên xử sự đúng lẽ”. Sĩ Kỳ bắt đắc dĩ, luận tội xử trảm [Dương Tắc]. Do vậy, thanh danh bị tổn hại to lớn. Ôi! Sĩ Kỳ là nho sĩ cầm quyền cai quản đất nước, Dương Tắc là con trai của Tể Tướng bị chém đầu ngoài chợ, bại hoại danh tiếng gia đình, khiến cho cha mẹ xấu hổ, nhục nhã, đã chết rồi vẫn còn nợ. Những con cháu nhà sang cả kiêu căng, cậy thế lực của cha mà hoành hành, trông thấy chuyện này, lẽ nào chẳng sợ ư?

Trình Ác Tử là người xứ Thuận Nghĩa, có một đứa con trai, hết sức nuông chiều. Tánh họ Trình hung hăng, chẳng tôn trọng mẹ. Mẹ đã già, thường bị đánh chửi. Một hôm, mẹ ẵm cháu lỡ làm rơi xuống đất, khiến đứa cháu bị sứt trán. Ác Tử trở về, tưởng mẹ hại con mình, cáu giận, chửi bới dữ dội. Mẹ sợ hãi, chạy sang nhà con gái, lánh mặt mấy ngày. Hắn chẳng nguôi giận, bèn giấu dao bên sang đón mẹ, nói: “Cháu bé đã lành, hãy mau trở về”. Mẹ theo về. Đến chỗ vắng giữa đường, hắn rút dao đâm ruột mẹ, nào ngờ dao tự đâm vào hông hắn, đổ ruột ra. Chẳng biết vì sao dao lại quay

ngược như thế! Xác hấn chôn nhiều lần, cứ bị lộ ra, qua, chó ăn sạch chẳng còn!

Trương Nghĩa mỗi ngày đều sám hối tội lỗi với trời, bỗng bị bắt xuống âm phủ, [được Diêm Vương] cho coi sổ đen. Những tội ác trong ấy đều đã trừ sạch, chỉ còn sót một chuyện. Chính là khi Trương Nghĩa còn trẻ, do bị cha quở trách bèn cẩu giận trợn mắt nhìn cha. [Do vậy] mới biết cái tội bất hiếu chẳng thể sám hối!

La Cung vào trường Thái Học. Trước mỗi kỳ thi đều cầu đảo. Đêm mộng thấy thần bảo: “Ngươi đã đắc tội với cõi âm, hãy mau trở về”. La Cung [van nài] hỏi nguyên do, thần bảo: “Ngươi không chôn cất cha mẹ”. La Cung thưa: “Tôi còn có anh, có sao riêng mình tôi mắc tội?” Thần bảo: “Ngươi là nho sĩ, biết rõ lễ nghĩa. Anh ngươi không hiểu biết, chẳng đáng trách phạt”. Quả nhiên La Cung chết trong năm ấy!

Không Tử soạn Hiếu Kinh, mỗi tối ắt [búi tóc gọn ghẽ], dùng một chiếc bút xanh nhạt làm trâm cài, mặc áo đơn sắc đỏ, hướng về sao Bắc Cực, cúi mình trầm ngâm hồi lâu rồi mới lay xuống. Tăng Tử ôm Hà Đồ Lạc Thư, bảy mươi hai [đồ đệ] đều [hành lễ] theo Ngài. Đại khái là có sự cầu khẩn như thế. Đến khi soạn kinh Xuân Thu, cũng lại như thế. Một tối, bỗng có một tia hắc khí từ sao Bắc Đẩu xẹt xuống, chiếu thẳng trước án. Mở ra, chính là ý chỉ nhỏ nhiệm [từ cõi trời, mong mỏi] Không Tử tròn đủ tâm lượng [rộng khắp để biên soạn Hiếu Kinh hòng làm chuẩn mực] tốt cùng đến



muôn đời cho nhân luân. Hiếu Kinh gồm mười tám thiên, phơi bày cặn kẽ trọn hết đạo phụng sự cha mẹ của người làm con. Đó gọi là “*trong cuộc sống, ăn uống hàng ngày, chẳng thể lìa khỏi [đạo hiếu] dấu khoảnh khắc*”. Kẻ học Nho trong cõi đời há có thể [nại có Hiếu Kinh] chưa được xếp vào những sách [cần phải học] để thi cử, mà bỏ qua sách này, chẳng nhắc tới ư? Nay luận về hiếu thì phải quy về cội gốc nơi Phu Tử, sẽ suy ra ý định soạn Hiếu Kinh của Ngài. Ấy là vì Ngài hằng ngày mong mỏi những nhà Nho sẽ dốc hết sức thực hành hòng giúp sức tuyên dương sự giáo hóa [của thánh hiền], khiến cho thói tục được tốt đẹp hơn. Dụng tâm hết sức khổ sở, thiết tha tốt bậc vậy thay!

*(Chánh văn) Hữu để.*

**(正文)友悌。**

*(Chánh văn: Thuận thảo với anh em).*

Hiếu và Đễ vốn là một, nay lại nói chuyên biệt, hòng muốn cho mọi người sẽ tùy theo từng sự mà trọn hết [bốn phận] vậy. Anh hòa thuận, yêu thương, đáng kính; em thì kính thuận, nể sợ [anh], hòa hợp. Anh em là những người có cùng khí chất với thân ta, chỉ có mấy người này [là những người thân thiết] khó có nhất trong một đời người. Nhìn từ phía cha mẹ, [anh em] vốn là

một Thể. Nếu anh em có chút đối chọi, lòng cha mẹ liền đau xót, bất an. Vì thế, thấy anh em ta thương yêu nhau, cha mẹ ta sẽ rất thoải mái, yên vui. Hơn nữa, anh em được gọi là “*tay chân*”, ắt phải che chở, nâng đỡ lẫn nhau. Ngứa và đau liên quan, há có chuyện tay chân tự tranh đoạt lẫn nhau ư? Hãy nên nghĩ [anh em đều do] cha mẹ sanh ra, vốn cùng một Thể, tình cốt nhục khó thể chia lìa. Hễ vì ý khí [xáo động] mà giận dữ, tranh giành, hãy tự dấy lòng bất nhẫn. Đối những thứ tài lợi nhỏ nhặt, hãy tự xem nhẹ. Thiền sư Pháp Chiêu có bài kệ rằng:

*Đồng khí liên chi các tự vinh,  
Ta ta ngôn ngữ mạc thương tình,  
Nhất hồi tương kiến nhất hồi lão,  
Năng đắc kỷ thời vi đệ huynh.  
Huỳnh đệ đồng cư nhân tiện an,  
Mạc nhân hào mạt khởi tranh đoan,  
Nhân tiền sanh tử hựu huỳnh đệ,  
Lưu dữ nhi tôn tác dạng khan.*

(Tạm dịch:

Đồng khí liên cành thảy tốt xinh,  
Đừng vì lời nói tổn thương tình,

Mỗi lần gặp gỡ, già hơn trước,  
Mấy thuở được làm nghĩa đệ huynh?  
Anh em chung ở, nhường liên ôn,  
Đừng vì chuyện vật dầy đua tranh,  
Con cái chúng ta là huynh đệ,  
Nêu gương cho cháu lẫn con nhìn).

Sách Viên Thị Thế Phạm<sup>315</sup> có đoạn:

- Cha anh yêu thương con em, chẳng cần đòi hỏi con em ắt phải hiếu thuận. Con em yêu thương cha anh, chẳng cần đòi hỏi cha anh ắt phải nhân từ. Ai nấy chú trọng trọn hết trách nhiệm của chính mình, căn bệnh mong ngóng, trách móc sẽ tự trừ. Nghiêm cấm tỳ thiếp chẳng được ngồi lê đôi mách; đối với những lời lẽ trong chốn riêng tư của vợ hay nàng hầu, dầu hợp ý, cũng chớ nghe theo, ắt đầu mối ly gián sẽ tự chấm dứt. Tánh tình của con người hoặc mềm mỏng, hoặc cứng cỏi, hoặc hành xử cẩn thận, hoặc hào phóng, buông tuồng, hoặc là an tĩnh, hoặc là bộp chộp; lúc gặp chuyện, đúng sai khác nhau, chỉ nên đối với mỗi trường hợp mà hành xử thích hợp. Đừng vì thấy ta là đúng, mà đòi hỏi mọi chuyện ắt phải hợp ý mình; [như vậy thì] há còn có tranh chấp? Dầu cho gặp cảnh bất bình,

---

<sup>315</sup> Viên Thị Thế Phạm là một bộ sách do Viên Thái soạn vào đời Tống. Sách gồm những lời khuyên về luân lý gia đình như cách cư xử chánh đáng trong các mối quan hệ như cha con, anh em, vợ chồng, chị em dâu, con cháu v.v...

chẳng nở bâng quan, chỉ nên bình tâm hòa khí, mềm mỏng, khéo léo khuyên lơn. Như thế thì há có chuyện chẳng hòa thuận ư? Người thời nay đánh mất niềm vui cốt nhục, nguyên do là vì những điều hết sức nhỏ nhặt mà dẫn đến [tình trạng] chẳng thể giải quyết được! Chỉ vì sau khi đã bất hòa, ai nấy đều tự ái cao ngất ngưởng, chẳng thể buông xuống được! Nếu trong ấy, có một người hiền hòa, sáng suốt, cam lòng chịu thua thiệt, có thể tự xuống nước trước để lo liệu, bàn soạn với những người khác, ắt đôi bên sẽ chịu thương thảo với nhau, dần dần hòa hảo như lúc bình thường vậy.

Đời Minh, ông Vương Dương Minh nói: *“Vua Thuấn có thể cảm hóa [em trai là] Tạng, điều then chốt chỉ là [vua Thuấn] chẳng thấy Tạng là sai!”* Ngụ ý cho rằng: Trong vòng cốt nhục, chỉ nên nói theo tình, chớ nên nói theo lý. Hễ chấp lý sẽ tổn thương tình, hễ tổn thương tình thì chẳng phải là đúng lý vậy! Như có kẻ hỏi Trình Tử: “Tôi phụng sự anh tôi trọn hết lý, mà anh tôi chẳng vui lòng, biết làm sao đây?” Ông Trình đáp: *“Chỉ nên dấy lòng hiếu kính, trọn hết lòng chí thành, chẳng cần biểu lộ [ôn ào tâm ý của] chính mình là được rồi!”* Hỏi: “Chăm sóc em trai bằng cách nào?” Đáp: *“Trọn hết lòng hòa thuận, yêu thương mà thôi!”*

Trong bài Hiếu Đễ Ca của tiên sinh Thiệu Nghiêu Phu (Thiệu Ung)<sup>316</sup> đời Tống có đoạn:

---

<sup>316</sup> Thiệu Ung (1011-1071), tự là Nghiêu Phu, hiệu là Khang Tiết, sống vào đời Bắc Tống. Ông nghiên cứu kinh Dịch tinh thâm, sáng lập thuật bói Mai Hoa Dịch Số lừng danh. Bộ sách Mai Hoa Dịch Số của ông được xếp vào Tứ Đại Kỳ Thư (Kinh

- Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Trong vòng cốt nhục, đừng dấy lên sóng gió. Ân cha mẹ mênh mông hãy nên báo đền. Phải biết tình thủ túc sâu đậm nhất, phải nên hòa thuận. Dòng họ Trương Công Nghệ<sup>317</sup> [chín đời] ở chung với nhau xưa nay hiếm. [Anh em] Điền Chân<sup>318</sup> ở chung, con cháu đông đảo. Những người như thế xa gần đều ca ngợi. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh<sup>319</sup>.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Nói năng nhỏ nhẹ, khiêm hòa. Nan huynh nan đệ<sup>320</sup> danh càng trọng. Con hiền cháu thảo cốt cho nhiều. Đội gạo vẫn có thể phụng dưỡng tuy đơn bạc. Kẻ đọc sách có ai chẳng mong đỗ đạt cao [hòng dùng bổng lộc phụng

---

Dịch, Mai Hoa Dịch Số của Thiệu Khang Tiết, Ma Y Tướng Thuật và Địa Lý Toàn Thư). Ông còn được coi là một trong những nhà sáng lập Lý Học, tuy không nổi tiếng như Châu Đôn Di, Trình Hạo v.v... Một tác phẩm lừng lẫy khác của ông là bộ Hoàng Cực Kinh Thế được coi là nền tảng cho sự tổng hợp hoàn thiện giữa tư tưởng của kinh Dịch và Đạo gia.

<sup>317</sup> Trương Công Nghệ sống vào thời đại Tùy - Đường tại Thọ Dương thuộc châu Hào Vận. Dòng họ ông ta chín đời ở chung với nhau, không tách rời. Ông viết chữ Nhấn rất to, rất nhiều dán khắp nơi trong nhà để tự nhắc nhở chính mình lẫn người khác. Một câu nói của ông đã trở thành thành ngữ là “*bách nhấn thành kim*” (trăm điều nhấn sẽ thành vàng).

<sup>318</sup> Điền Chân là người đời Hán, ông có hai em trai là Điền Khánh và Điền Quảng, ba người muốn chia riêng nhà để ở. Trước nhà có một cây tử kinh to rất sum xuê. Họ muốn hạ cây xuống, cửa đều ra để chia nhau, bỗng cây ấy chết khô. Họ bèn bỏ ý định tách ra sống riêng.

<sup>319</sup> Ông Thiệu Ung mở đầu và kết thúc mỗi đoạn bằng câu “*tử dưỡng thân hê, đệ kính ca*” (con cái phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh).

<sup>320</sup> “*Nan huynh nan đệ*” là một thành ngữ nhằm ca ngợi anh lẫn em đều có tài, hiền đức, khó thể phân định ai hơn, ai kém. Thuở trước, Trần Nguyên Phương (Trần Kỳ) và Trần Quý Phương (Trần Kham) đời Đông Hán đều có học vấn lỗi lạc, phẩm đức xuất sắc, nên người đời bèn nói họ là “*nan huynh, nan đệ*”.

đưỡng cha mẹ]? Trọng Do, Trần Kỳ<sup>321</sup> đều như thế. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Răn dạy chị em dâu giữ hạnh hiền thực, đảm đang, phụng sự bố mẹ chồng. Hãy khéo tuân theo cách dạy con bằng ba lượt đời nhà của mẹ ông Mạnh Tử. Hãy đọc bài ca trăm chữ Nhẫn của ông Trương [Công Nghệ]. Hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, cư xử tốt đẹp với thân tộc, thông gia, lại còn giúp đỡ kẻ khốn khó, lỡ vận. [Noi theo] trí, nhân, đạo nghĩa của thánh hiền, giữ đạo trung hòa (trung dung, hòa khí) [giống như] Tăng Tử và Dương Bác thuở đương thời. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Đừng bảo chuyện đời thường hội đủ thiên thời, địa lợi với nhân hòa. Đáng than đời người được mấy chốc? Phồn hoa ngập mắt, quý báu chi? Một nhà an lạc giá trị

---

<sup>321</sup> Trọng Do chính là Tử Lộ. Khi còn hàn vi, nhà ông rất nghèo, ông phải đi đội gạo thuê rất xa để có tiền phụng dưỡng cha mẹ. Không có tiền mua thức ăn, ông phải hái các loại rau lê, rau hoắc để nấu canh cho cha mẹ ăn tạm. Trong tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu, cụ Lý Văn Phúc đã ca ngợi: “*Thầy Tử Lộ cũng người nước Lỗ, thờ hai thân từng bữa canh lê, thường khi đội gạo đi về, xa xôi trăm dặm nặng nề hai vai, đỉnh hoa biểu từ khơi bóng hạc, gót nam du nhẹ bước tang bồng. Xe trăm cỗ, thóc muôn chung. Ngồi chồng đệm ghép, ăn chồng vạc cao. Thân phú quý gắn vào thêm túi. Đức cù lao chạnh tới càng đau. Nào khi đội gạo, canh rau, muốn còn như cũ dễ hầu được ru!*” Trần Kỳ (tự là Nguyên Phương) và em là Trần Kham (tự là Quý Phương) là con trai của Trần Thực. Hai anh em đều được xưng là bậc hiền đức, hiếu thảo cao tột thuở đương thời.

nhieu. Lạ thay chuyện nhường quả<sup>322</sup>, ôm quất<sup>323</sup>. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Thời gian thấm thoát tựa thoi đưa. Chỗ vui sướng trong gia đình là niềm vui nơi con cháu<sup>324</sup>. Khi anh em hòa thuận, thì chị em bạn dâu cũng hòa thuận. Thanh danh hiếu để được lưu truyền mãi chẳng mất. Giàu có vàng bạc đầy rương sánh được sao? Phải biết tiếng thơm lưu truyền xưa nay. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Sáng thăm, tối viếng chớ chần chừ! Một nhà hiếu thảo, hòa thuận rất khó có. Thời gian trăm năm dễ trôi qua nhất. Chính mình phải nên sốt sắng giữ niềm vui hòa thuận. [Cơ sở để] giữ vẹn luân thường và tôn ty là sự khiêm hòa. Mặc áo sắc sỡ múa may, kèn sáo hòa điệu<sup>325</sup>. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

---

<sup>322</sup> Khổng Dung khi còn bé, mỗi khi cùng các anh ăn lê, bèn chọn quả bé hơn. Người lớn hỏi nguyên do, Khổng Dung đáp: “Con còn bé, lẽ đương nhiên là ăn quả nhỏ”.

<sup>323</sup> “Ôm quất” là nói tới Lục Tích đời Hán. Lúc sáu tuổi, Lục Tích theo cha đến Cửu Giang yết kiến tướng quân Viên Thuật, Viên Thuật mời họ ăn quýt. Quýt hết sức ngọt. Lục Tích bèn lén giấu trong tay áo ba quả. Khi ra về, do khom mình vái chào, quýt lẩn ra đất, Viên Thuật cười to. Cha Lục Tích hết sức hổ thẹn và tức giận, quở mắng. Lục Tích thưa: “Quý ngọt quá nên con không nỡ ăn, để dành đem về biếu mẹ”.

<sup>324</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này phải hiểu là thấy con cháu, anh em hòa thuận, lòng cha mẹ rất vui sướng. Đây là niềm vui to lớn nhất đối với cha mẹ.

<sup>325</sup> Nguyên văn “*ban y vũ bãi huân trì tấu*”, bao gồm hai điển tích về hiếu và để.

“*Ban y vũ*” (斑衣舞) là nói Lão Lai đã bảy mươi tuổi vẫn mặc áo vằn vện sắc sỡ, nhảy múa loi chơi như con nít, giả vờ trượt chân ngã, khóc lè nhè khiến cha mẹ

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Chồng đừng nên nghe lời vợ xúi giục. Đừng bức bối vì trước mắt tiền bạc ít ỏi. Con cháu dưới gối chẳng ngại nhiều. Chỉ cần gia đình hòa thuận, nghèo cũng được. Nếu dạy [con cháu] thành kẻ bất nghĩa, giàu có để làm gì? Vương, Hàn<sup>326</sup> hiếu thảo, hòa thuận lưu danh trong sử xanh. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Đừng gây tổn thương hòa khí, [vì] nhiều nỗi giận tức, tranh giành. Càng sanh ganh ghét, càng khốn khó. Ngấm ngầm tích cớ làm của riêng sẽ ngấm ngầm tiêu tán. Kẻ bất hiếu tự nhiên sanh ra đứa con ngỗ nghịch. Kẻ vô hạnh chắc chắn sanh ra con cái yêu ma! Chỉ nghe kẻ hiếu thuận, hòa mục, danh truyền muôn đời. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

---

cười to. Huân (埴) là nhạc khí bằng đất nung, có hình trứng, đầu nhọn có lỗ để thổi, đầu tù có nhiều lỗ nhỏ để người thổi dùng ngón tay bịt hay mở để tạo ra các nốt nhạc khác nhau. Nói chung loại kèn đất này hơi giống loại kèn ocarina của phương Tây, nhưng ocarina thì đẹp trong khi Huân có hình bầu. Trì (箎) là loại sáo thổi ngang, có bảy lỗ, thường làm bằng trúc. Chỗ khác biệt với sáo trúc thông thường là Trì thường được bịt kín một đầu. Loại nhạc khí này chỉ còn dùng trong lễ tế Không Tử. Thời cổ, hề thổi Trì thì sẽ dùng Huân thổi hòa theo; do vậy, anh em hòa thuận thường được ví như xếp đôi Huân và Trì để cùng diễn tấu (bãi huân trì tấu, 罷埴箎奏).

<sup>326</sup> Vương Hàn: Vương ở đây là Vương Tường nổi danh hiếu thảo. Mẹ ngã bệnh, thèm ăn cá, trời mùa Đông không tìm ra cá, ông cỡi trần nằm trên băng, cầu xin trời đất. Quả nhiên băng nứt vỡ, một đôi cá chép nhảy ra để ông bắt về nấu cho mẹ ăn. Hàn là Hàn Lăng, cha làm Thái Thú tỉnh Thiểm Tây. Ông mồ côi cha năm bốn tuổi, hết sức hiếu thảo với mẹ, thương yêu em trai. Khi trưởng thành, ông nhường toàn bộ gia sản do cha để lại cho các em, kể cả những anh em họ.



Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Đừng vì chuyện nhỏ nhặt mà tổn thương hòa khí. Đừng phien vàng trong rương ít ỏi, phải ngấm ngấm tích lũy âm chất cho nhiều. Riêng tư, tà vạy há tốt đẹp như công bằng, chánh trực? Cứng cỏi chẳng làm gì được kẻ tốt lành, mềm mỏng. Sách vở xưa nay thường khen ngợi: Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Than ôi, [gia đình tan rã] vì nghe theo những lời phân tích xúi siểm. Tài vật trong túi hiem còn ít, ruộng đất ông bà người vẫn muốn nhiều. Vợ chồng trước mắt tuy vui thú, sợ rằng mai sau con cháu phá tan tành!<sup>327</sup> Làm thế nào để giữ lòng hiếu thảo, hòa thuận với xóm làng? Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Đời Hán, ba anh em Điền Chân bàn tính phân chia tài sản [ra ở riêng]. Mọi thứ tài vật đều được chia đều. Trước nhà, có một cây tử kinh<sup>328</sup>, họ muốn chia làm ba, [dự tính] ngày hôm sau sẽ đốn. Cây liền khô héo. Điền Chân kinh hãi, bảo các em: “Cây vốn cùng một cội, nghe sắp bị chia xẻ nên khô héo, vậy là người chẳng

---

<sup>327</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này có ý nói: Kẻ vốn đã sẵn có của cải vẫn thấy là ít, đối với gia sản do ông bà, cha mẹ để lại vẫn lăm lăm muốn chiếm hữu nhiều hơn! Giành giật được của cải, chiếm tiện nghi của kẻ khác thì vợ chồng rất khoái trá, nghĩ mình giàu có, khôn ngoan, nào ngờ về sau con cháu phá tán cho bằng hết.

<sup>328</sup> Tử kinh (紫荊) là một loại cây có hoa đẹp thường được trồng làm cảnh, thường được biết dưới tên *Cercis Chinenis* hay đơn giản là Chinese Redbud. Cây có thể mọc cao đến 15 mét, thân cây có đường kính to đến nửa thước. Hoa có màu hồng hoặc trắng sữa, kết thành chùm, cánh hoa đơn rất đẹp. Khi nở hoa vào tháng Tư, cả cây chỉ thấy sắc hoa hồng tươi như hoa đào, hầu như không thấy lá.

bằng cây!” Do vậy, buồn bã khôn ngăn, chẳng còn tính xẻ cây nữa. Cây nghe tiếng bèn sống lại. Anh em họ cảm kích trước chuyện này, gộp tài sản lại, sống chung với nhau, được [người đời] xưng tụng là nhà hiếu thảo. Ôi! Anh em là một trong các mối thiên luân, hợp với [các mối quan hệ] cha con và vợ chồng thành Tam Cương. Vì thế, cổ nhân thường sánh ví [anh em] như tay chân, ý nói chẳng chia lìa vậy. Hễ ly ắt tán, hễ tán sẽ trơ trọi, do trơ trọi sẽ bị diệt mất.

Đời Tống, anh của Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) là Bá Khang, tuổi đã tám mươi. Ông (Tư Mã Quang) phụng dưỡng anh như cha, chăm chút anh như trẻ thơ. Thường khi người anh vừa ăn được chốc lát, ắt hỏi: “Có bị đói hay không?” Lạnh một chút, ắt sẽ xoa lưng bảo: “Áo có mỏng quá hay không?”

Châu Văn Xán tánh hòa thuận, yêu thương anh em. Người anh thích uống rượu, sống nhờ vào ông Xán. Người anh thường do say sưa mà đánh ông Xán. Hàng xóm bất bình, chửi người anh. Ông Xán tức giận, nói: “Anh chưa đánh ta, sao lại ly gián cốt nhục của ta?”

Đời Tống, Trịnh Đức Khuê và Đức Chương bẩm tánh hiếu thảo với cha mẹ, thuận thảo với anh em, sách bày cùng bàn, đêm ngủ đắp chung chăn. Đức Chương tánh hết sức chánh trực, làm mất lòng nhiều người. Kẻ thù hãm hại ông mắc tội chết, [quan phủ hạ] án lệnh bắt về Dương Châu. Đức Khuê đau xót vì em trai bị vu

cáo, giả vờ nói: “Chúng nó muốn hại ta, chuyện đâu có liên quan đến em! Để ta đến chỗ quan phủ, lời cáo gian ắt được sáng tỏ, chứ em đến cửa quan, há thoát khỏi chết ư?” [Đức Khuê bèn theo bọn sai nha] lên đường. Đức Chương đuổi kịp, anh em ôm nhau, giậm chân khóc lóc, tranh nhau đi chết. Đức Khuê ngấm ngấm tìm kế ngăn trở em trai lên đường, nửa đêm trốn đi. Đức Chương lại đuổi tới Quảng Lăng, Đức Khuê đã chết trong ngục. Đức Chương đau xót, ngất đi mấy lần, mang xương anh về an táng, dựng lều bên cạnh mộ anh suốt hai năm. Mỗi khi ông đau đớn gào khóc, chim chóc đều bay vùn vụt, bỏ ăn. Con Đức Khuê thơ dại, Đức Chương nuôi nấng, chăm chút như con ruột của chính mình.

Đời Hán, Tiết Bao hiếu học, chuyên tâm giữ gìn đức hạnh. Bị mẹ ghẻ ghét bỏ, đuổi đi, Tiết Bao hằng ngày đêm gào khóc ở bên ngoài nhà, buổi sáng lại vào nhà quét dọn. [Mẹ ghẻ] lại xua đuổi, bèn dựng lều ở nhờ trong làng. Sáng tối vẫn an. Hơn một năm sau, cha mẹ cảm động, cho trở về. Cha mẹ mất, ông đau buồn thành bệnh. Các em xin ra sống riêng, Tiết Bao không thể ngăn được, đành để mặc cho các em thỏa lòng mong muốn. Đối với tôi tớ, ông bèn chọn những người già yếu, bảo: “Những người này hầu ta lâu ngày, đã quen sai khiến rồi”. Đối với đồ đạc, ông chọn những thứ cũ nát, bảo: “[Những món này] ta quen sử dụng, cảm thấy thân và miệng thoải mái”. Đối với ruộng đất bèn chọn ruộng hoang vu, bảo: “Ta đã cày cấy từ bé, có ý quyến luyến [những thửa ruộng này]”. Các em chẳng

thể tự lập, đến nỗi phá tan gia sản. Tiết Bao lại cấp dưỡng. Hán An Đế nghe danh, vời vào triều giữ chức Thị Trung<sup>329</sup>. Ông chẳng nhận, vua bèn thưởng một ngàn thạch gạo.

Đời Hán, Hứa Vũ mồ côi từ bé, có hai đứa em thơ dại. Hứa Vũ ngày cày cấy, đêm học hành. Khi cày cấy, tuy hai em chưa đủ sức sử dụng cày bừa, thường bảo hai em theo bên cạnh quan sát. Khi đọc sách, hai em ngồi hai bên, đích thân dạy hai em đọc từng câu, từng đoạn, giảng giải cặn kẽ. Dùng lễ nghĩa dạy hai em, dạy dỗ đến khi em khôn lớn. Hễ em hơi chẳng vâng lời dạy, ông bèn tự quỳ trước bàn thờ trong nhà, thưa trình: “Bản thân con thiếu đức, chẳng thể dạy dỗ, cha mẹ có linh, xin hãy soi sáng cho hai em”. Một mực [làm như thế] cho đến khi hai em xin tha lỗi mới đứng dậy. Trọn chẳng dùng lời hằn học, hoặc vẽ mặt giận tức dần hắt hai em. Hứa Vũ tuổi đã lớn, chẳng cưới vợ, nếu có ai khuyên nhủ, bèn đáp: “Sợ cưới làm người, dễ sanh ra hiềm khích”. Do vậy, xóm giềng gọi ông là Hiếu Đế Hứa Vũ. Quan đầu quận tâu lên, ông được vua phong làm chức Nghị Lang, danh vọng rạng rỡ. Ông tháo giải đeo ấn (từ chức) trở về, lo liệu chuyện hôn nhân cho hai em trước. Sau đấy, chính mình mới cưới vợ. Anh em ở chung mà hòa thuận. Về sau, hai em cũng rất có tiếng tăm.

---

<sup>329</sup> Thị Trung (侍中) là một chức quan cố vấn thân cận của nhà vua. Đến đời Tấn, chức vụ này được gọi là Môn Hạ Tỉnh, tức tương đương với Tể Tướng sau này.

Đời Tùy, Ngưu Hoảng làm Lại Bộ Thượng Thư. Em trai tên là Bất, thường say sưa, bắn giết những con bò kéo xe của ông Hoảng. Ông Hoảng về đến nhà, vợ ra đón, mách: “Chú nó bắn giết bò!” Ông Hoảng chẳng trách móc gì, thông thả đáp: “Đem làm thịt khô”. Ông đã ngồi yên định rồi, vợ lại nói: “Chú nó giết bò là chuyện bất thường to lớn”. Ông bảo: “Biết rồi! Có gì lạ đâu?” Vẻ mặt như không có chuyện gì xảy ra. Ông đọc sách chẳng lười nhác; về sau, trở thành bậc Tể Tướng danh tiếng. Trong cõi đời, những kẻ lâm vào cảnh tình nghĩa anh em sút mẻ, chỉ là do nghe lời vợ [xúi giục]. Thấy chuyện này mà chẳng tỉnh ngộ, có khác gì cầm thú?

Đời Bắc Tề<sup>330</sup>, có người tên Phổ Minh, anh em tranh chấp tài sản, quanh năm kiện tụng, ai nấy tìm người làm chứng, thưa lên Thái Thú huyện Thanh Hà là Tô Quỳnh. Ông Tô gọi họ đến, khuyên dạy: “Trong thiên hạ, khó được làm anh em. Đất đai, vườn tược là cái dễ được nhất. Giả sử có được vườn tược, ruộng nương, mà mất đi anh em, cái tâm như thế nào vậy?” Do đó, họ ứa nước mắt, những kẻ làm chứng không ai

---

<sup>330</sup> Bắc Tề (550-577) là một triều đại khá ngắn ngủi trong thời Nam Bắc Triều. Sau khi nhà Tấn của Tư Mã Ý suy vong, dẫn đến tình trạng quân phiệt cát cứ, chia xẻ Trung Hoa thành nhiều nước, Sử thường gọi là thời Nam Bắc Triều. Triều đại Bắc Tề do Cao Dương sáng lập, nên đôi khi còn gọi là nhà Cao Tề, để phân biệt với nhà Nam Tề (490-502, còn gọi là nhà Tiêu Tề do Tiêu Đạo Thành sáng lập) trước đó. Bắc Tề diệt Đông Ngụy, đóng đô tại Nghiệp Thành. Cao Dương vốn là con của quyền thần Cao Hoan nhà Đông Ngụy. Sau khi cha chết, Cao Dương được Ngụy Tĩnh Đế (Nguyên Thiện Kiến) nhà Đông Ngụy phong làm Thừa Tướng, tước Tề quận vương. Cao Dương phế Ngụy Tĩnh Đế, đổi quốc hiệu thành Tề, nhưng chỉ làm vua được mười năm rồi chết khi mới 33 tuổi! Về sau, nhà Bắc Tề bị Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) của nhà Bắc Châu tiêu diệt.

chẳng cảm động, khóc ròng, dập đầu [vâng theo lời dạy], nhường nhịn lẫn nhau.

Ông Vu Thiết Tiều nói:

- Hai đứa con nhà quan X... ở Hoài Âm đôi chọi nhau từ bé, trải nhiều năm chẳng gặp nhau một lần. Về sau, người anh mắc bệnh nguy ngập, gọi em tới bên giường, nắm tay, bảo: “Ta mười chín tuổi kết hôn, thuở bé chẳng có tình yêu thương vợ con. Ba mươi tám tuổi cha mẹ mất, tuổi già chẳng có tình yêu thương của cha mẹ. Tự hội với nhau lâu nhất chẳng ai bằng hai đứa ta và người. [Thế mà] lại suốt đời chẳng hợp nhau, nay mới hối hận, nhưng đời ta đã hết rồi!” Đau đớn thay, người nghe chuyện ấy ắt sẽ động lòng.

Đời Hậu Hán<sup>331</sup>, Mậu Đồng mồ côi [mẹ] từ bé, có bốn người anh em khác mẹ, cùng nhau sở hữu tài sản gia nghiệp. Cho đến khi mỗi người cưới vợ, các em đòi chia của sống riêng. Ông lại phải mấy lần nghe những lời lẽ tranh chấp. Mậu Đồng bèn đóng chặt cửa, tự quở: “Mậu Đồng! Người tu thân, vâng giữ đức hạnh cẩn thận nhằm học theo pháp tắc của thánh nhân, hòng khiến cho phong tục được tốt đẹp, đoan chánh, có sao chẳng thể giữ yên gia đình vậy?” Các em và vợ nghe thấy đều dập đầu tạ tội, lại sống hòa thuận với nhau.

---

<sup>331</sup> Hậu Hán (947-951) là một triều đại trong mười quốc gia được thành lập thời Ngũ Đại trước khi Triệu Khuông Dẫn thống nhất giang sơn. Triều đại này do Lưu Tri Viễn sáng lập, chỉ truyền được hai đời vua, là triều đại ngắn nhất và tệ hại nhất trong lịch sử Trung Hoa. Trước sau chỉ tồn tại bốn năm; trong bốn năm ấy, đấu tranh cung đình, chiến tranh liên miên. Đây cũng là triều đại cuối cùng do người thiểu số Sa Đà sáng lập tại Trung Nguyên.

Thời Ngũ Đại, Trương Sĩ Tuyên mồ côi cha mẹ từ bé. Đến lớn, chỉ có chú còn sống. Chú có bảy đứa con, một hôm, chú bảo Sĩ Tuyên: “Ta sẽ chia của cho người, sẽ chia [tài sản] thành hai phần, [người được một phần]”. Sĩ Tuyên thưa: “Cháu không nỡ lòng để bảy người chia nhau một phần, xin hãy chia thành tám phần [đều nhau]”. Chú kiên quyết từ chối, Sĩ Tuyên cũng kiên quyết nhường phần, chú đành chia làm tám phần. Khi Sĩ Tuyên mười bảy tuổi, gặp kỳ thi Hội bèn lên kinh đô. Những người cùng ở trọ có đến hai mươi mấy mạng. Có một thuật sĩ xem tướng, bảo: “Kẻ đỗ đạt chỉ có đứa thiếu niên này”. Những kẻ cùng trọ cười chê [thuật sĩ ăn nói hàm hồ]. Thuật sĩ bảo: “Ta chẳng hiểu gì về văn chương, nhưng đứa thiếu niên này mặt tràn đầy âm đức, ắt là do tích thiện mà ra”. Đến khi yết bảng, chỉ riêng mình Sĩ Tuyên đỗ cao. Phàm những kẻ hèn hạ, bạc bẽo tình thủ túc trong hiện thời, tranh giành tài vật, tiền bạc, dẫu đối với anh em ruột mà còn như thế, huống hồ đối với những đứa con dòng thứ do mẹ kế sanh ra, sẽ dễ sanh lòng khinh rẻ, lấn hiếp, càng chèn ép quá đáng. Nếu là anh em họ, đôi bên càng xa cách, sự thân sơ càng rõ! Ai có thể như ông Trương [Công Nghệ] ư? Chẳng biết cổ nhân đã nói: “*Bạc đãi anh em chính là bạc đãi cha mẹ. Bạc đãi anh em họ, chính là bạc đãi tổ tiên*”. Nếu thiếu căn cội, cành lá ắt hư hoại. Đối với điều luận định đến tận nguồn cội này, mọi người hãy nên đọc đi đọc lại, suy sâu nghĩ chín!

Đời Tống, Mao Liệt và Trần Kỳ thân thiết. Trần Kỳ có ba đứa em còn bé, lo sợ khi chúng nó lớn lên sẽ

phải phân chia sản nghiệp, bèn trước đó đem quá nửa số ruộng gạ gẫm sang lại với giá rẻ cho Mao Liệt, tích cóp mấy ngàn xâu tiền<sup>332</sup>. Sau khi mẹ mất, [Trần Kỳ] chỉ dùng số ruộng hiện đang có để chia cho các em. Hơn một năm sau, hấn mang tiền đến nhà Mao Liệt xin chuộc ruộng. Mao Liệt nhận tiền, nhưng ôm lòng chiếm đoạt, bèn lừa gạt bảo: “Hôm khác sẽ trả lại bằng khoán”. Trần Kỳ tự nhủ: “Ta thường giao hảo thân thiết với Mao Liệt, chắc là hấn chẳng có ý gì khác!” Vài hôm sau, [Trần Kỳ] tìm tới, Mao Liệt tránh mặt, không ra tiếp. Thừa lên huyện, quan huyện ăn hỏi lộ của Mao Liệt, phán: “Quan tin vào văn thư mà thôi, há có chuyện trao tiền mà không lấy bằng khoán ư?” Rót cuộc, Trần Kỳ mắc tội vu cáo, bị phạt trượng. Về sau, nhiều lần thừa lên quan, hao tổn tài sản của chính mình gần như hết sạch, chẳng có bằng chứng để đòi tiền chuộc lại, ruộng vẫn thuộc về tay Mao Liệt. Ba người em [của Trần Kỳ] nghe chuyện cười khì. Trong cõi đời, những kẻ cậy mình khôn lớn lần hiếp đả thương đại, có kẻ nào chẳng gặp phải hạng người như Mao Liệt ư?

Có ba anh em người dân ở huyện Cú Dung, người anh sang tạm cư tại đất Thục (Tứ Xuyên), ba năm không về. Đứa em thứ hai do thấy chị dâu xinh đẹp, sai người giả vờ đưa tin người anh đã chết. Chị dâu khóc lóc, để tang. Lâu ngày, hấn xét thấy [chị dâu] không có ý định tái giá, bèn ngầm nhận tiền của gã lái buôn để

---

<sup>332</sup> Nguyên văn là Mân (緡). Thời cổ, tiền xâu thành chuỗi, cứ một ngàn đồng thì gọi là một Mân.



bán [chị dâu], lại còn nói gạt gãi lái buôn rằng: “Chị dâu lòng muốn tái giá mà hay làm ra vẻ màu mè. Nếu nói lời ngon ngọt, ắt phải tốn nhiều thời gian. Ông có thể dẫn theo nhiều người kéo tới bất ngờ. Hễ thấy người nào cài trâm màu trắng, cứ lôi tuột lên xe, chỉ nói: ‘[Có chuyện gì] ngày mai sẽ nói’. Hễ lên thuyền, sẽ là vợ của ông rồi!” Mưu kế đã định, đêm ấy, gã lái buôn dẫn lũ tay chân kéo tới, hai đứa em thứ hai và em út đều tránh mặt. Nhưng đứa em út tức giận vì được chia tiền ít, trước đó, đã ngầm nói với chị dâu, vợ đứa em thứ hai chẳng biết. Do vậy, chị dâu khóc lóc, nói với vợ đứa em thứ hai: “Chồng em gả chị đi, may mắn là gặp khách giàu có, sao không nói sớm để chị trang điểm? Nay gặp dịp lễ tốt lành mà mặc đồ trắng toát thì coi sao được! Mong em đổi cho chị chiếc mũ sẫm màu trong chốc lát [để hành lễ]”. Vợ đứa em thứ hai bèn đưa mũ cho, tự cài chiếc trâm trắng. Chị dâu liền nấp kín. Bọn khách kéo đến, thấy vợ của đứa em thứ hai bèn lôi tuột đi, thừa dịp thuận gió mà nhổ thuyền. Đứa em thứ hai trở về, mới kinh hoảng là đã mất vợ, đuổi theo, nhưng ngàn cánh buồm lẫn lộn, chẳng thể tìm được. Đến hôm sau, người anh cả tay xách nách mang trở về, vợ chồng đoàn tụ. Người làng đều đến thăm hỏi, đứa em thứ hai hổ thẹn tột bậc. Hắn nghe hai đứa con thơ khóc lóc vì nỗi lẻ loi mà đứt từng khúc ruột! Người làng có kẻ biết chuyện, không ai chẳng ngấm ngầm cười nhạo! Phàm là những kẻ kính thuận hay khinh dối anh em, so với [chuyện lừa gạt, khinh rẻ] người khác, báo ứng họa hay phúc gấp mười! Nếu [lừa dối, khinh rẻ] cha mẹ, sẽ

[mắc quả báo] gấp trăm lần, há chẳng đáng sợ ư? Há chẳng đáng răn dè ư?

*(Chánh văn) Chánh kỷ hóa nhân.*

**(正文)正己化人。**

*(Chánh văn: Sửa mình [cho chánh đáng] hòng dạy người khác).*

“Chánh” (正) là đích xác, chẳng thể đổi khác. “Hóa” (化, giáo hóa) là chuyện tự nhiên. Có nghĩa là bản thân đã chánh đáng, chẳng ép buộc mà người khác sẽ hành theo. Đã đổ công dốc sức giữ mình chánh đáng, sẽ có nhiều loại diệu dụng giáo hóa người khác. Người có thể giữ mình chánh đáng, chưa hề chẳng thể khiến cho muôn loài đều chánh đáng theo. Bởi lẽ, do người ấy đã chánh, ai nấy đều kính trọng, người ta sẽ biết chỗ đáng tôn kính [của người ấy], đấy chính là chỗ để chuyển hóa cái tâm của họ. Nếu đối với chỗ có thể chuyển hóa ấy, [ta do] lòng chí thành khiến cho họ cảm động đôi chút, họ sẽ tự nhiên vừa được khơi gợi bèn chuyển biến. Vừa được khơi gợi, [thiện tâm, chánh tâm] sẽ tỏ lộ, không ai chẳng thuận theo. Nếu tự cho mình là chánh đáng, phán xét kẻ khác là bất chánh, chỉ trích họ đôi chút, ắt họ sẽ chẳng cam lòng tiếp nhận lời

dạy, sẽ ương bướng tranh cãi đến đầu đến đũa, cũng chẳng phải là đã ngược ngạo dập tắt thiện tâm của họ hay sao? Đấy chính là căn bệnh chung của những kẻ ưa chuộng điều thiện trong thời gần đây! Thường là vì hành xử quá thô tháo, họ (người mà ta mong giáo huấn) sẽ chấp trước, chẳng chuyển! Hãy nên rắn dè sâu xa! Hãy cẩn thận, chớ bỏ ruộng mình đi cày ruộng người! Vương Báo sống ở Kỳ Thủy, người Hà Tây đều giỏi ca hát, Miên Câu ở Cao Đường, người xứ Tề Hữu<sup>333</sup> đều khéo ca xướng. Đâu có phải là do hai người ấy chỉ dạy tiết tấu cho từng người, hằng ngày dạy họ phách nhịp!

[Tánh tình] thanh cao thì đáng quý nhất là có thể bao dung, người nhân từ thì cốt sao phải quyết đoán. Đừng vì [kẻ khác] thí xả ân huệ nhỏ nhoi [đối với mình] mà [nể nang ân nghĩa đến nỗi] tổn thương đại thể; đừng mượn danh nghĩa công chánh để xử sự theo tình cảm thiên vị riêng tư. Ở trong hoàn cảnh bận bịu, phải nên biết cách giữ mình nhàn tản, lúc gấp rút càng nên giữ mình thông dong, lúc vô sự đừng quên đề phòng, tự kiểm điểm. Khi có việc thì phải kiên nhẫn, chịu đựng, đừng vì thành kiến mà chất chứa nghi ngại [đối với kẻ khác]. Đừng cố chấp kiến giải của chính mình để rồi cự tuyệt những lời can gián. Có chừng mực phân minh, sẽ có thể giảm bớt việc. Chẳng quan tâm lời khen, tiếng chê, tâm sẽ có thể thanh tịnh. Do chánh trực, có thể cảm thông thần minh. Do trung tín, sẽ có

---

<sup>333</sup> Vương Báo là người nước Vệ, sống ở vùng Kỳ Thủy (nay thuộc huyện Lâm, tỉnh Hà Nam). Miên Câu là người nước Tề, sống tại Cao Đường (thuộc tỉnh Sơn Đông hiện thời). Cả hai đều giỏi âm luật, thích ca xướng.

thể ở nơi biên địa, kém văn minh, mà vẫn chẳng bị trở ngại. Nhân phẩm phải đến mức như thế thì mới gọi là “chánh” được!

Cái tâm đã chánh rồi thì sau đây mới có thể khiến cho bản thân mình cùng muôn vật được đoan chánh. Cái tâm đã chánh, muôn vật sẽ định. Bởi lẽ, sự cảm nhiễm do thanh sắc bên ngoài chỉ là những chứng bệnh nơi cành nhánh. Tình thức hư vọng phát khởi từ bên trong, đây là căn bệnh nơi cội gốc. Người học đạo trước hết hãy nên đối trị nội tâm để ngăn ngừa [sự dục, mê hoặc từ] bên ngoài. Chớ nên tham đắm ngoại cảnh khiến cho nội tâm bị tổn hại. [Như vậy thì] cái tâm đã được kiến lập chánh đáng, muôn vật chẳng hề có thứ gì không bị cảm hóa theo. Bởi lẽ, căn bản của nhất tâm đã mạnh mẽ, chắc thật, tự nhiên muôn vật [vốn là] những thứ cành lá sẽ tươi tốt. Do vậy, muốn hướng dẫn muôn loài thì cái tâm phải thanh tịnh. Để khiến cho người khác chánh đáng thì chính mình phải chánh đáng trước đã.

Vào đời Tống, thiền sư Phù Sơn Viên đã nói: “Tâm là chủ của thân, là căn bản của muôn hạnh. Tâm chẳng diệu ngộ, vọng tình tự sanh. Vọng tình đã sanh, sẽ chẳng thấy rõ Lý, sẽ làm loạn giữa đúng và sai. Vì thế, để đối trị cái tâm, cần phải cầu diệu ngộ. Hề ngộ, ắt thần hòa khí tĩnh, vẻ mặt, tư thái trang trọng, cung kính. Vọng tưởng và những tình thức ưu lự đều bị hòa tan trong chân tâm. Đây là cách để chánh tâm vậy”.

Đời Hậu Hán, Quách Thái, tự Lâm Tông, [có lần] ngồi cùng thuyền với quan doãn đất Hà Nam là Lý Ứng<sup>334</sup>. Người khác trông thấy [hai vị ấy], ngỡ là được lên thuyền tiên. Triều đình nhiều lượt chèo kéo [Quách Thái ra làm quan, ông] đều chẳng chiều theo. Tánh ông khéo biết nhìn người, ưa cổ vũ, khích lệ các kẻ sĩ khiến họ đạt nhiều thành tựu. [Quách Thái] trông thấy Mao Dung đụt mưa, ngồi ngay ngắn, bèn khuyên hãy đi học. [Do biết] Mạnh Mẫn làm vỡ bình hoa mà chẳng xót xa, Quách Thái cho là Mạnh Mẫn có tánh cách quyết đoán, cũng khuyên nên học hành. [Về sau], họ đều trở thành bậc danh nho. Ông đề bạt Thân Đồ Bàn vốn là thợ chế sơn, ông nhận biết kẻ canh cửa là Dữu Thừa [là người có tài đức, đều khuyến khích họ gắng sức lập thân]. Những kẻ khác xuất thân là đồ tể, bán rượu, hoặc lính tráng, do được Quách Thái khích lệ, tiến cử đều thành danh rất đông. Một học sinh trong quận là Tả Nguyên do phạm pháp mà bị mọi người bài xích, gặp Quách Thái, ông bèn an ủi: “Xưa kia Nhan Trác Tự là kẻ trộm lớn tại Lương Phủ, Đoàn Can Mộc cũng là kẻ buôn ngựa nơi đất Tấn, rốt cuộc họ trở thành bậc trung hiền

---

<sup>334</sup> Lý Ứng là người sống vào thời Đông Hán, tánh tình cương trực, giao du rất thân với Quách Thái. Ông ghét bọn hoạn quan chuyên quyền, không chịu luồn cúi, xu nịnh. Người đương thời ca ngợi “*thiên hạ khải mô Lý Nguyên Lễ*” (Lý Nguyên Lễ là bậc khuôn mẫu cho cõi đời), Nguyên Lễ là hiệu của ông. Người được quen biết với ông đều cảm thấy vinh hạnh như cá chép vượt Vũ Môn thành rồng vậy. Tánh ông kiên quyết đến nỗi em trai của quyền thần Trương Nhượng là Trương Sóc làm huyện lệnh Dã Vương, vốn là kẻ tham tàn, vô đạo, đức lẫn hạnh đều xấu xa, bị ông hạch tội. Trương Sóc sợ oai, trốn về kinh đô, núp trong một cái cột rồng rất to trong phủ. Ông điều tra ra, bèn kéo người đến bắt, phá cột, giết chết Trương Sóc. Khi ấy, lũ tay chân của Trương Sóc sợ hãi, chẳng dám hó hé tí nào! Cuối cùng bọn hoạn quan vu hãm, đàn hặc, khiến cho ông bị hạ ngục, chết trong tù.

của nước Tề, nước Ngụy. Đừng tức giận, căm hận, hãy trách chính mình mà thôi!” Nếu có kẻ dị nghị Quách Thái chẳng tuyệt giao với kẻ ác, ông đáp: “Người mà chẳng có lòng nhân từ, lại chán ghét [kẻ ác] quá đáng, họ sẽ làm loạn”. Tả Nguyên đang muốn kéo bè kéo đảng để báo thù, do được Quách Thái chỉ bảo bèn thôi. Giả Thục tánh tình âm hiểm, là mối lo cho làng nước. Quách Thái để tang mẹ, tiếp nhận phúng điếu của gã ấy. Có người trách móc, ông Quách bảo: “Trọng Ni (Khổng Tử) chẳng cự tuyệt người cùng làng. Tử Nguyên gột lòng, hướng về điều lành; vì thế, tôi tán dương những điếm tiến bộ của ông ta”. Giả Thục nghe nói, bèn tự sửa đổi, trở thành bậc thiện sĩ. Những người như Sử Thúc Tân, Hoàng Doãn v.v... đều có tiếng tăm hiển hách, nhưng Quách Thái biết họ chẳng chân thật, cho là họ ắt sẽ suy bại. Về sau, quả đúng như vậy. Khi mỗi họa do quan lại kéo bè kết đảng [tranh giành quyền lực] nổ ra, những người nổi tiếng phần nhiều bị mắc họa, chỉ riêng Quách Thái do “*ẩn giấu điều ác, phô bày điều thiện*” là tránh khỏi mạng lưới mưu toan hãm hại trong cõi đời. Khi ông mất, hơn một ngàn người đưa tang, cùng nhau khắc đá, lập bia. Thái Ung<sup>335</sup> nói: “Tôi đã soạn khá nhiều những bài văn khắc trên bia mộ hoặc làm bài minh, chỉ riêng ông Quách là có đạo đức, chẳng thẹn [với những lời ca tụng trên văn bia] vậy!”

---

<sup>335</sup> Thái Ung là người giỏi văn chương, học rộng, thông thạo số thuật, thiên văn, lại còn tinh tường nhạc luật, giỏi điều khắc, khéo viết văn bia, nên thường được mời viết văn bia cho những người nổi tiếng thuở ấy.

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công trung hậu, chánh trực, tiếng tăm vang dội cả nước. Ông sống tại Lạc Dương, [do chịu ảnh hưởng của ông], phong tục biến đổi, không ai chẳng tôn trọng, giữ vẹn danh tiết, ngượng ngùng chẳng muốn bàn tới chuyện tài vật, lợi lộc. Ai nấy đều biết giữ liêm sỉ, hễ con cháu trong nhà muốn làm chuyện gì, ắt đều răn nhắc: “Chớ làm chuyện bất thiện, sợ Tư Mã Đoan Minh<sup>336</sup> biết đến!”

Huyện lệnh Ung Khâu là Lưu Cử dùng lễ nghĩa giáo hóa dân. Hễ có kẻ đến thưa kiện, ắt sẽ dùng vẻ mặt hòa nhã, thiết tha răn dạy: “Có thể nhẫn nại trước cơn tức giận, chắc chắn sẽ khỏi phải đến chốn công đình”, bảo họ trở về suy nghĩ kỹ hơn. Kẻ thưa kiện bị cảm động, giác ngộ, liền bãi nại. Ông biến đổi phong tục to lớn, đức hạnh của dân chúng trở thành sâu dày. Hễ [người làm quan] ngồi xử án, phán quyết, vốn phải vì dân, thế mà có kẻ chấp nhận pháp luật quá lỏng, lại chẳng hiểu rõ tình hình dân chúng, thường có chuyện cứ khăng khăng vận dụng hình pháp đến nỗi [kẻ tình nghi] bị mất mạng! Sao không khiêm hư, bình đẳng, khoan dung để thấu đạt tình lý vậy thay?

Đời Hậu Hán<sup>337</sup>, Trần Thật sống trong làng quê, dùng cái tâm công bằng hướng dẫn mọi người. [Trong làng], hễ có chuyện kiện cáo, liền mời ông làm người phân xử. Ông huấn dụ cặn kẽ đủ mọi lẽ, [khiến cho sau

---

<sup>336</sup> Đoan Minh là biệt hiệu của Tư Mã Quang.

<sup>337</sup> Hậu Hán ở đây là nhà Đông Hán, tức nhà Tây Hán được tái lập bởi Lưu Tú (Hán Quang Vũ Đế) sau khi dẹp tan Vương Mãng, không phải là nhà Hậu Hán thời Ngũ Đại của Lưu Trí Viễn.

phán định], họ lui về chẳng ôm lòng oán hận. Họ còn nói: “Thà bị hình phạt, chớ bị ông Trần nêu ra khuyết điểm”. Đã từng có kẻ trộm núp trên kèo nhà, Trần Thật ngồi dậy, cầm đuốc, gọi con em bảo: “Làm người chẳng thể không cố gắng. Kẻ bất thiện chưa chắc vốn là ác, do huân tập mà thành tánh; vì thế, đến nông nổi này, [trở thành] kẻ đầu trộm đuôi cướp!” Tên trộm kinh hoảng, gieo mình xuống đất xin tha tội. Trần Thật thông thả khuyên nhủ, tặng hấn hai xấp lụa, bảo hãy tự sửa đổi. Sự giáo hóa của ông lan khắp huyện, chẳng còn có nạn trộm cắp nữa!

Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên) soạn ngôi nhà Đường. [Cháu của Vũ Hậu] là Vũ Thừa Tự và Vũ Tam Tư<sup>338</sup> lo toan để được trở thành Thái Tử. Ý Thái Hậu chưa quyết. Địch Nhân Kiệt tận trung với nhà Đường, thường thông dong nói với Thái Hậu: “Văn hoàng đế (Đường Thái Tông) dải gió dầm mưa để định thiên hạ,

---

<sup>338</sup> Vũ Thừa Tự là con trai của Vũ Nguyên Sảng (anh cùng cha khác mẹ của Vũ Hậu). Khi Vũ Sĩ Hộ (cha của Vũ Tắc Thiên chết), Thừa Tự đã được tập tước Châu Quốc Công, lần lượt leo cao dần đến chức Văn Xương Tả Tướng (tả thừa tướng). Hấn ta mong được làm Thái Tử nên đã sai bọn tay chân là Vương Khánh Chi, Trương Gia Phước v.v... dâng sớ xin Vũ Hậu lập Thừa Tự làm Thái Tử. Do đại thần Lý Chiêu Đức can gián, Vũ Hậu bãi chức thừa tướng của Thừa Tự. Về sau, Vũ Hậu lại lập con ruột là Lý Hiền (Đường Trung Tông) làm Thái Tử, giắc mộng làm vua của Thừa Tự tan vỡ. Hấn uất ức phát bệnh mà chết. Vũ Tam Tư là con trai của Vũ Nguyên Khánh (anh cả của Vũ Tắc Thiên), từng được phong làm Lương Vương khi Vũ Hậu xưng đế. Hấn là người tàn ác, xảo quyệt, hết sức tận tụy quét sạch những kẻ chống đối Vũ Tắc Thiên, nên Vũ Tắc Thiên rất yêu mến, tín nhiệm, từng có ý định cho hấn làm Thái Tử. Vũ Tam Tư từng dùng mọi thủ đoạn triệt hạ tông thất nhà Đường, gây nên nhiều biến loạn trong cung đình khiến các đời vua Đường Trung Tông, Đường Duệ Tông bất ổn, nhiễu nhương.



truyền cho con cháu. Đại đế (Đường Cao Tông)<sup>339</sup> phó thác hai con<sup>340</sup> cho bề hạ. Nay bỏ dòng họ của các vị ấy đi, có nên hay không? Hơn nữa, giữa cô cháu và mẹ con, đằng nào thân thiết hơn? Bề hạ lập con [nói ngô], ắt ngàn đời muôn năm sau, được thờ phối hưởng trong Thái Miếu, vĩnh viễn tiếp nối chẳng cùng. Lập cháu, ắt chưa hề nghe có chuyện cháu làm thiên tử sẽ thờ kèm thêm cô trong miếu [thờ tổ tiên]!” Do vậy, ông khuyên Thái Hậu triệu Lư Lăng Vương<sup>341</sup> về, lại lập làm Thái Tử. [Ông đã có công] biến đổi nhà Châu thành nhà

---

<sup>339</sup> Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) khi mất có thụy hiệu là Văn Vũ Đại Thánh Đại Quảng Hiếu hoàng đế, nên thường gọi tắt là Văn Đế. Ngay trong khi Đường Cao Tông (Lý Trị) còn sống, do quần thần sợ Vũ Tắc Thiên, đã tôn xưng Cao Tông là Thiên Hoàng Đại Đế, còn Vũ Tắc Thiên được xưng tụng là Thiên Hậu. Vì thế, khi nhắc tới Đường Cao Tông, quần thần thường phải gọi là Đại Đế tuy ông này hôn ám, nhu nhược, hoàn toàn bị Vũ Tắc Thiên thao túng.

<sup>340</sup> Vũ Hậu có sáu người con với Đường Cao Tông là Lý Hoảng, Lý Hiền, Lý Hiễn, Lý Đán, công chúa An Định và công chúa Thái Bình. Lý Hoảng nhân từ, sức khỏe yếu, hơi nhu nhược, không tán đồng những hành vi chuyên quyền, đối xử tàn tệ với hoàng tộc nhà Đường, nên bị Vũ Tắc Thiên ghét bỏ, tính phế ngôi Thái Tử. Ông chết đột ngột năm 25 tuổi, có thuyết nói là do bị Vũ Tắc Thiên hạ độc. Người con thứ là Lý Hiễn rất hiền minh, chánh trực, nên bị Thái Hậu ghét bỏ vì không theo phe bà. Lại vì một tay đao sĩ sủng ái của Vũ Hậu là Minh Sùng Nghiễm bị bọn cướp đánh chết, Vũ Hậu càng nghi Lý Hiễn ngấm ngầm làm chuyện này, do trước đó Minh Sùng Nghiễm đã nhiều lần công khai gièm pha Lý Hiễn trước mặt mọi người. Để tăng công, bọn Tiết Nguyên Siêu, Bùi Viêm, Cao Trí Châu đã âm mưu hãm hại, vu cáo Lý Hiễn chiêu tập binh mã mưu mô làm loạn. Lý Hiễn bị kết tội, đày đi Ba Thục, cấm không cho về kinh đô. Về sau, Vũ Hậu lại sai người đến ép ông uống thuốc độc tự tử. Do vậy, chỉ còn hai người con trai là Lý Hiễn và Lý Đán. Do họ rất nhu nhược nên còn sống sót. Công chúa Thái Bình cũng là người mưu mô thủ đoạn, tiếp tục lũng đoạn triều chính trong một thời gian dài sau khi Vũ Hậu mất mãi cho đến khi bị Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng) dùng mưu mới trừ khử được.

<sup>341</sup> Lư Lăng Vương là tước phong của Lý Hiễn. Về sau, Lý Hiễn lên làm vua, tức Đường Trung Tông.

Đường<sup>342</sup>. Về sau, ông được cử làm Bình Chương Sự<sup>343</sup>, tước phong Lương quốc công.

Thời Ngũ Đại, Phòng Cảnh Bá làm Thái Thú huyện Thanh Hà. Mẹ là Thôi Thị thông thạo kinh điển, rất hiểu biết. Có một phụ nữ ở Bối Khâu tố cáo con mình bất hiếu. Mẹ ông Phòng nói: “Dân chưa biết lễ nghĩa, há đáng quở trách sâu nặng?” Bèn gọi người mẹ ấy đến, bảo ngồi đối diện bên bàn cùng ăn, sai đứa con đứng hầu phía dưới, xem Cảnh Bá dâng cơm cho mẹ. Suốt mười ngày như thế, đứa con ấy hối lỗi, xin về. Mẹ [ông Cảnh Bá] nói: “Tuy vẻ mặt đã lộ vẻ hối hận, nhưng cái tâm chưa quyết!” Lại giữ thêm hai mươi mấy ngày nữa, đứa con ấy dập đầu đến chảy máu, mẹ hắt chảy nước mắt xin về. Sau đấy, nghe thấy đứa con ấy được khen là hiếu thảo.

---

<sup>342</sup> Sau khi Đường Cao Tông mất, Lý Hiền lên làm vua tức Đường Trung Tông, nhưng quyền hành thật sự nằm trong tay Thái Hậu Vũ Tắc Thiên. Bà ta sai hoạn quan Khâu Thần Tích sang Tứ Xuyên ép cựu thái tử Lý Hiền uống thuốc độc tự tử. Do Trung Tông có ý chống đối, bà liền phế Trung Tông, lập Lý Đán lên làm vua, tức Đường Duệ Tông. Ông này chỉ làm vua bù nhìn. Bà ta thu tóm quyền hành, giết hại công thần, lưu đày hoàng tộc nhà Đường xuống vùng Lĩnh Nam. Gã sư pháp giới là Pháp Minh lại ngụy tạo bốn quyển Đại Vân Kinh để ca ngợi Vũ Hậu là Phật Di Lặc giáng trần. Bọn bợ đỡ là Phó Du Nghệ cùng hơn chín trăm đại thần bèn thừa cơ dâng biểu xin Vũ Hậu xưng đế. Bà ta liền đổi quốc hiệu là Châu, ngạo mạn xưng tôn hiệu là Thánh Thần Hoàng Đế, giáng Duệ Tông xuống làm hoàng tự (danh xưng khác của Thái Tử), truy tôn cha ông mình thành hoàng đế.

<sup>343</sup> Bình Chương Sự có tên gọi đầy đủ là Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, tương đương với chức Tể Tướng. Thời Đường Thái Tông, đã quy định trưởng quan của ba cơ quan hành chánh (Trung Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh và Thượng Thư Tỉnh) là Trung Thư Lệnh, Thị Trung và Thượng Thư Bộc Xạ cùng giữ vai trò Tể Tướng. Cả ba vị này đều được gia phong cấp bậc Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, đến thời Vũ Tắc Thiên đổi thành Đồng Phượng Các Loạn Đài Bình Chương Sự. Đến đời Đường Đại Tông, chức vụ này mới đổi thành Đồng Bình Chương Sự và mới là Tể Tướng thật sự đứng đầu bá quan.

Anh em Thí Tá và Thí Hữu đều làm Tri Châu, từ quan về nhà. Do phân chia ruộng đất không công bằng, giữa cốt nhục với nhau có mối hiềm khích. Thân hữu chẳng thể hòa giải được! Người cùng huyện là ông Nghiêm Khê Đình, tên là Phụng, một niềm hiếu hữu (hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em), phụng sự anh như cha, giúp đỡ, che chở, thương yêu chẳng sót chút gì! Ngẫu nhiên, ông Nghiêm ngồi cùng thuyền với Thí Hữu, Thí Hữu nhắc tới chuyện gia sản. Ông Nghiêm chau mày nói: “Anh tôi nhu nhược, tôi chính vì chuyện này mà khổ não! Giá được như anh của ông có thể tận hết sức đoạt sạch ruộng của tôi, tôi còn phải lo lắng chi nữa?” Nhân đấy, gạt nước mắt không ngừng. Thí Hữu động lòng, cảm ngộ, bèn mời ông Khê Đình (Nghiêm Phụng) cùng đến nhà anh mình. Ông vừa lay, vừa khóc, tự hối hận, tự trách sâu xa. Thí Tá cũng rơi nước mắt, an ủi. Mỗi người đều muốn nhường ruộng cho nhau, bèn suốt đời hòa thuận, yêu thương nhau. Đến nay, cả hai người bọn họ đều có con cháu đông đúc. Người đời vẫn thích bàn về chuyện ấy!

Trong ba câu chuyện trên đây, trung, hiếu, thuận thảo, sẽ cảm hóa người khác, vốn chỉ là tự giữ thân mình tốt đẹp, sẽ khiến cho người khác được cảm hóa giống như vậy. Càng thấy rõ thiên tánh vốn tốt lành như thế đó!

*(Chánh văn) Căng cô tuất quả, kính lão hoài ấu.*

**(正文)矜孤恤寡。敬老懷幼。**

*(Chánh văn: Thương xót con cô, cứu giúp quả phụ. Kính già, thương trẻ).*

Ông Vu Thiết Tiều nói:

- Mẹ góa, con cô là nỗi bất hạnh trong đời người. Già cả, ấu thơ, đời người ắt phải trải qua. Thương xót, cứu giúp, kính trọng, quan tâm cũng là do lương tâm tự nhiên dậy động. Nếu chẳng phải là kẻ tốt bậc hung bạo trong thiên hạ, sẽ chẳng thích bức hiếp người cô quả, khinh người già, lừa gạt trẻ thơ! Nhưng sự cai trị của Văn Vương cũng chẳng ngoài “*ai thử quỳnh độc*” (哀此羸獨, xót thương những người cô quạnh), chí của phu tử cũng chẳng ngoài “*lão an thiếu hoài*” (老安少懷, yên già, quan tâm trẻ). Vì sao? Thiện tâm dễ sanh, thiện lượng (善量, tâm lượng tốt lành) khó trọn. Kẻ không có sức cố nhiên hãy trọn hết tấm lòng này. Kẻ có sức hãy nên ra sức thực hiện chuyện thương xót, giúp đỡ. Thân thiết thực hiện công phu thành kính, quan hoài, chớ nên viện cớ “có tấm lòng [là được rồi]” để qua quýt cho xong chuyện.

Thơ của Bạch Thái Phổ (Bạch Cư Dị) có câu: “*Tuế thời xuân nhật thiếu, thế giới khổ nhân đa*” (Năm tháng ngày xuân ít, thế gian kẻ khổ nhiều). Lại có câu: “*Vật tình tiểu khả niệm, nhân ý lão đa từ*” (Tình cảm đối với muôn vật thì đáng hoài niệm nhất là lúc bắt đầu, đối với tình cảm con người thì phải nhân từ đối với người già).

cả). Lời lẽ của bậc có lòng nhân khiến cho người đọc cảm thấy rất vui sướng.

“*Cô*” (孤) là kẻ chưa thể trưởng thành, cha mẹ đã sớm qua đời, hoặc là mẹ chết, cha vừa mới tục huyền, hoặc là cha chết, mẹ lại tính đi thêm bước nữa. Tệ nhất là cả cha lẫn mẹ đều chết, còn bé bỏng mà đã cô cút, bất hạnh đến mức ấy, tình cảnh khôn kham! Dầu kẻ qua đường còn sanh lòng thương xót, hướng là thân bằng quyến thuộc, họ hàng, càng khó thể ơ hờ được! “*Căng*” (矜) là thương xót. Điều đáng phải nên có là tấm lòng chí thành thương xót, nuôi nấng, dạy bảo, khiến cho kẻ không nơi nương tựa có chỗ nương tựa, không nơi gởi gắm bèn có chỗ gởi gắm cho tới khi đã trưởng thành, tự lập mới thôi! Gieo đức dày trong nhân gian, an ủi u hồn dưới suối vàng, quả báo đạt được há nông cạn ư?

***Phụ lục: Biện pháp tổ chức Từ Ấu Cục (viện mồ côi)***

Tại các quận, huyện của nhà Đại Tống, đều lập Từ Ấu Cục. Phàm con cái của những nhà nghèo muốn được nuôi dưỡng, đưa đến viện, sẽ được sắp xếp nữ mẫu chăm sóc, nuôi nấng. Hoặc là kẻ không có con cái, đến Từ Ấu Cục xin về. Ngay trong những năm đói kém, cũng chẳng bỏ [chuyện từ thiện này], chánh sách thương xót cô nhi dưới đời Tống căn kẽ như thế đó. Cho đến nay, phong cách nhân từ được phổ biến rộng rãi, nhiều người chuộng làm lành. Những nơi như kinh đô, Dương Châu, Tô Châu v.v... đều lập Dục Anh

Đường (cô nhi viện), cách thức này càng thêm chu đáo, tỉ mỉ. Gom tiền của để lập ra một nơi có căn nhà trống to lớn, bốn phía là tường cao. Trong nhà ắt có đầy đủ giường, bếp, đồ vật dùng để nấu nướng, ăn uống. Phía trước làm cửa nhỏ, có then cài. Đàn ông không được vào đó; chọn người lão thành, nghiêm nghị trông coi. Những phụ nữ nghèo, mập mạp, mạnh khỏe, đã có con, muốn làm nhũ mẫu thì cho họ đem theo con sống trong ấy, cấp thức ăn theo hạn lượng. Ngoài cửa đặt một cái trống lớn. Kẻ sanh con mà chẳng muốn nuôi dưỡng, đặt con trong giỏ, viết họ, và ngày sanh tháng đẻ, gắn tờ giấy ấy lên trên, chờ lúc chiều tà hoặc đêm tối không có ai, đưa tới ngoài cửa, đặt con dưới đất, đánh một tiếng trống. Người trong viện nghe tiếng trống, sẽ ra cửa nhận lấy, người cho con đã đi rồi. [Làm như vậy] vì sợ người ấy hoặc là ôm niêm hồ thẹn; hoặc vì sợ mắc họa mà không muốn cho kẻ khác trông thấy. Trẻ được đưa tới bèn cử người có sữa làm nhũ mẫu. Cách dùng họ của người [nhũ mẫu] ấy để gọi trẻ sợ rằng do lâu ngày sẽ quên mất [họ thật của nó], hoặc nếu có nhiều đứa trẻ [mang cùng họ], sẽ gây ra lầm lẫn. Mời một y sĩ có kinh nghiệm già dặn về bệnh tật trẻ con đến chẩn đoán, chăm sóc bệnh cho trẻ. Lập một chỗ làm nghĩa trang từ thiện; có trẻ nào chết yếu bèn khâm liệm rồi chôn tại đó. Thuê thêm hai, ba phụ nữ siêng năng. Trẻ dứt sữa, liền giao cho họ chăm sóc. Một phụ nữ có thể chăm sóc mấy đứa trẻ. Vì thế, [cách làm này] khiến cho trẻ đến sau cũng có người chăm bẵm, nuôi nấng. Nhũ mẫu nào cạn sữa, ra khỏi viện, nếu yêu mến đứa trẻ mà mình đã

cho bú, cho phép bà ta mang theo. Trẻ được năm, sáu tuổi, hãy xét xem phẩm chất của nó là cao hay thấp mà dạy dỗ. Ở ngoài viện mồ côi, lập một chỗ dạy vỡ lòng, mời một vị thầy [đến dạy]. Trẻ trai sáng dạ bèn dạy cho nó học hành. Trẻ ngu độn bèn bảo nó làm những việc quét dọn trong viện, trong trường. Trẻ gái tánh tình đoan trang, khéo léo, nhũ mẫu sẽ dạy những việc thuộc về nội trợ, dạy nó thêu thùa, may vá. Đứa đàn độn, vụng về thì cũng sai nó làm các việc vặt. Trẻ trai mười tuổi trở lên, không được vào trong nội đường nhằm tránh mọi nỗi hiềm nghi. Hoặc là cho nó làm người thừa kế cho kẻ không có con, hoặc cho tăng sĩ, đạo nhân làm hương đồng<sup>344</sup>, hoặc làm kẻ hầu cho những nhà khá giả. Tùy theo tài năng của nó mà quyết định đưa nó đến đâu hòng tùy duyên nương cậy. Chẳng lấy tiền chuộc thân cho chúng, chẳng lo chúng nó sẽ không có nơi sống. Tuy hết sức kém hèn, vẫn tốt hơn là chết non! Nếu trẻ có tài năng khác người, mai sau có thể tự thành gia lập nghiệp, chẳng phải là trách nhiệm của người chủ cô nhi viện. Nếu trẻ đã lớn có thể tự kiếm sống, có thể lập gia đình, bèn cưới nữ nhân trong viện, dạy nó đừng lấy con gái nhà khác, nhằm biểu thị nó chẳng quên gốc vậy. Con gái chưa đến tuổi cài trâm, không ra khỏi cửa viện mồ côi. Đã cài trâm, bèn gả cho con nhà bình dân ngoài phố, sinh lễ chỉ cần một chút quần áo, trang sức [là được rồi]. Nếu nhiều hơn, hãy đưa vào quỹ chung của viện, chẳng được gả cho người

---

<sup>344</sup> “Hương đồng” (香童) là trẻ trông coi nhang đèn, làm việc vặt trong các chùa miếu, đạo quán, hoặc làm người hầu cho các vị tăng sĩ, đạo nhân.

có học<sup>345</sup>, mà cũng chẳng được bán làm tớ gái. Bởi lẽ, xuất thân khá hèn kém, chẳng thể khảo chứng nguồn gốc [tổ tiên]. Nếu trẻ gái có nhan sắc xinh đẹp, nhà giàu muốn mua làm thiếp, hãy nên cự tuyệt, để khỏi trở ngại đạo nghĩa. Đừng cho là sẽ được nhiều tiền sính lễ để dùng làm tiền chi dụng cho cô nhi viện [rồi nhận lời gả bán]. Trong số các vị thiện tín, cử ra người trung hậu, công chánh, khôn khéo, sáng suốt, giàu kinh nghiệm ứng phó, mà người đó lại có nhiều thời gian rảnh rỗi để đứng ra trông nom chung mọi việc. Phàm những chuyện như cho trẻ trai, trẻ gái ra khỏi viện, thu nhập tiền bạc, cùng với những việc lớn nhỏ hằng ngày, không gì chẳng xem xét. Lập một thùng chứa đồ hiến tặng ở cửa, để những người thích làm điều nghĩa đi qua, [muốn cho] một đồng tiền, một nắm gạo [bèn bỏ vào đó. Mỗi thứ nhận được] không gì chẳng đều ghi chép tường tận. Quy mô đã thành, thiện duyên dần dần rộng hơn, có thể tiến hành lâu ngày chẳng đến nỗi phé bỏ. Đây chính là điều thiện to lớn hòng giúp cho sự sanh thành dưỡng dục của trời đất vậy. Chỗ khó khăn chỉ là gom được tiền bạc [để lập cô nhi viện] đó thôi! Nhưng trong một quận lớn, trẻ thơ bị vứt bỏ nhiều lắm, ắt chi phí sẽ nhiều, nhưng hàng thiện tín cũng nhiều.

---

<sup>345</sup> Thời xưa, người có học do có thể đỗ đạt làm quan, vợ có thể sẽ được sắc phong, hoặc mai sau con cái đỗ đạt, vinh hiển, có thể xin triều đình sắc phong cho mẹ. Triều đình sẽ xét nguồn gốc dòng họ, do người nữ ấy là trẻ mồ côi không rõ xuất xứ, sẽ dấy lên nhiều nghi ngại, khiến cho chồng hoặc con gặp trắc trở trên đường công danh. Hơn nữa, do con cái đỗ đạt, mẹ xuất thân hèn kém, không rõ nguồn gốc, sẽ gặp cảnh con dâu cậy mình dòng dõi cao quý, khinh rẻ mẹ chồng. Đã thế, nếu mẹ xuất thân hèn kém, con do người ấy đẻ ra sẽ không được coi là dòng chính, bản thân người ấy không được lập thành chánh thất, dẫu được cưới gả trước, vẫn bị coi là tỳ thiếp.



Quận nhỏ thì thiện tín ít, mà trẻ bị bỏ rơi cũng ít, [cho nên] chi phí cũng ít. Tâm những người chuộng điều thiện giống nhau, nếu được đôi ba người đề xướng, không chỗ nào chẳng thể thực hiện được. Chẳng lo thiện hạ không có người thừa sức, chỉ lo chẳng có kẻ có thể phát nguyện to lớn đó thôi! Do vậy, thuật bày căn kẽ, hồng giúp cho người thích làm lành [có cái để cân nhắc] hồng chọn lựa!

Đời Tống, Diệp Mộng Đắc nói:

- Tôi ở Hứa Xương nhằm năm bị lụt to, xác người chết trôi vô số. Tôi tấu trình xin mở kho Thường Bình để chẩn tế, cứu sống hơn mười vạn người, nhưng không có cách nào cứu giúp những trẻ thơ bị ruồng bỏ! Ngẫu nhiên hỏi những người chung quanh: “Có sao những người không có con chẳng thu dưỡng [những đứa trẻ bị vứt bỏ ấy]?” Họ thưa: “Người muốn nuôi con thì có, nhưng họ sợ đến năm được mùa, cũng như đến khi con khôn lớn, cha mẹ nó lại đến nhận”. Do vậy, tôi lập ra phương cách: “Phàm là những kẻ vì gặp tai ương, hay thương tật, phải ruồng bỏ con thơ, cha mẹ sẽ không được phép nhận lại con”. Cho in mấy ngàn tờ bằng khoán để trống cấp cho trong ngoài. Phàm những kẻ nhận con nuôi, sẽ tự nói có được đứa con ấy từ chỗ nào, viết rõ trong bằng khoán, coi như chứng thư hộ tịch. Người nhận nuôi nhiều sẽ được thưởng. Lại còn đem gạo còn dư từ kho Bình Thường, cân nhắc số lượng, để ban cho người nghèo làm vốn. Việc định xong, tính theo số bằng khoán đã lập, có đến ba ngàn tám trăm

người [dùng phương thức ấy để nhận con nuôi]. Kẻ làm quan cũng nên biết chuyện này. Lại từ khi chiến tranh nổ ra cho đến nay, có những kẻ phải ẩn nấp trong rừng rậm, có nhiều kẻ vì [bọn giặc] nghe tiếng trẻ khóc mà chẳng tránh khỏi bị hại. Vì thế, kẻ tránh giặc liền vứt bỏ trẻ thơ không đoái hoài. Có kẻ bày kế lấy viên bông gòn bỏ vào miệng trẻ, khiến cho nó ngậm miệng mà trẻ không bị ngạt, hoặc [cục bông ấy] chứa sẵn ít bột cam thảo, khi cho trẻ ngậm thì thấm nước để nó nút cục bông, nếm vị ấy. Trẻ trong miệng có vật ấy, sẽ chẳng phát ra tiếng. Bông gòn mềm lại chẳng làm miệng trẻ bị thương. Do vậy, cho in phương pháp ấy thành nhiều bản để yết thị, khiến cho trẻ thơ được toàn mạng rất nhiều. Kẻ gặp những biến cố [binh đao] cũng nên biết điều này!

Đời Tống, ông Trương Hiếu Cơ làm rể cho một người giàu có cùng quận. Người giàu có ấy sanh một đứa con không ra gì, bèn đuổi nó ra ngoài. Đến khi người giàu có ấy bị bệnh, lúc sắp chết, đã giao hết gia tài cho Hiếu Cơ. Về sau, đứa con của người giàu có ấy làm kẻ ăn mày, Hiếu Cơ thương xót đứa con cô ấy; do vậy, bèn hỏi nó: “Có thể tưới vườn hay không?” Nó đáp: “Nếu có cái ăn thì may mắn lắm thay!” Ông liền thân nhận, sau đấy lại hỏi: “Có thể quản lý nhà kho hay không?” Thưa: “Tưới vườn là đã may quá rồi, được quản lý kho thì càng may mắn quá!” Ông liền cho nó trông kho. Hiếu Cơ quan sát thấy nó cẩn thận, thật thà, chẳng còn thái độ cũ, bèn trả hết toàn bộ gia tài cho nó. Sau khi Hiếu Cơ đã mất, bạn ông đến chơi Tung Sơn,

trên đường gặp một đoàn xe cấm đầy cờ xí, dường như là xe của bậc đại quan. Trộm nhìn người ngồi trên xe, thì ra là Hiếu Cơ, bèn vái chào, hỏi nguyên do. Ông đáp: “Thượng Đế do thấy tôi trả lại tài sản, chẳng lần hiệp đưa con cô, sai tôi làm chủ núi này”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa!

Thời Châu, người đàn bà đạo nghĩa nước Lỗ chính là vợ một người dân nước Lỗ. Người Tề tấn công nước Lỗ, người đàn bà đạo nghĩa ấy bỏ đứa trẻ đang ẵm, để bông lầy đứa trẻ đang dất. Quân Tề hỏi: “Đứa bé bị bỏ là ai?” Người đàn bà đáp: “Con tôi”. Lại hỏi: “Đứa bé đang được ẵm là ai?” Người đàn bà đáp: “Con của anh tôi”. Quân lính hỏi: “Vì sao người lại bỏ đứa con do mình sanh ra để ẵm con của anh?” Đáp: “Con đối với mẹ là tình yêu thương riêng tư. Cháu đối với cô là đạo nghĩa chung. Bỏ công theo tư, bỏ mặc đứa con cô của anh, thiếp chẳng làm được!” Quân Tề nói: “Nước Lỗ có người đàn bà còn giữ tiết hạnh [như thế], huống hồ là vua của xứ này!” Bèn rút quân về. Vua nước Lỗ nghe chuyện, ban thưởng, gọi là Nghĩa Cô (義姑, người cô có đạo nghĩa). Ôi! Người đàn bà nước Lỗ do bảo vệ đứa con cô, do một lời mà giữ yên đất nước. Nay những kẻ được gọi là bậc tu mi nam tử lại trái nghịch đạo nghĩa, sống thừa, đối với bà này, há có thể không hổ thẹn chút nào ư?

Đời Thục Hán<sup>346</sup>, Trương Duệ thuở bé chơi thân với Dương Cung. Dương Cung mất, để lại đứa con cô mới được mấy tuổi. Trương Duệ đón mẹ Dương Cung về phụng dưỡng, cưới vợ cho con của Dương Cung, mua nhà cửa, ruộng đất cho nó. Mọi người kính trọng đạo nghĩa của ông. Về sau, ông làm Thái Thú Ích Châu.

Trầm Gia Mô, người xứ Ngô Giang. Khi cha ông làm quan Hoàng Môn<sup>347</sup>, ông sống trong làng, ưa chuộng đạo nghĩa. Cùng huyện có đứa con của người họ Cố mới mười tuổi, mồ côi mà gia nghiệp khá dư dả. Khi ấy, đang gặp mối lo trộm cướp, quan huyện triệu tập các tay thế gia vọng tộc [trong huyện] để bàn chuyện các nhà giàu có phải lo chuyện cung cấp lương hướng cho quân đội. Mọi người đều nói: “Không ai bằng đứa con nhà họ Cố”. Riêng mình ông Trầm Gia

---

<sup>346</sup> Thục Hán là nước Hán thời Tam Quốc, do Hán Chiêu Liệt Đế (Lưu Bị) lập ra. Do nước này thuộc đất Thục (tỉnh Tứ Xuyên), nên gọi là Thục Hán. Lãnh thổ Thục Hán bao gồm Ích Châu (tức vùng bốn địa tỉnh Tứ Xuyên và Hán Trung). Vùng này từ đời Ân Thương được gọi là Ba Quận do có người Ba sinh sống đầu tiên. Ích Châu bao gồm hai mươi hai quận.

<sup>347</sup> Hoàng Môn là một chức quan thời cổ, gọi đầy đủ là Hoàng Môn Thị Lang. Theo ông Hoàng Bách Lâm, chức quan này trực thuộc cơ cấu Môn Hạ Tỉnh. Chỉ riêng đời Đường Trung Tông, Môn Hạ Tỉnh được gọi là Hoàng Môn Tỉnh, cho nên chức quan đứng đầu Môn Hạ Tỉnh thường gọi là Hoàng Môn Thị Lang. Môn Hạ Tỉnh là cơ quan hành chánh trung ương, chuyên trách cân nhắc nội dung các chiếu lệnh cụ thể trước khi ban hành. Về sau, mở rộng thêm quyền hạn thành cố vấn, đồng thời đặc trách can gián, góp ý. Đến đời Nguyên, chức trách can gián giao hẳn cho Ngự Sử Đài, Môn Hạ Tỉnh chuyên đặc trách các vấn đề chánh sách, rồi dần dần bị phế bỏ. Cả ba tỉnh chỉ còn lại Trung Thư Tỉnh thống trị toàn thể sáu bộ. Thoạt đầu, trong ba cơ cấu thuộc Tam Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh và Trung Thư Tỉnh có chức trách vạch ra kế hoạch, quyết sách, còn Trung Thư Tỉnh đảm nhiệm chức trách chấp hành. Đời Tùy, chức quan đứng đầu Môn Hạ Tỉnh gọi là Nạp Ngôn, đến đời Đường đổi thành Thị Trung, viên phó quan được gọi là Môn Hạ Thị Lang. Lại đặt thêm các chức Cấp Sự Trung, Tán Kỵ Thường Thị, Gián Nghị Đại Phu, Khởi Cư Lang, Thập Di v.v...

Mô lo ngại nói: “Nó là đứa con cô non dại, làm sao có thể kham nổi việc này”. Mọi người nói: “Nó có nhiều tội tớ sẽ có thể lo liệu được”. Ông bảo: “Tôi chính là vì lo những kẻ tội tớ có quyền thế, sẽ mượn việc quân nặng nề ấy để lừa dối, lấn hiếp ấu chủ, nhà ấy sẽ bị phá tan ngay. Nếu cứ muốn cử con nhà họ Cố đảm nhiệm việc binh, tôi xin đi thay cho nó”. Ông vui vẻ ghi tên của chính mình. [Sau đó], chiến sự phát sinh suốt mấy năm, chẳng phiên đến đứa con nhà họ Cố. Cả huyện ca ngợi nghĩa khí của ông Trầm.

“*Quả*” (寡, góa bụa) là tuổi còn đang trẻ trung, chồng bỗng lìa đời, hình đơn bóng chiếc, mắt nhìn toàn thấy những cảnh tượng buồn tênh. Huống hồ con cái thơ dại, trăm sự chẳng có người lo liệu. Mạnh Tử gọi tình cảnh này là “*cùng nhi vô cáo*” (窮而無告, cùng quẫn, không có nơi nương cậy). “*Cùng*” (窮) là tột bậc. Tai họa biến đổi như thế, há chẳng phải là cùng cực ư? Muốn nói, há có ai để thổ lộ, chẳng phải là không nơi nương cậy ư? “*Tuất*” (恤) là châu cấp, nâng đỡ, nuôi thân họ, thành tựu tiết hạnh cho họ. Con người sống giữa trời đất, chỉ có góa phụ là khổ sở nhất. Lúc trẻ thì bị kẻ cường bạo hiếp đáp. Giàu thì dòng họ cần nuốt. Già thì run rẩy, ai thương xót? Nghèo thì không có cách nào lo liệu áo cơm. Nếu bà góa không con, lập chí thủ tiết, càng là khó có. Ai có thể thương xót, giúp đỡ họ, ắt đủ cảm thông Thượng Đế trên chín tầng trời, cảm

động quỹ thân trong tam giới, há nên nói là ân huệ nhỏ nhất ư?

Đời Minh, Đỗ Hoàn ở Kim Lăng, cha là Nhất Nguyên, chơi thân với Thường Doãn Cung. Doãn Cung chết, mẹ đã già, không nơi nương tựa, đội mưa tới nhà Đỗ Hoàn. Khi ấy, Nhất Nguyên đã chết, Đỗ Hoàn kinh ngạc hỏi nguyên cớ. Bà mẹ khóc lóc, kể nguyên nhân. Đỗ Hoàn cũng khóc, đỡ bà cụ ngồi lên, bái lạy, bảo người nhà phụng dưỡng cụ như bà nội. Bà cụ tánh nóng nảy, hề có chuyện gì hơi chẳng vừa ý, bèn tức tối, trách móc. Đỗ Hoàn thuận theo, hầu hạ rất cẩn thận. Khi bà cụ bị bệnh, ông đích thân hầu hạ thuốc men. Khi lâm chung, cụ nói: “Tôi đã làm phiền ông Đỗ, nguyện con cháu ông Đỗ đều được như ông Đỗ”. Cụ mất đi, ông Đỗ mai táng, lễ nghi châu áo tốt bậc. Hằng năm đều bái tế mộ phần, người đời xưng tụng ông là bậc đạo nghĩa cao trọng.

Châu Huy ở Nam Dương cùng huyện với Trương Kham. [Thiên hạ] thường nói: “*Trương quân vi chánh, lạc bất khả chi giả dã*” (Ông Trương cai trị, vui sướng khôn ngần). Trương Kham gặp Châu Huy trong trường Thái Học, đãi nhau bằng tình bạn thân thiết, nắm tay dặn dò: “Mai sau tôi qua đời, xin cậy anh chăm sóc vợ con giùm”. Châu Huy do thấy Trương Kham là bậc tiền bối về đức hạnh lẫn học vấn, chẳng dám nhận lời. Sau đấy, chẳng còn gặp nhau nữa. Sau khi Trương Kham mất, Châu Huy nghe vợ con ông Kham nghèo nàn, khốn khó, bèn xẻ cơm, nhường áo. Con của Châu Huy

lấy làm lạ, thắc mắc: “Cha đã chẳng phải là bạn của ông Trương, có sao bỗng làm như thế?” Châu Huy đáp: “Ông Kham đã từng thốt lời tri kỷ như thế, cha đã ghi tạc trong lòng”. Về sau, Châu Huy cai quản vùng Lâm Hoài, cũng khéo cai trị, được dân chúng ca ngợi, làm quan đến chức Thượng Thư Bộc Xạ<sup>348</sup>.

Ôi! Nay thì những kẻ mẹ góa con cô không nơi nương tựa, chỗ nào cũng có, há có được người giống như mấy vị trên đây thương xót, giúp đỡ, nuôi nấng vậy thay! Ở đây, xin khuyên những người có chí, hãy phổng theo, lập hội từ thiện giúp đỡ những bà góa. Phương cách là quyên mộ bạn bè bỏ tiền ra, [lệ phí] hoặc nộp từng tháng, hoặc đóng mỗi năm. Tiền lệ phí giữ tại nhà người có sức (người dư dả), siêng năng dò hỏi những kẻ góa bụa lại nghèo hèn, cân nhắc để châu cấp mỗi tháng. Cố nhiên là công đức ngấm ngấm ấy sẽ không có gì to lớn bằng! Kẻ chẳng thể làm như thế thì hãy thấy nghe bèn tùy sức châu cấp, giúp đỡ, cũng có gì chẳng phải là nhân đức ư? Chỉ sợ là kẻ có cái tâm ấy, nhưng luôn bị ngăn trở bởi hiềm nghi, gàn quải, hủy

---

<sup>348</sup> Thượng Thư Bộc Xạ (尚書僕射) chính là chức quan phụ tá của Thượng Thư Lệnh (người đứng đầu cơ quan Thượng Thư Tỉnh). Thời Tam Quốc, chia thành Tả Bộc Xạ và Hữu Bộc Xạ. Về sau, mỗi khi chức Thượng Thư Lệnh bị khuyết, Bộc Xạ sẽ lâm thời hoặc trường kỳ đứng đầu Thượng Thư Tỉnh. Thời Đường Tống, Thượng Thư Bộc Xạ đóng vai trò Tể Tướng. Riêng dưới thời Vũ Tắc Thiên, danh xưng của chức vị này được gọi là Văn Xương Tả Tướng và Văn Xương Hữu Tướng. Đến thời Tống Thần Tông, Tả Bộc Xạ bị đổi thành Môn Hạ Thị Lang, Hữu Bộc Xạ đổi thành Trung Thư Thị Lang, giữ vai trò Tể Tướng thật sự. Đến đời Nguyên, cơ cấu Thượng Thư Tỉnh hoàn toàn bị bỏ, chỉ còn giữ lại Trung Thư Tỉnh trong ba tỉnh, chức vụ Thượng Thư Bộc Xạ bị phế trừ, Trung Thư Thừa Tướng đảm nhiệm vai trò của Thượng Thư Bộc Xạ. Các danh nhân từng giữ chức vụ này là Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Lý Tĩnh, Ôn Ngạn Bác, Chử Toại Lương...

báng! Người có trí hãy nên suy nghĩ cách thức tốt đẹp để thực hiện.

Đời Tống, ông Triệu Khang Tĩnh mồ côi [cha] từ lúc bảy tuổi. Bà mẹ dốc chí dạy dỗ ráo riết. Về sau, ông đỗ đạt, làm Học Sĩ<sup>349</sup>. Ông Triệu xin âm phong cho mẹ. Tể Tướng nói: “Hễ có công to, sẽ được phong thưởng chẳng xa!” Ông thưa: “Mẹ tôi góa bụa, đã tám mươi rồi, sáng chẳng đảm bảo tối. Xin hãy ban thưởng ngay lúc này để mẹ được rạng mày nở mặt”. Tể Tướng chấp thuận. Lại có Lý Quân, mồ côi [cha] từ thuở lên ba. Có kẻ dụ dỗ mẹ ông tái giá, mẹ giận dữ quở trách: “Nghĩa vợ chồng là mối thiên luân, chết hay sống là do mạng lệnh của Thượng Đế. Ta thà chết đói, há nên tái giá hay sao?” Bèn quyết chí thủ tiết, dạy con đỗ đạt.

Than ôi! Những người giống như thế, thần lẫn người đều khâm phục, kính trọng, ắt được báo đáp sâu dày vì họ tôn trọng nhân luân, há chỉ là con của họ được quý hiển ư? Chớ nên coi rẻ bà góa, cố nhiên là như thế. Nay lại dùng điều này để huân thị, chính là vì mong cho hết thảy các bà góa đều biết khuôn phép để tự lập, mà những kẻ là con côi cũng chớ nên tự ruồng rẫy, buông xuôi. Hãy nên nghĩ, những kẻ là cô nhi mà trở thành bậc hiền tài rất đông. Như Trương Sĩ Tôn đã

---

<sup>349</sup> Học Sĩ là chức quan được thiết lập từ đời Đường, gọi đầy đủ là Đông Cung Học Sĩ, có nhiệm vụ kèm cặp, dạy học Thái Tử. Vị này thật sự đôn đốc Thái Tử học tập, trong khi các chức quan Thái Phó, Thiếu Phó, Thái Sư, Thiếu Sư thiên về vai trò cố vấn, rèn luyện cách xử lý việc nước hơn là học tập từ chương. Đến thời Minh Trị Duy Tân, chức quan này bị bãi bỏ và người Nhật dùng chữ này để dịch chữ Bachelor (cử nhân) trong lối giáo dục Âu Tây. Các nước khác như Triều Tiên, Trung Hoa v.v... cũng bắt chước dịch theo cách này.



nghèo lại mồ côi, rớt cuộc do gắng công dốc chí, làm tới chức Đài Phụ (Tể Tướng). Lữ Hồi sang cả, nhưng mồ côi, do âm thầm tu tập mà thành bậc Trung Thừa nổi danh. Người ta mới biết ông là cháu nội của Lữ Huệ Công (Lữ Đoan). Những người khác như Lưu Chí, Âu Dương Tu, Trần Nghiêu Tá đều mồ côi từ bé, do tận lực học hành, làm tới chức Bình Chương. Như thế thì mới báo đáp đôi chút nỗi khổ của những bà mẹ góa giữ trọn tiết hạnh trong sạch vậy. [Cho nên] lại nêu bày lời khuyên lớn [như thế], dụng tâm hết sức thiết tha!

“*Lão*” (老) là người tuổi tác đã cao, là người trải đời đã lâu mà kinh nghiệm cũng lắm. “*Kính*” (敬) là dốc hết lòng thành biểu lộ lòng yêu thương, trọn hết sức phụng dưỡng cho họ được an vui. Hoặc là mỗi niệm, mỗi chuyện đều chẳng dám lừa dối, khinh mạn, đấy cũng là Kính. Thọ đứng đầu trong ngũ phúc, mà người già lại gần như cha. Chắc chắn là đời trước đã có căn khí, đời này nhất định là bậc tích đức; từng trải sự việc, đúng là bậc có thể nêu gương mẫu, [học hỏi từ họ] sẽ đạt được lợi ích chẳng ít, lẽ nào có thể khinh mạn ư? Nhưng người đời thấy họ già nua, run rẩy, nếu không chán ghét thì sẽ lấn hiếp họ, ai chịu chú tâm kính trọng, phụng sự họ? Chẳng biết sách Luận Ngữ có nói: “*Kính lão đắc lão*”.

Dương Đại Niên mới hai mươi tuổi đã đậu Trạng Nguyên, cùng với Châu Hàn và Châu Ngang làm việc trong cung. Hai ông đều đã già, họ Dương khinh rẻ, lấn

lướt. Châu Hàn nói: “Anh đừng khinh tôi già, rốt cuộc sẽ đến phiên anh già đi”. Châu Ngang lắc đầu nói: “Đừng nói nữa để khỏi bị người ta làm nhục!” Họ Dương quả nhiên đang tuổi tráng niên mà chết ngóp! Tôi mong những gã thiếu niên khinh bạc đọc đến câu chuyện này, sẽ lập tức hối cải, lại giữ được tấm lòng nhân hậu. Hễ gặp người già, hãy giữ tấm lòng bình đẳng, bất luận phú quý, hay nghèo hèn, cốt sao một niềm kính yêu. Hành theo đó, ắt đầu bạc phơ, lông mày nhuốm bạc, ta cũng có phần vậy!

Thái Tổ<sup>350</sup> huấn dụ Lễ Bộ rằng: “Đối với người tuổi tác phải dạy [bọn trẻ tuổi] kính trọng. Đối với chuyện phụng sự bậc trưởng thượng, phải dạy họ tuân thuận. Các đời Ngu<sup>351</sup>, Hạ, Thương, Châu, không đời nào chẳng coi trọng bậc cao tuổi. Lễ nghĩa dưỡng lão vốn chưa hề bị phế trừ; vì thế, mọi người hưng khởi lòng hiếu đễ, phong tục thuần hậu, chánh trị mới được tăng tấn, bình ổn. Các người hãy nên truyền bảo mạng lệnh của trẫm”.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “*Nguyện cho hết thấy chúng sanh phát tâm Bồ Đề, trọn đủ trí huệ, vĩnh viễn giữ trọn thọ mạng, chẳng bị kết thúc. Nguyện cho hết thấy chúng sanh, trọn đủ pháp tu hành lìa già, chết.*

---

<sup>350</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, Thái Tổ ở đây chính là Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương).

<sup>351</sup> Ngu (虞) chính là triều đại của vua Thuấn, vì vua Thuấn sanh trưởng tại đất Hữu Ngu (有虞), nên ông còn được gọi là Hữu Ngu Thi, hay Ngu Thuấn (thật ra, vua họ Cơ, tên là Trùng Hoa, Thuấn là thụy hiệu). Vua Thuấn cũng đặt quốc hiệu là Hữu Ngu.

*Hết thấy tai ương, độc hại chẳng hại mạng họ. Nguyên cho hết thấy chúng sanh, thành tựu trọn đủ tám thân chẳng khổ não vì bệnh tật, thọ mạng tự tại, có thể tùy ý trụ thế. Nguyên cho hết thấy chúng sanh đạt được chẳng già, chẳng bệnh, thường trụ mạng căn, dừng mãnh tinh tán, nhập trí huệ của Phật”.*

Do điều này, ta thấy: Người già như mặt trời sắp khuất sau núi, thời gian hữu hạn, nếu chẳng cấp tốc tu hành như lửa cháy đến thân, lấy gì để giúp cho việc về Tây?

Vương Bản từ bé bệnh tật rề rề, tự đoán ắt chính mình chẳng thọ. Hễ thấy người già, thường kính trọng, hâm mộ. Hễ họ đi qua cửa, dầu là người nghèo hèn, ắt đứng dậy [nhằm tỏ lòng tôn trọng], đi đường ắt nhường lối. Về sau, Vương Bản dần dần khỏi bệnh, sức lực càng mạnh mẽ hơn, thọ đến chín mươi ba tuổi.

Đời Tùy, có một vị Tăng đã hơn trăm tuổi, hiểu sâu xa diệu nghĩa trong kinh Pháp Hoa, thường bảo đại chúng:

- Bản tăng kính trọng người già như cha mẹ, phụng sự họ như Bồ Tát. Phàm những chuyện có thể tận sức, không gì chẳng dốc trọn tâm lòng. Đời này được thông hiểu Phật pháp, hưởng thọ dài lâu, đều là do tôn kính người già mà ra. Hỡi đại chúng, chớ nên khinh miệt người già kéo tổn phước, tổn thọ. Trong trường danh lợi, khảy ngón tay liền qua, vẫn phải nên thực hiện những công phu thuộc về bốn phận của chính

mình. Nếu không, sẽ là luống uổng đời người, lãng phí lần gặp gỡ này, đối với những nguyên như “nguyên ta thọ mạng lâu dài, siêng hành hết thấy các điều lành, nguyên ta phước đức hưng thịnh, rộng độ hết thấy mọi người” đều bị lỗ làng! Than ôi, kẻ thiếu niên chỉ biết cậy tài, khinh nhon người già cả, chẳng biết tuổi thọ là cái được trời ban, người già được vua tôn kính. Dẫu có lắm tài, khó thể đạt đến địa vị ấy!

Đời Tống, một nhà ông Ngô Nguyên Tự có tám người tuổi đã từ tám mươi, chín mươi, một trăm trở lên. Nhà vua tra hỏi nguyên nhân, [thì ra nguyên nhân] là vì cả mấy đời đều liên tiếp ăn ở với nhau bằng đạo nghĩa, chẳng chia rẽ. Vua biểu dương nhà ấy, ân sủng ban thưởng rất hậu. Khảo sát quy chế thiết lập trường Thượng Tòng<sup>352</sup>, [thì thấy từ] thời Nghiêu, Thuấn đã có, tam đại (Hạ, Thương, Châu) đều tôn sùng quy chế ấy. [Chuyện này] được chép rất tường tận trong những sách như Lễ Ký v.v... Chí hướng của phu tử được thể hiện qua câu nói: “*Lão giả an chi*” (Khiến cho người già được sống yên ổn). Nguyên tắc chỉ đạo luật pháp của đất nước và tâm chí của dân chúng, cả hai đẳng đều đặt tại đó. Nếu nói “người già của kẻ khác liên quan gì đến ta”, há chẳng phải là bất kính ư?

“*Ấu*” (幼) là trẻ nhỏ thơ ngây, vô tri. “*Hoài*” (懷) không chỉ là yêu thương chúng nó, mà còn là gởi gắm

---

<sup>352</sup> Thượng Tòng (上庠) là danh xưng của trường Thái Học (Quốc Tử Giám) thời cổ.

những niềm hoài vọng nơi ấy. Làm kẻ đã trưởng thành bèn yêu thương, che chở kẻ nhỏ hơn, đó là lẽ thường, là lẽ đương nhiên. Huống hồ có những đứa trẻ gặp gỡ cảnh ngộ chẳng tốt, khôn khổ đáng thương! Như là con của đời vợ trước, em cùng cha khác mẹ, con do vợ lẽ hoặc tỳ thiếp sanh ra. Nếu gặp kẻ ỷ mình lớn hơn rồi cậy thế ức hiếp, đứa trẻ cô cút phải chịu cảnh thảm độc ngang trái, quá sức đáng thương! Suy rộng ra, đối với con thơ của người khác, cũng như đối với con cái của những nô tỳ, tôi tớ, càng phải thêm chú ý thương xót, chớ nên phân biệt đây kia, đến nỗi có kẻ toan tính tóm thu gia sản của họ. Tức là kẻ làm bậc tôn trưởng, làm anh chị, ở rể tại nhà vợ, thường có những kẻ không có lòng từ, bất nghĩa, hiếp đáp, ngược đãi con cái của bọn tôi tớ. Thậm chí dùng những thủ đoạn xảo trá, ngụy tạo khế ước, dận dò những kẻ viết khế ước và làm chứng hãy làm chứng gian, đút lót cho bọn nha lại bẻ cong sự thật, khiến cho [những kẻ bị hại không có chứng từ gì] để kêu ca được. Lại còn có kẻ ngầm ngầm mưu toan tổn hại mạng người. Xưa kia, một nhà ông Lý Tri Bản con cháu hơn trăm người, người lớn kẻ nhỏ giữ một niềm hòa thuận với nhau. Anh em nhà Dương Thành bảo bọc những đứa con cô. Tiền bối dụng tâm như thế, đúng là đáng để noi theo!

Đời Đường, Nguyên Đức Tú lúc nghèo, anh mất sớm, để lại đứa con cô mới đầy tháng, chị dâu lại chết nốt, cháu không có sữa để bú. Đức Tú đêm ngày buồn khóc, ẵm đứa con của người anh, đem đầu vú mình cho đứa bé ngậm. Chừng mười ngày sau, vú bèn có sữa.

Đứa trẻ [nhờ vậy] mà được lớn lên. Tuy là chuyện ngẫu nhiên, nhưng từ chuyện này có thể thấy, thương yêu trẻ thơ hợp với lòng trời! Khổng Tử nói: “*Thiếu giả hoài chi*” (Thương yêu kẻ nhỏ tuổi hơn). Mạnh Tử nói: “*Ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu*” (Thương yêu con trẻ của người khác như thương yêu con trẻ của chính mình). Thánh hiền đã để lại lời giáo huấn cùng tốt, có sao những kẻ làm bậc tôn trưởng chẳng lãnh hội?

Lưu Di làm quan ở Kiên Châu; dân đói, bỏ rơi con. Lưu Di ra yết thị kiếm người nhặt về nuôi nấng thì mỗi ngày sẽ được cấp hai thưng gạo từ kho Quảng Huệ<sup>353</sup>. Mỗi ngày, [người nhận nuôi phải] bồng tới cho quan phủ xem xét. Dân nghèo được lợi thêm hai thưng gạo sẽ đều nuôi nấng [những đứa trẻ ấy]. Số trẻ được cứu sống chẳng thể tính đếm được. Phàm là phương cách để cứu đói thì trước hết là phải thâm thập, nuôi nấng những đứa trẻ thơ côi cút hòng chúng thoát khỏi những chỗ hẻo lánh, hiểm nguy, đặt chúng nó nơi an toàn. Kẻ làm quan càng phải lưu ý làm trước chuyện này. Âm đức ấy còn hơn cứu sống những kẻ mạnh khỏe vậy!

Đời Minh, Dương Trứ tánh tình nhân hậu, mua một con lừa để cưới đi châu vua. Người hàng xóm đã già mới sanh con, do con lừa thường thích hí âm lên, ông Dương sợ đứa trẻ bị kinh động bèn bán đi, đi bộ

---

<sup>353</sup> Quảng Huệ là kho gạo để làm thiện sự được thiết lập dưới thời Tống Nhân Tông. Gạo trong kho này chủ yếu dùng để trợ cấp người già yếu, trẻ thơ, kẻ nghèo túng, hoặc bệnh tật rề rề.

vào châu vua. Về sau, ông cáo quan, tấm bia ở phần mộ [tổ tiên] bị nông dân xô ngã. Kẻ trông mộ vội chạy đến báo, ông hỏi: “Có đứa trẻ nào bị thương hay không?” Thưa: “Không ạ!” Ông mừng rỡ bảo: “May quá! Hãy bảo nhà kẻ đó khéo trông giữ con để chúng không gặp chuyện kinh sợ”. Đức hạnh sâu dày của ông hết sức nhiều, ngay như hai chuyện [vừa kể] trên đây, người khác cũng khó làm được. Ông từ chỗ cô đơn, nghèo hèn mà đạt tới địa vị quý hiển, đúng là do [phẩm đức tốt đẹp] như vậy!

*(Chánh văn) Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương.*

**(正文) 昆蟲草木。猶不可傷。**

*(Chánh văn: Côn trùng, thảo mộc chớ nên thương tổn).*

“Côn” (昆) là đông đúc, ý nói hết thảy các loài trùng lớn, nhỏ. [Nói] “do bất khả thương” (chớ nên thương tổn) thì có thể biết chuyện này có tánh chất trọng đại. Người hiện thời mặc sức tổn thương sanh mạng loài vật, chẳng biết những loài ngo ngoạy đều có linh tánh, đều có Phật Tánh. Đạo Nho đã giáo huấn rõ ràng “*phương trượng bất chiết*” (cây cối đang đâm

tượng nầy nhánh thì không bẻ); há nên nói “*côn trùng là loài vật, thảo mộc vô tri*” để rồi cứ tôn thương chúng ư?

Lời tựa kinh Viên Giác đã viết: “*Phàm những loài có huyết khí, ắt có tri giác. Phàm những loài có tri giác, ắt đều có cùng một Thể*”. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Như Lai thường nói, các pháp được sanh ra, chỉ do tâm hiện. Hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần, là do cái tâm mà thành Thể. Trong số đó, kể cả những thứ kết cấu vi tế nơi thảo mộc, xét đến cội nguồn, đều có thể tánh*”.

Lại như ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá trên núi gập đầu. Há có thể nói là ngói gạch nơi tường vách chẳng có Phật Tánh ư? Lại như cây tử kinh nhà họ Điền. Lại như cây thụ liễu trong phủ Trung Thư (phủ Tể Tướng) đời Đường, vào cuối niên hiệu Kiến Trung, do Diêu Lệnh Ngôn<sup>354</sup> làm phản, xa giá [của hoàng đế]

---

<sup>354</sup> Diêu Lệnh Ngôn là một viên tướng nhỏ dưới quyền Tiết Độ Sứ Mã Lân. Do chiến công, ông ta được phong làm Kim Ngô Đại Tướng Quân, rồi được phong làm Thái Thường Khanh, kiêm Ngự Sử Trung Thừa. Về sau, họ Diêu được cử làm Tiết Độ Sứ Kính Nguyên (thuộc tỉnh Cam Túc). Năm Kiến Trung thứ tư (783), do Tiết Độ Sứ Lý Hy Liệt làm phản, Tiết Độ Sứ Hành Doanh là Ca Thụ Hán bị vây, kinh thành lâm nguy, Đường Đức Tông sai Diêu Lệnh Ngôn đem quân cứu viện. Diêu Lệnh Ngôn dẫn năm ngàn quân về Trường An. Đang tiết Đông giá rét, binh sĩ vừa lạnh vừa đói, thế mà quan kinh triệu doãn chỉ cho ăn cơm gạo xấu. Lệnh Ngôn vào châu vua, vua chỉ ban thưởng mỗi người hai tấm vải thô! Quân sĩ căm tức, bèn nổi dậy làm cuộc binh biến, tấn công Trường An. Đức Tông phải bỏ chạy sang Phụng Thiên. Quân phản loạn tôn Châu Thử làm vua. Châu Thử phong cho Lệnh Ngôn làm Thị Trung. Về sau, Lý Hoài Quang đem quân cứu giá, đánh bại quân Châu Thử. Lệnh Ngôn theo Châu Thử chạy sang đất Thổ Phiên (phía Đông Tây Tạng), bị quan giữ thành Kính Nguyên là Điền Hy Giám trở mặt, đóng cửa không cho vào. Sau đó, loạn quân giết chết Lệnh Ngôn.



phải chạy về Phụng Thiên, cây bèn chết khô. Năm Hưng Nguyên nguyên niên (784), xa giá trở về [kinh đô], cây bèn tươi tốt. Như vậy thì có nên nói “*thảo mộc vô tri*” hay chẳng? Ý răn nhắc của đức Thái Thượng nhằm dạy con người đối với hết thảy hữu tình và vô tình đều luôn luôn dưỡng thành một bầu từ bi, một bầu hòa ý vậy!

Khi đức Như Lai thuyết pháp, một con cóc hoan hỷ, nhảy ra khỏi ao, dốc hết lòng thành lắng nghe. Ngẫu nhiên bị gậy chống của người nghe pháp đâm chết. Do nghe pháp, sau khi mạng chung, nó sanh lên trời Đạo Lợi, làm chúa cõi trời Đạo Lợi. Từ trời Đạo Lợi, lại đến chỗ đức Phật, nghe giảng diệu nghĩa. Do khai ngộ bèn chứng quả Tu Đà Hoàn. Cóc là loài vật rất bé, thế mà sau này chứng quả rất to. Xét từ chuyện này, có thể thương tôn loài côn trùng hay chẳng?

Xưa kia có một vị Tăng, chưa mở đạo nhân, do nhận suông đồ cúng dường của cha con ông Tịnh Đức, sau khi mạng chung bèn sanh vào vườn của ông Tịnh Đức, hóa thành một cây nấm để hằng ngày làm món ăn cho nhà ấy. Người khác muốn hái, sẽ chẳng thể được. Nấm là loài vật rất nhỏ, thế mà có nhân duyên đặc biệt ấy. Xét theo chuyện này, có nên tôn thương cỏ cây hay không?

Đời Minh, Hàn Thế Năng ở Trường Châu, nhiều đời sống nơi phân mộ nhà họ Lục, rất nghèo. Ông nội là Vĩnh Xuân, mỗi sáng thức dậy, cầm chổi quét dọn

những loài ốc nhỏ đã bò lên bờ dọc theo hai bờ sông, đem thả giữa dòng để chúng khỏi bị dân chài đánh bắt. Khi ấy, cụ nhịn đói quét đến mấy dặm. Năm Đinh Mão (1567) trong niên hiệu Long Khánh<sup>355</sup>, Thế Năng đi thi Hương, tuổi đã bốn mươi. Cha ông là Tông Đạo nghĩ bố mình cần cù cứu vớt sanh mạng, con mình đã già mà vẫn chưa hiển đạt: “Nay ngẫu nhiên có được mười lạng, sao không mua các loài vật phóng sanh để cầu phước ư?” Sáng dậy, ông bèn mua rùa to, cá chép đỏ loại to đem thả. Đến tối, mộng thấy thần bảo: “Cha ngươi công đức to lớn, con trai ngươi sẽ đỗ đạt. Nay do ngươi mua rùa thần, cá chép thần phóng sanh, sẽ khiến cho con của ngươi được vào Hàn Lâm Viện, làm quan tới nhất phẩm”. Về sau, quả nhiên [Thế Năng] thi đậu liên tiếp, dự vào Hàn Lâm Viện, làm quan tới chức Thị Lang, từng vâng mạng đi sứ Triều Tiên, được ban tặng quan phục nhất phẩm.

Có người đàn bà tên X... ở Hàng Châu rất hung hãn. Thấy kiến bò quanh nhà bếp, bèn dùng lửa đốt, chúng bị chết không thể đếm xiết. Lại thường dùng vôi rắc vào hang giun đất. Sanh được một con, mới vừa ẵm ngửa, người đàn bà ấy vừa mới ra ngoài trở về, thấy trên giường là một khối đen kịt, kinh hoàng ngó xem, thì ra con mình đã bị lũ kiến cắn xé chết ngắc. Người đàn bà do xót con cũng bị đột tử!

---

<sup>355</sup> Long Khánh là niên hiệu của Minh Mục Tông (Châu Tái Hậu) từ năm 1567 đến năm 1572.

Ngô Di ở châu Thái Thương, ban đêm nằm mộng thấy hai người đàn ông mặc áo xanh đến xin cứu mạng. Ngô Di tỉnh giấc bèn nói: “Đấy ắt là có vật sẽ phải chết”. Sáng dậy bèn ra cửa tìm kiếm, thấy có mấy người cầm búa và cưa tiến đến. Đấy là vì họ mua được hai cây ngân hạnh nên đến đốn. Ngô Di vỡ lẽ, đền bồi đúng giá trị, miễn cho [hai cây ấy bị chặt].

Tổng Triết Tông ở trong cung thích bẻ cành liễu chơi. Trình Di tâu: “Đầu Xuân cây mới đâm tược, chớ nên vô duyên có bẻ gãy”. Vua vui lòng, nghe theo. Trình Di chúc mừng: “Bệ hạ hãy nên khiến cho thiên hạ đều có cái tâm ấy, đạo trọng yếu của bậc đế vương ở ngay chỗ này”. Lại nghe nói Cao Tử Cao hể thấy cây cỏ đang tăng trưởng sẽ chẳng bẻ, Châu Liêm Khê chẳng dấy cỏ trong sân, bảo là phải giữ cho nó [tươi tốt] như việc kiếm sống của gia đình mình. Nói chung, các vị thánh hiền ôm lòng nhân ái, lại còn có ý niệm chẳng bỏ sót những thứ vi tế vậy.

Trần Tiến Phu nói:

- Người có lòng nhân sẽ quyên tặng những món tiền dư ra, không dùng tới. Người có trí sẽ có đức dày “*thí xả chẳng cần báo đáp*”, khiến cho [những loài vật trong tình cảnh] ruột đứt, hơi tàn, được tiếp tục sống từ ngọn dao bén, khiến cho [những con vật] đang tan phách kinh hồn được hồi sinh từ trên chảo, vạc. Để thực hiện công đức ấy, có ba thứ phóng sanh không cố định, và hai thứ chẳng cần phải phóng sanh. [Lại có ba

loại phóng sanh] là vì loài vật mà phóng sanh, vì con người

mà phóng sanh, và vì chính mình mà phóng sanh.

Người đòi phóng sanh, phần nhiều ấn định sẵn ngày giờ [cố định]<sup>356</sup> để phóng sanh. Vì thế, những kẻ cầu lợi sẽ giảng bày, sẵn sẵn [động vật hòng] cung ứng, đa số là [khiến cho những con vật] bị quấy nhiễu khôn khổ đến nỗi chết ngắc! Đây chính là sát sanh mà cứ tưởng là phóng sanh! Hễ tai nghe, mắt thấy [những con vật sắp bị sát hại] ở trên đường hoặc ngoài chợ, liền tùy tiện mua lấy đem thả. Đây gọi là “*phóng sanh không theo kỳ hạn cố định*”. Người đòi đào ao, lập vườn [phóng sanh]. Đã có một chỗ thường xuyên, kẻ khác sẽ rình rập. [Những con vật] vừa mới thoát khỏi lưới của kẻ bắt, thoát lại biến thành món canh của kẻ trông coi [vườn, ao phóng sanh ấy]. Đây cũng là phóng sanh để cho chúng nó bị giết! Sông, ngòi, rừng, ao, hãy tìm chỗ thuận tiện, thích hợp, nhờ người thiện tín trông coi, bắt thỉnh linh đến đó [phóng sanh]. Đây gọi là “*phóng sanh không có chỗ thường xuyên*”. Người đòi phóng sanh bên ngoài, nhưng trong nhà cất mả chẳng bắn khoăn! Thậm chí nói “nuôi gia súc để đãi người khác”, “chức trách [của những con vật ấy] đáng phải là cung cấp món ăn [cho loài người]”, chẳng biết [nếu như] con cháu [của họ] cũng [là những sinh vật] được nuôi

---

<sup>356</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, điều này có nghĩa là có những kẻ cứ chọn một thời hạn nhất định để phóng sanh như vào dịp Phật Đản, hay Vu Lan, ngày Rằm, mùng Một v.v...

dưỡng bỗng bị mổ xẻ, ăn nuốt ngang xương, [lúc ấy], tâm họ sẽ như thế nào?

Ngạn ngữ có câu: “*Kinh doanh thì phải trả nợ, còn hay hơn bố thí*”<sup>357</sup>. Lập hội phóng sanh, sao bằng không giết? Cho đến thảo mộc đều là sanh linh; con đũa, loài thiêu thân đều có Phật tánh. Hoặc là phá chỗ tường vây khiến những loài trùng đang ngủ đông bị hủy hoại, có lúc lật tổ phá trứng, làm rơi rớt những thứ tanh tưởi khiến kiến bu lại, chứa nước tù đọng khiến lăng quăng sanh ra, hoặc do nuôi những thứ chim hay cá hiếm quý, bèn dùng những con vật khác làm đồ ăn cho chúng. Dầu ta chẳng có cái tâm giết chóc, nhưng [do những hành động bất cần trên đây], sẽ khiến chúng nó lâm vào tử lộ, đều nên không tránh. Hãy dự phòng bảo vệ sẵn, khiến cho chúng đều được sống sót. Đây gọi là “*chẳng phóng sanh mà hành phóng sanh*”, chẳng phải là phóng sanh những con vật cố định. Nếu là những con vật bị thương nguy ngập vì bị cắn xé, hoặc [những loài thủy sản] mắc lưới, có thả ra, chưa chắc chúng đã sống được, hãy nên điều dưỡng, khiến cho chúng nó bình phục [rồi mới thả]. Nếu chúng không thể sống sót, hãy nên đem chôn.

Lại có loài thú dữ, cá độc, ác trùng, chim hung tợn, cứu chúng sống sót, đúng là tiếp tục kéo dài các thứ độc, hãy nên cân nhắc chúng nó sống sót hay bị

---

<sup>357</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này phải hiểu như sau: Chúng ta phải thường ít tạo nghiệp, phải tôn trọng các động vật, gắng hết sức ăn chay, phóng sanh cho nhiều, bố thí cho nhiều, bao dung người khác, rộng kết thiện duyên. Đó gọi là “*kinh doanh trả nợ*”.

chết nhiều hay ít, so sánh giữa công và tội nặng hay nhẹ, để [quyết định] cho chúng nó tự sanh tự diệt dường như chẳng thấy, chẳng nghe. Đối với hai loại ấy (dầu phóng sanh cũng không sống được và loài vật gây hại), chẳng bắt buộc phải phóng sanh. Hễ là như vậy, hãy tùy duyên, tùy sức [để phóng sanh] khi thời cơ thích hợp. Đừng cho rằng giết những con vật nhỏ sẽ chẳng sao, đừng nghĩ thả những con vật nhỏ sẽ vô ích. Đừng ngại vất vả khiến cho thiện niệm bị trở ngại, đừng so đo giá cả rồi bỏ phước thiện duyên<sup>358</sup>. Một con vật chẳng phải là ít, lắm sanh vật chẳng phải là nhiều! Những côn trùng bé tí bay lượn chẳng phải là nhỏ; ngựa, trâu chẳng lớn. Một đồng chẳng phải là không đủ, một vạn xâu tiền chẳng phải là có thừa! Đây gọi là hễ có con vật [cần được cứu sống] bèn phóng sanh; đạo lý đều được bao gồm trọn hết trong ấy.

Đối với vật đã là có [cái tâm phóng sanh] như thế, đối với người cũng nên [làm như vậy]. Hoặc là kẻ bị liên lụy đáng thương, hoặc bị oan khuất, khốn khó không ai cứu, hoặc gặp tai ách trộm, cướp, nước, lửa, hoặc bị bệnh tật nguy ngập, hoặc do buôn bán thất bại chẳng còn lẽ sống, hoặc thiếu thuế không thể nộp được, toan tìm cái chết. Đối với những trường hợp ấy, có thể giúp đỡ tài lực hòng mở ra một con đường sống, giúp họ giải quyết toàn vẹn, mong sao họ sẽ thoát khỏi. Ta

---

<sup>358</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Câu này phải hiểu là đừng so đo giá cả con vật mắc rẻ. Chẳng hạn do thấy dê, bò giá tiền đắt hơn tôm cá, rồi nghĩ rằng phóng sanh những con vật đắt tiền thì phước đức sẽ to hơn, không chịu hành hạnh phóng sanh cứu vật đối với những con vật bé bỏng.

giúp đỡ người khác được thoát khỏi hoàn cảnh ngặt nghèo như vậy, so với việc phóng sanh loài vật càng quan trọng, thiết tha hơn! Vì thế, hãy nghĩ lúc ta gặp cảnh khốn khó, tai ách, lòng mong mỗi được cứu giúp, tự nhiên sẽ cảm nhận nỗi đau đớn, lo sợ của họ như là của chính mình, thôi thúc chính mình ôm lòng cảm ơn [người khác đã] cứu giúp, tự nhiên công đức sẽ thành tựu.

Nếu là ta phóng sanh chính bản thân ta, sẽ càng khẩn khoản, thiết thực hơn nữa! Con người vì lòng tham sanh khởi mà có thể bị mất mạng. Buông xuống sát sanh, đây chính là trường sanh. Nếu chịu giúi mài trong sáu thời, ngộ thông suốt hết thấy, thẳng thừng nhận biết cái vốn có, hoàn toàn chứng nhập Vô Sanh, cắt đứt sự ràng buộc trong cõi đời, phá sạch gông cùm trần lao, một đường thênh thang, đến đi chẳng vướng mắc, không bị câu thúc, không bị ép buộc, tiêu dao tự tại, cái tâm đã vượt thoát khỏi sự chấp trước xác thân, thật sự thoát khỏi luân hồi. [Do vậy] chẳng phải là người, chẳng phải là vật, vượt trỗi tứ sanh, chẳng có đức, chẳng có công, phước báo vĩnh viễn vượt trỗi. Do vậy, dùng một bài kệ để kết luận, kệ rằng:

*Chứng chủng sanh thành, hoạn diệt thành,*

*Hữu sanh tài phóng hữu sanh danh.*

*Dữ quân đã phá lao lung khứ,*

*Ngộ đắc vô sanh thị phóng sanh.*

(Muôn vật sanh thành, họa cũng sanh,  
Có sanh mới có tên phóng sanh.  
Ngục tù phá vỡ, thân lìa khỏi,  
Sẽ ngộ vô sanh tức phóng sanh).

*(Chánh văn) Nghi mẫn nhân chi hung, nhạo  
nhân chi thiện.*

**(正文)宜憫人之凶。樂人之善。**

*(Chánh văn: Hãy nên xót thương kẻ ác, vui vì  
điều thiện của họ).*

Chữ Nghi (宜, hãy nên) đáng nên áp dụng chung các câu sau đó, mãi cho đến câu “dĩ nhân bất truy hối” (đã cho người khác rồi bèn không hối tiếc). “Hung” (凶) là hung ác, mà cũng là hung họa. “Mẫn” (憫) là uyển chuyển khuyên dạy, khiến cho họ thay đổi làm lành. “Mẫn” cũng là trong khi hung hiểm, tai họa, bèn thương xót, xếp đặt an toàn, khiến cho mỗi loài đều được an vui. Không chỉ là quan tâm, thương xót mà thôi. Ông Hà Long Đồ nói:



- Phàm những kẻ thoát đầu làm ác, chỉ là vì một niệm sai lầm, chưa chắc là không thể khuyên răn, ngăn cấm. Đã làm chuyện ác, mà vẫn còn một niệm sáng suốt, chưa chắc là không thể cứu giúp, giải trừ được!

Cõi đời thường cự tuyệt [kẻ ác] như oán cừu, [chẳng khuyên nhủ họ sửa đổi], cũng khiến cho họ hòa nhau đâm đầu vào chỗ chết, tuy muốn ăn năn hối lỗi mà chẳng thể được, buồn thay!

Đạo Đức Kinh có câu: *“Thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân. Thường thiện cứu vật, cố vô khí vật. Cố thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư. Bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tử. Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tử, tuy trí đại mê”* (Thánh nhân thường khéo cứu người; vì thế, không có ai là kẻ bỏ đi. Thường khéo cứu muôn vật; vì thế, không có chúng sanh nào là thứ bỏ đi. Do vậy, thiện nhân là thầy của kẻ bất thiện. Kẻ bất thiện chính là tấm gương răn nhắc cho kẻ thiện. Chẳng quý trọng thầy, chẳng yêu mến tấm gương, dầu là kẻ có trí mà hết sức mê muội)<sup>359</sup>.

Kinh Dịch chép: *“Thánh nhân khúc thành vạn vật nhi bất di”* (Thánh nhân khéo léo thành tựu muôn vật, chẳng bỏ sót). Lễ Ký chép: *“Phong, vũ, lộ, lôi, vô phi chí giáo. Sương chi, tuyết chi, hạo thiên phi hại vật dã. Sở dĩ bồi sanh dưỡng chi nguyên. Trách chi, trị chi, thánh nhân phi khổ nhân dã”* (Gió, mưa, sương, sấm, không gì chẳng là lời dạy bảo tốt bậc [của trời đất].

---

<sup>359</sup> Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của ông Hoàng Bách Lâm.

Trời cao đổ sương, mưa tuyết, chẳng nhằm tổn hại muôn vật. Vì những chuyện đó là nguồn cội để vun bồi, dưỡng dục [muôn vật]. Quả trách, trị phạt, chẳng phải là thánh nhân muốn làm khổ kẻ khác). Bởi lẽ, họ muốn mở ra một con đường tự sửa đổi [cho những kẻ lầm lạc], không gì chẳng nhằm khiến cho kẻ khác sửa ác, theo lành, nhằm thỏa bản hoài “*vạn vật có cùng một Thế*” đó thôi!

Thiện là điều người khác và ta đều cùng đạt được. Người ta thường lầm lạc phân chia đây kia. Kẻ ở trên cao<sup>360</sup> chỉ mong tốt lành cho riêng mình. Kẻ ở dưới thấp cũng chẳng mong người khác làm lành, thậm chí thốt lời vu cáo để hủy báng, bới móc khuyết điểm, ngấm ngầm tính kế để phá hỏng chuyện tốt đẹp của người khác, chỉ ôm ấp suông cái tâm thuật bại hoại, người ta đâu có bị tổn hại gì! Nào có biết người khác có thiện niệm, thiện sự, ta có thể khuyến khích, tán dương, khiến cho sự việc được thành tựu viên mãn, công hạnh tràn đầy, thì điều thiện của người ta sẽ là điều thiện của chính mình, sẽ là công đức vô cùng.

Từ phạm nhập thánh là cửa ngõ của muôn điều thiện, thì phát Bồ Đề tâm chính là bậc nhất. Bồ Đề tâm ví như hạt giống, có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp.

---

<sup>360</sup> Nguyên văn “*cao giả*” (kẻ ở nơi cao). Theo ông Hoàng Bách Lâm, từ ngữ này có nhiều ý nghĩa. Chữ “*cao giả*” có thể bao gồm những người có địa vị cao quý trong xã hội, hoặc những người phú quý, quyền thế, hoặc những người có phước báo to lớn. Vì lòng ích kỷ, ai nấy chỉ mong chính mình đạt được những điều tốt lành, chẳng muốn chia sẻ với người khác, mà cũng chẳng mong người khác sẽ làm điều tốt lành.

Cũng ví như ruộng tốt, có thể sanh trưởng pháp trắng sạch (bạch tịnh) cho chúng sanh. Cũng ví như nước sạch, có thể gột rửa hết thảy các chất nhơ phiền não. Cũng như lửa mạnh, có thể đốt sạch hết thảy củi kiến chấp. Kinh Niết Bàn dạy: *“Phật thuyết tu nhất thiện tâm, phá bách chủng ác. Như thiểu hỏa năng thiêu nhất thiết. Cố tri vạn thiện giai tùng nhất niệm hảo nhạo nhi sanh, toàn thể thiện tâm nhi hiện, viên mãn Bồ Đề thường lạc diệu quả”* (Đức Phật nói: “Tu một thiện tâm phá được trăm thứ ác, như một chút lửa có thể đốt trụi hết thảy. Vì thế, biết muôn điều thiện đều từ một niệm ưa thích mà sanh, toàn thể thiện tâm hiện bày, viên mãn diệu quả Bồ Đề thường lạc”).

Lôi Xu tánh rộng rãi, nhân hậu, có thể bao dung. Người khác làm chuyện ngang trái đối với ông, ông lại thương xót sự ngu muội của kẻ ấy, thường dùng lòng nhẫn nại, chẳng so đo để cảm hóa kẻ ấy. Tuy bị oan khuất to lớn, cũng chưa hề thưa kiện kẻ nào ra cửa quan. Cháu mười một đời là Tôn Phu làm Thái Tử Thái Sư.

Vu Lệnh Nghi ban đêm bắt được kẻ trộm chính là đứa con nhà hàng xóm. Ông Nghi nói: “Người do bị cái nghèo bức bách, nay ta cho mười ngàn đồng làm vốn kiếm sống, đừng làm chuyện sai quấy nữa”. Nó đã bỏ đi, ông gọi lại, bảo: “Người đã nghèo mà đêm tối lại ôm tiền trở về, sợ rằng sẽ bị tuần cảnh tra gạn”. Bèn giữ lại tới sáng mới thả đi. Trọn chẳng nói với người khác [về chuyện này]. Về sau, con cháu ông Vu nói tiếp

nhau đậu Tiến Sĩ. Người ta bảo đây là được báo đền do thương xót kẻ hung tợn vậy.

Trương Khánh làm cai ngục, luôn giữ lòng xót thương, thận trọng. Hằng ngày đích thân quét dọn, lau chùi. Tới mùa Hạ, càng siêng năng quét dọn hơn. Ông thường răn bọn lính canh ngục: “Người ta mắc vòng lao lý là chuyện bất đắc dĩ. Bọn ta có chức trách coi ngục, nếu chẳng biết thương xót, tội nhân biết kêu cầu vào đâu?” Thức ăn, thuốc men, đồ trải nằm [cho tội nhân], ắt đều tinh khiết. Ông thích xem kinh Pháp Hoa; mỗi khi có tù nhân bị tử hình, ông đều ăn chay, tụng kinh cho họ. Nếu tù nhân vô tội, ông liền cứu giúp họ thoát khỏi án tù. Từng dùng lời lẽ dịu dàng hỏi han tù nhân: “Nếu thật sự có tội, hãy nên tự thú, đừng giả vờ là kẻ lương thiện, khiến cho tội mình càng thêm nặng”. Về sau, tới lúc tám mươi hai tuổi, ông không bệnh gì mà mất. Sáu con trai đều vinh hiển. Xét gương này, há bảo là chẳng thể dẫn mình vào chốn công môn ư?

Đời Tống, Trần Nguyên là người xứ Kim Đan. Năm Hy Ninh<sup>361</sup> thứ tám (1074), xác người chết vì đói vô số; ông bèn cho đào một vạt cái hố chôn người. Mỗi hố đặt một âu cơm, một chiếc chiếu, bốn tờ tiền giấy, chôn cất thi thể chẳng thể đếm kể. Về sau, con cháu đều đỗ đạt làm quan. Phàm những thi hài không được mai táng, phơi giải nhiều năm; vì thế, những oán quỷ ban đêm khóc lóc tỉ tê, há có kẻ sẵn lòng nhân từ trông thấy sẽ vui lấp cho? Trong niên hiệu Sùng Ninh (1102-

---

<sup>361</sup> Hy Ninh (1068-1077) là niên hiệu của Tống Thần Tông.

1106) đời Tống, huyện Thiệu Châu chọn chỗ đất cao, rộng rãi, cây cỏ cần cối để lập nghĩa trang từ thiện. Phàm những cỗ quan tài ký gởi tại chùa chiền trở thành vô chủ<sup>362</sup>, cùng các hài cốt bị dầm mưa dãi nắng đều được thu nhặt, chôn vào đó. Mỗi ngôi mộ đều ghi rõ vị trí, quê quán, lập bia mộ, lại còn xây một ngôi nhà để thân thuộc đến cúng quả dùng làm chỗ tế lễ và ăn uống [cỗ bàn đã cúng]. Lại còn yết thị công khai cho dân chúng biết. Chuyện này từng được thực hiện trong niên hiệu Hồng Vũ<sup>363</sup>. Nay khuyên những người có chức trách, hoặc hàng thân sĩ trong dân chúng, hãy nên tùy nghi ra sức thực hiện, lập ra một cuộc đất để thu thập mai táng những hài cốt bị bỏ rơi vì phần mộ hoặc quan tài hư hại, công ấy sẽ chẳng có gì to hơn được!

Nịnh Tùng Lễ tánh ưa làm lành, thương xót kẻ không được mai táng, thường tạo quan quách để thí. Kẻ không có tiền chôn cất, ông bèn cho tiền. Ông thọ một trăm tuổi mới mất, báo mộng cho người nhà: “Thuở còn sống, ta tạo ra nhà cửa để thí cho người khác, nên con cháu được hưởng điều tốt lành, khoa bảng chẳng dứt!” Về sau, đúng như vậy. Ôi! Thi hài không được

---

<sup>362</sup> Đây là một hủ tục của Trung Hoa kéo dài mãi cho đến đầu thời Dân Quốc: Những người đã chết phải được đưa về an táng tại quê nhà. Do vậy, những người chưa sẵn tiền, hoặc công việc bận rộn, hoặc chưa kiếm được ngày lành tháng tốt, hoặc chưa kiếm được cuộc đất tốt, thường thuê người đồ nhiều thủy ngân vào quan tài cho xác lâu thối rữa, khâm liệm xong sẽ đem gởi tại các chùa hoặc các đạo quán, chờ khi thuận tiện sẽ đưa về quê an táng. Thời gian quản xác như vậy có nhiều khi kéo dài đến mười mấy năm. Có nhiều khi con cháu hoặc người thân của những cỗ quan tài ấy bị tai nạn, bị chết bất thành linh, hay lưu lạc, những cỗ quan tài ấy trở thành vô chủ.

<sup>363</sup> Hồng Vũ (1368-1398) là niên hiệu của Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương).

chôn cất là chuyện thể thảm nhất. Thí quan quách để khâm liệm, u hồn cảm kích; lòng nhân tốt bậc không gì to lớn hơn! Nhưng kẻ sức lực đơn bạc, khó lòng tiếp tục [thực hiện lâu dài], chẳng bằng kết thành một hội. Một hội chia thành mấy trụ, mỗi trụ gồm mấy người. Hễ thí một cỗ quan tài, nếu hội có nhiều người, mỗi người chỉ cần bỏ ra chút tiền. Hội có ít người, mỗi người bỏ tiền cũng chẳng quá mấy trăm đồng, sẽ dễ thực hiện, một vùng sẽ chẳng có nỗi thể thảm thi hài bộc lộ. Cốt sao người chịu trách nhiệm thật tâm, siêng năng, khẩn thiết đó thôi. Nếu [người đứng ra chịu trách nhiệm ấy] là người có thể diện, sẽ càng thêm châu toàn, thỏa đáng mọi bề. Đối với chuyện cho quan tài, hãy nên dựa theo lời trình báo mà kiểm xem có phải là thật hay không, chớ nên không suy nghĩ cách thức thực hiện tốt lành!

Trình Nhất Đức chỉ biết mặt chữ, hiểu nghĩa qua loa, nhưng khẳng khẳng mong cho kẻ khác làm lành. Phàm là những lời lẽ tốt lành, cách ngôn giáo huấn, ông đều in ra để khuyên kẻ khác. Một đêm, mộng thấy Văn Xương Đế Quân nói: “Do người có thiện niệm, những chuyện khắc in đã được tâu lên thiên đình. Sau này, con cháu người sẽ đỗ đạt rất đông”. Than ôi! Người phát ra thiện nguyện, cõi trời nghe thấu, tiếng như sấm rền, chư Phật không vị nào chẳng hộ niệm, bậc thượng chân<sup>364</sup> không vị nào tâm chẳng khế hợp. Chư Phật và các bậc thượng chân đều trụ nơi giải thoát đã lâu, vẫn

---

<sup>364</sup> “Thượng chân” (上真) là danh xưng của Đạo gia để gọi bậc chân tiên.

còn thích điều thiện như vậy, hướng hồ người đời sống trong biển khổ mà chẳng gắng sức ưa chuộng điều lành ư?

Đời Tống, Âu Dương Tu giữ chức Hàn Lâm, thường cầm theo mấy chục tờ bài thiếp để trống. Hễ thấy bậc sĩ đại phu hiền đức, được ca tụng là người lành, bèn hỏi chỗ ở của người ấy, viết tên người ấy vào bài thiếp để xin gặp mặt. Nếu đúng như lời đồn, sẽ ca ngợi thanh danh của người ấy.

Đời Hậu Hán<sup>365</sup>, Bàng Thống ca ngợi điều lành của người khác, thường là vượt quá sự thật. Có kẻ trách móc, ông đáp: “Hiện thời, người thiện thì ít, kẻ ác thì đông. Muốn cho phong tục hưng khởi, tăng trưởng đạo nghiệp, nếu chẳng nói lời tốt đẹp, người hành thiện sẽ càng ngày càng ít. Ca ngợi mười phần mà chỉ có năm phần là thật, vẫn là được một nửa rồi, sẽ khiến cho kẻ có chí tự cảm thấy đã được khích lệ, há cũng chẳng đáng [nên làm như vậy] ư?” Quan phu tử đã răn dạy: *“Nguyên trời thường sanh người tốt. Nguyên người thường làm chuyện tốt. Nguyên miệng thường nói lời tốt đẹp”*. Ông Bàng đáng được gọi là người thấu hiểu lời giáo huấn ấy, giúp cho phong tục được hưng thịnh vậy.

Đỗ Chánh Hiến hễ nghe người khác có điều tốt lành, sẽ vui mừng như chính mình đã làm. Lưu Tập

---

<sup>365</sup> Hậu Hán ở đây là nói tới nhà Đông Hán, không phải là Hậu Hán do Lưu Tri Viễn sáng lập vào thời Nam Bắc Triều.

Hiền hễ nghe điều thiện của kẻ khác, đều khen ngợi chẳng thôi. Hàn Trung Hiến (Hàn Kỳ) hễ nghe một điều thiện nhỏ nhất, ắt nói: “Kỳ chẳng thể sánh bằng!”  
Mấy vị ấy đều tận tụy trung thành với đất nước, giữ gìn điều lành, chỉ sợ lỡ đánh mất. Vì thế, thích khen ngợi như vậy, ấy là nhằm đề cử người hiền ngỗ hầu ích nước lợi dân. Kẻ có chức trách hãy nên biết chuyện này, há chỉ ưa thích suông mà thôi!

*(Chánh văn) Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy.*

**(正文)濟人之急。救人之危。**

*(Chánh văn: Giúp người khác trong lúc cấp bách, cứu người khác trong cơn nguy hiểm).*

Người khác gặp tình cảnh cấp bách, như bệnh tật thì thuốc men là chuyện cần kíp. Đối với tang ma thì chuyện tần liệm là điều cần gấp. Đối rét thì cơm áo là chuyện cấp bách. Thiếu thuế thì bị truy bức là chuyện cấp bách. Các loại [tình thế cấp bách ấy] chẳng thể kể xiết! Ai nấy hãy đều nên tùy sức lập phương tiện cứu giúp. Khi đó, cần phải quả quyết thực hiện, đừng nghi ngại. Nếu không, sẽ bỏ lỡ phước duyên này, đáng tiếc lắm thay! “Nguy” (危) là ở ngay ranh giới sống chết, như thuyền lật, hoặc hỏa hoạn, nhà tan, người chết, cho đến bị giam cầm, hình phạt, phải ra cửa quan, bị người



khác hãm hại v.v... Nguyên Đế<sup>366</sup> nói: “Đối với người đang bị hoạn nạn, khốn đốn, hãy khéo dùng một lời để giải cứu, trên là sẽ giúp cho cha, ông đã khuất, dưới là tạo phước ầm cho con cháu”. Lại nói: “Xô người hay đỡ người đều là cái tay bình thường, hãm hại hay khen ngợi người khác đều do cái miệng bình thường. Thà để tay nâng đỡ người, chớ mở miệng hại người”. Nếu có thể hành theo lời ấy, tương lai sẽ tự vĩnh viễn lâu dài.

Sách Dịch Cát Lục viết:

- Kẻ thất phu<sup>367</sup> mà có lòng thương yêu loài vật, ắt sẽ giúp đỡ người khác. Để cứu tánh mạng [của người hay vật mắc nạn], chẳng tốn kém mấy. Đặc biệt là kẻ com áo dư dật, chẳng biết đến nỗi khổ đói rét, trông thấy [hoàn cảnh nheo nhóc của kẻ khác] cũng chẳng cảm thấy gì, hời hợt chẳng quan tâm đến. Khi thấy họ (những kẻ túng quẫn) xanh xao cũng chẳng bận lòng, đến khi thấy họ mắc bệnh ngã lăn bên đường, lại cho rằng bệnh tình đã nguy cấp, chẳng thể khỏe lại được, bèn ngồi nhìn người ấy chết. Dầu kẻ qua đường có lòng, vẫn chỉ là than thở suông mà thôi! Những kẻ khác sẽ ghé mắt nhìn, lần lượt bỏ đi. Chẳng biết người ấy vì đói mà sanh bệnh, do bệnh nên chưa thể đi xin, cho nên càng đói khát dữ dội hơn. Bất quá là ba, bốn thùng gạo giúp đỡ người ấy dưỡng sức, mấy ngày sau người ấy lại

---

<sup>366</sup> Nguyên Đế ở đây là Huyền Thiên Thượng Đế, tức vị thần Trấn Vũ ở phương Bắc trong Đạo Giáo.

<sup>367</sup> “*Thất phu*” (匹夫) có nghĩa là những kẻ bình phàm trong xã hội, không có chức vị, không có địa vị và thế lực.

có thể đi xin, lại được sống sót. Hoặc thừa lúc người ấy xanh xao, sắp ngã bệnh, mà cứu chữa sớm, sẽ càng hay hơn. Chi phí ăn ở một tối của người giàu đủ để cứu giúp mười người. Chi phí thỉnh sư tăng hoặc đồng cốt [làm trai đàn] đủ để cứu trăm mạng. Đối với chi dụng ăn uống ngàn vàng [của người giàu có, chỉ cần] quyền tặng một phần mười; giảm bớt một phần mười [số tiền dành cho] quần áo, ăn uống mỗi năm, mỗi tháng, sẽ đủ cứu cả ngàn mạng, thực hiện rất dễ dàng! Nếu có được mấy người cùng lập ra hội này, để ra một căn nhà trống, xếp chiếu cỏ trong ấy để chứa người nghèo đói, bệnh tật, khiến cho họ có chỗ tránh gió, khỏi phải lo toan về cơm nước, chỗ nghỉ, họ sẽ càng dễ điều dưỡng. Đối với những lúc trời rét, [chuyện này] càng cấp bách. [Nơi ấy] cần phải do một vị thiện nhân trông coi. Bốn cửa thành đều có cơ sở ấy, ắt những người bị chết yếu sẽ ít đi. Lại mở rộng chuyện này ra khắp chốn, ắt cô hồn lưu lãng sẽ rất ít. Bởi lẽ, khi người ấy đang bị bệnh, không có người trông nom, ngó ngàng, sẽ bệnh nặng hơn một phần. Ở nơi trống trải, gió máy, bệnh nặng thêm hai phần. Do lo âu về nguy cơ túng thiếu, trắng tay, bệnh sẽ nặng thêm ba phần. Trầm trọng hơn là cảnh bụng đói, áo bẩn, lần lượt bị xua đuổi, há còn có hy vọng để sống sót nữa ư? Hãy thử đặt chính mình vào tình cảnh ấy, [sẽ biết] nỗi đau khổ vì bệnh tật là như thế nào! Há có nên tiếc nuôi chẳng quyền tặng một hạt gạo cho kho Thái Thương, chẳng làm chuyện ân huệ này! Hơn nữa, họ đều là người. Nếu bọn ta đầu thai chẳng đúng chỗ, sẽ lâm vào tình cảnh giống như thế

đó! May mắn được no đủ, lại còn mong muốn hưởng thụ no ấm, dư dật, tính chuyện bền lâu cho con cháu, nhưng đối với chuyện cứu người trước mắt, chẳng bỏ một đồng! Chẳng biết nước, lửa, đao tặc, tật bệnh, tai họa ngang trái, đều có thể khiến cho tài sản của ta phút chốc tan sạch. Chút phước phận nhỏ nhoi cũng do trời đất ban tặng, há có phải là do chắt bóp, keo kiệt, tham tiền như mạng mà có thể đạt được như vậy ư? Một mai vô thường, [những tài sản đã khổ công tích góp ấy] chỉ trở thành những món tiền để con cháu rượu chè, gái gú, cờ bạc, phóng đảng đó thôi! Do vậy, đã có món tiền tiêu phí đủ cứu cả ngàn mạng người ấy, sao không dùng để tích đức? [Chuyện tích đức do cứu người] còn sâu dày hơn cầu trời che chở nữa! Lý ấy tốt bậc rõ ràng, [thế mà những kẻ bị] hơi đồng hơi thói nhuốm thân, trọn chẳng suy lường chi cả!

Đời Tống, Hứa Thúc Vi thường cầu xin đỗ đạt. Mộng thấy thần bảo: “Người muốn thi đỗ, cần phải cậy nhờ âm đức”. Ông Hứa tự nghĩ nhà nghèo, không có sức, chỉ có dùng y thuật là được, bèn chuyên ròng nghiên cứu sách thuốc, lâu ngày thông hiểu đến mức hay khéo. Chẳng cần biết người bệnh giàu hay nghèo, đều gấp gáp đến [cứu giúp họ], cứu sống rất nhiều người. Thanh danh càng thêm vang dội, thiện tâm càng tha thiết. Về sau, ông đỗ đạt. Cứu người bệnh tật, vốn là cái nhân lành, nhưng nếu y thuật khó thể tinh thông thì làm như thế nào? Người có chí hãy kiên thành pha chế các loại cao đơn, hoàn tán để thí thuốc, in những

bài thuốc hay quý có hiệu nghiệm để lưu truyền; đó cũng là một cách vậy!

Đời Tống, Vương Tăng lên kinh đô dự thi. Trên đường, ông nghe tiếng hai mẹ con khóc lóc rất sâu thẳm, hỏi dò hàng xóm, họ cho biết: “Vì thiếu tiền thuế, không đóng được, sắp phải bán con gái, cho nên khóc lóc”. Vương Tăng bèn đến thăm nhà ấy, họ hỏi: “Có chuyện gì hay không?” Ông đáp: “Bà có thể bán con gái cho tôi, khi tôi làm quan, bà vẫn có thể lui tới [thăm viếng], có thể thường gặp gỡ nhau”. Ông bèn giao đúng số tiền họ thiếu thuế, ước định ba ngày sau sẽ lấy cô ta. Quá hạn, ông không tới. Bà mẹ hỏi thăm chỗ trọ của Vương Tăng, [tìm đến nơi, mới biết] Vương Tăng để lại thư, dặn bà ta chọn chỗ xứng đáng gả con, ông ta đã bỏ đi mấy ngày rồi! Về sau, ông Vương đậu Tam Nguyên<sup>368</sup>, được phong làm Nghi Quốc Công.

Đời Tống, Ngô Khuê chơi thân với Vương Bành Niên. Ông Vương mất, nghèo túng, không có tiền chôn cất. Ngô Khuê sai trưởng nam lo liệu tang sự, trông nom việc lo an táng, châu cấp cho nhà họ, lại còn lo chuyện cưới gả cho hai cô con gái ông Vương. Về sau, ông Ngô làm quan tới chức Tể Tướng, thụy hiệu là Cung Túc.

Đời Minh, Giải Khai nhà giàu có. Hễ thân thích, bạn bè gặp chuyện cưới hỏi, ma chay mà không đủ sức,

---

<sup>368</sup> Tam Nguyên là đỗ đầu cả ba trường thi, đỗ đầu kỳ thi Hương gọi là Giải Nguyên, đỗ đầu thi Hội thì gọi là Hội Nguyên, đỗ đầu kỳ thi Đình thì gọi Trạng Nguyên.

liền giúp đỡ. Hễ có người gặp cảnh ngặt nghèo, nói với ông, ông luôn dẫn mình vào cảnh nước sôi, lửa bỏng để ra tay giúp đỡ. Ông thường nói: “Có ai mà chẳng muốn tích cóp cho nhiều, nhưng kẻ giàu có sẽ thành nơi kết oán, ta chỉ biết làm lành để đức cho con cháu, há cây vào vàng, ngọc ư?” Con ông là Luân làm Thị Ngự Sử, [một người con khác tên là] Tấn làm Đại Học Sĩ.

Vùng Tân Kiến bị đói to, có người túng quẫn tới cùng, còn được khoảng một thưng gạo, bèn nấu cơm, bỏ chất độc vào, toan để vợ chồng được ăn no mà chết. Bổng lý trưởng tìm đến muốn thuê đình, thấy cơm, toan ăn. Người nghèo vội ngăn lại, bảo: “Ông không thể ăn cơm này được đâu!” Khóc lóc kể rõ nguyên nhân. Lý trưởng xót xa, bảo: “Sao lại như thế? Nhà ta tuy túng thiếu, vẫn còn năm đấu gạo, hãy theo ta đến lấy đem về, có thể cầm cự ít lâu”. Người nghèo mang gạo về, thấy có năm mươi lạng vàng trong ấy, suy nghĩ: “Đây chắc là tiền thuê”, vội đem trả. Lý trưởng nói: “Trợn chẳng phải là tiền thuê, trời ban cho đấy chẳng?” Liền chia đều ra, ai nấy đều sống thoải mái hết năm.

Đời Tống, Tôn Giác làm tri phủ Phước Châu. Những kẻ thiếu thuế bị tổng giam rất đông. Khéo sao có kẻ giàu có bỏ ra món tiền năm trăm vạn đồng để xin sửa chữa điện thờ Phật. Tôn Giác bảo: “Các người thí tiền là mong được phước. Điện thờ Phật chưa hư hoại quá mức, sao bằng dùng tiền để cứu những người thiếu thuế bị tù, khiến cho mấy trăm người thoát khỏi nỗi khổ gông cùm, ngay cả Phật Tổ cũng sẽ mỉm cười, rú

lòng Từ, sẽ được phước chẳng nhiều hơn ư?” Người giàu có bèn nộp tiền thuế, nhà tù rỗng không. Con cháu của người giàu có ấy đều hiển đạt. Tôn Giác làm quan tới chức Trữ Quốc.

Những người vừa kể trên đây, đều cứu giúp người khác trong tình cảnh cấp bách do ma chay, bệnh tật, hôn nhân, thiếu thuế, ly biệt, nghèo túng, được trời báo đáp sâu xa, đều là hết sức nhanh chóng. Ôi! Người gặp cảnh nguy cấp, chỗ nào cũng đều có. Kẻ có sức gặp những chuyện ấy, hãy nên khéo cứu tế; nhưng kẻ không có sức cũng nên khéo tìm cách xếp đặt, tùy duyên trọn hết tâm lực. Còn như gặp năm mất mùa, dân đói, càng là chuyện đứng đầu và lại còn là chuyện to lớn nhất trong các nỗi nguy cấp. Nếu chẳng phải là người đang giữ chức vị, hẳn là kẻ có tiền tài, có thừa sức, hãy góp sức bù đắp cho sự thiếu hụt trong vận trời, hòng cứu vớt, giúp đỡ [kẻ khốn khó], ắt kẻ bần cùng sẽ chẳng bị vùi thây trong ngôi rãnh. Trong lời chú giải cho chữ Trung trong phần trước, đã nhắc đến ý này, nhưng chưa nêu rõ trọn hết. Vì thế, nay sau khi đã luận định về chuyện cứu giúp các nỗi nguy cấp, lại đặc biệt chuyên nói về chuyện này. Chỉ mong những kẻ đang giữ quan chức, những vị có lòng nhân, những vị ưa chuộng điều thiện đều cùng thấu hiểu cặn kẽ!

Đời Tống, Phạm Thuần Nhân làm tri phủ Khánh Châu. Gặp năm đói, xác người chết đói đầy đường. Thuần Nhân xin dùng gạo thóc từ kho Thường Bình để phát chẩn. [Đối với chuyện này], quan đầu quận phải

tâu lên [triều đình] rồi mới được phép. Thuần Nhân nói: “Người ta không ăn sẽ chết. Tâu rồi mới phát, há có thể cứu kịp ư? Các ông đừng lo, hễ bị bắt tội, ta sẽ tự chịu”. Bèn phát chẩn ngay hôm đó, những người được cứu sống chẳng thể tính đếm! Về sau, ông làm quan tới chức Học Sĩ, được phong làm Cao Bình Công, thụy hiệu là Trung Tuyên.

Đời Tống, Triệu Biện làm tri phủ Việt Châu. Xứ Ngô Việt bị hạn hán nặng. Ông thừa dịp dân chưa bị đói, gửi thư hỏi các huyện trực thuộc có mấy chỗ bị tai ương? Dân làng đang chờ lãnh gạo [cứu đói] mấy người? Các ngòi nước và đê điều cần phải sửa chữa có thể thuê dân chúng tu bổ mấy chỗ? Tiền trong kho và lương thực tích trữ có thể phát ra được bao nhiêu? Bao nhiêu nhà giàu có thể quyên tặng gạo? Mỗi mỗi đều ghi chép vào sổ. Lại ghi chép những người già cả, cô quạnh, bệnh tật, không thể tự kiếm ăn, [số lượng đến] hơn hai vạn một ngàn chín trăm người. Lại đối chiếu với những ghi chép trước đó, [thì thấy] mỗi năm cấp gạo giúp kẻ nghèo chừng ba ngàn thạch mà thôi. Triệu Biện kiểm kê những khoản quyên góp của những người giàu, và những khoản thặng dư khác [ngoài tiền thuế ra], thu được hơn bốn vạn tám ngàn thạch gạo, bèn góp thêm vào đó khoản chi phí của chính mình. Từ tháng Một tháng Mười, cấp cho mỗi người một thưng gạo mỗi ngày, trẻ nhỏ thì được nửa thưng. Ông sợ mọi người [đến lãnh gạo, nam nữ] xen tạp, bèn cho nam nữ [lãnh gạo] khác ngày, mỗi người [mỗi lần] chỉ lãnh khẩu phần hai ngày. Ông sợ họ phải lang thang [bòn

mót cái ăn], bèn ở chốn thành thị, vùng quê, lập ra năm mươi bảy chỗ phát gạo, để cho ai nấy đều nhận lãnh thuận tiện. Lại còn thông cáo: Nếu họ lìa khỏi chỗ ở, sẽ chẳng được cấp gạo. Ông tính toán thấy quan viên [lo việc phát chẩn] không đủ dùng, bèn chọn lấy những nha lại đã nghỉ việc đang sống trong vùng, cấp lương thực để họ đảm nhiệm [công tác phát chẩn] này, truyền cho những kẻ giàu có chẳng được [thừa dịp] mua gạo trữ vào [để đầu cơ]. Các châu đều yết bảng cảm tăng giá gạo. Triệu Biện ra lệnh thu mua gạo của những kẻ có gạo toan tăng giá. Ông tự cỡi chiếc đai vàng [do hoàng đế ban tặng] để dưới sân, hạ lệnh thu mua số gạo ấy. Do vậy, người thí gạo đông đảo. Lại xuất hơn năm vạn hai ngàn thạch gạo từ kho gạo công để hạ giá gạo hòng tạo thuận tiện cho dân chúng. Lại lập ra mười tám chỗ bán gạo để người mua gạo khỏi phải bôn ba. Lại thuê dân đi sửa chữa thành trì [số lượng] đến bốn ngàn một trăm người; tính ra số lần thuê nhân công là ba vạn tám ngàn lần, tính theo số lần thuê mà trả bằng gạo trị giá gấp bội. Nếu dân cần vay tiền, bèn bảo những kẻ giàu có ứng trước, đợi đến khi lúa chín sẽ trả nợ. Quan viên sẽ đốc thúc họ trả tiền nợ. Đối với con cái của những người dân [vì đói kém, túng thiếu mà bị] bỏ rơi, bèn lập cách thức thu nhặt về nuôi dưỡng. Mùa Xuân năm sau, do người dân bị mắc bệnh dịch, bèn lập chỗ chữa bệnh để nuôi kẻ lâm vào cảnh bệnh tật mà không có chỗ quay về. Tuyển mộ hai vị Tăng, dặn dò họ trông nom thuốc men và đồ ăn thức uống cho những người ấy để họ không thiếu người chăm sóc. Hễ có người



chết, bèn sai người nơi đó thu nhặt, chôn cất. Theo đúng lệ, phát gạo cứu đói cho người nghèo túng cho đến hết ba tháng mới ngưng, tức là đến tháng Năm trong năm đó mới thôi. Hễ ai có chuyện gì cầu xin, phần nhiều hễ xét thấy thuận tiện bèn làm ngay. Triệu Biện tự mình lo liệu, chẳng phiền đến thuộc hạ. Sớm tối dọc cặn tâm lực, không chuyện gì lớn bé chẳng đích thân lo liệu. [Trong đợt] hạn hán, tật dịch khi ấy, dân những quận khác chết mất một nửa, riêng dân trong quận của Triệu Biện cai trị là không bị tổn hại. Về sau, ông làm Tể Tướng dưới thời vua Thần Tông, là bậc danh thần đời Tống.

Đời Tống, Phú Bật làm Xu Mật Phó Sứ. Có kẻ vu cáo ông toan cầu kết với người Khiết Đan dấy binh [làm loạn]. Tống Nhân Tông tức giận, biếm trích ông đi coi Thanh Châu. Khi ấy vùng Hà Sóc<sup>369</sup> lụt to, dân đói tràn vào xứ, không có gì ăn, sắp bị chết đói. Ông quyên mộ hơn mười vạn học gạo, chứa ở chỗ thích hợp để phát ra. Lại còn tìm kiếm những căn nhà công và tư hơn mười vạn căn, để phân chia cho họ ở khắp nơi. Thuốc men đều đầy đủ, cho phép di dân được sử dụng những nguồn lợi từ nơi núi non, ao đầm, chủ [những chỗ ấy] không được ngăn cấm. Những người chết được chôn trong một ngôi mộ to. Người theo về cư trú đông đảo, có người nghỉ ngơi, nói với Phú Bật: “Đấy chẳng phải là đặt mình trong cảnh nguy hiểm, tai họa chẳng lường được ư?” Phú Bật nói: “Há vì [sự an vui của]

---

<sup>369</sup> Hà Sóc là khu vực thuộc miền trung du phía Bắc Hoàng Hà. Từ ngữ này thường dùng để chỉ một khu vực rộng lớn bao gồm cả tỉnh Sơn Tây, Hà Bắc và Sơn Đông.

một thân ta mà đổi lấy tánh mạng của sáu, bảy chục vạn người ư?” Ông càng dốc sức thực hiện. Năm sau, lúa mì chín rộ, ông đều tính toán [quê quán] của họ xa hay gần để cấp lương thực cho họ trở về. Ông đã cứu sống hơn năm mươi vạn người. Vua nghe chuyện, sai người đến ủy lạo, phong cho ông làm Lễ Bộ Thị Lang. Về sau, ông làm Tể Tướng, được phong làm Trịnh Quốc Công, thọ tám mươi tuổi, thụy hiệu là Văn Trung, được thờ phôi hưởng trong Thái Miếu.

Đời Minh, Thanh Huệ Công là Đinh Tân, là người xứ Gia Thiện. Ông thích làm lành, chẳng mỗi mội, ông chú trọng cứu đói tha thiết nhất. Năm Đinh Hợi (1587) trong niên hiệu Vạn Lịch có nạn lụt lớn, giá gạo tăng vùn vụt. Ông mới bắt đầu sai gia nhân đổi gạo lấy vải, chiếu theo thời giá, cứ mỗi xấp vải là bốn thung gạo. Tốn phí đến hơn một ngàn thạch gạo đã tích trữ. Ông lại tu bổ đê điều ngoài đồng để ngừa hạn hán, lụt lội, tính theo từng trượng để cấp gạo, tốn phí đến sáu trăm năm mươi thạch gạo đã tích trữ. Năm sau, càng đói dữ hơn, ông lập trạm phát cháo, mỗi ngày có mấy ngàn người đến ăn. Ông lại tìm kiếm những người già cả, yếu đuối chẳng thể đến được để cấp phát riêng. [Làm như thế] suốt chín mươi ngày mới thôi. Đến mùa Thu lại khổ vì hạn hán, ông lại cứu tế những người dân bị đói ở gần nơi sông nước. Những kế hoạch cứu đói do ông trù tính đều có sách lược tốt đẹp, cho nên người được sống sót rất đông. Tháng Mười Một, dân chúng bị tai ương phần nhiều khổ sở vì rét buốt. Ông lại tìm kiếm trọn khắp những người cô quạnh, đói nghèo,

không nơi nương tựa, ghi chép vào sổ, cấp phiếu, đến kỳ hạn sẽ lãnh. Ông phát hết những súc vải đã đổi [từ gạo] trước kia, kèm theo bông vải. Mỗi người được cấp hai tấm vải, bốn cân bông. Tính toán trước sau, ông đã phát hơn một vạn hai ngàn bốn trăm thạch gạo, ba vạn lẻ bốn mươi xấp vải, sáu vạn tám mươi cân bông. Năm Mậu Thân (1608) lại bị lũ lụt, ông lại cạy Đài Tỉnh<sup>370</sup> dâng sớ xin cứu chần, truyền hịch cho vùng Ngô Sở không được cấm mua gạo, lại còn phát tiền từ công khó, chuyển đến các nơi. Lại còn bỏ tiền riêng của mình để cứu tế rộng rãi. Năm Giáp Tý (1624), bị mưa dầm, ông lại mở kho cứu tế, phát hết ba ngàn thạch gạo. Tính chung là bốn lần chần tế. Ông lại tính toán trong huyện, những người nghèo chỉ có hai, ba mẫu ruộng, ước tính họ sẽ phải nộp thuế ba ngàn lạng, ông đều đóng thay cho họ. Năm ông chín mươi tuổi, vẫn lo thăm hỏi dân nghèo, kiến thiết làng quê, thọ gần một trăm tuổi.

Đời Tống, Trịnh Cang Trung người xứ Kim Hoa, làm Thông Phán<sup>371</sup> ở Ôn Châu. Gặp năm đói, ông bèn bỏ hết lương bổng để khuyến người khác bán gạo. Thái Thú nói: “Sợ rằng chẳng thể thật sự thí cho kẻ đói”.

---

<sup>370</sup> Đài Tỉnh (臺省) là cơ quan hành chánh trung ương, thời Hán được gọi là Thượng Thư Đài, thời Tam Quốc đổi thành Trung Thư Tỉnh, là cơ quan đặc trách công bố những chiếu lệnh của hoàng đế, có đặc tánh của cơ quan hành pháp trung ương, chức trách tương ứng với Quốc Vụ Viện hiện thời.

<sup>371</sup> Thông Phán (通判) là chức quan được đặt ra từ thời Tống. Nhằm ngăn ngừa quyền hạn của Tri Châu quá cao, triều đình đặt ra chức Thông Phán làm phụ tá cho Tri Châu, thật ra là để kiềm chế, giám sát Tri Châu. Thông Phán trông coi lương thực, tiền bạc trong một châu.

Ông đáp: “Chẳng khó! Hãy lấy một vạn đồng, trên mỗi đồng tiền ghi một chữ. Tới đến ra đường phố, hễ gặp kẻ đói bèn cho một đồng, căn dặn: “Chớ xóa chữ ghi trên đó, ngày mai [quan phủ] sẽ dựa vào đồng tiền ấy để cấp gạo. [Làm như vậy] sẽ chẳng bỏ sót một ai. Phương pháp phát gạo không có cách nào tốt bằng cách này!” Lại có người đề nghị cứu đói bằng cách dựa theo nhân khẩu để phát lương thực, nửa tháng phát một lần. Đối với họ, đã đỡ tốn công đi lại, họ ở nhà tận lực làm việc. Đối với ta, cũng đỡ tốn sức, giảm bớt những khoản chi phí, có thể cứu sống thêm mấy người nữa! Lại tránh được tình trạng họ tranh giành, chiếm đoạt lẫn nhau. Có người nói: “Dựa theo nhân khẩu để cấp phát lương thực, sợ sẽ có nhiều kẻ mạo danh, lạm dụng, chẳng thể được!” Ông nói: “Ta sẽ có cách thu xếp. Trước hết, hãy thí cháo dăm ba ngày. Nam nữ khác chỗ, cho phép họ mang bình đựng đến để lãnh về hòng nuôi nấng người già, trẻ nít. Cấp cho mỗi người một cái thẻ, đối với người trong một thôn đều ghi chép tên họ, tụ tập họ lại một chỗ, chẳng cho phép họ phân tán. Như vậy thì sẽ có thể ước tính số người trong một thôn. Sau đấy, mới đến từng làng đích thân tra xét, phân định là trung bản hay thượng bản. Thà tính dư, đừng tính thiếu. Dựa theo cái túi do họ đem tới mà cấp cho lương thực đem về. Kẻ già cả, yếu đuối hoặc góa phụ chẳng thể vác nặng, hãy chiếu theo thời giá, chiết tính thành tiền cho họ. Cho họ nhiều hơn một chút, đừng giảm bớt. Đây cũng là tru tính phương pháp thỏa đáng nhất, mà cũng là

phương pháp thích ứng với hiện thời để người có lòng nhân thực hiện thuận tiện”.

Chúc Nhiễm ở Diên Bình thường mỗi khi gặp năm đói kém liền thí cháo cứu dân đói rất đông. Hôm con trai ông ta đi thi Hương, người hàng xóm mộng thấy có người chạy đến, báo tin đồ Trạng Nguyên, tay cầm lá cờ to, trên đó có đề bốn chữ “*thí chúc chi báo*” (báo ứng do thí cháo). Quả nhiên con trai ông thi đỗ liên tiếp, đồ đầu thiên hạ.

Xưa kia, có người luận định phương pháp chẩn tế, coi thí cháo là cách thấp nhất, nhưng khi Tịch Văn Tương cứu nạn đói lớn tại Giang Nam, đặc biệt chủ trương phát cháo, bảo: “Cấp phát tiền và gạo, ắt cần phải biên chép [danh sách], thẩm định tường tận, chánh xác, hòng ngăn dứt những mối tệ, nhưng sanh mạng của dân đói chỉ trong sớm tối, há nên dằng dai? Thí cháo thì những người được ban phát đều là dân nghèo, chính là cách cứu đói khi khẩn cấp”. Có thể thấy đó là cách thấp nhất, nhưng cũng có lúc phải nên dùng. Khi tụng chuyện, hãy nên xét theo tình hình và mức độ để chọn cách thích hợp, chớ nên nhất loạt câu nệ!

Có kẻ luận định chuyện mở trạm thí cháo tuy là việc tốt đẹp, nhưng chưa hoàn toàn ổn thỏa. Một là kẻ già cả, yếu đuối, sẽ không thể đến nhận. Lại như kẻ ở xa mấy dặm, nhin đói để xông pha gió máy, rét mướt, sẽ dễ ngã bệnh. Nếu như đến nơi phải mất mười dặm, trở về mười dặm nữa, lại phải chờ đợi chen chúc. [Do

vậy làm cách này] chưa thể thí trọn khắp ngay được. Hễ ăn nhiều, bụng sẽ căng phình. Ăn ít thì đói, lại còn bị mùi hôi thối xông sức, thường đến nỗi xảy ra chuyện ngoài ý muốn. Có kẻ ăn cháo xong bèn chết ngay, có kẻ vừa khom mình bèn ộc cháo ra. Hãy nên suy xét những nỗi thảm thương như vừa mới kể!

Do vậy ta thấy, để thật sự thực hiện tốt đẹp, nay có một phương pháp tốt đẹp hơn. Không gì bằng làm những gánh cháo. Mỗi gánh dùng năm, sáu thùng gạo trắng nấu cháo, đựng vào thùng có nắp đậy, phía dưới có thể nhóm ít lửa để cháo không bị nguội. Phía ngoài, xếp một cái giỏ nhỏ, đựng mười cái bát, mười đôi đũa, một ít dưa muối. Gánh tới chỗ đường cái, hoặc vùng ngoại thành, hễ gặp người nghèo, bèn bảo họ ngồi thành hàng, cho họ ăn xong, xin nước rửa bát đũa để cho người ăn sau [có bát đũa sạch để dùng]. Ước chừng mỗi gánh có thể cho bốn, năm chục người ăn. Mười gánh sẽ đủ cho bốn, năm trăm người. Gánh đi khắp các hẻm ngõ, hằng ngày đều tiến hành ở các nơi, sẽ đúng là thật sự tùy thời cứu tế, lại chẳng có những khuyết điểm như khi lập trạm tụ tập người đói để phát cháo. Cách thí cháo này tiện lợi nhất, thỏa đáng nhất.

Đời Ngụy, Thời Cử ưa bố thí. Hễ gặp năm đói kém, gạo đắt, liền xuất gạo trong kho để giảm giá gạo, chỉ bán bằng nửa giá lúc đó. Ông từng nói: “Năm mất mùa thì bán nửa giá, năm được mùa thì bán đúng giá. Tuy thâm vào ít hơn, chẳng gây tổn hại”. Ông thường châu cấp những thân thích và bằng hữu nghèo khó. Cả

huyện phần nhiều trồng cấy vào sự cứu tế của ông. Con ông là Thu Tiết làm quan đến chức Thượng Thư.

Đời Tống, Hoàng Thừa Sự mỗi năm vào lúc thu hoạch, bèn bỏ tiền mua gạo. Cho đến lúc giáp hạt<sup>372</sup> năm sau, bèn bán ra giúp dân. Giá chẳng tăng, thưng đấu chẳng đổi<sup>373</sup>. Về sau, ông mộng thấy Tử Phủ Chân Quân<sup>374</sup> nói: “Ban cho người đưa con làm tới địa vị Thượng Thư. Bản thân người sẽ được ghi danh vào sổ tiên”. Về sau, những điều ấy đều ứng nghiệm.

Đời Nguyên, chân nhân Khuru Trường Xuân nói: “Bán gạo ra để làm giảm giá gạo đắt đỏ chính là phương tiện to lớn nhất, thật sự đã cứu giúp mọi người trong những năm đói kém, công đức vô lượng. Kẻ có sức, nhằm lúc thu hoạch, hãy nên mua vào cho nhiều, hoặc là có ruộng đất, bèn gặt hái, cất giữ, gặp lúc thiếu kém, bèn bán ra đúng như giá cũ. Mình chẳng bị tổn hại, mà lại hết sức có lợi cho kẻ khác, có sao chẳng vui

---

<sup>372</sup> “*Giáp hạt*” là từ ngữ chỉ khoảng thời gian giữa hai vụ mùa, khi thóc cũ đã dùng hết, lúa đang trồng chưa gặt hái được.

<sup>373</sup> Những con buôn bắt nhân thường xù ép người tiêu dùng bằng đấu non, đấu già, tức là khi gạo đắt thì dùng các dụng cụ đo lường như thưng đấu nhỏ hơn hoặc có đế dày hơn để giảm thiểu số lượng gạo mỗi lần đong. Khi được mùa, lại ép giá bằng cách dùng đấu rộng hơn, khi đong bèn ém gạo cho chặt hơn để lấy được gạo nhiều mà trả tiền ít hơn.

<sup>374</sup> Tử Phủ Chân Quân là vị thần tiên nổi danh của Đạo Giáo. Ông tên là Vương Thành, tự là Huyền Phủ, người quận Đông Hải, sống vào đời Hán. Về sau, ông được tôn làm vị đứng đầu trong Ngũ Dương Tổ Sư (Vương Huyền Phủ, Chung Ly Quyền, Lữ Động Tân, Lưu Hải Thiêm, Vương Trùng Dương) của Toàn Chân Giáo. Tương truyền ông là Đông Hoa Đế Quân hóa thân. Ông được coi là người tu đạo đắc pháp trường sanh tại núi Chung Nam. Sở dĩ ông được gọi là Tử Phủ Chân Quân vì Nguyên Thế Tổ đã sắc phong ông là Đông Hoa Tử Phủ Thiệu Dương Đế Quân, Nguyên Thế Tông sắc phong thánh hiệu Đông Hoa Tử Phủ Phụ Nguyên Lập Cực Đại Đạo Quân.

về làm như vậy? Cách kém hơn là dựa theo thời giá để bán với giá rẻ hơn, nhưng bán đúng giá [trước khi đói kém] thì tốt hơn”.

Đặng Thành Mỹ ước định cùng thân tộc lập hội Châu Lợi, với ý nghĩa gặp năm mất mùa [sẽ giúp cho] người khác chẳng bị chết đói. Phương cách là khi mùa màng bội thu, cứ mỗi mẫu sẽ bỏ ra một hoặc hai đấu gạo, đến mùa Xuân cho vay với lợi tức hai phân, đến vụ gặt mùa Thu sẽ trả. Thành Mỹ giữ lòng công bằng, đứng ra trông coi việc ấy. Về sau, gặp lúc hạn hán, đói kém, không chỉ là cứu được thân tộc, mà còn cứu được những người khác. Ông thọ bảy mươi lăm tuổi. Hôm ông mất, mùi hương lạ khắp nhà, hàng xóm thấy vô số sai nha cỡi âm nói oang oang là đến đón ông [Thành Mỹ] làm Thành Hoàng xứ họ.

Tào Thế Mỹ nhà nghèo, thích làm lành. Một vị Tăng dạy ông hãy thật tâm khuyên lơn, giúp đỡ người khác thì cũng có thể tạo phước. Từ đấy trở đi, Thế Mỹ ước định cùng người khác lập ra nhiều hội từ thiện, thí cháo, thí áo, thí thuốc, thí nước gừng, phóng sanh, tiệc chữ, thí quan tài, chôn cất [những người không có ai lo liệu hậu sự], sửa chữa cầu, đường v.v... Người khác bỏ tiền, tự mình ra sức. Mỗi năm đều như thế, càng lâu càng có sức. Những năm đói kém, ông càng chú ý ra sức khuyên cứu tế. Về sau, do bán dầu cho những người giàu, dần dần có được hơn năm ngàn lạng. Con cháu an hưởng phước dày. Đối với mọi chuyện, kẻ giàu có sẽ dễ thành công, kẻ nghèo rất khó thực hiện, nhưng



do gặp cảnh khó thực hiện mà có thể gắng sức làm thì đây chính là chỗ khiến họ dễ [đạt được thành tựu] hơn người thường. Cổ nhân có nói: *“Kẻ nghèo bỏ công sức một trăm phần bằng kẻ phú quý bỏ công sức ngàn phần”*. Do vậy, có thể thấy: Kẻ nghèo há nên tự buông xuôi, chẳng có chí khí mạnh mẽ, kiên quyết ư?

Đoàn Nhập Bát tích trữ gạo đến mấy chục kho, gặp năm đói kém, toan bán ra với giá cao. Quan sai người đến hỏi mượn gạo để cứu đói, hắn đã bằng lòng. Sáng sớm hôm sau, do thấy dân đói tụ tập chờ đợi, bèn hồi hận, chẳng chịu phát gạo. Mọi người vừa mới huyên náo, hắn ta bèn cùng người nhà đóng chặt cửa, cự tuyệt mọi người. Bỗng trời nổi trận mưa to gió lớn, xô gạo đổ tung tóe ra đường sá. Dân đói tranh nhau hốt lấy, họ Đoàn bị sét đánh chết tươi!

Trải xem báo ứng họa phước của những kẻ tàn nhẫn hay nhân từ trong các năm đói kém, sách vở đã ghi chép rất nhiều, chẳng thể thuật trọn, chẳng phải là chỉ có những trường hợp trên đây. Tiên nho nói: *“Đói kém là mạng trời, nhưng lòng trời nhân ái, thương xót dân đói bội phần tha thiết. Vì thế, bậc trí do hợp lòng trời bèn được những điều tốt lành giáng xuống. Kẻ ngu do trái nghịch lòng trời mà bị trừng phạt. Đó là lẽ tất nhiên”*. Báo ứng giáng họa lắm nỗi, càng nhanh chóng hơn phước báo. Chẳng riêng gì cái tội đóng chặt cửa không bán gạo ắt bị trời đánh, ngay như kẻ trữ tiền keo kiệt, trơ mắt nhìn người khác sắp chết chẳng cứu, do nhân tâm hại lý, sẽ bị khiển trách càng nặng nề hơn

nữa! Kẻ ở sâu trong ngôi nhà trắng lệt, chẳng nghe tiếng than khóc vì đói, chẳng thấy [người chết đói ngói ngóp] nơi ngói rãnh, muốn cứu mà cứ do dự, chần chừ, chẳng suy xét người chết đói đã nhiều, thì cũng là trái nghịch lòng trời, chẳng khỏi mắc tai ương! Nếu là kẻ làm cha mẹ của dân, lại ơ hờ chẳng quan tâm nỗi khổ của dân, chần chừ, rề rà, cũng như những kẻ nha lại nẩy sanh thói tệ, giở trò gian trá, khiến cho dân chúng chẳng được thật sự giúp đỡ, tội ấy càng là muôn kiếp khó siêu! Cổ nhân nói: “*Cứu một mạng người, tăng thọ mười hai năm*”. Huống chi kẻ có thể lực, hễ ra tay, sẽ có thể cứu trăm ngàn vạn mạng. Vì thế, kẻ đang có quyền chức, giống như đang ở trong núi báu, mặc sức ta chọn lựa, nhặt lấy, hãy cẩn thận, đừng ra về tay không!

Điều đáng quý nhất chính là đứng ra xướng suất trước tiên, phỏng theo cổ nhân làm chuyện cứu tế to lớn. Dầu là kẻ sức lực hữu hạn, cũng nên kết hợp với những người thật sự có thiện tâm để thực hiện chuyện khuyến mộ rộng rãi, tùy duyên tiến hành, ngõ hầu chuyện [những kẻ sẽ vì chết đói mà vùi thân nơi] ngói rãnh thành bình yên. Âm công mệnh mông, trời sẽ báo đáp chẳng sai xuyến. Trong thiên sách này đã nói về chuyện này đặc biệt tường tận, tấm lòng đau đáu, ý tưởng sâu xa, căn dặn hết sức thiết tha. Lại còn dặn dò: Nếu gặp năm mất mùa, khi cần phải cứu chần, hãy mau chóng thâm thập, nhuận sắc các thuyết và các câu chuyện cứu đói để in ra lưu truyền, khuyến lon, gởi tặng rộng rãi các thành phố, làng quê đang bị tai ương,

ngõ hầu các bậc thân sĩ, những nhà giàu có học kỹ. Lại còn dân [những tở yết thị phương pháp cứu tế ấy] khắp các chỗ náo nhiệt, sẽ thật sự là điều đại thiện, tạo phước chẳng có ngần mé!

***Phụ lục: Ghi chú về hai mươi biện pháp cứu đói của ông Trần Bằng Niên tại phủ Tô Châu vào đời Thanh***

Năm Khang Hy 47 (1708), lụt lội, hạn hán liên tiếp xảy ra. Ông Trần xin quan đốc phủ vùng Giang Chiết hãy ban hành sách lược này. Lúc đầu, gạo giá hai mươi đồng một thung, [do áp dụng chánh sách do ông Trần đề nghị], chưa đầy hai tháng, mỗi thung chỉ bán tám, chín đồng. Dân chúng ca ngợi ơn tái tạo của quan cai trị. [Chánh sách ấy như sau]:

- Một là cấm dùng gạo nếp nấu rượu.
- Hai là cấm dùng lúa mì nấu rượu.
- Ba là cấm dùng đậu nành ép dầu.
- Bốn là cấm dùng gạo tấm trắng làm đường.
- Năm là cấm dùng cám gạo làm sợi miến (Hạ lệnh bán những thứ ấy cho dân đói để họ làm bánh cho qua cơn đói. Nghiêm cấm năm thứ trên đây, đối với một huyện trung bình, mỗi ngày sẽ tiết kiệm không chỉ

là mấy trăm thạch gạo. Vì thế, ngay lập tức sẽ thấy giá gạo giảm mỗi ngày).

- Sáu là cấm phường đồ tể và nhà buôn rượu bán thức ăn đã nấu chín (giảm bớt tiền tài để tích phước; chỉ được phép bán các thức ăn làm bằng bột, hoặc sợi mì, đồ chay).

- Bảy là khuyên những nhà khá giả và các con buôn giàu có hãy quyên tặng gạo cứu đói. Năm nay, ông Đồng Thiên Quyên ở huyện Bình Hồ được ông Trần chỉ giáo, trước hết cho làm hai mươi bức hoành phi ghi “*vi phú bất nhân*” (làm giàu bất nhân), chất đồng tại huyện đường, đích thân tới những nhà giàu khuyên họ đóng góp, chí thành khiến họ cảm động, [các biện pháp] cứng rắn lẫn mềm mỏng đều dùng. Trước hết là tới chỗ hương thôn, gặp ba nhà giàu có ương bướng [không chịu quyên góp], bèn đóng tám hoành phi ấy lên cửa, lại còn báo cho họ biết: Hễ họ bán ruộng đất để chuộc tội mà nếu gián đoạn [không trả hết tiền phạt], sẽ bị phạt nặng hơn. Gia nghiệp gần như sẽ đi tong quá nửa! Từ đấy, từ vùng quê cho đến thành thị, những kẻ thích đóng góp đông đảo. Ngoài chuyện cấp gạo, cấp tiền ra, còn lập trạm thí cháo khắp nơi. Lại còn thí thuốc, chẩn tế đến mấy tháng, tới khi “*ăn gạo mới*”<sup>375</sup> bèn thôi. Số lượng quyên góp nếu dư ra, sẽ sai đem trả lại những nhà giàu có, cứu sống vô vô người.

---

<sup>375</sup> “*Ăn gạo mới*” tức là khi lúa đã chín, người dân có thể tự gặt hái, tự nuôi sống, không cần trợ cấp nữa.

Đời Tống, tiên sinh Tây Sơn Chân Đức Tú nói: “*Rộng lòng giúp đỡ dân nghèo, ắt được trời đất ban phước. Đây là nói theo lý. Nếu nói theo lẽ lợi hại, không có dân đói, sẽ chẳng có đạo tặc, ắt thôn quê, thành thị bình an. Đây lại là điều lợi cho những nhà giàu*”. Ông Trần Kỳ Đình bảo: “*Chuyện cứu đói cần phải do thân sĩ và các nhà giàu có tại các vùng, các thôn cứu giúp dân nghèo gần chỗ họ, sẽ khiến cho cả huyện chẳng có ai bị đói*”. Ông Hoàng Chân nói: “*Để cứu đói chỉ có cách khuyên nhủ, [tức là] khuyên những nhà giàu có hãy tạo ân huệ cho dân nghèo. Nếu những khoản quyền tặng có dư, sẽ dùng để cấp thêm cho những kẻ thiếu thốn; đây chính là đạo trời, là phép nước vậy. Nếu kẻ nào chỉ mong giàu có cho riêng mình, chẳng nghĩ đến tình cảnh tai ách thể thảm vì đói kém, dẫu có thể may mắn trốn thoát phép nước, ắt khó trốn đạo trời tru lục!*” Lại nghe Châu Tử nói: “*Để khuyên nhủ [kẻ giàu] chia sẻ cứu dân trong cơn cấp bách, chẳng thể không nhẫn nại đôi chút. Nếu gặp kẻ giàu có so đo quá sâu, sợ rằng rốt cuộc sẽ không thể làm được (không thể quyền tặng được), phải sử dụng cả ân lẫn uy thì mới có ích cho việc cứu tế*”. Đây chính là ông Trần đã lãnh hội sâu xa đạo cứu đói của Châu Tử vậy.

- Tám là tạo lập công việc để giúp đỡ kẻ thiếu thốn (như đắp thành, khơi sông, tu bổ cầu đường v.v... khiến cho những kẻ làm công sẽ có cái ăn).

- Chín là nói lỏng những nghiêm cấm [trước đó về chuyện khai thác tài nguyên từ] núi, sông, như giảm

nhẹ thuế vận chuyển lương thực để tiện vận chuyển theo đường thủy, cũng như chẳng nghiêm cấm những chuyện như dẫn củi v.v... để [dân nghèo] có cách sống tạm thời, chẳng đến nỗi trở thành đạo tặc.

- Mười là đối với những phạm nhân nếu tình cảnh đáng thương, hoặc vụ án đáng ngờ, cho phép họ dùng gạo chuộc tội, dùng số gạo ấy để cứu đói.

- Mười một, bắt luận quan lại, quân, dân, phụ nữ, tăng, đạo, đủ mọi hạng người, hễ có thể giúp cứu đói, nếu ít thì tặng hoàng phi, ban thưởng, nhiều thì báo tường tận lên triều đình ngỗ hầu họ sẽ được thánh chỉ phong tặng.

- Mười hai, mời mọc các bậc danh y mở phòng thuốc cứu chữa người bệnh.

- Mười ba, dân ở gần núi, dạy họ dùng tùng, bách để đỡ lòng (sách *Bác Vật Chí*<sup>376</sup> chép: “*Năm đói kém không có cái để ăn, có thể nghiền kỹ tùng, bách để vắt lấy nước, hòa với nước lã để uống khỏi đói hòng cầm cự qua ngày*”). Nếu hòa với cháo hoặc canh lỏng để uống thì càng hay. Mỗi lần dùng năm hớp nước tùng, ba hớp nước bách hòa chung để uống. Hoặc chỉ dùng lá tùng cũng được. Chỉ cần dùng dùng những thứ thức ăn khác, sẽ có thể khỏi đói, hết bệnh.

---

<sup>376</sup> *Bác Vật Chí* là bộ sách gồm ba quyển do Trương Hoa soạn vào đời Tấn. Nội dung rất rộng, bao gồm nhiều kiến thức địa lý, lịch sử, nhân vật, khoa học thời cổ, cũng như chép về nhiều loại chim thú lạ lùng.

- Mười bốn, hoãn hành hình (năm đói kém, lắm kẻ phạm pháp; vì thế, khoan dung).

- Mười lăm, giảm bớt lễ lạc (đối với chuyện làm lễ đội mũ (gia quan), cưới hỏi, ma chay, cúng bái, hãy giảm thiểu những lễ nghi theo phương diện hình thức).

- Mười sáu, cho dân vay mượn để gieo trồng (do sợ [dân đói] bỏ mặc ruộng đất chẳng gieo trồng).

- Mười bảy, cẩn thận phòng ngừa đạo tặc (do sợ chúng nó sẽ làm hại dân).

- Mười tám, hàng quan lại, thân sĩ, hễ gặp ngày mùng Một và Rằm, bèn trai giới, tắm gội, cầm hương đi bộ, ai nấy cầu đảo tại các miếu để cầu cho dân được yên vui (năm mất mùa chính là do cộng nghiệp của nhân dân cảm vơi. Cầu đảo, sám hối tội lỗi nhằm vãn hồi vận mạng to lớn. Đây cũng là một trong các biện pháp cứu đói theo Châu Lễ).

- Mười chín, trong mỗi châu, huyện, chọn lựa người tài đức để chủ trì việc cứu đói (như lo liệu việc cấp gạo, thí cháo v.v...), khiến cho dân đen thật sự được hưởng ân huệ. Khi sự việc đã được lo liệu ổn thỏa, đồng loạt tâu lên [triều đình danh sách] những người đã quyên tiền, tặng gạo.

- Hai mươi, đối với các thuyền chở đậu phộng, đậu, lúa mạch... miễn thuế một tháng, lại còn sai phu kéo thuyền giùm, hộ tống (thuyền chở đậu, gạo từ các

quận ngoài được chở tới hằng ngày thì giá gạo mỗi ngày một giảm, đây là tác dụng to lớn để chuyển thiếu thốn thành sung túc).

Luận về sự cứu tế trong cơn cấp bách, trên đây đã nói tường tận. Còn như cứu nguy, xét theo lý, đại khái giống nhau, nhưng để cho mọi người cảm thấy [cứu nguy] có mối tương quan với sự sanh tử, tôi ghép thêm mấy câu chuyện sau đây.

Trương Bá Hộ ở Cao Bưu từ trong thuyền thấy đằng xa có người bám vào một chiếc thuyền lật úp, lúc chìm, lúc nổi, gào thét cầu cứu. Ông Trương vội gọi thuyền chài đến cứu, họ chẳng đáp ứng. Ông bèn cho họ mười lạng bạc thì họ chịu cứu. Cứu lên thì ra [kẻ mắc nạn] là con trai của ông Trương.

Đời Tống, Châu Tất Đại trong niên hiệu Thiệu Hưng trông coi Hòa Tế Cục<sup>377</sup> của Hàng Châu. Trong cục bị cháy, [theo quy chế, những người trực ban mà] để hỏa hoạn xảy ra, [sẽ bị phán] tội chết. Ông nói: “Nếu hỏa hoạn do quan gây ra, sẽ bị tội gì?” Nha lại nói: “Sẽ bị cách chức làm dân thường”. Ông nói: “Há nên vì một mình ta mà nỡ lòng nhìn mười mấy người mất mạng ư?” Bèn nói dối là chính mình gây ra hỏa hoạn, chịu tội, mất chức, mọi người đều được cứu sống. Về sau, ông làm Tế Tướng.

---

<sup>377</sup> Hòa Tế Cục (和劑局) là một cơ quan được thiết lập dưới đời Tống, trực thuộc Thái Phủ Tự, có trách nhiệm bào chế thuốc, phòng chống dịch bệnh, giống như sở y tế của mỗi tỉnh trong hiện thời.



Đời Tống, Lôi Hữu Chung đánh dẹp [bọn phản loạn] Vương Quân, muốn tàn sát dân chúng trong thành. Khi ấy, những vị nhân sĩ đất Thục (Tứ Xuyên) là Phạm Xán, Phạm Tuy [là những người] khí tiết cao thượng, có văn tài, và Văn Giám đại sư là một vị nổi danh đức hạnh, cùng kéo đến can gián. Họ dập đầu thưa: “Người đất Thục hiền lành, nhu nhược, bị ép buộc phải theo hấn, đặc biệt sợ chết. Hôm nào thành bị hạ, xin Ngài đừng tàn sát, chỉ cần trừ bỏ đám giặc hung tợn là được rồi”. Hữu Chung thấy ba vị ấy là bậc trượng phu khảng khái, quên thân vì mọi người, xuất phát từ lòng chí thành, bèn dịu nét mặt, bảo: “Nếu chẳng nghe lời của bậc trưởng giả, ta đã gần như làm bậy rồi”. Một thành bèn được bảo toàn. Con cháu họ Phạm quý hiền, sư Văn Giám ngộ đạo.

Ông Phùng X... vào hôm trời rét dữ, dậy sớm [ra đường], trên đường, thấy một người nằm trong tuyết, thân đã cứng một nửa, vội cởi áo bông của chính mình đắp cho, công về cứu tỉnh. Ông mộng thấy thần bảo: “Ông cứu mạng người xuất phát từ lòng chí thành, sẽ ban cho Hàn Kỳ làm con ông”. Về sau, ông sanh con bèn đặt tên là Kỳ, [Phùng Kỳ] tốt bậc hiền quý.

Lái buôn đất Huy Châu là Vương Chí Nhân tuổi đã ba mươi mà không con. Giữa đường, gặp một người đàn bà ẵm con nhảy xuống nước. Ông ngăn lại, hỏi nguyên do. Người đàn bà thưa: “Chồng thiếp nghèo, nuôi lợn để [lấy lãi] trả tiền địa tô. Ngày hôm qua, [chồng thiếp] đi ra ngoài làm thuê cho người khác, kẻ

buôn lợn đến nhà mua lợn, không ngờ đưa toàn bạc giả. Thiếp sợ chồng về đòn vọt, lại cũng chẳng có cách gì để sống, cho nên [tính tìm] cái chết”. Chí Nhân thương xót, cho tiền đủ số. Tới khi người chồng biết chuyện, nghi vợ nói dối, lôi vợ đến chỗ ông Vương cư ngụ để chất vấn. Vương Chí Nhân đã ngủ, chồng bắt vợ gõ cửa, thưa: “Tôi là người đàn bà nhảy xuống nước, đến lạy tạ”. Ông Vương lớn tiếng nói: “Người là đàn bà còn trẻ, ta là khách trọ trọ một mình, đêm tối há nên gặp mặt? Có gì muốn nói, sáng mai hãy cùng chồng người tới!” Người chồng mới sợ hãi thưa: “Vợ chồng tôi cùng có mặt”. Do vậy, Chí Nhân khoác áo ra gặp. Vừa mới mở cửa, tường sập, cái giường ông nằm bị nát vụn như bột. Vợ chồng họ cảm thán, hết sức cảm tạ, lui về. Về sau, ông sanh được mười một đứa con, sống rất thọ.

Đời Đường, Bùi Độ đến chơi chùa Hương Sơn, nhặt được hai cái đai ngọc, một cái đai bằng sừng tê giác, bèn đợi chủ nhân đến tìm. Cho đến chiều tối, người ấy không tới, [ông bèn cầm về], đến sáng lại sang chùa. Một người đàn bà đến khóc lóc, nói: “Cha thiếp vô tội bị tù, ngày hôm qua [tính] nhờ đai báu để giúp cha thoát tội, bất hạnh đánh mất ở nơi đây, chẳng trốn khỏi họa vậy”. Bùi Độ xúc động, trả lại. Trước đó, có người coi tướng bảo Bùi Độ ắt sẽ chết đói. Tới lúc này gặp lại, bèn bảo: “Ông khí sắc khác hẳn, ắt có âm đức giúp đỡ người khác, tiên trình [rạng rỡ] tôi chẳng thể biết được!” Về sau, ông được phong làm Tấn Quốc Công, truy tặng [tước hiệu] Thái Phó.

Đường đời gặp ghềnh, gặp những nỗi hiểm nguy khác nhau. Người có lòng nhân cứ từ đây suy ra, sẽ biết trọn hết. Mỗi chuyện đều phải tận hết sức làm, ở đây chẳng thể ghi trọn hết được! Còn như chuyện sống chết do bị hình phạt, tù ngục bức bách, càng là tình cảnh trầm trọng hơn các nỗi nguy khác, sẽ được giảng giải và chép trong phần chú giải câu “*nhập khinh vi trọng*” (ghép thêm tội nặng vào tội nhẹ) thuộc phần sau. Vì thế, chẳng luận định thêm ở đây!

*(Chánh văn) Kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất, như kỷ chi thất.*

**(正文)見人之得。如己之得。見人之失。如己之失。**

*(Chánh văn: Thấy người khác đạt được giống như chính mình đạt được; thấy người khác bị mất mát, giống như chính mình bị mất mát).*

Người đời nay thấy kẻ khác được mất, chẳng thể [cảm nhận] như chính mình được mất, chỉ vì có lòng ích kỷ, chấp trước chính mình. Hễ được bèn sợ mất, lại dấy ý niệm chỉ sợ người khác sẽ đạt được, thà khiến cho người khác bị mất mát! Mới đầu vẫn chỉ là lợi mình; về sau, dần dần thành trở ngại người khác, đổ ky

sự thành tựu [của người khác], vui thích trước thất bại của họ. Người khác thành hay bại, liên quan gì đến ta? Chỉ ôm ấp tâm thuật xấu xa, gieo cái nhân ác tự hại chính mình! Chẳng biết công phu của thánh hiền vốn là phải tiêu trừ Ngã Kiến. Trong sự hiểu biết của bậc thông đạt, cũng cần phải phá vỡ những tình tự phạm tục. Nếu ngộ “*ta và người vốn cùng một nguồn, được hay mất là do mạng trời*”<sup>378</sup>, ắt sẽ trông thấy người khác đạt được, không chỉ là chẳng đồ kỵ, mà còn tìm mọi cách giúp đỡ. Thấy kẻ khác bị mất mát, không chỉ là chẳng mừng, mà còn cứu giúp nhiều cách. Đây chính là chỗ thọ dụng chân thật của chính mình.

Đời Đường, Địch Lương Công (Địch Nhân Kiệt) làm Pháp Tào Tham Quân ở Tinh Châu, có [viên quan] họ Trịnh bị phái tới chỗ xa xôi, hẻo lánh. Mẹ ông ta vừa già vừa bệnh. Ông Địch nói: “Mẹ của ông đã như thế, há nên khiến cho ông ta phải chịu nỗi lo vạn dặm?”, bèn đến chỗ Trưởng Sử Lạn Nhân Cơ, xin đi thay. Nhân Cơ thường chẳng thuận thảo với Lý Tư Mã, do [thấy ông Địch làm như thế] bèn nói: “Ông Địch như thế ấy, há bọn ta chẳng nên tự thẹn ư?” Bèn hòa thuận với nhau.

Tiết Viện làm Tướng Quốc nước Yên, cái tâm chưa thể công bằng, đồ kỵ khi người khác đạt được, thích thú khi thấy người khác mất mát, chẳng tiến cử người hiền, lại còn ganh ghét, khiến cho họ chẳng được

---

<sup>378</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, nói “*mạng trời*” ở đây chính là nói đến sự cảm ứng do nghiệp trong đời trước, chứ không có nghĩa là do một vị thần linh nào ban phát.

tiền cử. Một đứa con trai [của ông ta] chết trong ngục, những đứa còn lại thì tàn phế. Tử Cao là người công minh, truyền dạy [Tiết Viện] bộ Trung Giới Kinh. Tiết Viện hồi hận, thề nỗ lực thực hiện, [rót cuộc] chỉ bảo toàn được một đứa con.

Đời Minh, Liên Trì đại sư bảo: “Con người đối với cảnh giới tài, sắc, danh, lợi trong thế gian, tôi dùng tỷ dụ để nói rõ. Có một đồng lửa ở nơi đây, năm món vật ở bên cạnh. Một là như cỏ khô, hễ vừa chạm đến, sẽ cháy ngay. Hai là như gỗ, hễ quạt lửa vào đó sẽ cháy. Ba là như sắt, không thể cháy được, nhưng có thể bị nung chảy! Bốn là như nước, không chỉ là chẳng cháy, ngược lại còn có thể dập lửa; đổ vào trong nồi, niêu, còn có thể bốc hơi. Năm là như hư không, thiêu đốt bất cứ cách nào, Thể của nó vẫn như như, mà cũng chẳng cần diệt, hành tướng sẽ tự diệt. Để bình tâm, hãy nên quán như thế”.

*(Chánh văn) Bất chương nhân đoản, bất huyển kỷ trường.*

**(正文)不彰人短，不衒己長。**

*(Chánh văn: Không phơi bày khuyết điểm của người khác, không khoe khoang ưu điểm của chính mình).*

Người ta có những nhược điểm, như nghe tên cha mẹ của họ, tai có thể nghe, nhưng miệng chớ nên nói. Nhưng miệng vốn đã chẳng nên nói, mà tai cũng chớ nên nghe, sẽ càng cao hơn. Nói chung, ai mà chẳng có nhược điểm; hễ phô bày ra, ắt sẽ chẳng tránh khỏi bị lan truyền. [Như vậy thì] tiếng tăm [của người ấy] sẽ bị giảm sút, mà họ còn hành xử khó khăn, lỗi ấy sẽ do ai gánh vác vậy? Nếu chẳng phải là kẻ tiểu nhân không hề kiêng nể gì, sẽ không làm như thế. Ta có sở trường, sẽ giống như tài sản của người buôn bán giỏi, giấu kín thì tốt, chứ để lộ ra sẽ gặp nguy. Nếu là người có sở trường, ắt phải ẩn tài, tu thân dưỡng tánh, sửa đổi cho ngày càng tốt đẹp hơn, sau đây mới có thể thành tựu đức hạnh. Lão Tử nói: *“Thịnh đức dung mạo nhược ngu”* (Bậc đức dày dướng vẻ như kẻ ngu). Tử Tư<sup>379</sup> nói: *“Ám nhiên nhật chương, thánh huân chiêu nhiên”* (Đạo đức của bậc quân tử tuy ẩn giấu sâu kín mà ngày càng tỏ lộ, thánh nhân đã giáo huấn rành rành). Mọi người hãy nên tự phản tỉnh.

Thời Châu, Sở Trang Vương cùng quần thần dự dạ yến. Đuốc bị tắt, có kẻ say kéo áo mỹ nhân. Mỹ nhân dứt dứt giải mũ của kẻ ấy, tố cáo với vua. Vua bảo: “Ta cho mọi người uống say, mà lại muốn hiển lộ lòng trinh tiết của phụ nữ hay sao, ta chẳng làm!” Bèn dặn kẻ hầu đừng thắp đèn, truyền lệnh: “Kẻ uống rượu với quả nhân mà không dứt dứt giải mũ sẽ chẳng vui”. Quần thần đều dứt dứt giải mũ, tận tình vui say rồi về. Sau

---

<sup>379</sup> Tử Tư là tên tự của Không Cấp, cháu nội của Không Tử.

này, lúc vua giao tranh với nước Tấn, thấy một người tận lực chiến đấu. Đây chính là người khi trước [đã bị mỹ nhân] dứt đứt giải mũ vậy!

Đời Tống, Hàn Kỳ làm quan tại Trung Thư Tỉnh đã lâu. Hễ thấy có thư từ, số tấu công kích những lỗi xấu ẩn kín của người khác, đều tự tay phong kín, chẳng cho kẻ khác thấy. Vương Tổ làm gián quan, nói: “Nhân tài khó được! Khi không bận chuyện gì, hãy vì triều đình yêu tiếc [nhân tài], chớ nên hạch sách những điều ẩn giấu riêng tư của kẻ khác, phơi bày khuyết điểm của họ”. Trình Minh Đạo làm Ngự Sử, tâu với vua: “Sai thần bù đắp lỗi lầm thì được. Nếu muốn thần tìm tòi, bới móc ưu khuyết điểm của những bầy tôi khác, để được tiếng là kẻ cương trực, thần chẳng thể làm được”. Từ Văn Trinh đãi khách ăn tiệc. Một vị khách lấy cái chén bằng vàng giấu vào trong mũ. Kẻ hầu tìm kiếm cái chén. Ông nói: “Đã cất rồi”. Kẻ ấy say rượu, làm rớt mũ, chén rơi xuống đất. Ông giả vờ chẳng biết, [nhặt chén] bỏ vào trong tay áo kẻ ấy. Văn Trung Minh tánh chẳng thích nghe kẻ lỗi người khác. Hễ thấy có kẻ sắp nói [khuyết điểm] của kẻ khác, bèn khéo léo lái sang chuyện khác. Máy vị ấy giữ lòng trung hậu, [cho nên họ] hưởng lộc to lớn, là những bậc danh thần, đây là chuyện đúng lẽ vậy!

Điền Tễ cậy tài, cay nghiệt, thường thích bình phẩm, chê bai, khích bác khuyết điểm của các bậc thánh hiền thuở trước và những người nổi danh đương thời. Sau khi mạng chung, do nghiệp nhân ấy, địa phủ

hạ lệnh mỗi ngày có ba con rắn và hai con rết chui ra, chui vào bảy lỗ. [Chịu phạt] tròn một năm, bèn thọ sanh làm thân nữ. Ông ta báo mộng cho vợ như vậy. Trương Cung Thần nói: “*Chớ dễ đuổi bác bỏ điều thiện của kẻ khác. Chớ dễ dãi tin lời kẻ khác. Chớ dễ dãi khiến cho kẻ khác đắc ý. Chớ dễ người bàn luận khuyết điểm của kẻ khác*”. Đây đều là phương cách để tự giữ lòng trung hậu. Chuyện phơi bày khuyết điểm của người khác chính là căn bản của sự khắc bạc, gian hiểm. Huống hồ Điền Tễ là kẻ hủy báng thánh hiền, há cỏi âm chịu khoan dung, chẳng tru lực ư?

Đời Tống, Âu Dương Tu giỏi văn chương, thường là tiếp khách bèn nói nhiều về chuyện triều chánh, chẳng nhắc tới văn chương. Thái Tương giỏi việc cai trị, mỗi khi tiếp khách, bàn nhiều về văn chương, chẳng nhắc tới chánh sự. Hai ông đều khéo nấu mình, rút cuộc được nổi danh, đều quý hiển tốt bậc!

Đời Đường, trong niên hiệu Vĩnh Thuần<sup>380</sup>, Lư, Lạc, Dương, Vương<sup>381</sup> đều do văn chương mà danh tiếng nổi như cồn, mọi người đều nghĩ những người ấy sẽ quý hiển. Bùi Hành Kiệm gặp họ, bèn nói: “*Kẻ sĩ có*

---

<sup>380</sup> Vĩnh Thuần là niên hiệu của Đường Cao Tông.

<sup>381</sup> Đây là những người được coi là thần đồng về văn chương thuở ấy, tức là Lư Chiếu Lân, Lạc Tân Vương, Dương Quýnh, và Vương Bột. Họ được ca tụng là Sơ Đường Tứ Kiệt. Riêng Vương Bột sáu tuổi đã biết làm văn, đến năm mười sáu, hề nhắc bút là thi tứ ào ạt tuôn ra. Ông nổi tiếng trong lịch sử văn học với bài Đăng Vương Các Tự. Hai câu “*lạc hà dữ cô vụ tề phi, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc*” (ráng mây và con diệc lẻ loi cùng bay, nước thu và bầu trời mênh mông cùng một màu) được coi là những câu tuyệt diệu nhất trong bài phú ấy. Ông chết đuối trên đường trở về sau khi thăm cha đang làm huyện lệnh tại Giao Chỉ. Theo truyền thuyết, mộ phần của ông vẫn còn tại huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.



*thành tựu cao xa thì trước hết phải xét độ lượng của họ rồi mới xét đến tài văn chương. Hạng người như Vương Bột tuy có tài văn chương, nhưng bộp chộp, lộ vẻ nông cạn, há có phải là hạng người được hưởng tước lộc ư? Chàng Dương hơi trầm tĩnh, nếu có thể chết an lành là đã may rồi”. Về sau, quả đúng như lời ông Bùi đã nói. Tài năng chẳng bằng học thuật, khí tiết chẳng bằng đức lượng, văn chương chẳng bằng cách cư xử. Người xưa đã nói rõ ràng. Vì thế, bậc quân tử chẳng khoe khoang sở trường.*

Đời Hậu Hán, Thôi Viện có bài minh bên cạnh chỗ ngồi như sau: “Đừng kể lỗi người khác, chính mình chớ cậy tài. Bỏ thì đừng nghĩ nhớ. Được thì, chớ nên quên. Tiếng tăm chẳng đáng chuộng. Lòng nhân làm chuẩn mực, nghĩ kỹ rồi mới làm. Bị gièm báng quản chi? Luôn giữ danh hợp thật. Ngu vụng hành chân thật, là hạnh thánh nhân hành. Ưế ô chẳng vẩn đục, bề ngoài dường tăm tối, trong đầy ắp quang minh. Bề ngoài dường nhu nhược, Lão Tử từng dạy rằng, chớ nên quá kiên cường. Chí bĩ phu cứng cỏi, dần dà sẽ khó lường<sup>382</sup>. Nói năng luôn cẩn trọng, ăn uống vừa phải thôi. Biết đủ, lành khôn ngoan. Nếu hành xử kiên nhẫn. Lâu ngày tự thơm danh”.

Trong thiên sách Khiêm Đức [thuộc bộ Liễu Phàm Tứ Huấn] của Viên Liễu Phàm đời Minh có đoạn:

---

<sup>382</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này có nghĩa là đối với những kẻ ngu phu ngu phụ, đừng nên coi thường chí hướng của họ. Kẻ dẫu ngu hèn cách mấy, nhưng tâm chí kiên quyết, kiên nhẫn hành trì sẽ đạt được kết quả chẳng thể suy lường được.

- Kinh Dịch chép: “*Thiên đạo khuynh doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỷ thần họa doanh nhi phước khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi háo khiêm. Cố Khiêm chi nhất quái, lục hào giai cát*” (Đạo trời khiến cho cái quá đầy đủ bị hao bớt, tăng thêm cái khiêm hư. Đạo đất khiến cho cái tròn đầy bị biến đổi, khiến cho cái khiêm hư được thêm tươi nhuận. Quỷ thần giáng họa cho cái tròn đầy, tăng phước cho kẻ khiêm hư. Đạo người thì ghét cái tròn đầy, chuộng khiêm. Vì thế, một quẻ Khiêm cả sáu hào đều tốt)<sup>383</sup>. Sách Thượng Thư chép: “*Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích*” (Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn hại, khiêm hư sẽ được lợi ích).

Tôi đã nhiều lượt cùng các ông đi thi, thường thấy kẻ hàn sĩ sắp hiển đạt, ắt có dáng vẻ khiêm cung đáng mến. Năm Tân Mùi, tôi lên kinh đô dự thi, mười người cùng quê ở Gia Thiện với tôi, chỉ có ông Kính Vũ Đình Tân trẻ tuổi nhất, tốt bậc khiêm hư. Tôi bảo ông Phí Cẩm Pha: “Năm nay, huynh ấy ắt thi đậu”. Ông Phí hỏi: “Huynh dựa vào đâu để thấy?” Tôi đáp: “Chỉ có người khiêm hư sẽ được phước. Huynh hãy xem trong mười người, có ai khiêm cung, thận trọng, chẳng dám giành đi trước người nào như Kính Vũ hay không? Có ai cung kính, thuận thảo, cẩn thận, khiêm nhường, biết nể nang người khác như Kính Vũ hay không? Có ai bị nhục mạ mà chẳng đáp, nghe lời gièm báng mà chẳng

---

<sup>383</sup> Thông thường, chữ Doanh (盈) ở đây được chú giải là sự tròn đầy quá mức, quá tràn trề, nhưng cũng có vị cho rằng: Doanh phải hiểu là kẻ kiêu căng, tự mãn, phô trương tài năng quá mức.

tranh cãi như Kính Vũ hay không? Người có thể như thế, ắt được trời, đất, quỷ thần gia hộ, [công danh] há chẳng phát ư?” Đến khi yết bảng, quả nhiên ông Đình thi đỗ.

Năm Đinh Sửu, tôi ở kinh đô, ở chung với Phùng Khai Chi, thấy ông ta khiêm hư, luôn giữ dáng vẻ ôn hòa, đại khái là đã được huân tập từ bé. Lý Tề Nham đúng là bạn tốt. Khi đối trước những lời lẽ công kích thị phi, chỉ thấy ông giữ vẻ bình thản, chịu đựng, chưa hề trả treo một tiếng nào! Tôi bảo ông ta: “Phước thì có sự khởi đầu của phước; họa có sự khởi đầu của họa. Nếu tâm thật sự khiêm cung, ắt trời sẽ giúp cho. Năm nay, anh chắc đậu”. Đúng như thế đó.

Ông Dụ Phong Triệu Quang Viễn người huyện Quán, tỉnh Sơn Đông, đi thi Hương từ tuổi thiếu niên, đã lâu mà chẳng đậu. Cha ông ta làm Tam Doãn<sup>384</sup> huyện Gia Thiện. Ông theo cha đến nhiệm sở. Do hâm mộ Tiên Minh Ngô, cầm văn chương [của chính mình] đến gặp, Minh Ngô sỗ toẹt những bài văn ấy. Ông Triệu không chỉ chẳng giận, mà còn tâm phục, mau chóng sửa đổi. Năm sau bèn thi đỗ.

Năm Nhâm Thìn, tôi lên kinh đô châu vua, gặp ông Hạ Kiến Sở, thấy ông ta bầm tánh nhũn nhặn, nhún nhường, khiêm tốn hơn người. Tôi trở về nói bạn bè:

---

<sup>384</sup> Tam Doãn (三尹) là chức quan phụ tá cho tri huyện, chuyên quản trị văn thư. Xưa kia, trong một huyện, quan tri huyện thường được gọi là Đại Doãn, phó quan gọi là Huyện Thừa, tục gọi là Nhị Doãn. Cấp thứ ba là Chủ Bạ (quản trị sổ sách), thường gọi là Tam Doãn.

“Trời sẽ giúp cho người ấy. Trước khi phước phát khởi, đã phát trí huệ trước. Trí huệ đã phát thì người hời hợt sẽ tự chắc thật, kẻ phóng túng sẽ tự thâu liễm. Kiến Sở ôn hòa, hiền lành như thế, trời sẽ phát khởi cho ông ta vậy”. Đến khi yết bả, quả nhiên ông ta thi đỗ.

Trương Ủy Nham ở Giang Âm, học rộng, giỏi văn chương, nổi tiếng trong giới nghệ thuật. Năm Giáp Ngọ, ông sang Nam Kinh thi Hương, ở nhờ tại một ngôi chùa. Hôm yết bả chẳng có tên ông, bèn âm ỉ chửi bới khảo quan, chắc là mù mắt cả rồi! Khi ấy, có một đạo nhân ở bên cạnh mỉm cười. Họ Trương bèn trút cơn giận sang đạo nhân. Đạo nhân nói: “Văn chương của tướng công ắt là chẳng hay!” Ông Trương càng giận dữ, vặc lại: “Người chẳng đọc văn của ta, làm sao biết là không hay?” Đạo nhân nói: “Tôi nghe nói viết văn thì quý ở chỗ tâm hòa khí bình. Nay tôi nghe Ngài chửi bới, bất bình quá đáng, văn làm sao hay khéo cho được?” Ông Trương bất giác khuất phục, nhân đó bèn thỉnh giáo. Đạo nhân nói: “Đề thi đậu, hoàn toàn phải cậy vào mạng. Mạng chẳng thể đậu, dầu văn hay khéo cũng vô ích, chính mình cần phải tự chuyển biến”. Ông Trương thưa: “Nếu là mạng, chuyển biến như thế nào?” Đạo nhân nói: “Trời tạo mạng, người lập mạng. Hãy nỗ lực làm lành, tích lũy âm đức rộng rãi, có phước gì chẳng thể cầu được!” Họ Trương thưa: “Tôi là gã học trò nghèo, có thể làm gì được?” Đạo nhân nói: “Thiện sự lẫn âm công đều do tâm tạo. Thường giữ tấm lòng ấy, công đức khó lường. Nếu như một mực khiêm hư, hoàn toàn chẳng tổn tiền. Có sao

ông chẳng phản tỉnh, lại chửi quan giám khảo ư?” Do vậy, ông Trương tự giữ thái độ nhún nhường, mỗi ngày một thêm tu tập điều lành, đức ngày càng thêm dày.

Năm Đinh Dậu, [ông Trương] mộng thấy đến một căn nhà to lớn, được ban cho một quyển sổ, trong ấy có nhiều hàng bỏ trống. Ông hỏi người bên cạnh, họ bảo: “Đây là danh sách những người sẽ thi đỗ khoa này”. “Vì sao có nhiều chỗ chẳng có tên?” Đáp: “Cõi âm cứ ba năm khảo duyệt danh sách thi đậu một lần. Phải là kẻ tu tập, tích lũy âm đức, chẳng phạm lỗi thì mới có tên. Như những chỗ khuyết danh, đều là những kẻ trước kia đáng lẽ thi đỗ, do mới có hành vi xấu xa, nên bị gạch tên đi”. Sau đó, [người ấy] chỉ vào một hàng bảo: “Ba năm qua, người giữ mình khá cẩn thận, có lẽ sẽ được thêm tên vào chỗ này. Hãy nên biết tự yêu thương chính mình”. Năm ấy, quả nhiên ông đỗ thứ một trăm lẻ năm.

Do vậy, ta thấy trên đầu ba thước, chắc chắn có thần minh. Hướng đến điều lành, tránh khỏi điều xui, chắc chắn là do ta. Hãy nên giữ vững tâm lòng, khắc chế hành vi, chẳng đắc tội mảy may với trời, đất, quỷ thần. Hãy trống lòng, nhún nhường, khiến cho trời, đất, quỷ thần lúc nào cũng thương ta thì mới có nền tảng để hưởng phước. Những kẻ ngạo mạn ắt chẳng phải là bậc thành tựu cao xa! Dầu họ có dịp rạng mày nở mặt, cũng chẳng thể hưởng thụ được. Những người hơi hiểu biết, ắt sẽ chẳng nở lòng tự thân hẹp tâm lượng, tự cự tuyệt phước ấy. Huống chi, do khiêm cung, sẽ có thể tiếp

nhận sự giáo hóa, đạt được sự tốt lành vô cùng. Nhất là những kẻ chú trọng tu tập đức hạnh, ắt chớ nên thiếu sót chuyện này!

Cổ nhân nói: “*Kẻ có chí nơi công danh, ắt sẽ đạt được công danh. Kẻ có chí nơi phú quý, nhất định sẽ được phú quý*”. Người có chí như cây có rễ, hãy lập vững chí ấy, niệm nào cũng đều khiêm hư, dẫu là chuyện rất nhỏ nhặt, luôn tạo thuận tiện cho những kẻ khác, sẽ tự nhiên cảm động trời đất. Tạo phước từ nơi ta! Nay những kẻ mong cầu thi đỗ, thoát đầu chưa hề có chí chân thật, bất quá, nhất thời hứng chí mà thôi. Hết hứng chí bèn cầu, hết hứng bèn thôi. Mạnh Tử nói: “*Vương chi hảo nhạc thậm, Tề kỳ thứ kỷ hồ?*” (Nhà vua yêu thích âm nhạc quá mức, nước Tề sẽ có thể hưng thịnh ư?)<sup>385</sup> Đối với công danh, tôi cũng có cách nhìn như thế!

*(Chánh văn) Át ác dương thiện.*

**(正文)遏惡揚善。**

*(Chánh văn: Ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều lành).*

---

<sup>385</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này phải hiểu như sau: Nếu nhà vua, tức Tề Huệ Vương, vận dụng cái tâm “ham thích âm nhạc, thích vui sướng” vào chính sách cai trị, làm cho mọi người đều được vui sướng, tức là ai nấy được hưởng cơm no, áo ấm, an lạc, vận mạng của nước Tề sẽ trở thành hưng vượng.

Những điều ác của con người vốn chẳng phải do bản tánh tạo thành. Do vì tập khí nhiễm đắm đã sâu mà [tội ác] mênh mông, không có cách cứu vãn! Hoặc là biết rõ mà cố phạm, hoặc do không biết, trót làm quấy. Xét theo cái đã hình thành, sẽ là tạo ra tội lỗi ngập trời, thế mà cái gốc thoát đầu, chỉ là vì một niệm sai lạc! Nhưng trong lúc đêm thanh, ngày rạng, ai nấy đều sẵn có [bản tánh thiện lương]. Hãy nên trong lúc ý niệm vừa mới sai lầm, ác niệm vừa mới chớm, bèn rút miệng nhắc nhở, đốc cặn sức ngăn chặn, có ai vô tâm [đến nỗi] chẳng thể sửa hạnh hướng theo điều lành ư? Dầu cho bất hạnh, tội ác đã to rành rành, ta vẫn có thể chí thành cảm hóa. “Át” (遏) là ngăn dút, chưa chắc là thiện tâm chẳng ồ ạt sanh khởi, phát hiện, mau chóng gội sạch ngàn điều tội khiên. Con người chẳng phải là thánh hiền, há có thể mọi chuyện đều là thiện? Nếu họ có một lời nói, một hành vi đáng để noi theo, liền khen ngợi, truyền nói, ngõ hầu người đã lành sẽ kiên định tín tâm, mài giũa [chính mình] hòng thành tựu. Kẻ chưa lành sẽ nghe biết, bèn dấy lòng hâm mộ, há chẳng phải là thuận theo mạng trời ư?

Vu Thiết Tiều nói: - “Át” là dùng sức để ngăn cấm; không chỉ là vì họ mà ẩn giấu, không nói tới. “Dương” (揚) là xưng nói tốt bậc, khuyên dụ, nhắc nhở chẳng tiếc lời. Đây chính là hành vi được thực hiện nơi

mặt Sự của người thương xót kẻ ác, yêu chuộng điều lành vậy.

Đạo Giáo nói: “*Át ác dương thiện*” (Ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều lành). Nhà Phật nói: “*Chỉ ác hành thiện*” (Ngăn dứt điều ác, làm lành). Nho Giáo nói: “*Ẩn ác dương thiện*” (Ẩn giấu điều ác, tuyên dương điều lành). Tam giáo đều nói như vậy, như thốt ra từ cùng một miệng. Do vậy biết tâm thể của thánh nhân rộng rang, linh thông, thấu triệt, chẳng sót lại mảy may dục vọng nào, như gương sáng soi hình dáng, hể soi bèn hiện, hể hiện bèn hóa. Vì thế, thấy điều ác bèn tự tiêu mất; thấy điều lành bèn có thể phát huy rộng rãi. Ngăn dứt hay tuyên dương, không gì chẳng nhằm khôi phục tánh thể vốn sẵn có của chúng sanh đó thôi.

Ngu Thuấn ở bến sông, thấy những kẻ đánh cá tranh giành hồ sâu, đầm sâu. Kẻ già yếu đánh cá ở bãi cạn hoặc nơi nước chảy xiết. Ông xót xa, đau lòng, cũng đến đánh cá. Thấy kẻ tranh giành bèn ẩn giấu lối của họ, chẳng bàn tới. Thấy có người nhường nhịn, ắt ca ngợi, bắt chước theo. Một năm sau, [những kẻ đánh cá] đều nhường hồ sâu, đầm sâu [cho người già yếu]. Đại Thuấn tán trợ người khác làm lành, chỉ là một chút tâm ý vui sướng, cô vũ kẻ khác đó thôi. Vì thế, thiện lượng vô cùng. Đây là bậc thánh nhân, [kẻ bình phàm] chẳng thể sánh bằng được! Nay tôi có một lời để kẻ hạ căn học theo hòng thực hiện, sẽ có thể đạt cao hơn. Sau đây mới có thể ngăn dứt điều ác của kẻ khác, tuyên



ương điều lành của người ta; sau đó mới có thể khuyên người khác làm lành.

*(Chánh văn) Thôi đa thủ thiểu.*

**(正文)推多取少。**

*(Chánh văn: [Khi phân chia], nhường cho người khác phần nhiều, giữ cho mình phần ít).*

Những điều được nói trong câu này rất rộng. Như anh em chia tài sản, bạn bè trao tiền tài v.v... Tình nghĩa anh em thuộc về thiên luân, tiền tài là vật ngoài thân, càng phải nên nhường nhau. Kinh Di Giáo dạy: “*Đa dục chi nhân, đa cầu lợi cố, khổ não diệt đa. Thiểu dục chi nhân, vô cầu, vô dục, tắc vô thử hoạn. Nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc. Tri túc chi pháp, tức thị phú lạc an ổn chi xứ. Tri túc chi nhân, tuy ngộ địa thượng, do vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường, diệt bất xứng ý*” (Kẻ nhiều ham muốn, do cầu lợi nhiều, khổ não cũng nhiều. Kẻ ít ham muốn, chẳng mong cầu, chẳng ham muốn, sẽ không có nỗi lo ấy. Nếu muốn thoát các nỗi khổ não, hãy nên quán biết đủ. Pháp biết đủ chính là chỗ để giàu, vui, an ổn. Kẻ biết đủ dầu nằm trên mặt đất vẫn an lạc. Kẻ chẳng biết đủ, dầu ở trên cung trời vẫn chẳng vừa lòng). Vì thế biết là người có thể nhường nhiều, lấy ít,

tự nhiên tâm địa an bình, chẳng bị ngoại cảnh quấy nhiễu, thường hành tri túc.

Vu Thiết Tiều nói:

- Tài (tài sản, tiền của) là nguyên khí của trời đất. Nghiêu, Thuấn cai trị thiên hạ nhằm [làm cho dân chúng] tăng thêm tài vật. Đạo để bình trị thiên hạ chính là [biết cách] quản lý tài chánh [chánh đáng]. Người sống trong cõi đời, chẳng có tiền tài sẽ không sống được! Chẳng có ai không yêu mến tiền tài, chẳng có ngày nào không sử dụng tiền tài. Đây là vật ắt chẳng thể thiếu được! [Đối với mỗi cá nhân], vật này ắt cũng chớ nên nhiều, nhưng đối với tánh cách sử dụng tiền tài, mỗi người có sự thiên chấp riêng. Kẻ ăn xài phung phí, vung tay ngàn vàng! Kẻ keo kiệt chẳng nhỏ một sợi lông! Kẻ liêm khiết từ chối [tiền bạc dâng tặng] trong đêm tối. Kẻ tham lam ngang ngược chụp giựt giữa ban ngày ban mặt. Phàm kẻ phung phí hay liêm khiết đều sẽ nổi tiếng, nhưng cũng chớ nên quá lộ. Phung phí quá lộ, ắt đầu giường hết sạch tiền, chẳng thể sống tiếp! Kẻ liêm khiết quá mức, ắt sáng chiều túng thiếu, cúi ngửa đều ôm lòng oán thán<sup>386</sup>. Nếu keo kiệt và tham lam, sẽ càng sai lệch xa hơn. Kẻ keo kiệt kiến thức nông cạn, hèn kém, coi những thứ nhỏ nhặt như bảo bối, giống như ong giữ mật, như đứa trẻ ôm chặt bánh, chẳng chịu chia cho kẻ khác may mắn, luôn

---

<sup>386</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng “cúi ngửa” ở đây phải hiểu là hành xử, sinh sống. Do quá liêm khiết, cuộc sống túng quẫn, làm gì cũng khó khăn vì thiếu phương tiện, nên dễ sanh lòng oán hận.

bảo vệ những thứ mình sở hữu. Vì thế, người khác chán ghét, mà trời chẳng tức giận sâu xa ư? Kẻ tham lam ngang ngược cứ muốn đạt được những thứ chính mình vốn không có, chính là [do lòng ham muốn] chẳng có giới hạn, như cá nuốt thuyền, như rắn nuốt voi. Anh em tranh đấu, bạn bè tranh chấp, thù hận, kẻ cường tặc giết người, bọn tham quan phạm pháp, lũ gian thần bán nước, đều là do một niệm tham mà ra! Thiên sách này giảng rộng, rắn nhắc nổi họa hại do tham tài, chẳng phải chỉ là đôi ba lượt. Rắn nhắc mọi người đừng lấy bừa bãi, chứ dạy họ thẳng thừng đừng lấy, ắt sẽ chẳng thể! Vì thế, dạy hai chữ “*đa thiểu*” (nhiều và ít) nhằm khiến cho họ sẽ tùy phần châm chước.

Mong đạt được tiền tài theo lẽ chánh đáng, số lượng nhiều hay ít, vốn chẳng có một tiêu chuẩn nhất định. Kẻ nghèo thì một lạng đã chẳng phải là ít, kẻ giàu thì vạn lạng chẳng nhiều. Người liêm khiết đáng lẽ được trăm lạng, thế mà được mười lạng, chẳng cảm thấy là ít. Kẻ tham [đáng lẽ] được trăm mà đạt tới cả ngàn, chẳng bảo là nhiều! Chỉ nên bình tâm, xét theo lẽ công bằng, cân nhắc số lượng ta đáng nên được, để khỏi lấy quá lố, tức là chọn theo cách “nhận lấy phần ít”. Thế nhưng, lòng người lo ít mong nhiều là chuyện thường tình; chỉ nên tùy duyên, chẳng tranh đua, chính mình chẳng làm ác. Nếu khiến cho [kẻ khác] thấy [chính họ] có thể đạt được nhiều hơn, đâm ra họ sẽ nhường nhịn, há chẳng phải là trái nghịch thường tình ư? Ôi! Nói đến nguồn gốc của tiền tài, cội nguồn của chúng không chỉ là một. Tiền tài có thể đạt được trước

mắt, chưa chắc chẳng phải là thứ vốn sẵn có trong mạng của ta; nhưng những thứ đã được ngấm ngấm định sẵn trong mạng, rốt cuộc sẽ không có cách nào khảo sát, tính toán được! Vạn nhất, đó chẳng phải là thứ vốn sẵn có trong mạng của ta, [những món tiền tài ấy] sẽ như thịt nhiễm nấm mốc, rượu ngâm lông chim Trâm, há có thể dùng để no lòng ư? Vì thế, không gì bằng nhường nhịn cho nhau, đấy chẳng phải là do trong mạng sẵn có mà nhường vậy. Bởi đó, có thể tránh khỏi lỗi lầm. Dầu là trong mạng đáng nên có, mà làm lẫn nhường [cho người khác], [món tiền tài ấy] nhất định sẽ theo đường khác trở lại. Hãy cẩn thận, chớ nên không thể nhẫn, để rồi làm chuyện càn rỡ ngay trước mắt. Chuyện này đối với người phú quý còn dễ, chứ đối với kẻ nghèo hèn sẽ khó khăn hơn. Biết khó mà tận lực làm, khiến cho quỷ thần soi thấu tấm lòng chẳng dám càn rỡ may may ấy, ắt sẽ là tuy ở trong hoàn cảnh gian nan, nhưng chẳng đến nỗi khổ sở vì không thể sống được. Tin cho thật, giữ cho vững, ắt sẽ giữ theo đạo lý “*nhận lấy phần ít*”. Đây là chính là phương hướng để làm giàu vậy!

Đời Tống, Từ Tích chia tài sản với chú Hai. Trước hết, mời chú Hai lấy những gì họ muốn. [Ông ta lấy xong], chỉ còn sót một rương sách, hai gian nhà tồi tàn. Từ Tích vui vẻ nhận lấy.

Tại Từ Khê, có hai người bạn chơi thân với nhau. Ông Giáp tìm được một chỗ dạy học trả tiền lương chín lạng, ông Ất cũng tìm được chỗ dạy học, tiền lương chỉ

có sáu lạng. Ông Giáp vui mừng bảo: “Hai người chúng ta trong vòng năm sau đều chẳng phải lo lắng [vì chuyện chi tiêu túng thiếu trong nhà]”. Ông Ất nói: “Huynh chỉ có tôn tẩu (chị dâu) ở nhà, chín lạng dư dùng. Đệ thì trên hãy còn có cha mẹ, sáu lạng vẫn chẳng đủ!” Ông Giáp nói: “Đúng thế!” Bèn nhường chỗ dạy học của chính mình cho ông Ất, còn mình đến chỗ dạy học của ông Ất. [Ông Giáp] sau khi đã đến chỗ dạy học, nhặt được một quyển sách rách nát dưới gầm giường, [trong ấy] có chép mấy bài thuốc ngoại khoa. Học trò nói [sách ấy] do vị thầy trước đó bỏ lại. Mùa Đông, ông trở về nhà. Thấy mấy người đầy tớ dáng vẻ rất lo lắng, hỏi hoảng thưa hỏi: “Ở nơi đây có [thầy lang chữa bệnh] ngoại khoa hay không?” Hỏi thăm, họ đáp: “Chủ nhân chúng tôi từ đất Mân (Phước Kiến) đến Sơn Đông làm Bố Chánh, bỗng lưng bị nổi nhọt, đau đớn gần chết. Đã ba ngày rồi!” Ông Giáp nghĩ tới phương thuốc khi trước, đúng là phù hợp chứng bệnh này. Do vậy, theo họ đến [xem bệnh]. Dựa theo phương thuốc, dùng ngải để cứu<sup>387</sup>, quả nhiên lành bệnh. Quan Bố Chánh rất mừng rỡ, trả công một trăm lạng. Ông nói đến chuyện do nhường chỗ dạy học mà tìm được bài thuốc, quan Bố Chánh càng hết sức tán thưởng. Khéo sao, huyện lệnh Từ Khê là niên điệt<sup>388</sup> của ông ta, [quan Bố Chánh] bèn tận lực tiến cử. [Do đó, ông Giáp] được

---

<sup>387</sup> Cứu (灸) ở đây là dùng bột ngải cứu làm thành viên để đốt hơi lên kim châm nhằm truyền sức nóng vào huyết được châm.

<sup>388</sup> Niên điệt (年姪): Cháu của người thi đậu cùng khoa với mình thì gọi là “niên điệt”.

đề bạt, vào học trường huyện. Ôi! Anh em ruột còn tranh giành tài sản, hưởng hồ bạn bè ư? Nghĩ bạn bè chẳng có tiền nuôi cha, bèn nhường nhiều, lấy ít, ba lạng tuy ít, tình nghĩa còn [nhiều] hơn một ngàn cỗ xe. Rốt cuộc, danh lẫn lợi đều đạt được, đều là do trong một niệm có thể nhường mà ra. Những kẻ sốt sắng tranh lợi, hễ động đến [lợi ích] liền trở mặt, xem đến chuyện này, lẽ nào chẳng hổ thẹn ư?

*(Chánh văn) Thọ nhục bất oán.*

**(正文)受辱不怨。**

*(Chánh văn: Bị nhục chẳng oán).*

Có chuyện sỉ nhục đưa đến, hãy nên tự hỏi: “Lỗi ở nơi ta ư?” [Nếu đúng như vậy], đáng nên bị nhục! Lỗi nơi người khác, thì chẳng đáng coi là nhục. [Kẻ đó] làm nhục ta, ta vẫn chẳng nhục. Không chỉ là chẳng nên oán, mà thật ra, chẳng có gì đáng nên oán! Những bậc đại trí đại dũng từ xưa, ắt có thể nhẫn những điều sỉ nhục nhỏ và những nỗi phẫn hận nhỏ thì mới có thể gánh vác đại sự, thành công to lớn. Kẻ tâm lượng hạn cuộc, thiên vị, nông cạn, há biết nổi ư?

Đời Minh, Nhan Mậu Do là người xứ Bình Hồ, răn đệ tử rằng:

- Phàm là kẻ chẳng thể nhẫn, chắc chắn sẽ chẳng biết nổi khó khăn trong chữ Nhẫn. Chẳng đối chiếu, so sánh giữa hai niệm thiện và ác, sẽ trọn chẳng biết sự màu nhiệm của chữ Nhẫn. Kẻ nào nếu chẳng thể nhẫn nhục chịu khổ, dầu có thiện tâm, nhưng bị kích động là hồng, vừa bị thử thách liền bị đọa. Trời trao trách nhiệm to lớn cho kẻ nào, ắt sẽ tác động đến tánh nhẫn trong tâm kẻ ấy, chính là vì muốn cho ai nấy đều vượt được cái ải này! Nói chung, kẻ ra sức giúp đỡ người khác, chẳng ngại bị sân hận, giận dữ. Kẻ mưu tính [tạo điều lợi ích] cho người khác, chẳng nề hà bị oán hận, trách móc. Đảm nhiệm mọi chuyện thì cũng phải nhận luôn sự oán hận, hễ khuyến hóa bèn chẳng ngại bị chê trách. Có tấm lòng khoan dung, nhân hậu, chắc là sẽ bị cười chê, khinh miệt. Đây là những thứ luôn đi kèm theo! Chẳng biện định rõ căn nguyên này, sẽ chẳng thể là kẻ hành thiện được!

Đời Tống, Lý Hàng làm Tể Tướng, có gã cuồng sinh (học trò nông cuồng) chặn ngựa, dâng thư, [trong thư ấy] chê trách đủ mọi khuyết điểm của ông ta. Ông Lý từ tốn, cảm tạ: “Đề tôi trở về đọc kỹ”. Gã cuồng sinh tức giận, châm biếm: “Ở địa vị cao, chẳng thể cứu tế thiên hạ, lại chẳng thoái ẩn, trở ngại đường tiến thân của bậc hiền năng đã lâu rồi, lòng há chẳng thẹn ư?” Ông ngay lập tức ở trên ngựa rất cung kính, rất lo sầu nói: “Đã nhiều phen xin về, hiềm rằng chúa thượng chưa chấp thuận, chẳng dám tự tiện [từ quan]”. Trọn chẳng có sắc mặt giận dữ.

Đời Tống, Văn Ngạn Bác làm Thủ Tướng<sup>389</sup>. Quan ngự sử Đường Giới đàn hặc Văn Ngạn Bác lúc làm tri phủ Ích Châu đã cho làm những tấm gấm xinh đẹp để tặng cho bọn phi tần trong cung hòng [lo lót, vận động] nắm quyền [tể tướng], xin vua hãy bãi chức [Văn Ngạn Bác]. Vua tức giận, toan đày ông ta đi xa. Khi ấy, Ngạn Bác ở trước mặt vua, Đường Giới quả trách: “Ngạn Bác hãy nên tự phản tỉnh. Nếu có thì chớ nên giấu giếm”. Ngạc Bác bái tạ chẳng ngớt. Vua hết sức tức giận, đày Đường Giới làm Biệt Giá ở Anh Châu, bãi chức [Tể Tướng của Ngạn Bác], sai Ngạn Bác đi làm tri phủ Hứa Châu. Về sau, Ngạn Bác được phục chức Tể Tướng, tâu với vua: “Đường Giới làm Ngự Sử, nói chuyện của thần, phần nhiều là căn bệnh của bậc trung thần. Trong ấy, tuy có chuyện nghe làm tin đồn đãi, nhưng thuở ấy [ông ta] đã bị trách phạt quá sâu”. Vua bèn triệu [Đường Giới] về trông Gián Viện (Ngự Sử Đài). Người đương thời gọi Ngạn Bác là bậc trưởng giả. Ông làm Thái Sư, Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự trải ba triều vua Anh Tông, Thần Tông, và Triết Tông, được cử làm người đứng đầu các vị Tể Tướng (Thủ Tướng), được phong làm Lộ Quốc Công. Ông làm Tể Tướng suốt năm mươi năm, tiếng tăm vang rền bốn biển, thọ chín mươi hai tuổi mới mất.

Đời Tống, Phú Bật giáo huấn đệ tử: “Một chữ Nhẫn chính là cửa ngõ dẫn vào các điều tốt đẹp. Nếu

---

<sup>389</sup> Người đứng đầu các quan Tể Tướng đời Tống được gọi là Thủ Tướng. Thời Tống, có nhiều Tể Tướng. Nói chung, Tể Tướng là người đứng đầu ba cơ quan Môn Hạ Tỉnh, Trung Thư Tỉnh và Thượng Thư Tỉnh.



ngoài thanh liêm và tiết kiệm, lại thêm một chữ Nhẫn, sẽ chẳng có chuyện gì không làm được”. Thuở bé, có kẻ chửi ông, người ta bảo: “Chửi mày đấy!” Phú Bật thưa: “Sợ là chửi người khác đấy chứ”, họ bảo: “Nó gọi tên họ mày mà chửi mà”. Phú Bật đáp: “Thiên hạ há chẳng có người trùng tên, trùng họ ư?” Kẻ chửi bởi nghe nói như vậy, hết sức hổ thẹn.

Ông Nhan Quang Trung nói: “Chữ Nhẫn khó khăn nhất. Có thể chịu đựng, ắt phẩm đức và tâm lượng to lớn. Nếu như chẳng thể nhẫn, tức là tánh khí kiêu quý đã ngập tràn!” Người xưa có thơ rằng: *“Thiếu niên khó hạ an vô ngộ, lão phụ di biên ngạc bất bình. Nhân sanh nhược phi quan tuế mộ, Hoài Âm hà tất giảm Văn Thành”* (Thiếu niên luôn đừng sao không bức, ông cụ bên cầu dễ tức thay. Đời người nếu chẳng xem mai hậu, Hoài Âm danh há kém Văn Thành)<sup>390</sup>. Nói chí lý thay!

---

<sup>390</sup> Bài thơ này dùng hai nhân vật để nói về chữ Nhẫn. Thuở hàn vi, Hàn Tín bị đói nghèo, người gầy tong teo, thường phải ăn chực cơm của một người đàn bà nghèo làm thợ giặt (phiếu mẫu), bị mọi người khinh rẻ. Có lần gã đồ tể cầm dao dọa Hàn Tín, bắt ông phải luôn qua đũng quần của hắn. Suy nghĩ kỹ, Hàn Tín quyết định luôn dưới đũng quần hắn mặc cho thiên hạ cười chê. Câu thứ hai nói về Trương Lương, người nước Hàn, ôm lòng diệt nhà Tần. Có một hôm, ông đến cầu Hạ Bì, thấy một cụ già tiên phong đạo cốt. Cụ già làm rớt giày xuống gầm cầu, sai Trương Lương xuống nhặt. Ba lần như thế, Trương Lương đều chịu nhịn, nhặt lên. Cụ già mỉm cười, trao cho Trương Lương quyền Thái Công Binh Pháp và Tổ Thư, khen: “Đứa bé con dễ dạy!” Nhờ đó, Trương Lương trở thành mưu sĩ bậc nhất của Hán Cao Tổ (Lưu Bang). Ông tiến cử Hàn Tín cầm quân đánh bại Hạng Vũ, giúp Hán Cao Tổ lập ra nhà Hán. Công thành danh toại, Trương Lương bèn từ quan, nài có tu tiên để khỏi vào chầu vua, không nắm giữ bất cứ quyền hành nào, nhờ đó giữ trọn tánh mạng, trong khi các công thần khác lần lượt bị Lữ Hậu xúi xiểm Hán Cao Tổ giết chết. Hàn Tín cậy công, đòi Hán Cao Tổ phong làm Hàn Vương. Hán Cao Tổ ưng thuận, nhưng đã đem bụng ghét bỏ Hàn Tín. Về sau, với sự độc xúi của Lữ Hậu, Hán Cao Tổ lập kế giả vờ ra chơi Vân Mộng (nơi Hàn Tín ở), tịch thu ấn tín, giáng xuống làm Hoài Âm Hầu, cuối cùng kết tội giết chết. Do vậy, người ta

Hàn Tín chịu nhục luôn luôn đứng quân mà thành vương gia, bọn Giáng, Khoái<sup>391</sup> vì hổ thẹn mà chết. Uống đến đầy ú, tự nhiên sẽ chẳng tăng thêm được nữa!

Bành Củ ở Thai Châu, hiền lành, an tường, khiêm tốn, đã từng ở trọ với một người khác tại một khách điểm. Ông Bành về trước, kẻ ấy mất chiếc dù, cho rằng ông Bành cầm đi, đến nhà ông Bành giận dữ, mắng chửi. Kẻ đó thấy đáng về ông Bành nhũn nhặn, bèn đòi đền tiền theo giá y phục. Ông Bành đúng theo số mà đền cho hắn bỏ đi. Hàng xóm có kẻ cậy mạnh, xâm chiếm đất của ông Bành, ông mặc kệ, chẳng hỏi tới. Về sau, gã hàng xóm gặp chuyện thừa kiện tại cửa quan. Ông Bành lại lo liệu châu áo cho hắn thoát nạn. Những việc thiện khác rất nhiều. Do không có con, ông đến Tây Nhạc (Hoa Sơn) cầu con, mộng thấy thần bảo: “Do ngươi nhẫn nhục, nhân từ, nhu hòa, nỗ lực thực hiện các thiện sự, lời thỉnh cầu đã được chấp thuận”. Ông bèn sanh ra ba đứa con. Về sau, đất Thục (Tứ Xuyên) gặp cảnh biến loạn, mười phần chết hết chín, riêng cả nhà ông Bành vô sự!

---

thường dùng chữ Hoài Âm để nói về Hàn Tín. Văn Thành là biệt danh của Trương Lương.

<sup>391</sup> Giáng là Châu Bột, theo Lưu Bang khởi nghĩa từ đất Bái, có nhiều công lao phá Sở, kiến lập nhà Hán. Về sau, ông được Hán Cao Tổ phong làm Giáng Hầu. Ông được phong làm Tể Tướng, tuy tánh tình thuần hậu, chất trực, nhưng kém tài quản lý, sợ địa vị cao sẽ chuốc họa, bèn lấy cớ bệnh tật để từ quan. Sau khi Trần Bình chết, ông lại được cử làm Tể Tướng, rồi bị bãi truất. Khoái là Phàn Khoái, xuất thân làm nghề mổ lợn. Về sau, theo Lưu Bang khởi nghĩa, lập nhiều công to, xả thân hộ vệ Lưu Bang trong hội yến Hồng Môn. Khi Lưu Bang lập đàn bái tướng, Phàn Khoái tự đắc, tưởng Lưu Bang sẽ phong cho mình làm đại tướng. Nào ngờ, Lưu Bang tấn phong Hàn Tín. Phàn Khoái hổ thẹn, tức tối. Về sau, qua những cuộc chinh chiến, Phàn Khoái mới tâm phục tài dùng binh của Hàn Tín.

Ông Hạ ở Giang Âm, đang đánh cờ vây với khách. Bỗng có kẻ chạy ủa tới, gào rít: “Chỉ thiếu nhà mầy hai lạng tiền lời, vì sao mầy hằng ngày sai người tới bức hiếp tao?” Ông chưa kịp đáp, kẻ đó đã chửi ầm ĩ, xô bàn, phá tan cuộc cờ. Ông cười đáp: “Ông muốn xóa nợ chứ gì?” Liền cắt bút viết giấy miễn nợ. Người ấy vội vã cảm tạ, bỏ đi. Khách ca ngợi đức dày của ông. Ông đáp: “Nhân là cửa ngõ dẫn đến các điều tốt đẹp. Nói chung, đối với những chuyện ứng phó sự việc và con người trong cõi đời, đều có những chuyện ngang trái xảy đến với ta. Ví như đi trong rừng gai góc, phải đi thông thả, chậm rãi mà thôi, những thứ gai góc ấy cũng chẳng đáng để tức giận vậy. Lại như thuyền rồng đụng phải ta, hoặc như viên ngói bị gió thổi văng trúng ta, nếu tác lòng có thể chẳng bức tức, sẽ cởi gỡ nổi oán. Huống chi người ấy đáng vẻ hung hăng, ăn nói thô lỗ, ắt có chỗ để trông cậy, sợ sẽ gây thành biến cố ngoài ý muốn. Vì thế, tôi khoan dung miễn nợ”. Đến tối, ông được báo là kẻ ấy đã chết trong nhà xí. Hỏi dò căn kẽ nguồn cơn, bèn biết là kẻ ấy do nợ nần bức bách, không biết làm sao, bèn uống thuốc độc rồi tìm đến chỗ ông Hạ, tính lừa gạt tiền tài của ông. Do cảm tạ sự khoan dung miễn nợ của ông, cho nên hắn chẳng đành lòng lừa gạt, làm hại. Vì thế, vội về tìm phản thanh (nước phân lã trong) để giải độc, nhưng độc tánh bộc phát, chẳng kịp giải độc. Ông bái tạ trời, mọi người đều kính phục. Nếu ông chẳng phải là thường ngày tiêu trừ giận tức, hàm dưỡng sâu xa, há đến lúc ấy sẽ có thể trấn định ư? Do vậy, nhân nhục là yếu quyết để tu thân; kế

đó, yếu quyết để giàu có cũng là “phải học chấp nhận thua thiệt”.

Đời Minh, Trang Nghị Công Vương Hoằng, tên tự là Công Độ, lúc làm Khai Phủ tại Duy Dương (Dương Châu), có viên quan cấp dưới tên là Đôn X... hành vi thiếu kiềm chế, ông từng quở trách, ngăn chặn. Bỗng ông bị luận tội, [bị triều đình bãi chức, đuổi] về nhà, đi qua nhiệm sở của kẻ ấy. Họ Đôn chực sẵn đưa đón, tặng lương thực rất ân cần. Ông rất cảm tạ sự khoan đãi chân thành ấy, chọn nhận lấy mấy cái vò [đựng thức ăn], vì nghĩ là tương ử. Mở ra, toàn là phân nhơ! Chẳng lâu sau, sự việc [gán tội ông Vương] được sáng tỏ, ông lại được làm quan. Họ Đôn bỏ trốn, sai người nhà giả vờ phát tang. Có kẻ cừ oán truy tìm tung tích hắn, bắt được hắn, thưa lên ông Vương. Ông chỉ ôn hòa xóa án, tha cho.

Nếu xét theo kinh Niết Bàn, xưa kia có một người, ca ngợi đức Phật là bậc có tướng đại phước đức. Có kẻ hỏi: “Dựa vào đâu để thấy?” Đáp: “Tuổi tác và chí hướng đều đang độ trẻ trung, mạnh mẽ, nhưng chẳng bộp chộp, chẳng nóng nảy, đánh chẳng giận, chửi cũng chẳng tức, chẳng phải là tướng đại phước đức ư?” Người hiện thời hễ gặp lúc ngang trái, chỉ nói: “Những chuyện ấy thành tựu tướng phước đức cho ta, vẻ vang chi hơn?” Bản thân ta có thể bị kẻ khác xâm phạm mà

chẳng so đo, cũng sẽ có thể khuyên hóa khiến cho kẻ ấy giác ngộ vậy!

Trịnh Huyền nói: “Lặng, lặng, lặng! Vô hạn thân tiên từ nay đắc. Tha, tha, tha, ngàn tai muôn họa bỗng tiêu ma! Nhẫn, nhẫn, nhẫn, trái chủ oán gia từ rày ảm! Thôi, thôi, thôi, công danh trùm đời chẳng tự do”.

*(Chánh văn) Thụ sủng nhược kinh.*

**(正文)受寵若驚。**

*(Chánh văn: Được sủng ái mà lo sợ).*

Được hưởng sự sủng ái vẻ vang, dầu là xứng đáng được hưởng, cũng nên biết tình thế, biết đủ. Nếu được hưởng sự sủng ái chẳng đáng nên có, hãy nên nghĩ là đáng kinh, đáng sợ. Bởi lẽ, phước chính là họa ngầm ảm. Mặt trời chính ngộ rồi sẽ xế, trăng tròn đầy rồi khuyết là lẽ cố nhiên! Đối với quân vương, ơn như trời đất, nếu chẳng thật dạ mong báo đền, kẻ bầy tôi há có thể tự an, há chẳng càng thêm kinh sợ ư?

Châu Thành Vương phong Bá Cầm<sup>392</sup> [làm vua] ở nước Lỗ, Châu Công răn dạy:

- Con đừng vì có nước Lỗ mà kiêu ngạo với kẻ khác. Ta nghe nói, đức hạnh rộng lớn, hễ giữ lòng cung kính thì sẽ được vinh hiển. Đất đai rộng rãi, giàu có, giữ đức tánh tiết kiệm thì sẽ yên ổn. Bổng lộc và địa vị cao quý, vẻ vang, hãy giữ lòng khiêm tốn thì sẽ phú quý. Dân đông, quân mạnh, hãy giữ lòng kiêng sợ thì sẽ thường chiến thắng. Thông minh, sáng trí, hãy giữ thái độ như kẻ ngu thì sẽ được lợi ích. Học rộng, nhớ nhiều, hãy giữ thái độ như kẻ hiểu biết nông cạn thì [kiến thức] sẽ càng rộng thêm. Hãy giữ sáu điều ấy, đó đều là những phẩm đức khiêm cung. Đạo trời khiến cho kẻ tự mãn suy sụp, khiến cho người khiêm tốn được tăng ích. Đạo đất sẽ biến đổi [nhằm giảm thiểu] cái tròn đầy để vun đắp cho cái thấp kém hơn. Đạo người thì ghét kẻ tự mãn, ưa chuộng người khiêm tốn. Con hãy thận trọng, đừng vì có nước Lỗ mà kiêu căng đối với kẻ khác.

Học nhân trong hiện thời nếu thật sự có thể nghiền ngẫm lời giáo huấn ấy, ắt lòng kiêu căng, thái độ ngạo mạn sẽ chẳng do đâu mà nảy sanh, sẽ hưởng vinh dự, ân sủng càng nhiều hơn. Hễ được hưởng sự ân sủng, hãy luôn giữ lòng kính sợ vậy!

---

<sup>392</sup> Bá Cầm là con trưởng của Châu Công (Cơ Đán). Để thưởng công phù tá và nhiếp chánh của Châu Công, Châu Thành Vương (Cơ Tụng, cháu Châu Công) đã phong cho Bá Cầm làm vua chư hầu đất Lỗ.

Đời Đường, Sầm Văn Bôn<sup>393</sup> được phong làm Trung Thư Lệnh bèn lộ vẻ lo âu. Mẹ hỏi nguyên cớ, Văn Bôn thưa: “Chẳng có công huân, chẳng phải là bậc lão thần, thế mà được vinh sủng quá phận, địa vị cao, chức trách nặng nề, cho nên con lo sợ”. Ông bảo những người khách đến chúc mừng: “Nay tôi nhận lời chia buồn, chứ không nhận lời chúc mừng”.

Đời Tống, Văn Chánh Công Vương Đán tuổi già, quan chức càng cao. Tới khi đi sứ Triều Tiên, từ trong cung cấm, ngồi xe to ra khỏi cửa kinh thành. Trăm quan đưa tiễn, đua nhau khen ngợi ông được đãi ngộ vinh hiển. Ông nói: “Tôi có ích gì cho đất nước, chỉ cảm thấy bồn chồn, bất an!”

Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) gửi thư cho cháu có đoạn: “Gần đây, ta hưởng ân vua, được phong làm Môn Hạ Thị Lang, cả triều đình kẻ đồ ký vô số. Ta ngu

---

<sup>393</sup> Sầm Văn Bôn (595-645) là một văn học gia lừng lẫy thời Tùy - Đường, là người huyện Cức Dương, thuộc quận Nam Dương. Ông có tên tự là Cảnh Nhân. Ông nổi danh khá sớm. Đã từng làm Trung Thư Thị Lang khi Tiêu Tiển lập chánh quyền chống lại nhà Tùy ở Giang Lăng. Khi Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) thống nhất sơn hà, đã phong cho ông làm Bí Thư Lang, sai ông và Lệnh Hồ Đức Phân biên soạn bộ sử Châu Thư (lịch sử nhà Hậu Châu thời Ngũ Đại). Về sau, ông được bổ làm Trung Thư Lệnh, ngang quyền với những bầy tôi thân tín nhất của Đường Thái Tông như Trương Tôn Vô Ky, Cao Sĩ Khiêm, Đường Kiệm, Chủ Toại Lương v.v... Đường Thái Tông rất coi trọng ông. Khi đánh Cao Ly, vua đã giao cho Thái Tử Lý Trị giám quốc, nhưng quyền hành xử lý thật sự lại do ông đảm nhiệm. Người đời sau ca ngợi ông có phẩm cách như thừa tướng Tiêu Hà của nhà Hán. Do tận tâm lao lực lo liệu chánh sự, ông ngã bệnh, qua đời khi vừa được năm mươi một tuổi.

Trung Thư Lệnh là người đứng đầu Trung Thư Tỉnh. Thoạt đầu, Trung Thư Tỉnh chỉ có tánh chất bảo quản văn kiện, hồ sơ của hoàng đế. Do thường gặp gỡ hoàng đế, dần dần trở thành cố vấn thân cận của hoàng đế. Thời Tùy - Đường, Trung Thư Lệnh có quyền hạn như Tể Tướng.

độn, thẳng tính, ở trong [hoàn cảnh] ấy, giống như chiếc lá vàng trong cơn gió dữ, chẳng mấy chốc sẽ rụng. Do vậy, kể từ khi vâng mạng tới nay, chỉ lo sợ, chẳng vui mừng. Các người hãy nên biết ý này!”

Mấy vị ấy do được sủng ái mà lo sợ, nhưng câu nói “*nhận lời chia buồn*” của ông Sầm đã diễn tả rõ ràng ý đó. Xưa kia, Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn [nước Sở], có một vị lão nhân đến chia buồn như sau: “Do thân được hưởng sự tôn quý mà kiêu căng với kẻ khác, dân sẽ xa lánh. Ở địa vị cao mà tự tiện chuyên quyền, vua sẽ ghét. Bỗng lộc trọng hậu mà chẳng biết đủ, sẽ là ở trong cảnh hoạn nạn!” Lại nói: “Địa vị càng cao, lòng càng khiêm tốn. Quan càng to, tánh càng thêm nhũn nhận. Bỗng lộc càng trọng hậu, bèn thận trọng chẳng dám lạm dụng. Ông giữ cẩn thận ba điều ấy, sẽ đủ để cai trị nước Sở”. Ông Sầm đã lãnh hội sâu xa ý chỉ này. Phương cách ứng xử của người có địa vị cao chính là tuân theo lý này.

Đời Tống, ông Lô Đa Tôn thoát đầu được phong làm Tham Chánh<sup>394</sup>, ăn mặc tiêu dùng dần dần xa xỉ. Cha ông ta âu sầu bảo: “Nhà ta nhiều đời là nhà Nho thanh bạch, một khi được phú quý bèn thành ra như thế, chẳng biết sẽ đọa lạc đến đâu!” Đa Tôn chẳng quan tâm lời cha, rốt cuộc bị suy bại.

---

<sup>394</sup> Tham Chánh là gọi tắt của chức Tham Tri Chánh Sự, tức là phó Tể Tướng đời Tống.



**(Chánh văn)** *Thi ân bất cầu báo, dĩ nhân bất truy hồi.*

**(正文)施恩不求報。與人不追悔。**

**(Chánh văn:** *Ban ân chẳng mong được báo đáp, đã cho người khác sẽ chẳng hối hận).*

Thi ân mà cầu báo, tức là cái tâm tham chưa quên! Đã cho người ta rồi hối tiếc, tức là cái tâm keo kiệt chưa tiêu trừ. Đã tham lại còn keo kiệt, bậc quân tử chẳng làm như vậy. Kinh Kim Cang dạy: “*Bồ Tát ư pháp ưng vô sở trụ nhi hành bố thí*” (Bồ Tát đối với pháp hãy nên chẳng trụ vào đâu mà hành bố thí). Lại nói: “*Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng*” (Nếu Bồ Tát chẳng trụ vào tướng mà bố thí, phước đức ấy chẳng thể nghĩ lường được). Nhìn từ điều này, người có thể dùng tài vật để giúp đỡ kẻ khác, trong bèn chẳng thấy ta là người có thể thí, ngoài chẳng thấy có kẻ nhận lãnh sự bố thí, chính giữa thì chẳng thấy có vật để thí. Đó gọi là “*tam luân thể không*”. Nhất tâm thanh tịnh thì một đấu gạo tương ứng với “phước không bờ bến”, một đồng tiêu trừ tai ương ngàn kiếp. Nếu hơi có cái tâm mong cầu được báo đáp, dầu thí vạn dật<sup>395</sup> vàng ròng, rốt cuộc chẳng thể viên mãn tâm lượng của nhất tâm. Còn như hai chữ “truy

---

<sup>395</sup> Dật (鎰) là đơn vị đo lường thời cổ. Một Dật là hai mươi lượng. Có sách lại nói một Dật là hai mươi bốn lượng.

*hối*” (追悔, sau đó lại hối hận) lại càng là chỗ then chốt to lớn trong đời người. Hối tiếc về chuyện ác thì trong tương lai, ác niệm sẽ dần dần ngưng dứt. Đối với việc thiện mà hối tiếc, trong tương lai sẽ chẳng sanh thiện niệm. Kẻ đã bỏ thí rồi hối tiếc, chẳng thà đừng thí, chẳng cho sẽ hay hơn!

Người đời muốn cho ngũ cốc trong kho năm nào cũng đều chẳng thiếu hụt, ắt phải chọn lấy hạt giống của gạo thóc, lúa mạch, dùng trâu cày bừa ruộng nương để gieo trồng. Hễ không gieo trồng, ắt [thóc gạo trong kho] sẽ cạn kiệt. Trong đạo pháp cũng giống như thế. Dùng hiếu tâm, bi tâm, và kính tâm làm hạt giống, dùng áo cơm, tiền của, thân mạng làm trâu cày, dùng cha mẹ, kẻ nghèo khó, bệnh tật, Tam Bảo làm ruộng nương. Có đệ tử Phật muốn đời đời đạt được trăm món phước trang nghiêm vô tận trong tạng thức thì cần phải vận dụng lòng bi, kính, hiếu, đem áo cơm, tiền của, thân mạng kính cẩn phụng dưỡng, cung cấp cha mẹ, những người nghèo khó bệnh tật và Tam Bảo; đó gọi là “*gieo phước*”. Chẳng gieo trồng, sẽ nghèo túng, chẳng có phước huệ, sẽ lọt vào đường hiểm sanh tử. Nói “*ruộng để gieo phước*” là vì giống như ruộng để gieo mạ, cho nên gọi là “*phước điền*”.

Bồ thí có ba loại là Pháp Thí, Tài Thí và Tâm Thí. [Vận dụng] đủ mọi phương tiện hòng khuyến hóa, dạy bảo người khác thì gọi là Pháp Thí. Đó là cao nhất. Tài Thí là dùng đủ loại tiền tài để bố thí. Tâm Thí là [bản thân] nghèo cùng túng quẫn, chẳng có tiền của, nhưng

tâm niệm xót xa, mong giúp đỡ [kẻ hoạn nạn] tuy chẳng có cách nào thực hiện thì cũng gọi là Thí.

Đời Minh, Trầm Lý tên tự là Trọng Hóa, người huyện Quy Đức, thích tiên cử bậc hiền năng, nhưng chẳng để cho kẻ khác biết. Ông có bài Cảnh Thế Ngữ (警世語, những lời cảnh tỉnh cõi đời) như sau:

- Ôi chao! Chuyện trong cõi đời sao mà chênh lệch bất công đến nỗi như thế? Ta thường vào mỗi dịp tiệc tùng no say, đã chẳng thể gấp nỗi nữa, chủ nhân vẫn dọn lên những món trân quý không ngót, nhưng có kẻ nghèo suốt đời chẳng biết đến mùi vị nào khác, có kẻ chết đói! Ta mùa Đông khoác áo cừu, mùa Hạ mặc áo the. Lạnh nóng [thay đổi y phục] theo thời, còn muốn xa xỉ đến tột cùng hòng theo kịp thời trang. Kẻ nghèo áo chẳng đủ che thân, nắp ngoài hiên, ngủ ngoài đường, gió bắc buốt xương, lạnh cóng đến nỗi răng va lộp cộp. Ta nhà cao cửa rộng, ở yên ổn hết sức thoải mái, còn phải [tạo dựng] ao, đài, hoa, trúc, hòng thỏa thuê tai mắt đến mức cùng cực, chẳng tiếc ngàn vàng để sắm sửa! Thế mà kẻ nghèo gặp phải lúc khó khăn cấp bách, không thể cậy vào đâu, thậm chí có khi mất mạng, hoặc là cha con, vợ chồng phải tan đàn xẻ nghé! Con cháu trong nhà ta [tiêu xài] rộng rãi có thừa, ta vẫn chú trọng tích góp cho nhiều, hòng tính kế lâu xa cho con cháu. Kẻ nghèo nhà cửa bé tẹo, ăn bữa sáng chẳng mong chi bữa tối. Ta của cải ngồn ngộn, mắt thấy tai nghe chẳng xuể, chẳng tránh khỏi sống phóng đảng, ngấm ngấm lôi cuốn phùng trộm cướp [ngấp nghé].

Đối với kẻ nghèo đói ngẫu nhiên bòn mót đồ vật hoặc thóc lúa ta bỏ bê, ta lại tàn nhẫn, chẳng thể cho họ, hoặc cho vay tính lãi. Họ làm thuê làm mướn vất vả để kiếm chút tiền mọn, vẫn phải tận lực giành nhau [từng công việc mọn]. Ta của cải chất đầy rương, sọt, [vẫn toan] xun xoe bợ đỡ kẻ quyền thế, sang cả, chỉ sợ họ chẳng tiếp nhận. Người nghèo xin một đồng hồng kéo dài mạng sống trong sớm tối, có kẻ bèn phùng phùng nổi giận! Có kẻ thoái thác “bụng dạ [ta rất cảm thông với nỗi khổ của người]”, nhưng chẳng thể cho người nghèo chút gì để họ cảm về. Ta có nhiều tiền bèn sống phô trương xa xỉ, dâm dật, do đó chuốc họa. Kẻ nghèo mong đợi ta thí cho đôi chút thức ăn thừa, thế mà vẫn chẳng thể được!

Chuyện trong cõi đời sao mà chênh lệch bất công đến nỗi như thế? Tôi nay vì kẻ nghèo giải bày, chẳng phải là [buộc quý vị] dốc sạch tiền tài để cứu đói, ép uổng người khác làm chuyện khó. Chỉ xin hãy quyên tặng những thứ [chính mình] không dùng đến để biến chúng thành hữu dụng đó thôi! Tiệc tùng nếu đã no say, sao không chia sẻ rượu thịt để thí cho kẻ đói khát sắp chết? Sao chẳng san sẻ canh thừa để thí cho kẻ suốt đời chẳng biết mùi vị gì khác! [Làm như vậy] chẳng phải là thuận tiện cả đôi đàng ư? Quần áo chất đống trong rương thì có khác gì chẳng mặc? Hãy bỏ ra những thứ áo ngắn vải thô để thí cho kẻ không có áo che thân, họ cũng sẽ được hưởng sự ấm áp, mà những thứ quần áo đẹp đẽ của ta vẫn chẳng bị thiếu hụt. [Như vậy là do bỏ ra] những thứ ta chẳng ưa thích mà có thể giữ vẹn tánh

mạng và cốt nhục của kẻ khác. Nghĩa cử ấy do được bàn nói rồi sẽ lan truyền. Đem sâu, hãy tự phản tỉnh, sẽ tự nhận biết: Cái đáng được yêu thích trong thiên hạ, không chi tốt đẹp hơn chuyện này!

Ta tích cóp cho lắm, suốt đời chẳng dùng hết, bèn để lại cho con cháu. Con cháu hiền năng, chúng sẽ chẳng ỷ vào đó mà vẫn đủ dùng. Đứa ngu muội tuy có mà chẳng thể dùng<sup>396</sup>, sao bằng ta đích thân bố thí thì còn hữu dụng cho kẻ lo được bữa sáng không mong chi bữa tối? Đối với những thứ ta tiêu xài hoang phí, chẳng cần phải bận tâm, nếu cho kẻ nghèo thì [sẽ giống như] họ đã nhặt được ngoài đường, chẳng hao tổn đến những thứ ta có, ta tiếc nuôi nổi gì? Ta sắm sanh lễ vật thịnh soạn để bợ đỡ [kẻ quyền thế, sang cả], chắc gì họ đã vui lòng? Thí thưng gạo, đấu thóc, thí chén nước cho con cá sắp chết khô trong vết lồm bánh xe, [kẻ được bố thí] sẽ hơn hờ khởi tử hồi sinh. Cớ sao chẳng làm chuyện này, mà làm chuyện kia?<sup>397</sup> Ta do lắm tiền nhiều của bèn chuốc họa, làm đôi chút [bố thí như vừa mới nói] sẽ được phước. Ta quyên tặng những thứ ta dư thừa để bù đắp cho kẻ thiếu thốn, tuy là tạo phước cho người khác, thật ra là để giúp ta thoát họa vậy! Đây là đường lối lợi lạc đôi bên. Vì thế nói: “*Quyên tặng*

---

<sup>396</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này có nghĩa là “con cháu hiền năng thì tự chúng biết cách mưu sinh tốt đẹp, chẳng cần phải dựa dẫm tiền bạc của cha mẹ, tổ tiên. Con cháu ngu độn thì tuy có tiền bạc dư dật trong tay, sẽ bị kẻ khác lừa mất, hay phá tán sạch”.

<sup>397</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng “chuyện này” là chuyện cứu giúp người nghèo đói, “chuyện kia” là chuyện dùng của cải bợ đỡ, xu nịnh người có quyền thế, địa vị cao cả.

*những thứ không dùng đến để làm chuyện hữu dụng [cho người khác]” chính là vì lẽ này!*

Chẳng thấy [sự biến hóa trong] đạo trời hoặc mối quan hệ nhân sự ư? Thịnh suy đáp đối, trời còn chẳng trái nghịch! Tiền bạc lưu thông, há cứ ở mãi một chỗ? Những kẻ được gọi là giàu có xưa kia, nay còn được mấy? Con cháu của họ chẳng được hưởng mãi. Nếu chẳng do người đời trước chuộng bố thí, [con cháu làm sao hưởng được. Nếu người đời trước chẳng làm như vậy, tức là] đã chẳng mưu tính sâu xa [cho tương lai]! Thịnh suy đáp đối lẫn nhau là lẽ đương nhiên! Biết lẽ đương nhiên ấy, đối với thứ đáng nên tích lũy sẽ tích lũy, đối với thứ đáng nên phân tán sẽ phân tán. Thứ chính mình có thể sử dụng mà cũng có thể để cho kẻ khác sử dụng, đấy là bậc thông đạt. Đã tích góp tiền bạc chất chứa tại một nơi, lại thiết lập cách đề phòng, cứ ngỡ sản nghiệp sẽ ngàn vạn đời chẳng bị suy xuyễn, giữ cho tài sản ấy chẳng bị chuyển dời; [suy nghĩ kiểu đó] chính là kẻ ngu vậy! Tích lũy âm đức hòng làm kế sách lâu dài, đó chính là người trí. Hành bố thí chẳng nhằm mục đích nào, đấy chính là bậc quân tử.

Đời Tùy, Lý Sĩ Khiêm, tên tự là Tử Ước, mồ côi cha từ bé, thờ mẹ chí hiếu. Năm mười hai tuổi<sup>398</sup>, ông được Ngụy Quảng Bình Vương vời ra làm Tham Quân trong phủ tướng quân. Do nhà giàu có, ông Lý bỏ ra

---

<sup>398</sup> Lý Sĩ Khiêm cực kỳ thông minh, tuy mới mười hai tuổi, nhưng có nhiều mưu lược, quyết sách khiến người khác kính phục. Do vậy, Quảng Bình Vương Ngụy Toàn đã mời Lý Sĩ Khiêm làm Tham Quân, tức là chức cố vấn tham mưu tuy Lý Sĩ Khiêm vẫn còn là một cậu bé.

mấy ngàn thạch gạo cho người làng vay mượn. Gặp năm đói kém, ông bèn gọi các nhà thiếu nợ đến, đốt bằng khoán vay mượn, bảo họ: “Nợ đã trả xong rồi!” Đến mùa Xuân năm sau, lại bỏ ra gạo thóc để chia cho những kẻ nghèo nàn, túng thiếu, cứu sống rất nhiều người. Những người đã chết, ông đều chôn cất. Nếu có ai ca tụng âm đức của ông, ông đáp: “Âm đức như tiếng kêu ngằm trong tai, chính mình tự biết, kẻ khác chẳng biết. Nay ông đã biết, còn nói là âm đức chi nữa?” Một hôm, ông mộng thấy có một vị thần áo tía bảo: “Thượng Đế tặng thêm âm đức cho ngươi, khiến cho con cháu ngươi hết sức hưng vượng”.

Đời Tống, ở huyện Thái Thương có một người họ Cố làm nha lại cho quan Tri Châu. Hễ có công vụ phải đón tiếp, đưa tiễn, ắt trọ tại nhà người bán bánh họ Giang ở ngoài thành. Về sau, họ Giang bị kẻ thù vu cáo trộm cắp, [phải tù đầy], ông Cố tập hợp mọi người kêu oan, nên họ Giang được thả. Ông Giang cảm ơn, có đưa con gái mười bảy tuổi bèn đưa tới nhà họ Cố xin được làm thiếp. Ông Cố bảo vợ chuẩn bị lễ vật đầy đủ, đưa [cô ta] trả về. Ông Giang lại dẫn con tới, ông Cố lại chối từ. Về sau, ông Cố lên kinh đô, được điều sang làm môn hạ lo việc cho viên Thị Lang<sup>399</sup> họ Hàn. Thị Lang bỗng có chuyện đi vắng, phu nhân trông thấy ông

---

<sup>399</sup> Thị Lang (侍郎): Thoạt đầu, theo quy chế đời Hán, đối với các quan lại cấp dưới của quan Thượng Thư, năm đầu gọi là Lang Trung. Sang năm thứ hai mới được gọi là Thượng Thư Lang. Tròn ba năm mới gọi là Thị Lang. Từ đời Đường trở đi, các chức phó quan của Tam Tỉnh (Trung Thư, Môn Hạ và Thượng Thư) đều gọi là Thị Lang. Nói cách khác, Thị Lang tương đương với Thứ Trưởng.

Cố, bèn gọi đến hỏi: “Ông có phải là Cố đề không<sup>400</sup> ở Thái Thương hay không? Tôi là con gái người bán bánh họ Giang. Tôi vốn được gả làm thiếp cho tướng công, sau đó, được [nâng lên] làm chánh thất. Mọi điều dầu nhỏ nhất đều do ông ban cho, tôi sẽ kể với tướng công”. Thị Lang trở về, vợ kể cặn kẽ từ đầu đến cuối. Thị Lang nói: “Đây là người nhân từ vậy”, rồi tâu lên vua chuyện ấy. Vua khen ngợi, phong cho ông Cố làm Chủ Sự<sup>401</sup> bộ Lễ.

Đời Tống, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) sai con là Nghiêu Phu trở về Tô Châu lấy năm trăm học lúa mạch. Trên đường, gặp người quen biết cũ là Thạch Mạn Khanh kể lẽ có ba đám tang ma chưa lo toan được, Nghiêu Phu đem cả thuyền lúa mạch cho họ Thạch. [Nghiêu Phu] quay về, chưa kịp thừa chuyện, Văn Chánh hỏi: “Có gặp người quen biết cũ hay không?” Nghiêu Phu bèn thừa chuyện Thạch Mạn Khanh có ba đám tang chưa lo liệu được. Văn Chánh hỏi: “Sao không đem thuyền lúa mạch cho ông ta?” Thừa: “Con đã cho rồi”. Cha con ông Phạm cùng một lòng, thích bố thí như thế. Há có như người thời nay chỉ tôn thờ phú quý, trên gấm thêm hoa, chẳng chịu châu cấp, giúp đỡ kẻ nghèo khổ, đưa than sưởi ấm trong ngày tuyết rơi ư? Dầu là có thí, có cho đôi chút, có kẻ

---

<sup>400</sup> Đề Khống (提控) có nghĩa là trưởng quản, quản lý. Đời Tống dùng từ ngữ này để tôn xưng những viên nha lại làm việc dưới quyền quan Tri Châu hoặc Tri Phủ.

<sup>401</sup> Chủ Sự (主事) là chức quan thuộc về các ty trong sáu bộ, trưởng quản văn thư, ghi chép tài liệu, sổ sách, án liệu, quyền hạn thấp hơn Viên Ngoại Lang.



nào chẳng mong cầu được báo đáp, hoặc cho rồi hối tiếc hay chẳng?

Xưa kia, có một cô gái vào chùa, muốn thí xả mà chẳng có tiền, chỉ có hai đồng bèn quyên cúng. Vị chủ chùa (Trụ Trì) đích thân vì cô ta sám hối. Về sau, cô ta vào cung, phú quý, mang mấy ngàn lạng vàng cúng chùa. Vị Trụ Trì chỉ sai đồ đệ hồi hướng cho cô. Cô lấy làm lạ, hỏi nguyên do, vị Tăng bảo: “Trước kia, vật tuy đơn bạc, nhưng tâm rất chân thành, cho nên lão tăng đích thân bái sám. Nay tài vật hậu hĩnh, nhưng tâm chẳng thiết tha, sai học trò thay mặt bái sám là đủ rồi!” Hễ làm việc thiện, gieo đức, chí tâm là quý nhất. Hễ ý niệm vừa chuyển, sẽ chẳng bằng ý niệm ban đầu, huống hồ còn hối tiếc ư?

Ông Vu Thiết Tiêu nói:

- Cảm thú còn biết báo đức, há có lẽ nào con người chẳng cảm ơn? Chẳng biết điều khó chịu nhất [đối với người nhận sự bố thí] là thái độ tự mãn của người bố thí. Hễ thái độ tự mãn lộ ra, sẽ khiến cho kẻ cảm kích ân đức sanh lòng hổ thẹn. Do hổ thẹn mà sanh lòng oán. Xưa kia có một viên nha lại từng cứu mạng kẻ khác. Kẻ ấy dần dần trở thành giàu có, còn viên nha lại trở thành nghèo nàn. Ngẫu nhiên viên nha lại đi qua nhà người ấy, cả nhà ra vái chào, giữ lại uống rượu hết sức cung kính. Viên nha lại uống rượu say ngà ngà, lớn tiếng bảo: “Nếu chẳng do sức của ta, thì vợ con, con hầu, đầy tớ của ngươi và những vật đang thấy trước

mắt đây, làm sao người có nổi một thứ gì cho được? Nay người giàu có mà ta nghèo đi, sao lại thế nhỉ?” Nói xong, ngủ lại nhà đó. Họ bàn bạc với nhau: “Gã này có cái tâm mong cầu được báo đáp quá lớn, có báo đáp cũng không thể thỏa ý hắn được. Chẳng báo đáp, ắt họa rơi xuống thân ta, chẳng bằng giết quách đi”, liền cắt phăng đầu hắn ta. Ôi! Do cứu người mà ngược ngạo tự giết chết chính mình, trong ấy đương nhiên là có xen vào cái nhân khéo ứng hợp. Sự báo ứng hung ác của họ đương nhiên là có liên quan đến số mạng của viên nha lại, hãy gác lại chớ luận, chỉ nêu ra chuyện này hòng nhắc nhở những kẻ [thi ân] cầu báo vậy!

*(Chánh văn) Sở vị thiện nhân.*

**(正文)所謂善人。**

*(Chánh văn: [Người như vậy] đáng gọi là thiện nhân).*

Từ chỗ này cho tới câu “*thần tiên khả ký*” (có thể mong thành thần tiên) là nói phước báo của thiện nhân to lớn, dồi dào, chẳng sai suyển vậy. Cốt lõi của thiện nhân được bắt nguồn từ chỗ chẳng làm lẫn giữa đúng và sai, tức là trí và dũng đều trọn vẹn. Cuối cùng là [kiến chấp có] ta và người hai đảng đều chẳng còn, ắt nhân từ và khoan dung sẽ cùng được hành. Huống hồ

[bậc thiện nhân] lập tâm dụng ý, [bất luận] đối với chính mình hay đối với người khác, trong thì là ngũ thường, bách hạnh<sup>402</sup>, ngoài là thuận theo thời cơ, hành xử thích đáng, không gì chẳng trọn vẹn. Đây cũng chính là chẳng khác gì Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng tái sinh! Để được gọi là “*bậc thiện nhân*”, do lòng trời ưa điều thiện, ghét điều ác, lòng người có thiện, chẳng có ác, nhưng con người thường sơ sót đối với những sự nhiễm đăm bởi thói quen, đến nỗi đánh mất thiện tâm ban đầu. Hãy nên có điều thiện bền tinh tấn, có điều ác bền hồi cải, hòng đáng gọi là thiện nhân vậy!

Đời Tống, Văn Chánh Công Lý Phưởng đã cáo quan xin về hưu. Do tiết Thượng Nguyên, [mọi nơi] treo đèn mừng lễ, Tống Thái Tông sai sắp đặt xe cộ đón ông vào cung, cho ngồi bên cạnh giường ngự, đích thân cầm chén rượu ngự rót mời, chọn lựa những thứ quả hạt quý ban cho, phán: “Khanh là bậc thiện nhân quân tử, từng hai lần làm Tể Tướng, chưa hề ôm lòng tổn thương người, hại vật. Vì thế, trăm tướng nhớ khanh”. Ông trở về, răn dạy con: “Tuy ta chẳng có công lao, thành tích to lớn, lạ lùng, kinh hãi thế tục gì, nhưng chưa hề ản giấu điều lành của người khác, chẳng quên mất người đã tiến cử, chẳng lừa dối dẫu ở một mình trong phòng kín. Tự xét đức hạnh thì ta vâng giữ bốn phận. Ta tự cho là đã tuân thủ bốn điều ấy. Nay được thánh thượng đối trước quần thần khen ngợi ta là thiện

---

<sup>402</sup> Ngũ Thường là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín. “*Bách hạnh*” là thành ngữ phiếm chỉ các thứ đức hạnh, phẩm đức. Trịnh Huyền chú giải kinh Thi đã viết: “*Sĩ hữu bách hạnh, khả dĩ công quá tương trừ*” (Kẻ sĩ có trăm hạnh, có thể dùng công trừ lỗi).

nhân, quân tử. Phàm là bậc thiện nhân, quân tử, Khổng Tử nói còn chưa trông thấy, ta là hạng người nào mà dám đảm nhận [mỹ hiệu ấy]? Các con hãy nên nghĩ tới lời khen ngợi đáng quý ấy của thánh thượng mà thực hiện bốn điều cha vừa nói. Trung với vua, hiếu với cha mẹ, luôn hành xử cẩn trọng, tự lập, tự cường, ngõ hầu có thể chẳng hổ thẹn”. Con ông là Tông Ngạc tuân thủ nghiêm ngặt lời cha dạy, trở thành người nổi tiếng đương thời.

Nói nông cạn, thiện nhân là dứt ác, làm lành. Nói cùng tốt, sẽ là chứng thánh, thành tiên, thông hiểu tốt cùng sự thần diệu nơi sự vật, thấu đạt lẽ tạo hóa, đều là do từ một thiện niệm mở rộng vậy.

Đời Minh, Trâu Tử Doãn ở Giang Tây sùng tín Tam Bảo, siêng hành trăm điều thiện. Hễ là những chuyện cứu vớt người hoạn nạn, thành tựu chuyện tốt cho người khác, dầu nước sôi, lửa bỏng, lạnh, nóng, cũng chẳng nề hà. Mọi người gọi ông là “thiện nhân”. Ông mắc bệnh, chết đi, tới trước Diêm Vương, trong lòng chẳng phục. Vua sai nha lại đưa sổ bộ cho xem. Mở sổ ra, bèn nổi lên hai chữ “*danh lợi*” to đùng. Phàm đối với những việc thiện do Tử Doãn đã làm trong suốt một đời, hoặc ghi chữ Danh, hoặc đề chữ Lợi ở phía dưới. Tử Doãn then thùng, chịu phục. Ông sống lại, nói với người khác: “Hãy vì tôi mà bảo khắp mọi người: Làm lành hãy nên chân thành, thật thà, tấm lòng rộng rang”. Năm ngày sau, ông Trâu mất.

Đường Thời nói:

- Tôi biết rõ ông Tử Doãn là người có lẽ chẳng tránh khỏi thói háo danh. Đối với lợi, Tử Doãn là người trọng nghĩa khinh tài, sao lại có chuyện này? Ất là trong lúc được thỉnh cầu, nhờ cậy, ý niệm ban đầu là phát nguyện làm thiện sự, cho đến khi nắm giữ tiền của trong tay, ngẫu nhiên vương thói tệ sử dụng không đúng mục đích, hoặc là thoát đầu thì nói: “Ta mượn tạm”, về sau lần khân chẳng trả lại, khiến cho Tử Doãn cả đời siêng năng, vất vả, chỉ đổi lấy hai chữ ấy! Có thể thấy âm ty quen lệ ghi chép những điều tà vạy ngấm ngầm, nhỏ nhặt. Tôi hiểu lòng ông Tử Doãn, nên vì ông ta giải thích rõ. Vì thế, bảo khắp những người làm lành: Hãy nên làm mà không làm, không gì chẳng làm, tùy thuận thời cơ để lợi lạc chúng sanh, sẽ là tốt nhất. Chẳng có cái tâm mong cầu được báo đáp, cứu vớt, dẹp trừ nỗi khổ nạn cho chúng sanh, khuyên kẻ khác làm lành thì sẽ kém hơn một bậc. Tích lũy âm công rộng rãi, cầu cho chính mình tránh khỏi tam đồ, lại kém hơn một bậc nữa. Nếu có may mắn ý niệm vì danh thì đã đi sai đường mất rồi. Nếu có may mắn ý niệm [nhờ làm lành] để kiếm lợi riêng tư, sẽ đọa địa ngục [nhanh chóng] như tên bắn vậy, chẳng đáng sợ ư? Tôi ghi những điều này để mong những người nguyện làm lành trong đời sau sẽ biện định rõ ràng mà dốc lòng thực hiện vậy.

*(Chánh văn) Nhân giai kính chi, thiên đạo hựu chi, phước lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi.*

**(正文)人皆敬之。天道佑之。福祿隨之。  
眾邪遠之。神靈衛之。**

*(Chánh văn: Mọi người đều kính trọng, trời ban phước cho, phước lộc theo đến, các tà lánh xa, thần linh bảo vệ).*

Thiện thì ai nấy đều vốn sẵn có, hễ được khơi gợi, sẽ dậy động. Dẫu là hàng ngu phu ngu phụ, nếu nghe một chuyện lành, mọi người nhất định sẽ ca ngợi. Dẫu người là kẻ hung ác cùng cực, trông thấy người lành, cũng chẳng dám xâm phạm. Ấy là vì lương tâm phát khởi, sẽ đều là chẳng thể không làm như thế được. Bàn đến chuyện “mọi người đều kính trọng” thì ắt là do đạo đức của người ấy thật sự có điểm đáng kính, không một ai là chẳng như vậy!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công được triệu về kinh đô làm quan. Ai trông thấy ông cũng đều lấy tay bưng trán<sup>403</sup>. Ông đi tới đâu, dân chặn đường, thưa: “Ngài đừng trở về Lạc Dương, hãy ở lại làm Tể Tướng cho

---

<sup>403</sup> Nguyên văn “*dĩ thủ gia ngạch*” (以手加額). Theo ông Hoàng Bách Lâm, đây là một nghi lễ thời cổ, dùng hai tay bưng trán nhằm biểu thị sự kính trọng tột bậc.

thiên tử, [giúp cho] lũ dân chúng tôi được sống sót”. Lưu đại gián<sup>404</sup> làm quan tại triều đình, thiên hạ không ai chẳng ca ngợi lòng trung của ông. Phú Văn Trung (Phú Bật) cưới con lừa thọt đến cầu Thiên Tân, những người theo sau ông xem [ngày càng đông] đến nỗi chợ vắng tanh<sup>405</sup>. Từ Tiết Hiếu dựng lều trông mộ [mẹ suốt ba năm] tại làng Hoài Âm, trong thành hằng ngày đều có người đến tỏ lòng tôn kính. Thiệu Khang Tiết xuất du, dân chúng không ai là chẳng vội vã tranh nhau đón tiếp. Người đã ưa thích [dường ấy], có thể biết là lòng trời cảm cách dường nào. Nếu họ thật sự chẳng có điểm đáng kính, làm sao có thể khiến cho người khác cảm động dường ấy? Những vị ấy lúc sống sẽ làm bậc Tể Tướng hoặc thầy [của mọi người], khuất núi sẽ thành bậc thần minh vậy.

Thiên đạo chẳng thiên vị yêu thương riêng một ai, nhưng thường thuận theo bậc thiện nhân. Chẳng nói mà ứng hợp hay khéo, chẳng chuốc vời mà tự đến. Ta thật sự dùng lòng thành cảm thông, sẽ chẳng bao giờ không được gia hộ vậy. Chỉ nên trọn hết bốn phận làm người,

---

<sup>404</sup> Lưu đại gián: Vị này tên là Lưu An Thế, danh nhân đời Bắc Tống. “Đại gián” (大諫) là danh xưng gọi tắt của chức quan Gián Nghị Đại Phu. Ông Lưu theo học với Tư Mã Quang (Tư Mã Ôn Công), được Tư Mã Quang tiến cử vào Bí Thư Tỉnh. Lưu An Thế tánh cương trực, từng đàn hặc những nhân vật quyền thế đương thời như Chương Đôn, Thái Xác, Phạm Thuần Nhân v.v... không kiêng nể. Ông nghị luận xác đáng, công chánh, nên cả triều đình đều sợ ông, lên gọi ông là “*điện thượng hổ*” (cọp trên điện vua).

<sup>405</sup> Phú Bật từng làm Tể Tướng đời Tống Thần Tông. Ông rất mực thanh liêm. Khi vào chầu vua, các quan hoặc cưỡi ngựa hoặc ngồi xe ngựa sang trọng, ông chỉ mua nổi một con lừa gầy, chân nó lại bị thọt. Vì thế, ông phải đi chầu sớm, cưỡi lừa thông thả, tập tễnh qua cầu. Dân chúng hiếu kỳ, kéo nhau đi xem, khiến cho chợ búa vắng tanh.

lòng thành chẳng gián đoạn. Do vậy, rốt cuộc sẽ cảm động lòng trời. Kinh Cứu Kiếp có câu: “*Nhất tâm như thử, thính mạng ư thiên*” (Một dạ như thế, nghe theo mạng trời). Có thể thấy là [thiện nhân làm lành] chẳng có mảy may ý niệm mong cầu, trông ngóng!

Đời Tống, Châu Tử nói: “Trời đất chẳng làm một điều gì, chỉ lấy sinh vật làm tâm, kẻ nào trong bất cứ niệm nào cũng đều có ý niệm lợi lạc, cứu giúp [người khác] thì sẽ [có cái tâm giống hệt như] trời đất. Kẻ phù hợp lòng trời, lẽ nào trời chẳng ban phước cho?”

Đời Tống, Lưu An Thế dâng sớ thẳng thừng biện định những kẻ tà chánh trong đám triều thần. Ông lại luận định Chương Đôn là hạng tiểu nhân chẳng thể dùng được. Đến khi Chương Đôn nắm quyền, ông bị đày đi xa, trải qua nhiều chỗ thuộc vùng núi non, biển cả, lênh đênh nhiều nơi. Người ta cho rằng ông ắt phải chết, nhưng rốt cuộc ông chẳng sao. Tuổi đã tám mươi, ông chưa hề bị bệnh ngày nào. Trong khi ông bị biếm trích, có kẻ toan lấy lòng Chương Đôn, xin giết ông. Tới khi gã đó rong ruổi đến chỗ ông, toan ra tay, bỗng như bị vật gì đánh trúng, hộc máu chết tươi!

Đường Tử Dư từ đất Thục (Tứ Xuyên) đưa linh cữu của cha về Cát Thủy. Khi ấy, nhằm tiết Thu, nước sông hồ dâng cao, khe Cù Đường<sup>406</sup> nước chảy càng

---

<sup>406</sup> Cù Đường là một hẻm núi đầu nguồn Trường Giang. Cù Đường cùng với Vu Giáp và Tây Lăng Giáp, tạo thành ba hẻm núi nước chảy xiết lòng danh gọi chung là Trường Giang Tam Giáp. Cù Đường (còn có tên là Quỷ Môn) thuộc địa phận thành phố Trùng Khánh, kéo dài từ thành Bạch Đế ở huyện Phụng Tiết cho đến



xiết. Trời đổ mưa, nhà thuyền kinh hoảng. Tử Dư ngửa mặt lên trời khóc lớn, mới khóc gào một tiếng, nước đã rút hơn hai mươi trượng. Thuyền đi qua, nước lại dâng lên như cũ. Trung hiếu đứng đầu các đức, cho nên đạo trời che chở dường ấy. Ở đây, nêu lên hai câu chuyện này, [nhằm chứng tỏ] con người chuyện gì cũng có thể cảm thông cõi trời, chuyện gì cũng đều được trời cao che chở, bảo vệ vậy!

Bậc thánh hiền quân tử lời nói tốt lành, hành vi tốt lành, chiêu cảm hòa khí, tự nhiên những điều tốt lành ứng hợp. Kinh Thi có câu: “*Lạc chỉ quân tử, phước lộc thân chi*” (Vui thay bậc quân tử, phước lộc do đó mà sanh) chính là nói về chuyện này vậy.

Đời Đường, Quách Tử Nghi khôi phục hai kinh đô<sup>407</sup>, công che lấp cả triều đình nhà Đường. Ông dốc sức lo liệu cho sự an nguy của thiên hạ suốt ba mươi năm. Ông làm Trung Thư Lệnh, khảo hạch [bá quan] suốt hai mươi bốn năm. Phú, quý, trường thọ, con cháu vinh hiển, xưa nay rất hiếm người sánh bằng. Ông Quách được hưởng phước lộc trọng hậu là vì công lao to lớn, đức hạnh cao tốt, chứ chẳng phải là do may mắn mà được như thế. Người làm lành hãy nên suy nghĩ!

Đời Minh, Trịnh Chiếu ở Phượng Dương hằng ngày chú trọng làm lợi cho người khác. Một đêm mộng

---

làng Đại Khê thuộc huyện Vu Sơn, dài tám cây số. Cù Đường nằm kẹp giữa hai dãy núi Xích Giáp và Bạch Diêm. Trong hẻm núi này, Trường Giang có chỗ chỉ hẹp chừng 100m, chỗ rộng nhất chỉ là 150m, nên nước chảy xiết rất mạnh.

<sup>407</sup> Hai kinh đô thời Đường là Trường An và Lạc Dương.

tới chỗ Thiên Phủ<sup>408</sup>, thấy thần bày sẵn ngôi vị trống chờ đợi, bảo: “Ông vốn nghèo hèn, do làm lành, nên sai hai vị thần phước lộc đi theo ông. Mai sau sẽ ngự nơi địa vị này”. Trịnh Chiêu tỉnh giấc, thiện niệm càng thêm vững chắc, thanh danh càng rạng ngời. Đi đến đâu, tiền bạc cũng rủng rinh. Tới chỗ nào, phước lộc cũng theo sát bên thân. Cháu con phú quý, hưng thịnh, nhận lãnh chức vị cao sang, bổng lộc trọng hậu cho đến lúc mất. Về sau, quả nhiên thoát xác, chứng quả vị Tịnh Dục Chân Nhân.

Nhan Uyên chết yếu nơi ngõ hẹp. Di Tề<sup>409</sup> chết đói nơi Thủ Dương. Nguyên Hiến nghèo nàn, Phạm Bàng bị hành hình<sup>410</sup>, chính là những vị tu đức, nhưng kém phước lộc. Bậc thiện đức ở chỗ nào, nơi đó mặt trời,

---

<sup>408</sup> Thiên Phủ (天府) ở đây là tên một ngôi sao trong chòm sao Nam Đẩu. Đây là một vị tinh quân được tôn sùng trong Đạo Giáo.

<sup>409</sup> Di Tề là gọi tắt của Bá Di và Thúc Tề. Hai vị này là anh em ruột, sống vào đời Thương, vốn là con của vua xứ Cô Trúc (Cô Trúc là một nước chư hầu của nhà Thương). Khi cha mất, anh nhường cho em, không muốn làm vua, em cũng kiên quyết nhường cho anh nối ngôi. Cuối cùng hai người cùng nhau bỏ trốn sang lãnh thổ của nhà Châu. Khi Châu Vũ Vương (Cơ Phát) phạt Trụ, họ đã chặn đường khuyên can. Sau khi Vũ Vương diệt nhà Thương, anh em Bá Di và Thúc Tề kiên quyết không ăn gạo nhà Châu, lánh vào núi Thủ Dương hái rau dại ăn qua ngày. Về sau, có người nói: “Tắc đất, ngọn rau đều là của nhà Châu, hai ông ăn rau dại thì vẫn là ăn rau nhà Châu”. Họ bèn nhịn đói mà chết.

<sup>410</sup> Nguyên Hiến là người nước Lỗ, sống vào thời Xuân Thu, tên tự là Tử Tư, là một vị đệ tử hữu danh của Khổng Tử. Ông nghèo hèn nhưng vui nơi đạo. Khi Khổng Tử làm quan Tư Khấu nước Lỗ, đã cử Tử Tư làm người trông coi thái ấp của Khổng Tử. Về sau, Tử Tư ẩn cư nơi chằm cỏ nước Vệ. Ông được coi là tấm gương sáng của những bậc an bản lạc đạo.

Phạm Bàng sống vào thời Đông Hán. Ông là người thanh cao, liêm khiết, được người dân trong vùng hết sức kính phục. Ông thường đàn hặc những quan lại bậc cao, quở trách những kẻ cậy quyền không hề e dè trước quyền lực của họ. Chán ngán trước cảnh triều chánh hủ bại, ông từ quan, nhưng vẫn bị lũ gian thần hãm hại, bị tù đầy, chết trong ngục.

mặt trắng tranh nhau tỏa sáng, phước lộc tầm thường chẳng thể sánh bằng. Hãy nên biết đó là đạo lý của những bậc vì nghĩa mà xả thân.

Tà và chánh chẳng thể cùng tồn tại. Hễ chánh tới, tà chẳng thể tự dung. Ví như vàng thái dương vừa mọc, ắt băng tuyết tự tiêu tan. Lý Cát Phủ nói: “Thần thánh chuộng chánh trực. Người vâng giữ lẽ chánh trực, ắt thần sẽ phù trợ. Yêu ma chẳng thể thắng nổi bậc đức hạnh. Hễ thất đức, ắt yêu ma lấy lòng, đó là lẽ tự nhiên”.

Đời Minh, Cảnh Thanh đi thi Hội, đi qua huyện Thuần Hóa. Chủ nhà có một đứa con gái bị yêu quái dựa thân. Ông nghỉ đêm tại nhà ấy; đêm đó, yêu quái không tới. Cảnh Thanh đi rồi, nó lại mò tới. Cô gái hỏi nguyên do, [yêu quái trả lời]: “Tránh né ông tú tài họ Cảnh”. Cô ta bèn kể với cha. Cha cô ta đuổi theo Cảnh Thanh, [kể rõ đầu đuôi], Cảnh Thanh bèn viết bốn chữ “*Cảnh Thanh ở đây*”, bảo hãy dán lên cửa, nạn yêu quái chấm dứt. Cảnh Thanh hết sức trung liệt, cho đến nay vẫn được người ta ngưỡng mộ.

Thứ đầy ắp trong vòng trời đất chính là Khí (chánh khí). Nếu chánh khí chẳng thiếu khuyết, do sự chánh đại quang minh được lưu hành, yêu ma quỷ quái chẳng dám xâm nhiễu. Vì thế, bậc quân tử có cái học “*dưỡng khí*” (nuôi dưỡng chánh khí). Dưỡng khí cốt yếu là trị tâm. Dốc sức giữ cho cái tâm thanh tịnh, quang minh, giữ lòng chân thành, tâm sẽ an định, ắt

yêu ma quỷ quái chẳng thể xen lẫn vào được. Nếu lòng người tối tăm, mê muội, chẳng cần hỏi tà từ đâu đến, trong tâm đã có sẵn tà quái tụ tập rồi, há có thể nào khiến cho [yêu ma quỷ quái] vừa trông thấy bèn khuất phục ư?

Thần và người cùng một lý. Ai được mọi người kính trọng thì thần cũng gia hộ. Đó gọi là “*đạo đức đã cao trọng, quỷ thần đều khâm phục*”.

Đời Tống, Hàn Kỳ từ Thành Đức chuyển sang trấn nhậm Trung Sơn. Đi đến Sa Hà, bỗng những người đi đầu trở lại thưa: “Nước lũ sắp tràn tới”. Ông vội truyền chuẩn bị thuyền để vượt sông. Quả nhiên sóng to như núi. Thuyền sắp chìm, những người đi theo đều hết sức kinh hoảng. Bỗng có một con rồng thần từ đầu nguồn chắn ngang dòng nước, nước bèn lặng êm. Thuyền qua sông rồi rồng mới rời đi, nước bèn dâng tràn ồ ạt như cũ.

Đời Minh, ông Kim ở Nghi Trung mở tiệm cầm đồ. Đầu niên hiệu Gia Tĩnh, bọn cướp sông cướp bóc gần hết những nhà giàu có, chỉ riêng họ Kim là không sao. Quan trên ngờ ông ngầm qua lại với lũ cướp. Đến khi bắt được kẻ cướp, tra hỏi nguyên nhân, bọn cướp thưa: “Đã vài lần đến cướp, đều bị thần kim giáp xua đuổi”. Quan chưa tin, gọi những hàng xóm ông Kim đến dò hỏi, họ đều nói: “Ông Kim thật sự tích đức, các tiệm cầm đồ thường là trả tiền cho khách cầm đồ thì ít, đòi tiền chuộc nặng nề. Chỉ riêng tiệm ông ta là cho

cầm và chuộc lại công bình, ước định giá trị của món đồ đem cầm rất rộng rãi, định kỳ hạn chuộc lại dài hơn. Lại còn hỏi thăm, nếu là người già, nghèo khổ, sẽ phá lệ không tính tiền lời. Lại còn vào mùa Đông thì không tính tiền lời đối với áo ấm. Mùa Hè thì không tính tiền lời đối với áo mùa Hè. Hằng năm đều làm như vậy. Trời che chở người lành, sai thần đến ủng hộ, đối với lý ấy, há có ngờ chi?” Quan bèn khen ngợi ông Kim, tâu lên triều đình xin khen thưởng.

Vu Thiết Tiều nói:

- Trong phần đầu là nói đến họa ác. Trong phần trước đã nói “*nhân giai ố chi*” (mọi người đều ghét), nay nói đến phước thiện, bèn trước hết là nói “*nhân giai kính chi*” (mọi người đều kính). Bởi lẽ, những chuyện như ác tình gieo tai họa, thần linh hộ vệ, có lẽ nhất thời chưa trông thấy, mà chuyện [mọi người] đều kính trọng hay đều ghét bỏ chính là những điều báo trước có thể coi như là chứng cứ vậy. Kẻ có tâm học đạo hãy thường phản tỉnh, tự suy xét: “Nếu người kính trọng ta nhiều, sẽ biết thần linh ủng hộ, bảo vệ đông đảo. Nếu kẻ ghét ta nhiều, sẽ biết ác tình chối ngời trên đỉnh đầu!” Lòng người chính là ý trời, chẳng cần phải tìm tòi từ chỗ chẳng thấy, chẳng nghe!

***(Chánh văn) Sở tác tất thành, thần tiên khả ký.***

## (正文)所作必成。神仙可冀。

(*Chánh văn*: Việc làm ắt thành, có thể trở thành thần tiên).

Thế gian chẳng có chuyện gì không thành, thiên hạ đều là người có thể thực hiện. Chỉ dùng tâm chân thật để làm lành, ắt việc người đã hợp lòng trời, ý trời há có trái nghịch ước nguyện của con người ư? Tự nhiên ngầm ngầm giúp đỡ, không gì chẳng thực hiện suông sẻ, không gì chẳng làm thành công!

Ông Vu Ngọc Bệ nói:

- Kinh Di Giáo<sup>411</sup> dạy: “*Túng thử tâm giả, táng nhân thiện sự. Chế chi nhất xứ, vô sự bất thành*” (Buông lung cái tâm này, sẽ làm hỏng thiện sự của con người. Chế ngự tâm vào một chỗ, không chuyện gì chẳng thành tựu). Lại nói: “*Nhữ đẳng tỳ-kheo, đương cần tinh tấn, tặc sự vô nan giả. Thí như tiểu thủy trường lưu, tặc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm, sở sở giải phế, thí như toản hỏa, vị nhiệt nhi tức. Tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc*” (Hàng tỳ-kheo các ông hãy nên siêng năng, tinh tấn, thì mọi chuyện sẽ chẳng khó khăn. Ví như dòng nước nhỏ mà cứ chảy mãi, sẽ có thể xoi thủng đá. Nếu tâm hành giả nhiều

---

<sup>411</sup> Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Di Giáo Kinh, còn gọi là Phật Thùy Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh, do ngài Cưu Ma La Thập dịch. Kinh này ghi chép những lời dạy dỗ tối hậu trước khi đức Phật nhập Niết Bàn.

lượt biếng nhác, bỏ lửng, sẽ giống như dùi gỗ lầy lửa, gỗ chưa nóng mà đã ngưng, tuy muốn được lửa, khó thể có được lửa).

Kinh Xuất Diệu<sup>412</sup> nói: *“Trí giả dĩ huệ luyện tâm, tầm cứu chư cấu. Thí như khoáng thiết, nhập hỏa bách luyện, tắc thành tinh kim. Hựu như đại hải, nhật dạ phát động, tắc sanh đại bảo. Nhân diệc như thị, trú dạ dịch tâm bất chỉ, tiện hoạch quả chứng”* (Bậc trí dùng huệ để luyện tâm, tìm tòi đến cùng tột [căn nguyên của] các phiền não. Ví như quặng sắt, bỏ vào lửa nung trăm lần, sẽ thành thép ròng. Lại như biển cả, đêm ngày luôn nổi sóng, sẽ sanh ra vật báu quý giá. Người cũng giống như vậy, ngày đêm rèn luyện cái tâm chẳng ngừng thì sẽ chứng quả).

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: *“Phù vi đạo giả, thí như nhất nhân dĩ vạn nhân địch. Quả khả xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thoái, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học đạo, ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma, nhi đắc đạo quả”* (Phàm là kẻ tu đạo, ví như một người đối địch với vạn

---

<sup>412</sup> Kinh Xuất Diệu chính là một bản dịch khác của kinh Pháp Cú. Kinh Pháp Cú hiện thời là bản được lưu hành phổ biến nhất dựa theo kinh Dhammapada chép bằng tiếng Pali. Hai bản khác là Gāndhārī Dhammapada và Udāna-varga. Kinh này có bốn bản dịch tiếng Hán:

1. Pháp Cú Kinh do nhóm tỳ-kheo Duy Kỳ Nạn dịch vào đời Đông Ngô.
2. Pháp Cú Thí Dụ Kinh do hai vị Pháp Cự và Pháp Lập dịch vào thời Tây Tấn.
3. Xuất Diệu Kinh do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào Diêu Tần.
4. Pháp Tập Yếu Tụng kinh do ngài Thiên Túc Tai dịch vào thời Bắc Tống.

người. Khoác áo giáp ra khỏi cửa, nếu có lòng khiếp sợ, hoặc nửa đường quay về, hoặc dốc hết sức chiến đấu cho đến chết, hoặc đắc thắng quay về. Sa-môn học đạo, hãy nên giữ vững tâm lòng, tinh tấn, dũng mãnh, bèn nhảy, chẳng sợ tiền cảnh, phá diệt các loài ma, bèn đắc đạo quả).

Đời Nguyên, tổ sư Thiên Mục Sơn Trung Phong đã nói:

- Tôi nhớ nhà Nho có bài thơ khuyên học như sau: *“Kích thạch nãi hữu hỏa, bất kích nguyên vô yên. Nhân học thử tri đạo, bất học phi tự nhiên”* (Đập đá bèn xẹt lửa. Chẳng đập, khối chẳng sanh. Người học mới biết đạo, chẳng học chẳng tự nhiên). Đây là nói trong đá vốn có lửa, chẳng dùng trí xảo để va quẹt, dẫn khởi, sẽ trọn chẳng thể gặp gỡ được. Người hiện thời chỉ biết trong đá có lửa, chẳng bỏ ra nửa điểm công sức trí xảo để va đập, suốt ngày chỉ trở hòn đá lạnh ngắt ấy mà nói đến tác dụng của lửa. Nói cho đến nỗi “mắt rơi xuống đất” (đến chết), vẫn là một khối đá tro tro như trước, muốn tìm một tí tác dụng của lửa, trọn chẳng thể được! Đây là kẻ chẳng chịu dốc hết một lòng thực hiện công phu vậy. Lại có một hạng người nghe nói trong đá có lửa, bèn đập nát đá. Do muốn lấy được lửa, bèn đập đá nát bét thành bụi, trọn chẳng được lửa. Chẳng tự trách [chính mình] không dùng trí xảo để có được lửa, lại đến nỗi chẳng tin trong đá thật sự có chân hỏa! Đây là hạng phàm phu không tin *“tự tâm thành Phật”*.



Người thời nay nếu muốn hoàn thành chuyện này, trước hết, hãy lấy tín căn làm đá, kê đó, đề khởi đơn độc một câu thoại đầu để làm cái tay quẹt đá. Lại dùng chí nguyện kiên cố chẳng thoái chuyển làm sắt. Quẹt con dao lấy lửa ấy, dùng sức chuyên ròng, siêng năng, dũng mãnh, suốt ngày vận dụng trong động tĩnh để gõ quẹt sao cho chẳng gián đoạn. Lại dùng chủng tánh Bát Nhã làm cỏ khô, bỗng dung nướng nhau thành tụ, nẩy sanh một đóm lửa nho nhỏ, chiếu thấu trời đất. Đây gọi là “*trí xảo*”.

Đời Minh, Liên Trì đại sư nói:

- Bất cứ kỹ năng hay nghề nghiệp nào trong thế gian, lúc mới học sẽ khó khăn khôn ngần, dường như là muôn phần chẳng thể thành được. Do vậy, bèn bỏ đó, chẳng học, sẽ trọn chẳng thể thành được! Vì thế, quý ở chỗ thưở đầu có cái tâm quyết định chẳng nghi. Tuy là quyết định, mà lần khần, trì hoãn, cũng sẽ chẳng thành. Vì thế, tiếp đó là quý ở chỗ cái tâm tinh tấn dũng mãnh. Dầu tinh tấn, nhưng được chút ít đã cho là đủ, hoặc lâu ngày bèn mệt mỏi, hoặc gặp thuận cảnh bèn mê, hoặc gặp nghịch cảnh bèn đọa, thì cũng chẳng thành. Vì thế, kể đó, quý ở chỗ có cái tâm kiên quyết, luôn giữ vững, chẳng thoái chuyển. Như vậy thì sẽ được gọi là bậc trượng phu thật sự hữu tâm. Giữ tâm lòng như thế, có chuyện gì chẳng làm được, há chẳng nên gắng sức ư?

Thái Thượng là tổ của Đạo gia, cho nên chuyên nói đến chuyện cầu thành tiên. Mạnh Tử nói: “*Nhân*

*giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn*” (Ai cũng đều có thể thành Nghiêu, Thuấn). Lục Tổ của Thiên Tông Chân Đản (Trung Hoa) đã nói: “*Đản dụng thử tâm, trực liễu thành Phật*” (Chỉ dùng cái tâm này mà thẳng thừng thành Phật). Thánh nhân của tam giáo đều nói như thế nào, cũng đều là phù hợp khít khao. Do đã có thể thành tiên, vậy thì có thể thành Phật, có thể làm Nghiêu, Thuấn, hưởng hồ công danh, phú quý trong cõi đời, sống lâu, con cái, lẽ nào chẳng thể cầu được ư? Cũng đều là tùy thuộc người ấy làm như thế nào đó thôi!

Đời Hán, Chung Ly<sup>413</sup> nói: “Tiên cầu người còn hơn người cầu tiên!” Lữ Tổ nói: “Người đời thường hận chẳng được thấy ta. Tuy hằng ngày thấy ta, mà không thể làm theo lời ta, có ích gì đâu?” Có thể thấy người và tiên, tánh thật sự vốn là một! Chỉ vì để tình cảm chi phối quá mức mà đánh mất lẽ chân. Một mai quay lại lẽ chân, tình thức lẫn trần lao đều hết sạch, sẽ chính là thần tiên. Hưởng hồ lại còn có thể dùng thiện hạnh để giúp sức thêm ư?

Kinh Thai Túc<sup>414</sup> nói: “*Thánh thai do sự điều phục hơi thở mà kết thành, chân khí do từ hơi thở đã*

---

<sup>413</sup> Vị này là một trong bát tiên của Đạo Giáo, họ Chung Ly tên Quyền. Do ông ta sống vào đời Hán, nên thường gọi là Hán Chung Ly, chứ họ của ông không phải là Hán. Ông được tôn là Chánh Dương Tổ Sư của phái Toàn Chân, vì theo truyền thuyết, ông đã điểm đạo cho Lữ Động Tân (Thuần Dương Tổ Sư). Lữ Động Tân truyền đạo cho Vương Triết (Vương Trùng Dương), Vương Trùng Dương sáng lập Toàn Chân Giáo.

<sup>414</sup> Đây là một bộ kinh của Đạo Giáo, có tên gọi đầy đủ là Cao Thượng Ngọc Hoàng Thai Túc Kinh, không rõ tác giả, thuộc vào Động Chân Bộ trong Đạo Tạng Kinh. Nội dung dạy về cách hít thở (danh xưng chuyên dụng trong Đạo Giáo là “*thở nạp*”) theo các vòng châu thiên trong thân thể.

*tĩnh định như hơi thở của thai nhi. Chân khí tiến nhập thân thể thì là sanh. Thần lìa khỏi hình hài thì là tử. Hiểu biết Thần và Khí thì có thể trường sanh. Vì thế, phải giữ cho cái tâm hư vô, nhằm nuôi dưỡng Thần và Khí. Thần thông suốt thì Khí sẽ thông suốt. Thần bị bế tắc thì Khí cũng bị bế tắc. Nếu muốn trường sanh, thì Thần và Khí phải tưới rót lẫn nhau. Tâm chẳng dấy động ý niệm, chẳng đến, chẳng đi, chẳng xuất, chẳng nhập. Siêng năng thực hành như thế, đây chính là đường lối của chân đạo vậy”.*

Đời Tống, Lý Doan Nguyên hỏi thiền sư Đạt Quán: “Rốt cuộc thiên đường và địa ngục là có hay không?” Sư đáp: “Chư Phật từ trong Vô mà nói Hữu, [giống như người bị mắt nhắm] mà thấy hoa đóm trên hư không. Thái Úy<sup>415</sup> từ trong Hữu tìm Vô, [giống như] lấy tay mò trăng trong nước. Nực cười thay, trước mắt thấy lao ngục mà chẳng tránh<sup>416</sup>, ngoài tâm nghe nói có thiên đường bèn muốn sanh về! Chẳng biết vui thích hay sợ hãi đều ở trong tâm, do thiện hay ác mà trở thành cảnh. Chỉ cần Thái Úy liễu giải tự tâm, tự nhiên sẽ chẳng còn mê hoặc nữa!”

---

<sup>415</sup> Lý Nguyên Doan sống vào đời Tống. Ông làm Thái Tử Thiếu Bảo thời Tống Thần Tông rồi Thái Tử Thái Bảo thời Tống Triết Tông, cho nên ở đây thiền sư Đạt Quán gọi ông là Thái Úy.

Thiền sư Đạt Quán thuộc tông Lâm Tế, có hiệu đầy đủ là Đạt Quán Đàm Dĩnh. Thoạt đầu, Sư xuất gia theo ngài Đại Dương Cảnh Huyền của tông Tào Động, nhưng đắc pháp nơi tông Lâm Tế.

<sup>416</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này có nghĩa là “do tham, sân, si chẳng đoạn, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần trước mắt, dấy khởi tình thức bèn phan duyên, nảy sanh tham, sân, si càng lừng lẫy, cho nên bị trôi buộc trong luân hồi chẳng thoát ra được, giống như bị hãm sâu trong tù ngục”.

Kẻ cầu tiên thời cổ, có tấm lòng trung như Tử Phòng (Trương Lương), có lòng hiếu thảo như Ngô Mạnh. Vương Tiến Hiền chẳng đánh mất tiết hạnh của phụ nữ, Lan Kỳ hòa thuận với anh em, Lưu Dực chịu thua thiệt, phân chia tài sản cho kẻ khác, Triệu Tố Đài giúp đỡ người nghèo, giúp người khác lo liệu ma chay, Hứa Chân Quân thí nước phù chú [để chữa bệnh], Nghiêm Quân Bình dùng điều thiện hướng dẫn người khác, Châu Bá Trì chôn cất thi hài, Lý Ngũ Lang chẳng lừa dối khi đóng gạo thóc, Trần An Thế chẳng giết hại sanh mạng loài vật, Lý Hề Tử cứu vớt những loài chim đói, Dương Kính Trục hể rảnh rang bèn tĩnh tọa, Đường Nhược Sơn tánh chẳng nóng giận. Cho đến Hoàng Vạn Hựu rất ít lỗi lầm, Cảnh Tường rất thích phóng sanh, Lưu Bình A vốn là một thầy thuốc, Ngô Mục vốn là một huyện lại, Lưu Nghiên vốn là kỹ nữ, Bào Tịnh vốn là một chủ quán, Hạ Sanh vốn là một gã đồ tể, Đinh Ước vốn là một gã lính quèn, Châu Đồn vốn là một gã trộm cướp, Lý Chánh Nguyên vốn là thợ săn. Những người ấy đều do tích lũy công hạnh mà được thành tiên.

Những người cầu thành tiên hiện thời, như ông Triều Hồi làm Tịnh Cư Thiên Chủ, ông Chương Văn Khởi làm Tư Mạng Chân Quân, Vương Tố làm Thị Lang ở Ngọc Kinh<sup>417</sup>, Lữ Hối giữ chức Tư Củ cho

---

<sup>417</sup> Theo Đạo Giáo, thiên cung nơi Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự được gọi là Ngọc Kinh. Nói đúng ra, Nguyên Thủy Thiên Tôn ngự tại Ngọc Kinh Sơn, trong đó có Ngọc Hư Cung, thuộc tầng trời Đại La, tức là ở phía trên tầng trời Tam Thanh.

Thượng Đế, Hàn Kỳ làm chủ nhân tử phủ<sup>418</sup>, Phú Bật cai quản Côn Đài<sup>419</sup>, Vương Tâu chưởng quản bánh xe sắt của Dực Thánh [Bảo Đức Chân Quân], Kim Tam làm Phong Bá (thần gió) của Hựu Thánh (Bắc Cực Chân Vũ Đại Đế), Trương Hiếu Cơ làm chủ Tung sơn, Đâu Vũ Quân làm Động Thiên Chân Nhân, cho đến Âu Dương Tu làm chủ động Thần Thanh, Vương An Quốc làm chủ cung Linh Chi, Lữ Trăn làm chủ Quần Ngọc, Thạch Diên Niên làm chủ thành Phù Dung, Trần Tĩnh giữ chức Tư Trực, Điền Thừa Quân cai quản Duy Dương (làm thành hoàng của Dương Châu). Những vị này cũng do tích lũy công hạnh mà được thành tiên. Theo như kinh sách Đạo gia ghi chép, Trung Nguyên Nhị Phẩm<sup>420</sup> ngự trong Tả Động Dương Cung, cai quản đất đai, cửu hoàng<sup>421</sup>, sơn thần, tứ duy, bát cực<sup>422</sup>,

---

<sup>418</sup> Tử phủ (紫府, động phủ màu tím) là nơi tiên ở.

<sup>419</sup> Côn Đài (崑臺): Theo Đạo Giáo, trên đỉnh núi Côn Luân có năm cái đài bằng vàng, mười hai cái lầu bằng ngọc. Những nơi ấy được gọi chung là Côn Đài.

<sup>420</sup> Trung Nguyên Nhị Phẩm chính là Địa Quan Đại Đế. Trong Đạo Giáo, có ba vị đại đế được tôn xưng là Tam Nguyên Đại Đế (Tam Quan Đại Đế) gồm Thượng Nguyên Nhất Phẩm Thiên Quan Tứ Phước Đại Đế, Trung Nguyên Nhị Phẩm Địa Quan Xá Tội Đại Đế và Hạ Nguyên Tam Phẩm Thủy Quan Giải Ách Đại Đế.

<sup>421</sup> Cửu Hoàng (九皇) thường được biết đến dưới các danh xưng như Cửu Hoàng Đại Đế, Cửu Hoàng Gia, Cửu Vương Gia v.v... Thông thường, Cửu Hoàng được hiểu là Bắc Đẩu Thất Tinh Quân (Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân) cộng với Tả Phù và Hữu Bật. Một thuyết khác cho rằng, Cửu Hoàng là Bắc Đẩu Thất Tinh Quân cộng thêm Tử Vi Đại Đế và Thiên Hoàng Đại Đế. Có thuyết lại giải thích Cửu Hoàng chính là Tam Hoàng Ngũ Đế cộng thêm Bàn Cổ. Có thuyết lại giải thích Cửu Hoàng là Bàn Cổ, Phục Hy, Thần Nông, Toại Nhân, Hoàng Đế, Chuyên Húc, Cao Tân, Thái Hạo và Thiệu Hạo. Có thuyết nói Cửu Hoàng là Thanh Huyền Đại Đế, Trường Sanh Đại Đế, Tử Vi Đại Đế, Thiên Hoàng Đại Đế, Nam Đẩu Tinh Quân, Bắc Đẩu Tinh Quân, Đông Đẩu Tinh Quân, Tây Đẩu Tinh Quân, và Trung Đẩu Tinh Quân.

thống lãnh liên thuộc (quan lại) trong giới thần tiên đến chín vạn chín ngàn chín mươi chín vạn (99.099.000) người. Những người ấy đều là những bậc có công hạnh đối với cõi đời, được hóa độ, tiến nhập [tiên giới], được bổ vào những chức vị ấy.

Lại như Hà Hy Chí do chú giải kinh Kim Cang có ích cho cõi đời, chết đi làm quan kiểm điểm lịch số cho thần Tây Nhạc. Tuy chỉ là một chức quan ở nhạc phủ, nhưng cũng là người đặc độ. Đây chính là người do làm lành mà có hy vọng được thành thần tiên vậy. Từ xưa tới nay, đã có hơn mười vạn người thành tiên, cả nhà được thành tiên thì hơn tám mươi nhà. Vì thế nói: *“Chớ bảo thần tiên không chỗ học, xưa nay bao kẻ đã đăng tiên”*. Người thời nay tu hành chẳng chân thật, bèn bảo “trong cõi đời chẳng có thần tiên”. Chuyện này giống như những kẻ ra rả “tuân theo pháp tắc của Khổng Mạnh”, nhưng không thể thực hành những giáo huấn ấy, bèn bảo “cõi đời chẳng có thánh hiền”, có nên hay chẳng?

Sách Tánh Mạng Khuê Chi<sup>423</sup> chép:

- Muốn tu trường sanh, cần phải nhận biết cái gốc của sự sanh. Muốn cầu bất tử, phải nên hiểu rõ ai là

---

<sup>422</sup> Tứ duy (四維) là bốn phương bàng, tức Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, và Tây Bắc. Bát cực (八極) là bốn phương chánh cộng thêm bốn phương bàng.

<sup>423</sup> Tánh Mạng Khuê Chi có tên gọi đầy đủ là Tánh Mạng Song Tu Vạn Thần Khuê Chi, tương truyền do Doãn Chân Nhân (tức Doãn Hỷ) biên soạn, nội dung chủ yếu là hướng dẫn cách luyện đan. Sách chủ trương luyện đan bằng cách tu dưỡng tánh và mạng, đặc biệt là tu luyện tâm tánh theo quan điểm Đạo Giáo.

người bất tử. “*Người bất tử*” chính là chân tâm vốn thường trụ của chúng ta. Cái tâm ấy linh thông, chẳng tăm tối, thường biết rõ ràng rành rành, chẳng đến, chẳng đi, bất sanh, bất diệt. Hiềm rằng người đời chẳng ngộ! Từ vô thủy đến nay, do mê mất chân tâm, cho nên phải bị luân chuyển, oan uổng vào trong các đường. Chân tâm vốn chẳng vọng, tánh trí vốn sáng suốt, mầu nhiệm, tĩnh lặng, vốn tinh ròng, do vọng chột dấy lên, bỗng dung tăm tối, đánh mất sự tinh ròng sáng suốt vốn sẵn có, chấp trước sâu đậm nơi kiến giải. Vì thế, chuyển trí thành thức, tạo thành vọng tâm nơi thân, gọi là Thức. Tâm vốn vô tri, do thức mà có tri (hay biết). Tánh vốn vô sanh, do thức mà có sanh. Chúng tử của sanh thân nầy mầm từ đó, nở hoa hữu lậu, kết quả sanh tử. Người thời nay lầm nhận trong tâm có một vật sáng ngời, linh thông, hoàn toàn có cùng một Thể với muôn vật, cho là nguyên thần ở ngay nơi đó, chẳng biết thứ như thế chính là thức thân sanh sanh tử tử, là chúng tử để luân hồi bao kiếp dài lâu! Vì thế nói: “*Người học đạo chẳng biết lẽ chân, chỉ vì từ trước đã cho rằng thần thức [chính là chân tâm]. Đó là cái gốc để sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay*”. Kẻ si gọi [thần thức] là thứ con người vốn sẵn có (chân tâm, bản lai diện mục).

Vua Dị Kiến<sup>424</sup> hỏi tôn giả Ba La Đề: “Phật là như thế nào?” Đáp: “Kiến tánh là Phật”. Vua nói: “Thầy có

---

<sup>424</sup> Vua Dị Kiến là quốc vương xứ Hương Chí ở Nam Ấn Độ. Vị này là cháu của tổ Bồ Đề Đạt Ma. Tôn giả Ba La Đề là đệ tử của tổ Bồ Đề Đạt Ma tại Ấn Độ. Do vua Dị Kiến hạ chiếu cấm dân chúng tin tưởng Phật pháp, tổ Đạt Ma đã sai tôn giả Ba La Đề đến Hương Chí khuyên can. Ngài Ba La Đề thành công xoay chuyển tà tâm của vua Dị Kiến.

kiến tánh hay chưa?” Đáp: “Ta thấy Phật Tánh”. Vua hỏi: “Tánh ở nơi đâu?” Đáp: “Tánh ở nơi tác dụng”. Hỏi: “Là tác dụng nào?” Ngài Ba La Đề liền nói kệ rằng: *“Ở thai là thân, nơi đời là người. Ở mắt là thấy, ở tai là nghe, ở mũi ngửi hương. Nơi miệng đàm luận. Nơi tay nắm bắt. Ở chân đi lại. Biến hiện bao trùm trọn khắp pháp giới, hể thâm nhiếp thì [nằm gọn] trong một vi trần. Người biết gọi là Phật Tánh, không biết bèn gọi là tinh hồn (精魂)”*.

Vì thế, đức Thế Tôn dạy mọi người trước hết hãy đoạn căn bản của vô thủy luân hồi, chính là vì ý này. Cái gốc ấy đã đoạn thì các thức chẳng có chỗ nào để nương tựa, khôi phục cái bản thể nguyên sơ chân thường của ta. Đó gọi là chân tĩnh diệu minh, rỗng rang, nhạy bén, thông triệt, rạng ngời, tồn tại duy nhất. Hể trái nghịch nó thì là phàm phu, thuận theo nó thì sẽ là thánh. Mê thì sanh tử khởi đầu, ngộ thì luân hồi chấm dứt. Muốn dứt luân hồi, không gì bằng vận dụng Chỉ và Quán. Cần phải lúc nào cũng giữ lúc thất tình chưa phát động, niệm nào cũng giữ vẹn cái Thể chưa bị nhuốm bản của tám thức. Thần quang vừa lộ, lập tức thâm hồi, chớ để cho nó chiếu bừa bãi trong khoảng sát-na. Bậc tiên nhân thời cổ nói: *“Đại đạo dạy mọi người trước hết hãy dứt niệm, ý niệm chẳng trụ cũng uổng công”*. Kinh Viên Giác dạy: *“Trong hết thấy các thời, chẳng dấy vọng niệm. Đối với các vọng tâm, cũng chẳng ngưng dứt. Trụ nơi cảnh vọng tưởng, chẳng thêm vào sự hiểu*



*biết rành rẽ. Đối với cái chẳng hiểu biết rành rẽ, chẳng biện định chân thật”.*

*Khởi Tín Luận nói: “Nếu tâm rong ruổi, tán loạn, liền thâm nhiếp, khiến cho nó trụ nơi chánh niệm. Hề niệm dấy lên bèn giác. Hề giác, nó sẽ chẳng còn nữa. Diệu môn trong tu hành chỉ nằm ở chỗ này. Hãy nên biết vọng niệm dấy từ thức căn, duyên vào cảnh mà thành vọng, chẳng thật sự có cái Thể. Khi ở nơi chúng sanh thì trí kém cỏi, thức mạnh mẽ, chỉ gọi là Thức. Lúc ở nơi địa vị Phật, trí mạnh, thức kém, nên chỉ gọi là Trí. Chỉ là thay đổi tên gọi, chẳng chuyển cái Thể. Nguồn tâm ban sơ rỗng rang, mầu nhiệm, lặng trong, do từ [tác dụng] hay biết [sẵn có trong tự tánh mà hư vọng] lập ra một cái tri kiến nữa, vọng trần bèn sanh khởi. Vì thế có vọng niệm. Nếu chẳng thấy có tri kiến, trí tánh sẽ thanh tịnh, khôi phục sự mầu nhiệm, lặng trong, ý niệm tan lãn. Một căn đã trở lại nguồn, sáu căn đều thành giải thoát. Đã không có căn, trần, lục thức, sẽ không có chủng tử luân hồi. Nhất điểm chân tâm độc lập, không nương tựa, muôn kiếp thường tồn tại, vĩnh viễn chẳng có sanh diệt”.*

*Pháp này chỉ thẳng tâm người, một điều đã giải quyết xong, trăm pháp đều thỏa đáng. Đây chính là bí quyết mầu nhiệm để thành Phật, thành tiên vậy. Muốn cầu trường sanh, hãy nên tham cứu từ chỗ này!*

*(Chánh văn) Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.*

**(正文)欲求天仙者。當立一千三百善。欲求地仙者。當立三百善。**

*(Chánh văn: Muốn cầu thành thiên tiên, hãy nên lập một ngàn ba trăm điều thiện. Muốn cầu thành địa tiên, hãy nên lập ba trăm điều thiện).*

Đoạn này nhằm tổng kết đoạn văn trước đó, nhằm nói “*làm lành chính là đường lối để thành tiên*”. “*Lập*” (立) là tích lũy. Nói một ngàn, hoặc nói ba trăm nhằm lập định số mục, kỳ hạn, quyết định ắt phải thành, chẳng sanh lòng thoái chuyển.

Thiên tiên và địa tiên sai khác là do tạo lập điều thiện nhiều hay ít sai khác. Trong thiên sách này đã tự nói, xin hãy dùng cách nói “*đầu sào trăm thước, lại tiến thêm một bước nữa*” để luận định, ngõ hầu người đã được thành tiên chẳng còn đọa lạc, một mực siêu thăng. Người chưa được thành tiên, chẳng cần phải cật nhờ chi khác, mà liền đạt được. Theo như kinh Lăng Nghiêm đã dạy, tiên có mười loại:

1) Một là do mong thân thể kiên cố, mà ăn các loại thuốc trường sanh, tức là do ăn uống [dược vật] mà được viên thành, gọi là Địa Hành Tiên.

2) Hai là người do mong kiên cố thân thể, bèn ăn thảo mộc, tức là do ăn uống dược thảo mà được viên thành, gọi là Phi Hành Tiên.

3) Ba là kẻ do mong kiên cố thân thể, mà ăn các loại kim đan, tức là do biến hóa mà viên thành, gọi là Du Hành Tiên.

4) Bốn là kẻ do mong kiên cố, mà tập luyện các động tác, tức là do Khí và Tinh mà viên thành, gọi là Không Hành Tiên.

5) Năm là kẻ do mong kiên cố cái tâm, mà gìn giữ các loại tân dịch<sup>425</sup>, tức là do thâm nhuần mà viên thành, gọi là Thiên Hành Tiên.

6) Sáu là kẻ do mong kiên cố cái tâm, mà hấp thụ tinh hoa của nhật nguyệt, tức là do hấp thụ tinh túy mà viên thành, gọi là Thông Hành Tiên.

7) Bảy là kẻ do mong kiên cố cái tâm, bèn trì chú thuật, tức là do pháp thuật mà được viên thành, gọi là Đạo Hành Tiên.

---

<sup>425</sup> Tân dịch (津液) là từ ngữ phiếm chỉ cách chất lỏng, hay chất tiết từ các tạng phủ, không kể máu và những thứ bài tiết ra ngoài (như nước tiểu, đờm rãi), chẳng hạn như dịch vị, dịch tiết từ mật, từ tụy tạng v.v..., kể cả các dịch thể nơi màng bọc các nội tạng và nước miếng đều gọi chung là Tân Dịch.

8) Tám là kẻ do mong kiên cố cái tâm, bèn trầm tư tĩnh niệm, tức là do suy tưởng, nghĩ nhớ mà viên thành thì gọi là Chiếu Hành Tiên.

9) Chín là do mong kiên cố cái tâm, mà hành phép giao cấu, tức là do cảm ứng mà viên thành, gọi là Tinh Hành Tiên.

10) Mười là do kiên cố cái tâm, mà hành các pháp biến hóa, tức là do giác ngộ mà viên thành, thì gọi là Tuyệt Hành Tiên<sup>426</sup>.

Lại nói:

- Những loại ấy đều chẳng nương vào Chánh Giác, tu tập theo những thứ vọng niệm khác, giữ tâm tưởng mong thân thể được bền vững, dạo chơi nơi núi rừng, hoặc những chỗ không ai lui tới, thọ ngàn vạn năm. Đây cũng là luân hồi, do vọng tưởng lưu chuyển. Khi báo hết, sẽ trở lại [đầu thai] vào trong các đường.

Chung Ly [Quyền] nói:

- Tiên có năm loại:

1) Một là chẳng ngộ đại đạo, chỉ mong chóng được thành tựu, tâm như tro tàn, thần thức thâm liễm vào bên trong, trong Định đã có thể xuất hồn, đến cuối cùng chỉ thành loài quỷ thanh hư, nên gọi là Quỷ Tiên.

---

<sup>426</sup> Chúng tôi dịch phần này dựa theo cách diễn giải trong Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Diệu Tâm Sớ do pháp sư Thủ Bôi biên soạn.

2) Hai là tạm ở trong loài người được nghe đại đạo, nhưng nghiệp nặng, phước nhẹ, kiên trì giữ mãi tà niệm thiên lệch, không thay đổi, dứt bỏ ngũ muội<sup>427</sup>, chẳng biết có lục khí<sup>428</sup> [để điều hòa], tuy quên mất bảy món tình cảm, chẳng biết có mười giới. Tuy hành pháp thở nạp (hít thở theo phương pháp chuyên biệt của Đạo gia) lại chê cười pháp thở nạp là sai, mê đắm cách thái âm bổ dương<sup>429</sup>, quở người thanh tịnh là ngu ngốc. Ngồi một mình nín thở, nhịn ăn, không ăn ngũ cốc, chẳng hiểu vô vi, chỉ có thể sống lâu, an lạc mà thôi. Đó gọi là Nhân Tiên.

3) Ba là phỏng theo lý thăng giáng trong trời đất, tuân theo đạo lý giao cảm của mặt trời và mặt trăng. Đối với thân thể, dựa theo năm tháng, mỗi ngày dựa theo thời khắc [để tu luyện tương ứng], hiểu biết cách phối ứng long hổ với Khảm Ly<sup>430</sup>, thâm hời Chân Nhất,

---

<sup>427</sup> Ngũ muội (五味) chính là ngũ vị (chua, đắng, ngọt, cay, mặn). Đạo gia chủ trương người tu hành đối với thức ăn chớ nên dùng ngũ vị quá nặng để giữ cho cái tâm thanh tịnh.

<sup>428</sup> Lục khí: Sáu thứ tinh hoa cần phải hô hấp theo Đạo gia, tức Xuân thực triều hà (mùa Xuân bèn hấp thụ khí của ráng trời lúc sáng sớm), Thu thực luân âm (mùa Thu bèn hấp thụ khí có màu vàng đỏ sau khi mặt trời đã lặn), Đông âm hàng giới (mùa Đông hút khí lạnh vào nửa đêm), Hạ thực chánh dương (mùa Hạ hấp thụ khí của mặt trời chánh Ngọ tại phương Nam), cùng với hai khí huyền hoàng trong trời đất mà thành lục khí.

<sup>429</sup> Thái âm bổ dương còn gọi là Phòng Trung Thuật, là một cách luyện đan chủ trương thông qua nam nữ giao phối để cân bằng Âm Dương. Họ cho rằng qua hành vi giao phối, kết hợp với những cách hít thở và vận khí theo các vòng châu thiên tương ứng, sẽ nung luyện tinh khí thành tinh hoa chuyển lên bồi bổ Nê Hoàn Cung trên não bộ.

<sup>430</sup> Đây là thuật ngữ trong cách luyện đan của Đạo Giáo, Long (龍) là Dương, Hổ (虎) là Âm. Long sanh từ quẻ Ly (離), Ly thuộc Hỏa. Hổ sanh từ quẻ Khảm (坎), Khảm thuộc Thủy. Vì thế, nói là “*hổ hướng thủy biên sanh*” (hổ sanh từ bên phía

tách biệt ngũ hành, định lục khí<sup>431</sup>, tuân theo bát quái, điền đảo cửu châu<sup>432</sup>, tam điền<sup>433</sup> đắp đổi, luyện thành đan dược, trường sanh bất tử thì gọi là Địa Tiên.

4) Bốn là kẻ đã đắc Địa Tiên bèn rèn luyện thân thể để sống mãi trong cõi đời, tích lũy thành công, siêu phàm nhập thánh, qua lại tam sơn<sup>434</sup>, gọi là Thần Tiên.

5) Năm là đã đắc thần tiên, truyền đạo trong cõi đời, có công với đạo, có đức hạnh trong nhân gian.

---

nước). Nếu hiểu theo ngoại đan thì Khảm và Ly lại còn là các loại dược vật. Khảm Nam là hồng (汞, thủy ngân), còn Ly Nữ là chì. Nếu xét theo nội đan thì Khảm Nam là âm tinh trong thân thể, còn Ly Nữ là dương khí.

<sup>431</sup> Lục Khí (六氣) ở đây phải hiểu theo nghĩa khác với đoạn trước. Lục Khí ở đây là âm, dương, gió, mưa, tối, sáng.

<sup>432</sup> Cửu châu (九州) là danh xưng của trường phái Nội Đan trong Đạo Giáo chỉ chín bộ vị trong thân thể, tức thận, bàng quang, gan, mật, tim, ruột non, phổi, ruột già, và lá lách. “Điền đảo” theo Đạo Gia nghĩa là khắc phục dục vọng, khiến cho các bộ phận tương ứng sẽ được thăng hoa. Chẳng hạn như thuận theo dục vọng nam nữ (Đạo Giáo thường nói là “ngũ hành thuận hành”) sẽ khiến cho thận bị tổn thương, sẽ đọa xuống sâu hơn. Đó gọi là “pháp giới hỏa khanh” (hầm lửa pháp giới), còn nếu khắc phục, không chế dục vọng, bồi bổ thận tạng thì gọi là “đại địa thất bảo”. Đó gọi là “ngũ hành đảo hành” (đi ngược chiều ngũ hành).

<sup>433</sup> Tam Điền (三田) là não bộ, tim và Khí Hải. Chân khí nếu tuần hoàn lần lượt theo ba chỗ ấy thì gọi là “tam điền phản phúc”. Khí Hải có thể hiểu là huyết Khí Hải, hoặc Đan Điền tùy theo từng trường phái luyện đan khác nhau. Huyết Khí Hải (氣海) nằm ngay dưới rốn một tấc rưỡi (tấc ở đây là lòng tay của người đó). Trung Y tin huyết này là cội nguồn của Khí trong thân người, có tác dụng như một cái valve điều khiển sự thăng giáng của chân khí trong cơ thể. Có sách giải thích Tam Điền thật ra là ba bộ vị Đan Điền trong cơ thể. Thượng Đan Điền chính là điểm chính giữa hai mày, Trung Đan Điền tức là chỗ lõm ngay giữa ngực (ta thường gọi là “chân thủy”, ngay trên hoành cách mô), Hạ Đan Điền thì phức tạp hơn, vì cả bốn huyết Âm Giao, Khí Hải, Thạch Môn và Quan Nguyên đều có thể gọi là Đan Điền.

<sup>434</sup> Tam sơn là ba hòn đảo trên biển nơi chư tiên ở, tức Phương Trượng, Bồng Lai và Doanh Châu.

Công hạnh tròn đủ, siêu thắng Động Thiên<sup>435</sup>, nhưng lại nhập trong cảnh hư vô tự nhiên thì gọi là Thiên Tiên.

Đáp lời hỏi về đại đạo bèn nói:

- Trong muôn vật, linh quý nhất là con người. Nếu có thể thấu hiểu tận cùng đạo lý trong muôn vật, thấu hiểu tột cùng tánh của chính mình, cùng lý tận tánh. Cho đến đối với mạng bèn bảo toàn sanh mạng sao cho hợp với đạo, tự nhiên sẽ kiên cố bằng với trời đất, tồn tại lâu dài giống như vậy. Như vậy thì gọi là Chánh Giác, hoặc gọi là Đại Đạo.

“*Quả*” là vật gì vậy? Nói chung, ắt mong nhận biết, giữ lấy tự tâm, chẳng rơi vào tri giải nơi tình kiến. Chẳng nghe ngài Tăng Na<sup>436</sup> đã nói hay sao? Ngài Tăng Na nói: “*Muốn hiểu tự tâm thì chỉ cần trong cuộc sống hằng ngày, đi, đứng, ngồi, nằm, thường tự suy xét sâu xa, [khi chính mình] gặp sắc hay gặp thanh, lúc còn chưa dấy lên sự giác quán, tâm ở chỗ nào? Là có tâm, hay không có tâm? Đã chẳng rơi vào chỗ Có hay Không, tự nhiên tâm châu riêng chiếu sáng ngời, thường soi thế gian*”. Đây chính là Chánh Giác, đây chính là đại đạo, chẳng cách biệt chùng bằng mảy trần, trong một sát-na, đoạn trừ tướng tương tục. Do vậy, Lữ Tổ vì không học thuật luyện kim mà siêu thoát cõi đời. Lại do nghe nói “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy

---

<sup>435</sup> Động Thiên (洞天) là danh xưng chung chỉ những ngọn núi đẹp trên mặt đất, là chỗ cư ngụ của thần tiên. Họ tin rằng trên quả địa cầu này có mười chỗ lớn (thập đại động thiên) và ba mươi sáu tiểu động thiên, bảy mươi hai chỗ phước địa.

<sup>436</sup> Tăng Na là một trong các vị đệ tử của Nhị Tổ Huệ Khả trong Thiền Tông.

nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), trong lòng mới rỗng rang. Về sau, do gặp thiền sư Hoàng Long, [Lữ Tổ] mới được ấn chứng.

Tôn Chân Nhân (Tôn Tư Mạo) đã dốc trọn tâm y nơi sách thuốc, bèn được siêu thoát cõi đời. Ông lại thường đến thưa hỏi luật sư Đạo Tuyên nhà Đường. Về sau, [Tôn Chân Nhân] đến Thành Đô, lại nghe một vị Tăng hành cước vô danh giảng giải phẩm Đa Bảo Tháp [trong kinh Pháp Hoa] mới chứng chân. Đây chính là *“đầu sào trăm thước, tiến thêm một bước nữa”*. Nếu như tạo lập điều thiện, dầu chẳng cầu thành tiên, cũng là tự thường hằng, há có số lượng ư?

Đời Hán, Chung Ly Quyền truyền thuật luyện đan cho Lữ Tổ Thuần Dương, điểm sắt thành vàng có thể cứu đời. Lữ Tổ hỏi: “Rốt cuộc [sắt đã biến thành vàng ấy] có biến đổi hay không?” Ông Chung nói: “Năm trăm năm sau, nó sẽ trở lại thực chất”. Lữ Tổ suy nghĩ, thưa: “Như vậy thì sẽ có hại cho người năm trăm năm sau, con chẳng muốn học”. Chung Ly Quyền khen ngợi: “Tu tiên thì phải tích lũy ba ngàn hạnh, tám trăm công. Do một lời này của ngươi, ba ngàn tám trăm [công hạnh] đã tròn đủ”.

Lại như Vạn Thiện Đồng Quy Tập chép:

- Vạn thiện là tư lương để Bồ Tát nhập đạo. Các hạnh chính là thêm bậc trợ đạo của chư Phật. Nếu có mất mà chẳng có chân, há đến được chốn thanh lương? Đắc Thật mà quên Quyền, làm sao về quê hương tự tại



cho được? Đây là Chân Không và Diệu Hữu luôn cùng thành tựu lẫn nhau. Mây giăng cửa Từ, sóng trào biển hạnh.

Nhìn từ chỗ này, sẽ biết Phật và Tiên nhất quán, đều cùng chú trọng dạy con người hành thiện lập công. Vì thế, tuy khác tên với Nho mà thật sự là tương đồng. Nương theo cách tham cứu khác nhau, nhưng đều quy về một. Do vì chia thành các phái để tìm cầu cội nguồn mà lập thành ba. Do vì đã chia thành các môn, [chúng sanh bèn] chấp vào hình tướng. Nay khuyên người đời, hãy nên tham cứu sâu xa lý này, đừng sanh phân biệt, chỉ nên lập công hành thiện, thì cầu Nho, cầu Phật, cầu tiên đều từ nơi đây, muôn phần chẳng sai sót tí nào!

*(Chánh văn) Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bối lý nhi hành.*

**(正文)苟或非義而動。背理而行。**

*(Chánh văn: Nếu có kẻ dấy lòng phi nghĩa, làm chuyện trái nghịch đạo lý).*

Từ chỗ này cho tới câu “*tử diệc cập chi*” (cho đến cũng phải chết), nói cặn kẽ về chuyện do làm ác mà chuốc họa. Hai câu [trên đây] chính là đề cương nhằm nêu khái quát, hoàn toàn tương phản với hai câu “*thị*

đạo tắc tấn” (hợp đạo thì tiến). “Động” (動) là mạnh mẽ trong tâm, “hành” (行) là thể hiện thành sự. Trước hết, Thái Thượng nói hai câu này nhằm dạy con người: Hễ bắt đầu khởi tâm động niệm, thốt lời, làm việc, phải suy nghĩ, thâm định căn kẽ, ý nói: Phải dè dặt, chớ nên trái vượt vậy.

Cổ nhân nói: “Tình cảm của con người giống như nước. Quy củ, lễ pháp là đê đập. Đê đập chẳng vững vàng, ắt sẽ đến nỗi nước xoáy vỡ đê, lũ lụt. Nếu tình cảm của con người chẳng được chế ngự, sẽ buông lung, rối loạn, chẳng có kỷ cương. Vì thế, trừ khử tình chấp, dứt vọng, ngăn ác, dứt tà, chớ nên quên mất quy củ đâu trong một hơi thở”.

Lại nói:

- Tuấn mã ruổi chạy mà chẳng dám chạy bừa là do có hàm thiếc chế ngự. Tiểu nhân ngang ngược, nhưng chẳng dám buông lung [làm càn] là do có hình pháp không chế. Tuy ý thức buông lung, chẳng dám phạm dục, là do công năng của giác chiếu. Vì thế, học nhân mà chẳng có giác chiếu, sẽ như ngựa khỏe chẳng có hàm thiếc, tiểu nhân chẳng có hình pháp, dùng điều gì để đoạn tuyệt tham dục, đối trị vọng tưởng đây?

Tác Tĩnh Hư hiểu học, chẳng vâng theo lời mời mọc của quan đứng đầu châu quận. Thái Thú là Âm Đàm đã từng đến chỗ ông ta, [đôi bên đàm luận] suốt ngày, quên cả về. Khi quay về, [Thái Thú] than thở:

“Sự dư dật [theo như quan niệm] của người đời chẳng phải là sự phú quý trong tánh. [Sự phú quý trong thế gian chỉ là đối ứng với] mắt ưa năm sắc, tai chuộng âm thanh. Tiên sinh vứt bỏ những thứ mà mọi người thân thiết để tiếp thu những gì người ta chê bỏ. Tuy thân sống trong cõi trần tục, mà tâm ngự nơi nghĩa lý. Há có thể dùng vật ở bên ngoài và những cảnh ngộ bên ngoài để lay động cái tâm ấy hay sao?”

Do ông Tác đã thấy nghĩa lý chuyên ròng, nhuần nhuyễn; vì thế, vâng giữ, tuân theo, xuất phát tự nhiên. Người hiện thời dấy lên ý niệm, cư xử phi nghĩa nghịch lý, làm sao có thể noi theo điều này cho được?

*(Chánh văn) Dĩ ác vi năng.*

**(正文)以惡為能。**

*(Chánh văn: Cõi chuyện làm ác là tài năng).*

Câu này chuyên nói về nhân sự (mối liên hệ giữa con người với nhau). Tánh con người vốn lành; thế mà lại coi làm ác là tài năng, tức là đã đánh mất bản thể của tánh thiện vậy. Ngu ý cho rằng, bốn chữ ấy (“*dĩ ác vi năng*”) chính là cội gốc khiến cho kẻ ác dù to hay nhỏ bị mắc bệnh (chuốc lấy phiền não) trong ngàn đời vạn kiếp vậy! Vì thế, xếp điều này đứng đầu các sự ác.

Con người tuy cực ngu, chẳng có kẻ nào cam lòng làm người ác, nhưng cũng chẳng có ai không muốn là bậc tài năng. Chỉ vì hiểu lầm chữ Năng (能, tài năng), cho nên càng làm càng trật; đó là cái gốc khởi đầu vậy. Nói “người tài năng thì hữu dụng, kẻ chẳng có khả năng thì vô dụng. Người tài năng sẽ có kẻ khác kiêng sợ, kẻ không có tài năng sẽ bị người khác khinh rẻ, bắt nạt”, [quan niệm sai lầm ấy] kéo dài đã lâu, dù cũng tự biết đây là ác, nhưng vẫn nghiêm nhiên làm kẻ ác, chẳng kiêng dè, lại còn che đậy bằng những danh xưng đẹp đẽ!

Tham là cậy thế lấn hiếp, đàn áp, coi chuyện chiếm được nhiều tài vật của người khác là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “*trí mưu*” (mưu trí). Kẻ tàn độc coi chuyện cường bạo, ngang ngược, vô lại, giáo quyết, xảo trá hãm hại kẻ khác là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “*lạt thủ*” (辣手, thủ đoạn sâu cay). Kẻ dâm đảng coi chuyện phóng túng gian dâm, giả vờ hào hoa để quyến rũ kẻ khác, dụ dỗ vợ con của kẻ khác là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “*phong lưu*”. Kẻ nịnh bợ dùng chuyện đón ý, thốt lời ve vuốt để lừa gạt là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “*lanh lợi*”. Kẻ sàm báng coi việc dựng chuyện, đặt điều là tài năng, lại gọi hoa mỹ “*khéo ăn nói*”. Những chuyện giống như thế chẳng thể thuật trọn! Đua khôn tranh khéo, coi đó là chuyện hơn người, kẻ hư ngụy noi theo thói đó, chẳng ngờ chi. Kẻ khác nghe thấy [những trò xấu ác đó], lại quen coi đây là những giai thoại. Vì thế, đôi khi có một, hai người chẳng có trí mưu, chẳng

có thủ đoạn độc ác, chẳng phong lưu, chẳng lành lợi, chẳng có tài ăn nói, không có ai chẳng bị [kẻ khác] cười chê là thứ bất tài trong cõi đời, là thứ đồ bỏ chẳng hợp thời vậy! Cho đến khi chuyện đã qua rồi, báo ứng xảy đến, đóng nắp quan tài rồi mới luận định [công và tội], kẻ “*tài năng*” như thế nhiều lắm, nay còn lại chi?

Than ôi! Khuyên khắp người đời, chẳng thà tạm khuất mình là phường bất tài, làm thứ đồ bỏ, để đồ công dốc sức hướng thượng đến cùng. Như thế thì sẽ bình đạm, nhưng đầy ý vị, sẽ là bình ổn, chẳng thất bại vậy. Nếu chẳng tin điều này, xin hãy xem những vị thiện nhân trong cõi đời, có ai mà chẳng được trời chở che, chẳng được người khác kính trọng hay chẳng? Còn như những kẻ ác có đứa nào chẳng bị trời phạt, người ghét hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Hết thấy kẻ ác trong thế gian chết đọa vào địa ngục. Trong địa ngục, có một vị chủ nhân, Ngưu Đầu A Bàn, tánh tình hung ác, chẳng có lòng từ bi, nhẫn nại. Thấy các chúng sanh chịu đựng ác báo, chỉ lo họ không khổ, chỉ lo chẳng tàn độc. Nếu hỏi ngục tốt: “Chúng sanh chịu khổ, đáng nghĩ thương xót sâu xa, thế mà người thường ôm lòng tàn khốc, độc ác, chẳng có tâm từ mẫn?” Ngục tốt đáp rằng: “Những kẻ tội ác như thế, chịu các nỗi khổ đều là do bất hiếu với cha mẹ, hủy báng Tam Bảo, nhục mạ người thân, họ hàng, khinh mạn sư trưởng, vu cáo, hãm hại người lương thiện, giết

hại chúng sanh, tạo các ác nghiệp. Hạng người như thế đến đây hứng chịu nỗi khổ. Thường là cho đến ngày họ được siêu thoát, [chúng tôi] thường luôn khuyên răn, dẫn dụ: ‘Nỗi khổ cùng cực ở nơi đây chẳng thể chịu đựng nổi! Người nay được thoát ra, chớ làm ác nữa’. Nhưng những tội nhân ấy vẫn chẳng cải hối, hôm nay được thoát ra, mấy chốc đã quay lại, xoay vần luân hồi, chẳng biết thống khổ. Do vì chuyện này, đối với tội nhân, tôi chẳng có từ tâm”.

Do vậy biết kẻ làm ác nhất định đọa địa ngục. Như nay đã được sống trong cõi đời chừng khoảng sát-na, hãy nên tận lực thi hành nhân từ, rộng tu các điều lành, tiêu trừ tam chướng, thanh tịnh sáu căn, niệm Phật, trì trai, tham Thiền, học đạo, vượt thoát tam giới, xa lìa tứ sanh, đừng buông lung theo tham, sân, si, mà hành giết, trộm, dâm. Đã tạo những ác nghiệp ấy, sẽ hứng chịu ác quả. Lời Phật chẳng dối, mọi người hãy nên tin chắc.

Đời Đường, Ngưu Tư Huyền hết sức thông minh, nhạy bén. Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên) muốn chế tạo một cái rương để cho kẻ khác [có thể viết giấy bỏ vào đó nhằm] tố cáo những chuyện thầm kín của kẻ khác. Không người thợ nào chế tạo được, Tư Huyền chế tạo cái rương hết sức vừa ý bà ta. Do vậy, có người bỏ vào cái rương ấy lời tố cáo Ngưu Tư Huyền rằng: “Tại Dương Châu, Tư Huyền đã vì Từ Kính Nghiệp chế tạo một loại đao luân dùng để xung trận có thể sát thương rất nhiều quan quân”. Tư Huyền liền bị Vũ Hậu giết chết.

Đời Đường, Từ Kính Nghiệp dấy binh [với chiêu bài “khôi phục nhà Đường, lật đổ Vũ Hậu”]. Vũ Hậu lo lắng, muốn bắt bớ dữ dội để trừ khử những kẻ khác ý. Có gã Tác Nguyên Lễ dò đoán ý chỉ, bèn dâng thư tâu rằng: “[Nước nhà] đang gặp cảnh biến loạn khẩn cấp”. Vũ Hậu vội đến hỏi chuyện, [rất vừa ý], bèn phong cho hấn chức Du Kích Tướng Quân, kiêm chức thôi sứ<sup>437</sup>, trông coi hình ngục thuộc Lạc Châu Mục Viện<sup>438</sup>. Hấn nuôi mấy trăm đứa vô lại. Hễ muốn hãm hại ai, bèn sai bọn chúng cùng nhau tố cáo ở mấy nơi. Lời tố cáo đều giống hệt như nhau. [Kẻ bị hại] đã bị hạ ngục, hấn bèn dùng cực hình uy hiếp, không ai chẳng tự buộc tội, nhận tội. Hễ hấn thăm vấn tù nhân, ắt sẽ truy vấn ráo riết đến cùng, khiến cho mấy trăm người bị liên lụy! Về sau, do hấn ăn hối lộ, bị bắt đưa ra xử. Hấn chẳng nhận tội, nha lại nói: “Mang cái lòng sắt của ông đến đây”. Nguyên Lễ bèn nhận tội, chết trong ngục.

Cùng một thời, lại có gã Châu Hưng, tánh tình tàn khốc, cùng phe đảng với bọn Tác Nguyên Lễ. Có người tố cáo Châu Hưng mưu toan phản nghịch, Thái Hậu tức giận, sai Lai Tuấn Thần tra xét. Khi ấy, Tuấn Thần cùng Châu Hưng thăm phán. Tuấn Thần bảo Châu

---

<sup>437</sup> Thôi sứ (推使): Theo quy chế đời Đường, dưới các chức vụ Tiết Độ Sứ và Quan Sát Sứ, sẽ có chức thôi quan (hoặc gọi là thôi sứ), chịu trách nhiệm thăm vấn, phán án, chương quản nhà tù.

<sup>438</sup> Lạc Châu nay là thành phố Lạc Dương thuộc tỉnh Hà Nam. Tại mỗi châu có các quan đứng đầu, quan đứng đầu được gọi chung là châu mục. Cơ cấu quan lại ở mỗi địa phương bao gồm ba cơ quan: Đứng đầu Đài Viện là quan Thị Ngự Sử, đứng đầu Điện Viện là quan Thị Trung Ngự Sử, và đứng đầu Sát Viện là Giám Sát Ngự Sử. Sát Viện trông coi về tư pháp.

Hung: “Tù nhân phần lớn chẳng nhận tội, làm thế nào đây?” Châu Hưng nói: “Dễ mà! Lấy một cái chum to, dùng than lửa nung nóng bốn phía, bỏ tù nhân vào trong đó. Chuyện gì mà nó chẳng thừa nhận!” Tuấn Thần sai đốt than nung chum to, đúng như cách Châu Hưng đã nói, bảo Châu Hưng: “Tôi tuân theo mệnh lệnh của triều đình thăm vấn anh, mời anh bước vào cái chum này!” Châu Hưng kinh hoảng, nhận tội, bị đày đi Lãnh Nam, bị cừu gia tranh nhau giết chết.

Thời Tống Huy Tông, Tống Thăng vào thời đầu niên hiệu Chánh Hòa, giữ chức Chuyển Vận Sứ<sup>439</sup> tại Kinh Tây, chuyên phụ trách tu sửa [các công trình] thuộc phía Tây hoàng cung. Hần đã từng bảo [cấp dưới]: “Hãy nhanh chóng hoàn thành công việc này, sẽ ngay lập tức được thưởng”. Hần thường dùng xương trâu bò [đốt thành tro] hòa với tro [để làm vữa trát tường]. [Xương trâu bò] chẳng đủ, bèn cho đào xương người từ các nghĩa địa thí<sup>440</sup>, đốt thành tro để thay thế. Khi ấy, quan Vận Phán (Chuyển Vận Phán Quan) là Tôn Huống can ngăn, nhưng Tống Thăng không nghe. Tôn Huống bèn viện cớ bệnh tật, xin từ chức. Tống Thăng do có công [hoàn thành nhanh chóng công trình

---

<sup>439</sup> Chuyển Vận Sứ là chức quan giám sát việc vận chuyển lương thực, hàng hóa. Kinh Tây là các địa phương ở phía Tây kinh đô Lạc Dương. Về sau, lại lập Chu Đạo Chuyển Vận Sứ để trông coi việc vận chuyển lương thực, hàng hóa ở các tỉnh. Đến đời Đường Đại Tông, lại lập ra chức Diêm Thiết Sứ để chuyên trông coi, đánh thuế việc chuyển vận muối và sắt.

<sup>440</sup> Nguyên văn là “*lậu trạch*” tức “*lậu trạch viên*” (漏澤園). Thời cổ, những nghĩa địa do chính quyền lập ra để chôn cất những thi hài vô chủ hoặc thi thể của những kẻ quá nghèo khổ đến nỗi người nhà không có tiền bạc để chôn cất. Những nơi ấy đều được gọi chung là “*lậu trạch viên*”.



ấy], được thăng làm Học Sĩ, được vua sắc phong làm Điện Trung Giám. Hắn bỗng bị bệnh ngặt nghèo, tự nói: “Tội ác đốt xương, sẽ bị diệt môn”. Hắn học máu mà chết. Không lâu sau, cả nhà hắn chết sạch. Về sau, Tôn Huồng bị bệnh chết đi, tới cõi âm, thấy Tống Thăng ở trên giường sắt, cột đồng, máu đầm đìa khắp thân. Lại tới một ngôi điện, quan cõi âm bảo: “Ông khuyển mà hắn chẳng nghe, bèn bỏ quan quay về, đúng là người có lòng, sẽ được tăng thọ mười hai năm”. Do vậy, được sống lại, kể với người khác chuyện ấy.

Ôi! Trong thiên hạ, điều thê thảm nhất không gì bằng cả họ tuyệt diệt! Tống Thăng do ý niệm tham cầu được thưởng bèn mắc nỗi khổ ấy! Cổ nhân nói: *“Ác do tham dấy lên, tham là cội gốc của ác. Cách để trị ác cốt yếu là trừ tham”*, đúng lắm thay! Còn như những kẻ khác cứ nghĩ làm ác là tài năng chẳng thể nêu trợn. Hơn nữa, nỡ lòng nào chép trợn, mọi người hãy từ những chuyện này mà phản tỉnh!

Trung Giới Kinh<sup>441</sup> chép:

- Nếu kẻ nào làm một điều ác, ý sẽ chẳng an định. Làm mười điều ác, khí lực hư nhược. Làm hai mươi điều ác, sẽ trắc trở, suy bại, hao tán. Hễ xử sự trái lẽ, làm năm mươi điều ác, sẽ trợn chẳng có người phối ngẫu. Cho đến trăm điều ác, sẽ bị tai họa nước lửa, bị dính dáng vào những tai họa ngang trái, kỳ quái, bị

---

<sup>441</sup> Bộ kinh này có tên là Xích Tùng Tử Trung Giới Kinh, thuộc phần Động Chân Bộ, đánh số 78 trong Đạo Tạng (Đại Tạng Kinh của Đạo Giáo).

hành hình chết thảm. Làm năm trăm điều ác, con cháu tuyệt tự. Làm một ngàn điều ác, sẽ sanh ra đứa phản thần nghịch tử, khiến cả họ bị diệt tộc. Con cháu đời đời thay đổi hình thể, sanh làm loài cầm thú”. Phạm kẻ chắt chứa điều ác ngập tràn, sẽ họa hại đến đời sau, chính mình đọa vào địa ngục. Đây vẫn là còn nhẹ lắm! Đối với lời giáo huấn này, mọi người hãy thời thời khắc khắc nghĩ nhớ thì sẽ tự chẳng làm ác.

*(Chánh văn) Nhẫn tác tàn hại.*

**(正文)忍作殘害。**

*(Chánh văn: Nhẫn tâm làm chuyện tàn ác, độc hại).*

Câu này chuyên nói về sanh mạng của muôn vật. Đại đức là Sanh, thế mà nhẫn tâm làm chuyện tàn hại. Tàn nhẫn gây tổn thương, ác độc làm hại chính là sự ác to lớn tội bậc, xuất phát từ lòng tàn nhẫn, mặc tình buông thả, chẳng có mảy may tâm trắc ẩn, thương xót. Các điều thiện vốn xuất phát từ lòng nhân từ, các điều ác vốn do lòng tàn nhẫn. Trừ bỏ lòng tàn nhẫn, thuận theo lòng Từ, công phu để thành thánh, thành hiền, thành Phật, thành tiên ở ngay nơi đó.

Tham sống, sợ chết, yêu thương người thân, quyền luyến chôn cũ, biết đau đớn, cảm thấy khổ sở, loài vật giống hệt như con người. Nhưng con người có trí, loài vật vô trí. Người có thể nói, loài vật chẳng nói được. Con người có sức mạnh, loài vật sức yếu. Người hiện thời nấu một bữa ăn, không chỉ giết một con vật. Nếu dùng bồ câu, chim ngói, chim cú, chim sẻ, phải giết mười mấy mạng để được một nồi canh. Nếu dùng trai, sò, tôm, hến, [để nấu] một nồi canh, ắt giết hơn trăm mạng! Lại có kẻ do thích vị ngon, cầu thỏa ý, bèn tìm tòi những món ngon vật lạ từ chốn xa xôi, hoặc chuẩn bị các loài vật để chờ nấu nướng, hoặc đem cua còn sống nhả ngâm vào hèm rượu [để làm cua muối], nuôi cá để làm chả, chất than nướng sống, chọc tiết uống máu tươi, mổ bụng [con vật] lấy bào thai, lột da, bóc mai, trăm kiểu đun nấu, ngàn cách chế biến. Ăn no kênh bụng bèn vênh váo đắc ý; hơi chậm trễ bèn cáu kỉnh, chửi bới kẻ nấu nướng. Suy nghĩ sâu xa, thống thiết, sẽ [cảm thấy] rất kinh sợ. Kinh dạy: “*Nhất thiết úy đao trượng, vô bất ái thọ mạng*” (Hết thấy đều sợ đao trượng, không loài nào chẳng yêu quý thọ mạng). Vì thế, Vương Khắc giết dê, dê vùng chạy đến chỗ khách sụp lạy cầu cứu<sup>442</sup>. Trâu Sanh xẻ thịt con nai,

---

<sup>442</sup> Đây là một câu chuyện trích từ sách Nhan Thị Gia Huấn, phần Quy Tâm. Theo đó, Vương Khắc làm Quận Thủ (quan đứng đầu) Vĩnh Quận. Có lần đãi tiệc, mời khách đến nhà. Dê vừa được cỡi trời, bèn chạy tới quỳ trước một vị khách, lại khấu đầu hai lần. Sau đó núp dưới vạt áo của vị khách ấy. Vị khách hoàn toàn chẳng nói gì, cũng chẳng xin Quận Thủ tha cho con dê. Một lát sau, con dê ấy bị lôi ra giết, nấu thành món canh đãi khách. Vị khách nếm món canh ấy, vừa nuốt xuống, bỗng cảm thấy toàn thân đau đớn không chịu nổi, thét lên be be như tiếng dê rồi ngã lăn ra chết tươi!

[khi sắp bị giết], nai quỳ sụp, khóc thất thanh<sup>443</sup>. Con chim kinh hãi sa mình xuống bàn, cầu vua nước Ngụy cứu mạng. Con thú cùng đường chạy tuôn vào lều mong họ Khu cứu sống. Lại như quan Nội Hàn họ Trầm làm Thông Phán<sup>444</sup> ở Giang Ninh, giết dê trong bếp, nhiều lượt bị mất đao. Rình xem, thấy dê ngậm đao giấu dưới chân tường. Dương Kiệt lúc làm Đề Hình<sup>445</sup>, đến chơi núi A Dục Vương. Ngủ trưa nằm mộng thấy hơn trăm người đàn bà dường như có điều muốn bẩm báo. Ông bèn ngậm xuống bếp dã chiến<sup>446</sup> tìm xem, mới biết những con sò cầu xin được sống. Hễ có sanh mạng bèn yêu luyến, có tình chấp như thế đó. Huống hồ khi chúng bị bắt, chẳng có chỗ nào trốn khỏi cái chết, đoái nhìn đồng loại, lưu luyến mà chẳng [làm cách nào khác] được. Kêu ai oán khi bị hành hình, ôm

---

<sup>443</sup> Chuyện này được chép trong quyển sáu mươi tư của bộ Pháp Uyển Châu Lâm. Trâu Văn Lập làm nghề đồ tể, kiêm đầu bếp. Ông ta vốn tính giết con nai, con nai ấy quỳ gồi khóc rống. Tuy nghĩ là điềm chẳng lành, Trâu Văn Lập vẫn giết chết nó, xẻ thịt rồi mới biết con nai ấy đang mang thai. Sau đấy, Trâu Văn Lập rụng sạch râu lẫn lông mày, toàn thân ghẻ lở trị mãi không lành. Ông ta hổ thẹn, hối trách sâu xa, bèn cầu thiên sư Đạo Độ chứng minh để ông ta phát lộ sám hối. Lại còn bỏ hết tài sản để mua đất, dựng một ngôi chùa thờ Phật, tức chùa Tiểu Trang Nghiêm tại làng Định Âm ở Nam Kinh. Chuyện xảy ra vào năm Thiên Giám thứ sáu đời Lương.

<sup>444</sup> Ông này tên là Trầm Cầu, xuất thân từ chức quan Hàn Lâm nên gọi là Trầm Nội Hàn. Thông Phán (通判) là chức quan được đặt từ đời Hán, làm phó cho quan tri châu hoặc tri phủ. Tuy danh nghĩa là phụ tá cho tri phủ, tri châu, nhưng thật ra là để chia bớt quyền hành và giám sát quan phủ. Vì thế, còn gọi là Giám Châu (監州). Giang Ninh chính là tên gọi khác của Nam Kinh vào đời Tống.

<sup>445</sup> Đề Hình (提刑) là một chức quan đời Tống, chương quản nhà giam và phụ trách vấn đề tư pháp. Lại còn kiêm nhiệm quản trị nông nghiệp trong một phủ.

<sup>446</sup> Nguyên văn là Hành Trù (行廚), tức là bếp tạm thời để nấu nướng trong khi du ngoạn.

nổi bi thương mà chết. Đã bị cắt xẻ, lại vào chảo, vạc, đủ mọi nỗi đau khổ thấu tận xương tủy. Tình trạng trong lúc ấy, khác nào con người? Người hiện thời ngẫu nhiên bị tổn thương bởi nước sôi, lửa đao, kim đâm, ắt gào thét cầu cứu. Đầu vầng, mắt nhức trong chốc lát, đã gọi bác sĩ, mua thuốc, yêu tiếc bản thân đường ấy, sao lại riêng đối với loài vật bèn chẳng sanh lòng thương xót, mặc tình tàn hại, kết oán, tạo nghiệp. Than ôi! Trong các điều ác, chỉ có chuyện này là thâm nhất, Phật, tiên khuyên răn, đạo trời tuần hoàn. Hãy nên gấp đặt mình trong hoàn cảnh ấy, sẽ ngay lập tức mạnh mẽ tỉnh ngộ. Do vì các hạng mục [những loài vật] chó nên giết sẽ được nói đầy đủ trong phần sau, cúi xin những bậc quân tử có lòng nhân hãy hành theo đó!

Ngày ta được sanh ra, chính là ngày mẹ mắc nạn. Cha mẹ còn sống, cố nhiên là giữ tâm trong sạch, độc trọn lòng kính. Cha mẹ đã khuất, càng nên ăn chay, đau xót. Há nên vì thỏa thích bụng miệng mà giết chóc các loài ư? Do vậy, ngày sinh nhật chó nên sát sanh!

Người đời hễ không có con bèn đau buồn, có con bèn vui sướng. Nay để mừng sanh con, bèn khiến cho con kẻ khác phải chết. Hơn nữa, trẻ thơ mới sanh ra, chẳng cầu [cho nó] trường thọ, lại ngược ngạo tạo nghiệp ư? Vì thế, sanh con chó nên sát sanh!

Tang ma thì lấy đau buồn làm điều chánh yếu. Giết chóc là tội đứng đầu, bày cỗ bàn thịnh soạn trước linh vị người đã khuất, chỉ để cho người sống no say.

Xếp cỗ cúng xa xỉ trước quan tài, càng tăng thêm oán nghiệp. Vì thế, tang sự chẳng thể sát sanh!

Cúng tế vào dịp Xuân Thu, hoặc ngày giỗ cúng quải tổ tiên, vốn là con cháu dốc cạn lòng thành, chỉ nên phóng sanh hồng tiêu tội trước [của tổ tiên], há nên giết hại để tạo thêm nỗi ương họa mới nữa ư? Vì thế, giỗ chạp chẳng thể sát sanh!

Người bị bệnh tật liền sát sanh cúng thần cầu phước, chẳng biết chính mình muốn cầu được sống, lại ngược ngạo giết mạng kẻ khác để mạng ta được sống! Nếu thần có linh, há đến hưởng [cỗ cúng] hay sao? Vì thế, cầu đảo chẳng thể sát sanh!

Bình đẳng là Phật, chánh trực là thần, trọn chẳng có chuyện do được hồi lộ mà giáng phước. Người thời nay hễ cầu khẩn, bèn hứa nguyện giết chóc. Đó gọi là ác nguyện. Dầu được thỏa lòng, [sẽ mắc phải] quả báo hung hiểm về sau! Vì thế, hứa nguyện chớ nên sát sanh!

Vợ chồng kết hôn nhằm nối tiếp dòng dõi muôn đời, là cội nguồn của đời đời. Dòng họ nương nhờ vào đây, nay bèn dốc lòng giết chóc, gieo cái nhân ác [khiến cừu nhân] truy tìm báo cừ. Đây chính là tụ tập cơ duyên giết chóc trong chốn khuê môn. Vì thế, kết hôn chẳng thể sát sanh!

Chủ khách chén anh chén chú, chẳng nghe tiếng gào ai oán trên thớt. Tiệc tùng cười nói vang nhà, nào

có thấy nổi khổ sở trong nôi? Vì thế, đôi với ý nghĩa “*dùng hai cái chén<sup>447</sup> đựng ngũ cốc, rau dưa để cúng bái*” hãy nên phỏng theo. Do vậy, đãi đằng khách khứa, chớ nên sát sanh!

Trời cao chẳng sanh kẻ nào không có lộc. Nếu có một tài, một nghề, đều có thể có của ăn, của để; sao lại khổ sở vung dao, thọc dao vậy? Đã thế, càng giết, càng nghèo túng. Vì thế, chớ nên kiếm sống bằng cách sát sanh!

Cắt xẻ cầm thú để béo thân mình, làm sao phân định giữa người linh thông và phường xuân ngọc? Nấu máu thịt để lèn đầy ruột gan, điên đảo quá mức! Huống hồ mỡ béo dễ hết, oán nghiệp vẫn còn ư? Do vậy, để phụng dưỡng, chớ nên sát sanh!

Giết một mạng để một mạng được sống, kẻ có lòng nhân chẳng làm. Huống hồ đôi với chuyện định đoạt sanh tử, chưa chắc đã có thể sống ư? Hại loài vật để chữa bệnh, chỉ tăng thêm oán gia sau khi đã chết. Vì thế, dùng thuốc chẳng thể sát sanh!

---

<sup>447</sup> Nguyên văn là Quỹ (簋) là một dụng cụ hình tròn, có chân bằng tròn, có hai quai, giống như hình thức lư hương để tròn hiện thời. Đôi khi Quỹ có quai hình mặt thú ở hai bên, thường làm bằng đồng xanh dày nặng. Thông thường, Quỹ có thêm hai chân phụ ngoài để tròn chính giữa, có nắp đậy. “Quỹ” chuyên dùng để đựng đồ cúng. Quỹ thường phối hợp với Đỉnh là loại đồ đựng cao, có chân nhọn, không có đế tròn. Theo cổ lễ, số lượng quỹ và đỉnh trong một buổi cúng tế bị hạn chế nghiêm ngặt. Chỉ có thiên tử mới được dùng chín đỉnh tám quỹ trong cỗ bàn cúng tế tổ tiên. Dân chúng chỉ được dùng tối đa là ba đỉnh hai quỹ! Về sau, Quỹ chỉ được hiểu thông dụng là tô chén để đựng đồ cúng mà thôi.

Người bệnh cầu được an lành, cũng giống như loài vật ghét bị giết chóc. Người thời nay nói “sanh mạng loài vật khó thể kéo dài, theo đúng lẽ, đáng nên bị mổ xẻ, nấu nướng”, cũng giống như nói: “Kẻ bị bệnh tàn phế thấy đều đáng đem giết sạch” đó ư? Vì thế, dưỡng bệnh chẳng thể sát sanh!

Đạo sĩ sau khi hoàn tất pháp hội cầu phước tiêu tai, dùng lễ vật hậu hĩnh để cảm tạ thần tướng. Lớn thì dê, lợn, nhỏ thì tam sanh<sup>448</sup>. Thần thánh há khăng khăng thỏa thích bụng miệng mà giáng tai họa cho kẻ tu tập, tích lũy công đức ư? Vì thế, lễ tạ thần tướng chớ nên sát sanh!

Gần đây, thế tục vào đêm Giao Thừa, lớn thì mổ dê, nấu lợn. Kém hơn thì dùng gà, cá, đầu lợn. Nào có biết lúc tháng Chạp hết, đầu Xuân chính là khi trăm thần, tổ tiên cùng giáng lâm soi xét [cõi phàm]? Vì thế, đêm Giao Thừa chẳng thể sát sanh!

Khi công danh thăng tấn<sup>449</sup>, chính là lúc lòng nhân ái phải nên tràn trề, sao lại nhân tâm khiến cho loài vật bị chết yểu, [khiến cho chúng] nảy sanh nỗi đau u uẩn? Tàn bạo giết chết, tổn thương sinh vật, kiêu căng, xa xỉ, khiến cho phẩm đức [của chính mình] suy bại? Vì thế, gặp dịp vinh hiển, chớ nên sát sanh!

---

<sup>448</sup> Tam sanh (三牲) là lợn, cá, gà.

<sup>449</sup> Nguyên văn “công danh phát nhĩn” (功名發軔). Vào thời cổ, khi đỗ đạt, hoặc được bổ làm quan, hoặc được thăng chức thì gọi là “công danh phát nhĩn”.



Biếu quà vốn là lễ nghi tốt lành. Do thức ăn tươi béo mà dấy động ý niệm giết chóc. Chính mình đã vì mọi người mà giết chóc, chỉ riêng ta lãnh chịu oan khiên. Đối với người nhận quà, bất quá là thỏa thuê một bữa, nhưng họ chẳng cảm nhận ân đức [biếu xén món ngon vật lạ của ta]. Vì thế, để biếu tặng quà, chớ nên sát sanh!

[Bày tiệc] tiễn biệt, há lẽ nào vô tình? Canh chay cũng có thể giải bày trọn hết tấm lòng. Có gì cứ phải xa xỉ thừa mứa một phen, để rốt cuộc chất chứa cả đóng tiếng kêu gào oán hờn ư? Do vậy, tiễn biệt chớ nên sát sanh!

Kẻ nuôi cá vàng, tính ra ắt phải dùng trứng loài trùng nhỏ, tép riu số đến cả vạn. Kẻ nuôi hạc trắng, phải dùng trăm ngàn con cá nhỏ. Người phú quý do sướng mắt vui tai [mà nuôi nấng những thứ chim quý, cá kiểng], đã tạo thành sát nghiệp. Vì thế, chớ nên sát sanh để nuôi động vật làm kiểng!

Những điều vừa nói trên đây đều là nói đại lược, khái quát. Người đọc hãy nên từ đây mà suy rộng ra, ắt trong tác lòng sẽ có tâm lượng như trời che đất chở vậy.

Ông Hoàng Lỗ Trực có bài tụng rằng: - Ta ăn thịt chúng sanh. Danh khác, Thể chẳng khác! Vốn cùng một chủng tánh, chỉ là khác hình hài. Khô nào chúng đành chịu, ngon béo ta hưởng riêng. Đừng để Diêm Vương xử, hãy tự nghĩ xem sao?

Hãy thử nghĩ [những con vật] hôm qua còn bơi lội, nhảy nhót, bay lượn, hôm nay đã đi về đâu? Đường như còn thấy chúng nó đang còn sống sờ sờ, bay lượn kêu hót, ăn uống. Nay đã hóa thân trong nòi! Lời này thật đáng khiến [cho người nghe] sanh lòng xót xa vậy!

Hứa Chân Quân thuở bé thích săn bắn. Gặp một con nai con, bèn bắn chết. Bên cạnh nó có một con nai to (nai mẹ) cứ liếm mãi một hồi lâu mà nai con chẳng sống lại. Nó bèn lần quần bì thương rồi chết. Chân Quân mổ thịt, thấy ruột nó đứt từng khúc, bèn ném cung than thở: “Buồn thay! Lòng yêu thương vốn sẵn tánh trời, loài vật mà cũng [yêu thương con cái] tội bậc như thế đó”. Bèn bỏ đi học đạo, giúp người lợi vật, chứng quả tiên.

Đời Đường, Trương Dịch Chi<sup>450</sup> làm lồng sắt để nhốt ngỗng, vịt trong ấy. Chính giữa nhóm lửa than nung đốt. Bên cạnh lồng, đặt đồ đựng chứa nước ngũ vị. Ngỗng, vịt chạy quanh lửa, do khát bèn uống nước. Nước rồi cũng hết mà lửa cứ tăng thêm, [ngỗng, vịt]

---

<sup>450</sup> Trương Dịch Chi là người đời Đường, rất đẹp trai, giỏi ca hát, tinh thông âm nhạc. Hắn cùng với em trai là Trương Xương Chi là nam sủng của Vũ Tắc Thiên. Do khéo chiều chuộng Vũ Hậu, hắn được phong làm Không Hạc Giám (người cai quản viện chim hạc), tước Hoàn Quốc Công. Hắn từng hồng hách cây thế, lạm dụng xa giá của Vũ Hậu, bị Dịch Nhân Kiệt chặn lại, đánh cho một trận nên thân. Trương Dịch Chi về khóc lóc, tố cáo với Vũ Hậu, xin bà trừng trị Dịch Nhân Kiệt. Vũ Hậu nạt: “Ta còn phải nể lão ấy mấy phần, sao ngươi lại dám chọc đến lão?” Trương Dịch Chi là một vị quan hiền lương, giữ chức Giám Sát Ngự Sử thời Vũ Tắc Thiên, được phong làm Đồng Bình Chương Sự (tương đương chức Tể Tướng). Niên hiệu Thần Long nguyên niên, do Vũ Hậu bị bệnh, ông cùng với nhóm Hoàn Ngạn Phạm thừa cơ đảo chánh, tái lập nhà Đường, đưa Đường Trung Tông lên ngôi, đồng thời giết sạch những gã sủng thần của Vũ Hậu.

rụng lông, nát thịt. Hấn bèn lấy thịt chúng để ăn. Về sau, hấn bị Trương Giản Chi giết chết.

Gã lái buôn xứ Thiểm Tây là Nhậm Thiên Nhất háms lợi, tàn nhẫn. Mỗi năm hấn tới vùng Thanh Khẩu thuộc Hải Châu để mổ giết, làm thịt lợn muối. Sau đó, chở thịt lợn về vùng thủy khẩu Cao Bru, Lục An [để bán]. Ban đêm bị gió to lật thuyền, lợn bị dân chài cướp sạch. Họ Nhậm ở trên bờ kêu khổ, bồng cột buồm chính của chiếc thuyền lật đổ nhào vào thân, ép hấn thành bánh thịt. Trong mạng có tiền tài thì ở chỗ nào cũng có, có gì cứ làm chuyện sát sanh, hại mạng ấy? Kẻ bị báo ứng như gã lái buôn họ Nhậm rất nhiều, mọi người hãy nên tự phản tỉnh. Giả sử vì chẳng thể mưu sanh, bèn ngược ngạo đi theo con đường sai trái, đến nỗi làm những chuyện như làm giặc phóng hỏa cướp của, hoặc làm thủy tặc v.v... chưa chắc sẽ không bị cõi trời dùng cái chết để trả báo cái tội giết chóc vậy.

Đời Tống, Châu Phái thích nuôi bồ câu. Do [chim] bị mèo ăn thịt, Châu Phái bèn bắt mèo, chặt đứt cả bốn chân nó. Mèo kêu gào vài ngày rồi chết. Về sau, Châu Phái sanh con tay chân đều chẳng có.

Lại nữa, Châu Ngang thích ngủ trưa. Trên kèo nhà có tổ chim yến, ba con chim non kêu rít rít chờ mớm mồi. Châu Ngang tức giận, cho chúng ăn quả tật lê<sup>451</sup>,

---

<sup>451</sup> Tật lê (蒺藜) là một loại cây dại, thường gọi là Bindii, Tackweed, Puncturevine, hay Devil's eyelashes. Nó thường mọc ở chỗ hoang dã, căn cỗi, mọc thành bụi, có hoa vàng, thân có nhiều lông. Khi quả đã chín, thường nở bung thành năm hạt có gai nhọn. Gai đủ cứng để đâm thủng vỏ xe đạp.

chim đều bị nứt bụng mà chết. Về sau, ba đứa con trai của hấn đều câm.

Lại nữa, Trương Lâm tức tối vì ếch kêu, bèn đổ tro nóng [giết chết nó]. Về sau, hấn bỏng bị bỏng vì nước sôi, nứt nẻ mà chết. Gộp lại [những chuyện trên đây] để xem, [sẽ biết] con người có nên nhẫn tâm tàn hại loài vật hay chăng? Đã trót làm, có thể tránh khỏi tội báo hay chăng?

Đời Đường, Lữ Tổ nói: “Người nếu muốn sống lâu hãy nghe lời ta. Đối với mọi chuyện hãy tỉnh táo, giữ sao cho chính mình có lòng khoan dung. Người muốn sống lâu, phải phóng sanh. Đây là đạo lý tuần hoàn thật sự. Nếu kẻ khác chết, người cứu họ; nếu khi người chết, trời sẽ cứu người. Sống lâu và cầu sanh con chẳng khác gì nhau. Kiêng giết, phóng sanh mà thôi!”

Trong chương Giác Xúc<sup>452</sup> của Kỳ Hề Độ có đoạn viết:

- Nhổ một sợi lông kinh động Tứ Đại, đốt ngải cứu đau khổ toàn thân. Chính là vì mỗi Thể đều là cái Thể vốn trọn đủ các Thể<sup>453</sup>, chúng sanh sanh ngay trong tâm ta<sup>454</sup>. Đã có mối liên quan huyết khí, há lẽ

---

<sup>452</sup> Kỳ Hề Độ viết một tác phẩm gồm năm phần là Giác Xúc, Giác Tập, Giác Uế, Giác Nhân và Giác Hủy, nhằm luận định “*Bốn Giác vốn có, phiền não vốn không*”.

<sup>453</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này phải hiểu cùng ý nghĩa như trong kinh Phật hay nói: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”.

<sup>454</sup> Nguyên văn “*chúng sanh tức ngô sanh chi sanh*”, ông Hoàng Bách Lâm nói, câu này phải hiểu là chúng sanh và chúng ta là một bộ phận trong một sanh mạng toàn thể. Cái sanh mạng toàn thể ấy chính là Pháp Thân. Do vậy, “*ngô sanh*” (sanh mạng của ta) chính là chân tâm của ta.

nào chuyện bi thảm phát sanh [nơi kẻ khác], lại chẳng hề liên quan đến ta ư? Thế mà lại dùng sự ngon béo từ [thân thể] loài khác để thỏa thích bụng miệng ta. Hãy thử nghĩ ngày hôm qua [chúng nó] bơi lội, nhảy nhót, bay lượn, nay đã về đâu? Dường như còn thấy chúng đang sống sò sò bay lượn, kêu hót, ăn uống; [thế mà] đã hóa thành thứ chứa trong nồi! Do vậy, bát trân<sup>455</sup> bày la liệt trước mặt, toàn là kêu gào oán nghiệp. Năm cái đỉnh<sup>456</sup> bày thành hàng, đều là du hồn lẫn quỷ! Tâm tự nhiên xót xa, há còn nuốt nổi ư? Hoặc là chùn tay lại, chẳng thể dám dính dáng đến [chuyện sát hại nữa]. Luôn luôn cảnh tỉnh, niệm nào cũng dậy khởi, vâng giữ sự tỉnh giác, sẽ là đồng thể đại bi, chẳng thấy có tướng chúng sanh [khác biệt với ta], sẽ có thể vận dụng lòng nhân cứu giúp trọn khắp. Khắp toàn thân sẽ là tấm thân tỉnh giác.

Trong phần Giác Tập, ông viết:

- [Cách nói] “*gà, lợn, hẹ, mạn, hễ gắp bèn ăn*” dường như vĩnh viễn là lời lẽ giúp chúng ta bào chữa cho chuyện “dùng cái chết [của loài vật] để nuôi sống [con người], dùng loài vật để cung cấp [thực phẩm] cho

---

<sup>455</sup> Bát trân (八珍) là tám món ăn quý theo quan niệm xưa, gồm gan rồng, tùy phụng, thai báo, đuôi cá chép, thịt chim cú nướng, môi tinh tinh, bàn tay gấu và ve non nướng phở-mát.

<sup>456</sup> Khi xưa, đồ cúng thường đựng trong đỉnh (鼎) tức là một thứ đồ đồng có ba chân cao, giống như đỉnh đốt nhang hiện thời. Đỉnh có chân để có thể đốt lửa ở dưới, giữ cho nóng lâu. Thông thường, tiệc tùng hay cỗ bàn của hàng quyền quý (từ quan đại phu trở lên) có năm món thịt khác nhau (đê, lợn, thịt thái lát, cá, thịt thú nướng hoặc quay), nên phải dùng năm cái đỉnh để chứa.

con người”. Nếu coi đó là lẽ đương nhiên, há có biết kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, loài vật còn ghét chuyện tàn hại, thương tổn! Những loài sanh vật được bẩm thọ khí thiên địa, đã có giác tánh, há đành lòng dâng thân cho ta cắn xé ư? Đặc biệt lớn tiếng hô hào [nhằm cảnh tỉnh mọi người, chúng ta] từ lúc còn ẵm ngửa, đã bén mùi vị ngon béo. Tiên thiên chưa đọa<sup>457</sup>, bào thai đã quen vị tanh tươi. Loài có vẫy trong ao, loài le nhạn trong vườn, hằng ngày thành món ăn trong bếp. Lợn trong cũi, dê trong chuồng, tùy thời [biến thành món ăn] để chan, gắp. Do huân tập như vậy, khiến cho ta vạn kiếp ngàn lượt luân hồi. Vì thế, thói phàm ăn tháng ngày càng thịnh! Hãy thử ăn những thứ chưa bao giờ nếm tới, khi nhắc đến sẽ tự cảm thấy do dự. Nếu gắp những món ngon quý chẳng phải là thứ thường ăn hằng ngày, bỏ vào miệng cũng lắm nỗi nghi ngờ, sợ sệt. Vì thế, xứ Ngô Việt coi thịt ếch là ngon lành, người đất Tề trông thấy sẽ rợn da gà! Người xứ U Yên<sup>458</sup> khoái ăn bò cạp, dân Việt trông thấy điếng hồn! Đây há có phải là do sở thích ăn uống khác nhau, mà là do tập quán lâu ngày thành ra sai khác. Thật sự nghĩ [ta cùng muôn loài] có cùng một tánh, sẽ chẳng nở lòng tổn thương thể tánh của [loài khác], há có thể lấy [thân thể] có sanh mạng [của loài khác] để nuôi dưỡng sanh mạng của chính ta? Hễ tháo gỡ được mắc mưu cũ, sáu căn sẽ liền thanh tịnh. Lưới đục tầng tầng, chẳng vùng kiếm kim cương

---

<sup>457</sup> Tiên thiên chưa đọa: Còn nằm trong thai, chưa được sanh ra.

<sup>458</sup> Ngô Việt là vùng Giang Tây, Chiết Giang hiện thời. Nơi này là lãnh thổ của nước Ngô và Việt thời Chiến Quốc. Xứ Tề là vùng Sơn Đông. U Yên là vùng Hà Bắc, Liêu Ninh.

mà lưới tự rách. [Nếu cái tâm] có đủ mọi ý niệm giết chóc, sẽ chẳng được sanh vào cõi trường sanh! Xin hãy nghe lời luận định về thói quen, sẽ tự vỡ lẽ!

Phân Giác Uế viết:

- Rét thích ăn mất răn, khác nào thức ăn ngon lạ chất đầy trong đồ đựng. Chuột thói rửa quăng cho chim cú, khác nào bày la liệt ba món thịt tươi! Ấy là vì sở thích ăn uống là do nghiệp tạo ra. Vì thế, nghiệp nặng nề thì tâm sẽ chìm đắm trong thói ham ăn uống, mùi vị [ưa thích] há sanh khởi từ tánh? Tánh tình ngang ngược, sẽ rất ưa chuộng vị thói. Hãy thử nhìn loài ung, loài cáo xé mồi, sẽ dùng tay áo che mắt, chẳng nở ngó. Ruồi nặng bu theo mùi tanh, mắt thấy lòng muốn nôn mửa. Sao lại trong tiếng nhạc dập dìu, đua nhau bày la liệt trăm ngàn món hải sản; nơi phủ đầy gấm vóc, tìm cầu rộng khắp các thứ thịt rừng sai khác? [Chúng ta ngón ngáu những món sơn hào, hải vị ngỗ là] thơm ngon ấy ví như bọ hung vò [phân] thành viên. Ăn no đầy [những thứ đó], khác nào lợn nuôi trong nhà ăn những thứ nước gạo rửa nát. Thậm chí cho đến khi đem tàn canh lụn, răng lợi còn giữ vị tanh hôi! Lại còn cho đến khi nhạc tàn, rượu cạn, khăn áo tanh tươi, bản thủ nhức mũi. Thật sự nghĩ đến Pháp Thân thanh tịnh, há chịu đựng nổi khí vị thế gian ngũ trược? Đối với những vật có huyết khí đều cảm thấy ô uế, ắt cái tâm tham ăn tục uống sẽ ngày càng giảm dần.

Phân Giác Nhân viết:

- Hữu tình do đã gieo cái nhân, sẽ tạo thành cái quả. Lý ấy chẳng dối, [giống như] tiếng vọng nương theo âm thanh. Do vậy, cái duyên để thọ sanh, chuyển sanh há có sai chạy? Dầu củi đã cháy hết, lửa đã truyền, củi quy hết vào lửa. Kéo căng dây cung để mũi tên được bắn đi, mũi tên [bay xa] ắt phải do [sức bật của] dây cung. Hễ bố thí, sẽ được báo ứng. Người bố thí có nhiên hãy nên quên đi [hành vi bố thí ấy]. Cội rễ do chính mình vun trồng; người vun trồng ắt sẽ hưởng quả lành. [Dầu được đền đáp như Dương Bảo] được tặng đôi vòng ngọc trắng<sup>459</sup>, người thông đạt sẽ chẳng quan tâm. Đối với lò lửa, vạc sôi, người trí huệ thường sanh lòng kinh sợ. Thế mà có kẻ phóng túng đối với chuyện này chẳng chán, cứ giết chóc các loài sinh vật, nấu cá, nướng rùa, há có nghĩ tới tình cảnh [đau khổ] trong vạc dầu sôi sùng sục. Lóc thịt, quay dê, chỉ vì đớp một miếng chả làm khéo đó thôi! Thậm chí [vì săn bắn mà] đuổi nhanh như gió, chạy như chớp, [khiến cho] nhiều loài chim thú yếu đuối phải kêu thét. Lật tung đầm, bãi, vét cạn rừng rậm, khiến cho chim tan đàn kinh hãi bay đi, thú lìa bầy chết trong cô quạnh! Đối với hạng người ấy, chẳng có sinh vật nào không khoái khẩu, lưỡi nếm

---

<sup>459</sup> Dương Bảo tánh tình rất từ bi. Lúc chín tuổi, theo cha mẹ lên chơi núi Hoa Âm, trông thấy một con sẻ vàng bị điều hâu đánh văng xuống đất, kiến bu đầy, Dương Bảo xua kiến, nhặt lên ôm về, nuôi dưỡng trên xà nhà. Chim lại bị rắn tấn công, Dương Bảo bèn nuôi trong rương, cho ăn hoa vàng. Đến khi chim mọc đủ lông cánh mới thả đi. Một đêm, ông mộng thấy một đứa bé trai mặc áo vàng đến bái tạ, cho biết nó là sứ giả của Tây Vương Mẫu, do đến núi Bồng Lai đi qua đây bị mắc nạn, nhờ ông từ bi cứu sống. Nay do phải đến Nam Hải, bèn đến từ biệt ông Dương, mở ngậm đôi vòng ngọc trắng biểu tặng ông Dương, chúc tụng: “*Con cháu ông sẽ trắng sạch như vậy, đạt đến địa vị Tam Công, đời này sang đời kia luôn như vậy*”.



đủ thứ. Trước hết, họ đã là cạp, sói trong loài người, đến nỗi hễ thấy có con vật ắt đều săn bắt. Dẫu trông mắt bị rơi xuống đất, [vẫn miệt mài săn bắt]. [Hạng người như thế ấy] tránh sao khỏi đọa làm chim ưng hoặc chó trong loài thú? Hãy nên chân thành suy nghĩ! [Đối với] muôn loài chim thú, chẳng loài nào không có tình cảm. Gởi thân trong vòng trời đất, làm các loài [khác nhau], hãy nên biết đều là do báo ứng. Nguyên từ hôm nay trở đi, vĩnh viễn đoạn trừ nỗi oán xưa kia, sẽ chẳng có nỗi oán hận nào để phải đền trả, chẳng chuốc lấy cái quả lắm bệnh. [Hễ thấy] có [người nào hay loài vật] gặp nguy ắt cứu, cái nhân trường thọ sẽ tự đưa đến. Nếu niệm nào cũng tỉnh giác, sẽ chẳng phải tốn mười năm điều phục con trâu trong tâm. [Hiểu rõ] ba đời rành rành, làm sao đọa làm thân chồn hoang trong năm trăm năm cho được? Đây chính là vì chẳng gieo duyên lành mà mê mất bè báu. Nghe ta múa lưỡi, hãy nên tự quay đầu.

Phân Giác Hủy viết:

- Có đến thì sẽ có đi, muôn vật thay cũ đổi mới vô thường. Bắt diệt, bắt sanh, lòng từ bi trong tâm tánh của ta tự tại. Vì thế, [luôn mong] thấy các sinh vật được sống, chẳng nỡ thấy chúng nó chết. Bậc thánh nhân từ đều ôm tấm lòng ấy. Đã tiếc nuôi khi chúng bị hủy hoại, ắt sẽ vui sướng vì chúng trưởng thành. Chúng sanh đều cùng có bản tánh. [Ngay như đối với] ngói, gạch vô tình, bậc trí huệ còn la thất thanh khi thấy chiếc vò bị rớt vỡ. Đối với những loài trùng bé bỏng có

tri giác, bậc chí nhân há vui sướng tàn sát ư? Huống hồ do trứng mà nở ra chim, từ chim con đến khi nó mọc lông vũ [đầy đủ], phải do mớm mồi nhọc nhằn. Há có phải một tiếng kêu, một cái mổ, sẽ hóa thành [một con vật trưởng thành hoàn vẹn] từ hư vô ư? Do biến hóa [dần dần] mà thành con vật sống động, hoạt bát, há có phải là một sáng, một chiều! Thế mà, [đối với] thân thể mười năm chăm bẵm ấy, chỉ vì để nấu nướng một bữa, bèn trăm kẻ săn bắt, giăng bẫy chỉ hòng no say chốc lát. Sao chẳng nghĩ [sanh mạng] hễ đoạn, sẽ chẳng thể tiếp tục (sẽ chẳng thể sống lại được)? Lóc xẻo thân thể, mỗi miếng đều chứa đựng nỗi đau mà thác. Đã hủy hoại rồi, há có thể phục hồi? Chi thể bị đun, bị nướng, mỗi con vật đều ôm nỗi khổ qua đời! Phạm ngũ cốc để nuôi dưỡng con người, còn khó thể tiêu hóa một hạt, huống hồ là đối với sanh mạng của muôn vật, há nên dấy khởi mảy may ý niệm xằng bậy hủy hoại? Thật sự hãy nên nghĩ: Chúng nó chết đi, trái muôn kiếp chẳng thể sống lại. Ta ăn vào, trong khoảnh khắc, đã chẳng còn chi nữa! Mong cầu sống mà chẳng được, há thấy bị chết mà đành lòng ư? Hãy vĩnh viễn làm chuyện từ bi, luôn rủ lòng cứu vớt, thương tiếc, ắt sẽ chẳng đợi đặt đôi giày lên đỉnh đầu mà đã cứu con mèo từ trước<sup>460</sup>. Cần

---

<sup>460</sup> Đây là một công án trong nhà Thiền. Đại chúng trong hội của ngài Nam Tuyền Phổ Nguyên tranh nhau con mèo. Ngài Nam Tuyền ra câu hỏi, nếu không có ai trả lời được, sẽ chém mèo. Khi ngài Triệu Châu trở về, đại chúng thúc giục Ngài hãy trả lời câu hỏi của sư Nam Tuyền. Sư nhắc lại câu hỏi, Triệu Châu bèn cởi giày đội lên đầu, lui ra.

gì phải đợi mở miệng, mới giữ vẹn cả ngỗng lẫn vò<sup>461</sup>. Đây là lý chân thật, há nên thốt lời hư giả! Hãy càng nên tuyên dương, mong sao ai nấy đều cùng dấy khởi ý niệm.

*(Chánh văn) Âm tặc lương thiện, ám vũ quân thân.*

**(正文)陰賊良善。暗侮君親。**

*(Chánh văn: Lén hại người lương thiện, ngầm ngấm khinh rẻ vua và cha mẹ).*

“Âm tặc” (陰賊) là âm mưu làm hại, như mũi tên bắn ngầm làm kẻ khác bị thương, khó đề phòng nhất. Hơn nữa, người khác bị ta hại, ta chẳng mang tiếng ác. Hạng người ấy còn đáng sợ hơn các thứ ly mị võng lọng. Làm điều này đối với người khác đã là chớ nên, ngầm ngấm làm hại người lương thiện lại càng chẳng nên. Bởi lẽ, người lương thiện được dân chúng trọng vọng. Ở trong một nước, ắt được cả nước trọng vọng. Ở trong một làng, ắt được cả làng trọng vọng. Há có nên âm thầm hãm hại người ấy hay không?

---

<sup>461</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, “vò” ở đây là tử dụ bụng của ta. Do sát sanh, ăn thịt ngỗng, bụng của ta như vò chứa thịt thối. Do không sát sanh, sanh mạng của ngỗng được bảo toàn, mà bụng ta cũng chẳng trở thành cái vò chứa đựng xác chết!

Đời Đường, Lý Lâm Phủ làm Tể Tướng, âm hiểm chẳng lương, tàn hại người lương thiện. Chuyện ác của hắn chẳng thể kể xiết. Khi hắn sắp tiêu đời, thấy một con quỷ răng như lưỡi cưa, móng tay như móc câu, khắp thân đầy lông lá, mắt như ánh chớp, giơ tay đánh Lâm Phủ. Không lâu sau, Lâm Phủ thất khiếu ứa máu mà chết. Hắn chết rồi, triều đình hạ lệnh lột sạch quan tước, bửa quan tài hành hình xác hắn. Con cháu bị lưu đày xuống vùng Lĩnh Nam.

Vào đầu niên hiệu Thuần Hy<sup>462</sup> đời Tống, tại Hán Châu, có một người đàn bà bị sét đánh chết, [trên xác] có chữ viết bằng châu sa rằng: “*Lý Lâm Phủ làm bầy tôi bất trung, ngấm ngấm tàn hại kẻ lương thiện. Ba đời làm gái điếm, bảy đời làm trâu. Báo hết, vĩnh viễn đọa trong loài thủy tộc*”. Kẻ tiểu nhân hãm hại bậc quân tử, may mắn thành công, bèn nói “đã nắm giữ sự sanh tử của họ”. Chẳng biết họ [bậc quân tử] bị chết trong tay chúng nó (phường tiểu nhân) cũng là do oán đối khiến thành như vậy, chẳng phải là do chúng nó có thể làm như thế được! Nếu bậc quân tử chẳng có oán đối, mặc cho kẻ tiểu nhân giở trò như thế nào đi nữa, rốt cuộc chẳng thể hại chết người ấy! Kẻ ác hại người khác ví như ngựa mất nhổ lên trời, chẳng nhổ vào trời nổi, mà ngược ngạo rơi xuống ngay chính mình. Chớ nên hủy hoại người hiền, ắt sẽ mang họa chính mình bị tàn diệt cũng giống như thế.

---

<sup>462</sup> Thuần Hy là niên hiệu của Tống Hiếu Tông từ năm 1174 đến năm 1189.

Nhưng hai chữ Âm Tặc chẳng bắt buộc cứ phải là kẻ làm quan! Bất cứ ai khác cũng đều có thể âm tặc, nhưng những kẻ trong nha môn là tệ nhất. Những thói như lạm dụng quyền thế để báo cừu riêng, thừa dịp tra xét để quấy nhiễu, ngấm ngầm khuấy động sóng gió, nặc danh vu cáo... Há có biết đạo trời tuần hoàn, chưa hại được người mà đã hại chính mình trước. Hãy suy nghĩ đi!

“Ám” (暗) là chỗ người khác chẳng thấy, chẳng nghe. “Vũ” (侮) là khinh rẻ. Câu này chuyên vì kẻ hiếu danh và trái nghịch tình lý mà nói ra. Ôn vua và ơn cha mẹ như trời đất. Nếu đã ăn lộc [của vua] mà hành sự biếng nhác, do tham lợi mà làm theo lẽ riêng tư, hoặc gian xảo, dua nịnh, mặc sức lừa dối, cái tâm chẳng thể cho vua biết tức là ngấm ngầm khinh rẻ vua. Phụng dưỡng [cha mẹ] chẳng chân thành, hành xử trong cõi đời không ra gì, hoặc màu mè che đậy sự ngỗ nghịch, cái tâm chẳng thể cho cha mẹ biết, đây chính là ngấm ngầm khinh rẻ cha mẹ vậy. Bất trung, bất hiếu, hại giáo, phản đạo, không gì tệ hơn nữa! Sống thì sẽ gặp trời giáng họa, chết bị tra khảo trong chốn Phong Đô<sup>463</sup>, ắt cũng chẳng thể dung thứ được!

---

<sup>463</sup> Phong Đô là cõi địa phủ theo Đạo Giáo. Trong Phong Đô có Phong Đô Đại Đế cai quản, Thập Điện Diêm Vương dưới quyền Ngài. Phong Đô Đại Đế phủ tá Đông Nhạc Đế Quân. Đông Nhạc Đế Quân chủ quản tất cả chuyện trong cõi âm, Phong Đô Đại Đế chuyên trách địa phủ. Dưới quyền Đông Nhạc, ngoài Thập Điện Diêm Vương và Ngũ Phương Quỷ Đế (Đông Phương Quỷ Đế gồm hai vị Thần Trà và Thái Uất Lũy, Nam Phương Đỗ Tử Nhân, Tây Phương Quỷ Đế gồm hai vị Triệu Văn Hòa và Vương Chân Nhân, Bắc Phương Quỷ Đế gồm hai vị Trương Hành và

Đời Tống, Doãn Hòa Tĩnh khi sắp vào cung giảng giải kinh điển, ắt tắm rửa, đoan nghiêm, chấp tay, hướng về bộ sách sẽ được giảng trong ngày hôm sau, mặc triều phục lễ lạy. Kẻ khác hỏi nguyên cớ, ông nói: “Ắt mong khiến cho những lời [tôi] nói ra sẽ khiến cho đức vua cảm ngộ, sao lại chẳng trọn hết lòng thành kính cho được?”

Vua Tuyên Tông nhà Minh<sup>464</sup> thích văn từ, thơ phú, hay bảo quần thần xướng họa. Gã học sĩ nọ tự phụ tài cao, mỗi lần vâng mạng vua làm xong bài thơ, liền nói: “Thơ hay như thế, không chỉ là hoàng đế chẳng làm được, mà có xem kiêu nào cũng không hiểu nổi!” Chẳng lâu sau, do làm thơ dùng chữ phạm vào cấm kỵ của triều đình, lời lẽ có phần châm chọc, chế nhạo, phạm tội bất kính, bị lột sạch chức tước.

---

Dương Vân, Trung Ương Quỷ Đế gồm Châu Khát và Kê Khang. Như vậy là tuy nói Ngũ Đế, nhưng có đến mười một vị quý đế), còn có bảy mươi hai cõi âm ty.

<sup>464</sup> Minh Tuyên Tông là miếu hiệu của Châu Chiêm Cơ, hoàng đế thứ năm nhà Minh. Ông là con trai trưởng của Minh Nhân Tông (Hong Hy hoàng đế, tên thật là Châu Cao Xí). Thời gian cai trị của ông và cha ông được coi là thịnh trị của nhà Minh, nên sử thường gọi là Nhân Tuyên chi trị (thời thịnh trị dưới thời Nhân Tông và Tuyên Tông). Ông có niên hiệu là Tuyên Đức. Dưới thời ông, sau khi Liễu Thăng thất bại, bị chặt cụt đầu tại trận Mã Yên, bá tước Lương Minh đại bại tử vong, Lý Khánh cùng quần tặc vẫn, Minh Tuyên Tông phải đau đớn hạ lệnh rút quân khỏi Giao Chỉ, công nhận nền độc lập của người Việt, chấm dứt thời kỳ đô hộ Bắc Thuộc lần thứ hai, căn rằng công nhận vương triều của Lê Thái Tổ (Lê Lợi). Trong Bình Ngô Đại Cáo, Minh Tuyên Tông đã bị cụ Nguyễn Trãi gọi nhử móc là “giảo đồng” (thằng nhãi ranh): “Chấp nhất kỷ chi kiến, dĩ giá họa ư tha nhân, tham nhất thời chi công, dĩ di tiếu ư thiên hạ. Toại linh Tuyên Đức chi giảo đồng, độc binh vô yếm; nhưng mạng Thạnh Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần”. Cụ Ngô Tất Tố đã dịch: “Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác, tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian. Bởi thế: Thằng nhãi ranh Tuyên Đức động binh không ngừng, đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy”. Thạnh là Mộc Thạnh, Thăng là Liễu Thăng.

Thời Tam Quốc, danh sĩ nước Ngô là Cố Đễ mỗi lần nhận thư cha, đều quỳ đọc. Đọc mỗi câu đều thưa vâng. Nếu cha bị bệnh, liền đối trước thư khóc ròng, lời nói càng nghẹn ngào. Lại như Phạm Tuyên đời Tấn, lúc lên tám, ngẫu nhiên ngón tay bị thương, bèn khóc ròng. Có người bảo: “Sao lại đau đến mức ấy?” Phạm Tuyên khóc, thưa: “Chẳng phải vì đau đớn, [mà do nghĩ] da tóc nơi thân được nhận lãnh từ cha mẹ, chẳng dám hủy hoại, tổn thương. Con buồn là vì lẽ này”. Hai ông về sau đều quý hiển.

Có hai anh em nọ, cứ mỗi năm ngày bèn thay phiên nhau nuôi mẹ. Anh nghèo, em hơi giàu. Lúc anh nuôi mẹ, cháo cũng chẳng có, còn hai ngày chưa hết phiên, đã nói: “Mẹ qua nhà em rồi con sẽ bù sau”. Mẹ đến nói với đưa em ý của thằng anh. Đưa em bảo vợ giấu cơm đi, kiên quyết cự tuyệt. Mẹ rơi lệ trở về. Bỗng sấm chớp ùng ùng nổi lên, đánh chết tươi cả hai vợ chồng! Than ôi! Kẻ bất trung bất hiếu bị cỡi âm tru lục, thóa mạ vạn năm, họa báo thê thảm như thế đó. Ấy là vì vua và cha đứng đầu trong Ngũ Luân. Vì thế, thờ vua, thờ cha, càng chẳng thể không chú trọng lấy lòng thành làm đầu!

*(Chánh văn) Mạn kỳ tiên sinh, bạn kỳ sở sự.*

**(正文)慢其先生。叛其所事。**

*(Chánh văn: Khinh mạn thầy dạy, phản bội người mình phải phụng sự).*

“*Tiên sinh*” (thầy dạy) chính là bậc truyền trao đạo của thánh hiền, dạy dỗ học vấn, giải trừ nghi hoặc. Cha mẹ sanh ra thân ta, ắt phải nhờ thầy thành tựu học vấn cho ta. Vì thế, thầy được tôn trọng giống như vua và cha. Người hiện thời mời thầy dạy con, phần nhiều thường là biểu hiện lễ tiết theo hình thức, tiếc tiền, thiếu lễ. Thậm chí ăn nói chẳng nhũn nhặn, thiếu hẳn lễ độ theo lẽ thường, ôm lòng coi thường thầy. Hạng người ấy cố nhiên chẳng khác cảm thú cho mấy! Còn kẻ làm thầy để mở mang đầu óc cho trẻ nhỏ, có âm đức lớn nhất, há có nên vì nhận quà cáp, lương bổng của người ta mà dung túng trẻ, chẳng [dạy dỗ] nghiêm ngặt, đến nỗi kẻ khác mắc họa chẳng thành tài ư? Thầy làm bài tập thay cho trò, dối gạt phụ huynh. Do tham cầu tiền bạc, bèn hối lộ mua chuộc công danh, tôi chẳng biết sự báo ứng của họ sẽ như thế nào? Khinh mạn thầy cố nhiên là chẳng nên, nhưng kẻ làm thầy lại khiến cho kẻ khác khinh mạn thì lại càng chẳng nên vậy!

Hán Minh Đế tôn Hoàn Vinh<sup>465</sup> làm thầy, dốc trọn lòng thành kính. Vua đến phủ Thái Thường, bảo Hoàn

---

<sup>465</sup> Hoàn Vinh quê ở Long Kháng thuộc Bái Quận. Ông là hậu duệ của Tề Hoàn Công (Khuông Tiểu Bạch) thời Chiến Quốc. Tổ sáu đời của Hoàn Vinh do dời sang An Huy, đã lấy chữ Hoàn trong thụy hiệu của Tề Hoàn Công làm họ. Hoàn Vinh lúc bé sống tại Trường An, học giỏi. Do nhà nghèo, ông thường phải đi làm thuê kiếm tiền. Về sau, ông được Hán Quang Vũ Đế vời vào cung, giảng sách Thượng Thư. Vua nghe giảng, rất vừa lòng, ban cho ông chức Nghị Lang để dạy thái tử Lưu



Vinh ngồi ở phía Đông, bày gậy chống<sup>466</sup>, nhóm hợp bá quan kính lễ thầy.

Đời Tống, Du Tạc và Dương Thời cùng theo học với Trình Di. Một hôm, họ đến gặp thầy, ngẫu nhiên Trình Di đang tĩnh tọa. Hai ông đứng hầu. Khi Trình Di tĩnh tọa xong, ngoài cửa, tuyết đã xuống dày chừng cả thước. Thế mà [hai ông] chẳng có dáng vẻ ử rữ, càng cẩn thận giữ lòng cung kính hơn. Hai ông đều truyền thừa đạo học của Liêm Lạc<sup>467</sup>.

Đời Tống, Bành Nhữ Lệ tôn Nghê Thiên Ân làm thầy, lễ tiết, phụng sự tốt bậc cung kính. Về sau, vợ chồng ông Nghê đều mất, do ông bà không có con trai,

---

Trang (Hán Minh Đế). Kế đó, Hoàn Vinh được phong làm quan Bác Sĩ, rồi thăng lên chức Thái Tử Thiếu Phó, sau cùng giữ chức Thái Thường. Thái Thường (太常) trông coi việc nghi lễ trong tông miếu, thoát đầu được gọi là Phụng Thường, đến đời Hán Cảnh Đế bèn đổi thành Thái Thường. Quan Thái Thường trông coi việc tế lễ xã tắc, tông miếu của hoàng gia cũng như chủ trì các cuộc lễ hội, tang ma của hoàng tộc. Khi vua làm chủ tế, Thái Thường sẽ là người trợ thủ kiêm bồi tế của vua, cũng như quản trị các miếu thờ, vườn lăng của hoàng gia và các hành cung của vua. Những quận huyện nào có đặt miếu thờ, lăng mộ của hoàng triều sẽ trực thuộc quyền quản trị của Thái Thường. Do địa vị là người trông coi điển lễ, làm khuôn mẫu cho cả triều đình trông vào, nên trong thời Hán, chức Thái Thường thường do thầy dạy học của vua đảm nhiệm. Người được phong chức Thái Thường còn được tôn trọng hơn Tể Tướng. Từ thời Hán Vũ Đế, dưới Thái Thường còn đặt ra các quan phụ tá gọi là Thái Nhạc, Thái Tể, Thái Sử, Thái Bộc, Thái Y v.v... Đến thời Đông Hán, để làm quan Thái Thường, phải là bậc danh nho, vì Thái Thường là chánh chủ khảo cho các khoa thi tuyển chức quan Bác Sĩ. Đến đời Minh - Thanh, vai trò của Thái Thường giảm bớt tính quan trọng, được gọi là Thái Thường Tự Khanh, chỉ đứng đầu các quan Thái Nhạc, Thái Sử, Thái Bộc và Thái Y.

<sup>466</sup> Theo nghi lễ cổ, nhằm tỏ lòng tôn kính bậc lão thành thì dùng gậy chống làm lễ vật.

<sup>467</sup> Liêm Lạc là một trong bốn phái Lý Học trong đời Tống. Phái này do Châu Đôn Khê và Trình Di làm lãnh tụ. Họ đều ở tại Lạc Dương nên gọi là Liêm Lạc Phái.

ông Bành bèn đứng ra chôn cất. Lại còn gả con gái của họ cho tiến sĩ Tống Hoán.

Đời Tống, thầy của Nhạc Vũ Mục (Nhạc Phi) là Châu Đồng, dạy Nhạc Phi bắn cung nặng đến ba trăm cân. Châu Đồng chết. Mùng Một và ngày Rằm, Nhạc Phi ắt bày cỗ cúng tế trước mộ, quỳ lạy, khóc lóc, cảm cung tên do Châu Đồng đã tặng, bắn ba phát rồi mới quay về.

Một nông gia sanh được một con trai, ý hết sức tha thiết lo cho con học hành, nhưng đối đãi với thầy qua quýt, khinh mạn khôn sánh. Cơm chỉ là ăn với rau, trả lương ắt dùng bạc xấu. Thầy tận tâm dạy dỗ đã lâu, trò đọc văn của người khác thì hiểu rõ ràng, nhưng nó tự viết văn thì chẳng câu nào nên hồn, cũng lạ thay! Về sau, [đứa trẻ ấy] vẫn làm nghề nông.

Một vị thầy khá nhất gan, có đứa học trò lanh lợi lại nghịch ngợm. Nó dán giấy làm thành đầu người khổng lồ, ban đêm đem giơ lên ở ngoài tường. Thầy kinh hoảng, tông cửa chạy, đến ở nhờ nhà bạn bè. Bệnh ba ngày mới dậy được, rốt cuộc chẳng dám đến dạy nữa. Về sau, đứa học trò ấy lại nấp ở ngoài tường, trông thấy đầu người khổng lồ, ngỡ là cái đầu do mình đã dán, liền nhìn nó. Thấy nó liếc mắt, vênh râu, đứa học trò kinh hoảng, ngã lăn ra chết.

Đạo thờ thầy hãy nên như con em phụng sự cha anh. Đi thì theo sau, ngồi thì ở bên cạnh. Đi đường gặp thầy bèn đứng thẳng, chấp tay. [Khi thầy] nói năng bèn

trống lòng, lắng tai nghe. Khi thầy gặp tai họa hay có chuyện lo buồn, thì [cảm thấy] giống như là chuyện cát hung họa phước của chính mình. Thầy còn sống bèn giữ lễ tiết cẩn thận. Thầy đã mất, ắt tâm tang ba năm. Như thế thì gần như đã trọn hết đạo thầy trò vậy.

Ông Vương X... dạy võ lòng cho trẻ, ắt trọn hết tâm lực, chẳng màng công sá. Thường nói: “Trời, đất, vua, cha mẹ, thầy, năm ngôi ấy xếp ngang nhau. Trẻ nhỏ một phen tôn ta làm thầy, ắt sự thành bại vinh nhục suốt cả một đời nó đều là trách nhiệm của ta. Nếu chẳng tận tâm kiệt lực, khiến cho con em người khác bị lỗ làng, sẽ có tội giống như gã thầy thuốc đốt giết người”. Ông lại thích kể cho trẻ nghe những câu chuyện hiếu để. Ông nói: “Người đi học thì trước hết là học tâm thuật, rồi mới học văn chương, nghề khéo. Trước hết phải vun quén căn bản rồi mới thực hiện lòng nhân. Nếu hiếu để thiếu sót, dầu tài hoa lừng lẫy cõi đời, chẳng đáng coi trọng!” Về già, ông sanh ra Văn Khang Công, mọi người bảo đó là quả báo của sự khéo dạy học trò.

Gần đây, đạo thầy trò suy bại, thật đáng đau đớn khóc ròn, than dài sùen sụt! [Kẻ làm thầy] chẳng nghĩ [tránh sao cho khỏi dạy dỗ] làm lạc con em của người ta, chắc chắn sẽ bị thần minh khiển trách. Xưa có một nho sĩ, tuổi đã ngoài sáu mươi, bảo vợ: “Ta tuy chẳng có công danh hiển đạt. May là suốt đời gặp chỗ dạy học tốt đẹp, nên có thể thành gia lập nghiệp”. Ban đêm, ông ta mộng thấy cha mình quở mắng: “Người

đúng ra là kẻ đồ đạt. Chỉ vì lúc dạy học thiếu trách nhiệm, cho nên đức Văn Xương gạt tên khỏi sổ quế, thề mà còn khoác lác ư?” Ôi! Xét theo đó, khiến cho con em người khác làm lỡ cũng nguy hiểm lắm thay!

“*Sự*” (事) ở đây là kẻ dưới phụng sự người trên, như cấp dưới phụng sự quan trên, bộ hạ, lính tráng tuân theo tướng, soái, nô bộc, tỳ thiếp vâng theo chủ nhân, đều là *Sự* cả. “*Bạn*” (叛, phản bội, phản loạn) chẳng phải là trái nghịch hiển nhiên, nhưng lúc người trên gặp cảnh cấp bách, [kẻ dưới] bèn chẳng phải là kẻ trông cậy được, [hoặc kẻ dưới] chẳng bận tâm đến điều lợi lẽ hại của người trên thì gọi là *Bạn* vậy!

Thời Tam Quốc, Lữ Bố theo phò Đinh Nguyên, [Đinh Nguyên] đối đãi [Lữ Bố] rất thân thiết, rồi vì Đồng Trác mà [Lữ Bố] giết Đinh Nguyên. Đã theo phò Đồng Trác, thề làm cha con, lại vì Vương Doãn [hứa gả Điêu Thuyền cho] mà giết Đồng Trác. Về sau, Lữ Bố bị quân Tào bắt được. Tào Tháo muốn tha cho [Lữ Bố] sống [để dùng làm thuộc hạ], Lưu Bị nói: “Minh công chẳng thấy Lữ Bố phụng sự Đinh Nguyên, Đồng Trác ư?” Tào Tháo tỉnh ngộ, bèn sai người thắt cổ Lữ Bố cho chết.

Dương Trung ở huyện Tứ Minh là nô bộc của Đới Hiến. Họ Đới rất giàu, sai Dương Trung làm chủ một gia trang, nguồn lợi từ cá, muối, tre, gỗ rất phong phú. Đới Hiến chết, con là Bá Giản còn trẻ, thích lêu lổng với lũ trẻ tuổi bất lương. Được mấy năm, tiêu sạch gia

sản, chỉ còn sót lại một trang trại ấy. Bá Giản đến nương cấy. Dương Trung ghi chép con số tài sản đưa cho xem. Bá Giản vui mừng, vẫn tiêu xài bừa bãi như cũ. Dương Trung khóc lóc can ngăn, Bá Giản chẳng nghe. Một hôm, lũ bạn lêu lổng ấy lại kéo đến, xúm nhau nhậu nhẹt, cờ bạc. Dương Trung cầm dao bén tiến vào, thộp cổ thẳng cầm đầu, nhiều lượt bảo: “Tao phụng sự chủ nhân hơn ba mươi năm. Thiếu gia còn trẻ, bị chúng mày dụ dỗ làm chuyện bất thiện, gia sản tan sạch. May là tao còn giữ được sản nghiệp này. Mày cứ muốn phá sạch ư? Tao chém rụng đầu mày rồi lên quan đầu thú xin được chết để báo đáp chủ nhân dưới lòng đất”. Thằng đó nhận tội, xin hứa từ nay chẳng dám đến nữa. Dương Trung cho nó một ít tiền, đuổi đi. Dương Trung khóc lóc, tạ tội: “Lão nô kinh động, xúc phạm thiếu gia, nguyện từ nay ngài hãy sửa đổi những hành vi trước kia. Chỉ mong nghe theo lời lão nô tận tâm dốc sức, chẳng đầy hai, ba năm, cơ nghiệp cũ sẽ có thể khôi phục. Nếu không, lão nô sẽ dìm mình xuống biển, chẳng đành lòng thấy thiếu gia chết đói, để nhục cho môn hộ”. Bá Giản hồ thẹn, khóc lóc, vâng theo. Mấy năm sau, quả nhiên khôi phục trọn vẹn ruộng nương, nhà cửa. Về sau, Dương Trung hưởng thượng thọ.

Từng nghe nói ở Ngô Quận có ông Trầm Hằng Cát nuôi một con chó. Về sau, Hằng Cát bị bệnh, chó bèn chẳng ăn. Tới khi ông chết, con chó tru ầm lên suốt đêm mới thôi. Qua năm sau, đưa ma, chó bèn va đầu vào sườn mộ chết. Con chó có nghĩa thay! Những kẻ

gặp chuyện liên quan đến sống chết bèn biến đổi khí tiết, thay đổi tâm lòng, đúng là chẳng bằng con chó có nghĩa vậy!

*(Chánh văn) Cuồng chư vô thức, báng chư đồng học.*

**(正文)誑諸無識，謗諸同學。**

*(Chánh văn: Lừa dối kẻ chẳng hiểu biết, gièm báng bạn học).*

Đối với kẻ chẳng hiểu biết, đúng là phải nên thuận theo từng sự mà chỉ bảo cho họ, dùng nghĩa lý nhắc nhở, dùng điều thiện lẽ ác khiến cho họ động tâm, khiến cho họ giác ngộ, chẳng dọa trong mê hoặc. Há có nên vì họ dễ bị khinh rẻ mà dối gạt họ ư? Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Huyền hoặc vô thức, nghi ngộ chúng sanh, tử hậu đươngọa nhập Vô Gián địa ngục*” (Kẻ lừa bịp người không hiểu biết, khiến cho chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, sau khi chết sẽọa vào địa ngục Vô Gián). Ôi! Sao người ta lại khổ sở làm chuyện như thế?

Ông Lưu Hợp Phong nói:

- Có ba người cùng đi, tới một khe suối. Nhằm đúng lúc nước suối dâng cao, mà thuyền ở bờ đối diện.

Trong đó, có một người rất ngu, [hai người kia] bèn dụ người ấy cỡi quần áo bơi qua lấy thuyền. Người ấy ngụp lặn trong nước xiết, vượt qua được bờ kia. Lại chống thuyền quay về chở hai người kia. Hai người kia lên thuyền; kẻ ngu bỗng đau bụng muốn đi tiêu, vội lên bờ. Hai người kia vẫy tay bảo: “Mặt trời đã lặn rồi, không thể chờ người được”. Bèn chống thuyền đi. Chốc lát, do nước chảy xiết, thuyền xoay ngang, họ đều bị lật thuyền, chết chìm. Người ngu ở trên bờ thì yên ổn.

Đời Đường, Khương Phủ mặc áo, đội mũ đạo sĩ lên kinh đô. Do không có ai biết, bèn dối gạt nói mình đã mấy trăm tuổi, có thuật trường sanh độ đời. Hẩn phụng sự Đường Huyền Tông, được vua ân sủng, nổi tiếng một thời. Về sau, có một sinh viên trường Thái Học là Kinh Nham đến gặp, hỏi: “Tiên sinh rốt cuộc là người thuộc triều đại nào?” Đáp: “Người đời Lương”. Hỏi: “Có làm quan hay không?” Đáp: “Từng làm Tiết Độ Sứ của Tây Lương Châu”. Kinh Nham quát mắng: “Sao mà dối trá đến thế? Trên lừa dối thiên tử, dưới bịp bợm người đời! Nhà Lương ở Giang Nam, lấy đâu ra Tây Lương Châu? [Nhà Lương] chỉ có tứ bình, tứ an, tứ chinh, tứ trấn tướng quân, lấy đâu ra Tiết Độ Sứ?” Khương Phủ cứng họng, hết sức hổ thẹn. Vài ngày sau [Khương Phủ] chết ngắc!

Bạch Sầm gặp dị nhân, được truyền toa thuốc chữa bệnh lên nhọt ở lưng rất hiệu nghiệm. Có viên

dịch lại<sup>468</sup> muốn truyền toa thuốc ấy để cứu tế rộng khắp, đưa cho Bạch Sâm mấy chục lạng vàng. Bạch Sâm đưa toa thuốc giả cho ông ta, trị bệnh không công hiệu. Về sau, Bạch Sâm bị cộp ăn thịt, bỏ lại toa thuốc thật sự trên đường, viên dịch lại đi qua nhặt được.

Gã thầy bói họ Trương giỏi chiêm tinh, nhưng toàn là khéo đoán ý hướng của người đến xem bói, luận đoán phần nhiều không đúng. Hoặc là thường nghe theo lời dăn ngăm của kẻ khác, thốt lời điên đảo. Do khiến cho người ta bị lầm lỡ đại sự, về sau, [họ tức giận] cắt lưỡi hăn, hăn chết ngắc.

Nguy Chỉnh có lần ra chợ mua cá. Chủ nhân ngăm điều chỉnh cân để cho Nguy Chỉnh được lợi. Người đánh cá đi rồi, chủ nhân nói: “Ông chỉ mua năm cân, tôi đã ngăm [điều chỉnh cân] cho ông được nhiều hơn, xin hãy mời tôi uống rượu”. Nguy Chỉnh hết sức kinh hãi, đuổi theo người dân chài đèn bù đúng giá trị. Lại mời chủ nhân uống rượu nói: “Ông chỉ muốn có rượu thôi, sao lại lừa gạt người nghèo để làm gì?” Than ôi! Người đời nay nếu tấm lòng có thể như ông Nguy, làm sao có chuyện lừa gạt kẻ không hiểu biết cho được?

Bạn đồng học tình như huynh đệ, hướng hồ bạn bè là một trong các mối nhân luân, há có nên thốt lời hủy báng bừa bãi, trong bụng đầy ắp gươm giáo ư?

---

<sup>468</sup> Dịch lại (驛吏) là chức quan nhỏ trông coi dịch trạm. Dịch trạm là trạm nghỉ chân dành cho những viên chức truyền phát công văn hỏa tốc có chỗ nghỉ ngơi, ăn uống và thay ngựa.



Đức Phật dạy:

- Con người đối với bạn bè, có năm chuyện tương quan lẫn nhau. Một là nếu đôi bên gây tạo ác nghiệp, hãy nên khuyên bảo lẫn nhau ngưng dứt [ác nghiệp]. Hai là nếu đôi bên mắc bệnh khó trị, hãy nên chăm sóc, điều trị lẫn nhau. Ba là đôi bên có những điều chỉ nên nói riêng trong nhà, chớ nên nói với người ngoài. Bốn là hãy nên tôn kính, tán thán lẫn nhau, không ngừng lui tới với nhau, chớ nên ghi oán. Năm là nghèo giàu khác nhau, hãy nên giúp đỡ, đừng nên phỉ báng lẫn nhau!

Nếu hỏi: “Sau khi chơi với bạn, biết bạn chẳng lành, muốn đoạn tuyệt, lại sợ thương tổn tình cảm. Chẳng nghỉ chơi thì lại là ản giấu lòng oán hận mà kết giao?” Châu Tử nói: “Đấy chẳng phải là ản giấu lòng oán. Nếu trong tâm ôm nỗi hờn oán mà bề ngoài làm ra vẻ thân thiết, đó là ản giấu lòng oán. Nếu bạn bè chẳng tốt, [xét theo] tình nghĩa đáng nên chẳng thân thiết, nhưng để lọt lọt tình nghĩa thì phải nên từ từ nhạt dần. Nếu chẳng có chuyện gì hệ trọng, cần gì phải cắt phăng tình bạn? Hãy nên tích chứa lòng thành, khiến họ cảm ngộ. Đó gọi là “*đối đãi với người thân chẳng đánh mất tình thân, đối với bạn bè đã lâu chẳng đánh mất tình cố cựu*”.

Đời Minh, tiên sinh Dương Minh Vương Thủ Nhân nói:

- Giao du bạn bè chánh yếu là khiêm tốn, nhún mình. Khi tụ hội, cần nên trống lòng, khiêm nhường,

thân thiết, tôn kính, bao dung. Nói chung là ít uốn nắn, chỉ trích, mà là dùng sự chân thành để cảm động, khích lệ, khuyến khích cho nhiều.

Ông Ôn Tiết Hiếu nói:

- Chơi với bạn, chỉ quan tâm đến ưu điểm của họ, chẳng màng khuyết điểm! Gặp người tánh tình cứng cỏi, hãy chịu đựng sự nóng nảy của họ. Gặp người rất tài hoa, hãy chịu đựng thói quen không câu thúc của họ. Gặp người chất phác, trung hậu, hãy chịu đựng tính khí chậm chạp của họ. Gặp người khinh bạc phóng túng, hãy chịu đựng tính hời hợt, bộp chộp của họ. Không chỉ là được lợi ích vô lượng mà còn trọn vẹn tình bạn bè.

Đời Tống, Trương Thiên Tải, hiệu là Nhất Ngạc, làm bạn với Văn Sơn<sup>469</sup>. Khi Văn Sơn quý hiển, Thiên Tải đã nhiều lần tránh né, không gặp gỡ. Tới khi Văn Sơn chiến bại, bị giải về Cát Châu. Thiên Tải ngầm đến gặp, nói: “Thưa Tướng! Nếu Ngài bị đưa về đất Yên (Bắc Kinh), Thiên Tải cũng đi theo”. [Sau đó, khi Văn Sơn bị giải về phương Bắc, Thiên Tải cũng] đến ở gần bên chỗ Văn Sơn bị cầm tù, suốt ba năm châu cấp Văn Sơn chẳng thiếu sót. Ngày Văn Sơn bị hành quyết,

---

<sup>469</sup> Văn Sơn chính là hiệu của Văn Thiên Tường (1236-1283). Ông tên thật là Văn Vân Tôn, tự là Thiên Tường, sau đổi thành Tống Thụy, hiệu là Văn Sơn. Ông là người xứ Lô Lăng, Cát Châu. Ông làm Hữu Thừa Tướng dưới thời Tống Cung Đế. Sau khi nhà Nam Tống bị quân Nguyên đánh bại, ông đã bị bắt về Bắc Kinh. Nhà Nguyên thấy ông có tài năng, dụ hàng, nhưng ông bất khuất thà chết không cam tâm đầu hàng. Ông để lại bài Chánh Khí Ca được coi là một bài thiên cổ hùng văn về lòng tinh trung báo quốc.

Thiên Tải ngằm giấu đầu Văn Sơn trong tráp gỗ, dò tìm vợ Văn Sơn là bà Âu Dương trong đám tù nhân, liền thiêu xác, thu nhật hài cốt<sup>470</sup> để trong đây, ôm tráp đi về phương Nam, giao cho gia đình của Văn Sơn an táng. Trước đó một hôm, con Văn Sơn mộng thấy cha nói: “Bác của con đã về tới rồi”. Chẳng lâu sau, quả nhiên [Trương Thiên Tải] tới nơi. Người đời sau gọi “tình bạn sống chết” là Thiên Tải Nhất Ngọc, đúng vậy thay!

Trầm Trọng Hóa nói:

- Thiếu sót tình bạn với người đã khuất còn tệ hơn thiếu sót tình bạn với người còn sống. Nay kẻ làm bạn với nhau, hãy tự hỏi có thể chẳng thay đổi tấm lòng trong cảnh sanh tử hay chăng?

Đời Tống, Quách Chí lúc mới nổi tiếng về tài viết những bài phú, bạn học là Lý Miễn đồ ký bèn gièm báng. Do vậy, Lý Miễn thi mãi không đậu. Về sau, Quách Chí đã đỗ đạt trước, lại làm Tri Công Cử<sup>471</sup>, Lý Miễn mới nhờ khoa thi Minh Kinh<sup>472</sup> mà được có tên đề dự thi [Tiến Sĩ]. Ngày ban chiếu [công bố quan chánh chủ khảo là Quách Chí], Lý Miễn hồ thẹn bỏ về. Quách Chí nghe tin, lập tức [sai người] đem Lý Miễn

---

<sup>470</sup> Lúc đó, vợ của Văn Thiên Tường cũng đã bị chết trong khi đang bị tù.

<sup>471</sup> Tri Công Cử (知貢舉): Theo quy chế từ thời Đường - Tống, vị đại thần được vua sai chủ trì khoa thi tuyển chọn Tiến Sĩ thì gọi là Tri Công Cử.

<sup>472</sup> Minh Kinh (明經) ở đây là khoa thi được đặt ra từ thời Tùy Dương Đế. Khoa thi Minh Kinh nhằm khảo hạch sự hiểu biết của sĩ tử về kinh điển Nho gia. Đã đỗ khoa thi Minh Kinh thì mới được ghi danh dự tuyển khoa thi Tiến Sĩ. Trong khoa thi Tiến Sĩ, chủ yếu khảo hạch về thơ phú.

trở lại, do vậy [Lý Miễn] bèn thi đỗ. Có thể thấy là gièm báng chẳng tổn hại người khác, chỉ tự mình chuốc lấy nổi khắc bạc vậy!

*(Chánh văn) Hư vu trá ngụy, công kiết tông thân.*

**(正文) 虛誣詐偽，攻訐宗親。**

*(Chánh văn: Đặt điều vu cáo hư vọng, xảo trá, dối gạt, công kích thân thuộc).*

Khinh mạn vô căn cứ thì là Hư (虛). Xằng bậy đặt chuyện nói xấu, miệt thị là Vu (誣). Dùng quỷ kế gạt gẫm người khác là Trá (詐). Dùng những cách thức dối đời trái lẽ thì gọi là Ngụy (偽). Nói tách ra thì là bốn điều, nói gộp lại sẽ là ‘chẳng chân thành’. “Thành” là đạo của trời, suy nghĩ chân thành là đạo của người. Nay bỏ lòng thành, noi theo hư vu trá ngụy, chẳng phải là trái nghịch đạo trời, đánh mất đạo người hay sao? Cái tâm ấy quá nhọc nhằn, chuyện ấy quá nguy hiểm<sup>473</sup>, chính là tướng trạng bạc phước nhất trong thiên hạ! Chẳng vào tam ác đạo thì sẽ đi về đâu?

---

<sup>473</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Do tâm thái ấy mà tạo thành trần lao, phải lưu chuyển luân hồi, nên nói là ‘kỳ tâm thậm lao’ (cái tâm ấy quá nhọc nhằn).

Đời Thanh, Tôn Đình Thuyên ở Ích Đô là người chất phác, chẳng phù phiếm. Vì thế, Thanh Thế Tổ (vua Thuận Trị) từng gọi ông ta là Tôn Lão Thật (ông Tôn thật thà). Mỗi khi chức vị Thượng Thư ở các bộ bị khuyết, vua liền bảo: “Vẫn là dùng Tôn Lão Thật [điền vào đó]”. Do ba lần gọi Tôn Lão Thật như thế, ông được phong làm Tể Tướng<sup>474</sup>. Thật thà có bao giờ khiến cho người ta bị lầm lẫn đâu nhỉ?

Tiết Phu chuyên bịa chuyện để làm đơn thưa kiện, có thể tô vẽ chuyện vô lý thành hữu lý. Hắn dùng chuyện này để làm giàu. Về sau, hắn làm trai đàn để tạ tội. Đạo sĩ phủ phục, sau đó đứng dậy nói: “Thượng Đế đã phê vào tờ biểu [tấu trình xin tha tội của người như sau]: Nhà thì phó cho hỏa ty, người thì giao cho thủy ty”. Về sau, quả nhiên nhà hắn cháy sạch, Tiết Phu ngã xuống nước chết đuối.

Thời Ngũ Đại, người xứ Mân<sup>475</sup> là Tiết Văn Kiệt có hiềm khích với Ngô Anh. Một hôm, chúa nước Mân

---

<sup>474</sup> Theo quy chế đời Minh - Thanh, không có chức vụ Tể Tướng hay Thừa Tướng, nhưng do nhu cầu hành chánh, vẫn phải có người đứng đầu bá quan. Do vậy, từ các quan đại học sĩ, nhà Minh lập ra Thủ Phụ (đứng đầu các phụ tá đại thần), thời Thanh thì gọi là Điện Các Đại Học Sĩ (vừa là bí thư riêng của nhà vua, vừa là người đứng đầu các đại học sĩ). Giữa đời Thanh, ngoài Điện Các Đại Học Sĩ, còn lập ra chức Quân Cơ Đại Thần trông nom việc quân, thường là do Điện Các Đại Học Sĩ kiêm nhiệm. Ở đây nói Tôn Lão Thật “*đại bá*” (được phong làm Tể Tướng) tức là được bổ nhiệm làm Điện Các Đại Học Sĩ.

<sup>475</sup> Mân ở đây là một nước thành lập vào thời Ngũ Đại. Vào năm Cảnh Phước thứ hai (893) đời Đường Chiêu Tông, ba anh em nhà họ Vương là Vương Triều, Vương Thảm Khuê, Vương Thảm Tri chiếm cứ Phước Châu, rồi chiếm toàn bộ vùng Phước Kiến. Nhà Đường quá suy yếu, phải phong cho Vương Triều làm Quan Sát Sứ rồi thăng lên làm Oai Vũ Quân Tiết Độ Sứ. Vương Triều chết vào năm Càn Ninh thứ tư (898), di mạng cho Vương Thảm Tri kế vị. Vương Thảm Tri được

là Vương Lâm (Vương Diên Quân) sai đồng cốt nhìn xem trong cung có quỷ hay không. Trước đó, Văn Kiệt đã nói với Ngô Anh: “Chúa thượng ngữ ông quyền cao chức trọng, ông hãy nên cáo bệnh. Nếu vua sai sứ giả đến hỏi, hãy nên thưa là bị đau đầu. Tôi có thể nói giúp cho ông”. Ngô Anh vâng theo. Văn Kiệt dặn gã đồng cốt nói: “Ngô Anh sắp làm phản, bị Thượng Đế lấy đinh bằng đồng đóng vào não”. Vua sai người đến [nhà Ngô Anh] dò xét, quả nhiên, Ngô Anh thưa là bị đau đầu. Vua liền giết Ngô Anh. Ngô Anh bị vu cáo, dân chúng đều nghiến răng. Khéo sao, Vương Lâm phát binh chống lại nước Ngô<sup>476</sup>, quân sĩ không chịu tiến, đòi cầm tù Tiết Văn Kiệt mới chịu tiến. Vương Lâm bắt đắc dĩ, cùm hãm lại, đưa vào trong quân. Quân sĩ xúm lại xả thịt hãm hết sạch.

---

phong làm Lang Da Vương. Tới khi nhà Hậu Lương soán ngôi nhà Đường, đã phong cho Vương Thâm Tri làm Mân Vương, đóng đô tại Trường Lạc (nay là thành phố Phước Châu, tỉnh Phước Kiến). Khi Vương Thâm Tri chết, con là Vương Diên Hàn kế vị. Sau đó, Diên Hàn bị anh em là Vương Diên Bẩm và Vương Diên Quân sát hại. Sau đấy, Vương Diên Quân giết Vương Diên Bẩm, lên làm vua, xưng đế, đặt quốc hiệu là Đại Mân, tôn Vương Thâm Tri làm Mân Thái Tổ. Nước này bị nhà Nam Đường của Lý Biện diệt quốc dưới thời Vương Diên Chánh (Thiên Đức Đế) vào năm 945.

<sup>476</sup> Ngô là một nước khác vào thời Ngũ Đại, do Dương Hành Mật sáng lập, còn được gọi là Dương Ngô, Nam Ngô, Hoàng Nông, hoặc Hoài Nam. Nhân lúc triều đình thời Đường Chiêu Tông suy yếu, Dương Hành Mật đang làm Tiết Độ Sứ tại Hoài Nam bèn chiếm cứ Dương Châu, tự xưng là Ngô Vương, đóng đô tại Quảng Lăng (tức Dương Châu). Địa bàn nước Ngô lớn gấp ba nước Mân bao gồm các tỉnh Giang Tô, An Huy, Giang Tây và một phần Hồ Bắc. Nước Ngô bị Nam Đường diệt quốc vào năm 937.

Đời Tống, Triệu Đình Thần giả vờ lập thỏa ước với người Động Nhung<sup>477</sup>, dụ họ đầu hàng triều đình, [đãi họ ăn uống] no say rồi giết sạch, rêu rao họ làm phản, dối trá tâu đó là công lao [đẹp loạn] của chính mình. Họ Triệu bèn được thăng thưởng hiển hách. Về sau, hấn mộng thấy những người đã bị giết nói: “Sẽ đến báo thù sự dối trá của mày”. Về sau, hấn sanh được một đứa con trai. Nó còn trẻ mà đã đỗ đạt, bỗng dưng cuồng nghịch, phạm pháp, [liên lụy đến] Triệu Đình Thần và vợ bị đày ra vùng Lĩnh Nam, bị người Động Nhung giết chết.

Đời Tống, Đinh Vị chẳng nói lời chân thật với người khác, từng bảo: “Nếu ai thật tâm sẽ chẳng làm nổi mọi việc, chỉ luôn bị kẻ khác khinh lẩn”. Đinh Vị giữ lòng trí trá như thế, khiến cho người khác chẳng thể dò lường được, bèn bị người đương thời xếp vào Ngũ Quỷ<sup>478</sup>, há có phải là do cái tâm trá ngụy mà không chuyện gì chẳng làm đó ư?

Cùng họ là Tông (宗), khác họ là Thân (親)<sup>479</sup>. Tuy có xa, gần, thân, sơ khác nhau, thật sự đều là những người có mối quan hệ thân thiết với ta, hãy nên đối đãi bằng lòng thân ái, trung thành. Cùng chia sẻ hoạn nạn,

---

<sup>477</sup> Động Nhung (洞戎) là tiếng để gọi chung các dân tộc thiểu số thuộc vùng Lĩnh Nam, tức là các dân tộc thiểu số tại Quảng Tây, Quý Châu, và Hồ Nam.

<sup>478</sup> Ngũ Quỷ là năm gã gian thần thời đó, tức Đinh Vị, Lâm Đặc, Trần Bành Niên, Lưu Thừa Khuê và Vương Khâm Nhược.

<sup>479</sup> Có thể hiểu là họ bên nội là Tông, họ bên ngoại là Thân. Thân cũng bao gồm quan hệ họ hàng do thông gia, chẳng hạn họ hàng bên vợ, hoặc bên chồng được gọi là Thân.

giúp đỡ người khốn cùng. Giấu giếm những điều xấu trong nhà cho nhau, cùng ngăn ngừa sự lấn hiếp từ bên ngoài, há nên tranh chấp lẫn nhau, so đo từng ly từng tý một, giận dữ, ghen ghét, chiếm đoạt, xét nét, công kích hay chẳng? Lặt càn làm đau lòng cây, chặt đứt rễ khiến cho mạng mạch của nó chấm dứt, hãy nên răn dè!

Đời Xuân Thu, Yên Bình Trọng<sup>480</sup> đi xe rách nát, cỡi ngựa gầy. Hoàn Tử cho rằng ông ta cố tình ẩn giấu sự ban thưởng của vua. Yên Tử (Yên Bình Trọng) nói: “Kể từ khi thần được hiển quý, họ bên cha không ai chẳng ngồi xe. Họ bên mẹ không ai chẳng cơm áo no đủ. Họ bên vợ không ai đói lạnh. Học trò nước Tề nhờ thần mà có cái để thổi lửa nấu cơm hơn ba trăm người. Như thế là ẩn giấu sự ban thưởng của quân vương, hay là phô bày ân vua ban thưởng vậy? Trước là họ bên

---

<sup>480</sup> Yên Bình Trọng tức là Yên Anh (còn gọi là Yên Tử, có khi đọc là Ân Anh). Ông làm quan thượng đại phu nước Tề, là con trai của Yên Nhược. Khi cha ông mất, ông được vua Tề bổ nhiệm làm Thượng Đại Phu, đứng đầu bá quan. Tương truyền, ông thân hình thấp bé, loét choắt, mặt mũi xấu xí, nhưng thông minh tuyệt đỉnh. Ông giữ chức Thượng Đại Phu suốt năm mươi hai năm, trải các đời vua Linh Công, Trang Công và Cảnh Công. Ông ứng đối mẫn tiệp, khéo trị nước, khiến cho triều đình Tề lần các nước chư hầu về phục. Do Tề và Sở cạnh tranh thế lực với nhau, nước Sở thường tìm cách làm nhục sứ Tề. Khi Yên Anh đi sứ nước Sở, họ mở cửa ngách mời ông vào, thay vì mở đại môn. Ông thản nhiên bảo: “Nếu ta đi sứ sang nước của chó thì mới chui lỗ chó mà vào, chứ ta đi sứ nước Sở, chẳng lẽ phải chui lỗ chó hay sao?” Quan tiếp đãi của nước Sở cứng họng, phải mở đại môn. Khi Sở Linh Vương tiếp sứ đoàn, đã hạ nhục Yên Anh bằng câu hỏi: “Bộ nước Tề hết người hiền năng rồi hay sao mà chọn người đi sứ?” Yên Anh thản nhiên đáp: “Nước Tề có hơn bảy ngàn hộ, dân trong thành chỉ cần giơ tay áo lên che là đã khuất bóng mặt trời, thân họ chảy mồ hôi nhiều như mưa, làm sao không có người cho được!” Vua Sở châm chọc: “Vậy tại sao lại chọn người?” Yên Anh cười: “Nước Tề phái người đi sứ nước nào cũng đều chọn người thích hợp với nước đó. Người hiền năng sẽ được phái đi sứ những nước có bậc quân chủ hiền năng, kẻ chẳng hiền năng sẽ bị sai đi sứ những nước có vua chẳng có phẩm đức! Tôi là người tệ hại nhất nước Tề, nên mới được sai đi sứ nước Sở”.



cha, rồi đến họ bên mẹ, sau là họ bên vợ, cuối cùng là đến những người xa lạ. Đó gọi là [giúp đỡ] từ người thân thiết cho đến người xa lạ vậy”. Có thể nói Yến Tử khéo đối xử hòa mục với họ hàng. Người có tấm lòng ấy, há có thói tề công kích [thân thích] ư? Vì thế, nêu ra chuyện này nhằm khuyên nhủ những kẻ phạm lỗi công kích, mà ác báo của kẻ công kích cố nhiên cũng chẳng cần phải nêu ra nữa!

*(Chánh văn) Cang cường bất nhân, ngạn lệ tự dụng.*

**(正文)剛強不仁，很戾自用。**

*(Chánh văn: Ương bướng bất nhân, độc ác, tàn nhẫn, tự cho là đúng).*

Khổng Tử chủ trương cương nghị là chú trọng nơi lý. Thái Thượng răn nhắc về “*cang cường*” (cứng cỏi, ương ngạnh) là nói đến sự dẫn khởi từ tánh khí. Các thầy thuốc gọi chứng tê bại là “*bất nhân*” với ý nghĩa “*chẳng biết đau, ngứa*”. Vì thế, kẻ ưa ương bướng, hành sự thuận theo tình cảm xung động khi đả người tiếp vật, sẽ chẳng có chút thông cảm nào, thuần là ý niệm cạn tàu ráo máng, thế tục gọi [tánh khí như vậy] là “*tấm lòng sắt đá*”, làm sao có thể nhân từ cho được? Nhưng kẻ ương ngạnh chẳng có kẻ nào không bị chiết

phục. Nếu họ đã ném trái mảy phen thua thiệt to lớn, sẽ dần dần hóa thành mềm mỏng. Đây là chuyện muôn phần may mắn của kẻ ương ngạnh vậy, tôi hằng ngày đều mong mỗi.

Đời Tống, Bao Chửng<sup>481</sup> làm Long Đồ Các Học Sĩ<sup>482</sup>, có tên thụy là Hiếu Túc. Ông tánh tình cương trực, bất khuất. Thuộc hạ có điều bẩm cáo, ông thường phê bình ngay mặt [nếu nói những điều chẳng hợp lý]. Nếu lời họ thưa trình đúng lý, ông cũng chưa hề không vui mừng, thay đổi [theo ý kiến đề xuất]. Do vậy, mọi

---

<sup>481</sup> Bao Chửng (包拯, 999-1062), tự là Hy Nhân, người xứ Hợp Phì thuộc Lư Châu (nay là thành phố Hợp Phì tỉnh An Huy). Ông làm quan tới chức Xu Mật Phó Sứ, Triều Tán Đại Phu, Cấp Sự Trung, Thượng Khinh Xa Đô Úy, tước Khai Quốc Hầu, được ăn lộc một ngàn tám trăm hộ. Ngoài việc từng làm Lễ Bộ Thượng Thư, ông được biết đến nhiều nhất dưới chức vụ Long Đồ Các Trục Học Sĩ. Do tài xử án công chánh, phán án nghiêm minh, phá án chánh xác, ông được ca tụng là Bao Thanh Thiên, và dân gian có câu nói: “*Gặp Diêm La Bao Lão, hoàng thân quốc thích hoạn quan bó tay*”. Thậm chí dân gian còn truyền tụng: Sau khi chết, ông trở thành Ngũ Điện Diêm La Vương. Dã sử còn tương truyền ông là Văn Khúc Tinh Quân giáng thế, phù tá Tống Nhân Tông. Ông đỗ Tiến Sĩ trong niên hiệu Thiên Thánh thứ năm (1027) đời Tống Chân Tông, được phong làm Đại Lý Bình Sự, bổ làm tri huyện Kiến Xương, nhưng do còn cha mẹ già, nên không đi nhậm chức. Mười một năm sau, khi cha mẹ đều đã qua đời và tang chế đã mãn, ông mới ra làm tri huyện Thiên Trường, rồi tri châu Đoan Châu. Được vua gọi về kinh làm Giám Sát Ngự Sử Lý Hành, thăng lên làm Giám Sát Ngự Sử. Ông cứng cỏi, nghiêm khắc dân sở đàn hặc Giang Tây Chuyển Vận Sứ Vương Quỳ, ba lần đàn hặc ngoại thích Trương Nghiêu Tá. Sau đó, ông được cử kiêm nhiệm Tri Khai Phong Phủ, tức chức quan Kinh Triệu Doãn trông coi kinh thành trong khi đang giữ chức Long Đồ Các Trục Học Sĩ. Ông thẳng tay trừng trị những kẻ quyền quý cậy thế. Dầu là hoàng thân quốc thích mà phạm pháp, cũng bị ông trừng trị tới nơi tới chốn.

<sup>482</sup> Long Đồ Các nằm ở chái tây của điện Hội Khánh, trực thuộc ngự thư phòng của hoàng đế đời Tống, được lập ra từ thời Tống Chân Tông. Long Đồ Các Trục Học Sĩ là chức quan văn thuộc về Chánh Tam Phẩm, đặc trách biên soạn, kiểm thảo các chiếu chỉ và chánh lệnh của hoàng đế, quản lý danh sách, sổ bộ liên quan đến hoàng thân quốc thích, cũng như quản lý các trước tác, sách vở, tài liệu và các văn vật trân quý của hoàng đế.

người đều kính phục. Phàm cứng cỏi mà hợp lý, gặp chuyện bèn có thể phán đoán rõ ràng, chánh xác, đây là dũng khí của bậc có lòng nhân vậy.

Đời Tống, Trương Nhữ Khánh làm Đề Hình. Mỗi khi thẩm vấn tù phạm, bất luận phạm tội nặng hay nhẹ, đều sử dụng toàn bộ các dụng cụ hành hình, gọi là “*đả nhất sáo*” (đánh trọn một bộ). Những kẻ bị ông tra khảo đều gọi Trương Nhữ Khánh là “*Diêm La thôi đao*” (kẻ đẩy người khác đến chỗ vua Diêm La). Về sau, hết nhiệm kỳ, Nhữ Khánh quay về, thuyền đi đến Cao Bưu, đêm nằm mộng thấy mấy trăm người toác đầu, gãy chân, vây quanh đòi mạng. Về đến nhà, giữa ban ngày mà thấy lệ quỷ, thất khiếu tuôn máu mà chết. Phàm là kẻ ngang ngược, hung bạo, sẽ chẳng được chết yên lành, có nhiên chẳng cần phải nói nữa! Nhưng sau khi đã chết, còn phải thọ báo trong tam đồ, cho đến khi nào mới được thoát khỏi? Cứ từ câu chuyện này mà suy, hết thấy những kẻ cứng rắn đến nỗi gần như hung bạo, do quen thói cường bạo mà gần như là kẻ giặc, cũng đáng nên phản tỉnh!

Phàm là người làm việc, tham khảo ý kiến của người khác thì là trí, tự cho mình là đúng thì ngu. Tự cho mình là đúng còn chẳng nên, huống hồ hung hãn, tàn nhẫn. Đức Phật nói hung hãn, tàn nhẫn giống như ngựa ác, đáng gọi là khó thuần phục. Con người hung hãn, tàn nhẫn, đối với hết thấy [mọi sự, mọi việc] đều chấp chặt ý kiến của chính mình, tự cho là đúng, chẳng chịu phục kẻ khác. BẠN LÀNH, TRI THỨC AI ĐẾN THÂN CẬN?

Lời lành, lý hay, lấy ai bảo ban? Đây là cội nguồn tạo ác, chuốc hận, không chỉ hơn chuyện này.

Đời Tống, Vương An Thạch hẹp hòi, đồ ky, giả vờ hiền thiện, giấu ác, kéo bè kết đảng để trừ khử những kẻ khác ý, cưỡng từ đoạt lý, tự cho mình [là người có phẩm đức tốt đẹp] như Cao, Quỳ, Tắc, Khế<sup>483</sup>. [Thật ra, hắn ta là] nhân tài khiến cho chánh sự bại hoại, là kẻ mang tám lòng phá hoại học thuật! Trong tác phẩm Tam Kinh Tân Nghĩa và Tự Thuyết của hắn, những chỗ hủy báng, vu vạ, miệt thị thánh nhân, phá nát đại đạo, không chỉ là một điều! Kinh Xuân Thu phân định chánh đáng danh phận [vua tôi, cha con...], đặt định tiêu chuẩn khen chê (đánh giá các nhân vật lịch sử), khiến cho bọn loạn thần, tặc tử kinh sợ; Vương An Thạch khiến cho người học chẳng nghiên cứu kinh Xuân Thu. Sử Ký và Hán Thư chép những chuyện thành, bại, an nguy, sanh tử, tồn vong, bình trị, loạn lạc, chính là những tấm gương soi, là khuôn phép cho cõi đời. Vương An Thạch khiến cho người học chẳng đọc Sử Ký, Hán Thư. [Đối với chuyện] Dương Hùng<sup>484</sup>

---

<sup>483</sup> Cao là Cao Đào. Ông Cao là một vị đại thần nổi danh trông coi về hình pháp. Quỳ là tên viên quan nổi tiếng hiền năng, trông coi về lễ nhạc (do sử không chép đầy đủ tên họ, nên không biết ông này họ là gì). Tắc là Hậu Tắc, người trông coi nông nghiệp. Khế là tên quan Tư Đồ, trông coi về giáo dục. Những vị này đều là bày tôi hiền năng của vua Thuần.

<sup>484</sup> Dương Hùng là người Tứ Xuyên, sống vào thời Tây Hán, hiếu học, có tài ăn nói, học rộng, có thể coi là một bậc học giả thời ấy. Ông ta viết rất nhiều sách và có nhiều bộ nổi tiếng như Thái Huyền, Phương Ngôn, Pháp Ngôn v.v... Do vì tham đắm địa vị, ông ta không phê phán Vương Mãng soạn đoạt nhà Hán lập ra nhà Tân là phản nghịch, lại còn dùng lời lẽ biện minh cho hành động ấy. Quá đáng hơn nữa là Dương Hùng còn phỏng theo tác phẩm Phong Thiện Văn của Tư Mã Tương Như để phê phán Tần Thủy Hoàng, ca tụng công đức của Vương Mãng.

không kết tội Vương Mãng soán đoạt, phê phán kịch liệt nhà Tân, ca tụng nhà Tân, Vương An Thạch bèn viết: “Phù hợp với cách nói ‘*vô khả, vô bất khả*’<sup>485</sup> của Không Tử”. Đối với chuyện Phùng Đạo thờ bốn họ, tám vua<sup>486</sup>, Vương An Thạch bèn viết: “Khéo tránh nạn để bảo toàn cái thân”, khiến cho hàng công khanh đều vâng theo lời ấy, chẳng có khí tiết, trung nghĩa. Thoạt đầu, An Thạch đối xử hòa hảo với các bậc hiền thần. Do tranh chấp về “tân pháp” chẳng hợp ý, hắn đều bài xích, lưu đày họ. Con trai của hắn là Bàng còn nói:

---

<sup>485</sup> “*Vô khả, vô bất khả*”: Trong thiên Vi Tử sách Luận Ngữ có đoạn: “*Dật dân, Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Châu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên. Tử viết: - Bất giáng kỳ chí, bất nhục kỳ thân, Bá Di, Thúc Tề dư? Vị Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên, giáng chí nhục thân hỹ, ngôn trung luân, hành trung ngu, kỳ tư nhi dĩ hỹ. Vị Ngu Trọng, Di Dật, ẩn cư phóng ngôn, thân trung thanh, phế trung quyền. Ngã tắc dị ư thị, vô khả, vô bất khả*” (Đối với những bậc ẩn sĩ như Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Châu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên, Không Tử nói: “Chẳng hạ thấp chí hướng, chẳng khuất nhục thân phận của chính mình, phải là Bá Di, Thúc Tề đấy ư? Nói đến Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên thì bọn họ đã hạ thấp chí hướng, khuất nhục thân phận, chỉ là ăn nói phù hợp luân lý, hành xử phù hợp lý trí, họ chỉ làm được như vậy mà thôi. Nói đến Ngu Trọng, Di Dật thì họ ẩn cư, ăn nói tự do, giữ thân trong sạch, từ chối quan chức, đấy cũng là hợp lý trí. Ta chẳng giống họ, không gì là có thể, không gì là chẳng thể).

<sup>486</sup> Phùng Đạo sống vào thời Ngũ Đại, khéo luồn lách nên làm tể tướng hoặc các chức quan cao cấp dù triều đại thay đổi. Hễ vương triều này bị xóa sổ, hắn khéo léo luồn lách, bỏ đờ để rồi lại vinh hiển, phú quý trong triều đại mới. Ở đây, Cảm Ứng Thiên ghi là “*bốn họ, tám vua*”, thật ra Phùng Đạo làm quan cao chức cả suốt năm triều đại, tám gia tộc, mười ba đời vua! Dân gian châm biếm gọi ông ta là Trường Lạc Lão Nhân, hoặc Bát Đảo Ông (con lật đật). Chẳng hạn, ông ta làm tể tướng cho Lý Tự Nguyên (nhà Hậu Đường, tức Đường Minh Tông). Khi Đường Minh Tông mất, con nuôi của tân hoàng đế Lý Tùng Hậu là Lý Tùng Kha làm phản, đoạt ngôi của Lý Tùng Hậu, khiến Lý Tùng Hậu phải chạy sang nương nhờ Thạch Kính Đường. Thay vì xuống chiếu cần vương, Phùng Đạo nhanh chóng dẫn đầu các quan ra tiếp đón, nịnh bợ tân hoàng đế. Tuy không được trọng dụng, hắn vẫn giữ các chức Tiết Độ Sứ rồi Tư Không. Khi Thạch Kính Đường diệt Lý Tùng Kha, lập ra nhà Hậu Tấn, Phùng Đạo lại nhanh chóng bỏ đờ tân vương, được phong làm Tể Tướng. Khi Da Luật Đức Quang xua quân xuống miền Nam diệt nhà Tấn, Phùng Đạo lại nhanh chóng tìm cách luồn lách, trở thành Thái Sư của nhà Liêu...

“Chặt đầu Hàn Kỳ, Phú Bật ngoài chợ, tân pháp mới thực hành được”. Như vậy thì có thể biết Vương An Thạch là hạng người như thế nào!

Về sau, do người công kích [tân pháp] quá đông, hấn càng thêm ngạo mạn, hung hãn, phóng túng, hoang đường, bảo: “Điềm trời biến đổi chẳng đáng sợ, lời người khác [phê phán] chẳng đáng quan tâm, pháp tắc của tổ tiên chẳng đáng tuân thủ”. Tội nặng nề, điều ác ngập tràn. Con trai duy nhất của Vương An Thạch là Bàng lưng mọc nhọt độc, chết yểu. Hấn đau thương khôn cầm, nhiều lần lấy cớ bệnh tật xin từ chức. Về sau, Tống Thần Tông chán ghét, bãi chức hấn ta. Trên là không được vua sủng ái, dưới là buồn bã vì tuyệt tự, giữa là bị người đời ghét bỏ. Những bậc hiền năng bị hấn bài xích, xua đuổi trước kia, nối tiếp nhau nắm quyền, phế sạch tân pháp của hấn. Vương An Thạch hồ thẹn, sợ hãi mà chết.

*(Chánh văn) Thị phi bất đáng, hướng bối quai nghi.*

**(正文)是非不當，向背乖宜。**

*(Chánh văn: Chẳng phân biệt đúng sai, hành xử không thích đáng).*

Bậc quân tử khiến cho căn cội nhân nghĩa tăng trưởng phong phú, củng cố phòng vệ lễ nghĩa, sẽ có công năng thẩm định tốt, xấu, phân định thích đáng đúng, sai. Đối với mỗi người, đúng sai có liên quan đến điều thiện, lẽ ác của chính người đó. Đối với một làng, đúng sai sẽ có liên quan đến điều lợi, lẽ hại của làng ấy. Đối với thiên hạ, đúng sai liên quan đến sự an nguy trong thiên hạ. Há có thể chẳng thận trọng, cứ khinh suất [hành xử] chẳng thích đáng, coi sai là đúng, coi đúng là sai ư?

Đời Tống, Doãn Sư Lỗ giữ mình, dạy người, khẳng định đúng sai chánh xác, chẳng có gì phải giấu giếm, chẳng làm chuyện cầu thả, chỉ chú trọng hết sức phù hợp đạo lý. Khi lâm chung, ông viết thư từ biệt Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên). Văn Chánh bươn bả tới nơi, ông đã tắm rửa, đội mũ, thắt đai, ngồi ngay ngắn qua đời. Văn Chánh Công đau đớn, khóc lóc. Ông lại mở mắt, bảo: “Đã từ biệt ông rồi, sao ông lại tới để làm gì? Sống chết là lẽ thường hằng, sao Hy Văn<sup>487</sup> chẳng hiểu vậy?” Nói xong, lại chấp tay [từ biệt], qua đời. Thuở ấy, [đạo đức, học vấn] của ông Doãn được người đương thời học theo. Nếu chẳng thấu hiểu cùng tận tinh vi thì trong lúc tử sanh, những chuyện dây lên quấy nhiễu ta sẽ nhiều lắm! Nói “*nhập*

---

<sup>487</sup> Hy Văn là tên tự của Phạm Trọng Yên. Theo cổ lễ, đối với mỗi người, ngoại trừ cha mẹ và thầy dạy, hoặc khi còn bé thì mới gọi tên thật. Sau khi một thanh niên đã làm lễ gia quan, đặt tên tự, ngay cả vua cũng không gọi thẳng tên thật khi nói chuyện với người đó, mà thường gọi bằng tên tự.

*đạo vận dụng cả tri lẫn hành, nhưng tri càng quan trọng hơn”* chính là nói đến lẽ này.

Đời Tống, Thái Kinh làm Tể Tướng trong các niên hiệu Nguyên Hựu và cuối niên hiệu Nguyên Phù<sup>488</sup>, đã cáo buộc tể tướng Tư Mã Quang, thị thần<sup>489</sup> như Tô Thức v.v... quan văn như Trình Di v.v... quan võ như Vương Hiến Khả v.v... [tổng cộng] một trăm hai mươi người là gian đảng, xin hoàng đế hạ chiếu, khắc tên họ lên đá ở cửa Đoan Lễ và các châu huyện [để công bố tội trạng]. Dân chúng đều bất bình. Không lâu sau, bia đá bị sấm sét đánh nát. Thái Kinh cũng do có chuyện [phạm tội mà bị] lưu đày rồi chết.

“*Hướng*” (向) là hãy nên hướng đến, thuận theo, có nghĩa là phải thuận theo, hướng đến những cái được gọi là “*hảo nhân, hảo sự*”. “*Bối*” (背) là hãy nên trái nghịch, chống lại những thứ được gọi là “*tà nhân, tà sự*”. Hướng theo tà, trái nghịch chánh thì gọi là “*quai nghi*” (乖宜, chẳng hợp lẽ, chẳng thích đáng). Sơ sót nhất thời, suốt đời thân bại danh liệt, há có thể chẳng cần trọng ư?

Đời Đường, Tống Thân Tích làm Tể Tướng dưới triều vua Đường Văn Tông. Do thấy Trịnh Chú quá

---

<sup>488</sup> Nguyên Hựu (元祐) là niên hiệu của Tống Triết Tông từ năm 1086 đến năm 1094. Nguyên Phù (元符) là niên hiệu của Tống Triết Tông từ năm 1098 đến năm 1100.

<sup>489</sup> Thị thần (侍臣) là các quan bày tôi thân cận, thường là cố vấn thân cận.



chuyên quyền, [Thân Tích] muốn trừ bỏ, bèn cậy người bạn là Vương Phan đang làm quan Kinh Triệu Lệnh (quan trông coi kinh thành, giống như đô trưởng hiện thời) ngầm theo dõi xem Trịnh Chú có làm chuyện gì chẳng đúng pháp tắc hay không. Vương Phan do Trịnh Chú [cất nhắc] mà được phú quý, bèn cáo giác âm mưu ấy với hãn. Trịnh Chú sợ hãi, vu cáo ngược lại Tổng Thân Tích có hành vi sai trái, [ép vua] đày [Thân Tích] đi làm Tư Mã ở Khai Châu (nay là Khai Huyện, tỉnh Tứ Xuyên). Thân Tích ôm niềm phần hận mà chết. Về sau, Tổng phu nhân mộng thấy Tổng Thân Tích dẫn tới một cái hố ở ngoài thành. Trong hố có mấy người tử tù. [Thân Tích] chỉ một gã bảo vợ: “Đây là Vương Phan, ta đã thỉnh cầu Thượng Đế [trừng phạt hãn]”. Nhân đây, phần nộ quát tháo. Phu nhân kinh hãi, tỉnh giấc, thầm ghi nhớ [chuyện ấy]. Không lâu sau, Lý Huấn và Trịnh Chú mưu giết hoạn quan, xin vua sai bọn [hoạn quan] đến doanh trại Kim Ngô để xem cam lộ<sup>490</sup>. [Trước đó,

---

<sup>490</sup> Thời ấy, bọn hoạn quan có quyền lực rất lớn, lũng đoạn triều chánh, lấn hiếp các quan văn võ. Đường Văn Tông (Lý Ngang) không cam lòng bị hoạn quan khống chế, đã âm mưu với Lý Huấn và Trịnh Chú tính giết sạch những đứa thủ lãnh của bọn hoạn quan. Vào ngày Hai Mươi Một tháng Mười Một năm Thái Hòa thứ chín, Đường Văn Tông viện cớ đi xem trời hiện ra cam lộ ở trên cây trong hoàng cung, hạ lệnh các triều thần và hoạn quan phải cùng đi xem, sai bọn thủ lãnh hoạn quan sang doanh trại Kim Ngô (quân cảnh vệ hoàng thành) sắp đặt trị an để thừa cơ dùng phục binh giết chết chúng. Trước đó, Trịnh Chú đã sai Vương Phan sắp sẵn phục binh tại doanh trại Kim Ngô, ước hẹn khi bọn thái giám vào doanh, sẽ ủa ra giết sạch không tha. Do Vương Phan nhút nhát, chần chừ, khiến cho thủ lãnh bọn hoạn quan là Cừ Sĩ Lương phát giác. Họ Cừ bèn điều quân đánh nhau với quân cấm vệ, đôi bên giao chiến kịch liệt. Cuối cùng, Lý Huấn, Vương Nhai, Thư Nguyên Dư, Vương Phan đều thảm bại. Đường Văn Đế bị bọn hoạn quan biến thành bù nhìn, từng rơi lệ than thở với Trục Học Sĩ Châu Tri: “Trẫm bị lũ gia nô khống chế, cảnh ngộ còn tệ hơn Châu Noãn Vương, Hán Hiến Đế”. Do vậy, vua uất ức thành bệnh, qua đời khi mới ba mươi hai tuổi.

Lý Huân và Trịnh Chú] đã sai mấy người như Vương Phan v.v... dẫn quân đến đó [phục sẵn] để giết bọn hoạn quan. Vương Phan run lẩy bẩy chẳng dám tiến. Rốt cuộc âm mưu thất bại, hắn bị chém ngang lưng ngoài chợ. Có mấy người đều cùng bị chém, chôn ở ngoài thành.

Đời Tống, Trung Túc Lưu Chí<sup>491</sup> từng luận định mười điều tai hại của phép trợ dịch<sup>492</sup>. Vương An Thạch trách ông Lưu là kẻ hành xử không thích đáng, giáng ông xuống trông coi Tư Nông Tự<sup>493</sup>. Vua xuống chiếu, ra lệnh cho ông phân tích [nguyên nhân vì sao phản đối]. Ông thưa: “Thần hướng theo lẽ trung trực, phản đối tà nịnh. Hướng theo đạo nghĩa, phản đối [chỉ chú trọng] lợi lộc. Hướng đến đức vua, phản đối kẻ quyền thần gian trá. Mắc tội như thế, cố nhiên là thần đáng phải chịu. Nhưng phép trợ dịch rốt cuộc gây hại cho thiên hạ, xin bệ hạ đừng quên lời thần [tâu trình]”. Ai nấy đều lo sợ cho ông, riêng ông chẳng đoái hoài. Về sau, ông làm Tể Tướng. Ông Lỗ nói: “Hướng theo cái đáng nên hướng theo, đừng nên hướng theo lẽ riêng tư. Chống đối những cái đáng nên chống đối. Chống đối cũng phải vì lẽ công chánh. Thoạt đầu, đừng tính

---

<sup>491</sup> Vị này tên thật là Lưu Chí, thụy hiệu là Trung Túc. Theo cách nói tôn trọng thời cổ, thường xen thụy hiệu vào giữa tên và họ, nên Cảm Ứng Thiên mới chép là Lưu Trung Túc Chí.

<sup>492</sup> Trợ Dịch là một trong các biện pháp trong chánh sách tân pháp của Vương An Thạch, cho phép những kẻ sẵn tiền có thể bỏ tiền thuê người đi lao dịch thay. Lao dịch là hình thức trưng công lao động tập thể trong những công trình công ích lớn như đắp đê, sửa đường, sửa cầu v.v...

<sup>493</sup> Tư Nông Tự là cơ quan trông coi việc nông nghiệp, gần như tương đương với bộ Nông Nghiệp hiện thời.

toán họa phước [cho cá nhân], mà họa phước thuận theo. Chuyện này cũng nhằm cảnh tỉnh những kẻ không làm như ông Lưu mà cam tâm làm Vương Phan vậy”.

*(Chánh văn) Ngược hạ thủ công, siểm thượng hy chỉ.*

**(正文) 虐下取功，諂上希旨。**

*(Chánh văn: Ngược đãi kẻ dưới để lập công, nịnh bợ kẻ trên để đón ý [cầu lợi]).*

Đuốc vào ban đêm sẽ có công dụng trừ diệt tối tăm. Thuyền gặp nước, ắt có công dụng chở vật. Đại để, nước chảy thành sông ngòi, công năng sẽ tự thành tựu; vì thế, chẳng cần phải chiếm lấy. Nếu cố ý tranh giành [hòng lập công], ắt kẻ làm tướng sẽ dung túng cho quân lính cướp bóc, giết chóc, kẻ làm nha lại sẽ xằng bậy tăng thêm thuế khóa, lao dịch, kẻ làm quan trông coi hình pháp sẽ ghép thêm nhiều tội cho người khác, sẽ đều chẳng đoái hoài, thương tiếc, mặc sức mà làm! Nhưng những hành vi như thế ấy đều là lấy máu mỡ của dân chúng để đổi lấy công danh cho một người! Có được công trạng, chẳng qua là thăng quan, họa cũng xảy tới, há chỉ là sát thân? Người tuy cực ngu, chắc chắn chẳng đến nỗi ấy! Chẳng nhìn vào những tấm gương của cổ nhân đó ư? Đòi Tống, Tào Bân hạ thành

trì [của nhà Nam Đường] ở Giang Nam, chẳng tàn sát một ai. Đời Hán, Cấp Ẩm giả chiếu chỉ để mở kho [thóc cứu đói], cứu sống mấy vạn người. Đời Hán, Vu Định Quốc làm Đình Úy, dân chúng chẳng bị phán xử oan uổng. Trong thuở ấy, có vị nào chẳng phải là công thần bậc nhất?

Thời Đường Huyền Tông, chi tiêu ngày càng xa xỉ. Vua lại không muốn lấy tiền từ công khó<sup>494</sup> để cung ứng. Viên Ngoại Lang của bộ Hộ<sup>495</sup> là Vương Hồng biết ý vua, bèn đục khoét dân chúng, [tặng thêm] những món tiền bạc ngoài hạn ngạch tuế cống<sup>496</sup> lên đến trăm ức vạn, đều chứa trong nội kho để cung ứng cho chi dụng [của hoàng đế]. Vua tưởng hẳn có tài năng làm

---

<sup>494</sup> Nguyên văn “*tả hữu tạng*” (左右藏). Đây chính là hai cái kho, thuộc loại quốc khố. Kho ở bên trái (tả tạng) chứa tiền bạc, vải vóc, lụa là, tiền thuế. Kho bên phải (hữu tạng) chứa các thứ vàng ngọc, châu báu, đồng sắt, ngà voi, xương thú, tranh vẽ.

<sup>495</sup> Hộ Bộ (戶部) là một trong sáu bộ. Bộ này có trách nhiệm quản trị đất đai, hộ tịch, thuế khóa, tài chánh. Viên Ngoại Lang (員外郎) có nghĩa gốc là quan viên nằm ngoài chức chánh và phó của một cơ quan hành chánh. Đây là chức quan phò tá cho Thượng Thư và Thị Lang của mỗi bộ. Về sau, những nhà giàu có cũng được gọi là Viên Ngoại.

<sup>496</sup> Tuế cống (歲貢): Những khoản lễ vật bắt buộc phải dâng lên vua hàng năm từ các chư hầu và các thuộc quốc. Thuộc quốc không nhất thiết là các nước bị Trung Hoa xâm chiếm, mà là các nước nhỏ độc lập xung quanh phải cống nạp mỗi năm bao nhiêu đó để Trung Hoa không viện cớ xâm lăng. Việt Nam tuy độc lập từ thời Ngô Quyền, nhưng vì để tránh bị Trung Hoa phát động chiến tranh xâm lược liên miên, đã phải tuế cống mỗi năm rất tốt kém. Họ đòi vàng, bạc, những sản phẩm quý hiếm như ngà voi, sừng tê giác, trầm hương, sâm, quế, nhung, cao hổ cốt, trái vải, lụa là, đồ sứ, cà cuống... Nói chung là những thứ quý hiếm, ngon lạ đều bị vua quan Trung Hoa hạch sách, đòi hỏi. Thậm chí dưới thời nhà Lê, vào những năm đầu, do quân Lê Lợi giết chết tướng nhà Minh, các vua Lê phải đúc tượng vàng to bằng người thật để triều cống.

giàu cho đất nước, bèn phong cho hấn làm Thái Phỏng Sứ<sup>497</sup> ở kinh đô. Không lâu sau, lại phong cho hấn làm Hộ Bộ Thị Lang kiêm Kinh Triệu Doãn, nhưng trong ngoài đều kêu ca, oán thán. Chẳng bao lâu, do bị liên lụy bởi em trai là Vương Đạc [phạm tội], hấn được ban tội chết.

Đời Tống, Vương Thiệu đề nghị khai phá vùng Hy Hà<sup>498</sup>, giết người quá nhiều, tích lũy công trạng làm tới chức Xu Mật Sứ. Hấn lại thường cố ý giết chết người già và trẻ thơ của dân tộc Khương đã đầu hàng để lấy thủ cấp cho bọn hương thân mạo nhận công trạng hồng nhận lãnh chức tước. Lúc về già, hấn hối hận, đem chuyện nhân quả hỏi các vị trưởng lão. Mọi người đều nói: “Do phép vua mà giết người, giống như thuyền đi lại đề chết ốc, trai, tất nhiên là vô tâm”. Chỉ có Điều Cảnh Thuần bảo: “Chỉ sợ là chẳng dối gạt tự tâm được. Nếu đã chẳng màng đến tự tâm, ắt sẽ chẳng hỏi!” Vương Thiệu càng sợ, sau lưng sanh ra nhọt độc, luôn miệng kêu gào: “Vô số kẻ bị chặt đầu, chặt chân đòi mạng”. [Ghê độc] ăn sâu như cái hồ lan thủng ngực, hấn bèn chết. Con trai trưởng của hấn học máu chết tươi, con trai út do phạm tội mà bị chặt đầu, gia môn tuyệt diệt.

---

<sup>497</sup> Thái Phỏng Sứ (采訪使) gần như tương đương với tỉnh trưởng hiện thời. Đời Đường, chia toàn bộ lãnh thổ thành mười lăm đạo. Mỗi đạo tương đương với một tỉnh hiện thời, mỗi đạo đặt quan đứng đầu gọi là Thái Phỏng Xứ Trí Sứ, thường gọi tắt là Thái Phỏng Sứ.

<sup>498</sup> Hy Hà nay là huyện Lâm Thao tỉnh Cam Túc.

Người dân huyện Chân Dương là Trương Ngũ ăn trộm trâu, những người làng như Hồ Đạt v.v... bắt được, Trương Ngũ bị Hồ Đạt đánh chết. Những tên trộm khác vu cáo Hồ Đạt cướp bóc, thưa lên huyện. Áp lệnh (quan huyện) là Ngô Mạo muốn tranh công, hạch tội nhóm Hồ Đạt gồm mười hai người phạm tội cường đạo giết người. Do bị tra khảo khốc liệt, họ phải chấp nhận lời vu cáo ấy. Trong số đó, có hai người là Châu Khuê và Trương Vận bị bệnh chết. Đã trình lên phủ, giao việc ấy cho cơ quan tư pháp. Khi ấy, Trương Văn Quy trông coi về tư pháp tại Anh Châu, xét thấy ngôn ngữ và vẻ mặt của các tù nhân [dường như] chẳng phải là kẻ thật sự phạm tội. Khi đã tra hỏi rõ tình hình, lại bắt phe đảng trộm trâu ra đối chứng. Án đã được phán định. Hồ Đạt do đuổi trộm mà giết người, bị phạt đánh trượng vào lưng. Những người khác đều bị đánh vào mông. Châu Khuê và Trương Vận [được phán] vô tội. Mưu kế của Ngô Mạo chẳng thành, hấn học máu chết ngắc. Về sau, Trương Văn Quy bỗng bị bệnh nặng, [thần hồn] tới một dinh thự. Trưởng quan hỏi về chuyện của Ngô Mạo, bèn thưa trình đúng sự thật. Trưởng quan bảo: “Ta đã biết tường tận chuyện này, nay cậy khanh tới đây để làm chứng hòng kết thúc vụ án, cốt ý là thẩm tra sự thật vậy”. Văn Quy trông thấy Ngô Mạo ở đằng xa, đang bị gông cùm quỳ dưới đất. Châu Khuê và Trương Vận đứng bên cạnh. Nha lại lấy ra văn thư, chỉ cho Văn Quy thấy phần cuối có ba chữ “*thêm một kỷ*”. Ông tỉnh lại, bèn lành bệnh. Về sau, đến lúc bảy mươi tám tuổi, lại mộng thấy thần bảo:

“Trước kia ông đã được tăng thọ mười hai năm, ông lại giảm tội một người bị chém thành tội xử giáo (treo cổ), nên được thọ thêm nửa kỷ (sáu năm) nữa”. Quả nhiên, [Trương Văn Quy] tám mươi ba tuổi mới mất.

“*Siểm*” (諛) là nịnh hót, “*hy*” (希) là tán trợ. Ý cấp trên chưa quyết, còn có thể vãn hồi, chỉ vì có kẻ đón ý xu nịnh mà [cấp trên] trở thành kiên quyết, chẳng thể lay chuyển. Nay không chỉ là bầy tôi đối với vua, mà còn là thuộc cấp đón ý bộ đỡ thủ trưởng, thân sĩ đón ý bộ đỡ quan phủ, nha dịch đón ý bộ đỡ trưởng quan, nô bộc, tỳ thiếp đón ý bộ đỡ gia chủ thì đều là [*“siểm thượng hy chí”*]. Phàm những kẻ làm cấp trên, đối với mọi chuyện đều nên tuân theo lý, hãy cẩn trọng, chớ nên tham cầu lợi lộc riêng tư, khiến cho kẻ khác có kẻ hở để luôn lách. Kẻ làm cấp dưới, há có nên mong cầu công danh chẳng đúng lý, mong mỗi sẽ may mắn hưởng tiền tài bất nghĩa! Hãy nên biết a dua, xúi giục cấp trên, uốn mình luôn cúi, chỉ tổ đánh mất bản tâm, kết oán nghiệp vô cùng!

Trong niên hiệu Tuyên Đức nhà Minh, [Minh Tuyên Tông] đã từng sai Thái Giám Vương Tam Bảo<sup>499</sup>

---

<sup>499</sup> Thái Giám Vương Tam Bảo tức là Trịnh Hòa. Ông này vốn tên là Mã Văn Bân, tự là Hòa, vốn thuộc sắc dân thiểu số Sắc Mục (Semu) tại Côn Dương, tỉnh Vân Nam. Mã ở đây là họ theo lối Hán Hóa chữ Mohamed của những người theo đạo Hồi tại Trung Hoa. Do Trịnh Hòa có tên thuở bé là Tam Bảo, nên thường được gọi là Tam Bảo Thái Giám. Do làm thái giám theo hầu Yên Vương Châu Đệ (Minh Thành Tổ) có công, Mã Văn Hòa được thăng làm Nội Quan Thái Giám, được ban họ là Trịnh. Năm Vĩnh Lạc thứ ba, Trịnh Hòa phụng mạng Minh Thành Tổ, cùng với bọn Vương Cảnh Hoảng đi sứ các nước Tây Dương, đem theo đội thuyền hơn hai trăm chiếc, biểu dương thanh thế, lực lượng thủy quân của đoàn thuyền ấy có

xuống các nước phiên thuộc ở vùng Tây Dương tìm kiếm các thứ báu vật lạ lùng. Trong niên hiệu Thiên Thuận<sup>500</sup>, có kẻ tâu xin hoàng đế lại sai người [xuống các nước Tây Dương]. Triều đình sai Binh Bộ tra cứu các tài liệu cũ [về những chuyến sứ trình ấy]. Khi ấy, Hạng Trung đang trông coi Binh Bộ, sai thuộc hạ tra cứu. Lang Trung là Lưu Đại Hạ tới kho trước, giấu sạch tài liệu. Các nha lại không tìm được gì, kiến nghị ấy phải xếp xó. Hạng Trung trách cứ nha lại: “Tài liệu ở trong kho, sao lại bị mất?” Lưu Công mỉm cười nói: “Trước kia, khi [Trịnh Hòa đem quân] xuống các nước Tây Dương, tốn phí gạo tiền mấy chục vạn, quân dân bị chết không đếm xiết. Dẫu tìm được của báu, vô ích cho đất nước. Đối với chuyện tôi tộ này, bậc đại thần hãy nên thông thiết can gián. Nếu tài liệu cũ hãy còn, cũng nên hủy đi để trừ căn cội [gây họa] ấy, há còn truy hỏi có hay không nữa chẳng?” Ông Hạng tạ tội, bảo: “Ta suy nghĩ nông cạn, chẳng nghĩ đến lẽ này. Một lời này

---

tới hơn hai vạn người. Chuyến đi ấy nhằm dọa dẫm các nước trong vùng, thực hiện chánh sách “*viễn giao cận công*” (xa thì ngoại giao, gần thì tấn công) của nhà Minh, đồng thời sưu tập những thứ hiếm lạ đem về cho nhà vua. Chuyến hải trình này kéo dài hai mươi tám năm, vừa củng cố thanh thế của Trung Hoa tại các nước hải ngoại, vừa nhằm tạo điều kiện cho người Hoa chiếm lĩnh những vùng buôn bán béo bở tại các nước có thế lực quân sự yếu hơn Trung Hoa. Do vậy, người Hoa thờ ông ta gọi là Bồn Đầu Công, thường gọi thông tục là ông Bồn. Tây Dương là chữ người thời Minh gọi các nước hoặc lãnh thổ ở quanh vùng biển Nam Hải và Ấn Độ Dương như Việt Nam, Mã Lai, Thái Lan, Sumatra, Java, Sri Lanka, bán đảo Ả Rập v.v... Trước sau, Trịnh Hòa đã “*hạ Tây Dương*” bảy lần, có lần đi xa tới tận eo biển Mozambique của châu Phi. Trong năm 1431 của niên hiệu Tuyên Đức thời Minh Tuyên Tông, Trịnh Hòa đã dẫn hạm đội tuần hành Tây Dương lần cuối cùng trước khi chết vào hai năm sau đó.

<sup>500</sup> Thiên Thuận là niên hiệu của Minh Anh Tông từ năm 1457-1464.



của ông, âm đức động trời. Địa vị này sẽ thuộc về ông vậy”. Về sau, quả nhiên là như thế.

Đường Thái Tông từng chỉ một cái cây, nói: “Cây này rất đẹp”. Vũ Văn Sĩ Cập<sup>501</sup> bèn hùa theo, ca ngợi chẳng ngớt. Vua nghiêm mặt bảo: “Ngụy Trưng khuyên ta tránh xa kẻ nịnh nọt. Ta chẳng biết đưa nịnh thần là ai, nay mới biết là người”. Sĩ Cập khầu đầu, then thùng, tạ lỗi.

Đời Hậu Đường, Quách Sùng Thao đón ý của Đường Trang Tông, khuyên vua lập Lưu Hậu<sup>502</sup>, cứ ngỡ là được lòng bà ta. Về sau, kẻ sàm báng khiến cho nhà vua giết chết Sùng Thao chính là Lưu Hậu. Ôi! Đón ý khuyên vua nên lập hậu, cứ ngỡ là sẽ củng cố địa vị, đâm ra mắc phải thảm họa, siểm nịnh lại có ích gì?

***(Chánh văn) Thọ ân bất cảm, niệm oán bất hưu.***

---

<sup>501</sup> Vũ Văn Sĩ Cập (572-642), tự là Nhân Nhân, người xứ Trường An, Ung Châu, giữ chức Trung Thư Lệnh (Tể Tướng) dưới thời Đường Cao Tổ và Đường Thái Tông. Ông ta là con trai của đại thần Vũ Văn Thuật nhà Tùy. Sĩ Cập lấy công chúa Nam Dương là con gái của Tùy Dạng Đế. Ông ta có quan hệ rất tốt với Lý Uyên (Đường Cao Tổ). Khi anh trai của ông ta là Vũ Văn Hóa Cập và Vũ Văn Trí Cập làm chánh biến, giết Tùy Dạng Đế, đưa cháu của Dạng Đế là Dương Hạ lên làm vua, đã cử Vũ Văn Sĩ Cập làm Nội Sử Lệnh. Khi Lý Uyên phản Tùy, tự xưng là Đường Vương, đã phái người lên thông đồng với Vũ Văn Sĩ Cập. Sau khi Lý Uyên thống nhất Trung Hoa, đã phong cho Vũ Văn Sĩ Cập làm Trung Thư Lệnh. Ông ta khôn khéo, quyền biến, sống rất xa hoa, khéo lấy lòng cấp trên.

<sup>502</sup> Lưu Thị là vợ lẽ của Đường Trang Tông (Lý Tồn Húc), vợ cả là Hàn phu nhân. Vua yêu thích Lưu Thị, muốn lập Lưu Thị thành hoàng hậu, nhưng còn e ngại triều thần dị nghị. Quách Sùng Thao đón ý nhà vua, bèn dâng biểu kiến nghị.

## (正文)受恩不感，念怨不休。

(*Chánh văn: Chịu ân [người khác mà] chẳng cảm kích, luôn ôm lòng oán hận chẳng dứt*).

Đối với ân huệ cho một bữa cơm, cỏ nhân ắt báo đáp. Nếu không có sức báo đáp, tâm ắt luôn ngậm cảm kích. Luôn nghĩ tưởng tới, chẳng thể quên lãng. Trí Độ Luận có chép: “*Chịu ân mà chẳng cảm kích, tệ hơn súc sanh*”. Nói hay lắm thay! Có những ân to lớn, một là trời đất, hai là cha mẹ, ba là quốc vương, bốn là sư trưởng, nhưng có kẻ mơ màng suốt cả đời, chẳng báo đáp bốn ân, chỉ chăm chút [mong báo đáp] những ân huệ riêng tư, nhỏ nhặt. Đây là bỏ cội theo nhánh, chẳng phải là người báo ân vậy!

Đời Đường, Sử Vô Úy kết bạn với Trương Tùng Chân. Vô Úy nhà nghèo, Tùng Chân thường châu cấp cơm áo, giúp tiền cho Vô Úy buôn bán. Mấy năm sau, Vô Úy giàu có, Tùng Chân bị hỏa hoạn, gia sản mất sạch. Tùng Chân đến chỗ Vô Úy, Vô Úy lại phụ bạc tình nghĩa khi trước. Tùng Chân chỉ đành đối trước trời cao nức nở mà thôi. Bỗng mây đen kéo đến dày đặc, sét đánh trúng Vô Úy, hấn biến thành trâu, có chữ son viết trên bụng rằng: “Sử Vô Úy phụ lòng, trong vòng mười ngày sẽ chết”. Tục ngữ có câu: “*Súc sanh biết báo ân, như ngựa thòng dây cương, như chó lẩn cỏ, như rắn*

*nhỏ ngọc, như chim sẻ ngậm vòng<sup>503</sup>. Loài vật còn như thế, sao con người lại bội nghịch ân đức, riêng mình chẳng sợ biến thành trâu ư?”*

Đời Tống, Trương Bật chẳng màng danh lợi, hiếu học, tinh thông kinh Dịch, giúp Lý Đại Lượng thoát nạn. Đến khi Đại Lượng sang cả, gặp Trương Bật trên đường, ôm Trương Bật khóc òa, muốn tặng hết gia tài cho. Trương Bật cự tuyệt chẳng nhận. Đại Lượng tâu với vua: “Thần được phụng sự bệ hạ là do sức của Trương Bật. Xin hãy giao sạch quan tước của thần cho ông ta”. Vua bèn phong cho Trương Bật làm Lang

---

<sup>503</sup> Đây là những câu chuyện báo ân của loài vật. Phù Kiên là vua nhà Tiền Tần, bị Mộ Dung Xung (vua nước Tây Yên) tấn công, thua trận, cỡi ngựa tẩu thoát. Phù Kiên vô ý rơi khỏi mình ngựa, té xuống khe suối Lạc Giản. Truy binh đuổi gần tới, Phù Kiên không cách nào thoát ra được. Con ngựa bèn dò dẫm, đến gần khe suối, ngậm dây cương đưa cho Phù Kiên. Phù Kiên chẳng nắm được, nó bèn khụy gối để Phù Kiên nắm lấy, kéo Phù Kiên lên. Nhờ đó, Phù Kiên tẩu thoát đến Lô Giang. Theo quyển chín bộ *Sưu Thần Ký* của Đào Tiềm, Dương Sinh ở Quảng Lăng có nuôi một con chó, rất yêu mến nó. Đi đâu cũng dẫn theo. Có một hôm, Dương Sinh say rượu, đi đến một cái đầm cỏ rậm rạp, ngã xuống đám cỏ, ngủ say sưa. Nhầm tháng mùa Đông, có người đốt đồng, lửa cháy gần tới. Con chó sủa ầm ỹ đánh thức chủ, Dương Sinh vẫn ngủ mê mết. Gần đó có một hồ nước, con chó bèn nhảy xuống, nhúng ướt toàn thân, lăn mình quanh Dương Sinh làm ướt cỏ. Nó chạy đi chạy lại như thế nhiều lần, thấm ướt toàn bộ cỏ quanh chỗ Dương Sinh nằm. Nhờ đó, Dương Sinh không bị thiêu chết.

Theo quyển hai mươi trong bộ *Sưu Thần Ký*, tại Trá Thủy thuộc Tuyền Huyện, có một chỗ gọi là Đoạn Xà Khâu (gò chặt rắn). Tuyền Hầu trông thấy một con rắn to bị thương, giữa mình nó có một vết chém sâu, bèn bôi thuốc cho nó, rắn đủ sức bò đi. Vì thế, nơi ấy được gọi là Đoạn Xà Khâu. Một năm sau, con rắn ấy ngậm một viên minh châu to cỡ một tác, trắng ngần, đêm tối bèn tỏa sáng, đến biểu tâng. Viên ngọc ấy được gọi là Tuyền Hầu Châu, Linh Xà Châu, hoặc Minh Nguyệt Châu.

Dương Bảo nhờ cứu chim sẻ bị điều hâu đánh văng xuống đất, kiến bu đầy, bèn phủi kiến, đem về chữa thương, nuôi nấng cho đến khi mạnh khỏe bèn thả đi. Một đêm, thấy có đứa bé mặc áo vàng, đến cảm tạ, nói nó là sứ giả của Tây Vương Mẫu, chính là con chim sẻ được Dương Bảo cứu khi trước, biểu Dương Bảo mấy chiếc vòng ngọc, chúc ông con cháu khiết bạch, làm tới Tam Công. Quả nhiên con cháu ông ba đời liên tiếp làm quan đến địa vị Tam Công.

Trung, giữ chức Đô Đốc Đại Châu. Trương Bát chẳng nghĩ mình có ân đức, Đại Lượng khăng khăng báo ân, cả hai đảng đều được vinh hiển.

Đối với mối oan cừ của vua, cha, mối hận cốt nhục, bậc quân tử dùng đường lối chánh trực để báo oán. Còn như những mối thù riêng, nỗi oán nhỏ, có thể thuận theo lý để giải trừ, có thể xét theo tình cảm mà dung thứ, thì oán cừ sẽ liền tiêu tan. Nếu cứ nghĩ mãi không ngơi, ắt sẽ oan oan tương báo, há có lúc nào xong?

Đời Đường, Lý Đức Dụ làm tướng, đã kết oán rất nhiều. Về sau, ông ta bị biếm trích tới Châu Nhai (vùng Đông Bắc đảo Hải Nam), thấy trên vách một ngôi chùa treo mười mấy cái hồ lô. Hỏi dò vị Sư, Sư bảo: “Đó là tro cốt của những người đã làm mất lòng gã Thái Úy (tức Lý Đức Dụ) đang nắm quyền, đều bị hấn ta biếm trích tới xứ này, chết ở nơi đây. Lão tăng thương xót, hỏa thiêu, thu thập hài cốt, chờ con cháu đến lấy”. Đức Dụ nghe nói, sợ hãi bỏ đi, đau lòng mà chết.

Đời Minh, Kim Thành làm Chủ Sự của bộ Hình. Lúc chưa gặp thời, từng bị Ma Trương vây hãm làm nhục. Về sau, Trương phạm tội, bị giải về kinh, trông thấy Kim Thành đằng xa, bèn mỗi bước chín lay. Kim Thành cười đón, cứu tội cho. Ma Trương yết kiến, Kim Thành giữ lễ như lệ thường. Ma Trương cảm kích khóc òa, gả con gái cho con trai của Kim Thành.

Vu Thiết Tiều từng nói:

- Kẻ khác dùng thế lực chèn ép ta, ta dùng sự độ lượng bao dung họ, ất quét sạch tầng tầng mây dày, dập tắt lửa báo thù hừng hực. Vì thế, bậc quân tử chẳng nghĩ đến điều ác cũ.

*(Chánh văn) Khinh miệt thiên dân, nhiễu loạn quốc chánh.*

**(正文)輕蔑天民。擾亂國政。**

*(Chánh văn: Khinh miệt dân chúng, nhiễu loạn nền chánh trị trong nước).*

Mạng lệnh của Thượng Đế lấy lòng dân làm chủ. Phàm những người dân đen đều là con đỏ của Thượng Đế. Vì thế gọi là “*thiên dân*” (天民, dân của trời). Trời yêu dân tốt bậc; lập ra vua, lập ra Tể Tướng, lập ra các quan chức, không gì chẳng vì dân chúng! Sanh ra bậc hào kiệt, sanh ra thánh hiền, thành tiên, thành Phật, thành thần minh, cũng không gì chẳng vì dân vậy! Xếp đặt ngũ hành, tăng trưởng muôn vật, đặt định núi, sông, ấn định kiếp vận, mở mang [thời thế] bình trị hay loạn lạc, xét đoán báo ứng, cũng không gì chẳng vì dân vậy! Do đó, sách Châu Lễ chép: “*Hễ có người dâng lên vua [bản ghi chép về] số lượng dân chúng, vua ất lay rồi*

*tiếp nhận*”<sup>504</sup>. Trọng Ni (Khổng Tử) [đang ngồi trên xe] bèn khom mình phủ phục xuống tám ván chắn ngang trước xe [để tỏ lòng kính trọng] người cầm bản đồ lãnh thổ. Như vậy thì há có nên khinh miệt dân chúng hay chăng?

Vua Nghiêu nói: - Ta quan tâm thiên hạ, dốc lòng lo nghĩ cho dân nghèo, đau xót vì nỗi hiểm nguy của muôn họ, lo lắng vì những điều bất thuận lợi của mọi người, thi hành điều nhân mà đạo nghĩa được thành lập, truyền rộng đạo đức, cảm hóa [dân chúng] rộng rãi. Vì thế, chẳng tưởng thưởng mà dân siêng năng [vâng giữ đạo nghĩa, đức hạnh]; chẳng trừng phạt mà dân yên ổn.

Đường Thái Tông nói: - Dân là cội gốc của đất nước. Đức là cội rễ của thân<sup>505</sup>. Đức dày thì mọi người sẽ mến mộ. Dân yên, ắt nước vững. Vì thế, kẻ đứng đầu nhân dân mà có đạo đức nhân hậu, dân sẽ nương về như cha mẹ, lẽ tự nhiên là sẽ có lãnh thổ, có tài sản vậy.

---

<sup>504</sup> Điều này được chép trong thiên Tiểu Tư Khấu, phần Thu Quan của sách Châu Lễ. Châu Lễ là bộ sách chép về hệ thống quan chức đời Châu, cũng như cách tổ chức triều đình và các chánh sách cai trị thuở ấy. Sách này thường được coi là bản hiến pháp đầu tiên của Trung Hoa. Đời Hán, sách này được gọi là Châu Quan, hoặc Châu Quan Kinh. Đến cuối thời Tây Hán, Lưu Hâm chỉnh lý, và dùng lại danh xưng cũ là Châu Lễ. Theo sách ấy, quan chức đời Châu được chia thành sáu loại là Thiên, Địa, Xuân, Hạ, Thu, Đông. Chẳng hạn như Thiên Quan là chức quan coi về việc hành chánh, Địa Quan coi về nông nghiệp, quản lý đất đai, Xuân Quan coi về lễ nghi, tôn giáo và văn hóa, Hạ Quan coi về việc binh bị, quân đội, giao thông, quản trị chư hầu, Thu Quan trông nom hình phạt, lao ngục, Đông Quan quản trị việc kiến thiết, đê điều, thủy lợi v.v...

<sup>505</sup> Ông Hoàng Bách Lâm chú giải: Câu này phải hiểu là “*đức hạnh chính là căn bản để làm người*”.

Xét từ những lời này, [ta thấy] các bậc thánh vương xưa nay còn chẳng nở lòng khinh miệt dân chúng như thế ấy, huống hồ những kẻ thay vua cai trị dân mà chẳng thấu hiểu ý này ư?

Đời Tống, Trịnh Thanh Thần tánh hà khắc, làm huyện lệnh ở Hòe Lý, ngược đãi dân chúng. Đến khi hần rời nhiệm sở, dân chúng chặn đường thóa mạ. Thanh Thần dưng sớ về triều, hạch tội dân chúng thuộc vùng hần cai quản đã dám khinh lòn, nhục mạ trưởng quan. Tống Chân Tông nói: “Cai trị cốt yếu là được lòng người. Lòng dân đã như thế, có thể biết người cai trị theo kiểu nào rồi! Người còn dám oán hận dân chúng, để rồi [dám ôm lòng] khinh nhờn triều đình mà tấu trình ư?” Hần bèn bị hạch tội, bị biếm trích.

Đời Minh, ông Đào Đại Lâm nói: - Bọn ta đã được dự vào hàng quan lại, dầu niệ<sup>m</sup> nào cũng luôn nghĩ giúp người, lợi vật, nhưng đối với tội nghiệp trong cả một đời, vẫn chẳng thể chuộc một phần vạn được! Ta trước kia được vua sai phái [đi công cán], bèn rời kinh thành, từ kinh thành đến đất Nghi, đất Việt, rồi từ đất Việt trở về kinh đô. Phàm mấy ngàn dặm, đường thủy, đường bộ, ngồi thuyền, ngồi xe, sử dụng phu phen khiêng vác, chuyên chở, lôi, dắt [ngựa, lừa], chẳng biết là bao nhiêu người. Nghĩ tới dân chúng xanh xao, bụng rỗng, quần áo tả tơi, toàn là con cái của người ta. Đang trong lúc nóng hừng hực, mồ hôi tuôn đầm đìa như mưa, thở hồng hộc như sấm động. Gặp cơn rét buốt, họ bươn bả trên đường băng, xông pha mưa tuyết; do vậy,

trượt ngã, mất mạng trên đường, chẳng thể kể xiết! Những tội lỗi ấy đều do ta tạo. Nếu cái thuyết báo ứng chẳng phải là bịa đặt, há chẳng đáng kinh sợ ư?

Năm Đại Lịch<sup>506</sup> thứ hai (767) đời Đường, mùa Thu bị mưa dầm, mùa màng tổn hoại. Huyện lệnh Vị Nam là Lưu Tảo trình báo thóc lúa trong huyện chẳng bị hư hao. Quan trên nghi ngờ, sai người đến xem, [phát hiện] hơn ba ngàn khoảnh ruộng bị hư hoại. Quan trên than: “Huyện lệnh là quan cai quản dân chúng, dấu không bị tổn thất, vẫn nên nói là bị tổn thất. Thế mà hấn bắt nhân như thế đó”, bèn phạt hấn tội lưu đầy!

Đời Tùy, vào thời đầu niên hiệu Nghĩa Ninh<sup>507</sup>, vùng Du Lâm bị đói to. Quận Thừa là Vương Tài chẳng lo cứu đói. Quách Tử Hòa hiệu triệu dân đói, bắt Vương Tài, hạch mấy tội, chém chết Vương Tài rồi khởi loạn. Tuy đây là hành vi của lũ đạo tặc, rớt cuộc [chúng] cũng bị [triều đình] giết chết, nhưng chuyện này cũng đủ để răn dè những kẻ chẳng dốc sức cứu tế dân chúng vậy.

Nước nhà cần phải bồi dưỡng phước khí hòa bình, chớ nên mặc sức biến cải [chánh sách]. Nếu có những

---

<sup>506</sup> Đại Lịch là niên hiệu được sử dụng từ năm 766 đến năm 779 trong đời Đường Đại Tông (Lý Dục), tức vị vua thứ mười một của nhà Đường.

<sup>507</sup> Nghĩa Ninh là niên hiệu chỉ tồn tại bảy tháng từ tháng Mười Một năm 617 cho đến tháng Năm năm 618 dưới thời Tùy Cung Đế (Dương Hựu). Ông này là con thứ ba của Dương Chiêu (con trưởng của Tùy Dạng Đế), chỉ là vua bù nhìn do Lý Uyên (Đường Cao Tổ) đưa lên ngôi, hòng khóa lấp cuộc chánh biến lật đổ nhà Tùy do Lý Uyên chủ xướng. Ông làm vua được vài tháng, bèn xuống chiếu “*nhường ngôi*” cho Lý Uyên.



đề nghị cải cách, phải mười phần [suy xét] tường tận, thận trọng. Nếu chỉ vì ý kiến riêng tư của một kẻ mà thay đổi, cứ bộp chộp, bàn bạc qua quýt rồi thi hành một phen, ắt [dân chúng] sẽ có một phen bị nhiều hại. Huống hồ các pháp tắc là do tổ tông đã định, những người có chức trách phụng hành đã lâu, dân cũng quen lệ tuân hành, có gì bày vẽ sửa đổi, gây nên nhiều loạn vậy thay?

Đời Tống, Lý Hàng làm Tể Tướng. Mã Lượng nói: “Người ta nghĩ ông là cái hồ lô không có miệng”<sup>508</sup>. Lý Hàng đáp: “Ta đối với việc cai trị chẳng có tài cán sở trường gì, nhưng trong ngoài hẳn có ai trình bày điều lợi, lẽ hại, phàm là những kiến nghị thay đổi xuất phát từ tình tự xung động [nhất thời], hết thấy đều bác bỏ, ngõ hầu có lợi cho nước nhà. Nay những pháp chế của quốc gia đã hết sức chi ly, nếu cứ nghe theo những kiến nghị ấy, thực hành từng điều một, ắt sẽ gây tổn hại rất nhiều [cho đất nước và nhân dân]. Những gã gian nguy may mắn được bổ dụng, có chịu suy nghĩ: [Do họ đề xướng những trò canh tân, cải cách ấy] mà dân chúng bị nhiều loạn hay chẳng?”

Lý Lâm Phủ ra sức đề xướng cách sử dụng quân Khoắc Kỵ<sup>509</sup>. Triều đình bàn luận rất nhiều phen, Lâm

---

<sup>508</sup> Đây là một thành ngữ, nguyên văn là “vô khẩu bào” (無口匏). “Bào” (匏) là cái hồ lô, hồ lô phải có miệng thì mới có thể đựng rượu hay các chất lỏng. Hồ Lô không khoét miệng, sẽ chỉ có hình dáng, chẳng dùng được gì. Do vậy, từ ngữ này có ý nghĩa chê trách những kẻ bất tài vô dụng, chỉ nói suông, không làm được gì!

<sup>509</sup> Khoắc Kỵ (曠騎) là danh xưng của quân túc vệ (quân thủ hộ hoàng thành). Kể từ thời Đường Huyền Tông, do quân túc vệ thường đào ngũ với số lượng lớn, Tể

Phủ vẫn đốc sức duy trì, cho nên quân đội đời Đường ròi rã, chán nản. Vương An Thạch sáng chế, thực hiện tân pháp, phiền nhiễu dân chúng, nguyên khí của nhà Tống từ đấy bị suy vi. Những trường hợp ấy đều là do [những “sáng kiến”] nhiễu loạn mà gây nên tai hại vậy!

*(Chánh văn) Thường cấp phi nghĩa, hình cấp vô cô.*

**(正文)賞及非義。刑及無辜。**

*(Chánh văn: Khen thưởng kẻ phi nghĩa, trừng phạt người vô tội).*

Cách tưởng thưởng đúng lẽ vốn nhằm để đề cao phẩm đức, báo đáp công huân. Đây là điển lễ to lớn của triều đình, nhằm khích lệ, khuyến dụ lòng người vậy. Không đáng thưởng mà cứ thưởng thì gọi là “phi nghĩa”. Trái nghịch là Phi (非). Lơ lỏng pháp lệnh, kỷ cương, tăng trưởng điều ác, a dua lẽ riêng tư, nâng đỡ kẻ gian tà, gạt bỏ kẻ chánh trực, sẽ khiến cho lòng trời

---

Tướng Trương Thuyết bèn đề nghị lấy quân từ kinh sư và các châu Bồ, Đồng, Kỳ, Hoa, bắt thanh niên đến độ tuổi quân dịch sung vào quân túc vệ, gọi là quân Khoắc Kỵ với thời hạn làm túc vệ hai tháng mỗi năm. Khoắc (曠) có nghĩa là “kéo căng cung tên”. Do vậy, Khoắc Kỵ tức là kỵ binh bắn tên. Do mang tánh chất tạm bợ, ô hợp, quân Khoắc Kỵ thiếu hẳn sức chiến đấu, thiếu kỷ luật; đồng thời, do phải liên tục chuyển quân từ các châu quận về nên chi phí rất tốn kém. Vì vậy, triều thần nhiều lần đề nghị bãi bỏ, nhưng Lý Lâm Phủ kiên quyết áp dụng chánh sách này.

tức giận nhất. Do vậy, kẻ trông coi việc tưởng thưởng thăng chức, há có nên chẳng thận trọng ư?

Đời Châu, có thị thần<sup>510</sup> theo hầu Tấn Văn Công thuở còn lưu vong<sup>511</sup>, hỏi Tấn Văn Công: “Chúa thượng định ra ba bậc thưởng công, chẳng thưởng cho thần. Dám xin hỏi thần mắc tội gì?” Tấn Văn Công nói: “Kẻ hướng dẫn ta hành xử đúng nhân nghĩa, khuyên ta dùng đức để ban ân, kẻ ấy được thưởng theo bậc thượng. Kẻ giúp ta thực hiện chánh sách, thành lập nước nhà, hạng người ấy được thưởng theo bậc trung. Gian khổ nơi tên đạn, dốc sức hăn mã<sup>512</sup>, kẻ ấy được thưởng bậc thứ. Nếu [là kẻ] dốc sức phụng sự ta, mà chẳng bù đắp cho những chỗ ta thiếu sót, sau khi đã ban thưởng ba hạng người ấy rồi sẽ ban thưởng hạng người như ông”. Người nước Tấn vui vẻ. Về sau, [Tấn Văn Công] làm bá chủ chư hầu. Có thể nói Tấn Văn Công đã có thể

---

<sup>510</sup> Nguyên văn là “*tiện thần*” (賤臣), còn gọi là “*thị thần*” tức những bầy tôi thân cận của nhà vua.

<sup>511</sup> Nguyên văn là “*tùng vong*” (從亡), tức là những người theo hầu một vị vua lưu vong. Tấn Văn Công (Cơ Trùng Nhĩ) là con thứ hai của Tấn Hiến Công (Cơ Quý Chư), là em trai của thái tử Thân Sanh. Do Tấn Hiến Công sủng nịch thứ phi Ly Cơ, bèn tính phế thái tử Thân Sanh, để đưa con trai của Ly Cơ là Hề Tề làm Thái Tử. Do triều thần can gián dữ dội, vua phải bỏ ý định này. Ly Cơ lập mưu hại chết thái tử Thân Sanh, hai người con trai khác của Tấn Hiến Công là công tử Trùng Nhĩ và công tử Di Ngô phải lén trốn về đất phong nhằm bảo đảm tánh mạng. Tấn Hiến Công thấy họ bỏ đi không từ biệt, rất tức giận, cộng thêm sự xúc xiểm của Ly Cơ, bèn sai quân chinh phạt khiến cho hai công tử phải lưu vong. Về sau, Tấn Hiến Công chết, Lý Khắc giết chết Hề Tề, đón Di Ngô về làm vua, tức Tấn Huệ Công. Công tử Trùng Nhĩ phải lưu vong sang các nước Tề, Tào, Tống, Trịnh, Sở, Tần. Về sau, nhờ vợ là Hoài Doanh (con gái vua Tần) vận động vua cha giúp sức, công tử Trùng Nhĩ mới trở về Tấn, giành ngôi từ tay Di Ngô, trở thành Tấn Văn Công.

<sup>512</sup> “*Hăn mã*” (汗馬) nghĩa là “*ngựa toát mồ hôi*”. Từ ngữ này hình dung những người tận tụy dốc sức lập chiến công.

ban thưởng phù hợp đạo nghĩa. Hễ là như thế, thì [ban thưởng] một chức quan, một tước vị, một sợi tơ, một hạt gạo, há có vương thói tẻ sơ sót chút nào ư? Tự nhiên là những gã bại hoại chánh sự, dùng các mối quan hệ để lo lót, sẽ không thể do đâu mà chen chân được! Những người đang giữ chức vụ sẽ đều khuyên bảo nhau đừng mãi, ra sức lập công vậy!

Hình phạt để trừng trị kẻ ác, thánh nhân bắt buộc dĩ phải lập ra, vốn chẳng phải là chuyện cát tường, tốt đẹp! Xử phạt đúng tội trạng mà còn buồn thương, chẳng vui. Vì thế, cổ nhân thận trọng trong việc xử phạt, [trước khi dụng hình luôn] thẩm tra tường tận, biện định rành rẽ. Nếu lạm dụng hình pháp đối với kẻ vô tội, không chỉ là đánh mất công năng xét xử nghiêm minh, thích đáng, mà còn trái nghịch ý hiếu sanh của Thượng Đế. Huống hồ kẻ giết người phải bị phạt tội chết, pháp luật đã có điều khoản quy định rõ ràng. Nay hành hình kẻ vô tội, không chỉ là giết chết một người, nhưng kẻ hứng chịu báo ứng chỉ có một thân ta! Cách thức đền mạng chẳng biết sẽ là như thế nào! Ôi! Tội nghiệp như thế đó, dẫu là kẻ chuyên hành xử công bằng, liêm khiết, thật khó tránh gặp lúc ngờ vực, lưỡng lự. [Nếu như] cứ khẳng khẳng chấp chặt ý kiến [của riêng mình], chẳng trống lòng suy xét tường tận, sẽ đến nỗi có kẻ nuốt hận chôn dạ dài, oan oan chẳng xả! Huống chi kẻ lơ là, chẳng chú tâm ư? Đáng sợ thay!

Đời Minh, Lữ Khôn tên tự là Thúc Giản, đã biên soạn Hình Giới Bát Chương, [trong ấy đã viết]:

- Một là năm loại người chẳng đánh, tức chẳng đánh người già, chẳng đánh trẻ nhỏ, chẳng đánh bệnh nhân, kẻ nghèo túng cơm áo chẳng đủ thì không đánh. Người khác đánh, chứ ta không đánh.

- Hai là năm hạng người đừng tùy tiện đánh: Tông thất<sup>513</sup> đừng không xét kỹ mà đánh. Hai là người thuộc giới quan chức, đừng tùy tiện đánh. Ba là sanh viên<sup>514</sup> đừng tùy tiện đánh. [Bốn là] những người được cấp trên sai khiến đừng tùy tiện đánh. [Năm là] đối với phụ nữ đừng tùy tiện đánh.

- Ba là có năm tình huống đừng nên đánh ngay: Người đang gặp lúc gấp rút đừng đánh, người đang giận dữ đừng đánh, người đang say đừng nên đánh, người đi đường xa đừng nên đánh, người chạy đến còn đang thở hào hển, đừng đánh.

- Bốn là có năm trường hợp hãy khoan đánh: Ta giận hãy khoan đánh, ta say hãy khoan đánh, ta bệnh hãy khoan đánh, ta thấy [có chỗ nào trong hồ sơ điều tra] chẳng đúng thì hãy khoan đánh, ta chẳng thể phân xử, hãy khoan đánh.

- Năm là có ba trường hợp đừng đánh lần nữa: Đã bị phạt kẹp ngón tay thì đừng đánh nữa. Đã bị hình phạt

---

<sup>513</sup> “Tông thất” (宗室) là những kẻ có mối quan hệ họ hàng với nhà vua.

<sup>514</sup> “Sanh viên” là những người đã được vào học trường huyện hay trường Quốc Tử Giám, tức là những người là Lẫm Sanh, Phụ Sanh v.v... đều được gọi chung là Sanh Viên.

kèm kẹp thì đừng đánh nữa. Đã bị gông cùm thì đừng đánh.

- Sáu là có ba trường hợp bèn thương xót không đánh: Lúc trời rét buốt hoặc khi nóng bức dữ dội, bèn thương xót chẳng đánh. Vào những dịp lễ lạc bèn thương xót không đánh. Đối với những kẻ mới gặp chuyện thương tâm, sẽ thương xót không đánh.

- Bảy là có ba trường hợp đáng nên đánh mà không đánh: Kẻ trưởng thượng, tôn quý đáng bị đánh, nhưng bị kẻ kém vai vế hơn hoặc kẻ còn thơ ấu kiện tụng thì không đánh. Dân chúng đáng bị đánh đòn, nhưng kiện tụng với kẻ thuộc về nhà môn thì sẽ chẳng đánh. Nhân viên tạp dịch, kẻ làm cho các cửa tiệm đáng bị đánh, nhưng vì sửa chữa cửa tiệm, hoặc mua bán vật dụng để tự dùng [mà phát sanh tranh chấp với người khác] thì chẳng đánh.

- Tám là có ba trường hợp cấm đánh: Cấm đánh bằng gậy nặng, cấm đánh kẻ dưới quyền, cấm thuộc hạ đánh người khác trái phép.

Mã Bình làm huyện lệnh huyện Gia Ngư. Có lũ cướp trộm đốt phá [quan phủ], cướp đoạt công quỹ rồi chạy mất. Kẻ cầm đầu [bọn cướp] lắm râu. Bỗng có tin báo tại trấn Đoàn Phong có chiếc thuyền chở từ mười đến hai mươi người, tung tích đáng ngờ. Trong số đó, có một gã râu dài, nhưng thật ra [gã ấy] chẳng phải [là kẻ trộm]. Rốt cuộc, họ Mã bắt họ về, trình báo quan trên “đã bắt được kẻ cướp”. Họ bị chết trong ngục. Họ

Mã [nhờ báo công lão khoét mà] được phong làm Ngự Sử. Về sau, kẻ trộm thật sự bị bắt tại một huyện khác. Do quan huyện ấy thấy họ Mã là đồng liêu, nên không truy cứu. [Sau đấy], họ Mã được thăng làm Đô Ngự Sử, [lên đường phó nhậm], thuyền đậu tại trấn Đoàn Phong, ban đêm gặp cướp, cả nhà chết sạch!

Ông Diêm làm tuần phủ Nam Kinh. Có kẻ vu cáo người dân ở Trấn Giang là Châu Chí Liêm cầm đầu lũ trộm cướp. Chí Liêm là kẻ giàu có, sợ bị tra khảo, bèn hối lộ kẻ quyền quý, [cậy nói với ông Diêm] nương tay. Ông Diêm càng ngờ, rốt cuộc do phạt trọng mà giết chết Chí Liêm. Về sau, ông Diêm rốt cuộc bị Chí Liêm [hóa thành lệ quỷ] đòi mạng mà chết. Do ngờ vực chuyện ông ta (Chí Liêm) hối lộ mà giết chết, tợ hồ vẫn đúng lẽ công chánh, nhưng vì giết chẳng đúng tội, [oan hồn] vẫn có thể biến thành lệ quỷ [đòi mạng ông Diêm]. Há có nên tự cậy chính mình vô tư để rồi quyết đoán xằng bậy ư?

Lý Quy Chánh làm hiến chức<sup>515</sup> đã lâu. Từng có một hôm ra ngoài, tới cầu Tam Tỉnh, trông thấy mười mấy người đầu tóc rũ rượi, kêu gào oan uổng, dần dần ép sát ông ta. Họ Lý sợ hãi, vội vàng quay về, răn con cái: “Các con mai sau khi phải chọn lựa ngành nào để làm quan<sup>516</sup>, đừng làm quan hình tào. Bởi lẽ, ta thanh

---

<sup>515</sup> “Hiến chức” (憲職) là cách gọi khác của chức Đô Ngự Sử.

<sup>516</sup> Nguyên văn là “phệ sĩ” (筭仕). Đây là một tục lệ thời cổ. Trước khi sắp ra làm quan, thường tự bói, hay nhờ người khác bói để chọn làm quan trong ngành nào thì sẽ thành công, thăng tiến.

liêm, cẩn thận, dè dặt, kiêng sợ, luôn noi theo luật định; mà còn đến nỗi khiến cho kẻ khác bị oan uổng như thế. Nay hối hận sao kịp!” Không lâu sau, ông chết. Xem chuyện này thì kẻ chẳng thanh bạch, chẳng cẩn thận, chẳng kiêng sợ, sẽ thành như thế nào đây?

*(Chánh văn) Sát nhân thủ tài, khuynh nhân thủ vị.*

**(正文)殺人取財。傾人取位。**

*(Chánh văn: Giết người cướp của, lật đổ người khác để chiếm đoạt địa vị).*

Giết người đoạt của, chưa chắc đã toàn là kẻ cường đạo. Như quan lại tham lam đoạt của, khiến cho kẻ khác chết trong hình ngục. Kẻ giàu có ham tiền, bức bách kẻ khác trong cơn khốn đốn. Kẻ tàn nhẫn ham cầu tiền tài, hại kẻ khác lâm vào nơi hiểm nạn. Thầy thuốc bắt tài vì tiền bạc mà đẩy người khác vào cảnh nguy cấp, đều là do tiền tài mà ra! Chuyện ấy giống như giết người vậy, nhưng chẳng có kẻ nào không bị lệ quỷ đòi mạng rồi cũng tử vong. Thế mà tiền tài đoạt được, rốt cuộc cũng chẳng có lúc nào không bị mất sạch! Những tấm gương quan lại tham lam đã được trích lục khá nhiều trong những phần trước, ở đây, chỉ kể đại lược.



Lưu Thước Thi làm nghề cho vay nặng lãi. Có những kẻ vay nợ nhiều năm hẩn chẳng hỏi tới. Bỗng có một hôm, hẩn xách bằng khoán vay nợ đến tính toán, món nợ đã tăng rất nhiều lần [so với món nợ ban đầu]. Đối với món nợ còn thiếu, hẩn liền tính lãi theo từng năm, thường là chẳng có kỳ hạn, đến nỗi [người vay nợ] mất sạch gia sản. Kẻ mắc nợ thường bị ép uổng đến nỗi phải chết. Về sau, Thước Thi chết. Nhà hàng xóm có một con nghé sanh ra, trên bụng có ghi tên họ của Thước Thi. Hằng ngày nó bị người thiếu nợ đánh đập, sai khiến, thân thể [con nghé] không có chỗ da nào lành lặn! Những kẻ cho vay lời trong nhân gian, nếu có thể giữ tấm lòng khoan dung, cũng tùy lúc, tùy chỗ tạo thuận tiện cho người khác. Hiềm rằng có kẻ biết [lẽ ấy] nhưng chẳng chịu làm, là vì có sao vậy?

Người lái thuyền trên sông Dương Tử là Cung Soạn, nương theo trận gió lớn, chìm chết một thương gia giàu có, chiếm đoạt tài sản của người ấy, trở thành người giàu có. Hẩn sống tại Duy Dương, sanh được một trai. Con đã lớn bèn coi cha như kẻ thù. Cung Soạn tức tối, phần nộ, cầu tiên giáng cơ [chỉ dạy]. Tiên phán rằng:

*Canh Tý bát nguyệt Tây phong ác,*

*Dương Tử giang trung ba lãng tác.*

*Nhị thập niên tiền nhất niệm sai,*

*Quý quân thí bả tâm đầu mạc.*

(Tạm dịch:

Canh Tý, tháng Tám, gió Tây giật,

Trường Giang sóng cuộn đã làm gì?

Hai mươi năm trước một niệm quấy,

Thử xét lòng người chẳng thẹn ư?)

Cung Soạn hết sức kinh hãi, bỏ nhà đi, chẳng được chết yên lành. Ôi! Mưu chiếm đoạt tài sản mà chẳng thể tự dùng, rốt cuộc vẫn do oán gia sở hữu. Cái giành được là suốt hai mươi năm bận lòng lo lắng và chẳng thể chết an lành. Đã thế, còn chưa tính nợ trong cõi âm ty, nổi khổ ấy biết làm sao được?

Một gã công sai xuất hành từ sớm, đến vùng đồng hoang gai góc. Có kẻ mang theo một món tiền, thấy gã công sai đi tới, ngờ hấn có dị tâm, bèn trốn trong đám cây rậm. Gã công sai cũng mờ mịt, chẳng biết là gì, vừa mới nghe tiếng bước chân, đến gần chẳng thấy ai, sợ là hổ, báo, bèn lấy ngọn thương đâm khắp lùm cây. Đâm trúng bèn lôi ra thì người ấy đã chết, mới biết là làm lẫn. Đã không biết làm sao, bèn lấy tiền trong bọc người ấy, vứt xác kẻ ấy vào rừng gai, không ai hay biết. Nhờ đó, nhà gã công sai giàu lên. Vợ hấn sanh được một gái. Một hôm, gã công sai ở cửa chính, bỗng thấy người bị đâm mò tới, liền đóng chặt cửa, dòm lén. Rốt cuộc, người đó vào nhà người thợ da đối diện, người [thợ da] ấy bèn sanh được một trai. Gã công sai biết

nhân duyên, đãi đằng người thợ ấy nồng hậu, yêu thương con trai người ấy, gả con gái cho. Người thợ da mừng rỡ, bảo con hãy phụng sự gã công sai như cha. Về sau, gã công sai uống rượu nằm ngủ, trời nắng gắt, hắt đổ mồ hôi đầm đìa. Đứa con trai người thợ da đứng hầu bên cạnh, nhẹ nhàng dùng lưỡi dao gạt mồ hôi. Trong cơn say, gã công sai không biết là vật gì, bèn lấy tay đập, dao cắm phập vào bụng, chưa chết ngay, bèn gọi người nhà, kể rõ nguyên do. Đứa con gái xuất giá, đem hết tài sản trong nhà trả lại cho người ấy (đứa con người thợ da).

Tôn giả Mục Liên sáng sớm ra khỏi thành, thấy một ngựa quỉ khóc lóc, thưa rằng: “Thân này của con giống như một khối thịt, chẳng có tay, chân, mắt, tai, miệng, mũi, v.v... bị các loài chim và loài trùng thường xuyên cắn, nuốt. Do tội gì mà nên nỗi?” Ngài Mục Liên bảo: “Đời trước, ngươi làm thầy lang, chẳng tinh thông y thuật, cắt thuốc xằng bậy, khiến cho bệnh nhân chẳng thể sống nổi. Vì thế, thành ra nông nỗi này”.

Đời Tống, ông Phạm Văn Chánh (Phạm Trọng Yên) chẳng làm Tể Tướng, bèn nguyện làm danh y, vì sẽ cứu được nhiều người. Những gã thầy thuốc dốt trong thời gần đây, chẳng biết ý này, chỉ biết coi trọng tiền bạc, phạm nhiều phạm vào bảy điều sát hại:

1) Như chứng bệnh vốn có hoãn và cấp, nay họ dùng thuốc dành cho bệnh hoãn đãi để chữa chứng

bệnh cấp tốc, dùng thuốc dành cho chứng bệnh cấp tốc để chữa bệnh hoãn đãi. Đây là điều giết hại thứ nhất.

2) Cui bệnh vật là bệnh ngất, coi bệnh nhẹ là bệnh nặng. Vì thế, dùng thuốc độc khiến cho bệnh nhân chịu đau khổ, mà chỉ thu được công hiệu chậm chạp. Đó là điều giết hại thứ hai.

3) Thấy bệnh nhân có giàu, nghèo. Đối với kẻ giàu bèn dụng tâm, xem nhẹ kẻ nghèo. Đây là điều giết hại thứ ba.

4) Lười nhác, ham chơi, ham ngủ, né tránh lạnh, nóng [chẳng chịu đi thăm bệnh], đánh cờ, nhậu nhẹt, cờ bạc. Đây là điều giết hại thứ tư.

5) Ra toa, chẩn mạch chẳng tinh tường, đoán mò bệnh tật để thử thuốc. Các thầy thuốc gặp nhau bèn gièm báng lẫn nhau. Đây là điều giết chóc thứ năm.

6) Thấy người bệnh mà chẳng chữa trị, [người ta] đến mời chẳng đi, khiến cho bệnh tình [của bệnh nhân] nặng hơn. Đó là điều giết chóc thứ sáu.

7) Chẩn tinh thông dục vị, chẳng bào chế đúng cách, hoặc tăng, hoặc giảm, đến nổi lầm lạc gây tổn thương [cho bệnh nhân]. Đây là điều giết chóc thứ bảy.

Có bảy điều ấy, sẽ giết người còn hơn cầm dao bén [đâm người]! Dao bén đâm lút cán mà nếu chẳng phạm đến chỗ yếu hại, [người bị hại] còn có thể sống sót. Thế nhưng một viên thuốc lọt vào miệng, ngũ tạng

đều bị nứt toác. Vậy mà vẫn tự phụ bảo: “Ta là bậc danh y”. Còn như kẻ uống thuốc, càng chớ nên ẩn giấu gốc bệnh. Nếu giấu diếm chẳng nói, cũng như do thấy thuốc men đắt đỏ bèn bỏ chẳng dùng, thậm chí dùng bạc xâu vì tiếc tiền trả công thầy thuốc, ắt cũng là tự tìm đường chết đó thôi, còn oán trách thầy thuốc nổi gì!

Một quan, một chức đều có mạng trời. Kẻ thuộc hạ cấp thấp, do tu thiện mà có thể hiển đạt tốt vời. Kẻ bình dân làm lành, có thể hưởng quan lộc. Nếu âm hiểm, khuynh đảo lẫn nhau, hãm hại người khác để chiếm đoạt địa vị, thì kẻ khuynh đảo vẫn bị kẻ khác khuynh đảo, kẻ chiếm đoạt của người khác rốt cuộc lại bị kẻ khác tước đoạt. Báo ứng mau chóng, có thể trông thấy trong một thời gian ngắn!

Đời Tống, Di Đức Siêu thấy quan Xu Mật Tào Bân công huân, danh vọng long trọng. Do vậy, hấn bèn vu cáo ông Tào âm mưu phản nghịch. Vì thế, Tào Bân bị bãi chức, còn Đức Siêu được phong làm Xu Mật Sứ. Chẳng lâu sau, do Triệu Phổ tận lực biện định, xóa nỗi oan [cho ông Tào]. Vua hiểu ra, bèn đày Đức Siêu đi xa, đãi ngộ Tào Bân như cũ. Xem chuyện này, [sẽ thấy] “*khuynh đảo người khác thật ra là khuynh đảo chính mình*”, chẳng càng đáng tin ư? Nhưng hãm hại kiêu này vẫn còn nhỏ nhoi!

Còn như Lý Lâm Phủ đời Đường ở ngôi Tể Tướng, phản phúc, khuynh đảo, hãm hại để củng cố địa vị của chính mình. Thuở ấy, những vị tướng soái ngoài

biên cương đều là bậc danh thần. Những người có công lao rạng rỡ sẽ được vời về triều làm Tể Tướng. Lâm Phủ muốn chặn đường họ, bèn tâu rằng: “Các quan văn khiếp sợ tên đạn, xin hãy dùng người Hồ<sup>517</sup> để thay thế, họ sẽ có thể dốc trọn sức đến chết”. Do vậy, dẫn đến cuộc biến loạn của An Lộc Sơn. Đây là vì ý niệm lo lắng cho tước vị mà làm hại người trong toàn thể thiên hạ vậy. Rốt cuộc, do mắc tội tư thông với kẻ phản nghịch, hấn bị [triều đình xử phạt] bửa quan tài, chém xác. Vốn hấn chẳng phạm tội ấy, nhưng vì khuynh loát bậc hiền tài để củng cố địa vị, trọng dụng An Lộc Sơn, cho nên [Lý Lâm Phủ] rốt cuộc bị kết tội phản nghịch! Há chẳng phải là hoàng thiên đã âm thầm ấn định bản án đây hay chăng? Than ôi! Kẻ làm bày tôi ăn lộc vua, phụng sự như thế nào mà đến nỗi ấy? Người xưa nói: *“Khuất thân phụng sự vua, hãy nên coi tấm thân ấy chẳng phải là của chính mình nữa. Vì thế, niệm nào cũng nghĩ đến vua, đến đất nước, há còn nặng lòng vì gia đình của chính mình ư? Há còn lo lắng [chính*

---

<sup>517</sup> Người Hồ, còn gọi là Hồ Tộc, là từ ngữ phiếm chỉ những dân tộc du mục sống ở phía Đông và Bắc Trung Hoa. Vào thời Hán, chữ Hồ thường dùng để chỉ các bộ tộc Hung Nô. Về sau, chữ Hồ được sử dụng hẹp hơn để chỉ những người có nguồn gốc từ Trung Á, sống tại thảo nguyên, như Ngạn Tông Độc đời Đường đã định nghĩa: *“Từ Thông Lãng trở về phía Tây là Phạm chúng, ở bên trái của Thiết Môn thì gọi là Hồ”*. Từ đời Đường, nói chung các sắc dân du mục hoặc Tây Vực thường gọi chung là Hồ. Nói chung, người Hồ bao gồm nhiều sắc dân như Đông Hồ (sống tại Nội Mông), Nhục Chi (nổi tiếng với đề quốc Quý Sương), Ngô Hoàn, Tiên Ty, Hung Nô, Khương, Đê, Yết, Đinh Linh, Cao Xa, Sớ Lặc, Nhu Nhiên, Đột Quyết, Hồi Hột, Thổ Phiên, Khiết Đan, Khố Mạc Hề, Thát Vi, Thát Đát, Đãng Hạng, Mạt Hạt, Nữ Chân. Trong đó, năm dân tộc là Tiên Ty, Hung Nô, Khương, Yết, Đê đã vào Trung Hoa, thành lập các triều đại mà sử Hoa thường gọi là Ngũ Hồ Loạn Hoa (chẳng hạn triều đại Diêu Tần do Diêu Trành vốn là người Khương sáng lập). Người Khiết Đan và Nữ Chân đã lập nên hai triều đại lớn trong lịch sử Trung Hoa là nhà Liêu và nhà Thanh.

mình] bắt trung nữa ư!” Lời ấy có thể coi như là được thạch<sup>518</sup> cho hạng người trên đây!

*(Chánh văn) Tru hàng lục phục, biếm chánh bài hiên.*

**(正文)誅降戮服。貶正排賢。**

*(Chánh văn: Giết hại kẻ đã đầu hàng, lưu đày người ngay, gạt bỏ người hiền).*

Bình đao hung ác, chiến tranh nguy hiểm, thánh nhân bắt buộc dĩ phải dùng. Vì thế, người xưa do giết địch quá nhiều, bèn đau buồn, thương xót. Khi đã chiến thắng, bèn mai táng [địch nhân] theo đúng lễ. Đối với những kẻ đã đầu hàng, quy thuận, sẽ càng xót thương, phủ dụ. Nếu họ đã đầu hàng mà lại còn tàn sát, nhẫn tâm tạo nghiệp, họa lớn chẳng gì bằng!

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: - [Nếu nói] “người có lòng nhân từ không nắm giữ binh quyền”, tức là kẻ làm tướng ắt sẽ tàn sát ư? Thưa, chẳng phải vậy. Người làm tướng do cứu dân mà ngăn dứt sự tàn

---

<sup>518</sup> Dược thạch (藥石): Theo chế định của đức Phật, tỳ-kheo chỉ ăn một bữa Ngọ. Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, do khí hậu lạnh lẽo, cũng như do thức ăn trong tự viện đơn bạc, để đỡ đói, chư Tổ cho phép chư Tăng ăn nhẹ vào bữa tối cho khỏi đói, nên gọi bữa tối là Dược Thạch với ý nghĩa dùng như một vị thuốc để chữa căn bệnh đói.

bạo, dẹp loạn, giữ yên đất nước, ắt [dân chúng sẽ] có hy vọng sống còn trong ấy. Do vậy, vì sự sanh tồn [của toàn dân] mà giết [kẻ phản loạn] thì không ai có công hơn người làm tướng được! Vì sao? Giết một kẻ để cứu vạn người; so với chuyện làm lành lúc bình thường, cố nhiên là có sai khác! Nếu vì giết chóc mà giết chóc<sup>519</sup>, ắt tội cũng không ai hơn kẻ làm tướng được! Có sao? Hễ thất bại thì phần nhiều là giết chính mình, hễ thắng lợi thì sẽ giết nhiều quân địch. Quân luật chẳng nghiêm, ắt [quân lính] sẽ giết nhiều người vô tội, toàn là trách nhiệm của chủ tướng vậy. Do đó, sai tướng [cầm quân chinh phạt], chẳng thể không thận trọng, mà vị tướng sai phải thuộc hạ lại càng chớ nên không thận trọng.

Cổ nhân nói: “*Ba đời làm tướng là điều kiêng tránh của Đạo gia*”. Nhưng dùng giết chóc để ngăn dứt giết chóc cũng là chuyện [do tình thế] bắt buộc phải như vậy. Vì thế, tùy thuộc cách sử dụng như thế nào đó thôi!

1) Thứ nhất là sợ vô sự mà sanh sự, dùng xương khô của trăm vạn người để đổi lấy cái ấn phong hầu!

2) Thứ hai là sợ dùng hung bạo này thay cho sự hung bạo khác, lạm sát dân chúng, vì tranh công mà chặt đầu kẻ khác.

---

<sup>519</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Nếu vì công danh, lợi lộc riêng tư mà tàn sát, do thích giết người mà tàn sát, thì gọi là “*dĩ sát dụng sát*”.



3) Thứ ba là sợ đôi bên giao chiến kịch liệt, ra sức tàn sát, phe ta lẫn phe địch đều phải hứng chịu. Kẻ chỉ huy có thể nói: “Do lệnh ta mà giết người để phô trương oai thế”. Lại có thể nói: “Giết người là chuyện của kẻ khác, cho phép thuộc hạ lạm sát, cướp bóc để phô trương thanh thế. Vì đó, ta có thể coi đây là chiến công của chính mình”. Bởi lẽ, đạo làm tướng thì trước hết là phải nghiêm cấm quân đội giết hại, chế ngự binh lính nghiêm ngặt, ắt binh sĩ sẽ chẳng gây hại, mà còn là có công. Do vậy, [nói] “*dùng sống còn để hướng dân giết chóc*” (vì mục đích bảo vệ sanh mạng của người dân mà giết địch hoặc kẻ phản loạn) là như thế đó.

Đời Hán, Lý Quảng tay dài như vượn, có tài thiện xạ. Dân Hung Nô kiêng sợ, đặt biệt hiệu cho ông ta là Phi Tướng Quân (tướng quân bay). Nhưng ông ta vận số trắc trở, chẳng được phong tước hầu, đã từng nói với Vương Sóc là một tay tướng số chuyên xem khí sắc: “Quảng kể từ lúc búi tóc (hai mươi tuổi), giao chiến với Hung Nô, chưa hề chẳng giành đi trước. Hễ quân Hán đánh Hung Nô, Quảng chưa hề không tòng chinh. Nhưng những kẻ thuộc lớp sau đều được phong hầu, riêng mình Quảng chẳng thế! Vì lẽ nào?” Vương Sóc hỏi: “Tướng quân có chút gì ân hận hay không?” Lý Quảng đáp: “Đã có tám trăm người Hồ đầu hàng, Quảng đều giết sạch, khá là hồi hận”. Vương Sóc nói: “Họa không gì lớn bằng giết kẻ đã đầu hàng. Đây là lý do khiến cho Ngài chẳng được phong hầu vậy!” Về sau, Lý Quảng cũng vì đánh trận thất bại bèn tự sát.

Cháu nội là Lý Lăng lại vì chuyện đầu hàng quân giặc mà cả họ bị tru di.

Đời Nguyên, khi [quân Mông Cổ] vừa mới chiếm được vùng Giang Lăng<sup>520</sup>, Liêm Hy Hiến<sup>521</sup> trông coi<sup>522</sup> vùng Kinh Nam, hạ lệnh: “Phàm kẻ nào bắt được tù binh mà dám tàn sát, sẽ bị luận tội giống như cố ý giết hại dân thường”. Trong quân đội, những tù binh do bệnh tật mà được [chủ nhân] thả ra, cho phép người khác nhận về nuôi. [Khi người tù ấy đã] lành bệnh, chủ cũ chẳng được giành lại. Nếu có kẻ nào gán vợ bán con, sẽ bị phạt tội nặng, mà còn chẳng nhận được món tiền gạ bán ấy. Ấy là vì Liêm Hy Hiến chẳng thích tàn sát, cho nên có thể làm như thế. Ông mất, thụy hiệu là Văn Chánh. Một người em trai của ông có sáu đứa con trai đều quý hiển.

---

<sup>520</sup> Giang Lăng là vùng đất ở phía Đông huyện Chi Giang tỉnh Hồ Bắc, nằm ở phía Tây huyện Tiềm Giang và phía Nam huyện Kinh Môn.

<sup>521</sup> Liêm Hy Hiến (1231-1280) là một vị đại thần thời Nguyên, tự là Thiên Phủ, hiệu Dã Vân, vốn là con trai của Liêm Phóng Sứ Bồ Lỗ Hải Tà, thuộc bộ tộc Uy Ngột Nhi (Uighur). Trong xu thế Hán hóa đời Nguyên, ông đổi họ thành Liêm. Ông từng được phong làm Kinh Triệu Tuyên Phủ Sứ. Trong khi đang theo phò Hốt Tất Liệt (Kublai) tấn công Ngạc Châu của nhà Tống, bỗng nghe tin Nguyên Hiến Tông (Mông Kha) chết, ông đã khuyên Hốt Tất Liệt đem quân về Bắc, giành quyền thống trị Trung Hoa. Khi quân Nguyên hạ thành Giang Lăng, ông được phong làm Bình Chương Kinh Nam Hành Tỉnh, An Phủ Kinh Châu Giang Lăng. Khi mất, ông được phong là Ngụy Quốc Công, tước Hằng Dương Vương. Liêm Hy Hiến đặc biệt coi trọng giáo dục, nhất là giáo dục Nho gia, thường khuyên Hốt Tất Liệt chú trọng đào tạo, nâng đỡ nhân tài, vỗ yên dân chúng, tái thiết cơ sở kinh tế, vận dụng nhân nghĩa để cai trị. Hốt Tất Liệt thường gọi ông là Liêm Mạnh Tử.

<sup>522</sup> Nguyên văn là “*tỉnh Kinh Nam*” (省荆南). Tỉnh (省) là gọi tắt của chức vụ Bình Chương Hành Tỉnh (平章行省), tức cơ cấu quản trị cao cấp nhất trong một châu huyện thời ấy. Liêm Hy Hiến đứng đầu cơ quan Bình Chương Hành Tỉnh của vùng Kinh Nam thuở ấy nên nói là “*tỉnh Kinh Nam*”.

Đày đi xa thì gọi là Biếm (貶); hãm hại khiến cho kẻ khác bị mất địa vị thì gọi là Bài (排). Bậc chánh nhân hiền sĩ là rường cột của nước nhà, đáng nên trọng dụng, ngõ hầu triều đình có người, trong ngoài biết sợ. Nếu đố kỵ vì người ấy khác biệt [ý kiến, chí hướng] với mình, bèn dùng nhiều phương cách khiến cho người ấy bị đui, bị đày đi xa, trở ngại người hiền, khiến cho nước nhà suy vi, chẳng có tội ác nào lớn hơn thế!

Đời có Bá Nhạc<sup>523</sup>, sau đây mới có thiên lý mã (ngựa ngàn dặm). Thiên lý mã luôn có, nhưng Bá Nhạc chẳng thường luôn có. Gặp gỡ nhân tài, cũng giống như vậy đó. Nếu kẻ đang nắm giữ địa vị đều như Bá Nhạc, ắt là bậc có khí lượng đạo đức, sẽ có thể làm Tể Tướng. Người hiểu biết đại thể sẽ có thể làm gián quan. Kẻ thông hiểu pháp tắc, sách lược, sẽ có thể giao cho binh quyền. Kẻ có thể trấn thủ, vỗ yên, sẽ có thể trao giữ chức vụ một phương. Kẻ có khí phách, sẽ có thể làm quan giám sát. Kẻ liêm khiết đối với tiền tài, có thể làm quản lý tiền bạc, thóc gạo. Kẻ biết yêu dân, sẽ đều có thể làm Thái Thú hoặc huyện lệnh. Như thế thì các chức vụ lớn nhỏ sẽ đều có người [xứng đáng đảm nhận], ngoài đồng nội chẳng bỏ sót nhân tài, mà trăm việc đều được thực hiện tốt đẹp vậy!

Đời Minh, Nhan Mậu Do nói:

---

<sup>523</sup> Bá Nhạc là người sống vào thời Xuân Thu, dưới thời đại Tần Mục Công. Ông tên thật là Tôn Dương, giỏi xem tướng ngựa, hề nhìn ngựa liền biết ngay con nào là tuần mã có thể chạy nhanh và dai sức.

- Phàm là kẻ mưu toan để biếm trích, hãm hại người khác mất chức và kẻ có thể rộng dung người hiền, vốn chẳng khác biệt cho mấy, [sở dĩ có khác biệt] chỉ vì ngã kiến gây lụy. Có trường hợp nghe danh tiếng, khá là yêu mến, hâm mộ, cho đến khi gặp mặt, cư xử, sẽ có một, hai chuyện chẳng thể nhẫn nại được. Chết chửa càng lâu, sẽ trở thành oán cừu, hiềm khích. Vì thế, rộng dung người hiền ở xa sẽ dễ dàng, rộng dung người hiền gần kề sẽ khó khăn. Dung thứ kẻ hèn kém dễ dàng, dung thứ người sang cả khó khăn. Dung thứ tạm thời sẽ dễ dàng, dung thứ lâu dài sẽ khó khăn. Vì sao? Tánh khí va chạm nhau, tài năng xung đột, danh vọng lấn át nhau, oai thế chèn ép nhau. Nhưng người hiền ấy cũng chẳng thể hoàn toàn bình tâm tĩnh khí, vô ngã được. Sau khi giao du lâu ngày, sẽ thật sự thấy kẻ hiền ấy có chỗ chẳng đúng, [bèn nghĩ ngợi]: “Xưa kia hâm mộ đức hạnh của kẻ ấy, chính là vì đã nhận biết sai lầm rồi sanh lòng kính trọng!” Ngày nay ghét kẻ hiền, vẫn cảm thấy là tâm ta đã lảng lờ [cần nhắc kỹ càng rồi]. Hễ [kẻ nào] nói “*thật sự chẳng thể dung thứ*”, thật ra là do kẻ đó chẳng thể tiêu trừ [cái tâm đố kỵ ấy]. Vì thế, có khi bậc quân tử gặp gỡ, rốt cuộc trở thành oán cừu, chống trái. Thói tệ khởi nguồn chính từ chỗ này. Thường ngày, cần phải chế ngự những thói xấu của chính mình, nhẫn nhục, vô danh, vô tướng, thật sự có thể xả thân vì nước, đối với hết thảy chê, khen, yêu, ghét, chẳng bận lòng mảy may, thì mới có thể tạo phước cho con cháu và lê dân vậy!

Đời Tống, Tạ Bí hiểu biết người khác nhất, chẳng dễ dãi nhận lời ai [để tiến cử kẻ khác]. Suốt đời, ông chỉ tiến cử không quá vài người. Mỗi lần gởi thư tiến cử, ông ắt thấp hương, bái vọng cửa khuyết, lễ bái rồi tâu: “Lão thần lại vì bệ hạ cầu được một người”. Văn Chánh (Phạm Trọng Yên) và Vương Đán đều do ông ta tiến cử. Ngày ông sắp mất bèn tắm gội, đốt hương, ngồi ngay ngắn, qua đời, đầu chẳng nghiêng vẹo tí nào! Đây chẳng phải là đã “*thi giải*”<sup>524</sup> ư?

Vào thời Xuân Thu nhà Châu, Yên Tử tâu với Tề Cảnh Công: “Nước có ba điều bất tường, nhưng chẳng dính dáng đến chuyện thần kỳ, quái dị! Hễ có người hiền mà không biết; đó là một điều bất tường. Đã biết mà chẳng dùng, đây là hai điều bất tường. Dùng mà không tín nhiệm là ba điều bất tường. Nói ‘*bất tường*’ chính là như thế đó”<sup>525</sup>. Vậy thì có nên biếm trích người chánh trực, có nên bãi chức người hiền hay chẳng?

Đời Đường, Lô Kỷ ghét Nhan Chân Khanh, muốn trục xuất ông ta. Khi ấy, Lý Hy Liệt làm phản, Lô Kỷ bèn tâu vua: “Thần mong có bậc trọng thần tánh tình nho nhã, sẽ vì hấn ta (Lý Hy Liệt) phân tích lẽ họa phước, ắt sẽ có thể chẳng nhọc sức xuất quân mà hấn chịu phục. Xét ra, Chân Khanh là bậc cự thần đã ba

---

<sup>524</sup> “*Thi giải*” (尸解) là thành ngữ của Đạo Giáo, chỉ người đã đắc đạo thành tiên, lìa bỏ xác phàm.

<sup>525</sup> Theo sách Yên Tử Xuân Thu, Tề Cảnh Công đi săn trên núi. Trông thấy trên núi có cọp. Xuống núi, thấy có ao chuôm, trong ao có rắn. Vua trở về, vời Yên Tử đến hỏi ý, cho rằng đó là những điềm bất tường. Yên Tử nhân đó bèn giảng cho vua biết: Bất tường thật sự là như thế nào?

triều vua, trung trực, cương quyết, danh tiếng vang rền cả nước, mọi người tin phục, đúng là người đáng sai đi vậy”. Vua cũng nghĩ là đúng, xuống chiếu sai Chân Khanh đến khuyên nhủ Hy Liệt. Về sau, Hy Liệt muốn giữ Chân Khanh ở lại làm Tể Tướng, Nhan Chân Khanh bèn chết (tự sát). Cuộc biến loạn Phụng Thiên<sup>526</sup> thật sự là do Lô Kỷ gây ra. Lý Hoài Quang tâu trình, [hạch tội] Lô Kỷ tàn hại bậc trung lương, gian nịnh gây hại cho đất nước. Hắn bị đày ra Tân Châu rồi chết ở đó.

Nhan Mậu Do nói: - Phường tiểu nhân đồ ky, chỉ vì sợ người khác sẽ công kích mình, lấn lướt mình, chẳng biết mưu mẹo trí trá chẳng chống nổi tạo hóa. Khi số mạng đã suy bại, dùng hết mọi mảnh khoe, chẳng thể làm gì được nữa! Những gã như Lô Kỷ

---

<sup>526</sup> Sử thường gọi cuộc biến loạn này là “*Nhị Đế Tứ Vương chi chiến*” (cuộc chiến giữa hai đế và bốn vương). Vào thời Đường Đức Tông, các quan Tiết Độ Sứ thế lực rất mạnh, hầu như chỉ nghe theo lệnh triều đình trên danh nghĩa. Đường Đức Tông cực lực mưu tính dẹp bỏ Tiết Độ Sứ tại các phiên trấn. Lúc bấy giờ, Tiết Độ Sứ Thành Đức là Lý Bảo Thần chết, con trai là Lý Duy Nhạc xin nối vị cha. Đường Đức Tông cự tuyệt. Lý Duy Nhạc bèn liên kết với Truy Thanh Tiết Độ Sứ Lý Chánh Kỷ, Sơn Nam Đông Đạo Tiết Độ Sứ Lương Sùng Nghĩa, Ngụy Bắc Tiết Độ Sứ Điền Duyệt, cũng như một số Tiết Độ Sứ khác khởi binh phản Đường. Khi Lý Chánh Kỷ chết, con trai là Lý Nạp xin nối ngôi cha, dĩ nhiên Đường Đức Tông từ chối. Các phản tướng tấn công ráo riết, lại thêm Lý Hy Liệt và Châu Thử làm phản. Điền Duyệt xưng là Ngụy Vương, Lý Nạp là Tề Vương, Vương Vũ Tuấn là Triệu Vương, Châu Thao là Ký Vương, Châu Thử là Tề Đế, Lý Hy Liệt xưng là Sở Đế. Họ tấn công các nơi trọng yếu, Đường Đức Tông gọi Diêu Lệnh Ngôn về bảo vệ kinh đô. Do bị các quan trọng thần như Lô Kỷ gièm báng, quân Diêu Lệnh Ngôn khổ cực mà không được tướng thưởng xứng đáng, họ tức giận quay giáo tấn công kinh đô. Vua phải bỏ Trường An, chạy về Phụng Thiên lánh nạn. Châu Thử trọng dụng Diêu Lệnh Ngôn, dùng quân của họ Diêu thừa cơ đánh tới Phụng Thiên. May nhờ có viện binh của Lý Hoài Quang chống chọi, vua Đường mới kịp từ Phụng Thiên chạy về Lương Châu lánh nạn. Mãi cho đến Hưng Nguyên nguyên niên, dưới sự lãnh đạo của tướng Lý Thịnh, quân Đường mới chiếm lại được Trường An, dẹp tan quân phản loạn.

chẳng phải là không biết [lẽ ấy], chỉ vì không biết làm thế nào được nữa! Thoạt đầu chỉ là một niệm [mong cầu] củng cố ân sủng [của nhà vua]. Chuyện đã đến nước ấy, lâm vào tình thế cưỡi cọp, chẳng thể xuống được! Vẫn là hãy nên thận trọng ngay từ lúc đầu!

*(Chánh văn) Lãng cô bức quả.*

**(正文)凌孤逼寡。**

*(Chánh văn: Lấn hiếp con cô, bức hại bà góa).*

Đối với ý này, trong phần chú giải cho câu “*cãng cô tuất quả*” (thương xót con cô, châu cấp bà góa) trong phần trước đã có nhắc đến. Đức Thái Thượng đã khuyên thương xót, giúp đỡ trong phần trước, lại còn răn đe về chuyện lãng nhục, bức bách trong phần sau. Dặn đi, dặn lại, dụng ý đúng là tha thiết tốt bậc. Bởi lẽ, mẹ góa, con cô là nỗi bất hạnh trong đời người, [họ là những người] được trời đất coi trọng. Há có nên rấp tâm vì họ không có nơi nương tựa, mà thừa cơ lòng gạt, hãm hại. Hoặc là xâm chiếm, tước đoạt tài sản, hoặc dùng quỷ kế, cấu kết với bọn sai dịch, cậy thế khủng bố, dọa nạt, khiến cho mẹ góa con cô lưu lạc, chẳng thể nào kêu cứu, kiện cáo. Hãy khoan luận quỷ thần luôn dò xét, báo ứng chẳng khoan dung; hãy nghĩ

“trẻ mồ côi cũng là con kẻ khác, bà góa cũng là vợ người khác”, xin hãy coi họ như con ta, vợ ta để xét lại.

Củng Cố ở Phương Thành làm hàng xóm của một người nhà giàu họ Châu. Bỗng nhà họ Châu trai gái đều chết sạch, chỉ còn sót lại một bà già và đứa cháu bé bỏng. Củng Cố bèn mở tiệc rượu, dụ dỗ: “Cháu của cụ tro troi, yếu đuối, giữ lấy gia sản để tự sanh nhai, chẳng phải là kẻ sách vện toàn. Sao bằng bán hết cho tôi, tôi sẽ nuôi già, chăm trẻ”. Bà cụ mừng rỡ, lập bằng khoán, giá bán chưa đến một nửa [giá trị thật sự]. Củng Cố vừa nắm được bằng khoán, bèn [trở mặt], bức bách họ dọn nhà. Củng Cố mộng thấy một người quở trách: “Mày mưu toan chiếm đoạt cơ nghiệp của ta, xua đuổi vợ và cháu ta, ta đã tố cáo lên Thượng Đế. Sang năm, cả nhà mày chết sạch”. Năm sau, quân giặc kéo tới. Quả nhiên, cả nhà họ Củng đều chết hết. Bà cháu [nhà họ Châu] do lìa khỏi sản nghiệp, nên tránh khỏi tai nạn. Họ trở về, lấy lại tài sản, sản nghiệp trở về nguyên chủ. Họa giáng xuống cả nhà, những kẻ lẩn hiếp mẹ góa con côi hãy nhìn vào gương này thì cũng có thể phản tỉnh, sửa đổi. Còn như anh em, người cùng họ lẩn hiếp, bức bách nhau, diệt tuyệt mối thiên luân, sự báo ứng thâm càng to lớn hơn nữa, chẳng đành lòng nhắc tới!

*(Chánh văn) Khí pháp thọ lộ.*

**(正文)棄法受賂。**



(**Chánh văn:** *Coi thường pháp luật, tiếp nhận hối lộ*).

Từ chỗ này cho tới câu “*kiến sát gia nô*” (thấy [người khác mắc tội] đã bị giết chết mà vẫn còn giận dữ), đều là nói về chuyện thẩm vấn, xử phạt. Phàm là nha dịch, thư lại, cũng đều được gộp vào trong ấy, chẳng phải là chỉ nói riêng về những vị hình quan<sup>527</sup>. Đức Thái Thượng nói đến chuyện đúng, sai, nặng, nhẹ, trước hết, nhắc đến chuyện coi thường luật pháp, nhận hối lộ. Bởi lẽ, đúng, sai, nặng, nhẹ đều có pháp tắc nhất định, nhưng [kẻ xét án] chỉ mong sao được tiền. Vì thế, bèn nghe theo lời xin của kẻ đã hối lộ mình mà hành xử điên đảo. Nếu chẳng biết đến pháp luật, mặc tình phán đoán lẽ sống chết [của người bị tố tụng theo ý riêng], thì dân chúng sẽ chẳng thể làm gì được! Có sao chẳng nghĩ đến chuyện trời giận, người oán, ắt sẽ vương phải tai nạn lạ lùng vậy thay?

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: - Kẻ làm quan, gia sản vốn từ thi, thư, lễ, nhạc mà có, há chẳng biết sự liêm khiết đáng nên tôn sùng ư? Chỉ vì đã quen thấy chuyện mưu cầu quan tước, trả nợ, biếu xén để được thăng thưởng, đề bạt, [bèn nghĩ] “chẳng làm như vậy sẽ không được!” Thoạt đầu là mới nhúng chàm, nhưng tích tập lâu ngày tiêm nhiễm, tánh tình đã lạm thói tanh hôi. Hơn nữa, lòng người có bao giờ chê chán! Đã được

---

<sup>527</sup> Hình quan (刑官): Quan viên trông coi về tư pháp.

trăm lạng, ắt mơ ngàn lạng. Đã có được ngàn lạng, ắt mong vạn lạng. Thậm chí kẻ quyền thế lưng lầy, vàng lụa chất đầy tận nóc. Đã chất chứa đến nỗi [bỏ mặc cho nó] cũ nát, mà vẫn [cảm thấy] chưa đủ. Kẻ bàng quan [trông thấy tình cảnh ấy] chẳng ai không nức cười, nhưng kẻ trong cuộc vẫn không hay biết. Ấy là vì thật sự mắc bệnh mê tiền vậy! Phần lớn [những kẻ say mê tích lũy tiền của như vậy] đều là vì tính kế lâu dài cho con cháu, chẳng biết bao nhiêu con em của những kẻ si mê làm giàu [đã gây họa] diệt môn, bao nhiêu kẻ thanh bạch, nghèo túng, đạm bạc mà lại khá lên. Huống chi, phước lộc có vận số, cứ thâm đoạt của cải bất nghĩa cho lắm, để lại món nợ oan nghiệt cho con cháu đền trả! Chẳng thể nói là phước được!

Còn như lập miếu thờ phụng [tổ tiên], giúp đỡ dòng họ, cứu giúp họ hàng nghèo túng, cố nhiên là chuyện tốt đẹp. Nhưng nếu có cái tâm mong cho sự việc được hoàn thành trọn vẹn mau chóng, ắt sẽ phải thâm nhập trái lẽ quá đáng, làm sao có thể “tích đức, ngưng tụ cát tường, làm quan lâu ngày sẽ tự nhiên giàu có” dài lâu cho được? Phàm kẻ làm quan mà mê rượu, chuộng dâm, ưa giết chóc, đều bắt nguồn từ sự tham mê tiền tài. Căn bệnh mê tiền là do buông lung ý niệm đã thành thói quen. Khi thói quen đã hình thành, ruột gan sẽ thay đổi, sẽ liều chết theo đuôi, chẳng màng [tiền bạc có được do sự tham ô ấy] sẽ là hữu dụng hay vô dụng! Có kẻ khi mới chập chững bước vào quan trường, vẫn còn có thể kiềm chế, nhưng đến khi đã lỗi đời, bèn hoàn toàn đảo ngược. Chỉ vì dần dần đã coi

quan trường là nhà, coi tiền tài là tánh mạng, nhưng đông hơn cả vẫn là những kẻ vừa chen chân vào chốn vinh hoa, phú quý, bèn cầm ngay chiếc cuốc, cái ky, cái mai [để sẵn sàng đục khoét].

Hễ nhận hối lộ, ắt sẽ tàn khốc. Những kẻ đó cho rằng: “Chẳng đánh, ắt trong tâm quần chúng sẽ chẳng kinh hãi, sẽ chẳng có kẻ dứt lốt”. Nhận hối lộ, ắt sẽ ngang ngược. Kẻ đó cho rằng: “Chẳng điên đảo lẽ đúng sai, ắt lý lẽ sẽ thắng quyền thế, người dân do có chỗ nương cậy, sẽ chẳng sợ [oai thế của quan]”. [Những kẻ] ăn hối lộ, ắt sẽ xun xoe những kẻ thân tín, quen biết [của cấp trên] để nắm bắt ý chỉ [của bề trên]. Họ cho rằng, nếu chẳng tụ tập thành bày hồ dối, ắt oai lệnh sẽ chẳng được coi trọng. Không bẻ cong [sự thật], bao che, thiên vị kẻ khác, ắt khi phạm lầm lỗi, sẽ chẳng có kẻ [thân tín] để trông cậy. Như thế thì khi phán quyết án lệ, ruột gan đã ngầm chứa điều khuất lấp. Do một điều tham mà sanh ra trăm nỗi khốc liệt! Một gã quan hung ác, lại sanh ra trăm gã nanh vuốt! Ôi! Há lẽ nào dân chẳng vì nghèo túng mà làm trộm cướp ư?

Điều khó thể chịu đựng nhất chính là kẻ cướp bóc, cường đoạt đã bị tổng giam mà vẫn có thể dùng tiền [hối lộ] để chuộc ra. Kẻ nhận hối lộ đã làm trái pháp luật, lại ngược ngạo ra oai [hòng lấp liếm lỗi ấy]. Đối với những tội trộm cắp hàng hóa tại tiệm buôn là những tội vặt vãnh, bèn sử dụng những hình phạt tội cùng tàn độc thấu xương! Còn như kẻ quan tước càng to, cai quản dân chúng càng đông, một người ăn hối lộ, ắt

ngàn người bẻ cong pháp luật. Mười người đùa bỡn với pháp luật, ắt vạn người làm tượng đất [để chôn theo]! Như tám trăm thạch hồ tiêu của Nguyên Tải<sup>528</sup>, tám mươi vò đường sương (糖霜) của Giả Tự Đạo<sup>529</sup>. Có nhiên là khiến cho thiên hạ loạn lạc; nhưng những gì bọn chúng nó đã chất chứa, há có còn hay chăng?

Phàm là bậc trưởng quan, há nên nghĩ “ta cốt sao giữ mình trong sạch” là được rồi! Hãy nên nghiêm cấm thuộc hạ và những quan lại dưới quyền tham ô. Vì sao? Trưởng quan tai mắt hữu hạn, mọi chuyện toàn là do những nha lại trong công môn lo liệu. Nếu như [trưởng quan] luôn đối chiếu, luôn tra xét tường tận mọi vụ án, mọi hình phạt, xét xem trong ấy có những vụ nào mà người nghèo bị mắc lụy, oan uổng gánh tội, hoặc kẻ ngu bị lừa gạt, kẻ yếu thế bị kẻ khác khồng chế, gào

---

<sup>528</sup> Nguyên Tải là một đại thần dưới đời Đường Đại Tông. Ông ta từng làm Hành Quân Tư Mã, được phong làm Trung Thư Thị Lang. Ông ta cũng là kẻ chuyên quyền, thích ăn hối lộ, hãm hại bậc trung lương, xa xỉ, hoang phí, làm rất nhiều chuyện ác. Thuở ấy, hồ tiêu (black pepper) là một thứ gia vị quý hiếm phải nhập từ Tây Vực, hoặc lấy từ các nước phương Nam như Mã Lai, Nam Dương. Thế mà ông ta tích trữ đến tám trăm thạch hồ tiêu!

<sup>529</sup> Giả Tự Đạo là người xứ Thai Châu, sống vào đời Tống. Thuở trẻ là một gã lông bông, thích cờ bạc, chơi bời, chẳng ra gì. Do chị hắn được tuyển làm quý phi của Tống Lý Tông, hắn bèn nhờ chị vận động giành được một chức quan trong triều đình. Nhờ lắm mảnh khõe, thủ đoạn, hắn ngoi lên tới chức Tham Tri Chánh Sự. Khi quân Nguyên đánh Ngạc Châu, vua sai hắn dẫn binh cứu viện. Văn dốt, vũ dốt, hắn bị tướng soái quân Nguyên bắt được, phải xưng thần, hứa cống nạp, đút lót để được thả ra. Trở về, hắn tâu dối là đã đại thắng. Về sau, do khéo bợ đỡ, đón ý, hắn còn làm tới chức Hữu Thừa Tướng, khuynh loát triều chánh, gạt bỏ những kẻ chống đối, trừ khử những bậc trung lương. Giả Tự Đạo sống rất xa xỉ, ăn hối lộ không biết chán. “Đường sương” chính là đường cát trắng. Thuở đó, tại Trung Hoa chưa có mía. Đường mía phải nhập, hay bắt các nước phương Nam như Việt Nam, Mã Lai, Nam Dương, Xiêm La... cống nạp. Đường thô đã rất đắt, thế mà hắn nghiêm nhiên chiếm riêng tám mươi vò đường cát trắng tinh luyện!

trời võ đất, không cách nào tố cáo được! Chỉ có người trong công môn, dưới là tiếp nhận nỗi đau của người dân, trên là thông hiểu những mối quan hệ trong chốn quan trường. Khi [người dân đang lúc] gian khổ, tro troi, nguy ngập, mà nâng đỡ một phần, sẽ hơn tạo phương tiện cho người khác mười phần! Khoan dung một phần, sẽ hơn tạo phương tiện cho người khác mười phần! Nếu có thể cứu giúp kẻ bần cùng, giải trừ oan ức, dạy kẻ ngu, nâng đỡ kẻ yếu thế, chẳng thừa dịp họ gặp nguy mà gạt gẫm, chẳng vì ăn của hối lộ mà đánh đập [phạm nhân hoặc nghi can] tàn khốc, chẳng cần hiểu biết căn kẽ tình tiết mà đã cố ý oan uổng họ, chẳng điên đảo văn từ (chơi chữ, gài bẫy để kết tội), rối loạn pháp luật, ắt trong một ngày, có thể làm được mười mấy việc thiện. Tích lũy ba năm, sẽ có mấy vạn điều thiện. Người ta đang trong cơn khốn khó, ai mà chẳng biết cảm kích? Thần minh [ở cách đỉnh đầu] ba thước, có vị nào chẳng phù hộ? Tự nhiên hằng ngày chuyện cát khánh (tốt lành) sẽ xảy tới, con cháu hưng thịnh. Nếu chẳng như vậy, tài sản tom góp bằng sự oán độc, dầu đạt được cũng chẳng phải là phước!

Lại có kẻ nghèo túng chẳng có tiền tài để [quan trên, nha lại] có thể lừa gạt được; vì thế, bèn dùng hình phạt tàn khốc [để hành hạ họ, làm như thế] chỉ tổn âm chất, chất chứa oán hận để làm gì? Bất luận xưa kia hay trong hiện thời, bậc hào kiệt ân thân trong chốn nha môn cũng luôn cúng tế cô hồn, làm trai đàn, thâu nhặt chôn cất đầu lâu, hoặc cũng có kẻ thương xót người già cả cô quạnh, nghèo khó, bèn kêu gọi quyên góp châu

cấp, nuôi nấng. [Những người như vậy] toàn là người tốt tâm lành, có ai chẳng phải là con hiếu, cha nhân từ? Chỉ sợ những kẻ coi tiền tài quá nặng, chắc là cỏi âm sẽ quở phạt chẳng nhẹ! Sao bằng chằm chước tài lực [của chính mình] có thể [giúp đỡ những kẻ nghèo khổ] hay không, lòng luôn nghĩ tạo thuận tiện [cho người khác], dẹp bớt oai thế hùng hổ, đừng buông lung tàn độc? Trong mạng mà có thì đến thời rớt cuộc sẽ có, mai sau ắt hưởng phước lâu dài! Trong ấy (trong số các quan lại, nha dịch), có những vị thiện tín, diệu nhân, hãy nên dùng ý này để khuyên bảo các đồng liêu, công đức càng là vô lượng.

Phàm là những kẻ làm sai dịch trong chốn cửa công, quen thói bẻ cong pháp luật<sup>530</sup>, quen tạt đánh đập [tội nhân], giống như những kẻ làm nghề đồ tể, tích tập lâu ngày, ý niệm giết chóc ngày càng thêm lừng, ý niệm cứu sống ngày càng ít ỏi. Vì thế, có kẻ lúc mới vào nha môn, vẫn còn có lòng [trắc ẩn], lâu năm bèn biến thành gã giặc giảo hoạt, quên sạch tánh [hiền lương, nhân từ] thuở trước. Lại có kẻ chính mình còn là người tốt, nhưng do bị mọi người công kích, rớt cuộc đọa trong ác đạo. Vì thế, đối với tâm thuật [của chính mình], chẳng thể không cẩn thận. Những kẻ táng tận lương tâm quá mức, cáo mượn oai hùm, tự cho mình là bậc hào kiệt, làm những chuyện gian trá trái pháp, tranh nhau khoe khoang ta là kẻ đảm lược, mưu trí, chẳng

---

<sup>530</sup> Nguyên văn “*quán hãn văn võng*” (慣捍文網). Ông Hoàng Bách Lâm giảng: “*Hãn là xúc phạm, vi phạm. Văn Võng là pháp võng, tức pháp luật*”.

biết là đang tạo ác, tạo nghiệp, con cháu sẽ phải hứng chịu, đời sau phải đền trả, cũng ích chi đâu? Khoan hãy nói đến những điều xa xôi ấy, hãy nhìn vào những gì ta [có thể] thấy nghe trước mắt. Kẻ hại người đã nhiều, lừa gạt quá mức, bị dân trong huyện cùng nhìn bằng nửa mắt<sup>531</sup>, có kẻ nào chẳng mắc vào lưới pháp luật? Trong số đó, có kẻ ăn chay, tụng kinh để chuộc tội trước. Cố nhiên cũng là do lương tâm chớm nẩy, có thể giải trừ một, hai phần, nhưng nếu ỷ vào đó, bảo là “có thể chuộc lỗi ác” rồi cứ mặc sức làm bậy chẳng màng thì sai mất rồi! Tiền của do bất nghĩa mà có, bỏ thí vô ích! Hơn nữa, sám hối tội lỗi mà vẫn tạo tội, tội càng nặng thêm. Chẳng thà làm phương tiện này, khoan dung đối với kẻ bần cùng, cứu vớt người oan khổ. Mọi người biết kẻ như vậy là bậc trưởng giả trung hậu, ắt sẽ nương cậy nhiều, mà tài vật đạt được cũng khá. Gần thì là có pháp luật của nước nhà, xa thì là cõi âm trách phạt, hãy nghĩ kỹ nhé!

Đời Minh, ông Cảnh Cửu Trù giữ chức Lương Hoài Diêm Vận Ty<sup>532</sup>, nổi tiếng liêm khiết. Có lần ông

---

<sup>531</sup> Nguyên văn “*vi áp dân cộng trắc mục giả*” (kẻ bị dân trong huyện cùng liếc xéo). “*Trắc mục*” (側目) là nhìn bằng khóe mắt, hoặc liếc xéo, không thềm nhìn thẳng, biểu thị phẫn nộ, căm ghét.

<sup>532</sup> Hiểu thông thường, Lương Hoài (兩淮) là vùng bắc sông Trường Giang thuộc tỉnh Giang Tô, thuộc hai miền Nam và Bắc của lưu vực sông Hoài. Ở đây, Lương Hoài có thể hiểu là hai lộ Hoài Đông và Hoài Tây đời Tống. Nhà Tống chia Trung Hoa thành nhiều lộ, mỗi lộ tương đương với một tỉnh trong hiện thời. Chức Diêm Vận Sứ có tên gọi đầy đủ là Đô Chuyển Diêm Vận Sứ Ty Diêm Vận Sứ (都轉鹽運使司鹽運使), đôi khi chỉ gọi là Diêm Vận Ty, được đặt ra từ đời Nguyên, chỉ áp dụng vào những tỉnh sản xuất muối như Lương Hoài, Lương Chiết, Phước Kiến v.v... Do muối là một nguồn lợi rất lớn, nên triều đình đặc biệt lập ra

ngồi bên bờ nước, một đứa bé trai thưa: “Nước thanh khiết chẳng bằng sự thanh liêm của sứ quân”. Đầu niên hiệu Thiên Thuận<sup>533</sup>, vua muốn đề cử quan viên liêm khiết để tuyên cáo cùng thiên hạ, bèn xuống chiếu phong ông làm Đô Ngự Sử. Về sau, ông làm Thượng Thư. Con ông là Dự, tuân thủ lời cha giáo huấn, suốt đời vâng giữ sự thanh tu, cũng làm quan đến chức Thái Tử Thái Bảo, Lại Bộ Thượng Thư.

Phàn Quang làm Quận Tá tại Giao Chỉ, đang làm việc tại nha môn, bỗng gió giạt, sấm đánh dữ dội. Phàn Quang, con trai hấn và con chó đều bị sét đánh chết. Vợ hấn trong lúc sấm sét thấy một đạo sĩ nắm lấy thân bà ta, đặt sang chỗ khác, bèn được thoát nạn. Mọi người hỏi duyên cớ, bà vợ đáp: “Từng có hai người thừa kiện nhau, cùng bị tổng giam. Kẻ đuổi lý bèn hỏi

---

một cơ quan trông coi việc vận chuyển, đánh thuế, cũng như trừng trị những kẻ buôn lậu muối. Đến đời Thanh, cả nước Trung Hoa có bảy Diêm Vận Sứ tại các tỉnh Trực Lệ, Sơn Đông, Lương Hoài, Lương Chiết, Quảng Đông, Tứ Xuyên và Phụng Thiên.

<sup>533</sup> Thiên Thuận là niên hiệu của Minh Anh Tông (Châu Kỳ Trán) từ năm 1457 đến năm 1464. Minh Anh Tông sử dụng hai niên hiệu là Chánh Thống (1436-1449) và Thiên Thuận (1457-1464). Sở dĩ có sự gián đoạn là vì năm 1449, bộ tộc Ngõa Lạt (Oirats) xâm lăng Trung Hoa, Vương Chấn khuyên vua thân chinh. Khi quân Minh kéo đến Thổ Mộc Bảo, đã bị thái sư Dã Tiên của quân Ngõa Lạt đánh tan tác, Minh Anh Tông bị cầm tù. Trước tình thế nguy ngập đó, hoàng thái hậu Tôn Thị đã lập em trai của Minh Anh Tông là Châu Kỳ Ngọc làm giám quốc. Không lâu sau, Kỳ Ngọc xưng đế, tức Minh Cảnh Tông. Minh Anh Tông bị cầm tù mãi cho đến năm 1450, do Hồng Lô Tự Khanh Dương Thiện bán sạch gia sản, chạy vạy, lo lót, thuyết phục Dã Tiên cho phép đón Minh Anh Tông về Yên Kinh. Về lại Yên Kinh, nhà vua lại bị Minh Cảnh Tông dùng quân cầm y vệ giam lỏng ở Nam Cung. Vua sống hết sức đói khổ, thường xuyên thiếu ăn. Mãi cho đến năm Cảnh Thái thứ tám (1457), Minh Cảnh Tông bị bệnh nặng, không thể thiết triều, Phó Đô Ngự Sử Từ Hữu Trinh, Vũ Thành Hầu Thạch Thuần v.v... thừa cơ dẫn quân tấn công Nam Cung mới cứu được Minh Anh Tông ra, đưa lên ngôi như cũ. Do vậy, vua đổi niên hiệu thành Thiên Thuận.



lộ Phàn Quang, Phàn Quang liền thả kẻ ấy. Người đứng lý lại bị tra khảo dữ dội nhằm ép người ấy nhận tội oan uổng. Những thức ăn [do người nhà] gửi cho người ấy, Phàn Quang đều tước đoạt, đem cho con trai và chó ăn. Người tù ấy vì đói sắp chết, nghe nói ông ta ở trong ngục bèn xòa tóc tổ cáo lên cũi trời. Chẳng đầy mấy bữa bèn xảy ra chuyện này”.

Hầu Giám làm huyện lệnh ở Giang Hạ, làm bạn với một vị Tăng, mỗi khi rảnh rỗi ắt đến thăm. Hễ đến thăm, vị Tăng ắt đã bày tiệc sẵn. Ngẫu nhiên có một hôm đến thăm, Sư đãi đằng thiếu sót. Hầu Giám hỏi nguyên do, vị Tăng đáp: “Mỗi lần ông đến, thần Thổ Địa ắt báo trước. Lần này chẳng báo; do vậy, sơ sót trong tiếp đãi”. Hầu Giám kinh ngạc, bảo vị Tăng hãy hỏi Thổ Địa nguyên do chẳng báo. Đêm ấy, vị Tăng mộng thấy [thần Thổ Địa] nói: “Hầu Giám vốn đáng lẽ làm đến Tể Tướng, nhưng gần đây, hắn đã nhận sáu mươi lượng bạc [đút lót] của họ Hồ để xét xử oan uổng một chuyện. Thiên tào đã tước bỏ chức vị Tể Tướng của hắn, chỉ được làm đến chức Giám Ty<sup>534</sup>, chẳng thuộc quyền thống nhiếp của tôi nữa, cho nên chẳng báo”. Ôi! Dùng sáu mươi lượng tiền hối lộ để đổi lấy địa vị Tể Tướng, là có trí hay ngu si vậy? Hơn nữa, thần mình không vị nào chẳng tận lực khuyên dạy con người “nhận của đút lót sẽ bị giảm phúc”, nhưng kẻ chẳng tự biết đông lắm!

---

<sup>534</sup> Giám Ty (監司) là chức quan trông coi việc giám sát ở châu huyện. Thời Tống, các chức vụ Chuyển Vận Sứ, Chuyển Vận Phó Sứ, Chuyển Vận Phán Quan và Đề Điểm Hình Ngục đều gọi chung là Giám Ty.

Lại như thôi quan (推官, vị quan trông coi về hình pháp) là Ngụy Chiêu từng nhận của đứt lót bốn trăm lạng, cố ý gở tội cho kẻ nọ, khiến người đã bị hại chết phải ngậm oan chẳng giải bày được. Thượng Đế tước bỏ bổng lộc, ngạch trật, và tuổi thọ của hắn; năm sau, Ngụy Chiêu chết ngắc. Người thời nay thường bảo “*gở tội đỡ hơn buộc tội*” để bào chữa. Theo đúng pháp, chẳng thể dung túng [kẻ có tội], chẳng thể oan uổng người vô tội!

Hạ Xán Nhiên ở Tú Thủy, làm nha lại trông coi hình sự<sup>535</sup>, liêm khiết, chẳng tham. Xét án công bằng, khoan dung, xét theo tình cảm lẫn pháp luật đều thích đáng. Đối với những tội nhân đáng thương, ông thường rộng dung, khoan hồng. Gặp lúc hai tỉnh Sơn Đông và Hà Nam bị mất mùa, ông Hạ lại viết sớ, khuyên Diêu Tư Nhân [đang làm Công Bộ Thượng Thư thuở ấy] hãy xin vua phát chẩn, cứu sống ngàn vạn người. Về sau, ông Hạ đỗ Tiến Sĩ lúc bốn mươi tuổi, làm quan đến chức Lại Bộ Thượng Thư.

Ông Trần Tài từng nằm mộng thấy thần bảo: “*Tử túy khô<sup>536</sup> dã, thả liên đệ, quan chí Tuần Phủ*” (Con

---

<sup>535</sup> Nguyên văn là “*hình mạc*” (刑幕), đây là từ ngữ gọi chung những người làm nha lại giúp đỡ vị hình quan xét xử, điều tra, thẩm vấn, lập án tù, bảo quản công văn v.v...

<sup>536</sup> Túy Khôi (醉魁): Khôi (魁) là người đỗ đầu trong một cuộc thi. Chữ Túy nếu tách ra sẽ là do hai chữ Tốt (卒) và Dậu (酉) ghép lại. Chữ Tốt trông giống như chữ Tân (辛), nên mới có người đoán Túy Khôi có nghĩa là con trai ông Trần Tài sẽ đỗ đầu trong khoa thi năm Tân Dậu.

traí của người sẽ đỗ đầu khoa Tân Dậu, đỗ đạt liên tiếp, làm quan tới chức Tuần Phủ). Ông tỉnh giấc bèn kể với người khác. Có người nói: “Túy là Tân Dậu”. Đến năm Tân Dậu, quả nhiên con ông thi đậu, nhưng thi Hội chẳng đỗ. Ông hoài nghi giấc mộng chẳng ứng nghiệm. Lại mộng thấy thần bảo: “Số trời là cố định, có sự chuyển dời là do con người. Như thiên tử sủng ái một đại thần, ban cho tước lộc trọng hậu. Nếu đại thần chẳng tận lực trung thành, há có thể nào chẳng bị đoạt mất chức tước, bổng lộc ư? Hoặc là cây được vua sủng ái mà chuyên phóng túng dụng hình, giết chóc, ắt họa sẽ xảy đến thân! Số trời và phép nước giống nhau. Sau khi con trai của người đỗ kỳ thi Hương, người đã làm năm chuyện [sai trái], nhận tiền hối lộ của kẻ khác, tồn đức nhiều lắm! Há có nên oán trời tước đoạt phước của người ư? Từ nay hãy nên tu đức, may ra còn giữ được tuổi thọ. Nếu không, sẽ đoạt mất tuổi thọ của người!” Ông Trần khóc, lạy, tỉnh giấc, hối lỗi, hướng lành, [rút cuộc con trai ông ta] chỉ làm tới chức Huấn Đạo<sup>537</sup> là hết mức!

Phàm là người đã đỗ Cử Nhân, hãy nên tu thân như ngọc, chuyên chú làm những việc gieo bồi đức hạnh, ắt sẽ đỗ đạt và thăng chức đều dễ dàng. Hiềm

---

<sup>537</sup> Huấn Đạo (訓導) là chức quan phụ tá lo quản trị các sinh viên (học sinh đã vào học tại các phủ, châu, huyện). Chẳng hạn, vị quan trông coi về giáo dục của một phủ sẽ được gọi là Giáo Thụ (教授), có bốn người phụ tá gọi là Huấn Đạo. Viên quan trông coi việc giáo dục tại một châu gọi là Học Chánh (學正), có ba viên Huấn Đạo phụ tá. Tại cấp huyện thì có một người trông coi việc giáo dục gọi là Giáo Dụ (教諭), có hai viên Huấn Đạo làm phụ tá.

rằng, kẻ đã bước chân vào chốn quyền thế, lợi lộc, chỉ mong thỏa lòng khoái ý, chẳng biết đầu tài văn chương cao sâu mà chẳng gặp thời, công danh vẫn bị trở ngại! Thậm chí còn bị giảm thọ, chết yểu, đều thuộc hạng người này. Xin những ai có chí, hãy liền phản tỉnh tu thân. Còn như bậc hương thân là những người được dân chúng ngưỡng vọng, họ đã từ quan về nghỉ, hễ làm lành sẽ có thể khiến cả quận huyện bị cảm hóa, hưng khởi phong tục tốt đẹp cho cả châu lý<sup>538</sup>, vun bồi cho thế hệ sau gấp trăm lần những kẻ đang làm quan. Vì thế, kẻ có thể thân cận người hiền, tuyên dương điều thiện, chủ trì phong tục, những người ấy là bậc thượng. Người giữ cho bản thân chánh đáng hòng hướng dẫn mọi người noi gương, tự giữ sự điềm tĩnh, sẽ kém hơn một bậc. Kém hơn nữa là hạng lo tậu ruộng mua nhà. Kém hơn nữa là hạng người lòng gặt con côi, đối xử hung bạo với bà góa. Kém hơn nữa là hạng người mưu cầu tài lợi, nói đến chuyện gì cũng vơ tiền, khiến cho phong hóa biến đổi [ngày càng tệ hơn], chẳng dám nhắc tới nữa!

Vương Tảo làm nha lại thuộc về hình pháp, mỗi ngày đều cầm tiền về. Bà vợ ngờ chồng ăn hối lộ trong khi thẩm tra, bèn sai đưa tớ gái đem mười cái móng giò lợn đem biếu. Đến khi chồng về, bèn nói: “Tôi sai người biếu ông mười ba cái”. Vương Tảo giận đưa tớ

---

<sup>538</sup> Thời cổ, nơi nào có hai ngàn năm trăm hộ trở lên thì được gọi là một Châu (州), nơi có hai trăm năm mươi hộ được gọi là một Lý (里). Về sau, châu lý được hiểu theo nghĩa rộng là những người đồng hương.

gái lấy trộm, bèn tra khảo nghiêm ngặt, đưa tở gái bị ép uống phải nhận tội. Bà vợ bèn nói: “Ông hằng ngày cầm tiền về, tôi ngờ ông giở mảnh khố gán ghép kết tội, cho nên dùng chuyện đưa tở gái để thử ông. Hễ bị tra tấn thì [nghĩ can] có chuyện gì mà chẳng thừa nhận! Xin ông từ nay đừng đem một đồng nào về nữa! Nhận vật bất nghĩa, sau khi chết, ắt phải chuốc lấy tội vạ”. Vương Tảo run sợ, tỉnh ngộ, mồ hôi ướt đầm lưng, đề thơ rằng:

*Già khảo truy lai chỉ vị câm (kim),*

*Chuyển tặng oán nghiệp kỷ hà thâm.*

*Tùng kim bất nguyện cố đao bút,*

*Phóng hạ quy lai du trúc lâm.*

(Khảo tra rốt cuộc vì tiền,

Tặng sâu bao nỗi oan khiên dường nào.

Từ nay nguyện bỏ bút đao<sup>539</sup>,

Quay về rừng trúc tiêu dao tháng ngày).

Ông liền chia hết của cải, bỏ nhà học đạo. Về sau, chứng đạo, thành Bảo Hòa Chân Nhân.

---

<sup>539</sup> Do nha lại bên hình pháp viết án từ định tội người khác như đao chặt xuống không khoan nhượng, nên gọi là “đao bút” (刀筆).

Trương Nhất Tác làm sai dịch cho một vị hình quan ở kinh đô, [luôn] mưu mô để được lãnh trát đi bắt người. Hắn thường cầm theo một cái xích sắt rất lớn. Hễ nhận được tiền thỏa ý, mới thả cho đi. Hễ có chút gì chẳng vừa ý, nếu chẳng lén tra khảo, thì sẽ bịa chuyện bầm báo quan trên: “Kẻ này tung tích quỷ dị, bí hiểm, hãy nên giam chặt”. Lại còn trên là cầu kết với bọn thư lại<sup>540</sup>, dưới là cầu kết với bọn cấm binh<sup>541</sup>, vu cáo, bịa đặt, đe dọa, dối trá, không chuyện gì chẳng làm. Ba năm hắn giàu sụ, ai nấy đều sợ. Cái danh hiệu Nhất Tác (一索, một sợi dây xiềng) do đó mà có. Hắn bị Không Tuần Án<sup>542</sup> bắt giữ, xử tử, tịch thu tài sản giao cho quân đội, vợ và con gái bị giao cho giáo phường<sup>543</sup>. Nay những kẻ làm quan lại, sai dịch trong các nha môn đang mài răng hút máu [dân chúng] như Trương Nhất Tác rất đông. [Do vậy, đối với] kẻ chưa gia nhập [giới quan lại, sai dịch], xin khuyên hãy dốc sức cày bừa, buôn bán. Đối với kẻ đã gia nhập, xin khuyên hãy sửa

---

<sup>540</sup> Thư lại (書吏) là những kẻ giữ sổ sách biên soạn văn từ, hồ sơ, và các bản án trong công môn. Từ ngữ này còn dùng để chỉ các quan chức trong giới hành chánh.

<sup>541</sup> Cấm binh (禁兵) còn gọi là Cấm Quân, hoặc Cấm Vệ Quân, tức quân bảo vệ hoàng đế và hoàng cung. Ở đây, chỉ nên hiểu theo nghĩa hẹp là bọn lính canh ngục.

<sup>542</sup> Tuần Án (巡按) chính là chức Tuần Án Ngự Sử được thiết lập từ đời Minh, tức là vị Ngự Sử thường đi tuần tra các nơi, có quyền hạn rất lớn. Vị này phụ trách khảo hạch các quan viên và bọn nha lại, chủ trì xét xử những vụ án lớn, tái thẩm những vụ nghi án. Từ Tri Phủ trở xuống đều phải nghe theo lệnh vị này.

<sup>543</sup> Giáo phường (教坊) là cơ quan quản lý âm nhạc, chuyên trách quản lý những thể loại âm nhạc ngoài Nhã Nhạc (nhạc tấu trong các dịp lễ trong cung đình như khi tế lễ hoặc thiết triều), cũng như các hình thức nghệ thuật diễn xướng, kể cả những trò biểu diễn khác, gọi chung là Bách Hý. Nói riêng đào hát, kép hát, vũ công đều trực thuộc sự cai quản của giáo phường. Những người làm nghề giải trí này có địa vị rất thấp kém trong xã hội thuở trước.

ác theo lành. Đối với thân thích, bằng hữu, cũng đều nên khuyên họ lưu ý.

Trương Hòa Tư làm ngục quan (quan trông coi nhà tù, thẩm tra phá án), tham ăn hối lộ, tàn khốc. Mỗi khi hấn thẩm vấn, ắt dùng đủ mọi cách tra khảo, gông, cùm, xiềng, xích, [hành hạ tội nhân] khốn khổ, đau đớn tột bậc. Tù nhân trông thấy, ai mà chẳng vỡ mật. [Do vậy, hấn có biệt hiệu] là Sanh La Sát (La Sát sống). Hấn sanh ra con trai, con gái, đều đeo gông thịt, cùm thịt, rơi xuống đất chết tươi. Về sau, Hòa Tư cũng do phạm tội mà bị tru lục.

Lại có một gã lính canh ngục, tham lam, đôi xử bạo ngược với tù nhân. Tù nhân chịu khổ chẳng thấu! Gã canh ngục ấy ắt phải nhận được tiền mới bớt hành hạ. Về sau, hấn sanh con, [đứa con] cũng đeo cái gông bằng thịt, chẳng đầy mấy năm, chết ngắc. Gã canh ngục ấy cũng bị phạt trượng mà chết.

Trong những nỗi khổ của đời người, lao ngục là khổ sở nhất. Trong ấy, nỗi khổ vì bản thủ, hỗn tạp, dịch bệnh, kiệt lý nặng nề nhất vào những tháng nóng. Tại kinh đô, mỗi năm các quan vâng chỉ tiến hành nhiệt thẩm<sup>544</sup>, nhưng chưa có người thật sự thực hiện đúng. Nếu là bậc quân tử có lòng nhân, xin hãy nhất quyết ấn

---

<sup>544</sup> Nhiệt thẩm (熱審, xét xử vào tháng nóng) là quy định từ đời Minh. Theo đó, từ sau ngày mùng Mười tiết Tiểu Mãn cho đến ngày mùng Một trước tiết Lập Thu, do khí trời quá oi bức, các quan tuần án hoặc giám sát, sẽ xét lại những hồ sơ vụ án để quyết định mà giảm nhẹ án phạt cho những kẻ bị phạt tội lưu đầy, phạt trượng v.v... Chuyện này được gọi là Nhiệt Thẩm.

định theo lệ, đối với những án chưa được giảm khinh, hãy giải quyết trọn vẹn một phen. Đối với những tù nhân phạm trọng tội đang bị xiềng xích, hãy chú trọng sai những nha lại thích đáng đến quét dọn nhà tù, rửa sạch gông cùm, ngõ hầu lòng nhân hiếu sanh của thánh chúa được lan rộng. Trong tháng nóng, chẳng được lạm dụng [quyền hạn để] lấy khẩu cung, chẳng được tùy tiện câu lưu [nghỉ can], chớ nên không thường xuyên xem xét sổ bộ của nhà tù, tra xét số lượng tù nhân. Nghiêm cấm bọn nha lại, sai dịch không được lạm quyền gán tội cho người khác, phải chú trọng sao cho hàm lửa trước mắt hóa thành thể giới thanh lương. Chuyện này chỉ cốt sao kẻ đang nắm giữ quyền hành, do ý niệm dấy động mà thốt lời, nhắc bút, chỉ trong chốc lát [sẽ có thể giải quyết những tệ nạn tồn đọng] đó thôi!

Than ôi! Những chuyện vừa nói trên đây, tệ nạn [đổi xử] tàn khốc đối với dân chúng của bọn nha lại, sai dịch, không đâu chẳng có! Kẻ cai trị dân đang ngủ say mộng yên trong chôn nha môn cũng nên suy lường chuyện này! Lành thay, ông Châu Thắng đã nói: “Bọn thư lại tham lam, ta chẳng giao án tù cho họ. Bọn sai dịch tham lam, ta chẳng xằng bậy giao cho họ bắt bớ. Kẻ canh ngục tham lam, ta chẳng dễ dãi giao cho họ giam giữ tù nhân”.

*(Chánh văn) Dĩ trực vi khúc, dĩ khúc vi trực.*



## **(正文)以直為曲。以曲為直。**

*(Chánh văn: Cõi đúng là sai, cõi sai là đúng).*

Hai bên kiện tụng lên quan, đúng hay sai chưa định, phán quyết sống hay chết do một lời của ta, há nên khinh suất? Nay đúng sai điên đảo, nếu chẳng phải là do được kẻ khác hối lộ, ắt là vì xử sự theo tình cảm riêng tư. Nếu không, sẽ là vì ơ hờ, lỗ mãng! Hễ vương vào thói ấy, há có đáng làm quan cai trị dân nữa chăng?

Người họ Trương nọ làm quan ở đất Thục, xử sự tàn khốc hòng thỏa lòng tham. Hễ xử án cho dân, chẳng quản đúng sai, kẻ có thể đứt lót, ắt hắn sẽ từ vô lý biến thành hữu lý. Kẻ chẳng thể hối lộ, dầu đúng cũng thành sai! Dân chúng đều nghiêng răng [căm hận]! Về sau, hắn bị bãi quan, về quê, bị thua kiện về tội hại mạng người. Con hắn chẳng ra gì, tài sản trong nhà mất sạch. Hắn mắc bệnh ngặt nghèo mà chết.

Lưu An Dân là một huyện lại, giữ lòng công bằng, được mọi người kính trọng. Hễ dân có chuyện kiện cáo, sẽ chẳng đến huyện ngay, mà ắt sẽ tìm đến ông trước để ông phán quyết đúng sai, vạch ra có nên thưa kiện hay không rồi mới làm theo. Ông ắt sẽ đảm nhận, tiếp nhận vụ án chẳng nề hà. Hễ đúng lý liền nói là đúng lý, đi thưa được. Hễ sai, sẽ phê rằng: “Chuyện này sai rồi! Có kiện cũng thua!” Do vậy, chuyện thưa kiện trong cả

huyện giảm thiểu rất nhiều. Về sau, hai đứa con trai của ông đều đỗ đạt, cho đến nay vẫn là vọng tộc.

Triệu Thời làm Giáo Thọ tại châu Vô Vi. Ông mộng thấy một tù nhân nói: “Tôi bất hạnh bị Tổ Tường làm hại”. Triệu Thời nói: “Tổ Tường thông hiểu pháp luật, lại liêm khiết, cẩn trọng, làm sao oan uổng ông cho được?” Tù nhân nói: “Tôi chết tuy chẳng do ý ông Tổ, nhưng vì ông ta hoài nghi, cho nên đến nỗi chẳng thể phân biệt đúng sai, rốt cuộc luận định tội chết [cho tôi]. Nỗi oán hận chẳng bắt nguồn từ Tổ Tường thì là ai đây? Tôi đã tố cáo dưới âm ty, Tổ Tường chẳng còn được bao lâu nữa đâu!” Hơn một tháng, quả nhiên [Tổ Tường] chết. Gần đây, chuyện thừa kiện vụ không người khác rất phổ biến, dầu chẳng thể dùng đức cảm hóa, nhưng nếu luật lệ “*kẻ vu cáo sẽ bị phạt tội nặng thêm ba cấp*” được thực hiện nghiêm ngặt, ắt kiện tụng sẽ giảm bớt. Dầu có kiện cáo, cũng sẽ chẳng đến nỗi phán quyết sai lầm quá nhiều! Sợ nhất là kẻ thuộc hạ đứng về phía nguyên cáo, tùy tiện sửa đổi nội dung thẩm vấn, hòng dây động thoi kiện cáo, bọn họ chỉ sợ các vụ án sẽ được giải quyết dễ dàng!

*(Chánh văn) Nhập khinh vi trọng.*

**(正文)入輕為重。**

(**Chánh văn:** [*Kẻ đáng phán*] tội nhẹ mà phán định nặng hơn).

Kinh Thư chép: “*Tội nghi duy khinh*” (Khi có nghi ngờ, thì nên kết tội nhẹ). Lại nói: “*Ninh thất xuất, vô thất nhập*” (Thà tha tội sai, đừng kết tội sai). Vậy thì cố ý ghép tội nhẹ thành tội nặng, tâm ý thận trọng trong hình pháp của thánh nhân há còn hay chẳng? Mạng người quan trọng bằng trời, [đấy là chuyện] hàng quan lại đáng nên lưu ý nhất. Trong cõi đời, vu cáo là chuyện thảm khốc cùng cực. Kẻ dưới dùng chuyện này để chơi đùa [người bề trên], cho đến kẻ nô bộc lấn hiếp chủ nhân, tá điền ngoan cố quịt nợ chủ ruộng, thê thiếp không chế chồng, [không kẻ nào chẳng dùng thủ đoạn này]. Hễ chẳng cẩn thận, làng nước, họ hàng sẽ thừa dịp nhúng tay, bọn tán thân<sup>545</sup> do vậy sẽ mài răng, xâu xé gia sản, làm nhục phụ nữ, giam trói thi thể dầu xác chết đã rửa nát<sup>546</sup>, xúm nhau đánh đập tàn nhẫn để đòi

---

<sup>545</sup> “*Tán thân*” (縶紳) có nghĩa là “cắm cái hót vào đai lưng”. Hót (笏) là một vật dụng thường có hình dạng dài và hẹp, làm bằng ngọc, bằng ngà, hoặc chỉ đơn giản bằng gỗ. Khi vào tâu trình nhà vua, họ thường viết những điều cần tâu trên đó để khỏi quên. Khi tâu vua, hai tay cầm hót, giơ lên trước mặt nhằm tỏ lòng cung kính. Về sau, vua cũng cầm hót khi mặt triều phục ngồi trên ngai khi các quan triều bái. Trong trang phục của các quan, đai lưng thường có chỗ phòng lên ở ngang eo, để các quan cắm hót vào đó khi quỳ lạy vua, hoặc nhằm rảnh tay khi đi đường. Do vậy, “*tán thân*” là từ ngữ phiếm chỉ các quan chức lớn.

<sup>546</sup> Nguyên văn “*phược thi quán trấp*” (縛屍灌汁). Theo ông Hoàng Bách Lâm, “*phược thi*” (trói xác người chết), có nghĩa là người đã chết không được phép chôn cất, cứ quàn tại đó. “*Quán trấp*” (rỉ ra chất lỏng) là một thành ngữ của vùng Kinh Tương, có nghĩa là thi thể bắt đầu rửa nát, tuôn máu chảy mủ. Thành ngữ này có

hối lộ. Do đó, [những đối tượng dễ bị vu hãm nhất là]<sup>547</sup> con vì kích động mà giết chết mẹ, vợ vì quá giận mà giết chồng. [Có kẻ] ý mình có nhiều con trai để nương cậy, bèn giết trẻ nhỏ để làm bằng cớ vu cáo người khác, nhắm đến những nhà giàu có như miếng mồi thơm béo. Kẻ có học hoặc bậc thân sĩ tăng tị với bọn nô tỳ, [đúng là bọn] ăn mày trong phường áo mũ<sup>548</sup>, ngấm ngầm lập mưu tính kế, công khai giở trò, sáng giận, chiều vui<sup>549</sup>. Cho nên mới có chuyện ngược đãi thi thể, đốt xương, đập cửa, phá nhà, kẻ nghèo cùng [chỉ đành] oán hận, khoanh tay đứng nhìn<sup>550</sup>, hàng thân thích giàu có [cũng bị liên lụy] gặp phải tai ương, mắc tội. Đủ mọi lẽ chẳng dễ thuật trọn!

Bậc trưởng quan trong cõi đời cứ riêng cho rằng hề kiểm nghiệm thi thể và hiện trường vụ án, sẽ đủ để luận định kết án, hòng được ca ngợi là [phá án] mau chóng. Nào có biết bọn “cá rĩa thịt nát, kinh ngư nuốt chửng, hổ xơi tái” đã đến mức cùng cực như thế ấy! Chẳng ngăn dứt thói tệ ấy, không chỉ là xô đẩy người khác tự sát, mà còn khiến cho cha, con, anh, em [do ô mê lòng] cầu lợi từ cái chết [của người thân, dẫn đến những hành vi bạo ngược] như phơi thây, hủy diệt luật

---

nghĩa là vì người nhà không hối lộ, bọn quan lại, chức dịch, cường hào không cho phép chôn cất người đã chết, cứ bắt giữ lại đó để làm tang chứng.

<sup>547</sup> Chúng tôi thêm vào câu này theo cách giải thích của ông Hoàng Bách Lâm.

<sup>548</sup> Đây là một cách nói khác của từ ngữ “*y quan cảm thú*” (lũ cầm thú mặc áo, đội mũ), nhằm thóa mạ những kẻ bề ngoài ra vẻ học thức, đạo đức, tuân theo lễ nghĩa thánh hiền, nhưng hành vi xấu xa, tồi bại.

<sup>549</sup> Ý nói thái độ thay đổi bất thường, tráo trở, chỉ cốt sao đạt được mục đích.

<sup>550</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này phải hiểu là kẻ nghèo túng, chẳng biết làm sao, đành bó tay, cam lòng oán hận, trơ mắt nhìn kẻ khác hung hăng, lấn hiếp.

pháp! Xét theo những tình tiết ấy, có khác gì chính tay đâm chết [nạn nhân, những kẻ gây tạo những hành vi bạo ngược ấy] thật sự đáng bị lăng trì xử tử! Nay đã khó thể nhất loạt gạt đi chẳng quan tâm tới, chỉ cần nghiêm ngặt phạt tội vu cáo nặng thêm ba bậc. Chẳng luận đến những trường hợp bị oan uổng tội bậc hay bị áp bức cùng cực, phạm là do thuốc mà chết, chẳng thể kết luận là chết vì dùng thuốc; đối với kẻ treo cổ, hay tự gieo mình xuống nước, chẳng thể kết luận người ấy chết vì tự treo cổ hay tự trầm<sup>551</sup>. Phải thẩm vấn theo đúng luật, cốt sao trừng trị một người, sẽ khiến cho trăm người kiêng dè, yết bảng thông cáo: Người này bị thân nhân bức tử để mong ngụy tạo chứng cứ hòng vu cáo [người khác để kiếm lợi]. Đã khám phá sự tình, sẽ càng phải nên xử phạt nghiêm trọng. Có kẻ thừa dịp rối ren để lường gạt, mạo nhận, hòng kìm kẹp, đánh đập người khác, [đối với những trường hợp như vậy], phải nghiêm ngặt chiếu theo pháp lệnh [để thẩm tra] thì sự tình mới được sáng tỏ. Đã thấu hiểu sự tình, sau đây mới có thể luận định đúng, sai, xét tội nặng, nhẹ, [làm như vậy thì tội nhân hoặc nghi can] sẽ sống chẳng đau khổ, chết sẽ chẳng ôm hận, thân thích chẳng ôm lòng kiếm lợi từ cái chết [của người nhà], phong tục sẽ

---

<sup>551</sup> Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này có nghĩa là phải tìm cho ra nguyên nhân, động cơ dẫn đến vụ án, chứ không phải chỉ quan sát trên hiện tượng rồi kết luận vụ án. Chẳng hạn, người bị trúng độc chết vì thuốc thì không thể kết luận đơn giản nguyên nhân là chết vì trúng độc, mà phải tìm ra hung thủ, ai là người đã dùng thuốc độc mưu sát nhằm mục đích gì, vì sao lại dùng độc, cách hạ độc như thế nào, ai sẽ có lợi khi người ấy chết v.v... Tương tự như vậy, đối với những người tự tử chết, phải tìm cho ra nguyên nhân nào đã ép họ phải chọn phương cách tự tử, hoặc họ có thật sự tự tử hay không, hay là bị người nhà giết chết rồi dàn cảnh như tự tử?

chẳng có thói ác điên đảo thị phi, cướp đoạt tài vật. Âm đức ấy há có hạn lượng ư?

Người thời nay hễ có chuyện liên quan đến án mạng, [quan lại, nha dịch điều tra vụ án] chẳng cần biết tình tiết là nặng hay nhẹ, [chẳng chú trọng] xem xét sự việc là thật hay giả, [đã đánh đập] bằng roi cật tre chưa đủ, [lại còn] chuyển sang kẹp ngón tay, lại chuyển sang dùng côn kếp<sup>552</sup>, thậm chí còn có trường hợp đánh hơn trăm gậy! Dưới sự thống khổ ấy, muốn cho tội nhân khai gì mà chẳng được! Sau đấy, liền kết án thành tội tử hình. Lúc đó mới cho tội nhân được thông thả chốc lát. Những người có lòng nhân trong cõi đời có thể động lòng thương xót đối với chuyện này hay chẳng?

Ông Châu Nhật Thăng nói: - Cái thói ngục tạo những vụ án liên quan đến nhân mạng để vu cáo [người khác hòng kiếm lợi] hết sức sâu đậm ở phương Nam. Lúc tôi làm huyện lệnh ở Ô Trình, đã đau đầu trừng phạt [để ngăn dứt] thói tệ này. Ngoài ra còn ban hành mẫu đơn thưa trình án mạng, [trong đó] viết thẳng

---

<sup>552</sup> Những thứ này toàn là hình cụ, tức dụng cụ để tra tấn thời cổ. Trúc bản (竹板, tạm dịch là roi cật tre) là dùng những miếng cật tre già bó thành roi, dùng để đập vào đùi, hoặc mông tội nhân khiến cho họ bị nát thịt. Hình phạt đầu tiên trong ngũ hình (năm hình phạt) thời cổ là Xuy Hình (笞刑), tức là dùng trúc bản để đánh. Kẹp ngón tay (拶指, tạt chỉ) là một thứ hình cụ bằng gỗ gồm năm miếng gỗ dài bảy tấc, rộng năm phân, dùng dây buộc lại thành hình ống. Khi hành hình, sẽ đút ngón tay của tội nhân vào đó, rồi xiết chặt dây, khiến cho tội nhân đau đớn thét lên. Hình phạt này dành cho phụ nữ. Giáp côn (夾棍, tạm dịch là côn kếp) là côn được chế bằng hai thanh gỗ to, cứng ghép lại. Phạm nhân bị đánh côn kếp thường sẽ bị què suốt đời.

thùng ngày, giờ, lời khai, chẳng cho phép sử dụng những từ ngữ thêm thắt, điêu ngoa. Về sau, tờ cáo trạng được in thành hai mặt, lại chia thành bên trái và bên phải. Tờ đơn ghi những chỗ thương tích nơi tử thi do người đâm đơn tố cáo tự điền vào đó, [khi nha môn nghe] tiếng trống báo án, sẽ cho phép người ấy vào nạp đơn. Chẳng câu nệ thời khắc, [hễ nghe báo án], tôi tức khắc đích thân tới chỗ có thi thể, chiếu theo lời cung khai [trong đơn báo án] để thẩm vấn, chiếu theo hình vẽ [những chỗ thương tích do người đâm đơn vẽ ra] để kiểm nghiệm sơ qua, trợn chẳng giao phó thuộc hạ [khám nghiệm] mà cậy ngõ tác<sup>553</sup> [kiểm nghiệm thi thể]. Nếu quả thật là do thương tích [mà chết], bèn theo đúng luật định tội. Nếu là vu cáo, dối gạt, sẽ quở phạt nghiêm ngặt. Còn như những trường hợp tự thắt cổ, gieo mình xuống nước, sảy chân ngã chết v.v... bèn chiếu theo tình huống của mỗi trường hợp mà phân định, sẽ phê công văn cho chôn ngay để dứt trừ nỗi khổ vì có kẻ mưu toan cướp đoạt, dối trá, cố tình kéo dài. Dầu gặp lúc nắng gắt hay rét buốt, góc núi xa xôi, hay nơi động nước, cũng chẳng ngần ngại, chậm trễ chút nào! Vì thế, trong vòng hai năm, trợn chẳng có chuyện dùng án mạng để cáo giác kẻ khác. Ôi! Chuyện mạng người liên quan đến sanh tử, há chẳng nên cẩn thận ư?

---

<sup>553</sup> Ngõ tác (仵作) hoặc còn gọi là “lại ngõ” (吏仵) là nhân viên chuyên mổ xẻ, kiểm nghiệm thi thể trong các cơ quan hình pháp thuở trước, tức là nhân viên pháp y trong hiện thời.

Lý Nhượng Thủy làm Tư Lý<sup>554</sup> ở Hoài Nam. Khi ấy, có năm tên giặc cướp, do sự tình bại lộ bị tổng giam. Chúng lại khai đã từng kết bè đảng với một nhà sư. Khi năm gã ấy bị hành hình, vị Sư mới xuất hiện thưa: “Tôi thật sự chưa từng trộm cướp”. Đối với chuyện này, Lý Nhượng Thủy có thể bỏ qua, nhưng ông ta chấp chặt lời bọn cướp là thật, bèn thẩm sát nhà sư. Hơn một tháng sau, gã lính canh ngục tên là Lý Năng vô cớ kêu ầm lên: “Hòa thượng ơi! Tôi chẳng liên can đến chuyện này, chỉ vì quan Tư Lý sai khiến tôi mà thôi!” Nói xong, chết ngắc. Hôm sau, viên Thôi Tư<sup>555</sup> là Lưu Nguyên cũng chết. Hôm sau nữa, Nhượng Thủy chết bất ngờ. Cả một nha môn chết gần hết!

Đời Tống, ông Triệu Thanh Hiên<sup>556</sup> làm Tiết Độ Thôi Quan<sup>557</sup> ở huyện Vũ An. Dân chúng có kẻ ngụy tạo ấn tín [của quan chức], bọn nha lại đều nói: “Đáng tội chết!” Chỉ riêng ông là nói: “Tạo ấn trước khi có

---

<sup>554</sup> Tư Lý (司理) là chức quan thuộc về hình pháp, chương quản nhà tù, tố tụng, khám nghiệm, điều tra.

<sup>555</sup> Thôi Tư (推司) là chức quan đặc trách điều tra phá án, phụ tá của huyện lệnh.

<sup>556</sup> Vị này tên thật là Triệu Biện, có hiệu là Duyệt Đạo, Thanh Hiên là thụy hiệu, biệt hiệu là Tri Phi Tử. Ông nổi tiếng với chuyện hằng ngày thắp hương tấu trình thiên đình những chuyện đã làm trong một ngày. Ông thường nói: “*Chuyện đã làm trong một ngày không gì chẳng thể tấu trình thượng đế*”. Ông đỗ Tiên Sĩ dưới thời Tống Nhân Tông, giữ chức Điện Trung Thị Ngự Sử, đàn hặc bọn tham quan không e ngại, nên người đương thời gọi ông là Thiết Điện Ngự Sử (vị Ngự Sử mặt sắt). Về sau, dưới thời Tống Thần Tông, do chống đối tân pháp của Vương An Thạch, ông bị đổi làm tri phủ Hàng Châu.

<sup>557</sup> Đây là quy chế đã có từ đời Đường, dưới quyền các chức quan Tiết Độ Sứ, có các chức quan Quan Sát Sứ, Đoàn Luyện Xứ, Phòng Ngự Sứ, Thái Phòng Xử Trí Sứ. Dưới những chức quan này, lại đặt một chức Thôi Quan để làm quan tòa, chương quản hồ sơ vụ án, và những sự việc liên quan đến tố tụng và nhà tù. Chức vụ này thường được gọi là Tiết Độ Thôi Quan.



lệnh đại xá, sau khi đại xá mới dùng. Trước khi đại xá chẳng dùng, sau khi đại xá chẳng tạo. Xét theo pháp luật, đều chẳng đáng chết”. Ông bèn coi đó là tội tình nghi, tha cho. Cho đến khi ông làm tri phủ Thành Đô, có gã Lý Hiếu Trung tụ tập hơn hai trăm người, tạo riêng phù điệp<sup>558</sup> để độ người khác làm Tăng. Có kẻ cáo giác hấn âm mưu phản nghịch, bọn họ đều bị bắt giam. Ông không nghe lời bọn pháp lại (法吏, nha lại trông coi về hình pháp) đề nghị [phán án tử hình toàn thể bọn họ], chỉ xử Hiếu Trung về tội lén tạo phù điệp, những kẻ khác đều được miễn tội chết. Chuyện bị đồn thổi âm ỉ đến kinh thành, đồn ông tha cho lũ phản nghịch. Triều đình tái xét hồ sơ vụ án, rốt cuộc [cũng phán quyết] chẳng khác ông. Về sau, ông được phong làm Thái Tử Thiếu Bảo rồi hồi hưu. Con ông là Hoàn và Ngột đều quý hiển. Mạo Khởi Tông nói: “[Bọn nha lại cố ý kết tội] chẳng luận theo chuyện trước khi đại xá, mà dùng chuyện sau khi đại xá, chính là gán tội nhẹ thành tội nặng”. Ân Văn Trang đã nói hay lắm thay: “Vua đã xuống chiếu tha cho người có tội, thế mà [bọn nha lại] vẫn phán quyết theo lệ cũ. Vua xuống chiếu xóa tội thiếu thuế, mà [bọn nha dịch] vẫn thúc giục thuế má cấp bách. Ân đức [của hoàng đế] bị ngăn lấp, dân chúng không cách nào được hưởng ân trạch nhân từ. Đây chính là điều khiến cho những vị chánh nhân quân tử đau lòng, nghiêng răng vậy”.

---

<sup>558</sup> Phù điệp (符牒) còn gọi là giới điệp hoặc độ điệp là giấy chứng nhận chánh quyền xác minh một tăng sĩ đã đậu khảo hạch về kinh giáo, và có tư cách xứng đáng làm tăng sĩ.

Đời Hậu Hán, Quách Hoảng học tập tinh thông bộ luật của Tiểu Đổ<sup>559</sup>. Thái Thú Khẩu Tuân cử Quách Hoảng giữ chức Quyết Tào Duyện<sup>560</sup>. Ông xử án suốt ba mươi năm, vận dụng pháp luật công bằng, khoan dung. Dân chúng chẳng hề oán thán. Họ sánh ví ông giống như ông Vu ở Đông Hải<sup>561</sup>. Ông mất lúc chín mươi lăm tuổi. Con ông là Cung, nối nghiệp cha từ trẻ, về sau được phong làm Đình Úy<sup>562</sup>. Gia tộc Quách Cung nhiều đời nắm giữ pháp luật, chú trọng khoan dung, công bằng. Khi ông làm quan phán xử, hễ phán án phần nhiều là thương xót, khoan dung. Ông lại thấy trong pháp luật đương thời có những điều khoản quá nặng, có thể giảm nhẹ, bèn tấu trình bốn mươi một điều luật [đáng nên sửa đổi], đều được [vua chấp thuận, cho phép] thi hành, trở thành pháp lệnh. Những đề nghị sửa đổi về luật lệ do Quách Cung tấu trình đã cứu sống

---

<sup>559</sup> Tiểu Đổ là Đổ Diên Niên. Cha ông ta là Đổ Châu là một tay quan lại khét tiếng tàn ác đời Đông Hán, nhưng Đổ Diên Niên lại là người nhân từ, thông hiểu tình lý. Đổ Diên Niên phù tá tể tướng Hoắc Quang. Hoắc Quang áp dụng pháp luật quá khắt khe, Đổ Diên Niên thường dùng lời lẽ mềm lòng khuyên lơn. Tiểu Đổ Luật chính là bộ luật nhà Hán do Đổ Diên Niên tu chỉnh.

<sup>560</sup> Quyết Tào Duyện (決曹掾) là chức vụ xử án, thẩm phán trong một châu huyện thời Hán.

<sup>561</sup> Đông Hải chính là Đàm Huyện thời Hán, tức vùng đất thuộc huyện Phí tỉnh Sơn Đông ngày nay. Ông Vu chính là cha của Vu Định Quốc, một nhà luật học lừng danh đời Hán. Cha Vu Định Quốc làm phán quan rất công minh, chánh trực. Do vậy, những phạm nhân bị ông phán tội đều phục, không oán thán chút nào.

<sup>562</sup> Theo quy chế đời Hán, Đình Úy (廷尉) là chức quan cao nhất chương quản tư pháp cả nước, tương đương bộ trưởng Tư Pháp hiện thời. Đến đời Hán Cảnh Đế, chức vụ này được đổi thành Đại Lý, về sau lại gọi là Đình Úy, mãi cho đến thời Bắc Tề mới đổi thành Đại Lý Tự Khanh. Các quan phụ tá được chia thành ba cấp là Đình Úy Giám, Đình Úy Bình và Đình Úy Sứ.

nhiều người. Mấy đời sau đều nổi nghiệp theo ngành tư pháp, quý hiền, hưng thịnh khôn sánh.

Bài Tỉnh Hình Châm (省刑箴, châm ngôn về giảm thiểu tra tấn) viết: - Đừng mặc sức ra oai, hòng thỏa thích lòng riêng, chớ vận dụng phép nước thỏa lòng ta mừng, giận. Chớ thuận theo tình riêng mà vận vẹo luật pháp, coi sanh mạng dân chúng hết như lũ ruồi bọ. Đừng vì kẻ phạm nhân giận dữ trừng mắt nhìn, cứng cổ không chịu phục, nói năng chậm chạp, hoặc lấp bấp, bèn cố ý gài bẫy, trí trá gán tội họ. Đầu ngọn trượng giáng xuống, người sống biến thành ma. Dưới ngòi bút phán quan, phạm nhân đành chết ngóp. Bứt sợi tóc biết đau, cắn ngón tay biết xót. Một ngày bị đánh đấm, ba mùa nghỉ cuộc cày. Một chồng bị tống ngục, nhà tám mạng đói rách. Động vật hay thực vật, thấy đều là sanh mạng, huyết nhục thấy rên trời. Vì thế, Vu Đông Hải, tiếng nhân ức vạn năm!

Bài Tỉnh Phạt Châm (省罰箴, châm ngôn khuyên giảm thiểu hình phạt): - Đừng dùng tiền bán con gán vợ của dân để nuôi béo vợ con ta! Đừng phạt dân tan nhà phá sản để tăng thêm ruộng nương, nhà cửa cho ta. Đừng cướp đoạt tài vật khiến dân oán thán, gào khóc vì đói lạnh, dập đầu than trời để cung ứng cho tiệc tùng ca múa, cười cợt. Để chuộc tội, dân phải tốn món tiền bằng khoản thuế cho trăm mẫu ruộng. Để nạp một tờ đơn, phải húp cháo mười ngày! Một hạt gạo đổi bằng máu của nông phu, bao nổi gió sương chua xót, khổ sở.

Một đoạn the là nước mắt của người phụ nữ dột cửi, biết bao đêm quên ăn, bỏ ngủ! Kể từ ngày quan phủ tích chứa máu mỡ của dân, chính là lúc bắt đầu nổi oán ghét của dân nghèo. Chẳng giấu diếm thần minh nổi đầu, đạo trời sẽ báo đền nhanh chóng! Do vậy, Dương Bạch Khởi<sup>563</sup>, muôn năm tiếng thơm truyền.

*(Chánh văn) Kiến sát gia nô.*

**(正文)見殺加怒。**

*(Chánh văn: Thấy [người khác mắc tội] đã bị giết chết mà vẫn còn giận dữ).*

Tăng Tử nói: “*Như đắc kỳ tình, tắc ai cặng nhi vật hỷ*” (Nếu thấu hiểu sự tình, ắt sẽ buồn bã, xót thương, chẳng vui). Đây là nói đối với kẻ có tội, khi kẻ ấy bị hành hình, vẫn nên tha thứ cho những chuyện kẻ ấy đã trót phạm, chớ nên tùy tiện tăng thêm hình phạt. Huống hồ kẻ đã chết, sẽ chẳng thể sống lại. Tuy tội lỗi do kẻ ấy tự chuốc lấy, nhưng mục kích [kẻ ấy bị hành hình],

---

<sup>563</sup>Dương Bạch Khởi chính là Dương Chấn, ông có tên tự là Bạch Khởi. Dương Chấn sống vào thời Đông Hán, thông hiểu kinh điển Nho gia, đặc biệt là sách Âu Dương Thượng Thư, cho nên được người đương thời xưng tụng là Quan Tây Phu Tử. Ông làm quan đến chức Thái Thú Đông Lai. Vương Mật là huyện lệnh Xương Ấp cảm kích ông đã đề cử, đến đêm, bèn mang mười cân vàng tới biếu tạ. Dương Chấn kiên quyết cự tuyệt, Vương Mật năn nỉ: “Đêm sâu có ai biết đâu mà!” Dương Chấn quát to: “*Trời biết, đất biết, ta biết, ông biết, sao lại nói là không ai biết*”.

tâm sẽ đau đớn; do vậy, bụng mặt gạt lệ còn không xuê, tăng thêm lòng giận dữ để làm gì? [Kẻ giận dữ] tâm lòng tàn nhẫn cùng cực! Còn như đối với lục súc<sup>564</sup>, chim, cá bị người khác giết mổ, hãy càng thêm thương xót chúng chẳng có tội tình gì, bèn tìm phương tiện cứu giúp, che chở. Nếu trông thấy mà càng thêm tức giận, ắt là kẻ tàn ác, bạo ngược, ham giết chóc mà thôi.

Đời Tống, Lô Đa Tôn<sup>565</sup> bị đày đi Châu Nhai. Giám Nghị Đại Phu Lý Phù vào gặp Triệu Phổ thưa: “Châu Nhai tuy ở ngoài biển, nhưng thủy thổ không ác hiểm cho lắm, những kẻ bị lưu đày tới đó, phần nhiều vẫn sống sót. Xuân Châu tuy ở trong đất liền, kẻ đến đó ắt phải chết. Mong Ngài hãy sửa lại lệnh trước, bèn ngoài là ra vẻ khoan dung, nhưng thật ra là đẩy hẳn vào tử địa”. Triệu Phổ gật đầu. Hơn một tháng sau, [Lý Phù] do phạm tội, bị biếm trích tới Xuân Châu. Hẳn mới tới nơi bèn chết.

---

<sup>564</sup> “*Lục súc*” (六畜) là sáu loài gia súc, tức ngựa, trâu hay bò, dê, gà, chó, lợn.

<sup>565</sup> Lô Đa Tôn là người xứ Hoài Châu, tỉnh Hà Nam, là cháu đời thứ mười bốn của thứ sử Lô Thượng Chi. Ông ta đỗ Tiến Sĩ dưới thời Hậu Châu, về sau theo nhà Tống. Khi làm Hàn Lâm Học Sĩ, ông đã cùng Lưu Hàn biên soạn bộ Khai Bảo Bồn Thảo. Ông được phong làm Trung Thư Thị Lang Bình Chương Sự, rồi làm Bình Bộ Thượng Thư. Do bất hòa với Triệu Phổ (vị này là khai quốc công thần của nhà Tống, nổi tiếng với câu nói: “*Thần dùng nửa bộ Luận Ngữ mà đã đủ sức để phò tá bệ hạ lên ngôi cứu nguy*”), Lô Đa Tôn bèn bịa chuyện tố cáo Triệu Phổ đã tung tin Tống Thái Tông không hề muốn truyền ngôi cho Tống Thái Tông. Do vậy, Tống Thái Tông ghét bỏ Triệu Phổ. Khi Triệu Phổ được phục chức Tể Tướng, đã kiếm có hạch tội, khiến cho Lô Đa Tôn bị mất sạch quan tước, cả nhà phải bị đày đi Châu Nhai (nay thuộc đảo Hải Nam). Lại quy định: Dầu triều đình đại xá, cũng không đến phiên Lô Đa Tôn được hưởng ân xá. Về sau, Lô Đa Tôn bị bệnh chết tại Châu Nhai.

Dương Đạo Sanh làm Tham Quân<sup>566</sup> cho Thiệu Lăng Vương (Tiêu Luân), có người anh tên là Hải Trân làm thứ sử tại Trá Châu. Ông xin nghỉ phép về thăm anh. Khi chia tay, [người nhà] mở tiệc tiễn hành. Ông thấy một người bị trói ở gốc cây, khóc lóc, van xin Đạo Sanh: “Thứ sử Trá Châu muốn giết tôi, xin Ngài hãy giải cứu”. Đạo Sanh hỏi: “Người phạm tội gì?” Thưa: “Xúi giục người khác bỏ trốn, làm loạn”. Đạo Sanh giận dữ, quát: “Chuyện ấy đáng căm phẫn nhất”. Liền lấy đao giắt nơi thắt lưng khoét tròng mắt người ấy, nuốt chửng. Trong chốc lát, anh ông ta tới, dẫn thuộc hạ xử trảm [phạm nhân ấy]. Đạo Sanh bèn cảm thấy con người [của gã tử tội đó] mắc nghẹn [ở cổ họng], chẳng nuốt xuống được, dần dần nó phình lên, gây tắc nghẽn. Trên đường đi, ông ta không ăn uống gì được bèn chết ngắc.

Thời Xuân Thu, Cao Tử Cao<sup>567</sup> là người nước Vệ, [khi phải] chặt chân tù nhân, lúc sắp hành hình, bèn buồn bã. Về sau, gặp nạn Khoái Hội<sup>568</sup>, Tử Cao phải

---

<sup>566</sup> Tham Quân (參軍) gọi đầy đủ là Tham Mưu Quân Vụ, tức chức quan phụ tá, làm cố vấn tham mưu cho các tướng quân hoặc những quan chức cầm quyền quân sự.

<sup>567</sup> Cao Tử Cao là người nước Vệ, tên thật là Cao Sài, tên tự là Tử Cao. Lúc trẻ, từng sống tại nước Lỗ, theo học với Khổng Tử. Về sau, ông trở về nước Vệ, làm người canh ngục. Nguyệt (刖, chặt chân) là một hình phạt thời cổ, tù nhân phạm tội sẽ bị chặt đứt cả bàn chân hay các ngón chân tùy theo tội trạng.

<sup>568</sup> Khoái Hội (蒯聵, sách Cảm Ứng Thiên đã khắc sai thành Khoái Quý, 蒯聵) là vua nước Vệ, là con trai của Vệ Linh Công (Cơ Nguyên). Khi còn là Thái Tử, Khoái Hội tính giết phi tần của Vệ Linh Công là Nam Tử. Âm mưu bất thành, Khoái Hội phải trốn sang nước Tấn. Khi Vệ Linh Công đã chết, con trai Khoái Hội là Cơ Triếp lên làm vua, tức Vệ Xuất Công. Nước Tấn muốn đưa Khoái Hội về làm

chạy trốn. Lúc đó, người bị chặt chân đang canh giữ cửa thành, bảo: “Ở chỗ kia có chỗ [tường thành] bị khuyết”. Tử Cao nói: “Quân tử chẳng trèo tường”. Người đó lại nói: “Ở chỗ kia có lỗ hồng”. Ông đáp: “Quân tử chẳng chui qua lỗ hồng”. Lại nói: “Ở chỗ kia có một gian nhà”. Tử Cao bèn nấp vào đó, những kẻ đuổi theo [chẳng tìm thấy bèn] bỏ đi. Tử Cao nói: “Ta đích thân chặt chân người, người lại ba lần giúp ta bỏ trốn là vì lẽ nào?” Người bị chặt chân đáp: “Bị chặt chân cố nhiên là vì tội của tôi. Nhưng khi Ngài sắp hành hình bèn ử đột, chẳng phải là Ngài có lòng cảm thông cho tôi hay sao? Ngài trời sanh là bậc quân tử, cố nhiên sẽ hành động như thế. Vì vậy, tôi cứu Ngài”.

Trương Khánh là một nha lại coi ngục, luôn vâng giữ lòng thương xót, thận trọng. Đối với các đồ dùng trong nhà tù đều rửa sạch. Tháng nóng, ông càng siêng năng quét dọn. Thường răn dạy mọi người: “Người ta phạm pháp, há chẳng phải là chuyện bất đắc dĩ ư? Thức ăn, đồ trái đất, ắt giữ cho sạch sẽ”. Ông luôn thờ Phật, mỗi khi có tù nhân bị tử hình, ắt sẽ vì kẻ ấy ăn chay, kiền thành tụng kinh, niệm Phật, nguyện cho người ấy được thoát khổ siêu sanh. Ngoài ra, ông còn có rất nhiều âm công, thọ tám mươi ba tuổi, không bệnh mà mất. Con cháu đều thành quan lại quý hiển!

---

vua, nhưng dân nước Vệ không chịu. Về sau, Khoái Hội nhờ chị là Khổng Cơ giúp sức, trở về nước Vệ, đánh đuổi Vệ Xuất Công phải chạy sang nước Lỗ. Khoái Hội lên làm vua, tức Vệ Trang Công, lại bội ước với nước Tấn, nên nước Tấn vây đánh nước Vệ. Bị nhân dân nước Vệ chống đối, Khoái Hội đành phải chạy sang Nhung Châu lánh nạn. Sử gọi sự kiện này là “Khoái Hội chi nạn”.

Đời Minh, Lưu Tích Nguyên từng mộng thấy một người bái lạy, thưa: “Tôi là Tào Hàn làm tướng đời Tống. Xưa kia, làm một gã nha lại nho nhỏ đời Đường; do nghe pháp sư giảng kinh bèn cảm ngộ, cúng dường trai tăng một bữa. Từ đó, cảm được báo ứng, đời đời luôn làm quan, dần dần tích tập nhân lành. Tới đời Tống, làm Phó Tướng, do tàn sát dân chúng trong thành, giết hại bừa bãi, đời đời làm lợn để đền tội giết chóc. Năm trước, có người tá điền đã đem tôi nạp cho Ngài để bù vào số địa tô bị thiếu, mong Ngài thương xót cho tôi được sống. Nay lại phải đền bồi quả báo ở nơi đây, đặc biệt đến cầu cứu nơi Ngài”. Ông Lưu hỏi: “Dùng cách gì để có thể cứu được?” Thưa: “Mỗi khi bị mổ xẻ, sẽ đau khổ không chịu đựng nổi. Chỉ có nghe tiếng niệm Phật thì mới giải trừ nỗi khổ ấy. Mong Ngài trong lúc thấy tôi bị giết mổ, hoặc trong lúc chặt xẻ, nấu nướng, hãy phát lòng đại bi, chỉ niệm A Di Đà Phật, hoặc trì chú Đại Bi, hay chú Chuẩn Đề, không chỉ là giải trừ nỗi khổ cho tôi, mà tôi còn được lợi ích siêu thoát”. Nói xong, buồn bã từ tạ ra đi.

Lại nữa, Trình Lân bị chết bất thành linh. Do cỗi âm bắt lầm, nên lại được thả về. Diêm Vương bảo: “Người trở về dương gian, hãy nỗ lực làm lành. Thấy kẻ khác sát sanh, chỉ niệm nam-mô A Di Đà Phật, và Quán Thế Âm Bồ Tát, những con vật ấy đã được thọ sanh, mà người cũng được phước”. Bèn biết là niệm Phật có thể siêu độ người chết, hiện đời có thể tăng phước thọ; sau này, ắt sanh về Tây Phương. Có kẻ nói: “Chỉ niệm danh hiệu Phật, có sao ta lẫn người đều được



lợi?” Đáp: “Chúng sanh mê muội bản tánh, chẳng có thuở giác ngộ, vừa nghe danh hiệu Phật, như đang mê chợt tỉnh. Huống hồ kẻ kia vì lòng tàn nhẫn mà sát sanh, mà ta do từ bi bèn niệm Phật, tức là con đường để ‘xả ác theo thiện’ ở ngay tại đây. Vì thế, thấy giết chóc bèn niệm Phật, công đức vô lượng”.

Đời Minh, Hám Sơn đại sư nói: “Tôi trong lúc thường nhật, hễ nghe thấy tiếng giết chóc, bắt giắc đau lòng liền niệm Phật và chú Vãng Sanh, tự nhủ là trọn hết tâm lòng này mà thôi!”

Nay xem những chuyện ấy, bèn biết là những kẻ chịu khổ đó, [do nghe tiếng niệm Phật hay trì chú], sẽ thật sự được lợi lạc. Từ đó mà suy, hễ thấy giết chóc, hoặc nghe tiếng giết chóc, hoặc thấy những con vật bị mổ, xẻ, chém, chặt, đun, nấu, ở bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi đâu, đều phát ra cái tâm này, mắt trông thấy bèn dấy lòng từ bi, ngay lập tức nghĩ tưởng đẹp khổ. Nếu hết thấy người đời có thể phát khởi từ tâm tam-muội như thế, sẽ toàn là chuyện độ sanh của Bồ Tát, công đức ấy há có thể nghĩ bàn được ư?

Hình ngục là đại sự của đất nước, liên quan đến sự sống chết của dân chúng. Vì thế, đức Thái Thượng ban lời giáo huấn, trước hết là nghiêm cấm hối lộ. Còn như chuyện [cân nhắc] đúng, sai, nặng, nhẹ, Ngài lại càng chú trọng nhắc nhở những kẻ đang giữ quyền tra vấn, hành hình, vì đang nắm quyền lực, sẽ dễ tạo phương tiện. Nhưng mỗi người thấy nghe hữu hạn, kẻ làm nha

dịch, thư lại có thể trừ khử thói quen xấu ác, nhờ vào chức vị để hành thiện, cứu người trong cơn hoạn nạn, sẽ tạo công đức vô lượng vô biên. Phạm thiện ác phân chia đôi đường, chỉ trong một niệm. Nương theo gió để xoay cánh bướm, càng dễ ra sức. Kẻ khác nói “đừng vào chốn công môn”, ta nói “*công môn dễ tu hành*”. Cổ nhân dạy như thế, há lừa dối ta ư? Còn như giết người, giết vật, người khác giết, ta giết, đều là giết hại! Dầu chẳng thể trông thấy con vật bèn cứu sống, chẳng lẽ dóc lòng kiên thành niệm Phật cũng sẽ tốn phí tài lực [đến nỗi] chẳng thể làm ư? Hãy suy nghĩ nhé!

***(Chánh văn) Kiến quá bất cải, tri thiện bất vi.***

**(正文)知過不改。知善不為。**

***(Chánh văn: Thấy lỗi mà chẳng sửa, biết điều lành mà chẳng làm).***

Văn Thủ Bồ Tát bạch Phật: - Tuổi thiếu niên tạo nên oan nghiệt, về già tu hành, có được thành Phật hay không? Đức Phật dạy: “*Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ!*”

Thiền sư Viên Ngộ nói: “Ai mà chẳng có lỗi? Có lỗi mà có thể sửa, không gì tốt đẹp bằng!” Chỉ có bậc quân tử là có thể sửa lỗi, hướng lành, cho nên đức mỗi

ngày một mới. Kẻ tiểu nhân giầu ác, che lỗi; vì thế, điều ác đầy đầy. Tiểu nhân có điều ác thì cũng giầu diêm. Vì thế, đức Thái Thượng ra rả răn dạy. Ông Hà Long Đồ nói:

- Có lỗi nơi miệng, có lỗi nơi thân, có lỗi nơi tâm. Kẻ khéo sửa đổi điều ác, chỉ nên linh mẫn, tỉnh táo, tận lực trừ khử thói chấp trước, keo kiệt, nghiên cứu, xem xét đến tận chỗ vi tế để trừ khử, sửa đổi [tập khí xấu ác] đến cùng. Tu sửa chuyên ròng chẳng ngơi, ắt sẽ chuyển tà vạy thành chân thành. Thánh học (Nho học), Phật học, huyền học (Đạo học), hễ nói đến chỗ uyên áo, vi tế, đều chẳng dễ gì diễn tả được, nhưng đối với cách thực hiện căn bản nhất thì xuyên suốt khắp cả ba giáo chỉ là sửa lỗi đó thôi!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công lúc năm tuổi, lọt vỏ quả hồ đào chẳng được. Đứa tớ gái [đem quả hồ đào] ngâm qua nước nóng bèn lọt được. Chị ông ta từ bên ngoài bước vào hỏi han, ông nói: “Tự em lọt được”. Cha liền quở: “Thằng nhóc này sao lại nói láo?” Ông kinh sợ, hối hận, suốt đời chẳng dám nói dối.

Đời Tống, ông Tiết Hiếu Từ Tích<sup>569</sup>, lúc mới đến gặp tiên sinh An Định<sup>570</sup>, đầu cổ hơi ngoẹo, An Định

---

<sup>569</sup> Ông này tên là Từ Tích, là người xứ Sơn Dương, Sở Châu (nay thuộc thành phố Hoài An, tỉnh Giang Tô), đỗ Tiên Sĩ dưới đời Tống Anh Tông, làm Giáo Thụ tại Sở Châu. Khi mất, ông được vua đặt thụy hiệu là Tiết Hiếu Xử Sĩ. Do vậy, sách Cảm Ứng Thiên mới ghi tên ông là Từ Tiết Hiếu Tích (tức là lồng thụy hiệu vào giữa tên thật) nhằm tỏ ý kính trọng.

<sup>570</sup> Tiên sinh An Định là Hồ Viện. Ông này là một học giả và là nhà giáo dục lừng danh thời Bắc Tống. Lầu tàng thư ở Như Cao và Hồ Châu là nơi ông dạy học,

lớn tiếng răn: “Đầu phải thẳng”. Ông liền tỉnh ngộ, thưa: “Đầu mà còn phải thẳng, há đầu tâm chẳng thẳng?” Từ ấy, cái tâm chưa hề cong vạy chút nào. Nếu có kẻ hỏi về yếu quyết để lập thân xử sự, ông ắt viết hai chữ Chánh Trực to dùng trao cho!

Đời Tống, Tăng Tử Cố<sup>571</sup> chơi thân với Vương Kinh Công<sup>572</sup>. Tống Thần Tông hỏi Tử Cố về văn tài, phẩm hạnh, bản lĩnh của Vương An Thạch [như thế nào]? Tử Cố tâu: “Văn tài, phẩm hạnh, tài năng của An Thạch chẳng kém Dương Hùng [đời Hán], nhưng do keo kiệt nên chẳng bằng”. Vua nói: “An Thạch coi rẻ

---

thường được gọi là An Định Thư Viện. Về sau, ông được mời giữ chức Quốc Tử Giám Trực Giảng và chủ trì trường Thái Học. Do sự giáo hóa của ông, học thuật tại Giang Tô, Hồ Châu, Tô Châu đều nổi danh nhất Trung Hoa thuở đó. Triều đình nhà Tống đã phái người đến khảo sát, đúc kết kinh nghiệm, biên soạn thành bộ sách Học Chánh Điều Ước.

<sup>571</sup> Tăng Tử Cố chính là Tăng Củng, vị này có tên tự là Tử Cố. Ông là người xứ Lâm Xuyên, xuất thân từ gia đình thư hương, ông nội và cha đều là những người học giỏi. Ông nội làm Hộ Bộ Thị Lang, cha làm Thái Thường Bác Sĩ. Tăng Củng mới mười hai tuổi đã có thể viết văn lưu loát, thốt ra những câu khiến người khác kinh hãi và thần phục. Âu Dương Tu hết sức ưa thích ông. Tăng Củng được xếp vào Bát Đại Văn Gia thời Đường - Tống.

<sup>572</sup> Vương Kinh Công chính là Vương An Thạch, là một tay chánh trị gia đã đề xướng khá nhiều tân pháp táo bạo, khiến cho sĩ phu thời ấy chống đối dữ dội. Ông cũng là người nổi tiếng hẹp hòi và độc đoán, chẳng dung thứ những kẻ có ý kiến khác mình. Để chuyển hướng sự công kích của sĩ phu và đại chúng, ông chủ trương xua một vạn quân sang đánh nhà Lý của Đại Việt, với mục đích muốn biến Đại Việt thành thuộc địa Giao Châu như thuở trước. Chiến cuộc đằng dai gần cả năm, tổn kém rất lớn, rất nhiều tướng lĩnh tài ba tử trận, vẫn không dứt điểm được Đại Việt. Dưới sự chỉ huy tài tình của Lý Thường Kiệt, quân Tống không cách nào vượt qua sông Như Nguyệt. Lý Thường Kiệt lại khôn khéo áp dụng chiến tranh du kích, công phá hậu tuyến của quân Tống, lại dùng các biện pháp chiến tranh tâm lý khiến cho sĩ khí quân Tống giảm sút nghiêm trọng. Cuối cùng, nhà Tống phải chấp nhận lời cầu hòa của Đại Việt, rút về nước. Uy tín của Vương An Thạch mất sạch! Do Vương An Thạch lúc còn được vua sủng ái, đã được phong là Kinh Quốc Công, cho nên ở đây sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên gọi ông ta là Vương Kinh Công.

phú quý, sao lại nói hấn keo kiệt?” Tử Cố thưa: “Thần nói là ‘keo kiệt’ là vì An Thạch tài năng có thừa, nhưng ít chịu sửa lỗi”. Tống Thần Tông gật đầu. An Thạch có đủ tài năng làm Tể Tướng, rốt cuộc do không chịu sửa lỗi, đến nỗi gây họa cho tông miếu, xã tắc, bị muôn đời thóa mạ, hưởng hồ người đời nay ương bướng, bất tài, hằng ngày luôn sai quấy, mà chẳng biết sửa đổi ư?

Do gom từ cái nhỏ mà thành cái lớn, do tích tập từ một mà thành ỨC. Vì thế, quý ở chỗ tích lũy. Hễ biết bèn làm, hễ làm bèn dốc sức. Lão Tử nói: *“Cái đài chín tầng khởi đầu từ đôn chứa đất. Đi ngàn dặm, bắt đầu từ một bước”*. Người nếu mỗi ngày sửa một lỗi, ắt sẽ tiêu một tội nghiệp. Mỗi ngày làm một việc thiện, ắt sẽ tăng trưởng một nền phước.

Tử Hư Nguyên Quân<sup>573</sup> nói: - Đạo từ an tĩnh mà sanh, đức sanh từ khiêm tốn, nhường nhịn, phước sanh từ thanh liêm, tiết kiệm, mạng sanh từ hòa thuận, thông suốt. Họa hoạn sanh từ lăm ham muốn, lỗi sanh từ sự khinh mạn. Hãy kiềm giữ mắt, đừng thấy kẻ khác sai trái. Kiềm giữ miệng, đừng bàn khuyết điểm của kẻ

---

<sup>573</sup> Tử Hư Nguyên Quân là một vị thần trong Đạo Giáo. Bà còn được gọi là Nam Nhạc Phu Nhân, Thượng Chân Tư Mạng Nam Nhạc Phu Nhân, hoặc Ngụy Phu Nhân, tên thật là Ngụy Hoa Tồn, là đạo sĩ sống vào đời Tấn, quê ở Nhiệm Thành. Bà là con gái của Tư Đồ Ngụy Thư, từ nhỏ đã thích tu tiên, thông hiểu kinh sách Đạo Giáo, kiêm tinh thông Nho học, đặc biệt ưa thích tư tưởng Lão Trang. Bà thích ăn các thứ dược vật như Hồ Ma Tán, Phục Linh Tán v.v... để mong thành tiên. Bà mong sống đời độc thân, nhưng khi hai mươi bốn tuổi bị cha mẹ ép gả cho ông Lưu Văn, sanh được hai con là Phác và Hà. Khi hai con đã lớn, bà tính cư riêng biệt, chuyên tâm tu đạo. Tương truyền bà được Thanh Hư Chân Nhân dạy đạo. Sau khi Lưu Văn mất, do tỵ nạn, bà dẫn hai con xuống Giang Nam. Khi các con đã ra làm quan, bà uống thuốc tiên, bay lên trời, thành tiên.

khác. Kiềm giữ tâm, đừng mặc sức tham, sân. Kiềm giữ thân, đừng theo bạn ác! Tánh mạng như ngọn đuốc trước gió, luôn nghĩ đến thân đời sau. Thân thể tạm gởi trong vòng trời đất, đừng ở trong nghiệp lại tạo thêm nghiệp. Vì thế, thiện và ác đều ở trong cái tâm của chính mình, sáng ngời chẳng có mảy may tăm tối! Dầu người có thể mưu mẹo xảo trá, trời càng khéo báo ứng hơn!

Do vậy, thấy rằng: Nếu ai trong một ngày mà được nghe một lời lành, thấy một hạnh lành, làm một việc lành, ngày ấy mới chẳng luống uổng! Nếu kẻ nào biết điều thiện mà chẳng làm, không biết ruột gan người ấy như thế nào? Tự cam lòng ruồng rẫy chính mình, phung phí tháng ngày, tự dứt tuyệt [sự che chở của] cõi trời, cũng là kẻ ngu muội lắm thay!

Trong bài Phổ Thuyết của thiền sư Thiên Như Duy Tắc đời Nguyên có đoạn như sau:

- Cổ nhân dạy: *“Ta thấy người khác chết, lòng ta nóng như lửa. Chẳng phải nóng ai khác, hãy xem đến phiên ta”*. Những lời giống như vậy, có ai mà chẳng biết! Biết thì dĩ nhiên là biết, chỉ là không chịu tu hành. Nói quý vị “không chịu tu hành”, cũng là oan uổng cho quý vị lắm! Các vị đại đức trong hiện tiền, phần nhiều là hạ thủ công phu đến cùng, chỉ là chưa đạt đến chỗ ngàn phần trọn vẹn, trăm phần thỏa đáng, lỗi ở chỗ nào? Lỗi ở chỗ không dừng mãi, không tinh tấn, không kiên cố, không lâu dài. Tạm thời phát quyết tâm,

chẳng bao lâu lại lui sụt. Vì thế nói: “*Phật pháp vô đa tử, trường viễn nan đắc nhân*” (Phật pháp ít có kẻ khai ngộ, người có chí dài lâu khó có lắm). Học đạo mà [giữ mãi cái tâm giống] như thuở đầu, sẽ thành Phật có thừa! Từ đầu đến cuối bất biến, thật sự là đại trượng phu, nay có được mấy người? Từ đầu đến cuối bất biến, thường là mười người thì có năm người biến đổi, toàn là đạo tâm lui sụt. Xét đoán nhân duyên khiến cho đạo tâm lui sụt, cũng là vì ai nấy đều có những điều phiền lụy riêng mà thành ra như vậy. Những điều phiền lụy riêng là gì? Có ba loại phiền lụy. Thứ nhất là bất luận tăng, tục, nam, nữ, ai nấy đều bị thân và miệng liên lụy. Kế đến là kẻ có quyền thuộc, sẽ bị quyền thuộc phiền lụy. Kẻ có gia sản, sẽ bị gia sản phiền lụy. Ba thứ phiền lụy ấy đã liên lụy chết người trong thiên hạ. Trọn hết người trong thiên hạ do gặp phải ba thứ phiền lụy ấy mà bận bịu suốt một đời, âm ỉ suốt một đời, khổ sở suốt một đời, bực tức suốt một đời, luống uổng suốt một đời. Huống hồ lại vì ba thứ phiền lụy ấy, dấy lên vô lượng tham, sân, si, tạo ra vô lượng ác nghiệp lớn nhỏ. Do nghiệp báo ấy, đọa lạc trong biển khổ tam đồ bát nạn, sanh tử luân hồi, chịu vô lượng khổ não, chẳng được giải thoát. Tuy gặp phải vô lượng khổ não, chỉ là từ đầu đến cuối chẳng tỉnh. Kẻ chẳng tỉnh ấy là vì có những điều chẳng ngộ!

Chẳng ngộ những gì vậy? Chẳng ngộ thân thể, quyền thuộc, gia sản đều chẳng phải của quý vị! Nếu nay nói với quý vị “thân thể chẳng phải là của quý vị”, quý vị còn chưa tin! Sơn tăng tận tình vì các vị nói

huych toẹt từ đầu. Thuở ban sơ, quý vị còn ở trong bụng mẹ, lúc đầu thai chỉ là một thần thức lơ lửng, chưa hề có thân thể. Thân thể ấy do xích bạch của cha mẹ hòa hợp, kết thành một khối thịt lơ lơ, vốn chẳng có tri giác, chẳng biết đau, chẳng biết ngứa, chẳng biết lạnh, chẳng biết nóng, chẳng biết đói, chẳng biết no, chẳng biết khô, chẳng biết sợ. Do thần thức của quý vị chấp vào một khối thịt lơ lơ ấy, từ đấy trở đi, biết đau, ngứa, biết lạnh, nóng, biết đói, no, biết khô, sợ. Cho đến khi ra khỏi thai mẹ, một mực thừa nhận, gọi đó là thân ta. Nếu bảo “thân chẳng phải là của ta”, chắc hẳn [quý vị] sẽ không chịu tin. Do vậy, Phật, Tổ xót thương, lại rất miêng bảo ban quý vị: “Đấy chẳng phải là thân của quý vị. Đấy là cái da thôi do tinh huyết kết thành, chẳng do quý vị cai quản, chẳng do quý vị xếp đặt. Cho đến lão, bệnh, tử, đều chẳng do quý vị quyết đoán!”

Vì sao biết là như vậy? Lại như thuở ban đầu, sau khi quý vị đã đầu thai, ở trong thai mẹ, cứ bảy ngày bèn biến đổi một lần. Lần lượt sanh trưởng, tức là ngũ tạng, lục phủ, bách hài (trăm lóng xương), chín lỗ, tứ chi, sáu căn, gân, xương, da, thịt, dần dần thành hình, cho đến khi được đẻ ra, đều là gió nóng thổi đến, do nghiệp lực sai khiến. Quý vị bất tri bất giác, chưa hề có điều gì do quý vị sắp đặt. Sau khi đã được sanh ra, trưởng dưỡng tới ba, bốn mươi tuổi bèn tóc bạc, răng lung lay, mặt vàng, bắp thịt teo tóp, dần dần biến đổi, dần dần già đi. Tướng già hiện hữu, từ đấy sanh bệnh. Bệnh đã đến, cái chết sẽ đến. Sự biến hoại như thế đó, mỗi mỗi đều



chẳng do quý vị! Quý vị vốn chẳng mong như thế, hiềm rằng quản nó chẳng được! Xét ra, quý vị từ thuở sanh ra cho đến chết, đối với cái đây da thôi này, đã trút vào bao nhiêu ân ái tình nghĩa, đủ mọi thứ chăm chút nó, đủ mọi cách bảo vệ, trân quý, đủ mọi cách điều trị, an bài, [thế mà] nó vong ân phụ nghĩa. Như thế đã là đáng bị người khác ghét, huống hồ còn có chỗ khiến cho người ta càng ghét hơn!

Ví như trong tháng mùa Hè nóng bức, có một chàng trai trắng kiện, bỗng vào lúc hoàng hôn bị bệnh nguy cấp, chết ngóp. Chết đến lúc canh hai nửa đêm, [người khác] sẽ cảm thấy thôi bản không ai chịu nổi, chẳng thể đến gần được. Vội vã dùng quan tài đựng lấy, đây chặt nắp hòm, đợi chưa đến lúc chuông khua báo sáng, đã vội vã khiêng đi thiêu. Dầu là quyến thuộc thân ái nhất, cũng chẳng chịu ngăn giữ lại. Cứ nhìn vào đó, buổi tối hôm qua, vẫn còn là một người đàn ông khỏe mạnh, sáng nay thức dậy, đã là một vốc tro cốt! Biết thần thức của người ấy sẽ lại đến nơi đâu? Biến đổi cấp tốc như thế, hoàn toàn chẳng do quý vị! Đã là thân thể của quý vị, lẽ ra phải do quý vị cai quản. Đã chẳng do quý vị cai quản, sao lại làm lạc ngõ nó là tám thân của quý vị? Uổng công bị nó phiền lụy, lui sụt đạo tâm. Quuyến thuộc của quý vị cũng thế, đây kia đều là những cái đây da thôi tha. Đây kia chẳng tự do, chẳng quản lẫn nhau được! Vô thường ập đến, đôi bên chẳng thể thay thế cho nhau. Trước mắt là suốt cả một đời, đôi bên bị những mối ân tình quán trối, gọi nhau là quuyến thuộc. Sau khi đã nhắm mắt, đôi bên chẳng biết

nhau! Có sao lầm lạc ngõ họ là quyến thuộc, bị họ phiền lụy, lui sụt đạo tâm? Gia sản của quý vị cũng thế. Lúc mắt sáng, chân mạnh bèn so sánh, tính toán, lo toan, keo kiệt, canh giữ, cứ ngõ là trăm ngàn vạn năm luôn hưởng thụ nó. Ai biết một hơi chẳng hít vào được, một xu cũng chẳng thể mang theo! Có sao lầm lạc ngõ nó là gia sản của quý vị, bị nó phiền lụy, lui sụt đạo tâm?

Nay mọi người ơi! Đã nghe lời này, hãy nên hồi quang soi thấu, thống thiết tự tỉnh ngộ. Đối với ba thứ phiền lụy ấy, đừng nên làm nhận, đừng lưu luyến, đừng tham đắm, hãy xuôi theo phần phước [do nghiệp báo] đã định phân, tùy thuận cho qua ngày. Hãy nên xoay chuyển ý niệm, hướng về sự sanh tử, để phần chân, dũng mãnh, tinh tấn, kiên cố, lâu dài, thấu hiểu rành rẽ, ắt bậc thượng tọa sẽ tự thẹn bất tài, đã trót làm nhảm, huyên thiên, thốt ra khá nhiều lời nông cạn, thô lậu, dung tục, hủ bại, chuốc lấy tiếng cười của bậc thông hiểu. Tuy vậy, nếu là bậc thông hiểu, sẽ chẳng thấy đáng cười, một khúc nhạc đồng quê, buồn vui ai nấy tự nghe!

Đời Đường, Tô Thành tánh ương ngạnh, hèn kém, suốt đời chẳng làm một điều thiện nào! Hễ thấy trong sách vở có chép một lời tốt lành, hay một hạnh cao đẹp, ắt cho là nói tô vẽ. Thấy kẻ khác siêng tu thiện sự, ắt cười nhạo là phường gian tà. Tới tuổi tráng niên, thân thể dần dần rút nhỏ, dùng hai tay chống lê thân trên đất

đề đi, ăn ngủ cùng với chó. Được một năm, hấn bèn chết.

Đời nhà Châu, Tề Hoàn Công đi qua mộ của họ Quách, hỏi người già rằng: “Vì sao họ Quách bị diệt vong?” Họ đáp: “Ưu điều thiện, ghét điều ác!” Tề Hoàn Công hỏi: “Ưu điều thiện, ghét điều ác, vì sao lại diệt vong?” Họ đáp: “Ưu điều thiện mà chẳng thể làm, ghét điều ác mà chẳng thể trừ”. Do vậy, có thể thấy là người thời nay tự mê muội thần thức, chẳng tỉnh ngộ bản tánh. Muôn duyên cùng nhau quấy nhiễu, thù tạc tám mặt (chỉ lo thù tạc về mọi phương diện). Một niệm vừa đi, một niệm khác liền đến. Một ngày một đêm, có tám ức bốn ngàn niệm, như gió thổi trên hư không, chẳng có nơi nương tựa. Như đá đè cỏ, vừa dứt lại sanh. Há có ngày nào chuyên tâm làm lành? Vì thế, dầu biết là chuyện đáng nên làm, nhưng vì bị lòng ham muốn vật chất xoay chuyển, dầu suốt ngày đàm kinh thuyết pháp, vẫn thường là “tốt lá, thói gốc”, rốt cuộc đổ nhào mà thôi, há chẳng đáng tiếc nuối sâu xa ư?

*(Chánh văn) Tự tội dẫn tha, ung tắc phương thuật.*

**(正文)自罪引他。壅塞方術。**

*(Chánh văn: Tự mình có tội, khiến cho kẻ khác liên lụy. Cản trở nghề nghiệp của kẻ khác).*

Tội do ta phạm, tới khi đổ bể, bèn lôi kéo, khiến cho kẻ khác bị liên lụy. Ngạn ngữ nói là “*kéo kẻ khác xuống nước*”. Ý kẻ đó chẳng phải chỉ là mong lấp liếm sai sót, mà còn là nhằm trả thù! Nào có biết rốt cuộc sẽ trợn chẳng thể che đậy lỗi của mình được, rốt cuộc chẳng thể vu vạ cho kẻ khác! Chỉ là tạo thêm oan nghiệt trong những nỗi oan nghiệt mà thôi! Dầu trốn khỏi phép vua, khó tránh bị trời diệt!

Triệu Nghiệp từng xem Giả Dịch giết trâu. Giả Dịch chết, [bị Diêm Vương xử tội giết chóc, hấn đồ lỗi, xin Diêm Vương bắt] Triệu Nghiệp phải chia bớt tội lỗi. [Hồn của] Triệu Nghiệp bị bắt tới cõi âm, gần như chẳng thể biện định. Bỗng thấy một cái gương, đường kính to hơn cả trượng, treo trên không trung. Cõi âm thấy Giả Dịch vung đao, Triệu Nghiệp núp sau cửa nhìn, có ý bất nhẫn. [Khi ấy], Giả Dịch mới chịu phục, Triệu Nghiệp mới được tha về. Xét theo lời đức Phật dạy: “*Hết thấy thế gian, sanh tử nối tiếp, khi sắp mạng chung, trước khi xả noãn xúc<sup>574</sup>, thiện ác trong cả đời đều cùng một lúc hiện ra*”. Đại khái, cảnh giới hiện ra trong lúc lâm chung, chính là cảnh giới nơi tâm địa trong thường nhật của chúng ta. Viên tội châu của ngài Địa Tạng chính là tâm châu của chúng ta. Nghiệp kính của Diêm Vương chính là tâm kính của ta. Nếu nay làm

---

<sup>574</sup> Noãn xúc (煖觸): Noãn là hơi ấm, Xúc là sự nhận biết, cảm xúc. Noãn (煖) chính là độ ấm của cơ thể, ở đây dùng để chỉ Tứ Đại, vì Noãn tương ứng với Hỏa Đại. Xúc (觸) là nói chung sáu thức. “*Xả noãn xúc*” tức là khi Tứ Đại chia lìa, tiền lục thức chẳng còn hiện hành.

một chuyện bất thiện, có bao giờ chẳng in dấu trong tâm ta, há có thể lôi kéo người khác [liên lụy] ư?

Phương Thuật (方術) là như nghề thuốc, bói toán, chiêm tinh, xem tướng, và mỗi kỹ năng, mỗi tài nghệ đều là [Phương Thuật]. Người bản lãnh nông cạn thì nhờ vào đó để nuôi thân, kẻ cao sâu thì có thể giúp đời. Nếu ngăn trở, khiến cho họ chẳng hành nghề thì cũng là tâm lượng của ta chẳng rộng rãi, mà bốn phương sẽ có lắm kẻ đói, rét, thất nghiệp! Còn như lũ tà sư, thầy thuốc đốt nát, làm tổn thương chánh giáo, hay khiến cho kẻ khác mất mạng, cũng như những lũ phương sĩ<sup>575</sup> đốt lò luyện đan, đều chẳng thể viện cớ này [để tự tung, tự tác], những hạng người ấy đáng nên bị ngăn cấm. Mà trong mọi nhà dân chúng hãy đều nên xét giữ nghiêm ngặt môn hộ, phạm là đối với bọn tam cô, lục bà<sup>576</sup> [đều nên] nhắc nhở [người nhà] trọn chẳng giao du. Nếu có lui tới, cũng nên xét đoán [phẩm hạnh] của

---

<sup>575</sup> Phương sĩ (方士), còn gọi là thuật sĩ (術士) là những kẻ tự xưng là tu luyện thuốc tiên, thường đốt lò nấu kim đan, tiên đan, tự khoe là biết những bài thuốc trường sanh bất tử, uống vào phạm thân sẽ đổi thành thánh thai, đẳng tiên v.v... Hoặc những gã đạo sĩ chuyên đề xướng những thuật tu tiên quái đản, như dùng bùa chú để sai khiến âm binh hãm hại người khác, dùng phòng trung thuật, nam nữ thái âm bổ dương hồng kếu kéo dài tuổi thọ v.v...

<sup>576</sup> Tam cô (三姑) là ni cô, đạo cô và quái cô (卦姑, bà thầy bói). Lục bà (六婆) gồm nha bà (牙婆, tức là những người đàn bà chuyên môi giới mua đi bán lại), mưu bà (媒婆, bà mối), sư bà (師婆, hoặc vu bà (巫婆), những người đàn bà để ma quỷ nhập xác, thường gọi là “cốt”, hoặc “xác”, hoặc làm nghề thầy mo, lên đồng), kiền bà (虔婆, những phụ nữ làm nghề bất chánh như chủ chứa, còn gọi là bảo mẫu - 鴇母), dược bà (藥婆, những bà lang vườn, chuyên cắt, giác, lẻ), và ản bà (穩婆, mụ đỡ).

kẻ đó. Đây mới là phương cách để giữ nghiêm căn bản, dứt tuyệt những mầm họa vậy.

Lúc ông Trạch Càn Hữu<sup>577</sup> tại thế, do phù phép<sup>578</sup> mà nổi tiếng. Ông từng nghĩ cả huyện Vân An có đến mười lăm chỗ sông ngòi có đá ngầm bãi cạn, bèn triệu tập các vị thần nơi các bãi cạn giữa sông (thần sông) để san bằng. Ứng theo lời triệu thỉnh, có mười bốn chỗ [đã san bằng]. Chỉ riêng có một bãi cạn do một nữ thần [cai quản, cô ta đội] mũ cao, mặc áo rộng tay, cảm khái thưa rằng: “Xét ý ông chẳng qua là muốn cho thuyền bè [buôn bán] qua lại thuận tiện. Nhưng ông chẳng biết những người kinh doanh bằng thuyền bè, thường ngày kiếm lợi rất nhiều, đâu có tốn kém đôi chút, chẳng đáng gây tổn hại cho họ. Những dân nghèo ven sông, cả ba, bốn trăm nhà, không có ruộng để cày cấy, không có dâu để nuôi tằm, hoàn toàn cậy vào chuyện kéo thuyền, vác thuyền [qua bãi cạn] để kiếm sống. Nay nếu san bằng hết những bãi cạn hiểm trở, đối với thuyền bè, có nhiên hết sức thuận tiện, nhưng cơm áo của những người dân nghèo ấy thì sao? Ý của đức Thái Thượng ắt chẳng phải là như vậy! Tôi rất sợ khi khác, ông sẽ bị mắc tội, mà tôi cũng chẳng khỏi bị liên lụy, xin hãy cân nhắc thêm!” Thiên sư thở dài nói: “Điều bà lo lắng tôi chẳng nghĩ tới!” Do vậy, mười bốn vị thần đã vâng

---

<sup>577</sup> Trạch Càn Hữu quê ở Vân An, Tứ Xuyên, là một đạo sĩ nổi tiếng đời Đường. Tương truyền ông đích thân được thần tiên từ núi Hoàng Hạc chỉ dạy nên phù chú rất linh, có bản lãnh chế ngự hổ, báo, giao long. Dân gian xưng tụng ông là Thông Linh đại sư.

<sup>578</sup> Nguyên văn là “*khảo triệu*” (考召). Đạo gia do dùng phù chú để khảo quỷ triệu thần (tra hỏi quỷ, triệu thỉnh thần), nên phù chú được gọi bằng từ ngữ “*khảo triệu*”.

mạng [san bằng bãi cạn] đều hồi phục chỗ bãi cạn như cũ. Nhìn vào chuyện này, chẳng phải là riêng phương thuật chớ nên ngăn trở. Hễ là những người vất sức kiếm chút cháo [để sống qua ngày], càng phải nên tìm cách khiến cho họ được thuận lợi. Đừng vất kiệt sức họ, đừng khiến cho kỹ năng của họ bị phôi pha. Chỗ nào cũng đều chữa lại đất sống, khiến cho họ chẳng bị vây hãm trong cảnh đói rét. Đây là cái tâm của người có lòng nhân vậy.

*(Chánh văn) San báng thánh hiền.*

**(正文) 訕謗聖賢。**

*(Chánh văn: Chê bai, báng bỗ thánh hiền).*

San (訕) là hý lộng, khinh miệt. Báng (謗) là phủ nhận, báng bỗ. “*San báng*” thì có hai loại người:

1) Một là vì ngu si, khiến cho họ mê mờ, chẳng hiểu sức ảnh hưởng của thánh nhân. Hạng người ấy đáng gọi ở trong vò nhìn trời rồi đâm ra oán ghét [trời cao hẹp hòi].

2) Hai là hạng có tài ăn nói khuấy động sóng gió. Hạng người này đáng gọi là “*mò trắng trong nước*”.

“*Thánh hiền*” là nói đến tam giáo Nho, Thích, Đạo. Nho dùng Chánh để lập giáo, Thích dùng Đại để lập giáo, Đạo dùng Tôn để lập giáo. Nhìn theo phương diện “*hiếu sanh, ghét giết chóc*”, thì là cùng một lòng nhân. “*Coi người khác như chính mình*” là cùng một niềm công bằng. “*Khắc chế lòng phần nộ, dứt trừ ham muốn, ngăn lỗi, ngừa sai*” là cùng một sự luyện tập, tu dưỡng vậy. [Giáo pháp] như sấm rền [thức tỉnh] kẻ u mê, [chân lý sáng tỏ như] nhật nguyệt chiếu sáng lũ mù, có cùng một công năng giáo hóa vậy. Luận định theo những sự tướng thô thiên, thì lý trong thiên hạ chẳng qua là hai đường thiện và ác. Dụng ý của tam giáo không gì chẳng nhằm dạy mọi người sửa ác, theo lành! Luận định theo pháp môn tâm địa, ắt chẳng khỏi quy về một. Vì thế, trong tác phẩm Nguyên Đạo Biện<sup>579</sup>, Tống Hiếu Tông đã nói: “*Dùng Phật trị tâm, dùng Đạo trị thân, dùng Nho trị thế*”, đúng là đã hiểu biết cái tâm vậy. Thân cũng vậy, mà cõi đời cũng vậy, chẳng thể có một thứ nào không điều phục. Vậy thì tam giáo, há có giáo nào mà có thể chẳng lập ư? Những nho sĩ trong hiện thời, hoặc là dùng Nho để bài bác Phật, hoặc là dùng Phật giáo để chèn ép Nho. Tăng sĩ, đạo nhân ngày nay hoặc là vì Phật mà diệt Đạo, hoặc vì Đạo mà phê phán Phật giáo. Nói chung là vì ngã kiến năng sở, làm lạc phân chia đại đạo, nào có biết tam giáo vốn chẳng có đồng hay dị. Chỉ lo kẻ làm lạc nấy

---

<sup>579</sup> Nguyên Đạo Biện (原道辨) là một bài viết của Tống Hiếu Tông (Triệu Thận) vào năm Thuần Hy thứ tám (1181) để bác bỏ những luận điệu đả phá Phật giáo trong bài Nguyên Đạo Luận của Hàn Dũ. Tác phẩm này về sau được gọi là Tam Giáo Luận.



sanh ý kiến ức đoán, dùng ý riêng để suy lường, dùng cái tâm hơi hợt để biện định cường từ đoạt lý. Bậc thượng trí nếu thật sự có thể bình tâm dung hội, tham cứu thẳng thừng vào cội nguồn, ắt sẽ biết Phật là “*minh tâm kiến tánh, trừ mê, cầu ngộ*”; Đạo là giữ cho tâm thanh tịnh, giảm thiểu ham muốn, tích lũy công hạnh; Nho thấu hiểu nguồn tâm, trừ khử vật dục, chánh tâm, thành ý. Nhiều phương diện nhiếp hóa, chẳng có gì trái nghịch! Nói chung, đều nhằm tiếp dẫn con người nhập đạo mà thôi, có danh tướng gì để có thể chấp chặt nữa ư? Vì thế biết chánh pháp của tam giáo đều cùng là nhân mục muôn đời cho các sanh linh. Kẻ khinh miệt, gièm báng chẳng phải là tự tạo cái nhân bị rút lưỡi hay chẳng? Còn như kinh điển, sách vở, giấy có chữ viết, chính là những thứ ký thác tinh thần của thánh hiền, kẻ giẫm đạp sẽ có cùng một tội với kẻ khinh miệt, gièm báng.

Từng thấy Trung Hoa có tam giáo. Do thiên, địa, nhân gọi là Tam Tài, “vua tôi, cha con, vợ chồng” là Tam Cương, những thứ ấy chẳng thể có một khắc nào không có. Ấy là kể từ khi Phục Hy vạch ra các quẻ [của Bát Quái], Nho giáo đã được khởi đầu. Tại Trung Hoa, Nho có thể khiến cho cương thường được chánh đáng, các mối quan hệ chánh đáng của con người được tỏ rõ, lễ, nhạc, hình pháp, cai trị, bốn món ấy đều được phổ biến rộng khắp, chẳng trái nghịch, rốt cuộc cho tới muôn vật trong trời đất đều đầu vào đấy. Đạo Nho đã có công giúp đỡ cõi đời to lớn. Vì thế, Tần Thủy Hoàng muốn trừ bỏ đạo Nho, mà rốt cuộc chẳng thể trừ bỏ

Nho được. Chẳng thể trừ khử, há có nên gièm chê, báng bổ hay chẳng? Có kẻ vì thấy học vấn công vay của Công Tôn Hoàng nhằm a dua cỗi đời, Chúc Khâm Minh khiến cho ngũ kinh lè tè quét đất, Dương Tử Vân ngộ được lẽ huyền diệu của Thái Huyền, mà lại xiêm nịnh phụng sự Tân Mãng, Hứa Kính Tông đã biết đạo nghĩa trung thành với vua, mà lại thất thân phụng sự Ngụy Vũ<sup>580</sup>, những kẻ đó đều xuất phát từ Nho, bọn họ

---

<sup>580</sup> Công Tôn Hoàng sống vào đời Tây Hán, làm thừa tướng dưới thời Hán Vũ Đế. Do ông ta đã vay mượn tư tưởng của pháp gia (học thuyết dùng hình luật nghiêm khắc để dân chúng sợ hãi mà tuân phục) để chủ trương tập trung quyền hành vào tay hoàng đế, chú trọng đạt đến mục đích, bất cần thủ đoạn, nên đã bị các nhà Nho sau này coi là kẻ đã giải thích công vay tư tưởng của Nho gia.

Chúc Khâm Minh giữ chức Quốc Tử Giám Tế Tửu (tương đương với chức Hiệu Trưởng) đời Đường Trung Tông. Ông là người thông hiểu Ngũ Kinh, nhưng tánh ưa xu nịnh. Có lần hoàng đế đãi tiệc đại thần, nhằm bợ đỡ vua, ông khoe là mới chế ra khúc múa Bát Phong Vũ, xin vua cho phép biểu diễn. Tiếc là ông vừa mập ụt ịt, vừa xấu trai, vừa di chuyển lạch bạch, vừa lắc lư đầu, trợn tròn hai mắt, lúng liếng liếc qua liếc lại làm duyên không giống ai, khiến cả triều đình cười lăn cười bò. Lại Bộ Thị Lang Lô Tạng Dụng cảm thán: “*Ngũ Kinh đã bị đem quét đất mất rồi*”, ngụ ý chê trách Chúc Khâm Minh chẳng biết giữ dáng vẻ tôn nghiêm tối thiểu của một người thầy.

Dương Tử Vân chính là học giả Dương Hùng (53-18 trước Công Nguyên), tên tự là Tử Vân. Ông là một học giả, văn gia và là nhà ngôn ngữ học trứ danh đời Hán. Ông đã đề xướng Thái Huyền là căn nguyên của vạn sự vạn vật trong vũ trụ, chủ trương con người vốn thiện ác lẫn lộn. Trở thành thiện hay ác là do tu tập như thế nào mà thôi! Do khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, lập ra nhà Tân, đã trọng dụng ông, phong cho ông làm Trung Tán Đại Phu, Dương Hùng bèn viết một bài văn dài ca tụng Vương Mãng. Bài văn này thường được người đương thời gọi châm biếm là Kịch Tân Mỹ Tân vì ông phê phán dữ dội Tân Thủy Hoàng nhằm tô chuốt những ưu điểm của nhà Tân.

Hứa Kính Tông làm Trung Thư Xá Nhân dưới đời Đường Thái Tông. Khi vua mất, Đường Cao Tông (Lý Trị, con trai Đường Thái Tông) u mê, bị Vũ Tắc Thiên lung lạc, giao hết quyền chánh cho bà ta. Sau khi Cao Tông mất, Vũ Hậu cướp ngôi của Đường Trung Tông, lập ra nhà Đại Chu. Thay vì tận tụy phục hồi nhà Đường như các vị trung thần khác, Hứa Kính Tông lại ra sức tận trung với Vũ Tắc Thiên. Do vì đánh mất khí tiết trung nghĩa, nên sách Cảm Ứng Thiên chê ông là “*thất thân*”. Lại do Vũ Tắc Thiên tiếm ngôi, nên sách gọi bà ta là Ngụy Vũ (“*ngụy*” ở đây là hư ngụy, dối trá).

thật sự là tội nhân trong làng Nho. Há có nên vì những kẻ ấy là phường không ra gì, bèn gièm chê, báng bổ những bậc thánh hiền lập giáo ư?

Kể từ khi Lão Tử vào cửa ải, Đạo đã được khởi đầu. Đạo tại Trung Hoa [có thể khiến cho người học] tự gìn giữ sự thanh hư, đàm bạc danh lợi, khiêm nhượng để tu trì, gột sạch những tập khí rồi ren, chẳng chéo, cốt sao đạt đến tĩnh lặng, vô vi, khôi phục thiên chân. Do vậy, Đạo có công tốt bậc đối với sự giáo hóa trong cõi đời. Vì vậy, Lương Vũ Đế tận lực muốn diệt trừ Đạo, mà Đạo chẳng thể trừ. Đã chẳng thể trừ, há có nên gièm báng hay chẳng? Hoặc là do chỉ thấy gã đạo sĩ chuột nhất dùng Tý Dạ Thuật (子夜術) lừa gạt Tô Đông Pha<sup>581</sup>, hoặc Lâm Linh Tổ dùng chuyện Thần Tiêu để mê hoặc Tống Huy Tông<sup>582</sup> [nhằm giải thích câu thơ]

---

<sup>581</sup> Tô Đông Pha lúc làm tri huyện Dương Châu, có lần nằm mộng thấy lên núi, bỗng có một con hổ nhảy xổ đến toan cắn. Đột nhiên có một gã đạo sĩ mặc áo tía, đội mũ vàng, dùng tay áo che cho Tô Đông Pha, quát lớn khiến con hổ bỏ chạy. Hôm sau, gã đạo sĩ tìm đến nha môn, vênh váo hỏi: “Đêm qua Ngài có sợ hay không?” Tô Đông Pha quát: “Thằng đạo sĩ chuột nhất kia! Mày dám vác mặt đến đây ư? Có muốn bị đánh trượng gãy xương sống hay không? Ta chẳng biết mày giờ trò Tý Dạ Thuật hay sao?” Gã đạo sĩ kinh hồn, lùi mất. Tý Dạ Thuật là một loại pháp thuật để đi vào trong giấc mộng của người khác hòng giờ trò.

<sup>582</sup> Lâm Linh Tổ là đạo sĩ thời Bắc Tống, người xứ Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang, tên thật Linh Ngạc. Do Tống Huy Tông mê thích thuật trường sanh của đạo sĩ, Lâm Linh Tổ bèn thừa cơ mê hoặc, nói: “Cõi trời có chín tầng, tầng cao nhất là Thần Tiêu. Bệ hạ là con trưởng của Thượng Đế, tước hiệu là Thần Tiêu Ngọc Thanh Vương, pháp hiệu là Trường Sanh Đại Đế Quân”, còn hấn chính là Thần Tiêu Phủ Tiên Khanh giáng hạ để phù tá Tống Huy Tông. Để lấy lòng bọn quyền thần, hấn nói các gã gian thần như Thái Kinh, Vương Phủ, Thịnh Chương, Vương Cách, Trịnh Cư Trung, cũng như một số thái giám có quyền uy thời đó đều là thần tiên giáng hạ để phù tá nhà vua, ngay cả sủng phi của Tống Huy Tông là Lưu Thị cũng là Cửu Hoa Ngọc Chân An Phi giáng thế! Tống Huy Tông mê muội tin theo, ban cho hấn ngự hiệu Thông Chân Đạt Linh Tiên Sinh, xây cung Thượng Thanh Bảo

“*thiên thượng thần tiên trịnh hóa cơ*” [do nhà vua đã nằm mộng thấy], bất quá là nói lớn lối để dối đời, [hắn nói] “*địa hạ thần tiên hà đắc nhất*” (dưới đất, thần tiên há được ai), rốt cuộc là bịa đặt để trộm danh. Những gã ấy đều xuất phát từ Đạo, mà thật ra là bọn tội nhân trong Đạo. Há có nên vì bọn chúng thuộc vào tà thuật, bèn gièm chê, báng bổ những bậc thánh hiền hưng khởi giáo pháp ư?

Cho tới thời Hán Minh Đế, trong mộng cảm ứng người vàng, Phật giáo bèn hưng khởi [tại Trung Hoa]. Có thể nói là Phật giáo ở Trung Hoa đã khiến cho [dân chúng] vứt bỏ những thứ hoa mỹ để hướng về chân thật, bỏ hư ngụy, giữ lấy chân thật, do nỗ lực hành trì mà đạt tới an trụ, từ thuở đầu là tự lợi, [sau khi tu tập đã lâu], đến cuối cùng là lợi tha. Rốt cuộc là đạt tới mức từ bi “coi muôn loài [và bản thân ta] như một, oán thân bình đẳng”. Đây là chỗ nương tựa cao tốt của dân chúng vậy. Vì thế, Ngụy Vũ Đế<sup>583</sup> cực lực toan diệt

---

Lục cho hắn ở. Linh Tổ bèn thừa cơ khuyên vua phế Phật. Vua bèn xuống chiếu bắt dân gọi Phật là Đại Giác Kim Tiên, các vị Bồ Tát gọi là Tiên Nhân, tăng sĩ bị đổi thành “đức sĩ”, chùa Phật không được dùng chữ Tự mà phải gọi là Cung, các tự viện gọi là Quán, các tăng sĩ bị xua đuổi, bị coi như hạng người hèn hạ trong xã hội!

<sup>583</sup> Ngụy Vũ Đế chính là Ngụy Thái Vũ Đế (Thác Bạt Đào) nhà Bắc Ngụy, khác với Ngụy Vũ Đế (Tào Tháo). Thác Bạt Đào thuộc tộc người Tiên Ty, là vua thứ ba của nhà Bắc Ngụy. Ngụy Thái Vũ Đế say đắm Đạo Giáo, nghe theo lời xúi giục của Thôi Hạo (Thôi Hạo vu cáo Phật tử đã ủng hộ loạn quân Cái Ngô) và đạo sĩ Khâu Sĩ Khiêm, nên nhà vua kiên quyết tiêu diệt Phật giáo. Đây là họa diệt pháp đầu tiên trong tai họa Tam Vũ Diệt Phật (Bắc Ngụy Vũ Đế, Bắc Châu Vũ Đế và Đường Vũ Tông) của Phật giáo Trung Hoa. Vua xuống chiếu cấm ngặt vương hầu và dân chúng cúng dường sa-môn, triệt hạ tự viện, tịch thu tài sản của nhà chùa, sát hại các vị cao tăng Huyền Cao và Huệ Sùng. Thôi Hạo lại thôi thúc nhà vua tàn

Phật, nhưng Phật chẳng thể diệt! Chẳng thể diệt, há có nên gièm chê, báng bổ ư? Hoặc là do chỉ thấy chú thuật của Hồ tăng chẳng thể ảnh hưởng đến Phó Dịch (Phó Dịch<sup>584</sup> báng Phật, xằng bậy bịa chuyện; người đời sau chẳng thông đạt, tưởng là kinh sách thật sự, đáng thương xót thay), tượng Phật bằng đá hiện quang chẳng thể khiến cho ông Trình Di động lòng<sup>585</sup>, rằng Phật là vật linh thiêng, mà bị sừng linh dương phá nát<sup>586</sup>. Rằng Phật là thần vật mà bị hư hoại dưới búa của Triệu Phượng. Lại còn bọn Bạch Liên, Vô Vi<sup>587</sup> tung hoành, [các tín đồ] tin theo, quy phục những lời lẽ hư vọng, dối trá của họ La (La Thanh)<sup>588</sup>. Một kẻ xướng suất,

---

sát tăng sĩ tại Trường An rồi ban lệnh diệt Phật, đuổi Tăng khắp toàn quốc, khiến cho các tăng sĩ phải trốn lánh hay hoàn tục.

<sup>584</sup> Phó Dịch sống qua ba triều đại Châu, Tùy, Đường, tinh thông thiên văn và lịch pháp. Trước khi làm quan, ông ta là đạo sĩ. Ông ta làm Thái Sử Lệnh dưới thời Đường Cao Tông, dâng sớ nói: “Phật giáo có hại cho chế độ phong kiến, giúp dân trốn lính, chẳng thờ phụng cha mẹ, sư sãi toàn là bọn du thủ du thực trốn việc quan, ăn bám, phải nên phế trừ chùa chiền, bắt hết thầy tăng ni hoàn tục”. Ông ta liên tiếp dâng mười một tờ sớ đề nghị phế Phật.

<sup>585</sup> Trình Di làm chủ bạ ở Ngạc Châu. Có người khuyên ông ta hãy nên đến xem tượng Phật bằng đá phóng quang. Ông lấy cớ bận bịu công việc để thoái thác, bảo người ấy hãy mang tượng đến cho ông ta xem. Rồi khi có người kể chuyện linh dị, ông đều bác bỏ: “Ta cũng có chuyện lạ lắm, ăn vào bèn no!”

<sup>586</sup> Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, có một vị Tăng người Ấn Độ tự xưng có rằng Phật, tuyên bố không gì có thể phá hoại được. Phó Dịch bèn bảo con: “Đó không phải là rằng Phật mà là đá kim cang. Kim cang cứng nhất, chỉ có sừng linh dương mới phá vỡ được”. Do vậy, con trai Phó Dịch bèn đến xin thử. Sừng linh dương vừa đụng vào, “răng Phật” vỡ nát.

<sup>587</sup> Vô Vi Giáo là chi phái của Bạch Liên Giáo, còn gọi là La Tổ Giáo.

<sup>588</sup> La Thanh (1442-1527), tự là Mộng Hồng, hiệu Tư Phù, người huyện Tức Mặc, tỉnh Sơn Đông. Hắn xuất thân là quân nhân, chuyên vận tải lương thực cho quân đội. Sau khi xuất ngũ, hắn trở về quê nghiên cứu Phật giáo, thật ra là vay mượn cách tu tiên, luyện đan, pha trộn vào một ít tư tưởng Phật giáo (theo kiểu diễn giải xằng bậy), thừa kế phần lớn giáo nghĩa của tà giáo Bạch Liên. Hắn tự xưng thừa kế các giáo nghĩa Thiên Tông, Tịnh Độ, giáo nghĩa của các phái Chánh Nhất và Toàn Chân trong Đạo Giáo. Đến năm bốn mươi một tuổi, hắn tự xưng là đã chứng ngộ

bao người hòa theo. [Những thứ đó] đều xuất phát từ Phật giáo, mà [bọn chúng] thật sự là bọn tội nhân trong nhà Phật. Há có nên vì bọn chúng thuộc hạng tà ma, ngoại đạo, bèn gièm chê, hủy báng bậc thánh hiền truyền giáo ư?

Đời Minh, Lý Trác Ngô thích phủ nhận, hủy báng thánh hiền, thường chế ra lời hai người [đối đáp]. Một người nói: “Trời chẳng sanh Trọng Ni (Khổng Tử), muôn đời như đêm dài”. Người kia đáp: “Vậy thì kể từ thời Hy Hoàng<sup>589</sup> trở đi, toàn bộ [mọi người] đều phải đốt đuốc mà đi à?” Kể đến [châm biếm] Mạnh Tử, đối với Trình, Châu, hấn gièm chê, báng bổ càng dữ dội hơn! Về sau, hấn phạm tội, chết trong ngục.

Văn Xương Đế Quân nói: “*Kẻ sĩ được ghi danh vào sổ bộ của ta đều là do kính trọng văn tự mà ra*”.

---

Phật pháp, đấng pháp chánh truyền, và đưa ra tà thuyết: “Sau thời Lục Tổ, thiền pháp bị thất truyền, Thiền pháp chánh truyền được duy trì bởi hàng tại gia cư sĩ”, chủ trương niệm Phật, lạy Phật là pháp hữu vi, cách tu của hấn mới là pháp vô vi chân chánh, sáng lập ra “tôn giáo” mới, gọi là La Giáo, thực chất chỉ là vận dụng những giáo thuyết của Bạch Liên, và tự xưng rất khoa trương là Vô Tướng Chân Nhân, Hóa Thiện Tổ Sư, Yết Không Cổ Phật.

<sup>589</sup> Hy Hoàng chính là Phục Hy Thị. Phục Hy được tôn xưng là thi tổ của nền văn minh Hoa Hạ. Cổ thư ghi tên ông gọi theo nhiều lối khác nhau: Bào Hy, Mật Hy, Bao Hy, hay Hy Hoàng. Sử Ký nói ông là con của Hoa Tư, cha của Thiệu Diên, là ông nội của Viêm Hoàng. Theo truyền thuyết, ông dạy dân đan lưới bắt cá, săn bắn, nuôi dưỡng gia súc, chế ra Bát Quái, chế ra văn tự và đàn cổ cầm. Ông còn được xếp vào Tam Hoàng. Thần thoại nói ông thân có vẩy, còn em gái của ông là Nữ Oa có thân rắn. Truyền thuyết khác lại nói họ là vợ chồng. Có thuyết nói Phục Hy chính là Bàn Cổ. Theo các nhà khảo cứu, sau khi Hoàng Đế thay thế Viêm Đế, đánh bại Si Vưu, do thấy tổ tiên của các bộ lạc Viêm Đế và Si Vưu là Phục Hy rất được kính ngưỡng, bộ tộc của Hoàng Đế bèn vay mượn truyền thuyết về Phục Hy, sáng tạo ra nhân vật Bàn Cổ, dần dần dẫn đến truyền thuyết Bàn Cổ mở mang trời đất.

Đời Tống, cha của Vương Nghi Công (Vương Tăng) hề trông thấy [giấy tờ] có chữ viết bị vứt bỏ, ắt nhặt lấy, dùng nước thơm rửa sạch rồi đốt. Một tối, ông mộng thấy đức Tuyên Thánh (Khổng Tử)<sup>590</sup> vỗ lưng ông ta bảo: “Người kính trọng giáo pháp của ta, tiếc là người đã già, ta sẽ sai Tăng Sâm sanh trong nhà người”. Lúc tuổi già, ông Vương bèn sanh con; do vậy, đặt tên là Tăng. [Vương Tăng] là một vị Tể Tướng hữu danh. Lại như Dương Bách Hạnh ở Lô Châu do ngồi trên kinh văn mà cả nhà bị cùi. Tiên Ư Khôn ở Xương Quận do tàn hại sách Mạnh Tử mà cả nhà diệt vong. Dương Toàn Thiện do chôn giấy có chữ [bị người khác vứt bỏ] mà năm đời đều đỗ đạt. Lý Tử Tài do chôn giấy có viết chữ mà được làm quan vinh hiển. Báo ứng chói ngời trước tai mắt mọi người, há có nên chẳng kính trọng, quý tiếc [giáo huấn, sách thánh hiền, giấy chữ] ư? Thơ rằng:

*Thế gian tự chỉ Tạng Kinh đồng,*

*Kiến giả tu tương phó hỏa trung,*

*Hoặc tổng trường lưu, mai tịnh thổ,*

*Tứ quân phước thọ vĩnh vô cùng.*

*(Giấy chữ trong đời hết Phật kinh,*

*Nếu như trông thấy đốt cho nhanh,*

---

<sup>590</sup> Dưới thời Hán Bình Đế, nhà vua đã dâng thụy hiệu cho Khổng Tử là Bao Thành Tuyên Ni Công. Do vậy, các đời sau thường gọi Khổng Tử là Tuyên Thánh.

Hoặc bỏ xuống sông, chôn đất sạch,  
Thì người phước thọ mãi khôn ngần).

Lại nói:

*Kính tích tự chỉ phó thủy hỏa,  
Nhân nhân tri đạo thiện nhân quả,  
Giáp hài dạng bạc ná gia vô,  
Hoán tương bạch chỉ phương vi thỏa.*

(Kính tiếc giấy chữ, nhật thiêu đốt,

Hoặc bỏ trong sông ở chỗ sâu,

Ai nấy đều biết nhân quả lành,

Lột sổ lột giày ai chẳng phạm?

Đổi thành vải trắng, ắt yên lành).

Cao Chi Thụ chẳng tin tiên, Phật, phỉ báng hết mức. Hắn từng dùng kính Pháp Hoa để dán vách. Có người tặng hắn một pho tượng Phật bằng ngọc. Chi Thụ nói: “Khối ngọc này có thể làm thành đồ vật”. Do vậy bèn cưa tượng, làm thành mười cái nhẫn. Về sau, do hắn gièm chê, phỉ báng việc triều chánh, vua xuống chiếu sai Hình Bộ tra vấn. Hắn bị xử chém ngang lưng ở giữa chợ.



Đời Minh, Thích Kế Quang chuyên trì kinh Kim Cang. Bỗng mộng thấy một người lính đã chết, xin ông tụng giùm một quyển để giúp phước cho kẻ ấy trong cõi âm. Buổi sáng, ông thức dậy, tụng xong, lại thấy người ấy báo mộng: “Đội ân đức to lớn của ông, nhưng chỉ được nửa quyển vì trong ấy xen tạp hai chữ Chẳng Dùng”. Ông ngẫm nghĩ nguyên có, thì ra là đưa tờ giấy mang trà, bánh lên [trong khi ông đang tụng kinh]. Ông phẩy tay từ chối, miệng tuy chưa nói, trong tâm đã sẵn có hai chữ “chẳng dùng”. Sáng hôm sau, ông đóng cửa tụng kinh, lại mộng thấy người lính cảm tạ: “Đã được siêu độ rồi!” Một niệm xen tạp mà còn không được, huống hồ hý lộng, khinh miệt ư?

Triệu Cư Dịch trì kinh Ngọc Hoàng, chưa kiêng rượu thịt, bỗng chết đi. Vua cõi âm hỏi: “Thường ngày nhà ngươi làm điều gì tốt lành?” Thưa: “Trì kinh Ngọc Hoàng từ nhỏ”. Vua đứng dậy, chấp tay nói: “Công đức như thế thật là bậc nhất, sẽ được tăng tuổi thọ thêm một kỷ (mười hai năm)”. Lại nói: “Trọng tội sát sanh, sao lại nấu nướng lợn, dê?” Do vậy, vua bèn sai ngục tốt lấy đinh dài đóng vào đầu Cư Dịch. Cư Dịch thầm niệm bảo hiệu của Ngọc Đế, kim quang trùm khắp thân, [quỷ sứ] chẳng thể đóng đinh được. Đã tỉnh lại, ông bèn bỏ nhà nhập đạo. Về sau, thành tiên.

Lại nghe nói Cánh Lãng Vương (Tiêu Tử Lương) bệnh tình nguy kịch, do ông ta tin tưởng, ngưỡng mộ kinh Lăng Nghiêm, mà Kim Tý thần (thần có cánh tay bằng vàng) rưới thuốc [liền lành bệnh].

Lô Cảnh Dụ bị nhốt vào ngục, do chuyên tụng Tâm Kinh mà tự thoát gông cùm. Do sớm chiều nương theo kinh Kim Cang mà người phu đào quặng thoát khỏi tai ương khi sụp hầm. Do tâm niệm kinh Pháp Hoa chẳng ngớt mà người thiếp nhà họ Tô thoát khỏi tai ách sóng bủa trên sông<sup>591</sup>. Ấy là vì kẻ tin tưởng, ngưỡng mộ thánh hiền, chẳng có ai không được thánh hiền báo đáp!

*(Chánh văn) Xâm lăng đạo đức.*

**(正文) 侵凌道德。**

*(Chánh văn: Xâm phạm, lăng nhục bậc đạo đức).*

Bậc đạo đức trong thế gian như Nho sĩ đọc sách hiểu lý, tăng nhân hay đạo sĩ khắc khổ tu hành, lời nói là pháp tắc, hạnh là khuôn mẫu, vượt trội những kẻ cùng hàng, do chánh khí trong thiên địa hun đúc, kính yêu còn chẳng xuể, há nên xâm phạm, lăng nhục ư?

---

<sup>591</sup> Theo Pháp Hoa Kinh Trì Nghiệm Ký quyển thượng, trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường, có một viên Đô Thủy Sứ họ Tô. Vị này chuyên trông coi công tác vận chuyển trên sông ngòi, tu bổ cầu bến, nạo vét sông rạch, đắp sửa đê điều... Về sau, ông ta làm Thứ Sử tại Ba Châu (Tứ Xuyên), đi qua sông Gia Lăng, sóng to rất lớn, thuyền bị lật, mọi người đều bị chết đuối. Chỉ có một người thiếp do thường đọc kinh Pháp Hoa. Khi rớt xuống nước, cô bèn đội rương đựng kinh lên đầu, nguyện có chết thì sẽ chết cùng kinh. Lạ thay, thuyền không chìm mà lờ lững trôi tới, cô bèn trèo lên thuyền, từ từ bị dạt vào bờ. Lên tới bờ, cô kiểm lại, ngạc nhiên khi thấy kinh không hề bị ướt chút nào.

Thiền sư Quốc Thanh<sup>592</sup> thuyết pháp, có gã giữ chức Phân Thủ Đạo<sup>593</sup> trọn chẳng tin Phật, trối Sư, đánh hai mươi trượng. Đến đêm, gã đó mộng thấy người vợ đã mất, vừa khóc vừa giận dữ nói: “Sao ông dám làm nhục thiền sư? Vua cỗi âm phạt tôi hai mươi roi sắt, lại còn tước bỏ chức quan của ông!”

Thuần Vu Sùng Đức lúc hai mươi tuổi vào trường huyện, tánh tình tà vạy, ngang ngược. Hễ bậc nho sĩ nào có đạo đức, Sùng Đức ắt sẽ mặc tình hiếp đáp, vu vạ. Một đêm, hấn bỗng nhiên mộng thấy một vị thần nói: “Mày trăm kẻ xâm phạm, lăng nhục bậc đạo đức. Vì thế, tao đến đoạt trí huệ của mày!” Nói xong, cầm đao chém xuống. Sùng Đức ngã lăn ra hôn mê rồi tỉnh lại. Rốt cuộc sau đây, hấn như kẻ ngu đần, được mấy năm bèn chết ngộp.

Đời Hán, khi Trương Lương còn trẻ, sang chơi Hạ Bi. Trên cầu có một cụ già, làm rơi dép xuống gầm cầu, bảo Trương Lương: “Này nhóc! Mày xuống lấy dép cho ông”. Trương Lương nghĩ cụ già cả, ráng nhịn, xuống nhặt lên. Ông lão lại giơ chân bảo: “Nhóc tì! Mang dép cho ta”. Trương Lương bèn quỳ xuống đi dép cho cụ. Cụ già bảo: “Nhóc con dễ dạy!” Lấy ra một

---

<sup>592</sup> Thiền sư Quốc Thanh là ngài Phổ Minh Quốc Thanh, sống vào đời Nam Triều, quê ở huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, là cao tăng của tông Thiên Thai. Năm Thái Kiến thứ năm (582) đời Trần, Sư vào núi Thiên Thai, gặp Trí Giả đại sư giảng kinh, ngộ được tâm yếu, bèn tôn ngài Trí Giả làm thầy, tu tập các phép tam-muội Bát Nhã và Phương Đẳng, kiêm trì tụng kinh Pháp Hoa.

<sup>593</sup> Phân Thủ Đạo (分守道) là một chức phụ tá của quan Bố Chánh. Do chức vị này có nhiệm vụ quản trị, phân phối, tích trữ lương thực, quản trị ruộng nương, cũng như coi sóc việc truyền phát công văn giữa cách dịch trạm, nên gọi là Phân Thủ.

quyển sách, bảo: “Đọc rồi sẽ có thể làm thầy vua chúa” rồi bỏ đi không quay lại. Xem sách ấy, thì ra là Thái Công Binh Pháp. Do vậy, Trương Lương học tập, giúp Hán Cao Tổ lấy thiên hạ, được phong là Lưu Hầu. Xem chuyện này, ắt biết là bậc nhân tài thành tựu đạo đức trong thiên hạ đông lắm. Những kẻ xâm phạm, lăng nhục ví như ngược gió tung bụi, toan dùng tay ngăn trời, phần nhiều là kẻ chẳng biết lượng sức vậy.

*(Chánh văn) Xạ phi trục tẩu, phát trập kinh thê, điền huyết phúc sào, thương thai phá noãn.*

**(正文)射飛逐走。發蟄驚棲。填穴覆巢。傷胎破卵。**

*(Chánh văn: Săn bắn chim thú, phá tổ côn trùng, kinh động nơi chim đậu, lấp hang, lật tổ, phá thai, hại trứng).*

“Xạ” (射, bắn) không chỉ là dùng cung, tên. Phàm là súng ngắn, súng trường, nã máy<sup>594</sup>, nã, gậy dính<sup>595</sup>, bẫy rập, lưới chăng, đều thuộc trong phạm vi này. Hoặc

---

<sup>594</sup> Nguyên văn Dược Nỗ (藥弩) là một loại cung bắn tên tự động.

<sup>595</sup> Gậy dính (粘竿, niêm can) là một thứ dụng cụ để bắt chim, thường làm thành hình sào dài, một đầu có gắn chất keo dính.

bán để lấy tiền bạc, hoặc vì tham ăn tục uống, vì ý niệm giết chóc mà xếp đặt [các thứ dụng cụ săn bắt, bẫy rập] khắp nơi. Loài chim bay bị mất mạng, có con bị gãy cổ, khiến cho cả bầy kinh hoàng. Có con vật bị đâm thủng ức, chảy cả tủy ra, khổ sở đến mức nào? Người có lòng nhân hãy nên phát lòng Từ gấp bội. Kẻ ăn chúng, sao nỡ kết thành mối oán cừu ắt bị đền trả chỉ nhằm thêm vào cỗ bàn thịnh soạn [một vài món] mà ta có thể giảm bớt? Kẻ sống bằng nghề ấy, sao lại khổ sở tạo nên oán nghiệt vô cùng để đầy túi tiền hữu hạn của ta?

Người họ Đồng nọ thích giăng lưới bắt chim. Hễ bắt được, bèn dùng tre xuyên qua não chim, dùng rơm để thui sạch lông đem bán. Hắn giết chóc không biết bao nhiêu mà kể! Tuổi già, hắn mắc bệnh lạ, khắp mình sanh lớp da thô ráp, nổi vảy sần sùi như vỏ cây. Hễ bị ngứa bèn đốt rơm [dì vào chỗ ngứa] để nướng. Lại còn bị nhức đầu, thường bảo kẻ khác lấy tre đập [vào đầu cho đỡ đau]. Rốt cuộc, hắn do chứng bệnh ấy mà chết.

Lại có gã Lưu Đông Nhi chuyên dùng nỏ và tên, tổn thương các sanh mạng rất nhiều. Một hôm, gã tựa cửa bắn chim sẻ. Ngẫu nhiên tai bị ngứa, bèn dùng đầu mũi tên để gãi chỗ ngứa. Bỗng gió thổi cánh cửa đập vào tay, mũi tên đâm xuyên qua lỗ tai, tuôn máu như trút nước mà chết. Ôi chao! Nỏ tự bắn mình, rơm tự đốt thân, mỗi mỗi đều đúng như những gì đã làm, sao mà báo ứng được thể hiện xảo diệu làm vậy?

Đời Đường, Vi Cao nuôi một con anh vũ (kết, vẹt). Mỗi lần nghe niệm Phật, nó bèn thôi lẳng xằng, ngoan ngoãn. Bảo nó niệm Phật, nó bèn lớn tiếng niệm “*nam-mô A Di Đà Phật*”. Một hôm, nó đứng yên qua đời, chẳng ngã lăn quay. Dem thiêu, thu được mười hạt xá-lợi. Vi Cao bèn lập tháp để chôn cất.

Lại nữa, trong niên hiệu Nguyên Hựu<sup>596</sup> đời Tống, có vị Tăng nuôi một con cù dục (鸚鵡, con sáo mỏ ngà). Nó thường niệm Phật theo vị Tăng. Một hôm, nó cúi đầu, xếp cánh, đứng qua đời. Vị Tăng chủ nhân của nó thương xót, đem chôn, bỗng từ chỗ chôn mọc lên một đóa hoa sen xanh, thơm ngát lạ thường. Đào lên xem, [hóa ra] hoa mọc từ cái lưởi của con sáo mỏ ngà. Cả quận kéo đến xem. Viên quan Thái Thú viết kệ rằng:

*Thiên sản linh cầm bát bát nhi,*

*Giải tùy Tăng khẩu niệm A Di,*

*Phi cầm thượng chứng Vô Sanh Nhẫn,*

*Ngã bối vi nhân khởi bất như!*

(Trời sanh con sáo tánh khôn lanh,

Biết niệm Di Đà theo tiếng Tăng,

Loài chim còn chứng Vô Sanh Nhẫn,

---

<sup>596</sup> Nguyên Hựu là niên hiệu của Tống Triết Tông (Triệu Hú) từ năm 1086 đến năm 1094. Tống Triết Tông sử dụng ba niên hiệu là Nguyên Hựu, Thiệu Thánh và Nguyên Phù.

Lũ ta làm người sánh nổi chẳng?)

Gộp lại những chuyện ấy để xem, [sẽ thấy] loài vật lớn bé trong thiên hạ đều là những chúng sanh có linh tánh, đức Phật từ bi, bình đẳng phương tiện che chở, mà sao con người tàn sát như thế đó, vì lẽ nào vậy?

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: - Người thời nay ai nấy đều nói: “Tạo hóa sanh ra muôn vật để nuôi con người, theo đúng lẽ, hãy nên săn bắt để ăn”. Chẳng biết con người cũng là một sinh vật trong vòng trời đất, có thể tu chân, hiếu sanh, thì mới là thông linh hơn các loài vật. Nếu không, có khác gì những loài động vật [tăm tối]? Hơn nữa, người chưa theo lẽ chánh để tu tập, sẽ khó tránh khỏi luân hồi trong các nẻo. Những chúng sanh nay mang thân dị loại, có thể là đời trước làm thân người. Kẻ nay đang làm người, đời trước có thể là dị loại. Tham sân, tham giết, mượn tay kẻ khác [giết chóc] để ăn. Nẻo đường sanh tử, đáng kinh sợ nhất! Vừa vào cõi âm, những kẻ săn đuổi trong hiện thời, lẽ đâu chẳng bị săn đuổi? Hãy suy nghĩ nhé!

Có kẻ bảo: “Nếu ai nấy đều chẳng giết, ắt cầm thú đầy ấp thế gian, còn như các loài sài lang, hổ, báo sẽ lại ăn thịt con người, há chẳng phải là nuôi dưỡng những con vật để hại người ư?” Đáp rằng: Đức Phật dạy: *“Nếu là người có từ tâm, có công đức, hết thấy binh đao, nước, lửa chẳng thể tổn thương, hết thấy ác thú, độc trùng chẳng thể làm hại”*. Xưa kia có gã vua ác

xua voi hung dữ toan hại Phật, nhưng đức Phật khởi từ tâm thương xót, lũ voi thấy năm ngón tay của đức Phật hóa thành sư tử rống to. Do vậy, các con voi đều phủ phục xuống đất, quy hàng. Vì lẽ này, kinh Niết Bàn tột bậc tán thán công đức của người có từ tâm. Ấy là vì lòng Từ tột bậc có thể cảm hóa kẻ tàn bạo

nhất trong thiên hạ.

Xưa kia, vào thời Hán Quang Vũ Đế, tại quận Hoằng Nông<sup>597</sup> có nhiều hổ. Thái Thú ra lệnh cho dân chúng đặt bẫy rập, dùng cung nỏ để trị. Nạn hổ càng dữ dội hơn! Đến khi Lưu Côn làm Thái Thú, bèn nói: “Do chánh sách tàn bạo mà ra!” Ông truyền dân chúng lấp các hầm bẫy, phá bỏ cung nỏ, chỉ chú trọng cai trị bằng lòng nhân từ, giải quyết những nỗi đau khổ của dân. Hổ bèn cùng nhau vượt sông bỏ đi. Lưu Côn chưa hề đích thân chứng đại đạo, chỉ vì một niệm có lòng nhân mà có thể nhanh chóng dẹp hết loài hổ tàn bạo, hướng hồ người học theo lòng từ bi của đức Phật ư?

Lại như bậc thánh tăng khuất phục hổ, hàng phục rồng, chói ngời tai mắt người đời, chẳng phải là chuyện bịa đặt vậy. Nếu ai nấy đều có thể học Phật, học theo thánh tăng, dẫu hổ, báo... đầy dẫy thế gian, chúng nó vẫn chẳng thể gây hại, lo chi cầm thú sẽ hại người vậy thay? Bởi lẽ, kẻ tàn bạo đều hóa thành từ bi hết rồi,

---

<sup>597</sup> Bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ghi là Hồng Nông, nhưng các bản khác đều ghi là Hoằng Nông. Ông Hoàng Bách Lâm nói rõ Hoằng Nông là tên một huyện vào thời Hán, nay thuộc phần phía Bắc của thành phố Linh Bảo, tỉnh Hà Nam.



những loài vật độc hại cũng đều hóa thành lân, phượng. Do vậy biết con vật tuy là hung mãnh, tàn độc nhất, cũng đều có chỗ có thể cảm hóa, chỉ sợ con người chẳng thể từ bi đó thôi.

Họ Trình ở Đức Hưng nhiều đời sống bằng nghề săn bắn, giết hại sanh mạng chẳng thể kể xiết. Một ngày, vào chợ, hấn mua mấy cái mặt nạ quỷ, cho mỗi đứa cháu nội đeo một cái. Bỗng trong chốc lát mấy chục con chó săn do hấn nuôi trông thấy [lũ cháu đeo mặt nạ] bèn tranh nhau cắn xé, đuổi cách nào chúng cũng chẳng chịu lùi. Mấy đứa cháu đều chết!

Một người vào núi bắt vượn con đem về, vượn mẹ đuổi theo đến tận nhà. Kẻ ấy trói vượn con trên cây để chơi. Vượn mẹ đập đầu tha thiết cầu xin, chỉ là miệng chẳng thể nói được. Rốt cuộc kẻ đó chẳng tha, đập chết vượn con, vượn mẹ ngồi chồm hồm, đau đớn chết đi. Nhà ấy trong vòng nửa năm, bệnh dịch dấy lên, cả nhà chết sạch!

Dù thông minh hay ngu xuẩn, đều cùng có giác tánh, người hay thú đều có cha con, há có nên dấy lên nhân duyên sát hại? [Quả báo] trong đời sau chẳng sai chạy, có khi cũng thấy ngay trong tình hình hiện tại, ở ngay trước mắt, đáng sợ thay! Hơn nữa, dân chúng các người chẳng có gia đình ư? Chẳng có cha, mẹ, vợ, con ư? Giả như ra lệnh cho những kẻ làm quan dùng chánh sách tàn bạo để phá nhà của người, dùng hình cụ độc dữ để tàn phá thân thể người, khiến cho các người

chồng chẳng còn vợ, cha chẳng còn con nữa, có kẻ nào chẳng ngửa mặt lên trời gào khóc, oán hận sâu đậm chẳng thể cởi gỡ ư?

Loài trùng kéo kén, ngủ đông, hễ đào xới, ắt chúng sẽ bị tổn thương. Vì thế, đức Thái Thượng viết lời răn dạy người đời, mà chư Phật càng thêm yêu tiếc chúng. Con người chớ nên không lãnh hội ý này để rồi cứ đào xới bừa bãi vậy! Đời Tống, Tào Bân hễ trời rét buốt bèn chẳng sửa chữa tường, nhà. Có kẻ hỏi nguyên do, ông bảo: “Sợ tổn thương những loài trùng đang ngủ Đông”. [Dòng họ] ông Tào đời đời được phong vương chính là vì đã gieo cái nhân không chịu làm tổn thương những loài trùng đang ngủ Đông. Nay thì có kẻ vô cớ đốt đồng hoang nhằm thỏa thích thói vui đùa trong chốc lát, tổn thương muôn loại sanh linh. Sao không dùng chuyện ông Tào để thừa trình, răn nhắc họ? Nếu gặp phải, hãy nên dập tắt ngay. Còn như dân quê, trẻ nít, do vì họ vô tri, càng phải nên khéo léo chỉ bảo. Nếu có kẻ nào đổ tro nóng, hoặc nước nóng xuống đất, và kẻ do cúng bái tổ tiên bèn đốt giấy tiền vàng mã, hãy đều nên lưu tâm trong lúc ấy để giữ vẹn mạng sống [cho các loài trùng nhỏ], lòng nhân sẽ to lớn không gì bằng!

Chim đã đậu, như người đã ngủ, bỗng dưng bị kinh động, há chẳng phải là cả nhà nhiễu loạn ư? Đức Thái Thượng răn nhắc có cùng một ý với [lời dạy] “*dặc bất xạ túc*” (chẳng bắn chim đã đậu) của Không Tử.

Tiên kinh chép: “*Hễ ai tùy thời tạo phương tiện cứu loài vật, ắt sẽ được quả báo phước đức, trường thọ*”.

Lý Hề Tử là một bà cụ ở trong núi, mỗi khi tuyết đổ dày, chim không có chỗ trú, thường cho chúng núp trong nhà, lấy gạo cho chúng ăn, lại còn chẳng dám kinh động chúng. Thượng Đế bảo bà cụ có lòng nhân, cụ thọ tới năm trăm tuổi.

Người họ Dương nọ, sống bằng nghề bắt chim. Một hôm, có một con chim khách tránh rét đậu trên cây, bèn cầm gậy dánh trèo lên cây [toan bắt nó]. Cành cây bị gãy, hấn ngã xuống, đầu đâm vào cành trúc, máu chảy ồ ạt mà chết.

“*Huyệt*” (穴) là chỗ tụ tập sinh sống của hết thảy các loài hàm linh. Nhìn theo phía con người, nơi đó cố nhiên chỉ là một cái hang mà thôi, nhưng đối với chúng, đó là chỗ cư trú an ổn, chẳng khác gì [nhà cửa đối với] con người. Há có nên san lấp, cắt đứt đường sống, đoạn tuyệt đường ra, lại còn vùi lấp tông tộc của chúng, tàn nhẫn đến cỡ nào?

Xưa kia có một vị tỳ-kheo đắc lục thần thông, ở chung với một chú bé sa-di. Từ trong Định, Sư thấy bảy ngày nữa chú sa-di sẽ chết. Do vậy, Sư tạo phương tiện, bảo chú trở về [thăm nhà]. Tám ngày sau, chú sa-di quay lại. Vị tỳ-kheo lấy làm lạ, nhập Định để xem, biết là chú sa-di trên đường trở về, thấy một tổ kiến sắp bị nước xoáy vào, bèn vội cởi ca-sa hốt đất ngăn nước,

không cho nước xoáy vào ổ kiến. Vì nhân duyên ấy, [chú sa-di] được tăng thọ mười hai năm. Do vậy, chú sa-di tinh tấn, chứng đắc Tứ Quả.

Ở Hàng Châu có một người đàn bà nọ thích sát sanh, rất ghét kiến. Hễ chúng làm bẩn, làm hư thức ăn, liền đốt lửa giết chúng. Tìm thấy ổ kiến, nếu chẳng lấp phá, ắt sẽ dùng nước sôi dội vào, giết kiến khôn xiết! Về sau, bà ta sanh được một đứa con, mới còn ẵm ngửa. Nó bị lũ kiến cắn xé, khắp mình phù nề, lở loét mà chết. Châu Cơ nói: *“Phụ nữ thường coi con cái như tánh mạng, hãy khuyên họ kiêng giết. Hãy nên nói cho họ biết câu chuyện này, ắt họ sẽ tự biết sợ”*. Vì thế, trong lời thề Giới Sát (đừng giết chóc) của ông Châu Cơ có hai câu: *“Nếu lại vung dao, sẽ giống như giết con cái của ta vậy”*. [Hai câu nói ấy] một là tự răn dè mình, hai là răn dè vợ vậy!

“Sào” (巢) là chỗ hắt thảy chim chóc lớn nhỏ nường nấu, bú mớm, sanh nở, nhờ vào đó mà tránh gió, mưa, sương, tuyết, hoặc dùng để ẩn nấu tránh bấy rập, ná bắn, tên bay. Nếu kẻ nào bắt nhân phá đồ tổ chim, có khác gì phá cửa, đốt nhà? Há chẳng đến nỗi dòn chúng vào chỗ chết ư? Trong bài Bảo Tục Chương (保嗣章, chương sách dạy về cách bảo vệ con cháu), đức Thái Thượng đã bảo: *“Con cháu của phàm nhân suy vong, tuyệt diệt, đều là do những kẻ trong đời trước đã lật tổ, hủy trứng, đốt núi, tát cạn chuôm, đầm, phá thai, giết con, phạm vào quy định gồm một ngàn sáu*

*trăm hai mươi điều vậy*”. Xét theo lời ấy, những kẻ không có con nôi dôi, hãy càng nên dừng mãnh tình ngộ!

Đức Phật dạy: *“Nếu thấy hết thấy người trong cõi đời trèo lên cây lấy trứng, xuống nước bắt cá, hãy nên thâm niệm danh hiệu Bảo Thắng Như Lai mấy chục câu, chúng nó sẽ được thoát chết. Đây cũng là phương cách để cứu sống vậy*”. Có người nói: “Nhân từ với người rồi mới yêu thương loài vật, nay sao lại chỉ dạy yêu thương loài vật?” Thưa: Nhân từ với người dễ dàng, yêu thương loài vật khó lắm! Tàn nhẫn hại loài vật, ắt sẽ tàn nhẫn hại người. Chẳng nỡ lòng hại vật, ắt đối với loài người cũng sẽ biết [từ bi]. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Ta còn chẳng nỡ lòng làm khổ một con kiến”*, huống chi đối với con người? Vua Thành Thang<sup>598</sup> mở rộng tấm lòng “[do thương xót loài vật] mà mở lưới” đến tận con người; vì thế, lòng nhân bao trùm thiên hạ. Vua Tề (Tề Tuyên Vương) chẳng nỡ lòng [hạ lệnh giết] một con trâu đang sợ hãi, run rẩy<sup>599</sup>,

---

<sup>598</sup> Thành Thang, còn gọi là Thiên Ất, Đại Ất, Cao Tổ Ất, hoặc Thành Đường. Vua họ Tử, tên là Lý, là lãnh tụ của bộ tộc Thương. Vua trọng dụng Y Doãn và Trọng Hỷ, đóng đô tại đất Hào, tích cực biến Thương thành một quốc gia hùng mạnh. Khi vua Kiệt nhà Hạ tàn ác, hôn ám, bóc lột dân chúng tàn bạo, vua Thành Thang đã hiệu triệu chư hầu đứng lên lật đổ nhà Hạ, lập ra nhà Thương. Theo Lã Thị Xuân Thu, vua thấy có kẻ giăng lưới bốn phía ước nguyện: “Những con vật từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất chui lên, từ bốn phương đến, đều mắc vào lưới ta”. Vua than: “Ôi! Bắt sạch hết, nếu chẳng phải là Kiệt thì có ai làm như thế ư?” Bèn bảo người ấy chỉ căng lưới một phía, để cho các con vật còn có chỗ thoát thân.

<sup>599</sup> Thuở xưa, khi đúc chuông xong, người ta tin phải giết một con trâu lấy máu nó bôi vào chuông thì tiếng chuông mới vang xa, chuông không bị rề. Tục lệ này gọi là Hấn Chung (饗鐘). Theo sách Mạnh Tử, vua Tề thấy con trâu run lẩy bẩy khi sắp bị “hấn chung”, bèn hạ lệnh thả nó đi.

[lòng nhân từ] đầy ắp đủ để bảo vệ bốn biển. Nếu Bạch Khởi<sup>600</sup> có lòng yêu thương muôn vật, ắt bốn mươi vạn người ở Trường Bình sẽ chẳng bị hãm hại! Vì thế, kẻ yêu thương loài vật, sẽ yêu thương con người, có cùng một lòng nhân. Đức Như Lai khi tu nhân, thương xót một con bò câu [bị chim ưng săn đuổi, bèn tự cắt thịt mình thí cho chim ưng]. Mở rộng đến tột cùng, lòng từ bi tràn ngập mười phương, dạt dào trong muôn kiếp. Ai có thể nói là kẻ yêu thương loài vật, chẳng thể yêu thương con người ư? Nhưng tâm luôn nghĩ cứu khổ, sẽ chính là đức Quán Âm xuất hiện. Niệm nào cũng nghĩ hành Từ, tức là Phật Di Lặc hạ sanh vậy!

Đời Tống, Tô Thức tên tự là Tử Chiêm, do dựng nhà ở Đông Pha<sup>601</sup>, bèn lấy hiệu là “*cư sĩ Tô Đông Pha*”. Trước cửa phòng sách, có tre, bách, các loại hoa mọc um tùm khắp sân, các loài chim làm tổ trên đó. Do vậy, ông cấm con cái, tôi tớ không được săn bắt. Trong vòng mấy năm, chim đều làm tổ ở những cành thấp, hễ cúi xuống có thể trông thấy trứng của chúng. Xưa kia, nghe nói các loài chim hễ làm tổ ắt gần người để tránh rắn, chuột, cú, diều; người thời nay ăn thịt chim non,

---

<sup>600</sup> Bạch Khởi là một danh tướng của nước Tần, vốn tên là Công Tôn Khởi. Ông ta là vị tướng giỏi, gần như đánh đâu thắng đấy, đã tham dự hơn bảy mươi trận chiến. Tánh Bạch Khởi tàn nhẫn, thích tàn sát, nên bị người đương thời gọi là Nhân Đồ (gã đồ tể giết người). Trong trận Trường Bình, Bạch Khởi dùng kế khích cho liên quân Triệu và Hán dưới sự lãnh đạo của Triệu Quát khinh địch mà đánh tan quân Triệu. Số quân Triệu bị bắt lên tới bốn mươi vạn người. Sợ có biến, Bạch Khởi cho quân Triệu ăn uống no say, quân Tần sẽ thừa cơ xông vào, hễ thấy người nào không có vải trắng buộc trên đầu như đã ngầm ấn định trước, cứ giết thẳng cánh. Bốn mươi vạn hàng quân nước Triệu bị giết sạch trong một đêm.

<sup>601</sup> Đông Pha nay thuộc huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc.

phá tổ của chúng, há chẳng phải là bất nhân hơn các loài rắn, điều hâu ư?

Một đứa trẻ nhà họ Tiết ở Kế Châu trèo lên cây, thăm dò tổ chim thước để bắt chim non. Trước đó, đã có con rắn to ăn chim non nằm sẵn trong tổ. Đứa trẻ vừa trông thấy rắn bèn kinh hãi, há hốc miệng. Rắn bò vào trong miệng đứa trẻ, nó ngã rơi xuống nước. Cứu lên, rắn đã cắn tim nó, đứa trẻ và rắn đều chết.

Lại vào đời Tống, có gã họ Châu thích phá tổ, rất ghét ong. Hễ thấy tổ ong, dẫu ở chỗ cao, ắt bắc thang để phá nát. Về sau, hấn sanh hai đứa con, hậu môn đều bị bít chặt, chúng đều chết ngay, rốt cuộc tuyệt tự. Thiền sư Từ Thọ nói: *“Người đời do sát sanh nhiều nên mới có đao binh kiếp. Do người thiếu mạng bèn giết thân người, do người thiếu tiền bèn đốt nhà người, ly tán vợ con người. Từng phá sào huyết của chúng, sẽ bị ảnh hưởng gần giống như vậy! Hãy rửa tai nghe lời đức Phật dạy”*.

Ông Nghiêm Thiệu Đình nói: - Thánh nhân rắn không giết, tâm hết sức thiết tha. Kỳ lân là một con thú, do nó không giẫm đạp cỏ tươi, không ăn các con trùng còn sống, nên được coi là điềm lành, được xếp đứng đầu Tứ Linh<sup>602</sup>. Bậc vương giả có lòng nhân đức, ắt kỳ lân sẽ tới.

---

<sup>602</sup> Chúng ta thường nói Long, Lân, Quy, Phụng là Tứ Linh, đó là nói cho thuận miệng, chứ theo sách Lễ Ký, thiên Lễ Vận chép: *“Hà vị tứ linh? Lân, Phụng, Quy,*

Lại nói: - Chỗ nào có kẻ mổ bụng lấy thai, giết trẻ nhỏ, ngay cả nơi lân cận chỗ ấy, kỳ lân cũng chẳng tới. Tát cạn đầm để bắt cá, ắt giao long chẳng ở nơi vực sâu ấy. Lật tổ, phá trứng, ắt phượng hoàng chẳng bay đến huyện ấy. Vì thế, những điều đó cho thấy phùng hiếu sát chẳng sánh bằng cảm thú! Như thế mà nói là “*thánh nhân chẳng kiêng giết*” ư? Từng thấy phùng vô lại hôm nay trộm cắp, ngày mai bị trói, vẫn cứ trộm cắp chẳng ngại, [ắt là vì kẻ ấy] nghĩ là “do trộm cắp, sẽ ngay lập tức có được tiền bạc, của báu; còn bị trói là chuyện của ngày mai, cứ mặc kệ, rảnh đâu mà lo tới! Ăn uống sẽ ngay lập tức sưng bụng miệng, còn tội lỗi ở tận đâu đâu ngoài hình hài trong kiếp sống này!” Chẳng trách những lời khuyên “đừng giết” đều nói tường tận cách mấy, vẫn chẳng thể cứu vãn nổi chuyện tàn sát! Chỉ mong những ai trong lúc cầm đao đuổi bắt, hãy tạm thử hồi tâm quan sát, xét xem những chúng sanh ấy trốn chạy, tung bay tán loạn, chạy vào chỗ tới, chui vào kẽ nứt, chẳng có thang để trèo lên trời, không có lỗ nào để rúc xuống đất, giống như lũ chúng ta kinh sợ phép vua, hễ nghe có lệnh truy bắt, bay hồn bạt vía, có khác gì chẳng? Hãy xem những chúng sanh ấy như cùng một loài [với chúng ta] mà thương xót, ăn ở cùng với nhau. Như cắt cổ một con gà, cả bầy gà ré lên kinh hãi. Mổ một con lợn, cả đàn lợn bỏ ăn. Giống như chúng ta bị bắt lên quan, cả nhà bàng hoàng, hoặc trong lúc sanh ly tử biệt (lúc bị hành hình), cả họ khóc rống.

---

*Long, vị chi tứ linh*” (Tứ linh là gì? Lân, phụng, rùa, rồng là tứ linh) thì rồng được xếp vào hạng chót trong tứ linh.



Thường ngày yêu thương, quyến luyến, khó thể chia cắt, khó lòng bỏ lìa, có gì khác chẳng? Xem những chúng sanh ấy, bị trói, bị chém, quẫn quai, gào thét bị thương, chỉ mong được tha, máu me đầm đìa, mạng đã đứt rồi, tiếng gào vẫn còn bi phẫn. Có lúc còn co giật, giống như chúng ta bệnh tật không biết làm sao được, gào thán, niệm Phật mong được bảo vệ. Thần thức lìa khỏi, mắt trợn trừng, môi mấp máy, quơ tay nắm nínu mong sao được sống, có khác gì chẳng? Suy xét kỹ càng, chẳng cần phải luận định quả báo ngàn đời vạn kiếp, mà ngay trong một niệm hiện tại, há còn dám nhẫn tâm giết hại, thương tổn nữa chẳng?

Bạch Quy Niên có được một bộ sách lạ, [học tập theo sách ấy] có thể hiểu ngôn ngữ của loài chim trong chín phương trời và tiếng nói của loài thú trong chín phương đất. Một ngày, họ Bạch ngồi cùng Thái Thú Lô Châu, nhằm lúc có người xua bầy dê đi qua sân. Trong ấy có một con dê, dẫu bị đánh đập, vẫn không chịu đi, còn kêu lên bị thương. Thái Thú hỏi: “Dê nói gì vậy?” Họ Bạch thưa: “Dê nói trong bụng có dê con, chờ sanh xong, sẽ cam tâm chịu chết”. Thái Thú bèn giữ dê lại, chẳng giết. Quả nhiên nó sanh ra hai con dê con.

Văn Lập sống bằng nghề giết mổ, nấu nướng, đã từng giết một con nai. Con nai quỳ khóc, ông ta cho là điềm bất tường. Con nai ấy có thai, sắp sanh nở, chạy vào bếp, ai oán [tỏ ý] cầu xin. [Nó vẫn bị] giết mổ [như những con vật khác]. Về sau, Văn Lập bị chứng bệnh lạ, tóc rụng, da nứt, dấy lòng hối hận sâu xa, vết sạch

nhà cửa, mua đất, dựng chùa Tiểu Trang Nghiêm, bèn lành bệnh. Ông ta liền suốt đời tu hành. Cái tội mổ thai, giết chết con vật còn non lớn tội bậc, nhưng vẫn có cách sửa đổi. Xin hãy nhìn vào câu chuyện này.

Đức Phật dạy: “*Nếu kẻ nào bạo ác chẳng tin tội phước, bắt chim non, ăn trứng, khiến cho các loài chim chóc đều bị mất con, khiến cho chúng nó kêu gào đau đớn đứt ruột, trông mắt chảy máu, sẽ mắc phải báo ứng cô độc, không có con*”.

Dương Tự mộng thấy thần nói: “Hơn mười ngày nữa, ngươi sẽ chết. Nếu có thể cứu sống ức vạn sanh mạng thì sẽ có thể thoát chết”. Dương Tự thưa: “Kỳ hạn cấp bách, chẳng làm kịp!” Vị thần dạy: “Đức Phật bảo, nếu cá con hoặc trứng cá không bị thả vào nước muối, ba năm còn có thể sống sót”. Dương Tự tỉnh mộng, hằng ngày mua cá con hoặc trứng cá đem thả. Lại còn viết lời thần dạy bằng chữ to dán ở các ngã đường để người khác biết mà kiêng dè. Hễ thấy người khác giết cá, bèn đem trứng cá thả trong sông. Vài hôm sau, lại mộng thấy thần nói: “Con số ức vạn đã mãn, có thể kéo dài tuổi thọ”.

***Ghi thêm cách thả cá con của ông Thí Ngụ Sơn:***

Hễ cá đã chết, bèn nhẹ nhàng gỡ lấy trứng, đừng làm tổn hoại, đừng bỏ vào nước muối, dùng rơm rạ phủ lên trên, chờ vết bọt nước hơi khô, hãy đem vùi trong chỗ bùn cát nơi mé nước để khỏi bị cá khác nuốt mất, chúng sẽ được sống sót toàn bộ, nhưng chỗ chôn trứng chẳng thể rời khỏi nước. Một cách khác là trộn với bùn khô, để cho ánh mặt trời chiếu hơi ẩm bèn đem cất, từ cuối Đông cho đến ba tháng mùa Xuân, cất cho tới sau ngày Rằm tháng Tư bèn thả xuống bãi sông chỗ có nước cỏ, không khi nào chẳng sống toàn bộ. Những tháng khác thì có thể tùy lúc mà thả, hết sức thuận tiện!

Châu Dự đã có lần nấu lươn, thấy có con lươn uốn cong mình lên trên, đầu và đuôi thì ở trong nồi canh, ấy là vì trong bụng nó có con. Do đó, ông ta kiêng giết.

Đường Văn Tông thích ăn uống. [Kẻ hầu] chuẩn bị ngự thiện<sup>603</sup>, có món trứng luộc. [Trong lúc đang luộc], bỗng nghe trong cái đỉnh có tiếng rì rầm cùng nhau hô Quán Thế Âm Bồ Tát, hết sức thê lương, thảm thiết. Viên giám tế<sup>604</sup> nghe tiếng, [tâu lên vua], vua sai kiểm nghiệm thì đúng là như vậy. Vua than: “Ta chẳng biết thần lực trong đạo Phật có thể làm như thế!” Do vậy, nhà vua sắc truyền: “Từ nay, đừng dùng trứng gà nữa!” Phàm “cứu khổ, cứu nạn” chính là bốn hạnh của Quán Thế Âm. Trong nồi mà còn có tiếng cùng nhau

---

<sup>603</sup> Ngự thiện (禦膳): Bữa ăn, món ăn cho nhà vua.

<sup>604</sup> Giám tế (監宰) là vị quan trông coi việc nấu nướng thức ăn cho nhà vua.

hồ [thánh hiệu của Ngài], kẻ làm người mà lại chẳng cung kính niệm ư?

Đời Lương có kẻ dùng lòng trắng trứng hòa vào nước để gội tóc, muốn cho tóc bóng mượt dễ coi. Kẻ ấy phá trứng rất nhiều. Khi sắp chết, trong tóc chỉ nghe tiếng mấy ngàn con gà kêu chiêm chiếp!

Hồ Gia Đống nói: - Loài vật bay hay chạy giống như con người hành động. Loài vật ngủ Đông giống như con người nằm ngủ. Sào huyết của loài vật giống như nhà cửa của loài người. Thai, trứng của loài vật giống như con người thai nghén, sanh nở. Há có nên tàn hại đủ mọi cách, dứt bật lòng Từ của trời, đất, tạo hóa, trái nghịch lòng nhân “*muôn vật có cùng một Thể*” vậy thay? Nhưng tám tình huống ấy, khắp nơi đều có, chẳng thể nhất loạt mong sao hoàn toàn chẳng có cho được! Chỉ khuyên khắp người đời, hễ có tiền, bèn lấy phóng sanh làm chuyện chánh yếu. Không có tiền thì ngoài chuyện chính mình kiêng giết, còn phải khéo léo khuyên thân thích, xóm giềng, bạn bè, khiến cho họ chẳng còn gây tạo nỗi oan nghiệt ấy nữa! Hãy làm theo cách này, ngõ hầu sẽ có rất ít [hành vi] sai lầm!

Trong bài văn Phóng Sanh của Liên Trì đại sư đời Minh có đoạn:

- Từng nghe thế gian coi trọng sanh mạng nhất. Điều thâm trầm nhất trong thiên hạ là giết hại, tổn thương. Do vậy, [động vật] hễ sắp bị bắt giữ, ắt rảo chạy; rận, rệp còn biết tránh né cái chết. Trời sắp mưa,

sẽ di tản, dể, kiến còn tham sống. Huống chi lưới giăng trong núi, chài quăng nơi vực, [kẻ săn bắt] lắm cách che giấu hòng bắt lấy. Móc câu cong, mũi tên thẳng, trăm kế vây bủa, khiến cho loài vật vỡ mật, tan hồn, mẹ con ly tán. Hoặc giam cầm trong lồng, trong cạm, giống như ở trong tù. Hoặc bị đao chặt, giống như bị lâm vào cảnh chém giết. Nai thương con, liếm vết thương mà ruột non đứt rời từng khúc<sup>605</sup>. Con vượn sợ chết, nhìn thấy bóng cây cung từ xa mà tuôn hai hàng nước mắt<sup>606</sup>. Cây ta mạnh, hiếp đáp kẻ yếu, sợ rằng chẳng đúng lý! Ăn thịt kẻ khác để bồi bổ thân mình, sao lại nỡ lòng? Do vậy, trời cao rủ lòng thương xót, cổ thánh bủa lòng nhân, Thành Thang tháo lưới giăng bầy, Tử Sản<sup>607</sup> đề xương nuôi cá. Thánh thay, trưởng giả Lưu Thủy<sup>608</sup>, dùng túi đựng nước suối giúp đỡ bọn cá

<sup>605</sup> Theo Giới Sát Phóng Sanh Văn Đồ Thuyết, Hứa Tôn là người đời Tấn, tên tự là Kính Chi, thích săn bắn. Có một hôm ông ra đồng, bắn chết một con nai bé. Nai mẹ hết sức đau khổ, chạy đến liếm mãi vết thương, nhưng nai con đã chết. Nai mẹ bị thương, lẫn quẩn, hết liếm lại kêu não nuột. Hồi sau, nó ngã lăn ra chết. Hứa Tôn kinh ngạc, mò ra xem thấy ruột non của nai mẹ đứt từng khúc. Ông bèn cảm thán, bẻ vụn cung tên, thề không bao giờ săn bắn, rồi bỏ đi tu. Về sau Hứa Tôn được Ngô Mãnh truyền dạy Tam Thanh Pháp Yếu, bèn tu thành tiên, tức là Hứa Chân Quân trong Đạo Giáo.

<sup>606</sup> Thời Xuân Thu Chiến Quốc, có một tay thiện xạ tên là Dưỡng Do Cơ. Có lần, ông ta theo hầu Sở Vương đi săn, thấy trên cây có một con vượn già. Dưỡng Do Cơ rút cung tên ra toan ngắm bắn, con vượn biết sẽ không tránh khỏi cái chết, nó run lay bầy, khóc rống.

<sup>607</sup> Tử Sản là tên tự của Công Tôn Kiêu, sống vào thời Xuân Thu. Ông còn được gọi là Tử Mỹ, làm quan chánh khanh của nước Trịnh, nổi tiếng là người thông minh, cai trị nhân từ, có tài chinh đốn kỷ cương, chú trọng giáo dục, phát triển kinh tế, khiến nước Trịnh trở thành hùng mạnh dưới thời Trịnh Giản Công. Ông thường được người khác biếu tặng cá tươi, nhưng chẳng nỡ ăn, sai người hầu đem thả vào ao đào trong vườn. Ông thấy cá bơi lội thung thăng trong đó, bèn cảm thán “*đắc kỳ sở tại*” (cá được yên thân).

<sup>608</sup> Theo kinh Kim Quang Minh, quyển bốn, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy, thì trưởng giả Lưu Thủy có hai con là Thủy Không và Thủy Tạng. Ba cha con đi chơi

đang bị khô hạn. Từ bi thay đức Thích Ca, lãnh nguy vong [giùm chim bồ câu] bèn tự cắt thịt<sup>609</sup>. Thiên Thai Trí Giả đào ao phóng sanh. Đại Thụ tiên nhân<sup>610</sup> bảo vệ những con chim đậu trên thân. Chuộc những loài có vảy mà đặc độ, lòng yêu thương của Thọ thiên sư (ngài Vĩnh Minh Diên Thọ) còn đó. Do cứu rỗi con mà được truyền phương thuốc, phong thái từ bi của Tôn Chân Nhân<sup>611</sup> chẳng mất. Cứu sống kiến, sa-di đổi đoản mạng thành trường thọ, thư sinh đổi hạng kém thành đồ

---

trong lãnh địa của mình, bỗng thấy trong một vùng đầm trũng có một cái ao nước đã cạn khô gần hết, những con cá đang ngoi ngóp trong ấy sắp bị chết khô, hay sẽ làm mồi cho chim, thú. Trưởng giả bẻ cây che cho chúng đỡ nóng, lại sai con về triều mượn đức vua hai mươi thớt voi để chở nước suối đến cứu cá. Lại còn thả đồ ăn cho chúng được no đủ. Lại niệm Phật hiệu cho chúng nghe. Đêm ấy, mười ngàn con cá ấy đồng thời mạng chung, sanh lên trời Đao Lợi. Họ đến nhà trưởng giả chiếu hào quang sáng rực, đánh lễ trưởng giả Lưu Thủy. Trưởng giả Lưu Thủy chính là tiền thân của Thích Ca Mâu Ni Phật.

<sup>609</sup> Khi Phật Thích Ca còn tu nhân, hành Bồ Tát đạo, trông thấy một con chim ưng đuổi bắt bồ câu. Con bồ câu chạy đến núp dưới vạt áo của Ngài. Chim ưng bảo Bồ Tát hãy trả lại con bồ câu vì nó đang đói. Bồ Tát bèn cắt thịt của chính mình cho chim ưng ăn, lóc thịt từ bắp tay. Chim ưng cứ đòi ăn mãi, Bồ Tát lóc thịt lộ cả xương, mà chim ưng vẫn cứ kêu đói. Nó hỏi Bồ Tát có hối hận hay không? Bồ Tát nói: “Ta hoàn toàn chẳng hối hận. Nếu lời này chẳng dối, thịt ta sẽ mọc lại như cũ”. Quả nhiên thịt trên thân Bồ Tát mọc lại như cũ. Chim ưng bèn hiện lại nguyên hình là Đế Thích Thiên, đánh lễ, tán thán lòng từ bi của Bồ Tát.

<sup>610</sup> Trong quá khứ, có một vị tiên nhân tu Thiền Định rất sâu. Tới khi Ngài xuất Định, chim đã làm tổ trên đầu. Do vậy, Ngài vẫn ngồi yên vì sợ kinh động chim.

<sup>611</sup> Tôn Chân Nhân chính là Tôn Tư Mạo. Ông là một vị thầy thuốc nổi danh, Đạo Giáo tin là ông đã thành tiên. Tương truyền khi chưa thành tiên, ông thấy một đứa trẻ trong thôn bắt một con rắn, đánh đập để chơi giỡn. Động lòng thương xót, ông bỏ tiền ra chuộc, dùng thuốc trị thương tích cho nó rồi thả vào rừng. Một tháng sau, trong khi đang tĩnh tọa, ông thấy một thiếu niên mặc áo xanh mời đến thủy tinh cung. Tại đó, ông thấy long vương ra nghênh tiếp, cảm tạ đã cứu con trai. Sau khi bày tiệc đãi đằng ba ngày, vua đem kỳ trân dị bảo biếu tặng khi chia tay. Tôn Chân Nhân từ chối, chỉ xin một bài thuốc. Long vương bèn tặng Ngọc Cáp Tam Thập Lục Phương (ba mươi sáu bài thuốc trong tráp ngọc). Từ đó, Tôn Chân Nhân y thuật lừng lẫy trong cõi đời.

bạc thượng<sup>612</sup>. Do thả rùa, Mao Bảo<sup>613</sup> gặp nguy mà thoát nạn, Khổng Du<sup>614</sup> chức kém mà được phong hầu. Khuất Sư thả cá chép tại Nguyên Thôn<sup>615</sup>, tăng thọ

---

<sup>612</sup> Đời Tống, Tống Giao và Tống Kỳ là hai anh em. Khi họ còn đang học trong trường Thái Học, có một vị cao Tăng xem tướng, bảo Tống Kỳ sẽ đỗ Trạng Nguyên khoa này, còn Tống Giao tuy cũng đỗ, nhưng thứ hạng rất thấp. Tống Giao ra đồng chơi, thấy có tổ kiến bị gió mưa đánh vỡ, kiến chết đuối vô số; ông động lòng thương, bắc cầu trúc cho kiến bò lên chỗ ráo. Đến lúc thi cử, khi chưa yết bảng, họ gặp lại vị cao Tăng. Vị cao Tăng kinh ngạc bảo Tống Giao: “Lạ quá, tướng mạo của ông thay đổi! Nhất định là có âm đức đã cứu mấy trăm vạn sanh mạng”. Nói qua nói lại, mới biết là do đã cứu đàn kiến. Vị Tăng bảo: “Tống Kỳ vẫn là Trạng Nguyên, nhưng do âm đức ấy, Tống Giao nhất định chẳng thua em trai mình”. Hồi nữa, vị Tăng không trả lời. Kết quả là khi duyệt kết quả thi, Chương Hiền Thái Hậu thấy Tống Giao và Tống Kỳ là anh em, Tống Kỳ được chấm đậu Trạng Nguyên, liền bảo: “Em chẳng thể ở trên anh được”. Vì thế, do Tống Giao đỗ hạng mười, triều đình chiều theo lời Thái Hậu đổi Tống Kỳ thành đậu hạng thứ mười một.

<sup>613</sup> Theo Tấn Thư quyển sáu mươi một, Mao Bảo là người sống vào đời Tây Tấn. Ông đã mua lại một con rùa trắng sắp bị giết rồi nuôi lớn. Sau đó, thả đi. Trong cuộc chiến ở Châu Thành, quân ông bị chiến bại, Mao Bảo bị vây ép, phải nhảy xuống sông, trước sau gì cũng chết. Ông bỗng cảm thấy thân mình nằm trên một tảng đá, từ từ trôi ra xa, tránh được loạn tiền, thoát nạn. Khi đến bờ, nhìn lại, thì ra tảng đá ấy là lưng con rùa trắng ông đã cứu mạng xưa kia.

<sup>614</sup> Khổng Du làm quan chức vị rất nhỏ. Có lần ông đi qua Dư Bất Đình, thấy một con rùa đen bị người khác bắt, động lòng thương xót, bèn mua lại, đem thả xuống sông. Rùa đen nhiều lần nhô đầu nhìn Khổng Du biểu lộ ý cảm tạ, rồi mới lặn xuống. Về sau, Khổng Du được phong làm Đình Hầu của Dư Bất Đình. Ấn quan thuở ấy có khắc đầu rùa. Ấn đúc ra, viên quan trông coi việc đúc ấn lấy làm lạ vì sao đầu rùa trên ấn lại nghênh cổ nhìn lại. Ông ta cho là ấn đúc sai, bèn phá hủy, đúc lại. Cả hai lần đều là như vậy, khuôn đúc đã đổi thành như vậy. Viên quan đúc ấn bèn kể lại cho Khổng Du nghe. Khổng Du bỗng nhớ lại chuyện cũ, mới nghĩ chức quan này nhất định là quả báo tốt lành của chuyện thả rùa khi trước.

<sup>615</sup> Vào đời Tống, có một thôn xóm gọi là thôn Nguyên Sanh, chuyên sống bằng nghề bắt cá. Trong xóm, có một người tên là Khuất Sư, mua một cái ao cá, thả đăng đó, tát ao bắt cá. Ông ta thấy có một cặp cá chép lớn, tung mình nhảy qua tấm đăng, đã thoát ra, rồi lại nhảy vào, rồi lại nhảy ra. Đã thoát ra rồi lại nhảy vào, rất nhiều lần như thế. Ông ta mò đến gần xem, thì ra trong đó có đến mấy trăm con cá chép mới nở. Cặp cá chép quấy mình tung đó để có kẻ hờ cho cá con thoát ra. Chúng va mình vào đó nhiều lần đến nỗi mình mẩy đầm máu. Khuất Sư hết sức cảm khái, bèn tháo tấm đăng, thả hết cá con. Vài năm sau, Khuất Sư bị bệnh nặng, hồn đến cõi âm. Diêm vương phán: “Do âm đức cứu cá, tăng thọ một kỷ (mười hai năm)”.

mười hai năm. Tùy Hầu giúp răn ở ngoài đồng nước Tề, được báo đáp viên châu ngàn vàng. Cứu con ruồi suýt chết đuối, người thợ làm rượu được miễn án tử hình<sup>616</sup>. Thả con ba ba sắp bị nấu, đưa tở gái nấu bếp bệnh ngặt được lành<sup>617</sup>. Chuộc mạng con vật sắp bị giết từ nhà đồ tể, Trương Đề Hình hồn siêu thăng thiên giới<sup>618</sup>. Đòi mạng thừa nơi ghe câu cá, Lý Cảnh Văn giải độc bằng đan sa<sup>619</sup>. Tôn Lương Tự giải trừ mối nguy do bị chằng buộc [trong bẫy rập], cho nên được loài chim tìm giùm đất an táng tốt đẹp<sup>620</sup>. Huyện lệnh

---

<sup>616</sup> Có một người thợ làm rượu thấy một con ruồi sa vào vò rượu, sắp chết đuối, bèn vớt nó ra, để nơi khô ráo. Lại rải một ít tro, để làm khô bọt nước trên mình nó. Ông ta cứu rất nhiều con ruồi như vậy. Về sau, người ấy bị kẻ khác vu cáo trộm cướp, oan tình chẳng thể biện giải. Khi viên quan thẩm vấn cất bút viết án tử phán tội tử hình, bỗng ruồi đậu kín ngòi bút, đuối không được. Bỏ bút xuống thì thôi, chứ cầm bút lên, ruồi lại bu vào, chẳng có cách nào viết bản án. Phán quan cho là ắt có oan tình, bèn xin thượng quan cho phép tái thẩm, mới biết người ấy bị vu cáo, bèn xóa án.

<sup>617</sup> Có một bà chủ sai đưa tở gái chuyên nấu nướng trong bếp làm thịt một con ba ba để nấu canh bổ huyết. Nhận biết chính mình đã ra tay giết hại quá nhiều, cô tở gái cảm thấy áy náy, bèn lén thả con ba ba đi, cam chịu chủ nhân nổi cáu, đánh đập tàn nhẫn. Về sau, vùng ấy bị bệnh dịch nặng, cô tở ấy bị nhiễm bệnh, sốt cao, sắp chết. Chủ nhân sợ cô ta chết trong nhà, sai gia nhân vớt cô ta ra cạnh ao nước ngoài nhà. Cô ta nằm thoi thóp tại đó, đến nửa đêm, có một con ba ba từ dưới ao bò lên, mình mẩy lấm lem bùn đất, bò chung quanh, trát bùn khắp thân cô ta. Cơn sốt bèn hạ. Sáng hôm sau, bệnh dịch khỏi hẳn.

<sup>618</sup> Có một người họ Trương giữ chức Đề Hình, đi ngang qua nhà một gã đồ tể, bèn dùng tiền mua lại con vật sắp bị giết, đem thả. Khi lâm chung, ông ta bảo người nhà: “Ta do phóng sanh, tích đức sâu dày, nay thiên cung đến nghênh tiếp, ta sẽ sanh lên trời”.

<sup>619</sup> Lý Cảnh Văn tánh rất từ bi, trông thấy ghe bắt cá bắt được rất nhiều cá, bèn vét hết tiền mua lại đem phóng sanh. Do lòng từ bi ấy, hễ ông gặp cảnh hiểm nạn như bệnh ngặt, hoặc tai nạn bất kỳ đều được thoát khỏi. Đan sa là oxide thủy ngân, thường được dùng làm thuốc với tên gọi là Châu Sa.

<sup>620</sup> Nguyên văn là “*bốc táng*” (卜葬), tức là xem Phong Thủy Địa Lý để tìm huyệt an táng tốt. Tôn Lương Tự nhà nghèo, thường cứu vớt loài chim bị mắc bẫy. Về sau, ông ta chết, do con cháu quá nghèo, không có tiền mai táng, đem vùi tạm ngoài



họ Phan lập lệnh cấm giăng lưới bắt cá trên sông hồ, lúc bị đổi đi trấn nhậm nơi khác, thủy tộc khóc gào đau xót<sup>621</sup>. Cụ Đạo Tín cứu con vật sắp bị giết bởi ngu dân đề cúng tế, điềm lành ứng hiện, trời tuôn mưa ngọt<sup>622</sup>. Ngài Tào Khê (Huệ Năng) giữ lưới thợ săn, đạo thống vượt trời Thần Châu (Trung Hoa). Chim sẻ được giải cứu, bèn ngậm vòng đến báo ân. Cáo có thể vào giếng truyền trao đạo thuật<sup>623</sup>. Cho đến trường hợp thân tàn được sống, bám trên vách trắng để nghe kinh; cầu được sống ở nơi hoạn nạn, hiện thân hoàng y báo mộng<sup>624</sup>.

---

đồng. Bỗng có mấy ngàn con chim bay tới, mổ ngậm bùn đất, phủ lên thân Lương Tự, chẳng đầy một ngày, đã trở thành một nắm mộ to.

<sup>621</sup> Phan Hoa làm huyện lệnh huyện Chư Ky (thuộc tỉnh Chiết Giang), là một Phật tử thuần thành. Khi trấn nhậm huyện ấy, ông ra lệnh cả huyện không được đánh bắt cá trên sông, hồ. Khi ông sắp rời nhiệm sở, trong sông, hồ cả huyện bỗng phát ra âm thanh than khóc âm ỉ một hồi lâu, giống như tiếng con cái bị mất cha mẹ vậy.

<sup>622</sup> Đạo Tín ở đây chính là đệ tử tổ của Thiên Tông Trung Hoa. Trong thời Ngài, có lần nơi Ngài ở bị hạn hán rất nặng, đói kém dữ dội. Dân chúng hoảng sợ, bèn nhau mua các con vật tính đem giết để tế thần cầu mưa. Tổ bảo họ phải làm phước, đừng tạo nghiệp, khuyên họ hãy tha cho các con vật ấy, Ngài sẽ đích thân đứng ra cầu mưa. Tổ bèn triệu tập tăng chúng lập hương án đơn sơ, thanh khiết, tụng kinh Lăng Già và Bát Nhã. Quả nhiên một tuần sau, mưa tuôn như trút.

<sup>623</sup> Theo Phóng Sanh Văn Đồ Thuyết, xưa kia có một gã đạo sĩ tâm thuật bất chánh, không lo tu hành, chỉ lo trí trá, dối gạt kiếm lợi. Hắn nghe nói ăn củ hoàng tinh sẽ có thể trường thọ, bèn bỏ thật nhiều hoàng tinh xuống một cái giếng cạn, lừa gạt dụ dỗ để đẩy một người xuống đó, rồi dùng nắp đá đập kín giếng. Người ấy biết là bị lừa, hết sức hoảng hốt, không biết làm sao. Bỗng có một con cáo xuất hiện, nói nó là hồ tiên, do từng được người ấy cứu mạng trước kia, nay để báo ân, nó sẽ truyền tiên thuật phi thăng. Người ấy nghe theo, tu tập. Sau bốn tuần, quả nhiên người ấy phi thăng, bay thoát khỏi giếng. Gã đạo sĩ mừng quá, mang hoàng tinh vào giếng, dặn người nhà đập lại thật chặt. Nửa tháng sau, mở ra coi, họ thấy xác gã teo đét vì chết đói!

<sup>624</sup> Xưa kia có một vị Tăng thấy có người bắt mấy con rết, dùng tre căng uốn thân chúng cong vòng lại như đồ trang sức. Vị xuất gia bèn xin mua hết, đem phóng sanh. Chúng đã chết gần hết, chỉ còn một con sống sót. Về sau, vị xuất gia ấy đang tĩnh tọa cùng với một vị sư khác ở chùa, trên vách vôi trắng, bỗng có con rết bò ra. Sư dùng khối gỗ gõ vào tường đuổi nó đi, nhưng nó vẫn không đi. Cuối cùng, Sư nhớ ra hỏi: “Có phải người là con rết đã được thả, muốn đến cảm tạ đó chăng? Nếu

Hễ thí đều có báo ứng, chẳng phải là chuyện không có bằng chứng, [những chuyện ấy được] chép trong sách vở, rạng ngời tai mắt. Xin nguyện khắp mọi người, hễ thấy những con vật, hãy phát tâm từ bi, bỏ ra tiền tài chẳng kiên cố<sup>625</sup>, để làm chuyện thuận lợi, hoặc là tạo ân giúp đỡ nhiều mạng, tích lũy âm công to tát. Nếu ban ơn cho một con trùng, có lẽ nào cũng chẳng phải là một việc thiện ư? Nếu tháng ngày tích lũy tăng dần, thực hiện rộng rãi, phước sẽ cao vợi vợi, lòng Từ đây ấp nhân gian, tiếng thông thấu cõi trời, dẹp sạch lầu oán chướng, nhiều phước đức sẽ tụ tập trong kiếp này, vun bồi, chất chứa thiện căn, những điều may mắn lan sang đời khác! Nếu lại còn giúp [những con vật mắc nạn ấy] xưng niệm Phật hiệu và tụng kinh văn, vì chúng hồi hướng Tây Phương, khiến cho chúng được vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo. Ôm tâm lòng càng to, gieo bồi đức càng

---

phải, hãy nghe ta thuyết pháp: Lắng nghe! Hết thấy hữu tình chỉ do tâm tạo. Nếu tâm tàn ác, sẽ thành hồ lang. Nếu tâm độc địa, sẽ thành độc trùng. Người trừ hết độc, sẽ thoát thân này”. Con rết nghe xong, gục gặc đầu, bò đi.

Vào năm Vạn Lịch thứ chín đời Minh Thân Tông, tại Hàng Châu có một người họ Vu. Một hôm, người hàng xóm của người họ Vu bị cướp. Họ Vu có một đứa con gái đã gả chồng. Cô ta nghe tin bèn vội về thăm nhà, tiện tay xách theo mười con lươn để làm lễ vật. Họ Vu đem chúng thả hết vào trong lu nước sau nhà, rồi quên khuấy. Có một hôm, bà Vu mộng thấy mười người mặc áo vàng, đội mũ chóp nhọn, quỳ gối, buồn bã, thống thiết van xin cứu mạng. Tỉnh giấc, bà đi coi bói, thầy bói nói: “Át là trong nhà bà có sanh mạng nào xin được phóng sanh”. Trở về, bà tìm khắp trong nhà, chỉ thấy trong lu có đúng mười con lươn bụng vàng, chắc là bọn người mặc áo vàng xin cứu mạng trong mộng, bèn đem chúng thả hết trong sông.

<sup>625</sup> Trong bản chú giải của Phóng Sanh Văn, có giải thích: Nói tiền tài không kiên cố là vì nó sẽ bị nước nhấn chìm, hoặc lửa đốt rụi, bị cướp bóc hay mất mát vì chiến tranh, bị trộm cướp tước đoạt, bị con cháu không ra gì phung phí tan nát, bị quan lại, vua chúa tịch thu.

sâu. Đạo nghiệp nhờ đó mà chóng thành, sẽ sanh về phẩm vị thù thắng nơi đài sen!

*(Chánh văn) Nguyễn nhân hữu thất, hủy nhân thành công.*

**(正文)願人有失。毀人成功。**

*(Chánh văn: Mong cho người khác phạm sai lầm, hủy hoại sự thành công của người khác).*

Người khác phạm sai lầm hay thất bại, đó là điều bất hạnh. Chẳng xót thương mà còn ngược ngạo mong cho họ [gặp phải]; đây chính là vui sướng khi người khác mắc họa! Những kẻ đã coi tai họa là chuyện đáng vui thích, há tai họa không theo sát họ ư? Như vậy là sự thất bại chẳng giáng xuống người khác, mà đâm ra rơi vào chính mình! Người dẫu chí ngu, cũng sẽ chẳng làm như thế!

Lý Sĩ Hành vâng lệnh đi sứ Cao Ly, Du Anh làm phó, những tiền bạc, vải vóc thu được, [Sĩ Hành] đều giao cho Du Anh. Du Anh sợ [tiền bạc, vải vóc của chính mình do] vượt biển sẽ bị ướt, đem hết những đồ vật của Sĩ Hành để dưới đáy thuyền, đem đồ vật của chính mình phủ lên trên. Chẳng ngờ gặp gió to, thủy thủ xin quăng bớt những vật chở theo. Trong lúc bồi

rồi, họ tiện tay nắm được vật gì bèn quăng vật đó. Đến khi gió lặng, kiểm điểm những vật đã ném đi thì toàn là đồ của Du Anh! Những đồ vật của Sĩ Hành đều ở đáy thuyền, chẳng mất một vật nào! Có ý niệm riêng tư giống như vậy, kẻ nào chẳng có? Đều là do chẳng thể bình đẳng vậy! Kinh Niết Bàn dạy: “*Các người tu hành hãy nên lấy sáu pháp trí lực bình đẳng để thâm nhiếp, chế ngự tự tâm, ắt phải sao cho trong lúc vận dụng bèn bình đẳng đối với hết thảy*”. Thiệu Khang Tiết có thơ rằng:

*Mỗi nhật thanh thân nhất chú hương,*

*Tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương,*

*Đản cầu xử xử điền hòa thực,*

*Duy nguyện nhân nhân thọ mạng trường.*

*Quốc hữu hiền thân an xã tắc,*

*Gia vô nghịch tử nãi gia nương,*

*Tứ phương ninh tĩnh can qua tức,*

*Ngã nhược bản thời dã bất phương.*

(Mỗi sáng ta đều thấp nén hương,

Tạ trời, tạ đất, tạ quân vương,

Chỉ mong khắp chốn mùa màng tốt,

Chỉ nguyện người người thả mạng trường.

Nước có hiền thần yên xã tắc,

Nhà không nghịch tử, mẹ cha vui,

Bốn phương yên ổn, không chinh chiến,

Ta dầu nghèo hèn, quản ngại chi).

Do vậy biết tâm của tam giáo đều bình đẳng. Lũ chúng ta phải nên có tâm lượng ấy, khắc chế tư dục, đối trị cái tâm. Chớ vì niệm nào cũng nghĩ đến lẽ riêng tư mà tạo ác tăng tăng!

“*Hủy*” (毀) có hai nghĩa, một là hủy hoại, hai là hủy trảm (毀譖, vu vạ, miệt thị, phỉ báng). Kẻ muốn lập công, bất luận lớn, bé, ai nấy đều dốc sức mong đạt thành công, nhưng ta ắt ngăn trở, hủy hoại, tâm thuật đúng là như rắn, rết!

Đời Tống, ông Chân Tây Sơn<sup>626</sup> nói: “Nếu ai nghe một điều thiện của kẻ khác, hãy nên khen ngợi, phụ

---

<sup>626</sup> Chân Tây Sơn tên thật là Chân Đức Tú (1178-1235), tự là Cảnh Nguyên, hiệu Tây Sơn, thụy hiệu Văn Trung, là người xứ Phổ Thành, tỉnh Phước Kiến. Ông là một vị quan nổi danh thời Nam Tống, thuộc trường phái Lý Học của Châu Hy. Ông thông minh, học rộng, sách đọc qua một lượt đã ghi nhớ, nắm được điều cốt yếu. Ông từng được bổ làm Thái Học Bác Sĩ, chuyên giảng sách cho vua nghe. Về sau, do mâu thuẫn với Sử Di Niên, bị hấn gièm siểm, đổi đi làm An Phủ Sứ Hồ Nam kiêm tri phủ Đàm Châu. Đến thời Tống Lý Tông, ông được triệu về kinh giữ chức Trung Thư Xá Nhân rồi thăng làm Lễ Bộ Thị Lang. Không chịu nổi sự chuyên quyền của Sử Di Niên, ông lại từ quan. Sau khi Sử Di Niên thất thế, ông lại được vời ra làm quan, lần lượt làm Hộ Bộ Thượng Thư, Hàn Lâm Học Sĩ Tri Cáo Chế, Tham Tri Chánh Sự. Khi ông trông coi Tuyên Châu, vùng này bị hạn hán lớn, nghe

họa. Nghe các điều ác, ắt dốc sức che giấu, khiến cho kẻ ấy thành công, [có như vậy thì mới] chẳng đến nỗi sai sót về mặt đức hạnh”. Cổ nhân có tấm lòng như thế, huống gì đối với người đã thành công mà còn hủy báng ư?

Đời Minh, Tăng Tiễn là Tổng Đốc Tam Biên<sup>627</sup> muốn chiếm lại vùng Hà Sáo. Nghiêm Tung<sup>628</sup> đổ kỵ sự

---

lời khuyên của thuộc hạ, ông đến cầu mưa tại miếu thờ Thanh Thủy Tổ Sư, quả nhiên mưa to. Do miếu thờ của vị thần ấy đã có biển đề chữ Chân Nhân, ông cho hạ xuống, sửa thành Chân Chân Nhân (vì Chân Nhân thật sự) nhằm cảm tạ thần ân. Ngoài những tác phẩm Tây Sơn Giáp Ất Cáo, Đại Học Diễn Nghĩa, Tây Sơn Tiên Sinh Chân Văn Trung Công Văn Tập, rất nhiều tác phẩm thi từ của ông được người đương thời đánh giá rất cao.

<sup>627</sup> Tam Biên (三邊) là ba tỉnh thuộc vùng biên cương của Trung Hoa, tức là Thiểm Tây, Cam Túc và Ninh Hạ.

<sup>628</sup> Nghiêm Tung là một gã gian thần cùng hung cực ác thời Minh Thế Tông (Gia Tĩnh) nhà Minh. Minh Thế Tông mê man Đạo Giáo, chuyên lo tu tiên để cầu trường sanh, không màng đến chánh sự. Việc triều chánh phó mặc cho bọn quyền thần lo liệu. Lúc bấy giờ, Lễ Bộ Thượng Thư Hạ Ngôn được vua tin cậy, Nghiêm Tung bèn ve vãn nịnh bợ Hạ Ngôn. Có lần Nghiêm Tung (lúc đó đang làm Lại Bộ Tả Thị Lang) mở tiệc mời Hạ Ngôn. Hạ Ngôn từ chối không đến, thế là Nghiêm Tung chạy đến trước cửa nhà Hạ Ngôn, thắt chặt vạt áo, quỳ mọp trước cửa khẩn khoản thỉnh cầu. Hạ Ngôn không tiện từ chối, phải đến dự. Từ đó, Hạ Ngôn coi Nghiêm Tung như tri kỷ, hết sức nâng đỡ Nghiêm Tung. Do hấn khéo ve vãn, đón ý vua, dần dần vua rất mực tin dùng Nghiêm Tung. Do Hạ Ngôn tánh tình tự cao, nhà vua dần dần không ưa Hạ Ngôn. Nghiêm Tung được thăng làm Thái Tử Thái Phó, thừa cơ nhiều lượt sàm tấu khiến vua nghi kỵ, bãi chức Hạ Ngôn. Về sau, vua lại gọi Hạ Ngôn ra làm quan. Nghiêm Tung vẫn ngấm ngầm tìm cách làm hại. Năm 1554, quân Thát Đát chiếm vùng Hà Sáo, Tổng Đốc tỉnh Thiểm Tây là Tăng Tiễn phát binh chiếm lại Hà Sáo, dâng sớ xin tái thiết vùng này, tái lập trị an, phát triển thủy lợi. Những biện pháp ấy được Hạ Ngôn tán thành. Nghiêm Tung lập tức cấu kết với biên tướng Cừ Loan vu cáo Tăng Tiễn thất bại mà báo công giả, vu cáo Hạ Ngôn lợi dụng quyền chức kiếm lợi. Tăng Tiễn bị giết, Hạ Ngôn bị tù rồi bị xử tử. Nghiêm Tung độc quyền thao túng triều chánh, trở thành Nội Các Thủ Phụ (Tể Tướng), cùng với con trai là Nghiêm Thế Phiên khuynh đảo nhà Minh suốt hai mươi hai năm. Về sau, có một tay đạo sĩ trừ danh là Lam Đạo Hành giỏi cầu cơ, vua rất tin cậy. Một hôm, đang lúc cầu cơ, Lam Đạo Hành nói: “Ngày nay có gian thần phụng sự”, nhằm đúng lúc Nghiêm Tung vừa đi qua. Vua âm thầm lập kế tước

thành công của ông, ngược ngạo gièm siểm Tăng Tiễn và Hạ Ngôn tự tiện gây hấn nơi vùng biên cảnh, khiến cho họ đều bị giết tại chợ Tây [thành Bắc Kinh]. Về sau, Nghiêm Tung chết, con trai hấn là Thế Phiên bị chặt đầu.

Đời Tống, Tuyên Kỳ Anh tánh hiềm độc. Hàng xóm xây nhà sắp xong, gã họ Tuyên đổ ky, đến đêm bèn qua chặt chân cột. Bỗng kèo nhà rơi xuống, đè chết hấn. Than ôi! Hủy người khác là tự hủy đó thôi! Người thời nay đối với mỗi chuyện, mỗi vật, hoặc là cho đến giao dịch, vay mượn v.v... thường nói cho sướng mồm, hủy hoại sự thành công của người khác, là cái tâm như thế nào vậy? Ta biết những kẻ như thế ấy chỉ tự hủy chính mình mà thôi! Phàm là những người lương dân, hãy nên răn nhắc lẫn nhau!

*(Chánh văn) Nguy nhân tự an, giảm nhân tự ích.*

**(正文) 危人自安。減人自益。**

*(Chánh văn: Khiến cho người khác lâm nguy để chính mình an ổn. Giảm trừ lợi ích của người khác để chính mình được lợi).*

---

đoạt vây cánh của hấn, xử tử Nghiêm Thế Phiên, tịch biên gia sản của cha con họ Nghiêm, và đuổi Nghiêm Tung về quê. Tráng tay, không ai chứa chấp, Nghiêm Tung phải ẩn nấu nơi gò mả, lượm lật đồ cúng thừa để sống qua ngày. Hai năm sau, hấn bị bệnh chết, không ai ngó ngang. Khi chết, hấn không có quan tài để chôn!

Ngàn kinh vạn điển chỉ luận định một chữ Tâm. Nay cùng kẻ khác ở trong cảnh họa hoạn, rốt cuộc muốn cho kẻ khác đương đầu nguy hiểm, còn ta được yên thân ư? Trước hết là đã chôn vùi bản tâm vậy!

Ông Vu Thiết Tiêu nói: - “Bỏ nguy, tìm an” là lẽ thường tình, nhưng trời ghét thói ấy, vì sao? Chẳng phải là ghét kẻ tự [tìm cách] an thân, mà là ghét kẻ khiến cho người khác gặp nguy hiểm. Đối với những tình cảnh phải trải qua trong đời người, có ai mà chẳng biết phán đoán là an hay nguy? Nếu chỉ biết an ổn cho riêng mình, chẳng đoái hoài kẻ khác gặp nguy hiểm, ý niệm giết chóc đã ẩn sẵn trong ấy, sẽ có thể là không gì chẳng làm! Nếu mưu kế ấy (mưu kế đùn đẩy người khác hứng chịu hiểm nguy) thực hiện được, ắt kẻ quỷ quyệt sẽ đều gồi cao [yên giấc không áy náy], mà kẻ thật thà sẽ chẳng có đường nào sống sót được, há có phải là tấm lòng của trời đất hay chăng? Huống hồ, lẽ an nguy như chiếc vòng luôn xoay chuyển, rốt cuộc chẳng để cho kẻ ôm lòng riêng tư mà hòng hiểu biết xuyên suốt được. Vì thế, có khi chỗ hướng đến [hòng tránh hiểm nguy] lại đâm ra là nơi hiểm địa, còn chỗ mong né tránh đâm ra lại là chỗ bằng phẳng. Nếu bình tâm nơi [sự lợi hại giữa] ta và người, đến bất cứ nơi đâu mà chẳng phải là [vững vàng như đi] trên tảng đá ư?



Đời Tống, Lý Tự [được phái về] trông coi Vĩnh An quân<sup>629</sup>. Khi ấy, bọn cướp to lớn mới dậy lên, hấn sợ mắc họa, bèn quỳ quyết tiến cử người bạn là Phạm Hình thay thế. Do vậy, Phạm Hình cai quản Vĩnh An, Lý Tự được rời khỏi chức ấy. Về sau, cả nhà Phạm Hình bị bọn cướp làm hại. Không lâu sau, Lý Tự được điều về trông coi Lâm An, trên đường gặp cướp, cũng chết cả nhà. Than ôi! Thấy người khác gặp nguy, bậc quân tử còn nghĩ cách cứu giúp, há nên nhẫn tâm để người khác gặp nguy hiểm hòng ta được an ổn ư? Đây là hành vi của phường khắc bạc, tiểu nhân, mắc họa to nhất!

Trong thiên hạ, chỉ tạo lợi ích cho người khác thì chính mình mới có thể đạt được lợi ích. Nếu chẳng có ích cho người khác, chỉ kiếm lợi ích cho riêng mình, còn chẳng phải là lợi ích thật sự, hưởng hồ kẻ giảm tổn người khác! Đó gọi là “*chỉ cốt sao ta giàu có, chẳng màng kẻ khác nghèo nàn*”.

Ông Vu Thiết Tiều nói:

- Người thời nay đối với những chuyện tiền bạc, vãi vốc, ruộng nương, nhà cửa v.v... thường làm như thế, há có biết đây chính là đã riêng vay nợ mà chẳng viết bằng khoán. Tiền lời sẽ ngày càng tăng, sẽ có ngày đến hạn kỳ [phải trả nợ], có gì đáng gọi là lợi ích hay chẳng?

---

<sup>629</sup> Quân (軍) là một đơn vị hành chính đời Tống. Nhà Tống chia cả nước thành mười tám lộ. Mỗi lộ lại chia thành châu, phủ, quân và giám.

Đầu niên hiệu Sùng Trinh đời Minh, có hai người là Giáp và Ất chơi thân với nhau. Gặp khoa thi võ, do mỗi nơi chỉ có thể tiến cử một Võ Cử Nhân, Giáp bèn nhờ cậy huyện lệnh, Ất trông cậy quan Tư Lý. [Theo quy định, khi được tuyển, ứng viên] phải biếu xén tạ ơn mỗi chỗ năm mươi lượng. Giáp suy đoán: “Danh vọng của huyện lệnh khá nhẹ, ắt việc chẳng thành; quan Tư Lý danh vọng cao trọng, chuyện ắt thành”. Do vậy, hắn muốn bóc rĩa Ất để làm lợi cho mình, lập kế bảo Ất: “Hai người bọn ta đồng tâm, đáng nên đồng cam cộng khổ. Nếu [quan trên] chỉ tuyển lấy một người trong hai đứa mình, chớ luận ta hay người [được tuyển], đều phải chia đôi phần lễ biếu tạ [quan của người không được tuyển]”. Ất đồng ý. Tới khi yết bảng, người nhờ cậy quan Tư Lý không được tuyển, còn người cậy quan huyện được chọn. Do món tiền dành để biếu xén đều ở chỗ Ất, Giáp chẳng thể nuốt lời, chỉ đành uất nghẹn mà thôi! Giáp muốn lợi mình, đâm ra làm lợi cho Ất<sup>630</sup>. Từ chỗ này suy ra, phàm quan lại muốn bóc lột dân, nhà giàu bóc lột lợi tức [từ người nghèo], cứ mong căng đầy túi mình, chẳng có kẻ nào đâm ra không bị tổn hại!

***(Chánh văn) Dĩ ác dịch hảo, dĩ tư phế công.***

---

<sup>630</sup> Vì Giáp nghĩ mình sẽ không được tuyển mà vẫn phải biếu quan huyện năm mươi lượng, hắn muốn bắt Ất phải bù một nửa, nên nói là “chia đều”. Nào ngờ Giáp được tuyển, cho nên ngoài số tiền biếu quan huyện năm mươi lượng, hắn phải bù thêm cho Ất hai mươi lăm lượng để biếu quan Tư Lý.

## (正文)以惡易好。以私廢公。

*(Chánh văn: Dùng thứ xấu thay cho đồ tốt [trong khi giao dịch]. Vì lòng riêng tư mà phế trừ lẽ công).*

“*Lấy thứ xấu thay cho đồ tốt*”: Như dùng sắt thay cho vàng, dùng đá thay cho ngọc, lấy vải thay cho lụa là v.v... Chuyện ấy chẳng đáng cho người thông đạt nhìn vào cười xòa một tiếng, nhưng cái tâm ấy đã gần với [cái tâm] trộm cắp vậy. Tứ Tổ nói: “*Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu từ tâm khởi*”. Nếu cái tâm chẳng cưỡng chia danh tự (tức là tâm có phân biệt), vọng tình khởi từ chỗ nào? Pháp sư Nguyên Hiếu từ Đông Hải (Đại Hàn) đến đất Đường (Trung Hoa) tìm thầy [xin học đạo], ban đêm ngủ nơi mộ hoang. Do khát, muốn uống nước. Sư trông thấy cạnh chỗ ngồi có một dòng nước trong, vốc uống, thấy [vị nước] rất ngọt. Tới sáng, nhìn lại thì ra là nước chảy từ tử thi vừa chết! Khi ấy, Sư ghê tởm ới ra, bèn hoát nhiên đại ngộ, nói: “*Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, tốt hay xấu là do mình, liên quan gì đến nước!*”

Đời Tống, ông Tô Đông Pha cất giữ, nâng niu một viên ngọc đẹp. Có gã Chương Trì<sup>631</sup> đòi xem, ngằm lấy

---

<sup>631</sup> Chương Trì là con trai thứ hai của Chương Đôn. Chương Đôn là một nhân vật từng nắm quyền Tể Tướng thời Tô Đông Pha. Ông ta học rộng, giỏi văn chương, tận lực chủ trương cải cách, nhưng không hợp ý Vương An Thạch. Do đối nghịch với Tư Mã Quang, ông ta tranh cãi với Tuyên Nhân Thái Hậu không nể nang, nên bị đày đi làm tri phủ Nhữ Châu. Dưới thời Tống Triết Tông, ông ta lại được vua

đá Yên Sơn tráo vào. Đông Pha chẳng biết, khi bị điều tới Hoàng Châu, mở ra xem, mới biết là Chương Trì đã đánh tráo, chỉ đành cười khan. Không lâu sau, Chương Trì bị lưu đày chết ở Thai Châu, chẳng biết mỹ ngọc lại về tay ai?

“*Tư*” (私) là nói theo tâm tình, Công là nói theo Lý. Do sự mừng, giận, ân, oán trong ý riêng mà phé trừ lẽ đúng sai theo công đạo. Trên là chẳng thể phân biệt trung, nịnh, ắt triều đình mắc họa chia bè kết đảng. Dưới là tà chánh chẳng thẩm định, ắt trong vòng bạn bè, làng nước, sẽ có mối trở ngại kéo bè kết cánh công kích những kẻ khác ý ta! Nặng hơn nữa là do yêu ghét chẳng thích đáng, ắt người cùng một nhà như cha với con, cốt nhục chí thân cũng trở thành một lũ oán hận nhau! Thói tệ trong vòng tình cảm giữa con người với nhau, không gì quá đáng hơn chuyện này! Bất luận hiền, ngu, sang, hèn, ai ấy đều mắc phải căn bệnh này, chỉ là nghiêm trọng hay không mà thôi! Người biết thói tệ này, hãy suy xét lý để tiêu trừ tánh thiên chấp, lắng lòng để hóa giải thành kiến trong tâm. Đó là người có đại học vấn, có đại bản lãnh vậy.

Đời Tống, Triệu Biện và Phạm Trán do bàn luận sự việc [trong triều chánh] mà có hiềm khích. Tới khi Vương An Thạch làm Tể Tướng, oán hận Phạm Trán [trong quá khứ] đã tâu trình những lời lẽ công kích hấn, thừa dịp vua hỏi [ý kiến của hấn] về Phạm Trán, bèn

---

trọng dụng, trở thành Tể Tướng, cực lực triệt hạ những người chống đối. Tô Đông Pha bị đày đi Hoàng Châu là do lệnh của Chương Đôn.

tâu: “Triệu Biện biết rõ người này!” Vua hỏi Triệu Biện, Triệu Biện thưa: “Phạm Trán là bậc trung thần!” Vua hỏi: “Vì sao biết là trung?” Triệu Biện tâu: “Khi Nhân Tông bị bệnh, Phạm Trán là người đầu tiên xin sách lập Hoàng Thái Tử để yên định xã tắc, đã dâng sớ mười chín lượt đợi mạng lệnh trong suốt một trăm ngày, râu tóc đều bạc phơ. Chẳng phải là trung thần thì là gì?” Khi đã lui ra, Vương An Thạch trách: “Chẳng phải là ông với hắn có hiềm khích hay sao?” Triệu Biện đáp: “Há dám vì hiềm khích riêng mà phế trừ công đạo!”

Huyện lệnh Lạc Dương là Không Dục đốt lửa trước sân, hễ có thư từ nào nhờ cậy đều vút vào lửa, nói: “Quan huyện gần dân nhất. Trên con đường làm quan có khá nhiều kẻ nhờ vả, cứ làm theo, ắt dân sẽ bị hại. Chẳng làm theo, không tránh khỏi chuốc lấy oán cừu. Chỉ có cách là thư gửi tới không mở, ném ngay vào lửa. Ất là nơi ta chẳng biết là chuyện như thế nào? Mà nơi họ cũng chẳng thấy ta ngỗ nghịch. Đúng hay sai là do dân, phán xử công bằng đúng pháp! Sao đến nỗi vì riêng tư mà phế trừ [công đạo] ư?” Về sau, một đứa con của ông mười chín tuổi đã đỗ Tiến Sĩ.

Ngưỡng Tư Trung tinh thông thuật Địa Lý. Có lần vì [một vị quan chức] hiền đạt mà chọn được cuộc đất rất tốt, ông vừa mới điểm huyệt<sup>632</sup>, bỗng trời đổ mưa

---

<sup>632</sup> “Điểm huyệt” ở đây là một thuật ngữ trong Địa Lý. Sau khi xác định một cuộc đất có thể có huyệt mộ tốt, người xem Phong Thủy sẽ xét xem long mạch vượng hay suy như thế nào bằng cách cắm kim và ghim những cành cây tươi xuống đó để

rào, bèn xuống núi. Ban đêm, ông Ngưỡng nằm mộng, thấy thần bảo: “Đừng cho hấn cuộc đất này. Hấn làm khảo quan (quan giám khảo trong trường thi), đã ăn của đút để chấm đậu ba sĩ tử, sẽ mắc họa nơi cõi âm. Ông cho hấn cuộc đất này, sợ rằng trái nghịch ý trời”. Ông Ngưỡng tỉnh giấc, bèn mượn cớ quay về. Chẳng lâu sau, do tranh chấp cuộc đất tốt, gã quan chức ấy bị dính vào kiện tụng, chưa chôn [tổ phụ vào cuộc đất tốt nào cả] mà nhà cửa đã nghèo nàn, suy sụp!

*(Chánh văn) Thiết nhân chi năng, tế nhân chi thiện.*

**(正文)竊人之能。蔽人之善。**

*(Chánh văn: Trộm cắp tài năng của kẻ khác. Che lấp điều lành của người khác).*

“*Thiết*” (竊, trộm cắp) có nghĩa là chẳng phải là chính mình có, mà lấy [làm của riêng mình]. Như trộm văn của kẻ khác, coi như chính mình soạn ra, trộm mưu của người ta, coi như do chính mình hoạch định, cướp công của kẻ khác, coi như chính mình hoàn thành, trộm cắp những lời dạy bảo của thầy coi như kiến thức của

---

phân định phương vị. Đến hôm sau, sẽ xem xét mức độ tươi héo của những nhánh cây để đoán định khí của long mạch.

chính mình, đều là những chuyện lừa mình dối người, ắt sẽ bị quả phạt.

Đời Châu, Lương Sơn bị lở, vua Tấn (Tấn Cảnh Công) cho vòì đại phu Bá Tông. Trên đường [vào gặp vua nước Tấn], Bá Tông gặp một người phu đẩy xe, hỏi: “Người có nghe tin gì hay không?” Thưa: “Lương Sơn bị lở, khiến cho nước sông bị nghẽn không chảy được, [nhà vua] cho vòì đại phu Bá Tông [vào cung thương lượng]”. Bá Tông hỏi: “Nên làm như thế nào?” Thưa: “Vua hãy dẫn quần thần [đến chỗ núi lở] mà khóc lóc, coi như là đã tể bái, nước sông sẽ chảy xuôi được”. Bá Tông đem lời ấy tâu với vua, [vua thật sự làm theo], nước sông chảy trở lại. Vua Tấn hỏi Bá Tông: “Vì sao người biết?” Bá Tông thưa: “Thần tự biết”. Khổng Tử nghe chuyện, bảo: “Bá Tông sẽ không có người nói dối vì đã cướp công của người khác”. Về sau, Bá Tông quả nhiên mắc hại, mất hẳn chức khanh [đại phu]. Hễ ăn trộm một lời của kẻ khác, còn bị quả phạt như thế, như vậy thì cũng có thể biết [tội ác] lớn hơn [sẽ có quả báo như thế nào!]

“*Tế*” (蔽) là che, khiến cho chẳng tỏ lộ. Kinh Phật dạy: “*Một chữ Thiện có thể thành tựu hết thảy các hạnh nguyện của người thế gian mạnh nhất*”. Vì thế, đối với người có một lời nói, một hành vi tốt lành, hãy nên biểu dương, chỉ sợ [ngôn hạnh tốt đẹp ấy] chẳng được tỏa rạng. [Làm như thế], không chỉ là tạo thành tiếng thơm cho người ấy, mà còn có thể khơi gợi thiện niệm của người khác. Những người lan truyền lời

khuyên ấy, sẽ dấy khởi thật nhiều [người khác làm theo], đây cũng là chuyện đáng vui mừng. Hiềm rằng [điều thiện ấy] bị che lấp! Kẻ che lấp ắt trong tâm chẳng có mấy may yêu thích điều thiện, lại còn mang ý niệm ganh ghét. Vì thế, chẳng muốn hiển lộ điều tốt lành của người khác, kéo điều ác của chính mình bị phơi bày. Đây chính là kẻ bất tường trong thiên hạ vậy!

Đời Tấn, Trần Thọ soạn bộ Tam Quốc Chí, bảo Đinh Lương Châu rằng: “Nếu ông cho tôi vay một ngàn học gạo, tôi sẽ viết tiểu sử đẹp đẽ về cha của ông”. Lương Châu chẳng đáp ứng lời xin của ông ta, Trần Thọ bèn chẳng viết về cha của Lương Châu. Bộ sử hoàn thành, mọi người đều chê trách Trần Thọ [có lòng riêng tư]. Về sau, Trần Thọ mắc hại.

Có hai người học trò ở Giang Âm tu chính huyện chí. Bỗng thấy [trong bản huyện chí cũ] có ghi chuyện hai tiết phụ (người đàn bà trinh tiết), [cho là] tâm thường, chẳng lạ lòng gì, bèn gạt bỏ. Đạo sĩ ở miếu Thành Hoàng ban đêm nghe tiếng hai người đàn bà khóc lóc, tố cáo: “Bọn thiếp suốt đời khắc khổ giữ tiết hạnh, chết rồi được chép tiểu sử trong huyện chí. Nay vô cớ bị người ta gạt bỏ”. Thần bảo: “Hai gã học trò ấy lẽ ra sẽ đỗ Hoàng Giáp<sup>633</sup>, do đã che lấp sự tiết nghĩa của người khác, sẽ bị tước bỏ lộc ấy”. Hai người đàn bà khóc lóc bái tạ, ra đi. Hai người học trò nghe chuyện, bài xích là [đạo sĩ] nói dối. Năm sau, quả nhiên do kết

---

<sup>633</sup> Hoàng Giáp là đỗ Tiến Sĩ Cập Đệ.



quả thi cử quá kém, bị cắt bỏ trợ cấp [dành cho] Lãm Sanh, đều cùng phần uất mà chết.

*(Chánh văn) Hình nhân chi xú, kiết nhân chi tư.*

**(正文)形人之醜。訐人之私。**

*(Chánh văn: Phô bày những điều xấu của người khác. Rêu rao chuyện riêng tư của người ta).*

Đối với hạnh xấu của kẻ khác, đáng gọi là “*nói ra sẽ khiến cho người ta bị nhục nhã, chớ nên để người khác nghe thấy*”, người lại phô bày, bộc lộ, ắt lòng đôn hậu bị tổn thương, âm chất cũng bị tổn hại theo. Bàn Sơn Ngữ Lục<sup>634</sup> có đoạn ghi: “*Người tu hành kỳ nhất là nói chuyện đúng, sai, tốt, xấu của kẻ khác. Thậm chí đối với hết thấy sự đời, nếu chẳng liên can đến chính mình, miệng chớ nên nói, tâm đừng nên nghĩ. Chỉ cần miệng nói, tâm nghĩ, tức là chính mình đã bị mê muội. Nếu chuyên luyện tâm, sẽ luôn xét lỗi mình, há có công sức để quản chuyện trong nhà kẻ khác? Nát xương, tan thân, chỉ cốt sao tâm đừng động. Thân liễm tự tâm, thời khắc khắc tham cứu, lãnh hội chỗ rốt ráo nhất nơi*

---

<sup>634</sup> Bàn Sơn Ngữ Lục là tác phẩm do môn nhân của đạo sĩ Vương Chí Càn thuộc Toàn Chân Giáo biên soạn dựa trên những lời dạy của thầy. Những lời dạy của ông Vương chủ yếu nói về cách luyện đan, luyện tâm tu tánh theo Đạo Giáo, dựa trên tư tưởng trong bộ Thanh Tĩnh Kinh của Đạo Giáo và Tâm Tánh Luận của Thiên Tông.

*bốn mạng nguyên thân của chính mình. Vì thế, xét theo đó, con người hãy nên gấp rút đối trị chính mình, niệm nào cũng sợ thân tâm của chính mình phạm lỗi, còn rảnh đâu để quản chuyện người khác ư?”*

Trong đêm tân hôn của Lưu Trọng Phụ, có gã trộm vào nhà. Ông hoảng hốt, trông ra, [thấy gã trộm] chính là kẻ ông nhận biết, bèn nói: “Người nghèo hả?” Lấy hai món trang sức cho nó. Lại hứa: “Ta trọn chẳng nói, người đừng tái phạm”, bèn thả cho nó đi. Về sau, bà vợ hỏi tên tuổi của gã đó, ông bảo: “Ta đã hứa không nói, sao cứ hỏi miết?” Ông mất rồi, có một người trước kia là phường vô lại, về sau là người làm lành, mặc tang phục<sup>635</sup>, khóc lóc hết sức bi thương. Người nhà nghi kẻ ấy là gã trộm khi trước. Cháu ông là Toại, làm quan đến Thượng Thư, thụy hiệu là Trang Tương.

Có thầy xem tướng nói Tịch Khuông sẽ chết vào năm nọ, Tịch Khuông rất lo âu. Ngẫu nhiên gặp người bàn chuyện trong buồng the, đối với người ấy, Tịch Khuông biểu lộ vẻ tức giận, khiến cho người tán chuyện có lòng hổ thẹn mà ngưng nói. Chuyện ấy bèn được ản đi. Tới năm ấy (năm tiên đoán sẽ bị chết), Tịch Khuông vẫn không sao. Về sau, ông làm quan tới chức Đài Phụ<sup>636</sup>. Cổ nhân nói: “*Trong khi tụ tập trò chuyện,*

---

<sup>635</sup> Nguyên văn là “*thôi diệt*” (衰經). “*Thôi*” là tấm vải bằng sợi gai hoặc vải sô, dài sáu tấc, rộng bốn tấc, đính nơi ngực áo tang. Vì thế, cái áo tang ấy gọi là Thôi Y. Diệt là cái khăn dùng sợi gai hoặc cỏ vắn thành rế đội lên đầu. Thông thường, kiểu tang phục này dành cho con trai hoặc cháu nội của người đã mất.

<sup>636</sup> Đài Phụ là chức vị thuộc bậc Tam Công.

*ắt có đạn bắn trúng kẻ khác, riêng ta ngồi ngay ngắn, im lặng để tiêu trừ”*. Đây chính là lời dạy đừng nói [chuyện xấu của kẻ khác] vậy. Như ông Tịch có thể coi là gương mẫu!

Nhiếp Tùng Nghi thích chòng ghẹo. Hễ kẻ khác có hành vi gì xấu, ắt rêu rao bằng thơ phú, ca dao, khiến cho chuyện được lan truyền rất rộng, khó thể giấu diếm. Thậm chí phá hoại hôn nhân của người khác, khiến kẻ trong khuê môn bị mang nhục, chia cắt quyền thuộc của kẻ khác. Về sau, hấn mắc tội, phải bị đày, chết ở Đãng Châu. Than ôi! Cái tội rêu rao điều xấu, những chuyện khác còn có thể dung thứ, chứ chuyện trong khuê môn, liên lụy càng trọng đại. Gièm chê, cười cợt, đồn đại, sửa hùa theo bóng, ta đã tạo thành cái nhân [đọa trong địa ngục] Rút Lưỡi. Nhất là họ lại ôm nổi sĩ nhục mà thác, cốt nhục chia lìa, con cháu lãnh vết nhơ, liên lụy chẳng bé! Oan nghiệt to tát, khó thể siêu được!

Trịnh Tuyên tánh trầm mặc, ít nói. Ông từng nói: “Trong chốn đông người chen chúc, chớ nên lớn tiếng mặc tình nghị luận. Không chỉ là chuốc lấy sự ghen ghét, mà còn có thể tổn thương người khác. Há chẳng có người trót đã làm chuyện xấu trong ấy hay chẳng? Bàn luận đến họ, họ chẳng nói, nhưng trong tâm bực bội. Như đối với quan bèn nói phải thanh bạch, ắt kẻ chẳng thanh bạch sẽ giận. Đối với bạn mà nói thẳng, ắt kẻ chẳng thẳng thắn sẽ ghét. Họ cho là ta cố ý làm như vậy. Chỉ nên ít nói, vẻ mặt hòa nhã, hễ hỏi bèn đáp, như

thế thì được”. Lời ấy đã đạt được đạo ứng xử sâu xa. Vì thế, chép thêm lời này.

Chỉ trích, công kích người khác thì gọi là Kiết (訐). Tư (私) là chuyện ám muội, chẳng quang minh chánh đại. Con người chẳng phải là thánh hiền, ai mà chẳng có chuyện kín đáo, riêng tư [chẳng thể nói ra]. Ta vốn không nên soi mói, tìm tòi. Nếu dòm ngó chuyện trong chốn riêng tư, rêu rao rộng khắp, khiến cho kẻ ấy không có chỗ dung thân, thì là hiểm độc nhất, người người oán trách, gieo họa chẳng nhỏ, hãy nên kiêng dè!

Tô Tụng [làm quan] ở Hàng Châu. Có kẻ mách lẻo chuyện riêng tư, ông không nghe. Về sau, kẻ ấy làm ngôn quan (gián quan, quan viên chuyên trách việc đàn hặc, can gián) do ôm hận mà [đôi trước thượng cấp] bêu xấu ông. Có người khuyên ông hãy viết thư trình lên cấp trên chuyện [mách lẻo] trước kia của gã ấy, ông nói: “Công kích chuyện riêng tư của kẻ khác, há ta nên làm ư?” Hư Tĩnh Chân Nhân<sup>637</sup> nói: “Hễ giấu lỗi, che sai, chính mình chớ nên có; nhưng đối với người khác,

---

<sup>637</sup> Hư Tĩnh Chân Nhân tên thật là Trương Kế Tiên (1092-1127), tự là Gia Vãn, hiệu là Tiêu Nhiên Tử, là một đạo sĩ lừng danh thời Bắc Tống, giữ chức vị Thiên Sư đời thứ ba mươi của hệ phái Chánh Nhất (con cháu trực hệ của Trương Đạo Lăng). Ông được Tống Huy Tông ban tặng ngự hiệu Hư Tĩnh tiên sinh, nên Đạo Giáo thường gọi ông là Hư Tĩnh Chân Nhân. Ông mất lúc ba mươi sáu tuổi, Đạo Giáo coi ông đã đăng tiên. Vì thế, đến đời Nguyên, ông được vua sắc phong tước hiệu Hư Tĩnh Huyền Thông Hoàng Ngộ Chân Quân. Sinh tiền, tuy được nhà Tống hết sức trọng vọng, được ban ấn ngọc khắc Dương Bình Trị Đô Công Ấn, có quyền thống lãnh đạo sĩ toàn quốc, Tống Huy Tông bốn lượt thỉnh ông vào cung làm pháp hội và giảng đạo, nhưng hễ xong việc là ông xin về núi ẩn dật tu hành, không xu phụ, a dua lấy lòng bọn quyền thần,

chẳng thể không làm như thế. Ấy là vì che giấu lỗi của chính mình thì điều thiện chẳng đạt được; che giấu cho người khác thì là chuyện đức dày”.

Vào thời Vũ Tắc Thiên nhà Đường, cấm ngặt giết mổ. Quan Thập Di<sup>638</sup> Trương Đức sanh con trai, lén giết dê, tụ họp đồng liêu [nhậu nhẹt]. Đỗ Túc giấu [một miếng thịt, cầm đi] tố cáo. Hôm sau, Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên) hỏi Trương Đức: “Nghe nói khanh sanh con trai rất vui?” Trương Đức bái tạ. Vũ Hậu: “Từ đâu mà có thịt vậy?” Trương Đức khấn đầu nhận tội. Vũ Hậu nói: “Trẫm cấm giết mổ, [lệnh cấm ấy] chẳng áp dụng cho các trường hợp cát (cưới hỏi, ăn mừng), hung (ma chay). Từ nay có mời khách thì cũng cần phải chọn người!” [Vũ Hậu] đưa tờ biểu tố cáo của Đỗ Túc cho [Trương Đức] xem. Đỗ Túc hết sức hổ thẹn, cả triều đình muốn nhổ vào mặt hắn! Về sau, Đỗ Túc dần dần bị suy bại.

Vào đời Lương, ông nội của Đáo Khái là Đáo Ngạn Chi từng gánh phân để nuôi thân. Đến khi Đáo Khái làm Lại Bộ Thượng Thư, gã Hà Kính Dung có chuyện nhờ cậy, chẳng được đáp ứng, bèn nói với người khác: “Cho đến đời Khái Thượng Thư vẫn còn sót lại mùi thói, nay bèn học đời làm bậc quý nhân”. Đáo Khái nghe nói, hết sức căm hận. Em trai của Đáo Khái là Đáo Hiệp, một hôm hỏi Lưu Hiếu Xước: “Tôi

---

<sup>638</sup> Thập Di là chức gián quan có trách nhiệm vạch ra những thiếu sót trong việc triều chánh. Vũ Tắc Thiên đã đặt ra chức Tả Thập Di để giám sát Môn Hạ Tỉnh, Hữu Thập Di để giám sát Trung Thư Tỉnh. Đến đời Bắc Tống, chức vụ này được đổi thành Chánh Tín.

rất muốn mua đất của hàng xóm bên phía Đông, nhưng người chủ làm khó dễ, làm sao đây?” Hiếu Xước nói: “Chỉ cần để mấy xe phân bên cạnh nhà hấn để làm khó hấn, hấn sẽ dọn đi”. Hiệp tức giận, rút cuộc dùng kế để hại [Hiếu Xước]. Than ôi! Do một lời nói mà tổn thương hòa khí trong trời đất, do một chuyện mà uơng thành mối họa chung thân. Vì thế, chúng ta sống trong cõi đời, chớ nên nói lời kích động, châm biếm khiến cho kẻ khác oán sâu tận cốt tủy. Ngạn ngữ có câu: “Đánh người đừng đánh đầu gối; nói với người khác, đừng nói sự thật”, có lý lắm!

*(Chánh văn) Hao nhân hóa tài.*

**(正文)耗人貨財。**

*(Chánh văn: Làm cho kẻ khác hao tổn tài vật).*

Đây là nói đến hạng người gian ác, tiểu nhân mê hoặc kẻ ngu si, dụ dỗ họ làm những chuyện chơi gái, cờ bạc, đấu đá, thừa kiện, luyện đan v.v... để mình kiếm lợi từ đó. Hạng con em không nên thân bị hạng người này làm cho ngu muội, chẳng đoái tưởng cha ông sáng lập cơ nghiệp gian nan. Một mai đến lúc phá sạch [gia sản], nhà tan, thân chết, truy cứu nguyên do thì là lỗi của ai? Những kẻ ấy có tránh khỏi ác báo [vì dụ dỗ người khác hao tổn tài vật] hay chẳng?

Văn Kỳ là người đất Thục, cậy vào thuật luyện đan, những người quyền quý đều bị hấn lòng gạt. Một thương gia giàu có tên là Lý Thập Ngũ bị mê hoặc bởi thuật luyện đan của Văn Kỳ, ba năm sau, tan nhà nát cửa, thất cổ chết. Văn Kỳ lại đến Kiếm Châu, thuê một căn nhà để luyện thuốc. Ngẫu nhiên bị hỏa hoạn, cháy lan một vùng. Văn Kỳ chạy vào núi trốn, bị thú dữ đuổi ra, hấn bị bắt giải lên quan. Quan theo đúng luật xử trảm!

Vào đời Minh, Từ Trì giàu có, tàn bạo, muốn chiếm nhà của Từ Bát, bèn sai người dụ con ông ta ăn chơi phóng đảng, mắc nợ rất nhiều, quả nhiên chiếm được căn nhà ấy. Về sau, hai con và năm cháu của Từ Trì đều nhiễm bệnh. Đồng cốt nói là do âm hồn Từ Bát quấy phá. Từ Trì kinh sợ, làm trai đàn, đến miếu Thành Hoàng cầu giải cứu. Một người ăn mày đón hấn, thưa: “Ông chẳng phải là Từ Trì chứ? Đêm qua, tôi ngủ tại chỗ vắng của miếu. Có người hướng về thần gọi tên ông, [tố cáo] ông đã hại kẻ ấy. Thần cũng hết sức giận dữ”. Từ Trì kinh hoảng, trở về rồi chết. Con cháu chẳng có ai sống sót.

Thanh lâu [là nơi chốn] để đền trả nghiệp nhân thiếu nợ. Bọn gái đẹp thật sự là biến oan nghiệt phá nhà! Người thời nay đều biết [đạo lý ấy], vừa chung chạ với thể chất như bản ấy, ghê độc phát ra, ngũ quan đổi chỗ, gây hại tới ba đời. Do vậy, có sao người hiểu biết mà lại đem thân mình ra thử, chẳng tránh né?

Có người họ Tiền ở Vô Tích, kết bè lập đảng gồm mười mấy người, dụ dỗ con em nhà giàu. Chúng sử dụng được đồ (藥骰, xúc xắc (hạt xí ngẫu) rỗng ruột, bên trong đồ thủy ngân lỏng để kẻ cờ gian bạc lặn có thể không chế muốn đồ ra mấy điểm tùy ý) để gieo súc sắc, hễ đánh bạc với ai đều thắng. Về sau, bọn chúng so tài đánh bạc với một thiếu niên, thắng tới mấy chục vạn. Bỗng những con xúc xắc văng ra khỏi bồn, họ Tiền ngã lăn đùng ra đất, miệng và mũi đều tuôn máu mà chết. Khi ấy, có một đạo sĩ thỉnh thần tướng, Quan Thánh giáng đàn, chỉ dạy: “Ta đã trừ kẻ hung ác nơi đó, lại còn quăng ba con xúc xắc lên xà nhà hăn”. Đạo sĩ liền hỏi thăm, tìm tới nhà ấy, kịp lúc thấy mọi người còn đang xúm xít kinh ngạc, bèn bảo họ bắc thang lên xem [trên xà nhà, quả nhiên] tìm được [ba con xúc xắc ấy]. Do vậy, đạo sĩ bèn kể tường tận lời Quan Thánh chỉ dạy. Lũ ác hết hồn! [Sau đó], chúng nối tiếp nhau mắc bệnh dịch mà chết!

Lại có gã Đinh Thực được thầy tướng số từng đoán sẽ đỗ đầu thiên hạ. Về sau, y gặp lại ông thầy tướng ấy, ông ta kinh hãi nói: “Ông đã làm chuyện gì vậy, [tước lộc] đã mất sạch cả rồi!” Đinh Thực suy nghĩ, [nhận biết chính mình] đã từng giở trò bạc bịp, thắng được sáu trăm vạn. Do vậy, bèn thật tình kể lại. Thầy tướng số nói: “Là vì lẽ ấy!” Họ Đinh hết sức hối hận, cấp tốc trả lại món tiền đã thắng để chuộc tội. Về sau, hăn đồ gần chót bảng. Hiện thời, khắp nơi đều có kẻ phạm tội này; nhưng hương thân, sĩ tử đều say sưa



chuyện này, thật đáng thông hận! Tục ngữ có câu: *“Làm tú tài như gái trinh, phải sợ người. Làm tiến sĩ như nàng dâu, phải nuôi nấng người khác. Ở trong rường (đã nghỉ hưu), giống như mẹ chồng phải dạy người khác”*. Bọn họ đã chẳng thể dưỡng người, dạy người thì thôi, lại còn muốn làm hại con em kẻ khác, cái tâm như thế nào vậy?

Đời Minh, ông Mạo Khởi Tông là người huyện Như Cao, tỉnh Giang Tô, từng soạn lời cảnh tỉnh người đời như sau:

- Tôi thường thấy con cháu nhà quyền quý và giàu có là hạng chẳng ra gì, dâm dăng, phóng túng, phí phạm. Hoặc là thân chưa chết, mà tài sản đã ngầm bán cho nhà khác. Hoặc xác thịt chưa lạnh mà kẻ khác đã chia vụn nhà ấy. Người đời trước tiện tặn tích cóp, kẻ đời sau vung vãi như bùn, cát. Nhưng những kẻ không ra gì ấy quá nửa lại là người thông minh, là do vì lẽ nào? Ấy là vì thuở ấy, [người đời trước] đã ra oai, cậy vào mưu mẹo, áp bức, gài bẫy người khác vào chôn lao lung để hao tán tài sản của họ vô số, để tom góp thành của cải cho nhà mình giàu có. Thoạt đầu là tổn hại người khác, về sau là bị người khác phá tán. Tục ngữ có câu: *“Có được bất minh, mất đi vừa khéo”* chính là nói về chuyện này! Nhìn từ chuyện này, bèn biết người hiện thời bị kẻ khác hao tán [tài sản] chính là kẻ đã hao tán [tài sản của] người khác thuở trước! Tức là kẻ hao tán [tài sản] của người khác trong hiện thời, có kẻ nào chẳng chớp mắt sẽ bị kẻ khác hao tán!

***Phụ lục mười câu răn dè cờ bạc:***

1) Tâm thuật bại hoại. Vừa vào sòng bạc, sẽ là nơi tranh đoạt lợi lộc. Tính toán trăm kế, luôn là một tấm lòng tham. Đôi bên đều dùng thủ đoạn triệt hạ nhau, chuyên sanh ác niệm chẳng có cùng tận. Tuy là kẻ chí thân mà cờ bạc với nhau, ắt đều ngầm giở trò đen tối. Dầu là bạn tốt mà trên cùng một chiếu bạc, cũng nghiễm nhiên coi nhau như cừu địch, chỉ cốt sao chính mình thắng bạc, mặc kệ người khác phá sản. Há chẳng phải là tâm thuật hết sức bại hoại ư?

2) Chôn vùi phẩm hạnh. Phàm là người thì tốt, xấu, cao, thấp, ai nấy vốn tự khác nhau. Ở trong sòng bạc, chỉ cần biết tiền nhiều hay ít, há quản ai sang, ai hèn? Ngồi hỗn độn, chẳng tuân theo luân lý, thứ bậc, kẻ tôi tớ cũng biến thành bầu bạn, chẳng phân tôn ty. Nô bộc nghiễm nhiên là anh em, mặc sức cười đùa, xưng hô luông tuông, há có thể thống gì, thành ra phẩm hạnh gì?

3) Tồn thương tánh mạng. Kẻ thắng tùy hứng tìm đến, chẳng phân biệt ngày đêm. Kẻ thua liều mạng quay lại, chẳng màng đói, lạnh. Từ đó trở đi, tinh thần hao tổn, mệt mỏi, ắt đến nỗi tổn hại thân thể, táng mạng. Lỡ mắc nợ khó trả, không mặt mũi nào nhìn nhau, muối mặt, ngậm hờn. Vì thế, dẫn đến lăm chứng

bệnh quán thân, hết cách, cùng đường, đành liều chết cho xong nợ. Đường dẫn đến Uông Tử Thành là do noi theo sông bài mà trở về vậy! Há chẳng đáng thương ư?

4) Điểm nhục tổ tông. Tặng tiền bạc cho người khác, còn bị chê cười là lãng tử ngớ ngẩn. Phá sạch gia sản, [cha mẹ] than thở đứa con ngu si làm vậy! Chẳng thể khiến cho tổ tiên rạng mày nở mặt, lại ngược ngạo điểm nhục dòng họ, suy bại gia đình. Xóm giềng đều đổ lỗi cho tổ tông, ắt cha ông đã chết mà còn ngậm oán!

5) Đánh mất sự dạy dỗ trong gia đình. Chuyện cờ bạc dụ dỗ dễ dàng nhất. Trong vòng gia đình, thấy nghe tốt bậc thân thiết. Thông thường [cha anh] giáo huấn con em đều bảo phải học theo gương tốt. Nhưng trộm thấy tại sông bài, cha anh còn bảo [con em] hãy theo quy cách của chính mình. Cha con cờ bạc, anh em cờ bạc, tôi tớ cờ bạc, đùa bỡn với pháp tắc như thế thì thành ra gia pháp kiểu nào đây? Ban ngày đánh bạc, đêm thâu đánh bạc. Đánh bạc trong phòng kín, phong khí bài bạc uơm thành dâm phong, gia giáo bại hoại quá đỗi, đáng nguyền lạnh cõi lòng!

6) Phá tan gia sản. Thoạt đầu để biểu lộ hào khí, ắt vùng tiền như đất. Rót cuộc do tình thế cấp bách, ắt bỏ cả sản nghiệp [vào trò đen đỏ]. Cha ông suốt đời vất vả mới tạo dựng môn hộ, con cháu tiêu xài huy hoác trong phút chốc, khiến cho danh tiếng gia đình bại hoại. Cầm cổ hết sạch xiêm áo, chỉ còn trơ lại cái thân. Thân thích,

bạn bè ai tiếc? Ruộng nương, nhà cửa bán sạch, mà còn mắc nợ, còn góc trời nào để lui về? Nghĩ đến tình cảnh ấy, há chẳng đáng thương ư?

7) Nảy sanh tai biến. Suốt ngày cò bạc, thâu đêm đỏ đen, cửa rá chẳng đóng, đạo tặc thường hay thừa cơ trà trộn. Đèn, đuốc chẳng tắt, phòng ốc do vậy dễ bị cháy. Thậm chí lôi cuốn phường lãng tử thừa dịp tính kế, bọn trộm cướp thường tìm dịp giở trò gian. Khi tắt đèn có kẻ gõ cửa, sẽ chẳng phân biệt chủ, khách. Dứt đứt giải mũ, cởi áo lót mình [trao tặng nhau], nam nữ buông tuồng, mằm họa ần sẵn, sao người ta chẳng lo?

8) Cốt nhục chia lìa. Sĩ, nông, công, thương, ai nấy siêng năng chức nghiệp. Cha, mẹ, vợ, con, vui vẻ với nhau, đây là niềm vui thiên luân, mà cũng là lẽ thường trong tình người. Từ khi vào sông bài, [gia đình] biến thành bể khổ. Cầm cố, gán nợ bằng thoa, xuyên, vợ nín thinh nuốt hận. Bán tháo ruộng nương, nhà cửa, cha mẹ mòn mắt, nhả mảy trông ngóng. Chỉ một kẻ tỏ ra hào sảng, chẳng màng cả nhà oán than!

Lắng lòng tự vấn, làm sao yên được?

9) Trái phạm phép nước. Cấm đoán cò bạc, lệ mới rất nghiêm. Nhẹ thì phạt một trăm trượng, cùm hai tháng, thương tổn tận da thịt. Nặng thì bị đầy ba năm, lưu đầy xa quê nhà ba ngàn dặm! Hạng thân sĩ thì theo thường lệ sẽ bị bãi truất, còn mặt mũi nào! Đối với kẻ lại dịch thì xử tội gấp bội. Phải nghĩ tới gia đình mình,

chứ đề chuyện đã lỡ rồi mới hỏi, sao bằng không dè trước?

10) Sẽ bị trời quở trách. Xem khắp những kẻ mở sòng, thường gặp nhiều tai họa ngang trái. Những kẻ thắng tiền, thường [rớt cục] đến nỗi nghèo đói lạ lùng. Nói chung là do căn xé huyết nhục của người khác hòng no đầy ruột gan ta, thâm tóm sự oán sâu của họ để ta được vui cười. Vì thế, quý thần ôm lòng giận, sẽ báo thù chẳng chịu khoan nhượng tí nào! Đạo trời báo đáp, sẽ cùng nhau chết sạch.

Nhìn chung, sòng bạc rốt cuộc có ích chi đâu? Mười điều như trên, ngôn từ, dụng ý tột bậc thiết tha. Muôn phần mong mỗi người đời, hãy lắng lòng suy nghĩ, sẽ dũng mãnh đại ngộ. Một đao chặt phăng, thề chẳng còn tay nhúng chàm nữa! Có thể xoay người nhảy khỏi ổ sài lang, may mắn chi hơn! Ôi! Cờ bạc hại người còn quá nước, lửa, giặc cướp, nhưng người ta cứ mãi chấp mê chẳng ngộ, liều chết theo đuổi, đáng thương quá đời! Xót thay, đau thay! Do vậy, tôi đau đớn khóc ròng thừa thốt, những ai trông thấy những lời này mà chẳng quay đầu, há chẳng phải là phường hạ ngu ư?

***(Chánh văn) Ly nhân cốt nhục, xâm nhân sở ái, trợ nhân vi phi.***

**(正文)離人骨肉。侵人所愛。助人為非。**

*(Chánh văn: Chia lìa cốt nhục của kẻ khác, xâm phạm những thứ yêu thích của người khác, giúp kẻ khác làm quấy).*

“Ly” (離) có hai nghĩa. Một là truy bức những kẻ thiếu nợ, và quan lại, nha dịch vơ vét tài sản, khiến cho kẻ khác phải bán chác con cái. Một nghĩa nữa là ôm lòng riêng tư xúc siểm, xúi giục, ly gián, khiến cho kẻ khác chia lìa. [Những hành vi ấy] đều là bất nhân quá mức! Chẳng biết tình cốt nhục thuộc về quan hệ huyết thống, thuộc về thiên tánh, có mối thiên luân trong ấy. Vì thế, người có lòng nhân trông thấy cốt nhục của người khác nghèo khó, quẫn bách, khó sống, bèn dùng tài lực giúp đỡ, khiến cho họ được an toàn. Đối với những kẻ [có tình cốt nhục mà] ôm niềm oán cừu, hiềm khích, bất hòa [với nhau], bèn điều đình, hóa giải, khiến cho họ hòa thuận, tốt đẹp với nhau. Đây là con đường trọng yếu của kẻ tu chân vậy.

Tông Truện nghe người đàn bà hàng xóm và con cái ôm nhau khóc suốt đêm. Hỏi thăm, thì ra người chồng mắc tội, [người vợ] tính bán mình để chuộc tội cho chồng. Ông kinh ngạc, bỏ tiền giúp đỡ, khiến cho vợ chồng, mẹ con họ được như xưa. Khi ấy, ông hiềm muộn con, ngay trong năm đó bèn sanh được một đứa. [Về sau], con cháu ông đông đúc.

An Đình Bách thích ly gián. Hắn lại có tài ăn nói. Tuy chí thân mà bị hấn ly gián, lập tức biến thành oán cừu, hiềm khích. Anh em Lý Trung Phủ hòa thuận, do Đình Bách xúc xiểm mà đến nổi đấu đá nhau! Thái Luân và Trương Nghĩa là anh em con cô, con cậu thân thiết với nhau, nghe theo, tin lời Đình Bách [đâm bị thóc, chọc bị gạo] mà tuyệt giao. Những chuyện khác chẳng thể nêu trọn! Về sau, Đình Bách bị trắc trở, nghèo túng, khôn đốn, hai bên má lở loét, họng và lưỡi rữa nát, chẳng ăn uống được, kêu gào rồi chết.

Tổng Anh Tông<sup>639</sup> lên ngôi, gặp phải tình cảnh do ít ban ân cho bọn nội thị, họ nhiều lượt sàm tấu, ly gián trước mặt Thái Hậu, khiến cho hai cung (nhà vua và Thái Hậu) trở thành hiềm khích. Một hôm, Hàn Kỳ và Âu Dương Tu tâu trình chánh sự trước rèm, Thái Hậu ghen ngào, rơi lệ, kể lẻ cặn kẽ nguyên do. Hàn Kỳ tâu: “Đây là vì [hoàng đế] bệnh tật mà thành ra như thế. Bệnh lành, ắt sẽ chẳng như vậy”. Ấy là vì khi đó, hoàng đế bị kinh nghi mà thành bệnh. Âu Dương Tu tâu rằng: “Thái Hậu phụng sự tiên đế mấy chục năm, nhân đức

---

<sup>639</sup> Tổng Anh Tông tên thật là Triệu Thự, là con trai thứ mười ba của Triệu Doãn Nhượng (Triệu Doãn Nhượng là con thứ tư của Tổng Thái Tông Triệu Quang Nghĩa, và là em của Tổng Chân Tông Triệu Hằng). Do Tổng Nhân Tông (tên thật là Triệu Trinh, con trai của Tổng Chân Tông, là em họ của Triệu Doãn Nhượng) đã nhận nuôi Triệu Thự từ lúc bốn tuổi, và các hoàng tử của Tổng Nhân Tông đều chết yếu, các phi tần lại chỉ sanh con gái, Tổng Nhân Tông bèn lập Triệu Thự làm Thái Tử. Khi Tổng Nhân Tông mất, Triệu Thự nối ngôi, nhưng vừa lên ngôi nửa tháng đã bị bệnh nặng, triều thần phải thỉnh Tào Thái Hậu (vợ vua Tổng Nhân Tông) buông rèm thỉnh chánh. Kể từ sau khi lành bệnh, tánh tình Anh Tông thất thường, hay đánh mắng kẻ hầu, hoạn quan Nhậm Thủ Trung thừa cơ gièm xiểm, cho nên giữa vua và Thái Hậu thường có xung khắc.

rạng rỡ thiên hạ. Xưa kia Ôn Thành<sup>640</sup> được [tiên đế] sủng ái, Thái Hậu vẫn cư xử hòa dịu, khoan dung. Nay giữa mẹ và con, sao lại chẳng thể dung thứ cho nhau ư?” Hàn Kỳ lại tâu: “Thái Hậu không có con ruột, hoàng đế từ bé đã được nuôi nấng trong cung. Hoàng Hậu lại là cháu bên ngoại<sup>641</sup>; đây là trời đã xếp đặt đưa con trai ấy và con dâu cho Thái Hậu, há chẳng đáng yêu thương ư?” Tâm Thái Hậu mới dịu bớt. Hàn Kỳ lo sẽ có biến, bèn nói thẳng cho Thái Hậu động tâm: “Bọn thần ở ngoài, chẳng được gặp quan gia<sup>642</sup>, sự bảo vệ trong cung hoàn toàn cậy vào Thái Hậu. Nếu quan gia chẳng được chiếu cố và dạy bảo, Thái Hậu sẽ chẳng tránh được trách nhiệm ấy!” Thái Hậu hoảng sợ, bảo: “Tể Tướng! Sao ông lại nói vậy khiến cho tâm ta càng áy náy hơn”. Những người cùng hiện diện nghe [nói như vậy], không ai chẳng toát mồ hôi!

---

<sup>640</sup> Ôn Thành là thụy hiệu của Trương Quý Phi, một sủng phi của Tống Nhân Tông. Bà này là cháu của Trương Nghiêu Tá, thông minh, trí xảo, thường khéo đón ý, khéo lấy lòng, nên rất được Nhân Tông cưng chiều.

<sup>641</sup> Hoàng hậu của Tống Anh Tông tên là Cao Thao Thao. Bà là cháu nội của Cao Huân, mẹ của bà là chị của Từ Thánh Quang Hiến Hoàng Hậu Tào Thị, tức Thái Hậu của Tống Anh Tông đang được nói ở đây. Vì thế, sách Cảm Ứng Thiên ghi hoàng hậu là “cháu bên ngoại” (ngoại sanh, 外甥), vì bà phải gọi Thái Hậu bằng dì. Bà là mẹ ruột của Tống Thần Tông (Triệu Húc), và là bà nội của Tống Triết Tông (Triệu Hú) và Tống Huy Tông (Triệu Cát). Bà can thiệp rất mạnh vào triều chánh dưới thời Tống Thần Tông và Tống Triết Tông, kịch liệt phản đối tân pháp của Vương An Thạch, trọng dụng Tư Mã Quang. Khi Tống Thần Tông mất, bà được tôn làm Thái Hoàng Thái Hậu, được mời nhiếp chánh cho Tống Triết Tông. Bà đã hạ lệnh xóa bỏ toàn bộ tân pháp của Vương An Thạch. Bà được đánh giá là uyên bác, anh minh, tiết kiệm, lễ pháp kỷ cương trọn vẹn. Do vậy, các sử gia tôn xưng bà là Nữ Trung Nghiêu Thuấn.

<sup>642</sup> Quan gia (官家) là tiếng thời ấy để các đại thần gọi nhà vua.



Hôm khác, Hàn Kỳ một mình gặp vua, tâu: “Bệ hạ lên ngôi đều là do ân của Thái Hậu, chẳng thể không báo đáp. Xin hãy càng chú ý hầu hạ thì sẽ vô sự”. Vua đáp: “Ta kính cẩn vâng theo lời dạy”. Một hôm sau, Hàn Kỳ lại vào gặp vua, vua nói: “Thái Hậu ít đối xử với ta bằng ân nghĩa”. Hàn Kỳ tâu: “Từ xưa, bậc thánh đế hiền vương chẳng thể nói là ít, chỉ riêng vua Thuần được khen là đại hiếu, chẳng lẽ những vị khác đều bất hiếu ư? Cha mẹ nhân từ mà con hiếu thuận, đây là chuyện thường, chẳng đáng nói đến. Chỉ có cha mẹ chẳng nhân từ mà con có thể hiếu thì mới đáng ca ngợi, chỉ sợ bệ hạ chưa phụng sự hết mức đó thôi! Cha mẹ há có ai chẳng nhân từ ư?” Vua hết sức cảm ngộ. Thuở ấy, triều đình có lắm biến cố, kẻ tiểu nhân ly gián đủ mọi cách. Rốt cuộc khiến cho hai cung hòa thuận là nhờ sức của Hàn Kỳ và các vị hiền thần vậy.

Con người có điều yêu thích riêng, như ruộng, đất, nhà cửa, sách vở, những vật quý lạ, dụng cụ, quần áo, trang sức v.v... ắt muốn lập mưu kế xâm đoạt, như thế thì có khác gì bọn giặc cướp cho mấy? Ông Vu Thiết Tiêu nói: “Vật không có đẹp hay xấu, đối với người yêu thích thì sẽ là trân quý. Kẻ khác xâm phạm thứ ta yêu thích, lòng ta sẽ như thế nào?” Lỗ Tử Tấn nói: “Nếu trong lúc ấy, cứ nghĩ vật ta yêu mến bị kẻ khác xâm phạm, chiếm đoạt, sẽ chẳng sợ tham niệm không dứt vậy”.

Trương Cai có một tòa nhà to lớn, do thiếu tiền tiêu dùng, bèn cầm cố tòa nhà ấy cho Trương Tuấn với

giá một ngàn mân<sup>643</sup>. Trương Tuấn yêu thích, muốn chiếm đoạt, bèn biểu xén trọng hậu người môi giới để kẻ ấy [sửa văn khế cầm cố] thành văn khế bán đứt. Về sau, Trương Cai túng quẫn, muốn bán đứt; [Trương Tuấn] đưa văn khế cho xem, chính là văn khế đã bán đứt. Trương Cai trào nước mắt, nguyện với trời rằng: “Tao nguyện cho con cháu của mày rồi cũng giống như tao!” Về sau, con cháu của Trương Tuấn đều mất tiếng mà chết. Phàm ruộng nương, nhà cửa là vật ngoài thân, vì xâm chiếm, lòng gặt, mà phải đền trả bằng con cháu yêu thương nhất, còn ngu gì bằng? Kẻ thích chiếm đoạt của người khác, hãy nên răn dè!

Giúp người khác làm quấy, và thành tựu điều ác cho người khác, [cũng như] chẳng thể hướng dẫn người khác hành thiện, đều thuộc phạm vi [của lời răn này]. Đức Phật dạy: *“Thuyết pháp, giáo hóa thì gọi là Pháp Thí. Có thể khiến cho chúng sanh nghe pháp, do nhân duyên ấy, sẽ đắc vô lượng thiện báo”*. Công Quá Cách nói: *“Dạy người khác làm quấy, cứ mỗi chuyện là một lỗi. Đối với chuyện to lớn thì tùy theo từng chuyện mà luận định tội lỗi. Tích tập cái nhân xấu ác ấy, sẽ bị vô lượng ác báo”*. Ngu ý cho rằng: Hướng dẫn người khác làm lành thì điều lành của người khác sẽ đều là điều lành của chính mình, mà điều thiện của chính mình ngày càng thuần. Giúp kẻ khác làm ác, điều ác của kẻ khác sẽ đều là điều ác của chính mình, nhưng điều ác của chính mình ngày càng tăng. Điều thiện, lẽ ác sẽ quy

---

<sup>643</sup> Một mân (緡) là một ngàn đồng.

về [những quả báo khác biệt] vời vợi một trời, một vực!  
Vì thế, sự báo ứng họa phước rạch ròi như mây và bùn!  
Người biết lẽ này, sẽ biết bỏ [điều ác] và theo [điều lành] như thế nào?

Dương Khai làm huyện lệnh Đan Dương, tánh tình hung bạo, ngang ngược. Dương Tuần là mạc khách<sup>644</sup>, khéo suy đoán ý kẻ khác, mong được họ ưa thích, tuy biết rõ người khác sai trái, cũng chẳng dám trái ý. Đối với những chuyện Dương Khai đã làm, [Dương Tuần] chỉ khen ngợi mà thôi! Một hôm nắng gắt, Dương Khai phạt trượng bọn nha dịch và giam tù hơn bốn mươi người, hai người bị chết, Dương Tuần vẫn a dua, khen ngợi. Đến đêm, [Dương Tuần] mộng thấy thần quả trách: “Kẻ giúp Dương Khai làm ác thật sự là người, đáng có cùng tội”. Chẳng lâu sau, Dương Tuần bị bệnh ngất mà chết. Nhìn vào việc này, những kẻ làm mạc tân trong hiện thời có thể tỉnh ngộ.

Ông Ngô ở Tô Châu nhà nghèo, không có tài sản, đến chơi nhà người phú quý, thường khuyên những người sang cả làm chuyện phương tiện. Nếu gặp kẻ tánh tình tham lam, tàn bạo, ắt dốc nhiều công sức dùng điều thiện để khuyên bảo họ. Thấy người làm lành, ắt khen ngợi, tán thành. Ông có thiện đức cực nhiều,

---

<sup>644</sup> Mạc khách (幕客), hay còn gọi là mạc tân (幕賓), là những nhân viên trọng yếu đóng vai trò cố vấn, tham mưu trong quan phủ. Đời Thanh gọi họ là mạc khách, hoặc mạc tân, thời cổ thường gọi là sư gia (師爷), tức là những thuộc hạ chánh yếu như bí thư, tham mưu v.v...

chẳng thể thuật trọn. Con ông là Tùng Châu đỗ đạt trong tuổi thiếu niên. Ông hưởng thượng thọ.

Trong mười đại nguyên của Phổ Hiền Bồ Tát, có một điều là “*tùy hỷ công đức*”, tức là thấy người khác làm các công đức, sẽ vì họ tùy hỷ, tán dương. Kinh nói: “*Phước của tùy hỷ, như một người bán hương, một người mua hương. Người bên cạnh nhuốm mùi hương, đối với hai người ấy, [mùi hương] chẳng hề giảm bớt*”. Quả báo của tùy hỷ công đức giống như thế đó. Như vậy thì đối với kẻ giúp người khác làm quấy, [quả báo sẽ] có thể suy ra được!

*(Chánh văn) Sính chí tác oai, nhục nhân cầu thắng.*

**(正文)逞志作威。辱人求勝。**

*(Chánh văn: Phô trương oai thế cho thỏa chí, làm nhục người khác để giành phần thắng).*

Bậc quân tử chánh trực kiểm chế bản thân, đối đãi ôn hòa, ân huệ với người khác; người khác tuy sợ, nhưng yêu mến. Nếu cứ hờ ra bèn phô trương oai thế, dẫu được kẻ khác nín chịu, nhưng người ta chẳng mến mộ đức, làm sao có thể cao hơn kẻ khác cho được?

Đời Minh, Sử Lương Tá ở Nam Kinh làm Ngự Sử ở Tây Thành, nhà ông ta ở Đông Thành. Mỗi lần ông ta ra vào, tức giận vì người làng chẳng đứng lên [tỏ vẻ cung kính], bèn bắt mấy người, giao cho quan Ngự Sử Đông Thành cật vấn, họ thưa: “Dân chúng đều bị Nghê Thượng Thư làm cho sai lầm!” Hỏi: “Lầm như thế nào?” Thưa: “Thượng Thư cũng là người Nam Kinh. Khi ông ta chưởng quản bộ Binh, nếu mọi người [chạm mặt ông ta] mà tránh đường, ông sẽ liền sai người ngăn lại, bảo: ‘Ta cùng các vị là người cùng làng quê. Ta không thể qua cổng làng bèn xuống xe, há phiền quý vị phải đứng dậy ư?’ Lũ dân quá ngu, cứ nghĩ ông Sử cũng giống như ông Nghê cho nên chẳng đứng dậy, chẳng ngờ ông ta nổi giận”. Quan Ngự Sử Đông Thành cười xòa, tha cho họ. Thượng Thư [được nói ở đây] là nói tới Văn Nghị Công Nghê Nhạc. Ôi! Ông Sử nghe lời ấy cũng sẽ hổ thẹn trong lòng.

Than ôi! Gần đây thói ỷ vào quyền thế của quan lại đề ra oai, hống hách với kẻ khác, há chỉ là như vậy mà thôi ư? Có kẻ dùng bản án nặng nề, cực hình ngặt nghèo để đối xử tàn độc với người vô tội. Có kẻ mặc tình thuận theo sự hỷ nộ [cá nhân] để phán tội kẻ khác nhẹ hay nặng. Có kẻ do ăn hối lộ bèn phán án nặng hay nhẹ. Có kẻ nhờ vào chuyện này để tính kế đền ân hay báo cừu. Có kẻ bao che phường gian tà để chúng nó độc chiếm thị trường, chẹn đường những người buôn bán. Tuy đủ mọi lẽ sai biệt khác nhau, nhưng nói chung đều là những kẻ nhằm thỏa chí mà ra oai, mắc tội với

trời! Nhưng phô trương quyền thế một ngày, tức là đã ươm mầm oán nghiệt trong mai sau. Khi quyền thế đã hết, báo ứng sẽ đưa tới, há chẳng khỏi “dầu hoi đã muộn” ư? Chỉ mong hãy vận dụng lòng hồi hận ấy sớm hơn đôi chút, ắt sẽ được sự tốt lành to tát.

Khẩu Lai Công (Khẩu Chuẩn) nói: “Quan làm chuyện riêng tư, công vậy, khi thất thế sẽ hối hận. Giàu mà chẳng tiêu dùng tiết kiệm, khi nghèo sẽ hối hận. Nghề khéo chẳng học từ bé, thì khi lớn tuổi sẽ hối hận. Khi thấy mà chẳng học, thì lúc cần dùng tới sẽ hối hận. Khi say thốt lời ngông cuồng, khi tỉnh sẽ hối hận. Lúc an nhàn mà chẳng nghỉ ngơi, khi bệnh sẽ hối hận”. Bài minh này đúng là pháp tắc to lớn để hồi lỗi, mọi người hãy nên luôn đọc.

Dùng lý để chiết phục kẻ khác, vẫn sợ gây nên cái tâm tranh giành phần thắng nơi kẻ khác; do vậy, dẫn đến sự chống trái, chẳng tiếp nhận. Huống hồ [trong trường hợp] vốn đuối lý mà cứ ương ngạnh ngang ngược lằng nhục để mong thắng ư? Lỗ Tử Tấn nói: *“Ai nấy đều có cái tâm sợ bị sỉ nhục, ai chịu cam tâm bị nhục? Kẻ cầu thắng bằng cách [ngang ngược lấn hiếp kẻ khác], đạo trời sẽ báo ứng. Làm nhục người khác vẫn là tự nhục mình!”*

Thượng Thư Lâm Thoái Trai khi sắp mất, đã giáo huấn con

cháu: *“Các người chỉ cần học chịu đựng thua thiệt”*. Ôi! Từ xưa, bậc anh hùng chỉ vì chẳng thể hứng chịu

thua thiệt mà đã làm hại khá nhiều chuyện! Cũng chỉ vì có thể chịu nhục, chịu thua thiệt, mà đã thành tựu nhiều chuyện. Như Hàn Tín chịu nổi nhục luôn dưới đống quần [gã hàng thịt], chịu thua thiệt cùng cực. Về sau, [Hán Vương Lưu Bang] đắp đàn bái tướng [phong cho Hàn Tín làm nguyên soái. Dẹp tan quân Sở, Hàn Tín] được phong làm Tam Tề Vương<sup>645</sup>. Những gã thiếu niên ở Hoài Âm [từng làm nhục ông ta khi trước] trở thành thuộc hạ dưới trướng. Vì thế có thể thấy kẻ an hòa, chịu nhục, ngày sau chẳng phú quý ư? Còn kẻ làm nhục kẻ khác, đâm ra chẳng bị kẻ khác làm nhục ư? Kẻ hiếu thắng hãy suy nghĩ nhé!

*(Chánh văn) Bại nhân miêu giá, phá nhân hôn nhân.*

**(正文)敗人苗稼。破人婚姻。**

*(Chánh văn: Hủy hoại mùa màng của người ta, phá hoại hôn nhân của kẻ khác).*

Dân coi ngũ cốc như tánh mạng. Huống hồ nông dân Xuân cày Hạ cuốc, bao nhiêu nỗi siêng năng, cần cù. Thuế má, nợ nần riêng tư đều trồng cấy vào đấy, há

---

<sup>645</sup> Tam Tề (三齊) tức là phần lớn tỉnh Sơn Đông ngày nay. Khi Sở Vương (Hạng Vũ) diệt nhà Tần, đã chia lãnh thổ đất Tề thành ba phần là Tề Quốc (kinh đô là Lâm Truy), Giao Đông (kinh đô là Tức Mặc), và Tề Bắc (kinh đô là Bác Dương).

có nên ngăn trở thủy lợi, khiến cho [ruộng đồng] khô hạn, phá hoại đê đập khiến [mùa màng] bị ngập, thả rong súc vật giày đạp, ăn hại [hoa màu], khiến cho những thứ do trời đất sanh thành chẳng thể thâm hoạch, sức người phí uổng chẳng có công lao gì! Sao mà bất nhân quá đáng vậy? Nhưng không chỉ là như vậy, kẻ làm bề trên của dân chúng mà không coi trọng thời vụ, chẳng chú trọng thủy lợi, thì cũng thuộc loại phá hoại mùa màng, cũng có thể dùng tội danh này để định tội vậy!

Vào năm Đinh Mùi (1667) đời Khang Hy nhà Thanh, gã hương dân Lý Giáp ở Hồ Quảng<sup>646</sup> làm nghề buôn trâu. Muốn cho trâu mập mạp, hắn thường chờ đến khi lúa chín, vào lúc canh tư, cưỡi trâu cho nó ăn lúa thỏa thích, đi xa tới mấy dặm, coi đó là chuyện thường. Đất rộng, người thưa, người ta không nhận biết. Bỗng có một hôm, hắn bị sét đánh chết, lưng có đề bốn chữ bằng son: “*Túng ngư u hại giá*” (Thả trâu hại mùa màng).

Cao Bân làm tri châu Đường Châu, đất rộng, người thưa, đồng ruộng hoang vu. Ông tới trấn nhậm, bèn xem xét tận cùng ruộng đất, biết vùng ấy có thể canh tác, chỉ hiềm thiếu sức người. Do vậy, ông chiêu

---

<sup>646</sup> Hồ Quảng (湖廣) là từ ngữ chỉ hai tỉnh Hồ Bắc và Hồ Nam. Từ ngữ này có ý nghĩa khác với danh xưng Hồ Quảng Hành Tỉnh thời Nguyên và Minh. Hồ Quảng Hành Tỉnh bao gồm phía Nam tỉnh Hồ Bắc, toàn bộ tỉnh Hồ Nam, vùng Đông Nam của Trùng Khánh, vùng Thiệu Quan (kể cả đảo Hải Nam) của Quảng Đông, và một phần tỉnh Quảng Tây. Danh xưng Đại Hồ Quảng lại chỉ một khu vực rộng hơn bao gồm năm tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, Quảng Tây và Phước Kiến.



mộ những lưu dân (người dân lêu bêu) thuộc Lưỡng Hà<sup>647</sup>, tính theo nhân khẩu mà cấp ruộng. Số hộ dân tăng thêm là một vạn ba ngàn ba trăm hộ, cấp ruộng hơn ba vạn một ngàn khoảnh. Thậm chí đất đai ở các vùng rừng núi gai góc đều biến thành ruộng tốt.

Hứa Quy làm tri huyện Đan Dương, gặp phải trận hạn hán to, ông bèn trái nghịch lệnh cấm, phá đê ngăn Luyện Hồ<sup>648</sup> để lấy nước cứu ruộng cho dân. Năm ấy, hơn một vạn khoảnh ruộng được mùa lớn.

Vương Tế làm Chủ Bạ ở Long Khê. Huyện có một cái ao chứa nước dài dằng dặc mấy chục dặm. Trước đó đã có gã thổ hào độc chiếm [cái ao ấy] để chuyên trục lợi. Ông bèn đoạt lấy cho dân dùng, cả huyện chẳng còn lo lắng tai nạn hạn hán lâu ngày.

Miêu Thời Trung làm Chủ Bạ ở Ninh Lăng. Trong huyện có con sông cổ, bỏ hoang lâu ngày. Ông sai phu phen khai thông, ruộng trong huyện bèn trở thành phì nhiêu. Tấm lòng của mấy vị ấy là làm lợi cho trăm đời; những kẻ có tâm phá hoại [mùa màng], và ngồi điềm nhiên nhìn [dân chúng nheo nhóc vì] hạn hán hay lụt lội, chẳng lập ra phương cách [cứu giúp], hãy nên nhìn vào những tấm gương trên đây!

Có vợ chồng rồi mới có cha con; đạo hôn nhân to lớn thay! Phá hoại [hôn nhân] có mấy loại. Có kẻ dùng

---

<sup>647</sup> Lưỡng Hà là hai tỉnh Hà Nam và Hà Bắc.

<sup>648</sup> Luyện Hồ (練湖) là một cái hồ to thuộc huyện Đan Dương, tỉnh Giang Tô.

trăm phương kẻ phỉ báng, hủy nhục, hoặc là phá hoại trước khi họ nên duyên, có khi là tìm nhiều cách ngăn trở, quấy nhiễu để phá hoại lúc họ sắp kết hôn. Có khi là vô cớ dấy động sóng gió nhằm phá hoại sau khi họ đã kết hôn. Nào có biết hôn nhân là do trời định, con người làm sao có thể phá hoại cho được? [Những cuộc hôn nhân] bị kẻ khác phá hoại, [thật sự là do] rớt cuộc họ chẳng có mối quan hệ hôn nhân. Nhưng ly tán hay kết hợp là do cõi trời, dấy lên cái tâm phá hoại là do nơi con người, cái tội ấy giống như tội sát nhân. Ôi chao! Kẻ tạo ác sao lại táng tận lương tâm, tự chuốc lấy nỗi oan nghiệt to tát vậy? Còn như vợ chồng đã lấy nhau, hoặc là bố vợ chê chàng rể kém hèn mà sanh lòng ly gián, hoặc do bố mẹ chồng thấy con dâu nghèo nàn bèn tin theo lời gièm siểm, sàm báng! Lại nữa, phá hoại tình yêu thương giống như sát nhân, còn [nặng] gấp mấy lần [cái tội] cầm dao guom đâm chém, chớ nên không răn dè. Nếu như vì ngại [dâu rể] nghèo nàn mà từ hôn, hoặc cậy mạnh chiếm đoạt người phối ngẫu [của kẻ khác], càng có hại cho lẽ trời. Nếu như quan lại phán xử công vạy do thuận theo tình cảm riêng tư, bèn dựa trên những lời cung khai [chẳng đúng sự thật] mà kết thành án xác quyết, liền cấp giấy ly hôn, âm chất sẽ bị hao tổn to lớn, ắt bị [trời đất] khiển trách sâu nặng! Kẻ làm quan thông hiểu tình đời, hãy lại nên dè chừng chuyện này!

Tiểu Lý Nhi ở Đức Châu lúc trẻ nghèo nàn, lái thuyền cho người ta, ngẫu nhiên nhặt được mười hốt<sup>649</sup> vàng. Chủ thuyền bảo: “Ta có đưa con gái, gả cho người làm vợ”, bèn đính ước. Một hôm, chủ thuyền đi vắng, người mất vàng tới hỏi. Lý Nhi hỏi han, biết là đích xác, bèn trả lại. Chủ thuyền có gã thân thích, muốn đoạt vợ của Lý Nhi [để cưới cho con trai mình], bèn thừa dịp ly gián, phá hoại nói: “Gã ấy là kẻ bạc phước, rốt cuộc sẽ chết đói”. Chủ thuyền bèn xua đuổi Lý Nhi. Gã thân thích ấy vừa sắm sửa lễ vật hỏi cưới, bỗng con hấn chết đột ngột, [phải hủy hôn lễ]. Lý Nhi bị đuổi đi, vẫn chở thuyền cho người khác. Tháng nóng, anh ta tắm dưới Lỗ Kiều, có vật ngáng chân, chính là mấy chục đỉnh bạc, bèn nhặt lấy, đem buôn bán ở chợ. Gặp một người chủ tiệm chính là người đã đánh mất tiền khi trước, ông ta bèn tận tâm [giúp đỡ] họ Lý đổi thành hàng hóa, được lời gấp mấy lần. Chủ thuyền khi trước biết anh ta giàu có, rốt cuộc gả con cho. [Lý Nhi] còn sanh được hai đứa con đều quý hiển!

Cát Đánh Nãi ở Tứ Minh lúc còn làm chư sanh<sup>650</sup>, mỗi khi đến trường, ắt đi ngang miếu Thổ Địa. Ông Từ

---

<sup>649</sup> Hốt (笏) có hai cách hiểu:

1. Vàng, bạc đúc thành miếng có hình dạng giống như cái hốt (vật cầm trên tay của các quan khi vào chầu vua). Có thể hiểu đại khái là đúc thành miếng mỏng, giống như miếng vàng lá (một lượng hay còn gọi là một “cây” vàng).
2. Đúc thành từng thoi thì cũng gọi là Hốt.

<sup>650</sup> “Chư sanh” (諸生) là tiếng gọi những người đã đậu Tú Tài, được vào học trường huyện, hoặc trường Thái Học tại kinh đô (học trò tại trường Thái Học sẽ thường được gọi là Giám Sanh). Do những người này được chia thành nhiều loại như công sanh, lâm sanh, phụ sanh, tăng sanh, hương sanh, lệ sanh, tường sanh, nên gọi chung là “chư sanh”.

trông miêu mộng thấy thần dạy: “Cát trạng nguyên đi qua, ta ắt phải đứng dạy. Hãy vì ta dựng tường ngăn để che lại”. Ông Từ theo đúng lời, vừa mới nhóm hộp thợ, [chưa khởi công], lại mộng thấy thần bảo: “Chẳng cần tốn công nữa! Chàng Cát viết thư ly hôn cho kẻ khác, đã bị tước sạch công danh trên đường khoa cử”. Ấy là vì có kẻ trong làng bỏ vợ, chẳng thể viết [giấy ly hôn], bèn kéo nài chàng Cát viết giùm. Chàng Cát nghe [ông Từ kể lại lời thần], hết sức hối hận, tận lực khiến cho vợ chồng họ tái hợp. Anh ta chỉ đỗ khoa thi Hương, làm quan tới chức Phó Sứ.

Tôn Hồng từng viết giấy ly hôn cho người khác. Cha một người bạn nằm mộng thấy Tôn Hồng do chuyện này mà bị tước sạch công danh. Tôn Hồng biết chuyện, hết sức hối hận, vội khuyên nhủ người bạn, tận lực giúp cho họ đoàn tụ. Từ đấy, anh ta chuyên dốc chí giúp cho hôn nhân của người khác được toàn vẹn. Hễ có chuyện ly hôn, ắt khéo léo hòa giải, bảo vệ cuộc hôn nhân ấy. Do âm công đó, anh ta được làm Thị Lang, sanh hai con trai.

Quan lệnh doãn xứ Hoài An là Phạm Dưỡng Ngô thấy có gã học trò là Thí Kỳ Phân do vợ chồng kiện cáo nhau, theo đúng pháp, phải nên xử cho họ ly hôn, nhưng ông dốc sức giúp cho họ chẳng bỏ nhau. Đến khi cáo lão hồi hưu, ông bị bệnh. Cháu nội là Thụy Chi xin tiên giáng cơ. Đến khi vị tiên giáng đàn thì ra là Thí Kỳ Phân, phê rằng: “Nhờ ơn sâu nặng của ông khéo léo giữ vẹn cuộc hôn nhân cho vợ chồng ta, sanh được bốn đứa

con, nay chúng đều vào trường huyện; vì thế, đặc biệt đến cảm tạ. Hơn nữa, ông là người nhân đức, sẽ vĩnh viễn hưởng phước lâu dài, chẳng đáng phải lo âu”. Về sau, quả nhiên ông Phạm sống thọ, con cháu hết sức hưng thịnh.

Hà Nguyên Ích đã ước định kết thông gia với Triệu Minh Phu, nhưng con gái họ Triệu bị mù, gia sản ít ỏi, Nguyên Ích bèn từ hôn, kết thông gia với nhà Đơn Tử Văn. Năm sau, hai cha con Hà Nguyên Ích đều chết, con gái họ Triệu lấy chàng học trò Diệp Duy Tiên. Duy Tiên đỗ đạt, chương quản tam điển<sup>651</sup> tại một quận lớn.

Trịnh Thúc Thông từ bé đã có hôn ước với con gái họ Hạ; đến khi đỗ đạt, con gái họ Hạ bị bệnh trở thành câm. Chú bác khuyên đừng cưới, Thúc Thông kiên quyết nói “chẳng thể”, thưa: “Cháu không cưới cô gái ấy, cô ta sẽ đi về đâu? Hơn nữa, khi chưa bị câm bèn đính hôn. Đã bị câm bèn bỏ, cái tâm sao mà tàn nhẫn vậy?” Ông vẫn cưới cô ta. Về sau, họ Trịnh làm quan tới chức Thị Tùng<sup>652</sup>, con trai lại đỗ đạt.

Dương Hoành giận thẳng rêu là Diêu Hồng thất học, đuổi hắt đi. Diêu Hồng xin từ biệt vợ, chẳng được

---

<sup>651</sup> Tam điển (三典) là ba loại pháp điển (luật lệ) của nước nhà, tức kinh điển, trung điển và trọng điển. Cổ nhân quy định: Khi nước nhà mới thành lập (vương triều vừa mới thành lập) dùng kinh điển (luật lệ nhẹ, khoan dung), trong thời kỳ thái bình, dùng trung điển (luật lệ hạng trung). Vào đời loạn, dùng trọng điển (luật lệ nghiêm khắc). Như vậy chương quản tam điển chính là chức quan trông coi về tư pháp tại một quận. Theo Hán Thư, một quận có mười hai vạn hộ gia đình trở lên thì gọi là đại quận.

<sup>652</sup> Thị Tùng (侍從) là danh xưng chung để gọi các chức quan Hàn Lâm Học Sĩ, Cấp Sự Trung, các quan Thượng Thư hoặc Thị Lang.

[chấp thuận]. Cô con gái oán hận, phần uất thành bệnh mà chết. Dương Hoành sai người đưa quan tài tới [quàn ở] chùa. Chàng rở tới chỗ quàn quan tài, khóa cửa tự bung ra, cánh cửa cũng tự mở. Mẹ cô Dương nghe chuyện bèn cảm khái, bi thương, chết luôn. Mười mấy năm sau, Dương Hoành tới chỗ quàn con gái, cũng chết đột ngột.

Tư Mã Ôn Công đời Tống đã huấn thị rằng: - Phàm ước định hôn nhân, trước hết hãy nên xem xét tánh tình, phẩm hạnh của chàng rể và đưa con gái, cũng như gia pháp như thế nào, đừng chỉ ham mộ phú quý. Nếu chàng rể thật sự là người hiền, nay tuy nó nghèo hèn, biết đâu mai sau nó phú quý không chừng? Nếu như nó là thứ không ra gì, nay tuy phú quý, không chừng mai sau nó nghèo hèn thì sao? Người vợ là cội nguồn khiến cho gia đình hưng thịnh hay suy bại. Nếu chỉ ham mộ phú quý nhất thời mà cưới về, cô ta sẽ cậy mình phú quý, hiếm có khi chẳng khinh rẻ chồng, hống hách đối với bố mẹ chồng, dưỡng thành tánh kiêu căng, ghen ghét, họa hoạn mai sau há có cùng cực ư? Giả sử do tài sản của vợ mà trở thành giàu có, dựa vào thế lực của nhà vợ để làm quan, nếu là bậc trượng phu có chí khí, há có thể chẳng thẹn ư? Lại nữa, thế tục thích lúc trẻ còn đang ẵm ngửa, non nớt đã dễ dãi hứa hôn, cho đến khi con cái đã lớn, hoặc là phùng không ra gì, vô lại, hoặc thân bị bệnh ngặt, hoặc nhà nghèo đói rét, hoặc phải làm quan ở nơi xa. Vì thế, đến nỗi chẳng giữ chữ tín, trái nghịch hôn ước, dẫn đến chuyện thừa gởi, kiện cáo khá nhiều! Do vậy, đối với con cái nhà người

ta, ắt phải chờ đến khi chúng đã khôn lớn rồi mới bàn định hôn nhân. Đã gởi thư xin cưới, nạp sính lễ, chẳng đầy mấy tháng, hôn sự bèn hoàn tất. Do vậy, chuyện chung thân mới chẳng có việc từ hôn, thay đổi, đây chính là cách thức đời sau đáng nên tuân thủ vậy.

*(Chánh văn) Cầu phú nhi kiêu, cầu miễn vô sỉ.*

**(正文)苟富而驕。苟免無恥。**

*(Chánh văn: Vừa mới giàu có mà đã kiêu căng, tùy tiện trốn thoát không biết hổ thẹn).*

“Cầu” (苟) chính là “cầu phú” (苟富) như Luận Ngữ đã nói, có nghĩa là chưa chắc đã giàu to, chỉ là giàu có tạm thời, hoặc tạm coi là giàu có mà đã kiêu căng. Rõ ràng là nói đến tình huống vô tri làm xằng của phường tiểu nhân vừa mới giàu có. Bởi lẽ, giàu mà kiêu, kiêu bèn xa xỉ, do xa xỉ bèn phí phạm. Do phí phạm sẽ tham lam đoạt lấy của cải bất nghĩa, bóc lột kẻ khác để béo thân mình, ắt sẽ dẫn đến chuyện ỷ vào [của cải] rồi hung hăng, ngạo mạn, lấn hiếp xóm giềng, khinh rẻ thân thích, bằng hữu, để tự hưởng thì có thể vung tay ngàn vàng, nhưng đối với người ngoài bèn “một sợi lông chẳng chịu nhỏ”! Nhưng sự rực rỡ (phô trương oai thế) dễ hết, đạo trời chẳng ưa sự sung mãn

[quá lố], thói kiêu ngạo còn chưa kịp ảnh hưởng tới người khác thì họa đã giáng xuống chính mình trước. Chuyện này muôn phần chẳng sai sót một!

Một phú ông ở Dương Khê tánh tham lam, thô bỉ, bạc, lụa, tiền tài, thóc gạo, ngày càng chất chứa đầy ắp. Ông Trần Đồng Đường khuyên nhủ: “Chất chứa tài sản mà chẳng chia ra, ắt sẽ có tai ương lạ lùng. Sao không thí xả một, hai phần để làm thiện sự hòng làm kế lâu dài”. Hắn chẳng nghe lời. Hai, ba năm sau, ông Đồng Đường nói với kẻ khác: “Họa của gã này đã tới rồi. Hắn ta một mực tham lam, keo kiệt đáng khinh. Gần đây, nghe nói hắn càng thêm mặc sức kiêu căng, ngang ngược, ngạo mạn, bóc lột hà khắc, không chuyện gì chẳng làm, chẳng phải là sẽ nhanh chóng gặp họa ư?” Không lâu sau, quả nhiên hắn ta bị giặc giết. Cổ nhân nói: *“Cung kính, khiêm chế là nền tảng của phước. Còn kẻ kiêu căng, keo kiệt, ngạo mạn, đó là điềm tai họa”*. Kẻ nương vào nền phước, sẽ dần dần được an ổn. Kẻ dẫn khởi nguồn họa, sẽ bỗng dưng bị đổ nhào. Gương sáng vắng vặc xưa nay, hãy răn dè nhé!

Đức Phật dạy: *“Ta có hai bách pháp có thể cứu hết thấy chúng sanh. Hai bách pháp là gì? Một là then, hai là hổ”*. Phu tử (Khổng Tử) nói: *“Hành kỷ hữu sĩ”* (Lập thân hành xử, biết xấu hổ). Lễ Ký chép: *“Lâm nạn vô cầu miễn”* (Gặp nạn chẳng tùy tiện trốn tránh). Nay đã cầu thả trốn tránh, lại còn chẳng biết hổ then, hạng người như vậy thấp kém lắm!



Đời Đường, Ca Thụ Hàn và An Lộc Sơn cùng làm tướng của nhà Đường, thường ganh nhau, chẳng ai chịu thua ai. Cho đến khi An Lộc Sơn làm phản, Ca Thụ Hàn bị bắt, An Lộc Sơn hỏi: “Người thường khinh ta, nay thì như thế nào?” Ca Thụ Hàn quỳ mọp dưới đất, thưa: “Thần là gã mất thịt, chẳng biết bậc thánh nhân”. An Lộc Sơn cười, phong cho Ca Thụ Hàn làm Tư Không<sup>653</sup> của hấn. Về sau, [sau khi loạn An Lộc Sơn bị dẹp tan], những tướng của nhà Đường đã hàng giặc đều bị [triều đình] giết sạch, Ca Thụ Hàn rốt cuộc bị chết.

Đời Tống, Phạm Thuần Nhân đã từng cùng Tư Mã Quang bàn luận chánh sự không hợp ý. Về sau, đến khi triều đình trừng trị phe Tư Mã Quang, do Hàn Duy khi còn nắm quyền đã không hợp ý Tư Mã Quang nên chẳng mắc tội [với phe đảng mới]. Có người khuyên Thuần Nhân hãy dùng trường hợp của Hàn Duy để làm cơ chạy tội. Thuần Nhân nói: “Xưa kia ta và Quân Thật (tên tự của Tư Mã Quang) [làm bạn] cùng triều bàn luận chánh sự không hợp ý thì được. Chứ hiện thời, cầu thả mong được thoát tội thì không thể được. Ôm lòng nhục nhã mà sống, sao bằng chết đi mà cái tâm chẳng xấu hổ ư?” Thuần Nhân bèn bị [phe cầm quyền mới trong triều đình] đày đi xa.

---

<sup>653</sup> Tư Không (司空): Chữ Không là cách viết giả tá của chữ Công. Tư Không cùng với Tư Đồ, Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ gọi là Ngũ Quan, địa vị ngang với Lục Khanh (thời Châu, Lục Khanh là Thái Tể, Thái Tông, Thái Sử, Thái Chúc, Thái Sĩ, Thái Bốc. Từ đời Đường trở đi, Lục Khanh là thượng thư sáu bộ Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Chức vị Tư Không chương quản các công tác thủy lợi, xây dựng, kiến thiết v.v... Về sau, chức quan Tư Không đồng nhất với Công Bộ Thượng Thư.

Lỗ Tử Tấn nói: - Chẳng đáng thoát khỏi mà may mắn thoát khỏi thì gọi là “*cầu miễn*”, hãy nên tự thẹn, tự trách sâu xa! Có một hạng người do nương cậy [các mối quan hệ] mà mưu toan [thoát tội] được thành, bèn ngược ngạo cười mũi những người vì trung lương mà bị chém giết, chê bai sâu xa những vị vì tiết nghĩa mà bị tử hình. Hạng người ấy tuy [do hành xử] cầu thả mà giữ tròn tánh mạng, cái tâm đã chết trước mắt rồi, cũng chẳng có mặt mũi nào mà nhìn người khác, chứ chẳng cần nói đến chuyện bị [thiên hạ] thóa mạ sau lưng! Còn như những kẻ tiểu nhân đầu đường xó chợ, làm xằng, làm quấy, may mắn thoát khỏi tai họa trừng phạt, chẳng biết là trời sẽ giáng họa sâu hơn, vẫn quen thói chẳng hổ thẹn, làm ác chẳng hối cải, rốt cuộc tới lúc chẳng thể tránh khỏi tai họa mà vẫn chẳng tỉnh ngộ, cũng chẳng đáng buồn ư?

*(Chánh văn) Nhận ân thôi quá, giá họa mại ác.*

**(正文)認恩推過。嫁禍賣惡。**

*(Chánh văn: Mạo nhận ân huệ, chối bay tội lỗi. Giá họa, ác ý).*

Ân chẳng phải do mình làm ra mà mạo nhận, bất quá là mưu kế nhất thời hòng mua chuộc hảo cảm của người khác. Xét đến cùng, nhất định [là người chịu ân]

sẽ biết sự thật, họ sẽ chẳng cảm kích, mà đâm ra coi thường sự dối trá ấy. Lỗi thật sự từ chính mình mà ra, nhưng đùn đẩy trách nhiệm, bắt quá là mưu kế nhất thời hòng chữa lửa! Xét đến cùng, nhất định kẻ khác sẽ biết sự thật, họ không chỉ chẳng dung thứ, mà càng chán ghét thói gian xảo ấy! Đó gọi là “*kẻ tiểu nhân oan uổng tự làm tiểu nhân*”.

Đời Tống, Vương Tăng làm Tể Tướng, có kẻ xin cất nhắc, ông ắt nghiêm mặt từ khước. Hễ cất nhắc, ông trọn chẳng nói cho kẻ ấy biết. Đệ tử hỏi: “Sao thầy không cho kẻ đó biết?” Ông đáp: “Dùng người hiền là chuyện của hoàng đế. Nếu để cho họ biết, sẽ thành chuyện thuận theo tình riêng để ban bố ân huệ riêng tư. Xưa kia có một người, muốn tặng khách ngàn vàng, sợ rằng nếu công khai trao tặng, sẽ có kẻ khác ganh ghét, bèn bỏ vàng trong vò rượu, niêm kín lại đem biếu. Người ấy phát hiện vàng, bèn hỏi nguyên do, [người cho] bèn đáp: “Tôi không biết! Rượu này mua ngoài chợ, chẳng biết là do ai giấu vàng vào đó! Đây là vận số đã định, [món vàng ấy] phải thuộc về anh. Sao lại hỏi tôi?”

Một gã huyện lại (nha lại làm việc ở huyện) tại Hưng Sơn giỏi gặt người. Mỗi khi quan trên ban ân trạch cho người khác, gã huyện lại ấy bèn nói: “Đó là do ta dốc sức đệ trình”. Hoặc là người khác bị trách phạt, bèn nói: “Là do công lao duy trì [chánh nghĩa] của ta”. Hễ có chánh lệnh tốt đẹp nào, hẳn đều nhận là do ân huệ của chính mình. Mọi người đều ca tụng hẳn

có sức xoay chuyển càn khôn. Về sau, quan huyện phạm lỗi, quan trên cũng bắt hẩn luôn, bảo: “Quan huyện nghe lời người, chuyện này do người gây nên, đều là do người chủ trương sai khiến, tội há có thể dung tha, thoái thác ư?” Rốt cuộc hẩn bị phạt trượng mà chết.

Đời Minh, trạng nguyên Vương Hoa lúc làm quan, có kẻ dùng chuyện của kẻ khác để vu cáo ông. Người ta khuyên ông nên biện bạch, ông đáp: “Đây là chuyện của người bạn cùng lứa tuổi với ta. Nếu ta biện bạch, sẽ là công kích bạn ta”. Rốt cuộc, ông chẳng biện bạch. Về sau, con ông là Thủ Nhân, tức tiên sinh Vương Dương Minh, đang làm quan tại kinh đô, nghe hàng nho sĩ bàn luận toi bời về chuyện ấy, toan dâng sớ tấu trình [hoàng đế] để biện định, ông vội gởi thư ngăn lại, bảo: “Con tính dùng chuyện này để sỉ nhục cha ư? Cha vốn không thể sỉ nhục. Nay con bèn vô cớ công kích, bêu riếu người bạn của cha, tức là đã ngược ngạo khiến cho cha bị sỉ nhục to lớn!” [Vương Dương Minh] bèn thôi [dâng sớ]. Ôi! Thà nhận là lỗi của mình, chẳng phô bày sự sai lầm của bạn, há chẳng phải là đã vượt trội hạng tầm thường muôn vạn phần ư? Như thế thì há có thói tệ “mình có lỗi bèn đùn đẩy cho người khác” hay sao?

“*Giá họa*” (嫁禍) là như gả con gái cho người ta, người ta cũng chịu cưới. “*Mại ác*” (賣惡) là như bán vật gì cho kẻ khác, người ta cũng bằng lòng mua.

Những mưu toan kiểu này quá sâu, ắt phải chịu báo ứng thâm trọng, rốt cuộc sẽ là “*họa tự đưa đến, ác tự dồn về*”, cũng có ích gì chẳng?

Đời Tống, Quách Hoàng Trung coi Vân An quân<sup>654</sup>. Một hôm, ông đến Thê Hà Cung dâng hương. Mộng thấy thần bảo: “Ông rủ lòng chăm sóc nơi này, ai nấy đều chịu ân. Nhưng có chuyện gian dối, chẳng dám không báo cho ông biết. Ngày mai sẽ có những kẻ phạm tội mổ trâu bị giải tới, ngoài chín người ra, hãy nên tra xét”. Đến sáng, Tuần Kiểm Ty<sup>655</sup> quả nhiên giải chín người đến. Có một gã lính tự xưng là đã bắt được bọn trộm, xin lãnh thưởng. Con trâu ấy do gã lính ấy giết, giá họa cho chín người kia, lại còn bắt giữ họ để mong được thưởng. Ông vừa cật vấn, hắn bèn chịu tội.

Trình Thất ở Việt Trung<sup>656</sup> vốn là kẻ vô lại. Làng xóm hễ có người đấu đá, hắn ắt nói: “Có thể cho ta uống rượu say, trả tiền công cho ta, ta sẽ dốc hết sức làm thay”. Người ta ưng chịu, hắn sẽ thừa con say, thay mặt [người mướn] đến chỗ [đối thủ] nhục mạ, đánh lộn hăng tiết, không gì chẳng làm! Lại còn có thể lập gian kế thay cho người khác, chỉ cần có lợi thì không gì

---

<sup>654</sup> Quân (軍) là một đơn vị hành chính thời Tống. Nhà Tống chia lãnh thổ Trung Hoa làm mười tám lộ (路, tương đương một tỉnh hiện thời). Mỗi lộ lại chia thành châu, phủ, quân và giám (監).

<sup>655</sup> Tuần Kiểm Ty (巡檢司) là một cơ quan hành chánh đời Tống, có trách nhiệm tuần tra châu huyện, bắt giữ đạo tặc.

<sup>656</sup> Việt Trung (越中) là vùng Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang. Do vùng này thuộc vào trung tâm của nước Việt thời Xuân Thu, nên gọi là Việt Trung.

chẳng làm. Một hôm, hắn được kẻ khác thuê mướn để lên phủ chịu trách phạt thay cho người đó, [hắn bị tra khảo] trọng thương đến nổi chết, phơi thây ngoài đường. Người ta trông thấy, không ai chẳng vừa chửi bới vừa cười nhạo: “Điều ác có thể bán được thì tánh mạng cũng có thể bán được luôn!”

*(Chánh văn) Cô mãi hư dục, bao trữ hiểm tâm.*

**(正文)沽買虛譽。包貯險心。**

*(Chánh văn: Mua bán danh hảo, ôm lòng sâu hiểm).*

Mạnh Tử nói: “*Hữu chư nội, tất hình chư ngoại*” ([Những ý niệm] có ở bên trong, ắt biểu lộ ra ngoài). Trang Tử nói: “*Danh giả, thật chi tâm giả*” (Cái danh nhằm biểu lộ thực chất bên trong), làm sao có thể mua bán cho được? Mua bán [hư danh] thì có kẻ hao tổn tiền của để chuốc vờ, bày mưu tính kế để lôi kéo [cái danh], có ý tưởng vận dụng những mảnh khoe để lung lạc! Thường thấy từ xưa, những bậc tôi trung, con hiếu, phụ nữ tiết hạnh, kẻ sĩ chân chánh, hễ có danh tiếng vẻ vang, ắt sẽ gặp chuyện khốn khó, vùi dập. Vì có sao vậy? Danh cũng là phước; tạo vật (tạo hóa) chẳng chịu trao phước vẹn toàn cho con người; được cái này, mất cái kia, đó là lẽ tất nhiên. Huống hồ là kẻ không có thực

chất, mua danh, sẽ gặp những chuyện vui đập đến mức nào?

Ông Vu Thiết Tiêu nói: “Kẻ sĩ trong hiện thời, văn chương có thể được khắc in, nhưng nhiều lượt thi trượt. Kẻ làm quan cai trị nhân đức được khắp nơi ca tụng, nhưng suốt mười năm chẳng được điều động [thăng thưởng], không ai là chẳng phải vì lẽ này!”

Đời Tống, Trần Hy Di đã răn dạy Chung Phóng<sup>657</sup>: *“Danh là món vật đẹp dễ xưa nay, bị tạo vật đổ kỹ sâu nhất. Vì thế, trong vòng trời đất, chẳng [một ai] hưởng tiếng thơm toàn vẹn. Khi danh tiếng của ông dấy lên, ắt có những sự vật khiến cho cái danh ấy bị suy bại”*. Về sau, quả nhiên tiết tháo [của Chung Phóng] vào lúc tuổi già do chuyện ngồi xe trang hoàng xa xỉ mà thanh danh bị chôn vùi. Như Chung Phóng là người hiền, còn vì danh tiếng lừng lẫy mà suy bại. Những kẻ sĩ giả danh, văn chương giả dối, đạo học giả dối, tiết nghĩa giả vờ trong hiện thời cứ đề cao danh tiếng của nhau, [gắng sức] làm cho tiếng tăm được lưu truyền rộng rãi, khi [thực chất bị] bại lộ, sẽ biết làm như thế nào? Thường thấy bậc danh sĩ mắc họa, thường [gặp những cảnh ngộ] bi thảm hơn kẻ bình thường. Như thế thì kẻ chú

---

<sup>657</sup> Chung Phóng (935-1015) là người sống vào đời Tống, quê ở Lạc Dương, có hiệu là Vân Khê Túy Hầu. Ông bảy tuổi đã có thể viết văn, tinh thông Dịch học, nhưng không đi thi, ẩn cư tại núi Chung Nam, chuyên dạy học. Do Xá Nhân Tống Duy Hàn cực lực tiến cử, Tống Chân Tông vời ông ra làm quan, phong chức Tả Tư Giám, sai trông coi Chiêu Văn Quán. Ông lại được thăng thành Hữu Nghị Giám Đại Phu. Cuối cùng, làm quan đến chức Công Bộ Thị Lang. Khi đã đắc thế, ông tậu nhiều ruộng tốt, cấy oai thế cưỡng ép người khác phải bán ruộng. Thuộc hạ và thân thuộc cũng cấy thế ông làm nhiều chuyện sai quấy.

trọng hư danh không chỉ là tổn phước mà thôi, há chẳng đáng răn dè ư? Còn như làm lành mà cũng chú trọng [vun đắp] công đức ngấm ngấm, ắt trời sẽ báo đền chẳng tầm thường vậy!

Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Hãy nên bình lặng tâm địa, ắt đất trong thế giới hết thấy đều bình”*. Bởi lẽ, sự gian hiểm trong tâm địa đều được chứa đựng trong ấy, khiến cho con người chẳng giác. Ẩn giấu giáo, mâu trong câu nói tiếng cười, đặt bẫy rập liên hoàn, xảo trá kín nhiệm, dầu núi sông [hiểm trở] vẫn chẳng đủ trời hơn sự hung hiểm trong những mưu kế ấy. *“Bao trữ”* (包貯) có nghĩa là “kiên cố, chẳng thể phá, dày đặc, chẳng thể lén nhìn ra được”. Tiên sinh Liễu Phàm nói: “Tao vật ghét nhất không gì hơn kẻ mưu mẹo. Vì thế, trời sẽ báo phục kẻ thâm hiểm [đến nỗi] có khi người khác phải nghĩ [sự báo đền ấy] quá đáng, xác thực là như thế!”

Đời Đường, Lý Nghĩa Phủ làm Tham Tri Chánh Sự, dung mạo ôn hòa, cung kính, nói chuyện với kẻ khác ắt sẽ mỉm cười, nhưng [lòng dạ] giáo trá, thâm hiểm, đồ kỵ, khắc bạc, giỏi nghề khuynh đảo, hãm hại. Người thời ấy bảo trong nụ cười của hắn có đao. Hắn lại dùng sự mềm mỏng ấy để hại mọi người, nên lại được gọi là Lý Miêu (李猫, con mèo họ Lý). Về sau, hắn phạm tội, bị lưu đày, chết ở Huê Châu, con cháu suy bại!



*(Chánh văn) Tọa nhân sở trường, hộ kỷ sở đoản.*

**(正文)挫人所長。護己所短。**

*(Chánh văn: Ém tài người khác, giấu điểm sự kém cỏi của chính mình).*

Quân tử thích nói đến điều lành của người khác, chẳng che giấu sở trường của người ta, vun quén, hun đúc chánh đáng, khiến cho người ta đạt tới chỗ hoàn mỹ, hay khéo tốt cùng, hòng tài năng của người ấy được [thi thố] trọn hết. Nếu vui dập, chèn ép, khiến cho họ nhụt chí, ngã lòng, [tài năng] chẳng được mở rộng; đây là do cái tâm đồ kỵ tạo thành, hết sức hiểm độc nhất!

Đời Tống, Mục Tu nổi tiếng về tài làm thơ, thường sang chơi kinh đô và Lạc Dương. Có lần ông ta đề thơ trên vách tường nơi cung cấm. Tống Chân Tông trông thấy bèn thích thú, khen ngợi, hỏi là thơ của ai. Lại bảo: “Có văn tài như thế, sao hàng công khanh [trong đám triều thần] chẳng tiến cử?” Đinh Vị gièm báng rằng: “Gã ấy phẩm hạnh chẳng được như văn tài”. Do vậy, chúa thượng không hỏi thêm nữa. [Do Đinh Vị] lập tâm như thế, cho nên [về sau] hấn chết chẳng có chỗ chôn. Ôi! Kẻ ém tài người khác chỉ biết giấu nhem sở trường của kẻ khác, sao chẳng bận tâm đức hạnh của chính mình bị chôn vùi ư?

Kẻ tiểu nhân che lỗi giấu sai, chẳng đoái hoài thiên lý. Cố nhiên bọn chúng tự cho là mưu mẹo thích đáng, nào có biết khó trốn luật trời! “*Hộ*” (護) có nghĩa là [vận dụng] nhiều cách để che giấu, kiên quyết sao cho chẳng bị tiết lộ. Người mắc bệnh hết sức cần phải được chữa trị gấp, nếu kiêng nói đến bệnh tật, kỵ thầy thuốc, mà tánh mạng chẳng bị mắc hại thì hiếm lắm. Châu Tại Am nói: “Che giấu khuyết điểm không chỉ là riêng mình! Phàm là con, cháu, người nhà, môn khách trót tạo lỗi ác, nếu ta chẳng ngăn ngừa, kiểm soát, cứ dưỡng thành [những thói ấy] thì sẽ đều thuộc về [phạm vi luận tội của câu này]”. Còn như cha thường giáo huấn nghiêm ngặt, nhưng mẹ thường mong cho con khỏi bị quả phạt, bèn giấu diếm, lấp liếm, chẳng để cho cha biết. Đây cũng là căn bệnh giấu diếm khuyết điểm to lớn vậy!

Lý Thúc Khanh giữ chức Công Tào<sup>658</sup> tại quận, liêm khiết, cẩn trọng nhất. Đồng liêu là Tôn Dung, là một gã tiểu nhân âm hiểm, siểm nịnh, sợ ông Lý phát hiện những khuyết điểm của mình bèn ngược ngạo ganh ghét, hủy báng ông. Ông Lý chẳng thể biện minh, bèn uất ức, ngã bệnh rồi chết. Vợ ông bị phẫn, thất cổ chết. Không lâu sau, Tôn Dung bị sét đánh chết, dưới hông có chữ viết rằng: “Giấu diếm khuyết điểm của chính mình, xằng bậy làm hại người lành”.

---

<sup>658</sup> Công Tào (工曹) là chức vụ được đặt ra vào thời Tống, có nhiệm vụ trông coi các công trình xây dựng, lao động.

Đời Minh, Văn Trinh Công Từ Giai làm Đốc Học vùng Chiết Trung. Có một chàng Tú Tài trong bài văn sách [cho khóa thi khảo hạch hằng năm tại huyện] đã kết luận bằng câu: “*Nhan khổ Khổng chi trác*” (Nỗi khổ của Nhan Hồi chính là sự đào tạo trác việt của Khổng Tử). Ông bèn gạch đi, phê rằng: “Bịa đặt”, giáng chàng ta xuống bậc bốn. Chàng sinh viên bị quở trách bèn thưa rằng: “Câu ‘*Nhan khổ Khổng chi trác*’ xuất phát từ sách Dương Tử Pháp Ngôn, thật sự chẳng phải là bịa đặt”. Ông Từ đứng dậy, nói: “Bốn đạo<sup>659</sup> may mắn được làm quan sớm, chưa từng có học vấn, gần như đã trách lầm ông!” Bèn sửa lại, xếp chàng ta vào hạng nhất. Khi ấy, ai cũng phục lòng độ lượng đẹp đẽ của ông. Về sau, ông Từ làm quan tới chức Đại Học Sĩ. Hễ là người có phước đức, chắc chắn là có thể bao dung, chẳng giấu giếm khuyết điểm của chính mình. Nhìn vào chuyện này, có thể thấy rõ [điều đó].

Học Phật thì trước hết là trừ ngã tướng. Luận định về lòng nhân thì trước hết là nói đến khắc chế dục vọng, những điều này đều nhằm phá một chữ Hộ (bảo vệ, che giấu) vậy!

***(Chánh văn) Thừa oai bách hiệp, túng bạo sát thương.***

---

<sup>659</sup> Bốn đạo: Đạo là đạo phủ (道府), tức là một cơ quan hành chánh. Vị quan có chức trách tại khu vực ấy tự xưng là Bốn Đạo.

## (正文)乘威迫脅。縱暴殺傷。

(*Chánh văn*: Cậy oai bức hiếp, phóng túng hung bạo, giết hại, tổn thương [kẻ khác]).

“*Phô trương oai thế cho thỏa chí*” cũng bất quá là hung bạo, tàn nhẫn, phóng túng mà thôi. “*Bách hiếp*” (迫脅, bức hiếp) là thật sự dùng sức cướp đoạt người khác. Những chuyện như kẻ làm quan [thấy nghi can] chẳng nhận tội bèn áp bức khiến cho họ phải nhận tội. Họ không dâng tiền tài, bèn ép họ phải dâng. Cho đến khởi sự xây dựng, cần đến phu phen, đề ra kỳ hạn hoàn tất, thúc giục bắt [dân chúng] nộp tiền, nộp gạo, gấp rút như sao băng, cũng như những chuyện như kẻ phú quý lấn hiếp, áp bức phụ nữ, dồn ép kẻ khác phải bán ruộng đất, ý mạnh đòi nợ, cậy sức thúc giục nộp tô v.v... đều là uy hiếp, [khiến cho] người oán, trời giận. Những kẻ [bức hiếp người khác] ấy mà chẳng bị trả báo thì hiếm lắm thay!

Đời Tống, Trương Sĩ Tôn [được cử] làm Chuyển Vận Sứ ở Giang Tây, tới gặp Vương Đán xin chỉ dạy. Vương Đán nói: “Thực hiện các hoạt động độc quyền buôn bán của triều đình cho nhiều”. Sĩ Tôn vâng theo lời dạy ấy, chẳng cầu nhiều lợi tức. Mọi người khen ngợi Sĩ Tôn hiền biết đại thể. Tiết Khuê [được cử đi làm] Phát Vận Sứ vùng Giang Hoài, lúc từ tạ ra đi, Vương Đán chẳng nói gì khác, chỉ nói: “Sức dân ở

vùng Đông Nam đã cạn kiệt”. Tiết Khuê lui ra, than: “Đúng là lời lẽ của bậc Tể Tướng”. Xem chuyện này, [bèn biết] người có lòng nhân chẳng ai không khoan dung, giúp đỡ sức dân vậy thay! Bởi lẽ, sanh mạng của dân cậy vào quan trên. Kẻ làm quan trên, vâng mạng cai trị dân, há có nên chẳng nhân từ, khoan hòa ư? Những kẻ đang làm quan nắm quyền cai trị hãy suy nghĩ.

Hán Thư chép Thái Thú quận Tuyên Thành là Thiệu Phong tham lam, tàn nhẫn, bạo ngược. Một hôm, hấn bổng hóa thành cọp ăn thịt dân trong quận. Hễ dân chúng gọi “Phong sứ quân”, cọp bèn cúp đuôi, lui đi. Vùng ấy có câu ca dao: “*Mạc học Phong sứ quân, sanh bất trị dân, tử thực dân*” (Đừng có học theo Phong sứ quân, sống chẳng cai trị dân chúng, chết rồi lại ăn thịt dân chúng). Chuyện này có thể răn dè những người đang nắm giữ địa vị mà chẳng biết thương xót dân vậy!

Đời Minh, có một hương thân ở vùng Hồ Quảng dùng tiền tài tích cóp được trong khi làm quan là ngàn lạng, sai người đi chuộc lại sản nghiệp của tổ tiên, bảo con: “Thời giá đã gấp bội giá trị ban đầu, hãy chuộc sao cho rẻ nhất”. Đứa con mười hai tuổi yên lặng chẳng đáp; thông thả hỏi cha: “Đã bán [ruộng đất ấy] bao nhiêu năm rồi?” Đáp: “Ba mươi năm”. [Đứa con] hỏi: “Mấy nhà mua được sản nghiệp ấy?” Đáp: “Hơn hai mươi nhà”. Đứa con nói: “Những hộ nhỏ mua ruộng phải đóng các khoản lệ phí cỡ nào?” Cha đáp: “Những kẻ làm trung gian đòi lệ phí và thuế khóa chừng đó”.

Đứa con thưa: “Con xem luật Đại Minh, những tài sản đã [bán đi] hơn năm năm sẽ chẳng được phép chuộc về! Sao cha chẳng tuân theo phép vua?” Một môn khách nói: “Chuộc lại sản nghiệp của tổ tiên là chuyện thuộc về phương diện tranh đua”. Đứa con nói: “Các ông một mực a dua! Chẳng lẽ phụ thân làm quan, ngoài chuyện mua thêm ruộng đất, những chuyện khác chẳng phải là tranh đua ư? Sao cứ nhất định phải muốn những khoảnh ruộng ấy?” Cha nói: “Ta muốn chuộc, dân làng dám chẳng tuân theo ư?” Đứa con thưa: “Con sợ là người làng sợ oai thế, miễn cưỡng cho cha chuộc lại, cha sẽ bị hao tổn âm đức”. Cha nói: “Thằng nhóc biết đến âm đức thì cũng khá đấy. Nay ta tính trả cho họ các khoản lệ phí mà họ đã đóng”. Đứa con nói: “Các khoản lệ phí là chuyện nhỏ! Nhà ta tậu ruộng dễ, những hộ nhỏ tậu ruộng khó! Như một nhà dựa vào mười mẫu ruộng để sống qua ngày; nếu nay ruộng bị chuộc lại, họ bắt buộc phải tậu ruộng khác, chỉ tậu được năm mẫu! Nỡ lòng nào khiến cho một nửa người nhà của họ bị đói? Con khuyên cha đừng chuộc, hãy tích chút âm đức để lại cho con cháu”. Một lúc lâu, cha mới nói: “Lời con nói quả thật có lý. Chỉ có mười tám mẫu ở cạnh phần mộ [tổ tiên] ắt phải chuộc lại để làm ruộng hương hỏa”. Đứa con lại xin cha chiếu theo thời giá để lập văn khế mua bằng giá, đừng nói là “chuộc lại”. Cha nghe theo, người làng đều cảm đức, thường ở Mãnh Tướng Từ (đền thờ vị mãnh tướng) cầu nguyện [cho con ông ta]. Về sau, đứa con mười tám tuổi, liên tiếp đỗ đạt,

được Bộ Ty<sup>660</sup> đề cử làm Thái Thú Nghiêm Châu. Một hôm, nó cưỡi ngựa nghênh tiếp chiêu chỉ. Qua cầu, ngựa rơi xuống sông. Bỗng thấy vị mãnh tướng giơ tay đỡ, nó ngồi ngay ngắn bên chân cầu, mới biết là do người làng cầu đảo mà cảm ứng. Về sau, thọ hơn tám mươi tuổi. Ôi! Những chuyện nhà phú quý uy hiếp [kẻ khác] kể sao cho xiết! Con em họ nào có được tấm lòng như đứa thiếu niên đất Sở<sup>661</sup>, mọi chuyện đều can gián mà được phước ư? Nhưng ta biết chuyện này khó lắm, gã hương thân ấy chẳng biết đã gieo âm đức gì mà sanh ra đứa con ấy!

Phóng túng hung bạo thì quan cao chức cả, nha lại, lẫn dân chúng đều có, nhưng không gì quá đáng bằng xua quân mặc tình tàn sát, cướp bóc. Kế đến là những kẻ xử án, lạm dụng [quyền uy] ép uổng người vô tội. Tàn bạo đã là chớ nên, huống hồ là buông lung mà làm, lỗi ác rõ rệt, to tát không gì hơn được! Nhưng nếu có quyền thế, [dẫu] có thể phóng túng tàn bạo, nhưng lại có tâm dùng [quyền thế] ấy để cứu sống người khác, lòng nhân cũng sẽ càng hiển lộ to lớn không chi hơn được!

---

<sup>660</sup> Bộ Ty gọi đầy đủ là Ty Bộ Quan Ty (比部官司). Vào đời Đường, Hình Bộ được chia làm bốn cơ cấu là Hình Bộ, Đô Quan, Ty Bộ và Ty Môn. Thông thường, các quan chức thuộc Bộ Ty chỉ quản trị hình pháp, xử án, hoặc quản trị nhà giam, không dính vào các sự vụ hành chánh và quân sự.

<sup>661</sup> Do vùng Hồ Quảng (Hồ Nam và Hồ Bắc) thuộc lãnh thổ của nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên vùng ấy thường được gọi là đất Sở.

Đời Nguyên, hai vợ chồng quan Đồng Tri<sup>662</sup> Quảng Châu họ Hoàng đều ngã bệnh, nằm trên hai chiếc giường khác nhau. Người vợ mộng thấy nha lại cầm công văn, dẫn mấy tên lính cầm xiềng gông, vạch màn ra, dáng vẻ giống như muốn bắt người, bảo: “Chẳng phải kẻ này!” Do vậy, đi sang giường đối diện, vạch màn ra, bảo: “Đúng rồi!” Vợ chồng đều giật mình tỉnh giấc. Chồng nói: “Ta hẳn phải chết. Khi ta chiêu an, đã giết nhiều người vô tội, nay họ đều đến cả rồi”. Qua hôm sau bèn chết.

Châu Tại Am nói: - “*Sát thương*” là nói chung cả người lẫn vật. Bởi lẽ, chính mình và kẻ khác hình hài tuy khác biệt; người và vật tuy lành lợi hay ngu xuẩn sai khác, nhưng mạng chẳng hai, cùng đau xót như nhau! Chỉ thử nhìn lại chính mình, ta có tham sống hay không? Ta có sợ chết hay không? Tâm ta như thế nào thì người khác và loài vật cũng chưa hề khác ta! Há nên chẳng biết xót thương, áy náy, mà lại phóng túng bạo ngược, mặc sức tổn thương loài người, giết chóc loài vật ư?” Ngu ý cho rằng: Câu này có ý nói đến cả người lẫn vật, hết sức phù hợp ý giáo huấn, nhưng ý nghĩa “tổn thương loài vật” đã thấy ghi chép nhiều chỗ trong bộ sách này; do đó, chẳng kèm thêm [những câu chuyện ấy] vào đây!

---

<sup>662</sup> Đồng Tri (同知) là chức phó tướng hoặc phó huyện trưởng. Từ thời Tống, đã lập ra các chức Đồng Tri Các Môn Sự, Đồng Tri Xu Mật Viện Sự. Tại các châu phủ, cũng có chức Đồng Tri Phủ Sự, Đồng Tri Quân Sự, đều là các chức phó của Tri Phủ, Tri Quân.



*(Chánh văn) Vô cớ tiền tài, phi lễ phanh tể.*

**(正文)無故剪裁，非禮烹宰。**

*(Chánh văn: Vô cớ cắt xén, không có lễ lạc mà giết hại gia súc).*

Phụ nữ nuôi tằm, dệt vải, ngàn muôn sợi tơ, nhọc nhằn, siêng gắng vô hạn, mới làm thành vải vóc. Nếu chẳng phải là hết sức bắt đắc dĩ, há nên nỡ lòng cắt may? Dầu là do lễ nghi chẳng thể bỏ [lễ phục], vẫn nên giảm bớt, huống hồ vô cớ [mà tùy tiện cắt may] ư? Còn như những loại như the, nhiễu, càng phải nên quý tiếc. Trên bức tranh Tầm Phụ Đồ (蠶婦圖, người phụ nữ nuôi tằm) của Triệu Thái Thú có đề thơ như sau:

*Tầm vị thành ty, diệp dĩ vô,*

*Tán vân liễu loạn phấn ngân khô,*

*Cung trung la ý khinh như bố,*

*Châm đắc vương tôn kiến thử đồ?*

(Tạm dịch:

Tằm chưa kéo kén, hết dâu rồi,

Tóc bết mang tai, vệt phẩn nhòa,  
Trong cung the, nhiều coi như rác,  
Há bậc vương tôn thâu nổi này?)

Khẩu Lai Công (Khẩu Chuẩn) từng dùng lụa bạch có vân bóng để thưởng cho ca kỹ. Có thơ rằng:

*Nhất khúc sênh ca, nhất thúc lãng,  
Mỹ nhân do tự ý hiềm khinh,  
Bất tri chức nữ cơ song hạ,  
Kỷ độ phao thoa chức đắc thành.*

(Tạm dịch:

Một khúc sênh ca, xấp lụa trao,  
Mỹ nhân ngúng nguẩy “chẳng ra sao!”  
Biết đâu người dật bên song cử,  
Bao lượt đưa thoi mới dật thành).

Lại nói:

*Phong động y đơn thủ lữ ha,  
U song yết yết độ hàn thoa,  
Lạp thiên nhật đoản bất doanh xích,*

*Hà tự yêu cơ nhất khúc ca.*

(Tạm dịch:

Gió lay áo mỏng, rét tê tay,

Song tôi đẩy thoi lách cách đưa,

Tháng Chạp ngắn ngày chưa đủ thước,

Đâu như gái đẹp chỉ đàn ca)<sup>663</sup>.

Mỗi chữ đều hết sức tha thiết! Suy rộng ra, tự mình hãy tiết kiệm để thí cho người nghèo thì không gì chẳng trọn vẹn vậy!

Châu Vô Diêu nhà hết sức giàu có, thê thiếp đều mặc những thứ gấm quý, quần lót, vớ cũng dùng lượt là. Hắn nuôi mấy nàng hầu, hết sức hao tốn. Về sau, hắn gặp tai họa ngang trái, gia cảnh suy bại. Cho đến khi Vô Diêu chết, thê thiếp đều là vớ thùng, giày rách, xin người khác một thước vải [để làm khăn liệm] cũng không thể được!

Vợ Triệu Sĩ Châu là Vương thị đã chết mấy hôm, bèn dựa vào thân đưa tở gái tên là Lai Hỷ nói: “Ta lúc còn sống thường ưa xài phung phí vải lụa, và khi gọi

---

<sup>663</sup> Do khi dịch sang tiếng Việt, số chữ có hạn, khó thể diễn tả hết ý tứ tha thiết trong bài thơ, chúng tôi xin diễn giải đồng dài như sau: Gió lùa qua người phụ nữ dệt cử chỉ mặc áo mỏng, lạnh đến nỗi cô ta phải nhiều lần xoa hai tay, hít hà cho đỡ rét. Do nhà nghèo, phải dệt vải bên cửa sổ để đỡ tốn dầu thắp đèn, trời đã sẩm tối, vẫn cố đẩy thoi dệt lách cách hòng dệt thêm được chút nào hay chút nấy. Tháng Chạp trời tối mau, nên dù cố hết sức, vẫn không dệt được đủ một thước lụa. Chẳng như cô đào hát, chỉ hát một khúc ca là được thưởng ngay một xấp lụa!

đầu, rửa chân, dùng nước quá lố. Âm ty phạt tội ta, hằng ngày bị đánh đập, mong hãy truyền đạt ý này cho Sĩ Châu”. Cả nhà nghe rồi đều cảm khái, bi thương.

Đời Tống, Trung Tuyên Công Phạm Thuần Nhân sắp cưới vợ. Có kẻ nói nhà vợ dùng the, nhiều làm màn che, ông nói: “The, nhiều há nên dùng làm màn ư? Nhà ta vốn thanh bản, tiết kiệm, sao dám làm loạn gia pháp của ta? Họ dám mang tới, ta sẽ đốt ngay”. Than ôi! Đây vẫn còn là nhà công khanh đó nhé! Xem khắp đế vương xưa nay, như Tấn Văn Công chẳng mặc áo da hai lớp, vua nhà Lưu Tống<sup>664</sup> thường mặc áo cộc đã rách, phu nhân sủng ái của Hán Văn Đế [vạt] áo chẳng dài chấm đất. Hiếu Từ Hoàng Hậu Mã thị của nhà Minh luôn mặc váy bằng lụa tron<sup>665</sup>, Đường Văn Tông từng giơ tay áo cho quần thần xem, bảo: “Cái áo này đã giặt ba lần rồi”, Tống Nghệ Tổ (Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn)<sup>666</sup> do thấy công chúa mặc áo chiếc áo ngắn màu cánh trả<sup>667</sup> mà răn rằng: “*Phú quý hãy nên biết tiếc*

---

<sup>664</sup> Ông này chính là Tống Vũ Đế, tức Lưu Dụ. Lưu Dụ lúc bé nghèo hèn, phải đi bán hài cỏ, cày cấy thuê để kiếm sống. Về sau, trở thành tướng. Do có công dẹp tan quyền thần Hoàn Huyền dưới thời Tấn An Đế, ông ta trở thành nắm nhiều quyền hành, chưởng quân triều chánh. Ông cầm quân diệt nhà Nam Yên, diệt Hậu Tần, được phong là Tống Vương. Đến thời Tấn Cung Đế, ông ép vua nhường ngôi, đổi quốc hiệu là Tống. Sử gọi nhà Tống này là Lưu Tống để phân biệt với nhà Tống do Triệu Khuông Dẫn sáng lập (tức Triệu Tống).

<sup>665</sup> Hiếu Từ Hoàng Hậu là vợ của Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ). Váy lụa tron nguyên văn là “*luyện quần*” (練裙), “*luyện*” (練) là một loại lụa vừa dệt xong, đem giặt tẩy cho trắng, rất tầm thường, xoàng xĩnh.

<sup>666</sup> Nghệ Tổ (藝祖) có nghĩa gốc là ông tổ về đức hạnh nho nhã, bình dị. Về sau, mỹ từ này thường được dùng để tôn xưng các vị vua khai sáng một triều đại.

<sup>667</sup> Màu cánh trả tức là màu xanh (thường gọi là màu phỉ thúy) như lông chim bói cá (chim trả, chim thẳng chài).

*phước*”. Phàm là đế vương, phi tử, công chúa mà còn tiếc phước như thế, hiềm rằng trong nhà dân chúng hiện thời, tranh nhau tập tành thói xa hoa, lãng phí, thích những thứ đẹp đẽ hiếm có, tranh đua [y phục] hoa lệ. Bọn hầu thiếp là lượt, lũ trẻ nhỏ găm vóc, thêu thùa! Há có biết một tấm áo là mạng của ngàn con tằm? Nếu mặc tình sử dụng bừa bãi, thả sức phung phí, ắt sẽ là cội nguồn tạo ác, ắt chuốc lấy mối họa vì xa xỉ. Hơn nữa, những kẻ áo quần rách mướp, thô kệch, da thịt rét buốt, nứt nẻ trong hiện thời, có kẻ nào chẳng phải là những đứa con quần áo lụa là, thêu vẽ trong thuở ấy hay chăng?

Lễ Ký chép: “*Thiên tử chẳng vô có giết trâu. Đại phu chẳng vô có giết dê. Kẻ sĩ chẳng vô có giết chó, lợn*”. Mạnh Tử nói: “*Người đã bảy mươi tuổi có thể ăn thịt*”. Ấy là vì thánh nhân hiếu sanh, chẳng chịu tàn sát bừa bãi sanh mạng loài vật. Tức là có lúc vì tế lễ, vì đãi khách, vì [phụng dưỡng] người già, mà sẵn bắt cầm thú, [những chuyện ấy] vốn là muôn phần bất đắc dĩ, sau đây mới làm [như vậy], chẳng phải là dạy dân chúng [giết hại loài vật] để sớm chiều cung ứng [cho chính mình] nhằm tận lực thỏa mãn lòng ham ăn tục uống mà hằng ngày làm chuyện giết mổ! Đức Thái Thượng từ bi đã nói: “*Côn trùng, thảo mộc còn chẳng thể tổn thương*”. Do vì nói với người đời, chẳng thể không hạ thấp xuống một bậc, Ngài dạy hai chữ “*phi lễ*” với ngụ ý “*ng nghiêm ngặt đặt ra khuôn phép chẳng thể vượt qua*” cho mọi người. Đây chính là cái tâm bất đắc dĩ của thánh nhân. Kinh Lăng Già dạy: “*Nếu hết*

*thấy mọi người chẳng ăn thịt, cũng sẽ chẳng có kẻ sát hại chúng sanh*”. Người thời nay nếu chưa thể trừ sạch thói ăn thịt, hãy tuân theo phương tiện [bỏ ăn thịt] dần dần, trừ khử cái tâm giết chóc, học theo điều răn bốn [loại thịt] không ăn của tiền nhân: Một là thấy giết bèn chẳng ăn, hai là nghe tiếng giết chóc bèn không ăn, ba là người khác vì ta mà giết bèn không ăn, bốn là ta không có chuyện gì mà [kẻ khác] giết chóc [con vật] thì không ăn. Vâng giữ bốn điều răn ấy, dầu luôn ăn thịt mà cũng chẳng phế trừ [bốn giới ấy], ngộ hầu chẳng có ý nghĩ sát hại chúng sanh. Còn như chó, trâu có công với đời, càng phải nên kiêng ăn. Phàm là như thế, sẽ có thể tránh bớt chuyện phạm lỗi “*chẳng phải do lẽ lạc*” [mà vô cớ giết hại các con vật]. Các tấm gương của những kẻ [mắc họa] vì mổ, nấu các loài chim, cá, trâu, chó, dê, lợn... sẽ được nêu đầy đủ sau đây hòng răn nhắc.

Đời Đường, Hà Trạch tánh hung bạo, ngang ngược, chỉ thích chú trọng ăn uống. Gà, chó, ngỗng, vịt, thường nuôi cả ngàn, cả trăm con để hằng ngày giết mổ, nấu nướng. Hắn chỉ có một đứa con, hết sức yêu thương. Một hôm, nấu gà, canh đang sôi sùng sục, đứa con ấy giống như vì nhặt vật gì mà nhào vào vạc. Cấp cứu thì nó đã nát bét cùng với gà rồi.

Người họ Mã ở Hàng Châu bán ngỗng quay, người ta gọi hắn là Mã Lạn Đầu (馬爛頭, ông Mã đầu nát như), nổi tiếng nhất. Về sau, dưới hông hắn bị ghẻ độc, thịt rữa nát tận xương, miệng luôn phát ra tiếng

như ngỗng kêu, hai tay đút vào nước sôi sùng sục thì mới dễ chịu, da thịt bị tróc sạch, nghiêm nhiên trông giống như chân ngỗng.

Ở Giang Bắc có một người bắn một con nhạn trống, đem giết rồi nấu. Con nhạn mái bay quần quanh nhìn, chẳng bỏ đi. [Người ấy] vừa mở nắp nồi, nó bèn lao vào, chịu nấu chín chung. Người vùng Giang Bắc xót thương, bèn chẳng ăn nhạn. [Danh sĩ] Nguyên Hảo Vấn đem chôn hai con nhạn, đặt tên nơi ấy là Nhạn Khâu (雁邱, gò nhạn), người bắn nhạn liền chết.

Đời Tống, một người dân ở thành phố Bà Dương tên là Giang Ất, sống bằng nghề bán cá. Ông ta đã từng mua một con rùa lớn, nặng một trăm cân, để ở trong nhà. Ban đêm, [ông ta] nghe tiếng rên rĩ hết sức bí ai, nhìn xem thì ra là [tiếng rên của] con rùa. Giang Ất tức giận, cầm gậy đập nó. Ông cụ hàng xóm khuyên Giang Ất đem thả, hấn không nghe. Hôm sau, ông cụ liền quyên tiền mọi người, muốn mua lại đúng giá trị. Giang Ất kiên quyết không chịu bán, rốt cuộc giết chết nó. Về sau, hấn mắc tội, bị tống giam, phạt trưng, vợ chồng đều chết đói.

Đời Đường, Hứa Nghiễm sống bằng nghề bán cá, bông thân thể đỏ như lửa, đau đớn như bị nung nấu. Ông ta tự nói chỉ thấy xe bốc lửa vây quanh thân, lại còn có cả vạn con cá rửa khoét thịt ông ta. Có người khuyên ông ta hãy làm công đức. Ông ta bèn tạo hai

bức tượng Quán Âm, thề đôi nghề, cả nhà chẳng dùng rượu thịt, bèn lành bệnh.

Hoài Cảnh Nguyên ở Tiền Đường thích nấu ba ba. Trước hết, hấn lấy dao chặt đầu cho nó tuôn máu, nói [làm như thế] sẽ giữ được vị ngon trọn vẹn. Về sau, hấn nổi lao hạch ở cổ, thịt rửa nát, đứt đầu mà chết.

Phong tục ở đất Ngô hễ ăn lươn đều thả nguyên con lươn sống vào nồi nước sôi, một lúc lâu sau, lươn mới chết. Trong niên hiệu Thiên Bảo<sup>668</sup>, ở huyện Đương Đồ, có một người bán hàng sai con bắt lươn đem nấu. Lươn bỗng biến thành rắn, dài mấy thước. Đứa con xem lại, những con lươn khác cũng đều hóa thành rắn; hóa thành rắn xong, chúng đều bỏ đi. Đứa con ấy mắc bệnh một ngày rồi chết. Cả nhà bảy người, trong vòng một tháng nối tiếp nhau chết sạch.

Lữ Ngũ ở huyện Tiền Đường thích ăn cá chạch, cá chình, nhưng cá chạch rất khó chết, hấn thường bỏ cá chạch vào hộc chứa, ngâm chúng trong muối và dấm, cho đến khi cá ngắc ngoài mới giết mổ đem nướng. Hấn nói [làm kiểu đó] muối và giấm ngấm tận xương, thịt cá sẽ ngon béo. Về sau, hấn bị bệnh nóng bức, khô khao, luôn mong tưởng được uống dấm pha muối, đòi [người nhà] đem đến. Khi cho uống, lại nói “nướng vàng rồi, vàng thơm rồi, hãy lật qua xem nào”, người

---

<sup>668</sup> Thiên Bảo (724-756) là niên hiệu thứ ba và là niên hiệu cuối cùng của Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng). Đường Minh Hoàng có ba niên hiệu là Tiên Thiên, Khai Nguyên, và Thiên Bảo.



nhà bèn lột thân thể hấn lại. Suốt ngày đêm, hấn kêu gào cả trăm lần như thế. Thịt rửa, ruột vỡ ra mà chết.

Triệu Bích ở Tứ Châu mộng thấy bà vợ đã mất nói: “Em thuở còn sống giết hại sanh mạng loài vật, thích nhất là món cua ướp rượu, giết cua thật nhiều. Sau khi chết, Diêm Vương bắt em chạy qua núi cua, bị lũ cua kẹp mắt, khắp thân tuôn máu, ngày đêm chịu khổ. Xin hãy vì em chép bảy quyển kinh Kim Cang. Nhờ vào công năng của Bát Nhã, sẽ dẹp tan nỗi khổ địa ngục”. Triệu Bích ưng thuận. Chép kinh xong, lại mộng thấy vợ nói: “Em đã nhờ vào công đức chép kinh mà được thăng lên cõi trời”.

Từ Tăng Bảo sống bằng nghề câu ếch. Khi giết ếch, bèn chặt đầu nó trước. Ếch đã bị chặt làm hai khúc, [phần đầu] vẫn còn cắn cở, động đậy, hồi lâu mới chết. Lúc hai mươi sáu tuổi, hấn bỗng chết, khi còn chưa liệm, thân thể hấn từ thắt lưng trở xuống bỗng đứt làm hai, giống như hình dáng con ếch bị chặt [làm hai khúc] vậy.

Từ Tùng mua loài ốc nước ngọt, sai tôi tớ đem thả. Gã đầy tớ bèn đem nấu ăn, bỗng khắp thân hấn mọc ghẻ chẳng khác gì mắt ốc, đau đớn chẳng thể chịu đựng nổi. Từ Tùng căn vặn, biết được sự thật, dạy gã ta hãy cầm cổ quần áo để mua những con vật đem phóng sanh, sám hối tội lỗi, [gã đầy tớ] bèn được lành bệnh.

Họ Hàn ở Thái Châu thuở nhỏ giết lợn, bỗng tự nấu cả trăm nồi nước sôi, đổ đầy cái chậu lớn mà hấn

chuyên dùng để mổ lợn. Hấn cởi áo nhảy vào đó tắm, vợ ngăn cản không được. Hấn lăn lộn trong bồn, da thịt chín nát ra, chẳng biết đau đớn. Lại còn tự vặt tóc, bảo: “Cái sỏ lợn này hãy còn lông chưa làm sạch, người ta sẽ chẳng mua”, rồi chết ngay.

Thời Đường, ở phía Tây của Trường An có một cô dâu mới kết hôn, sanh được một trai vừa mới đầy tháng. Họ hàng tụ họp ăn mừng, mua một con dê về sắp giết. Dê hướng về gã đồ tể quỳ lạy, gã đồ tể kinh hãi báo với chủ nhà. Họ chẳng nghĩ đó là chuyện lạ, bèn giết chết. Sản phụ ẵm con xem nấu nướng, bỗng cái nồi tự vỡ, nước sôi tung tóe, tro, lửa bắn thẳng vào họ, mẹ lẫn con đều chết.

Trương Dịch Chi muốn ăn món ruột ngựa, [bèn sai người] khoét hông ngựa lấy ruột. Rất lâu sau, con ngựa mới chết. Em hấn là Trương Xương Tông đem con lừa sống giam trong một căn phòng nhỏ, đốt lò than [giữa phòng], đặt nước pha ngũ vị hương trong phòng. Lừa [tránh nóng] chạy vòng quanh lò, hề khát bèn uống nước. Nước hết, lửa cháy mạnh thêm, [con lừa] trong ngoài đều chín như, rụng lông, đâm máu mà chết, thê thảm khôn kể xiết! Về sau, [hai anh em bọn chúng] đều bị giết, dân chúng băm vụn [xác chúng], ngay lập tức đều chẳng còn gì nữa!

Có nho sĩ học đã thành tài mà cứ lận đận mãi chẳng đỗ đạt, bèn cầu đảo đức Văn Xương: “Nếu con đỗ khoa thi Hương, sẽ mổ nai cúng tế”. Không lâu sau,

hắn bèn thi đỗ. Đã hoàn nguyện, [lại khẩn]: “Nếu con đỗ khóa thi do bộ Lễ<sup>669</sup> tổ chức, lại cúng hai con nai”. Hắn chưa đỗ đạt mà đã chết! Ôi! Giết nai để cầu lộc cho chính mình, há người an lòng ư? Những kẻ sát sanh để cầu nguyện, hãy nhìn vào đó mà suy nghĩ!

Một gã học trò ở Tân An vào Hoàng Sơn đọc sách, luôn thích bắt khỉ để ăn. Về sau, vợ gã sanh nở rất khó, rốt cuộc đẻ ra một con khỉ!

Một gã đồ tể ở Trừ Châu thường mổ trâu, bảo con: “Hãy xem cách bố dùng dao”, muốn cho con trai nối nghiệp. Một hôm cha nó đang ngủ, đưa con tưởng cha là trâu, cầm dao giết chết, chặt rụng đầu bố. Mọi người kinh hãi hỏi han, đưa con trả lời: “Cháu thấy đó là con trâu, chẳng thấy là bố. Bố thường dạy cháu giết trâu, nay thấy con trâu đang ngủ bèn thử dùng cách mổ xẻ ấy!”

Cha con Hoa Hôi Tử ở Trán Giang mổ trâu, bỗng ngã lăn đùng ra đất, rống lên như trâu. Họ nằm bệnh hơn một tháng, trên trán mọc ra hai cái sừng bằng thịt dài cỡ cả tác. Khi họ chết, người ta ngửi thấy mùi như xác trâu chết!

Mao Huệ ở Trán Giang chết đột ngột. Quan coi âm nói: “Cha người thích ăn thịt bò, tội ác sâu nặng, sẽ

---

<sup>669</sup> Nguyên văn “*thượng Xuân Quan*”(上春官): Đồi Đường, dưới thời Vũ Tắc Thiên, bà ta đã đổi bộ Lễ thành Xuân Quan. Do vậy, về sau thường gọi bộ Lễ là Xuân Quan. Trước khi có bộ Học, bộ Lễ tổ chức các kỳ thi Hội và thi Đình; do vậy, dân chúng quen gọi đậu khóa thi Hội do bộ Lễ tổ chức là “*thượng Xuân Quan*”.

chịu trăm ngàn khổ báo trong địa ngục. Người tuổi thọ chưa hết, đáng nên bị trách phạt trước”. [Quỷ sứ] bèn khoét hai mắt [của Mao Huệ], quất mấy chục roi sắt rồi mới thả về. Lúc sắp trở về, quan côi âm nói: “Đời này người không phạm tội ác lớn, hãy còn hai mươi một năm tuổi thọ. Nhưng cha người tội nặng, người trở về hãy nói lại, hãy gấp kiêng thịt trâu bò, may ra còn sống thêm ít lâu. Nếu người có thể khuyên kẻ khác đừng ăn, sẽ được tăng thêm tuổi thọ”. Đến khi [Mao Huệ] tỉnh lại, hai mắt hết sức đau đớn, hai chân đều sưng phù, bèn kiêng ăn [thịt trâu bò], và thuật lại chuyện ấy để khuyên kẻ khác.

Viên quan Tư Lý ở Ngô Quận chết đột ngột rồi sống lại, vội mời Thái Thú và các bạn đồng liêu tới. Ông ta ở trên giường, dập đầu thưa: “Tôi tới âm phủ, xin tha mạng hết sức tha thiết, [côi âm] hạn định cho tôi trong vòng ba ngày phải khuyên một ngàn người không ăn thịt trâu bò thì mới được sống tiếp. Nay tôi khẩn cầu các vị, hãy vì tôi khuyên khắp dân chúng”. Mọi người tưởng là bịa chuyện, giả vờ ưng thuận. Ba ngày sau, quan Tư Lý lại chết, mọi người mới kinh hãi, cùng nhau kiêng giữ chuyện ấy. Lại tạo một quyển sổ để khuyên dân chúng đều ghi tên họ vào đó, trong một ngày [ghi danh] được mấy ngàn người, liền ngửa mặt lên trời [tấu trình], đốt đi. Bỗng có người báo quan Tư Lý đã sống lại. Đến hỏi, ông ta đáp: “Tôi lại bị sứ giả bắt đi. Vị đứng đầu côi âm giận dữ, quở trách. Bỗng có một vị thần cầm một quyển sổ tới, nói là bản ghi tên họ của những người kiêng ăn thịt trâu bò. Vị chủ côi âm

mở ra xem, hết sức vui mừng, bảo: - Không chỉ là được sống lại, mà còn tăng thọ bảy mươi hai năm. Thái Thú và mọi người đều hưởng phước vô lượng”.

Quản Sư Nhân lúc trẻ vào canh năm ngày Nguyên Đán gặp mấy con quỷ, liền quát hỏi, họ đáp: “Chúng tôi là quỷ làm sai dịch, nay đi công vụ trong nhân gian”. Sư Nhân hỏi: “Nhà ta có tên trong [danh sách bị côi âm bắt] hay không?” Họ đáp: “Do không ăn thịt trâu bò nên được miễn!”

Trạch Tiết tuổi đã năm mươi, không có con, cầu đảo Quán Âm hết sức kiên thành. Vợ ông vừa mới cần thai, mộng thấy Đại Sĩ trao cho một đứa con. Vợ muốn ẵm lấy, nhưng có một con bò ngăn cách, không ẵm được. Con đã sanh ra, nhưng chẳng nuôi được. Trạch Tiết nói: “Ta rất ham ăn thịt bò, cho nên mắc quả báo này”. Cả nhà bèn thề kiêng ăn, [vợ ông ta] lại nằm mộng giống như cũ, nhưng bà vợ ôm được đứa con. Con sanh ra bèn nuôi tới khôn lớn.

Từ Thức từ tâm chẳng giết, rất ghét mổ trâu. Ông làm quan, hễ trấn nhậm nơi đâu, ắt cấm ngặt [mổ trâu bò]. Về sau, ông làm quan đến chức Thượng Thư. Gã đồ tể họ Cố ở Dư Diêu sắp mổ một con trâu. Con nghé thừa lúc không có ai, bèn ngậm dao giấu trong tro. Họ Cố tìm được dao, biết là do con nghé giấu, tức giận muốn giết luôn nó. Cụ phong quân<sup>670</sup> Thạch Tuyền

---

<sup>670</sup> Phong quân (封君): Do con cháu đỗ đạt vinh hiển, tổ phụ được vua phong tước thì vị được phong ấy sẽ được gọi là “*phong quân*”.

trông thấy bèn đổi bằng mấy thạch gạo, chúng mới khỏi chết. Năm ấy, con trai cụ đậu cao, làm quan đến chức Đại Trung Thừa<sup>671</sup>.

Gã họ Châu nọ ở Dur Diêu sống bằng nghề giết chó. Về sau, hắn bị hỏa hoạn, đã chạy thoát ra, lại xông vào, bị lửa thiêu. [Người cứu hắn] vội thả hắn xuống nước, da nứt cong lên, lòi thịt ra, rớt cuống [trông như] một con chó vừa mới bị lột da, đau đớn chạy cuồng lên quanh thành, sữa oăng oăng. Chạy một vòng rồi mới chết. Vợ và con dâu đều bị lửa thiêu rụi.

Vùng Tần Lũng có một người dân thích ăn thịt chó. Một hôm, hắn nấu thịt chó, sắp chín, thấy trên da chó có chữ [giống hệt] như những chữ đã xăm trên cánh tay trái của cha hắn. Khi ấy, cha hắn đã chết mười hai năm rồi! Cả nhà đau đớn, khóc lóc, bèn kiêng hắn [thịt chó].

Lý Thiệu ở Tây Thục thích ăn thịt chó, giết chó không thể đếm xiết. Hắn từng nuôi một con chó đen. Một hôm, Lý Thiệu trở về đang say, chó chạy ra sữa mừng. Lý Thiệu tức giận, vung búa chém chó, nhằm đúng lúc đưa con từ bên trong chạy ra, trúng phải búa chết tươi. Cả nhà khóc òa. Tìm chó, chẳng biết nó đã chạy đâu mất. Lý Thiệu nhiễm bệnh, tru lên như chó mà chết.

---

<sup>671</sup> Theo nghĩa gốc, chức quan này có nhiệm vụ tiếp nhận các bản tấu trình của hàng công khanh, phân loại để trình báo thượng cấp, kiêm nhiệm vụ đàn hặc. Đến thời Minh - Thanh, danh xưng này dùng để gọi quan Tuần Phủ.

Nguyên Đế (Huyền Thiên Thượng Đế) nói: “Trâu chính là nguyên tinh của Huyền Vũ<sup>672</sup> trên trời, là nguyên khí của Thái Lao<sup>673</sup> dưới đất. Nếu chẳng nhằm tế giao<sup>674</sup> sẽ không dám dùng, chẳng phải là thiên thần, sẽ chẳng dám hâm hưởng<sup>675</sup>. Hình dáng của nó được liệt vào [hình dạng của] tinh tú<sup>676</sup> trên bầu trời, sức mạnh của nó khiến cho đất được lợi, có công với đời, chẳng gây hại cho dân. Kẻ giết nó sẽ bị phép nước trừng phạt. Kẻ ăn thịt nó, sẽ mắc họa khiên trong cõi âm. Trong chữ Lao (牢, nhà tù) có chữ Ngưu (牛, trâu hoặc bò). Trong chữ Ngục (獄) có chữ Khuyển (犬, chó). Chẳng ăn thịt chó, thịt trâu bò, ắt sẽ vĩnh viễn tránh khỏi lao ngục. Trên núi Thái Ất<sup>677</sup> và Lao Sơn<sup>678</sup>

---

<sup>672</sup> Huyền Vũ (玄武) là danh xưng để gọi chung bảy tinh tòa thuộc phương Bắc trong Nhị Thập Bát Tú, bao gồm các tinh tòa Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích. Cổ nhân nói bảy tinh tòa ấy hợp thành hình dáng giống như con rùa đen (Huyền Vũ), nên gọi như thế.

<sup>673</sup> Thái Lao (太牢) là đại tế theo điển lễ thời cổ. Trong lễ tế ấy, dùng ba con vật là trâu (hoặc bò), dê, lợn. Có khi chỉ dùng trâu để tế mà cũng gọi là Thái Lao. Sách Đại Đới Lễ Ký chép: “*Chư hầu chi tế, ngưu viết Thái Lao*” (Chư hầu tế lễ, dùng trâu [làm cỗ cúng] thì gọi là Thái Lao).

<sup>674</sup> Tế giao (郊祀, giao tự): Là lễ tế trời đất. Nam Giao (phía Nam hoàng thành) là nơi đặt đàn tế trời, Bắc Giao là nơi tế đất.

<sup>675</sup> Hâm hưởng (歆饗): Quỷ thần hưởng thụ mùi của đồ cúng tế thì gọi là “*hâm hưởng*”.

<sup>676</sup> Tức là tòa sao Ngưu trong Nhị Thập Bát Tú, phần Thiên Văn Chí trong Tổng Sử chép: “*Ngưu tú lục tinh, thiên chi quan lương*” (sao Ngưu gồm sáu ngôi, là then chốt trong cõi trời).

<sup>677</sup> Thái Ất (太乙) chính là núi Chung Nam Sơn, nằm ở phía nam thành phố Tây An (Trường An) tỉnh Thiểm Tây. Đây là quả núi chính của rừng Tản Lân, được coi là thánh địa của Đạo Giáo. Tương truyền, Chung Ly Quyền, Lữ Động Tân, Lưu Hải Thiêm, và Vương Trùng Dương (sáng tổ của Toàn Chân Giáo) đều tu tập tại núi này.

có hình dáng thật sự của trâu. Kẻ ăn thịt trâu bò [trong vòng] ba ngày sẽ bị ma thần nhiếp tinh. Kiêng thịt trâu bò ba ngày thì gọi là “*lên đến Ngọc Thanh*”<sup>679</sup>. Trâu bò ăn trăm loại cỏ, chẳng gây hại gì cho con người. Con người ăn trăm vật, hãy nên kiêng thịt chó, thịt trâu!

Trong các tội của đời người, sát sanh nặng nhất, mà trong các tội sát sanh, giết trâu tội nặng nhất. Tội của người ăn [thịt trâu bò] bằng với kẻ giết chúng. Tiêu Đông Bạch nói: “Ta khuyên người đời đừng ăn thịt trâu bò. Chúng dốc sức phục vụ cày cấy, đâm ra bị giết chóc. Những thứ quý vị ăn do đâu mà có, sao nỡ lòng nấu nướng, buôn bán [thịt chúng nó]?” Lại nói: “[Trâu đã bị] lột da, xẻ thịt, hai mắt còn mở trừng trừng. Há nó trừng mắt nhìn sông? Nó nhìn quý vị xoay vần, có thể giữ đến khi nào sẽ chẳng biến thành nghề”. Đọc lời ấy khiến cho tâm người ta xót xa, kinh sợ buốt xương, ăn vào chẳng nuốt xuống nổi! Huống hồ chuyện báo ứng do giết, ăn, rành rành chẳng sai chạy. Sao lại tham đắm miếng thịt be bé ấy để rồi chuốc lấy phiền lụy?

Còn như chó có công, có nghĩa, chẳng gây hại cho con người; giết chúng để ăn là tội lớn nhất. Nay thì

---

<sup>678</sup> Lao Sơn (牢山) thuộc thành phố Thanh Đảo, tỉnh Sơn Đông. Núi này còn có tên là Phụ Đường hoặc Ngao Sơn, cũng là một ngọn núi nổi danh của Đạo Giáo.

<sup>679</sup> Theo giáo nghĩa của Đạo Giáo, Ngọc Thanh (玉清) là một cảnh trong Tam Thanh của Đạo Giáo (Thái Thanh Cảnh Đại Xích Thiên, Thượng Thanh Cảnh Vũ Du Thiên, và Ngọc Thanh Cảnh Thanh Vi Thiên). Ngọc Thanh là nơi cư ngụ của Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thượng Thanh là nơi cư ngụ của Linh Bảo Thiên Tôn, còn Thái Thanh là nơi cư ngụ của Đạo Đức Thiên Tôn (Thái Thượng Lão Quân, tức Lão Tử).



không chỉ hạng bình dân tham xơi [thịt chó], ngay những kẻ có học, đỗ đạt, cũng thường coi chuyện này (ăn thịt chó) như một hành động hào sảng, gọi hoa mỹ là “*địa dương*” (地羊, dê đất). Có sao đọc sách hiểu lý mà tầm tới đến mức ấy? Tống Giác nói: “*Nay ta chẳng thống thiết trừ bỏ [tập khí xấu hèn ấy], đời sau ta cũng có đuôi!*” Ngu ý cho rằng chẳng cần chờ đến đời sau. Thử xem những kẻ giết mổ, ăn thịt chúng nó trong hiện thời, hễ họ vào chợ, lũ chó xúm lại sủa là vì lẽ nào? Chắc là hình trạng kẻ ấy đã biến đổi trước rồi! Nhưng bọn ta chỉ kiêng dè nơi một thân, một nhà ta, công sẽ hữu hạn. Sao bằng làm một quyển sổ kết duyên, thường luôn cầm theo, hễ bản thân đến chỗ nào, [cũng đều] mềm mỏng khuyên lơn, giáo hóa, khiến cho người ta vĩnh viễn kiêng dút, há chẳng phải là hết sức mau chóng ư?

Lại nữa, người mộ duyên xin tài vật của kẻ khác, gặp người có tín tâm, họ sẽ phần nhiều thí xả; nay chỉ cầu người ta chẳng giết sanh mạng, chẳng ăn thịt trâu bò, họ chưa từng tốn kém một đồng, một hạt gạo mà đạt được phước đức khó thể so sánh, tính đếm! Phàm những ai có cùng một tấm lòng với ta, há có ai chẳng thuận theo? Tôi tuy chẳng lành lợi, dám đứng ra làm tiên phong. Sách *Cảm Ứng Lục* đã chép: “*Kẻ khuyên một trăm người chẳng ăn thịt trâu bò, sẽ tăng thọ một kỷ (mười hai năm)*”. Chuyện này lại chứng tỏ hiệu nghiệm to lớn [của việc kiêng ăn thịt trâu bò vậy].

Trong lời chú giải này, riêng đối với trâu và chó là đã riêng chú giải tường tận. Tuy những câu chuyện [quả báo] do giết, mổ chim, cá, các loài gia súc có ghi đầy đủ, nhưng lời huấn thị, răn nhắc sơ lược. Hãy nên vận dụng tâm từ đối với muôn vật. Tham khảo phần chú thích dành cho câu “*côn trùng, thảo mộc, nhân tác tàn hại, xạ phi trực tẩu*” (tàn nhân làm hại các loài côn trùng, thảo mộc, bắn loài đang bay, đuổi bắt loài đang chạy), sẽ tự hiểu rõ tường tận vậy!

*(Chánh văn) Tán khí ngũ cốc, lao nhiễu chúng sanh.*

**(正文)散棄五穀。勞擾眾生。**

*(Chánh văn: Phung phí ngũ cốc, khiến cho chúng sanh vất vả, ưu phiền).*

Từ trước đến nay, những kẻ phung phí ngũ cốc<sup>680</sup> phần nhiều mắc họa bị sét đánh. Bởi lẽ, đối với người dân, cái ăn to như trời! Khinh rẻ [ngũ cốc] chính là

---

<sup>680</sup> Ngũ Cốc là năm loại hạt dùng để làm lương thực, có nhiều cách giải thích. Ba cách hiểu thông thường nhất là:

1. Ngũ cốc là mè, hạt kê, lúa gạo, lúa mạch và đậu.
2. Gạo, đậu đỏ, lúa mạch, đậu nành, hạt kê.
3. Đại mạch, lúa mì, gạo, đậu nành, hạt mè đen.

Thông thường, Ngũ Cốc được hiểu theo nghĩa rộng là các loại hạt dùng làm lương thực, không chỉ là năm loài.

khinh nhờn trời; do vậy, quả báo ấy rất nặng. Thời cổ, thiên tử đích thân đi cày, thánh nhân coi trọng lúa gạo, đều là vì hết sức coi trọng các loại hạt lương thực nuôi sống người dân. Hiềm rằng người hiện thời quăng vứt, hoặc là [bỏ mặc ngũ cốc] vung vãi ở ruộng chẳng thu hoạch, hoặc để cho mục nát trong kho chẳng chịu phát ra, hoặc vứt vào nước, lửa, hoặc quăng bỏ [mặc cho kẻ khác] giẫm đạp, hoặc ăn những thứ tinh túy, vứt bỏ những thứ thô kệch, hoặc do có [ngũ cốc] quá nhiều mà đến nỗi dư thừa, hoặc cơm canh đã nấu xong mà bỏ bữa, hoặc là lúa má chưa chín mà đã cắt hái trước, hoặc dùng lương thực để nuôi chim, hoặc dùng đậu và lúa mạch cho gia súc ăn, đều là những chuyện tàn hại vật thực của trời quá đáng! [Người nông dân] cày cuốc, gieo mạ đang giữa trưa, mồ hôi từng giọt thấm vào nhánh mạ cắm xuống ruộng, ai biết một mâm cơm, từng hạt đều nhọc nhằn? Thử nghĩ năm đói kém, mỗi hạt [ngũ cốc] quý như châu báu, sao lại nhẫn tâm coi rẻ, phung phí khi dư giả? Giả sử ai nấy đều yêu quý [các sản phẩm] nông tang như báu vật, ắt sẽ chẳng đến nỗi có năm mất mùa!

Đời Tống, Thượng Thư Phong Tắc thường nói: - Ta thuở bé đã đích thân gặp ngài Tuyết Đậu<sup>681</sup> dùng chuyện tiếc phước để dạy người khác như sau: “Mỗi

---

<sup>681</sup> Tuyết Đậu Trọng Hiền là một vị cao Tăng hữu danh của tông Vân Môn trong nhà Thiền. Sư họ Lý, tự là Ân Chi, người xứ Toại Ninh (huyện Bồng Khê, tỉnh Tứ Xuyên). Ngài xuất thân từ một gia đình giàu có, nhiều đời học Nho, đã có chí xuất trần từ bé, mong thoát luân hồi. Ngài xin xuất gia với ngài Phổ An Nhân Thâm để học kinh luận. Về sau, Ngài đắc pháp nơi ngài Trí Môn Quang Tộ, theo hầu thầy năm năm, năm được đạo của thầy, trở thành tổ trung hưng của tông Vân Môn.

*người chẳng có thọ hay yếu, hễ hết lộc thì chết”. Suốt đời này, ta tuân theo giáo huấn ấy, đối với mọi việc, đều chẳng chịu phung phí chút nào!*

Đời Minh, Trương Nghĩa Phương có mấy trăm thửa ruộng. Hằng năm, thóc do tá điền nộp tô bị để mục nát trong kho, thường phải dọn dẹp bỏ đi, đến nỗi dùng mè đen để nuôi lợn, dùng đậu xanh cho trâu ăn. Nếu có người khuyên hẩn hãy châu cấp, giúp đỡ kẻ nghèo nàn, túng thiếu, hẩn chẳng nghe. Về sau, vào năm Chánh Đức thứ sáu (1511), đê Hoàng Hà bị vỡ, ruộng đồng bị cuốn trôi ra sông. Rốt cuộc, hẩn đến nỗi bị chết đói!

Một bà lão đã từng nấu cơm cho một nhà quan, nấu nhiều món ăn. Hễ dư ra, bèn đổ xuống ruộng rãnh. Một hôm, [bà cụ] bị bệnh chết đi rồi sống lại, bảo: “Có hai chiếc thuyền chở những thức ăn đã bị vứt bỏ, hôi thối khôn sánh! Một người dùng roi sắt đánh tôi, bảo đó là những thứ tôi đã vứt bỏ khi còn sống, ép tôi ăn. Gượng ăn mấy miếng, bụng đã trướng lên, [chẳng biết] khi nào mới hết? Biết làm sao đây?” Nói xong, lại chết.

Một kẻ làm công gieo mạ cho người khác. Chủ ruộng dùng lúa mạch vụn nấu cơm cho ăn. Gã làm công giận chủ ruộng coi thường mình, đổ món ấy vào bãi phân trâu. Ngay lập tức, sét đánh chết hẩn!

Cha của Hy Mẫn Công Trần Dật là người thiện lương, nhân hậu. Ông thấy trong tổ kiến nơi nhà xí có một miếng cơm, bèn nhặt lấy, rửa sạch rồi ăn. Đêm

mộng thấy thần nói: “Ông chuộng điều thiện như vậy, sẽ có phước báo”. Chẳng lâu sau, ông sanh ra Trần Dật, [Trần Dật] làm quan tới Thượng Thư. [Triều đình] phong tặng ông tước quan giống như vậy<sup>682</sup>.

“*Chúng sanh*” chỉ hết thảy dân chúng. Lòng người có ai mà chẳng mong an lạc. Nếu mong cầu nhà mình an lạc, mà nhẫn tâm khiến cho chúng sanh nhọc nhằn, phiền nhiễu; hoặc là nhà mình đã được an lạc, bèn chẳng cần biết chúng sanh đang bị nhọc nhằn, phiền nhiễu, sẽ đều là phường bất nhân quá mức!

Đời Châu, Nhan Uyên bảo Định Công<sup>683</sup> rằng: - Đê Thuấn khéo cai trị dân, chẳng vất kiệt sức dân. Do vậy, vua Thuấn chẳng khiến cho dân chúng làm loạn, Tào Phụ<sup>684</sup> chẳng khiến cho ngựa rối loạn. Ôi! Chim đến đường cùng sẽ mổ, thú đến đường cùng sẽ vồ chụp [người đuổi bắt nó], người đến đường cùng sẽ dối trá,

---

<sup>682</sup> Đây là một quy chế thể hiện sự ân thưởng của triều đình bắt nguồn từ đời Tân, được hoàn bị vào đời Đường. Khi con cái đỗ đạt làm quan to, cha mẹ sẽ được phong tước giống như vậy, tức là chỉ có danh xưng, nhưng không có quyền hạn như người làm quan thật sự. Cha mẹ còn sống thì gọi là Phong, cha mẹ đã mất thì gọi là Tặng. Thoạt đầu, chỉ có cha được phong tặng, mẹ sẽ được gọi tương xứng là huyện quân, phu nhân, nhụ nhân v.v... tùy theo tước vị của cha. Đến đời Đường, sự phong tặng này được tính đến ba đời, tức là cha, ông nội và ông cố của người làm quan.

<sup>683</sup> Định Công ở đây chính là Lỗ Định Công (Cư Tổng), vua nước Lỗ thuở ấy. Ông này là em trai Lỗ Chiêu Công (Cư Trù). Trong thời ông, Tề Cảnh Công nhóm hội chư hầu đã ép bức nước Lỗ, toan bắt giam Lỗ Định Công. Khi đó, Khổng Tử đang làm quan Đại Tư Khẩu, kiêm Tề Tướng nước Lỗ. Nhờ khéo léo, mưu trí, Khổng Tử đã ngăn được âm mưu của vua Tề.

<sup>684</sup> Tào Phụ (造父) là cháu chín đời của Bá Ích, rất giỏi huấn luyện ngựa, phục vụ nhà Tây Châu. Ông đã từng bắt tám con ngựa hoang trong rừng đào, huấn luyện chúng thành tuần mã rồi dâng lên Châu Mục Vương. Do chúng kéo xe rất giỏi, nhà vua thường dùng cỗ xe này để tuần hành, du ngoạn, hay săn bắn.

ngựa đến đường cùng sẽ chạy cuồng. Từ xưa đến nay, chưa hề có loài nào lâm vào đường cùng mà chẳng trở thành nguy hiểm vậy!

Đời Hán, Vương Khôi muốn có công lao [bình định] ngoài biên ải, bèn dâng sớ, tâu xin: “Thoạt đầu hòa thân<sup>685</sup> với dân Hung Nô, có thể dùng lợi để dụ họ rồi phục binh tập kích, ắt sẽ phá tan chúng”. Đình thần (廷臣, các quan trong triều) đều nói [cách ấy] không thể được, nhưng Vương Khôi tận lực giữ nguyên ý kiến. Vua chấp thuận đề nghị ấy, sai hấn làm tướng dẫn ba mươi vạn quân, nấp trong hang núi, sai người dụ [Mạo Đốn] Thiên Vu vào trong ải, mong tập kích hấn. Sự bị tiết lộ, Thiên Vu rút lui, [quân Hán] chẳng đuổi kịp. Lính và ngựa của nhà Hán chết mấy vạn, tiền bạc, lương thực bị hao phí chẳng thể kể xiết. Dân chúng lẫn binh sĩ đều oán hận. Vua tức giận, hạ lệnh cho Đình Ủy

---

<sup>685</sup> Cho đến hiện nay, các sử gia vẫn tranh cãi về nguồn gốc dân tộc Hung Nô (vì họ không có văn tự, không có sử liệu. Mọi dữ liệu lịch sử về họ hoàn toàn dựa theo sử liệu Trung Hoa), chỉ biết họ là dân du mục sống ở phương Bắc. Những truyền thuyết như người Hung Nô là con cháu của vua Hạ Kiệt, hoặc là hậu duệ của người nước Kỷ, đều không có chứng cứ khả tín. Thời Hán, nhiều bộ tộc Hung Nô thống nhất dưới sự lãnh đạo của Mạo Đốn Thiên Vu (các nhà nghiên cứu cho rằng “*thiên vu*” là phiên âm sanok hay tsanak dựa theo cách phát âm hiện thời của người Mông Cổ. Đây là tước hiệu của vị thủ lĩnh tối cao; về sau, tước hiệu này được thay thế bằng danh xưng Khả Hãn (Khan) của người Nhu Nhiên, tức Rouran). Họ trở thành một mối đe dọa thường xuyên cho người Hán, vì người Hung Nô thường xâm lăng đất Hán. Khi Hán Cao Tổ (Lữ Bang) đem ba mươi hai vạn quân chinh phạt phản tướng Hàn Tín, đại quân kéo đến Bình Thành (nay là thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây), đã bị quân Hung Nô do Mạo Đốn Thiên Vu vây chặt suốt bảy ngày. Về sau, nhờ mưu kế, Hán Cao Tổ thoát khỏi vòng vây, nhưng đại quân bị hao tổn rất lớn. Vua phải xuống nước dùng chánh sách “*hòa thân*”, tức là mỗi năm tiến cống gấm vóc, lụa là, tơ lụa, lương thực, rượu ngon, cũng như dâng một số gái đẹp cho vua chúa Hung Nô. Đổi lại, quân Hung Nô không xâm phạm biên cương Trung Hoa.

Vương Khôi tự sát. Từ đó, [những vị đại tướng] như Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh phải dẫn mình ra biên cương đổ máu không ngớt. Vương Khôi đầu chết, vẫn còn phải gánh trách nhiệm vậy.

Đời Minh, quan Tham Chánh tỉnh Phước Kiến là Tống Chương quấy nhiễu, khiến cho dân gian nhọc nhằn, tước đoạt [tài sản của dân chúng] tính ra mấy vạn lạng vàng. Hãn biểu xén Vương Chấn<sup>686</sup>, bèn được thăng làm Bố Chánh. Đến nhiệm sở, hãn tính toán lấy lại những phí tổn [do đã hối lộ để được thăng chức], bèn xét theo từng hộ mà đánh thuế. Dân nghèo bị nhiễu loạn kinh hoàng, khôn đốn oán than. Do vậy, Đặng Mậu Thất bèn tụ tập bè lũ làm cướp, oai thế chẳng thể ngăn trở được. Tống Chương bị bọn chúng cướp bóc, nhà hãn không còn một người nào sống sót!

*(Chánh văn) Phá nhân chi gia, thủ kỳ tài bảo, quyết thủy, phóng hỏa, dĩ hại dân cư.*

**(正文)破人家。取其財寶。決水放火。以害民居。**

---

<sup>686</sup> Vương Chấn là thái giám dưới thời Minh Anh Tông, rất được vua tin cậy. Hãn chương quản Tư Lễ Giám, trông coi tấu chương trong ngoài cung, nên dễ dàng thao túng triều chánh.

*(Chánh văn: Phá hoại nhà người khác, chiếm đoạt của cải. Phá hoại đề điều, đốt nhà làm hại dân cư).*

Do vô tâm mà tạo ra chuyện [khiến cho người khác] ngẫu nhiên bị phá hoại, thì [chính mình] đã bị tổn đức, hưởng hồ là vì tiền tài, của báu mà khiến cho người khác đến nỗi tan nhà nát cửa ư? Hoặc là công khai cậy vào thế lực, hoặc ngấm ngầm dùng mưu kế; nhưng kẻ công khai bạo ngược chẳng trốn khỏi phép nước, còn kẻ ngấm ngầm mưu toan có thể lọt lưới, tạo tội càng nặng. Nặng như thế nào? Đáp: Xét theo luật pháp trong nhân gian định tội chứa tang vật như thế nào mà tính nặng gấp năm lần. Sự ác khổ [do bị trừng phạt trong] cõi âm thâm hơn sự ác khổ trong dương gian. Vì thế, luật trong cõi âm nặng nề hơn luật trong dương gian.

Tiết Hoằng Nhân ở Khai Phong tánh tham lam, âm hiểm. Nhà hàng xóm có một cái áo trăn châu giá trị khôn xiết. Hắn bèn dùng nhiều âm mưu chiếm đoạt, nhưng chẳng được. Do vậy, đặt chuyện vu cáo, phá nát nhà ấy, chiếm được tấm áo ấy vào tay. Chẳng lâu sau, bọn cướp biết được, kéo bè lũ tới cướp đoạt. Hoằng Nhân khoác tấm áo ấy, trèo lên thang, chạy lên lầu. Bọn cướp tức giận, phóng hỏa thiêu đốt. Hắn bị chết cháy!



Đời Nguyên, tại vùng Chiết Tây có một nhà có thể lực to lớn, hai anh em vì cha đã chết bèn tranh chấp. Mễ Tín Phu bèn xúi giục họ kiện nhau hòng phá nát nhà ấy để chiếm của. Hai anh em nhà ấy đều hồi hận, uất ức mà chết. Tín Phu giàu có hai mươi năm. Trong niên hiệu Chí Nguyên<sup>687</sup>, do dính líu đến vụ án phản loạn, họ Mễ bị bắt lên huyện, trông thấy quan huyện vẻ mặt nghiêm nhiên giống như người em [của kẻ bị hại], trong lòng kinh hoàng, sợ hãi. Viên quan ấy ép buộc hấn phải cung khai, thừa nhận tội. Hấn phải tiêu sạch tài sản mới thoát tội. [Do vậy, hấn] phần nộ kiện quan huyện lên phủ; thấy [mặt] viên quan phủ chính là [ gương mặt người] anh của [kẻ đã bị hấn hại thuở trước]. [Quan phủ] dùng khổ hình tàn khốc bức ép hấn nhận tội, cả nhà tám mạng đều chết trong ngục. Ôi! Mưu toan xúi giục hết sức kín đáo, có sao bị báo ứng thâm dường ấy? Há chẳng phải là trong vòng huynh đệ, đã vận dụng mưu xảo xấu ác năm phần, sẽ đáng phải thẳng thừng chuốc lấy [quả báo] ác mười phần hay sao?

Lửa đốt, nước trôi, bất hạnh ngẫu nhiên gặp phải, [đã là] khổ sở khó bề chịu đựng, có sao nhẫn tâm phá hủy đề điều, phóng hỏa làm hại? Dân cư đã bị hủy hoại, của cải tích góp cũng chẳng còn. Mạng người, mạng vật phần nhiều chẳng thể giữ được, gây hại to lớn, tội ác sâu xa, trời đất khó dung tội ấy được!

---

<sup>687</sup> Chí Nguyên là niên hiệu của Nguyên Huệ Tông (Thỏa Hoàn Thiếp Mục Nhĩ, Toyon Temur), sử dụng từ năm 1335 đến năm 1340.

Đời Nguyên, Trường Xuân Chân Nhân Khuru Xứ Cơ nói: - Sửa cầu, đắp đường, cứu người chết đuối, cứu người bị hỏa hạn, đều là những chuyện đại phương tiện. Kẻ phú quý thực hiện, sẽ là đức rộng, báo ứng trọng hậu. Kẻ học đạo thực hiện, sẽ là công hạnh toàn vẹn, viên mãn. Nếu kẻ kém sức mà thực hiện, sẽ càng là chuyện khó có. Chuyện khó mà có thể làm, công đức gấp mười!

Ngô Phong Sơn ở Ngô Hưng. Ngẫu nhiên, lửa bùng lên, cháy lan ra đốt sạch mấy chục nhà, ông Ngô bỏ tiền tìm người dập lửa. Lại còn dập đầu, tuôn lệ, đau xót cầu khẩn trời cao. Bỗng gió đổi hướng, lửa tắt. Ban đêm, ông mộng thấy thần bảo: “Ông từng bỏ ra một món tiền lớn để cứu người chết đuối, nay lại chân tâm cứu hỏa, được cõi trời báo ứng. Thượng Đế ban cho ông hai đứa con quý hiển, tăng thọ mười hai năm”. Phàm cứu tai nạn nước lửa cho kẻ khác, đạt được báo ứng như thế đó. Nhưng đây vẫn là chuyện nhỏ, làm người bề trên của dân, thật sự có thể tu sửa đề điều sẵn sàng, chú trọng thủy lợi, khiến cho muôn dân chẳng đến nỗi bị khốn khó vì thiên tai, chuẩn bị dự phòng đại hạn (hạn hán lớn), có nề nếp đề phòng [hỏa tai] rõ ràng khi nóng bức, khiến cho muôn dân chẳng đến nỗi rơi vào tay Chúc Dung,<sup>688</sup> công đức ấy càng rộng, cảm ứng ắt sẽ nhanh chóng hơn trường hợp đang nói ở đây!

---

<sup>688</sup> Chúc Dung (祝融) là thần lửa. Ông này vốn có tên là Trọng Lê, hiệu là Xích Đế. Theo Sơn Hải Kinh, Chúc Dung thuộc dòng dõi của vua Chuyên Húc, giữ chức Hỏa Chánh (trông coi về lửa) cho Cao Tân Thị (Đế Cốc), nên được hậu nhân tôn là

Lương Vũ Đế nghe theo kế của Vương Túc, đắp đê ngăn nước sông Hoài để làm ngập thành Thọ Dương. Vua lấy dân binh từ Từ Châu và Dương Châu hai mươi vạn người [để đắp đê]. Nhằm tháng mùa Hạ, người mắc bệnh dịch chết nằm chồng lên nhau. Đến Thu, nước sông Hoài dâng cao, phá vỡ đê ngăn, tiếng vang như sấm rền, vang vọng ba trăm dặm. Các thành thị, làng xã, thôn xóm dọc theo sông Hoài hơn mười vạn gia đình đều bị cuốn trôi ra biển. Về sau, Vương Túc mắc tội, cả họ bị tru diệt.

Một người họ Nguyễn ở Giang Đô có hiềm khích với người họ Cát, ban đêm bèn đốt nhà người ấy. Lửa cháy lan sang nhà dân tới mười mấy nhà. Bỗng một hôm, nhà họ Nguyễn vô cớ bị lửa đốt trụi, vợ hấn bị chết cháy, gã họ Nguyễn chạy thoát, bỗng lửa ở đâu bay tới dính vào thân hấn. Trong khoảnh khắc, hấn bị thiêu phỏng lên mà chết.

Ông Vu Thiết Tiêu nói: - Đào ao, khơi giòng, khiến cho thể nước chảy xiết, mạnh bạo, làm lạc phá thùng đê ngăn sông, thả lửa bắn pháo hoa, pháo theo gió rơi xuống đến nỗi đốt cháy nhà cửa. Dẫu vô tâm phạm lỗi, vẫn mắc tội làm hại mọi người. Hãy nên cực lực răn dè!

---

Hỏa Thần. Theo huyền sử Trung Hoa, Toại Nhân dạy dân dùi cây lấy lửa, nhưng dân chúng chỉ biết dùng lửa để nướng động vật; còn Chúc Dung dạy dân dùng lửa để nấu nướng nhiều cách, chế ra các chất để giữ lửa, chứ không cần phải dùi cây.

*(Chánh văn) Vặn loạn quy mô, dĩ bại nhân công, tổn nhân khí vật, dĩ cùng nhân dụng.*

**(正文)紊亂規模。以敗人功。損人器物。  
以窮人用。**

*(Chánh văn: Làm loạn phép tắc khiến cho công sức của người khác bị thất bại. Phá hoại vật dụng của người khác khiến cho họ chẳng sử dụng được).*

“Quy mô” (規模) là như hết thấy các luật lệ, mạng lệnh thuộc về chánh sách giáo hóa. [Những thứ ấy] thật sự đều liên quan đến sự được mất, an nguy của thiên hạ. Phường tiểu nhân đồ kỵ công lao của kẻ khác, mong cho người khác bị thất bại, hủy hoại, bèn gây rối loạn, chẳng biết: Khiến cho công sức của người khác bị thất bại, thật ra là khiến cho quốc sự bị bại hoại. Đã gây hại to lớn, há tội nhỏ nhất ư? Còn như đối với chuyện của một thân, một nhà, mà gây rối loạn đến nỗi hư hoại, thì cũng là kẻ tổn thương thiên lý, chôn vùi lương tâm, tội chẳng khác gì!

Trong chiến dịch Hoàn Sóc, Dương Nghiệp phụng mạng [đánh nước Liêu], làm phó tướng cho Phan Mỹ tấn công bọn thảo khấu [nước Liêu]. Đã đến nơi, do bọn giặc tấn công Hoàn Châu, Dương Nghiệp nói: “Thế giặc đang tinh nhuệ, chẳng thể đánh được. Hãy nên dẫn

binh ra Đại Thạch Lộ, trước đó, truyền lệnh cho các tướng trấn giữ Vân Châu và Sóc Châu tiếp ứng từ Thạch Kiệt Cốc thì mới là muôn phần vẹn toàn”. Giám Quân Vương Sân chê trách Dương Nghiệp sợ chết. Bất đắc dĩ, Dương Nghiệp xin dẫn binh đi, bèn căn dặn Phan Mỹ [đóng quân] ở cửa cốc, chia thành hai cánh là bộ binh và quân bắn nỏ mạnh. Ước định khi [Dương Nghiệp] dự định đến nơi đây, sẽ đổ quân ra đánh xáp lá cà, ắt sẽ toàn thắng. Phan Mỹ bèn đóng quân ở cửa cốc. Vương Sân lại cho rằng giặc sẽ bỏ trốn, muốn đoạt công lao, bèn dẫn lính rời đi. Dương Nghiệp dụ quân giặc đến chỗ phục binh, [phát hiện phục binh đã bỏ đi mất], vỗ ngực khóc to, rồi lại liều mình quyết chiến, tự tay đâm mấy trăm người rồi mới chết. Nếu chẳng bị Vương Sân gây trở ngại, công đã thành rồi. Triều đình nghe tin, hạch tội Vương Sân gây rối luật lệ trong quân. Vương Sân tự sát, bị lính của Dương Nghiệp xẻo thịt ăn, trong khoảnh khắc hết sạch.

Tổng Nghệ Tổ (Tống Thái Tổ) kiến tạo thành đô Biện Kinh có chỗ quanh co, khuất khúc, chỗ thẳng, chỗ cong, nhằm để các nơi có thể chiếu ứng lẫn nhau, thật sự là có dụng ý sâu xa. Cho đến khi Thái Kinh chuyên chế nắm quyền, bèn tâu với vua, [kiến trúc kiểu ấy] chẳng phù hợp về mỹ quan, [vua bèn chấp nhận] cho hấn phá bỏ, xây [thành mới] vuông vức. Trong niên hiệu Tĩnh Khang, Niêm Hãn và Oát Ly Bất<sup>689</sup> vùng roi

---

<sup>689</sup> Niêm Hãn (đúng ra phải là Niêm Một Hát, sử Trung Hoa đã chép sai thành Niêm Hãn) là tên húy của Hoàn Nhan Tông Hàn, con trai của tướng quốc Hoàn Nhan Tát Cải, còn Oát Ly Bất (đôi khi còn phiên âm là Oát Lỗ Bồ) chính là Hoàn

dưới thành, bảo: “Thành này dễ tấn công”. Họ sai đặt hỏa pháo bốn phía, thuận theo phương vị mà bắn. Do thành vuông vức, bắn một phát trúng liền, vách thành phía ấy liền chẳng đứng vững được. Người hiểu biết đều tiếc hận.

“*Khí vật*” (器物, đồ vật) là như giấy bút của văn, hoặc đao, trượng của võ, cày cuốc để canh tác, búa, đục của thợ. Trong nhà thì là các vật dụng thường dùng. Trên đường thì là các vật dụng dùng trong di chuyển như dù, lọng. Xe thì có trục, có đòn, thuyền thì có sào chống, có mái chèo. Dầu là vật dụng hết sức nhỏ, trong khi cần dùng, nó sẽ có mối quan hệ hết sức thiết yếu. Nếu tổn hại, khiến cho lúc cần dùng sẽ chẳng làm gì được, chẳng có gì hết sức đáng giận hơn! Kẻ làm như vậy có tâm thuật như thế nào?

Hai người họ Từ và Trần ở Hoài Nam đều sống bằng nghề chở thuyền. Họ Trần chèo hơi mau hơn, kiếm tiền nhiều hơn. Họ Từ ganh ghét, thường ngầm ngầm phá hư vật dụng để họ Trần bị khốn đốn. Một tối, hắn ngầm phá gãy mái chèo của họ Trần. Tới lúc bình minh, sợ bị phát giác, hắn bèn nhỏ thuyền ra đi. Tới giữa sông, họ Từ bỗng ngã xuống sông, kêu cứu. Họ Trần gấp rút muốn ra cứu, nhưng do mái chèo đã gãy, chẳng thể chèo thuyền ra đó được, đành đứng nhìn họ Từ chết!

---

Nhan Tông Vọng, là con trai của Kim Thái Tổ (Hoàn Nhan A Cốt Đả, Wanyan Aguda). Cả hai đều là đại tướng của người Kim thời ấy. Tĩnh Khang là niên hiệu của Tống Khâm Tông (Triệu Hoàn).

*(Chánh văn) Kiến tha vinh quý, nguyện tha lưu biếm. Kiến tha phú hữu, nguyện tha phá tán.*

**(正文)見他榮貴。願他流貶。見他富有。  
願他破散。**

*(Chánh văn: Thấy người khác vinh hiển, sang cả, mong họ bị lưu đày, biếm trích. Thấy người khác giàu có, mong họ tàn mạt).*

Phàm những ai được vinh hiển, sang cả, đều chẳng phải là ngẫu nhiên, mà đều là do đời trước [người ấy] đã tích lũy thiện duyên, vun trồng cội đức từ trước, cũng như do tổ tông tích đức mới bèn có thể được như thế. Kẻ trông thấy [tình huống như thế], hãy nên khởi tâm mong mỏi, hâm mộ. Chẳng phải là hâm mộ sự vinh hiển, sang cả của họ, mà là thật ra là mong mỏi, hâm mộ sự tu tập từ trước của người ấy. Nếu mong cho người ấy bị lưu đày, biếm trích, tức là chẳng từ chỗ chân thật mà phản tỉnh, soi xét bản thân, mà là từ nơi hư huyền, sanh lòng tàn độc, muốn cho người khác cũng phải xuống thấp như ta. Sao lại ngu si ôm lòng tiểu nhân, ghen ghét đến nỗi như thế? Thật ra, chẳng hề tổn hại người khác mảy may, chỉ là tự mình tạo ác nghiệp, khiến cho chính mình càng thêm nghèo túng, hèn kém đó thôi!

Đời Đường, Liễu Tử Hậu (Liễu Tông Nguyên) và Lưu Mộng Đắc bị biếm trích, thật ra là do Vũ Nguyên Hành<sup>690</sup> thật sự chủ động [gây nên]. Nguyên Hành bị giặc giết chết, còn hai ông Lưu và Liễu không sao. Bạch Lạc Thiên (Bạch Cư Dị) bị biếm trích thật sự là do Vương Nhai vu cáo, hãm hại. Vương Nhai bị bọn hoạn quan giết chết, Lạc Thiên vẫn chẳng sao! Phàm là kẻ đang nắm quyền, giữ đại quyền sanh sát trong tay, coi những viên quan bị đuổi, bị đày như dế, kiến, nào có biết trong nháy mắt, thân và đầu của chính mình khó giữ, bọn “dế, kiến” kia ngược lại ngồi xem, cười cợt ta vậy! Huống hồ những kẻ bàng quan chỉ mong [người khác bị biếm trích, phá tán] suông, há có ích gì chẳng?

Đời Tống, Vương Bác Văn nắm quyền cai trị công bằng, khoan dung, từng nói: “Ta suốt đời phán quyết tội lưu đày, chưa hề chẳng ngẫm chọn lựa nơi có khí hậu tốt”. Quan Thái Tử Đồ Dung mỗi lần tuyển chọn quan lại để phái tới nơi có sơn lam chướng khí đều ngừng bút rất lâu, bảo: “Ta đã từng đi qua nơi ấy, quan lại phần nhiều chết vì chướng khí, ắt phải chọn lựa người phù hợp phong thổ”. Do vậy, ông bèn tâu lên vua [xin hãy áp dụng] theo quy định ấy. Đây chính là dụng tâm của bậc thật sự nhân từ. Kẻ mong cho người khác bị lưu đày, biếm trích, hãy nên suy nghĩ!

Giàu có cũng là do bản thân gieo trồng đức, do tô phụ tích lũy công đức mà nên. Nếu đổ kỳ sự giàu có ấy, mong cho họ bị tàn mạt thì là cái tâm như thế nào? Dẫu

---

<sup>690</sup> Vũ Nguyên Hành là chất thuộc về bên nội của Vũ Tắc Thiên.



là kẻ chí ngu, cũng chẳng nên không hiểu biết như thế. Xin hãy nghĩ lại, nếu ta giàu có, mà kẻ khác mong cho ta bị phá tán, lòng ta sẽ ra sao? Nếu lòng ta giận dữ, sẽ biết là lòng người khác cũng giận. Lòng người khác cũng giận thì lòng trời há chẳng giận ư? Đối với chuyện này, hãy nên quán ba điều:

1) Một là người đó giàu có, ắt do đời trước lợi người, làm phước mà ra. Chuyện này đáng nên noi theo, chớ nên ganh tỵ.

2) Hai là có thể là do người ấy đã khổ tâm, lao碌, chịu đựng đói rét, tích tụ dần dần mà thành dư giả. Tuy vẫn do cái nhân trước, nhưng thật sự chịu đựng các nỗi khổ. Chuyện này đáng thương, chớ nên ganh tỵ.

3) Ba là do vô ý mà đạt được, làm giàu bất nhân, nhưng [của cải] tự tán vô thường, nước, lửa, đạo tặc, oán gia, con cái bại hoại, bệnh tật, quan lại, thừa kiện, đều là những cái nhân gây nên tiêu hao. Trường hợp này sẽ tự phá tán, suy bại, chẳng cần phải ganh tỵ.

Quán như vậy, cái tâm sẽ tự bình đẳng.

Châu Nghĩa Phu ở Hồng Huyện, giàu có, chẳng tiết kiệm, tánh tình phóng túng, ngang ngược. Tôn Thúc Chi đã từng nhắc nhở, Nghĩa Phu tức giận, bảo: “Người biết gì mà dám dính vào chuyện của ta?” Do vậy, Thúc Chi đổ kỵ. Lại nói: “Ta đành chờ xem hán suy bại vậy”. Đến khi Thúc Chi đỗ đạt, làm quan trông coi về vận chuyển tại lộ ấy (tỉnh ấy), lần lượt tuần tra

tới Hồng Huyện. Đúng lúc ấy, có người tố cáo Nghĩa Phu đánh đập người khác ở chợ, [Thức Chi] bèn giao họ Châu cho quan Tư Thôi thẩm vấn. Chẳng ngờ người tố cáo chết bất ngờ, Thức Chi bèn viện có Nghĩa Phu phạm tội mưu sát để phán án tử hình. Chẳng được mấy năm, Thức Chi được chuyển đi làm tào quan<sup>691</sup> ở Hà Bắc, cả nhà bị bọn giặc giết chết, chẳng khác Nghĩa Phu. Than ôi! Nghĩa Phu do cậy tiền tài mà hoành hành bạo ngược, cố nhiên đáng bị suy bại; nhưng Thức Chi lại ôm lòng cừ hận mà phá nát nhà hắn. Vì thế, trời cũng báo đền bằng cách phá nhà ông ta! “*Tạo phương tiện cho người khác là tạo phương tiện cho chính mình*”, đúng là lời luận định chí lý thay!

*(Chánh văn) Kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi.*

**(正文)見他色美。起心私之。**

*(Chánh văn: Thấy vợ con người ta xinh đẹp, nảy lòng dâm dục).*

Nghiệp sắc đối với tâm tình của con người là dễ phạm nhất, so với những chuyện như tham lam, giết chóc v.v... còn khó chế ngự gấp trăm lần. Do vậy, vì chuyện này mà suy bại đạo đức, chuốc họa so với

---

<sup>691</sup> Tào quan là chức quan trông coi vận chuyển hàng hóa, đánh thuế, cũng như ngăn ngừa chuyện buôn lậu.

những chuyện khác cũng khóc liệt gấp trăm lần! Vì thế, đức Thái Thượng đối với những chuyện tham lam, giết chóc v.v... không chỉ là răn đi nhắc lại, nhưng riêng đối với điều đứng đầu muôn điều ác (dâm dật), Ngài chỉ nói một lời. Đây chẳng phải là nói đại lược, mà là vì những điều ác như tham lam, giết chóc v.v... rõ ràng, nông cạn, có thể nói trọn hết được. Chứ sự ác do dâm thì ẩn kín, sâu xa, khó thể nói trọn! Vì thế, phải dùng lời lẽ diệt trừ từ ngay ý niệm, tức là từ ý niệm ban đầu, nhằm đánh thức kẻ si mê, bèn nói: “*Kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi*” (Thấy vẻ đẹp của vợ con người khác, bèn dấy lòng dâm dật). Bởi lẽ, con người trong khi sắc đẹp đập vào mắt, tấm lòng vừa động, dấy lên ý niệm “nghĩ tưởng, hâm mộ, tham muốn, mong cầu” kết chặt trong lòng, chẳng thể tháo gỡ được! Những ý niệm như thế vừa chớm nảy, chẳng đợi đến khi thân thật sự làm, mà đã thoát khỏi thiên lý, sa vào nhân dục (dục vọng của con người), âm ty đã xếp vào hồ sơ tội ác vô cùng! Do vậy, đức Thái Thượng vô lượng từ bi, chẳng cần phải rườm rà, chỉ dùng một lời để cảnh tỉnh từ ngay chỗ ấy, nhằm dạy con người: “*Khi trông thấy sắc đẹp, dấy lòng, chẳng thể không từ chỗ bắt nguồn mà sớm tự kiềm chế, dứt tuyệt*”. Ngay trong khi dấy niệm, hãy ngay lập tức phản chấn, dừng mãnh, một đao chém phăng, chẳng để đuôi tí nào, chớ dung một mảy tình niệm. Thiên đường và địa ngục, ngay lập tức phân định rành rành. Nếu trong lúc ấy, hơi nhận biết [tâm niệm] chẳng thật, nhưng chưa nhận biết thấu suốt, chẳng thể chém đinh chặt sắt, kiên quyết đặt vững bước chân, thì

ngay trong phút chốc, nó sẽ dẫn khởi tràn lan, bất tri, bất giác, bị trôi giạt vào nước quỷ La Sát mất rồi, tuy nhỏ nhiệm mà nguy hiểm lắm thay! Ý của đức Thái Thượng tinh ròng, tha thiết, sâu xa tột bậc, khổ tâm vô lượng vậy!

Bảo Thiện Đường nói: - Tâm ấy (âm tâm) vừa dấy, ắt sẽ ít liêm khiết, ít hổ thẹn, bại hoại nhân luân, tổn thương phong hóa. Chuyện tổn hại âm đức to lớn, không gì chẳng bắt nguồn từ cái tâm này. Tâm ấy vừa chuyển, ắt có thể bảo toàn danh tiết, gieo đức, tạo phước. Chuyện có thể khiến cho trời, người cảm động, không gì chẳng là do chuyển biến cái tâm này. Cái ải để phán định là người hay thú, hoàn toàn ở chỗ này, há dám chẳng khẩn thiết, dũng mãnh tinh ngộ ư?

Bốn chữ “*kiến sắc khởi tâm*” (thấy sắc dấy lòng) chính là cái gốc khiến cho người đời mắc bệnh trong cả một đời vậy. Nay muốn đoạn trừ cội gốc ấy, hãy nên dốc sức nơi chữ Kiến. Phi lễ vật kiến (Điều trái lễ chớ nhìn), thấy mà như không thấy thì là [công phu] bậc thượng. Bản tâm khó mê muội, lễ pháp khó vượt qua, nghiêm cấm, gắng sức chế ngự thì là bậc kém hơn. Nếu chẳng vậy, thoát đầu thì là dấy lên trong tâm, rốt cuộc sẽ loạn nơi sự. Một niệm sai lầm, muôn kiếp chẳng chuộc được, buồn thay!

Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy: “*Xem người già như mẹ, xem người lớn hơn như chị, xem người nhỏ hơn như em gái. Xem đứa bé bỏng như con gái [của*

*chính mình]*”. Đây chính là pháp tối thượng để dưỡng tâm.

Sắc đẹp ai nấy đều yêu thích, nhưng chẳng thể dối gạt hoàng thiên! Ta hành dâm với vợ kẻ khác, kẻ khác sẽ hành dâm với vợ ta. Người xưa đã để lại lời răn ấy. Dương Âu Thanh viết bài tụng rằng: *“Thấy sắc đẹp của kẻ khác, vừa mới dấy niệm toan dâm dử, tức là đã khiến cho kẻ khác dấy lên ý tưởng muốn dử dâm vợ con ta. Thay đổi vị trí để nhìn, tà tâm sẽ lập tức dứt bật”*.

Ngũ lục của cổ đức đã chép: - Vừa mới gặp sắc đẹp, tâm rung động, hãy gấp nghĩ: Vị thần trông coi tội lỗi ở ngay bên cạnh ta. Tam Thai, Bắc Đẩu ở ngay trên đầu ta. Tam Thi trong thân, Táo Quân ở trong nhà. Ba thứ ánh sáng của mặt trời, mặt trăng [và tinh tú chiếu soi], thiên chân vạn thánh (ngàn vạn vị tiên thánh) ở trên hư không, có người ghi chép, có người trông thấy mà tức giận, có người giám sát đầy đặc muốn gom góp [tội lỗi của ta] để công bố, như thế thì sẽ hoảng sợ, run rẩy, tự nhiên tâm lòng nguội lạnh, ý niệm [tham dục] diệt mất.

Đời Minh có một người mắc chứng háo sắc, hỏi tiên sinh Vương Long Khê<sup>692</sup>. Tiên sinh bảo: “Có chỗ

---

<sup>692</sup> Vương Long Khê tên thật là Vương Kỳ, là một nhà tư tưởng đời Minh. Ông là thành viên chủ yếu trong học phái của Vương Dương Minh, tôn Vương Dương Minh làm thầy. Tuy Vương Kỳ đỗ đạt, nhưng không ra làm quan, mà chuyên tâm cùng với Tiền Đức Hồng dạy dỗ hàng hậu học. Về sau, khi thầy đã mất, ông có ra làm quan một thời gian ngắn. Sau đó, vì tư tưởng, học thuật của ông bị Hạ Ngôn chán ghét, gièm báng, ông bị triều đình bãi chức bèn trở về dạy học hơn bốn mươi năm. Trước tác của ông được tập hợp thành bộ Vương Long Khê Toàn Tập.

rủ màn treo trướng nơi đây, có người bảo ông trong ấy có một ả kỹ nữ nổi danh. Tới lúc ông vạch màn ra, ả gái làng chơi ấy chính là em gái hay con gái của ông, ngay trong lúc ấy, tấm lòng dâm của ông có ngay lập tức dứt bật hay không?” Thưa: “Dứt liền”. Tiên sinh bảo: “Vậy thì dâm vốn là không, ông nhận lầm nó là thật”.

Trong mười đoạn Tiêu Song<sup>693</sup> của Văn Đế, đoạn đầu tiên là giới dâm hạnh: “*Chưa thấy, chớ nên nghĩ. Trong khi thấy, chớ nên loạn. Đã thấy, chớ nên nhớ*”. “*Chưa thấy đừng nghĩ*” chính là công phu tòn tâm dưỡng tánh lúc tĩnh (lúc chưa có ngoại duyên dẫn dụ). Thường ngày, hễ rảnh rang ở một mình, ắt phải thâm thập sao cho mỗi ý niệm đều sạch lầu, thời thời cảnh giác, khắc khắc nhắc nhở. Thiên lý đã hiện diện, ắt lòng ham muốn của con người sẽ tự dứt. Phàm những ý tưởng dâm uế, tà vạy, đều chẳng để lọt vào tấm lòng quang minh chánh đại. Đây là học vấn chú trọng lòng kính của bậc quân tử. Tâm ta đã định, tự nhiên lúc sắc đẹp lộng lẫy ở trước mặt, mặc cho kẻ đó dẫn dụ đủ mọi cách, ta trọn chẳng bị nó lay động mảy may thì là định lực thuộc bậc nào? Cảnh giới ấy đều là do thường nhật đã tu luyện phẩm đức nghiêm ngặt, thiết thực, do chánh tâm thành ý mà ra. Đây chính là đối với chuyện gạn lọc, lắng trong cội nguồn, Đế Quân đã dạy phải kiên trì những chuyện thuộc về dục vọng của con người. Trước hết, Ngài dạy ngăn ngừa từ cái tâm. Muốn gìn giữ [dâm giới] ngay trong [khi những ngoại duyên dẫn

---

<sup>693</sup> Văn Đế chính là Văn Xương Đế Quân. “Mười đoạn” là nói về bài Văn Xương Đế Quân Tiêu Song Thánh Huấn.

du] hiện tiền, trước hết, phải tu luyện trong lúc thường ngày. Còn như “*trong khi trông thấy mà chẳng loạn, đã thấy bèn chớ nghĩ nhớ*”, chính là như đức Thái Thượng đã răn mọi người “*chớ nên dấy lòng tư tình*”. Đây chính là công phu phản tỉnh, soi xét bản thân trong khi [tâm niệm] dấy động vậy. Vì thế, nếu phân tích chi tiết hơn, ba câu nói của Đế Quân, mỗi câu là một cảnh giới. “*Nghĩ*” là nghĩ tới tương lai. “*Loạn*” là loạn trong hiện tại. “*Nhớ*” là nhớ về quá khứ. Người hiện thời dâm ác ngập trời, không ai chẳng phải là do từ trong ba cảnh ấy mà hình thành, xuất hiện. Có thể thật sự trừ hết ba cảnh ấy, dâm hạnh há có chỗ nào để đặt chân nữa ư?

Dâm đứng đầu muôn điều ác, [chuyện này] được nêu rõ trên bảng sắt trước điện Sâm La. Bởi lẽ, hễ tâm dâm vừa sanh, các điều ác lũ lượt tụ tập. Tà duyên chưa tụ hợp, đã sanh tâm huyễn vọng. Nếu chẳng có cách nào chèo kéo, dẫn dụ người khác, sẽ sanh lòng xảo trá. [Nếu có] đôi chút trở ngại, sẽ sanh lòng sân hận. Do dục tình điên đảo, bèn sanh lòng tham đắm. Do hâm mộ những thứ người khác đang có, bèn sanh tâm đồ kỵ, tàn độc, tước đoạt thứ yêu mến của người khác, sanh tâm giết hại, chôn vùi hết sạch liêm sỉ, luân lý đều thiếu sót, các thứ ác nghiệp sanh ra từ đây, các thứ thiện niệm do đây mà tiêu mất. Hễ dấy động dâm tâm, tuy chẳng thật sự thực hiện, mà đã tích ác, tạo tội như thế đó, huống hồ là thực hiện [dâm sự] hiển nhiên ư?

Pháp luật côi âm có nói: - Gian dâm vợ người khác, sẽ bị quả báo tuyệt tự. Gian dâm với gái chưa chồng, sẽ bị quả báo con cái dâm dật!

Ngạn ngữ có câu: *“Khuyến quân mạc tá phong lưu trãi, tá đắc khoái lai, hoàn đắc khoái, gia trung tự hữu đại hoàn nhân, nhĩ yếu lại thời, tha bất lại”* (Khuyên đừng gây nợ phong lưu, mượn đã mau rồi, trả chóng hơn. Người nhà rồi sẽ đền nợ thế, dẫu người muốn quyt, chẳng tha đâu!)

Sát nhân thì giết một thân, gian dâm với kẻ khác thì giết cả ba đời [kẻ bị gian dâm]! Bởi lẽ, [hành vi gian dâm ấy] không chỉ là phá hoại danh tiết của người ấy, mà còn khiến cho bố mẹ chồng, chồng người ấy và con cái của họ mất hết mặt mũi, đau đớn thấu tâm can. Thậm chí có người vì xấu hổ mà đến nỗi chết, hoặc là chồng giết vợ, hoặc là bố thất cổ con gái, con không nhận mẹ, [khi gặp mặt] thân thích khó giữ thái độ đối xử lịch sự, những nhà đảng hoàng chẳng dám kết thông gia với nhà ấy. Vì niềm vui vụng trộm trong chốc lát bèn tạo tội ác ngập trời, quả báo tuyệt tự vẫn chưa đủ xứng với cái tội ấy!

Có vợ chồng rồi mới có cha con, anh em. Gian dâm người khác, không chỉ là rối loạn giềng mối vợ chồng, mà còn rối loạn cả cha con, anh em người ta! Ngũ luân đã bị mất ba. Thậm chí khiến cho tổ tông của kẻ ấy [vì bị người khác khinh thường con cháu] là “hạng người không ra gì” mà phải nếm trải nỗi đau khổ



không người cúng tế. [Kẻ gian dân] sẽ bị quỷ thần tru lục, há có thể trốn tránh được ư? Sát nhân thì sẽ tiêu diệt hậu thiên, nhưng kẻ gian dân người khác sẽ rối loạn tiên thiên của người ấy. Huống hồ, sát nhân là vì hận [thù người ấy] mà làm, còn kẻ gian dân người khác, có hận thù gì với chồng, bố mẹ chồng, bố mẹ ruột của người ta? Lại còn hận thù gì với cô gái đẹp ấy mà cứ muốn ô uế thân thể, chôn vùi tiết hạnh của cô ta?

Dâm niệm nhiều, ắt thiện niệm ít. Dâm niệm ít, ắt thiện niệm tự nhiều. Do vậy, dâm niệm hoàn toàn tiêu mất thì trong năm phước sẽ đạt được ba phước là thọ, khang ninh (mạnh khỏe, yên vui) và khảo chung mạng (chết yên lành). Kẻ thường dấy lên dâm niệm, ắt sẽ bị khốn đốn vì bệnh tật, mắc các tai ương hung tàn, đoản mạng, trắc trở.

Dục niệm trong chốc lát dễ tiêu mất. Công danh và tánh mạng cả một đời rất trọng, tội gì đem danh dự, tiết tháo cả trăm năm, tiền trình suốt một đời, [âm đức] tích lũy của tổ tông, phước lộc của con cháu phí sạch vào nổi mê hoặc ngán ngủi? Đúng là chẳng biết [kẻ như thế ấy] có bụng dạ như thế nào? Cũng có kẻ vì kinh hãi trốn thoát khỏi [sự lũng bắt của gia đình người bị gian dân] mà thành bệnh, dầu uống thuốc cũng khó lành, gây liên lụy khiến cho gia đình của chính mình suy bại, cần rồn chẳng kịp<sup>694</sup>. Thậm chí gian tình bại lộ, đem tánh mạng đổi lấy một khắc hoan lạc! Báo ứng oan

---

<sup>694</sup> Đây là thành ngữ “*phệ tể mạc cập*” (噬臍莫及) hàm nghĩa “không thể xoay sở cách nào được nữa”, vì một người chẳng thể nào cần rồn của chính mình.

nghiệt tuần hoàn, dùng vợ và con gái để trả cái nợ phong lưu, thâm càng khó nói nôi, hãy mau cảnh giác!

Ngạn ngữ có câu: “*Gian dâm gần giống như là giết chóc*”. Đúng lắm thay, nhưng nói “gần giống như giết chóc” thì vẫn là lời lẽ nhẹ nhàng. Tôi cho rằng: Hề gian dâm thì chưa hề chẳng có chuyện giết chóc! [Bởi lẽ], chồng người ấy hay biết, giận dữ vung đao giết chết [gian phu, dâm phụ]. [Nếu như là hai hay nhiều gã đàn ông] cùng gian dâm [với một nữ nhân], sẽ do ghen tuông mà đâm chém nhau, trở thành giết chóc. Do gian dâm mà dẫn đến chết chóc, sẽ bị phép vua giết chết. Nếu may mắn lọt lưới, sẽ bị oán quỷ giết hại. Có mấy kẻ tránh khỏi, sẽ mắc bệnh hư nhược, lao sái trầm kha, Biển Thước<sup>695</sup> khó thể trị lành, tức là bị thần Tư Mạng

---

<sup>695</sup> Biển Thước (扁鵲) là một vị thầy thuốc nổi danh thời cổ. Ông tên thật là Tân Việt Nhân, còn có tên là Hoãn, hiệu là Lô Y. Ông sanh vào năm đầu đời Châu An Vương (401 trước Công Nguyên), mất vào năm thứ năm đời Châu Noãn Vương (310 trước Công Nguyên). Cùng với Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh và Lý Thời Trân, ông được xếp vào hàng ngũ Tứ Đại Danh Y của cổ Trung Hoa. Theo truyền thuyết, Hoàng Đế có một bảy tôi làm nghề thuốc nổi danh có tên gọi là Biển Thước. Do Tân Việt Nhân tài nghệ lẫy lừng, nên người đương thời bèn gọi ông là Biển Thước. Biển Thước được coi là người đã đặt ra cơ sở cho phép bắt mạch, hai tác phẩm Nội Kinh và Ngoại Kinh do ông biên soạn đã thất truyền. Người ta vẫn cho rằng tác phẩm Nạn Kinh chính là do Biển Thước biên soạn. Theo truyền thuyết, mắt ông có thể thấy thấu suốt nội tạng của người khác. Theo sử chép, có lần ông đến nước Tề, khi đến gặp Tề Hoàn Công (Điền Ngộ, không phải là Tề Hoàn Công Khương Tiểu Bạch thời Xuân Thu), Biển Thước nói “nhà vua đã bị bệnh nhẹ, hãy nên chữa trị”. Tề Hoàn Công nghĩ ông muốn kiếm chác nên lơ đi. Biển Thước ba lần gặp mặt, đều xin vua hãy chữa bệnh, nhưng vua đều làm lơ. Đến khi vua ngã bệnh, triệu ông vào chẩn trị, ông nói bệnh đã lậm sâu trong tạng phủ, không thể chữa được nữa. Quả nhiên mấy hôm sau, vua Tề chết. Về sau, do Biển Thước trị lành bệnh cho Tân Vũ Vương (Doanh Đãng), quan Thái Y Lệnh nước Tân là Lý Ê ghen tài bèn sai thích khách giết chết Biển Thước tại Ly Sơn.

giết. Con người rút cuộc tự đặt tấm thân “tối linh, tối quý, có thể làm rất nhiều chuyện hữu ích lớn lao” vào chỗ “ắt bị giết chết” thì ngu lắm thay, đau đớn lắm thay!

Sách Nhật Càn Sơ Diệp có nói: - Xưa có bậc hiền nhân, trong khi dâm niệm bộc phát, bèn dứt tay vào lửa, đau đớn chẳng chịu nổi, dâm niệm liền dứt. Nếu chẳng dứt, ắt lắng lòng tĩnh tọa, coi như tấm thân đã chết. Lại nghĩ đến mộ phần của cổ nhân, tự nhủ: “Người ấy đã sống trên đời như ta; mai sau, ta sẽ giống như người ấy, dâm lạc để làm gì cơ chứ?”

Ngăn ngừa ý niệm dâm hoàn toàn cậy vào huệ lực. Đòi Đường, Dịch Lương Công (Dịch Nhân Kiệt) đã từng nói: “Người đối diện với sắc đẹp, hãy mau nghĩ người phụ nữ ấy mai sau mắc bệnh chết đi, thi thể rửa nát, giòi trùng xúm lại đục khoét, hôi thối nồng nặc, rất đáng kinh sợ, tà niệm liền tan ngay!”

Trong bài Bì Nang Ca (皮囊歌, bài ca về cái đay da) của Đạt Ma Tổ Sư đòi Lương có đoạn: “*Niệu thi cừ, nùng huyết tụ, toán lai hữu thậm phong lưu thú*” (Mương phân tiểu, đông máu mủ, tính ra có gì là thú phong lưu).

Đòi Đường, Lữ Tổ nói: “Đừng khoe còn trẻ để thừa dịp phong lưu, [làm như thế] chính là ép mình đi vào con đường luân hồi buồn bán xương khô. Không tin thì hãy đối trước gương sáng mà xem, dưới lớp da

mặt là đầu lâu”. Lại nói: “Giai nhân mười sáu như bơ, eo giắt kiếm sắc chặt đầu gã ngu. Dầu không thấy kẻ rụng đầu, ngấm ngấm giục giã người thành xương khô”.

Trong Giới Dâm Pháp có đoạn viết: - Nó (dâm dục) là sự vật dẫn dụ ta giết mình, phá nhà, tổn thọ, giảm phước, thật sự làm hại tánh mạng của ta. Đáng nên coi nó như lưỡi đao bén giết người, xem như hổ, sói, xem như rắn độc, xem như quỷ sứ bắt hồn, xem như oán đối từ đời trước. Nếu có thể quán như vậy, sẽ như dùng nước chữa lửa, dâm niệm chẳng hề không dứt vậy!

Đời Minh, ông Cao Tông Hiến nói: - Thân này như bạch ngọc, hễ sảy chân liền vỡ nát. Chuyện này (dâm dục) như chất độc của chim Trám, vừa lọt vào miệng bèn chết ngay.

Người thời nay thường bị lầm lẫn bởi một chữ Tình, chẳng biết chữ Tình chính là tác dụng do trời ban cho ta để thực hiện trung, hiếu, hòa thuận với anh em, nhân từ với dân chúng, yêu thương muôn vật. Sử dụng chánh đáng thì sẽ là thánh hiền. Sử dụng tà vạy, sẽ là cầm thú, há chẳng sợ ư?

Sách Đạo gia nói: “Tội gian dâm với kẻ khác nặng gấp mấy lần tội sát nhân!” Lại nói: “Phàm là người không hạnh tu hành, các tội đều có thể tiêu trừ, chỉ có tội từng phá tấm thân trong trắng của kẻ khác, dầu mai sau đạo

cao, hạnh mãn, vẫn chẳng thể tiêu trừ, ắt phải hứng chịu ác báo thì mới có thể thành tiên được”.

Đức Phật dạy: *“Người sống trong thế gian, chẳng xâm phạm phụ nữ của kẻ khác, tâm chẳng nghĩ tà vạy; do vậy, sẽ được năm điều thiện. Một là chẳng bị tổn thất tiền tài, hai là chẳng sợ bị quan huyện [bức bách], ba là chẳng sợ hãi kẻ khác, bốn là được sanh lên trời, ngọc nữ trên cõi trời làm vợ, năm là từ trên trời giáng hạ, sanh vào nhân gian, phần nhiều là phụ nữ đoan chánh”*. Nay thấy có bao nhiêu người đoan chánh, xinh đẹp, đều là do trong đời quá khứ chẳng xâm phạm phụ nữ của người khác mà ra. *“Người sống trong thế gian mà dâm dật, xâm phạm phụ nữ của người khác. Do vậy, sẽ mắc năm điều ác. Một là gia đình bất hòa, nhiều lần mất mát tiền bạc. Hai là sợ hãi quan huyện, thường bị đánh đập. Ba là tự dối mình, bản thân thường sợ sệt kẻ khác. Bốn là vào trong địa ngục Thái Sơn, cột sắt đang đổ rục, thân luôn ôm lấy! Do xâm phạm phụ nữ của người khác, mà mắc họa ương như thế mấy ngàn vạn năm, hình phạt mới xong. Năm là từ địa ngục thoát ra, làm gà, le, chim, vịt, dâm dật chẳng nề hà mẹ con, mà cũng chẳng có chùng mực”*. Ngựa có lễ, nhận trình lương, chúng đều giữ chữ tín, có chùng mực, còn riêng gà, le le dâm dật chẳng biết chùng hạn, đều là vì đời trước dâm dật, xâm phạm phụ nữ của người khác, hứng chịu thân gà, le le, thường bị kẻ khác ăn nuốt. Khổ sở như thế, chẳng thể kể tròn!

Đức Phật nói năm giới, [có] một giới là “*chẳng tà dâm*” sẽ cảm quả báo đời này và đời sau, cha mẹ, quyến thuộc sống lâu, mạnh khỏe,

hòa thuận, vui vẻ, vợ con trinh lương.

Kinh Báo Ứng<sup>696</sup> chép: - Một con quỷ hỏi: “Tôi thọ thân này, tánh hay sợ hãi, thường sợ bị kẻ khác bắt nhốt, trói buộc, còn bị hành hạ khổ sở, tàn độc, chưa hề có tâm vui sướng, do tội gì mà nên nỗi?” [Ngài Mục Liên] đáp rằng “Khi người làm người, thích hành tà dâm, xâm phạm phụ nữ của người khác, luôn lo nghĩ bị phát giác, tâm chẳng tự an. Nay hứng chịu hoa báo, quả báo là trong địa ngục, hoặc là nằm trên giường sắt, hoặc ôm cột đồng. Tội lỗi như thế, chẳng thể tính kể!”

Sách Văn Xương Đế Quân Thiên Giới Lục chép: - Gian dâm vợ con người ta, điểm nhục khuê môn<sup>697</sup>, sẽ chịu khổ năm trăm kiếp trong địa ngục mới được thoát sanh, làm la, làm ngựa năm trăm kiếp nữa, mới lại làm thân người. [Làm người] thì làm nghề xướng ca, đào kép. Gian dâm gái góa, tăng, ni, bại hoại tiết tháo của người ta, sẽ chịu khổ tám trăm kiếp trong địa ngục mới được thoát sanh, [lại làm] dê, làm lợn để cho người ta giết mổ tám trăm kiếp nữa mới lại được làm người. [Khi làm người] thì bị mù, bị câm, là kẻ tàn phế, ngu

---

<sup>696</sup> Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Ngạ Quỷ Báo Ứng Kinh, được phiên dịch vào thời Tây Tấn, ghi chép những lời vấn đáp về nghiệp nhân giữa ngài Đại Mục Kiền Liên và các ngạ quỷ. Bản kinh này còn được ngài An Thế Cao dịch với danh xưng là Quỷ Vấn Mục Liên Kinh.

<sup>697</sup> “*Điểm nhục khuê môn*” là hãm hiếp hay gian dâm gái chưa xuất giá.

quan, tứ chi chẳng được trọn vẹn, tàn phế! Dùng thân phận ty tiện để dâm loạn bậc tôn quý, dùng thân phận người lớn để dâm loạn trẻ nhỏ, bại hoại cương thường, sẽ chịu khổ một ngàn năm trăm kiếp trong địa ngục mới được thoát sanh, làm rắn, làm chuột một ngàn năm trăm kiếp nữa, mới được làm thân người, nhưng hoặc là chết khi còn trong thai mẹ, hay là chết trong khi còn ẵm ngửa, rốt cuộc chẳng thể trưởng thành. Tội báo do phạm dâm đáng buồn thay!

Sách Khuê Châm chép: - Đàn bà mà phạm phải nổi oan nghiệt dâm dật, suốt đời chẳng thể gột rửa. Dầu [người ấy có] con hiếu, cháu hiền, chẳng thể gột sạch [danh tiếng như nhuốc được]. Vì thế, bậc thực nữ khuê các giữ thân như ngọc, chẳng để có nửa điểm tỳ vết nào. Nếu gặp kẻ khinh cuồng, cầu thả, hãy lập tức gieo thoi, quyết liệt cự tuyệt<sup>698</sup>, tự nhiên hẳn sẽ chẳng dám tái phạm. Đây là chánh khí trong chốn buồng thơm, sẽ được quỷ thần che chở. Nếu đàn bà dâm loạn, há chẳng có ác báo ư? Luật lệ côi âm trị tội bằng cách bắt họ đầu thai làm chó, làm lợn, chứ chẳng phải là chỉ bị côi đời thóa mạ mà thôi! Hãy nên răn dè!

Phạm con người dễ sẩy chân nhất chỉ là khi đối diện với sắc đẹp lộng lẫy. Bỗng dưng, trong khoảnh khắc, sẽ khó thể chế ngự, khi ấy, sẽ có ba loại ma:

---

<sup>698</sup> Nguyên văn “đầu thoa tuấn cự” (投梭峻拒). Theo chương Tà Côn Truyện trong Tấn Thư chép: “Nhà hàng xóm là họ Cao có một người con gái xinh đẹp, Tà Côn từng trêu ghẹo, cô ta quăng thoi dệt cửi vào mặt khiến hắn gãy mất hai cái răng”.

1) Mắt nhìn vào mặt [người xinh đẹp ấy], tư thái yêu kiều của người ấy đã xoáy vào tâm, xương nóng, tâm thần lơ mơ, như [bị bao phủ trong] khói mịt mù, lửa cháy hừng hực. Đó gọi là hỏa ma.

2) Dục căn chớm nẩy, mạch Nhâm Đốc ngấm mở, như đê sắp vỡ, như sông chảy xiết sắp xoáy thủng đê. Đó gọi là thủy ma.

3) Thủy hỏa cùng nung nấu, thân thể và thần hồn xung động lẫn nhau, như bánh xe [xoay] không ngừng, như chiếc vòng không có chỗ khởi đầu. Đó gọi là phong ma.

Ba thứ ma ấy là ba cửa ải. Để chém ba thứ ma, vượt ba cửa ải, không có chi khác, có một thanh gươm trí huệ, [thanh huệ kiếm ấy] chính là Nhẫn mà thôi, là kiên nhẫn mà thôi, là rất nhẫn nại mà thôi! Khi đói, đừng ăn món ăn của cọp, khi khát đừng uống rượu ngâm lông chim Trám; đó là nói đến Nhẫn vậy. Khi hai người đấu với nhau, đều muốn đoạt đao [của đối phương], dầu đổ máu vẫn không chịu buông tay. Quân chiến bại đoạt đường [tẩu thoát], dầu trúng tên chẳng quay lại. Đó là nói đến sự kiên nhẫn vậy. Bị rắn độc mổ vào tay, tráng sĩ chặt cổ tay. Thân trúng phải tên độc, anh hùng khoét xương. Đó là nói về chuyện rất nhẫn! [Giữ được như thế], thì ngay trong lúc quan yếu ấy, giữ được Định, nhẫn được, ắt sẽ cảm trời đất, động quỷ thần, công hạnh viên mãn.



Nếu có một niệm vắn vương, sẽ đến nỗi chẳng thể giữ vững Định. Những kẻ liễu ngộ, hoa tường, phấn trắng, mảy đen, chớp mắt đã chẳng còn gì, nhưng [kẻ đấm đuổi chúng] sẽ do vậy mà bị giảm thọ, do vậy mà bị giảm lộc. Thậm chí có thể vì vậy mà táng thân, lại còn mạng đáng lẽ phú quý mà trở thành nghèo hèn, số vận đáng lẽ bình an mà thành họa hại biến chuyển, số phận lẽ ra có con mà thành tuyệt tự, mong mỗi con quý, cháu hiền, lại toàn nẩy nòi hạ lưu! Lại còn mắc quả báo trong địa ngục, quả báo trong đời sau, quả báo trong đường súc sanh, bị báo ứng vợ con dâm dật, báo ứng con cháu khốn cùng, quả báo là ca kỹ, đào kép hạ tiện. Một niệm thoáng dâm quàng đường rẽ, [sẽ thành] độc hại vô biên. Than ôi! Dám chẳng nhủn ư?

Để ngăn dứt tà dâm, trước hết, phải do cha, anh, thầy, bạn thường ngày đồ công giáo huấn, chỉ bày, khiến cho [ý niệm kiên quyết chẳng tà dâm] được tiêm nhiễm dần dần, khiến cho [con em, học trò] tin tưởng sâu xa: “Trong phòng tối mà có tâm sai trái, mắt thần mình [sáng ngời] như chớp”. Trong tâm [luôn áp ủ] lễ pháp, nhân quả, họa phước báo ứng, chẳng nghi ngờ mảy may, tự nhiên là khi tiếp xúc [những cảnh ngộ quyến rũ], sẽ dừng mãnh phản tỉnh, ngay lập tức hồi quang, chẳng cầu thả ngay trong lúc ấy.

Trong trường trăng gió, lắm kẻ sẩy chân, nửa đời luân lạc, đọa đày, nhìn lại bóng mình mà then thùng, kinh hoảng. [Ai mà chẳng] mong giữ lẽ chánh, chẳng tiêm nhiễm [thói trắng hoa tà vạy], [thế mà] mấy ai có

thể làm được? Suốt ngày răn [đừng ôm giữ] lòng dâm, nhưng kẻ ấy dâm tâm lừng lẫy. Gặp người khác bèn nói “hãy ít ham muốn”, nhưng [chính mình] chùng tử dục vọng càng nẩy nở. Phóng túng tình dục chẳng biết quay đầu, sẽ rước lấy tội lỗi không ai hơn! Nếu thật sự có thể là thoát đầu mê muội, rút cuộc giác ngộ, họa ương sẽ mất đi, phước sẽ theo đến. Đời Tống, tiên sinh Tạ Thượng Thái đã nói: “*Đạo trời giáng họa cho những kẻ dâm dăng, nhưng chẳng phạt người biết hối hận tội lỗi*”. Lời ấy đúng lắm thay!

Ác báo do dâm đã nặng, vậy thì báo ứng do công phu ngăn ngừa dâm và báo ứng của tội hướng dẫn dâm, đương nhiên là chẳng nhẹ! Nguyên cho khắp mỗi người đều thốt lời [thanh tịnh như] sen xanh, cất ngọn bút soạn ra những áng văn diễm lệ, nhằm bộc lộ rõ ràng sự cảm ứng, hòng cứu bạt những kẻ đang mê muội nơi dâm. Xoay vần lưu thông, khuyến hóa lẫn nhau. Hoặc tuyên dương rộng rãi những lời chánh đáng, hoặc rút miêng [khuyên nhủ] nơi phòng kín, chẳng sợ bị chê là cổ hủ, cứ mềm mỏng khuyên dạy, ắt sẽ có thể khiến cho người ta nghe lọt tai, tỉnh ngộ sâu xa, đạt được lợi ích vô cùng. Dùng đó để đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn làm hại tâm tánh của bọn mây ngài, là thuốc hay để quay đầu nơi trần địa giăng màn gấm, [như vậy thì] há chẳng phải là bậc quân tử lấy sự yêu thương người khác làm phẩm đức, tự cầu nhiều phước ư?

Khẩu nghiệp của người hiện thời không gì quá đáng hơn là thích bàn luận chuyện [riêng tư] trong

buồng the của người khác, thuật chuyện dâm dật, bỉ ổi, lảm cách phỏng đoán, thăm dò. Một kẻ xướng, trăm người họa! Thường là vì kẻ nói hứng thú dạt dào mà đến nỗi kẻ nghe hí hờn. Gian ác, ngấm ngấm dan díu, thật sự liên quan đến danh tiết cả đời. Một lời ngẫu nhiên lỡ miệng, ương lụy vô cùng! Trên là khiến cho trời giận, không gì hơn chuyện này! Sao bằng thường nói đến quả báo của trịnh và dâm, nâng đỡ danh giáo<sup>699</sup> cương thường, sẽ càng hưởng phước trời nhiều hơn!

Thiên Giới Lục có nói: - Tào tác dâm thư, bại hoại tâm thuật của người khác, chết rồi sẽ vào địa ngục Vô Gián mãi cho đến khi sách ấy diệt mất. Khi tội báo của những kẻ vì sách ấy mà làm ác đã đều hết sạch thì [kẻ soạn dâm thư] mới được thoát sanh.

Đời Minh, ông Viên Liễu Phàm nói: - Kẻ thu nhặt tà thư dâm uế, những thứ hình ảnh xấu xa, và những lời báng bổ đem đốt, sẽ được quả báo là con cháu trung hiếu, tiết nghĩa. Kẻ thích đọc tiểu thuyết dâm uế và kể nói những câu chuyện trong dâm thư [cho người khác nghe], và cất giữ sách dâm, tranh dâm trong nhà, sẽ mắc quả báo là con cháu làm ca kỹ, đào kép!

Thiên sách Dục Hải Hồi Cuồng [trong An Sĩ Toàn Thư] đã chép các lời răn kiêng dâm, phân loại rõ ràng, lớp lang, tùy theo từng việc mà khuyên răn. Ở đây, do khuôn khổ nhỏ hẹp của Cảm Ứng Thiên, chẳng thể ghi

---

<sup>699</sup> Danh giáo (名教) là lễ giáo chánh danh định phận.

lại toàn bộ, chỉ trích dẫn [một vài điều tiêu biểu] ghép vào đây.

Gái trinh thuở ở trong khuê phòng đợi dịp cưới gả, đây chính là lúc khởi đầu danh tiết suốt một đời của cô ta. Nếu có kẻ táng tận lương tâm, phá hoại danh tiết của cô ấy, cha mẹ, họ hàng sẽ xấu hổ, ngượng ngùng. Dẫu có người cưới về, sẽ thường là bị bại lộ, rốt cuộc bị [nhà chồng] đuổi về; [cô ta] sẽ thường đến nỗi phẫn uất, nhục nhã, hổ thẹn mà hủy hoại tánh mạng. Ví như trong chuyện hôn nhân có thể giấu diếm được, [cô ta] sẽ thường ngấm ngầm ôm lòng hổ thẹn, sợ hãi, danh tiết lớn lao đã khuyết, ngàn đời khó gột rửa. Phàm là những ai có lòng, hãy nên thống thiết không dè trước hết.

Bà góa có chí thủ tiết, thân lẫn quĩ đều khâm phục, kính ngưỡng, triều đình biểu dương, tưởng thưởng. Nếu tiết tháo kiên trinh ấy bị bại hoại, kẻ sống chẳng còn mặt mũi nào trên cõi đời, người đã chết (chồng bà ta) sẽ càng đón đau ôm hận nơi chín suối. Xin hãy thử nhìn lại, thử nghĩ chính mình lâm vào tình cảnh ấy, há chẳng ngùi lạnh tằm lòng ư? Đúng là hãy nên khéo léo gìn giữ, khiến cho bà ta được thành danh, giữ trọn tiết hạnh, gieo đức càng dày, há có phải chỉ là không dâm [thì mới có đức dày] mà thôi ư?

Tỳ nữ há chẳng phải là gái trinh ư? Ta mong con gái ta trinh tiết, há có thể làm như nhuốc sự trinh tiết của con gái người khác ư? Vợ đầy tớ thì cũng là vợ của

người khác. Muốn vợ mình tiết hạnh, há có nên chôn vùi tiết hạnh của vợ kẻ khác ư? Tuy sang hèn khác biệt, danh tiết như nhau, há có nên chôn vùi lương tâm, gây nên sự báo ứng nghiêm trọng trong cõi âm? Huống hồ [do chồng lẹo tẹo với tớ gái hoặc vợ kẻ hầu], vợ ta vì ghen tuông sẽ đánh đập, gây thương tổn cho họ, hoặc kẻ tôi tớ hung hãn sẽ quay ngược lại bêu riếu, phản chủ. Cha con do chẳng hay biết mà cùng tăng tội với một đứa tớ gái, anh em do mê muội mà cùng chung chạ với một người, hoặc là cốt nhục bào thai mà luân lạc trong hàng hạ tiện. Kẻ đời sau (con cháu của chủ nhân) vô tri, [do chẳng biết đó là anh chị em ruột thịt của mình], làm lẩn làm nhục, lẩn hiếp, trên danh nghĩa là chủ tớ sai khác, nhưng ngầm ngầm có tình huynh muội! Tổn thương phong hóa, bại hoại mỹ tục, chẳng nỡ nói đến! Người ta sao lại vì thấy [tôi tớ] dễ gian dâm bèn thảo nhiên [làm xằng] chẳng răn dè vậy?

Vú nuôi được xếp vào bát mẫu<sup>700</sup>, ni cô tu hành tĩnh lặng nơi đất Phật, xâm phạm họ sẽ là tạo ra oan

---

<sup>700</sup> Theo Châu Tử Gia Lễ, bát mẫu (八母) là tám loại người phải coi như mẹ, tức là đích mẫu (嫡母, vợ cả của cha), kế mẫu (继母, mẹ ghẻ), dưỡng mẫu (养母, mẹ nuôi), từ mẫu (慈母, do mang thân phận tiểu thiếp, không sanh nở được, hoặc không có con trai, phải nuôi con của những thiếp khác của chồng làm người thừa kế), giá mẫu (嫁母, bỏ chết, mẹ đi lấy chồng khác thì gọi là giá mẫu), xuất mẫu (出母, mẹ ruột), thứ mẫu (庶母, vợ lẽ của cha), nhũ mẫu (乳母, vú nuôi). Trong đó, “dưỡng mẫu” có thể hiểu theo hai nghĩa:

- 1) Một là người nhận nuôi ta trong trường hợp côi cút, hay là người ấy hiem muộn, xin ta làm con nuôi.
- 2) Hai là những bà vú em chuyên chăm sóc trẻ cho đến khi ba tuổi. Bà vú này chỉ chăm sóc, chứ không có sữa cho trẻ bú.

nghiệt nặng nề nhất trong các tội nghiệt. Hiện thời, những kẻ bị quan lại trừng phạt và gặp phải những tai họa riêng tư khác, cố nhiên vẫn là nhẹ hơn [ác báo do tội lỗi này].

Cũng thường có chuyện kẻ nữ chưa kết hôn<sup>701</sup> [làm chuyện] dâm bôn, muốn quyến rũ kẻ khác hành dâm hòng được sung ái, hãy đừng nghĩ “cô ả tự dâng mình tới tay ta. Nếu ta từ khước, sẽ quá tuyệt tình”. Trong lúc ấy mà vượt được sự thử thách ấy, sẽ là đức dày, phẩm lạ, sẽ được trời cao xét soi, chẳng mong kẻ khác biết đến. Đây là cửa ải giữa thiện và ác, là ranh giới giữa họa và phúc, hãy càng nên nỗ lực!

Cặp kẻ vui chơi với gái ăn sương tợ hồ chẳng có tội lỗi, nhưng đã rơi vào cái bẫy ấy, sẽ thường bị táng gia bại sản. Huống hồ [vì ta dan díu với gái làng chơi], cha mẹ ghét bỏ, thân hữu lợt lạt, vợ con oán hận, [như thế thì kẻ ăn chơi ấy] đã hoàn toàn đặt mình ra ngoài luân thường, chôn vùi [sự tiết tháo vốn được] giữ gìn như ngọc. Thậm chí [có kẻ do ăn chơi mà] thân nhiễm các bệnh phong tình, rụng lông mày, khuyết mũi. Có kẻ khắp thân chẳng có miếng da nào lành lặn! Có một người bạn, bộ phận sinh dục thối rữa, tự nói là vì cuồng hứng nhất thời, [trở thành giống như kẻ] bị thiến suốt đời, tuyệt tự, tổn thương thân thể, khóc lóc, hồi hận chẳng kịp! Lại có một kẻ ở An Huy, do bệnh hoa liễu truyền nhiễm, con sanh ra lộ thịt đỏ hỏn, không có da,

---

<sup>701</sup> Nguyên văn là “oán nữ” (怨女). Theo cổ lễ, nữ nhân đã đến tuổi kết hôn, nhưng chưa có đối tượng thích hợp để cưới gả thì gọi là “oán nữ”.

chẳng nuôi được, đều chết. Than ôi! Người ta cứ bảo [chơi bời] chẳng tổn hại âm chất, ai ngờ chẳng khác gì bị côi âm khiến trách! Hãy hết sức răn giữ!

Chuyện nam nhân hành dâm với nhau, có sáu điều chẳng nên là:

1) Dâm ô khinh mạn, thể diện bị thương tổn, đã đánh mất lòng cung kính, chẳng có lòng hổ thẹn. Đó là một điều chẳng nên vậy.

2) Ruồng rẫy kẻ đã kết tóc se tơ với mình, sủng ái bọn trai trẻ, khí phận tà ác dẫn đến những điều quái dị, yêu ghét sai lệch. Đó là hai điều chẳng nên.

3) Các người khinh bạc, phóng đảng, có hạnh kiểm gì. [Cũng có lúc làm chuyện] trộm ngọc, cắp hương, nhuốm bản khuê nữ! Đây là ba điều chẳng nên.

4) Ngẩng đầu [trên cao] ba thước, chắc chắn có thần minh phần nộ vì sự nhờn ưế ấy, [các Ngài sẽ] giáng xuống hình phạt chẳng nhẹ. Đây là bốn điều chẳng nên.

5) Luật lệ chép về hành vi kê gian, phép vua rành rành. Gian dâm lại gần giống như giết chóc, có mối quan hệ to lớn với thân thể. Đây là năm điều chẳng nên.

6) Chẳng vì cầu có người nối dõi mà tiết tình bừa bãi, hành vi ấy ngu xuẩn thay, sẽ khiến cho sanh mạng bị hủy hoại mau chóng. Đây là sáu điều chẳng nên.

Khuyên khắp người đời, kẻ chưa phạm hãy chú trọng dè dặt, cẩn thận vâng giữ hồng “tránh dữ, hướng lành”, suốt đời giữ trọn điều răn về sắc dục. Nếu là kẻ đã phạm, hãy gấp sửa lỗi, làm chuyện lành rộng rãi, khắc in sách răn dân để khuyên rộng khắp, hồng chuộc làm lỗi cũ, ngõ hầu chuyển họa thành phúc.

Xưa kia, Diêu Đình Nhược ở Đồng Thành đã in những tờ đơn thề giữ giới như sau: “Trăm hạnh hiếu đứng đầu, vạn ác dâm đứng đầu. Con người khác với cầm thú là do biết suy nghĩ. Nhận là loài phi điều còn chẳng loạn bầy, con người nắm giữ Tứ Đức, sao lại chẳng bằng chim? Do vậy, dùng [tờ đơn phát nguyện này] để nương tựa, hướng về, thề kiêng tà dâm. Nếu manh nha ý niệm ấy, họa sẽ giáng xuống thân. Nếu phạm giới này, sẽ ương hại đến con cháu. Chỉ mong từ bi, thương xót chúng mình, hộ trì, ngầm gia hộ, xin hãy đời đời bảo vệ. Phạm những ai nhận tờ đơn này, hãy tụ tập mấy người cùng chí hướng, viết mười tám câu này lên tờ giấy khác, lại ghi quê quán, mỗi người tự ghi tên, ký tên, phát thệ đem đốt trước Văn Xương Đế Quân, hoặc trước Quan Thánh, hoặc trước hết thầy chư Phật, vĩnh viễn giữ giới chẳng quên. Mỗi năm đều nghiêm chứng một lần, mấy người cùng chí hướng sau khi đã thề kiêng [tà dâm], liền quyên góp để in đơn này thành một vạn tờ thí tặng, ngõ hầu cách thức tốt đẹp được lưu truyền chẳng dứt”. Mặt sau tờ đơn có ghi thêm vài câu cách ngôn và [vài chuyện] quả báo.



Thu thập các lời dạy như trên, khuyên lơn hoặc răn đe đều đầy đủ, pháp tắc, lời răn đều nêu bày. Có những lời lẽ mềm mỏng lẫn những lời lẽ quyết liệt, từ ngữ rõ ràng, ý thiết tha, ai có thể thời thời đọc, khắc khắc nghĩ, ắt sẽ được lợi ích. Nhưng những điều vừa dẫn trên đây đều là tiện tay chọn lấy, vẫn thẹn chữ nghĩa, thứ lớp chẳng thỏa đáng, người đọc chỉ cần hiểu ý chỉ là được rồi. Tôi lại đem những [câu chuyện về] quả báo do trình lương hay dâm đảng chép tường tận sau đây, hòng giúp cho [người đọc] dừng mãnh tính ngộ.

Chàng học trò nọ ở Quý Khê, thi nhiều lần chẳng đỗ, xin Trương Chân Nhân dâng sớ, xuất hồn lên xem bảng trời. Thần phê rằng: “Người này số phận đáng lẽ đỗ đạt, nhưng do lén lút với người thím mà bị mất sạch”. Chân Nhân hoàn hồn<sup>702</sup>, nói với chàng ta lời ấy. Chàng học trò bảo là không có, bèn tự soạn sớ để biện luận. Thần lại phê: “Tuy chẳng có chuyện ấy, nhưng thật sự có cái tâm ấy”. Chàng học trò hổ thẹn chẳng kịp, ấy là vì thời trẻ thấy người thím xinh đẹp, ngẫu nhiên động một niệm [tà vạy] vậy!

Trong niên hiệu Chánh Đức<sup>703</sup> nhà Minh, Triệu Vĩnh Trinh thuở bé gặp bậc dị nhân bảo: “Năm người hai mươi ba tuổi, ắt đậu Giải Nguyên”. Đến khi thi

---

<sup>702</sup> Nguyên văn là “*phục*” (伏) và “*khởi*” (起), tức là theo Đạo Giáo, đạo sĩ có thể lễ bái trước đàn tràng, xuất hồn lên thiên đình, đó gọi là “*phục*”. Khi hồn nhập trở lại xác thì gọi là “*khởi*”.

<sup>703</sup> Chánh Đức là niên hiệu của Minh Vũ Tông (Châu Hậu Chiếu) từ năm 1506 đến năm 1521.

Hương, văn hay tốt bậc, quan chủ khảo đã định chấm cho [Vĩnh Trinh] đậu Giải Nguyên từ mấy hôm trước, chẳng ngờ trong kỳ thi hậu trường, [văn bài của Vĩnh Trinh] bỗng phạm sai sót, cho nên chẳng thi đỗ. Tâm Vĩnh Trinh hết sức uất ức, do vậy, cầu nguyện mộng thấy Văn Xương Đế Quân [để thưa hỏi. Trong giấc mộng] Đế Quân nói: “Khoa thi này ngươi vốn đậu Giải Nguyên, nhưng do gần đây ngươi chòng ghẹo tỳ nữ, dụ dỗ con gái nhà hàng xóm. Tuy đều chưa thành chuyện gian dâm, nhưng đã dấy lòng điên đảo, ý dâm vẫn víu! Ruộng tâm ngày một tối tăm, tiếng tăm lẫn địa vị đều tiêu; vì thế, bị phạt trừ sạch!” Vĩnh Trinh khóc lóc, sửa lỗi, làm lành, cho khắc in những lời răn dâm để cảnh tỉnh cõi đời. Khoa thi sau, anh ta bèn đỗ Giải Nguyên, làm quan tới chức Phiên Hiến<sup>704</sup>.

Lý Đăng năm mười tám, sau khi đỗ đầu kỳ thi Hương Tiến, cho đến lúc năm mươi tuổi vẫn chẳng đỗ đạt, bèn đến chỗ thầy pháp Diệp Tĩnh, cậy thầy dò hỏi [thiên đình]. Thầy pháp tường trình với Văn Xương Đế Quân. Đế Quân sai nha lại đem sổ cho [Diệp Tĩnh] xem, [thấy ghi]: Lý Đăng lúc sanh ra đã được ban ấn ngọc, mười tám tuổi đậu Giải Nguyên, mười chín đỗ Trạng Nguyên, năm mươi hai tuổi đạt tới địa vị Hữu Tướng (Phó Thừa Tướng). Nhưng do sau khi thi đỗ, đã nhìn trộm con gái hàng xóm tẩm; do vậy, [công danh] bị trỗi mất mười năm, [kết quả thi cử] giáng xuống

---

<sup>704</sup> Phiên Hiến (藩憲) là tên gọi khác của Bố Chánh Sứ (ta thường gọi tắt là Bố Chánh), là người đứng đầu cơ quan hành chánh của một tỉnh, dưới quyền quan Tuần Phủ.

thành Nhị Giáp [Tiến Sĩ]. Do xâm phạm nền nhà của anh là Lý Phong, nên [công danh] lại trể mười năm, giáng xuống thành Tam Giáp Tiến Sĩ. Do gian dâm một phụ nữ nhà đảng hoàng là Trịnh Thị, [công danh] lại bị trể mười năm. Nay lại lén lút tăng tịu với cô gái chưa chồng hàng xóm, làm ác chẳng hỏi cải, đã bị gạch tên khỏi sổ công danh, suốt đời chẳng đỗ đạt”. Thầy pháp kể lại với Lý Đăng, Lý Đăng xấu hổ, ân hận, chết mất. Ôi! Tổ phụ tích đức bao nhiêu năm, [con cháu] mới được thành Trạng Nguyên, Tể Tướng. Vậy mà để bị tước trừ như thế, cô phụ ân trời, cô phụ cha ông! Hắn coi hoan lạc quan trọng như thế đó, coi đỗ đạt chẳng bằng một phần vạn. Rốt cuộc vì chuyện phóng túng dâm đảng còn con mà chôn vùi phước lớn to tát. Buồn thay!

Ông Vu Thiết Tiêu nói: - Trạng Nguyên, Tể Tướng chẳng khó gì một nét bút xóa sạch! Huống hồ những kẻ [có âm đức của cha ông] thấp hơn [Lý Đăng] thì sẽ như thế nào? Tôi trộm cho rằng: Sẽ càng nguy ngập khôn cùng vậy!

Lưu Quán là người xứ Long Thư, có con trai là Nghiêu Cử, tên tự là Đường Khanh lên thuyền đi thi. Chủ thuyền có đứa con gái, Nghiêu Cử bèn tò vè, nhưng chủ thuyền đề phòng, canh chừng rất nghiêm ngặt, chẳng thể thân cận được. Đến hôm thi, chủ thuyền ngõ trường thi cửa đóng then cài chặt chẽ, chẳng phải lo lắng chuyện gì khác, bèn vào chợ mua bán. Thế nhưng đề thi lại trúng nhằm sở trường của Nghiêu Cử,

cho nên hấn ra khỏi trường thi rất sớm. Chủ thuyền chưa về, rốt cuộc hấn lén tăng tịu với cô gái ấy. Vợ chồng Lưu Quán một tối mộng thấy hai người mặc áo vàng dẫn đến chỗ có bảng niêm yết kết quả thi, nói: “Câu nhà đồ đầu”. Lưu Quán muốn coi tấm bảng ấy, một người bên cạnh bỗng xé đi, nói: “Lưu Nghiêu Cử gần đây đã làm chuyện dối lòng, đã bị trời phạt”. Khi [các khảo quan] ghi danh sách thi đỗ, quả nhiên do [bài văn của Nghiêu Cử] có tỳ vết đôi chút bèn đánh trượt. Rốt cuộc, hấn chẳng đỗ đạt, [phiền muộn] mà chết!

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, Lục Trọng Tích sanh ra đã có tài lạ. Lúc mười bảy tuổi, [Trọng Tích] theo thầy là Khâu X... đến sống tại kinh đô. Nhà đối diện có một cô gái rất xinh đẹp, thầy trò nhiều lần lén ngắm nghía, tâm ngứa ngáy. Thầy bảo trò: “Thành Hoàng tại kinh đô thiêng nhất, con thử đến miếu cầu đảo, chắc sẽ được toại nguyện”. Trò bèn đến cầu nguyện. Tới đêm, hai người đều mộng thấy bị Thành Hoàng bắt đến, lại còn quở trách nặng nề: “Thằng nhãi ngươi là thứ gì mà lòng dạ ngu tối, khinh nhờn thần thánh đến thế?” Thành Hoàng lại sai thuộc hạ tra sổ tài lộc. Nha lại kiểm sổ sách, thấy dưới tên họ Lục có ghi: “Đậu Trọng Nguyên năm Giáp Tuất”, còn dưới tên họ Khâu hoàn toàn chẳng có gì. Thần phán: “Đối với họ Lục, ta sẽ tâu trình Thượng Đế, gạt tên nó khỏi sổ tài lộc, khiến cho nó nghèo hèn suốt đời. Họ Khâu bị rút ruột”. Vừa tỉnh mộng, họ Khâu liền bị thổ tả mà chết. Trọng Tích về sau suốt đời nghèo hèn đúng như lời thần nói!

Đời Đường, Ngự Sử Lý Nghiễm vâng lệnh đi sứ ngoài vùng Lĩnh Nam, bỗng gặp một con hổ xông vào vùng rừng cây, nói tiếng người: “Ta gần như làm tổn thương cổ nhân của ta!” Lý Nghiễm nói: “Sao mà giống tiếng của bạn đồng niên Lý Vi Thanh vậy?” Hổ nói: “Giã biệt đã lâu”, kể lể những mối giao tình khi xưa rất tường tận. [Lý Nghiễm] hỏi: “Có gì đến tận nơi đây?” Hổ đáp: “Một hôm, tôi đang tĩnh tọa, bỗng nghe ngoài cửa có tiếng gọi to, bèn điên cuồng, trở thành hình dạng này. Nay thấy cổ nhân, há có thể chẳng bi thương ư?” Lý Nghiễm hỏi: “Đời ông có chuyện gì đáng hối hận hay không?” Đáp: “Ta từng ở ngoại thành Nam Dương gian dân với một bà góa. Nhà ấy phát hiện, ta ngầm lập mưu làm hại. Do say sưa mà giết sạch cả nhà ấy. Đó là chuyện đáng hận!” Hổ rống to, bỏ đi.

Ở Kinh Khê có hai người chơi thân với nhau từ lúc còn ẵm địu. Tới khi khôn lớn, một người dư dật, một người túng thiếu. Do vợ chàng nghèo xinh đẹp, gã nhà giàu bày mưu, bảo bạn: “Có nhà giàu nọ có thể đến làm mướn”. Chàng nghèo cảm tạ, gã giàu sắm sửa thuyền, lại chở cả vợ chàng nghèo cùng đi. Thuyền đến dưới chân một ngọn núi, [gã giàu] bảo: “Để vợ anh ở lại giữ thuyền, tôi với anh đi trước”. Hắn dẫn bạn vào rừng, rút búa giắt ngang lưng chém chết bạn, giả vờ khóc lóc xuống núi, bảo vợ bạn: “Chồng chị bị cọp vồ chết rồi”. Người vợ khóc òa, gã giàu nói: “Ta thử cùng nhau đi tìm”. Cùng nhau lên núi, tới chỗ khe suối, rừng sâu vắng vẻ, hắn ôm chầm lấy cô ta, đòi hành dâm. Người vợ hét ầm lên, chợt hổ trong rừng rậm xông ra,

cẩn gã giàu tha đi. Người vợ kinh hãi, bỏ chạy, nghĩ chồng quả nhiên đã vùi thây trong miệng cọp, khóc lóc quay về. Thấy đằng xa từ trong núi có một người khóc lóc đi đến, thì ra là chồng mình, cùng ôm nhau khóc ròng. Đôi bên nói chuyện mọi lẽ. Chồng nói: “Nó muốn hiếp dân em đó! Em chưa bị nó hiếp. Nó toan giết anh, anh chưa chết, anh hận nó chi đâu?” Vợ nói: “Em khổ sở vì tưởng anh đã chết, anh chưa chết. Em muốn báo thù thằng giặc ấy, nhưng thằng giặc đã tự bị quả báo, em còn hận gì nữa?” Do vậy, chuyển buồn thành vui, trở về làng.

Vương Cần Chánh ở Định Dương tăng tị với vợ hàng xóm, ước hẹn cùng nhau bỏ trốn, nhưng [ả ta] sợ chồng ả đuổi kịp, ả bèn lập kế giết chết chồng. Cần Chánh nghe chuyện, hết sức kinh hãi, liền một mình trốn tới huyện Giang Sơn, cách đó bảy mươi dặm, tự cho là đã xa rồi, có thể thoát họa. Do đói bụng, [anh ta] vào tiệm cơm, chủ tiệm dọn cơm đủ cho hai người ăn. Cần Chánh hỏi nguyên do, [chủ tiệm] đáp: “Vì có người xõa tóc theo ông đi vào, chẳng phải là hai người ư?” Cần Chánh biết là oán quý đi theo, bèn đến quan tự thú. Nam lẫn nữ đều đền tội.

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, ở Nghi Hương, có bà góa họ Trần làm chủ tiệm nhuộm, có nhan sắc. Một gã lái buôn gỗ trông thấy, ưa thích, mượn cơ nhuộm lụa đến nhà bà ta dụ dỗ đủ kiểu. Hắn biết chẳng thể khiến cho bà ta thuận theo, bèn lấy mấy súc gỗ quăng vào nhà bà ta, hôm sau thừa quan bà ta ăn

trộm gỗ. Hấn lại hỏi lộ bọn sai nha để bắt bớ, hiếp đáp khiến cho bà ta khốn quẫn, nhục nhã, mong bà ta sẽ thuận theo [chịu làm thiếp cho hấn]. Bà ta ngày đêm xót xa cầu đảo thần Huyền Đàn<sup>705</sup>, thưa: “Nhà con đã kiên thành thờ thần rất lâu, sao chẳng thể che chở cho con?” Đêm ấy, bà ta mộng thấy thần bảo: “Đã sai hắc hồ rồi”. Gã lái buôn gỗ nghe kể lại, còn chửi bà ta là ngu si. Chẳng được mấy bữa, gã lái buôn gỗ và sáu bảy người vào núi mua gỗ, hồ từ trong rừng xông ra, vượt qua mấy người, cắn đầu [gã lái buôn gỗ] tha đi.

Tường sanh<sup>706</sup> họ Quách ở Giang Ninh, năm Kỷ Mão vào trường thi. Khi chưa yết bảng, chàng họ Dương ở trước nhà nói: “Ta gần đây làm phán quan ở âm phủ, biết ông đáng lẽ thi đỗ hạng thứ năm mươi bảy. Nhưng vì ngày đó, tháng đó, ông đi thâu tô ở Giang Bắc, đã cùng vợ một tá điền mây mưa suông sã dưới trăng sao. Lại còn ép một đũa tở gái trong nhà ông

---

<sup>705</sup> Huyền Đàn là tên gọi tắt của Kim Long Như Ý Chánh Nhất Long Hồ Huyền Đàn Chân Quân. Vị này tên thật là Triệu Lăng, tự Công Minh, là một trong bốn đại nguyên soái hộ pháp của Đạo Giáo, nên còn gọi là Huyền Đàn Nguyên Soái. Tương truyền, Huyền Đàn Chân Quân là người đời Tần, lánh mình vào Chung Nam Sơn tu đạo, được gặp tổ Đạo Giáo là Chánh Nhất Thiên Sư Trương Đạo Lăng nhận làm đồ đệ, sai cưới hắc hồ, thủ hộ phòng đàn dược. Vị này được coi là có nhiều công năng thần dị, nên được dân chúng tôn thờ nhằm cầu tiêu tai, giải nạn. Ông còn được thờ như vị Vũ Tài Thần (Văn Tài Thần là Phạm Lãi), với danh xưng Thiên Quan Trung Lộ Nguyên Soái, có bốn bộ hạ là Chiêu Bảo Thiên Tôn Tiêu Thăng, Nạp Trân Thiên Tôn Tào Bảo, Chiêu Tài Sứ Giả Trần Cửu Công và Lợi Thị Thiên Quan Diêu Thiếu Tư. Ông cùng với bốn bộ hạ được gọi chung là Ngũ Lộ Tài Thần. Người Khách Gia (Hakka) còn gọi ông là Ngân Chủ Vương Công.

<sup>706</sup> Trường học thời cổ được gọi là Tường (庠). Vì thế, học trò được gọi là Tường Sanh (庠生). Theo quy chế, đời Minh - Thanh, sinh viên các trường học ở phủ, châu, huyện (thường gọi là Ấp Tường), sẽ được gọi là Tường Sanh, tức là những người đã đỗ Tú Tài (còn gọi là Mậu Tài).

làm thiếp, do ông giận dữ, khiến cho nó bị chết ngang trái, nó đã nhiều lần đến cáo giác ông [dưới cõi âm]. Ta đã nhọc lòng khuyên giải, nhưng nổi uất ức của nó khó thể tiêu tan được. Do vậy, [thiên đình] đã vì những chuyện này mà trừ bỏ công danh của ông!”

Trương Bảo làm tri phủ Thành Đô. Lý Úy ở Hoa Dương có vợ đẹp nhất xứ Thục Trung, Trương Bảo muốn tăng tị, nhờ cậy khắp bọn ni cô, nữ hầu ngầm ngầm dùng ý ấy khuyên dụ. Lâu ngày, người vợ cũng động lòng. Bỗng gặp chuyện Lý Úy ăn hối lộ bị bại lộ, Trương Bảo thừa dịp tấu trình đàn hặc. [Lý Úy] bị tổng giam, điều tra đến nơi đến chốn. [Lý Úy] bị đày ra ngoài rặng Ngũ Lĩnh<sup>707</sup>, chết trên đường đi. Trương Bảo biểu xén mẹ Lý Úy trọng hậu, ép gả vợ Lý Úy cho mình, [lấy nhau rồi], vui sướng khôn xiết. Không biết vì sao người vợ lâm bệnh, [tinh thần] hoảng hốt, thấy Lý Úy bên cạnh. Lúc lâm chung, cô ta nói với Trương Bảo: “Thiếp cảm ơn chàng, chẳng dám không nói. Lý Úy đã tố cáo lên cõi trời, sớm tối chàng sẽ bị bắt. Nếu ẩn kín, chưa chắc họ đã có dịp [lùng bắt]. Nếu khinh thường ra ngoài, ắt sẽ bị bắt”. Nói xong bèn chết. Không lâu sau, Trương Bảo cũng ngã bệnh, do nhớ lời vợ dặn, đề phòng hết sức nghiêm ngặt, chẳng dám bước chân ra khỏi nhà. Một chiều đang ngồi, bỗng thấy xa xa trong đám trúc dưới nhà, có một người giơ tay áo đỏ

---

<sup>707</sup> Ngũ Lĩnh là năm rặng núi ở phía Nam Trung Hoa, nằm dọc theo ranh giới bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam và Giang Tây. Vùng Lĩnh Nam (phía Nam rặng Ngũ Lĩnh) thuộc địa bàn nước Văn Lang thời cổ. Ngũ Lĩnh bao gồm các rặng núi Việt Thành, Đô Bàn, Manh Chử, Kỳ Điền và Đại Dữu.



vẫy nhẹ. [Trương Bảo] hoảng hốt tưởng là vợ Lý Úy, vội rảo chạy tới, [đến gần] thì ra là Lý Úy, bị ông ta bắt lấy, đánh đấm toí bời, chửi bới: “Thằng giặc này, nếu tao không dùng áo hồng rộng tay vẫy gọi, mày chịu đến đây ư?” Hồi lâu sau, [Trương Bảo] tuôn máu mũi, kể nguyên do với người nhà rồi chết.

Đời Đường, Nghiêm Vũ lúc trẻ làm hàng xóm của một vị quân sứ, dụ dỗ con gái ông ta cùng bỏ trốn. Vị quân sứ vào kinh tố giác, vua xuống chiếu truy bắt. Nghiêm Vũ sợ tội, giết cô ta, dìm xuống nước. [Do vậy, sai nha truy bắt] chẳng có chứng cứ gì, nên hắn may mắn thoát tội. Tới khi hắn nhiễm bệnh ở đất Thục, thấy cô ta ở trước mặt, trách móc: “Thiếp trốn theo chàng cố nhiên là đã đánh mất tiết hạnh, nhưng thiếp thật sự chẳng phụ rẫy chàng. Nếu chàng sợ tội, sao không bỏ thiếp mà đi, lại còn giết chết, đúng là kẻ tàn nhẫn! Thiếp đã tố cáo nơi âm tào, hạn kỳ là ngày mai!” Nghiêm Vũ then thùng, xin tha. Sáng hôm sau, hắn quả nhiên chết ngắc. Than ôi! Oai quyền của Tiết Độ Sứ khi ấy<sup>708</sup> chẳng thể xoay chuyển mây may! Người hiện thời cứ hờ ra là tìm cái chết, nào có biết sau khi đã chết, ân biến thành cừ, oán đối chẳng ngớt!

Đời Minh, Hứa Triệu Hình ở Tấn Giang, đỗ Cử Nhân năm Mậu Ngọ, đến châu Phước Ninh để yết kiến vị quan giám khảo chấm thi của mình. Hắn ngẫu nhiên đi qua một am ni cô, ưa thích một ni cô trẻ tuổi, bèn dùng oai thế hiếp đáp, cưỡng bức làm nhục cô ta. Hôm

---

<sup>708</sup> Khi ấy, Nghiêm Vũ đang làm Kiểm Nam Tiết Độ Sứ, cai quản vùng Tứ Xuyên.

sau, hấn cắn lưỡi đứt đôi mà chết. Lại có gã Vương Vũ ở Tấn Giang nổi tiếng giỏi văn chương, mang rượu đến uống tại chùa Thừa Thiên. Hấn vào Tàng Kinh Đường, thấy một sa-di đang độ tuổi thiếu niên ngồi ngay ngắn xem kinh, bèn cưỡng ép chú tiểu ấy uống rượu. Sa-di chẳng vâng theo, hấn bèn ôm chầm lấy chú ta sờ mó, trêu chọc. Hấn về nhà được ba hôm, bỗng vung tay tát vào miệng, tự chửi bới, cắn đứt lưỡi, máu tuôn đầy đất mà chết. Cái chết của hai gã ấy chỉ là hoa báo, quả báo là trong địa ngục!

Có ông già nọ ở Giang Tây từng ngủ lại nhà vợ, gian dâm với họ hàng bà ta, lén sanh được một đứa con bèn chôn đi. Về sau, khá giả lên, hưởng dụng đã lâu. Kẻ biết chuyện nói: “Đạo trời chẳng thể hỏi đến!” Về sau, cháu nội gái của ông ta tăng tịu với đầy tớ. Ông ta biết chuyện, hết sức tức giận, lấy một cỗ quan tài, đem hai người [bỏ vào đó], đóng đinh, đem chôn sống. Ông ta bị thừa kiện dằng dai nhiều năm, tài sản tiêu sạch mà chết.

Gã họ Trầm vốn ỷ sức cường tráng, nhiều lượt gian dâm. Vương Hành Am đã từng răn nhắc: “Ta gian dâm vợ người khác, người khác sẽ gian dâm vợ ta. Báo ứng đáng sợ, anh hãy nên sửa đổi đôi chút”. Họ Trầm cười bảo: “Chẳng lẽ mấy thằng háo sắc đều biến thành lũ bị cấm sừng hết hay sao? Chỉ cần giữ nghiêm khuê môn, lo gì có chuyện đó!” Một hôm, gã từ bên ngoài trở về, chính mắt thấy vợ đang lỏa lồ hành dâm với kẻ khác, muốn lấy vật dụng đánh họ, nhưng tay chẳng thể

giờ lên được. Vợ hắn tưởng là chồng không đếm xỉa tới, cứ thông dong tận tình hưởng thú hoan lạc. Họ Trầm tức giận quá đỗi, trừng mắt, giậm chân, hộc lên một tiếng rồi chết luôn!

Một người suốt đời làm ác, có một đêm nghỉ tại nhà thân thích, nghe hai người nói với nhau: “Gã nọ tội ác ngập đầu, sẽ phải thọ báo”. Người kia đáp: “[Phạt hắn] tuyệt tự nhé?” Người trước bảo: “Quá nặng”. Người kia lại hỏi: “Bị hỏa hoạn nhé?” Người trước nói: “Quá nhẹ!” Người kia lại hỏi: “Vương Tiểu Tiểu nhé?” Đáp: “Ồ, được đấy”. Hắn nghe nói kinh ngạc, chẳng hiểu là như thế nào? Mấy năm sau, gã đó mê luyến một kỹ nữ tên là Vương Tiểu Tiểu, cưới cô ả về nhà. Hắn nghe theo những mưu kế của cô ả, [khiến cho] cốt nhục ly gián, tài sản khánh kiệt mà chết!

Một vị Tăng pháp danh là Hành Uẩn thấy hoa sen bông động lòng dâm. Đêm ấy, có một nữ nhân gõ cửa. Hành Uẩn bèn mở cửa nhìn xem, thấy có một cô gái, dẫn theo một đứa trẻ gái, tự xưng là Liên Hoa Nương Tử, dung mạo rạng rỡ động lòng người. Hành Uẩn hết sức vui mừng, bèn chuyện trò huyền thiên không ngớt. Chốc lát, đuốc tắt, thị giả nghe Hành Uẩn kêu khổ, cô gái cất tiếng hung ác nói: “Sao ngươi xằng bậy dấy lên dâm tâm? Nếu ta là nữ nhân thật sự, há chịu ăn nằm bừa bãi với ngươi ư?” Thị giả vội chạy gọi mọi người trong chùa, phá cửa mà vào, trông thấy hai con quỷ dạ-xoa, còn Hành Uẩn đã thân một nơi, đầu một nẻo rồi!

Nay biên chép, kể ra các tấm gương mắc họa vì dâm, xếp chuyện của gã học trò ở Quý Khê lên đầu, nhằm nêu rõ ý nghĩa [răn dạy] của đức Thái Thượng về chuyện ý niệm kín nhiệm “*khởi tâm tư*” (dấy lòng muốn gian dú), hòng khuyên mọi người phải dè dặt ngay từ đầu. Trong lúc mắt thấy, tâm động, phải dốc hết sức chú ý cẩn thận. Còn chuyện của Hành Uẩn lại chẳng phải là thấy sắc mà khởi tâm, mà là do ông ta thiếu đầu óc, do vọng niệm tạo ra hình tượng, chẳng có óc mà thành lâu, chẳng có biển mà hiện thành thị<sup>709</sup>, [tâm địa] u mê, tằm tối, nảy sanh sự huyền hoặc, xấu ác, tự gây ra sự hỗn độn đến nỗi bị dạ-xoa nuốt mất mạng, đầu một nơi, thân một nẻo! [Chuốc lấy] tai họa kỳ lạ từ loài ma hung dữ, thảm khốc dường ấy! Xem đến những câu chuyện ấy, có ai mà tâm chẳng rét run, sợ hãi? Vì thế, dùng câu chuyện này để kết thúc [các trường hợp mắc họa vì dâm dật], đúng là có dụng ý sâu xa. Hãy suy nghĩ đi!

Lâm Mậu Tiên ở Tín Châu tài cao, thi đậu kỳ thi Hương. Nhà nghèo, anh ta đóng cửa đọc sách. Người

---

<sup>709</sup> Thành ngữ có câu “*thần lâu hải thị*” (蜃樓海市, lầu thần, phố biển). “*Hải thị*” (海市) là những huyền ảnh do ánh sáng khúc xạ phản chiếu những hình ảnh trên bờ (có thể là ở rất xa), khiến cho người đi biển vào lúc nắng gắt trông thấy có thành phố trên mặt biển, đến gần bèn chẳng có. Người xưa giải thích là ngoài biển có một giống ốc lớn gọi là Thần (蜃), hơi thở của nó bốc lên mặt biển, tạo thành huyền ảnh như lầu gác, đình tạ, nên gọi “*thần lâu*”. Ở đây có ý nói, chẳng cần nhờ ngoại duyên mà do vọng tưởng trong tâm, cho nên Hành Uẩn tự thấy các huyền tượng, trông thấy hoa sen bèn tưởng tượng có mỹ nhân đứng trên đó, hoặc tưởng tượng đến gót sen của mỹ nhân mà dấy lên dâm niệm, chiêu cảm quỷ dạ-xoa thừa dịp làm hại.

đàn bà hàng xóm chán chồng chẳng học hành, hăm mộ tài danh của Mậu Tiên, ban đêm, lén tìm tới. Mậu Tiên quở trách: “Nam nữ khác biệt, lễ pháp chẳng dung. Quỷ thần trong trời đất dày dầy khắp nơi, có sao lại ô nhục ta?” Bà ta hổ thẹn, lui ra. Năm sau, Mậu Tiên thi đỗ. Về sau, ba đứa con đều đỗ đạt.

Diêu Tam Cửu vốn có họ là Biện, học rộng, giỏi thơ văn. Ông đến làm gia sư tại nhà họ Hoài. Có đứa con gái thường đến nhìn trộm. Ông Biện trang nghiêm, chẳng ngó ngang. Một hôm, ông đem giày phơi ngoài sân. Cô ta viết thư, bỏ vào giày. Ông Biện thấy thư, bèn mượn có có chuyện khác, xin nghỉ dạy, trở về nhà. Ông Viên Di Hạnh làm thơ khen ngợi, có câu: “*Nhất điểm trình tâm kiên phỉ thạch. Xuân phong đào lý mạc tương sai*” (Một tấm lòng trình bèn tựa đá, gió Xuân đào mạn chẳng thềm ngò). Ông Biện chẳng nhận bài thơ, trong thư hồi đáp, cực lực biện bác là không có chuyện ấy. Viên Di Hạnh phong kín lá thư, đề lên đó: “*Đức chí hậu hĩ, tử tôn tất xương*” (Đức sâu đến tốt bậc, con cháu ắt hưng thịnh). Về sau, con ông Biện (Diêu Tam Cửu) là Kham và cháu là Tích đều đậu Tiến Sĩ.

Đường Cao thuở trẻ đọc sách dưới đèn, có kẻ nữ chọc ghẹo, chọc thủng giấy dán cửa sổ<sup>710</sup>. Ông dán lại, đề thơ rằng: “*Đào phá chỉ song dung dị bổ, tổn nhân âm đức tối nan tu*” (Chọc thủng giấy, hãy còn dễ vá; phá đức người, khó sửa khôn ngăn). Một tối, có một vị

---

<sup>710</sup> Thuở xưa, chưa có kiếng. Cổ nhân dùng loại giấy mỏng phết hồ cho bền chắc dùng dán cửa sổ, vừa chống gió lạnh, vừa lấy ánh sáng từ bên ngoài.

Tăng đi qua cửa nhà ấy, thấy có tám biển đề Trạng Nguyên, hai bên treo hai cái đèn, trên đèn đề hai câu ấy. Vị Tăng lấy làm lạ, gạn hỏi. Về sau, quả nhiên Đường Cao đồ đầu thiên hạ.

Uông Thiên Dữ gặp dị nhân xem tướng, bảo: “Tướng của ông giống như La Hán, không có người nổi dôi, mà cũng chẳng thọ”. Do vậy, ông Uông coi nhẹ tiền tài, chuộng bố thí. Một hôm, ông làm khách ở Thanh Giang Phố, bà chủ còn trẻ, xinh đẹp, lén đến chỗ ông. Ông Uông đóng cửa không tiếp, bảo: “Tôi há có nên phá hoại danh tiết của bà ư?” Bà ta hổ thẹn, bỏ đi. Lại gặp người xem tướng ấy, người ấy hỏi: “Ông có âm đức gì mà tướng mạo bỗng thay đổi, sẽ sanh quý tử, thọ hơn tám mươi”. Về sau, đúng như lời ấy.

Xem khắp các bậc tiền hiền cự tuyệt những kẻ muốn dâm bôn, [những vị ấy] đặc lực là nhờ chữ Thứ (恕, khoan dung), điều mình chẳng muốn, chớ làm cho người khác. Có vị thì sợ tổn hại âm chất, chỉ e giảm phước, đoán thọ. Tuy học vẫn có thể khác nhau, nhưng đều cùng chánh đáng, phù hợp thiên lý, thuận theo đạo lý “khiến cho người khác an lòng, ta và họ đều được vẹn toàn”. Ngay trong lúc ấy, phước chí tâm linh, đã giống như nhanh chóng bước lên mây xanh, chẳng cần đợi hưởng phước báo rồi mới vui sướng. Điều quan trọng là cự tuyệt chuyện dâm bôn có nhiều cách khác nhau, ắt phải biết tường tận sẵn trước đã. Sau đó, khi gặp chuyện, sẽ chẳng phạm sai lầm. Bởi lẽ, nghiêm mặt quở trách, cự tuyệt, [kẻ muốn rù quên làm chuyện dâm

bôn] sẽ bỏ đi cố nhiên là nhiều, nhưng có kẻ bị cự tuyệt vẫn chẳng bỏ đi. Như Lục Dung<sup>711</sup> viện có bệnh chưa lành, hẹn ngày khác sẽ gặp, [đến hôm sau liền rời đi, chuyển sang chỗ trọ khác], có thể học theo gương ấy. Nếu có thể mở tung cửa bỏ đi, như Tào Phân<sup>712</sup> qua chỗ khác trọ, cũng là cách ứng phó nhanh nhạy của người giữ tròn đức hạnh vậy. Lại có kẻ [dụ dỗ người khác gian dâm chẳng được] bèn dùng cái chết để uy hiếp, như ông Mao Lộc Môn cự tuyệt đưa tở gái [rủ rê làm chuyện] dâm ôn. [Bị cự tuyệt], cô ả nói: “Như thế thì tôi chỉ đành chết mà thôi”. Lộc Môn chẳng nao núng. Suốt đêm cự tuyệt mà vẫn giữ vẹn [đức hạnh] như thầy thuốc họ Trần [lặp đi lặp lại] “chẳng thể, chẳng thể”<sup>713</sup>,

---

<sup>711</sup> Lục Dung là người huyện Thái Thương, Tô Châu, sống vào đời Minh, làm đến chức Lại Bộ Thượng Thư. Theo Thọ Khang Bảo Giám, Lục Dung dáng dấp rất đẹp đẽ. Vào năm Thiên Thuận thứ ba (1459), ông đi thi ở Nam Kinh. Trong quán trọ, có nữ nhân nửa đêm đến chỗ ông ngủ, toan tăng tị. Thoạt đầu, ông viện có mắc bệnh, hẹn đêm sau. Cô ta lui ra. Ông bèn làm thơ rằng: “*Phong thanh nguyệt bạch dạ song hư, hữu nữ lai khuy tiếu độc thư, dục bả cảm tâm thông nhất ngữ. Thập niên tiền dĩ bạc Tương Như*” (Song thưa, gió mát, trăng thanh, cô gái ngáp ghé trêu anh học trò, mượn đàn toan những hẹn hò, mười năm trước đã phụ phàng Tương Như). Đợi đến sáng, ông mượn có rời khỏi. Mùa Thu năm ấy, ông đi thi. Trước đó, cha ông ta nằm mộng thấy quan Quận Thủ tặng cờ và tám biển [phong tặng], [kèm thêm một đội] trống, kèn. Trên tám biển ấy, đề bốn chữ “*nguyệt bạch phong thanh*”. Người cha nghĩ là điềm báo con thi đậu, viết thư gọi cho ông. Ông càng thêm dè dặt. Về sau, ông đỗ Tiến Sĩ, làm quan tới chức Tham Chánh.

<sup>712</sup> Trong Thọ Khang Bảo Giám đã chép câu chuyện này như sau: Thư sinh họ Tào ở Tùng Giang đi thi. Ở quán trọ, có người đàn bà tìm đến [dụ dỗ]. Ông Tào kinh hãi, vội chạy sang chỗ khác tá túc. Đi nửa đường, ông thấy có ánh đèn dẫn đường, dẫn vào một tòa cổ miếu. Nghe đánh trống thăng đường, ông Tào phủ phục trước miếu, nghe trong điện thờ xướng danh những người được ghi tên trong bảng tân khoa. Tới người thứ sáu, lại [có nha lại] bẩm rằng: “Ông X... gần đây làm chuyện sai trái, Thượng Đế gạch tên, hãy nên bù người nào vào?” Thần nói: “Ông Tào ở Tùng Giang chẳng hành dâm với người đàn bà ở quán trọ, là bậc chánh khí, đáng thêm tên vào”. [Nha lại] bèn thêm tên ông Tào vào. Ông Tào [nghe phán bảo như vậy] vừa sợ hãi, vừa vui mừng. Quả nhiên [về sau], Tào Phân đỗ thứ sáu.

<sup>713</sup> Chuyện này được chép ngay trong phần sau.

đẩy cửa sổ đứng chờ vợ ngoài sân, thề chẳng có hành vi cầu thả! Lại có người kiên quyết tặng luôn món tiền trăm lạng<sup>714</sup>. Những vị kiên quyết cự tuyệt [người khác dụ dỗ làm trò chim chuột], đức trong sáng, quyết đoán anh minh như thế đều đáng để học theo. Nếu cửa đã đóng mà có kẻ nữ ở bên ngoài, ắt chẳng thể mở cửa được. Ngày hôm sau mượn có từ tạ, trở về nhà, mà [người ta] vẫn cứ chèo kéo, chớ nên đến nữa, nhưng cần phải suốt đời chẳng hé môi [về chuyện ấy]. Dẫu với vợ con, cũng không để cho họ biết chuyện ấy<sup>715</sup>. Đây là bậc đức dày vậy. Từ đấy trở đi, đỗ Trạng Nguyên, đạt tới địa vị vinh hiển, rạng mày nở mặt cha ông, con cháu [hưởng phước lộc] lâu dài, so với những phương cách

---

<sup>714</sup> Sách Thọ Khang Bảo Giám chép câu chuyện này như sau: Đời Thanh, ông Viên ở Thiểm Tây. Do giặc Sầm (Lý Tự Thành) dấy loạn, cha con thất lạc, trôi nổi, ngụ tại Giang Nam, muốn cưới thiếp sanh con. Vừa mua được vợ, rước về nhà ông Viên, cô ta xoay lưng về ánh đèn, khóc lóc. Ông Viên gạn hỏi, cô ta đáp: “Chẳng có gì khác. Chỉ vì trong nhà đói nghèo, chồng muốn tìm cái chết, cho nên thiếp bán thân để chồng được sống. Thiếp nghĩ tới vợ chồng tình sâu nghĩa nặng trước nay; vì thế, khôn ngăn đau thương vậy”. Ông thương xót, xoay lưng ngồi đợi sáng. Ngoài số tiền bán thân ra, còn tặng thêm một trăm lạng, trả người vợ cho chồng, bảo họ hãy buôn bán. Vợ chồng họ khóc lóc ra đi. Về sau, họ muốn tìm một cô gái chưa chồng, tặng cho ông Viên để sanh con, nhưng tìm đã lâu chẳng được. Ngẫu nhiên tới Dương Châu, họ gặp một người đem một đứa bé khôi ngô muốn bán; do vậy, họ bàn riêng với nhau: “Ta chưa tìm được cô gái nào. Trước hết, hãy mua đứa trẻ này về hầu hạ ông Viên, có gì là không được?” Bèn mua lấy, vượt sông, tặng nó cho ông Viên. Ông Viên nhìn kỹ, thì ra là đứa con đã bị thất lạc.

<sup>715</sup> Sách Thọ Khang Bảo Giám chép câu chuyện này như sau: Trầm Đồng ở Quy An, có tên tự là Quán Di, nhà nghèo. Người anh họ là Tôn Châu giới thiệu ông đến nhà sui gia dạy trẻ vỡ lòng. [Nhà ấy] mẹ góa, con thơ. Một đêm, bà góa đến dụ dỗ ông làm chuyện chim chuột, Trầm Đồng nghiêm khắc cự tuyệt. Ngày hôm sau, ông liền từ tạ trở về. Bà góa sợ lộ chuyện, sầm sứa lễ vật van nài [Trầm Đồng trở lại dạy học], lại thúc giục Tôn Châu mời giùm mấy lượt, ông đều chẳng nhận lời. [Tôn Châu] vận hỏi nhiều lần, ông Đồng tròn chẳng hé môi, chỉ nói “bất tiện” mà thôi! Năm sau, [Trầm Đồng] đỗ đạt, làm quan tới chức Tuần Phủ.



tích công lũy đức khác, sự khó dễ muôn vàn sai khác một trời một vực!

Tại Chiết Giang, có vị Chỉ Huy Sứ<sup>716</sup> là X... mời thầy đến dạy con. Thầy bị cảm lạnh, cần phải đổ mồ hôi, bảo trò lấy mền. [Trò lấy mền], vô ý cuốn theo một chiếc hài của mẹ. Bệnh lành, đem trả lại mền, chiếc hài rớt bên chỗ nằm mà thầy lẫn trò đều chẳng biết. Chỉ Huy Sứ trông thấy, ngờ vợ mình gian díu với thầy. [Tra hỏi], vợ chẳng nhận tội; do vậy, [ông ta] sai đưa tó gái đến giả vâng lệnh bà chủ mời thầy [đến gặp mặt riêng]. Thầy nổi giận, quát mắng đưa tó gái. Viên Chỉ Huy Sứ lại ép vợ đích thân đến [mời mọc thầy], chính mình tuốt sẵn đao bén, chờ thầy mở cửa [là chém liền]. Cố nhiên thầy cự tuyệt: “Tôi được ông nhà mời đến, há nên ngấm ngấm có hành vi truy lạc ư?” Thề nhất quyết không mở cửa. Sáng hôm sau, thầy từ biệt xin đi. Viên Chỉ Huy Sứ nói: “Tiên sinh thật sự là bậc quân tử”, bèn thuật lại đầu đuôi câu chuyện, tạ lỗi, xin thầy ở lại. Khoa thi ấy, thầy đỗ đạt.

Trình Ngạn Tân tấn công Ninh Thành. Hôm thành bị hạ, kẻ tả hữu dâng lên ba cô gái còn trinh, đều thuộc loại hết sức xinh đẹp. Ông vừa mới say, bèn bảo các cô: “Các người như con gái của ta, há dám xâm phạm ư?” Bèn tự khóa kín một gian phòng (giữ ba cô gái trong ấy). Đến sáng, tìm hỏi bố mẹ để trả lại. Về sau, ông làm

---

<sup>716</sup> Đời Minh, nhằm phân tán quyền lực quan lại đứng đầu các tỉnh (tức quan Tuần Phủ), triều đình đã lập ra ba chức quan khác biệt dưới Tuần Phủ, gồm Đô Chỉ Huy Sứ (gọi tắt là Chỉ Huy Sứ, trông nom việc quân sự), Bố Chánh Sứ (coi hành việc hành chánh và tài chánh), và Án Sát Sứ (coi việc kiện tụng, tư pháp).

quan tới chức Thị Sát. Khi chín mươi ba tuổi, ông từ biệt thân hữu qua đời, các con đều hiển đạt.

Đời Minh, Từ Hy ở Giang Âm, khi làm nha lại thuộc binh phòng<sup>717</sup>, có lệnh tuyển tráng đinh đi làm lính thú ở vùng biên cương. Có một người bị tuyển làm, nhưng người ấy chẳng thể giải bày nỗi oan uổng, muốn cầu Từ Hy giúp cho thoát khỏi. Nhà nghèo, chỉ có cô vợ là có nhan sắc. Anh ta bèn bày tiệc rượu khoản đãi Từ Hy, sai vợ hầu rượu, còn chính mình thì mượn cớ bỏ đi. Từ Hy vội ra khỏi cửa, người vợ sợ Từ Hy bỏ đi sẽ hư chuyện, bèn nắm áo để giữ ông lại, kể lại ý chồng. Từ Hy kiên quyết cự tuyệt, dứt áo bỏ đi. Hôm sau, ông lại trách mắng người chồng thậm tệ. Rốt cuộc, [do ông tận lực lo liệu] người ấy được miễn. Về sau, [Từ Hy] làm quan đến chức Binh Bộ Thượng Thư.

Trương Văn Khải ở Phước Kiến và Châu X... do tránh cướp bèn lánh vào hang núi. Có một cô gái đẹp đã [núp] sẵn ở đó, thấy đàn ông đến, hốt hoảng toan bỏ đi. Ông Trương nói: “Cô bỏ đi, ắt sẽ gặp bọn cướp, chúng tôi là những người thành thật, cẩn trọng, cũng vì lánh giặc mà đến đây, quyết chẳng dám xâm phạm”. Tối nửa đêm, họ Châu nhiều lần toan ô nhục cô ta, ông Trương tận lực ngăn cấm. Tối sáng, Trương và Châu rời núi để thăm dò tin tức, ý ông là nhằm tách họ Châu ra, để cô ta ở yên nơi đó. Rời núi, họ biết bọn giặc cướp đã bỏ đi, bèn cùng những người già trong thôn tới hang,

---

<sup>717</sup> “*Binh phòng*” là nha sở trông coi về việc binh bị ở các quận, huyện dưới thời Minh và Thanh.

hỏi han cha mẹ, quê quán và tên họ cô ta. Ông Trương vội nhờ những người lớn tuổi trong thôn đưa cô ta về. Không lâu sau, có người họ Hoàng sắm sửa rất nhiều của hồi môn, nhận ông Trương làm rể, đây chính là [cha mẹ] của cô gái ty nạn vậy. Cha cô ta cảm ân đức của ông Trương, nên nhận ông Trương làm rể. Về sau, hai con trai của ông đều đỗ đạt.

Trần sanh ở Dur Can giỏi nghề y. Có chàng học trò nghèo bệnh tình lâm nguy, ông Trần trị lành bệnh, mà cũng chẳng đòi hỏi phải báo đáp. Về sau, lúc trời sấm tối, ông Trần đi qua chỗ họ; do vậy, họ giữ ông ngủ lại. Mẹ chồng bảo con dâu: “Chồng con sống được thật sự là nhờ ông ta, sao không ngủ với ông ta để báo ân?” Con dâu vâng dạ, tới đêm bèn đến chỗ ông Trần. Ông Trần cự tuyệt: “Mẹ chồng cô thì sao?” Cô vợ đáp: “Đây là ý của mẹ chồng”. Ông nói: “Ý chồng cô thì sao?” Đáp: “Mạng chồng tôi là do ông ban cho, có gì ngăn cản tôi”. Ông Trần nói: “Không thể!” Cô vợ cứ thúc ép, ông Trần liên tiếp bảo: “Không thể”, bèn ngồi đợi trời sáng, lấy bút liên tục viết chữ “không thể” trên bàn. Về sau, gần như chẳng thể giữ mình được, ông lại hô to: “Hai chữ Không Thể quá khó”, đẩy cửa, đứng chờ vợ ngoài sân. Đến sáng, ông ra đi. Về sau, con trai ông Trần đi thi. Quan chủ khảo loại bỏ bài thi của nó, bỗng nghe có tiếng hô: “Không thể!” Quan đọc lại, vẫn loại bỏ, lại nghe hô liên tiếp: “Không thể!” Cuối cùng, khảo quan duyệt lại, quyết ý loại bỏ, bỗng nghe có tiếng hô lớn rằng: “Hai chữ Không Thể quá khó”, cứ hô liên tiếp

chẳng ngừng. Do vậy, quan chủ khảo bèn chấm đậu. Về sau, con ông ta đậu Tiến Sĩ.

Những trường hợp trên đây đều là những chuyện quyết tâm không tăng tịu, nhưng không có chuyện nói về người lâm vào cảnh lý và dục giao tranh, cho nên thuật câu chuyện giữ vững tâm ý vào lúc sắp loạn này để chỉ bày cách thức vậy!

Tề Vượng ở Kim Hoa, đã năm mươi mà không có con. Thầy tướng số nói: “Ông có ác khí, ắt là có chuyện sai trái”. Tề Vượng nói: “Lúc trẻ, tôi từng lang chạ với vợ con người khác”. Thầy tướng số kinh hãi, nói: “Phạm tội ấy sẽ tuyệt đường con cháu. Dâm ác khó sám hối nhất. Ắt phải có điều lành to lớn thì mới hòng xoay chuyển trời đất”. Do vậy, Tề Vượng hối cải. Năm đầu tiên, hề có người làm việc thiện, ông ta đều vui lòng bố thí, chẳng keo tiếc. Thầy tướng nói vẫn chưa được. Năm sau, hề gặp việc thiện khó làm, ông bèn đứng ra làm đầu, quyên tặng quá nửa. Thầy tướng số bảo vẫn chưa được. Năm thứ ba, ông một mình nỗ lực làm lành, chẳng chịu nhường ai. Thầy tướng số nói: “Vết âm chất đã hiện, lo gì không con!” Quả nhiên, sanh một trai. Năm bảy mươi tuổi, Tề Vượng còn được ẵm cháu.

Lữ Thanh đời Minh thích nói chuyện dâm uế, dòm trộm phụ nữ. Tuổi đã ba mươi, hết sức nghèo nàn, khôn khổ. Hai đứa con theo nhau chết đi. Một hôm, ông ta bỗng chết bất ngờ, thấy ông nội giận dữ, mắng: “Hai đời chúng ta tích tập điều thiện, ngươi đáng lẽ hưởng

quả báo giàu to. Nào ngờ người ôm lòng mê sắc, miệng mắt đều tạo oan nghiệt, phước sắp trừ sạch. Ta sợ người lại thật sự phạm vào hành vi dâm ác, chẳng mong chỉ có người nói dối nữa! Vì thế, xót xa cầu khẩn vua cõi âm, bắt người đến âm phủ cho người trông thấy hòng biết lợi hại”. Lữ Thanh thưa: “Cháu nghe nói gian dâm vợ con người ta sẽ bị quả báo tuyệt tự, con thật sự sợ chuyện ấy, chưa hề phạm!” Một nha lại bên cạnh bèn bảo: “Há chỉ là tuyệt tự ư? Nếu như kẻ nữ quyến rũ người, người chẳng từ chối, thì chỉ bị quả báo tuyệt tự. Nếu là kẻ dụ dỗ, cưỡng bức, và nhiều lần trái phạm, gây hại cho luân thường, hoặc phá thai, giết chồng, sẽ là tội thuộc bậc nào? Há chỉ tuyệt tự mà thôi! Luật dương gian khoan dung với tội dâm ác, nhưng luật cõi âm nghiêm ngặt nhất!

Phàm kẻ nào dấy lên một dục niệm, thần Tam Thi sẽ tự đứng đầu [thưa hỏi], Táo Quân, Thành Hoàng sẽ tấu trình. Ẩn giấu sẽ là lỗi to lớn. Cứ thử nhìn xem những kẻ bị xét xử ngày hôm nay, người sẽ biết”.

Trong chốc lát, quỷ tốt dẫn những phạm nhân dâm dục đeo gông quỳ xuống, vua cõi âm lớn tiếng căn dặn: “Gã X... sẽ biến thành ăn mày, vừa điên vừa câm. Gã Y... biến thành gái điếm, mù mắt. Gã nọ hai đời làm trâu. Gã kia mười đời làm lợn”. Họ đều bị quỷ tốt áp giải đi đầu thai. Lữ Thanh rón da gà run sợ. Nha lại bảo: “Cũng có kẻ còn bị phạt nặng hơn những gã này nữa! Người chớ tham nửa khắc hoan lạc, đánh mất thân người. Hãy nên tránh sắc như tránh tên, khắc in thành

văn chương đề khuyên đời”. Thế rồi, vua cỡi âm thả Lữ Thanh về. Lữ Thanh bèn khắc in bài Du Minh Lục (ký sự đến cỡi âm), in một vạn tờ để cảnh tỉnh cỡi đời, gắng hết sức làm lành. Đến lúc bốn mươi tuổi, ông sanh liên tiếp hai con trai, tạo lập sản nghiệp vạn lạng. Ông ta bèn đoạn tuyệt trần duyên, tới Nam Hải tu đạo. Người cùng làng là Thái Tinh vì ông ta soạn bài ký.

Hai câu chuyện trên đây, thuộc về báo ứng tốt lành do hối cải về lỗi dâm. Kẻ đã sa chân, hãy giữ vững cái tâm hối cải, đây chính là phương cách để chuyển họa thành phúc vậy. Than ôi! Cái tội nghiệt dâm dật chẳng thể viết tròn, nói sao cho cùng! Chỉ hằng ngày mong mỗi những kẻ dù trí hay ngu, chưa lỡ phạm, và kẻ đã trót nhúng chàm, ai nấy đều suy nghĩ sâu xa, ngõ hầu thiên lương sẽ sớm phát hiện.

*(Chánh văn) Phụ tha hóa tài, nguyện tha thân tử. Can cầu bất toại, tiện sanh chú hận.*

**(正文)負他貨財。願他身死。干求不遂。  
便生咒恨。**

*(Chánh văn: Thiếu nợ người khác vật dụng, tiền bạc, bèn mong họ chết đi. Mong cầu chẳng được toại ý, sanh lòng oán hận, chửi rủa).*

“Hóa” (貨) là đồ vật. “Tài” (財) là tiền bạc, “phụ” (負) nghĩa là khi thiếu thốn bèn mượn để chi dùng. Lâu ngày vong ân, chẳng trả lại. Trung Giới Kinh<sup>718</sup> nói: *“Thiếu nợ của người khác, trước mắt chẳng có gì để đền trả, phải luôn lo nghĩ đến mối nợ ấy, luôn nghĩ cách đền trả”*. Nếu vì nguyên do chẳng trả được, bèn ngược ngạo mong cho người ấy chết đi để xóa bỏ món nợ ấy, kẻ ôm lòng như thế, đời này là phường sai lang, đời sau khó trốn khỏi thân chó, ngựa, cũng là ngu muội quá lắm!

Bạch Nguyên Thông thiếu tiền Dương Quân bốn ngàn năm trăm đồng, nhiều lần bị đòi mà chẳng trả. Dương Quân chết, [họ Bạch] bèn giấu luôn chuyện ấy. Về sau, trong nhà Dương Quân sanh ra một con lừa bỗng nói tiếng người rằng: “Tôi là Bạch Nguyên Thông vì thiếu tiền các vị bốn ngàn năm trăm đồng, cho nên như thế này. Hiện thời, ở chợ Tây có người bán lừa cũng thiếu tiền tôi vừa đúng số ấy. Hãy mau bán tôi cho nhà ấy để có tiền trả cho quý vị hòng xong nợ”. Con ông Dương làm đúng theo lời. Bán xong được hai hôm, con lừa chết mất.

Đời Hán, Diêm Sưởng làm quận duyên<sup>719</sup>. Thái Thú là Đệ Ngũ Thường bị triệu về kinh, đem món tiền lương bỗng là một trăm ba mươi vạn gọi Diêm Sưởng.

---

<sup>718</sup> Trung Giới Kinh là bộ Xích Tùng Tử Trung Giới Kinh của Đạo gia.

<sup>719</sup> Duyên (掾) là tiếng để gọi chung phụ tá của các trưởng quan. Quận Duyên (郡掾) tức là người phụ tá của quan Thái Thú.

Diêm Sưởng đem chôn giấu. Về sau, Đệ Ngũ Thường lúc mất, gọi đứa cháu mồ côi mới chín tuổi đến bảo: “Ta có món tiền ba mươi vạn gởi cho Quận Duyện Diêm Sưởng”. Đứa cháu lớn lên, tìm đến Diêm Sưởng xin lại. Diêm Sưởng trông thấy nó, lòng buồn vui lẫn lộn, lấy tiền giao lại. Dấu niêm phong vẫn còn nguyên như cũ. Đứa cháu nói: “Ông nội cháu chỉ bảo là ba mươi vạn, nay là một trăm ba mươi vạn, chẳng dám nhận”. Diêm Sưởng nói: “Phủ quân<sup>720</sup> bị bệnh làm khổ cho nên đã nói lầm, thiếu gia đừng ngờ”. Rót cuộc trả lại. Về sau, Diêm Sưởng làm quan tới chức Thứ Sử.

“*Can cầu*” (干求) là nói đến hết thảy các chuyện lớn nhỏ, hễ có chuyện cầu cạnh phải nhờ vả người khác thì đều là [*can cầu*]. “*Bất toại*” (不遂) là chẳng được như ý. “*Chú*” (咒) là nguyên cho người ấy gặp họa, “*hận*” (恨) là ôm lòng oán độc. Bậc quân tử thông đạt lý, an vui với số mạng, há chịu cầu cạnh kẻ khác? Nếu như có [chuyện cầu cạnh], đã chẳng phải là kẻ đoan chánh. Nếu chẳng toại ý, cũng chỉ nên tự phản tỉnh. Nếu còn nguyên rửa, oán hận, sẽ thành phường tiểu nhân phản phúc vậy.

Đời Tống, Lư X... ban đêm đem trăm lạng vàng biếu Vương Đán, xin được bổ làm chức Phát Vận Sứ<sup>721</sup>

---

<sup>720</sup> Phủ Quân (府君) là tiếng tôn xưng để gọi Thái Thú đời Hán, đồng thời cũng là tiếng tôn xưng để cháu gọi ông nội.

<sup>721</sup> Đây là chức quan chuyên trông coi đánh thuế hàng hóa chuyên chở bằng đường thủy và đường bộ.



vùng Giang Hoài. Ông Vương từ chối: “Tài sức của ông chẳng kham nổi chức vụ này. Tôi há dám vì tình riêng mà phé lẽ công chánh ư?” Họ Lư hổ thẹn, lui ra, suốt đêm đốt phù chú, nguyện cho Vương Đán sớm chết. Hăn mộng thấy thần quát mắng: “Ông Vương lòng trung vì nước, mà muốn cho ông ta mau chết. Thượng Đế sẽ giáng tội cho mày!” Quả nhiên, mấy hôm sau, hăn chết tươi!

Đời Minh, Lý Canh ở Hàng Châu nhà nghèo, vô hạnh. Phàm ai là họ hàng, xóm giềng, hăn đều vay mượn hết. Hơi có chút chẳng vừa ý, bèn sân hận chẳng ngớt. Một hôm, hăn hỏi vay lương thực từ người bạn. Bạn chưa ưng thuận, Lý Canh bèn hướng về thần nguyện rửa, nguyện cho người bạn ấy chóng chết. Trong khoảnh khắc, sấm nổ ầm một tiếng, Lý Canh chết tươi trước tượng thần!

Vu Thiết Tiều nói: - Cầu cạnh kẻ khác, tuy tâm tình ta rất bức thiết, nhưng đối với người được cầu cạnh, có khi sức người ấy chẳng thể làm chuyện đó, hoặc lâm vào tình thế bất tiện. Cho nên kẻ chẳng được toại ý là chín phần mười, mà kẻ toại ý chỉ được một phần mười. Đó là lẽ thường xét theo tình lẫn lý! Nếu xằng bậy sanh lòng nguyện rửa, hận thù, há người ấy có vì ta nguyện rửa, oán hận mà sẽ thay đổi [thái độ], sẽ giúp đỡ hay sao? Chỉ là tự tăng thêm Phiền Nã Chương đó thôi! Kẻ đó không chỉ là chẳng biết thiên mạng, mà cũng chẳng thông đạt tình đời vậy!

Đời Tống, ông Tạ Lương Tá nói: - Muôn sự thật ra là có số mạng, sức người có so đo cũng chẳng nổi! Tôi suốt đời chưa hề cầu cạnh kẻ khác, cũng chưa hề gởi thư cho người đang nắm quyền bính. Nếu có kẻ khuyên lơn [hãy cầu cạnh người có quyền thế], tôi đáp: “Người ấy làm sao có thể thắng thưởng, thiên chuyển cho tôi được, toàn là do trong mạng tôi sẵn có”.

Đời Tống, ông Phạm Trung Tuyên (Phạm Thuần Nhân) nói: - Người tuy chí ngu mà biết tự trách thì là sáng suốt. Kẻ tuy hết mực sáng suốt, nhưng nếu khoan dung cho chính mình sẽ là kẻ hôn ám! Ai có thể dùng cái tâm trách móc người khác để trách móc chính mình, dùng cái tâm khoan dung chính mình để khoan dung người khác, sẽ chẳng lo không đạt đến địa vị thánh hiền”.

Phàm những kẻ cầu cạnh người khác rồi trách móc người ta, hãy nên suy đi nghĩ lại lời của hai ông!

*(Chánh văn) Kiến tha thất tiện, tiện thuyết tha quá. Kiến tha thể tướng bất cụ nhi tiểu chi, kiến tha tài năng khả xưng nhi ức chi.*

**(正文)見他失便。便說他過。見他體相不具而笑之。見他才能可稱而抑之。**

*(Chánh văn: Thấy người khác sa chân lỡ bước, bèn rêu rao lỗi lầm của họ. Thấy người khác hình hài chẳng vẹn toàn bèn chê cười. Thấy người khác có tài năng đáng ca ngợi bèn chèn ép).*

“Thất tiện” (失便) là gặp chuyện chẳng thể làm được, ở trong cảnh bất đắc chí. Sự việc và cảnh duyên trong thiên hạ vốn dễ bại, khó thành, nghịch nhiều, thuận ít. Hoặc là do vận số chông chênh, thời thế ngang trái, việc làm gặp rối ren. Hoặc là đôi khi phạm sai lầm, hối hận, sửa đổi chẳng kịp. Đường đi (hành xử trong cõi đời) gian nan, xưa nay đều cùng than thở. Thế mà có hạng người chẳng biết cảm thông, lúc bình thường bèn giao du tốt đẹp, hễ [người khác] gặp cảnh khốn khó, thường là đặt mình ra ngoài phạm vi ấy, cười cợt, gàn quai người khác rằng: “Vốn là do kẻ ấy tự sai trái”. Than ôi! Xin hãy tự nhìn lại đời mình, có phải là [bản thân ta] thật sự chưa từng làm sai một chuyện nào hay chẳng?

Đời Minh, Vương sanh ở Hán Châu ưa chỉ trích lỗi lầm của người khác. Hàng xóm của hắn có người phải chôn con, Vương sanh bèn chê bai: “Do người cực ác, cho nên có quả báo ấy”. Chẳng lâu sau, hai đứa con trai [của Vương sanh] đều bị bệnh chết. Người hàng xóm cười ngược lại: “Tao nghĩ chắc là mày độc ác còn cùng cực hơn tao nữa!” Lại còn một người anh họ của

hắn dự khóa thi hằng năm<sup>722</sup>, điểm thi bị giảm, lọt xuống bậc bốn. Vương sanh cũng chê trách rằng: “Văn tài của anh đúng là quá tệ hại, làm sao mong đậu cao cho được!” Chưa đầy một năm, Vương sanh tham gia khoa khảo<sup>723</sup>, rốt cuộc bị đánh xuống bậc năm. Người anh họ cười chê ngược lại: “Ta nghĩ em ta văn chương càng tệ hại hơn nữa!”

Quản Trọng nói: - Ta thường cùng Bảo Thúc Nha mưu sự, thế mà [càng làm], càng thêm khốn cùng, Bảo Thúc Nha chẳng chê ta là ngu, vì ông ta biết thời vận [của mỗi người] có lúc thuận lợi, có lúc bất lợi. Ta từng ba lần ra làm quan, ba lần bị vua xua đuổi, Bảo Thúc Nha chẳng cho ta là hạng không ra gì, vì biết ta chẳng gặp thời.

Do vậy, có thể thấy là bậc hào kiệt từ xưa cũng thường có khi bị lỡ bước sa chân. Điều đáng quý là kẻ tri kỷ, trong cảnh khốn cùng bèn an ủi, khích lệ. Há có nên vì kẻ khác sẩy bước sa chân, bèn thừa cơ quăng đá? Hạng người như vậy đã đánh mất lòng thương cảm, lại

---

<sup>722</sup> Nguyên văn là “tuế khảo” (歲考). Theo quy chế đời Minh và Thanh, mỗi năm, vị quan trông coi việc giáo dục (tức Đề Học, Học Chánh) tại các châu, huyện, phủ sẽ khảo hạch sinh viên (những người đã được vào trường huyện) để phân định hơn kém. Nhất là các lẫm sanh (sinh viên được nhà nước trợ cấp gạo), nếu kết quả chẳng đạt, lẫm sanh ấy sẽ bị cắt trợ cấp, hoặc cấm đi thi Hội cho đến khi nào kết quả tuế khảo khá hơn. Vào đời Thanh, quy định như sau: Điểm số được xếp vào bậc nhất và bậc nhì thì được khen thưởng, bậc ba thì không khen, không phạt, bậc bốn sẽ bị khiển trách, bậc năm thì tiền trợ cấp giảm bớt một phần, bị cấm thi Hội cho đến khi nào tuế khảo đạt điểm khá hơn, bậc sáu thì tước bỏ hẳn danh hiệu sinh viên, không cho học tại trường huyện nữa, hoàn toàn cắt hẳn các khoản trợ cấp.

<sup>723</sup> Khoa khảo (科考) là kỳ thi tại các châu huyện để xét duyệt thí sinh có đủ trình độ để đi thi Hương hay chưa.

còn trái nghịch lòng nhân nâng đỡ [người khác], vui sướng vì kẻ khác mang tai, mắc họa, bất nhân, bất trí, tai ương ắt sẽ lập tức bám theo thân!

Tứ chi tàn khuyết, hình tướng xấu xí, thô kệch, nếu chẳng phải là do mầm móng độc ác từ đời trước gây nên, ắt là do họa ương sót lại từ cha mẹ. Hễ gặp hạng người ấy, hãy nên thương xót, bảo vệ cho họ được toàn vẹn, sao lại nhẫn tâm chê cười? Huống chi sự thành tựu của một người là do tâm lượng và kiến thức, chẳng phải do hình tướng nơi thân thể. Châu Bột<sup>724</sup> nói lấp mà làm Tể Tướng, Yên Tử (Yên Anh) thân hình loắt choắt mà khiến cho vua [Tề Cảnh Công] được rạng mặt nở mày! [Những chuyện giống như vậy] được chép trong sử sách, chẳng thể nêu trọn. Hơn nữa, kẻ có thể tướng chẳng đầy đủ thường tự hận; do đó, cười cợt họ, đã phạm vào điều cấm kỵ! Mẹ của Tề Khoảnh Công do cười Khước Khắc mà bị trừng phạt<sup>725</sup>, mỹ nhân của Bình Nguyên Quân do cười người teo chân mà bị

---

<sup>724</sup> Châu Bột là công thần khai quốc nhà Tây Hán, xuất thân nghèo khổ. Thuở trẻ, ông sống đắp đổi bằng nghề đan nong nuôi tằm, cũng như thổi sáo trong đám ma để kiếm cơm. Về sau, ông theo phò Lưu Bang lập nhiều công lao rất to. Vì thế, khi Lưu Bang làm hoàng đế, đã phong cho Châu Bột làm Giáng Hầu. Kế đó, ông được cử làm Thái Úy, rồi làm Tướng Quốc (Tể Tướng). Ông là người hết sức chất phác, ăn nói vụng về, lấp bắp, nhưng chấp chánh hết sức giỏi. Nhà Tây Hán được an định phần lớn nhờ vào chánh sách của ông.

<sup>725</sup> Tề Khoảnh Công (Khương Vô Dã) là cháu nội của Tề Hoàn Công (Khương Tiểu Bạch). Khi Khước Khắc nước Tấn cầm cờ tiết sang sứ nước Tề, do mẹ của Tề Khoảnh Công ở trên lầu nhìn xuống, thấy Khước Khắc thọt chân đi tập tễnh bèn cười nhạo. Khước Khắc ghim mãi nỗi sỉ nhục ấy trong lòng. Về sau, Tề đánh Lỗ và Vệ. Vệ và Lỗ cầu cứu nước Tấn, nước Tấn sai Khước Khắc cầm quân. Khước Khắc đại phá quân Tề, uy hiếp nước Tề. Tề cầu hòa, Khước Khắc đòi phải đem Tiêu Đồng Thúc Tử làm con tin thì mới chịu cho hòa. Tiêu Đồng Thúc Tử chính là mẹ của Tề Khoảnh Công.

giết<sup>726</sup>, người một huyện nước Triệu cười giễu Mạnh Thường Quân là một gã đàn ông loắt choắt mà bị giết<sup>727</sup>. Đây đều là vết xe đổ từ trước, đáng để răn dè sâu xa!

Kinh Phật có nói đến Đẳng Lưu Quả, có ý nói người sống trên cõi đời, tâm thuật chẳng đoan chánh, đời đời về sau, hình thể chẳng toàn vẹn, miệng, mắt lệch vẹo, tứ chi tàn khuyết. Đây là nói do đời trước tạo nghiệp, cho nên dẫn đến kiếp này hình thể chẳng đầy đủ. Như vậy thì người ta trong lúc khởi tâm, trong khoảnh khắc động niệm, há có nên chẳng kiêng dè, cẩn thận, kính sợ để rồi đến nỗi lọt vào chỗ tà vạy ư?

---

<sup>726</sup> Bình Nguyên Quân là Triệu Thắng, người nước Triệu, là em trai của Triệu Huệ Văn Vương, thích chiêu đãi tân khách, được coi là một bậc hiền sĩ thuở ấy. Cách vách của Bình Nguyên Quân là nhà một người dân thường. Anh ta bị thọt chân, tập tễnh ra giếng gánh nước. Một nàng thiếp của Bình Nguyên Quân trông thấy bèn cười nhạo. Hôm sau, người ấy đến gõ cửa thưa: “Tôi nghe Ngài coi trọng kẻ sĩ, cho nên kẻ sĩ chẳng ngại xa xôi nghìn dặm tìm tới, vì Ngài quý kẻ sĩ, mà coi thường mỹ nữ. Tôi bất hạnh bại絮, bị người thiếp của Ngài cười nhạo, tôi xin cái đầu của người đã cười nhạo tôi”. Bình Nguyên Quân đáp ứng. Người ấy bỏ đi, Bình Nguyên Quân nói: “Coi cái thằng nhãi đó kia! Cứ tưởng ta sẽ giết thiếp yêu hay sao?” Rốt cuộc chẳng giết, trong vòng một năm, môn khách bỏ đi hết. Bình Nguyên Quân hỏi han, họ cho biết: “Ngài coi trọng sắc, khinh thường kẻ sĩ, chúng tôi ở lại làm gì?” Bình Nguyên Quân đánh cắt đầu người thiếp đã cười nhạo, đưa cho người thọt chân, đích thân xin lỗi. Tân khách mới lục tục quay lại.

<sup>727</sup> Mạnh Thường Quân là Điền Văn, con của Điền Anh. Ông tập ấm tước vị của cha nên được phong làm Tiết Công. Ông đối xử với các bậc danh sĩ rất lễ độ, chu đáo. Trong nhà ông có đến mấy ngàn tân khách. Ông là người thấp bé, ốm yếu. Có một hôm, ông sang nước Triệu vì Bình Nguyên Quân mời mọc. Người nước Triệu nghe danh Mạnh Thường Quân là bậc hiền năng, tranh nhau đi xem. Họ cười cợt: “Tưởng sao! Cứ ngỡ Tiết Công khôi ngô, tráng kiện, nay trông thấy, hóa ra là một thằng đàn ông bé choắt cheo”. Mạnh Thường Quân hết sức tức giận, môn khách của ông đều xuống xe, rút kiếm ra, chém chết mấy trăm người. Số người bị giết chùng bằng dân số một huyện.

Sách Đạo Tạng Yếu Lược nói: - Những điều cần phải kiêng kỵ khi vợ chồng ăn nằm rất nhiều, nhưng khi khí trời thay đổi thì [hậu quả do không kiêng kỵ ăn nằm] sẽ nặng nề nhất. Theo thiên Nguyệt Lệnh [trong sách Lễ Ký], trước khi sấm động ba ngày, [người cầm quyền sẽ sai người] dùng linh có quả lắc bằng gỗ để truyền lệnh cho dân chúng biết: “Sắp có sấm động, kẻ chẳng kiêng kỵ chuyện ăn nằm [trong ngày sấm động], sẽ sanh con [thân thể] chẳng hoàn bị, ắt gặp tai họa hung hiểm. Bởi lẽ, kẻ ấy khinh nhờn oai trời”. Đây là nói do cha mẹ chẳng cẩn thận, cho nên khiến cho đứa con hình thể chẳng trọn vẹn vậy!

Đời Đường, Lô Kỷ sắc mặt như màu chàm (xanh lè). Quách Tử Nghi bị bệnh, bá quan lũ lượt đến vấn an. Bọn hầu thiếp đứng đầy ra đó, ông chưa từng bảo họ tránh đi. Tới khi Lô Kỷ đến, Quách Tử Nghi bảo họ đều tránh đi hết. Có người hỏi nguyên cớ, ông bảo: “Ông ta mặt mũi xấu xí, tâm hiểm độc. Bọn phụ nữ trông thấy ắt cười cợt. Ngày sau, ông ta nắm quyền, gia tộc của ta sẽ chẳng còn ai sống sót!” Về sau, Lô Kỷ làm Tể Tướng, những kẻ nào có oán với ông ta ắt đều bị trả thù, chỉ riêng nhà họ Quách rút cuộc bình yên.

Hầu Nguyên Công (Hầu Mông) hình tướng hết sức xấu xí. Khi đi thi tuyển Hương Tiến, có kẻ thấy ông đã lớn tuổi, lại xấu xí, chẳng biết kính trọng. Có những đứa khinh bạc bèn vẽ hình ông lên điều, căng chỉ thả lên trời. Nguyên Công trông thấy chỉ cười, đề lên đó: “*Vị ngọ hành tàng thùy khảng tín? Như kim phương*

*biểu danh tung. Vô đoan lương tượng họa hình dung. Đương phong khinh tá lực, nhất cử nhập cao không, tài đắc xuy hư thân tiệm ổn, chỉ nghị hà phó thiềm cung. Vũ dư thời hậu tịch dương hồng, kỷ nhân bình địa thượng, khán ngã tử tiêu trung”.* (Chưa gặp thời cơ ai chịu tin? Nay mới lộ ra chút tiếng tăm. Bỗng dưng thợ khéo vẽ nên hình, mượn cơn gió nhẹ bay cao vút, thoáng chốc lên cao tận thái không. Được gió đỡ nâng, thân dần ổn, bay cao xa tới tận cung hằng. Trời hết mưa rồi, chiều đỏ ối, kìa ai đứng mãi trên nền đất, ngắm ta bay lượn tận hư không). Năm ấy, ông thi đỗ, đạt tới địa vị Tể Tướng. Những đứa trẻ ở quê cũ đều hồ thẹn, chẳng dám nhìn ông.

Vu Thiết Tiều nói: - Đời người vốn chẳng thể ỷ vào thể tướng được! Già yếu, tàn tật đều là chuyện chẳng thể biết nổi! Mắt đẹp có thể bị đâm thành mù, chân nhanh nhẹn có thể bị gãy thành thọt. “*Nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù?*” (Từ nay về sau, ta biết có tránh nổi hay không?) Lời Tăng Tử đã nói đúng lắm thay. Thương thân còn chẳng xuê, nào dám cười ai? Những kẻ đặt hỗn danh, đặt ra bài vè để miêu tả, cười chê [hình hài kẻ khác] cũng [hãy nên] nhìn vào gương này để sửa đổi thói xấu ác vậy!

Thấy tài năng bèn đề nén, khác với “*che giấu điều lành, vui dập sở trường của người khác*”. “*Che giấu*” hàm ý ếm nhẹm, “*vui dập*” thì có nổi bi thảm hủy hoại. Ở đây (thấy tài năng bèn đề nén) lại cao hơn một mức nữa! Bởi lẽ, đáng ca ngợi mà chẳng ca ngợi, tức là đề



nén. So với hai điều trước đó, dường như tội nhẹ hơn, nhưng suy xét kỹ, sẽ là càng vi tế hơn!

Vào thời Chiến Quốc đời Châu, Lý Tư và Hàn Phi đều theo học với Tuân Khanh. Lý Tư tự biết tài năng của chính mình chẳng bằng Hàn Phi. Vua Tần thấy bài Thuyết Nạn Thư của Hàn Phi, hận không được gặp. Đến khi vua nước Hàn sai Hàn Phi sang sứ nước Tần, vua Tần nói chuyện với Hàn Phi hết sức vui thích. Lý Tư sợ vua sẽ sủng ái Hàn Phi, bèn gièm báng khiến cho [Hàn Phi] bị hạ ngục, vua ban độc dược [bắt Hàn Phi tự sát]. Hàn Phi muốn tự giải bày, nhưng không được gặp vua Tần, cuối cùng phải chết. Về sau, Lý Tư bị Triệu Cao sàm tấu [với Tần Nhị Thế], cũng muốn trần tình, nhưng chẳng được [vua tiếp kiến]. Người hiểu chuyện biết là đạo trời đền trả!

Đời Tống, Tôn Biện là người xứ My Sơn và Đường Giới, Ngô Trung Phục chưa hề quen biết nhau, nhưng Tôn Biện khâm phục họ cương trực, tận lực tiến cử. Họ được đề bạt làm Ngự Sử. Chương Tuân Công (Chương Đắc Dự) và Văn Lộ Công (Văn Ngạn Bác) chưa hề gặp mặt, nhưng ông Chương nghe danh ông Văn là bậc lỗi lạc, vừa gặp gỡ bèn đề cử. Về sau, quả nhiên ông Văn xuất tướng, nhập tướng<sup>728</sup>. Dương Kính Chi yêu mến tài năng, công bằng, chánh trực, được biết danh tiếng của bậc nhân sĩ vùng Giang Biều (phía Nam

---

<sup>728</sup> Xuất tướng, nhập tướng (出將入相). Chữ Tướng thứ nhất là Tướng Quân, chữ Tướng thứ hai là Tể Tướng. Câu này có ý nói người ấy luôn nắm giữ quyền cao chức trọng. Ra ngoài sẽ là vị đại tướng cầm quân, vào triều sẽ làm Tể Tướng.

của sông Dương Tử) là Hạng Tư, liền đề tặng thơ rằng: “*Xứ xứ kiến thi, thi tổng hảo; cập quán tiêu cách quá ư thi, bình sanh vị giải tàng nhân thiện, đáo xứ phùng nhân thuyết Hạng Tư*” (Đọc khắp thơ ông đều tuyệt diệu, nhìn vào tư cách tuyệt hơn thơ. Suốt đời chẳng biết dìm người khác, khắp chốn gặp người khen Hạng Tư). Mấy vị ấy đều giống nhau, đề cử người khác hòng khích lệ nhân tài. Những kẻ chẳng thể vì nước cầu hiền, không chỉ là chèn ép những người sau, mà còn cắt đứt hạt giống tạo phước cho dân chúng! Than ôi! Biết đề cử người hiền thì là bậc chí nhân, vậy thì kẻ đố kỵ người hiền sẽ là phường đại ác!

*(Chánh văn) Mai cổ yểm<sup>729</sup> nhân, dụng dược sát thụ.*

**(正文)埋蟲厭人。用藥殺樹。**

*(Chánh văn: Chôn bùa ếm đối hại người. Dùng thuốc giết chết cây cối).*

Theo Huyền Đô Luật<sup>730</sup>, kẻ phạm lỗi đủ số hai ngàn bảy trăm chuyện thì tính là một điều hại, trong

---

<sup>729</sup> Chữ Yểm (厭) ở đây là cách viết theo lối giả tá của chữ Yểm (魘, ếm đối). “Cổ” (蠱) là một loại độc trùng, hoặc thuốc độc có tác dụng không chế người khác. Yểm vốn là dùng phù chú để trấn ếm vào đồ vật, hình nhân để gây họa cho người khác.

<sup>730</sup> Đây là quyển sách quy định về những luật lệ trong Đạo Giáo.

nhà kẻ ấy sẽ sanh ra thầy mo, bà cốt. Nhưng sanh ra thầy mo, bà cốt đã là do người đời trước tạo tội, nay [con cháu] lại chôn bùa ếm đối hại người khác, tức là khiến cho [quả báo] địa ngục [của kẻ ấy] càng thêm sâu. Nhưng kẻ nào dấy lòng sai khiến [người khác] làm chuyện ếm đối thì tội càng nặng hơn những tay phù thủy. Nếu có hạng người như vậy, phép vua sẽ xử chém, luật lệ cõi âm càng nghiêm khắc.

Đời Đường, có viên Chủ Bạ ở Vương Ốc là Công Tôn Xước. Khi ông ta đến nhậm chức, bỗng chết đột ngột. Một hôm, ông báo mộng cho quan huyện: “Tôi có nỗi oán hận, cầu trưởng quan giải oan cho tôi. Mạng tôi chưa đáng chết, bị nô tỳ ếm đối để thuận tiện trộm cắp. Nhà tôi ở Hà Âm, nếu trưởng quan có thể chọn bọn nha dịch tráng kiện, cầm trát đến bắt chúng, ắt chúng sẽ chẳng lọt lưới. Phía dưới hàng ngói thứ bảy đếm từ phía Đông của mái nhà tôi, có hình dạng của tôi làm bằng gỗ ngô đồng, đỉnh đóng kín trên ấy. [Do thời gian đã lâu, hình tượng ấy] đã bị biến đổi”. Hôm sau, quan huyện quả nhiên chọn lính khỏe mạnh cầm trát và gửi thư cho quan huyện Hà Âm, bắt hết bọn nô tỳ, và lục soát trên mái nhà, tìm được hình người dài hơn một thước, bị đóng đỉnh khắp thân, chất gỗ đã dần dần biến thành thịt, gõ vào thì có âm thanh đùng đục. Gạo thóc tích trữ trong nhà Công Tôn Xước đều bị trộm sạch, [quan huyện] bèn báo lên tri phủ, chúng đều bị xử cực hình. Phàm ác thuật yểm mị vốn phần lớn do bọn phụ nữ, tỳ thiếp làm ra. Ấy là vì bọn chúng muốn nhờ vào đó để chuyên quyền, hoặc được sung ái, so ra còn mạnh

mẽ hơn cái tâm tham lợi. Người thời nay hãy nên hết sức giữ cho bản thân chánh đáng, giữ yên gia đình, giữ môn hộ cẩn thận, chớ để bọn thầy bà, đồng cốt, tà giáo có thể ra vào, lui tới. Đây là phương cách để dứt tuyệt tận nguồn. Những kẻ đang làm quan cũng nên ra lệnh nghiêm ngặt lòng bắt bọn chúng để dứt tuyệt chuyện này, công ấy cũng chẳng nhỏ!

Một nhánh cỏ, một thân cây, đều là mầm sống của tạo vật. Ông Cao Sài thấy thảo mộc vừa mới tăng trưởng bèn chẳng bẻ, được Khổng Tử khen ngợi. Đức Phật dạy: *“Cây cối lâu năm, phần nhiều có quý thần nương gá, chớ nên khinh thường dẫn chặt. Hễ dẫn chặt, sẽ thường mắc họa”*. Dẫn chặt mà còn chẳng nên, huống hồ là dùng thuốc giết chết ư?

Như Vân Cù ở Đào Nguyên tánh âm hiểm, tàn độc, chẳng ưa hàng xóm, ngầm dùng thuốc độc giết chết sạch những cây ăn quả của người hàng xóm đã trồng. Một hôm, Vân Cù ra ngoài, trở về, trong lúc nhá nhem thấy ánh đèn lập lòe, binh lính, giáo mác tua tủa. Hắn bị bọn lính trói dẫn tới một khu rừng. Một vị thần trách mắng: *“Cỏ cây cũng là sanh mạng do trời cao ban tặng, sao mày lại giận tức giết chết? Phần nhiều là do ngũ tạng bất bình mà ra!”* [Vị thần] sai bọn lính mổ bụng hắn, lôi phổi, gan ra. Như Vân Cù kinh hoảng tỉnh giấc, bị chứng đau tim và đau bụng mà chết.

Trần Thức mời một thầy địa lý xem mộ tổ, thấy trước mộ có một cây to, vốn là cây trồng bên phần mộ

người khác. [Thầy địa lý] nghĩ cây sẽ che lấp “thiên tâm”<sup>731</sup>, cần phải chặt cây ấy đi thì mới có hy vọng đỗ đạt. Vì thế, ông ta khuyên ông Trần mua gai cá hồ để ngấm dùng chất độc giết chết cây. Ông Trần không chịu, nói: “Chúng ta đôi bên đều mong tốt lành, thuận lợi, huống chi cội cây to sum xuê sao lại nỡ giết chết?” Chưa đầy một năm, cội cây ấy bị gió to tróc gốc, thiên tâm rộng thênh thang, con ông là Khuê thi đỗ liên tiếp, làm đến Ngự Sử.

*(Chánh văn) Khuể nộ sư phó, để xúc phụ huynh.*

**(正文) 恚怒師傅。抵觸父兄。**

*(Chánh văn: Oán giận thầy dạy của chính mình, xung đột với cha anh).*

Điều này khác với “*mạn tiên sanh*” (khinh mạn thầy giáo) trong phần trước. “*Mạn*” (慢) là vô có mà ngạo mạn, còn ở đây là do thầy dạy bảo, quở trách mà tức giận. Đạo phụng sự thầy của cổ nhân là “chẳng trái phạm, chẳng giấu diếm thầy”. Hễ được thầy dạy bảo, thấy đều trống lòng dịu ý tiếp nhận, há có nên giận dữ? Kẻ tức giận ắt là phùng bạc đức, chẳng có phước vậy!

---

<sup>731</sup> “*Thiên tâm*” ở đây là thuật ngữ của Phong Thủy chỉ phần trung tâm của phần mộ.

Đời Minh, Ưông Hội Đạo tánh đỉnh ngộ, mắt nhìn qua sách liền thuộc. Tám tuổi đã có thể viết văn, nhưng phụng sự thầy bèn ngạo mạn dị thường. Hễ hơi trái ý, ắt giận dữ chửi bới sau lưng thầy. Một ngày, hắn ngồi một mình trong phòng học, bỗng ngáp to, trong miệng nhảy ra một con quỷ, chỉ Hội Đạo bảo: “Mày vốn là đồ đầu thiên hạ, do mày tức giận thầy mình, Thượng Đế đã gạch tên trong sổ lộc; tao cũng rời khỏi nơi đây”. Nói xong, chẳng thấy nữa. Hắn giờ xem những gì đã biên chép trước đó, mờ mịt chẳng biết một chữ nào.

Ngụy Chiêu thời Đông Hán, lúc còn bé gặp Quách Lâm Tông, nghĩ “*kinh sư dễ gặp, nhân sư khó gặp*”<sup>732</sup>, bèn xin được hầu hạ bên cạnh, quét tước, dọn dẹp. Lâm Tông bệnh, sai Ngụy Chiêu nấu cháo. Cháo nấu xong, dâng lên, Lâm Tông quở trách nặng nề: “Vì người bề trên nấu cháo, chẳng dốc lòng cung kính, khiến cháo nuột không nổi!” Ngụy Chiêu lại nấu cháo khác dâng lên, lại bị quở trách đến ba lần, Ngụy Chiêu chẳng đổi sắc mặt. Quách Lâm Tông nói: “Ta thoát đầu thấy mặt ông, từ nay trở đi mới biết tâm ông!”

Đời Tống, Đặng Chí làm thầy dạy tại trường tư thực, khéo khuyên dạy. Miệng không ngớt nói đến chuyện hiếu đễ, gặp người khác bèn dùng lòng thành, tận tâm dạy bảo. Thời Tống Thần Tông, con cả của ông là Oản làm Hàn Lâm Học Sĩ, con thứ là Tích và hai cháu nội đều đậu Tiến Sĩ một lượt. Mọi người đều nói

---

<sup>732</sup> Ý nói: Bậc thầy giảng dạy ý nghĩa kinh điển thì dễ gặp, nhưng bậc thầy có đủ tư cách hướng dẫn ta làm một người hoàn thiện thì khó gặp lắm.

đó là quả báo do ông đã dốc trọn lòng thành dạy dỗ. Trẻ nhỏ sanh trong nhà no ấm, khí chất của nó có thể biến hóa trong sáng tối, nhưng kẻ đã kiêu căng thành tánh, sẽ dễ mê muội, đọa lạc. Chỉ cốt sao người làm thầy, hãy dùng phương tiện khuyên dạy, khiến cho kẻ ấy khai ngộ. Hãy gắng lên!

“*Để xúc*” (抵觸, xung đột, chống trái, xúc phạm) cũng khác với “*ám vũ*” (暗侮, ngấm ngầm khinh nhờn). “*Ám vũ*” thì điều ác ẩn sâu, còn “*để xúc*” thì tội rành rành. Phạm trong ăn nói, cư xử, làm việc, hề có chuyện chẳng vừa ý vật vãnh bèn xung đột. Cha và anh đứng đầu trong ngũ luân, hiểu để đứng đầu đạo làm người. Chỉ nên cung kính, vâng theo, ăn nói nhỏ nhẹ, sắc mặt dịu dàng. Dầu cha có thiên vị, anh có lấn lướt, chỉ nên khéo léo giải thích, khuyên can, tự xét bản thân để tu tập. Vạn nhất [cha, anh] cứ chấp mê chẳng phản tỉnh, cũng nên hòa khí bình tâm. Lâu ngày họ sẽ tự nhiên hòa hảo. Nếu hơi có tức giận, sẽ dẫn đến xung đột, tức là trái nghịch luân lý, chẳng có chỗ dung thân trong vũ trụ vậy!

Đời Minh, Phí Hoàng ở Nga Hô cùng một người bạn đồng niên<sup>733</sup> đấu cờ vây, đùa giỡn tát má người ấy. Người bạn đồng niên không vui, Phí Hoàng hối lỗi, hằng ngày đến thỉnh tội, [người bạn ấy] trọn chẳng ra tiếp. Cha Phí Hoàng nghe chuyện, tức giận, đóng gói

---

<sup>733</sup> Đồng niên có hai cách hiểu:

1. Người có cùng lứa tuổi với mình.
2. Người đỗ đạt cùng khoa thi với mình.

một cái roi cật tre, gởi tới kinh đô, truyền Phí Hoằng tự đánh. Phí Hoằng cầm thư và roi cật tre, đến nhà người ấy, tự đánh ba lần, người bạn đồng niên mới ra tiếp, ôm đầu mà khóc. Phí Hoằng thưa: “Tội do tôi tạo, anh khóc làm gì?” Người bạn đồng niên nói: “Anh có cha đốc thúc, quở trách, tôi cầu có người đốc thúc, trách mắng mình mà chẳng thể được!” Đôi bên thân thiết như thuở đầu. Vì thế, ta thấy cha mẹ đã khuất, mà còn có thể gặp chuyện bèn xúc động, bi ai, ắt cũng biết [người ấy] sẽ chẳng nở lòng xúc phạm khi cha mẹ còn sống. Nhưng cha mẹ còn sống cố nhiên là chẳng thể sống lâu mãi được, đau đớn lắm thay!

Thôi Hiếu Vỹ đời Hậu Ngụy phụng sự anh là Hiếu Phân cung kính, thuận thảo trọn mọi bề. Ngồi, đứng, tiến, lùi chỉ nghe theo mạng lệnh của anh. Một đồng, một thước vải, chẳng cất giấu riêng, các bà vợ cũng thân ái với nhau, cũng là rất khó thấy trong đời hiện thời vậy.

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: - Người hiện thời bất hiếu với cha mẹ, chỉ vì chẳng chịu tự vấn lương tâm. Chỉ cần nghĩ cái thân này do đâu mà có, cha mẹ đi về đâu? Cảnh mới đã trở, gốc cũ bèn khô. Dầu nghèo hèn mà vẫn cung kính phụng dưỡng khiến cho cha mẹ hoan hỷ, làm sao có thể báo đáp? [Nghĩ như vậy], ắt hiếu tâm tự nhiên đau đáu [dấy lên].

Lại nói: - Người hiện thời chẳng tôn kính người bề trên, mà cũng chẳng chịu hồi tâm tự vấn, chỉ cần nghĩ



trong cõi thế gian mệnh mang này, sống trên đời được mấy chốc, trong cõi nhân gian mịt mờ, được mấy người là ruột thịt? Thuở bé thì cùng nhau giúp đỡ [trong cảnh khôn đốn], đến già thì nâng đỡ nhau, ắt tình nghĩa sẽ tự nhiên khăng khít, khẩn thiết!

Người đời hãy đọc kỹ, suy nghĩ cặn kẽ hai câu chuyện của ông Thôi và ông Phí, cũng như lời nói của ông Nhan, ắt sẽ nhất thời nước mắt ràn rụa, chân tánh bèn phơi bày trọn hết, lại cần gì phải kể ra những quả báo vì xung đột, xúc phạm nữa ư?

*(Chánh văn) Cường thủ cường cầu, hiếu xâm, hiếu đoạt.*

**(正文)強取強求。好侵好奪。**

*(Chánh văn: Đoạt ngang, cướp cạn, thích xâm lấn, thích chiếm đoạt).*

Phần số chẳng đáng có, mà cứ ắt muốn đạt được thì gọi là Cường (強). Lấy những thứ của người khác để cung cấp cho chính mình là Thủ (取). Do vì chính mình mà nhờ cậy người khác thì gọi là Cầu (求). Dùng quỷ kế để ngấm ngầm chiếm lấy thì gọi là Xâm (侵). Cậy

thế chiếm lấy công khai thì gọi là Đoạt (奪). Đạt được như thế, sẽ khó thể tiêu thụ, ắt sẽ là ngay cả những gì vốn có cũng bị mất luôn!

Trịnh Tuyên nói: - Tôi thấy tiền bạc là món vật mọi người đều yêu mến, ắt sẽ tranh giành. Cốt nhục bởi nó mà dẫn đến gây hấn. Hàng quan lại do tiền mà danh tiếng suy bại. Con buôn vì thứ này mà mất mạng. Phò phường do tiền mà đầu đá, chém giết. Nó chột đến, chột đi, thoáng sang, thoát hèn, lung lạc suốt một đời. Nói chung, [tiền bạc đem lại] phước cho con người thì ít, mà dẫn đến họa cho con người thì nhiều. Tôi đã từng nhìn kỹ hình dạng của nó, [trong chữ Tiền (錢)], bên cạnh chữ Kim (金) là chữ Qua (戈, cái giáo), đúng là vật giết người! [Thế mà] người ta chẳng tỉnh. Ôi! Tiền ơi, tiền hỡi, do ta nghèo túng, cầu người nuôi sống ta mà chẳng thể được! Vì thế, ta đành bó tay với người! Do ta nghèo hèn, người muốn giết ta mà cũng chẳng thể được, há người có thể làm gì được ta ư?

Vệ công Triệu Hùng lúc còn hàn vi, nghèo khổ nhất. Mẹ còn sống mà không có gì để phụng dưỡng mẹ sống qua ngày, vợ chồng nhìn nhau khóc. Hôm sau, quét đất, nhặt được một nén bạc, nặng hai mươi lăm lượng bèn có thể sống tạm. Về sau, ông đạt đến địa vị Tể Tướng, theo lệ, [tiền lương là] một trăm đỉnh bạc; [khi nhận bạc], bị thiếu mất một đỉnh. Ông sắp sửa vặn hỏi người giữ kho, thì đêm mộng thấy thần bảo: “Vào ngày tháng năm đó, tướng công đã mượn dùng trước

một đỉnh”. Ôi! Trong mạng có tiền tài, thời vận chưa đến, còn chẳng thể ra sức giành giật được, hưởng hơ [trong vận mạng] vốn chẳng có mà cứ cưỡng chiếm ư!

Tại Giang Tây, Triệu Thượng Thư sống gần nhà ông Thường Tĩnh Nguyên. Ông Thường có một mảnh vườn hết sức tao nhã. Họ Triệu dùng đủ mọi kế cưỡng chiếm, ông Thường bèn lập văn khế tặng cho họ Triệu, đề bài thơ đằng sau [tờ văn khế] rằng:

*Càn khôn đảo xứ thị ngô đình,*

*Cơ giới từng lai vị tất chân,*

*Phúc vũ phiên vân thành để sự,*

*Thanh phong hạo nguyệt lãnh khan (khán) nhân,*

*Lan Đình hể sự kim phi Tấn,*

*Đào động hoa thân dã tiếu Tần,*

*Viên thị chủ nhân, thân thị khách,*

*Vấn quân hoàn hữu kỷ niên xuân?*

(Tạm dịch:

Đất trời mọi chốn vốn vườn nhà,

Mưu mẹo giành về há thật a?

Đảo lộn mây mưa hồng đoạt lấy,

Trăng trong gió mát vẫn ơ hờ.

Buổi tể Lan Đình thành quá khứ<sup>734</sup>,

Thần hoa Đào Động vẫn cười Tần<sup>735</sup>,

Vườn là chủ nhân, ta khách trọ,

Hỏi chàng còn được mấy năm xuân?)

Ông Triệu nhận được bài thơ, hối hận, tạ ơn, từ chối, chẳng dám nhận [khu vườn ấy]. Về sau, ông Thường đậu cao. Ông Thường dùng đức để khiến cho người khác cảm động, ông Triệu dũng mãnh hối lỗi; hiện thời, hiếm có kẻ được như hai vị ấy.

Dương X... ở Côn Sơn một hôm ngồi ở cửa, thấy một phụ nữ đi qua, đánh rơi cái trâm bằng bạc xuống đá lót đường, vang tiếng leng keng. Cụ vội đến xem, thấy là một con giun (con trùn). Do dự một hồi lâu, bỗng có một người đàn ông đi qua, nhặt lấy. Cụ Dương

---

<sup>734</sup> Lan Đình (蘭亭) là tên một cái đình nơi Vương Hy Chi cử hành tể lễ; nhân đó, sáng tác bài Lan Đình Thiếp lòng danh. “*Hễ sự*” (禊事) là một nghi lễ thời cổ, được cử hành vào tháng Ba. Thời cổ, khi tiết trời đã ấm, mọi người tụ họp tể thần, xuống chỗ có nước để vốc nước gột rửa, hàm ý tẩy trừ mọi nỗi xui xẻo, bất hạnh của năm qua. Trong phần đầu bài Lan Đình Tập Tự, Vương Hy Chi đã ghi rõ: “*Vĩnh Hòa cửu niên, tuế tại Quý Sửu, mộ xuân chi sơ, hội ư Cối Kê Sơn Âm chi Lan Đình, tu hễ sự dã*” (năm Vĩnh Hòa thứ chín, nhằm năm Quý Sửu, mới đầu tháng Ba, họp nhau ở huyện Sơn Âm thuộc Cối Kê để cử hành hễ sự). Đây là chuyện thuộc thời Tấn, thiếp Lan Đình nổi tiếng như thế, được ngưỡng mộ như thế, nhưng hiện thời đã chẳng còn là thời Tấn.

<sup>735</sup> Theo Đào Nguyên Ký, có người đi lạc vào Đào Nguyên, mới biết cư dân trong ấy là hậu duệ của những người do lánh nạn Tần Thủy Hoàng mà vào đó sống, cách biệt với nhân gian. Họ vẫn chê cười Tần Thủy Hoàng hà khắc, bạc ác, tuy Tần Thủy Hoàng đã chết lâu lắm rồi!

lớn tiếng bảo: “Đây là cái trâm do ta đánh rơi”. Người ấy biết là xạo, rảo bước bỏ đi. Cụ Dương [cứ quần lấy] không buông, người ấy lấy ra hai phân bạc, dùng một nửa để mua cá, giao cho cụ nửa phân kia, dặn: “Ông già đừng [khiến cho tôi] vướng bận chân tay nữa, hãy dùng bạc này để mua rượu, nấu cá, nhậu cho đã một tối là được rồi”. Cụ Dương quay về, sai con dâu nấu cá. Trong khi đang hâm rượu, con mèo nhà hàng xóm bỗng ngậm cá tha đi. Người con dâu vội lấy gậy phang mèo; do đó, rượu bị đổ sạch, mà vật dụng đựng cá cũng vỡ nát. Trâm hóa thành giun, dường như là chuyện đáng nên tỉnh ngộ, thế mà vẫn cứ cưỡng lấy, có thể ăn được hay chẳng? Ôi chao! Kẻ tham lam! Ôi chao! Kẻ bạc mạng. Việc nhỏ [mà còn] như thế, vậy thì cũng biết chuyện lớn [là như thế nào]!

Ở huyện Ngân, có gã họ Lục gian trá, giàu có. Do sản nghiệp của họ Trịnh ở gần nhà hắn, họ Lục bèn ngấm ngấm tính kế xâm chiếm. [Đã đoạt được], bèn san bằng ngôi nhà [của họ Trịnh] để kiến tạo thành vườn hoa theo lối cung đình, chỉ chừa lại một cội cây đẹp nhất. Về sau, họ Lục sanh được một trai, nó đã lên năm mà câm bặt, chẳng thể nói. Bỗng một hôm, nó chỉ cội cây, nói: “Cây ơi! Nay mày vẫn còn đó à?” Người nhà hết sức kinh hãi; nó nói xong lại câm. Chữa trị đủ kiểu, trọn chẳng thốt ra một tiếng nào. Đến khi khôn lớn, nó hoang dâm, ăn chơi, kiêu ngạo, khi gia sản đã khánh kiệt bèn chết. Người ta nói nó là hậu thân của họ Trịnh.

Đời Minh, Vương sanh ở Nam Đô tánh tham lam, thô bỉ. Người bác họ của hấn đã chết, không có con, nhưng đã có người thừa kế. Vương sanh nhòm ngó gia sản của ông ta, muốn cưỡng chiếm. Thừa kiện suốt mấy năm, gặp phải vị quan xét xử giữ đúng lẽ công bằng, hơi trấn áp hấn, hấn liền nhục mạ, hủy báng không ngớt. Năm ấy, khi hấn dự khóa thi mùa Thu, khéo sao, vị quan từng thẩm vấn hấn lại làm chủ khảo. Các giám khảo đã chấm văn bài của hấn đậu hạng nhất, [niêm phong quyền văn, trình lên quan chủ khảo]. Tới khi [quan chủ khảo] rọc niêm phong ra coi, thấy tên của thí sinh chính là gã đã chiếm đoạt cơ nghiệp [của người bác họ] khi trước, bèn quăng đi, loại bỏ tên hấn.

*(Chánh văn) Lỗ lược trí phú, xảo trá cầu thiên.*

**(正文)擄掠致富，巧詐求遷。**

*(Chánh văn: Cướp bóc để trở nên giàu có. Xảo trá để cầu thăng quan tấn chức).*

Nói đến “lỗ lược” (擄掠, cướp bóc), chẳng phải là do [áp dụng phương thức] chiến tranh [để chiếm đoạt] thì làm sao quý vị đạt được? Nhưng kẻ làm quan bóc lột dân chúng, lén lút rút công quỹ, hoặc bọn cường hào ác bá cho vay lãi nặng, đều là “lỗ lược”. Dùng

kiểu ấy để làm giàu, ắt sẽ dẫn đến chuyện nhà tan cửa nát, gia đình chia lìa, vợ gào, con khóc có thừa; há có thể an hưởng? Chẳng nghe nói đến chuyện “*heo đất*” (撲滿, phác mãn) ư? Hệu (鋤) như trong Hán Thư đã nói chính là cái “*muộn hồ lô*” (悶葫蘆, heo đất, ông để dành tiền) trong hiện thời, làm bằng gốm. Phía trên vật ấy có khe hở, chỉ có thể bỏ [tiền] vào, chẳng thể lấy ra. Người ta dùng nó để dành tiền, đợi đến khi nó đã đầy (滿, mãn), bèn đập ra (撲, phác) để lấy tiền. Vì thế, gọi là “*phác mãn*”. Trong khi để dành, chỉ sợ nó chẳng đầy; tới khi nó đã đầy tiền, đập vỡ rồi thôi. Bình vỡ, tiền chẳng còn, hai bên đều trở thành hư huyền! Cát chứa cho lắm, về sau mất đi, có khác gì chuyện này?

Đời Tống, Lộ Công Văn Ngạn Bác được cử trông coi Trường An. Một hôm, ông đến đập Bôn Ngưu, có một con trâu dùng để chở đất đắp đập nói tiếng người: “Ta và Văn Ngạn Bác làm quan đồng triều hai mươi năm, nay ta còn mặt mũi gì để nhìn ông ta?” Lính canh đập thừa trình chuyện ấy, ông bảo dắt con trâu ấy tới. Con trâu tới nơi, nằm mọp xuống đất, cúi gằm đầu, tuôn nước mắt như mưa. Ông than dài: “Vị này lúc còn sống đã bòn rút công quỹ, nay mắc phải báo ứng này”. Do vậy, ông bảo người giữ kho trong nhà mình bỏ ra hai mươi quan tiền để tăng thêm lượng thức ăn cho con trâu ấy. Phàm công quỹ là do dân đóng góp, [viên quan tham ô công quỹ] biến thành con trâu chở đất đắp đập

đề đền trả dân chúng. Kẻ đọc đến chuyện này, hãy nên suy nghĩ!

Đới Văn tánh tham lam. Mỗi lần, hấn cho kẻ khác vay tiền, đều tính lãi nặng gấp mấy lần để bóc lột. Nếu trả nợ hơi trễ, liền đích thân đến chèn ép thúc nợ. Nợ nhiều thì xiết ruộng nương, nhà cửa, con cái; nợ ít thì quần áo, đồ trang sức, gia súc, thả đều dọn sạch. Tới khi hấn chết, sanh làm trâu trong nhà hàng xóm, dưới hông có lông trắng, ghi hai chữ Đới Văn. Hàng xóm đều mượn nó để cày ruộng. Có người đã từng bị [Đới Văn] tước đoạt [khi hấn còn sống], cho nên sai khiến, đày đọa [con trâu] tàn nhẫn!

Một gã bán dầu ở Tô Châu đến một nhà giàu có, trông thấy một đứa bé năm tuổi đội mũ gắn chân châu, đeo vòng vàng, bèn dấy lòng ác, ôm nó tới chỗ vắng vẻ, giết chết. Do vậy, hấn bỗng trở nên giàu có. Hấn sanh một đứa con, giống hệt như đứa bé đã bị giết, cho nên trong tâm hấn rất ghét nó. Tới khi đứa con năm tuổi, gã bán dầu trong tháng Hè bỗng ngủ [gà gật], đứa bé rút cây trâm bằng bạc trong búi tóc, giõn hột chọc vào ngực hấn. Gã đó ngỡ là ruồi bu, giơ tay đập một phát, trâm xuyên thủng ngực mà chết. Xem câu chuyện này, [phải biết] người hiện thời dùng vàng ngọc trang hoàng cho con cái cũng phải nên thận trọng!

Bậc quân tử hễ dự vào hàng quan lại, hãy nên coi “*trung trực, công bằng, thanh liêm*” là chuyện thuộc về phận sự của chính mình. Nay cũng vì cầu được thiên



chuyên, thăng chức mà xảo trá, ắt tâm thuật chẳng đoan chánh đến tột cùng! Đặt kẻ ấy trong triều, ắt hấn sẽ chẳng tận trung, chẳng công bằng; đưa hấn ra cai trị dân, hấn làm sao có thể liêm khiết cho được? Vì thế, đức Thái Thượng đặc biệt răn nhắc. Huống chi trong đời người, công danh và tánh tình nhanh nhẹn hay chậm chạp đã được định sẵn từ lúc mới sanh ra, dầu lo toan, chạy vạy suốt đời, chẳng thêm được mảy may nào, chỉ tạo trò cười cho người thông đạt, bị quỷ thần quả trách!

Thời vua Tống Hiếu Vũ nhà Lưu Tống, Đới Pháp Minh, Đới Minh Bảo, và Sào Thượng Chi là ba kẻ nắm trọng quyền thuở ấy. Hễ kẻ nào được họ tiến dẫn, hoặc những điều họ nói ra, không gì chẳng được [vua chuẩn tấu] thực hiện. Chỉ có mình ông Cố Khải Chi chẳng chịu xu phụ [bọn chúng]. Ông từng nói: “Vận mạng đã được ấn định sẵn, chẳng phải là do trí lực mà có thể đòi được. Chỉ nên cung kính, kiềm chế bản thân, giữ đạo. Nếu do xảo quyết, hư vọng mà may mắn đạt được, chỉ là chôn vùi tiết tháo đó thôi, liên quan gì đến chuyện được mất? Nếu có kẻ thấy nói kiểu này bèn hỏi tôi: ‘Thời nay thường có kẻ dùng mưu trí để đạt được quan chức là vì lẽ nào?’ Thưa rằng, vẫn là do mạng. Tuy nhiên, dùng phương pháp quỷ quyết để bắt chim, bực quân tử ắt chẳng làm!”

Năm Ất Ty (1665) đòi Khang Hy nhà Thanh, gã họ Kê ở huyện Sơn Âm được cử làm dịch thừa<sup>736</sup> tại Long Giang Kiều tỉnh Vân Nam. Hắn sợ xa xôi, chẳng muốn đi. Có người dân bán rượu họ Châu, gia cảnh thuộc loại đủ ăn, họ Kê từng chủ động đến nhà anh ta, bảo: “Người đưa cho ta hai trăm lạng, ta sẽ trao văn bằng cho người”. Họ Châu trong lòng rất cao hứng, liền trao tiền, nhận bằng. Người ấy đến nhận chức, khéo sao phủ quân (quan Thái Thú) đã quen biết với anh ta từ trước, luôn giao phó cho [anh ta] những công tác tốt đẹp. [Anh ta] làm năm năm bèn có được mấy ngàn lạng. Họ Châu đã mãn nguyện, bèn viện có bệnh tật để xin về. Gã họ Kê sau khi nhận được vàng, lại đổi tên, vào làm việc ở bộ Lại. Tới khi ông Châu đã xin về, họ Kê lại được phái đảm nhận chức vụ ấy. [Trước khi đó], có một đêm nọ, hắn đi nhà xí, thấy hai người áo xanh nói với nhau: “Gã này là quan gì vậy?” Đáp: “Quan coi dịch trạm tại Long Giang Kiều”. Nói xong, không thấy đâu nữa. Đến khi tới nhậm chức, [họ Kê] lại được bổ về Long Giang Kiều! Hắn vừa mới nhậm chức, Ngô Tam Quế<sup>737</sup> làm phản triều đình, chẳng biết [họ Kê] có kết cục như thế nào!

---

<sup>736</sup> Dịch Thừa (驛丞): Chức vụ quản lý các dịch trạm, truyền tải văn thư, tấu chương. Đòi Minh - Thanh, mỗi phủ, châu, huyện đều có một người đặc trách quản lý dịch phu chuyển giao công văn, người ấy được gọi là Dịch Thừa.

<sup>737</sup> Ngô Tam Quế, tự là Trường Bạch, hay Trường Bá, làm Tổng Bình nhà Minh. Ngô Tam Quế được giao nhiệm vụ trấn giữ Sơn Hải Quan để chống quân Thanh. Năm Sùng Trinh thứ mười bảy (1644), Sấm Vương Lý Tự Thành làm phản, toan lật đổ nhà Minh, vua Sùng Trinh phong cho Ngô Tam Quế làm Bình Tây Vương, truyền hịch gọi hắn về kinh đô cứu viện. Ngô Tam Quế kéo quân về không kịp, Lý Tự Thành đã chiếm Bắc Kinh, vua Sùng Trinh tự vẫn tại Cảnh Sơn. Lý Tự Thành

Đời Thanh, Tiền Bang Khởi ở Đơn Đồ nói: - Phàm nhân luôn có tác dụng thông thiên, rốt cuộc thì làm thế nào để có thể tranh đua với số phận đã định? Chỉ có một cách là dùng âm chất, ắt có thể vặn hồi số phận đã định. Hôm qua làm, hôm nay có hiệu nghiệm; buổi sáng làm, buổi tối có hiệu nghiệm. Báo ứng trong cõi âm nhanh chóng nhất, sự giám sát của thần minh tột bậc rõ rệt. Đây chính là đường lối không gì nhanh chóng bằng! Kẻ có tâm hể thử sẽ biết ngay!

*(Chánh văn) Thưởng phạt bất bình, dật lạc quá tiết.*

**(正文)賞罰不平。逸樂過節。**

*(Chánh văn: Thưởng phạt chẳng công bằng, hưởng lạc quá độ).*

---

lên làm vua, đã nhiều lần dụ Tam Quế đầu hàng. Tam Quế do dự, muốn đầu hàng, nhưng khi hay tin Lý Tự Thành chiếm mất ái thiếp Trần Viên Viên, hấn bèn đầu hàng quân Thanh, mở cửa ải dẫn quân Thanh xâm chiếm Trung Hoa. Do công lao bán nước ấy, Ngô Tam Quế được phong làm Bình Tây Vương trấn thủ Vân Nam, cùng với Bình Nam Vương Thượng Khả Hỷ ở Quảng Đông và Tĩnh Nam Vương Cảnh Tinh Trung ở Phước Kiến là ba tên Hán gian làm phen giầu cho nhà Thanh, Thanh Sử thường gọi bọn chúng là Tam Phiên. Do ba người này đều là hàng tướng nhà Minh, đều nắm giữ binh quyền và có thế lực mạnh mẽ, lại thuộc những vùng đất trù phú, cho nên vua Khang Hy nhà Thanh quyết chí dẹp Tam Phiên. E ngại trước những biện pháp quyết liệt của triều đình, Ngô Tam Quế làm phản, chiếm giữ các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông, Phước Kiến, Hồ Nam, Tứ Xuyên v.v... Với chánh sách khôn ngoan, vua Khang Hy đã dần dần xé lẻ thế lực loạn quân, vây bức Ngô Tam Quế phải rút về Vân Nam cố thủ rồi chết ở đó vì tuổi già.

[Trùng phạt tội lỗi và tưởng thưởng công lao] quá nhẹ hay quá nặng, chỉ cần hơi phạm sai lầm một phần, sẽ là chẳng công bằng. Chẳng giữ công đạo (lẽ công bằng), lòng người chẳng phục. [Như thế thì] không chỉ là chẳng thể biểu dương công lao, trùng phạt tội lỗi, mà còn đâm ra tạo thành oán hận chất chứa, chuốc lấy tai họa.

Đời Thục Hán, Gia Cát Khổng Minh nói: “*Tâm ta như cái cân, chớ nên vì một ai mà [thiên vị] nặng nhẹ*”. Trần Thọ khen ngợi [Khổng Minh] như sau: “Đối với kẻ tận trung, có lợi cho triều chánh, thời thế, dầu là kẻ oán cừu, [Khổng Minh] ắt tưởng thưởng. Kẻ phạm pháp, bê trễ [trong chức vụ], dầu là người thân, ông ta ắt trừng phạt. Đối với kẻ đã nhận tội, biểu lộ sự chân thành, dầu phạm tội nặng, ông ta ắt tha. Kẻ ăn nói khoác lác, xảo trá, màu mè, dầu phạm tội nhẹ, ắt bị ông ta xử tử. Vì thế, các tướng thuở ấy đều phục vụ quên thân. Dầu Ngụy Diên là phường phản trắc, vẫn vâng phục [Khổng Minh], chẳng nói đôi co. Lý Bình, Liêu Lập bị ông ta bãi truất mà suốt đời chẳng có một câu oán hận”. Kẻ nắm giữ trách nhiệm thưởng phạt hãy noi theo gương ấy.

Dật lặc là chuyện ai nấy đều cùng ham muốn. Lễ Ký chép: “*Lạc bất khả cực, dục bất khả tưng*” (Lạc chớ nên đạt tới tột cùng, dục chớ nên luông tuồng). Sách Quốc Ngữ<sup>738</sup> chép: “*Dân lao tắc tư thiện, dật tắc*

---

<sup>738</sup> Sách Quốc Ngữ (國語) còn gọi là Xuân Thu Ngoại Truyện, chép về sự tích, ngôn luận của các nhân vật thuộc tám nước Châu, Lỗ, Tề, Tấn, Trịnh, Sở, Ngô, và

*tư dân*” (Dân chúng vất vả sẽ nghĩ đến điều lành, nhàn rồi sẽ nghĩ đến dân), tức là chẳng mong dân chúng nhàn rồi. Mạnh Tử nói: “*Nhân sanh ư ưu hoạn, tử ư an lạc*” (Người ta do biết lo âu mà sống, quá lo hưởng yên vui sẽ chết), tức là chẳng mong người ta hưởng an vui suông, hưởng hồ quá mức ư! Nhưng cội nguồn của sự dật lạc trong thế giới, nói chung chẳng có gì lớn hơn tửu, sắc, tài, khí (氣, buông lung theo ý thích). Người thời nay ham mê rượu, chẳng đoái hoài thân thể! Kẻ háo sắc sẽ chẳng màng bệnh tật. Kẻ tham tài sẽ chẳng đoái hoài thân thuộc. Kẻ xử sự buông lung theo ý thích, sẽ chẳng quan tâm đến tánh mạng. Trước khi gặp phải những thứ ấy, ai nấy đều có thể tự hiểu [những đạo lý ấy], mà cũng có thể khuyên bảo kẻ khác. Cho đến lúc những cảnh ngộ [dụ dỗ, mê hoặc ấy] đưa đến trước mặt, sẽ mê muội, tự mình phạm phải. Chỉ là tuy thấy thấu suốt, nhưng chẳng thể nhẫn được. Nếu có thể thấu hiểu bốn chữ “*dật lạc quá tiết*”, ắt sẽ có thể sửa đổi những thói hư tật xấu. Kẻ có thể ở trong những cảnh ngộ [tửu, sắc, tài, khí] rất thân thuộc mà quên bẵng, đạt đến mức độ “*ít ham muốn, tâm trong lặng*” thì sẽ có thể đội trời, đạp đất.

Hòa thượng Chí Công bàn luận cùng Lương Vũ Đế về lạc sự. Sư xin nhà vua thả mấy người tử tù để làm thí nghiệm. [Người hầu] đã đem các tử tù đến, Sư liền bảo họ mỗi người bung một chén nước đầy áp đi

---

Việt thời Xuân Thu. Bộ sách này do Tả Khâu Minh biên soạn, có tác dụng giống như bộ Tả Truyện nhằm giải thích những sự kiện được chép trong kinh Xuân Thu. Khi biên soạn bộ Sử Ký, Tư Mã Thiên đã dùng nhiều dữ liệu từ bộ sách này.

một vòng trong cung, căn dặn: “Nếu chẳng làm sánh nước ra ngoài, sẽ tha tội chết cho người”. Dặn dò xong, bèn sai tấu nhạc để động tâm họ. Hồi lâu xem lại, chẳng có giọt nước nào văng ra ngoài. Vua thở dài, hỏi [tử tù]: “Người có nghe nhạc hay không?” [Kẻ đó] tâu: “Không nghe ạ!” Sư nói: “Bọn họ chính vì sợ chết, chỉ e nước tràn ra ngoài, làm sao còn nghe nhạc cho nổi!” Người nào có thể luôn giữ lòng kiên sợ như thế, ắt cái tâm buông lung hưởng lạc sẽ tự nhiên chẳng sanh!

Vu Thiết Tiều nói: - Chuyên ròng siêng gắng như vận chuyển ngôi, dè dặt như đi trên vực băng. Hào kiệt, thánh hiền, không ai đều chẳng như thế, ta là hạng người nào mà dám an vui, xa xỉ? Kinh Dịch chép: “*Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức*” (Trời vận hành chánh đáng, bậc quân tử hãy nên học tập tinh thần tự cường chẳng ngưng nghỉ ấy)<sup>739</sup>. Chỉ vì con người không dốc chí tự cường, cho nên mới ơ hờ đối với những chuyện liên quan bức thiết đến thân thể, cứ mong nhàn hạ cho qua ngày tháng. Nếu có chí tự cường, thì những chuyện bản thân ta đáng nên làm sẽ là vô cùng, vô tận, thật sự chỉ cảm thấy chẳng đủ thời gian, chẳng rảnh đâu để vui sướng, mà cũng chẳng dám buông lung!

Đời Tống, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) nói: - Ta mỗi đêm khi sắp ngủ, ắt tính toán chi phí dành cho ăn uống suốt ngày từ tiền bổng lộc và [so sánh với] những việc đã làm được trong ngày. Nếu

---

<sup>739</sup> Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của ông Hoàng Bách Lâm.

tương xứng, ắt sẽ ngủ sâu, yên giấc, chẳng còn hồ thẹn. Nếu như chẳng tương xứng, suốt đêm sẽ chẳng thể yên giấc.

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công nói: - Lúc cha ta làm quận phán (郡判, quận mục phán quan), khách đến thăm bèn mời rượu, hoặc là [mời cạn ly] ba lượt, hoặc năm lượt, chẳng hơn bảy lượt. Rượu mua ngoài chợ, quả hạt [để nhắm rượu] chỉ là lê, hạt dẻ, táo, hồng. Cỗ bàn chỉ là canh rau nấu thịt khô, hoặc thịt muối. Chén bát chỉ dùng loại bằng sành hoặc tre, gỗ. Sĩ phu thuở ấy toàn là như vậy, chẳng có ai phê phán!

Đời Tống, Cừu Thái Nhiên làm tri huyện Tứ Minh, rất tương đắc với một thuộc quan (屬官, quan lại dưới quyền). Một hôm, ông hỏi người ấy về chi phí tiêu dùng hằng ngày. Người ấy thưa: “Nhà tôi có mười người, mỗi ngày tốn hết một ngàn đồng”. Thái Nhiên hỏi: “Sao dùng nhiều thế?” Người ấy thưa: “Bữa sáng có chút thịt, buổi tối thì canh rau”. Thái Nhiên kinh hãi, bảo: “Ta làm Thái Thú mà thường xuyên ăn rau. Ông bữa nào cũng ăn thịt, chắc chắn không phải là kẻ thanh liêm rồi”, bèn lợt lạt với người ấy.

Đời Nguyên, có hai sinh viên trường Thái Học, sanh cùng ngày, giờ, tháng, năm, cùng đỗ khoa thi Hương, cùng được chọn làm quan. Một người được bổ làm Giáo Thụ ở Ngạc Châu, người kia được bổ làm Giáo Thụ ở Hoàng Châu. Không lâu sau, người ở Hoàng Châu chết. Người ở Ngạc Châu hết sức sợ hãi,

sắp đặt sẵn hậu sự. Vài ngày sau, vẫn chẳng chết, bèn sắp đặt lễ vật đến phúng điệu [người ở Hoàng Châu], khóc rằng: “Ông và tôi sanh cùng ngày, giờ, tháng, năm, lại cùng đồ đạc, ra làm quan. Nay ông qua đời trước tôi, [chắc là] tôi cũng sắp chết. Nay đã sau bảy ngày rồi, nếu có linh thiêng, hãy nên báo mộng cho tôi”. Đêm đến, ông ta mộng thấy người ở Hoàng Châu bảo: “Ông đối với mọi việc đều tiết kiệm, cho nên sống thọ. Tôi hưởng dụng quá lố, nên yếu thọ!”

Đời Lương có kẻ giàu có họ Ngu, dựng một tòa lầu cao bên đường lớn, ngày đêm cùng mỹ nhân ca xướng, tiệc tùng, cờ bạc, chơi cờ vây trên đó. [Có một lần, trong đám khách khứa], có người thắng bạc đang bung miệng mà cười, vừa khéo có ba người khách đi qua dưới lầu, có một con chim ưng ngậm chuột chết thối nát [bay qua], làm rơi xuống thân mấy người khách đó. Khách ngẩng đầu lên nhằm đúng lúc kẻ đó đang cười, [ngỡ kẻ đó ném chuột lên người họ], hết sức giận dữ nói: “Họ Ngu giàu sang, sung sướng đã lâu rồi! Tao không xâm phạm nó, sao nó lại [xúi người khác] làm nhục tao?” Họ bèn kéo bè đảng đến tiêu diệt nhà ấy.

Cổ Tích Trù nói: “Dẫu chẳng dựng lầu cao bên đường lớn, cũng sẽ bị tai họa lạ lùng!” Đó gọi là tai ương do thói kiêu căng, xa xỉ mà ra. Nguyên nhân dẫn đến tai họa chẳng phải chỉ là một thứ, nhưng trong các tai họa do thói kiêu căng, xa hoa gây nên, chỉ có nữ sắc là khốc liệt nhất, là nhanh chóng nhất, càng phải nên ngăn ngừa trước tiên! Vụ Thật Dã Phu nói: “*Da bọc*



*xương thịt và ô uế. Gắng sức yêu kiều mê hoặc người. Thiên cổ anh hùng thường mắc họa. Trăm năm rồi cũng hố tro thôi”. Nếu ai có thể biết được lý này, và [lãnh hội những giáo huấn] từ những phần chú giải cho câu “kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi” (thấy sắc đẹp của vợ con người khác bèn dấy lòng toan dan díu) và “dâm dục quá độ”, kính cẩn vâng giữ những răn dạy ấy, ắt sắc đẹp nào cũng trở thành rỗng tuếch, mới hòng tránh khỏi họa hoạn do phóng túng hưởng lạc vậy!*

*(Chánh văn) Hà ngược kỳ hạ, khủng hách ư tha.*

**(正文)苛虐其下。恐嚇於他。**

*(Chánh văn: Hà khắc, ngược đãi cấp dưới, đe dọa người khác).*

Kẻ ở địa vị trên mà tàn khốc, ngược đãi thuộc hạ và dân chúng; ở trong nhà thì đánh đập tôi tớ quá đáng, đều là “*hà ngược*” (苛虐, hà khắc, ngược đãi). Làm cấp trên mà ngược đãi thuộc hạ, trong các phần trước của tác phẩm này đã nói tường tận. Vì thế, ở đây, chỉ nói tường tận về chuyện đối đãi với kẻ dưới trong nhà.

Đức Phật bảo Thi Ca La Việt<sup>740</sup>: “*Hết thấy người đời đời đời nô bộc, hãy nên có năm sự:*

*1) Một là trước hết hãy nên biết họ đói, khát, lạnh, nóng [như thế nào] rồi mới sai khiến.*

*2) Hai là đối với kẻ có bệnh, hãy nên điều trị.*

*3) Ba là chẳng được xằng bậy đánh đập. Hãy nên hỏi han [để biết rõ] thật, hư, sau đấy mới trách phạt, trừng trị. Có thể tha thứ thì hãy tha thứ. Chẳng thể tha thứ thì mới giáo huấn, trừng phạt.*

*4) Bốn là nếu họ có đôi chút tài sản riêng, chẳng được tước đoạt.*

*5) Năm là cho họ đồ vật gì, hãy giữ sao cho bình đẳng, chớ nên thiên vị, thiếu công bằng”.*

Sách Viên Thi Thế Phạm<sup>741</sup> viết: - Kẻ tôi đòi, đầy tớ phần nhiều bầm tánh ngu tối, làm việc hay sai sót, tánh lại dễ quên. Dặn dò công việc, họ chẳng ghi nhớ trọn vẹn. Cá tánh phần nhiều lại hay thiên chấp, nếu chẳng phải là kẻ hay tự cho mình là đúng, thì tánh tình

---

<sup>740</sup> Thi Ca La Việt (Śīgalovāda) là con của một vị trưởng giả, dịch theo nghĩa tiếng Hán, sẽ là Thiện Sanh đồng tử. Thi Ca La Việt mỗi sáng tuân theo lời cha dạy mà lễ bái sáu phương, nhưng chẳng hiểu vì sao phải làm như vậy. Đức Phật trông thấy, bèn dạy Thiện Sanh ý nghĩa của việc lễ sáu phương. Chẳng hạn như phương Đông là phải cung kính với cha mẹ... Những lời dạy ấy được chép lại thành bộ Phật Thuyết Thi Ca La Việt Lục Phương Lễ Kinh.

<sup>741</sup> Viên Thi Thế Phạm là tác phẩm gồm ba quyển do Viên Thái biên soạn vào đời Nam Tống, thoát đầu đặt tên là Tục Huấn, về sau đổi thành Thế Phạm (khuôn phép cư xử trong cõi đời). Sách ghi lại những lời dạy về cách đối nhân xử thế đúng lý, đúng tình, phù hợp đạo đức, và thuần phong mỹ tục.

lại hay ương bướng, ăn nói bừa bãi, chẳng biết tôn ty. Phàm là bậc gia trưởng, trong khi sai khiến họ, hãy nên đối xử bằng lòng khoan dung, giáo huấn nhiều phen, chớ nên giận dữ, thì trong tâm của chủ nhân cũng cảm thấy an lạc. Dẫu chuyện phạm lỗi của họ đáng nên trừng trị, [chủ nhân] cũng nên bình tâm tra hỏi. Đã trừng phạt, quở trách, trong khi kêu gọi, sai khiến, hãy nên giữ vẻ mặt như thường, ngõ hầu chẳng có chuyện khác xảy ra. Còn như phụ nữ bản tánh hẹp hòi, cố chấp, bậc gia trưởng phải thường nên khuyên nhủ, dạy dỗ. Cũng đừng cho phép con em trong nhà tự tiện đánh đập người hầu. Hễ có chuyện, phải trình báo với gia trưởng. Nếu [đầy tớ] là kẻ ương bướng, hung bạo, bất thiện, hãy nên khéo léo trả kẻ đó về nhà, chớ nên [đối xử] quá nghiêm khắc, sợ kẻ ấy sẽ ôm lòng oán hận mà làm ác!

Bài thơ Bán Con có đoạn:

*Dưỡng nhữ như phượng số,*

*Niên hoang trị kỷ tiền,*

*Khổ cần đương tự ái,*

*Bất tử tại nương biên.*

(Nuôi con như phượng non,

Năm đói đáng mấy đồng!

Siêng khổ nên bảo trọng,

Chẳng như bên mẹ đâu!)

Lại còn:

*Khóc tận nhĩn trung huyết,*

*Sái nhữ thân thương y,*

*Nghiệp duyên như vị đoạn,*

*Do vọng mộng lai quy.*

(Mắt tuôn sạch huyết lệ,

Tươi đầm áo con thơ,

Nghiệp duyên nếu chưa dứt,

Vẫn mơ chuộc con về).

Vu Thiết Tiều nói: - Cai quản kẻ dưới, cố nhiên chẳng nở lòng hà khắc, bạo ngược, mà buông thả [cho họ tự tung tự tác] lại càng chẳng nên! Thường thấy nhà quan lớn hoặc người sang cả, bọn nô bộc ngang ngược, hung tợn, được tôn sùng như Thượng Đế. Hễ ra ngoài, chúng bèn cưỡi ngựa khỏe, mặc y phục lộng lẫy; trở về nhà thì cờ bạc, nhậu nhẹt. Hoặc là khách khứa đến cửa, [lũ tôi tớ] vẫn ngồi ì ra đó, chẳng thưa hỏi. Hoặc thân thích đến thăm [chủ nhà], [bọn chúng] bèn cự tuyệt, chẳng thông báo, khiến cho kẻ mạnh thì nổi giận bỏ đi, kẻ yếu thế nuốt hận lui ra. Thậm chí chúng nó còn mượn cớ sanh sự, cậy thế lường gạt tiền bạc. Kẻ làm

chủ trọn chẳng nghe biết, [do lũ đầy tớ làm càn mà chủ nhân bị] mọi người chống trái, thân thuộc xa lìa, bạn hờn, người oán đã chẳng thể đếm xiết! Hãy nên thận trọng!

Đời Tấn, ông Đào Uyên Minh răn dạy con: - Công việc sớm tối của con nếu đều tự làm sẽ khó khăn. Nay sai khiến họ (tôi tớ) giúp con lo liệu nổi nhọc nhằn về củi, nước. Những kẻ ấy cũng là con cái của người khác, hãy nên đối xử đàng hoàng.

Đời Tống, phu nhân của ông Thành Trai Dương Vạn Lý Tống tuổi đã ngoài bảy mươi. Mỗi khi đến tháng Đông, cụ sáng sớm thức dậy, xuống bếp, tự tay nấu một nồi cháo cho tất cả tôi tớ ăn rồi mới sai họ làm việc. Con bà cụ là Đông Sơn nói: “Trời lạnh ngắt, mẹ tôi gì khổ sở như vậy?” Phu nhân nói: “Tôi tớ cũng là con của người ta. Sáng sớm trời rét buốt, cần phải làm cho bụng họ tạm có hơi ấm thì họ mới có thể làm lụng được”.

Đời Hán, Lưu Khoan đối xử với người hầu tột bậc khoan dung. Dầu trong lúc hốt hoảng, ông chưa hề ăn nói cộc cằn, hay lộ vẻ cáu kỉnh. Phu nhân muốn thử làm cho Lưu Khoan tức giận, bèn chờ đến lúc ông sắp vào chầu vua, đã ăn mặc chỉnh tề xong, bèn sai đưa tớ gái bung canh, [giả vờ sảy tay], đổ dơ triều phục của ông. Lưu Khoan thông thả hỏi: “Canh có làm phỏng tay người hay không?” Thần sắc ông bất động.

Mẹ ông Hồ Thái tánh hết sức tàn khốc, thường đánh đập tở gái khỗ sở, tàn độc chẳng thể nói được. Sau khi bà ta chết đã mười năm, cha đã lấy vợ khác. Một hôm, Hồ Thái đi vắng, trong nhà muốn giết một con gà, gà bỗng nói tiếng người rằng: “Đừng có nấu ta, hãy đợi thằng Thái trở về”. Trong chốc lát, Hồ Thái trở về, gà chạy quanh chỗ ông ta ngồi, tự nói rì rầm: “Do mẹ ngược đãi tở gái, thác sanh làm gà”. Lại nói rất tường tận những chuyện trong nhà. Hồ Thái khóc lóc, kể với cha. [Cha con bèn nuôi con gà ấy], nuôi nó đã lâu, nó bay lên mổ người vợ sau [của cha ông Hồ Thái]. Khi Hồ Thái đi vắng, kẻ mẫu bèn ném chết con gà. Ôi! Hiện thời, gà, chó thật nhiều, biết là vợ của nhà nào? Đáng thương thay, đáng sợ thay!

Quan Tư Mã Vương Giản Dịch ở Hồng Châu bị chứng bệnh nghịch khí công tâm. Ông chết đi rồi sống lại, bảo vợ rằng: “Khi xưa, ta sai bảo bọn tở nhỏ, đôi khi do chẳng cẩn thận mà bó buộc chúng nó quá nghiêm khắc đến nỗi chúng nó chết mất. Vừa rồi, ta tới âm ty là do bị đũa đầy tở nhỏ tố cáo, chẳng thể hòa giải được! Nay ta mắc căn bệnh này chính là vì nó quá phá”. Vợ nói: “Đũa đầy tở nhỏ bé mà dám làm như vậy hả?” Ông bảo: “Dương gian có sang hèn, chứ trong minh ty (âm ty) nhất loạt như nhau”. Ông chết ngay sau đó.

Đe dọa có hai trường hợp:

1) Một là thấy người khác gặp nạn cấp bách, chẳng lo an ủi, mà cố ý phô trương oai thế, khiến cho kẻ ấy sợ hãi.

2) Hai là chỉ mong cầu lợi, hoặc báo đền oán thù từ trước, mà hư trương thanh thế, khiến cho kẻ khác sợ ta, hồng thỏa lòng ham muốn.

Từng nghe Quán Thế Âm Bồ Tát trong chốn nạn gặp, sợ hãi, Ngài có thể khiến cho chúng sanh chẳng sợ hãi, chúng đắc Viên Thông; đây là bậc nhất. Vì thế, chúng sanh trong cõi Diêm Phù đều gọi Ngài là “đấng Thí Vô Úy”. Như vậy thì kẻ dọa nạt người khác sẽ trở thành [hạng người] như thế nào? Do đó, bậc quân tử hễ gặp người khác lâm vào cảnh sợ hãi, không ai chẳng tận lực an ủi. Tiếc là cõi đời chẳng biết, thích làm cho kẻ khác kinh sợ; sau khi chết đi, [những kẻ dọa nạt người khác] sẽ sanh làm nai, làm mễn. Phàm những con nai, con mễn, ban ngày thì né tránh, sợ hãi các con thú khác, hễ có động liền kinh hãi bỏ chạy tán loạn. Đêm thì gác sừng lên cành cây, gò mình mà ngủ. Hễ bị đánh thức, ắt sẽ guồng bốn chân kinh hoảng chạy bừa. Đã hết kinh sợ lại ngủ, đã ngủ rồi lại bị kinh động. Từ sẩm tối cho đến sáng, chẳng có một khắc nào yên! Đây là quả báo của chúng nó vậy!

Một khách thương nhỏ ở Hồ Châu buôn bán gừng tại Vĩnh Gia. Kẻ nhà giàu là Vương sanh, do tranh cãi về giá gừng, tức giận đánh vào lưng gã khách thương. Gã ta té lăn ra đất, chết ngất, được cấp cứu bèn tỉnh lại.

[Vương sanh] xin lỗi, biếu một xấp lụa. Khách thương về tới cửa sông, nhà thuyền hỏi do đâu mà có lụa, [khách thương liền] kể rành rẽ mọi chuyện. Nhà thuyền bèn mua lại lụa và giỏ gừng. Khách thương đi rồi, chủ thuyền bèn vớt một cái xác chết trôi vô chủ, đem về chỗ mình ở, đến gặp Vương sanh thưa chuyện. Hắn nói: “Buổi chiều có một người khách từ Hồ Châu qua đò nói bị ông đánh sắp chết, cậy tôi báo cho cha mẹ, vợ con [người ấy] báo quan, để lại lụa và cái giỏ làm chứng. Chẳng mấy chốc, [người đó] tắt thở mà chết. Tôi chẳng dám không thưa trình”. Cả nhà Vương sanh khóc lóc, kinh hãi, đem hai trăm ngàn đồng dứt lột cho hắn. Gã nhà thuyền cố ý làm ra vẻ miễn cưỡng nhận lời cầu xin, cùng nhau đem xác chôn trong núi sâu. Có một đứa đầy tớ của Vương sanh lên huyện tố cáo, Vương sanh bị bắt giam, chết trong ngục. Năm sau, gã khách thương buôn gừng lại đến, ghé thăm nhà họ Vương, con ông Vương tưởng là quý. Khách thương nói mình chưa chết, nay đem một chút thổ sản đến đáp tạ. Con ông Vương bèn giữ khách lại, bắt gã đầy tớ thưa lên quan. Quan bắt gã nhà thuyền, [tên đầy tớ và gã nhà thuyền] đều chết trong ngục.

*(Chánh văn) Oán thiên vu nhân, ha phong mạ vũ.*

**(正文)怨天尤人。呵風罵雨。**



(**Chánh văn:** Oán trời, hờn người, chửi gió, mắng mưa).

Thế giới Diêm Phù thường được gọi là Khuyết Hãm (缺陷), con người mỗi chuyện làm sao đều được vừa lòng cho nổi? Kể chẳng xứng ý, ắt là vì đã tích lũy [phước đức] đơn bạc, cho nên được hưởng thụ cũng đơn bạc. Hãy nên giữ đúng bản phận, suy nghĩ lỗi mình, hòng sửa chữa tước vị đã được trời định sẵn. Đây là đường lối tốt lành từ ngàn xưa để cư xử trong cảnh khôn cùng, mà cũng là cách tốt lành để hướng lành, tránh dữ. Oán trời, ắt trời càng giận. Hờn người, ắt người càng ghét. Không chỉ là vô ích, mà còn hại thêm!

Tiêu Tuấn Minh đã sớm đỗ đạt, nhưng đã lâu mà chẳng được thăng chức, đã nhiều lượt vì vận mạng trắc trở mà oán trời. Anh ta lại còn dăng sớ, cầu đảo. Đêm hôm ấy, có một bức thư màu trắng rơi xuống trước lu hương. Xem kỹ thì là mười sáu chữ viết theo kiểu chữ Triện từ cõi trời. Tuấn Minh nghe nói Hà Tiên Cô<sup>742</sup>

---

<sup>742</sup> Hà Tiên Cô (何仙姑) là một vị trong Bát Tiên của Đạo Giáo. Cô vốn có tên là Hà Quỳnh (có thuyết nói tên là Hà Tú Cô, hoặc Hà Hương), người xứ Linh Lăng, Vĩnh Châu (nay thuộc tỉnh Quảng Đông) vào đời Đường. Thân thể của vị tiên này có nhiều thuyết. Thuyết phổ biến nhất nói Hà Tiên Cô lúc mười sáu tuổi vào núi hái trà, gặp tiên nhân chỉ điểm (có thuyết nói vị tiên ấy chính là Lữ Động Tân), cho ăn đào tiên và bột vân mẫu. Cô bèn phát thệ không lấy chồng, thường vào ở trong hang núi, tu luyện thành tiên. Tranh Đạo Giáo thường vẽ Hà Tiên Cô có hình dạng thiếu nữ xinh đẹp, tay cầm hoa sen, hoặc cầm giỏ đựng hoa (“lam hoa” (籃花) chỉ có nghĩa là đựng hoa. Thế mà có một giáo phái tu tiên tại Việt Nam lại nghiêm nhiên viết trong sách vở của họ là Hà Tiên Cô cầm giỏ đựng loài hoa “lam hoa”).

linh ứng, bèn đến hỏi, tiên cô chẳng đáp. Tuấn Minh tha thiết cầu xin, tiên cô bèn bảo: “Nhận năm lượng vàng [hồi lộ], bị giảm thọ mười năm. Giết oan uổng một người, sau khi [người ấy] đã chết, lại còn bị xử lý, người có làm những chuyện ấy hay không?” Tiêu Tuấn Minh cứng họng, chẳng thể đáp được!

Đời Tống, Chương Đôn làm Tể Tướng, đã đầy hết những vị trọng thần thời Nguyên Hựu<sup>743</sup> xuống Lãnh Nam. Phạm Thuần Nhân thuộc vào số đó. Khi ấy, Thuần Nhân đã bảy mươi tuổi, vâng theo mạng lệnh, vui vẻ lên đường, thường căn dặn các con, chớ nên bất bình chút nào! Hễ nghe các con có lời oán trách Chương Đôn, ông Phạm bèn tức giận, ngăn cấm. Trên đường đi, thuyền bị lật trên sông, áo của Thuần Nhân bị ướt sạch. Ông quay lại nhìn các con, bảo: “Đây cũng là do Chương Đôn làm ra hay sao?” Qua câu chuyện của ông Phạm, [ta biết] đạo học “*vui theo mạng trời*”. Ai có thể thấu đạt lý này, sẽ an vui hứng chịu, thuận theo, tự nhiên là chẳng có chuyện oán trời, hờn người!

Gió mưa là công năng của tạo hóa, mỗi chuyện đều có thần trông coi, chưởng quản. Không Tử hễ gặp sấm rền, gió mạnh, ắt nghiêm túc cầu khẩn thượng

---

Bát Tiên là Hán Chung Ly, Trương Quả Lão, Lý Thiết Quả, Tào Quốc Cửu, Lữ Động Tân, Hàn Tương Tử, Lam Thái Hòa và Hà Tiên Cô.

<sup>743</sup> Nguyên Hựu (元祐) là niên hiệu thứ nhất của Tống Triết Tông (Triệu Hú) từ năm 1086 đến năm 1094. Trong thời gian này, Triết Tông mới mười tuổi, triều chánh do Cao Thái Hậu quyết đoán. Bà quyết liệt bãi trừ tân pháp của Vương An Thạch, trọng dụng Tư Mã Quang, Phạm Thuần Nhân, Tô Thức v.v... Khi Cao Thái Hậu qua đời, vua lập tức cải nguyên, ngã theo đường lối tân pháp của Vương An Thạch.

thiên. Sách Khúc Lễ chép: “*Nhược hữu tật phong, tán lồi, thậm vũ, tắc tất biến. Tuy dạ tất hưng, y phục quan nhi tọa*” (Nếu có gió giạt, sấm rền, mưa dữ, ắt thay đổi tư thế. Dầu ban đêm cũng thức dậy, mặc áo, đội mũ mà ngồi). Trình Tử mỗi khi gặp gió mưa ắt thức dậy, đó là vì kính trọng trời. Dân chúng vô tri, hễ mưa nhiều sẽ oán hận ngập lụt, tạnh ráo nhiều, sẽ oán thán hạn hán, gió mạnh ắt oán bão tố, chẳng nghĩ âm dương mỗi thứ đều có vận số định sẵn. Hoặc là quan lại hà khắc, hung tợn, hoặc là do dân chúng tạo nghiệp, sẽ đều có thể dẫn tới [mưa gió] chẳng đúng thời; há có nên chửi mắng hay không? [Chửi mưa mắng gió] chỉ càng làm tăng thêm cái tội nghịch trời!

Tại trường huyện ở Hàm Ninh, xứ Chân Định, có người lao công nhà trường là Dương Khoan. Trong tiệc nhà quan, ông ta lo châm rượu, trông thấy góc tường có hai luồng gió lốc, bèn rưới rượu để đãi họ. Về sau, ông ta theo mọi người tới núi Đông Nhạc (Thái Sơn) thắp hương, gặp hai người lính mời uống rượu. Chưa kịp hỏi tên tuổi đã chia tay. Ngày hôm sau lên núi, đến một ngôi miếu thờ thần, thấy hình dáng, dung mạo của hai [bức tượng] lính hầu giống hệt như người đã mời mình uống rượu, lòng hết sức kinh sợ. Đến chỗ trọ, bèn thấy hai người lính nói: “Ông đừng ngờ vực! Hai người bọn ta đều là thuộc hạ của Đông Nhạc Đại Đế. Ngày nọ được sai phái, đi qua quý xứ, được ông ban cho hai bầu rượu. Do vậy, hôm qua dùng chén rượu để đáp tạ”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa!

Đời Tống, có một phụ nữ ở Ngạc Châu cạo rửa một cái chậu bằng sành bên sông. Bỗng mưa dầm khiến đường sá ướt đầm, mưa ta bèn buông lời tục tằn chửi trời. Ngay lập tức, một cơn gió lạ cuốn mưa ta lọt xuống sông. Chồng mưa vội cứu lên, cái chậu sành đã bị phá thủng, mắc vào cổ mưa ta như đeo gông. Toan gỡ ra, đau thấu cốt tủy. Người đến xem chặt cửa. Vài hôm sau, mưa chịu không xiết nổi khổ ấy, chết ngắc!

*(Chánh văn) Đấu hợp tránh tụng, vọng trực bằng đảng.*

**(正文)鬪合爭訟。妄逐朋黨。**

*(Chánh văn: Tranh chấp kiện tụng. Kéo bè kết đảng làm quấy).*

Kẻ khác có chuyện tranh chấp, thưa kiện, hãy nên lựa lời khéo

léo khuyển giải, khiến cho việc lớn hóa thành nhỏ, việc nhỏ hóa thành chẳng còn gì, ắt đôi bên đều cùng hưởng phước ấy. Nếu thừa dịp đó, [xui nguyên giục bị], khiến cho họ đấu đá nhau, hoặc ngấm ngấm độc xúi, hoặc tự đứng ra làm chứng, hoặc thay họ nhào nặn bằng chứng, thưa gởi, hoặc lo hết chuyện kiện tụng nơi nha môn, để tiện làm ngư ông hưởng lợi. Hạng người ấy bị thần

trách, người oán, tạo nên oan nghiệt rất nặng do lòng sai quấy. Khi nghiệp báo xảy đến, sẽ chẳng kham nổi nỗi khổ ấy, hối hận chẳng kịp!

Lưu Nguyễn Chất lưng nổi nhọt độc, thuốc men chẳng lành. Thầy lang bảo: “Đã trợn hết sức người rồi, sợ là bị trời hại”. Nguyễn Chất bèn cậy đạo sĩ cầu khấn thần Bắc Đẩu. Đêm mộng thấy thần bảo: “Người phạm vào luật trời, dẫu cầu khấn Bắc Đẩu, cũng khó tránh được”. Nguyễn Chất thừa mình vô tội, thần bảo: “Người ngồi dạy học ở nhà nọ, gây chuyện dẫn đến thua kiện, khiến cho hai nhà đều bị tan nát”. Nguyễn Chất thưa: “Đó là do em tôi là Nguyễn Lập làm, chẳng phải là Nguyễn Chất”. Vua sai thuộc hạ xét lại, đúng là như vậy, [Nguyễn Chất] bèn được khỏi bệnh. Năm sau, Nguyễn Lập chết. Báo ứng do xui giục kiện tụng từ xưa tới nay luôn luôn là thảm khốc, mắt thấy, tai nghe, rành rành chẳng sai! Khuyên khắp người đời, trăm nghề đều có thể kiếm sống, tội gì phải theo đuổi nghề kiện tụng? Gần đây nhất, tôi thấy câu chuyện về một vụ án trong cõi âm xảy ra tại Lâu Đông<sup>744</sup>, theo ghi chép, một thầy cãi đã đến cõi âm, Diêm Vương bảo: “Người tuy tạo ác nghiệp, nhưng mỗi khi viết án tù, thường khuyên người khác thôi tranh chấp, đừng nên vu cáo [kẻ khác]. Lại nữa, trong đơn kiện, hồ sơ tranh tụng, thường ngầm ngầm giảm nhẹ tội [của người bị thưa]. Do có thiện niệm ấy, hãy tạm thời tha tội, quyết định cho người

---

<sup>744</sup> Lâu Đông (婁東) là một thị trấn thuộc huyện Thái Thương thuộc tỉnh Giang Tô. Do trấn này nằm ở phía Đông sông Lâu Thủy nên có tên như vậy.

được sống”. Do vậy, kẻ đã trót theo nghề nghiệp này, trong tình thế chẳng đổi nghề ngay được, hãy nhìn vào tấm gương này, ngõ hầu có thể giảm thiểu [ác nghiệp] đấy chẳng?

Một thầy giáo dạy võ lòng ở Hưu Ninh, nhà nghèo tận lực học hành, thích đọc luật. Trong thôn, có con của một người giàu có, [cha đã mất], hai đứa con tranh giành gia sản. Thằng anh muốn thừa kiện đứa em, đem lễ vật hậu hĩnh đến nhờ thầy viết đơn thưa. Thầy giáo nói: “Tôi học luật để mai sau tránh khỏi bị phán quyết phạt tù, há chịu vì anh dấy khởi chuyện thừa kiện ư?” [Sau đó], thầy giáo nói cặn kẽ tình [anh em] thân thiết như chân tay, cũng như dùng những chuyện cùng nhau suy bại do thừa kiện lẫn nhau để cảnh tỉnh. Đứa anh bị cảm động, hiểu ra. Thằng em tìm đến, thầy cũng khuyên răn, huấn dụ, thằng em cảm phục. Anh em chúng nó bèn vui vẻ, hòa thuận như thuở đầu, đồng tâm làm giàu. Một hôm, họ buôn bán sa bản, bỗng thấy trên tấm sa bản<sup>745</sup> có khắc tên họ vị thầy ấy. Anh em ngộ ra, bảo nhau: “Nhờ ông X... khuyên chấm dứt tranh chấp, kiện tụng, chúng ta may mắn ăn nên làm ra, ân lớn chưa báo. Vì thế, trời viết tên họ ông ấy để chỉ dạy hai đứa chúng ta”. Họ hẹn nhau khi trở về, sẽ biếu thầy món tiền do bán số sa bản ấy. Họ về đến chợ ở quê nhà, bán được món tiền ba trăm lạng bạc. Khi ấy, đã hết năm, thầy không có chỗ ngồi dạy học, cha con đôi diện

---

<sup>745</sup> Sa bản (沙板) là những phiến gỗ đẹp, thường làm bằng gỗ sam, có tính chịu lực cao. Người xưa chôn “sa bản” xuống nền đất để giữ cho nền nhà hoặc các công trình xây dựng khỏi bị sụp lở do đất dịch chuyển.

nhau húp cháo lúa mạch [cầm hơi]. Bỗng có hai người cầm bạc đến thừa chuyện, thuật căn kẽ nguyên do. Thoạt đầu, thầy cảm tạ, từ khước. Hai người nói: “Trời ban cho thầy mà”, rút cuộc biếu tặng thầy.

Vu Thiết Tiều nói: - Kẻ đang làm quan phải thông thiết trừng phạt, ngăn cấm những kẻ xúi giục kiện tụng, thừa quan. Kẻ sống trong làng (những vị quan đã cáo lão hồi hưu) thì dốc lòng khuyên can kẻ đã thừa kiện lẫn người chưa kiện hãy nên thôi đi. Đây là việc đứng đầu nhằm vun bồi nguyên khí. [Người làm như vậy] sẽ là đại công thần của nước nhà, mà cũng là đại công thần của trời đất vậy.

Tạ Cầu thích làm thiện sự, tánh chẳng tranh chấp, ghét chuyện thừa gởi, kiện cáo. Láng giềng có kẻ xâm lấn đất đai của ông, kẻ khác khuyên ông thưa lên quan, Tạ Cầu giảng giải: “Chiếm được đất, chứ chẳng chiếm được trời!” Mọi chuyện ông đều ôn hòa, nồng hậu [như thế đó]. Ông thọ tới bảy mươi lăm, con cháu đông đảo, lại có đũa hiền đạt.

Tức Tụng Ca (息訟歌, bài ca chấm dứt thừa kiện) có đoạn như sau: - Chớ nên đi thừa kiện, gia sản bởi đó sẽ tan hoang. Dẫu thắng một vạn binh, mình hao ba ngàn lính. Thầy cãi vung gậy mềm, kẻ làm chứng đòi hậu tạ, há có bọn công sai nào tốt lành, mà cũng chẳng có bọn nha lại giữ văn thư trong sạch! Quan phán quyết như thế nào còn chưa biết, mà đã nguy ngập, đáng sợ như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng. Nếu gặp lúc

sảy chân, mang nhục khó che đậy! Thường nghe có kẻ gia sản tan nát phần nhiều vì tranh chấp đất đai, vườn tược. Thường thấy kẻ kiện cáo vì gia sản, tình anh em bỗng mất sạch. Vì tức khí nhất thời mà đâm đơn thưa kiện, đã kiện rồi càng tức tối hơn. Do tham lợi lôi nhau ra tòa, đâm ra mất cả vốn lẫn lời, biến hôn nhân thành kết mối oán cừu, vứt sạch hàng thân thích. Đưa nhau ra cửa quan còn tệ hơn bị giặc cướp đoạt, phải chịu tổn phí gấp bội. Do trượng nghĩa mà thưa kiện thay người khác, rốt cuộc lâu ngày trở thành phường bất nghĩa. Do người thân ép buộc ta đứng mũi chịu sào, từ đấy tình giao hảo bị cắt đứt. [Do kiện tụng] mà sĩ tử học hành lỡ làng, thợ thuyền quên cả nghề khéo, nông dân bỏ hoang ruộng nương, thương nhân bỏ buôn bán. Kẻ giàu do thưa kiện mà nghèo nàn, kẻ nghèo do thưa kiện mà chết ngóp. Việc nhỏ chẳng châu toàn, chuyện lớn càng rối ren, phải tránh né, biến chuyện giả thành sự thật, rốt cuộc trở thành khó khăn là vì ban đầu dễ dàng! Một sức lại bận lòng, há có thú vị gì? Tuy cao hứng nhất thời, khổ sở về sau ai hứng chịu giùm? Ta khuyên người thế gian, chớ coi thưa kiện như trò con nít đùa bỡn. Nếu chẳng phải là kẻ mang mối thù chẳng đội trời chung, đừng lôi kéo nhau vào vòng kiện tụng. Lời quê mùa tường tận và xác đáng, muôn phần khẩn cầu [người đọc] hãy nhớ kỹ!

“*Vọng*” (妄) có nghĩa là chẳng cần quan tâm là có hay không. “*Trục*” (逐) là theo đuổi. Lớn thì như kẻ làm bầy tôi của người khác mà chia bè lập đảng, nắm



quyền triều chánh, công khai bài xích [kẻ khác phe, hoặc người thanh cao không chịu hòa theo], ngấm ngầm khuynh đảo. Nhỏ thì như dân thường lập đoàn thể hoặc kết nghĩa để làm vây cánh. [Những hành vi] lôi kéo kẻ cùng ý thích kết bè đảng đều là “*vọng trực bằng đảng*” (xằng bậy kéo bè kết đảng), ắt mắc tội lớn, họa sâu! Hàng công khanh cũng như dân chúng, hãy nên cùng nhau hết sức răn tránh vậy!

Đời Đường, Liễu Tông Nguyên và Lưu Vũ Tích, tài cao, tuyệt học, danh trù một thuở. Gặp lúc Đường Thuận Tông mắc bệnh, cầm bật, chẳng thể nói. Gã tiểu nhân Vương Thúc Văn thừa cơ nắm giữ đại quyền. Hai ông luôn mình phù tá hấn, khinh suất bon chen, hiến kế, tưởng chừng như Y Doãn, Châu Công lại xuất hiện. Họ gấp rút như cuồng, được thăng cấp nhanh chóng lên chức Thị Ngự Sử. Cả triều đình khinh thường họ. Chẳng lâu sau, Đường Thuận Tông truyền ngôi cho Thái Tử, chuyện Vương Thúc Văn [chuyên quyền, nhiễu loạn triều chánh] bại lộ, những gián quan (quan ngự sử) đua nhau dâng sớ công kích. Bọn họ đều bị đày đi làm Tư Mã tại các châu, đều khốn đốn, chết nơi những miền đất xa xôi. Ôi, ông Lưu và ông Liễu nếu chẳng bị hãm vào bè đảng của Vương Thúc Văn, do họ sẵn có tài năng văn chương, cũng sẽ là bậc đại thần lừng danh một thuở. Sẩy chân trong chốc lát, suốt đời chẳng thể ngóc đầu lên được, há có nên chẳng cần thận? Nhưng nỗi hại này vẫn còn là nhỏ! Như các biến loạn trong ba triều đại Đường, Tống, Minh đều bắt

nguồn từ chuyện này. Vì thế, kẻ làm bầy tôi của người khác mà kéo bè kết đảng, tội lỗi của bọn đó rất lớn!

Một người là con em của một thế gia đã suy sụp, nhà nghèo, vô hạnh. Mấy lần anh ta đã theo một kép hát đi chơi, kép hát nhiều lượt biểu tặng quần áo. Do vậy, đôi bên hết sức tương đắc. Tuy ưa thích, nhưng [anh ta] biết gã kép hát là phường trộm cắp. Về sau, do anh chàng [con em thế gia] mặc quần áo [do gã kép hát] đã trộm được ra phố, người bị mất của liền bắt chàng ta thưa lên quan, còn gã kép hát đã trốn xa. Rốt cuộc, chàng ta chẳng thể biện bác được, chết trong ngục!

Lại có con của một phú ông thích võ thuật, kết nghĩa huynh đệ với mười người. Cha biết được, bảo là có thể khiến cho làng xóm nể sợ, chẳng ngăn cấm. Về sau, trong số đó, có một đứa là ăn trộm. Chuyện bại lộ, tên đó cung khai, liền lụy đến con trai phú ông. Quan do thấy nó là nhà giàu, bèn nghĩ nó là đứa oa trử đồ trộm cắp. [Do đó], tan nhà nát cửa. Ôi chao! Kết bè đảng, chơi với bạn bè, phải xem gương này!

Đời Nguyên, Trung Tuyên Công Dư Khuyết nói: “Nếu ai gần bậc hiền lương ví như một tờ giấy. Dùng tờ giấy ấy bọc hoa lan hay xạ hương, do những thứ ấy thơm tho mà tờ giấy được thơm tho theo. Nếu ai thân cận bạn tà, ví như một canh liêu, dùng canh liêu để xuyên xỏ cá, hoặc ba ba. Do những con vật ấy tanh hôi,

cảnh liễu sẽ tanh hôi theo”. Chúng ta lập thân xử thế, hãy nên suy đi nghĩ lại lời ấy!

*(Chánh văn) Dụng thê thiếp ngữ, vi phụ mẫu huấn.*

**(正文)用妻妾語。違父母訓。**

*(Chánh văn: Nghe lời thê thiếp, trái nghịch lời cha mẹ dạy răn).*

Lời của thê thiếp ngọt ngào, dễ lọt tai. Cha mẹ răn dạy, tuy chánh đáng, khó thể vâng theo! Lời thê thiếp chẳng có gì không trái nghịch lời răn dạy của cha mẹ. Sở dĩ lòng hiếu của người đời suy bại là vì vợ vậy. Cha mẹ từng trải đã nhiều, nhìn sự việc ắt thích đáng, lại thương yêu con tha thiết, ắt mưu tính châu đáo cho con. Há có trường hợp nữ nhân ít tuổi nào mà đâm ra lại có cái nhìn vượt trời bậc lão thành đã từng trải, thông hiểu ư? Lý lẫn Sự cũng thế, không chỉ vì khuyên con cái hiếu thuận mà nói như vậy.

Trương Cung Thần nói: - Đối với giáo huấn của cha mẹ, dầu người ta muôn phần tuân theo, rốt cuộc vẫn chẳng thể [hoàn toàn] tuân theo. Lời thê thiếp, [tuy] người ta nói là “muôn phần chẳng nghe theo”, rốt cuộc đều làm theo trọn vẹn! Lý chẳng thắng nổi dục.

Do quá gần gũi, nên bị [những lời xui khôn xúi dại của thê thiếp] che lấp [tâm trí], khó thể nhận biết. Những kẻ bức bội, tự cho mình là hay (tự cho là không nghe theo lời thê thiếp rủ rỉ), đừng thấy chuyện này là dễ dàng! Trừ phi trong tâm có công phu vi tế, nghiêm mật, sẽ không chỉ là chẳng thể làm được, mà còn là cũng chẳng thể biết được!

Thê thiếp là nội trợ của mỗi người. Nếu họ có những lời tốt lành, chưa chắc không thể nghe theo. Nhưng đàn bà ít kẻ hiền minh, lắm kẻ ngu dốt, tối tăm! Hơn nữa, tánh tình họ phần nhiều hẹp hòi, cố chấp, chẳng nhẫn nại chịu đựng. Họ lại khéo che giấu khuyết điểm, ăn nói tốt bậc đúng chỗ yếu hại, khiến kẻ làm chồng dễ bị mê hoặc nhất. Nhưng kẻ đã bị mê muội bởi lời vợ, ắt sẽ đến nỗi chống trái cha mẹ. Vì thế, đức Thái Thượng răn dạy nghiêm ngặt. Ôi, ly gián cốt nhục, khiến cho thân thích lộn lạo, xa lìa, lừa dối, lấn hiếp làng xóm, thiên vị con cái, hiếp đáp, ngược đãi tôi tớ, nguyên nhân phần nhiều là do vợ mà ra! Lại hãy nên tùy theo từng việc mà tự phản tỉnh, suy xét bản thân, khuyên dụ [thê thiếp] noi theo đạo nghĩa. Còn như chồng nghe theo lời thiếp mà ngược đãi hoặc bỏ vợ cả, chính là chuyện dễ nghiêng theo, dễ bị mê hoặc nhất trong thói thường của con người, chớ nên không thận trọng. Đối với thê thiếp, đức Thái Thượng [đã răn dạy] đúng là hết sức hữu lý.

Con cái đối với cha mẹ, hãy nên tận tâm kiệt lực. Bất luận Đông, Tây, Nam, Bắc, đều nên vâng theo, há

có nên ứng phó qua quýt cho xong, bề ngoài phục tùng, trong tâm chống trái, trái nghịch giáo huấn của cha mẹ. Đó là cái tội căn bản, là điều ác chẳng thể tha thứ được! Còn như vì sủng ái thể thiếp mà trái nghịch cha mẹ, cỏi đời lại càng chẳng thiếu bọn ấy! Tội ấy lại càng nặng hơn một bậc. Mong sao ai nấy đọc kỹ thiên sách này, tự hối lỗi quấy thuở trước, sớm mong báo đền [ân cha nghĩa mẹ], lập thân, cư xử, trọn hết lòng hiếu kính, trọn bề phụng dưỡng hòng báo đáp đôi chút một phần vạn vạn nỗi đau cù lao, ngõ hầu chẳng bị trời giáng sét, quỷ thần tru lục, chẳng vướng phải tai họa ngang trái, bất ngờ!

Trình Ngạn Tuân thờ mẹ chí hiếu. Mẹ tánh tình hết sức nghiêm khắc, dữ dần, do ghét vợ của Ngạn Tuân bèn trục xuất cô ta. Khi ấy, Ngạn Tuân đang độ tuổi tráng niên, vâng theo ý mẹ, suốt đời chẳng cưới vợ khác. Người vợ ấy hiền thực mà bị đuổi, chẳng thốt lời oán hận chút nào. Mỗi Tết đều đến vãn an, ở một mình thủ tiết, chẳng lấy chồng khác. Sĩ phu coi cô ta là người hiền thực, viết thành truyện hiếu thuận, tiết liệt. Ôi! Trường hợp này có thể nói là con hiếu, vợ hiền, không ai tốt đẹp hơn được nữa! Những đứa con và dâu ngõ nghịch có thể nào chẳng hồ thẹn đến chết ư?

Ở huyện Văn An, có một cư dân cưới vợ. Cô vợ đẹp nhưng ương bướng, chẳng phụng sự mẹ chồng. Hễ chồng [đi đâu] trở về, cô ta ắt đều tố cáo mẹ chồng hiếp đáp, ngược đãi. Chồng luôn im lặng. Một tối, chồng lấy ra một con dao sắc đưa cho vợ coi. Vợ hỏi: “Để làm gì

vậy”, đáp: “Nàng luôn mách là mẹ chồng ngược đãi, hãy cùng cầm dao này để trừ khử mẹ, nàng nghĩ như thế nào?” Vợ đáp: “Em chịu ngay!” Chồng nói: “Nàng hãy khéo phụng sự mẹ một tháng, khiến cho hàng xóm đều biết là nàng siêng năng, còn mẹ chồng bạo ngược. Sau đấy mới ngấm ngầm giết đi”. Vợ theo đúng lời, vẻ mặt tươi vui, ăn nói mềm mỏng, sáng tối hầu hạ mẹ chồng. Gần được một tháng, chồng lại lấy dao ra chơi đùa dưới ánh đèn, hỏi vợ: “Mẹ chồng đối đãi với nàng ra sao?” Đáp: “Chẳng thể so với khi trước được”. Lại qua một tháng, chồng lại rút dao ra, hỏi vợ. Vợ vui vẻ đáp: “Nay mẹ chồng đối với em rất tốt. Chuyện khi trước, chàng hãy thận trọng, đừng làm nữa!” Chồng thông thả nắm dao, tròng mắt hỏi vợ: “Nàng có thấy trong đời có chồng giết vợ hay không?” Đáp: “Có chứ!” Hỏi: “Có thấy con giết mẹ hay chưa?” Thưa: “Chưa nghe nói”. Chồng bảo: “Đời người coi sự hiếu dưỡng to nhất. Ông cha mẹ dẫu tự giết chính mình vẫn chẳng thể báo đáp được. Đến khi lớn lên cưới vợ, chính là để phụng dưỡng bố mẹ chồng, nối tiếp giòng giống. Ta thường quan sát thấy nàng chẳng thể hiếu thuận với mẹ ta, lại ngược ngạo xúi ta làm chuyện đại nghịch. Dao này ta thật sự muốn chặt đầu nàng để làm vui lòng mẹ. Mẹ cho nàng hoãn lại hai tháng để sửa lỗi, đổi thái độ, trọn hết đạo làm vợ, biểu lộ lòng mẹ ta đối đãi với nàng, [để nàng biết] vấn đề không phải do mẹ ta, nàng hãy nhắm mắt mà nhận đao!” Vợ kinh hoàng, khóc lóc, lạy lạy: “Mong chàng tha tội chết cho em, em sẽ suốt đời hiếu thuận với mẹ chồng, chẳng dám biếng nhác

chút nào!” Hồi lâu sau, chồng mới bằng lòng. Về sau, vợ và mẹ chồng thuận thảo, danh truyền khắp xóm làng. Ôi! Người dân ở Văn An bắt quả là một kẻ tầm thường, mà khéo điều phục, biến đổi vợ chuyển từ ác độc thành hiền lương, dầu là bậc quân tử, sĩ phu cũng chẳng thể làm được! Ngạn ngữ có câu: *“Trong thiên hạ, chẳng có ai không là cha mẹ”*. Lại còn nói: *“Trong thiên hạ, không có cha mẹ nào chẳng thể chuyển hóa được”*, đúng lắm thay, có lý thay!

Trầm Trạch Chi lúc hai mươi lăm tuổi bèn bỏ học hành, tính buôn bán. Vợ anh ta là Thạch Thị hiền đức, tận lực can gián, nhưng chồng không nghe, bèn kể khổ với bố mẹ chồng: “Cô và em dâu của con đều được gả làm vợ của người có học, nay chồng con chẳng chịu học hành. Nếu [bố mẹ] cho đưa con dâu mới cưới là con về thăm nhà, gặp thân thích sẽ xấu hổ lắm! Con xin tự bỏ ra tiền học, xin [bố mẹ] hãy chọn thầy, khuyến khích chồng con đến học. Con chẳng dám mong chồng hiền đạt hanh thông, chỉ thành một chàng Tú Tài tốt đẹp, chẳng khiến cho gia phong mang nhục, mà cũng là một người chồng hiền năng vậy!” Bố mẹ chồng thuận theo. Năm năm sau, quả nhiên Trạch Chi thi đỗ, làm quan tới chức Chánh Lang<sup>746</sup>. Những kẻ hãm chồng vào

---

<sup>746</sup> Chánh Lang (正郎) là danh xưng để gọi các Lang Trung làm việc trong Thượng Thư Tỉnh. Lang Trung là các quan chức cao cấp phụ tá cho vị Thượng Thư và Thị Lang. Thượng Thư và Thị Lang là hai quan chức đứng đầu ba cơ cấu hành chính cao nhất thời ấy (Thượng Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh, và Trung Thư Tỉnh). Thượng Thư tương đương với bộ trưởng và Thị Lang tương đương với thứ trưởng trong hiện thời.

chỗ ác trong hiện thời, há chẳng nên noi gương người vợ hiền họ Thạch ư?

Vợ Lưu Kiến Đức hung tợn, ác độc. Họ Lưu không thể chế ngự được, nhiều lúc phải chiều theo. Nhầm lúc mẹ chồng bị bệnh, vợ bắt chồng gởi mẹ sang am ni cô. Mẹ không muốn đến đó, họ Lưu chỉ nghe lời vợ, chỉ sai một đứa tớ gái lo thuốc thang mà thôi. Mẹ sắp chết, chửi mắng âm ỉ: “Tao ắt tố cáo mày dưới âm ty”. Không đầy mấy hôm, vợ điên cuồng, hô âm lên: “Ta chẳng ra gì, đuổi mẹ chồng đến am ni cô. Âm ty rút ruột ta, lột da ta”. Do vậy, khắp thân mụ ta tím bầm mà chết. Lại hai hôm sau nữa, họ Lưu cũng phát cuồng, hô lên: “Ta là Lưu Kiến Đức bị vợ không chế, ngỗ nghịch với mẹ ruột. Vợ đã bị âm ty rút ruột, lột da, chịu tội trong địa ngục Vô Gian. Nay lại truy ta rất gấp. Người đời hãy nên lấy ta làm gương, đừng bị thê thiếp mê hoặc mà ngỗ nghịch với cha mẹ”. Hắn chết đột ngột, khâm liệm vài hôm, bỗng sét đánh âm một tiếng, hai cỗ quan tài đều nứt toác, mùi hôi thối bốc xa mấy dặm! Bị chịu hình phạt ngũ hình có ba ngàn tội, mà không tội nào lớn bằng bất hiếu. Vương pháp là như thế đó, ai nấy đều biết. Còn như trời giáng sấm sét tru diệt đều là những đứa con trai và con dâu ngỗ nghịch, có lẽ có kẻ chẳng biết. [Do vậy], chép chuyện này để bảo ban khắp thiên hạ.

***(Chánh văn) Đắc tâm vong cố, khẩu thị tâm phi.***



## (正文)得新忘故。口是心非。

(*Chánh văn: Có mới nói cũ, tâm khẩu chẳng nhất trí*).

Nhỏ thì là quần áo, vật dụng, lớn thì là tình nghĩa bạn bè, thân thích. Trong là thê thiếp, dưới là thằng hầu, tớ gái, đều có mới, cũ. Nếu có mới nói cũ, đây là hạng người bạc tình, thiếu ân nghĩa nhất. Tiên hiền có nói: “*Dữ kỳ kết tân giao, bất như đôn cựu hảo*” (Kết bạn mới chẳng bằng vun đắp tình quen biết cũ), lời ấy đúng lắm thay! Xưa kia, vua Sở (Sở Chiêu Vương) từng hạ chiếu tìm một chiếc giày bị mất như sau: “Ta buồn vì nó cùng ra ngoài với ta, mà nó không cùng về với ta”. Từ đấy, người trong nước chẳng dám vứt bỏ những thứ cũ. Đây thật sự là người có tình nghĩa cả ngàn đời, mà cũng là người hiểu biết trong ngàn đời vậy.

Chị của vua<sup>747</sup> Quang Vũ đời Hán là công chúa Hồ Dương vừa mới góa chồng, muốn lấy Tổng Hoàng.

---

<sup>747</sup> Nguyên văn là “*đệ*” (娣), có nghĩa là em dâu. Một nghĩa khác là khi xưa, nhiều phụ nữ chung một chồng, người lớn tuổi hơn được gọi là Tự (姊), còn nhỏ hơn gọi là Đệ. Hán Thư chép Hồ Dương Công Chúa tên thật là Lưu Hoàng, là chị cả của Hán Quang Vũ (Lưu Tú). Do vậy, chúng tôi nghĩ chữ Đệ ở đây là do bị chép lầm. Khi cha mất sớm, Lưu Hoàng phải làm lưng cực khổ để nuôi em, nên đối với Lưu Tú, Lưu Hoàng vừa là chị vừa là mẹ. Đến khi Lưu Tú dựng cờ khởi nghĩa, lật đổ Vương Mãng, tái lập nhà Hán, trở thành Hán Quang Vũ Đế, ông đặc biệt ưu đãi bà, đến nỗi bà có những hành vi coi thường luật pháp.

Vua bảo [Tống Hoảng]: “Giàu đôi bạn, sang đôi vợ, là lẽ thường tình của con người!” [Tống Hoảng] tâu: “*Bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường*” (Bạn trong lúc nghèo khó chẳng thể quên, người vợ tấn cảm (người vợ chia sẻ hoạn nạn, nghèo khó) chẳng thể ruồng bỏ được). Vua ngó công chúa, bảo: “Chuyện này chẳng thể thành được!” Kẻ ngu này đọc đến đây, thở dài nói: “Chuộng mới, nói cũ, cả cõi đời đều là như thế. Đối với thê thiếp, càng dễ thay đổi nhất. Thường là do kẻ chung gôi nầy sanh hiềm khích, mà ươm thành mầm họa trong chốn khuê các, gây hại chẳng thể nói nổi, mọi người há chẳng cẩn thận ư?”

Một phú ông không có con, đã nuôi dưỡng đứa con của người anh mười năm. Bỗng người thiếp sanh một đứa con trai, ông ta bèn bỏ rơi đứa con của người anh, giao hết tài sản cho con người thiếp sở hữu. Về sau, đứa con của người anh do cần kiệm mà thành gia, lập nghiệp, lại còn hiếu đễ, cung kính, nhân từ, cả họ đều khen ngợi, nhưng đứa con của người thiếp lớn lên, phóng đảng, gái gú, cờ bạc, tiêu sạch gia sản. Ông căm hận chết luôn!

Cảnh Dương ở huyện Nghi Trung lúc nghèo khó là bạn thân của Sở Thành ở Dương Châu. Cảnh Dương chết, để lại một đứa con cô đơn nghèo khó. Họ hàng, bạn bè thuở trước không ai lui tới, riêng Sở Thành chẳng quên [tình bạn], luôn thăm hỏi, cho quà còn hơn xưa kia. Cảnh Dương để lại di cảo gồm mấy chục quyển,

Sử Thành bỏ ra ngàn vàng để khắc in, bảo: “Ta chẳng đành lòng thấy tinh hoa của cổ nhân bị chôn vùi”. Về sau, Sử Thành làm quan lớn.

Đời Tống, Phạm Văn Chánh (Phạm Trọng Yêm) lúc làm Viên Ngoại Lang của bộ Lại, đứng đầu một quận, có ba đứa tớ gái theo hầu, mãi cho đến khi ông làm quan suốt cả nhị phủ<sup>748</sup> cho tới khi mất, suốt cả mười năm, chẳng thêm một người nào, mà cũng chưa hề thay đổi một người nào.

Tâm và miệng đều đúng lẽ như nhau, đó là người thuần thiện. Nếu tâm và miệng đều sai trái, kẻ khác vẫn đề phòng. Chỉ có những kẻ ăn nói như Nghiêu, Thuấn, tâm giống như Kiệt, Trụ, miệng thề non hẹn biển, mà tâm ngầm đặt bẫy rập, là khó dò lường nhất. Kẻ ấy thờ vua ắt chẳng trung, thờ cha mẹ ắt bất hiếu, chơi với bạn bè ắt bất tín, đối xử với thuộc hạ ắt bất nghĩa. Hạng người ấy là phường tiểu nhân nhất. Nếu ai làm tin lời kẻ ấy, sẽ lọt vào mưu mô của hắn, tội lỗi của kẻ ấy [bị cõi âm trừng phạt] nặng gấp mấy lần dương gian! Kinh Phật có nói: *“Kẻ nói dối, ác khẩu, chết rồi sẽ đọa trong địa ngục kéo lưỡi, nước đồng sôi [rót vào miệng], cày lưỡi, chịu khổ rất nhiều kiếp đã xong, sẽ sanh trong loài súc sanh, luôn ăn gai góc. Nếu lại được làm người, thiệt căn chẳng trọn vẹn, hơi miệng luôn hôi thối. Dầu thốt lời tốt lành, kẻ khác chẳng tin nhận”*. Nghiệp

---

<sup>748</sup> “*Nhị phủ*” (二府) là hai cơ cấu hành chánh cao cấp đời Tống, gồm Trung Thư Tỉnh và Xu Mật Viện.

“*miệng đúng, tâm sai*” mắc quả báo như thế, há chẳng đáng kiêng dè ư?

Đời Minh, ông Tiết Văn Thanh nói: - Kinh Dịch chép: “*Dung ngôn tất tín*” (Lời ăn tiếng nói thông thường đều phải giữ chữ tín). Đối với lời ăn tiếng nói bình phàm, người ta cứ ngỡ là chẳng khắt khe, cứ tùy tiện, chẳng thận trọng thốt lời. Chẳng biết một lời hư vọng là đã phạm sai lầm trong lời ăn tiếng nói. Vì thế, lời ăn tiếng nói bình phàm ắt phải giữ chữ tín, tức là đức sâu dày vậy!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) dạy Lưu Khí Chi (Lưu An Thế) về lễ trọng yếu trong chuyện tận tâm xử thế lập thân: “Chỉ là Thành mà thôi!” Công phu ấy trước hết được khởi đầu bằng không nói dối. Tư Mã Ôn Công lại từng nói: “Khí Chi bình sanh chỉ là một chữ Thành; do vậy, ông ta nói năng rất chánh xác, chẳng ai có thể sửa đổi được”. Dân tại thành thị hay nông dân thuở ấy đều nói: “*Nếu đã từng đi qua Nam Kinh, mà không gặp Lưu Thị Chế*<sup>749</sup>,”

---

<sup>749</sup> Thị Chế (待制) là từ ngữ viết sai của Đãi Chế (待制), nhưng do thường dùng, cho nên trở thành đúng. Chức vụ Đãi Chế là quan văn có nhiệm vụ “*đãi chiếu*”, tức là từ đời Hán, những vị đại thần có tài văn chương, thông thạo kinh điển trong triều đình phải luân phiên làm người túc trực đợi mệnh lệnh của vua khi vua cần tham khảo ý kiến, giúp vua soạn thảo chiếu chỉ, hoặc nhuận sắc chiếu chỉ, cũng như giám sát việc thi hành chiếu chỉ. Về sau, trong cơ cấu Hàn Lâm Viện đặt ra một chức quan thường trực là Hàn Lâm Đãi Chiếu để đặc trách công tác này. Chức quan này còn chịu trách nhiệm huấn luyện nhân tài mới cho viện Hàn Lâm, cũng như quản thủ văn từ, sổ chương, biểu tấu. Đến đời Tống, do công việc quản trị hành chánh phức tạp, phải lập ra nhiều “các” (閣), tức là các tiểu tổ văn phòng (hoặc các phòng nghiệp vụ theo cách hiểu hiện thời), mỗi các đều có một vị Đãi Chế để đứng đầu trông coi, như Long Đồ Các Đãi Chế, Thiên Chương Các Đãi Chế v.v... Do ông

khác nào qua Tứ Châu<sup>750</sup> mà không gặp bậc đại thánh”. Do lẽ nào mà cảm động [lòng người] như thế ấy? Cũng thưa rằng: “Chỉ là Thành mà thôi!” Xét theo chuyện này, há chữ Thành có khiến cho người ta bị làm lạc ư? Có sao người ta chẳng dốc sức nơi đây vậy thay?

Nhậm Quốc Tá bị bệnh lâu ngày, lập đàn cúng tế cầu được gia hộ. Trong mộng, ông Nhậm nghe thần bảo: “Nhậm Quốc Tá! Người bình sanh làm người tâm và miệng chẳng nhất trí. Từ thuở bé cho tới khi trưởng thành, chẳng có một công hạnh tốt lành nào, tội ác đã định, sẽ chết trong sớm tối”. Quả nhiên, ông ta chết. Hành Thổ không có vị trí nhất định, nhưng nó nắm quyền làm chủ Ngũ Hành, bốn mùa dựa vào đó để vận hành, vạn vật dựa vào Thổ để sanh trưởng. Trong Ngũ Thường, nó chính là Tín. Nếu bốn giềng mỗi kia mà chẳng có Tín, thì cũng sẽ chẳng thành tựu Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Vì thế nói: “*Thành là khởi đầu và chung cục của muôn vật; chẳng có lòng Thành, sẽ chẳng có vật gì*”. Người hiện thời ăn nói hoàn toàn chẳng có chân tâm đối với người khác, chính mình há có thể giúp

---

Lưu từng giữ chức Chánh Tự, tức là một chức vụ tương tự như vai trò Đãi Chế, nên người thời ấy vẫn quen gọi ông Lưu An Thế là Lưu Thị Chế.

<sup>750</sup> Tứ Châu Đại Thánh (泗州大聖) chính là một vị cao Tăng được tôn xưng là “*thần tăng*”, sống vào đời Đường. Ngài từ Tây Vực sang Trung Hoa, hiệu là Tăng Già đại sư, còn có mỹ hiệu là Tứ Châu Văn Phật. Theo truyền thuyết, trong quá khứ vô lượng kiếp, Ngài đã dùng âm thanh làm Phật sự. Vào những năm đầu trong niên hiệu Long Sóc (661-663), Ngài đến hoàng hóa tại Lạc Dương và Trường An, trụ tích tại chùa Lâm Hoài ở Tứ Châu. Nhận thấy tứ chúng kính ngưỡng đạo hạnh của Ngài, Đường Trung Tông cung thỉnh Ngài về trụ trì chùa Tiên Phước ở Trường An. Ngài đã từng vì nhà vua cầu mưa rất linh nghiệm và lưu lại rất nhiều sự linh nghiệm khác. Do vậy, vua ban tặng tám biển Phổ Quang Vương Tự cho chùa Lâm Hoài.

người khác thành tựu ư? Nếu từ nay trở đi sửa đổi, tỉnh ngộ, lời nói đi đôi với việc làm, trong ngoài tương ứng, ắt gặp chuyện sẽ thản nhiên, thường là thông dong có thừa, ngựa lên chẳng hổ với trời, cúi xuống chẳng thẹn với người, há chẳng sung sướng ư? Nhưng chúng ta dễ phạm chuyện này nhất, khó ngăn ngừa, kiểm điểm nhất. Đừng nên lời lỏng chút nào, [kéo sẽ] tự cắt đứt với quê hương quang minh, chánh trực, dẫn mình vào cảnh tối tăm, gai góc vậy!

*(Chánh văn) Tham mạo ư tài, khi vãng kỳ thượng, tạo tác ác ngữ, sàm hủy bình nhân.*

**(正文)貪冒於財。欺罔其上。造作惡語。讒毀平人。**

*(Chánh văn: Tham lam, xằng bậy đoạt tiền của, lừa dối bề trên. Nói lời ác độc, gièm chê, hủy báng người lành).*

Đòi lấy [tiền tài, vật dụng] chẳng chán là Tham (貪). Tăm tối, chẳng biết hổ thẹn là Mạo (冒). Tận trung phụng sự bề trên, giữ mình liêm khiết, đó là khí tiết to lớn của người làm bầy tôi cho kẻ khác. Nay cũng vì nguyên do tham lam, xằng đoạt chiếm đoạt mà lừa dối bề trên, tiết tháo của kẻ bầy tôi còn đâu nữa! Dầu [làm

như vậy] sẽ được phú quý nhất thời, phần nhiều là chẳng mấy chốc sẽ suy bại, con cháu chắt vật. Sao bằng vâng giữ lòng trung, liêm khiết, ngô hầu giữ vẹn tánh mạng và thanh danh ư? Còn như bọn sai nha tại nha môn bòn rút tiền lương, bọn đầy tớ trong các điền trang giấu diếm hòng tránh né nộp thuế, nộp địa tô, đủ mọi tệ đoan chẳng thể nêu trọn! Nói chung, đều là bọn thuộc hạ lấy tiền tài của người trên, dùng mưu kế để che giấu, dùng tài trí để lừa gạt. Nhưng tiền tài họ lấy được vốn là thứ có sẵn trong vận mạng [của chính họ], hiềm rằng do đoạt lấy bằng phương cách bất chánh, sẽ đến nỗi thân mạng và tài sản đôi đường đều mất mát! Sao bằng chẳng có mấy may cầu thả đối với chuyện này, ắt sẽ đạt được tiền tài vốn có [trong vận mạng] bằng những phương cách chánh đáng khác, ta cũng sẽ có được [tiền của, tài sản] giống như vậy, nhưng lẽ bình an và nguy hiểm khác xa nhau. Mọi người hãy đừng nên mê muội đối với lý tột cùng này!

Đời Minh, ông Vương giữ chức Đại Trung Thừa<sup>751</sup> tại Quý Châu, làm Tổng Đốc Lương Quảng. Ông thanh tra công khó, thấy tiền dư ra ba mươi bốn vạn lượng. [Thẩm tra sổ sách chi tiêu] thì đối với bộ Hộ, đã khai báo chi phí hoàn tất, tiền lương cho quân đội cũng đã phát đủ, chẳng biết món tiền ấy thuộc về bộ phận nào! Ấy là vì thái bình lâu ngày, quân đội ít, mà lương hướng lại nhiều, năm tháng tích lũy lại, cho

---

<sup>751</sup> Đại Trung Thừa (大中丞) là danh xưng khác để gọi chức Tuần Phủ vào thời Minh - Thanh. Chức Tuần Phủ thuở ấy thường trông coi hai hoặc ba tỉnh.

nên mới dư ra món tiền ấy, chẳng có cách nào truy ra món tiền ấy do đâu mà có. Triều đình cũng không hay biết, ông tra ra được, muốn dâng số tấu trình. Người nhà chẳng dám nói gì, có một vị bạn học cũ thông dong thừa rằng: “Ông chẳng nhiễm mảy trần, trong triều đình, ngoài đồng nội đều cùng biết; nhưng món tiền này, dưới đã chẳng phải do bóc lột máu mỡ của dân, mà trên cũng chẳng phải là xâm phạm thuế khóa nước nhà. Ông có bốn đứa con nôi dôi, có thể vì chúng nó tính kế đôi chút hay chẳng? Hãy báo lên trên ba mươi vạn lượng, giữ lại bốn vạn lượng để chia cho bốn đứa nó. [Làm như vậy] cũng chẳng tổn hại lòng trung và phẩm giá của ông”. Ông cười bảo: “Anh nói cũng hợp tình, hợp lý, nhưng tôi đã ở góa (giữ vẹn phẩm tiết liêm khiết) ba mươi năm, một mai vì con cháu tính kế, đầu bạc rồi mà thay đổi tiết tháo, không gì chẳng suy bại theo ư!” Rót cuộc, ông trình báo trọn hết số tiền ấy, chẳng giữ lại mảy may nào. Về sau, ông lần lượt làm đến chức Quận Thủ. Các cháu nối tiếp nhau đỗ Trạng Nguyên, nối tiếp nhau giữ những chức vị trọng yếu, họ chính là anh em của quan Thái Sử Tuyết Viên vậy. Than ôi! Ông Vương có thể làm chuyện khó có như vậy, có thể nói là bậc quân tử thật sự trong thiên hạ!

Trong niên hiệu Thành Hóa đời Minh, Tống Hoảng làm Tuần Phủ tỉnh Thiểm Tây. Bọn kỳ hiệu thuộc Tần phủ<sup>752</sup> mặc sức hoành hành làm khổ cư dân.

---

<sup>752</sup> Kỳ hiệu (旗校) tức là các quan võ trông coi kỳ quân. Kỳ quân là quân đội của các thân vương dưới đời Minh, kể cả quân đội bảo vệ hoàng thành. Chúng thường cấu kết với các thái giám nên rất lộng hành. Hiệu quan ở dưới cấp tướng, được chia



Tổng Hoảng đều bắt giam, trừng trị hết, chẳng khoan nhượng chút nào. Tần Vương tâu trình [triều đình, tố cáo] Tổng Hoảng khi dễ, [có ý định] diệt trừ các phiên vương. Chúa thượng tức giận, sai tổng ông vào nhà ngục của Cẩm Y Vệ<sup>753</sup>. Vua sai nội thần<sup>754</sup> Thượng Hanh tịch biên gia sản của ông, chỉ kiếm được một xấp lụa vàng, mấy bộ quần áo cũ. Thượng Hanh trở về, tâu trình tình trạng nghèo khó của Tổng Hoảng. Vua đích thân tra xét của cải nhà Tổng Hoảng, than thở hồi lâu, hạ chiếu tha bổng Tổng Hoảng, ban thưởng một vạn đỉnh bạc nhằm tuyên dương sự liêm khiết của ông, điều ông về làm Tuần Phủ Hà Nam. Ông đã đến nơi trấn nhậm, thái giám Uông Trục cũng vì có công vụ mà phải đến đó. Thuở ấy, oai thế của Uông Trục lừng lẫy, các vị Tuần Phủ khác đều cúi lạy cầu kiến, riêng ông

---

thành ba bậc là thượng hiệu, trung hiệu và thiếu hiệu. Tần phủ là vương phủ của Tần Vương. Sau khi Châu Nguyên Chương lập ra nhà Minh, đã phong cho các con làm phiên vương để làm vây cánh ở những vùng xa. Con thứ hai của Châu Nguyên Chương là Châu Sảng được phong làm Tần Vương, đứng đầu các phiên vương, trông coi tỉnh Thiểm Tây, đặt vương phủ tại Tây An. Quyền hạn của Tần Vương khá lớn, ông ta có thể điều động lính từ các tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ. Do Thành Hóa (1465-1487) là niên hiệu của Minh Hiến Tông, cho nên Tần Vương ở đây không phải là Châu Sảng, mà chỉ là cháu chắt của ông ta, vì tước vị Tần Vương được truyền đến mười một đời.

<sup>753</sup> Cẩm Y Vệ gọi đầy đủ là Cẩm Y Vệ Chỉ Huy Sứ Ty (錦衣衛指揮使司), là một cơ quan do Minh Thái Tổ đặt ra có chức trách như một cơ cấu an ninh mật vụ riêng do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Cơ quan này có nhiệm vụ trình sát, dò xét, tìm ra những quan chức bất trung, cũng như phát hiện những âm mưu chống đối triều đình. Cẩm Y Vệ có quyền bắt người, tra khảo và giam giữ. Những viên mật thám thân tín nhất của nhà vua thuộc Cẩm Y Vệ được gọi là Kiểm Hiệu. Đứng đầu cơ quan này là Tả Hữu Đô Đốc, phụ tá có Đô Đốc Đồng Tri, Đô Đốc Kiểm Sự, Đô Chỉ Huy Sứ và Đô Chỉ Huy Sứ Kiểm Sự.

<sup>754</sup> Nội thần (內臣) là các quan viên trực thuộc quyền sử dụng của hoàng đế, không do Tể Tướng cai quản. Thông thường là các quan viên giữ chức vụ bí thư, thái giám hoặc người đứng đầu, trưởng quan thị vệ v.v...

Hoàng vái chào, không lay. Ông Trục biết ông là bậc trung thần, liêm khiết, càng thêm kính trọng. Tống Hoàng ngầm dâng sớ, đàn hặc Ông Trục mang theo nhiều bộn kỳ hiệu, quấy nhiễu địa phương. Về sau, Ông Trục trở về kinh, chúa thượng hỏi quan Tuần Phủ các tỉnh có hiền hay chẳng? Ông Trục chỉ khen ngợi Tống Hoàng là bậc liêm khiết, có năng lực. Chúa thượng đưa sớ tấu đàn hặc của Tống Hoàng cho Ông Trục coi, Ông Trục khấu đầu nhận tội, ca ngợi Tống Hoàng hiền đức chẳng ngót. Chúa thượng tha tội cho hắn. Về sau, Tống Hoàng làm Thượng Thư.

Đời Minh, Nhan Mậu Do nói: - Phẩm hạnh, tiết tháo đến mức ấy, như trăng sáng ngời, như lửa cháy mạnh, như vàng ròng, như ngọc đẹp, cũng chẳng phải là tốt lành ư? Nếu ông Tần tích trữ tài vật đôi chút, lúc bị hạ chiếu tống giam, há có thể thoát khỏi [ngục tù] tiêu sái như thế hay chẳng? Oai đức liêm khiết đã vang dội, bộn thái giám đều sợ hãi. Bộn Oai Ninh Bá, Doãn Thượng Thư đều cúi đầu xin hắn (Ông Trục) thương xót, riêng ông Tần dùng thân phận viễn thần (遠臣, quan ở ngoài các tỉnh, chẳng trực thuộc triều đình) để bẻ gãy oai phong của hắn. Than ôi! [Thân phận] sang hay hèn cố nhiên là do chính ta tự đặt mình vào!

Đời Tống, Đỗ Diễn là người xứ Sơn Âm, ăn uống tại nhà [mỗi bữa] chỉ một bát mì mà thôi! Có người nói ông quá tiết kiệm. Ông đáp: “Diễn tôi vốn là một gã học trò nghèo túng. Danh vị, phước, lộc, mũ, đai, quần áo, vật dụng đều là những thứ sở hữu của nước nhà.

Một khi chúng lìa khỏi thân, lại là một chàng học trò đói nghèo, lấy gì để tự tiêu dùng? Tiết kiệm là phương cách để liêm khiết. [Nếu để cho] tài vật và quyền thế cùng nhau bức bách, rất mất tự do. Xa hoa, phung phí, mặc tình tiêu xài, những thứ ấy đều là của cải [của đất nước], dầu mong liêm khiết, có được hay chẳng? Vì thế, để thanh liêm, không gì bằng dùng cách tiết kiệm. Khi cai trị dân, chẳng khác gì lúc chính mình đang ở nhà, dùng tiền tài từ công quỹ [dè xẻn] giống như dùng tiền tài của chính mình! Như thế thì mới được!”

Một viên quan Bồ Chánh ở phủ Thiệu Hưng giỏi nghề tham ô, chắt chứa tài sản đến mấy chục vạn. Tới khi mất chức quan, quay về nhà, bèn mua mười vạn mẫu ruộng tốt, giàu có nhất quận. Ông nội của hắn nhiều lần nằm mộng, bảo hắn sắp bị cỡi âm trùng phạt. Hắn chẳng tin. Hắn chỉ có một thằng con, một đứa cháu nội, quả nhiên chúng nó đều [mê đắm] gái gú, cờ bạc, chẳng biết hồi cải, đều bị chết yểu. Không lâu sau, viên quan Bồ Chánh bị bệnh, trở thành tê liệt. Con dâu và vợ đứa cháu của gã quan ấy đều mang tiếng xấu! Những kẻ [thừa cơ] kiếm chác, bu đến như cò. Quan Bồ Chánh còn chính mắt trông thấy [tình trạng tài sản bị xâu xé ấy]. Lúc hắn gần chết, gia sản đã khánh kiệt. Lúc hắn lâm chung, trùng mắt, hét ầm lên: “Ta làm quan tới chức Bồ Chánh chẳng nhỏ, ruộng tới mười vạn [mẫu] không ít, toàn là do tay ta tậu, mát sạch trong tay ta”. Nói xong thì chết. Chao ôi! Đây chỉ là hoa báo, quả báo là trong địa ngục, lại chẳng biết sẽ đến mức nào! Lành thay ông Dương Bá Khởi đã nói: “*Ta tuy chẳng để lại*

*tài sản đồ sộ cho con cháu, nhưng nếu đời sau gọi chúng nó là ‘con cháu của một viên quan thanh bạch’ thì chẳng phải là ta đã để lại rất nhiều ư?”*

Con người dẫu có lỗi, cũng sẽ quanh co che giấu! Nếu [đối tượng bị hủy báng] là người trong sạch, vô tội, ắt [kẻ có ác ý] sẽ bịa đặt, rao truyền, dựng chuyện ác độc để gièm chê, hủy báng. Chuyện ấy còn tàn độc hơn dao, búa, cọp, sói. Bởi lẽ người ta vốn vô tội, nhưng do một kẻ đồn thổi, lũ tiểu nhân sửa hùa theo, khiến cho người nghe mờ mịt, chẳng thể biện định đúng sai, đến nỗi người hiền, kẻ gian nháo nhào, đảo lộn chuyện bị giáng chức hay thăng quan. Bậc quân tử quả trách chuyện này rất sâu! Đức Phật dạy: “*Do nghiệp ác khẩu, chết rồi sẽ đọa trong địa ngục binh đao rút lưỡi, còn sống thì bị báo ứng rạch, mổ, hình thể tàn tật, hủy hoại!*”

Cổ thi có câu:

*Sàm ngôn thận mặc thính,*

*Thính chi họa ương kết,*

*Quân thính, thân đương tru,*

*Phụ thính, tử đương quyết.*

*Phu thê thính chi ly,*

*Huynh đệ thính chi biệt,*

*Bằng hữu thính chi sơ,*

*Cốt nhục thính chi tuyệt.*

*Đường đường thất xích khu,*

*Mạc thính tam thốn thiết,*

*Thiết thượng hữu long tuyên,*

*Sát nhân bất kiến huyết.*

(Cẩn thận, đừng nghe gièm,

Nghe rồi, họa ương kết,

Vua nghe, sẽ giết quan,

Cha nghe, con ắt chết.

Chồng vợ nghe, chia lìa,

Anh em nghe, cách biệt,

Bạn bè nghe, lợt lạt,

Ruột thịt nghe, đoạn tuyệt.

Đường đường thân bảy thước,

Nghe chi ba tác lưỡi?

Trên lưỡi có gươm bén,

Giết người chẳng thấy máu).

Nỗi hại của gièm chê, hủy báng là như thế đó. Kẻ nghe lời [người khác nói], há chẳng nên cẩn thận ư?

Trịnh Tuyên nói: - Lời nói thông tục [khiến cho người nghe cảm thấy] ở gần chợ búa, lời lẽ nhõng nhẽo khiến ta cảm thấy đang gần bọn kỹ nữ ca xướng. Lời nói đùa bỡn khiến ta cảm thấy như đang ở gần bọn đào kép. Quân tử hễ hơi dính dáng đến những thứ ấy, không chỉ là oai đức bị tổn hoại, mà còn bị giảm phước, hưởng hồ là nói năng độc mồm độc miệng ư?

Đời Minh, Trần Lương Mô nói: - Ta xưa kia làm Phân Thủ<sup>755</sup> tại huyện Công An, có viên Giáo Dục<sup>756</sup> họ Bạch lên kinh đô thi Hội. Vợ ông ta thích làm lành, từng dùng tên của viên Giáo Dục ấy viết vào văn sớ, cúng thí đạo cô một lượng bạc, và làm chiếc phan thêu kết bằng sợi gai dài một trượng. Khéo sao có đồng nghiệp [của ông Bạch] đến thăm trông thấy, bèn kinh hãi bảo: “Quan nhà Nho lui tới với đạo cô sẽ gây phiền lụy chẳng nhỏ”. Vợ ông Bạch bèn tưởng con đường làm quan của chồng từ đây sẽ chấm dứt, trong tâm phiền muộn. Đến khi Bạch giáo dục thi rớt trở về, lấy vải gai để cắt áo, cắt luôn tấm phan ấy, bà vợ càng thêm bất an, bèn tự treo cổ chết. Tôi vừa mới nghe chuyện, hỏi thăm viên tri huyện, ông ta kể cặn kẽ mọi chuyện, chẳng có ai không thương xót ông Bạch, buồn

---

<sup>755</sup> Phân Thủ (分守) là danh xưng để gọi chung các chức vụ Án Sát Sứ và Án Sát Phân Ty (Giám Ty) vào thời Minh.

<sup>756</sup> Giáo Dục (教諭) là chức quan trông coi về việc học vấn tại một huyện, đồng thời trông nom việc tế tự tại Văn Miếu.

cho bà vợ. Về sau, phủ viện<sup>757</sup> Lâm Nhị Sơn thảo luận về danh sách những quan lại có hiền năng hay không, bảo tôi: “Bạch giáo dụ cưỡng gian vợ đồng sự, vợ ông Bạch cần nhả. Ông Bạch bèn ép vợ thất cổ chết, tội chẳng thể dung không giết!” Tôi bèn kể lại những điều đã nghe được. Trong lúc ông ta trầm ngâm, tôi thưa: “Chẳng hiểu những lời Ngài đã nghe trước đó xuất phát từ kẻ nào. Nếu [kẻ nói những lời nói đó] đúng là bậc quân tử thì còn có thể tin tưởng. Chứ nếu kẻ ấy chẳng phải là [người đáng trọng] như vậy, xin hãy tìm hiểu thêm”. Ông ta lập tức vỗ bàn nói: “Đúng lắm! Đúng lắm”, lập tức vung bút xóa sạch những [lời lẽ kết tội ông Bạch]. Về sau, ông Bạch được thăng làm Trợ Giáo trường Quốc Tử Giám, tôi chuyển sang làm quan Niết (Án Sát Sứ) tại đất Môn (Phước Kiến). Tôi gặp ông Nhị Sơn tại đất Phủ (Phủ Điền), ông chỉ nhà hàng xóm bảo tôi: “Gã họ Ngô ấy từng làm Huấn Đạo<sup>758</sup> tại huyện Công An. Kẻ sàm báng ông giáo dụ họ Bạch chính là hắn. Xưa nay, tâm thuật của hắn bất chánh. Tôi nhờ lời ông [khuyên can] mà vỡ lẽ. Hắn ta về sau được thăng làm Giáo Dụ ở Bình Hương, cũng vì bị đồng liêu sàm báng mà bị bãi chức, về nhà. Qua hồ Bà Dương, thuyền lật, chỉ giữ được cái mạng; nay hắn tịch mệnh lắm”. Tôi thưa: “Thích bàn chuyện buông the và các thứ khuyết

---

<sup>757</sup> Phủ viện (撫院): Tiếng gọi tôn xưng quan Tuần Phủ.

<sup>758</sup> Huấn Đạo (訓導) là chức trợ tá của các chức quan trông coi việc học. Theo quy chế thời Minh - Thanh, người trông coi việc học tại một phủ gọi là Giáo Thụ (教授), tại cấp châu thì gọi là Học Chánh (學正), còn cấp huyện là Giáo Dụ (教諭). Mỗi cấp này đều có nhiều trợ tá, các trợ tá đều được gọi chung là Huấn Đạo.

điểm của kẻ khác, ắt sẽ khiến cho quỷ thần tức giận. Nếu chẳng gặp tai họa lạ lùng, ắt sẽ bị khốn cùng quá đời!” Xét ra, ông Huấn Đạo họ Ngô sàm báng, bôi đen người trong sạch, báo ứng sẽ không chỉ là như vậy! Nhưng phương pháp để nghe lời nói của kẻ khác sẽ là chỉ nên quan sát [phẩm hạnh] của người nói, chẳng phải là cũng rõ rệt hay sao?

*(Chánh văn) Hủy nhân xưng trực, mạ thần xưng chánh.*

**(正文)毀人稱直。罵神稱正。**

*(Chánh văn: Hủy báng kẻ khác, tự khoe bản thân chánh trực. Nhục mạ thần linh, tự xưng mình là chánh đáng).*

Bậc sĩ quân tử lập thân, xử thế, phải nên giữ sao cho hành vi của chính mình ắt đều chánh trực, chẳng tà vạy. Đây là Trực (直). Nếu bản thân chưa thể chánh trực, chỉ lo hủy báng người khác [để tự khoe mình là bậc] chánh trực thì lương tâm đã bị chôn vùi; há đáng gọi là “chánh trực” ư? Hơn nữa, người chánh trực cõi lòng ắt trung hậu, hễ đáng nên nói liền nói, khiến cho người khác biết sửa đổi. Cốt yếu là lòng thành có thừa mà lời lẽ chẳng đủ [để diễn tả]. Đó gọi là Trực vậy!



Những kẻ hủy báng, bôi nhọ tiếng tăm của người khác hòng thỏa cơn tức giận của chính mình, mà vẫn tự xưng là “*chánh trực*”, há chẳng đáng thống thiết cảm giận ư? Lão Tử nói: “*Người thông minh, xét đoán sâu xa mà gần như lâm vào tử địa là vì thích chê bai, bàn tán kẻ khác*”. Ông Trình Y Xuyên nói: “*Bạc quân tử đối xử với người khác, hãy nên từ chỗ lỗi lầm của họ mà tìm ra chỗ không làm lỗi, chớ nên từ chỗ không làm lỗi mà bươi móc làm lỗi, nhưng xét lỗi mình thì phải nên làm ngược lại*”. Ôi! Người trong thế gian khẩu nghiệp vô cùng. Vì thế, đức Thái Thượng đời ba lượt nghiêm ngặt nhắc nhở.

Đời Minh, Thị Lang Vương Vỹ do Thiếu Bảo Vu Khiêm tiến cử mà được thăng chức. Hắn dò tìm lỗi lầm của ông Vu để ngầm tấu trình hủy báng hòng được tiếng là người thẳng thắn. Khi ấy, Cảnh Đế<sup>759</sup> tin nhiệm ông Vu, triệu ông vào cung, trao cho ông bản sớ tấu của Vương Vỹ. Ông dập đầu nhận tội. Vua bảo: “Ta tự biết khanh, khanh chớ nên lo buồn”. Ông lui ra, Vương

---

<sup>759</sup> Minh Cảnh Đế (Minh Đại Tông Châu Kỳ Ngọc) chính là em trai của Minh Anh Tông (Châu Kỳ Trán). Lúc Anh Tông lên ngôi, Châu Kỳ Ngọc được phong làm Thành Vương. Năm Chánh Thống 14, Minh Anh Tông thân chinh đánh giặc Mông Cổ Ngõa Lạt (Oirats), bị bắt làm tù binh tại Thổ Mộc Bảo. Hoàng Thái Hậu bèn lập Châu Kỳ Ngọc lên làm Giám Quốc. Về sau, nghe lời khuyên cáo, Châu Kỳ Ngọc bèn xưng đế, tôn Minh Anh Tông làm Thái Thượng Hoàng. Do trong bảy năm trị vì, Minh Đại Tông chỉ dùng niên hiệu là Cảnh Thái, nên thường được gọi là Cảnh Thái Đế hay gọi tắt là Cảnh Đế. Khi Anh Tông được quân Ngõa Lạt trả về, Anh Tông đã bị Đại Tông quản thúc tại Diên An Cung. Trong thời gian Minh Đại Tông cai trị, dưới sự phù tá của Vu Khiêm, nhà vua đã đặc biệt chú ý phát triển kinh tế, tăng cường quân đội. Khi Minh Đại Tông bệnh nặng, không thể lâm triều, đại thần Thạch Hanh cùng với các ông Từ Hữu Trinh, Dương Thiện và Tào Cát Tường đã cùng nhau mưu sự, đưa Anh Tông lên ngôi trở lại. Đại Tông bị giam lỏng trong Tây Uyển, một tháng sau thì chết.

Vỹ đón đường, thưa hỏi: “Hoàng thượng truyền bảo chuyện gì thế?” Ông chẳng nói. Hấn lại hỏi nữa, ông bèn cười bảo: “Lão phu có chuyện gì không đúng, hãy nên nói thẳng ngay mặt, chẳng cần phải hùa theo, sao mà tàn nhẫn đến thế?” Ông bèn lấy tờ sớ tấu [của Vương Vỹ] đưa cho hấn coi. Vương Vỹ hoảng sợ, khúm núm, không biết làm sao. Ông cười an ủi hấn.

Đời Nguyên, Dương Thiết Nhai danh vọng cao trọng cả nước. Ở Lâm Giang, có đền thờ người đàn bà tiết hạnh họ Vương; ông Dương đề thơ rằng:

*Giáp mã đà đà bách lý trình,*

*Thanh Phong hậu dạ huyết thư thành,*

*Chỉ ưng Lưu Nguyên đào hoa thủy,*

*Bất tự Ba Lăng Hán Thủy thanh.*

(Trăm dặm cặp kè lưng ngựa chiến,

Thanh Phong đêm thấm huyết thư đề,

Chỉ nên tận hưởng Thiên Thai thú,

Nhạc Dương sông Hán chẳng trong bằng)<sup>760</sup>.

---

<sup>760</sup> Theo Thọ Khang Bảo Giám, vào thời Tống Đoan Tông, quân Nguyên tấn công Thai Châu, vợ một người dân ở Lâm Hải là Vương thị rất đẹp, bị bọn giặc bắt đem vào trong quân doanh. Gã thiên phu trưởng Mông Cổ giết chết bố mẹ chồng và chồng cô ta, muốn ăn nằm với cô. Cô ta thà chết chẳng thuận theo, giả vờ nói: “Xin cho tôi để tang bố mẹ chồng và chồng một tháng rồi mới có thể hầu hạ bậc quân tử”. Gã thiên phu trưởng thấy cô không đòi chết nữa, bèn chấp thuận lời thỉnh cầu,

Về sau, ông Dương không có con. Ông mộng thấy một phụ nữ bảo: “Ông làm thơ vịnh tiết phụ họ Vương, tuy chẳng thể tôn hại thanh danh của tiết phụ, nhưng do ôm tấm lòng khắc bạc, trời đã khiến cho ông tuyệt tự”.

Ông Dương hối hận, lại làm thơ rằng:

*Thiên tùy địa lão, thiếp tùy binh,*

*Thiên địa vô tình, thiếp hữu tình,*

*Chỉ huyết khiết khai hà khiếu xích,*

*Đài ngân hóa tác tuyết giang thanh.*

*Nguyện tùy tương sắt thanh trung tử,*

*Bất trực hồ già phách lý sanh.*

*Tam nguyệt tử quy đề đoạn huyết,*

*Thu phong vô lệ tả ai minh.*

(Tạm dịch:

---

nhưng vẫn sai nữ tù nhân canh giữ cô ta. Hôm quân Nguyên rút lui, hấn mang theo cô ta. Khi đi qua rừng Thanh Phong ở huyện Sơ, Vương thị ngửa mặt lên trời than: “Hôm nay, ta đã có chỗ để chết rồi”. Liền cắn ngón tay, [lấy máu] viết thơ lên đá, gieo mình vào vách đá mà chết. Chuyện đã cách nay tám, chín mươi năm, máu trên đá vẫn rõ nét như mới, chẳng bị mưa gió xóa nhòa. Bài thơ của ông Dương mang ý nghĩa hủy nhục, khinh bạc rất lớn, chê trách Vương Thị đã chịu đề cho viên tướng Mông Cô kèm cặp trên ngựa dẫn đi cả trăm dặm, đến cuối cùng mới viết huyết thư liêu thân, sao không tiếp tục sống để hưởng lạc thú giống như Lưu Nguyễn vào chốn Thiên Thai. Dầu có liêu thân thì thân đã như uế, đâu có trong sạch như nước dòng Hán Thủy ở Ba Lăng (Ba Lăng là tên gọi cũ của Nhạ Dương).

Trời già theo đất, thiếp theo quân,  
Trời đất vô tình, thiếp hữu tình,  
Máu cắn ngón tay như ráng đỏ,  
Sông trình xanh ngắt vết rêu in.  
Nguyễn chết theo chồng cho trọn nghĩa,  
Chẳng ham sống nhục với quân Hồ,  
Tháng Ba chim cuộc gào tan huyết,  
Gió thu khôn tả nỗi buồn thương).

Lại mộng thấy người đàn bà nói: “Ông đã hối lỗi, sẽ có con”. Quả nhiên, ông sanh một trai. Do vậy, tiên sinh Thiết Nhai tấn tu, chứng đắc quả tiên.

Thông minh chánh trực thì gọi là Thần, bậc quân tử hãy nên kính sợ. Thế mà có phường tiểu nhân chẳng biết kiêng nể, tự xưng là “chánh trực, chẳng tà vạy, có thể khuất phục quỷ thần”. Chẳng biết tâm thuật vừa mới dấy mảy niệm, quỷ thần đã thấy rành rành, chỉ tự chuốc lấy tội lệ đó thôi!

Đời Hậu Ngụy<sup>761</sup>, Thôi Hạo phụng sự Ngụy Thái Tổ (Thác Bạt Khuê) được sủng ái, đãi ngộ đặc biệt

---

<sup>761</sup> Hậu Ngụy (386-534) còn gọi là Thác Bạt Ngụy, Bắc Ngụy, hay Nguyên Ngụy để phân biệt với nhà Tào Ngụy của Tào Phi (con trai Tào Tháo). Triều đại này do Thác Bạt Khuê người Tiên Ty sáng lập, lãnh thổ gồm trọn miền Bắc Trung Hoa, kinh đô là Lạc Dương và Trường An.

trọng hậu, lần lượt làm quan tới chức Tư Đồ. Do chuyện tu chỉnh quốc sử đã phơi bày những điều ác của đất nước (tức là phơi bày những lỗi ác của hoàng tộc đương triều) mà hấn bị giết chết. Trước đó, Thôi Hạo bài xích, hủy báng Phật pháp. Vợ hấn là Quách Thị kính yêu nội điển (kinh Phật), Thôi Hạo tức giận, giật lấy đem đốt hết, vứt tro kinh vào nhà xí! Tới khi Thôi Hạo bị giam kín, nhốt vào trong lồng giam, [bọn giám ngục] sai quân lính đá tung tóe lên thân hấn. Từ xưa, những kẻ đã từng đứng đầu các quan [khi thất thế], không có ai bị [giam cầm], lẳng nhục rồi mới giết chết như Thôi Hạo!

Tại Trấn Giang, có một người chủ tiệm bánh họ Vu, đưa con thơ của hấn bị chết vì bệnh đậu mùa. Họ Vu bèn viết đơn thưa, toan dâng lên Thành Hoàng tố cáo thần đậu mùa. Vợ hấn đoạt lấy, đem đốt dưới bếp lò. Đến đêm, hấn mộng thấy quỷ tốt bắt đi. Thành Hoàng nói: “Táo Quân trong nhà ngươi đã tâu trình chuyện ngươi có đơn tố cáo thần đậu mùa, ông ta mắc tội gì vậy?” Họ Vu thưa: “Thần đậu mùa đòi được cúng tế mà chẳng toại ý, bèn khiến cho con tôi bị chết”. Chốc lát, thần đậu mùa đến, thưa: “Mạng con hấn đã hết, liên quan gì đến tiểu thần?” Thành Hoàng phán: “Nghĩ tình tiểu dân vô tri, giao cho Dương tri huyện trách phạt hai mươi gậy, bệnh một tháng”. Khi ấy, Dương Thục Đình làm huyện lệnh huyện Đơn Đồ. Ngày hôm sau, hấn ở ngoài tiệm, chống cửa lên, [vô tình] gây trở ngại, phá nát cái tán che [kiệu của] quan, bị quan trách phạt hai mươi gậy, nằm mọp trên giường

bệnh một tháng mới lành! Quý thần và phép vua giúp nhau thành tựu. Vì thế, đắc tội với quý thần, sẽ thường là đích thân trái phạm phép vua!

**(Chánh kinh) Khí thuận hiệu nghịch, bồi thân hướng sơ.**

**(正文)棄順效逆。背親向疏。**

**(Chánh kinh: Bỏ thuận theo nghịch. Phản bội người thân thuộc, chạy theo người ngoài).**

Thạch Thước là người nước Vệ đời Châu đã nói: - Vua có nghĩa, bày tôi trung thành, cha nhân từ, con hiếu thảo, anh yêu thương, em kính mến; đó là sáu điều thuận thảo. Kẻ hèn hạ xâm phạm người tôn quý, kẻ trẻ tuổi hiếp đáp người lớn tuổi, kẻ ở xa ly gián người thân cận, kẻ mới ly gián người cũ, kẻ nhỏ lấn lướt người lớn, dùng sự dâm uế phá hoại nghĩa lý, đó là sáu điều trái nghịch. Do bỏ điều thuận thảo, noi theo điều trái nghịch; cho nên, họa sẽ nhanh chóng đưa tới. Kinh Thư chép: “*Huệ địch cát, tòng nghịch hung*” (Thuận theo đạo trời sẽ dẫn đến sự tốt lành, trái nghịch đạo trời sẽ là hung hiểm). Lại chép: “*Thuận thiên giả xương, nghịch thiên giả vong*” (Thuận theo đạo trời sẽ hưng thịnh, trái nghịch đạo trời sẽ bị diệt vong). Thuận theo, ắt sẽ là trung, là hiếu, làm thánh, làm hiền. Trái nghịch thì sẽ là

điên cuồng, tàn bạo, tâm tình thay đổi xoành xoạch, là kẻ giặc. Có nghĩa là trong vòng một niệm, họa và phước được phán định khác biệt một trời một vực, há chẳng nên thận trọng ư?

Triệu Phong Tử là người ở huyện Văn An, Bá Châu có sức mạnh, dũng cảm. Hắn cùng với Lưu Lục và Lưu Thất chia nhau làm cướp. Hắn cướp phá Hà Nam, tiến vào Bí Dương, đào tung hết các mộ phần tổ tiên của Tiêu Phương, nói: “Ta phải tận tay giết thằng giặc này để tạ tội với thiên hạ”. Hắn bị quan quân đánh bại, phải chuyển sang cướp bóc tại Lục An. Quan quân lại truy kích, Phong Tử đoạt được độ điệp của một vị Tăng, bèn cạo tóc giả vờ làm Tăng. Hắn bị bộ tướng Triệu Thành bắt được, chém vụn thành từng miếng! Lưu Lục và Lưu Thất chạy tới Lang Sơn ở Thông Châu, bỗng bão lốc nổi lên dữ dội, bọn giặc bị giết sạch. Phàm trái nghịch có hai loại: Một là bày tội hoặc con cái trái nghịch vua, cha. Hai là đạo tặc quấy nhiễu, làm hại xóm làng. Đối với chuyện kẻ bày tội hoặc phạm làm con mà trái nghịch, thì trong phần nói về “*bất trung, bất hiếu*” thuộc phần trước đã răn bảo tường tận. Vì thế, ở đây chuyên nói về những kẻ dấy loạn, làm giặc, hòng mọi người sẽ an phận, noi theo lý mà giữ vẹn thân mạng vậy!

Phản bội thân thuộc, chạy theo người ngoài, không chỉ là một mối. Như dối lừa, chống trái cha mẹ, hoặc ỷ thế nhà vợ mà đối đãi thân thuộc của cha mẹ không theo lẽ chánh đáng, đối đãi nồng hậu với thân

thuộc bên vợ, nhưng so đo từng ly từng tý với anh em. Đặc biệt đối xử khảng khái với bạn bè, người ngoài, chẳng đoái hoài họ hàng của chính mình đối lạnh, bần hàn, mạo nhận [bạn bè, người ngoài] mới là thân tộc của chính mình. Phàm những kẻ bạc bẽo đối với những người đáng nên đối xử trọng hậu, hậu đãi những người đáng nên đối xử sơ sài, đều thuộc [trong phạm vi của lời răn này]. Khổng Tử bảo: “*Bất ái kỳ thân nhi ái tha nhân giả, vị chi bột đức. Bất kính kỳ thân, nhi kính tha nhân giả, vị chi bột lễ*” (Chẳng yêu thương cha mẹ mà yêu thương người khác thì gọi là trái nghịch đức. Chẳng kính trọng cha mẹ mà kính trọng người khác thì gọi là trái lễ). Nay những kẻ bội nghịch người thân, thuận theo những kẻ có mối quan hệ chẳng thân thiết, nếu chẳng vì ân oán mà xử sự theo tình cảm riêng tư thì là do thuận theo tình cảm thường tình nồng ấm hay lạnh nhạt, trái đức, nghịch lễ quá đỗi! Đây là trọng tội căn bản, sẽ bị báo ứng rất nặng!

Châu Thông do nhiều lần thi Cử Nhân chẳng đậu, bèn sang Tiểu Quận nhận viên Đô Lại<sup>762</sup> là Châu Cát làm cha, hằng ngày tự xếp mình vào hàng ngũ các đứa con ruột của ông ta. Hết thấy những kiêng kỵ về tên húy của ba đời [tổ tiên] đều dùng theo nhà họ Châu. Năm sau, nhờ đó mà hắn thi đỗ Cử Nhân, chẳng trở về

---

<sup>762</sup> Đô Lại (都吏) còn gọi là Đốc Bưu (督郵), là chức quan phụ tá Thái Thú (người đứng đầu một quận), đặc trách giám sát quan lại có xứng đáng với chức vụ hay không, kiêm nhiệm chương quản những vấn đề về dịch trạm (chuyển giao công văn), hình ngục. Về sau, do hành chánh phức tạp, mỗi quận đều có nhiều viên Đô Lại để coi một phân khu trong quận. Các chức vị phụ tá của Đô Lại bao gồm Đốc Bưu Duyệt, Đốc Bưu Thư Duyệt v.v...



nhà. Cha hắn viết bài thơ trách móc, Châu Thông hồ thẹn mà chết.

Đời Minh, Bạch Hy không có con, chẳng nuôi cháu làm kẻ thừa kế, mà nuôi một đứa con của một gã đồ tể. Về sau, Bạch Hy chết, có người khách ban đêm ngủ lại nhà ấy. Trong đêm, nghe có tiếng chân bước vội, người ấy bèn ngồi dậy, từ khe cửa nhìn ra, thấy mấy người đàn ông, đàn bà, lẫn quần mong ngóng, dường như có vẻ đói khát. Lại thấy một người, eo cài con dao mổ, khật khưỡng tiến vào. Chốc sau, vỗ bụng đi ra. Mấy người đàn ông, đàn bà chùn chân nói: “Khổ quá! Thôi rồi, lại chẳng được ăn”, thảm não lui ra. Đến sáng, người khách hỏi đầy tớ, đầy tớ đáp: “Đêm qua chủ nhà cúng bái tổ tiên”. Do vậy, người khách vỡ lẽ: “Kẻ cầm con dao mổ chính là cha ruột [của chủ nhà]. Mấy người đàn ông, đàn bà chính là tổ tiên nhà họ Bạch và vợ chồng Bạch Hy”. Người khách ấy than thở, ra đi.

*(Chánh văn) Chỉ thiên địa dĩ chứng bỉ hoại. Dẫn thần minh nhi giám ối sự. Thí dữ hậu hối, giả tá bất hoàn.*

**(正文)指天地以證鄙懷。引神明而鑒猥事。  
。施與後悔。假借不還。**

*(Chánh văn: Chỉ trời đất thề thốt làm chứng cho lòng dạ xấu xa. Viện dẫn thần minh hòng chứng giám chuyện tồi tệ. Cho rồi lại hối, vay mượn không trả).*

Trời đất vô tư, thần minh chánh trực, thuận theo sẽ tốt lành, trái nghịch sẽ hung hiểm. Báo ứng như tiếng vang, đã chú tâm kinh sợ, vẫn còn phải dè chừng phạm tội, huống hồ dám chỉ trỏ [trời đất], viện dẫn [thần minh] hòng chứng giám những chuyện bại hoại, bỉ ổi, cũng chẳng phải là khinh nhờn lắm ư? Há lẽ nào trời đất, thần minh chịu giúp con người làm ác ư? [Những kẻ hở ra là chỉ trời, vạch đất thề thốt, viện dẫn thần minh làm chứng] chỉ là tự nhanh chóng chuốc họa vậy!

Nhà của Trương Trung tụ tập toàn hạng người bất mãn, hung tợn. Cha, con, anh, em, mẹ chồng và con dâu, chị em dâu hở ra là xô xát, tranh chấp. Họ thường hô trời, gọi đất, chỉ trỏ thần minh hòng muốn biểu lộ bản thân trong sạch. Đến khi mỗi gia đình tách ra riêng, sự tranh chấp càng quá đáng, ai nấy cầu cúng thần, nguyên rửa lẫn nhau. Từ đó, yêu quỷ lộng hành ngày càng nhiều, bệnh tật nhiều lần phát sanh. Trong vòng mấy năm, cả nhà gần như chết sạch!

Đời Minh, Liên Trì đại sư nói: “Thế tục hứa nguyện, như các chuyện cầu có con, cầu thọ, cầu giải nguy, cầu công danh, cầu tài lộc v.v... chớ nên hứa nguyện mổ giết những con vật [để đáp tạ]. Đó gọi là ác nguyện, tạo oan nghiệt, chẳng có công hiệu gì! Cho đến

hứa may áo bào [cho thần tượng], hứa may phan, hứa tạo điện phủ, hứa dâng cúng đồ thờ [đều chớ nên]. Chỉ nên cốt sao giữ tấm lòng trang nghiêm Phật pháp, nguyện cho khắp chúng sanh thấu nhiếp cái tâm kính sợ, chớ nên có lòng cầu phước. Ấy là vì đại bi bình đẳng thì gọi là Phật, chánh trực chẳng thiên vị là thần. Nếu ai chỉ có lòng riêng tư cầu phước, há có lẽ nào trời đất quý thần vì được hối lộ mà giáng điều cát tường hay chẳng? Dựa theo lý để luận định, chỉ cốt yếu là chính mình trọn hết tấm lòng, rộng hành các điều thiện, trung, hiếu, hòa, thuận, thương người nghèo, mền người già, giúp người gặp tai nạn, giúp đỡ kẻ khổ, kiêng giết, phóng sanh, làm các thứ âm chất, mọi điều phương tiện tùy theo khả năng, tận hết sức nỗ lực thực hiện, do công năng của điều thiện cảm vơi, tự nhiên phước sẽ giáng xuống. Nếu chẳng làm lành, chỉ sanh lòng cầu nguyện, mong mỏi, đó chính là hoài bão hèn tẻ, là chuyện bỉ ổi, khinh nhờn thần minh”. Bảo khắp người đời, hãy nên dốc lòng tin tưởng lời này.

Chuyện thí xả là chuyện lập công nhanh chóng nhất, ắt phải ưa thích làm lành chẳng mỗi mội thì mới có tiến bộ. Dầu tài lực chẳng đủ [không thể tiếp tục thực hiện], vẫn cần phải nên thường giữ tấm lòng ấy. Huống hồ có nên nẩy sanh lòng keo kiệt, chôn vùi ý niệm ban đầu ư? Chưa cho đã hối hận, ắt chẳng có kết quả do thí xả. Đã cho rồi hối hận, tức là chẳng còn thí nữa, tàn hại lòng nhân nghĩa, là cội gốc của tâm bệnh. Vì thế, đức Thái Thượng chẳng nhắc đến sự tốt lành của thí xả, chỉ nói về lẽ ác của việc “đã cho rồi hối

hận”. Bởi lẽ, chuyện được thánh nhân khen ngợi nhất chính là “hướng thiện, sửa lỗi”, điều bị các Ngài ghét nhất không gì bằng “chẳng làm lành đến cùng”.

Kẻ đã thí xả rồi sau đó hối hận, xét đến thuở đầu, [sẽ thấy] rốt cuộc là chẳng do chân tâm thích làm lành; bất quá là nhất thời cao hứng cầu danh, mong được phước đó thôi. Chỗ khởi nguồn đã trật, sao không hối hận về sau cho được? Nếu là chân tâm thí xả, ta và người đều không, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi này. Do vậy, người làm lành chẳng thể không dốc sức biện định nơi một niệm vừa mới chớm nảy.

Phù Nhã thích bố thí cho người khác, kẻ ăn mày bầu đầy trước cửa. Ông thường nói: “Tài vật trong thiên hạ vô định. Hôm nay giàu, mai sau nghèo, giống như chiếc vòng xoay mãi. Nếu một ngày chẳng thí, ắt lòng chẳng vui sướng”. Người thuở ấy nói: “*Chẳng thềm giàu như Quyền Hưng, thà nghèo như Phù Nhã*”. Về sau, ông làm quan tới chức Thượng Thư Lệnh, con cháu càng giàu có hơn.

Lưu Khoan thích thí cho người nghèo túng, khốn khó, vất vả, chẳng mỗi mội. Về sau, ông được Thái Thượng Lão Quân thân nhận, giữ chức vụ Đồng Sơ Phủ Soái Thượng Hầu, chưởng quản những người mới đắc đạo.

Vĩnh Thanh Sử chánh trực. Khi dựng nhà, đào đất, tìm được mấy vạn lượng bạc. Ông thở dài, nói: “Tiền tài là tánh mạng của con người. Đã do trời ban cho, há

nên hưởng riêng?” Phàm những chuyện có thể giúp đỡ, châu cấp kẻ nghèo khổ, túng thiếu, hay đang gặp nguy cấp, không gì ông chẳng làm. Về sau, gặp năm mất mùa, ông bỏ ra tám vạn thạch gạo để cứu té dân đói. Chẳng lâu sau, đạo tặc nổi dậy như ong, ông lại bỏ ra tài sản để bảo vệ xóm làng. Quan viên tâu lên, ông được [triều đình] ban quan chức, và lập bia biểu dương. Ông thọ chín mươi bốn tuổi, con cháu đông đảo.

Trương Hiến Khả ở Vũ Tấn, tánh nhân từ, thích bố thí. Ông đã

từng thí ba ngàn cỗ quan tài xong xuôi, lại tiếp tục thí. Ông mướn những người ăn xin chôn cất những xác chết [vô thừa nhận] trên đường, cứ mỗi xác sẽ trả công chừng đó tiền. Kẻ ăn xin mỗi khi thấy có tử thi trên đường đều vui mừng, cho đó là nguồn tiền. Từ ấy, trong huyện chẳng có thi hài bị phơi sương dãi nắng. Ông lại nấu thuốc cao để thí cho người bệnh hoạn. Lúc lạnh thì nấu cháo thí cho người đói ăn. Ông nói: “Đã chôn người chết, há chẳng nên cứu người sống ư?” Hai con trai ông thi đỗ, được phong chức tước. Mất mùa là thiên tai, kẻ cùng khốn là do số mạng. Cứu người gặp tai ương chính là tấm lòng của trời đất; tạo nên số mạng là sở học của thánh hiền. Mấy vị ấy dùng lòng thành để thí xả, cho nên được phước thọ, phú quý, con cái nối dòng. Lại còn được siêu sanh về chốn lành, lý là như vậy đó.

Hề Bách Tam vốn là một người nghèo, ngẫu nhiên gặp một đạo nhân đến xin tại một tiệm buôn. Chủ tiệm buôn không cho. Bách Tam sờ lưng chỉ còn một đồng, bèn cho [vị đạo nhân ấy]. Đêm hôm đó, ông mộng thấy đạo nhân trừ bỏ bươu thịt cho mình. Đến khi tỉnh giấc, cái bươu thịt dưới cảm quả nhiên rụng mất. Thí một đồng mà rốt cuộc được là đau khổ. Có thể thấy là bỏ thí chẳng quan trọng là ít hay nhiều, mà là do tấm lòng. Người đời hãy nên tự mình nhất tâm tận lực thực hiện, khuyên người khác cùng làm, còn e là chậm chạp, huống hồ có nên hối hận ư?

Vay mượn là để chuyển từ người sẵn có cho đến người chẳng có, hòng giúp đỡ trong cơn túng ngặt, vốn là chuyện tốt đẹp. [Người vay mượn] chịu ân đức [của người cho mượn] chẳng nhỏ, há nên cậy mạnh, ngoan cố, viện vào mánh khỏe giáo hoạt để thoái thác, trốn nợ ư? Nào có biết chưa trả xong nợ cũ, chết rồi sẽ phải đền bồi. Nhẹ thì làm nô tỳ cho họ (chủ nợ), nặng thì sẽ làm lừa, ngựa, trâu, chó để đền bù, cũng đáng sợ thay!

Phàm mượn vật dụng của người ta, phải nên chú ý quý tiếc, giữ gìn. Mượn vật dụng của người khác, nếu chẳng phải là bất đắc dĩ, đừng nên mượn. Mượn rồi dùng xong, hãy ngay lập tức trả lại. Như thế thì không chỉ là người ta chẳng chán ghét, mà chính mình cũng chẳng hổ thẹn. Còn như vay nợ tiền bạc, càng phải nên trả lại người ta sòng phẳng. Đời nay, đa số thường là vay mượn không chịu trả, chẳng nghĩ tiền tài ấy chẳng phải là tiền tài của ta, dầu có giữ rịt thì rốt cuộc nó cũng

mất đi. Tiền tài đã chẳng còn, chỉ còn nợ đọng lại, có lợi ích gì chẳng? Xin hãy suy nghĩ!

Mùa Thu năm Mậu Ngọ (1678) đời Khang Hy nhà Thanh, một

cư dân ở Yên Kinh (Bắc Kinh) là Trương Nguyên nuôi một con lừa, mỗi ngày đi được hai trăm dặm. Nó thích cắn, đá người khác, chỉ có ba người cha con họ Trương cưỡi lên, ắt nó vâng chịu, chứ người khác chẳng thể cưỡi được. Ngẫu nhiên, một người họ Dương bèn thử mượn, rất dễ dàng cưỡi nó, bèn cưỡi đi. Đã trả lại, ban đêm, họ Dương mộng thấy một người áo đen nói: “Tôi là con lừa của họ Trương. Đời trước, tôi đã mượn ông ba trăm đồng không trả, nay sẽ bồi thường. Ngày hôm qua, ông cưỡi tôi đi hai trăm tám mươi dặm, xin hãy cưỡi tôi thêm hai mươi dặm nữa cho xong nợ của tôi”. Ông Dương hỏi: “Người thiếu họ Trương bao nhiêu tiền?” [Người ấy] chau mày nói: “Nhiều lắm! Chẳng thể nói”. Ông Dương tỉnh giấc, quả nhiên lại mượn lừa cưỡi đi. Đi khá xa, lừa bỗng lòng lên, quăng ông Dương xuống đất. Tính đường đi, quả nhiên là hai mươi dặm, họ Dương càng lấy làm lạ hơn, khuyên nhủ: “Ta biết nguyên do [người quăng ta xuống đất rồi], nhưng nay còn cách nhà ta mười dặm nữa. Không cưỡi người, làm sao có thể về cho được? Ta trở về, sẽ dùng mười đồng mua cỏ cho người ăn được không?” Con lừa đứng đó, nhìn ông ta một lúc lâu, [sau đó] lại ngoan ngoãn lên đường. Sau đấy, ông Dương cố ý muốn thử, vừa mới tới gần, lừa liền đá, cắn, hí dài!

Ông Châu Tại Am nói: - Có kẻ do nghèo mà quyt nợ, có kẻ giàu mà quyt nợ. Do nghèo mà quyt nợ là vì không đủ sức. Nếu dựa theo Trung Giới Kinh, hãy nên tha thiết nghĩ đền trả, tự nhiên sẽ không phạm lỗi. Còn như có [đủ sức trả] mà không trả, nếu chẳng phải là phường cây oai, ý thế, chắc chắn là hạng mê muội thiên lý, chôn vùi lương tâm, nào có biết đời đời kiếp kiếp phải đền trả cho hết nợ mới xong!

Lái buôn họ Ngô ở An Huy giữ tín nghĩa; lúc lâm chung, dặn hai đứa con: “Một ngàn lượng vàng ta sở hữu trong hiện tại đều là do vay mượn từ họ Phù. Con phải thanh toán từng khoản một, thà chịu đói rét, chớ làm kẻ phụ bạc tấm lòng [người khác đã tử tế cho vay]”. Con ông ta đều vâng lời cha dạy, [trả sạch nợ xong], nghèo khổ, không thể trông cậy vào đâu được. Bỗng từ một cái giếng cạn, họ tìm được hai ngàn lạng bạc, [trên mỗi nén bạc] có khắc niên hiệu đời Đường. Họ đóng cửa, giấu kín, chẳng có ai biết. Hôm sau, bỗng có người từ huyện bên cạnh tới nói: “Các ông có phải là con của ông Ngô hay không?” “Thưa phải!” Người ấy nói: “Các ông phát tài rồi! Hôm trước, tôi do bị bệnh, đến phủ Đông Nhạc, thấy có vị thần giải tiền từ ty Tài Bạch tới, tự xưng là thần giếng và suối”. Vị chủ quản bảo: “Đây là số bạc từ trong nội khố (kho tiền trong cung) của nhà Đường. Thượng Đế do thấy ông Ngô phân minh đối với chuyện tiền bạc, con ông ta khắc khổ tuân theo chí cha, bèn ban cho họ khoản tiền này, khiến cho họ suốt đời được hưởng sự đại phú”. Tôi tỉnh lại, lấy làm lạ; vì thế, đến thưa hỏi. Anh em họ



Ngô kinh ngạc, kể thật mọi chuyện. Hiện thời, trong họ Ngô, những người giàu to rất nhiều, toàn là con cháu của ông Ngô vậy.

*(Chánh văn) Phận ngoại doanh cầu. Lực thượng thi thiết.*

**(正文)分外營求。力上施設。**

*(Chánh văn: Cầu mong quá phận. Dốc hết sức bày vẽ, tạo tác).*

Con người do chẳng nương theo bốn phận, chỉ cho rằng “do toan tính mong cầu, sẽ được lợi ích”, cũng ngỡ là “phú quý hay bần tiện trong đời người là nhất định, chẳng thay đổi”. [Tài vận do đã được] ghi chép trong cõi âm, [cho nên] cõi dương [có thể] hưởng dụng, đều là do túc nghiệp, há có thể toan tính mong cầu quá phận ư? Vọng tâm tham niệm, mong mỏi sẽ do may mắn mà đạt được, không chỉ là vô ích, lại còn sợ rằng do tình chấp hư vọng mà bị giảm phước! Sao chẳng lãnh hội câu nói của Mạnh Tử: “*Cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mạng*” (Có phương cách để cầu, nhưng đạt được [hay không] là do vận mạng), hoặc ý chỉ “*nhất thiết phước điền bất ly phương thôn*” (hết thửa phước điền chẳng rời khỏi cái tâm) của Lục Tổ vậy?

Đời Đường, vào đầu niên hiệu Trường Khánh<sup>763</sup>, huyện úy Tân Bình là Bùi Phác chết. Người anh họ bên ngoại là Hoa Nguyên ở trọ tại Lũng Hữu, trên đường gặp một vị quan võ, các kỵ sĩ theo hầu rất đông. [Vị quan ấy] chính là Bùi Phác. Hoa Nguyên kinh ngạc, mừng rỡ, hỏi: “Huynh lìa cõi đời, làm chức quan võ gì thế?” Bùi Phác nói: “Tôi giữ chức Tây Xuyên Soát Lược Sứ, chuyên trông coi sự tăng giảm của tiền tài trong thế gian. Một hộp uống, một miếng ăn của người đời, không gì chẳng đã định sẵn, hưởng hồ tài vật ư? Âm ty ghi chép, hạn định [tiền tài của mỗi cá nhân] có mức hạn. Nếu vượt quá [hạn mức ấy], sẽ tước đoạt bớt (刷掠, soát lược) [khiến cho kẻ ấy] hoặc là tự hao phí, gặp chuyện ngang trái, hoặc buôn bán lỗ vốn, hoặc do bệnh tật [mà tiền của] tiêu tán, đều là do tôi trông coi về sự tước đoạt vậy. Trong thế gian, nhà nông siêng năng cày cấy gặt lúa, lái buôn siêng năng bèn phát tài, kẻ sĩ do siêng năng mà có lộc, chỉ đạt được những gì vốn có trong phận mình, không thể tăng thêm những thứ gì chẳng có trong phận mình. Không siêng năng thì ngay cả những thứ vốn nên có trong vận mạng cũng bị mất đi. Ông gặp tôi cũng là tiền định. Ông đáng có hai cân bạch kim. Cho ông quá con số ấy, sẽ lại bị đoạt mất. Vì thế, chẳng dám hậu đãi ông”. Nói xong, biến mất.

Lưu Hàng khá giỏi văn chương, tự cho rằng sẽ có thể sớm chiếm địa vị cao trên bảng vàng. Khi ấy, Dục

---

<sup>763</sup> Trường Khánh là niên hiệu của Đường Mục Tông (Lý Hựu).

Thánh Chân Quân<sup>764</sup> giáng bút tại núi Chung Nam. Do vậy, Lưu Hàng đến thưa hỏi, Chân Quân bảo: “Văn chương của ông tuy hạng khá, nhưng mạng lại cạn cợt, mỏng manh. Nếu an phận, nấu mình, sẽ có thể bình an trong những năm còn lại. Quá mức mong cầu, ắt sẽ dẫn đến tổn thọ”. Lưu Hàng chẳng thể nghe theo, rốt cuộc chẳng thành đạt gì mà chết! Phàm là chuyện đồ đạt, rang mảy nở mặt tổ tông, phước ảm cho con cháu, há có thể dùng trí xảo để toan tính mưu cầu mà đạt được ư? Hãy nỗ lực vun bồi âm chất, sẽ có thể đặt để [công danh] trong chỗ chẳng thấy, chẳng nghe (cối âm), há có nên mong cầu quá phận ư? Đối với tiên tài cũng thế.

Trương Thuyết cáo lão hồi hương, đóng cửa chẳng ra ngoài. Từ đây, chuyện công hay tư bên ngoài, ông đều chẳng can dự bất cứ chuyện nào. Ông càng đề cao tiết kiệm, nêu gương [tiết kiệm] cho con cháu. Ông từng có lời dạy được viết rõ trên tấm bình phong như sau: “Khách đến thăm, giữ lại mời dùng cơm, hãy tiết kiệm, đơn giản sao cho hợp với tình người. Món ăn tùy theo những gì có sẵn trong nhà mà khoản đãi, trái cây tùy theo mùa mà dọn ra. Dầu là hàng thân thích mới đến, chẳng bày cỗ bàn thịnh soạn; dầu khách quý cũng chẳng làm thịt các con vật. Không chỉ nhằm răn ngừa

---

<sup>764</sup> Dực Thánh Chân Quân có danh hiệu đầy đủ là Dực Thánh Bảo Đức Chân Quân. Theo Đạo Giáo, trong niên hiệu Kiến Long đời Tống Thái Tổ, một người dân ở huyện Châu Chí, thuộc phủ Phụng Tường, tên là Trương Thủ Chân vào núi Chung Nam, gặp một vị tiên tự xưng là Cao Thiên Đại Thánh Ngọc Đế Phụ Thần vâng lệnh Ngọc Đế phù tá nhà Tống, xưng danh là Hắc Sát Thần. Vị thần ấy dạy ông ta cách lập đàn cầu khấn. Sau khi lên ngôi, Tống Thái Tổ đã sai lập Thượng Thanh Thái Bình Cung để thờ vị thần ấy, gia phong tước hiệu là Dực Thánh Chân Quân.

thối xa xỉ đã lâu, mà còn nhằm tránh khỏi phiền não hồng sông an vui”.

Trương Cung Thần nói: - An vui giữ phận nghèo, tiêu xài tiết kiệm hồng khỏi phải cầu cạnh người khác. Bớt việc cho lòng thanh thản. Mong cầu quá lộ chỉ là chuốc khổ. Phước được hưởng trong đời người trời đã an bài. Dư dả, nghèo túng, cùng quẫn, hanh thông, đều được định sẵn trong mạng. Dầu dùng trí xảo có thể đạt được thì cũng là do thời vận đưa đến. Hiểu thấu suốt điều then chốt này, sẽ có thể đạt được bao nhiêu tự tại. Đợi cho đủ thì ai có thể đủ? Để ngưng dứt [mong cầu quá lộ], hãy buông xuống.

*“Dốc hết sức bày vẽ, tạo tác”* có nghĩa là đòi với những gì sức mình có thể làm được, bèn tận hết sức ra oai, bày cách [nhằm đạt mục đích], chẳng còn chừa lại chút nào, cứ ắt sao cho chẳng đạt đến tận cùng sẽ chẳng thôi. Đó chính là như câu nói *“buồm mở hết cỡ căng gió, lại thêm tám mái chèo”*.

Đời Lưu Tống, Hề Hiền Độ làm quan tới chức Viên Ngoại Tán Kỵ Thị Lang. Tống Hiếu Vũ Đế từng sai hấn đôn đốc những người làm tạp dịch cho chánh quyền, hấn hà khắc bạo ngược, vô đạo. Hở ra là đánh đập, đâm đá, tháng Hạ mưa dầm, trời Đông tuyết đổ, chẳng cho họ nghỉ ngơi chút nào! Người ta chẳng chịu nổi, có kẻ phải tự sát. [Về sau], Hiền Độ cũng do mắc tội mà bị giết chết.

Học sĩ Tiền Hạc Than ở Hoa Đình kiến tạo phủ đệ trong vùng rừng rậm. Những phu phen lao dịch [phải phục vụ] rất vất vả, khổ sở, người làng cũng vì đó mà ngã bệnh. Một công nhân chẳng thể đi làm lao dịch, ông giận dữ, quở trách. Người công nhân thưa rằng: “Xưa kia quan Đề Hình<sup>765</sup> họ Hoàng kiến tạo phủ đệ, tôi vì phải làm lao dịch mà thành bệnh. Nay nhà ông Hoàng đã dột nát, tường vôi sụp đổ, mà bệnh tôi vẫn chưa lành. Vì thế, tôi không thể đến phục dịch được”. Ông Tiền nghe nói, vỡ lẽ, bèn thôi công tác ấy. Những kẻ có chức vị mà bày vẽ, chèn ép dân chúng, kẻ phú quý bày trò bóc lột kẻ nghèo hèn, cố nhiên đã phạm vào điều răn của đức Thái Thượng. Còn như kẻ dùng năng lực của con người để chèn ép, bóc lột súc sanh thì cũng là chuyện chó nện. Như trâu, lừa trong cày cấy, hoặc ngựa, la để cưỡi, nếu chẳng phải do ta từ trước đã tu [phước báo] mà có, ắt những con vật ấy là những kẻ đã thiếu nợ ta. Hãy nên yêu thương, chăm sóc, khi sử dụng chúng, đừng vắt kiệt sức chúng, chó nện nói: “Súc sanh thuộc loài khác [so với con người], ta muốn làm gì thì làm” ư?

***(Chánh văn) Dâm dục quá độ.***

---

<sup>765</sup> Đề Hình (提刑) gọi đầy đủ là Đề Điểm Hình ngục Công Sự, là chức quan được đặt ra từ thời Bắc Tống, đặc trách tư pháp tại các châu, kiêm nhiệm giám sát và chương quản nông nghiệp, tằm tang. Dinh thự của chức quan này thường được gọi là Hiến Ty. Đến đời Minh - Thanh, chức vụ này được đổi thành Đề Hình Án Sát Sứ.

## (正文)淫慾過度。

(*Chánh văn: Dâm dục quá độ.*)

Các tà duyên kết hợp ở bên ngoài (quan hệ trai gái bất chánh ngoài hôn nhân), [khiến cho] đạo đức diệt tuyệt, lương tâm bị chôn vùi. Vì thế, đức Thái Thượng đã buông lời răn dạy trong phần trước. Còn như đối với chánh sắc (正色, chuyện ăn nằm chánh đáng) giữa vợ chồng, càng cần phải có chừng mực. Nếu nói “chánh sắc chẳng phải là dâm”, há có tránh khỏi cái họa sát thân do buông lung tình dục? Bởi lẽ, nguyên tinh<sup>766</sup> trong thân người được phân bố trong Tam Tiêu<sup>767</sup>, tưới nhuận trăm mạch. Khi lửa dục vừa dậy động, [nguyên tinh] bèn tụ hợp lại, lưu chuyển [đổ vào thận tạng], đều phát xuất từ Mạng Môn<sup>768</sup>, do Vĩ Lư<sup>769</sup> chẳng bị ngăn

---

<sup>766</sup> Nguyên Tinh (元精) theo nghĩa gốc chính là tinh khí của trời đất. Cổ nhân quan niệm: Con người do bẩm thụ nguyên khí ấy mà được sanh thành như Vương Sung đã viết trong bộ Luận Hành: “*Thiên bẩm nguyên khí, nhân thọ nguyên tinh*” (Nguyên khí vốn sẵn có trong trời đất được con người lãnh thọ mà thành nguyên tinh).

<sup>767</sup> Tam Tiêu (三焦) tuy được xếp vào một trong ngũ tạng, nhưng thật ra nó gồm có ba phần là Thượng Tiêu, Trung Tiêu, và Hạ Tiêu. Thượng Tiêu là phần ngực ở phía trên hoành cách mô (thoraci diaphragm), tức là phần bao gồm tim và phổi. Trung Tiêu là phần dưới hoành cách mô cho đến phía trên phân eo, bao gồm tỳ (tụy tạng) và bao tử. Hạ Tiêu là phần còn lại bao gồm thận, bàng quang, gan, ruột v.v...

<sup>768</sup> Mạng Môn (命門): Theo Nạn Kinh, chữ Mạng Môn chỉ quả thận bên phải. Trong Nạn Kinh, phần Tam Thập Lục Nạn có chép: “*Tả giả vi thận, hữu giả vi Mạng Môn. Mạng Môn giả chư thần tinh chi sở hàm, nguyên khí chi sở hệ. Cố nam dĩ tàng tinh, nữ tử dĩ hệ bào*” (Bên trái gọi là thận, bên phải là Mạng Môn. Mạng

chặn, biển xanh sẽ bị kiệt quệ<sup>770</sup>, tốt bậc đáng sợ! Phàm nhân hể tinh đầy đủ thì thần sanh, tinh và thần đầy đủ thì trí khôn sanh, [dẫn đến] trí thông minh được tăng cường, củng cố, có chuyện gì mà chẳng làm thành công? Nếu tuổi thiếu niên trắc táng, anh

khí tiêu mất, sự nghiệp suốt cả một đời cũng bị mất theo!

Người suốt đời bệnh tật luôn luôn là do bắt đầu từ thuở tân hôn. Tuổi trẻ vô tri, thường là dục tình chẳng có chừng mực. [Do hành dâm] nhiều mà thành chứng lao tổn, suy nhược, thậm chí chết yếu, liên lụy vợ phải chịu nỗi khổ góa bụa. Chẳng nghĩ do hôn nhân mà [vợ chồng trở thành] quyến thuộc trăm năm, suốt đời bầu bạn. Tội gì buông lung trong vòng một tháng, gieo thành gốc họa suốt đời? Lúc con em sắp kết hôn, cha anh hãy nên ra rả răn nhắc chuyện này!

Tục ngữ có câu: “*Lạc cực sanh bi, túng dục thành hoạn*” (Vui quá hóa buồn, phóng túng lòng dục thành bệnh). Lại có câu: “*Quả dục tất đa nam, tham dâm mỗi vô hậu*” (Ít dục, ắt phần nhiều sanh con trai; tham dâm

---

Môn là chỗ chứa đựng Thần và Tinh, duy trì nguyên khí. Vì thế, đàn ông thì phải chứa tinh (đừng phung phí tinh), đàn bà phải giữ cẩn thận tử cung).

<sup>769</sup> Vĩ Lư (尾閭, còn có tên gọi là Trường Cường) là một huyết đạo nằm ở xương cụt, phía trên hậu môn. Vĩ Lư có nghĩa gốc là “*chỗ quy tụ của các dòng nước biển*”. Theo Trung Y, huyết Vĩ Lư có tác dụng khống chế hai mạch Nhâm và Đốc.

<sup>770</sup> Câu này có nghĩa là mỗi lần hành dâm, tinh, khí, thần đều bị hao tán, tức là nguyên tinh trong hai mạch Nhâm và Đốc cũng bị hao tổn. Nếu phóng túng trong chuyện ân ái, tinh, khí, thần bị hao tán đến nỗi không kịp sanh ra để bù đắp, giống như nước biển bị cạn kiệt.

thường không có con). Khổng Tử bảo: “*Huyết khí vị định, giới chi tại sắc*” (Khi huyết khí còn chưa ổn định (đang trong tuổi phát triển của thanh thiếu niên), phải kiêng dè sắc dục). Lão Bành nói: “Người thuộc bậc thượng thì [vợ chồng] ngủ khác giường, bậc trung thì đắp khác mền. Uống trăm viên thuốc, chẳng bằng ngủ một mình”. Đức Phật dạy: “*Nữ sắc là cội gốc của các nỗi khổ, là cội gốc của chương ngại, là cội gốc của sát hại, là cội gốc của ưu sầu*”. Kinh Hoàng Đình<sup>771</sup> chép: “Hãy gấp gài giữ tinh thất, đừng tiết tinh bừa bãi. Hãy bế tinh hòng bảo đảm có thể sống lâu”. Quả thật là vì dâm dục dẫn đến tình cảnh “diệt tánh, vong thân”. Có kẻ ngấm ngầm hứng chịu nỗi hại này mà chẳng hay biết. Có kẻ biết rõ nỗi hại này, nhưng chẳng đoái hoài! Do vậy, thánh hiền phải khẳng khẳng răn nhắc. Phàm phu chẳng hay biết, cứ buông lung, chẳng kiêng kỵ, mang khí phẫn dâm uế, chọc giận quỷ thần. Đủ mọi nỗi bất tường do đấy mà ra. Nguyên khắp [mọi người], hãy kịp thời rất nhẩn nại [chế ngự dâm niệm], ngõ hầu đạt

---

<sup>771</sup> Hoàng Đình (黃庭) thật ra là hai bộ kinh trọng yếu của Đạo Giáo, tức Thái Thượng Hoàng Đình Nội Cảnh Ngọc Kinh và Thái Thượng Hoàng Đình Ngoại Cảnh Ngọc Kinh. Hai kinh này xuất hiện vào thời Ngụy - Tấn, được xếp vào phần Động Huyền trong Chánh Thông Đạo Tạng. Nội dung chỉ cách tu luyện tinh, khí, thần. Nội Cảnh được phái Thượng Thanh rất coi trọng, tôn xưng kinh này là kinh điển căn bản để tu luyện nội đan. Theo đa số các nhà chú giải, Hoàng Đình có nghĩa là Trung Ương; nếu hiểu theo cơ thể, thì mỗi bộ vị đều có một vị thần cư trú. Hoàng Đình là nơi cư trú của vị thần chủ tể, trung ương, còn Hoàng Đình cụ thể ở đâu thì mỗi nhà có mỗi thuyết khác nhau. Do là kinh điển căn bản của cách tu nội đan, nên kinh Hoàng Đình rất được Đạo gia coi trọng. Thậm chí có người tin tưởng chỉ cần tụng kinh Hoàng Đình thì cũng có thể thành tiên. Do vậy, trong các bộ tiêu thuyết cổ của Trung Hoa, mang nặng tánh chất thần thoại, hay chép những chuyện như cây tre, cây thông, thậm chí những cái mõ gỗ, những cái linh bằng đồng lâu đời, do nghe đạo sĩ tụng kinh Hoàng Đình bao nhiêu năm bèn biến thành yêu quái!



được phép tắc kéo dài mạng sống. Nếu không, cái thân sẽ chết chắc, chẳng thể cứu được!

Nhậm Huệ Cung tuổi già càng thêm mạnh khỏe, cứng cáp. Có người hỏi ông về thuật dưỡng sanh, ông đáp: “Tôi đọc bộ Văn Tuyền<sup>772</sup> ngộ một điều: Do đá chứa ngọc mà núi rạng rỡ, do nước chứa châu mà đẹp đẽ”, chính là nói đến ý này (tiết chế dâm dục).

Trình Y Xuyên coi chuyện quên thân theo đuổi dục vọng là điều sỉ nhục sâu xa. Đến tuổi bảy mươi, gân sức của ông Trình chẳng kém lúc trẻ tuổi.

Lý Giác đã trăm tuổi, sắc diện như trẻ thơ. Người ta hỏi bí quyết, ông đáp: “Do tôi sớm tuyệt dục”.

Lưu Nguyên Thành đã tám mươi mà cứng cáp, mạnh mẽ, tự nói [chính mình] đã quả dục ba mươi năm, huyết khí lẫn tinh thần vẫn như thuở trẻ.

Vị hòa thượng họ Châu ở Lô Lăng đã chín mươi mấy tuổi, đi đường xa vùn vụt như bay, râu tóc chẳng bạc. Sư nói chẳng có thuật chi khác, chỉ là lúc tuổi trẻ đã có thể tiết dục.

---

<sup>772</sup> Văn Tuyền (文選) có tên gọi đầy đủ là Chiêu Minh Văn Tuyền, là một bộ sách tổng tập về thơ văn của Trung Hoa cổ đại. Bộ sách này do Chiêu Minh Thái Tử Tiêu Thống (con trai Lương Vũ Đế) đã lãnh đạo các văn nhân hữu danh thuở ấy biên soạn. Tác phẩm này gồm có sáu mươi quyển, bao gồm những tác phẩm nổi tiếng tính từ thời cổ cho đến thuở ấy, bao gồm đủ thể loại phú, thơ, tao (chẳng hạn như Ly Tao), chiếu, sách, lệnh, giáo, văn, biểu, thư, khái v.v... So với Ngũ Kinh, Văn Tuyền được người đọc sách hâm mộ đến nỗi người đời Tống còn nói: “*Văn Tuyền lạn, Tú Tài bán*” (Văn Tuyền hư nát thì tú tài chỉ còn một nửa). Tác phẩm này được chú giải rất nhiều.

Trương Thúy ở Thái Thương chín mươi mấy tuổi, tai mắt thông tỏ, vẫn còn có thể vẽ vờ. Người ta hỏi [bí quyết], ông bảo: “Bình thời tôi chỉ mông nhẹ lòng dục, có chừng mực về chuyện tình dục”.

Người đã già mà cứng cáp, mạnh mẽ, chính là chuyện vui bậc nhất trong đời người, nhưng nguyên do [dẫn đến tình trạng già cả mà khỏe mạnh ấy] bất quá là giảm thiểu, giữ chừng mực về dâm dục đó thôi! Người ta có khó gì mà chẳng tuân theo pháp tắc ấy? Bành Tổ<sup>773</sup> nói: “Mỗi tháng xuất tinh hai lần, một năm xuất tinh hai mươi bốn lần. Đây là phương cách giữ chừng mực, thận trọng vậy”. Tố Nữ<sup>774</sup> nói: “Người sống đến tuổi sáu mươi, hãy nên bế tinh, đừng xuất tinh. Đây là phương pháp để ngăn ngừa nguy cơ. Làm như thế thì chẳng phế nhân đạo, mà cũng chẳng hao tổn nguyên dương”. Tôi cho rằng vào thời Bành Tổ và Tố Nữ, bầm

---

<sup>773</sup> Bành Tổ (彭祖) tên thật là Bành Tiễn, là một người theo truyền thuyết sống rất thọ. Đạo Giáo coi ông là hóa thân của Nam Cực Tiên Ông. Tương truyền, ông sống đến tám trăm tuổi. Ông là “lai tôn” (cháu đời thứ năm, ta thường gọi là “chít”) của vua Chuyên Húc. Cha ông là Lục Chung, con trưởng của Ngô Hôi, mẹ là Nữ Khoái (em của thủ lĩnh bộ tộc Quỷ Phương). Do Bành Tổ khéo nấu canh gà được vua Nghiêu ưa thích, nên Lục Chung được phong ở đất Đại Bành; do vậy, con cháu đều mang họ Bành. Bành Tổ từng làm quan cho các triều đại Hạ, Thương, và Châu.

<sup>774</sup> Tố Nữ (素女) tức là Cửu Thiên Tố Nữ, còn gọi là Bạch Thủy Tố Nữ, là một vị nữ thần trong truyền thuyết của Trung Hoa cổ đại, sống cùng thời với Hoàng Đế. Bà giỏi âm nhạc, biết rành về đạo âm dương, tinh thông phòng trung thuật. Bà cùng với Huyền Nữ (Cửu Thiên Huyền Nữ) làm thầy của Hoàng Đế. Tương truyền bộ Tố Nữ Kinh là những lời dạy bảo của bà dành cho Hoàng Đế về phòng trung thuật. Có một truyền thuyết về đàn cầm (cổ cầm) như sau: Vua Thần Nông chế ra đàn cầm có năm dây. Hậu nhân cải tiến dần dần, biến thành đàn cổ cầm có năm mươi dây. Tố Nữ giỏi đàn cầm, nhưng những khúc nhạc của bà quá bí thiết, Hoàng Đế nghe rồi buồn bực, bèn chặt cây cổ cầm của Tố Nữ làm đôi; do vậy, đàn cổ cầm chỉ còn hai mươi lăm dây.

tánh của con người khá thuần hậu, cho nên [hai vị] nói như thế. Còn như hiện thời, thuần phong mỹ tục đã lạt lẽo quá mức, há nên chấp những lời ấy là lẽ thường! Huống chi kẻ nguyên khí yếu ớt, há chẳng càng bội phần thận trọng ư?

Đời Minh, có người họ Từ ở Cù Châu, dung mạo đẹp đẽ, có tiếng là tài năng. Chưa đầy hai mươi tuổi, họ Từ đã đỗ Tiến Sĩ, được bổ làm Tiết Thôi<sup>775</sup> ở phủ Tùng Giang. Thân thích, bạn bè đều hâm mộ. Nhưng anh ta háo sắc, nuôi những cô thiếp yêu tốt bậc xinh đẹp đến mười mấy nàng. Do hành dục phóng túng vô độ, anh ta đến nhậm chức hơn một tháng, [nguyên tinh] hư hao, thất thoát mà chết. Các nàng thiếp đều được gả cho người khác!

Chàng họ Ngu ở huyện Ngân phong thái đẹp đẽ, nhưng ưa dâm dục. Một tối, chàng ta mộng thấy Thành Hoàng trách phạt, tính toán những lần chàng ta phạm tội gian dâm, đánh cho mấy chục roi. Đến khi chàng ta tỉnh giấc, hai chân đều tím bầm, sau đó rữa nát. Chàng nằm bệnh hơn một năm rồi chết.

Muôn điều ác, dâm đứng đầu. Trăm điều thiện, hiếu đứng đầu. Đây chính luật lệ sắt đanh nơi điện Sâm La<sup>776</sup>, tức là quỷ thần chuộng hiếu, mà cũng ghét dâm

---

<sup>775</sup> Tiết Thôi (節推) là gọi tắt của chức Tiết Độ Sứ Thôi Quan, tức vị quan phụ tá của Tiết Độ Sứ, chuyên lo về thẩm vấn, tra án, quản trị giam giữ, lao tù.

<sup>776</sup> Theo Đạo Giáo, cung điện của vua Diêm La (Diêm Vương) được gọi là Sâm La điện (森羅殿). Chữ Sâm La thường bị đọc trại thành Sum La.

cùng cực. Tuy có thể lọt lưới dương gian, luật lệ trong cõi âm chẳng sai chạy. Con người há có nên cố ý phạm vào điều [quỷ thần] cảm ghét ư? Vì thế, từ xưa, những kẻ hoang đàng, đam mê nữ sắc, chẳng có kẻ nào không mất mạng, tan nhà! Còn như kẻ đã có tuổi, càng chẳng nên nạp tiểu thiếp; bởi lẽ, ta đã chẳng quản họ được, họ càng hận ta đặc biệt sâu! Oán khí tích tụ, [ắt ta sẽ bị] tổn đức, tiêu phước. Hơn nữa, họ trẻ tuổi, tánh chất, tình cảm khó uốn nắn theo khuôn khổ, sẽ càng có [những chuyện nghiêm trọng hơn], chứ không chỉ là như thế, há chẳng nên kiêng tránh ư? Huống chi bóng mặt trời đã khuất dần sau núi, sáng tối thật sự khó thể giữ mình, lại vội vàng cầu quý sứ đến áp giải, ngu chi hơn nữa?

***Ghi thêm: Tu thân lập mạng giới kỳ (những ngày nên kiêng hành dâm để tu thân lập mạng) của tiên sinh Tản Chuyết Am***

### ***1) Tháng Giêng:***

Mùng Một tháng Giêng được gọi là Thiên Lạp, Ngũ Đế<sup>777</sup> so lường thần khí và lộc mạng của nhân dân. Kẻ phạm sắc dục [trong ngày này] sẽ bị tước lộc, giảm

---

<sup>777</sup> Ngũ Đế là năm vị Đại Đế trong Đạo Giáo. Những vị này đã được thờ phụng từ đời Châu. Năm vị ấy chính là Đông Phương Thanh Đế Linh Oai Ngưỡng, Nam Phương Xích Đế Xích Tiêu Nộ, Trung Ương Hoàng Đế Hàm Xu Nữ, Tây Phương Bạch Đế Bạch Chiêu Cự, và Bắc Phương Hắc Đế Diệp Quang Kỳ.

thọ mười hai năm. Mồng Ba: Vạn thần nhóm họp, lại là ngày Bắc Đẩu Thất Tinh giáng hạ. Kẻ phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mồng Năm là ngày Ngũ Hư<sup>778</sup>. Mồng Sáu: Lục Hao<sup>779</sup>. Mồng Bảy: Thượng hội. Mồng Chín: Thiên đản<sup>780</sup>. Mười Bốn: Tam Nguyên<sup>781</sup> giáng hạ. Mười Lăm: Tam Nguyên giáng hạ [nhân gian], đồng thời là ngày khánh đản của Thượng Nguyên Thiên Quan. Kẻ phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu Thất Tinh giáng hạ. Hai Mươi Tám: Các vị nhân thần tụ hội tại côi âm; kẻ phạm dâm sẽ bị bệnh ngặt. Mỗi tháng đều như thế. Ngày Ba Mươi: Tư Mạng Táo Quân tấu trình thiên đình. Kẻ phạm dâm bị giảm thọ một năm. Mỗi tháng đều như thế. Nếu như gặp tháng thiếu thì là ngày Hai Mươi Chín.

## **2) Tháng Hai:**

---

<sup>778</sup> Ngũ Hư (五虛) là năm chứng bệnh, thường gọi là năm hư chứng do tinh khí tại ngũ tạng bị hư tổn. Theo sách Tổ Vần, thiên Ngọc Cơ Chân Tạng Luận, mạch nhỏ yếu, da lạnh, thở yếu ớt, tiết tinh dầm dề đồng thời với thổ tả, chẳng ăn uống được thì gọi là Ngũ Hư. Hoặc có thể hiểu đơn giản hơn, Ngũ Hư là tim, phổi, gan, tỳ, thận đều bị hư tổn. Ngũ Hư không chữa trị thì sẽ chết.

<sup>779</sup> Lục Hao (六耗) là ngày có thể bị cảm nhiễm bởi sáu thứ bệnh do các yếu tố âm, dương, sáng, tối, gió, mưa theo Đông Y.

<sup>780</sup> Thiên đản (天誕) là sinh nhật của Ngọc Hoàng Thượng Đế.

<sup>781</sup> Tam Nguyên (三元) còn gọi là Tam Nguyên Đại Đế, hoặc Tam Quan Đại Đế, tức Thượng Nguyên Thiên Quan Tứ Phước, Trung Nguyên Địa Quan Xá Tội, và Hạ Nguyên Thủy Quan Giải Ách. Ngày vía của họ tương ứng với ba ngày Rằm lớn trong năm (tháng Giêng, tháng Bảy và tháng Mười).

Mùng Một: Phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm, mỗi tháng đều như thế. Lại còn là ngày vía của Lưu Chân Quân<sup>782</sup>. Mồng Ba: Vía Văn Xương Đế Quân. Phạm dân sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Ngày ấy còn là ngày vạn thần nhóm hội, và Bắc Đẩu giáng hạ. Ngày Rằm: Vía Thái Thượng Lão Quân. Phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mươi Tám: Ngày mất của Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử. Phạm dân sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Mươi Chín: Khánh đàn của Quán Âm Đại Sĩ. Phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Ngày Hai Mươi Một: Khánh đàn Phổ Hiền Bồ Tát. Ngày Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám và Ba Mươi: Giống như trong phần trên.

### **3) Tháng Ba:**

Mùng Một: Giống như phần trên. Mồng Ba: Vía Nguyên Đế<sup>783</sup>, phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm;

---

<sup>782</sup> Lưu Chân Quân, còn gọi là Lưu Chân Nhân. Ông họ Lưu, tên Tư Kính. Thuở trẻ, thích uống rượu, chuộng thuật trường sanh. Đến lớn, ông sang chơi Tứ Xuyên, được Linh Bảo Trần Quân truyền dạy bí quyết luyện đan, thực hành phép tu Hồn Nguyên; sau đây, vào núi Long Sơn làm đạo sĩ, có đạo hiệu là Chân Không Tử.

<sup>783</sup> Nguyên Đế ở đây chính là Huyền Thiên Thượng Đế, tức Huyền Vũ Đại Đế, hoặc gọi đầy đủ sẽ là Bắc Cực Trấn Thiên Chân Vũ Huyền Thiên Thượng Đế Ngọc Hư Tổ Sư Kim Khuyết Hóa Thân Đẳng Ma Vĩnh Trấn Chung Kiếp Tế Khổ Thiên Tôn. Vị này còn được gọi là Nguyên Thiên Thượng Đế, Khai Thiên Thượng Đế, hoặc Bắc Cực Hựu Thánh Chân Quân, hoặc Hắc Đế, là thần thống trị phương Bắc theo Đạo Giáo, tương ứng với Huyền Vũ trong tứ phương và là hóa thân của Bắc Cực Tinh. Vị này được thờ phụng như thần bảo hộ thành Thăng Long (Hà Nội), và nơi thờ Ngài được gọi là đền Trấn Vũ, hay gọi nôm na là Quán Thánh, và đã bị đọc trại thành đền Quan Thánh.

lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Chín: Ngưu quỷ thần xuất hiện, phạm dân sẽ sanh ra ác thai<sup>784</sup>. Ngày Rằm: Khánh đản của Hạo Thiên Thượng Đế<sup>785</sup>. Lại là ngày vía của Nguyên Đán<sup>786</sup>, phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười Sáu: Khánh đản Chuân Đề Bồ Tát, phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười Tám: Vía Trung Nhạc Đại Đế<sup>787</sup>. Mười Chín: Vía Nhật Cung Thái Dương Tinh Quân, phạm dân sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Vía Đông Nhạc Đại Đế<sup>788</sup>, phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Lại là thánh đản của Thương Hiệt<sup>789</sup>. Ba Mươi: Giống như trên.

---

<sup>784</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, “*ác thai*” là thai nhi chết trong bụng mẹ, hoặc bị dị tật nặng nề, có sanh ra cũng khó nuôi sống được.

<sup>785</sup> Hạo Thiên Thượng Đế là danh xưng khác của Ngọc Hoàng Thượng Đế (còn gọi là Thiên Hoàng Đại Đế, Thái Nhất, Hạo Thiên Huyền Khung Thượng Đế, Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Chí Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Chí Chân Cao Thiên Thượng Thánh Đại Từ Nhân Giả Ngọc Hoàng Xá Tội Tứ Phước Đại Thiên Tôn Huyền Khung Cao Thượng Đế), là vị thần tối cao trong tam giới, nhưng vẫn thấp hơn Tam Thanh (Ngọc Thanh, Thái Thanh và Thượng Thanh). Đạo Giáo coi vị này là một vị tôn thần do Tam Thanh ứng hóa.

<sup>786</sup> Nguyên Đán (元壇) chính là Triệu Huyền Đán, là vị Vũ Tài Thần trong Đạo Giáo. Ông còn được gọi là Triệu Nguyên Soái (Triệu Công Minh).

<sup>787</sup> Vị này là thần cai quản Trung Nhạc tức Tung Sơn, tôn hiệu đầy đủ là Trung Nhạc Tung Sơn Trung Thiên Sùng Thánh Đại Đế, là một vị trong Ngũ Nhạc Đại Đế, chủ trì khảo hạch thiện ác.

<sup>788</sup> Vị này có tôn hiệu là Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tề Nhân Thánh Đại Đế, đứng đầu năm vị Ngũ Nhạc Đại Đế, chương quản sự sống chết, sang hèn của người trong cõi trần, đồng thời là cấp trên của Thập Điện Diêm Vương.

<sup>789</sup> Thương Hiệt (蒼頡) là người được coi là đã sáng tạo ra chữ Hán. Đạo Giáo tôn xưng ông là Thương Hiệt Tiên Sư, Chế Tự Tiên Sư, Chế Tự Tiên Thánh, hoặc Thương Hiệt Chí Thánh. Tương truyền, ông có đến bốn con mắt. Ông làm quan Hữu Sứ của Hoàng Đế.

#### **4) Tháng Tư:**

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Bốn: Khánh đản Văn Thù Bồ Tát, lại là ngày vạn thần khuyến hóa điều thiện, kẻ phạm dâm sẽ bị cầm. Mồng Tám: Khánh đản Phật Thích Ca, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Lại là ngày Thiện Ác Đồng Tử giáng hạ, kẻ phạm dâm sẽ bị chảy máu đến chết. Mười Bốn: Vía Lữ Tổ. Ngày Rằm: Phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mỗi tháng đều như thế. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

#### **5) Tháng Năm:**

Mùng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Năm là ngày Địa Lạp<sup>790</sup>, là ngày Ngũ Đế khảo hạch quan tước của người đời, kẻ phạm dâm sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Mười Một: Vía Đô Thành Hoàng (thành hoàng cai quản kinh đô). Mười Ba: Vía Quan Đế (Quan Thánh Đế Quân), phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Ngày mồng Năm, mồng Sáu, mồng Bảy, Rằm, Mười Sáu, Mười Bảy, Hai Mươi Lăm, Hai Mươi Sáu, Hai Mươi Bảy [trong tháng này] được gọi là ngày Cửu Độc, kẻ phạm dâm [trong những ngày ấy] sẽ bị chết yểu. [Nếu hành dâm trong] giờ Tý ngày Rằm thì trong vòng ba năm, nam lẫn nữ đều chết.

---

<sup>790</sup> Địa Lạp là một trong năm ngày Lạp của Đạo Giáo. Theo sách Vân Cáp Thất Thiêm, Đạo Giáo định ra năm ngày cúng tế cầu phước trong một năm, gọi là Ngũ Lạp, bao gồm Thiên Lạp, Địa Lạp, Đạo Đức Lạp, Dân Tuế Lạp và Hậu Vương Lạp. Thiên Lạp là ngày mồng Một tháng Giêng.



Ngày Mười Sáu lại là thời khắc để vạn vật được sanh thành trong đời nhất, ky [hành âm] nhất. Ngày Hai Mươi Bảy lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

### **6) Tháng Sáu:**

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Rằm: Giống như trên. Mười Chín: Quán Âm đắc đạo. Hai Mươi Ba: Vía Hỏa Thần. Hai Mươi Bốn; Vía Lô Tô<sup>791</sup>. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

### **7) Tháng Bảy:**

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Bảy: Đạo Đức Lạp, lại là ngày Trung Hội. Mười Ba: Khánh đản Đại Thế Chí Bồ Tát. Rằm: Vía Trung Nguyên Địa Quan, phạm âm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười Chín: Thái Tuế<sup>792</sup>. Hai Mươi Hai:

---

<sup>791</sup> Lô Tô là cách gọi tắt của dân gian đối với vị thần Cửu Thiên Ứng Nguyên Lô Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn trong Đạo Giáo. Vị này chủ quản Ngũ Lô (Thiên Lô, Địa Lô, Thủy Lô, Thần Lô, và Xã Lô). Thuộc hạ dưới quyền là Cửu Thiên Lô Môn Sứ Giả. Về nguồn gốc của vị này, có nhiều thuyết, phổ biến nhất là thuyết nói vị này do Trường Sanh Đại Đế hóa thân, thuyết thứ hai nói vị này là hóa thân của Hoàng Đế, nhằm trấn áp yêu ma, chủ quản âm sát.

<sup>792</sup> Theo Đạo Giáo, có tất cả sáu mươi vị thần lần lượt chủ quản nhân gian mỗi năm. Sáu mươi vị thần ấy tương ứng với chu kỳ sáu mươi năm của một Hoa Giáp (tức là mười Thiên Can phối hợp với mười hai Địa Chi thành sáu mươi năm). Tùy theo vũ khí hoặc dụng cụ cầm trong tay của mỗi vị thần ấy (thường gọi là Trì Niên

Vía Tăng Phước Tài Thần<sup>793</sup>. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

### **8) Tháng Tám:**

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Vía Tư Mạng Táo Quân, cũng là ngày vía Bắc Đẩu, và là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mồng Mười: Vía Bắc Nhạc Đại Đế<sup>794</sup>. Rằm: Giống như trên, lại là ngày Thái Âm Triều Nguyên (Trung Thu), hãy nên dâng hương, thức đêm. Hai Mươi Bảy: Sinh nhật Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử. Kẻ phạm dân sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

---

Thái Tuế hoặc Tuế Quân) mà người ta có thể dự đoán tình hình trong năm ấy. Chẳng hạn như năm Mậu Thìn, Thái Tuế là Triệu Đạt đại tướng quân, mang hình rồng, hai tay cầm rồng; năm Quý Dậu, Thái Tuế là Khang Chí đại tướng quân, có hình gà, tay cầm cờ lệnh v.v...

<sup>793</sup> Tăng Phước Tài Thần còn gọi là Tăng Phước Chân Quân, hoặc Tăng Phước Tướng Công. Theo Đạo Giáo, vào thời Bắc Ngụy, tại núi Ngũ Tùng thuộc Truy Châu, quan huyện lệnh Khúc Lương là Lý Quỷ Tổ liêm chánh, đạo đức, yêu dân như con, thường bỏ hết bổng lộc để thí xả nhân dân. Sau khi chết, ông được dân chúng tôn thờ thành thần. Về sau, ông trở thành thủ hạ của Đông Nhạc Đế Quân đặc trách xét đoán công và lỗi của người mới mất. Cho đến đời Đường, ông được sắc phong là Tài Bạch Chân Quân, rồi được phong là Thần Quân Tăng Phước Tướng Công. Đến đời Nguyên lại được phong là Phước Thiện Bình Thái Chân Quân.

<sup>794</sup> Vị này có tên gọi đầy đủ là Bắc Nhạc Hằng Sơn An Thiên Huyền Thánh Đại Đế, là thần núi của Hằng Sơn, trông coi sông, ngòi, hồ, suối, biển cả, cũng như các loài hổ, báo, rắn rết, độc thú v.v...

### **9) Tháng Chín:**

Mồng Một: Giống như trên, lại là ngày vía Nam Đầu. Mồng Ba: Vía Ôn Thần, lại là ngày Bắc Đầu giáng hạ. Mồng Chín: Vía Đầu Mẫu. Từ ngày mồng Một tới mồng Chín là ngày cửu hoàng đản (ngày vía của chín vị hoàng đế)<sup>795</sup>, phạm dân sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Rằm: Giống như trên. Mười Bảy: Vía Kim Long Tứ Đại Vương<sup>796</sup>. Hai Mươi Bảy: Bắc Đầu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên, lại là ngày khánh đản Phật Dược Sư.

### **10) Tháng Mười:**

Mồng Một: Dân Tuế Lạp. Mồng Ba: Bắc Đầu giáng hạ. Mồng năm: Hạ hội, cũng là ngày vía Tổ Đạt Ma. Mồng Mười: Tây Thiên Vương giáng hạ. Kẻ phạm dân sẽ chết trong vòng một năm. Rằm: Vía Hạ Nguyên

---

<sup>795</sup> Phong tục thờ phụng này thịnh hành tại phương Nam Trung Hoa, thường gọi là Cửu Hoàng Thánh Hội. Cửu Hoàng (còn gọi là Cửu Vương Gia, Cửu Vương) là chín vị thần tinh tú. Có nhiều thuyết, phổ biến nhất là thuyết cho rằng: Cửu Hoàng là chín vị tinh quân thuộc về tinh tòa Bắc Đầu, tức Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, cộng thêm Tả Phù và Hữu Bật. Thông thường, Đạo Giáo tin chín vị tinh quân ấy do Đầu Mẫu sanh ra.

<sup>796</sup> Kim Long Tứ Đại Vương vừa là thần núi Kim Long tại tỉnh Chiết Giang vừa là thủy thần tại khu Tào Vận tỉnh ấy. Tương truyền, ông là ẩn sĩ Tạ Tự sống vào thời Tống. Khi nhà Nam Tống bị diệt, ông đã để lại di huấn: “Sống đã chẳng thể báo đền đất nước, chết sẽ cầu khẩn Thượng Đế” rồi nhảy xuống sông tự sát, nên được tôn thờ thành thần. Sau khi chết, thân thể trôi ngược dòng, tấp vào chân núi Kim Long, nên được thờ làm thần núi tại đó. Vì ông là con thứ tư trong gia đình, nên gọi là Kim Long Tứ Đại Vương.

Thủy Quan, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Hai Mươi Bảy: Vía Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

### ***11) Tháng Mười Một:***

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Sáu: Vía Tây Nhạc Đại Đế. Mười Một: Vía Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn. Rằm: Giống như trên. Mười Bảy: Khánh đản A Di Đà Phật, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười Chín: Vía Nhật Cung Thái Dương Thiên Tôn. Hai Mươi Lăm: Lược Soát Đại Phu giáng hạ. Người phạm dâm trong ngày ấy sẽ gặp hung hiểm. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

### ***12) Tháng Mười Hai:***

Mồng Một: Vương Hâu Lạp. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Rằm: Giống như trên. Mười Sáu: Vía Nam Nhạc Đại Đế<sup>797</sup>. Hai Mươi Một: Vía Thiên Do Thượng Đế<sup>798</sup>. Hai Mươi Bốn: Tứ Mạn Táo Quân lên trời. Hai

---

<sup>797</sup> Nam Nhạc Đại Đế có tên gọi đầy đủ là Nam Nhạc Hành Sơn Tư Thiên Chiêu Thánh Đại Đế, là thần núi Hành Sơn.

<sup>798</sup> Thiên Do Thượng Đế là một trong Bắc Cực Tứ Thánh của Đạo Giáo, tức là bốn vị chân quân ở phương Bắc. Bắc Cực Tứ Thánh bao gồm Thiên Bồng Đại Nguyên

Mười Lăm: Tam Thanh Ngọc Đế đồng giáng hạ. Hai Mười Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mười Tám: Giống như trên. Ba Mười: Chư thần giáng hạ, xem xét thiện, ác; kẻ phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm.

Ngày vía của thần thánh rất nhiều, ở đây, chỉ chép những ngày trọng yếu. Nếu có thể đều vâng giữ, ắt sẽ có thể đạt đến thượng thọ. Nếu không thể tuân thủ trọn hết, thì như trong ghi chú trên đây, “*đoạt kỷ*” là giảm thọ mười hai năm. Kẻ vi phạm [luật răn cấm đừng hành dâm trong những ngày kiêng kỵ], chắc chắn sẽ bị rút ngắn tuổi thọ. Lại trong những ngày Tứ Lập (Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông), Nhị Phân (Xuân Phân và Thu Phân), Nhị Chí (Hạ Chí và Đông Chí), Xã Nhật (ngày cúng tế thần thổ địa), ngày Tam Phục<sup>799</sup>, ngày Giáp Tý, Canh Thân, ngày Bính Tý, Bính Đinh, ngày thượng huyền (trăng non) và hạ huyền (trăng khuyết), sinh nhật của cha mẹ, tổ tiên, ngày giỗ, sinh nhật của chính mình, ngày bốn mạng của tổ tiên, cha mẹ, bản thân, ngày gió to, mưa lớn, nóng gắt, rét đậm, sấm sét, chớp nhóa, trời đất tối tăm, ngày nhật thực và nguyệt thực, ngày cầu vòng đỏ, động đất v.v... Đối với chỗ có thần linh trong núi, sông, đàn xã tắc, nơi giếng, nơi bếp... dưới đèn đuốc mà có kẻ phạm dâm sự, hoặc có chuyện say sưa, ăn no, mừng, giận, ưu, sầu, bi ai,

---

Soái Chân Quân, Thiên Do Phó Nguyên Soái Chân Quân, Dực Thánh Bảo Đức Trừ Kháng Chân Quân, và Chân Vũ Linh Ứng Hựu Thánh Chân Quân. Bốn vị này đều là thuộc hạ của Bắc Đế (Huyền Thiên Thượng Đế).

<sup>799</sup> Tam Phục là ba thời kỳ được coi là nóng nhất trong năm. Theo Âm lịch, từ sau tiết Hạ Chí cho đến ngày Canh thứ ba sẽ là Sơ Phục; ngày Canh thứ tư gọi là Trung Phục, từ sau Lập Thu cho đến ngày Canh thứ nhất là Hạ Phục.

hoảng sợ, trước khi có thai, sau khi sanh nở, hoặc lúc có kinh nguyệt, [những ngày được coi là] thiên ky, địa ky, nhân ky, hễ phạm phải, lớn thì là giảm lộc, giảm thọ, hoặc sanh con không nuôi được, hình thể chẳng đầy đủ, nhỏ thì là bệnh tật khôn khó, hung hiểm, thân thể tổn thương, chịu khổ. Hãy nên cẩn thận!

*(Chánh văn) Tâm độc mạo từ, uế thực ủy nhân, tả đạo hoặc chúng.*

**(正文)心毒貌慈。穢食餒人。左道惑眾。**

*(Chánh văn: Lòng dạ thâm độc, ra vẻ hiền lành. Cho người khác ăn thực phẩm dơ. Bàng môn tả đạo dối đời).*

“Tâm độc” đã khiến cho người khác chẳng chịu đựng nổi, “mạo từ” (貌慈, diện mạo giả vờ hiền lành) lại khiến cho kẻ khác chẳng thể lường được! Không ai chẳng tránh né cọp, sói, sợ rắn, rết, vì những loài ấy độc địa. Nếu tâm địa độc ác, diện mạo giả vờ nhân từ, vờ vĩnh rất thân thiện với kẻ khác, khiến cho kẻ khác thân cận, [hạng người ấy] sẽ mặc sức nhả độc, [khiến cho kẻ khác] chẳng kịp đề phòng. Hạng người ấy hiểm độc càng quá đáng hơn cọp, sói, rắn, rết. Họ chết đi sẽ đọa trong tam đồ nhanh chóng như tên bay, đời đời

chuốc lấy quả báo, chịu khổ vô cùng, chẳng nên kiêng tránh ư?

Thái Nguyên Độ<sup>800</sup> đối với khách vẻ mặt luôn tươi hơn hớn. Dầu là kẻ bị hấn căm ghét, vẫn đối xử thân thiết, trọng hậu, chẳng sơ sót, người khác chẳng lường được, gọi hấn là Tiểu Diện Dạ Xoa (quỷ dạ-xoa mặt tươi cười). Về sau, hấn mắc tội, chết trên đường lưu đày. Hạng người này chỗ nào cũng có, chúng ta hãy cư xử theo đúng nghĩa lý, đối đãi lễ độ đối với họ. Hễ một mực bình đẳng để đối phó, dầu họ độc hại, làm sao có thể ảnh hưởng đến ta cho được!

Vu Thiết Tiều nói:

- Phàm kẻ nào mắt thường nhìn xuống, chẳng nói lời nào, nhưng ở giữa hai mày, trợn chẳng có khí chất đạo đức ngưng tĩnh, nhân từ, an tường, ắt là kẻ tâm địa độc ác. Chọn bạn để chơi thì hãy nên tránh xa [hạng người này]!

Xưa kia có một vị Tăng, ngủ giữa ban ngày, [có vị] thần từ mũi thoát ra, hóa thành một con rắn độc đen đúa uốn éo bò đi, ai nấy đều trông thấy. Khi kẻ đó chết, khắp thân nứt toác, đều biến thành da rắn, đây chính là hạng người như thế đó.

---

<sup>800</sup> Thái Nguyên Độ tên thật là Thái Biện, là em trai của gian thần Thái Kinh (tể tướng nhà Tống), là con rể của Vương An Thạch. Về sau, hấn bất hòa với Thái Kinh, bị Thái Kinh hủy báng, gièm pha, vu cáo, phải bị biếm làm tri huyện tại Hà Nam. Do giao du thân thiết với yêu đạo Trương Hoài Tố, hấn bị trị tội, giáng chức.

Nếu có thể tự biết sự độc hại ấy, thống thiết gột rửa, như lương y trị liệu ung loét, trừ sạch chất độc ấy mới thôi, chưa hề không thể nhập đạo! Nhưng đối với kẻ chẳng chịu làm như vậy thì biết làm sao được nữa, thật đáng buồn thay!

Uế thực (穢食, đồ ăn bẩn thỉu) là do nấu nướng chẳng sạch sẽ, hoặc là đã bị trùng bò qua, chuột gặm, hoặc để qua đêm tới sáng, màu sắc và hương vị đã biến đổi. Ăn vào đủ để gây bệnh, khiến cho người khác bị tổn thương. Nếu đem [thức ăn ấy] cho người ta ăn, ắt người ta sẽ nổi cáu, mà thần cũng căm ghét. Còn như kẻ làm tội tở cho người khác, lãng phí nước, các thứ tương, nấu món ăn quá nhiều, thức ăn bị hư dơ bèn đổ đầy nhà xí, càng là tạo thành nỗi oan nghiệt to lớn. Tội ấy quá nửa quy về gia chủ, há chẳng nên răn nhắc lẫn nhau ư?

Tại thành phố Hàng Châu, có một con ngỗng quay bị rắn độc bò quanh. Một vị thầy dạy võ lòng cho trẻ trông thấy, nghĩ “đem ngỗng cho người ta ăn, ắt sẽ bị trúng độc”. Ông ta tính mua, [nhà hàng] nói giá hai trăm đồng. Trong tay thầy chỉ có một trăm đồng, lại vay tiền từ người hàng xóm thân thiết, [mua ngỗng xong] cùng nhau đi chôn. Lúc đào đất, nhặt được một thỏi vàng tía to lớn. Người hàng xóm quen biết bèn nói: “[Vàng này] do ta giấu”. Chủ tiệm ăn cũng nói: “Là vàng do ta đánh mất”. Khéo sao quan huyện vừa đến, quan hỏi han sự tình, thở dài: “Rõ ràng [đỉnh vàng ấy] là do thiện niệm cảm vời, các người muốn tranh đoạt



mối lợi ấy, đều là hết sức trái nghịch lòng trời”. Do vậy, phạt hai gã ấy bị đánh trượng, giao vàng cho vị thầy dạy trẻ vỡ lòng.

Gã X... ở Hoài An gian hiểm, xảo trá, thích đùa bỡn, từ trong nhà bắt được chuột con chưa mọc lông, bèn nghiền nát, ướp bã rượu (hèm) để gạ khách ăn, bảo là “đồ biển”. Những chuyện giống như vậy chẳng phải chỉ một. Về sau, hắn bị kẻ thù bắt giữ, trói vào thân cây, bắt ăn phân của người, thú, chim chóc. Chẳng ăn bèn đánh đập tàn nhẫn, ép ăn trọn hết mới thôi! Làm ác mắc quả báo đều là giống như thế.

Viên nha lại ở Kiên Châu tên là Lý Cơ cho vay nặng lãi. Hắn có một đứa đầy tớ chuyên đi đòi nợ. Hễ đòi không được, sẽ trói người thiếu tiền vào thân cây, dùng nước phân rưới lên. Do làm như vậy, nên thu được một ngàn đồng. Bỗng sấm sét đánh gã đầy tớ ấy ngay trước chùa Phô An, tiền hắn giắt ở thắt lưng đều khảm vào thịt, da phủ lên trên. Câu chuyện này không chỉ cảnh cáo kẻ xấu, mà cũng nhằm cảnh cáo những gã đầy tớ ác độc. Bởi lẽ, bọn tôi tớ của người có thể lực, ý thể đòi nợ, có khi xông thẳng vào buồng thêu, chẳng đếm xỉa thể diện của người khác, thường là dẫn đến đại họa, lẽ nào lưỡi búa sấm sét chẳng thường [lơ lửng] ở trên đỉnh đầu bọn chúng?

Vu Ngọc Bệ nói:

- Đạo là con đường chánh đáng để mọi người cùng noi theo. Đạo của thánh nhân trong tam giáo, tuy xét về

hình tích thì bất đồng, nhưng bậc thượng thì khiến cho con người minh tâm kiến tánh. Kém hơn là khiến cho người ta hướng thiện, sửa ác. [Đạo của thánh nhân trong tam giáo] như thốt ra từ cùng một miệng, chưa hề chuộng dùng những chuyện quỷ dị để mê hoặc người khác. Những thứ xuất phát từ sự bất chánh, mê hoặc lòng người thì đều là “*tả đạo*”. Như Trương Giác<sup>801</sup> đời Hán, Tôn Ân và Lô Tuần<sup>802</sup> đời Tấn, Hồng Cân và

---

<sup>801</sup> Trương Giác (?-184) là người ở quận Cự Lộc (nay là huyện Ninh Tấn, tỉnh Hà Nam), thủ lĩnh của Thái Bình Đạo đời Đông Hán, và là chủ soái của giặc Hoàng Cân. Hắn tự xưng là vào núi hái thuốc, được Nam Hoa Lão Tiên truyền trao thiên thư Thái Bình Yêu Thuật. Thật ra sách này chỉ là bộ sách Thái Bình Thanh Lân Thư do Can Cát biên soạn, trá xưng được thần tiên trao tặng, chủ yếu là dùng phù chú để chữa bệnh. Đệ tử của Can Cát là Cung Sùng và Trương Khải đã từng dâng sách này lên hoàng đế, nhưng không được coi trọng. Khi sách lọt vào tay Trương Giác, hắn bèn khéo léo tuyên truyền để sáng lập Thái Bình Đạo, tự xưng là Đại Hiền Lương Sư. Nhân dịp một căn bệnh dịch lớn nổ ra vào tháng Giêng năm Trung Bình nguyên niên (184), Trương Giác chữa nhiều người lành bệnh, nên dân chúng tin theo, gọi hắn là “*thần tiên sống*”. Do đó, Thái Bình Đạo truyền khắp các vùng Thanh Châu, Từ Châu, Ký Châu, Kinh Châu v.v... tín chúng lên tới mấy chục vạn người. Hắn chia tín đồ thành ba mươi sáu phương, mỗi phương lập ra một thủ lĩnh, tuyên bố “*trời xanh đã chết, trời vàng đang thành lập, vào năm Giáp Tý, thiên hạ đại cát*”. Lại truyền tín đồ dùng đất sét trắng viết hai chữ Giáp Tý lên cửa. Sau đó, cùng năm ấy, Trương Giác cùng với em là Trương Bảo, Trương Lương dựng cờ khởi nghĩa. Do loạn quân quần khăn vàng nên Sử gọi là giặc Hoàng Cân. Không lâu sau, Trương Giác bị bệnh chết, Trương Bảo và Trương Lương chiến bại, đều tử trận. Loạn Hoàng Cân nhanh chóng tan rã.

<sup>802</sup> Tôn Ân tự là Linh Tú, quê ở quận Lang Gia, đệ tử của Ngũ Đẩu Mễ Đạo, tôn Đồ Tử Cung làm thầy, về sau kế vị thành giáo chủ của Ngũ Đẩu Mễ Đạo. Hắn cùng chú là Tôn Thái dấy binh phản Tấn, ba lần tấn công vùng Tam Ngô, nhưng đều bị triều đình đánh bại phải chạy ra hải đảo ẩn náu. Năm Long An thứ năm (401), hắn lại kéo quân về tấn công Hải Diêm, nhưng bị Lưu Dụ đánh bại. Hắn chuyển hướng tấn công vùng Hồ Độc, thừa cơ uy hiếp kinh đô Kiến Khang. Quân Đông Tấn dưới sự chỉ huy của Tư Mã Nguyên Hiễn phản công mạnh mẽ, lại thêm bị Lưu Dụ tấn công, Tôn Ân dần dần thất thế, phải rút chạy về hải đảo. Đến năm Nguyên Hưng nguyên niên (402), do quyền thần Hoàn Huyền giết cha con Tư Mã Đạo Tử, giành được quyền hành tuyệt đối trong triều, Tôn Ân cho là thời cơ đã đến, bèn trở về đất liền, lại thất bại, thế cùng phải nhảy xuống biển tự trầm. Dư đảng tôn em rể của hắn

Lưu Phước Thông cuối đời Nguyên, cận đại thì là những pháp như Vô Vi Hoàng Thiên, Bạch Liên v.v... đều là tả đạo. [Chúng nó] lập tâm chẳng đoan chánh, xuân hoặc dân chúng ngu muội, phản vua, trái nghịch cha mẹ, tạo họa, gieo ác. Đó là hành vi của lũ loạn thần tặc tử, phép nước ắt tru diệt, lại càng chẳng thoát khỏi báo ứng trong cõi âm! Còn như bọn thầy bà, đồng cốt tà thuật, giả mượn lời thần, nói họa phước quàng xiên, gạt gẫm, lừa phỉnh dân chúng, cũng sẽ mắc tội giống như vậy.

Đời Tùy, Tống Tử Hiền có lắm huyền thuật như phóng quang trên lầu, biến hóa hình tượng Phật. Hắn tự xưng là Di Lặc xuất thế. Hắn lại treo gương trong nhà, hễ có người yết kiến, bèn bảo họ soi [vào đó để biết] đời sau, [trong gương] hiện ra hình rắn hoặc thú. Hắn bảo họ lễ bái, bèn hiện hình người. Do vậy, tụ tập mấy ngàn người, xướng suất làm loạn. Quan quân vây bắt, [trông thấy] chung quanh chỗ hắn ở đều là hầm lửa, mọi người không dám tiến vào. Vị chủ soái bảo: “Nơi này thật sự không có hầm hỏa, chỉ là yêu thuật lừa dối đó thôi!” Đến khi quân sĩ tiến lên, quả thật chẳng có lửa, bèn bắt được hắn, bằm hắn nát bét!

Đạo sĩ ở núi Thanh Thành có huyền thuật, dẫn con em nhà phú quý đi chơi, đến một ngôi đình viện xa vắng, dâng hương, giăng màn, thi thố pháp thuật. Vu Sơn thần nữ và các vị tiên cô đều ứng theo lời triệu

---

là Lô Tuần lên làm thủ lĩnh, đánh nhau dây dưa mãi cho đến khi bị Lưu Dụ dẹp yên vào năm 411. Lô Tuần phải tự sát.

thỉnh mà tới đó nhậu nhẹt, chung chạ chẳng khác gì người bình thường. Hoan lạc, cười nói xong xuôi, họ bèn cười mây bay đi. Hấn để cho những người “học đạo” lên nhìn qua kẽ màn. Thiếu chủ nước Thục vây bắt, chẳng bắt được hấn, bèn đem máu lợn, máu chó theo, [phá được tà pháp] mới đuổi kịp. Triều đình tổng giam hấn, tra khảo. Hấn khai: “Hàng năm bắt trộm gái trinh trong dân gian, mặc sức hành dâm với họ”. [Do vậy], vô số người bị chết. Vua bèn ra lệnh phanh thây hấn.

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: - Có được yêu thuật có thể lừa dối cõi đời mà chẳng truyền bá, phước ấy cực lớn. Cổ nhân nói: *“Người có được thuật ẩn thân mà suốt ba năm chẳng thử dùng, ắt thành tiên”*. Lại nói: *“Ông có thuật Hoàng Bạch<sup>803</sup> mà không dùng, ắt có thể nhập đạo”*. Bởi lẽ, bậc tu chân giấu diếm tung tích, ẩn giấu bản lĩnh, coi chuyện “độ người, cứu đời” là chánh yếu. Nếu cậy vào một chút tài nghệ để huyễn hoặc người khác; đó là cội gốc danh lợi chưa thoát, hãy còn cách đạo xa lắm! Huống hồ kẻ làm càn, gian trá, giả mạo ư? Thanh thiên bạch nhật, há dung bọn ly mị ấy hiện hình ư?

---

<sup>803</sup> Hoàng Bạch là từ ngữ chỉ thuật luyện đan được, điểm hóa sắt thành vàng bạc v.v... Theo Nhị Khắc Phách Ấn Kinh Kỳ quyển mười tám: *“Vì sao gọi là thuật Hoàng Bạch? Bọn phương sĩ luyện đan dụ người khác [bỏ tiền mua vật liệu cho họ] luyện đan, nói là chúng đã dưỡng thành Hoàng Nha, lại sanh ra Bạch Tuyết, dùng loại đan dược ấy để điểm hóa thì những loại như thủy ngân, chì sẽ biến thành hoàng kim, bạch ngân. Vì thế, thuật luyện đan được gọi là thuật Hoàng Bạch”*.

Tam Quy trong Phật giáo là “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Trong ấy, khẩn yếu nhất chính là Phật pháp. Thuở đức Phật tại thế, Ngài dùng pháp ấy để dạy dỗ, hóa độ chúng sanh. Sau khi đức Phật diệt độ, lưu lại giáo pháp để độ chúng sanh. Đức Phật thuyết pháp, Tăng truyền pháp. Nếu chẳng quy y Tăng, nghe pháp từ chỗ nào? Nếu chẳng có Pháp, nhờ vào đâu để tu hành? Nhưng nương vào Phật pháp để tự tu, nương vào Phật pháp để dạy người khác, lấy “*liễu sanh tử, chứng Bồ Đề làm bản hoài*” thì chính là Tăng. Nếu chính mình chẳng nương theo Phật pháp tu hành, [chỉ lo] buôn bán Như Lai hồng cầu lợi dưỡng, tiếng tăm, khiến cho người khác lầm lạc, dẫu là hạng đầu tròn áo vuông, nghiêm nhiên giống như Tăng, nhưng thật ra là con cháu của ma! Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Đã được làm thân người, càng phải nên quy y Phật. Thời cổ thì cầu pháp từ Tăng, ngày nay thì trước hết, cần phải dùng pháp để khảo nghiệm Tăng. Đã biết [người xuất gia ấy] là Tăng [chân chánh], hãy khẳng khái một dạ thọ giáo tu hành. Pháp ở nơi đâu? Pháp ở trong kinh. Xin trước hết hãy xem từ bộ Văn Thê Pháp Vọng của Liên Trì đại sư.

***(Chánh văn) Đoản xích, hiệp độ, khinh xướng, tiểu thăng, dĩ ngụy tạp chân, thải thủ gian lợi.***

**(正文)短尺狹度。輕秤小升。以偽雜真。  
採取姦利。**

*(Chánh văn: Thước non, thước thiếu, cân nhẹ, thưng non. Đồ giả xen lẫn hàng thật. Dùng thủ đoạn để kiếm lợi gian trá).*

Bốn câu đều nói về chuyện của phường tiểu nhân tham lợi. Thước, đồ đo lường, thưng, cân vv... là những thứ dùng để lượng định giá trị của mọi vật được mọi người cùng đồng ý. Người đời có hai cách thức: Nhập vào thì gắng làm sao cho to, xuất ra thì gắng sức cho nhỏ; nhập vào thì [chú trọng sao] cho nặng, xuất ra thì [cố ý] giảm nhẹ. Lập tâm như vậy, chỉ mong chiếm tiện nghi [cho bản thân ta]. Nào có biết: Chiếm nửa phần tiện nghi, sẽ tổn một phần phước đức! Huống hồ ích ta, tổn người, ắt bị tai ương, thiêu đốt bởi lửa sét cõi trời. [Tuy nhiên], chưa chắc đều là như thế cả, cũng có khi chủ nhân chẳng biết, mà chắc là do con em hoặc tôi tớ trông coi việc thu vào, xuất ra đã ngấm ngầm làm như thế, tội ấy rốt cuộc quy về chủ nhân, chớ nên không xem xét [tường tận].

Đời Nguyên, Phí Vinh Mẫn Công (Phí Dung) tiết kiệm, chánh trực, thích điều lành, chuộng thí. Dụng cụ đo lường trong nhà đều theo đúng tiêu chuẩn. Ông thường khắc trên các dụng cụ đo lường như sau: “Xuất

*như thế nào, phải nhập đúng như thế ấy. Con cháu vĩnh viễn làm như vậy*”. Về sau, con cháu của ông nghiêm ngặt tuân thủ pháp thế

gian, đời đời quý hiển.

Tại Quảng Lăng, có bà lão họ Vương dùng thước huyệt để bán vải vóc. Sau khi chết, báo mộng cho con: “Ta lúc sống dùng thước huyệt để lừa dối người khác. Âm ty phạt ta làm trâu ở nhà họ Hạo tại Tây Khê<sup>804</sup>, dưới bụng có chữ Vương”. Con bà ta tìm tới nhà họ Hạo, quả nhiên [trâu nhà ấy] vừa sanh một con nghé, dưới bụng có lông trắng thành hình chữ Vương. Đứa con mua lại, đem về. Cho con nghé ăn đồ mềm mịn, nó không ăn, cho cỏ rơm thì ăn. Bắt nó chở nặng hoặc cày ruộng thì trâu yên tĩnh, nuôi nắng an nhàn thì nó nhảy lông lên, húc chuồng đủ mọi cách, dường như chẳng thể yên ổn nổi. Kẻ tâm địa mê muội kiếm lợi có biết nghiệp báo này hay chăng?

Trong niên hiệu Vạn Lịch nhà Minh, tại Dương Châu có một tiệm bán hàng tạp hóa lớn<sup>805</sup>. Chủ tiệm lúc sắp chết, dặn con: “Ta bình sanh lập nghiệp là nhờ cái

---

<sup>804</sup> Quảng Lăng nay là thành phố Dương Châu thuộc tỉnh Giang Tô, còn Tây Khê thuộc phía Đông thành phố Đông Đài tỉnh Giang Tô.

<sup>805</sup> Nguyên văn “*nam hóa điểm*”, ta thường gọi là tiệm chạp phô (tức chữ “tạp hóa” mô phỏng cách phát âm trong tiếng Quảng Đông). Sở dĩ gọi là Nam Hóa vì thoát đầu các sản phẩm bán trong các tiệm ấy đa số là sản phẩm của những vùng phía Nam Trường Giang. Về sau, hễ tiệm nào bán đủ thứ mặt hàng linh tinh đều gọi là Nam Hóa Điểm, hoặc Tạp Hóa Điểm.

cân này. Cái cân này làm bằng ô mộc<sup>806</sup>, chính giữa rỗng, chứa thủy ngân. Khi cân hàng để bán ra, nghiêng cân cho thủy ngân chảy vào đầu cân. Khi cân hàng để mua vào, bèn dốc cân cho thủy ngân chảy vào phần đuôi cân. [Do vậy], thâu vào thì nặng [hơn số lượng thật sự], xuất ra thì nhẹ hơn [số lượng cần bán]. Vì thế, làm giàu”. Đứa con trong lòng lầy lã, nhưng chẳng dám nói. Cha chết, con liền đốt cháy cái cân, khói hóa thành một con rồng bay lên trời. Chẳng lâu sau, hai đứa con trai của người con đều chết. Do vậy, anh ta oán hận nói: “Cha dụng tâm bất bình, đâm ra được bình an. Nay tôi mua vào, bán ra công bằng, chẳng dám dối trá, lại trở trêu chôn hai con! Đạo trời há như thế chẳng?” Bỗng dưng anh ta mơ màng [thấy mình] tới một dinh thự của quan lại, vị chủ nhân [của dinh thự ấy] phủ dụ: “Cha người thường ngày bán ra thì nhẹ, mua vào thì nặng, gạt gẫm người khác để mình được béo bở. Tuy nhiều tiền lắm của, vẫn là cố nhiên vốn sẵn có trong số phận. Chỉ vì dùng cái tâm dối lừa tạo nghiệp mà mắc tội với trời. Do đó, Thượng Đế sai hai tinh tú phá tán, tiêu tan đến làm con của người. Khi chúng trưởng thành, sẽ xài phung phí tài sản của người, kế đó là bị hỏa hoạn, khiến cho người hết sạch tài sản, con cháu tuyệt diệt, hồng hiển thị sự báo ứng [của cõi trời đối với kẻ cam tâm lừa dối thủ lợi]. Nay người có thể sửa đổi ác báo, tu hành. Hơn nữa, mọi chuyện đều công bằng, hòa hoãn, tốt lành; do vậy, Thượng Đế gọi hai ngôi sao ấy về. Không

---

<sup>806</sup> Ô mộc (Ebony) là một loại cứng, lõi đen bóng, thuộc họ Thị (Diospyros). Loại gỗ này rất nặng và bền, thả xuống nước sẽ chìm lìm, nên đôi khi còn gọi là Trầm Mộc. Gỗ mun của ta thuộc loại này.



lâu sau, sẽ đổi cho người hai đứa con tốt lành, khiến cho gia đình người được rạng rỡ. Người hãy nên gắng sức làm lành, đừng oán hờn xằng bậy”. Người ấy tỉnh lại, nhất nhất ghi nhớ, càng thêm nỗ lực làm lành. Trong vòng ba năm, sanh được hai đứa con. Chúng đều đậu Tiến Sĩ, con cháu đông đảo. Ông Trương Cung Thần nói: “Khi tôi ở Hàn Quan, chơi thân với con cháu của ông ấy. Vì thế, biết chuyện rất tường tận, nhưng giấu tên người ấy, [kéo người] thân thiết sẽ biết lỗi lầm cũ [của tổ tiên họ]”.

Tạ Tú Lâm ở Uất Lâm, đổi với thước đo, đấu, cân, đều luôn [dùng những phương cách gian trá để] xuất ra nhẹ hơn hòng ngang ngược kiếm lợi. Một hôm, gã ấy bị sét đánh chết. Nhiều lần chôn, nhiều lượt bị [sét đánh xuống] quật tung mờ, thịt tan nát, bị đốt cháy. Trong bụng có một lưỡi tầm sét.

Đời Tống, Vương Lương Nhụ chết đi sống lại, nói mình đã tới âm phủ. Thấy trên tường treo đấu,斛, cân, thước. Hỏi những thứ ấy dùng để làm gì, nha lại cười âm bảo: “Do tăng giảm [trọng lượng] nặng nhẹ, mang lòng lừa dối kiếm lợi, mà mắc phải tội này”. Sau khi Lương Nhụ sống lại mười ngày, phạm là những vật dụng như đấu, cân v.v... sai trái, không đúng tiêu chuẩn, đều bị cháy rụi!

Đời Tống, Lý Giác ở Quảng Lăng buôn bán kiếm sống. Ông thấy những người cùng nghề xuất ít, thu nhiều, bỏ ra nhỏ nhoi, thu vào to lớn, tâm chán ghét,

bèn khuyên bảo [những kẻ ấy] hãy thôi đi! Lý Giác thu vào bán ra như nhau, kiếm đôi chút tiền lời để có cái sinh sống. Lâu ngày, gia cảnh cũng giàu có. Về sau, có một vị Chế Trí Sứ<sup>807</sup> tại Giang Hoài có tên họ giống như ông. Người ấy ban đêm nằm mộng, thấy vào động phủ, xem trong sổ tiên có ghi tên họ Lý Giác, bèn rất mừng rỡ, tưởng mai sau sẽ được lên cõi tiên. Bỗng có hai đồng tử bảo: “Lý Giác này chẳng phải là ông đâu, mà là một người dân ở huyện Quảng Lăng”. Ông ta tỉnh giấc, bèn dò tìm người ấy, hỏi ông ta đã tu những chuyện gì? Đáp: “Chẳng có gì khác, chỉ là tâm đối đãi công bằng với muôn vật mà thôi”. Về sau, Lý Giác thọ tới một trăm tuổi, bỏ xác phàm thành tiên. Châu Trinh nói: “Cõi đời nói ‘*chẳng lừa dối thần minh*’. Tôi nói [“*thần minh*” trong lời ấy] không phải là tất cả các vị thần trong trời đất, mà là ‘*chẳng lừa dối vị thần trong tâm ta*’ thì chính là chẳng lừa dối thần minh”. Than ôi! Người có thể hiểu điều này có được mấy người vậy?

Người đất Thục (Tứ Xuyên) là Lê Vĩnh Chánh khéo tạo đầu và cân, tăng, giảm nặng nhẹ. Chỉ cần có người thuê làm, trả giá gấp bội, hắn sẽ không gì chẳng làm. Kẻ tiểu nhân chẳng đoái hoài đạo trời, thường đến nhờ hắn làm. Hắn bị thần tư sát (vị thần có chức trách tra xét) tấu lên thượng thiên, Vĩnh Chánh và hai con đều mù, năm ngón tay đều thương tổn, tàn phế, các khớp tay rơi rụng mà chết. Ôi! Chế tạo giùm người

---

<sup>807</sup> Chế Trí Sứ (制置使) là chức quan trông coi việc binh bị tại các lộ (tỉnh) thời Tống, đa số thường kiêm thêm chức An Phủ Sứ.

khác mà bị quả báo như thế, chính là vì trừng trị tận gốc. Phàm hết thấy những kẻ sống bằng nghề buôn bán, có kẻ nào chẳng muốn tự nuôi thân, nuôi gia đình, thế mà cứ thường chọc giận cời trời, là vì lẽ nào vậy? Sao bằng xem xét tường tận câu chuyện này, đừng mãi sửa đổi thì may mắn lắm thay!

Gần đây, những vật được buôn bán ngoài chợ búa, gần như là đồ giả nhiều hơn đồ thật. Đây cũng là vì thế đạo nhân tâm bị biến đổi. Phàm những món thực phẩm cần thiết, những món thuốc men cần dùng, những thứ như vàng, lụa, vật dụng v.v... nếu là đồ giả, hoặc kém phẩm chất đôi chút, kẻ [buôn bán những thứ ấy] sẽ là phường chôn vùi lương tâm, hại người không chỉ hơn nổi! Còn như kẻ sử dụng bạc giả, tội ác càng sâu, trời sẽ tru diệt càng nhanh chóng hơn.

Năm Canh Tuất (1670) đời Khang Hy nhà Thanh, có người họ Cố từ đất Mân (Phước Kiến), ngụ cư tại Giang Âm, ngầm buôn bán bạc giả. Hắn mang bạc ra chợ, không ai có thể nhận biết [là bạc giả hay thật], nhưng chẳng quá mười ngày. Hết quá [thời hạn ấy, thoi bạc giả] lại hiện nguyên bản chất. Có gã tên Giáp nọ dùng sáu lượng [bạc thật] để đổi lấy hai mươi lượng [bạc giả], tới Xương Môn mua sa, đoạn. Quay thuyền trở về, đêm qua Hoa Đăng, gió mạnh lật thuyền, chẳng còn một tác lụa là nào. Gã đó may nhờ bơi lội giỏi nên thoát chết, lữa lò quay về. Cũng trong ngày hôm ấy, gã họ Cố bị sét đánh chết. Lò nung, búa rèn để chế bạc giả đều nát như bột. Than ôi, ngu dại thay! Họ Cố vì gian

trá mà bị giết là lẽ đương nhiên. Còn gã Giáp do một niệm tham lam, mất bay sáu lượng tiền vốn, chẳng biết áo mền, hành lý đem theo giá trị bao nhiêu tiền nữa? Buôn bán đến mức này, có thể nói là lỗ vốn! May mà tánh mạng chẳng chôn vùi trong sóng cuồn cuộn, nguy ngập thay! Kẻ tiểu nhân vô tri đáng thương đến mức ấy. Ngu tôi có một lời cảnh tỉnh mọi người rằng: “Ta buôn bán là muốn cầu sống còn. Ta muốn sống còn, người khác chẳng mong sống sót ư? Ta muốn nuôi gia đình, người khác trọn chẳng muốn nuôi nấng gia đình họ ư? Huống hồ kẻ mang tâm lừa dối nghịch thiên, báo ứng vàng vạc, chẳng có kẻ nào không bị mất mạng rồi mà lại còn gây hại khiến cho gia đình bị diệt môn, đó có phải là ý muốn kẻ buôn bán hay chăng?”

Ông nội của Thượng Thư Tôn Thần Xuyên một hôm buôn bán thâu vào hai lượng bạc. Cụ đưa cho người khác xem, thì ra là bạc giả. Cụ nghĩ: “Bạc này chẳng thể dùng, há nên giữ lại khiến cho người khác bị lầm lạc ư?” Tới bãi sông Đông Hà, ông lại lội xuống nước đi mấy chục bước, quăng bạc xuống chỗ sâu. Con trai cụ thi đỗ, làm Phó Sứ. Cháu nội của cụ chính là Thần Xuyên. Cụ Tôn thu được bạc giả bèn quăng xuống hồ, tấm lòng ấy hợp với tâm Lữ Tổ. Con cháu hiển vinh, sang quý, vẫn là báo ứng nhỏ nhất vậy!

Đời Tống, Lô Thường ở Lư Sơn bán dầu và nến, bỏ lẫn mỡ cá trong ấy [để làm nến]. Còn Hoàng Vũ tại Kiến Long Quán dùng mỡ bò pha vào dầu để làm nến. Hai gã đều bị thiên lôi đánh chết. Ôi! Nay thì có kẻ bán

muối lẫn cát, bán rượu pha nước, những kẻ ấy cũng nên nhìn vào gương này!

Gã họ Nghê ở Hải Diêm dùng các loại vụn gỗ nghiền nát làm hương để buôn bán. Một đêm, đám mật hương bỗng bốc cháy, tỏa khói. Họ Nghê muốn chạy ra khỏi cửa, nhưng bị khói làm cho mê muội, không chạy ra được, người lẫn nhà đều cháy tiêu.

Đời Minh, Trương An Quốc khi làm tri phủ, do thấy ngoài chợ có nhiều kẻ bán thuốc giả, bèn yết bảng răn cấm: “Do Đào Ân Cư (Đào Hoàng Cảnh) trước tác bộ Thảo Mộc Kinh Tập Chú Yếu, Tôn Chân Nhân (Tôn Tư Mạo) trước tác Thiên Kim Phương Nhân giúp vật, lợi sanh, tích chứa nhiều âm đức, cho nên được lưu danh trong các vị tiên. Từ đó tới nay, người làm nghề y, bán thuốc, thành tâm cứu người, đạt được phước báo rất đông. Nếu chẳng bàn đến những điều được sách vở ghi chép, chỉ xét trong thời gần đây, sự ứng nghiệm càng nhiều. Có kẻ chỉ bán thuốc thật, tài sản to lớn cả vạn, hoặc là bản thân an nhàn, vinh hiển, hưởng cao thọ. Hoặc là con cháu đỗ đạt, thay đổi môn hộ, [báo ứng] như bóng theo hình, chẳng có sai sót. Lại từng thấy kẻ buôn bán thuốc giả, thoạt đầu tích tụ đôi chút tài sản, tự cho là ổn thỏa, chẳng biết trong cõi ngầm ngầm, tài lộc đáng lẽ nên có của chính mình đã bị tước giảm. Hoặc bản thân gặp nhiều tai họa ngang trái, hoặc con cháu phi lý phá tán sạch sành sanh. Đến nỗi có kẻ bị lửa trời [thiên đốt], hoặc bị sét đánh. Bởi lẽ, người mua thuốc phần nhiều là do bệnh tật cấp bách; do vậy,

họ đem tiền cầu tìm. Con cháu hiếu thuận chỉ mong [cha mẹ, ông bà] uống thuốc vào sẽ thấy ngay hiệu quả, kiến hiệu, nhưng mua nhầm thuốc giả, không chỉ là vô ích, mà còn đâm ra bị tổn thương. Bình thường, giết một con vật thuộc loại phi cầm, tẩu thú còn có nhân quả; huống hồ trong muôn vật, mạng người trọng nhất. Vô tội mà mắc họa, đau đớn kể sao cho trọn, há chẳng nên kiêng dè ư?”

Đoạt lấy (thủ) mà dùng chữ Thái (採) để nói [nhằm hình dung phương cách chiếm đoạt chẳng đơn giản], do gian trá mà đắc lợi, tức là dụng tâm tàn nhẫn, hà khắc, không gì chẳng làm! Hiện thời, hết thấy những chủ thuyền gian trá cậy thế quan phủ, hoặc những kẻ đứng làm trung gian giao dịch đều thuộc loại này, không nhất thiết phải là những kẻ lén đục tiền riêng hay buôn bán muối riêng tư mới gọi là “*thải thủ gian lợi*”. Vì thế, trong giới áo mũ (quan lại) cũng có chuyện ác này, há có nên chỉ chê trách bọn tiểu dân nơi phố chợ mà thôi!

Cổ nhân có thơ rằng:

*Việt gian, việt xảo, việt bản cùng,  
Gian xảo nguyên lai thiên bất dung,  
Phú quý nhược tòng gian xảo đắc,  
Thế gian ngốc hán hấp tây phong!*

(Càng thêm gian xảo, càng nghèo khó,  
Trời vốn chẳng dung kẻ dối gian,  
Nếu nhờ gian xảo mà giàu có,  
Thế gian kẻ ngốc đời càng).

Trương Phụng thông hiểu chuyện thừa kiện, biết rõ thuế ruộng của từng nhà trong vùng. Hắn có thể khiến cho kẻ có ruộng liên tiếp nổi bờ (rất nhiều ruộng đất) biến thành sạch túi, không có tác đất cắm dùi. Do vậy, sở bộ ghi tên hắn là chủ ruộng rất nhiều. Cả vùng khổ sở vì sự tàn độc của hắn mà không dám nói. Buổi sáng mà nói [động chạm tới hắn], buổi chiều thuế má đã ập tới. Hắn rất thông thạo cách bóc lột dân chúng. Hễ có quan trên tới [trần nhậm], liền gọi hắn hỏi han, trong chốc lát, đã nắm tay vui vẻ. Rốt cuộc quan trên nhìn theo sắc mặt của hắn mà hành xử. Hắn hằng ngày chỉ dạy trưởng quan phương cách bóc lột tận cùng tiền tài của dân chúng. Quan trên được hai phần, còn bảy phần giao về Trương Phụng. Quan Tuần Phủ là ông Đường dò xét, nắm rõ tình trạng ấy, sai thuộc hạ võ công cao cường bắt trời hắn. Trên đường bị đóng gông giải đi, hắn hỏi lộ người áp giải trọng hậu nhưng không được, bèn giở mưu kế trốn thoát, người áp tải hắn đuổi theo chẳng kịp. Khi ấy, bốn phía đồng hoang không có mây, đột nhiên sét đánh đằng Đông mà Trương Phụng chết ngắc ở đằng Tây. Bụng hắn toang hoác như bị mô tung ra, ngũ tạng như bị khoét mất. Dân chúng chán

ghét, ngay cả chó, lợn cũng chán ghét [chẳng thềm ăn thịt thối của hắn].

*(Chánh văn) Áp lương vi tiện. Mạn mạch ngu nhân.*

**(正文)壓良為賤。謾驀愚人。**

*(Chánh văn: Chèn ép người lành khiến họ trở thành ty tiện. Dối gạt kẻ ngu).*

Những kẻ hiện thời làm nô tỳ cho người khác là do đời trước tạo nghiệp, tích ác, những lỗi ác [đã tích tụ] cho đến con số một ngàn tám trăm điều. Trong số ấy, có những kẻ chẳng phải thật sự là nô tỳ, mà vốn là con cái nhà đảng hoàng, nhưng do ta dùng thế lực cưỡng chế, ép buộc họ làm nô tỳ, tức là “*chèn ép người lành, khiến cho họ trở thành hàng ty tiện*”. Còn như mua con gái nhà lành về làm kỹ nữ xướng ca, sẽ thuộc về tội “*thập ác bất xá*”<sup>808</sup> (十惡不赦, mười điều ác chẳng thể ân xá), lại càng chẳng cần phải nói nữa!

---

<sup>808</sup> “Thập ác bất xá” bao gồm mười điều đại ác:

1. Mưu phản (謀反): Có âm mưu làm phản, đảo chánh.
2. Mưu đại nghịch (謀大逆): Mưu tính hủy hoại tông miếu, sơn lăng (lăng mộ của vua và hoàng tộc), cung điện.



Châu Tường ở Chương Châu làm bạn với Tiết Thuần. Tiết Thuần nghèo nàn, chỉ có một đứa con. Tiết Thuần chết, đứa con được gởi cho Châu Tường nuôi. Rốt cuộc, Châu Tường coi nó như tôi đòi; hề có chút gì chẳng bằng lòng, liền đánh đập tơi bời. Một ngày, Châu Tường gặp Tiết Thuần trên đường, kinh hãi hỏi: “Anh đã qua đời, sao lại đến nhân gian?” Đáp: “Đến thăm con tôi và bắt anh đi theo”. Châu Tường tuân mỗ hôi như mưa, trở về nhà, chết đột ngột. Từng thấy trong nhà phú quý, những kẻ thân tộc khốn khổ không nơi

---

3. Mưu bội quốc tòng nguy (謀背國從僞): Âm mưu phản bội quốc gia, làm tay sai cho ngoại bang.

4. Ác nghịch (惡逆): Đánh đập, mưu sát cha mẹ, giết bác, chú, bác dẫu, thím, ông bà, anh em của ông bà.

5. Bất đạo (不道): Giết ba người chẳng đáng tội chết trong một gia đình, dùng những hình thức giết chóc tàn nhẫn như chặt tay chân, bùa chú, hoặc độc trùng để giết hại.

6. Đại bất cung (大不恭): Trộm cắp đồ vật những vật dùng để cúng tế trong tông miếu của vua, tự tiện sử dụng những vật dụng như xe cộ, quần áo của vua, trộm cắp, hoặc nguy tạo những đồ vật quý báu của hoàng đế, chế thuốc cho vua dùng không đúng toa, đúng liều, không bào chế thuốc thang đúng cách, nấu ăn cho vua mà phạm phải những món cấm kỵ, làm thuyền bè, xe cộ cho vua ngồi không kiên cố.

7. Bất hiếu (不孝): Chửi bới, nói hỗn với cha mẹ, ông bà, chẳng phụng dưỡng chu đáo. Tội này còn bao gồm trường hợp cha mẹ hoặc ông bà vừa mới chết, mà con cháu đã làm đám cưới, đám hỏi, hoặc vui chơi, tiệc tùng, ca xướng, hoặc là có tang mà giấu diếm, lén lút chôn cất, hoặc vì mục đích nào khác bèn nói dối là ông bà, cha mẹ đều đã chết cả rồi.

8. Bất mục (不睦): Mưu sát, đánh đập thân nhân, thừa kiện chồng, hoặc các bậc tôn trưởng.

9. Bất nghĩa (不義): Giết hại trưởng quan ở địa phương như huyện lệnh, tri phủ, thứ sử... Cũng như giết chóc, làm hại thầy dạy, hoặc thuộc hạ giết cấp trên, hoặc chồng chết mà vợ giấu diếm không làm đám tang.

10. Nội loạn (內亂): Gian dâm với nàng hầu, thê thiếp của trưởng bối trong nhà.

nương tựa, gởi thân vào nhà ấy, mong có được miếng cơm, manh áo, thường bị sai khiến như kẻ tôi đòi! Thậm chí còn bị chửi mắng, quát tháo. Đây là những trường hợp bị đức Thái Thượng răn cấm. Nhưng hạng người như thế ấy thoát đầu là có lòng giúp đỡ, chăm sóc, về sau lại làm chuyện vui dập, đày đọa, không chỉ là chẳng có công lao gì, mà còn tổn đức, há chẳng đáng tiếc ư?

Tại kho Quảng Tế<sup>809</sup> của tỉnh Chiết Giang, [quan lại địa phương] mỗi năm thường sai những người có tiền trong thành Hàng Châu đảm nhiệm công tác khổ dịch<sup>810</sup> để trông coi chuyện thu vào, phát ra. Có kẻ vì bòn rút công khó quá nhiều, chẳng thể bù đắp được, viên Phủ Phán<sup>811</sup> là Vương X... bèn bắt thê, thiếp, con cái của người ấy lên quan. Rốt cuộc, người ấy chẳng đền được, ông Vương bèn sai [cấp dưới] dùng thuyền

---

<sup>809</sup> Quảng Tế (廣濟) là kho chứa thóc của triều đình để dự trữ khi mất mùa sẽ bán ra với giá rẻ hoặc phát chẩn cho người nghèo.

<sup>810</sup> Khổ dịch (庫役) là những người trông coi kho, chia thành các cấp bậc khổ tử, thương tử, đầu tử, xứng tử. Họ trông coi việc nhập và xuất kho sao cho đúng số lượng, ghi chép hóa đơn, phiếu nhập xuất, biên lai thu thuế (thường gọi là “hộ sao”, 戶鈔).

<sup>811</sup> Phủ Phán ở đây là chức Thông Phán (通判) ở cấp phủ. Từ thời Bắc Tống trở đi, nhằm tăng cường sự kiểm soát, khống chế các quan chức địa phương, bên cạnh các quan đứng đầu các châu, nhà Tống đặt ra chức Thông Phán Mỗ Châu Quân Châu Sự, trong đó Mỗ là tên gọi của một địa danh nào đó. Chẳng hạn, Thông Phán Hàng Châu Quân Châu Sự. Thế tục thường gọi tắt chức vụ này là Thông Phán, Thông Châu, Giám Quận, Quận Tá, Châu Tá, Trị Trung, Biệt Hạ, Quận Thừa v.v... có nhiệm vụ giám sát các quan trên, cũng như trông coi về lương thực, vận chuyển gạo, muối, khai thác mỏ v.v... cũng như giám sát một phần quân sự. Từ thời Nguyên trở đi, triều đình đặt thêm chức Thông Phán tại các phủ. Đến đời Minh, dưới quyền trưởng quan mỗi quận, huyện đều có chức Thông Phán.

nhỏ, chở họ ra Tây Hồ làm người hầu cho các du khách để lấy tiền nạp cho quan phủ. Về sau, con cháu của họ Vương có đứa làm kỹ nữ ca xướng!

Có một hạng cha mẹ, do bất đắc dĩ, phải làm chuyện táng tận lương tâm vô sỉ là bán con cái làm nô bộc cho kẻ khác, nhưng ta có nổi lòng [đứng nhìn cảnh ấy] hay chẳng? Người chuộng nghĩa, do có sức bèn bỏ ra tiền bạc để giúp đỡ người ấy trong cơn túng ngặt, hòng bảo vệ con cái của nhà đảng hoàng ấy. Đó là đức dày. Nếu như chẳng thế, ta đừng làm nhục chúng. Tuy chẳng tránh khỏi phải bán chúng cho người khác, vẫn chẳng đánh mất sự tận tâm của ta!

Hạng trung lưu và bần tiện vốn chẳng có nhất định. Bất quá con cái của kẻ nghèo bán cho người giàu có thì gọi là “*tiện*” (賤, bần tiện, hèn kém), thật ra đều là “*lương*” (良, đảng hoàng, không phải là thân phận tôi tớ, nông nô). Người thời nay yêu quý con cái của chính mình như châu báu. Cao lương mỹ vị ngon béo, lụa là, thêu thùa [đều dành cho con mình], nhưng đối với con nuôi trai gái thì coi như bụi, rác, đùn roi, đối xử thô ác, [chẳng quan tâm chúng nó] đói khát, rách rưới, rét buốt! Những đứa trẻ ấy cũng do cha mẹ sanh ra, sao mà [bị đối xử] chẳng công bằng như thế ấy? Sao chẳng nghĩ kẻ giàu có thể trở thành nghèo nàn, người nghèo nàn có thể trở thành giàu có? Đạo trời thật sự chưa thể biết được, có thể bảo đảm hạng trung lưu chẳng đâm ra

trở thành nghèo hèn, kẻ nghèo hèn chẳng dám ra trở thành trung lưu ư?

Đối đãi người ngoài, xử sự với người dưới, cần phải là “ở vào địa vị phú quý, thấu hiểu nỗi đau đớn của kẻ nghèo hèn”. Đang lúc trẻ trung, khoẻ mạnh, hãy nghĩ tưởng nỗi niềm cay cực, chua xót của người già cả. Ở trong hoàn cảnh an lạc, hãy thấu hiểu, thương xót hoàn cảnh, trạng huống của người hoạn nạn. Ở trong cảnh bần quan, hãy thông cảm nỗi khổ tâm của người trong cuộc.

“*Mạn*” (謾) là lừa dối kẻ không biết, không thấy. “*Mạch*” (驀) là đáng vẻ nhanh nhẩu, lanh lợi. Hễ dùng quỷ kế để bày cách lừa đảo, khiến cho kẻ khác bị vướng vào mưu mô ấy, thì gọi là “*mạn mạch*” (謾驀). “*Mạn mạch*” đều chớ nên dùng; áp dụng [những mảnh khoe ấy] vào kẻ ngu lại càng đáng thương hơn! Dẫu kẻ ngu chẳng thể trả đũa, trong cõi ngấm ngầm, sẽ tự có kẻ báo đền thay cho họ. Kẻ ngu chẳng bị tổn hại mà ta đã bị tổn hại trước!

Sách Viên Thị Thế Phạm chép: - Nghèo, giàu chẳng hề là chuyện nhất định. Ruộng nương, nhà cửa, chẳng có chủ cố định. Có tiền bèn mua, không tiền thì bán. Kẻ mua sản nghiệp hãy nên biết lý này. Huống hồ người ta bán tài sản là vì thiếu cái ăn, hoặc do mắc nợ, hoặc vì bệnh tật, tử vong, kết hôn, thừa kiện. Do có trăm ngàn thứ phải chi tiêu mà bán trăm ngàn sản

ngiệp. Kẻ mua sản nghiệp, hãy chú trọng khoan dung, đôn hậu, trả cho đúng giá trị, [ngõ hầu] người bán sau khi đã chuyển giao [sản nghiệp], tuy chẳng còn lại gì, [nhưng món tiền người ấy nhận được] vẫn đủ để giải quyết xong xuôi chuyện ấy. Kẻ làm giàu bất nhân, chuyên chú trọng lừa dối, lươn lẹo, biết người bán có chuyện gấp phải cần dùng, bèn bề ngoài cự tuyệt, bên trong ngấm ngầm dẫn dụ để chìm giá thật sâu. Đã lập xong văn khế, lại dằng dai, chẳng lập tức thanh toán trọn số, hoặc dùng gạo, thóc, hay những món vật khác tính cao giá lên để khấu trừ [món tiền phải thanh toán], hoặc ước hẹn kỳ hạn để trả lẻ tẻ. Kẻ đã bán sản nghiệp sẽ vì đó mà tiêu hao hết tiền nhưng chẳng thể giải quyết xong xuôi chuyện ấy, phải qua lại đòi nợ, chi phí và công sức lại chiếm mất nửa. Kẻ giàu có kia lén lút vui sướng, ngỡ là mưu mô hay khéo, chẳng biết đạo trời sẽ báo đền. Có trường hợp báo ứng ngay trên thân người ấy, có khi rơi vào thân con cháu. Lắm kẻ mê muội chẳng tỉnh, vì lẽ gì vậy?

*(Chánh văn) Tham lam vô yếm, chú trớ cầu trực.*

**(正文)貪婪無厭。呪詛求直。**

*(Chánh văn: Tham lam chẳng chán, thề thốt để người khác tin là mình chánh trực).*

Dùng miệng nuốt chửng đồ vật thì gọi là Lam (婪), ý nói lòng tham của con người giống như cái miệng ăn nuốt thực phẩm chẳng chán, chẳng ngừng, chẳng có cùng cực. Lão Tử nói: “*Tội mạc đại ư đa dục, họa mạc đại ư bất tri túc*” (Tội không gì lớn bằng lắm dục vọng, họa không gì lớn bằng chẳng biết đủ). Kẻ biết đủ dầu nghèo hèn vẫn vui sướng. Kẻ chẳng biết đủ, dầu phú quý vẫn lo rầu. Người đòi tham cầu quá nhiều, rốt cuộc đều hao tán! Vì thế, chẳng cần phải nói nữa, lại

còn gieo mầm tai họa, càng khó kết liễu!

Chân Bân là người có phẩm hạnh, đạo đức cao thượng. Ông từng đem một bó sợi gai đến tiệm cầm đồ để cầm lấy tiền. Về sau, ông chuộc bó gai về, thấy trong ấy có năm lượng vàng. Chân Bân đem vàng giao trả, chủ tiệm cho Chân Bân một nửa. Chân Bân chẳng nhận, bảo: “Kẻ tháng Năm mặc áo dày, đội củi<sup>812</sup>, há chịu nhận vàng ư?”

---

<sup>812</sup> Đây là một thành ngữ xuất phát từ một điển tích trong chương Thư Hư sách Luận Hành của Vương Sung đời Hán. Theo đó, Quý Tử ở Diên Lăng đi chơi, thấy trên đường có một túi vàng. Lúc ấy, đang tiết tháng Năm, khí trời nóng bức oi nồng, trên đường có một người mặc áo rất dày, đội củi, chắc là tiểu phu. Quý Tử bèn gọi người ấy lại, bảo hãy nhặt vàng ở dưới đất lên đem về mà dùng. Người ấy trừng mắt, phẩy tay nói: “*Người sao dám coi mình là bậc cao khiết, coi rẻ người khác? Tướng mạo của người trông đằng hoàng, có sao ăn nói tục tằn làm vậy? Ta đang trong tháng Năm mùa Hạ mặc áo dày, đội củi, há có phải là hạng người nhận lấy vàng ư?*” Về sau, cổ nhân dùng thành ngữ “*phi cừ phụ tân*” (披裘負薪, mặc áo dày, đội củi) để hình dung bậc chí hướng cao cả, thanh khiết, ăn dật, bần cư.

Vào thời Đường Đại Tông, Trung Thụ Thị Lang Nguyên Tải<sup>813</sup> qua trung gian của các con mà móc nối ăn hối lộ. Ở kinh đô và các nơi, hần đều dẹp trừ bậc trung lương, cất nhắc bọn tham lam, bỉ ổi. Hần giàu có, xa xỉ, hằng ngày đều ca xướng, hoan lạc, ngay cả hoàng cung cũng chẳng bằng. Vua đã từng răn nhắc, hần chẳng thay đổi. Về sau, vua giận, bắt giam Nguyên Tải, hạ chiếu ban chết. Vợ con hần cũng được ban chết, tịch biên gia sản, [tịch thu] năm trăm lượng chung nhũ<sup>814</sup>.

---

<sup>813</sup> Nguyên Tải quê ở huyện Kỳ Sơn, thuộc huyện Phụng Tường. Không rõ cha ruột là ai, mẹ tái giá với Cảnh Thăng. Cảnh Thăng vốn là gia nô của Nguyên Thị, Nguyên Thị là nguyên phi (vợ chánh) của Tào Vương Lý Minh (con trai Đường Thái Tông). Do thân tô đắc lực, Cảnh Thăng rất được nhà họ Nguyên tin dùng; hần bèn xin được mang họ Nguyên. Do vậy, Nguyên Tải cũng theo cha dựng đổi thành họ Nguyên. Nguyên Tải thông minh, nhạy bén, đọc nhiều sách vở, tinh thông sách vở của Đạo gia. Sau khi đậu Tiến Sĩ, nhờ Thái Phụng Sứ Lý Sát Ngôn tiến cử, hần được cử làm Phó Quan, con đường hoạn lộ rộng mở, cuối cùng ngổi lên chức Chi Độ Lang Trung. Do tài ăn nói, Đường Trung Tông rất coi trọng hần. Hần trở thành Trung Thụ Thị Lang Đồng Bình Chương Sự (Tể Tướng) đời Đường Đại Tông. Do trước sau đã bày mưu tính kế giúp Đường Đại Tông tiêu diệt hoạn quan Lý Quốc Phụ (tuy trước đó, khi còn là Hộ Bộ Thị Lang, hần đã từng xun xoe, xu nịnh Lý Quốc Phụ) và hoạn quan Ngự Triều Ân, hần càng được Đường Đại Tông tín nhiệm. Do khéo đón ý vua, vua tin tưởng hần tuyệt đối, khiến quyền hành của hần ngày càng lớn, tự tung tự tác, thậm chí loại bỏ những người trung trực chẳng về hòa với hần. Vua bèn sử dụng Lý Tế Quân làm người đứng đầu bộ Lại, dần dần chặn đứt vây cánh của Nguyên Tải. Cuối cùng, nhà vua thành công kết tội hần tham ô và bắt giam Nguyên Tải. Sau khi hần và các con bị xử tử, lăng mộ của tổ tiên hần còn bị khai quật, lại còn bị đặt thụy hiệu là Hứa Xương Hoang Tử (kẻ ngang ngược, lộng quyền ở Hứa Xương). Một người con gái của hần là Nguyên Chân Nhất do làm đạo cô nên được miễn tội chết, nhưng bị đuổi khỏi đạo quán, sung làm nô tỳ. Mãi cho đến đời Đường Đức Tông, do nhớ ơn hần đã ủng hộ mình trở thành Thái Tử, vua hạ chiếu cải táng, khôi phục chức vụ cho hần, đổi thụy hiệu của hần từ chữ Hoang thành Thành Tông (nghĩa là có tài năng, nhưng thiếu đức hạnh).

<sup>814</sup> Chung nhũ (鐘乳) ở đây là các nhũ thạch (Stalactite) lấy từ các thạch động. Người Hoa dùng nó làm thuốc, hoặc chế thành rượu ngâm nhũ thạch. Theo Đông Y, chung nhũ thạch được coi là tánh ôn, vị ngọt, đi vào các kinh Phế và Thận, có tác dụng khiến cho nguyên dương tráng kiện, trị bệnh lao suyễn, ho hen vì lạnh, tay chân tê lạnh v.v...

Vua hạ lệnh chia cho các quan thuộc [các cơ cấu] Trung Thư, Môn Hạ, và Đài Tỉnh, [còn có] hồ tiêu đến tám trăm thạch. Những món vật khác cũng nhiều ngàn ấy. Trịnh Tuyên nói: “Từ xưa, những kẻ ở vào địa vị Tể Tướng, có bao giờ chết vì đói rét, mà thường là chết vì của cải, vật chất, cũng đáng nực cười thay!”

Đời Minh, trong niên hiệu Thiên Thuận (đời Minh Anh Tông), Lý Minh ở Gia Hưng có một chiếc bình báu. Kẻ nhà giàu là Tào Viện muốn đổi bằng hai mươi thạch gạo, nhưng ông Lý không đồng ý. Về sau, [Lý Minh] lại gạ gẫm Hoài Duyệt, Hoài Duyệt trả gấp bội, [Lý Minh] vẫn không bán. Lại giao cho Ngô Nhữ Huy xem, Nhữ Huy trả giá một trăm thạch gạo. Đã đồng ý bán, có gã Lưu Chúc bảo Lý Minh: “Tôi có một kế, khiến cho ông thu lợi to lớn. Nếu ông dâng cái bình ấy cho quan Trấn Thủ Trương Thái Giám để đổi lấy giấy phép vận chuyển và tiêu thụ muối trong cả quận Gia Hưng thì sẽ được lợi gấp trăm lần”. Lý Minh đồng ý. Lưu Chúc đi chạy chọt thay, quả nhiên đạt được đúng mưu đồ, tính ra sẽ được lợi hơn ba ngàn lượng. Họ Lưu được chia một phần ba [số phiếu lãnh muối]. Lý Minh lãnh về, qua sông, thuyền lật, các tấm phiếu lãnh muối đều bị ướt nhẹp, hư nát. Thái Thú quận Gia Hưng là Dương Kế Tông thúc bách đòi nộp [số lượng muối đúng với] những giấy phép [đã cấp] ấy, Lý Minh bị [giam cầm], chết trong ngục. Lưu Chúc bán sạch gia sản để bồi thường!



Cổ nhân nói: “*Cõi đời chẳng có người trăm tuổi, oan uổng bày mưu tính kế ngàn năm*”. Mong cầu chẳng chán để làm gì? Có phải là vì muốn tính toán cho con cháu đó chẳng? Chẳng biết tục ngữ có câu: “*Nếu con cháu chẳng được như ta, chúng nó cần tiền để làm gì? Con cháu mạnh mẽ như ta, [chúng nó] cần tiền để làm gì?*”

Đời Hán, Sớ Quảng nói: “Há có phải là ta già cả, hồ đồ, chẳng nghĩ tới con cháu ư? Ta có ruộng đất, nhà cửa cũ, con cháu siêng năng cày bừa, sẽ đủ để cung cấp áo, cơm. Nếu tăng thêm hồng được dư dả hơn, chính là dạy con ôm lòng lười nhác. Kẻ hiền mà có lắm tiền của, ắt ý chí hao tổn. Đứa ngu mà có lắm tiền của, sẽ càng tăng thêm lỗi lầm. Hơn nữa, kẻ giàu bị nhiều người oán hận. Ta đã chẳng có gì để dạy con cháu, chẳng muốn chúng nó tăng thêm lỗi để sanh oán”. Do vậy, ta thấy Tư Mã Ôn Công đã giáo huấn: “*Chứa vàng chẳng bằng tích đức*”. Sao chúng ta không đọc tụng năm lòng [câu nói ấy] hồng nỗ lực thực hiện vậy thay!

“*Chú trớ*” (呪詛) là thề với thần. “*Cầu trực*” (求直) là cầu thần báo ứng nhanh chóng. Chuyện này chẳng phải đợi đến khi dùng hình thức sớ tấu [để thề thốt với thần], mà hễ tức giận trong khi tranh chấp, xằng bậy kêu gọi [quỷ thần] thì đều thuộc vào phạm vi của lời răn này. Xét ra, Chú Thệ Chương có nói: “*Hễ có thề thốt, ắt bốn phương tám hướng đều tiếp nhận lời thề thốt của kẻ ấy, hết thấy loài quỷ hung ác sẽ đều*

*thừa cơ kiếm sơ hở để đột nhập, gây nên họa hại. Nếu chẳng sám hối, thỉnh thiên thần giáng hạ hóa giải, sẽ chẳng dễ đoạn trừ”. Vậy thì có nên thề thốt hay chẳng?*

Đầu thời Vạn Lịch nhà Minh, một gã lý dịch là Vương Trứ ở Tây Hoa, do đôi co với người nạp thuế về chuyện thiếu thuế, đã thề thốt ở miếu Thành Hoàng. Ban đêm, hấn ngủ lại chùa Dương Thiện, bỗng nghe tiếng quát tháo. Hấn thức dậy xem, thấy một vị quan đứng dưới ánh đuốc, đội phốc đầu<sup>815</sup>, áo đỏ, người theo hộ vệ rất đông. [Vị ấy] quát bảo hai tráng sĩ vung đao hướng về phía Vương Trứ. Vương Trứ cảm nghiệm mực trên án quăng họ, rớt cuộc vẫn bị đâm trúng, miệng và má đều bị đổ máu. Tăng chúng trong chùa bị kinh động thức dậy, chẳng thấy một ai. [Vương Trứ] mới biết là thần Thành Hoàng. Sáng hôm sau, hấn mặc áo tù nhân, đến miếu tạ tội, thấy thần tượng trong miếu nghiêm nhiên như giống như trong mộng. [Tượng] thị vệ đứng bên phải thì cầm đao, trên thân có vết mực. Hơn một tháng, vết thương nơi miệng mới lành, giống hệt như vết đao chém. Phàm Lý và Sự vốn có đúng hay sai, vốn là đúng thì công luận khó thể dẹp trừ được, lâu ngày [sự thật] sẽ tự tỏa rạng, tội gì phải so đo? Nếu là sai thì hãy tự phản tỉnh, hối lỗi, há dám đối trước thần mà hờn oán người khác ư? Huống hồ mọi chuyện chỉ

---

<sup>815</sup> “Phốc đầu” (幞頭) là một loại mũ. Loại mũ này thường dùng dây mây bện thành sườn mũ, bên ngoài phủ một lớp sa. Tùy theo chức quan mà phốc đầu có nhiều loại, nhưng loại “*triển giác phốc đầu*” thì giống như mũ cánh chuồn. Loại “*dực thiện quan*” không có cánh chuồn, thường được dành riêng cho nhà vua đội vào thời Minh.

nên xét theo đúng lý mà an phận. Hễ thê thốt, sẽ bị quỷ thần chán ghét, ắt bị trời phạt, há chẳng nên kiêng tránh ư?

*(Chánh văn) Thị tửu bột loạn.*

**(正文)嗜酒悖亂。**

*(Chánh văn: Ham nhậu nhẹt, quây phá).*

Rượu có thể làm loạn tánh. Nếu quá mức mê rượu, sẽ bị tổn thất cực lớn. Xem bài Tửu Cáo<sup>816</sup> bèn biết cỗ nhân đã lo lắng sâu xa. Xem bài Tửu Tụng<sup>817</sup>, sẽ biết cỗ nhân gởi gắm niềm hứng thú sâu xa. Như trong [cổ] lễ đã nói, hễ kính nhau một lượt rượu<sup>818</sup>, chủ và khách vái chào lẫn nhau nhằm ngăn ngừa do rượu mà thất lễ! Người đời ham thích rượu chè vô độ; do vậy, dẫn đến chuyện thân thể chệnh choạng, lễ pháp bị chôn vùi, rối loạn, chửi bới người cùng ngồi [trong bàn rượu], nằm

---

<sup>816</sup> Tửu Cáo (酒誥) là bài văn khuyên răn nhắc nhở những họa hoạn về rượu do Châu Công soạn. Bài này được chép trong phần Châu Thư của sách Thượng Thư.

<sup>817</sup> Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Tửu Đức Tụng do Lưu Linh soạn dưới đời Tây Tấn.

<sup>818</sup> Nguyên văn “nhất tước chi hiến”. Tước (爵) là dụng cụ để đựng rượu có hình dạng giống như con chim sẻ, chỉ chứa được một thung rượu. Dụng cụ này cũng có thể dùng để uống rượu. Trong khi cúng tế, nói “hiến tước” (獻爵) tức là dâng rượu vậy. Ở đây, nói “nhất tước chi hiến” hàm ý chủ và khách mời nhau uống một lượt rượu, có chùng mực, trang trọng, cung kính như đang hiến rượu trong khi cúng tế.

lăn ra đường phố, trái pháp, phạm thượng. Lâu ngày, [do say sưa], sẽ bị chôn vùi cái tâm, mất hết phẩm đức, có thể khiến cho kẻ sĩ bại hoại danh tiết, quan lại bị mất chức, nhà nông bỏ mặc ruộng nương, lái buôn cắt sạch vốn. Thậm chí mất mạng, tan nhà, há chẳng đau xót ư?

Đời Tống, Lỗ Công Phạm Chất răn con rằng: “Cha răn các con đừng ham uống rượu. Rượu là loại thuốc gây cuồng, chẳng phải mỹ vị. Nó có thể khiến cho người tánh tình cân trọng, nồng hậu hóa thành hung hăng, ương bướng”. Tào Nguyệt Xuyên nói: “Đề dưỡng tánh, chớ tham đắm loại nước khiến cho tánh bị hôn ám. Đã lập gia đình, phải kiêng loại ‘canh phá nhà’. Hơn nữa, cội nguồn của hết thảy các chuyện đâm loạn phần nhiều bắt nguồn từ rượu”. Vì thế, trong bốn điều răn, lấy rượu làm điều răn đầu tiên.

Kẻ say ắt mất sạch thiện niệm, ác niệm dấy lên lòng lẫy. Khi tỉnh, ắt chẳng dám làm, ắt chẳng dám nói; hễ say, sẽ làm luông tuồng, sẽ nói bừa bãi. Vì thế, người uống rượu mà biết giữ chừng mực, thì [rượu sẽ] được gọi là Thái Hòa Thang (太和湯, canh Thái Hòa), hoặc gọi là Vong Tình Hữu (忘情友, người bạn giúp mình quên buồn). Kẻ uống rượu mà chẳng thể giữ chừng mực thì [rượu được] gọi là Nhu Ma (柔魔, con ma dịu dàng), gọi là Cam Độc (甘毒, chất độc ngọt ngào).

Rượu là củi để [đốt lên] lòng dâm. Phóng túng rượu chè mà chẳng phóng túng dâm dật thì hiếm lắm! Bởi lẽ, nội hỏa vừa bùng bùng bốc lên, dâm dục hùng hực phùng lên, đã là khó ngăn ngừa; huống hồ, rượu chè phóng túng khiến cho ngọn lửa ấy càng thêm mạnh mẽ ư? Nhậu say rồi ăn nằm, ngũ tạng đảo lộn, sẽ mắc bệnh chẳng nhẹ, càng phải nên đau đầu kiêng dè! Lại có kẻ do say sưa mà nói huých toẹt những chuyện dâm uế, [đến nỗi] phải chịu nhục, táng mạng, hối hận sao kịp?

Chuyện đáng nực cười nhất trong thế gian không gì bằng tranh đua thắng thua trong tiệc rượu. Xử sự trong cõi đời, mỗi chuyện đều nên lùi bước, nhân nhượng. Huống chi đôi khi [cùng nhau tụ tập] vui chơi, hành tửu lệnh<sup>819</sup> so quyền, bất quá là để cao hứng trong chốc lát, thắng chẳng đáng để vinh, thua chẳng đáng nhục! Thua thì chẳng bị mất mát gì, thắng chẳng đạt được gì. Đúng như người chơi cờ vậy đã nói: “*Thắng thì cố nhiên là vui thú, thua thì cũng vui vẻ*”. Những kẻ đã hôn ám chẳng biết, cứ ắt phải thắng mới được, đến nỗi chẳng say chẳng nghỉ! Sao mà ngu si quá mức vậy? Lại có kẻ tự khoe tửu lượng cao, coi chuyện không ai có tửu lượng bằng mình là hành vi hào hùng. Chẳng biết đạo đức, văn chương, đỗ đạt, công danh của chính

---

<sup>819</sup> “*Tửu lệnh*” (酒令) tức là trong khi uống rượu, người “cầm đầu” sẽ đặt ra một quy tắc, chẳng hạn như dùng chén rượu, hay thẻ rút thăm, chuyển đến phiên ai, người đó phải làm gì đó, như giải đáp câu đố, hoặc ngâm thơ, ca hát, làm trò, hay gồng tay (so quyền). Kẻ thắng thì được thưởng rượu, người thua thì cũng bị phạt uống rượu. Mục đích chỉ là làm trò vui, gây náo nhiệt trong tiệc rượu mà thôi.

mình đúng là nhiều phần chẳng sánh bằng kẻ khác, [thế mà] cứ khăng khăng khoe khoang tử lượng cao, há cũng chẳng lầm lạc ư? Lại có một hạng người, khoe khoang coi chuyện tử lệnh nghiêm minh là điều đáng đặc ý, chẳng nghĩ rượu dùng để chung vui với nhau, hãy nên thuận theo tử lượng của từng người, tội gì cưỡng ép [kẻ khác] uống cho nhiều đến nỗi tổn thương thân thể! Tục ngữ có câu: “*Chánh trị hà khắc còn tệ hơn cạo dũ*”. Tôi nói: Tử lệnh hà khắc thì cũng giống như vậy. Trong tiệc rượu, nếu có hạng người ấy, hãy nên gấp viện có để tránh đi.

Trong Đại Trí Độ Luận đã ra nêu các lầm lỗi do uống rượu như sau:

- 1) Tâm không tiết chế, chẳng có chừng hạn.
- 2) Tài vật hư hao, kiệt quệ.
- 3) Cửa ngõ dẫn đến các thứ bệnh.
- 4) Cội rễ của sự đấu tranh.
- 5) Lỗ lỏ chẳng hổ thẹn, giống như trâu ngựa.
- 6) Do ta làm nhục, khinh miệt, chửi bới những người cùng uống, mà bị người ta ghét bỏ.
- 7) Chẳng đạt được vật đáng lẽ đạt được.
- 8) Bỏ mất vật đã đạt được.

9) Trong khi say, phun ra hết những chuyện giấu diếm; khi tỉnh rượu bèn hối tiếc.

10) Khi say có nhiều hành vi sai trái, khi tỉnh sẽ hổ thẹn.

11) Sức lực suy yếu.

12) Sắc mặt biến đổi.

13) Tâm chí mê hoặc.

14) Trí huệ bị che lấp.

15) Chẳng biết tôn kính cha mẹ.

16) Chẳng biết tôn kính quý thân.

17) Chẳng biết sợ lời nói của người khác.

18) Chẳng biết sợ phép vua.

19) Kéo bè kết đảng làm chuyện cuồng vọng, bạo ngược.

20) Lột lột, xa lánh bậc hiền thiện.

21) Chẳng hổ thẹn.

22) Dễ nổi giận đùng đùng.

23) Chẳng kiềm chế lục tình (mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét).

- 24) Phóng túng sắc dục vô độ.
- 25) Bị người đã từng cung kính ta bài xích, xua đuổi.
- 26) Chẳng cẩn thận, kiêng sợ.
- 27) Coi ngày là đêm, sự nghiệp đều bỏ bê.
- 28) Phạm lỗi về luân thường, đạo đức.
- 29) Vứt bỏ thiện pháp.
- 30) Xa lìa Niết Bàn.
- 31) Gieo cái nhân ngu si, cuồng vọng.
- 32) Khi thân hoại, mạng chung, sẽ đọa trong ác đạo. Nếu được làm người, tâm luôn cuồng loạn, hết thấy những vật bên ngoài cần dùng cho cuộc sống thấy đều bị bại hoại.

Một kẻ sĩ ở đất Mân (Phước Kiến) là Lưu X... bình thời phẩm hạnh đoan nghiêm, học trò rất đông. Hằng ngày, ông ta thường răn dạy [học trò] kiêng dè sắc dục. Một hôm, ngẫu nhiên say sưa, tranh giành gái điếm với bạn. Khi tỉnh, hết sức hối hận, xấu hổ chẳng muốn gặp các học trò, đóng cửa suốt ba ngày, biên tập các chuyện xưa nay mắc hại vì rượu để tự cảnh tỉnh chính mình, đặt tên là Bách Hối Kinh.



Lại có kẻ sĩ ở đất Ngô (Giang Tô) là Diệp X... bầm tánh vốn hiếu thảo, hòa thuận với anh em. Một hôm, sau khi say sưa, đã tranh chấp, chửi bới em trai. Cha dùng lý để khuyên, chàng ta phun ra một, hai câu bất kính. Canh năm tỉnh rượu, vợ kể lại tình trạng khi say sưa, chàng ta hối hận muốn chết phứt, vội đến phòng cha, khấu đầu, khóc lóc, quỳ xin tạ tội, cơn giận của cha mới nguôi.

Ôi! Hai ông bầm tánh thuần hậu, nghiêm cẩn, còn chẳng khỏi ngang ngược, phóng túng khi say. Nếu là hạng người phóng túng, tà vạy, xa xỉ, sẽ càng tệ hại đến mức nào? Rượu được gọi là Họa Tuyền (禍泉, suối họa), đúng lắm thay!

Đời Tống, Ngô Dục làm Xu Mật Sứ. Khi ấy, Trần Chấp Trung bị bãi chức Tể Tướng, tiền cử Ngô Dục thay thế. Do Ngô Dục hầu vua dự yến tiệc, say sưa, ngủ vùi, bỗng vỗ giường, gọi tùy tùng; vua tức giận, bãi truất ông ta làm Tây Kinh Lưu Đài. Lại nữa, Quách Chí làm Tham Chánh (Tham Tri Chánh Sự, tức Phó Tể Tướng) vào cung tâu trình, mùi rượu xông sực tòa ngự, ông bị giáng chức, đổi đi Nam Kinh.

Say rồi lỡ lời, thường gặp đại họa. Một danh sĩ ở huyện Vô Tích, tuổi trẻ, đa tài. Uống say rồi phê phán chuyện xấu trong buồng the của người khác ngay trước mặt kẻ đó. Kẻ đó thản nhiên cười bảo: “Ông X... say nên nói vậy”, dường như chẳng có mảy may nào so đo. Những người đang ngồi cùng bàn đều cảm phục độ

lượng của ông ta. Một người từng trải chờ cho người ấy đi khỏi, bảo những người cùng ngồi: “[Bị làm nhục] mà tức giận là chuyện thường, chứ kẻ cười xòa khó thể dò lường được”. Nửa năm sau, chàng ta rốt cuộc bị người khác mưu hại. Ai nấy đều nghi người ra tay hãm hại chính là kẻ đã chịu nhục khi trước. Than ôi! Rượu gây tai họa đến mức ấy. Còn như do say sưa mà lọt sông, sụp hố, ngã toác đầu vỡ mặt, đánh mất tiền của, tiết lộ chuyện cơ mật, xúc phạm quý thân, đủ mọi nỗi tai ương và lỗi họa ắt đều do rượu gây họa, có sao chẳng kiêng tránh?

Đời Tống, Tô Dịch Giản làm Học Sĩ (Hàn Lâm Đại Học Sĩ), do

uống quá chén mà lỗ mũi tóe máu, bị bệnh rồi chết. Lại còn Vương Toàn làm Điện Trung Thừa, do quá mức say sưa, nứt rốn mà chết. Ôi! Thuốc gây cuồng loạn thấm đẫm người, hiếm khi chẳng phát sanh bệnh tật. Bệnh phát ra sớm thì nhẹ, phát chậm sẽ là bệnh nặng, chẳng có trường hợp nào không dẫn đến chết chóc. Vì thế, xem xét khắp những vị cao thọ, đều là những vị chẳng ham mê rượu. Người ta có sao lại để di thể của tổ tiên rơi vào vòng “*sống say, chết mộng*” vậy thay!

Trần Hạo tánh thích uống rượu, làm Đề Học<sup>820</sup> ở Sơn Đông. Cha ông ta gởi thư nhắc, ông bèn sai thợ

---

<sup>820</sup> Đề Học (提學) còn gọi là Học Chánh Sứ, là chức quan quản trị hành chánh về việc học, có trách nhiệm trông coi các cấp trường học và ấn định các nội dung thi cử, tổ chức các khóa thi tại địa phương theo mệnh lệnh của bộ Lễ. Từ đời Tống, triều đình đặt ra Đề Cử Học Sự Ty để quản lý các trường học trong mỗi quận

làm ra một cái chén nhỏ, trên đó có khắc chữ như sau:  
“*Cha dạy kiêng rượu*”, chỉ uống mười chén.

Gia quy của họ Trịnh ở Phố Giang [như sau]:  
“Con cháu chưa đến ba mươi tuổi, rượu không được nhấp môi. Kẻ đã tráng niên tuy cho phép uống đôi chút, nhưng kẻ mê đắm, gây huyên náo vì rượu, ắt sẽ bị đòn. Đãi đằng khách khứa, chỉ chú trọng chân thành, chẳng bắt buộc dùng rượu. Phụ nữ không được cùng uống. Nếu tuổi đã quá năm mươi, chỉ đành để cho họ được thuận tiện”. Gia quy này có thể dùng làm pháp tắc để giữ yên gia đình vậy!

Cổ nhân nói: - Rượu là tự tập, tự tập với người chánh đáng thì [chính mình] sẽ là chánh đáng, tự tập với kẻ sai trái thì [chính mình] sẽ sai trái. Rượu là “tạo”, tạo điều lành thì là thiện, tạo điều ác thì là ác. Rượu chẳng thể khiến cho con người đúng, sai, thiện, ác, mà do con người vốn tự tạo cho mình trở thành đúng, sai, thiện, ác. Hai chữ “*tiết tỉnh*” (節省, giữ chừng mực, phản tỉnh) cố nhiên có thể thiếu được ư?

***(Chánh văn) Cốt nhục phần tranh, nam bất trung lương, nữ bất nhu thuận.***

---

huyền. Đến đời Thanh, trưởng quan của ty này được gọi là Đề Đốc Học Chánh, gọi tắt là Đề Học, Học Đài, hoặc Học Đạo, chương quản hành chánh về phương diện giáo dục trong một tỉnh, tức là tương đương với trưởng ty giáo dục hiện thời.

## (正文)骨肉忿爭。男不忠良。女不柔順。

*(Chánh văn: Là ruột thịt [với nhau mà] giận dữ, tranh chấp. Trai không trung lương. Gái chẳng nhu thuận).*

Đời Đường, [gia tộc của ông] Trương Công Nghệ chín đời sống chung với nhau, chỉ do một chữ Nhẫn. Phần hận tranh chấp là vì chẳng thể nhẫn. Trong vòng cốt nhục, hễ chấp lý bèn tổn thương tình cảm; hễ tình cảm bị tổn thương, tức là chẳng đúng lý, há có nên xằng bậy phần nộ, tranh chấp ư? Nhưng cội nguồn của chuyện này phần nhiều là do bị lời lẽ của phụ nữ xúi bẩy, tạo thành hiềm khích. Bởi lẽ, lòng dạ phụ nữ chẳng công bằng, luôn ôm lòng ghen tỵ. Hơn nữa, những người được gọi là “bố mẹ chồng, chú bác, chị em dâu”, [cũng như] những người cùng hàng đều là duyên giả hợp, [tức là] gượng xưng hô [như thế], vốn chẳng phải là quyến thuộc tự nhiên. Vì thế, dễ cắt đứt tình thân ái, dễ phần nộ, tranh chấp. Lời nói được truyền qua hai lượt, [ý nghĩa ban đầu sẽ bị sai lệch], chất chứa thành oán hận. Trong một nhà, những chuyện chống trái, biến hóa cứ nảy sinh đầy dẫy là do nhiều đầu mối (nguyên nhân, nguyên do), chẳng thể nói khái lược được. Chỉ có những người dóc lòng coi trọng thiên luân, hiểu biết sâu xa, đước sáng soi tỏ, chẳng nghe lời gièm siểm, tự nhiên sẽ là một niềm hòa khí ấm áp, đối

xử với nhau bằng tình nghĩa vui vẻ, hòa hợp, làm sao có chuyện phần hận, tranh chấp cho được?

Đời Minh, nhà Trịnh Liêm ở Phố Giang suốt hai trăm năm [mỗi tiểu gia đình trong dòng họ] chẳng tách ra sống riêng. Mọi người gọi xóm ấy là Nghĩa Môn. Quan Thái Thú trao tặng tấm biển đề “*thiên hạ đệ nhất gia*”. Minh Thái Tổ lên ngôi, triệu ông Trịnh vào kinh, hỏi: “Nhà ông có bao nhiêu người cùng nhau ăn cơm?” Ông Trịnh tâu: “Hơn một ngàn người”. Chúa thượng nói: “Đúng là thiên hạ đệ nhất gia”. Khi đó, Mã hậu ở sau vách nghe tiếng, nói với Thái Tổ: “Bệ hạ có thiên hạ là do một mình cử sự, nay cả nhà họ Trịnh hơn một ngàn người, há chẳng cử sự dễ dàng ư?” Chúa thượng kinh hãi, lại hỏi ông ta: “Cả gia tộc của khanh được giữ vẹn cũng là do có phương cách nào?” Trịnh Liêm thưa rằng: “Chẳng có gì khác, chỉ là không nghe lời vợ mà thôi!” Chúa thượng bất giác cười to. Khi ấy, [nhằm lúc] vùng Hà Nam tiến cống lê thơm; do vậy, vua ban cho ông hai trái. Trịnh Liêm hai tay nâng lê đặt trên đầu, lui ra. Chúa thượng bèn sai người theo dò xét. Về tới nhà, Trịnh Liêm triệu tập người trong họ, hướng về cửa khuyết dập đầu, tạ ơn, đặt hai chum nước lớn, nghiền nát lê bỏ vào đó, chia nhau uống. Thái Tổ nghe chuyện, vui mừng. Về sau, có kẻ vu cáo nhà ông Trịnh thông đồng với bọn quyền thần. Thái Tổ bảo: “Họ Trịnh không phải là như vậy, đó là vu cáo”. Về sau, vua hạ lệnh cho ông chọn ba mươi người từ đám con em đưa tới kinh đô, đều cho họ làm quan. Trưởng họ là Trịnh Anh tới cửa khuyết tạ ơn. Chúa thượng ngự giá tới cửa

Phụng Thiên, đích thân viết ba chữ to “hiếu nghĩa gia” ban tặng, còn dùng ấn ngọc đóng lên đó.

Trung (忠) có nghĩa là tận hết sức mình. Lương (良) là ngay thẳng, chánh đáng. Trong muôn vật, chỉ có loài người là tối linh, con người lại coi đàn ông là quý. Đã có được cái thể linh và quý ấy, lại gian trá, bất trung, hiểm ác, tà vạy, bất lương, không chỉ là tự phụ bạc chính mình, mà cũng là cô phụ tạo vật quá đỗi!

Đời Tống, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) vừa hai tuổi đã mồ côi. Đến khi hơi lớn, bèn đích thân tự lập, ngày đêm học tập, ngồi lặng lẽ thâm suy nghĩ. Trong sáu năm bèn tinh thông lục kinh. Ông đỗ Tiến Sĩ lúc hai mươi tuổi, được bổ về làm chức phán<sup>821</sup> ở Hà Trung, trung nghĩa, yêu dân, hợp lòng người. Ông lần lượt trải qua các chức vụ, làm tới Thị Lang. Làm quan trong triều cũng như quản trị gia đình, ân lẫn uy đều dùng, trung quân, ái quốc, lưu lại những hành vi tốt đẹp rạng ngời. Ông dạy con noi theo điều nghĩa, giúp người nghèo, châu cấp kẻ khổ, thanh danh vang rền một thuở, được trăm đời kính ngưỡng, đúng là chẳng thẹn với hai chữ Nam Tử.

Sách Lễ Ký chép: “*Nam soái nữ, nữ tùng nam*” (Nam lãnh đạo nữ, nữ tuân theo nam). Lại chép: “*Ấu*

---

<sup>821</sup> Phán (判) là chức phó quan phụ tá người đứng đầu một địa phương, có địa vị thấp hơn Tri Phủ và Đồng Tri, cũng có thể là người đứng đầu một sảnh (cơ quan hành chánh) tại địa phương. Chức vụ này có nhiều cấp bậc như Châu Phán, Thông Phán...

*tùng phụ huynh, xuất giá từng phu, phu tử từng tử”* (Lúc bé thì nghe theo lời cha, anh, lấy chồng thì thuận theo chồng, chồng chết thì nghe theo con). Sách Nhan Thị Gia Huân chép: “Phụ nữ chủ yếu trông coi về ẩm thực, chuyên trông coi về rượu, thức ăn, quần áo trong lễ nghi. Nếu là người có thông minh, tài trí, chỉ nên phụ tá bậc quân tử, giúp chồng bù đắp khuyết điểm. Nếu lẩn hiếp, chế ngự chồng, can dự vào chánh sự bên ngoài; đó là gà mái gáy sáng, là bọn cú điều lưỡi dài. Gia đạo không thể hưng thịnh nổi bắt nguồn từ chuyện này!”

Đời Hán, Viên Ngỗi lấy con gái của Mã Quý Lương, [vợ đem theo] của hồi môn rất nhiều. Viên Ngỗi nói: “Vợ chăm nom nhà cửa mà thôi, cần gì phải [đem theo] quá nhiều đồ quý báu, đẹp đẽ vậy!” Vợ thưa: “Mẹ thiếp có lòng thương tưởng, chẳng dám trái mạng. Nếu chàng hâm mộ phong thái cao cả của Bào Tuyên, Lương Hồng<sup>822</sup>, thiếp cũng có thể học đòi gương tiết nghĩa của Thiệu Quân, Mạnh Quang”.

---

<sup>822</sup> Bào Tuyên sống vào thời Tây Hán, là người xứ Bột Hải, học văn lỗi lạc, thông thạo kinh điển. Ông làm Gián Nghị Đại Phu dưới thời Hán Ai Đế, thường dâng thư can gián vua chăm lo triều chánh, gạt bỏ gian thần, chủ trương cải cách những tệ nạn thời ấy. Về sau, ông bị kết tội, bãi quan. Ông bị ép tự sát khi Vương Mãng nắm giữ quyền hành.

Lương Hồng sống vào thời Đông Hán, gia cảnh hết sức nghèo nàn, khí tiết cao thượng. Ông học rộng, thông đạt, nhưng không thích theo đuổi văn chương. Sau khi từ quan trở về, ông lấy Mạnh Quang làm vợ. Mạnh Quang diện mạo hơi xấu, nhưng rất hiền thực, đảm đang. Về sau, hai vợ chồng vào núi Bá Lăng ẩn cư, chồng cày ruộng, vợ dệt cửi, luôn đối đãi kính trọng nhau rất mực.

Thiệu Quân tên thật là Hoàn Thiệu Quân, vợ của Bào Tuyên. Bào Tuyên theo học với cha của Thiệu Quân. Do nhà Bào Tuyên nghèo khổ, còn họ Hoàn rất giàu, nên của hồi môn mang theo rất nhiều. Bào Tuyên không vui, bảo vợ: “Thiệu Quân sống trong cảnh phú quý, quen trang điểm đẹp đẽ, ta rất nghèo hèn, chẳng dám nhận lễ

Đời Tống, phu nhân của Trình Hươg là Hàu Thị khiêm cung, thuận thảo, nhu hòa. Dầu là việc nhỏ nhặt, ắt trình với chồng rồi mới đi. Bà trị gia đúng pháp tắc, chẳng đánh đập nô tỳ. Nếu con cái quở mắng đầy tớ, bà ắt răn dạy: “Tuy sang, hèn khác nhau, nhưng đều là người như nhau”. Hễ Trình Hươg có gì tức giận, bà ắt khoan thai vượt giận. Chỉ có điều các con phạm lỗi, bà chẳng giấu diếm. Thường nói: “Con cái không ra gì là do mẹ giấu lỗi, cha không biết đến”. Về sau, hai con bà là Trình Di và Trình Hạo đều trở thành bậc đại nho, địa vị quý hiển, được thờ phối hưởng trong Khổng Miếu.

Gã cư dân X... ở Hòa Châu nuôi hơn một trăm con ngỗng. Một hôm, bọn ngỗng ăn lúa của hàng xóm, gã hàng xóm đánh chết hơn năm mươi con. Vợ gã X... trông thấy ùng ùng nổi giận, nhưng lại nghĩ: “Nếu thưa kiện hấn, ắt cũng phải tốn kém. Hơn nữa, chồng ta đang say rượu nằm ngủ. Nếu biết chuyện mà đánh lộn với hấn thì càng bất tiện”. Bèn nhặt nhanh ngỗng chết đem chôn. Sáng hôm sau, bỗng gã hàng xóm chết đột ngột. Chồng biết chuyện ngày hôm qua, bèn hết sức cảm khái, nói: “Nếu hôm qua bà kể lể với tôi, tôi đang say đánh lộn với hấn, không chừng đã thành án giết người rồi!”

Tử Hà Tào Phước Quyết (bí quyết tạo phước của Tử Hà Chân Quân) có đoạn: - Phàm nữ nhân tu thiện

---

vật”. Thiếu Quân nói: “Cha thiếp do biết tiên sinh là người tu đức, giữ cương thường, bèn sai tiện thiếp nâng khăn, sửa túi. Đã theo bậc quân tử, thiếp chỉ vâng mạng”. Bào Tuyên cười đáp: “Được như thế, chính là chí hướng của ta”.



thì chẳng khác nam tử, nhưng nữ nhân chẳng có chuyện gì khác, tam tòng là tốt đẹp. Nếu có hạnh lành, chẳng bằng khuyên song thân và chồng thực hiện thì càng tuyệt diệu hơn. Bởi lẽ, cha mẹ có ba phần thiện thì con gái được một phần. Chồng có hai phần thiện, vợ sẽ được một phần. Nếu vợ dự phần suy nghĩ, cân nhắc [phương cách làm lành cho chồng] thì công sẽ giống hết như chồng. Nếu khuyên hóa phụ nữ khác làm lành, công đức ấy so với [công đức do] chính người phụ nữ ấy tự làm lành sẽ khó có gấp bội, tốt lành gấp bội. Trong vòng chị em dâu, chị em ruột, nếu [người nào] có thiện sự, mà khen ngợi lẫn nhau, công [khen ngợi, tùy hỷ] ấy cũng có thể bằng nhau. Điều đáng quý là hoan hỷ, có cùng chí hướng, chẳng có lòng ghen ghét. Nếu có thể hiếu kính, hòa thuận, giúp chồng dạy con hòng trọn hết bốn phận, lại còn tin sâu nhân quả, ăn chay, niệm Phật, ắt trong đời hiện tại sẽ tự nhiên thân tâm an lạc, con cháu hưng thịnh, lâm chung chắc chắn được đức Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Chỉ nên tiêm tu tại nhà, đừng nên rong ruổi bên ngoài. Một là chẳng phí uổng thời gian, hai là khỏi phải chuốc lấy tiếng dị nghị của kẻ khác. Lại nữa, nếu như con cháu mắc bệnh, lay thần cầu cúng, tốn kém tiền bạc, sao bằng thường ngày làm lành, phóng sanh, sẽ tự được thần gia hộ ư? Trong chốn khuê môn, luôn có chốn động thiên phước địa<sup>823</sup>, hãy gắng thực hiện!

---

<sup>823</sup> Động thiên phước địa (洞天福地) là chốn tiên cảnh trong nhân gian.

*(Chánh văn) Bất hòa kỳ thất, bất kính kỳ phu.*

**(正文)不和其室。不敬其夫。**

*(Chánh văn: Bất hòa với vợ. Chẳng kính trọng chồng).*

Vợ chồng hòa thuận, sau đó, gia đạo sẽ hưng thịnh. Phụ nữ chưa từng đọc sách, hiểu lý; nếu có điều gì không đúng, [chồng] cũng phải nên giảng giải, khuyên bảo rõ ràng. Cố nhiên là chớ nên mặc kệ cho cô ta tự tung tự tác, mà cũng chớ nên lập tức sanh lòng giận dữ, ghét bỏ. Nhưng người đời gặp phải vợ tánh hung tợn, mạnh mẽ, đành để cho vợ khinh rẻ, lấn hiếp; gặp vợ nhu nhược, chất phác, [ắt chồng] lấn hiếp, ngược đãi. Khinh rẻ người lành, sợ kẻ ác, kẻ làm chồng há có nên như thế hay chẳng? Cũng có kẻ ngu dốt hơn nữa, sùng ái vợ lẽ, khinh nhục vợ cả, mê luyện gái điếm, khinh rẻ vợ, thậm chí đánh đập, chửi bới, giận dữ, quở trách. Hạng người ấy càng chẳng được hưởng hết tuổi trời!

Nhan Quang Trung nói: - Sanh làm người, đừng làm thân phụ nữ! Trăm nỗi sợ hãi, khổ đều do người khác [quyết định]. Họ phải là cha mẹ để yêu thương người khác, sống chết tùy tay người đó. Chủ nhân duy nhất là chồng. Đói không thể ăn một mình, lạnh không thể mặc ấm cho riêng mình. Họ xả thân mình để lo cho

thân ta, bỏ cha mẹ mình để phụng sự cha mẹ ta. Lỡ gặp cảnh chồng buôn bán phương xa, hoặc là nho sĩ đi học xa, ngủ trọ trong căn phòng đơn côi, đêm rét buốt, mền lạnh ngắt như sắt, há dễ chịu đựng ư? Ta là kẻ bạc tình, có nhân tình bên ngoài, dồn hết tình cảm cho hoa, cho liễu, mê luyến như cuồng. Nếu như ngày nào đó quý hiển, [chồng sẽ thu nạp] hầu non đầy đủ, nào có nghĩ đến tình nghĩa kết tóc se tơ? Chỉ riêng nàng gánh phần sợ hãi, dành cho ta nỗi an lạc. Ôi chao! Sao mà đối xử với người khác chẳng khoan dung như thế? [Nếu vợ] là mẹ đàn bà lưỡi dài, mặc sức cậy thế hiếp đáp [thằng chồng nhu nhược], hoặc [vợ là] hạng phụ nữ đánh mất đức hạnh, chẳng hề tự kiểm điểm, luông tuông, chua ngoa thì thôi rồi! Nếu vợ có thể phụng sự bố mẹ chồng, hòa thuận với chị em dâu, hòa hảo với các cô, các mợ [thì may mắn lắm thay]! Trong vòng vợ cả, vợ lẽ, dòng đích, dòng thứ, ai nấy đều có lòng riêng tư, ai nấy đều mong nắm lấy quyền hành, xoay vần trong cảnh ưu phiền ấy, phải nhẫn nhục nín chịu, đúng là chẳng thể diễn tả được. Nếu gặp phải nhà chồng [lâm vào cảnh] khốn cùng, lao đao, sáng tối phải lo nghĩ vì cái ăn, phải thuê thùa, may vá [thuê cho người khác] để kiếm sống, cũng chẳng thể nào nói trọn hết [nỗi khổ sở, nhọc nhằn] được! Há lẽ nào vợ đã mong cùng ta chung sống suốt đời, ta lại nửa chừng ruồng rẫy, về tình lẫn lý, phải nói như thế nào đây? Đây chính ý nghĩa của bài thơ Quyển Nhĩ (卷耳, trong phần Châu Nam của Kinh Thi), [tác giả của bài thơ ấy] đã dùng tình cảm nhu hòa, vận điệu uyển chuyển để miêu tả [nỗi lòng của người

chồng] khi Đông chinh. Ý nghĩa bậc nhất trong sự giáo hóa chánh đáng của quốc gia là “*chồng khiến cho vợ yên vui, gia đình êm ấm, hiếu thuận với cha mẹ*”, đây chính là thiện sự cát tường vậy!

Cố Khải đối xử với vợ đúng lễ. Ông thường sáng ra ngoài, tối về, ít khi gặp mặt. Ông bị bệnh nặng, vợ đến thăm hỏi, Cố Khải sai tả hữu đỡ dậy, buộc tóc, đội mũ đàn ông [rồi mới cho vợ gặp mặt]. Thăm hỏi, trò chuyện xong, liền bảo vợ trở về. Nhìn từ đây, [ta biết] giữa vợ chồng với nhau, há có nên vô lễ một khắc nào, để rồi dẫn đến chuyện do quá thân cận mà thất lễ ư? Nhưng lễ có gì khác đâu? [Bất quá là] “*hòa hợp mà có chừng mực, thương yêu nhưng kính trọng*” đó thôi!

Vương Bát Lang ở thành Lạc Dương tánh tình hung tợn, thích đánh vợ. Hắn bao một cô gái điếm, phá sạch gia sản. Vợ hắn đã khôn khổ vì nỗi đói rét, lại bị chồng đánh đập dữ dội hơn. Vợ bất đắc dĩ, phải cậy thân thích, hàng xóm phân xử. Bát Lang bắt vợ sống ở chỗ khác, [để hắn] ở chung nhà với cô gái điếm. Không lâu sau, hắn bệnh tật, gia sản hết sạch, cô gái điếm tỉnh bơ bỏ đi. Hắn lại đến nương cậy vợ, vợ tránh né. Bát Lang chết đột ngột, vợ hắn cũng chết. Thân thích, hàng xóm đặt xác hai người cùng một chỗ. Đến đêm, bỗng nghe có tiếng cãi cọ, chửi bới, [mọi người] mở cửa xem, thấy hai cái xác đứng đầu lưng với nhau.

Chồng là trời của vợ, là chỗ nương tựa suốt đời, làm sao có thể bất kính cho được? Kẻ bất kính nếu

chẳng phải là hạng đàn bà hung tợn, thì sẽ là hạng phụ nữ phóng đảng, hoặc là nói năng thô ác, xúc phạm, hoặc là trù ếm, trăn yểm, chẳng biết: “Hễ mang thân nữ là do nhiều cái nhân trong đời trước sai sử. Nếu càng khinh miệt chồng, sẽ càng đọa trong ác đạo”. Thậm chí có kẻ chồng vừa chết, xương thịt chưa lạnh, đã nghĩ tới chuyện cải giá, coi con cái do mình đẻ ra như kẻ qua đường. [Chồng] đã chết mà chẳng thể buồn thương, thì khi sống làm sao kính trọng cho nổi?

Đỗ Xí làm người khiếp nhược. Vợ hắn là Trương Thị luôn khinh rẻ chồng. [Đỗ Xí] tuổi già càng lắm bệnh, Trương Thị chẳng đoái hoài. Không lâu sau, Trương Thị chết trước Đỗ Xí. [Mụ ta đã được] tân liệm, quan tài bị vỡ tung, [Trương Thị] hóa thành mãng xà, bò vội vào rừng. Ôi! Kẻ làm chồng là trời của vợ; khinh mạn chồng tức là khinh mạn trời; có thể khinh mạn chồng ư? Xin hãy tự nghĩ!

Đời Hậu Hán, Lương Hồng cưới con gái nhà họ Mạnh, tên là Quang. Thoạt đầu, [Mạnh Quang] đem đồ trang sức về nhà chồng, [trang điểm lộng lẫy]. Suốt bảy ngày, Lương Hồng chẳng ngó ngang đến cô ta. Vợ liền búi tóc trần, mặc áo vải, làm việc nhà như trước. Lương Hồng vui vẻ bảo: “Đây mới thật sự là vợ của Lương Hồng”. Bèn cùng nhau ẩn cư trong núi Bá Lăng. Về sau, do ty nạn, họ sang đất Ngô, ở nhờ nơi chái nhà của Tào Bá Thông, [Lương Hồng] giã gạo thuê cho người ta. Mỗi khi trở về, vợ dọn sẵn cơm nước, chẳng dám ngược lên nhìn trước mặt Lương Hồng, nâng án ngang

mày. Bá Thông nói: “Gã làm thuê ấy có thể khiến cho vợ kính trọng như thế, chẳng phải là hạng người tâm thường”, bèn tặng nhà cho họ.

Đỗ Khuê mất mùa, vợ ông ta ngày đêm hương về sao Bắc Cực cầu khẩn. Mỗi lần lễ bái, ắt lạy đủ bảy lần bảy bốn mươi chín lượt, rốt cuộc có thể cảm Chân Vũ (Huyền Thiên Bắc Đế) hóa thân giáng hạ trị liệu. Đỗ Khuê lại thấy rõ như thuở đầu.

Vợ của Vũ Văn Bang Ngạn là Lê Thị khắc khổ chăm lo gia đình. Bà thích xem sách, hiểu đại lược đại ý, bèn tự tay biên chép để giúp chồng, lại còn nghiêm ngặt đốc thúc các con học theo. Con cái bà anh em dìu dắt nhau, quả nhiên thi đậu, trải từ chức quan Từ Viên<sup>824</sup>, vào Hàn Lâm, đạt tới chức Hữu Hạp (右轄, Hữu Thừa Tướng). Làng xóm đều ca ngợi, tôn kính. Đến nay hãy còn bộ Chế Cáo Luân Ngôn Tập do chính bà Lê chép.

Đời Minh, Hoàng Quán là người xứ An Khánh. Vào thời Kiến Văn (Minh Huệ Đế), do đậu Tam Nguyên, ông làm quan tới chức Học Sĩ Thừa Chỉ. Khi gặp cơn binh biến Tĩnh Nạn<sup>825</sup>, Hoàng Quán chết. Vợ là

---

<sup>824</sup> Từ Viên (詞垣) là danh xưng khác của Hàn Lâm Viện Học Sĩ. Từ đời Nguyên trở đi, hẳn được bỏ vào Hàn Lâm Viện đều gọi là Từ Viên.

<sup>825</sup> Tĩnh Nạn (靖難) là cuộc nội loạn đầu thời Minh, do Yên Vương Châu Đệ khởi xướng nhằm cướp ngôi của cháu là Châu Doãn Văn (Minh Huệ Đế). Cuộc chiến này kéo dài suốt ba năm, kết thúc khi Yên Vương chiến thắng, trở thành Minh Thành Tổ (hoàng đế Vĩnh Lạc). Thái Tử Châu Tiêu (con trai Minh Thái Tổ Châu Nguyên Chương) chết trẻ, ngôi vua được truyền cho con trai của Châu Tiêu là

Ông Thị và hai đứa con gái đều bị bắt. Có chiếu chỉ truyền gả Ông Thị cho người giữ voi. Ông Thị giả vờ nói khi tỵ nạn, có chùng đó vàng gởi gắm ở nhà thân thích ngoài thành: “Mẹ con tôi đến thì lấy được; nếu không, ắt họ sẽ giấu diếm”. Gã trông voi muốn chiếm mỗi lợi ấy, cùng đi theo ra ngoài thành. Vợ ông Hoàng Quán nói: “Hai đứa con gái hãy nên buộc vạt áo với nhau, sợ bị lạc mất trong đám đông”. Gã trông voi bằng lòng, hai đứa con gái cũng chẳng hiểu ý mẹ. Vừa đến bến sông, bà ta liền ôm hai con cùng nhau trầm mình tự vẫn. Đến nay vẫn còn miếu thờ họ bên bờ sông Tàn Hoài.

Đời Tống, Sùng Quốc Trịnh phu nhân là mẹ của Âu Dương Tu. Sùng công đậu Tiến Sĩ, đến nhậm chức Thôi Quan bèn mất, Âu Dương Tu [khi đó] mới bốn tuổi. Nhà nghèo, mẹ tận lực lo toan cơm áo để nuôi Âu Dương Tu tận lực học hành. Mẹ dạy con học, đã từng vào đêm tuyết đổ dày, mẹ san phẳng tro lạnh [trong lò] để viết chữ dạy con. Mẹ luôn khóc, bảo Âu Dương Tu:

- Cha con liêm khiết, thích bố thí, ta chẳng được phụng sự bố mẹ chồng, nhưng biết cha con có thể phụng dưỡng họ. Mẹ chẳng thể biết con sẽ thành tựu như thế nào, nhưng biết cha con sẽ có hậu duệ [tốt lành]. Mẹ về với cha con, [cha con] đã đoạn tang [ông

---

Châu Doãn Văn. E ngại trước các phiên vương có thể lực quân sự mạnh mẽ, Huệ Đế tính đến chuyện triệt giảm các phiên vương. Do Châu Đế là kẻ có quyền lực lớn nhất, ông đã trở thành cái gai trong mắt nhà vua. Trước các vụ án xử tử Châu Vương, Tề Vương, Hằng Vương, Mẫn Vương, Đại Vương liên tiếp, Châu Đế quyết định mưu phản.

bà nội] hơn một năm rồi, mỗi lần cúng tế ắt khóc lóc. Hoặc mỗi khi có rượu thịt, ắt khóc lóc vì tiếc hận chẳng thể phụng dưỡng cha mẹ nữa. Thoạt đầu, mẹ tưởng là vừa mới đoạn tang, nên lẽ đương nhiên là như thế. Về sau, mới biết [cha con] luôn là như vậy; cho đến hết đời, vẫn chẳng không khi nào như vậy. Do vậy mẹ biết cha con có thể phụng dưỡng ông bà nội. Cha con làm quan, từng có đêm xem hồ sơ phán án, nhiều lượt than thở: “Ta muốn [kiếm cách] cho [tội nhân] này được sống mà không thể, đáng buồn thay!” Quay đầu nhìn nhũ mẫu đang bế con đứng bên cạnh, cha con chỉ con bảo: “Mạng ta sẽ chết sớm, chỉ sợ không kịp thấy con thành tài; nàng hãy nên bảo cho con biết những điều ta đã nói”. Cha con dạy bọn con em cũng đều là như thế. Vì thế, mẹ biết cha con ắt sẽ có hậu duệ [tốt đẹp].

Do vậy, Âu Dương Tu cảm động, khóc lóc, siêng gắng học hành. Tới lúc ông đậu Tiến Sĩ, tôn quý, hiển đạt, vẫn tiết kiệm, đơn sơ như cũ. Đến khi Âu Dương Tu vì can gián thẳng thừng mà bị biếm trích, phu nhân cười nói thản nhiên, bảo: “[Nhà ta] vốn sẵn nghèo khó [nên quen rồi], con ắt nên an lòng”. Rốt cuộc, do trung trực nên Âu Dương Tu trở thành bậc Tể Tướng hiền năng, mẹ được sắc phong làm Việt Quốc Thái Phu Nhân. Đạo kính trọng chồng, có gì hơn được hai chuyện trọn hết tiết hạnh và dạy con? Vì thế, thuật hai câu chuyện này để làm khuôn mẫu tốt bậc cho đạo kính chồng. Những kẻ làm vợ hãy nên gắng sức!



**(Chánh văn)** *Mỗi hiếu căng khoa, thường hành đồ kị.*

**(正文)**每好矜誇。常行妒忌。

**(Chánh văn:** *Thường thích khoác lác, kiêu căng; thường hay ganh tỵ).*

Lão Tử nói: “*Bất tự thị cố chương, bất tự phạt cố hữu công, bất tự căng cố trưởng*” (Chẳng tự cho là đúng mà [sự thật đúng sai] được phơi bày rõ rệt. Chẳng tự cho là mình đã bỏ công tốn sức mà tự nhiên là có công lao. Chẳng tự kiêu căng tự đại mà sẽ được kẻ khác coi trọng). Kinh Dịch chép: “*Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỷ thần hại doanh nhi phước khiêm*” (Đạo trời khiến cho những gì quá tràn đầy sẽ bị hao hụt, để bù đắp cho sự khiêm tốn. Đạo đất khiến cho những gì viên mãn sẽ được chuyển sang chỗ khiêm hạ. Quỷ thần phá hoại sự kiêu căng tràn đầy hòng tạo phước cho người khiêm tốn). Do khiêm tốn mà được [mọi người] tôn kính, [thanh danh, phẩm đức] tỏa rạng. Người giữ phận nhún nhường, không ai có thể vượt hơn được! Bậc quân tử luôn giữ trọn [phẩm đức khiêm tốn, nhún nhường]. Đại Vũ chẳng kiêu căng, chẳng kể công, [luôn nói] “*hàng ngu phu ngu phụ ai nấy đều có một điểm tài năng tốt*

*đẹp hơn ta*”. Vua đục đẽo Long Môn<sup>826</sup>, dẹp trừ Y Khuyết<sup>827</sup>, đất đai được sửa sang tề chỉnh, ứng hợp theo lẽ trời, công lao phủ trùm muôn đời. Châu Công chẳng kiêu căng, chẳng tiếc tài năng, nhọc lòng khiêm hư tiếp đãi bậc hiền sĩ, búa mễ Đông chinh<sup>828</sup>, rốt cuộc giữ yên nhà Châu. Vì thế nói: *“Bậc đại thánh đại hiền chân chánh luôn dè dặt, kiêng sợ như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng, dốc trọn [hết tinh thần] để thực hiện”*. Như Đại Vũ, Châu Công là thánh nhân, [thế mà] chưa hề khoe khoang đạo đức với ai. Như vậy thì người đời nay có kẻ khoe khoang xằng bậy, có ý nghĩa chi đâu? Phần nhiều là phùng chẳng biết lượng sức vậy!

Đời Hán, Cố Ung được phong tước hầu đã ba ngày mà người nhà chẳng hay biết. Tà An đời Tấn cùng khách chơi cờ vây, thư báo tiếp (thư báo tin thắng trận Phì Thủy) đưa tới, khách trọn chẳng biết. Đời Tống, Tào Vũ Huệ (Tào Bân) đánh hạ Giang Nam thành

---

<sup>826</sup> Long Môn là một địa danh ở giáp ranh vùng Tây Bắc huyện Hà Tân của tỉnh Hà Nam và miền Đông Bắc của thành phố Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây. Hoàng Hà chảy đến chỗ này nước xiết, hai bên đều là vách đá cao hiểm trở, trông giống như một cửa thành. Vì thế, gọi là Long Môn. Theo truyền thuyết, Đại Vũ đã đục thủng vách núi này để khơi dòng chảy cho Hoàng Hà.

<sup>827</sup> Y Khuyết (伊闕) là vùng đất ở phía Nam thành phố Lạc Dương. Theo truyền thuyết, thuở trước vách núi hiểm trở, châu vào nhau, nhìn xa như vòm cửa. Nước sông Y Thủy chảy qua hẻm núi này để tiến lên Bắc. Vì thế, nơi này được gọi là Y Khuyết.

<sup>828</sup> Nguyên văn “Đông chinh phá phủ” (東征破斧) là nói đến công lao của Châu Công đánh dẹp loạn chư hầu, giúp bốn nước kiến thiết, dốc sức xây dựng đến nỗi búa bị mẻ. Vì thế, người thời ấy làm bài thơ Phá Phủ (búa mẻ) để ca ngợi Châu Công. Xin trích dẫn khổ thơ đầu của bài thơ ấy như sau: *“Ký phá ngã phủ, hựu khuyết ngã trạng, Châu Công đông chinh, tứ quốc thị hoàng, ai ngã nhân tư, diệc không chi tướng”* (Búa của ta đã mẻ, rìu của ta lại khuyết, ông Châu Công đông chinh, bốn nước được hưng vượng, thương xót dân nước ta, cũng giúp xây to lớn).

công, [căn dặn] viên quan hầu cận dâng biểu về triều, chỉ nói là “*phụng chỉ xuống Giang Nam, lo xong công việc*” để báo tiếp. Văn Lộ Công (Văn Ngạn Bác) trong niên hiệu Chí Hòa, cầm đầu các quan đề nghị lập Tống Anh Tông làm người nối ngôi cho [Tống Nhân Tông]. Cho tới khi Tống Thần Tông<sup>829</sup> tức vị, ông (Văn Ngạn Bác) vẫn nói là công của Hàn Kỳ. Do vậy, vua biết ông là người chẳng khoe khoang công lao. Các vị ấy đều là những bậc nhân phẩm tốt bậc cao thượng, sự nghiệp công huân tốt bậc to tát, mà còn khiêm tốn, nhún nhường, chẳng kiêu căng ngán ấy, sao mọi người chẳng biết học theo?

Người độ lượng to ắt phước trạch sâu dày. Kẻ độ lượng cạn cợt, ắt phước trạch mỏng tanh! Khiêm hư hoặc là vênh vang tự mãn, họa hay phước rạch ròi, há chẳng nên thận trọng ư? Hơn nữa, những chuyện như phú quý, tài năng có gì đáng để ý vào đó mà kiêu ngạo với kẻ khác? Vì thế, chẳng bàn đến [chuyện kiêu căng] ắt chuốc họa; trước hết, [kẻ hợm hĩnh] đã chôn vùi lương tâm, chẳng biết sỉ nhục vậy!

---

<sup>829</sup> Chí Hòa (至和) là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1054 đến 1056. Tống Nhân Tông có ba con trai, nhưng đều chết sớm, còn lại toàn là con gái. Nhân Tông đã nuôi Triệu Thự là con của Triệu Doãn Nhượng (anh họ của Nhân Tông. Doãn Nhượng là hậu duệ của Triệu Nguyên Phận. Nguyên Phận là con thứ tư của Tống Thái Tổ) từ bé; do vậy, các quan (đứng đầu là Văn Ngạn Bác) thuyết phục Tống Nhân Tông lập Triệu Thự làm hoàng tử kế nghiệp, tức Tống Anh Tông. Tống Anh Tông làm vua bốn năm thì mất, hưởng dương ba mươi bốn tuổi. Con trai ông là Đinh Vương Triệu Húc nối ngôi, tức Tống Thần Tông.

Đời Tấn, Thạch Sùng và Vương Khải<sup>830</sup> tranh giàu với nhau. Vương Khải làm một bức màn che bằng tơ tía dài bốn mươi dặm. Thạch Sùng làm bức màn bằng gấm dài năm mươi dặm để giành phần hơn. Vương Khải lại từng đem khối san hô được ban tặng từ trong cung có đường kính cả thước để khoe với Thạch Sùng. Thạch Sùng lấy thiết như ý đập vỡ nát, Vương Khải nổi nóng. Thạch Sùng bèn đem ra những thứ cất giữ trong nhà, đều là [những cây san hô] loại to hai, ba thước; lấy ra một cành [san hô] để đèn cho. Những vật trân quý, hiếm lạ khác, không ai tranh thắng được! Về sau, Thạch Sùng do mắc tội bị hành hình, bèn thờ dài: “Lũ tôi tớ tui bay chỉ vì muốn chiếm tài sản của tao”. Ôi! Một lời khi sắp chết của Thạch Sùng còn gì rõ ràng hơn? Nhưng nếu như sớm biết, ắt sẽ chẳng khoe khoang! Nổi họa do kiêu căng, khoe khoang khốc liệt

---

<sup>830</sup> Thạch Sùng tên tự là Quý Luân, là Thái Thú quận Thành Âm. Do có công đánh hạ Đông Ngô, cho nên được phong làm An Dương Hương Hầu, làm đến chức Thứ Sử Kinh Châu. Do tư thông với giặc cướp, cướp bóc những khách buôn, hấn trở thành giàu có. Sẵn tiền bạc, lại khéo kinh doanh, Thạch Sùng trở thành bậc cự phú, nhất là các mối lợi do vận tải hàng hóa bằng tàu bè khiến cho hấn giàu nhất thuở ấy. Vương Khải là em trai của Vương Nguyên Cơ (chánh thất của Tư Mã Chiêu. Về sau, Vương Nguyên Cơ được phong làm Văn Minh Hoàng Hậu). Do vậy, Vương Khải là cậu của Tấn Vũ Đế và cũng là một tay giàu có cực kỳ xa xỉ thời ấy. Hai bên đấu giàu đến mức hoang đường như Vương Khải dùng nước đường để chùi rửa nôi (đường thuở ấy rất mắc), Thạch Sùng sai gia nhân dùng nến đốt lò thay cho củi! Đến khi Tấn Huệ Đế lên ngôi, Thạch Sùng cùng Tướng Quốc là Triệu Vương Tư Mã Luân tranh giành kỹ nữ Lục Châu. Khi ấy, Thạch Sùng được phong làm chức Thái Phòng ở đất Giao Chỉ. Tại đó, có một kỹ nữ lưng danh là Lục Châu, Thạch Sùng mua về, dựng một biệt thự đặt tên là Kim Cốc cho nàng ở. Tư Mã Luân mê đắm, tìm cách chiếm đoạt, nên lập kế gán tội cho Thạch Sùng, khiến cho Thạch Sùng bị tử hình. Trong dân gian, tương truyền Thạch Sùng vì tiếc của, hóa thành một loài bò sát hay chất lưỡi, tức con thạch sùng.

đến mức ấy, người thời nay trong mỗi câu nói, mỗi hành động, há chẳng nên cẩn thận vậy thay!

Đồ kỵ thì nam lẫn nữ đều có. Nam nhân thấy người khác có công danh bèn ganh tỵ, thấy người khác phú quý bèn ganh tỵ, [thấy người khác có] địa vị cao hơn mình bèn đồ kỵ, [thấy kẻ khác] tài năng vượt trội mình bèn đồ kỵ, đều là do lòng dạ nông cạn, hẹp hòi mà ra. Còn như phụ nữ do tranh giành sự sủng ái kết thành oán cừ, thường là dẫn đến gieo họa cho gia đình, tuyệt tự! Tội ấy càng chẳng thể kể xiết! Sống thì bị ai nấy đều nghiêng răng, thông hận; chết sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ngỗ hầu bù đắp tội ấy. Giữ cho bản thân chánh đáng hòng làm gương mẫu chính là chức trách của nam tử vậy!

Đời Châu, tướng nước Ngụy là Bàn Quyên đồ kỵ tài năng của Tôn Tẫn<sup>831</sup> bèn chặt chân ông ta. Về sau,

---

<sup>831</sup> Tôn Tẫn không rõ tên thật là gì, do bị chặt chân (Tẫn, 臢), nên gọi là Tôn Tẫn. Chỉ biết ông là hậu duệ của danh tướng Tôn Vũ. Tổ tiên của Tôn Tẫn vốn họ Trần, là hậu duệ của công tử Trần Hoàn nước Trần. Đến đời Trần Thu, do giúp vua Tề đánh nước Cử lập đại công, nên được ban họ là Tôn, đất phong tại Lạc An. Trần Thu trở thành thi tổ họ Tôn. Đến đời cháu của Tôn Thu là Tôn Vũ do tránh nội loạn nước Tề, chạy sang Ngô, trở thành danh tướng tại đó. Tôn Tẫn là cháu năm đời của Tôn Vũ. Khi Bàn Quyên trở thành đại tướng tại nước Ngụy, tự biết tài năng không bằng Tôn Tẫn, bèn sai người thỉnh Tôn Tẫn đến nước Ngụy. Bàn Quyên trọng đãi hòng học lóm binh pháp của Tôn Tẫn, lại ngầm ngầm vu tội đến nỗi vua Ngụy tức giận hạ lệnh chặt chân Tôn Tẫn, thối chửi lên mặt. Khi sứ giả nước Tề sang sứ nước Ngụy, Tôn Tẫn bí mật dùng thân phận tù nhân bá kiến sứ giả, dùng lời lẽ thuyết phục khiến cho ông ta đồng ý lén giấu Tôn Tẫn đem về nước Tề. Khi về Tề, ông được tướng Điền Kỵ coi trọng. Tôn Tẫn bày kế khiến cho Điền Kỵ luôn thắng cuộc, thắng Tề Oai Vương cả ngàn lạng vàng. Do vậy, Tề Oai Vương biết tiếng, mời ông dạy binh pháp. Ông đã khiến cho quân nước Tề hùng mạnh, luôn chiến thắng, đánh bại nước Ngụy, giết sạch quân Ngụy và Bàn Quyên trong trận Mã

Bàng Quyên bị Tôn Tần giết. Đời Đường, Ngự Triều Ân và Trình Nguyên Chấn đổ kị Quách Tử Nghi công cao, chức cả, thường mưu hại, gièm báng, rớt cuộc chúng nó đều mắc tội, họ Ngự bị giết, họ Trình bị đi đày. Đời Tống, Hàn Thác Trụ đổ kị Văn Công Châu Hy đang giữ chức Hoán Chương Các Đãi Chế, bèn kéo bè lập đảng bài xích Châu Hy là ngụy học. Nhất thời, các bậc quân tử đều bị bài xích, chèn ép. Về sau, Hàn Thác Trụ bị Sử Di Viên giết chết. Đời Bắc Tề, Thích Minh Sâm bình sanh hề thấy người tài đức cao hơn mình, luôn đổ kị sâu xa. Về sau, hắn biến thành mãng xà trong chôn rừng rậm, chui vào hang hốc. Xét ra, bài thuốc trị đổ kị của Lương Vũ Đế do tả hữu tâu trình: “Xin bệ hạ hãy rộng ban thưởng cho quần thần, khiến cho kẻ bất tài chẳng đổ kị người có tài, kẻ ham tự lợi chẳng đổ kị người giữ lễ công chánh, kẻ ô trược chẳng đổ kị người thanh cao, kẻ tham lam chẳng đổ kị bậc liêm khiết”, cũng là một đầu mối để khuyến hóa. Vua cho là đúng, như vậy thì đổ kị há chỉ có phụ nữ là như vậy mà thôi ư!

Vào đời Châu, vợ Tô Bào ở nước Tống là Nữ Tông (女宗, tấm gương cho nữ giới) phụng sự mẹ chồng hết sức hiếu thảo. Tô Bào làm quan ở nước Vệ ba năm, lấy vợ ở ngoài. Chị dâu nói cho vợ ông ta biết, Nữ Tông đáp: “Phụ nữ coi chuyên nhất là trinh, coi khéo vâng lời là thuận, há chuyên coi chuyện được

---

Lăng. Trong dân gian, Tôn Tần được tôn là tổ của các nghề làm hài cở, thuộc da, đốt than, làm đậu hủ và đắp tượng.

chồng sung ái là tốt lành ư? Theo lẽ, đại phu có thể lấy ba vợ, kẻ sĩ có thể lấy hai vợ. Chồng em là kẻ sĩ có hai vợ thì cũng chẳng hợp lý hay sao? Vả nữa, phụ nữ có thất xuất<sup>832</sup> thì ganh tỵ đứng đầu. Chị chẳng đem lẽ nghĩa cư xử sao cho gia đình trong ấm ngoài êm để bảo ban em, lại ngược ngạo muốn em làm theo hành vi khiến cho chồng ruồng bỏ ư?” Vua Tống nghe chuyện, biểu dương bà ta trong vùng ấy, phong hiệu là Nữ Tông.

Bác của Lô Biện làm huyện lệnh Hồ Thành. Lô Biện đến thăm ông ta, mộng thấy đến một nơi có mười chiếc cối xay lớn. Bên cối xay có vô số phụ nữ, cối xay luôn tự xoay chuyển. Lính đầu trâu dùng cái ky lớn xúc phụ nữ đổ vào miệng cối, xay rồi nhả ra, xương thịt nát bét, tiếng kêu than đau đớn khó thể chịu đựng nổi. Từ trong đám người ấy, Lô Biện thấy bác gái tức vợ của quan huyện Hồ Thành. Trông thấy nhau, [đôi bên] buồn vui xen lẫn; Lô Biện hỏi những người ấy vì sao phải chịu tội? Bà ta đáp: “Do phạm tội đổ ky mà phải đến nơi đây!” Ôi! Quả báo của sự ghen tỵ trong địa ngục là như thế đó, đáng sợ lắm thay!

Lương Nhân Dụ sung ái một tỳ nữ, vợ là Lý Thị ghen tuông, ngược đãi cô ta, trói cô tỳ nữ, đánh vào đầu. Tỳ nữ gào thét: “Tôi là hạng đây tớ kém hèn, bị

---

<sup>832</sup> Theo thiên Bồn Mạng trong sách Lễ Ký, nếu phụ nữ phạm vào một trong bảy điều thì sẽ bị chồng bỏ, gọi chung là Thất Xuất (七出), tức là: 1. Chẳng hiếu thuận với cha mẹ chồng. 2. Không có con. 3. Phạm tội tà dâm. 4. Đổ ky. 5. Có ác tật. 6. Nói quá nhiều, thêu lẻo, đâm thọc, dựng chuyện v.v... 7. Trộm cắp.

ràng buộc, chẳng tự do, nương tử gô cổ tôi, đau khổ, tàn độc còn gì hơn?” Cô tỳ nữ chết hơn một tháng, Lý Thị ngã bệnh, luôn bị [oan hồn của] cô tỳ nữ làm khổ, trên đầu bốn phía đều mọc ung nhọt, gào khóc, rên xiết, thối rữa não mà chết.

Đời Tấn, vợ của Giả Sung là Quách Thị tánh hay ghen tuông. Bà ta từng sanh con. Nhũ mẫu ẵm đứa bé, Giả Sung [thừa cơ giả vờ ôm con] để ôm lấy [nhũ mẫu]. Quách Thị bèn giết chết nhũ mẫu, đứa bé nhớ nhũ mẫu, khóc lóc mà chết. Giả Sung rốt cuộc tuyệt tự. Giả Sung là tay đại gian hùng gây hại cho nước nhà; vì thế, hắn lấy phải bà vợ ghen tuông để rồi dòng họ tuyệt diệt<sup>833</sup>. Đó là đạo trời vậy, nhưng trong cõi đời, vẫn còn

---

<sup>833</sup> Giả Sung, tên tự là Công Lư, người huyện Tương Lăng, quận Bình Dương. Hắn làm Thượng Thư Lang dưới đời Tào Ngụy. Về sau làm Tham Quân cho Đại Tướng Quân Tư Mã Sư, lập chiến công, được con của Tư Mã Sư là Tư Mã Chiêu rất tán thưởng. Hắn dốc hết tâm lực phục vụ Tư Mã Chiêu. Khi vua Tào Ngụy là Tào Mao đánh Tư Mã Chiêu để giành lại quyền bính, đội quân cấm vệ của Tư Mã Do (em trai Tư Mã Chiêu) thất thế, Giả Sung đã cầm quân chống lại, xúi vệ binh Thành Tế đâm chết Tào Mao rồi đổ tội giết vua lên đầu Thành Tế. Khi con Tư Mã Chiêu là Tư Mã Viêm ép vua Ngụy là Tào Hoán nhường ngôi, Giả Sung được phong làm Thượng Thư Lệnh, Thị Trung (tức vai trò Thừa Tướng thời ấy). Trước khi lấy Quách Thị (tức Quách Hòe, con gái của Quách Phối), Giả Sung đã lấy Lý Phu Nhân. Vì cha của Lý Phu Nhân chống lại Tư Mã Sư, bị kết tội, Giả Sung bèn bỏ Lý Phu Nhân nhằm tỏ lòng trung thành với giòng họ Tư Mã. Quách Hòe sanh được hai con gái là Giả Nam Phong và Giả Ngộ, một trai là Giả Lê Dân (tức là đứa bé bị chết đang nói ở đây). Thoạt đầu, Tấn Vũ Đế (Tư Mã Chiêu) muốn cưới Giả Ngộ cho Thái Tử Tư Mã Trung, nhưng Giả Ngộ còn quá bé, cho nên Giả Sung đã lấy Giả Nam Phong thay vào. Tuy Giả Nam Phong xấu xí, đen đúa, Tư Mã Trung lại mê mệt Giả Nam Phong, không thiết tha học tập chánh sự. Một vị đại thần là Vệ Quán đã khuyên vua Tấn Vũ Đế (Tư Mã Viêm) hãy phế Thái Tử vì Thái Tử trí huệ chậm lụt, kém phát triển. Tấn Vũ Đế bèn sai người đem các tấu chương cho Thái Tử phê trình để xem Tư Mã Trung có quá đần độn như lời Vệ Quán nói hay không. Giả Nam Phong đã khéo léo nhờ người tài giỏi phê các tấu chương, rồi bảo Tư Mã Trung chép lại, cho nên Tấn Vũ Đế vẫn tưởng Tư Mã Trung có năng lực. Giả Sung biết chuyện, xúi Giả Nam Phong ton hót với Tư Mã Trung nói khéo với Tấn Vũ Đế



không ít kẻ do ghen tuông mà tuyệt tự! Những người đàn bà ghen tuông dẫu chẳng nghĩ tội sâu ác lớn, khó trốn quả báo trong địa ngục, sao chẳng nghĩ nỗi niềm tuyệt tự trước mắt, mộ hoang, hài cốt lưu lạc, hồn phách [vơ vẩn] nơi chốn mộ phần trong đêm mưa dầm gió buốt thê lương, [chỗ chôn cất trở thành] nơi chần dất, trâu dê giày xéo? Các tiết Hàn Thục, Thanh Minh, ai dâng chén nước? Chôn đồng hoang cỏ phủ, khói sương, quỷ khóc tử tiê, là vì lẽ nào vậy? Buồn bã thay! Tôi nói đến đây, cũng khôn ngăn động lòng xót xa đau đớn cho những hạng người ấy mà gào khóc, thở dài sừng sượt. Phàm làm thân phụ nữ, hãy sớm kịp suy nghĩ, nhưng tôi lại ngẫm nghĩ: Trường hợp của Giả Sung bị tuyệt tự vốn là do đạo trời [báo ứng], khiến cho mẹ vợ ghen tuông xuất hiện trong nhà ấy; cũng là sự xảo diệu của ác báo vậy. Người đàn ông làm chồng há chẳng nên nghĩ tích đức hòng xoay chuyển lòng trời, chỉ lo trách móc đàn bà ghen tuông ư?

Đời Hậu Ngụy, vợ của Đỗ Xương là Liễu Thị hết sức ghen tuông. Có đứa trẻ gái tên là Kim Kinh. Đỗ Xương tắm, sai nó cắt tóc; Liễu Thị bèn chặt đứt hai

---

hông lung lạc nhà vua, hại chết Vệ Quán. Cuối thời Tấn Vũ Đế, ba tên gian thần là Giả Sung, Bùi Tú và Vương Nhung đã lũng đoạn triều chánh. Khi Tấn Huệ Đế (Tư Mã Trung) lên ngôi, do quá nhu nhược, quyền hành hoàn toàn nằm trong tay các đại thần. Giả Hựu (Giả Nam Phong) thừa cơ cấu kết với Tư Mã Lượng lập mưu giết chết Dương Tuấn (ông ngoại của Huệ Đế) đang nắm quyền Thái Phó, giết chết cả Dương Thái Hựu (mẹ của Huệ Đế) và vợ Dương Tuấn (bà ngoại của Huệ Đế), Huệ Đế chỉ biết ngơ ngác nhìn họ bị hành hình. Sau đó, Giả Hựu mặc sức dâm loạn, công khai bắt thanh niên trai tráng vào cung hành lạc mỗi đêm, Huệ Đế chỉ biết câm lặng nín chịu cho đến khi chú vua là Tư Mã Luân khởi binh, giết chết Giả Hựu, tận diệt dòng họ Giả Sung. Sau đó, Tư Mã Luân cướp ngôi Tấn Huệ Đế. Về sau, nhờ Tư Mã Quýnh đánh bại Tư Mã Luân, Huệ Đế lại làm vua.

ngón tay của nó. Không lâu sau, Liễu Thị bị hồ ly cào, cắn, rụng mất hai ngón tay. Lại có một tỳ nữ tên là Ngọc Liên có thể ca xương, Đỗ Xương yêu thích, Liễu Thị bèn cắt lưỡi nó. Về sau, lưỡi của Liễu Thị lở loét, thối rữa. Sự tình cấp bách, bà ta liền đến chỗ Trù thiên sư sám hối. Sư dạy: “Phu nhân đã cắt ngón tay của đứa tớ gái, đã bị rụng ngón tay. Bà cắt lưỡi đứa tớ gái, lại bị đứt lưỡi. Chí tâm hối lỗi, sẽ có thể thoát khỏi”. Liễu Thị đánh lễ, xót xa cầu khẩn. Trải qua bảy ngày, thiên sư bảo bà ta há to miệng, chú nguyện, có hai con rắn từ miệng chui ra, dài hơn cả thước. Sư gấp rút chú nguyện, rắn bèn rơi xuống đất, lưỡi [Liễu Thị] cũng được bình phục. Từ đấy, bà ta chẳng còn ghen tuông nữa. Phàm người hối lỗi, sửa ác, thần và người đều cùng hoan hỷ. Nếu quý vị đã tạo tác vô biên tội nghiệp, chỉ cần từ nay trở đi hối cải, chẳng tái phạm, tội trước sẽ nhất thời tiêu tan. Câu chuyện này là một chứng có rõ rệt. Nhìn vào chuyện này mà hối cải thì đúng là may mắn to lớn vậy!

Than ôi! Sự oán hận của phụ nữ chẳng cùng tận, tánh tình của phụ nữ dễ kết oán hận nhất. Vì thế, phụ nữ đích thân làm những chuyện độc địa thâm hiểm, hãm hại ngấm ngầm chẳng thể ngờ được! Chỉ có cách là khi người nữ còn chưa gả đi, cha, mẹ, anh em trong gia đình đã khuyên bảo sẵn. Nếu đã gả đi thì hãy khéo léo kiềm chế cô ta, đừng giúp sức thổi bùng thêm ngọn lửa [ghen tuông], ngõ hầu lòng ghen tuông sẽ ngưng dứt bớt. Từ đó, chuyện điều đình, cảm hóa lại cấy vào chồng của người ấy. Nếu chồng đăm sắc, công khai

dâm uế, đến nỗi vợ nổi cơn sư tử Hà Đông gầm rống, bậc quân tử chỉ kết tội người chồng dâm dật, đây cũng là đặc biệt tiện nghi cho người vợ đó thôi!

*(Chánh văn) Vô hạnh ư thê tử, thất lễ ư cữu cô.*

**(正文)無行於妻子。失禮於舅姑。**

*(Chánh văn: Đối xử với vợ con không ra gì, chẳng lễ phép đối với bố mẹ chồng).*

Đối đãi với vợ hãy nên hòa hoãn, kính trọng. Đối đãi với con cái, hãy nên nghiêm nghị, chánh đáng. Chẳng đối đãi với vợ bằng lễ nghĩa, ắt sẽ đánh mất tình nghĩa “*phu xướng phụ tùy*”. Chẳng dùng đạo để dạy con, ắt sẽ tổn thương ân nghĩa sanh thành, dưỡng dục. Bất nghĩa, chẳng có lòng từ, đều gọi là “*vô hạnh*”. Nay [người ta thường là] đối đãi với vợ nếu không khắc bạc, thiếu ân huệ, ắt sẽ suông sã, không chừng mực; đối đãi với con nếu không quá mức nuông chiều, ắt sẽ nghiệt ngã, quở trách quá đáng. Chính mình đã thật sự vô hạnh, còn trách móc vợ con nổi gì?

Đời Hậu Hán, Trương Trạ trang trọng, nghiêm cẩn, chuộng lễ, cư xử ắt cung kính. Mỗi khi gặp vợ con, ắt giảng nói những giáo huấn về lễ, cũng như dùng những lời lẽ tốt lành, hạnh đẹp để để giáo huấn, giống

như bậc quân vương trang nghiêm ngự giữa bầy tôi. Vì thế, vợ ông ta [đối với người trong nhà] cũng có thể khuyến khích, đốc thúc lẫn nhau. [Do đó, gia đình Trương Trạm] được tiếng thơm trong làng nước. Tấm gương này thật đáng dùng làm phương pháp tốt đẹp để dạy bảo vợ con.

Sử Đường khi còn hàn vi đã cưới vợ. Đến khi đỗ đạt, hấn tiếc

hận không thể cưới con gái nhà giàu làm vợ. Do hối tiếc, hấn ngày càng xa lánh vợ, chẳng còn ngủ chung nữa. Bà vợ uất ức thành bệnh. Đã mấy năm, Sử Đường chẳng ngó ngang tới, vợ cũng nuốt hận. Lâm chung, [vợ ở] cách vách, gọi Sử Đường: “Nay tôi sắp chết, ông nhẫn tâm không ngó ngang ư?” Sử Đường trợn chẳng đoái hoài. Tới khi vợ đã chết được một năm, cỗi âm trách hấn tội bạc ác, bất lương, tước giảm thọ lộc của hấn. Hấn bị bệnh đột ngột mà chết.

Vương Dao ở Trác Châu nông chiều hai đứa con trai quá lớn, dưỡng chúng thành tánh ác, không thể kiềm chế được, [đành phải] thưa lên quan. Hai đứa con trai đều chết, hấn bèn bị tuyệt hậu. Tới khi Vương Dao chết, vào đêm ngày Rằm tháng Hai năm sau, ông Từ giữ miếu Thành Hoàng xứ ấy là Lưu Tiến ngó thấy một người cầm đơn xin được cúng tế vào tiết Thanh Minh. Thành Hoàng giận dữ phán: “Người có con mà chẳng thể dạy, tự chấm dứt giòng dõi, ai có thể cúng bái cho người?” Thành Hoàng sai quỷ tốt đuổi đi. Người ấy

khóc to, rời đi. Ngày hôm sau, miếu chủ dò hỏi, mới biết là Vương Dao đã chết hơn một năm. Cô nhân có nói: “*Con cái nhà Khổng Tử chẳng biết chữ, con nhà Tăng Tử không biết đấu đá*”. Đó là do đã huấn tập thành tánh. Lại nói: “*Nuôi con em như dưỡng cỏ chi, cỏ lan*”. Đã dùng học vấn tích lũy để vun bồi, lại còn nhuần thấm chúng bằng những điều thiện đã tích tập. Trong vòng cha con, chẳng thể nuông chiều những đứa con nhỏ. Từ bé, đã đưa con vào khuôn khổ chặt chẽ, ràng buộc bằng pháp tắc, ắt khi nó lớn lên, sẽ chẳng trở thành hạng không ra gì! Lại nói: “Người có mấy đứa con, đối với chuyện ăn uống, quần áo, chớ nên không [chia sẻ] đồng đều. Chớ nên không giữ nghiêm vai vế và tôn ty giữa người lớn và trẻ nhỏ. Hiền, ngu, đúng, sai khác biệt, chẳng thể không biện định. Từ bé, đã thể hiện sự đồng đều, ắt chẳng lo chúng lớn lên, sẽ tranh chấp tài sản. Từ bé đã bị trách phạt nghiêm ngặt, ắt chẳng lo lớn lên, con sẽ trái nghịch, khinh mạn. Từ bé đã dạy con phân biệt [thiện, ác, đúng, sai, hiền, ngu], ắt chẳng lo lớn lên, con sẽ thành phường trộm cướp”. Gộp chung những điều vừa nói trên đây, mọi người cũng sẽ biết pháp tắc [nuôi dạy con]!

Vợ phụng sự bố mẹ chồng giống hệt như con cái phụng sự bố mẹ ruột. Mềm mỏng, vẻ mặt tươi vui, ăn nói nhẹ nhàng. Thông cảm nỗi lạnh, nóng, quan tâm bệnh tật, đau ngứa của [bố mẹ chồng]. Họ ra vào, ta đều đến nâng đỡ. Nếu thất lễ đôi chút, sẽ là bất hiếu, tội ác ngập trời, lửa sét sẽ lập tức tru diệt! Ôi! Tôi còn nói cao hơn nữa, vợ đối với bố mẹ chồng là sự kết hợp do

mối quan hệ giữa con người với nhau; con cái đối với cha mẹ là sự kết hợp bởi tình thiên luân. Trước nay, con bất hiếu với cha mẹ, mà vợ lại riêng một niềm hiếu thảo với bố mẹ chồng, tôi trộm sợ rằng chẳng hề có lẽ ấy! Vì thế, kẻ làm vợ mà thất lễ, đều là do kẻ làm con [chẳng hiếu thảo với bố mẹ] mà ra vậy. Thần tru diệt, quỷ quả trách, há chuyên trách phạt kẻ làm vợ mà thôi ư? Mong trọn khắp những kẻ làm con hãy suy nghĩ!

Ngày Hai Mươi Hai tháng Ba năm Sùng Trinh thứ năm (1632) đời Minh, tại huyện Sơn Dương ở Hoài An, vợ của Mao Kế Tông là Phùng Thị bầm tánh chí hiếu. Mẹ chồng tuổi cao, bệnh tình nguy ngập, ông Mao lại phải vận lương vào kinh thành. Vợ bèn tắm rửa, thay quần áo, trong đêm tối thỉnh cầu trời cao cho mình chết thay. Vợ cầm dao đâm vào hông, đầu gan ló ra. Bỗng nghe con gọi, cô ta sợ con làm kinh động mẹ chồng tỉnh giấc, bèn lấy chiếc khăn che vết thương, vào vỗ về đưa con. Lại lo một chút gan không đủ chữa lành, bèn kiên thành cầu nguyện để mổ lần nữa. Khi ấy, trăng còn chưa mọc, trời bỗng sáng sạch, các ngôi sao đều chói ngời, chiếu vào thân người vợ, sáng trưng như ban ngày. Vợ rạch bụng lấy được một miếng gan, liền tức thời nấu canh dâng cho mẹ chồng ăn. Mẹ chồng vừa mới nếm canh, liền cảm thấy canh thơm ngọt dị thường, bèn hỏi là vật gì? Vợ nói trại đi là nhà hàng xóm bắt được con nai, đây là gan nai. Mẹ chồng ăn hết, bệnh theo đó được khỏi hẳn. Khi ấy, cô ta do lòng chí thành cảm vùi, vết thương không đau, nhưng khó giấu vết máu, bị cô em chồng phát hiện, cả nhà kinh hãi,

truyền tụng. Mẹ chồng mới biết con dâu cứu mình, khóc rống, cảm kích tấm lòng thương yêu của con dâu. Nhất thời, các sĩ phu trong làng hợp sức viết sớ tâu lên triều đình, nhưng do bị bọn quan nha đòi hỏi [tiền lót tay], chẳng thể tâu lên thiên tử. May mà có chú sanh Giang Thiên Nhất ở Huy Châu viết thành bộ Kỳ Hiếu Kinh Thiên Tập để truyền tụng chuyện này!

Đời Tống, Giả Đàm làm Tiết Độ Sứ ở Hoạt Châu. Khi ấy, có một người đàn bà dân dã, phụng sự mẹ chồng bất hiếu. Mẹ chồng tuổi già, mắt lòa, mù ta cho mẹ chồng ăn thức ăn bần. Mẹ chồng thấy đồ ăn có vị lạ, [nhằm lúc] con trai từ bên ngoài trở về, mẹ chồng đem thức ăn hỏi con. Đưa con trông thấy, ngửa mặt lên trời khóc lớn. Bỗng sấm sét ầm ầm giáng xuống, chặt phăng đầu mẹ vợ, gắn đầu chó vào đấy. Giả Đàm biết chuyện, sai dắt mẹ ta đi khắp trong vùng nhằm cảnh tỉnh phường bất hiếu. Than ôi! Người thời nay cứ hờ ra là bảo “tánh phụ nữ như nước, chẳng thể lập tức dạy được”. Nói kiểu ấy sao mà vô lý quá đáng vậy? Những kẻ đang còn là con gái [chưa chồng] trong hiện thời, cha mẹ đã đánh mất phương cách nuôi dạy, đến khi những người nữ ấy làm vợ, chồng lại ngu đàn chẳng biết sự lợi ích của việc nêu gương mẫu tốt đẹp [cho vợ học theo], sẽ liền cảm thấy vợ mang thói ác ngỗ nghịch, dâm dăng, đồ kỵ, chẳng thể không chê. Nếu như người làm cha mẹ, [đối với con gái] từ thuở bé cho đến tuổi cài trâm, [thường luôn] dùng sự hiếu kính, nhu thuận để chỉ bảo, hướng dẫn cái tâm của con, [thì mai sau con gái mình] đâu được gả làm vợ một thằng chồng bất tài,

con cũng có thể tự biết cách thành gia lập nghiệp. Huống hồ là được gả cho người thông hiểu lễ pháp, lại còn là bậc quân tử hiếu, đễ, thiện lương ư? Dạy con gái cũng như dạy con trai đều phải coi trọng; cố nhiên phải bảo ban lời này trọn khắp thiên hạ!

*(Chánh văn) Khinh mạn tiên linh, vi nghịch thượng mạng.*

**(正文)輕慢先靈。違逆上命。**

*(Chánh văn: Khinh rẻ hương linh tổ tiên. Vi phạm mạng lệnh của bề trên).*

“*Tiên linh*” (先靈) là hương linh tổ tiên. Phàm tảo liệm vô lễ, cư tang không theo chế định của lễ nghi, chẳng nhanh chóng an táng, trai giới, cúng quải chẳng có lòng thành, chẳng siêng năng thăm viếng, quét dọn mộ phần, miếu thờ (chỗ thờ phụng) không ngăn nắp, hương đèn khi có khi không, đều là khinh mạn! Ôi! Nguồn nước, cội cây, há dám quên bẵng? Nếu kẻ nào phạm sai sót đối với chuyện này, tôi chẳng biết nên gọi hạng người ấy là gì nữa?

Đời Lương, Thái Tử Chiêu Minh (Tiêu Thống) bảm tánh nhân từ, hiếu thảo. Mẹ ruột của ông là bà quý tần họ Đinh (Đinh Lệnh Quang) mất, [Thái Tử] chẳng



uống nước hay canh, thường khóc ngất đi. Lương Vũ Đế khuyên nhủ: “[Người đã mất, thân thể] hủy hoại, nhưng bản tánh bất diệt. Có ta còn đây, con há có nên như thế”. Thái Tử mới miễn cưỡng uống mấy hớp. Từ ngày ấy cho đến khi an táng mẹ, mỗi ngày chỉ dùng một thung cháo mạch. Thân thể Thái Tử vốn tráng kiện, vòng eo to lớn. Cho đến khi ấy (an táng xong xuôi), giảm mất quá nửa. Mỗi khi vào triều, các quan và dân chúng trông thấy, không ai chẳng ứa lệ.

Trần Cao do đã đậu Cống Sanh bèn tới kinh đô. Anh ta đến miếu thờ thần cầu xin thần giáng mộng, mộng thấy thần nói: “Quan tài của cha ngươi chưa hạ táng, chẳng thể hỏi đến chuyện đỗ đạt được!” Trần Cao chưa tin. Năm sau, anh ta thi trượt khóa thi Hội, bèn trở về, vội vã lo an táng xong xuôi. Lại đi thi, mới thi đỗ. Công Quá Cách chép: *“Cha mẹ mất mà ba năm chưa chôn, [cứ tính] mỗi tháng chậm trễ là mười lỗi. Chôn cất mà không trọn hết tâm lực, hoặc là đến nỗi [để cho di thể của cha mẹ] bị hư hoại, phạm một trăm lỗi. Sau khi đã nhận biết mà không sửa đổi, [cứ tính] mỗi ngày chậm trễ là mười lỗi”*. Sách còn chép: *“Bỏ sót chuyện cúng giỗ tổ tiên, bất kính thì tính là một lỗi. Nếu do vui chơi mà bỏ sót ngày giỗ thì tính [lỗi] gấp năm lần”*.

Đặng Tả Danh mỗi lần tảo mộ, ắt sẽ lưu lại đó cho đến ngày hôm sau mới về. Ông nói: “Trong vòng một năm, đến đây được mấy ngày, tôi không nỡ lòng bỏ đi ngay”. Lời nói chí tình thay! Thế tục hiện thời mỗi năm vào dịp tết nhất hoặc tiết Thanh Minh mới đến nơi phần

mộ một lần; ngoài ra, để mặc cho người thân nơi gò hoang chẳng hỏi tới! Lúc cúng tế thì đại khái là cùng với anh em, thân hữu tận tình vui chơi, ngắm cảnh, vui sướng hết mình rồi về. Vào dịp tết nhất, chẳng phải nhằm quét dọn lá tùng [phủ đầy trên mộ], mà chỉ là thưởng thức hoa mai. Thanh Minh chẳng phải là đến thăm mộ, chỉ là dự hội Đạp Thanh<sup>834</sup>. Chao ơi! Chẳng dùng bổng lộc phụng dưỡng song thân, mà cứ ôm vợ con thì có lợi ích gì? Lúc sống chẳng dâng chén cơm bát nước đơn sơ, mất rồi bày cỗ bàn la liệt để làm gì?

Bây tôi nghe theo lệnh vua. Con nghe theo lệnh cha mẹ. Đệ tử nghe theo lời thầy. Phàm hết thảy những kẻ thuộc phận dưới, nghe theo lệnh của người trên, đều gọi là “*thượng mạng*”. Nếu xét theo đạo nghĩa, chẳng thể thi hành [mạng lệnh ấy], cũng nên uyển chuyển [thừa bày khiến cho người bề trên bị] cảm động. Trước hết, xin hãy dâng lời can ngăn, [thừa trình nguyên do] chẳng dám vâng theo lệnh ấy. Nếu xét theo đạo nghĩa [là chuyện] đáng nên làm mà chẳng dốc hết sức vâng làm, đã là có tội, huống là trái nghịch ư? Kẻ trái nghịch chính là khởi nguồn của phùng loạn thần tặc tử vậy!

---

<sup>834</sup> Đạp Thanh (踏青) là đi ra ngoại thành chơi xuân. Do tản bộ du ngoạn, bước lên cỏ xanh, nên gọi là Đạp Thanh. Thuở xưa lấy ngày Thanh Minh làm hội Đạp Thanh, vừa đi tảo mộ, vừa đi chơi dã ngoại. Thoạt đầu, Đạp Thanh chỉ là dịp để du ngoạn chơi xuân sau những tháng tù túng vì mùa Đông, dần dần kết hợp với tảo mộ. Ngày này cũng là dịp để nam thanh nữ tú thừa cơ gặp gỡ, mất đi mây lại, ngắm ghé chọn người phối ngẫu, cho nên sách Cảm Ứng Thiên mới chê trách chuyện mang tiếng tảo mộ, nhưng thật ra là diện quần áo xênh xang, ngoạn cảnh, ăn uống, trai gái ngắm nghía, tò vò nhau, trọn chẳng có lòng tưởng nhớ tổ tiên.

Đời Minh, Đào An là người huyện Dương Đồ. Minh Thái Tổ sai ông ta trông coi Hoàng Châu, phủ dụ rằng: “Người hãy khéo vỗ về dân chúng”. Đào An kính cẩn vâng theo lệnh trên. Khi tới quận, ông miễn trừ thuế khóa, giảm nhẹ những việc lao dịch ruộm rà, siêng năng giáo huấn các quan [cấp dưới], giảm nhẹ trừng phạt, dân chúng đều vui vẻ khâm phục. Ông lại được triệu về kinh làm Học Sĩ, đổi sang làm chức Giang Tây Hành Tỉnh, Tham Tri Chánh Sự. Không chuyện gì chẳng tận tâm kiệt lực châu toàn lệnh trên. Đào An mất, vua đích thân soạn bài văn tế, tặng thụy hiệu, cho con ông ta được tập ấm. Con cháu ông đều đỗ đạt, đạt tới địa vị khanh tá (卿佐, địa vị chấp chánh phù tá đại thần). Những kẻ nay được làm người chăm nom dân đen, đều là cây vào mạng lệnh của hoàng đế, thế mà họ bạo ngược tàn khốc đối với sanh linh, tàn hại dân chúng, trọn chẳng thấu hiểu tấm lòng nuôi dạy của đức vua ta. Cái tội trái nghịch không chỉ hơn được tội này! Cố nhiên là dân chúng chẳng thể làm gì được họ, nào có biết trời cao soi thấu chẳng xa. Chẳng thể ngược đãi dân, chẳng thể dối lừa trời cao đâu nhé!

*(Chánh văn) Tác vi vô ích, hoài hiệp ngoại tâm.*

**(正文) 作為無益。懷挾外心。**

*(Chánh văn: Làm chuyện vô ích. Ngâm dối lòng thay dạ).*

Vạn sự trong thế gian, chớp mắt đã thành rỗng không. Chỉ có những chuyện như tích đức, hành thiện, dấy điều lợi, trừ điều hại v.v... là đời đời kiếp kiếp thân luôn được thọ dụng, chẳng có cùng tận. Những thứ khác như dinh thự, nhà cửa, đài, ao, áo cơm, xe ngựa, cùng với hết thảy những thứ thơ, họa, những món đồ trần ngoạn đều đủ khiến cho người ta suy sụp chí hướng, thân thể phiền lụy, có ích lợi gì đâu? Còn như treo đèn diễn tuồng, hát hò, uống rượu, chơi xu bồ<sup>835</sup>, đánh bạc, cờ vây... há chỉ là vô ích, mà còn gây hại to tát, hãy cất lực răn dè!

Đời Tống, Trương Vĩnh trấn thủ Thành Đô. Ông lo dân chúng vì khó kiếm ăn sẽ trộm cướp, cho nên mỗi năm trích từ tiền thuế ruộng thu từ các huyện để mua sáu vạn học gạo. Tới mùa Xuân, dựa theo sổ sách [ghi chép] căn kê về dân chúng, tính theo số người trong mỗi nhà để cấp phiếu [mua gạo], [nhà kho của chánh quyền sẽ] chiếu theo giá gốc để bán ra. Do vậy, dầu gặp năm mất mùa, cũng chẳng đến nỗi quá đói.

---

<sup>835</sup> Xu Bồ (樗蒲), còn gọi là Sư Bồ, Ngũ Mộc, Trích Lô, hoặc Hô Lô, là một món cờ bạc, giải trí, từ ngoại quốc truyền vào Trung Hoa dưới thời Hán. Có người nói món cờ này có nguồn gốc từ trò chơi Chaupar của Ấn Độ. Bộ cờ này gồm có năm loại con cờ, nên gọi là Ngũ Mộc, tức là Bôi, Mã, Mộc, Trù, Thi, chia thành bốn màu đen, trắng, trĩ và độc (thật ra chỉ có hai màu là trắng và đen. Trĩ là quân cờ toàn màu đen, kèm thêm hai con cờ màu trắng có viết chữ Trĩ và Độc màu đen. Còn Độc là quân cờ toàn trắng, kèm thêm hai con cờ đen viết chữ Trĩ và Mộc màu trắng). Trò chơi này bị ngăn cấm dưới thời Tống, biến tướng thành cờ Đả Mã (gần giống trò lắc xí ngầu chơi cá ngựa hiện thời, nhưng phức tạp hơn rất nhiều).

Trần Nghiêu Tá làm Tào Vận tại Quảng Nam. Phong tục xứ ấy là không uống thuốc. Hễ bị bệnh bèn cầu khẩn quỷ, đa số là bị chết. Ông sưu tập những bài thuốc có hiệu nghiệm gia truyền cho khắc lên đá nơi dịch trạm, quán xá; do vậy, thổ dân (dân chúng nơi ấy) được nhờ.

Vương Định làm tri phủ Thành Đô, dân chúng phân nhiều hỏa táng, ông tận lực ngăn cấm, dùng đất công để lập nghĩa địa thí, chôn cất những người chưa được an táng. Nơi ấy chẳng còn lệ hỏa táng nữa.

Tô Thức làm tri phủ Hàng Châu, đã cho vét sâu hai con sông, sửa chữa sáu cái giếng, đắp đê dài trông liễu để ngăn lũ lụt. Do vậy, dân chúng đặt tên cho cái đê ấy là Tô Công Đê (蘇公堤, đê ông Tô).

Dụ Trọng Khoan làm tri phủ Thuận Xương. Tục lệ xứ ấy hay dìm chết con gái. Ông soạn bài văn khuyên răn, triệu tập phụ lão tới dinh tri phủ, ân cần thăm hỏi, lại lấy bài văn ấy để khuyên lớn. Hủ tục ấy bèn được biến đổi.

Trên đây, đều là những tấm gương tạo lợi ích cho người khác. Do vậy, ta biết bậc quân tử xử thế cốt sao hữu ích cho người, cho vật, há chỉ bàn suông chuyện cao xa, chẳng hề thực tế ư? Còn như chúng ta tu thân, giữ mình chánh đáng, bớt lỗi, trừ sai, thật sự là chẳng đủ thời gian mà sự việc vẫn ề hề ra đó, há có các thứ hành vi vô ích xằng bậy ư? Chẳng biết huyền thân

huyền cảnh bỗng dung lâm vào cảnh tan diệt, chỉ có tánh viên minh là thường còn muôn kiếp, vốn chẳng có sanh diệt. Người thời nay tiêu phí thời gian và nước cho ướn bùn (làm chuyện vô ích), sao chẳng hướng vào đây để dụng công dốc sức đôi chút vậy thay?

Bây tôi lừa dối vua, con ngỗ nghịch cha mẹ, vợ phản bội chồng, anh em xâm phạm lẫn nhau, bạn bè khuynh đảo lẫn nhau, đều là do cái tâm rong ruổi theo ngoại cảnh sai khiến. Nhưng chẳng đợi đến khi cái tâm ấy thể hiện ra hành động, hề có mảy may ý niệm chớm động, người chưa biết mà quỷ thần đã biết rành rành cái tâm ấy!

Đời Tống, Tần Cối âm mưu thông đồng với người Kim, tận lực chủ trương hòa nghị. Các tướng hề chiến trận hơi thắng thế, ngay lập tức, hấn hạ lệnh giục giã họ rút quân; những thành thị, quận huyện vừa đoạt lại [từ tay quân Kim] lập tức bị vây hãm, thất thủ. Hấn lại giết chết Nhạc Phi trong ngục. Về sau, có người vào cõi âm, thấy Tần Cối ở trong địa ngục Vô Gián. Nay ở trước mộ phần Nhạc Vương ở Hàng Châu, có tượng sắt của vợ chồng Tần Cối quỳ trước đó. Người đến viếng thường đánh đập tượng đó và vẩy nước tiểu lên tượng để trút bớt nỗi hận!

Đời Minh, có gã dân tên X... ở Việt Trung đôi với vợ tình cảm rất thâm thiết. [Thế mà] vợ hấn lại hãm mộ đưa thiếu niên hàng xóm, luôn mất đi mảy lại với nó. Dẫu ở cùng nhà với chồng, mà lòng cô ả luôn tơ tưởng

đứa thiếu niên ấy. Về sau, người chồng bị bệnh mất. Chưa mãn tang mà ả ta đã tái giá. Đến đêm, ả liền mộng thấy chồng đến bảo: “Ta chết mà nàng tái giá, ta chẳng trách móc gì. Ta hãy còn sống mà nàng đã mang tâm tơ tưởng người ngoài, chuyện này thật đáng hận”. Bèn cầm chùy sắt đập vào lưng vợ, ả ta ngay lập tức ới máu mà chết.

*(Chánh văn) Tự chú, chú tha, thiên tăng, thiên ái.*

**(正文)自咒咒他。偏憎偏愛。**

*(Chánh văn: Rửa mình, rửa người. Yêu ghét thiên vị).*

Câu này nhằm nói đến chuyện nguyên rửa mà chẳng tìm được lý do chánh đáng nào! “Hễ giận dữ mà tự nguyên rửa chính mình, lại còn nguyên rửa người khác” sẽ thuộc vào phạm vi của lời răn này. Đây chính là điềm báo trước kẻ tiểu nhân hoặc phụ nữ sẽ chuốc họa, thường là chẳng đợi đến chết, mà là ngay lập tức đúng như lời nguyên, há chẳng nên kiêng dè ư?

Vợ của Yên Diễm từng lén tăng tịu với kẻ khác, lại ăn trộm một chiếc khăn tay từ nhà hàng xóm. Hàng xóm chửi bới, Yên Diễm bèn tự nguyên rửa, rửa người

khác như sau: “Nếu vợ tao thật sự tăng tịu với thằng khác, và ăn trộm khăn tay của mày, tao sẽ bị sét đánh. Nếu không, ắt mày sẽ bị gánh lầy!” Không lâu sau, Yển Điền chết dưới lưỡi búa của thiên lôi. Dưới hông có chữ viết: “Gã si che chở cho vợ”. Vợ hắn cũng bị sét đánh chết. Dưới hông cũng có chữ ghi rằng: “Hành gian, trộm cắp”.

Đời Châu, Tử Hãn<sup>836</sup> nước Trịnh nói: - Hễ có nguyên rủa thì chính là căn bản của sự rối loạn. Sanh tử có số mạng định sẵn; chẳng phải là do yêu mà có thể sống, há có lẽ nào do ghét mà chết được ư? Nay có kẻ tự rủa mình, rủa người, mê hoặc quá đỗi, ngu muội quá đỗi!

Phạm vi của “*thiên tăng, thiên ái*” (yêu ghét thiên vị) rất rộng. Phàm vua đối với bầy tôi, cha đối với con, chồng đối với thê thiếp, chủ đối với tôi tớ, đều có [chuyện yêu ghét thiên vị]; nhưng chỉ có trong vòng vợ trước, vợ sau, vợ cả, vợ lẽ nơi phụ nữ là nặng nề nhất.

---

<sup>836</sup> Tử Hãn là tên tự của công tử Hỷ (Cơ Hỷ), con trai của Trịnh Mục Công (Cơ Tử Lan). Trịnh là một nước chư hầu thời Châu, nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Tây. Nước Trịnh được thành lập khi Châu Tuyên Vương (Cơ Tĩnh) phong cho em trai là Cơ Hữu đất Trịnh Yển. Cơ Hữu trở thành vua đầu tiên của nước Trịnh, tức Trịnh Hoàn Công. Khi Châu U Vương say mê Bao Tự, phế Thân Hậu và Thái Tử Nghi Cữu, cha Thân Hậu là Thân Hầu đã mượn quân Khuyển Nhung tấn công nhà Châu, giết chết Châu U Vương. Trịnh Hoàn Công do cứu giá, cũng chết trong cuộc chiến này. Trịnh Mục Công là vị vua thứ mười của nước Trịnh, có mười ba người con trai. Ngoại trừ hai người làm vua (tức công tử Di trở thành Trịnh Linh Công, công tử Kiên thành Trịnh Tương Công), Tử Khổng bị sát hại, Tử Nhiên lưu vong, con cháu Tử Vũ và Tử Chí không được làm quan Khanh, quyền hành nước Trịnh lọt vào tay con cháu của bảy vị công tử còn lại. Họ tranh giành quyền lực đấu đá nhau, sử gọi là Trịnh Quốc Thất Mục, tức con cháu của Tử Tứ, Tử Hãn, Tử Quốc, Tử Lương, Tử Ân, Tử Du, và Tử Phong. Sử thường gọi họ là Tứ Thị, Hãn Thị v.v...



Do vậy, xưa kia Tăng Tử sau khi chôn vợ, suốt đời chẳng cưới vợ mới. Ông nói: “*Cao Tông*<sup>837</sup> vì vợ sau mà giết [con ruột mình là] Hiếu Kỷ. Quan lệnh doãn Cát Phủ<sup>838</sup> vì vợ sau mà giết [con ruột là] Bá Kỳ. Ta trên là chẳng sánh bằng Cao Tông, giữa là chẳng thể sánh bằng Cát Phủ, sao có thể chẳng phạm sai lầm cho được?” Lành thay! Đây là vì sợ có lòng yêu ghét thiên vị mà giữ vẹn ân tình của người làm cha vậy. Thế nhưng, vợ đã chết, chẳng tục huyền, xét về mặt tình người khó khăn lắm. Chỉ mong sao sau khi tục huyền, luôn có thể lãnh hội [thâm ý] trong lời nói của Tăng Tử, ngõ hầu chẳng đến nỗi phạm sai lầm to tát vậy! Vợ trước của Từ Giáp ở Đông Hải là Hứa Thị sanh được một con trai, đặt tên là Thiết Cữu (鐵臼, cối sắt). Hứa Thị chết, Từ Giáp lại lấy Trần Thị. Mụ ta tánh hung dữ, đồ ky, muốn giết con của vợ trước. Trần Thị sanh một đứa con trai, do vậy, đặt tên là Thiết Xử (鐵杵, chày sắt), [hàm ý] muốn giã nát cối. Thiết Cữu luôn bị đánh đập, chết vì đói rét. Khi đó, [Thiết Cữu] mười sáu tuổi. Sau khi chết được hơn mười ngày, quỷ hồn bỗng trở về

---

<sup>837</sup> Cao Tông tức là vua Vũ Đinh nhà Thương, còn gọi là Ân Vũ, tên thật là Tử Chiêu, là vua thứ hai mươi ba của nhà Thương. Hiếu Kỷ là con trai vua Vũ Đinh, hết sức hiếu thuận, nhưng do bị mẹ kế gièm siểm, nên bị cha xua đuổi, giết chết. Thi Tử đã chép về Hiếu Kỷ như sau: “*Hiếu Kỷ sự thân, nhất dạ nhi ngũ khởi, thị y hậu bạc, chăm chi cao hạ dã*” (Hiếu Kỷ phụng sự cha mẹ, mỗi đêm thức dậy năm lần để nhìn xem cha mẹ mặc áo dày hay mỏng, gói kê đầu cao hay thấp).

<sup>838</sup> Cát Phủ là đại thần thời Châu Tuyên Vương, ông được nhà Châu hết sức coi trọng, có thi tài, khéo làm thơ, phù tá Châu Tuyên Vương trung hưng nhà Châu, tu chính đại nghiệp cả văn lẫn võ, từng đánh tan quân rợ Hiểm Doãn khi chúng tấn công kinh thành nhà Châu. Bá Kỳ là con của Cát Phủ. Do vợ đã chết, Cát Phủ bèn tục huyền. Vợ sau sợ Bá Kỳ sẽ được nối chức cha, bèn gièm siểm, khiến cho Bá Kỳ bị đuổi khỏi nhà, phải lang thang bẻ lá sen che thân, vớt bèo ăn cho đỡ đói.

nhà, bảo: “Ta là Thiết Cữu. Mẹ ta đã kêu oan trên trời, đã được thiên tào ban lệnh phù rửa sạch nỗi hận, muốn làm cho Thiết Xử bệnh tật mà chết, giống hệt như ta khi phải chịu đựng nỗi khổ vậy”. Trần Thị trăm kể cầu đảo, cúng bái [hòng thoát nạn], [hồn Thiết Cữu] chẳng rời đi. Khi ấy, Thiết Xử mới sáu tuổi, bỗng bụng trương phình, thân thể đau đớn, khắp thân tím bầm rồi chết!

Vào đời Châu, từ mẫu (người mẹ hiền từ) nước Ngụy vốn là con gái của Mạnh Dương, là vợ sau của Mang Mảo, sanh ba đứa con. Vợ trước có năm đứa con. Chúng nó đều chẳng yêu mến mẹ kế, nhưng mẹ kế đối xử hết sức nồng hậu. Năm đứa con ấy vẫn không yêu mến mẹ kế. Từ mẫu bèn giữ cho ba đứa con ruột của mình không bằng con vợ trước: Quần áo, thức ăn, sanh hoạt đều thua kém rất xa. Năm đứa con của vợ trước vẫn chẳng yêu mến mẹ kế. Chẳng lâu sau, có một đứa con của vợ trước vi phạm lệnh cấm của vua nước Ngụy, mắc tội sắp bị xử tử. Từ mẫu buồn rầu, đau xót, sớm chiều chịu đựng nhọc nhằn tìm cách cứu nó.

Có người bảo: “Con chẳng yêu thương mẹ quá đáng. Việc gì phải vất vả, lo sợ như thế?” Từ mẫu đáp: “Con ruột của thiếp tuy chẳng yêu mến thiếp, thiếp ắt cứu vãn tai họa, trừ tội cho nó. Nay đối với con vợ trước, nếu không làm như vậy, [chúng nó] có khác gì không có mẹ? Cha chúng nó vì thấy chúng nó cô cút, chọn thiếp làm mẹ kế. Mẹ kế là mẹ của người ta, mà chẳng yêu thương con chồng, có thể gọi là nhân từ hay chẳng? Thân thiết với con ruột, lơ là con vợ trước, có

thể nói là nghĩa hay chẳng? Bất từ, bất nghĩa, làm sao đứng trong cõi đời được nữa? Tuy chúng nó chẳng yêu thương thiếp, thiếp há có nên quên nghĩa ư?” Bà bèn đến thuyết phục vua Ngụy, vua coi trọng lời nghị luận của bà, bèn xá tội, cho đưa con ấy trở về nhà. Từ đó, năm đứa con thân thiết, kẻ cận từ mẫu, hòa thuận [với các em] như con cùng một mẹ. Do vậy, bà dùng lễ nghĩa dạy bảo tám đứa con, chúng đều trở thành hạng đại phu hoặc khanh sĩ của nước Ngụy.

*(Chánh văn) Việt tỉnh, việt táo, khiêu thực, khiêu nhân.*

**(正文)越井越灶。跳食跳人。**

*(Chánh văn: Nhảy qua giếng và bếp lò. Nhảy qua thức ăn, nhảy qua người khác).*

“*Việt*” (越) là nhảy qua. Giếng giúp đỡ, có lợi cho con người rất rộng, có thần suối trông coi, tên là Quán (觀), hình dạng như mỹ nữ. Hơn nữa, nước trong giếng đã lợi lạc, nhuận thâm quần sanh, [nước giếng] lại còn dùng để cúng thần, cúng Phật, há có nên khinh nhờn? Táo Quân là một trong năm vị thần<sup>839</sup> trong nhà. Ông ta

---

<sup>839</sup> Năm vị thần (ngũ tự) trong nhà theo truyền thống xưa của Trung Hoa là môn thần (thần giữ cửa chánh), hộ thần (còn gọi là song thần, tức thần cửa sổ, hoặc hiểu theo nghĩa rộng là thần trông coi các cửa phụ), trung lự (thần đất, còn gọi là địa chủ cơ, tức là người chủ của nền đất, nhỏ hơn thần thổ địa. Thần thổ địa tức thổ công cai quản cả một làng, một xã), táo thần (thần bếp) và hành thần (thần trông coi

là Thái Ất Hỏa Thần, họ Trương, tên Trác, tự là Tử Quách, chuyên xem xét thiện, ác, hay, dở [của mỗi thành viên trong một gia đình], báo trước cát, hung, họa, phước. Nhảy qua [giếng hoặc bếp lò] chính là khinh mạn, lăng nhục thần linh, tội ấy rất lớn! Không chỉ là nhảy vượt qua, mà ngồi trên bờ giếng, giẫm đạp miệng lò, thiêu đốt những vật dơ bẩn trong lò, sẽ đều là xúc phạm, ô uế [thần linh] vậy!

Trương Hiếu Tiên mỗi lúc say rượu thích cùng kẻ khác nhảy qua giếng để đùa giỡn. Một hôm, trong giếng có một vị thần kim giáp cầm mâu đâm hấn. Bụng Hiếu Tiên hết sức đau đớn, luôn như bị mũi thương đâm trúng. Hấn kiên thành cầu đảo mới lành bệnh.

Đời Thanh, Ngô Trạm làm nha lại ở huyện, nhà ở gần Kinh Khê. Kinh Khê có một con suối, nước hết sức trong, mọi người đều nhờ vào [con suối ấy mà có nước để dùng]. Ngô Trạm dựng hàng rào trúc để bảo vệ, không cho những thứ bẩn thỉu rót xuống suối. Bỗng ở bên cạnh suối, ông nhặt được một con ốc trắng, bèn bỏ nó trong vò. Mỗi lần ông ra ngoài, trở về, thấy trong bếp cơm nước đã chuẩn bị sẵn, tâm hết sức lấy làm lạ. Một ngày lén rình, thì ra là một cô gái từ trong con ốc

---

đường nẻo trong nhà. Do nhà xưa thường có nhiều gian, giữa các gian nhà thường có hành lang thông nhau, hoặc những khoảng sân rộng ngăn cách). Theo Bạch Hồ Thông Đức Luận, năm vị thần ấy lại là môn thần, hộ thần, tinh thần (thần giếng), táo thần và trung lự. Theo Lễ Ký, thuở xưa chỉ hàng sĩ đại phu trở lên mới được thờ thần đất, như Khúc Lễ đã chép: “*Thiên tử tế thiên địa, khanh, đại phu tế ngũ tự, sĩ tế kỳ tổ*” (Thiên tử cúng trời đất, hàng khanh đại phu cúng tế năm vị thần, còn dân chúng chỉ thờ cúng tổ tiên).

chui ra, ra tay dọn dẹp, nấu nướng. Ngô Trạm vội chạy tới, cô gái hết sức lúng túng, [bị ông ngăn cản] chẳng cho trở vào vỏ ốc, bèn nói thật với Ngô Trạm: “Tôi là thần suối. Thượng Đế vì thấy ông kính trọng, bảo vệ nguồn nước, lại biết ông ở góa, sai tôi lo liệu cơm nước cho ông. Ông ăn cơm do tôi nấu sẽ đắc đạo”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa!

Đời Hán, Âm Tử Phương là người chí hiếu, lại rất nhân từ, nông hậu. Nhâm ngày mùng Tám tháng Chạp, đang nấu bữa sáng, bỗng thấy Táo Quân hiện ra trước mặt, Tử Phương vội lạy. [Từ đó], mỗi dịp mùng Tám tháng Chạp, ông đều cúng bái. Kể từ đó, giàu to ngang ngửa với vua. Tới đời cháu là Âm Thức, có đưa con gái được chọn làm Hoàng Hậu, [Âm Thức] bèn được phong tước hầu. Do vậy, con cháu họ Âm đời đời thờ phụng ông Táo.

Hương Lãm tánh tình giống như cuồng. Một hôm, hấn ngồi trên nóc của căn nhà gỗ ở phía Bắc bếp lò, mộng thấy Táo Quân quở trách. Nhà hấn lập tức phá tán.

Thức ăn là thứ để nuôi nâng tánh mạng, con người là một trong Tam Tài, há có nên khinh rẻ, coi thường ư? Nếu nhảy vượt qua, sẽ là tội lỗi, há chẳng kiêng tránh ư?

Đời Đường, có một viên quan vào núi, đến chỗ hoang vắng, thấy một tử điểm, bèn mua rượu uống. Một người đàn bà thâu tiền trước rồi mới vào trong.

Hồi lâu sau mới đem rượu ra. Rượu sắc đỏ như máu, uống vào hết sức ngọt ngào, [viên quan] muốn uống nữa. Người đàn bà khóc, thưa rằng: “Thiếp chẳng phải là người sống. Do lúc còn sống, tiêu dùng xa xỉ vô độ, uống rượu chẳng biết giữ chừng mực, thường giẫm đạp canh thừa, thịt dư rồi cho người khác ăn. Vì thế, hứng chịu quả báo này. Mỗi lần có người mua rượu, liền lấy máu trên thân thiếp dâng ra”. Vị quan ấy hết sức kinh hãi, quay về. Trên núi cao làm sao có quán rượu cho được? Tôi cho rằng vị quan ấy vốn sẵn thói khinh rẻ đồ ăn thức uống, cho nên âm ty mượn cảnh ấy để điểm hóa vậy!

Đời Tống, Trạch Lâm từng đưa tiền tiên sinh Chánh Thúc (Trình Di) dời sang phía Tây. Trên đường, ngủ lại ở tăng xá, chỗ ngồi ngẫu nhiên xoay lưng vào thánh tượng. Tiên sinh bảo: “Ông hãy chuyển ghế, đừng ngồi xoay lưng vào tượng!” Trạch Lâm nói: “Há có nên vì tín đồ của họ cung kính, mà [chúng ta] cũng nên cung kính ư?” Tiên sinh đáp: “Phàm những gì có hình mạo con người đầy đủ, đều chớ nên khinh mạn”. Tiên sinh Quy Sơn (Dương Thời) nghe chuyện, hết sức tán thưởng lời ấy, vui mừng nói: “Thấy giống như người mà còn chẳng dám khinh thường, ắt sẽ có thể thấy đối với người sẽ là như thế nào!” Phàm là xoay lưng vào mà còn chẳng nên, huống hồ là nhảy qua ư?

***(Chánh văn) Tồn tử đạo thai, hành đa ẩn tịch.***

## **(正文)損子墮胎。行多隱僻。**

*(Chánh văn: Tồn hại con cái, phá thai. Làm nhiều chuyện ám muội).*

Thân người quý nhất, được làm thân người khó nhất. Đức Phật bảo khi con người sắp sanh ra, có cửu thiên tư mã hiện diện, cửu thiên đều chúc mừng, Thái Ất cầm phù mạng, Đế Quân phẩm định mạng vận, vị quan coi sổ sách ghi chép vào sổ. Vị thần Tư Mạng tính toán thọ mạng, Ngũ Đế giám sát sanh mạng, thánh mẫu bảo vệ, che chở [sản phụ trong phòng sanh]<sup>840</sup>. Các vị thiên chân, địa kỳ phòng thủ cẩn mật tam giới, [đã canh giữ nghiêm mật như thế rồi] mới được sanh vào nhân đạo, được phô thân hình dưới ánh mặt trời, [đúng là] chuyện kinh trời động đất, quý khôn kể xiết! [Sanh mạng nhỏ bé ấy có] phụ bạc quý vị nổi gì, sao lại dám giết hại chúng? Kẻ nữ dâm bôn đã mang thai bèn phá thai, chẳng bằng cầm thú, không có cách nào khuyên nhủ được! Còn như có kẻ nhà nghèo, chán ngán con cái đông đúc, hoặc là con đã sanh ra bèn gây thương tổn [cho nó chết đi], hoặc là con chưa sanh ra bèn phá thai, tội nghiệp giết người chẳng thể sám hối, chuộc lỗi

---

<sup>840</sup> Theo Đạo Giáo, vị này được gọi là Vệ Phòng Thánh Mẫu, tên thật là Trần Tĩnh Cô, còn gọi là Lâm Thủy Phu Nhân, hoặc Thuận Thiên Thánh Mẫu, sống vào đời Đường, quê ở làng Lâm Thủy, huyện Cổ Điền, tỉnh Phước Kiến. Tương truyền, bà từ một giọt máu của Quán Âm Bồ Tát mà hóa thân, theo học đạo với Hứa Chân Nhân. Có nhiều sự tích linh dị về vị thần này. Lời chú giải ở đây chắc là do một vị đạo sĩ hoặc người theo Đạo Giáo viết ra.

được! [Đối với] sanh mạng của loài vật bé nhỏ nhất còn mong phóng sanh, kiêng giết, hưởng hồ con cái ư? Nay những kẻ suốt đời không có con, hoặc sanh con mà chẳng nuôi được, hoặc đến tuổi già, đâm ra con chết trước, đều là quả báo do đời trước đã tạo ra các ác nghiệp ấy mà chuốc phải.

Huyện lệnh Quý Khê là Tiền Bang Vỹ do thấy [dân chúng trong vùng] quen thói hễ sanh con gái, phần nhiều chẳng nuôi, ông bèn dạy họ đạo nghĩa chánh đáng, lại còn thưởng phạt nghiêm ngặt: “Kẻ giết con gái sẽ khiến cho năm nhà hàng xóm bị liên lụy”. Do vậy, cứu sống chẳng kể xiết [những bé gái sơ sanh]. Về sau, Bang Vỹ làm Thái Thú ở Đinh Châu, hưởng thượng thọ, con cháu đều hưng thịnh. Phàm nghiêm cấm tổn hại con cái và phá thai đạt được báo ứng như thế, người thời nay hãy nên luôn khuyên nhủ, công ấy cũng chẳng nhỏ nhất đâu nhé!

Quách Ân có đứa con gái tên là Dẫn Phượng bị hai con quỷ truy bắt, dẫn qua khắp mười tám ngục. Trong ngục cuối cùng, có một vị vương giả ngồi trên điện, phía dưới là mấy trăm người đàn bà, ai nấy đều có trẻ nhỏ đang ôm chân họ gào khóc đòi mạng. Có kẻ vì sanh nhiều con gái mà dìm chết [trẻ gái] mới sanh. Có kẻ vì nhà nghèo, sanh ra [con gái] bèn chẳng nuôi. Có kẻ vì vợ cả ghen tuông vợ lẽ sẽ sanh con mà đánh đập đến nỗi [vợ lẽ bị] sảy thai. Có kẻ vì chữa hoang bèn tự dùng thuốc độc [giết chết thai nhi]. Có kẻ vì đấu đá, bị va chạm mà tổn hại thai. Có kẻ vì giận con khóc nhè



mà đánh, mà quăng đến nỗi làm chết con. Có kẻ vì trông trẻ không cẩn thận, khiến cho con chẳng do yếu mạng [mà bị chết oan]. Vị vương giả cật vấn từng người một, không ai chẳng mang gông đeo cùm trên thân, [thân hình] quắt queo đáng thương. Dẫn Phượng đã trở về, bèn kể đầy đủ với cha. Do đó, ông bèn cho viết lại chữ to trên vách chùa Thiên Ninh để răn đời.

Người đàn bà tên Dương A Thặng từ bé đã nghèo nàn, bệnh tật. Đến tuổi già càng chật vật. Lâm chung, tự nói: “Đời trước, ta vốn là một thầy thuốc. Do không tra hỏi tường tận, có một phụ nữ tự nói bị bệnh do trúng cỏ độc, ta chẳng biết là cô ta có thai, liền cho uống rượu Nguyên Hoa<sup>841</sup>. Cô ta và hai đứa con trong bụng đều chết, tức là ta đã giết chết ba người một lượt. Quan coi âm bắt tội ta, chịu khổ đã mãi, lại bị phạt làm thân nữ, đến nay đã là ba lần. Đời đời luôn luôn là kẻ tội tở hèn hạ, luôn bị khốn khổ vì đói khát, lắm bệnh, ít được an vui. Khuyên những người làm nghề y trong cõi đời, hãy lấy ta làm gương”. Nói xong bèn chết.

Văn Xương Đế Quân nói: “Kẻ làm con bất hiếu, ắt có luật trời tru phạt. Vô tội giết con chính là giết nhân dân trong thiên hạ. Hơn nữa, người ta muốn giết con, sao chẳng tiết dục, mà lại dám giết người chẳng màng! Trong đời này, hạng người như vậy há có thể bảo đảm

---

<sup>841</sup> Nguyên Hoa (芫花) là một loại cây có chất độc, có tên khoa học là Daphne Genkwa. Hoa của nó có thể dùng làm thuốc độc, còn gọi là Ngư Độc, có tánh chất tương tự như dây Thuốc Cá ở Việt Nam. Hễ nghiền nát hoa này vớt xuống nước, cá sẽ bị ngấm chất độc, chết nổi phình bụng lên mặt nước.

*là không có! Ta thấy những kẻ chịu tội trong chốn Phong Đô phạm lỗi này thật đông! Hãy gấp cùng nhau tỉnh ngộ, để khỏi nhanh chóng bị trời phạt”.*

Bài Giới Nịch Nữ Ca (戒溺女歌, bài ca khuyên kiêng dìm chết con gái) của Hà Long Đồ có nói:

- Cọp sói tánh ác nhất, vẫn biết có cha con. Người linh nhất muôn vật, hiềm rằng chẳng bằng chúng! Sanh trai cùng sanh gái, bông ảm đều như nhau. Tôi nghe giết trẻ gái, khôn khổ khôn sánh bằng, bào thai còn đẫm máu, có miệng chẳng thể nói, khóc ọ ẹ trong bồn, hồi lâu mới chết hẳn. Chao ôi! Lòng cha mẹ, tàn nhẫn đến ngàn ấy! Do vậy, tôi khuyên dân, đừng nên giết con gái, thoa gai cùng vấy vãi, chưa chắc khiến người nghèo. Nữ tánh hiền dịu nhất, yêu cha mẹ hơn trai. Con trai hay ra ngoài, gái thường quần mẹ cha. Trai phần nhiều ương bướng, gái luôn thuận cha mẹ. Trai hay thích chơi xa, gái luôn gần cha mẹ. Trai thường ít bi ai, gái luôn khóc cha mẹ. Gái có tâm hiếu thuận, thường cứu giúp mẹ cha. Nữ có chồng con tốt, thường rạng danh cha mẹ. Chẳng thấy cô Đề Oanh<sup>842</sup>, giúp cha thoát

---

<sup>842</sup> Vào thời Hán Văn Đế, có một danh y là Thuần Vu Ý, do phạm tội bị áp giải đến Trường An. Ông chỉ có năm đứa con gái, không có con trai. Năm cô gái khóc lóc muốn theo cha đến Trường An. Ông thất vọng nói: “Chỉ toàn con gái, chẳng có nửa móng con trai nào. Khi hữu sự, cũng chẳng có ai giúp đỡ”. Đứa con gái út là Đề Oanh nghe cha nói vậy, hết sức đau lòng, một mực theo cha đến Trường An. Cô viết thư cho vua, xin vua tha tội cho cha, cô sẽ vào hoàng cung làm nô lệ suốt đời để cho cha có cơ hội sửa chữa sai lầm. Hán Văn Đế bị tâm lòng hiếu thảo của Đề Oanh cảm động, tha cho Thuần Vu Ý. “*Nhục hình*” (肉刑) là các hình phạt nặng

nhục hình. Chẳng thấy cô Đường Hương<sup>843</sup>, cứu cha bèn chặn hồ. Đàm Thị mười tám tuổi, lo ma chay cho cha. Tào Nga<sup>844</sup> mười bốn tuổi, trầm mình kiếm xác cha. Thúc Tiên<sup>845</sup> cha chết đuối, đau xót ôm thây cha, lập lò trôi theo giòng. Mẹ nàng Viên tê bại, hỏa hoạn chẳng dậy được, nàng khóc, chẳng nở lìa, cam chịu thiêu cùng mẹ. Đời Tống, cô Trần Tam, cha mẹ nghèo kiết xác, ba chị em húp cháo, chuyên hái ấu đôi gạo. Mẹ chết, chẳng lấy chồng, dựng lều sống bên mộ, cho đến hết một đời. Đời Đường, Ngọc Hòa Tử, cha anh đều chết trận. Hòa Tử mới mười bảy, lặn lội tận biên cương, ăn xin, đưa xương về, bọc lụa là chôn cất, cắt tóc, hủy diện mạo. Rồi dựng lều bên mộ. Tiết lớn, vua

---

nhà, bao gồm Mặc (墨, xăm chữ kẻ tội vào mặt), Ty (鼻, cắt mũi), Phí (刖, chặt chân), Cung (宮, thiến), và Đại Tịch (大辟, tử hình).

<sup>843</sup> Đường Hương là một tấm gương trong Nhị Thập Tứ Hiếu, mười bốn tuổi, cô thường theo cha mót lúa. Khi hai cha con bị cướp tấn công, cô không có tác sát trong tay, chẳng đoái hoài tánh mạng, chỉ lo cho tánh mạng của cha, bèn xông tới, kẹp chặt cổ cướp. Cướp hoảng sợ, lùi mất.

<sup>844</sup> Tào Nga là người huyện Thượng Ngu, quận Cối Kê, sống vào thời Đông Hán. Cha cô ta là Tào Hu sống bằng nghề thầy cúng. Một hôm, Tào Hu đi cúng, ngồi thuyền đi té thần sông ở Thuận Giang. Vô ý, té xuống nước, chết mất xác. Tào Nga đi dọc theo sông khóc lóc suốt mười bảy ngày. Cuối cùng, cô nhảy xuống sông trầm mình. Vài ngày sau, xác cô nổi lên còn cõng xác cha trên lưng. Dân chúng thương xót lập đền thờ.

<sup>845</sup> Theo Liệt Nữ Truyện trong Đông Hán Thư, cô này có tên gọi đầy đủ là Thúc Tiên Hùng. Cha cô là Thúc Tiên Nê Hòa sống vào thời Hán Thuận Đế, từng giữ chức Công Tào tại huyện. Ông vâng lệnh quan trên đến gặp Thái Thú Ba Quận. Ngồi thuyền ra đi, do nước xiết, thuyền lật, bị chết đuối. Con gái ông là Thúc Tiên Hùng thương xót, khóc lóc không ngừng, muốn tự trầm theo cha. Người nhà canh giữ nghiêm ngặt, nên cô không làm gì được. Hơn một trăm ngày sau, thừa lúc người nhà lơ lửng, Thúc Tiên Hùng chèo thuyền đến chỗ cha chết đuối, khóc lóc đau xót, rồi gieo mình tự tử. Em trai cô được chị báo mộng sáu ngày sau sẽ đem xác cha nổi lên. Đến hẹn, quả nhiên xác hai cha con cùng nổi lên mặt nước ngay chỗ cô tự trầm. Huyện lệnh sai dựng bia kỷ niệm, lập đền thờ.

nghe biết. Xuống chiếu khen ngợi nàng. Hiếu thay nàng Tiêu Cơ! Cha mẹ chết đất khách, nàng mới mười sáu tuổi, đưa hòm về quê nhà. Nhà thuyền khinh con cô, giữa đường bỏ quan tài, giong thuyền đi mất hút. Nàng cùng một tỳ nữ, khoét đất, đào thành huyệt, [hòng chôn tạm song thân]. Nàng hủy hoại dung mạo, ngày đêm luôn buồn bã, dựng chòi bên mé nước. Hết tang, chẳng chịu rời. Cầu hôn, chẳng chịu gả, [đưa ra điều kiện rằng]: “Ai đưa hòm về quê, sẽ chịu theo làm vợ”. Quả nhiên lấy một người, đưa hòm về quê cũ, là lão úy<sup>846</sup> họ Dương, vốn là người Dương Xá. Cô Đồ ở Đông Ô, cha mù, tay chân vẹo, cơm ăn lo từng bữa, người thân với xóm giềng, đều cùng chẳng thềm ngõ. Cô bèn dời song thân, đến sống trong phùng dật, ở một chốn xa xôi. Ngày dẫn củi đổi gạo, đêm se gai thành sợi. Song thân hết tuổi thọ, đắp đất thành mộ phần, giữ mộ chẳng lấy chồng, chỉ vì không anh em. Gương xưa gái hiếu hiền, nhiều khó thể chép xuể. Quan lại hoặc tặng vàng, hoặc triều đình khâm thưởng. Có người làm phi tần, hoặc thành bậc phu nhân. Nếu giữ mạng con gái, con sẽ biết báo đền, chẳng hề thành ngõ nghich. Kính khuyên người thế gian, đạo trời sẽ báo đền, chớ bảo trẻ gái ngốc, oán hận chẳng biết báo. Chẳng xót mạng trẻ gái, mẹ cha sao dám chắc, giữ nổi mạng chính mình? Tuyệt

---

<sup>846</sup> Úy (尉) là một chức quan. Lão úy ở đây là một người làm quan đến chức Úy đã già. Không rõ Úy ở đây chỉ chức vụ nào, vì thời cổ, trong thời đại Xuân Thu, đã có các chức quan Quân Úy, Dư Úy. Từ đời Tần - Hán trở đi, có Thái Úy, Đình Úy, Đô Úy, Huyện Úy, Vệ Úy, Hiệu Úy v.v... đều gọi tắt là Úy. Nói chung đây là một chức quan võ; trong đó, Thái Úy lớn nhất, tương đương với Bộ Trưởng Quốc Phòng hiện thời.

tự, giảm tuổi thọ. Luật âm ty rành rành, đến khi bị đòi mạng, cần rồn chẳng thể kịp! Sao chẳng tròn mạng con, cốt nhục đều vui sướng!

“*Ẩn tịch*” (隱僻, ám muội) chẳng phải chỉ là một chuyện. Như gian trá, trộm cắp, tà dâm v.v... phạm những gì không thể cho trời biết, chẳng thể nói với người khác thì đều là [*“ẩn tịch”*]. Nhưng chuyện lớn nhất, ắt thuộc loại chuyện dâm uế; do vậy, đức Thái Thượng viết điều này vào sau [lời răn về chuyện] tôn hại con cái, phá thai là vì có lý do vậy.

Đời Minh, Mạo Khởi Tông nói: - Tại phía Bắc huyện Phù Lương, có Trương Minh Tam theo cha đến lý sở trấn nhậm tại Quỳnh Nhai. Dinh quan gần nhà Lý Chỉ Huy. Hai cô con gái họ Lý đều xinh đẹp, Minh Tam đều tăng tịu với họ. Đến khi trở về, [Minh Tam] ngầm đem cả hai cô giấu trong thuyền. Thuyền sắp ra biển, ông Lý đuổi theo rất gấp. Minh Tam túng kè, vội đẩy hai cô gái xuống nước. Mười năm sau, Minh Tam thất lưng đau buốt, đón thầy thuốc họ Tôn chữa trị. Thầy cắt thuốc vừa mới đỡ đau; đêm ấy, ông Tôn mộng thấy ở chỗ đánh cá nơi rặng mai trong làng, có hai người con gái lỏa lồ từ trong nước biển ngoi lên, nắm áo họ Tôn nói: “Bọn thiếp là người Quỳnh Nhai. Ông đến chữa bệnh cho thằng Trương, sao ông cố ý đoạt công của bọn thiếp?” Do đó, họ lôi ông Tôn vào nước. Ông Tôn kinh hoảng tỉnh giấc, mồ hôi tuôn đầm lưng. Đến sáng, [ông Tôn] kể với Minh Tam, Minh Tam đầm ngực, than thở: “Nghiep đã đến rồi, ta đã tới số rồi”.

Quả nhiên, hơn một tháng, hấn bèn chết. Đây chính là chuyện “*hành đa ần tịch*” (làm nhiều chuyện ám muội) giữa nam và nữ, [dẫn đến tình trạng] hứng chịu báo ứng lẫn nhau vậy. Như Minh Tam và hai cô gái, thoát đầu ngấm ngấm chung chạ, lại cùng nhau ngấm trốn đi. Rốt cuộc, hai cô gái chết bởi tay Minh Tam, mà Minh Tam lại chết bởi vong linh hai cô. Có thể nói là báo ứng tốt bậc xảo diệu, chẳng sơ sót. Đại để là gian dâm vợ và con gái [kẻ khác], gây tổn hại cho công danh của kẻ khác, hai chuyện ấy thuộc về hành vi ám muội nhiều nhất, tổn thương tình người và lý trời nhiều nhất. Vì thế, kẻ gian dâm vợ và con cái kẻ khác, vợ và con gái của chính hấn sẽ bị người khác dâm loạn. Kẻ tổn hại công danh của người khác, công danh của chính hấn ắt sẽ bị người khác làm hại! Tục ngữ có câu: “*Ám thất khuy tâm, thần mục như điện*” (Làm chuyện thiếu lương tâm trong phòng tối, mắt thần thánh sáng ngời như chớp), há chẳng nên răn dè ư?

*(Chánh văn) Hồi lạc ca vũ, sóc đán hào nộ, đối Bắc thể thóa cập nịch, đối tảo ngâm vịnh cập khốc.*

**(正文)晦臘歌舞，朔旦號怒。對北涕唾及溺，對竈吟咏及哭。**

*(Chánh văn: Ca múa vào cuối tháng, ngày lạc. Gào hét, giận dữ vào ngày đầu tháng hoặc sáng sớm.*

*Quay về hướng Bắc hỉ mũi, khắc nhỏ, và tiểu tiện. Đối trước bếp lò ca hát, khóc lóc).*

“*Hối*” (晦) là nguyệt hối (月晦, ngày cuối tháng), chính là ngày Tư Mạng Táo Quân tấu trình công và lỗi của người đời. “*Lạp*” (臘) là năm ngày Lạp, chính là ngày Ngũ Khí Thiên Quân<sup>847</sup> tụ họp để thẩm tra điều thiện lẽ ác của chúng sanh. Trong những ngày ấy, các vị thiên quân tụ về huyền đô<sup>848</sup>, suất lĩnh ba vạn sáu ngàn vị thần trong cõi âm và dương trần thuộc nhân gian, địa phủ, ngũ nhạc để so sánh, quyết định những chuyện thiện, ác, tội, phước, vinh diệu, tài lộc, tuổi thọ, cát, hung, sanh, tử v.v... của chúng sanh. Mỗi điều đều được ghi chép vào trong sổ sách. Ngày mồng Một tháng Giêng gọi Thiên Lạp, mồng Năm tháng Năm là Địa Lạp (tiết Đoan Ngọ), mồng Bảy tháng Bảy là Đạo Đức Lạp, mồng Một tháng Mười là Tuế Lạp (Dân Tuế Lạp), mồng Tám tháng Chạp là Hầu Vương (Vương

---

<sup>847</sup> Theo Đạo Giáo, Ngũ Khí Thiên Quân còn gọi là Ngũ Phương Ngũ Lão Thiên Quân. Năm vị này được coi là thần linh tối cổ, do thiên địa tự nhiên sanh thành, địa vị dưới Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng Thanh, và Ngọc Thanh), bao gồm Đông Phương Thanh Đế Thanh Linh Thi Lão Cửu Khí Thiên Quân, Nam Phương Xích Đế Đan Linh Chân Lão Tam Khí Thiên Quân, Trung Ương Hoàng Đế Huyền Linh Hoàng Lão Nhất Khí Thiên Quân, Tây Phương Bạch Đế Hạo Linh Hoàng Lão Thất Khí Thiên Quân, và Bắc Phương Hắc Đế Ngũ Linh Huyền Lão Ngũ Khí Thiên Quân.

<sup>848</sup> Huyền Đô (玄都) là cõi thần tiên, thường được gọi là Vô Thượng Huyền Cảnh. Theo Đạo Giáo, đó là nơi ở của Thái Thượng Lão Quân. Do vậy, có truyền thuyết cho rằng đệ tử đích truyền duy nhất của Thái Thượng Lão Quân được gọi là Huyền Đô Đại Pháp Sư. Có thuyết nói Vương Thiên Lão Tổ (Quỷ Cốc Tử) chính là Huyền Đô Đại Pháp Sư.

Hầu) Lạp. Phàm gặp những ngày ấy, vạn nhất phạm lỗi, một khi bị ghi vào sổ đen, há có thể chuộc tội ư? Huống chi Phong Đô Bắc Đế<sup>849</sup>, Thái Âm Thiên Quân<sup>850</sup>, cũng vào những ngày ấy, dẫn dắt tổ tiên, cha mẹ, quyến thuộc lâu đời của chúng sanh, cho đến các quỷ hồn bị giam kín trong ngục, tra hỏi họ đã ở trong âm ty thời gian bao lâu, cũng như tra hỏi nguyên do dẫn đến tích lũy tội lỗi, phần mộ đặt ở nơi nào, con cháu tên họ là gì. Đã có tên họ của con cháu, anh em, thân nhân, sui gia trong cửu tộc, [các vị thần tiên] sẽ liền nhóm họp lại để giao định, dùng những điều ấy để định đoạt tội trạng của chúng sanh. Nếu đã trải qua nhiều kiếp mà con cháu chẳng hề cầu siêu, chuộc tội, chắc chắn sẽ liên lụy đến thân nhân còn sống trong nhân gian. Huống hồ trong những ngày ấy, tiên linh quyến thuộc đều được phóng thích, ai nấy trở về nhà mình để thọ lãnh [con cháu] cúng quả. Kẻ làm con cháu, hãy nên nung cây đạo pháp để cúng quả, cầu siêu, cứu chuộc. Nếu mặc tình ca múa, sẽ mắc tội với trời đất, tổ tông. Như vậy thì trong các ngày hối, ngày Lạp, hãy nên truy tiến (追薦, cúng bái, cầu siêu, tưởng niệm), hay nên ca múa?

Ông Vu Ngọc Bệ nói: - “*Hối*” là ngày cuối của một tháng. “*Lạp*” là tận cùng của một năm. Trong những ngày ấy, mọi người hãy nên so lường công đức,

---

<sup>849</sup> Vị này có danh xưng đầy đủ Bắc Âm Phong Đô Đại Đế, là vị thần chủ quản cõi địa ngục theo Đạo Giáo.

<sup>850</sup> Thái Âm Thiên Quân còn gọi là Thái Âm Đế Quân, Thái Âm Nguyên Quân, hoặc Thái Âm Tinh Quân, chính là thần mặt trăng trong Đạo Giáo.



gắng chí tán tu. Do đó, tổ sư đã khuyên mọi người như sau: “*Nếu chẳng chuẩn bị thấu triệt sẵn sàng, ngày Ba Mươi tháng Chạp xảy đến, chắc chắn sẽ là một hồi nao nhiệt*” (Ý nói người mất tay chân luống cuống, hoang mang; họ hàng quyến thuộc bàng hoàng, nháo nhào, càng khiến cho vong linh mê loạn hơn).

Lại nói: - Hỡi các vị ơi! Hãy thử kiểm điểm chính mình, xét xem từ trẻ đến già, từ sống đến chết, [tâm ta] đã hòa lẫn cùng trần lao nghiệp thức thành một khối, biến thành một bầu hỗn loạn. Rốt cuộc là kết quả như thế nào? Có ai quay đầu suy nghĩ hay chăng? Bỗng dưng ba tác khí đứt đoạn, mắt nhắm tịt lại, chỉ là một thân hồn vắn vơ theo nghiệp chịu báo! Há chẳng phải là sống uổng chết phí ư?

Trong Cảnh Lão Nghi Thức (nghi thức cảnh tỉnh về tuổi già) của ngài Vân Thê (Liên Trì đại sư), đối với mỗi ngày cuối tháng, Ngài đã dạy đại chúng: “*Mạng người vô thường, ngắn ngủi trong hơi thở. Ví như cá bơi trong nôi, khoảnh khắc bỗng bị nấu chín như. Đền ở trước gió, sát-na tắt phụt. Huống hồ thân này chẳng lâu dài, ắt đến cửa tử. Nẻo đường phía trước mịt mờ, chẳng biết về đâu? Há chẳng nên dừng mãnh tỉnh ngộ vô thường, dè dặt, kinh sợ, gắng sức buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật*”. Tổ sư rất miêng khuyên người như thế, há có nên làm chuyện ca múa trong ngày cuối tháng ư?

Có một nhà giàu sụ ở Hoài Âm, bình sanh giữ mình cẩn thận, giao tiếp khiêm tốn, nhu hòa. Mỗi dịp mùng Một, ngày Rằm, ngày Lạp, đều đọc tụng phạm kinh (kinh Phật), lễ bái thần kỳ, từ đầu tới cuối chẳng bỏ sót. Khi ấy gặp đúng ngày Thiên Lạp vào hôm Nguyên Đán (mùng Một Tết), có một đứa tiểu nhân cậy men rượu để nhục mạ, người nhà giàu đóng cửa, không màng tới. Người nhà và hàng xóm chung quanh đều chẳng nhin nôi. Phú ông nói: “Đang trong lúc lễ Tết, có ai mà chẳng uống rượu. Say sưa rồi phát cuồng là thói thường của con người. Nếu so đo với kẻ ấy, lẽ nào chẳng phải là thiếu độ lượng ư?” Do một lời ấy, cảm động thần kỳ. Đêm hôm ấy, ông nằm ngủ, mộng thấy đến một chỗ, gặp một người đội mũ vàng, áo tía, bảo: “Trong ngày Thiên Lạp, người có thể nhần điều người khác chẳng thể nhần. Thượng Đế khen ngợi, ban cho người phước thọ, con cháu của người đời đời có mũ áo (làm quan)”. Ông bỗng bị người nhà đánh thức. Về sau, quả nhiên hưởng thọ ngoài tám mươi, hai con trai và một cháu đều do thi đậu Minh Kinh mà được bổ làm quan. Đến nay, lớp chắt chít đều không ngớt nôi danh học rộng, đỗ đạt. Đây chính là [phước báo đạt được] do biết phản tỉnh bản thân trong ngày Hối, ngày Lạp vậy. Những kẻ trong những ngày ấy cuồn vọng kêu gào, ca múa, mặc sức rượu chè phóng đảng, đã mạo phạm giới luật của cõi trời, ắt đã đánh mất cái tâm tu tỉnh, thật sự đáng bị tiêu ma phước lộc, giảm bớt tuổi thọ. Hãy nên răn dè!

Cơ sở để tính một tháng là ngày mùng Một. Cơ sở để tính mỗi ngày là buổi sáng. Nhâm lúc ấy đúng là lúc hãy nên lắng đọng tâm tư, thanh tĩnh hòng phù hợp với chân lý trong thiên đạo. Nếu gào thét, tức giận, trược khí sẽ từ gan bốc lên, chân khí sẽ theo tiếng hét mà tan mất. Do vậy, tâm thần hôn ám, khí ô trược, thiện niệm tiêu diệt. Có bài thơ cổ như sau: *“Nhất thiết chư phiền não, giai tùng bất nhĩn sanh. Lâm cơ như đối kính. Diệt xử tại quang minh. Phật ngữ câu vô tránh. Nho thư quý bất tranh. Hảo điều khoái hoạt lộ. Thế thượng thiếu nhân hành”* (Hết thấy các phiền não, do chẳng nhĩn mà sanh, gặp chuyện như soi kiếng, quang minh khéo ở yên. Phật dạy đừng cãi cọ, sách Nho trọng đừng tranh, một nẻo đường vui sướng, cõi đời ít kẻ theo). Kinh Phật dạy: *“Sân là căn bản khiến cho các pháp lành bị mất đi, là nhân duyên khiến đọa vào các ác đạo”*. Trong khi tức khí, đừng để cho cơn giận tăng trưởng; bởi lẽ, gào thét, tức giận đã tạo phiền lụy quá đỗi cho con người, trong ngày thường vẫn phải nên cẩn thận, hướng hô là ngày mùng Một hay sáng sớm ư?

Vợ của Trần Anh là Triệu Thị tánh hung tợn, thích tranh chấp, gặp ngày mùng Một, mụ ta càng quá quắt hơn nữa. Những ai lui tới nhà ấy, chỉ nghe tiếng gào thét, giận dữ chửi bới không ngớt. Bỗng có một đạo nhân tìm tới. Mụ ta hỏi: “Người tới làm chi vậy?” Đáp: “Bán linh đan. Uống vào sẽ trường sanh”. Mụ ta thích lắm, mua rồi nuốt ngay, [thế là] câm luôn!

Đời Hán, mẹ của quan Tư Không Đệ Ngũ Luân do già cả không thể theo ông đến nhiệm sở làm quan. Mỗi dịp cuối tháng, ngày Lạp, mùng Một, ngày Rằm, ông Luân thường buồn nhớ, tuân lệ, lạy trời cầu thọ cho mẹ. Ôi! Bậc quân tử thuở xưa cảm khái trước thời tiết, tưởng nhớ mẹ dường ấy. Những kẻ ca múa, gào thét, giận dữ, cũng chẳng biết họ nghĩ gì? Huống chi, trong phần trước đã nói hết sức tường tận về chuyện tưởng nhớ, cúng bái, siêu độ tổ tiên, há chẳng tỉnh ngộ đôi chút ư?

Phương Bắc là chỗ ngụ của Bắc Đẩu Tinh Quân. Bắc Cực là chỗ then chốt của cõi trời. Vạn linh, các vị thiên chân (thần tiên) trong tam giới mười phương đều thuộc quyền quản hạt của Ngài. Do vậy, Trung Thiên Đẩu Cực được xưng là Chí Tôn. Thế thì chỗ cư ngụ của đẳng tôn quý há có nên xúc phạm, ô uế ư? Xét theo lẽ, con trai, con dâu chẳng được khạc, nhổ, phun nước miếng bên cạnh cha, mẹ, bố mẹ chồng, [vì làm như vậy] là bất kính; huống hồ đối với phương Bắc là chỗ cư trụ của thần ư! Hỉ mũi, khạc nhổ còn chẳng được, há có thể tiểu tiện ư?

Ở đất Ngô có kẻ ban đêm thức dậy, trần truồng, hướng về phương Bắc tiểu tiện. Bỗng thấy cờ đen rợp trời, đức Chân Vũ hiện thân, [kẻ ấy hoảng hốt] bò vào cửa, nằm bệnh suốt mấy tháng; sám hối mới lành bệnh. Kinh Trường Sanh nói: *“Mùa Xuân ở phương Đông, mùa Hạ tại phương Nam, mùa Thu tại phương Tây, mùa Đông tại phương Bắc. [Đối với] những phương*

*hương như sách Nguyệt Lệnh đã chỉ ra [mà xúc phạm, ô uế], sẽ đều là phạm tới chuôi sao Bắc Đẩu, sẽ bị giảm thọ nhanh chóng nhất”.* Nhìn từ chỗ này, các phương vị đều có răn cấm, không chỉ là phương vị Chánh Bắc!

Họ Tiên ở Thường Thục là một họ lớn. Trong niên hiệu Chánh Đức (thời Minh Vũ Tông), bị hỏa hoạn lớn, ba ngày mới tắt. Trong đám tro tàn, chỉ riêng ba gian tiểu lâu còn nguyên. Đây chính là nhà của Tiên Tiều Tứ. Mẹ chồng và con dâu là hai bà góa, cùng ở trên đó. Gặp lúc lửa hùng hực thiêu đốt bốn phía, hai người quần bách, không có cách nào trốn thoát được, do thường ngày thờ phụng Bắc Đẩu, họ chỉ biết khấu đầu cầu cứu. Bỗng dung thấy bảy người mặc áo đỏ, đứng dưới mái hiên, vung tay áo xua lửa, lửa theo tay họ tản ra. Do vậy, mẹ chồng và con dâu không sao, nhưng bốn phía chẳng còn sót lại một cái rui kèo nhà nào. [Do chuyện này] cả một vùng được cảm hóa, đều thờ phụng Bắc Đẩu. Phàm những ai tôn sùng Bắc Đẩu đều được kéo dài tuổi thọ, trừ bệnh, mạng vận bình yên, thoát tai nạn, được hưởng phước, giòng dõi tiếp nối dài lâu. Nước, lửa, trộm cướp, yêu, ma, quỷ quái, ôn dịch, các thứ ấy đều chẳng xâm hại, [những điều lợi ích] chẳng thể gập ngón tay để tính đếm trọn hết. Ở đây, chỉ nêu một trường hợp để suy ra những điều còn lại. Điều trọng yếu là làm lành thì mới có thể cảm ứng cõi trời. Người có thể biết như thế, há có chuyện hướng về phương Bắc mà khạc, nhổ, tiểu tiện ư?

Hoàng Đế Táo Kinh chép: “*Không được đối trước cửa lò mà ca hát, ngâm vịnh, khóc lóc, chải rửa, quét tháo. Phàm ngâm vịnh và khóc lóc, tuy buồn vui khác nhau, nhưng đều là khinh mạn thần, ắt bị giảm lộc, giảm thọ*”. Và nữa, người thời nay ở trước mặt quan phủ, còn chẳng dám lớn tiếng nói bừa, sao lại riêng đối với thần bèn chẳng kiêng dè vậy thay? Bọn ngu phu ngu phụ hãy nên hết sức răn dè, còn như do kính trọng mà được phước, do khinh nhờn mà mắc họa thì trong phần trước đã nói rõ ràng rồi!

*(Chánh văn) Hựu dĩ tảo hỏa thiêu hương, uế sài tác thực, dạ khởi lửa lộ, bát tiết hành hình.*

**(正文)又以灶火燒香。穢柴作食。夜起裸  
露。八節行刑。**

*(Chánh văn: Lại còn dùng lửa từ bếp lò để châm hương. Nấu thức ăn bằng củi dơ. Ban đêm thức dậy, thân thể lỏa lồ. Hành hình nhằm tám ngày Tiết).*

Theo Thiên Sư Môn Hạ Khoa Lệnh, lửa vùi dưới tro nơi đáy bếp lò được gọi là Phục Long Thi (伏龍屎, phân của rồng nằm ẩn); do vậy, chẳng thể dùng để thắp hương. Tôi từng trộm đọc giáo điển, [biết] những điều kiêng kỵ trong nhang đèn lại không chỉ là một chuyện

này. Như chẳng thể dùng giấy bồi xoắn lại thắm căn dầu để [làm môi lửa] đốt giấy [tiền vàng bạc]. [Giấy tiền vàng bạc đốt kiểu đó] gọi là “*uông tích lập tiền*” (tiền sáp bị chất chứa oan uông). Tại Đông Nhạc, [loại tiền vô dụng ấy] chất chứa như núi, các ty sở âm dương trong trời đất đều chẳng tiếp nhận. Lại như cúng dường Chân Vũ (Huyền Thiên Đại Đế, Huyền Vũ Đại Đế), vào tháng mùa Hạ không thể dùng quả mận, tháng mùa Đông chẳng thể dùng thạch lựu. Thỉnh cầu bậc thượng chân (chân tiên) giáng hạ, không thể đốt nhũ đầu hương<sup>851</sup>. Đàn hương được gọi là dục hương (浴香, hương để tắm), hoa nguyệt quý<sup>852</sup> được gọi là Bất Thời Hoa (hoa chẳng đúng thời), hoa kim đồng (金桐) được gọi là Quỷ Hoa. Những thứ ấy đều nên tránh dùng. So với chuyện chẳng tránh né để rồi tự mạo phạm [mà chuốc lấy tội lỗi], sao bằng tuân theo, kính trọng giáo pháp ấy?

---

<sup>851</sup> Nhũ Đầu Hương, còn gọi là Nhũ Hương (frankincense), Ma Lặc Hương, Mã Vĩ Hương, Tháp Hương, Tây Hương, Thiên Trạch Hương... Loại hương này chính là chất nhựa trích từ các loài cây thuộc họ Boswellia.

<sup>852</sup> Nguyệt Quý (月季) ở đây là một loại hoa hồng, có tên khoa học là Rosa Chinensis, có màu từ hồng cho tới đỏ đậm. Loại hoa này mọc nhiều ở Quý Châu, Hồ Bắc và Tứ Xuyên. Tùy theo vùng mà hoa này còn được gọi là Nguyệt Nguyệt Hồng, Nguyệt Nguyệt Hoa, Trường Xuân Hoa, Canh Thân Tường Vi v.v... Loài hoa này có nhiều chủng loại, nổi tiếng nhất là Mai Khôi (Rosa Rugosa), Hoàng Thử Khôi (Rosa Xanthira), Thu Thủy Nguyệt Quý (Rosa Odorata). Cánh hoa dùng làm thuốc, chế tinh dầu, nhất là chi hoa Mộc Hương Hoa (Rosa Banksiae). Loài hoa này hoàn toàn không phải là hoa Nguyệt Quới như thường thấy ở Việt Nam.

Chư Kinh Yếu Tập<sup>853</sup> nói: - Do Sự mà ngộ Lý, ắt phải nhờ vào tướng để dẫn đến lẽ chân thật. Chiêm ngưỡng thánh dung, cấy vào hương, hoa để cúng dường, phụng trì. Đức Phật dạy: *“Sau khi Như Lai diệt độ, nếu lại có người dùng một đóa hoa, một nén hương để cúng dường, lấy một vốc nước, trừ bỏ những thứ bất tịnh, nhấc chân một bước, đến trước chư Phật, xưng nam-mô Phật một tiếng, nếu người ấy đọa trong ba ác đạo thì chẳng thể có chuyện ấy”*. Tịnh Danh Sớ chép: *“Hương là danh xưng là uế, có tác dụng thơm ngát lan tỏa”*. Cảm Thông Truyện<sup>854</sup> chép: *“Mùi hôi thối trong nhân gian, xông lên hư không bốn mươi vạn dặm. Chư thiên thanh tịnh, không vị nào chẳng chán ghét, nhưng do tiếp nhận lời phó chúc của đức Phật mà hộ trì Phật pháp. Đức Phật còn ở chung với con người, chư thiên chẳng dám không đến. Vì thế, trong Phật pháp, dùng hương làm Phật sự, đáng gọi là bậc nhất”*. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Trong Thiện Pháp Thiên, có loại hương tên là Tịnh Trang Nghiêm. Nếu đốt một hoàn để xông, sẽ khiến cho khắp các chư thiên đều dốc lòng niệm Phật”*. Như vậy thì dùng lửa bếp để thắp hương chẳng đáng kiêng tránh ư?

---

<sup>853</sup> Chư Kinh Yếu Tập, còn gọi là Thiện Ác Nghiệp Báo Luận, do ngài Đạo Thế vào đời Đường biên soạn, trích lục những phần trọng yếu trong Tam Tạng về vấn đề thiện, ác nghiệp báo. Bộ sách này mang tánh chất tự điển Bách Khoa giống như bộ Kinh Luật Dị Tướng do ngài Bảo Xướng biên soạn vào đời Lương.

<sup>854</sup> Cảm Thông Truyện còn gọi là Đạo Tuyên Luật Sư Cảm Ứng Lục, hoặc Luật Tướng Cảm Thông Truyện do ngài Đạo Tuyên biên soạn vào đời Đường. Do ngài Đạo Tuyên hành trì giới luật tinh nghiêm, cảm được một vị trời giáng xuống, phụng sự, cùng Ngài vấn đáp về giới luật. Những vấn đề hỏi đáp ấy được tập hợp thành bộ sách này.



Đời Tống, Châu Khai Sơn tụng kinh Hoa Nghiêm; lại có một vị Tăng có thể tụng Kim Cang. Hai người chết đột ngột cùng một lúc. Vua cỗi âm mời Khai Sơn tụng kinh, hết sức lễ kính. Lại mời vị Tăng tụng kinh Kim Cang, tâm chẳng hết sức cung kính. Tụng xong, vua nói: “Do công đức tụng kinh, hai vị Tăng đều được tăng thọ hai mươi bốn năm. Vị trì kinh Hoa Nghiêm, càng hết sức đáng nên kính trọng, mai sau sẽ chẳng đến chỗ ta!” Khi ấy, vị Tăng tụng kinh Kim Cang tâm hết sức hồ thẹn. Do vậy, hỏi chỗ ở của Khai Sơn, nguyện sẽ đến bái phỏng. Tỉnh lại, vị Tăng liền đến Lộ Châu, tìm đến thăm Khai Sơn. Hỏi nguyên do, Khai Sơn đáp: “Mỗi lần tụng kinh, ắt y phục tinh khiết, dùng nước thơm rửa dọn tịnh thất. Sau đó, lấy lửa xẹt từ đá [lửa], hoặc lửa do dùi gỗ mà có để đốt hương, tâm nghiêm túc chú nguyện, mở miệng [tụng niệm với thái độ cung kính] giống hệt như đối trước Phật, chưa hề dám biếng nhác, ơ hờ! Nếu chẳng có loại lửa thanh tịnh ấy, quyết chẳng dám khinh thị dùng loại lửa khác để thắp hương”. Vị Tăng tụng kinh Kim Cang cảm tạ, nói: “Tôi có tội. Mỗi lần tôi tụng kinh, liền dùng lửa bếp để thiêu hương. Do chuyện này, tôi đã bất kính nhiều lắm”. Bởi lẽ, thắp hương nhằm biểu lộ tâm cung kính, ắt phải thanh khiết, ắt phải thanh tịnh thì mới có thể thiêu hương. Vạn nhất bếp lò đốt củi dơ bẩn, dùng lửa ấy để đốt hương, tức là cái tâm kính trọng ngược ngạo biến thành khinh nhờn; vì vậy, đức Thái Thượng răn dạy.

Củi tuy đốt dưới đáy nồi hay vạc [để nấu thức ăn], nhưng hơi khói thật sự bốc lên, huân ướp [thức ăn]. Củi

bẩn bất tịnh, có mùi hôi bẩn, đáng chán ghét, xúc phạm ông Táo. Đó là một điều chó nên. Đã dùng [củ bẩn] để nấu thức ăn, chẳng tránh khỏi dùng những món ấy để cúng tế; đó là hai điều chó nên. Hơi khói xông lên tận hư không, dễ khiến cho thần thánh tức giận; đó là ba điều chó nên. Người nấu thức ăn phải nên hết sức kiêng tránh!

Năm Chánh Hòa thứ bảy (1117) nhà Tống, Lý Bát bị bệnh cùi đã ba năm, trăm loại thuốc chẳng chữa lành. Thoạt đầu, chàng Lý chưa bị bệnh, đã tụng kinh Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát đủ ba tạng<sup>855</sup>. Một hôm, bỗng có một vị Tăng đến, cho một hoàn thuốc bảo uống. Họ Lý chân chừ giữ lại, chẳng chịu uống ngay. Đêm ấy, mộng thấy vị Tăng đã cho thuốc bảo: “Ta chính là Quán Thế Âm. Do người thường ngày dùng củ bẩn để nấu ăn, xúc phạm quỷ thần. Vì thế, mắc chứng bệnh phong này. Lại do người từng tụng kinh đến ba tạng, đặc biệt ban cho người một viên thuốc cứu khổ. Sao người không uống?” Chàng Lý đã tỉnh giấc, liền lấy thuốc uống. Sau bảy ngày, da nơi toàn thân tróc hết, râu và tóc mọc lại. Củ bẩn xúc phạm thần thánh, cố nhiên đáng nên kiêng tránh. Còn như [sử dụng] thân hoặc cành cây đào, cây liễu để làm củ thổi nấu thì cũng xúc phạm đến Táo

---

<sup>855</sup> Theo lệ xưa, một tạng là 5.048 bộ. Cứ tụng hết toàn bộ một bản kinh, bất luận kinh dài hay ngắn đều gọi là một bộ. Chẳng hạn tụng trọn bản kinh Kim Cang thì gọi là tụng một bộ Kim Cang. Tụng hết mười ba phẩm của kinh Địa Tạng thì cũng gọi là tụng một bộ Địa Tạng, tụng hết hai mươi tám phẩm kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì gọi là tụng một bộ Pháp Hoa. Khi nào tụng đủ số 5.048 bộ như thế thì gọi là tụng được một tạng. Như vậy, ông Lý Bát đã tụng  $3 \times 5.048 = 15.144$  bộ Đại Bi Quán Âm Kinh.

Quân. [Đối với] những điều cảm kị trong kinh Đạo Giáo, cũng phải nên biết.

Bậc chánh nhân quân tử, ở chỗ sáng thì sợ người, ở chỗ tối tăm thì sợ thần. Vì thế, dầu ở trong nhà tối, hoặc chỗ kín đáo không ai thấy, nghiêm nhiên như đối trước thần minh. Hơn nữa, thần minh ngự tại chỗ tối tăm, kín đáo, vốn chẳng có chỗ nào không đến, mà đêm thuộc về âm, lại là lúc chư thần tụ hội xét soi, há nên không cẩn thận để rồi tự chuốc lấy tội lỗi hung họa ư?

Ở Bành Thành có một cô gái con quan, lấy chồng chưa đầy một tháng, vô duyên vô cớ phát cuồng, trần truồng chạy cuồng lên, trợn chẳng biết hổ thẹn. Thuốc men, cầu khẩn đều chẳng thể chữa lành. Khéo sao, Trương Chân Nhân<sup>856</sup> trở về kinh đô, chủ nhân dâng thư thưa trình. Chân Nhân sai đệ tử dùng bùa để trị. Người ấy [vừa tác pháp liền] lão đảo lùi bước, còn cô gái cứ cuồng dại lỏa lồ như không! Chân Nhân bèn tự đến làm pháp, triệu thỉnh thần tướng hiện hình trong đàn. Huyền Đế (Huyền Thiên Thượng Đế) vừa giáng hạ, cô gái ấy mới thay đổi nét mặt nói: “À đàn bà thường dân này nửa đêm trần truồng, phạm đến thần tướng của ta, đáng bị giết chết, còn làm phiền bậc thượng chân ngự tới, nên đã tha cho nó”. Cô ta nói xong, đột ngột ngã nhào xuống đất, bèn lành bệnh.

---

<sup>856</sup> Trương Chân Nhân ở đây là Trương Khôn Hạc, sống vào thời Đạo Quang nhà Thanh. Năm hai mươi ba tuổi, ông quy y với Đoàn Chân Nhân ở Văn Xương Các, tu tập Đạo Giáo, đạt thành tựu to lớn.

Lập Xuân, Xuân Phân, Lập Hạ, Hạ Chí, Lập Thu, Thu Phân, Lập Đông, Đông Chí là tám tiết. Trong những ngày ấy, chư thiên, các vị thần tiên, chân tiên chia nhau hóa độ trọn khắp, dạy bảo, cứu độ quần sanh, ghi chép rành rẽ từng điều tội phước. Mọi người hãy nên thanh tịnh, hòa bình, giữ lòng phản tỉnh, xem xét [chính mình hòng] tăng thêm điều lành, trừ bỏ điều ác, noi theo đường chánh, từ bỏ lẽ tà, ngõ hầu ứng hợp với tâm lòng khai thị, độ thoát của đức Thái Thượng và các vị chân tiên. Kẻ hành hình sao không kiêng dè mà dám làm như thế ư? Tồn thương hòa khí trong trời đất, tồn phước của chính mình và gia đình không gì quá đáng hơn nữa! Chớ nên không kiêng tránh!

Năm Vũ Đức thứ ba (620), Đường Cao Tổ xuống chiếu [quy định]: “*Trong các tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín và trong mười ngày trai, không được hành hình*”. Lại nữa, theo quy định chung của triều đại trước, vào ngày mùng Một mỗi tháng, cấm hành hình [tội nhân], giết mổ [súc vật]. Trong mỗi ngày tiết, thì giảm bớt hình phạt. Đây cũng là một điều thuộc về lòng nhân của hoàng đế vậy. Nay những kẻ cai trị dân có từng thấu hiểu [tâm lòng ấy] hay chẳng?

Đời Đường, Đậu Quỹ là anh họ của Thái Mục Hoàng Hậu<sup>857</sup>, làm Đô Đốc tại Lạc Châu, tánh tình

---

<sup>857</sup> Thái Mục Hoàng Hậu (569-613) họ Đậu, sử không chép rõ tên, chỉ ghi bà là con gái của Thượng Trụ Quốc Đậu Nghị nhà Bắc Châu và Tương Dương Công Chúa (con gái của Vũ Văn Thái, tức con gái của Bắc Châu Thái Tổ Văn Hoàng Đế). Bà là vợ của Lý Uyên (Đường Cao Tổ). Bà xinh đẹp, thông minh, thông thạo binh thư. Ngay từ lúc bốn tuổi, bà đã khiến cho cậu là Bắc Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) kinh

cứng cỏi, nghiêm khắc, ưa giết chóc, đã hành hình nhiều nho sĩ và thường dân. Hễ gặp những vụ án đã phán quyết [tử hình], dầu gặp thàng [triều đình hạ lệnh] thân nhật chôn cất tử thi, hoặc lúc [vua xuống chiếu] giảm nhẹ tù đầy, bỏ gông cùm (giảm án), ông ta đều chẳng ngưng hay giảm bớt sự hành hình. Ông ta còn hại chết Thượng Thư Vi Vân Khởi. Năm Trinh Quán thứ hai (628), ông ta bị bệnh nguy ngập, bỗng tự nói có người cho ông ta ăn dưa. Kẻ hầu chung quanh thưa “chẳng có”. Đậu Quỹ nói: “Một mâm dưa ngon, sao lại bảo chẳng có?” Chốc lát, ông ta kinh hãi nhìn chòng chọc, kêu lên: “Chẳng phải là dưa, toàn là đầu người, đến đòi mạng ta”. Lại kêu: “Mau đỡ ta dậy để gặp Vi Thượng Thư”. Nói xong, chết ngắc. Hành hình trong tám ngày tiết, không chỉ là nói về chuyện giết chóc, dầu là đánh đập cũng chớ nên! Khoan từ nhân hậu hay tàn nhẫn chỉ cậy vào một niệm chuyển dời, [kết quả là] tai biến hay cát tường khác biệt vời vợi một trời một vực. Kẻ làm quan hay người chủ trì gia đình đều phải nên kiêng dè cẩn thận!

---

ngạc khi khuyên cậu phải sủng ái công chúa A Sử Na người Đột Quyết, hãy nên tấn phong A Sử Na làm Hoàng Hậu, vì nhà Châu còn có hai địch thủ đáng gờm là Bắc Tề và Nam Trần. Nếu sủng ái A Sử Na, nhà Châu sẽ có một lực lượng hùng mạnh là Đột Quyết làm hậu thuẫn. Bắc Châu Vũ Đế hết sức tán thưởng sự phân tích sáng suốt của cô cháu gái, hết sức khâm phục trí thông minh của cô. Khi bà mười tám tuổi, cha bà là Đậu Nghị kiên quyết chỉ gả bà cho người xứng đáng. Đậu Nghị cho vẽ hai con chim Khổng Tước lên bình phong, ai đến cầu hôn thì phải bắn trúng hai con chim ấy trong một phát tên, chỉ có Lý Uyên là thành công. Do vậy, bà lấy Lý Uyên. Bà qua đời trước khi Lý Uyên lên ngôi hoàng đế. Về sau, dù Lý Uyên có nhiều phi tần, không bao giờ lập người khác làm Hoàng Hậu. Bà là mẹ đẻ của Lý Kiến Thành, Lý Thế Dân (Đường Thái Tông), Lý Huyền Bá, Lý Nguyên Cát và Bình Dương Chiêu Công Chúa.

*(Chánh văn) Thóa lưu tinh, chỉ hồng nghê, triếp chỉ tam quang, cứu thị nhật nguyệt.*

**(正文)唾流星。指虹霓。輒指三光。久視日月。**

*(Chánh văn: Hướng về sao băng khạc nhổ, chỉ trỏ cầu vồng, bộp chộp chỉ trỏ tam quang, nhìn mặt trời, mặt trăng thật lâu).*

Tinh tú ở trên trời xoay chuyển qua các cung [hoàng đạo], liên quan gì đến con người mà khạc nhổ để làm gì? Có kẻ ngu còn xằng bậy nói [tinh tú vận chuyển] là yêu quái, [hướng về chúng] phun nước bọt [nhằm biểu lộ] sự hết sức chán ghét! Những lời lẽ ấy đúng là xuất phát từ những lời bịa đặt vô căn cứ. Nếu dân chúng thất đức, trời ắt hiện bày sự chuyển biến. Sao chổi bay xẹt qua thật là do chính mình chuốc vời, chính mình hãy nên kính sợ, tu tỉnh, tạo lập đức hạnh để giải trừ tai nạn; há có nên phỉ nhổ [tinh tú] hay chẳng? Do Tống Cảnh Công nói ba câu tốt lành mà tai tinh Huỳnh Hoắc<sup>858</sup> lui mất. Sự cảm ứng do tu đức vàng vạc chẳng dối vậy!

---

<sup>858</sup> Huỳnh Hoắc (熒惑) chính là Hỏa Tinh. Theo Lã Thị Xuân Thu, phần Quý Hạ Kỷ, vào thời Tống Cảnh Công (Tứ Đầu Loan), Hỏa Tinh xâm phạm sao Tâm, đầy

Trắng lẫn đỏ là Hồng (虹, cầu vòng), trắng lẫn xanh là Nghê (霓)<sup>859</sup>. Đây chính là khí âm và dương giao tiếp. Kinh Thi nói: “*Đế Đông tại Đông, mạc chi cảm chi*” (Cầu vòng mọc ở phương Đông, không ai dám chỉ trỏ). Sách Xuân Thu Vận Đầu Xu<sup>860</sup> chép: “*Tinh tú tản mát là Hồng. Hãy nên biết cầu vòng thật sự là khí thừa của sao Bắc Đẩu được biểu hiện rất rõ rệt bằng hình sắc*”. Vì thế, xưa kia Khổng Tử biên soạn xong kinh Xuân Thu và Hiếu Kinh, bèn tấu trình Bắc Đẩu. Ngay khi ấy, có cầu vòng màu đỏ giáng hạ và

---

là điềm bất tường. Vua sợ hãi, triệu quan Thái Sử Tử Vi vào thương nghị. Tử Vi nói: “Huỳnh Hoắc là hình phạt của cõi trời, sao Tâm thuộc phạm dã nước Tống. Vua sẽ mắc họa, nhưng có thể dời hiềm họa ấy sang Tề Tương”. Vua đáp: “Tề Tương là người giúp ta cai trị đất nước, ông ta bị chết, sẽ là điềm bất tường”. Tử Vi lại nói: “Có thể chuyển họa sang dân chúng”. Vua nói: “Dân chết thì trầm làm vua với ai? Thà là một mình ta chết”. Tử Vi lại nói: “Có thể chuyển thành mất mùa”. Vua lắc đầu: “Mất mùa thì dân đói. Dân bị đói ắt chết, làm vua của dân mà giết dân để chính mình được sống, ai còn coi ta là vua? Mạng quả nhân cố nhiên đã tận rồi, người chẳng cần phải nói nữa!” Tử Vi sắp rời đi, lại lạy vua, thưa: “Thần dám chúc mừng bệ hạ, trời ở trên cao, nhưng nghe thấu dưới thấp. Do ba lời đức hạnh cao tốt của bệ hạ, trời cao ắt sẽ ban thưởng bệ hạ ba điều. Tồi nay, sao Huỳnh Hoắc sẽ lùi lại ba cung. Vua sống thọ thêm hai mươi một năm”. Về sau, quả nhiên đúng như vậy.

<sup>859</sup> Tuy gọi tên khác nhau, nhưng đều là cầu vòng. Ánh sáng chiếu qua một viên nước nhỏ, bị khúc xạ thành bảy màu là đỏ, cam, vàng, xanh lá cây, xanh dương, chàm (indigo) và tím, phản chiếu lên bầu trời, tạo thành hình vòng cung. Khi màu đỏ ở ngoài, màu tím ở trong cùng thì gọi là Hồng, hoặc Hùng Hồng (cầu vòng đực). Khi màu đỏ nằm ở phía trong cầu vòng, màu tím ở ngoài cùng, thì gọi là Nghê, hoặc Thư Hồng (cầu vòng cái). Lời chú giải nói “*trắng lẫn đỏ*” là nói tới rìa ngoài của cầu vòng in trên nền trời màu trắng.

<sup>860</sup> Xuân Thu Vận Đầu Xu là một bộ sách bói toán có tên gọi chính xác là Xuân Thu Vỹ Vận Đầu Xu do các nhà Dịch học thời Hán viết về thuật bói toán, chiêm tinh, chiêm nghiệm thiên tượng (những biểu hiện trên bầu trời) dựa theo các ý nghĩa trong kinh sách của Nho gia, thường gọi chung là Vỹ Thư. Nội dung của Vỹ Thư bao gồm kiến thức về thiên văn, lịch pháp, địa lý v.v... kể cả những thần thoại.

hoàng ngọc khắc văn<sup>861</sup>. Ai nói cầu vòng chẳng phải là khí thừa của sao Bắc Đẩu? Nếu chỉ trở, làm sao vô tội cho được?

Mặt trời, mặt trăng, và tinh tú là “*tam quang*”, còn gọi là “*tam thân*” (三辰). [Tam quang] được phân bố trên bầu trời nhằm chiếu soi thiên hạ, hòng nêu dạy pháp tắc. Đức Thái Thượng nói: “*Nếu thấy mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, Bắc Đẩu, Nam Đẩu, ắt trịnh trọng dập đầu, cầu xin che chở, ắt sẽ được dung thứ tội khiên. Chớ nên khinh mạn, kéo chuốc lấy ương lụy*”. Trong Đạo Tạng (Đại Tạng Kinh của Đạo Giáo), dạy mọi người hiến tế mặt trời, mặt trăng. Ngày mùng Một tháng Hai mỗi năm chính là ngày tế mặt trời; ngày Rằm tháng Tám, tế mặt trăng. Hãy nên sắm sửa hương, hoa, cỗ chay, lễ bái, cầu đảo để báo ân, [làm như vậy] sẽ khiến cho con người tăng phước, kéo dài tuổi thọ. Như vậy thì có nên bội chộp chỉ trở mặt trời, mặt trăng, tinh tú, có nên tùy tiện nhìn lâu hay chẳng?

---

<sup>861</sup> Theo Tống Thư, phần Phù Thụy Chí, sau khi soạn xong Xuân Thu và Hiếu Kinh, Khổng Tử cùng học trò làm lễ bảm cáo với côi trời. Trời kéo mây dày đặc, sương phủ trắng đất, cầu vòng đỏ giáng xuống, hóa hiện thành một miếng ngọc màu vàng, dài ba thước, trên đó có khắc chữ. Khổng Tử quỳ nhận, đọc: “*Bảo văn xuất, Lưu Quý ác, mao kim đao, tại Chấn bắc, tự hòa tử, thiên hạ phục*”. Các nhà chú giải giảng câu này là dự ngôn (lời tiên đoán) Tàn Thủy Hoàng thống trị Trung Nguyên một thời gian ngắn, cuối cùng Lưu Bang sẽ thống nhất sơn hà. Chẳng hạn ba chữ Mao Kim Đao (卯金刀) ghép lại thành chữ Lưu (劉). “*Tại chấn bắc*” là ngôi ở phương Bắc, ngoảnh mặt về phương Nam, tức là làm vua. Tự Hòa tử là chữ Hòa (禾) và Tử (子) ghép thành chữ Quý (季), tức là dự báo Lưu Bang sẽ làm vua. Theo Sử Ký, Lưu Bang có tên tự là Quý; do đó, nhiều sách chép Hán Cao Tổ là Lưu Quý, thay vì chép tên ông là Lưu Bang.



Châu Hồng nói trong huyện của ông ta, nhằm lúc mọi người đang cùng nhau chè chén, thấy trên bầu trời, rìa ngoài mặt trời có ánh sáng lạ, mọi người cùng chỉ trỏ. Bỗng gió mưa sầm sập tràn tới, [từ trên trời] giáng xuống một vật giống như con khỉ, hai mắt sáng ngời. Mọi người kinh sợ, nằm mọp dưới đất, khoảnh khắc nó biến mất. Tai mọi người lấp đầy bùn, ai nấy đều thành bệnh hoảng sợ.

Đời Tống, Thái Kinh có thể nhìn mặt trời khá lâu mà chẳng hoa mắt. Có người nói đó là điềm quý hiển, nhưng ỷ vào thị lực dám chống lại thái dương, người thông hiểu liền biết hấn ta chẳng có lòng nghĩ đến vua. Rốt cuộc, hấn chuyên quyền, khiến cho đất nước lâm than. Hấn bị biếm trích mà chết.

Đời Nguyên, Tôn Cẩn tang cha, hết sức đau buồn. Trời mùa Đông rét buốt, ông đi chân trần. Quan tài còn quấn đỏ chưa chôn, ông chẳng tháo đai áo. Ông đưa quan tài qua sông, trời đất tối mù, Tôn Cẩn kiên thành cầu đảo tam quang, [tức thời] gió yên, sóng lặng, lại trông thấy mặt trời. Ông phụng sự mẹ kế là Đường Thị rất có hiếu. Mẹ kế từng bị ung nhọt, Tôn Cẩn đích thân hút mủ. Mẹ lại bị mù, Tôn Cẩn cầu khẩn tam quang, liếm [mí mắt], mắt mẹ được sáng lại. Đường Thị mất đã mười ngày, sắp sửa an táng; khi ấy, nhằm đúng tiết Xuân, khổ sở vì mưa dầm dề. Tôn Cẩn ban đêm khóc lóc, trời bèn tạnh mưa, mây quang đăng, mặt trời chiếu sáng. Đưa tới huyệt, [đã là lúc] đêm tối không có ánh sáng, Tôn Cẩn lại buồn bã gào khóc, ánh sao sáng ngời,

mặt trăng chẳng nhằm ngày trăng tròn mà bỗng chiếu sáng ngời như ban ngày. Nhìn từ chuyện này, [ta thấy] tam quang ở trên cao, không chỉ là có ân chiếu soi, mà còn có thể ứng theo lời mong cầu, há có nên coi thường chỉ trở để rồi tự phạm lấy oan khiên, tai họa nặng nề ư?

*(Chánh văn) Xuân nguyệt liệu liệt, đối Bắc ác mạ, vô cố sát quy, đả xà.*

**(正文)春月燎獵。對北惡罵。無故殺龜打蛇。**

*(Chánh văn: Trong các tháng mùa Xuân, đốt rừng để săn bắn. Hướng về phương Bắc chửi rủa độc địa. Vô duyên vô cớ, đánh giết rắn rùa).*

Đốt rừng để săn bắn thì gọi là “*liệu liệt*” (燎獵). Đối với chuyện săn chim, đuổi thú, đức Thái Thượng đã có lời răn rõ ràng. Huống hồ do đốt rừng săn bắn mà giết chóc chẳng cùng tận! Nhưng dùng “*xuân nguyệt*” (các tháng trong mùa Xuân) để nói, vì đây là lúc tăng trưởng, sanh nở [của muôn vật], nếu làm chuyện này (săn bắn, đốt rừng), trên là trái nghịch sự vận hành của trời, dưới là giết chóc sanh mạng loài vật, càng là bất nhân quá đỗi! Chẳng phải là trong những tháng khác thì không cần phải kiêng tránh đâu nhé!

Đời Đường, Lưu Ma Nhi một hôm và con trai cùng chết. Hàng xóm có người họ Kỳ, bị bệnh chết đi rồi sống lại. Do vậy, ông ta kể chính mình đã tới cõi âm, thấy cha con Ma Nhi đang ở trong vạc sôi sùng sục, da thịt đều rã hết, chỉ thấy xương trắng. Hồi lâu sau, khôi phục thân hình. Đã khôi phục [rồi lại bị nấu] chín rã. Một hồi lâu sau lại khôi phục, [lại bị nấu nhừ], chẳng có lúc nào ngừng. Diêm Vương phán: “Gã này chuyên thích phóng hỏa để săn bắn, cho nên hứng chịu quả báo này”. Chúng sanh đều có Phật tánh, há có nên coi thường mà sát hại. Săn bắn đã là chớ nên, huống hồ còn thiêu đốt [núi rừng] ư! Vạn vật đều bị cháy khô, các loài sâu đang ngủ vùi đều cháy rụi. Nỗi hại ấy chẳng nở lòng nói nữa! Thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký đã chép những cấm đoán liên quan đến thời tiết và thời vụ rất tường tận; còn đức Thái Thượng lại răn cấm thêm, vì chuyện này liên quan đến sanh mạng. Vì thế, Ngài không chỉ dăm ba lượt ngăn cấm, giảng giải vậy!

Phun nước miếng, hỉ mũi là chuyện nhỏ nhất, hướng về phương Bắc mà làm thì còn là tội lỗi, huống hồ chửi bới hung tợn ư? Kẻ ngu bị cái tâm phần nộ sai khiến, chẳng màng cổ kị, chẳng nghĩ: Ta giận bèn muốn xả giận, thần giận thì sẽ như thế nào?

Khẩu nghiệp của người đời có bốn thứ, chửi rửa độc địa là nghiệp nặng nhất. Kinh dạy: *“Phàm phu do tam độc hừng hực, lửa giận thường bùng cháy, gặp cảnh bèn sanh lòng sân, gặp duyên gây chướng. Vì thế,*

*thốt lời giận dữ, buột miệng phun ra, [lửa giận] thiêu đốt cái tâm, tổn hại người trước mặt ta, [khiến họ] đau đớn như dao cắt, phần nhiều bị tổn thương, khổ não vô lượng. Giả sử chúng sanh tuy thân chẳng có tội lỗi, nhưng do không cẩn thận mà tạo khẩu nghiệp thì cũng đọa trong ác đạo”.*

Một người đàn bà ở Tân An tánh tình hung tợn, không có con, ghen ghét đứa con do người thiếp sanh ra. Mỗi lúc hoàng hôn đều hướng về phía Bắc nguyên rửa, chửi bới độc địa. Một hôm, mẹ ta lại hướng về đó rửa xả, bỗng thấy một ngôi sao rơi xuống đất, hình thể to như cái đầu, tiếng rền vang như sấm. Mẹ ta kinh hãi thành bệnh, bụng dần dần to phè như mang thai. Đến lúc sanh nở, bảy ngày chẳng sanh nổi. Thật ra, trong bụng chẳng có gì hết! Sấm hồi mới lành bệnh. Thần minh hiển hách, không đâu chẳng tồn tại, [Cảm Ứng Thiên] chỉ riêng nêu lên phương Bắc nhằm nhấn mạnh chỗ trọng yếu nhất. Vậy thì mọi người có nên chẳng nghĩ quý thần đông đảo, dày đặc [ở quanh ta] hòng kinh sợ, tu tỉnh ư?

Ứng Thế Chân Nhân nói: - Chớ nên giết sanh mạng của hết thảy muôn vật, mà âm tính của rắn và rùa lại thuộc về ngôi sao Chân Vũ ở phương Bắc, càng chẳng thể giết. Vô cớ giết hại, ắt chuốc lấy báo ứng thâm trọng. Do vậy, người có lòng nhân thường lập cách cứu giúp, che chở.

Một thôn dân ở Nhạc Châu tát ao bắt cá. Do bắt được rất nhiều rùa, bèn mổ rùa làm thịt, chớ yếm rùa sang bán ở Giang Lăng, được lời to. Đến khi trở về, khắp thân bị ghẻ lở, đau đớn kêu gào. Người khác chẳng nỡ lòng nghe tiếng! Ất phải đổ nước vào một cái bồn lớn, [ngâm kẻ ấy vào đó], người khác dùng tay xoa nắn mới hơi êm được. Về sau, da tróc lòi xương, biến thành hình rùa, nứt nẻ mà chết.

Bên cạnh nhà một phú ông có một cái cây khô. Ông ta sắp chặt bỏ, mộng thấy một người dắt nhiều người đến cầu xin hãy thông thả, chờ cho họ dọn đi xong rồi hãy tùy ý chặt. Ông tỉnh giấc, sai người trèo lên cây xem, thấy trong bụng cây có rắn cuộn tròn vô số. Ông liền sai nổi lửa đốt rụi. Chẳng lâu sau, nhà ấy vào nửa đêm bỗng thấy lửa bay vào nhà; hể thức dậy chữa lửa, bèn chẳng có động tĩnh gì. Nhiều lượt như thế, [người nhà ấy] chẳng thấy lạ nữa. Một tối, có đứa tớ gái làm rót một đóm lửa vào đồng củi, lửa cháy lan ra cánh đồng. Nhà ấy cứ tưởng lửa sẽ tự tắt như cũ, đều ngủ ngon lành, chẳng trở dậy. Do vậy, [tới khi lửa cháy bùng bùng], muốn trốn tránh nhưng chẳng kịp, cả nhà đều chết sạch.

Cha của ông Lưu Ngạn Hồi làm Thứ Sử ở Hồ Châu. Có người từ Bạch Ngân Hàng (thuộc Toại Huyện, tỉnh Giang Tây) đến biếu một con rùa to, bảo: “Ăn con rùa này, có thể sống một ngàn năm”. Cha Ngạn Hồi liền ngậm thả nó về chỗ cũ. Cha mất, Ngạn

Hồi làm Tư Sĩ<sup>862</sup> ở Phòng Châu, bỗng nước lũ từ trên núi tràn về, đất bằng ngập dưới mấy thước nước, cả nhà không có đường nào né tránh. Bỗng có một con rùa lớn dẫn đường, họ đều tới được chỗ cạn, thoát khỏi tai nạn ấy. Đến đêm, Ngạn Hồi mộng thấy một người áo trắng nói: “Tôi là con rùa được cha ông thả lại Bạch Ngân Hàng; vì thế, đến báo đáp”.

Đời Đường, Tôn Chân Nhân (Tôn Tư Mạo) đi đường núi, thấy thôn dân đang đập một con rắn xanh, ông bèn mua lại, đem thả. Chẳng lâu sau, một thiếu niên đón Chân Nhân tới một vương cung. Có một người mặc áo đỏ bước ra, thưa: “Trước kia, đưa con út gặp nạn, may được tiên sinh cứu giúp. Vì thế, tôi sai đưa con cả đón ngài đến đây, hòng biểu lộ phần nào tấm lòng cảm tạ”. Người ấy dẫn ông Tôn vào trong thâm cung. Một phi tần dẫn một đứa bé áo xanh ra lạy chào, cảm ơn nhiều lần. Họ mời ông ở chơi ba ngày, các món ăn ngon quý, [dâng biếu] các món lựa là, châu ngọc chẳng thiếu thứ gì. Chân Nhân đều khước từ chẳng nhận, chỉ đem về ba mươi toa thuốc tiên do Thượng Đế ban tặng cho long cung, [nhờ những toa thuốc ấy] mà cứu sống vô số người. Sách Thiên Kim Phương hiện thời chính là do có được ba mươi toa

---

<sup>862</sup> Tư Sĩ (司士) là một chức quan được đặt ra từ thời Tây Châu. Chức quan này cùng với Tư Mã, Tư Không, Tư Đồ, và Tư Khấu được gọi là Ngũ Quan, chịu trách nhiệm giám sát các quan. Về sau, chức vụ này được thay thế bằng chức Ngự Sử Đại Phu, nhưng người ta vẫn quen gọi Ngự Sử Đại Phu là Tư Sĩ. Thậm chí các quan Giám Nghị tại các cấp châu, huyện, phủ cũng đều được gọi là Tư Sĩ.

thuốc ấy [mà Tôn Tư Mạo nghiên cứu, biên soạn ra các bài thuốc mới].

*(Chánh văn) Như thị đẳng tội, Tư Mạng tùy kỳ khinh trọng, đoạt kỳ kỷ toán, toán tận tắc tử, tử hữu dư trách, nãi vương cập tử tôn.*

**(正文)如是等罪。司命隨其輕重。奪其紀算。算盡則死。死有餘責。乃殃及子孫。**

*(Chánh văn: Đối với các tội như thế, thần Tư Mạng tùy theo tội nặng hay nhẹ mà trừ bớt tuổi thọ của người gây tội. Tuổi thọ đã hết, sẽ phải chết. Đã chết mà còn chưa hết nợ thì con cháu phải gánh tai ương).*

Câu “*như thị đẳng tội*” (những tội như thế) nhằm tổng kết đoạn văn trước đó. “*Tội*” chính là những chuyện đã nêu ngay sau câu “*phi nghĩa nhi động*” (làm chuyện trái nghịch đạo nghĩa). Từ chữ “*Tư Mạng*” trở đi nhằm nêu rõ chuyện tùy theo nghiệp mà chịu báo. Kinh dạy: “*Nghiệp tùng tâm khởi, tâm vi nghiệp dụng, nghiệp dẫn tâm nhi thọ hình. Tâm tùy nghiệp nhi hiện cảnh, như ảnh tùy hình, nhi khúc trực du phân, do hưởng ứng thanh, nhi đại tiểu các dị, hào ly bất sảng, báo ứng vô sai*” (Nghiệp bắt nguồn từ tâm, tâm lại do nghiệp [tác động] mà dẫn đến tác dụng, nghiệp dẫn dắt

cái tâm đi đầu thai, nhận lấy hình thể. Tâm thuận theo nghiệp mà hiện ra cảnh, như bóng theo hình, nhưng đúng sai khác biệt, ví như tiếng vọng thuận theo âm thanh mà có lớn nhỏ mỗi thứ khác nhau, trọn chẳng sai sót mảy may, báo ứng không sai chạy). Còn như nói “*ương cấp tử tôn*” (hại đến con cháu) cũng là luận định khắp ba đời. Nói chung, sự báo ứng xa là con cháu, gần thì ở nơi chính mình, tức là báo ứng rạng ngời, chẳng sai chạy. Chính vì người đời tích tập điều ác, làm chuyện trá ngụy, tổn thương tâm lòng hiếu sanh của Thượng Đế, trái nghịch ý định bảo vệ, che chở của tổ tông. Do đó, dẫn đến tình cảnh con cháu gian nan, giòng dõi đoạn tuyệt. [Thế mà con người chẳng tự hiểu biết, cứ] đổ thừa cho số mạng, hoặc đổ thừa là do khí chất bẩm sanh. Ôi! Đức to lớn của trời đất là sanh thành, đối với cỏ, cây, chim, cá, còn chẳng nỡ tuyệt diệt chúng, huống hồ con người là “*vạn vật chi linh*” mà nỡ lòng dứt tuyệt con cháu của họ ư? Vì thế, nếu ai chẳng phải là hạng cực ác, sẽ chẳng tuyệt tự. Ác báo chẳng hết, sẽ lan đến con cháu lại chính là Sự Lý thường hằng vậy!

Đời Tùy, Dương Tố<sup>863</sup> khuyên vua (Tùy Văn Đế) lập Dương Đế làm Thái Tử khiến cho nhà Tùy bị nguy

---

<sup>863</sup> Dương Tố là đại thần thời Tùy Văn Đế (Dương Kiên). Ông ta thông minh, tài hoa, học rộng, nghe nhiều, nhưng rất xảo trá. Do khéo dùng binh, Dương Tố lập nhiều chiến công. Vì vậy, ông ta được phong làm Thượng Thư Tả Bộc Xạ, nắm quyền ngang ngửa với Tể Tướng thời ấy. Tùy Văn Đế có ba đứa con trai, con trưởng là Dương Dũng. Tùy Văn Đế đã lập Dương Dũng làm Thái Tử, nhưng dần dần do thấy Dương Dũng thiếu tài trí, ham chơi, bèn phê đi, lập Dương Quảng làm Thái Tử (tức là Tùy Dương Đế sau này) theo lời khuyên của Dương Tố. Dần dần, Tùy Văn Đế phát hiện Dương Quảng là người tàn nhẫn, hẹp hòi. Trong khi vua



ngập. Con ông ta là Nguyên Cảm rốt cuộc bị Dương Đế diệt tộc. Lý Tích<sup>864</sup> khuyên vua lập Vũ Hậu, khiến mạng vận nhà Đường bị cách trở. Cháu ông ta là Lý Kính Nghiệp cũng bị Vũ Hậu giết chết. Đây chính hại đến con cháu! Ngạn ngữ có câu: *“Ngươi do chuyện này bắt đầu thì cũng sẽ do chuyện này mà chấm dứt”*. Sự báo ứng do ngươi tạo ra, sẽ hại ngược trở lại ngươi, cố nhiên là chẳng thể dối trá được! Người hiện thời căn cứ vào chuyện gần gũi trước mắt, thấy kẻ nào đó làm ác mà không hề hấn gì, bèn nói: *“Trời không có mắt”*. Thấy kẻ nào đó làm ác mà hưng vượng lòng lầy, bèn nói: *“Làm ác được phước”*. Tích chứa điều thiện thì điều vui mừng có thừa, tích chứa điều ác thì tai hại có

---

nằm bệnh, Dương Tố đến châu hầu hằng ngày. Ông ta nghe vua muốn tái lập Dương Dũng, bèn hạ lệnh thay đổi quân túc vệ, khiến cho ý định của vua không thể thực hiện được. Do vậy, khi Tùy Văn Đế chết, Dương Quảng lên ngôi vua không trở ngại. Dương Tố ý vào công lao phù tá, kiêu ngạo, tự tung tự tác. Dương Đế ngày càng ghét Dương Tố. Em út của Dương Đế là Dương Lượng mượn cơ trừ khử Dương Tố, dấy binh làm loạn ở Tinh Châu. Dương Tố đem quân đi đánh dẹp, bắt được Dương Lượng. Về sau, do Dương Đế ngày càng nghi kỵ, chèn ép giòng họ Dương Tố, con Dương Tố là Dương Nguyên Cảm sợ bị bức hại bèn dấy binh phản Tùy. Sau nhiều lần bị đánh bại, Dương Nguyên Cảm bị Dương Đế sai người đánh thuốc độc giết chết, và tru di tông tộc của Dương Tố.

<sup>864</sup> Lý Tích là một danh tướng đời Đường, vốn tên là Từ Thế Tích. Do theo Đường Thái Tông lập nhiều công lao, nên được ban họ Lý. Vì sợ phạm húy Đường Thái Tông (Lý Thế Dân), Lý Thế Tích bỏ chữ Thế trong tên của chính mình. Ông làm đến chức Binh Bộ Thượng Thư dưới triều Đường Thái Tông. Ông ta là kẻ rất giáo hoạt, khéo luồn lách, khéo gió chiều nào che chiều ấy. Về sau, Đường Cao Tông (Lý Trị) muốn lập Vũ Chiêu Nghi (Vũ Tắc Thiên) làm Hoàng Hậu, đa số các đại thần phản đối. Vua bực bội, hỏi ý Lý Tích, Lý Tích đáp ngay: *“Đó là chuyện riêng trong nhà bệ hạ, cần gì phải hỏi ý người ngoài!”* Do vậy, Vũ Tắc Thiên rất coi trọng ông ta. Cháu nội ông ta là Từ Kính Nghiệp là danh tướng, do phù tá Đường Trung Tông chống lại sự chuyên quyền của Vũ Tắc Thiên, nên đã chiếm cứ Dương Châu dựng cờ khởi nghĩa. Vũ Hậu sai Lý Hiếu Dật cầm quân đánh dẹp. Kính Nghiệp bị đánh bại tại mặt trận Cao Bưu. Anh em Kính Nghiệp đều bị quân Đường truy bức, giết chết.

thừa. Nói “*có thừa*” thì phạm vi bao quát hết sức rộng. Suy luận từ bản thân, chính là nói [họa, phước] có thừa sẽ ứng vào con cháu, há có phải là nói “sáng tạo nghiệp, tôi phải đền trả” ư? Nhưng Thượng Đế hiểu sanh, “*họa ương còn sót lại sẽ hại đến con cháu*” cũng là nhằm để trừng ác, khuyến thiện. Nếu như con hiếu, cháu hiền, tu tâm, tu thân, tích lũy điều thiện và công đức để cứu chuộc những nỗi oan khiên của tiền nhân, nghiêm ngặt chẳng khoan dung đối với chính mình, thì lại chính là điều mong mỏi sâu xa của đức Thái Thượng vậy!

Xét theo thuyết nhân quả thọ sanh trong kinh Phật, thì một là thiên đạo, hai là tiên đạo, ba là A Tu La đạo, bốn là nhân đạo, năm là súc sanh đạo, sáu là ngạ quỷ đạo, bảy là địa ngục đạo. Trời, tiên, và Tu La cố nhiên là do tích tập các nhân cảm vời mà có, còn bốn đường như người, súc sanh v.v... càng là quả báo nhất định do nghiệp duyên [cảm vời]. Do vậy, khảo sát cận kề theo đó, nói đến nhân đạo (人道, loài người) thì nhân (人) là nhẫn (忍), [nghĩa là] trong tình cảnh thuận hay nghịch, ắt đều có thể an nhẫn (yên phận chịu đựng). Đó là do xưa kia trong lúc tu nhân, tâm luôn vui sướng, tu tập Ngũ Thường, Ngũ Giới, hành trung phẩm Thập Thiện, mà cảm vời thân thể trong đường ấy.

Kinh dạy: “*Làm người có thể lực, sang cả, hoặc làm quốc vương, hoặc làm trưởng giả, là do lễ bái, phụng sự Tam Bảo mà ra. Làm người đoan chánh,*

dáng vẻ trắng trẻo, sạch sẽ, dung mạo bậc nhất, là do Nhân Nhục mà ra. Làm người tinh tấn, chẳng hề lười nhác, thích làm chuyện phước đức, là từ Tinh Tấn mà ra. Làm người an tường, lời nói và việc làm luôn cân nhắc kỹ lưỡng, chắc thật, thì là do từ Thiên Định sanh ra. Làm người có tài, sáng suốt, liễu đạt pháp sâu, giảng nói diệu nghĩa để khai ngộ kẻ ngu muội. Kẻ nghe nói những lời ấy, tin tưởng chúng là trân bảo, [người như vậy] là do từ Trí Huệ mà ra. Tiếng nói trong trẻo, thấu triệt, là do ca vịnh Tam Bảo mà ra. Làm người sạch sẽ, chẳng bị bệnh tật, là do tâm Từ Bi sanh ra. Làm người mà có nhiều nỗi sợ hãi, âm thanh rè đục, rạn vỡ, là do từ địa ngục mà ra. Làm người tối tăm, chậm lụt, lười nhác, ăn nhiều, nói năng chẳng rõ ràng, lại còn khiếp nhược, thích bầu bạn với người si dại, rất thích chỗ tối tăm, là do từ súc sanh mà ra. Làm người bản thủ là từ loài lợn mà ra. Làm người hung ác là do từ loài rắn, rết mà ra. Tâm chẳng liêm khiết, do từ loài chó mà ra. Tánh luôn hung tợn là từ loài dê mà ra. Thích đồ ăn ngon, mặc tình giết hại sanh mạng loài vật, chẳng có từ tâm là do từ sói, lang, cáo, chim ưng mà ra. Chẳng thể an tường, chẳng thể nhẫn nại mọi sự, là từ loài khỉ mà ra”.

Lại nói: - Làm người mà cao lớn là vì cung kính người khác. Làm người lùn xùn, nhỏ bé là vì khinh mạn kẻ khác. Làm người xấu xí là do thích nóng giận. Cả đời chẳng hiểu biết gì là vì không có học vấn. Làm người ngu đần là vì không dạy người khác. Yếu mạng, lắm bệnh là vì thích sát sanh. Chẳng có đồ dùng cần

thiết cho cuộc sống, luôn khổ sở, nghèo nàn, túng quẩn là vì thích trộm cắp. Chẳng có con cái, con dâu là vì dâm loạn với vợ người khác. Con cái dâm loạn là vì loạn dâm với con gái chưa chồng của người khác. Góa bụa, mồ côi, trơ trọi, là vì ngược đãi con cái. Làm người đói khát là vì thích ăn một mình [không chia sẻ với người khác]. Làm nô tỳ của kẻ khác là vì thiếu nợ không trả, chẳng lễ kính Tam Tôn (Tam Bảo). Làm người xấu ác là vì che đèn cúng Phật. Sanh làm loài trâu cày là do làm quan tàn khốc, đối xử khắc bạc với bọn dân đen. Sanh trong loài nai, mễn, là vì làm cho người khác kinh sợ. Sanh trong các loài rồng, vì thích chọc ghẹo, ép bức [phụ nữ]. Thân thể sanh ghẻ độc, chữa trị không có hiệu quả, là vì đánh đập người khác. Người khác trông thấy ta bèn hoan hỷ, là vì ta đối xử vui vẻ với người khác. Người khác trông thấy ta chẳng vui vẻ, vì ta chẳng đối xử vui vẻ với người khác. Bị quan lại bỏ tù, trói buộc, thân mang gông cùm, là vì đã bắt nhốt chúng sanh. Làm người sút miệng là vì thích câu cá. Sanh trong xứ sở trần truồng, là vì mặc áo mỏng đường đột vào tinh xá của đức Phật. Sanh trong xứ chân có móng guốc như ngựa là vì mang giày dép dẫm đạp đất Phật. Sanh trong xứ bị đâm thủng ngực là vì bố thí, làm phước, bèn sanh lòng hối hận. Những điều ấy đều là do đã tích tập từ trước, đền trả xong rồi mới lại được sanh làm người, đều là từ vô thủy đến nay, do nghiệp lực và những toan tính điên đảo mà sanh ra nhau, giết chóc lẫn nhau. Chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao, vốn sẵn luân

*chuyển như thế ấy. Hạng người ấy chính là hạng người đáng thương xót vậy!*

Nói đến súc sanh đạo thì bầm tánh ngu si, chẳng thể tự lập, được con người nuôi nấng. Vì thế, gọi là “súc sanh”. Do xưa kia trong lúc tu nhân, đã ngu mê, tham dục, tạo hạ phẩm Thập Ác, cho nên cảm thân trong đường này. Kinh dạy: *“Nghệp làm quỷ đã hết, mới sanh trong thế gian, sẽ gặp gỡ kẻ ta vốn đã thiếu nợ và kẻ oán thù, đối đầu, [chính mình] làm thân súc sanh để đền món nợ cũ”*. Những hạng chúng sanh này đều do cái nghiệp hư vọng chiêu cảm, dẫn dắt. Nếu ngộ Bồ Đề thì [sẽ liễu giải] vọng duyên ấy vốn vô sở hữu.

Nói đến ngạ quỷ đạo thì loài quỷ này gây còm, xấu ác, luôn tham cầu được no lòng một bữa, luôn bị đánh đập, [phải làm những việc nặng nề như] lấp sông, ngăn biển, chịu khổ vô lượng. Đây là do xưa kia trong khi tu nhân, đã tham lam, keo kiệt thành tánh, ôm lòng nịnh bợ, dối gạt, hành trung phẩm Thập Ác, cho nên cảm thân trong đường này. Kinh dạy: *“Các chúng sanh ấy đều vì thuận tình mà đọa lạc, lửa nghiệp thiêu rụi, cho nên hiện ra hình hài loài quỷ. Những chúng sanh này đều do cái nghiệp vọng tưởng chuốc vùi, dẫn dắt. Nếu ngộ Bồ Đề, sẽ diệp chúng viên minh vốn vô sở hữu”*.

Nói đến địa ngục đạo là nói đến tù ngục ở dưới đất; nhưng các địa ngục ấy to nhỏ khác nhau, tuổi thọ trong ấy cũng là dài ngắn mỗi ngục mỗi khác. Kẻ chịu

khổ trong ấy sẽ tùy theo nghiệp đã tạo, ai nấy có kiếp số nặng nhẹ khác nhau. Ké nặng nhất sẽ là trong một ngày muôn lần sống, muôn lần chết, trải qua vô lượng kiếp. Do khi trước lúc còn đang tu nhân, mỗi niệm trong tâm đều là tham, sân, si, tạo nghiệp cực ác, hành thượng phẩm Thập Ác, cho nên cảm thân trong đường này. Kinh dạy: *“Những chúng sanh ấy đều là do tự nghiệp (nghiệp của chính mình) cảm vờ, tạo mười tập nhân, hứng chịu sáu thứ giao báo”*.

[Mười thứ tập nhân]:

1) Một là dâm tập (婬習, tập khí dâm dục) giao tiếp, phát khởi thành tướng chà xát, nghiền, mài chẳng ngừng. Do như vậy bèn có ánh lửa sáng rực phát động trong ấy. Như người dùng hai tay tự chà xát vào nhau, tướng ấm nóng sẽ hiện tiền. Do hai thứ tập khí<sup>865</sup> cùng thiêu đốt, cho nên có những chuyện như giường sắt, cột đồng. Mười phương Như Lai đều đích thân trông thấy hình tướng [họa hại] của sự hành dâm, cùng gọi [những nỗi họa hại ấy là] *“dục hỏa”* (lửa dục). Bồ Tát trông thấy dục liền là tránh như [né tránh] hầm lửa.

2) Hai là do tham tập (貪習, tập khí tham lam) ảnh hưởng lẫn nhau, phát khởi thành sự thu hút lẫn nhau để thu hút, lôi kéo không ngừng. Do như vậy mà tích tụ

---

<sup>865</sup> Nhị tập (hai thứ tập khí) ở đây chính là chủng tập và hiện tập. *“Chủng tập”* là những chủng tử có sẵn do những thói quen từ trước hoặc do kinh nghiệm từng trải từ trước kết thành, khi gặp đúng duyên, chúng sẽ dấy lên hiện hành. Sự hiện hành ấy được gọi là *“hiện tập”*.

khí lạnh tạo thành băng cứng, lạnh buốt trong ấy. Như người dùng miệng hút lấy hơi gió, sẽ cảm thấy lạnh. Hai thứ tập khí lẫn át nhau; vì thế, có những chuyện như [địa ngục] Trá Trá, Ba Ba, La La, Thanh, Xích, Bạch Liên, Hàn Băng v.v... Mười phương Như Lai trông thấy hình tướng của sự nhiều ham muốn, mong cầu, nên cùng gọi là Tham Thủy (nước tham). Bồ Tát thấy tham, bèn tránh né như [tránh né] nơi đầy đặc chướng khí.

3) Ba là mạn tập (慢習, tập khí khinh mạn) lẫn lút lẫn nhau, phát khởi thành sự ỷ vào lẫn nhau, tuôn chảy không ngừng. Do như vậy mà có sóng cuộn tung lên, cuộn cuộn, sóng tích tụ thành nước, như người đưa đầy cái lưỡi trong miệng, sẽ tự cảm thấy có mùi vị. Vì thế, có nước sanh ra (nước miếng). Hai thứ tập khí thôi thúc lẫn nhau, cho nên có [những địa ngục] như Huyết Hà (sông máu), Hôi Hà (sông tro), Nhiệt Sa (cát nóng), Độc Hải (biển độc), Dương Đồng (烔銅, nước đồng nung chảy), Quán Thôn (灌吞, rót nước đồng nung chảy, bắt nuốt hoàn sắt nóng) v.v... Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng của [nỗi họa hại] do ngã mạn gây ra, nên gọi là Âm Si Thủy (uống nước si mê). Bồ Tát thấy khinh mạn bèn tránh né như tránh né chỗ chết đuối to lớn.

4) Bốn là do sân tập (瞋習, tập khí sân hận) xung động lẫn nhau, phát khởi thành sự chống trái lẫn nhau,

xung đột không ngớt. Tâm nhiệt bốc lửa, nung đúc chất khí thành kim loại. Do như vậy mà có [các địa ngục] Đao Sơn (núi đao), Thiết Quyết (鐵槓, gậy sắt), Kiếm Thụ (cây có cành nhánh toàn là gươm sắc), Kiếm Luân (vòng kiếm xoay tròn), búa, rìu, thương, cưa. Như người ôm nổi oán hận, sát khí bốc lên ngùn ngụt. Hai thứ tập khí công kích lẫn nhau; vì thế, có chuyện thiến, cắt, chặt, chém, giã, đâm, đập, quất v.v... Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng của sự sân hận, gọi nó là Lợi Đao Kiếm (đao, gươm sắc bén). Bồ Tát thấy sân, như tránh né tru lục.

5) Năm là trá tập (詐習, tập khí gian trá) cùng dụ dỗ, phát khởi thành sự dẫn dụ chẳng ngừng. Do như vậy mà có dây và gỗ chẳng buộc, bó chặt, như nước đầm ruộng, cỏ cây sanh trưởng. Hai thứ tập khí duyên lẫn nhau; vì thế, có những chuyện như gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, phang, quất v.v... Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng gian nguy, cùng gọi nó là Sàm Tặc (讒賊, tên giặc gièm siểm). Bồ Tát thấy sự dối trá như sợ sài lang.

6) Sáu là cuống tập (誑習, tập khí lừa dối) lường gạt lẫn nhau, phát khởi thành sự lừa đảo lẫn nhau. Dối gạt chẳng ngừng, mặc tình gian dối. Do như vậy mà có bụi, đất, phân, tiểu, ô uế bất tịnh như bụi tung theo gió, mỗi thứ đều chẳng thấy. Do hai tập khí dồn ép, cho nên có các sự chìm đắm, vọt lên, quăng ném, tung bay, rơi xuống, nổi trôi. Mười phương Như Lai trông thấy sắc



tướng dôi gát, đều gọi là Kiếp Sát. Bồ Tát thấy dôi gát như đập phải rắn rết.

7) Bảy là oán tập (怨習, tập khí oán hận) hiềm nghi lẫn nhau, phát khởi thành sự ngậm hờn. Do như vậy mà có đá bay, ngói rớt, nhồi nhét trong chỗ hẹp, bị giam cầm trong xe tù, chứa trong vò, quăng vào túi, như kẻ âm độc nghĩ tưởng, chất chứa điều ác. Do hai tập khí cùng nuốt, cho nên có những sự ném, quăng, bắt giữ, đập, bắn, liệng, tùm v.v... Mười phương Như Lai mắt thấy các hình tướng oán gia, gọi chúng là Vi Hại Quỷ (loài quỷ làm hại, trái nghịch). Bồ Tát thấy sự oán hận như uống rượu ngậm lông chim Trám.

8) Tám là kiến tập (見習, tập khí về kiến giải) soi rọi lẫn nhau, như Tát Già Da (Satkāya-drṣṭi, các kiến chấp), kiến giới cầm thủ, hoặc các nghiệp do ngộ giải sai lầm, phát khởi từ sự chống trái, sanh ra sự tương phản. Do như vậy mà có vương sứ, chủ lại<sup>866</sup> thăm tra, quản trị sổ sách, như người đi đường qua lại trông thấy nhau. Do hai thứ tập khí giao nhau, cho nên có những sự thăm vấn, khám nghiệm, quyền biến trí trá để tra khảo, hạch hỏi, xem xét, tìm tòi, vạch trần đến cùng hòng làm sáng tỏ v.v... Mười phương Như Lai trông thấy hình tướng của ác kiến, cùng gọi tên Kiến Khanh (見坑, hàm bẫy kiến giải). Bồ Tát thấy những điều thiên

---

<sup>866</sup> Theo ông Hoàng Bách Lâm, “*vương sứ*” là sứ giả của Diêm Vương. “*Chủ lại*” là những viên quan chủ quản sổ sách trong cõi âm.

chấp (chấp chặt một bề) hư vọng như vào nơi hang hốc có khí độc.

9) Chín là uổng tập (枉習, tập khí gây nên sự oan uổng cho người khác) vây bủa, phát khởi thành sự vu cáo, báng bổ. Do như vậy mà có núi ép lại, đá hợp lại, nghiền, xay, cày, mài. Như gãi giặc sàm báng, ép bức, oan uổng người lương thiện. Hai thứ tập khí cùng an bài; vì thế, có các sự như đè, nén, nện, ấn, ép, lọc, đo lường v.v... Mười phương Như Lai trông thấy hình tướng của sự gièm báng oán thù, cùng gọi là Sàm Hổ (con cọp gièm siểm). Bồ Tát thấy sự oan uổng như gặp sấm, sét.

10) Mười là tụng tập (誦習, tập khí thừa kiện) cùng tuyên nói, phát khởi nơi che giấu. Do như vậy mà có sự xét soi, chiếu tỏ. Như lúc giữa trưa, chẳng thể giấu diếm hình bóng. Do hai tập khí phô bày lẫn nhau, cho nên có những sự như bạn ác, nghiệp kính, hỏa châu, bộc lộ, tức nghiệp, đối chứng v.v... Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng của sự giấu diếm, cùng gọi tên là Âm Tặc. Bồ Tát thấy “che giấu” giống như đội hòn núi cao để đi vào biển rộng!

Sáu giao báo (交報) là gì? Hết thấy chúng sanh do sáu thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, lưu xuất từ sáu căn.

1) Một là Kiến Báo (見報, quả báo của cái Thấy), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đây là do nghiệp Thấy giao cảm; do vậy, khi lâm chung, trước hết, thấy lửa mạnh đầy tràn các cõi trong mười phương. Thần thức của người chết bay lên, đọa lạc, theo khói mà vào địa ngục Vô Gián.

2) Hai là Văn Báo (聞報, quả báo của cái Nghe), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Do nghiệp của cái Nghe giao cảm, khi lâm chung, trước hết, thấy sóng cuộn nhân chìm trời đất. Thần thức của người chết giáng xuống, tuôn chảy, nương theo sự tuôn chảy ấy mà vào địa ngục Vô Gián.

3) Ba là Khứ Báo (興報, quả báo của cái Ngửi), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đây là do nghiệp của cái Ngửi giao cảm, khi lâm chung, trước hết, thấy độc khí phủ kín xa gần. Thần thức của người chết từ dưới đất vọt lên, vào trong địa ngục Vô Gián.

3) Bốn là Vị Báo (味報, quả báo của cái Nếm), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đây là do nghiệp Nếm giao cảm, khi lâm chung, trước hết trông thấy lưới sắt, lửa mạnh cháy hùng hực, chói ngời phủ trùm trọn khắp thế giới. Thần thức của người chết lọt xuống, xuyên mắc vào lưới, treo ngược đầu xuống dưới, vào trong địa ngục Vô Gián.

5) Năm là Xúc Báo (觸報, quả báo của sự đụng chạm), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đây là cái nghiệp do sự đụng chạm giao cảm, khi lâm chung, trước hết, thấy núi lớn từ bốn phía ép lại, chẳng còn nẻo thoát ra. Thần thức của người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, tay cầm thương, giáo, xua đuôi [tội nhân] chạy vào cửa thành, hướng tới địa ngục Vô Gián.

6) Sáu là Tư Báo (思報, quả báo của sự suy nghĩ), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đây là do cái nghiệp suy tư giao cảm, khi lâm chung, trước hết, thấy gió ác thổi tan nát cõi nước. Thần thức của người chết bị thổi vát vương xoay tròn trên không, rơi xuống, nương theo gió mà đọa vào địa ngục Vô Gián.

Đây gọi là mười nhân và sáu quả của địa ngục, đều do sự mê vọng của chúng sanh tạo ra. Do các thứ nhân quả khó thể nói trọn hết, nay chỉ trích dẫn những phần thiết yếu thuộc về sự báo ứng trong ba đời, ghép vào đây nhằm nói rõ lý “nặng, nhẹ, giảm bớt, tước đoạt”, ngõ hầu người đời nhìn vào điều răn rõ ràng này sẽ biết tỉnh ngộ, kiêng dè vậy!

***(Chánh văn) Hựu chư hoạn thủ nhân tài giả, nãi kế kỳ thê tử gia khẩu dĩ đáng chi, tiệm chí tử táng. Nhược bất tử táng, tắc hữu thủy, hỏa, đạo tặc, di***

**vong khí vật, tật bệnh, khẩu thiệt chư sự, dĩ đáng vụng thủ chi trực.**

**(正文)又諸橫取人財者。乃計其妻子家口以當之。漸**

**至死喪。若不死喪。則有水火盜賊。遺亡器物。疾病口舌諸事。以當妄取之直。**

*(Chánh văn: Lại còn những kẻ cướp ngang tài vật của người khác thì vợ con, cả gia đình của hắn phải hứng chịu dần dần cho đến chết mất, tang tóc. Nếu không chết chóc, tang tóc, sẽ bị những chuyện như tai họa nước, lửa, trộm cướp, mất mát vật dụng, bệnh tật, khẩu thiệt để đền trả cái giá cướp càn).*

Câu trước đã nói rõ sự chịu báo theo từng sự, còn đoạn này lại nói về chuyện “ngang ngược đoạt lấy”, tức là nói về kẻ có thể lực. Chuyện này bất nhân bất nghĩa tới cùng, nhưng người đời lại khó thể tránh khỏi nhất. Vì thế, lại đặc biệt nêu ra để dạy mọi người. “*Hoạnh*” (橫) là tàn bạo, ngang ngược mà làm, dùng oai thế lấn lướt để uy hiếp. “*Trực*” (直) có nghĩa là “*nguyên số*” (原數, đúng với con số ban đầu). “*Đáng trực*” (當直) là phù hợp với số lượng vốn đã đoạt lấy. Những kẻ cướp

ngang tài vật của người khác, phần nhiều vì mưu tính cho vợ, con, người nhà, chẳng biết thân Tư Mạng cũng tính toán [đòi nợ] ngay từ vợ, con, người nhà của họ để báo trả sự tham ác. [Như vậy thì cứ tưởng khiến cho vợ, con, người nhà] được lợi mà chính là làm hại họ vậy. Dùng tình cốt nhục hữu tình, đổi lấy kim tiền vô tình, cũng quá đáng tiếc lắm thay! Hơn nữa, do điều ác tích tập, tuổi thọ đã tận, thân ta cũng chẳng tránh khỏi chết chóc, chôn vùi, vậy thì muốn có món kim tiền ấy có ích gì đâu? Nếu toan hỏi lộ nhằm nhờ cậy bậc quyền thế trong chốn âm ty, chỉ sợ [âm phủ] chưa chắc đã khoan dung. Cho tới khi ấy, có ai còn chẳng đành chịu thấy hết thấy đều rỗng tuếch, [nay chưa trông thấy quả báo thảm khốc] chỉ là do [sự báo ứng] chậm trễ đó thôi! Sao bằng ngay trong lúc này, khi báo ứng còn chưa xảy đến, hãy sớm nghĩ đặt mình vào tình cảnh đó, may mà điều ác còn hơi nhẹ, chưa đến nỗi chết chóc, tang tóc; nhưng [các tai nạn về] nước, lửa, trộm cướp, mất mát đồ đạc, bệnh tật, khẩu thiệt, con cháu không ra gì, những cách thức khiến cho tài vật của ta bị hao hụt rất nhiều. Đối với những kẻ ngang ngược đoạt lấy tài vật của kẻ khác, người gầy bàn tính to lớn [để tính toán] trong chốn âm thầm cũng ngang ngược đoạt lấy [tiền tài của bọn họ]. Rốt cuộc tiền tài chẳng còn gì, mà nỗi kinh sợ do nước, lửa, trộm cướp, nỗi áo não, căm hận do bị mất mát đồ đạc, nỗi đau đớn, khổ sở do bệnh tật, niềm phẫn hận, nỗi nhục nhã do khẩu thiệt, nỗi xấu hổ, điểm nhục do con cháu không ra gì [đã sờ sờ ra đó], rành rành là chính mình bị thua thiệt, đã chẳng có cách

nào bồi thường, lại còn thiếu nợ bao nhiêu tội lỗi oan nghiệt, chẳng được tự tại, bù đắp chẳng hết, biết làm thế nào đây? Kẻ đoạt lấy ngang ngược, hễ nghĩ đến chỗ này, sẽ không chỉ là tê buốt tấm lòng, mà cái tâm cũng sẽ nguội lạnh!

Hình Thụ đi sứ Tân La<sup>867</sup>, trở về, đi qua Thán Sơn, thấy có hơn một trăm khách buôn, chở theo mấy thuyền hàng hóa, giá trị mấy chục vạn mân<sup>868</sup>. Hình Thụ bèn tập kích, giết chết họ, đoạt lấy số hàng hóa ấy. Cho đến khi con hấn là Hình Tể cùng với Vương Hồng mưu phản, hấn bèn bị giết chết. Vợ, con, người nhà đều chết sạch chẳng còn gì!

Vi Công Cán làm châu mục Quỳnh Châu hay ngang ngược chiếm đoạt tài vật. Tới khi hấn mãn nhiệm, trở về, thuyền lật trên sông, vật dụng, tài sản mất sạch, chỉ thoát được cái thân.

Lữ Sư Tạo làm Thứ Sử Trì Châu, xâm phạm, chiếm đoạt tài sản của dân chúng, chở khẳm thuyền trở về, bỗng lửa đốt rụi những món tài vật ấy! Chỉ có thuyền và người là chẳng bị thương tổn.

---

<sup>867</sup> Tân La (Silla) là một vương quốc cổ nằm ở phía Nam và một phần miền Trung bán đảo Triều Tiên (Joseon, Chosŏn), tồn tại từ năm 57 đến năm 935. Tân La cùng với Bách Tế (Baekje) và Cao Câu Ly (Goguryeo) hợp thành Tam Quốc trong cổ sử Đại Hàn. Vương triều này do Phác Hách Cư Thế Cư Tây Can (Bak Hyeokgeose Geoseogan) sáng lập. Cuối cùng, vương triều này thôn tính Bách Tế và Cao Câu Ly. Sau gần một ngàn năm thịnh trị, Tân La lại rơi vào tình trạng tam phân, tức là Hậu Tân La, Hậu Bạch Tế, và Thái Phong (Taebong). Sau đó, Tân La bị vương quốc Cao Ly (Goryeo) tiêu diệt.

<sup>868</sup> Mân (緡) là một ngàn đồng.

Đinh Vị<sup>869</sup> bị đày đi Châu Nhai, bị đạo tặc cướp bóc, mất sạch những thứ sở hữu. Không lâu sau, hắn chết ngắc.

Mã Tương tánh tham lam, làm Tào Ty<sup>870</sup> ở Tây Xuyên. Gặp loạn Lưu Hu, Mã Tương bỏ vàng xuống giếng [để giấu]. Sau khi cuộc biến loạn được dẹp yên, chẳng thể tìm thấy đâu nữa, mất sạch tất cả.

Hai gã Hồ Ứng Quế và Lục Nhất Kỳ kết bè đảng dụ dỗ một đứa con quan cờ bạc để chiếm gia tài của nó. Bỗng họ Hồ bị mù một mắt, còn gã họ Lục bị xụi một chân. Chúng nó tàn phế, nghèo nàn, túng quẫn suốt đời.

Cường Hoài Nhân tham lam, do ngang ngược [chiếm đoạt] mà trở thành giàu có. Con cái hắn không ra gì, thích cờ bạc, gái gú, phóng đảng, không bữa nào chẳng có chuyện dính líu khâu thiệt, thừa kiện, tù ngục. Chẳng đầy mười năm, gia sản khánh kiệt, lênh đênh, khốn khổ. Con cháu không ngóc đầu lên nổi.

Những trường hợp [vừa nêu] trên đây đều là những chuyện về những kẻ ngang ngược chiếm đoạt tài

---

<sup>869</sup> Đinh Vị (966-1037) là một gã đại gian thần thời Bắc Tống. Hắn quê ở Trường Châu thuộc Tô Châu, có tài ăn nói, giỏi thơ, họa, tinh thông sách vở và cờ vây. Hắn xuất thân là môn hạ của Khấu Chuân. Nhờ khéo luồn lách, hắn làm đến Hộ Bộ Thị Lang, kiêm Tham Tri Chánh Sự. Khi đã nắm quyền, hắn tận lực hạ bệ, bài xích Khấu Chuân, khiến ông Khấu bị đày đi Lôi Châu. Đinh Vị cùng với Vương Khâm Nhược, Lâm Đặc, Trần Bành Niên và Lưu Thừa Khuê kéo bè kết đảng khuynh loát triều chánh, sử thường gọi bọn chúng là Ngũ Quý. Về sau, do đồng đảng là Lôi Doãn Cung phạm tội xâm phạm lăng tẩm của hoàng đế, hắn bị liên lụy, bị giáng chức làm Thái Tử Thái Bảo, rồi bị đày đi Nhai Châu (Châu Nhai).

<sup>870</sup> Tào Ty (漕司) là chức quan quản trị vận chuyển theo đường thủy.



sản của người khác, tùy theo từng sự việc mà thể hiện sự báo ứng xứng đáng [với tội lỗi của bọn chúng], nhưng nặng nề nhất chính là sự chết chóc, tang tóc của bản thân Hình Thụ và người nhà của hắn. Trong cõi đời có chuyện bất minh, chứ cõi trời chẳng có chuyện gì không báo ứng; con người có thể vận dụng cơ mưu xảo quyết, cõi trời báo ứng càng hay khéo hơn. Ôi! Đáng sợ thay!

*(Chánh văn) Hựu uổng sát nhân giả, thị dịch đao binh nhi tương sát dã.*

**(正文)又枉殺人者。是易刀兵而相殺也。**

*(Chánh văn: Lại còn những kẻ giết oan người khác, sẽ đổi lại bị giết trong chiến tranh).*

Phần trước nói về chuyện ngang ngược chiếm đoạt, kế đó, nói về chuyện giết chóc oan uổng. Chuyện giết chóc oan uổng thường là do khởi nguồn từ yêu mến tài sản, tiếc nuối tài sản mà ra. So với chuyện “chẳng phải là do chính mình mà giết chóc, có khác gì đâu?” như Mạnh Tử đã nói<sup>871</sup> thì ngữ ý giống nhau,

---

<sup>871</sup> Đây là nói đến một đoạn trong thiên Tận Tâm Hạ sách Mạnh Tử: “Ngô kim nhi hậu tri sát nhân thân chi trọng dã. Sát nhân chi phụ, nhân diệc sát kỳ phụ. Sát nhân chi huynh, nhân diệc sát kỳ huynh. Nhiên tắc phi tự sát chi dã, nhất gián nhĩ” (Từ nay trở đi ta biết giết người thân của kẻ khác là nặng nề. Giết cha của người ta, người ta cũng giết cha mình. Giết anh của người ta, người ta cũng giết anh của

một mực thẳng thừng, nhanh chóng, thống khoái nhất. Nói đại lược về nguyên do của chuyện giết chóc oan uổng thì có bảy điều:

1) Một là xử án, do ăn hối lộ mà khiến cho kẻ khác bị oan khuất, bị vu hãm, mặc tình [hành hạ] thảm khốc.

2) Hai là dẫn quân đội, [viện cớ tác chiến] để tàn sát, bắt bớ, cướp bóc tài vật, ngụy tạo lý do để chặt đầu người khác hòng mạo nhận chiến công.

3) Ba là dùng thuốc, do mong cầu tài vật, [nhưng không thông thạo dược tánh], bèn cắt thuốc sai lầm, mê muội thiên lý mà công phạt chứng bệnh [khiến cho bệnh nhân bị tàn phế hay mất mạng].

4) Bốn là phá thai, hoặc do tiếc nuôi những khoản tiền tốn kém [để nuôi con thơ] mà dìm chết con gái. Do dục vọng phóng túng mà phá thai.

5) Năm là bợn sâu mọt trong nhà môn, lường gạt tài sản, hãm hại, giấu diếm cấp trên, hoành hành ngược đãi.

6) Sáu là Phong Thủy, chuyên dòi phần mộ hại người, [khiến cho người ta lâm vào] cảnh tuyệt địa, vướng mắc tai họa.

---

chính mình. Tuy chẳng phải do chính mình tự giết, nhưng xét đến nguồn cội, có khác gì đâu?)

7) Bầy là thầy dốt khiến cho người khác lỡ làng suốt đời, làm hại con em của người ta.

Tuy chẳng giống như sát nhân, [nhưng khiến cho người ta bị] oan uổng, trắc trở giống hệt. Những tội lỗi ấy, luật lệ sẽ chẳng tha thứ. Nếu không mắc phải họa người, ắt sẽ bị trời trừng phạt. Tuy nói là giết người khác, rốt cuộc sẽ là giết mình vậy!

Vào đời Tống, thiền sư X... lúc trẻ say rượu, cùng người khác tranh đoạt tài vật, dùng hết sức đánh người khác, kẻ đó chết ngay lập tức. Sư sợ tội, trốn xa, xuất gia tu hành siêng khổ, bèn triệt ngộ, trở thành đại thiền sư, khai đường thuyết pháp, học trò tới mấy trăm người. Lúc Sư bảy mươi mấy tuổi, bỗng một hôm, Sư tám gọi, thăng tòa, bảo đại chúng rằng: “Các vị đừng hành động, đừng nói gì, để xem một tầng công án của lão tăng từ hơn bốn mươi năm trước!” Sư ngồi tới giờ Ngọ, có một viên doanh biện (營弁, quan võ cấp thấp) đột ngột tìm tới, giương cung tên chực bắn. Sư chấp tay, bảo: “Lão tăng kính chờ đã lâu!” Viên doanh biện kinh hãi, bảo: “Ta và hòa thượng chẳng biết nhau, vừa trông thấy liền muốn giết, chính mình cũng chẳng hiểu duyên cớ!” Sư đáp: “Thiếu nợ phải trả tiền, giao dịch công bằng, chỉ xin Ngài ra tay, chẳng cần phải chân chừ, ngờ vực”. Sư ngoái lại, bảo đại chúng: “Sau khi ta chết, các vị hãy mời vị cư sĩ này dùng cơm, đưa tiễn. Nếu có nửa câu sân hận, hoặc kết tội, sẽ là nghịch trời, trái đạo, chẳng phải là đệ tử của ta”. Viên doanh biện càng nghi, kiên quyết vặn hỏi [nguyên do của] lời nói

ấy. Sư đáp: “Ông là người đã trải qua hai đời, cho nên quên bằng. Tôi là kẻ [chỉ mới sống] một đời cho nên chẳng quên”. Do vậy, Sư kể lại chuyện cũ; viên doanh biện vốn chẳng biết chữ, bỗng ngâm lớn rằng:

*Oan oan tương báo hà thời liễu,*

*Kiếp kiếp tương triền khởi ngẫu nhiên,*

*Bất nhược dữ Sư câu giải thích,*

*Như kim lập địa vãng Tây Thiên”.*

(Oan oan tương báo bao giờ hết,

Kiếp kiếp buộc ràng há ngẫu nhiên!

Sao bằng cùng Sư trừ oán hận,

Nay ta lập tức tới Tây Thiên).

Nói xong, tay cầm cung tên, đứng sừng sững qua đời. Sư từ tòa bước xuống, xuống tóc, đặt pháp danh cho viên quan doanh biện ấy, thay quần áo, nhập liệm [cho người ấy] rồi cũng ngồi xếp bằng, từ biệt đại chúng mà hóa. Sát nhân từ bốn mươi năm trước, đền mạng vào bốn mươi năm sau; đòi nợ tuy chậm, trả nợ như nhau. May mắn là cả hai vị đều là người có bản lĩnh to lớn; vì thế, oan gia trên đường, đúng lúc chạm mặt nhau, đối đầu ác liệt, đâm ra trở thành nhân duyên tốt đẹp. Cái chết của người ấy (tiền thân của viên quan doanh biện) đã ép người mắc nợ (vị hòa thượng) tu

hành chứng đạo. Cách đối đãi của thiền sư đã thôi thúc chủ nợ cởi gỡ oán kết, sanh thiên. Đây là duyên thù thắng, chuyện lạ lùng khó gặp gỡ trong ngàn đời vậy! Nếu chẳng phải là [vị thiền sư] thật sự đắc đạo, hoặc viên quan doanh biện không có bản lãnh ấy, ắt sẽ chẳng chịu xóa nợ không đòi. Vì thế, “*giết người chẳng khác giết chính mình*” cũng rõ rệt thay. Đối với bảy thứ giết chóc oan uổng đã được nêu bày trên đây; mọi người hãy tùy theo từng việc [để tự xét mình] mà răn ngừa, chớ nên vay mượn bừa bãi những món nợ rất nghiêm trọng vậy!

*(Chánh văn) Thủ phi nghĩa chi tài giả, thí như lậu bô cứu cơ, trăm tửu chỉ khát, phi bất tạm bão, tử diệc cập chi.*

**(正文)取非義之財者。譬如漏脯救饑。鴆酒止渴。非不暫飽。死亦及之。**

*(Chánh văn: Kẻ chiếm giữ tài sản phi nghĩa, ví như dùng thịt nhiễm độc<sup>872</sup> để cứu đói, dùng rượu ngâm lông chim Trám để khỏi khát, không chỉ là chẳng tạm no mà còn phải chết).*

---

<sup>872</sup> Nguyên văn “lậu bô” (漏脯) nghĩa là thịt khô để nơi dột nát, hoặc bị ngấm nước, sẽ sanh ra nấm mốc rất độc.

Đoạn này lại nói rõ sự tai hại do tham lợi. Do cái tâm ham lợi của người đời nặng nề, cho nên [đức Thái Thượng] chẳng kiêng nể dùng lời lẽ nặng nề, nhắc đi nhắc lại. Đức Thái Thượng lòng đau đáu, căn dặn nhiều lượt, [tâm lòng tha thiết] ấy đã đạt tới tột bậc. Những tội như dâm, giết, hung ác, phản nghịch v.v... người đời chẳng dễ làm, mà hạng người như vậy (hạng người phạm những tội ấy) cũng chẳng thấy nhiều. Chỉ riêng phương cách để chiếm đoạt tài sản [của người khác] là thiên biến vạn hóa, chẳng thể nói trọn hết được. Trong thiên hạ, không có ngày nào chẳng dùng đến tiền tài, cho nên trong thiên hạ, chẳng có ai không lấy tiền tài. Trong thiên hạ, [đã là] không có ai chẳng lấy tiền tài, nhưng phương pháp để đạt được [tiền tài] đúng đạo nghĩa thì ít ỏi, bất nghĩa thì nhiều, chẳng cần phải hỏi cũng biết. “*Nghĩa*” là gì vậy? Tình và lý đó thôi. Lấy mà người khác vui vẻ cho ta, thì gọi là đúng tình, gọi là “*nghĩa*”. [Người khác] chẳng vui vẻ cho ta thì sẽ chẳng hợp tình, mà cũng là phi nghĩa. Đã lấy rồi mà ta có thể nói với người khác thì gọi là “*hợp lý*”, gọi là “*nghĩa*”. Nếu chẳng thể nói cho ai biết, tức là bất hợp lý và phi nghĩa. Bất luận là ít hay nhiều, nếu có được [tài vật ấy] phi nghĩa mà vẫn có thể an nhiên sử dụng, [vậy thì] cũng chẳng ngại thuận theo lòng người mà cho phép làm như vậy. Thế nhưng, đức Thái Thượng ra rả răn dạy như vậy, là vì biết trong cõi đời, có kẻ lấy tiền tài bằng cách phi nghĩa, tức là có kẻ sẽ bị mất mát tiền tài một cách phi nghĩa. Một đằng thì vui sướng, một đằng thì đau lòng, hoặc một kẻ khoái trá, mười người đau

lòng, hoặc trăm người đau lòng, hoặc ngàn vạn người đau lòng. Đạo trời khéo báo đền, có lẽ nào hậu đãi kẻ vui sướng mà đối xử bạc bẽo với kẻ đau lòng ư? Trong ngấm ngấm, đối với những nỗi bất bình, [thần minh] suy nghĩ bù đắp cho chuyện ấy, ắt đều xắn tay áo mà thực hiện.

Đức Thái Thượng biết nguyên do này, bèn nghiêm mặt răn dạy họ rằng: “Chớ đoạt lấy [tiền tài của người khác]”, người ta chẳng nghe theo! Dùng lời lẽ dịu dàng khuyên nhủ người ta mà chẳng thể được, họ chẳng tin, bèn dùng lời lẽ khiến cho họ kinh sợ để khuyên họ rằng: “Kẻ có được tài sản [bằng cách chiếm đoạt] sẽ gặp chuyện bất tường”, [thế mà] người ta vẫn cứ tham cầu những thứ trước mắt, chẳng rảnh đâu để suy nghĩ sâu xa. Không gì bằng đánh thức họ: “Đạt được và chẳng đạt được là như nhau”, như vậy thì lòng tham của con người may ra cũng giảm bớt đôi chút! Vì thế, dùng thịt ngấm nước, rượu ngấm lông chim Trám làm thí dụ. Thịt ngấm nước, rượu ngấm lông chim Trám hễ lọt vào miệng, sẽ chết ngay lập tức. Vì thế, kẻ tuy ngu cuồng chưa có ai nếu đã biết là thịt ngấm nước bị mốc, rượu ngấm lông chim Trám mà vẫn cứ tham lam ăn uống, nhấc đĩa, ngậm chén! Biết tài vật phi nghĩa là thịt ngấm nước, rượu ngấm lông chim Trám, dầu ngàn vạn lọt vào tay, cũng sẽ thấy là vật vô dụng, chẳng dùng đến, há chẳng phải là “đạt được” và “không đạt được” đều như nhau ư? Có được mà chẳng dùng được, sẽ là vật đáng bỏ đi, vô ích trong cõi đời. Trọn hết tâm thuật bại hoại, sử dụng trọn hết mưu mẹo hòng cầu vật

bỏ đi, vô ích trong thiên hạ để làm gì cơ chứ? Nhưng thịt bị ngâm nước thơm tho như chả nướng, rượu ngâm lông chim Trám ngon ngọt chẳng kém Đề Hồ.

Người ta thấy mùi thơm tho, vị ngon ngọt, lại dấy lên tâm niệm cầu may: “Chưa chắc đã thật sự có chất độc!” [Do vậy], dẫn đến tình trạng hiểm có kẻ nào không uống tí cung thang! Tới khi phun ra chẳng nổi, nuốt xuống chẳng thể, đứt ruột, nứt da, chết chẳng kịp trở tay rồi mới than thở: “Chẳng trông thấy sớm hơn, chớ nên ăn uống là được rồi!” Canh rau, cơm lúa mạch, rượu quê, rau núi, lọt vào miệng tuy chẳng có mùi vị gì cho mấy, hơi say lâng lâng, chưa trọn hết hứng thú, nhưng an bình no dạ, xoa bụng tự đắc. Sự khổ sở và niềm vui sướng ấy khác biệt như thế nào? Những câu chuyện nhằm chứng tỏ lời răn dạy này có thể thấy rải rác trong những đoạn văn trước, đã vừa tường tận, rõ ràng, vừa lại trọn hết; do vậy, ở đây chẳng cần phải ghi thêm nữa!

*(Chánh văn) Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi cát thân dĩ tùy chi. Hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi, nhi hung thân dĩ tùy chi.*

**(正文)夫心起於善。善雖未為。而吉神已隨之。或心起於惡。惡雖未為。而凶神已隨之。**

。



*(Chánh văn: Hễ dấy thiện niệm, tuy chưa làm lành, cát thân đã đi theo. Tâm móng niệm ác, tuy chưa làm ác, hung thân đã theo).*

Nêu ra chữ Tâm (心) nhằm dạy mọi người mầm móng thiện ác, ngõ hầu mọi người sẽ biết cẩn thận từ chỗ khởi nguồn. Hãy nghiền ngẫm chữ Phù (夫) và chữ Hoặc (或) [trong lời răn trên đây], [sẽ ngộ ra trong ấy] có ý nghĩa “hễ rời khỏi thiện liền đọa vào ác”. Hãy nên xem lời răn này, kèm thêm chương “*kê minh nhi khởi*” (gà gáy liền thức dậy)<sup>873</sup> trong sách Mạnh Tử nhiều lượt. Kinh Phật dạy: “*Tam giới vô biệt pháp, duy thị nhất tâm tác*” (Tam giới chẳng có pháp nào khác, chỉ do một tâm tạo ra). Lại nói: “*Năng tùy duyên nhiễm tịnh, biến tạo thập pháp giới*” (Có thể tùy theo duyên nhiễm hay tịnh, mà tạo ra trọn khắp mười pháp giới). Thế gian và xuất thế gian, chẳng ngoài tứ thánh lục phàm pháp giới. Mười pháp giới như thế vốn chẳng có tự tánh, đều do nhất tâm tạo ra. Vốn dĩ cái tâm này tuy nói là “*bất biến*”, nhưng nó thật sự tùy duyên. Do nó tùy duyên nên nói là “*năng tạo*” (có thể tạo). Vì thế, tâm có thể làm Phật, mà tâm [cũng] có thể làm chúng

---

<sup>873</sup> Đây là một đoạn trong thiên Tận Tâm Hạ của sách Mạnh Tử: “*Kê minh nhi khởi, tư tư vi thiện giả, Thuấn chi đồ dã. Kê minh nhi khởi, tư tư vi lợi giả, Chích chi đồ dã. Dục tri Thuấn dữ Chích chi phân, vô tha, lợi dữ thiện chi gian dã*” (Gà gáy bèn thức dậy, siêng gắng làm lành, đó là hạng người giống như vua Thuấn. Gà gáy bèn thức dậy, chăm chú làm lợi cho [bản thân], đó là hạng người giống như Đạo Chích. Muốn biết rõ để phân biệt giữa hạng người giống như vua Thuấn hay như Đạo Chích, chẳng có gì khác, chỉ là [sự khác biệt] giữa lợi và thiện).

sanh, tâm tạo thiên đường, tâm tạo địa ngục. “*Tâm khởi*” tức là một niệm chớm nảy. Một niệm tuy nhỏ bé, [có thể] cảm động trời đất, thông thấu quỷ thần. Ai có thể dấy lên một thiện tâm, chỉ một niệm ấy là lá bùa thiêng liêng để phá địa ngục, là guơm trí huệ để chém sạch các thứ tà, là thuyền Từ để vượt biển khổ, là đèn sáng soi tan tăm tối. Nếu dấy lên một ác tâm, ắt tam đồ hiện tiền, trầm luân chẳng dứt. Vì thế, cát thân hay hung thân tùy thuộc ý niệm mà đến, chẳng cần phải chờ đợi may mắn nào! Đời Minh, Hám Sơn đại sư nói: “*Cần phải thấy thấu suốt từ chỗ niệm dấy lên, khi sự chưa xảy đến thì đừng làm lạc sanh khởi. Khi ác niệm dấy lên, một đao chặt đứt phăng, ắt nghiệp căn lập tức tiêu trừ, vọng niệm có chỗ nào để an trụ? Dầu mới để siêu phàm nhập thánh hoàn toàn ở chỗ này*”.

Xưa kia, Nguyên Tụ Thật hận gã họ Mâu phụ bạc ân nghĩa, canh năm muốn đến giết hắn. Trên đường, ông ta đi qua một cái am, am chủ là ông Hiên Viên, sáng sớm tụng kinh, thấy có mấy trăm con quỷ hình thù kỳ quái, bộ dạng lạ lùng, con nào con nấy đều cầm đao hoặc búa theo Nguyên Tụ Thật mà đi, khí thế hết sức hung ác. Chẳng mấy chốc, chúng nó lại lui về. Những người tùy tùng [của Tụ Thật] đều đội mũ vàng, giắt ngọc, đông đảo cỡ cả trăm người, [cầm theo] hương, hoa, tràng phan, dáng điệu và vẻ mặt hòa hoãn, vui tươi. Ông Hiên Viên gọi Tụ Thật lại hỏi, Tụ Thật bèn nói: “Họ Mâu phụ ân tôi, tôi muốn đến giết nó. Đến cửa nhà ông, [tôi lại nghĩ] tuy họ Mâu phụ bạc tôi, nhưng vợ con nó tội tình gì? Nó lại còn có mẹ già. Giết

một mình nó, thật ra là giết chết cả nhà nó, sao nữ nhân tâm! Bèn thay đổi ý niệm trở về”. Ông Hiên Viên kể lại những gì đã thấy, lại còn chúc mừng: “Chuyện ông đã làm, thần minh đã biết, ắt sẽ hưởng lộc sâu dày”. Tự Thập bèn dừng mãnh hướng lành, gắng sức chẳng ngại. Về sau, quả nhiên đỗ đạt, đạt tới địa vị khanh tướng.

Lão Tử nói: “*Thiện và ác khác biệt đến cỡ nào!*” Tôi đã từng trộm nghiền ngẫm lời ấy, [hiểu rằng]: Nói chung, hai nẻo thiện ác, thoát đầu chẳng cách xa nhau, đặc biệt là bắt nguồn từ một niệm trong cuộc sống hằng ngày có đúng và có sai. Có thể hiểu lý này, luôn thiết tha tu tỉnh, tự nhiên toàn thể sẽ là thiện, phước đức không gì chẳng tăng, họa hoạn không gì chẳng lui mất. Nhìn vào một niệm của ông Nguyên là thiện, bèn chuyển họa thành phước, nhanh chóng như thế đó. Nói “*tâm dấy lên thiện hay ác, cát thần hay hung thần bèn thuận theo*” đã được chứng minh ở đây, cũng chẳng đáng tin rành rành ư?

***(Chánh văn) Kỳ hữu tăng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cửu tất hoạch cát khánh. Sở vị chuyển họa vi phước dã.***

**(正文)其有曾行惡事。後自改悔。諸惡莫作。眾善奉行。久久必獲吉慶。所謂轉禍為福也。**

*(Chánh văn: Nếu kẻ đã từng làm chuyện ác, về sau sửa đổi, hối hận, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, lâu ngày chầy tháng, ắt được cát khánh, đó gọi là “chuyển họa thành phước” vậy).*

Đoạn này nêu ra hai chữ Cải Hối (改悔), dạy mọi người phương pháp để hướng thiện, sửa lỗi, là then chốt để xoay họa, chuyển phước. “Cải” (改) là sửa lỗi. “Hối” (悔) là sám hối. Trong thiên hạ, người thuần thiện thì ít, kẻ đã từng làm ác thì nhiều, nhưng kẻ bất thiện đều có thể trở lại thành người chí thiện. Vì thế, đức Thái Thượng rất miêng rườm lời, trong phần kết thúc thiên sách này, Ngài bèn nói ra ý chỉ cội gốc của sự cải hối, hét to [để đánh thức kẻ vẫn lẩn quẩn] nơi cửa ải mê muội, khiến cho họ “quay đầu là bờ”. Kế đó, Ngài lại sợ người ta sẽ hiểu lầm hai câu “*buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật*” mà vọng tưởng dùng một chén nước để cứu cả xe củi đang cháy. Vì thế nói “*đừng làm ác điều ác*”, để mong khoét bỏ hết sạch [vọng tưởng] ấy. Lại nói “*vâng làm các điều thiện*” để mong [mọi người] sẽ tích lũy viên mãn [thiện hạnh],

hành lâu ngày chầy tháng, sẽ có thể trừ khử những nỗi oan khiên trước kia, những mối họa còn thừa sót mới tiêu. Sau đây, hành thiện ngày càng viên mãn, phước mới tự đưa đến. Những kẻ ngu trong hiện tại tự biết chính mình đã làm những điều bất thiện, hoặc là do lương tâm phát hiện, toan nhờ vào tăng nhân, đạo sĩ tuyên đọc, lễ bái sám văn hồng được tiêu tội, đúng là muốn dùng một chén nước để cứu xe cũi [đang cháy] vậy! Há chẳng phải là làm lạc to tát ư? Huống hồ thường là thoát đầu hồi hận; về sau, lỗi lại tăng thêm! Vì thế, rớt cuộc đến nỗi chìm lỉm trong biển khổ, táng thân, diệt tánh, buồn thay! Nếu kẻ nào hồi cải kiêu đó, há chẳng phải là đã hết sức cô phụ ý ra rả bảo ban, răn dạy của đức Thái Thượng ư?

Than ôi! Đức Thái Thượng dạy người ta phương pháp sửa lỗi, phương pháp sám hối, mấy lời ấy hết sức trọng yếu, khẩn thiết, [đối với tội lỗi của con người, đúng là] đâm mũi kim nào cũng thấy máu. Đó gọi là một viên thần đan điểm sắt thành vàng, là một lời chí lý chuyển phàm thành thánh. Ai nấy hãy nên quyết chí thề nỗ lực thực hiện, ngõ hầu ứng hợp lòng Từ rộng lớn. Nay trước hết, nói rõ phương pháp sám hối; kế đó, nói rõ phương cách sửa lỗi. Sám hối là “*cải vãng tu lai*” (sửa đổi những sai lầm trong quá khứ, từ nay tu tập), là đạo trọng yếu để sanh ra điều thiện, diệt trừ điều ác. Vì thế, hãy nên vun bồi thiện căn, [ngõ hầu] các điều thiện đều sanh. Tội căn hãy nên phát lộ thì các tội đều diệt.

1) Một là chánh tín nhân quả, chẳng mê, chẳng lầm lạc, [biết rõ] “*làm thiện được phước, làm ác mắc họa*”. Tuy [các nghiệp nhân] chẳng có tác giả, nhưng quả báo chẳng mất. Tuy niệm niệm đều diệt, nghiệp chẳng bại vong. Tín là cội nguồn của đạo, do trí mà có thể nhập. Đây là căn bản của các điều thiện. Dùng sự chánh tín này để phá trừ cái tâm Nhất Xiển Đề.

2) Hai là sám hối tội ác, hổ thẹn làm gốc: Thẹn vì ta phạm tội này, chẳng được dự vào loài người; xấu hổ “ta do tội này, ắt bị trời phạt”. Đây gọi là bạch pháp nhằm phá trừ pháp “không biết thẹn”.

3) Ba là sợ hãi vô thường. Một hơi thở ra, chẳng hít vào được nữa, mạng liền theo đó mà diệt, sẽ theo nghiệp chịu báo, luân chuyển vô cùng. Đã ngộ vô thường, đây là [cơ sở để] phá dẹp cái tâm chẳng sợ ác đạo.

4) Bốn là phát lộ, [tức là] hướng về người khác bộc bạch tội lỗi nặng nhẹ. Do phát lộ nên tội liền cháy khô, như chặt rễ cây, cành nhánh bèn xơ xác, rơi rụng. Đây là phá trừ cái tâm che giấu vậy.

5) Năm là đoạn cái tâm tương tục, rốt cuộc xả ác, quyết tâm dũng mãnh như đao thép chặt đứt mọi vật; hể chặt xuống, thấy đều đứt rời. Đây chính là phá trừ cái tâm tương tục vậy.

6) Sáu là phát Bồ Đề tâm, dẹp trừ khắp hết thấy các nỗi khổ, ban trọn khắp hết thấy các niềm vui. Do

cái tâm rộng lớn ấy, phá trừ cái tâm duyên trợn khắp hết thấy ác nghiệp.

7) Bảy là tu công để bù lỗi, siêng năng sách tấn ba nghiệp, tinh tấn chẳng ngại. Đây là tu công lập đức để phá trừ cái ác tâm “chẳng tu ba nghiệp”, chẳng dấy khởi tội lỗi.

8) Tám là thủ hộ chánh pháp, chẳng nghĩ tới tà sư ngoại đạo phá hoại Phật pháp. Đây là [phương cách để] thay đổi cái tâm “phá diệt hết thấy các thiện sự”.

9) Chín là nghĩ tới vô lượng công đức, thần thông, trí huệ của mười phương Phật xót thương gia hộ, trừ tội cho ta, [đây chính] là thanh lương diệu dược. Đây là [phương cách] thay đổi phá trừ cái tâm “nghĩ tới ác tri thức”.

10) Mười là quán tánh của tội là Không. Tội từ tâm sanh, lại từ tâm diệt. Vì thế nói: “*Nếu tâm diệt thì tội cũng mất*”. Nếu biết tội phước vô chủ, tâm thể (bản thể của cái tâm) tự là Không, trở về nguồn cội, rốt ráo thanh tịnh. Đây là phương pháp để thay đổi, phá trừ cái tâm vô minh điên đảo chấp trước. Kinh dạy: “*Biển hết thấy các nghiệp chướng đều sanh từ vọng tưởng. Nếu muốn sám hối, hãy ngồi ngay ngắn niệm Thật Tướng, các tội như sương, móc, huệ nhật (vàng mặt trời trí huệ) có thể tiêu trừ. Do vậy, hãy nên chí tâm sám hối. Như cái áo dơ bẩn suốt trăm năm, có thể giặt sạch sẽ trong một ngày. Như tấm gương cổ ngàn năm, có thể trong một lúc lau chùi đến mức tỏa sáng, có thể giải trừ*

*oan khiên ngàn đời muôn kiếp, có thể diệt tội Tứ Trọng, Ngũ Nghịch*”. Sám hối như thế, có ác nào chẳng diệt, thiện nào chẳng sanh?

Ngài A Na Luật trong đời xưa kia vốn là một tên giặc cướp. Ban đêm tới chùa Phật, thấy ngọn đèn thờ Phật sắp tắt, bèn rút mũi tên khêu bắc đèn, đèn bỗng sáng bừng, chói ngời lóa mắt. A Na Luật sợ hãi, lập tức bỏ ác theo thiện, các điều ác dần dần tiêu diệt, muôn điều thiện đều tròn đầy, bèn được chứng quả.

Đời Tống, Dương Trọng Hòa vốn giữ chức Thôi Tư ở Hứa Châu,

trong niên hiệu Thiên Thánh<sup>874</sup> bị sai tới Thái Châu để xét duyệt các vụ án. Do phán quyết oan uổng, ông bị Bắc Cự (Tử Vi Đại Đế) tâu trình [Thượng Đế], sắp bị [thiên đình] phạt nặng. Trọng Hòa hối hận, sợ hãi, lập tức bỏ chức quan xử án, thề tu một trăm điều thiện để chuộc lỗi. Mỗi lần gặp tăng đạo qua lại, người nghèo cùng thiếu thốn, góa bụa, mồ côi, trơ trọi, tang ma hoặc bệnh tật ngặt nghèo, ông không gì chẳng giúp đỡ, châu cấp. Chẳng đầy mấy năm, gia sản trống rỗng. Sớm chiều ông chỉ thờ phụng, dâng hương, thắp đèn cho Chân Vũ Chân Quân. Rốt cuộc, do ông dũng mãnh sửa lỗi, được Chân Quân thương xót, hóa thành đạo nhân, trao cho mười hai cây xăm thiêng của Chân Quân để giúp cho ông tu đạo. Kế đó, ông được Đông Nhạc thâu

---

<sup>874</sup> Thiên Thánh là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1023 tới năm 1032.



nhận, trọng dụng, bổ làm người ghi chép, trông coi sổ sách ở Ma Khê. Triều đình truy phong ông là Ngô Bồn Chân Nhân.

Đời Minh, Mạo Khởi Tông nói: - [Trong phần chú giải kinh Dịch về] sáu hào của quẻ Càn, sau cùng là nói cát tường, trước hết là nói “*vô cữu*” (không phạm lỗi). Có hối hận, có thể hối thì sẽ có thể bù đắp lỗi, sẽ là tốt lành. Lớn lao thay ý nghĩa của chữ Hối.

Đời Minh, ông Trần Lương Mô lại nói: - Nghèo, giàu, sang, hèn, thọ, yếu của con người cho đến một hớp uống, một miếng ăn, mỗi hành vi, đều có vận số nhất định, chẳng thể trái nghịch được. Nhưng điều then chốt để chuyển dời họa, phước lại ở nơi con người, mạng số chẳng thể hạn cuộc được. Bởi lẽ, số mạng đã định là mạng trời, cảm ứng là lòng trời. Trời lấy “*sanh thành muôn vật*” làm tâm, tốt bậc chân thành, không hư vọng. Nếu ai có một niệm “giúp người, lợi vật” xuất phát từ đáy lòng, thoát đầu chẳng phải là do vì hữu vi mà làm, tuy là một chuyện nhất thời, nhưng do lòng tinh thành tốt bậc, sẽ có thể cảm cách lòng trời, như tiếng vang ứng theo [âm thanh]. Đấy lại là lẽ tất nhiên. “Số” là số trời. Lòng trời đã cảm cách, số (vận số) cũng sẽ chuyển theo, làm sao có thể hạn cuộc cho được! Ví như pháp chế trừng phạt hay ban thưởng của nước nhà, nhất định là chẳng thay đổi. Nếu bầy tôi thật sự có thể dùng lòng trung thành khiến cho tâm vua cảm động, ắt là tuy đã bị biếm trích mà vua có thể gọi trở về, sắp bị hành hình mà được ân xá. Trong khoảnh

khắc, mừng, giận khác hẳn, làm sao chẳng thể thay đổi cho được? Do vậy biết thiên lý và vận số ảnh hưởng lẫn nhau xưa nay chính là chuyện âm đức cảm ứng rất rõ rệt, chẳng hư dối vậy!

*(Chánh văn) Cố cát nhân ngữ thiện, thị thiện, hành thiện, nhất nhật hữu tam thiện, tam niên thiên tất giáng chi phước. Hung nhân ngữ ác, thị ác, hành ác, nhất nhật hữu tam ác, tam niên thiên tất giáng chi họa, hồ bất miễn nhi hành chi?*

**(正文)故吉人語善。視善。行善。一日有三善。三年天必降之福。凶人語惡。視惡。行惡。一日有三惡。三年天必降之禍。胡不勉而行之。**

*(Chánh văn: Do vậy, người cát tường nói lời lành, xem điều lành, làm điều lành, mỗi ngày có ba điều lành thì ba năm trời ắt ban phước cho. Còn kẻ ác nói lời ác, xem điều ác, làm điều ác, mỗi ngày có ba điều ác, ba năm trời ắt sẽ giáng họa. Sao không cố gắng thi hành vậy thay?)*

Đoạn này tổng kết toàn bộ thiên sách, chân thật dạy mọi người con đường “thuận theo điều thiện, trừ khử điều ác”. Chữ Cố (故) nhằm liên kết với hết thấy những câu văn trước đó. “Cát nhân” (吉人) là người do làm lành mà có thể được phước. “Hung nhân” (凶人) là

kẻ do làm ác mà có thể mắc họa. Các điều ác, các điều thiện, chẳng thể kể trợn hết; nói tổng quát, sẽ là ba loại “*ngữ, thị, hạnh*” (lời nói, cách nhìn, việc làm). Đây chính là chỗ thiết thực để đổ công dốc sức.

1) “*Ngữ thiện*” (語善) là như lời phi lễ chớ nói, thích nói điều tốt lành của người khác, khơi gợi thiện tâm của người ta.

2) “*Thị thiện*” (視善) là như phi lễ chớ nhìn, thích thấy người lành, thích xem thiện thư, luôn thấy lỗi ác của chính mình, chẳng thấy người khác sai trái.

3) “*Hạnh thiện*” (行善) là như chuyện phi lễ chớ làm, chuyện phi pháp chớ dính dáng, dũng mãnh làm lành, luôn tạo thuận lợi [cho người khác], làm đủ mọi thứ âm công, xướng suất, hướng dẫn một phương, cho đến thấu đạt bốn phương, khiến cho ai nấy đều được cảm hóa mà có cùng chí hướng.

Thiện nhân và những người giống như họ đều là [ngữ thiện, thị thiện, hạnh thiện] như thế; kẻ làm ác thì ngược lại (tức là ngữ ác, thị ác, hạnh ác). “*Ba năm*” là một ngàn ngày. Đây là phương pháp từ thời Đường Ngu (Nghieu, Thuấn) dùng để khảo hạch thành tích, là kỳ hạn để viên mãn. [Với thời hạn đó], thiện sẽ tích tập, mà ác cũng sẽ chứa đầy. Lòng người hết sức linh động, biến hóa bất thường. Nếu suốt ba năm mà cái tâm không thay đổi, tức là thiện và ác cũng đã thuần. Nêu ra chữ Thiên, đây chính là vị đại chủ tế hưởng thiện phật

ác, ban phước, giáng họa, là chỗ quy kết trọng yếu của toàn thể thiên sách này, nhưng [ở đây phải hiểu] “*Thiên*” (天) chính là cái tâm của ta. Mạnh Tử nói: “*Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tánh, sở dĩ sự thiên dã*” (Giữ tâm lòng này, dưỡng tánh này; đó chính là thờ phụng trời). Hai chữ Tất (必) không nhất định là nói trời xanh thăm thăm, không tiếng động, không mùi vị ắt sẽ làm như thế, mà là nói cái tâm ta đã phát khởi ngữ, thị, hạnh trong suốt ba năm [thì sẽ sanh ra tác dụng ấy]. Do vậy nói “*không gì chẳng cầu từ chính mình*” chính là nói về lý này. Bậc chí nhân vui với đạo, vốn chẳng phải là cầu phước. Do cầu phước mà làm lành, cái tâm đã dính dáng lẽ riêng tư. Vì thế, chỉ nên trọn hết sức mình, vâng thuận theo trời, chớ nên có một mảy tâm niệm mong mỏi, đón chờ. [Bởi lẽ, họa hay phước] chỉ là do cái tâm tự cảm vời, mà đạo trời khéo đáp đền. Lý họa phước vốn mệnh mông, tràn đầy trời đất, chẳng sai sót mảy may. Người đời nếu coi chuyện “làm lành, trừ ác” là chuyện thuộc về bốn phận của chính mình, cố nhiên là thuộc về bậc thượng thượng; nhưng trên cõi đời, đại đa số là kẻ bình phàm, làm sao có thể trọn hết đều là bậc thượng căn cho được? Vì thế, do sợ tai họa, do cầu phước mà trừ bỏ điều ác, làm lành, thì cũng [ứng hợp] với lòng mong mỏi của đức Thái Thượng, chỉ sợ con người chẳng cầu phước! Nói “*cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mạng*” (có phương cách để cầu, nhưng đạt được hay không là do vận mạng) tức là cầu phước thì cũng có ích cho việc được phước. Cầu như thế, cố nhiên chẳng gây hại cho điều đang cầu mong. “*Giáng*

*phước*” là như bản thân được hưởng phước lộc, con cháu thiện lương, vinh hiển, thịnh vượng, tăng thêm tuổi thọ, gia đạo hưng thịnh, vạn sự thuận hòa. Thậm chí làm thánh, làm hiền, thành tiên, thành Phật, triệt ngộ tự tánh, chứng thẳng vào Vô Sanh, độ người, độ vật, tạo thành chuẩn tắc tối cao cho muôn đời. “*Giáng họa*” (降禍) là như đích thân gặp phải những tai họa rõ rệt, con cháu nham hiểm, ác độc, thường bị dòn vào cảnh bại vong, tuổi thọ ngắn ngủi, gia đạo chìm đắm, mọi sự đều bị trở ngại, thậm chí chết rồi sẽ vào địa ngục Vô Gián, luân hồi trong dị loại, vĩnh viễn chịu tội, điều ác lan sang đời sau, muôn năm bị thóa mạ. Than ôi! Do vậy mà luận định, đạo họa phước to lớn thay, đúng là chẳng thể nghĩ bàn được.

Câu cuối cùng nêu ra hai chữ “*miễn hành*” (勉行) chỉ nhằm nói đến ý “*chúng thiện phụng hành*” (vâng làm các điều thiện) trong phần trước; đó là điểm then chốt chung của toàn bộ Cảm Ứng Thiên. Chữ Miễn (勉) chính là bí quyết trọng yếu nhất để “*hướng thiện, sửa lỗi*”, há chẳng phải là từ ngữ trách móc, cảm thán ư? “*Hành*” (行) là bản thân nỗ lực thực hiện. “*Miễn hành*” là gắng hết sức nỗ lực thực hiện, thà chết chẳng lùi! Kinh Thư chép: “*Phi tri chi nan, duy hành chi nan*” (Biết chẳng phải là khó, chỉ có hành là khó). Ngạn ngữ có câu: “*Thuyết đắc nhất xích, bất như hành đắc nhất thốn*” (Nói cả thước, chẳng bằng làm được một tấc). Nếu biết mà chẳng hành, chắc chắn chẳng có

thọ dụng gì! Đã chẳng được thọ dụng, chẳng tránh khỏi hướng vào biển sanh tử, tự làm tự chịu. Người đời mong cầu một sanh lộ, cần phải bỏ ra tử công (死功, công phu dẫu chết không lùi bước). Châu Tử nói: “*Khi khí Dương phát khởi; vàng, đá cũng bị xuyên qua*”. Tinh thần đạt đến khắp mọi nơi, có chuyện gì mà chẳng thành! Ai có thể như thế thì công hạnh sẽ viên mãn, thành chân (thành tiên), chứng thánh, há lẽ nào chẳng phải là chuyện tất yếu ư?

Chẳng có điều thiện, sẽ không có phước; chẳng có điều ác, sẽ không có họa. Đây là lẽ thường hằng trong đạo trời, nhưng báo ứng thiện ác có khi rơi vào bản thân người ấy, có khi rơi vào con cháu. Có kẻ là người ác trong đời hiện tại, nhưng do phước trong đời trước chín muồi, đáng phải chịu họa mà chuyển thành hưởng phước. Có người là thiện nhân trong đời hiện tại, do tội trong đời trước chín muồi, đáng hưởng phước mà chuyển thành chịu họa. Đợi cho tới khi đã hưởng phước hay chịu họa trong đời trước xong xuôi, thiện báo hay ác báo trong đời này mới sẽ mỗi mỗi đều tiếp nhận. Chuyện này chẳng qua là sớm hay muộn, trước hay sau đó thôi! Chẳng phải là báo ứng thiện ác bị mất đi. Vì thế nói: “*Pháp luật dương gian nhanh chóng, có thể trốn thoát. Pháp luật cõi âm chậm chạp, nhưng chẳng bỏ sót!*” Lưới dương gian thưa dễ lọt, lưới cõi âm kín kẽ, khó trốn. Người thời nay ngẫu nhiên làm một điều thiện, bèn mong được báo ứng; hề hoi có điều gì chẳng vừa ý, liền bảo: “*Đạo trời khó biết*”. Nào có biết người

không bị đói, chẳng bị rét, không tai, không họa, kẻ sĩ được đọc sách, nông dân được cày cấy, thợ thuyền được làm lưng, lái buôn được buôn bán, luôn toét miệng cười, hằng ngày ít phải chau mày, há chẳng phải là cái phước bình an đây ư? Nếu không, nguyện vọng trong cõi đời không ngần mé, thế giới khuyết hãm, há ai nấy đều có thể phú quý, thuận lợi, hiển đạt ư? Người đời chỉ nên tôn kính, tin tưởng Cảm Ứng Thiên, vâng làm theo từng chuyện, tự nhiên sẽ là phước lộc vô lượng, con cháu vinh hiển, hưng thịnh. Hành suốt một năm, muôn tội tiêu diệt. Hành suốt bốn năm, trăm phước đều nhóm họp. Hành suốt bảy năm, con cháu đỗ đạt. Hành cả mười năm, thọ mạng kéo dài. Hành mười lăm năm, vạn sự như ý. Hành hai mươi hoặc ba mươi năm, được ghi tên vào sổ tiên. Hành năm mươi năm, thiên thần cung kính, được xếp vào ngôi vị nơi thượng giới. Đây là lời chân thật chẳng dối gạt của đức Thái Thượng, sợ người đời chẳng thể thật sự thực hiện đó thôi! Đại khái, bậc đốc chí nơi đại đạo, khi mới phát nguyện, liền chú trọng tự độ và độ người. Để tự độ và độ người khác, trước hết là phải phước huệ song tu. Tu huệ, ắt phải kiến tánh minh tông. Tu phước, ắt phải [chú trọng] nơi ngũ thường, bách hạnh. Hai thứ [phước và huệ] bổ trợ nhau, Thượng Đế ắt hạ chiếu thư cõi trời đối đãi, chư Phật nhất định dùng Tịnh Độ để nhiếp thọ. Không chỉ là siêu sanh thượng giới, mà thật ra, còn là mau chóng chứng Vô Sanh, bất sanh, bất diệt, sau đây mới có thể nhập thế độ sanh. Liễu ngộ đại sự nhân duyên này, nếu khẳng khẳng mong cầu trường sanh, tu

tánh mạng, đó chính là “chẳng tu tam-muội”; khi báo hết, sẽ trở lại, liền sanh vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, thọ tới tám vạn bốn ngàn đại kiếp. Rốt cuộc, lại vào trong các nẻo [của lục đạo], chẳng thể xuất thế, nhưng ở trong các đường ấy, đều là do chẳng liễu ngộ diệu minh chân tâm, những thứ hư vọng đã tích tập sẽ phát sanh, bèn hư vọng có tam giới, lầm lạc chìm đắm nơi bảy đường trong ấy! Do vọng nghiệp chiêu cảm, dẫn khởi tùy theo từng loài [mà sanh vào trong các đường]. Chỉ có triệt ngộ Bồ Đề thì các vọng duyên ấy vốn là vô sở hữu, hạnh lực Phổ Môn lại đủ để duy trì. Do vậy, người có thể liễu ngộ đại sự nhân duyên ắt sẽ nương về chư vị Phước Huệ Lương Túc Tôn vậy!

Trong Bàn Sơn Ngũ Lục<sup>875</sup> của Thê Vân Chân Nhân Vương Chí [Cẩn] có chép:

- Nếu hỏi: “Làm thế nào để thoát khỏi tội phước nhân quả?” Thầy (Vương đạo sĩ) đáp: “Tội phước nhân quả là cái vỏ của âm dương. Nếu ông thoát khỏi cái vỏ âm dương, sẽ không có tội phước nhân quả. Cái vỏ âm dương là như thế nào? Phàm là trong tâm có một mảy ý niệm tư dục tự lợi, sẽ thuộc vào cái vỏ âm. Hễ có một mảy niệm thích làm thiện sự, sẽ thuộc vào cái vỏ dương. Nơi âm bèn có ác báo; nơi dương thì có thiện

---

<sup>875</sup> Bàn Sơn Ngũ Lục là tác phẩm do đệ tử của đạo sĩ Vương Chí Cẩn biên soạn vào cuối đời Kim, đầu đời Nguyên. Vương Chí Cẩn là đạo sĩ của Toàn Chân Giáo, đạo hiệu là Thê Vân Tử. Sách này ghi chép những lời dạy của Vương đạo sĩ về cách tu luyện trong Đạo Giáo dựa trên những luận giải về Thanh Tịnh Kinh. Do ông Vương tham khảo bộ Thiên Tông Tâm Tánh Luận, nên trong tác phẩm này có rất nhiều yếu tố Thiền.



báo. Nếu có thể luyện sao cho tâm thể như hư không, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng có mảy may vướng mắc, tự làm chủ được, ắt họa phước sẽ chẳng thể dính mắc người ấy, nhân quả chẳng thể ràng buộc người ấy được. Đó là bậc chân nhân thoát khỏi cái vỏ âm dương”.

Đời Tống, ông Châu Hồi Am nỗ lực thực hiện quy củ rất nghiêm, tạo thành sự bất tiện cho kẻ hậu học, nào có biết trong khi chưa thấu hiểu rõ ràng Lý Học, khi mô phỏng, học tập tâm tánh [theo khuôn khổ của thánh hiền Nho gia] trong cõi đời mà nếu bỏ sót, chán ghét điểm then chốt trọng yếu này, [Lý Học] sẽ bị ảm mất ngay trong thuở đó. Nếu không do ông Châu một phen chống đỡ, duy trì, ắt Lý Học đã bị băng hoại, biến mất từ lâu rồi. Thuở ấy, Đạo học bị cấm đoán, bị quy kết là nguy học, bị chỉ trích là tà khí (mang hơi hướng tà vậy). Trong những kẻ gây chuyện ồn ào, có gã hề Hàn Thác Trụ, có Lâm Lật Chi đánh phá những kẻ có ý kiến khác mình, có Vương Hoài, Trần Cổ báo thù oán xưa, khiến cho sáu kinh của Khổng Mạnh trở thành thứ bị cấm ngặt trong cõi đời, thuyết “*chánh tâm, thành ý*” bị những người ở địa vị cao chán ghét, chẳng muốn nghe. Những kẻ sĩ tuân theo quy củ đều nín hơi, lặng câm, còn bọn học trò xu thời phụ thế thì mạo danh thầy của bọn họ [làm ra vẻ mình là kẻ ưu thời mẫn thế]. Chỉ riêng mình Châu Hy gánh vác đạo thống, chẳng lo sâu, chẳng run sợ, cứ dâng biểu [lên hoàng thượng] phơi bày mọi lẽ chẳng sót, tiến cử, tiếp dẫn [bậc hiền tài] không bỏ lỡ ngày nào. Trong những tờ biểu tâu trình lên vua, ông đã khoét tủy, rỗng lòng [phơi bày nhiệt

tâm thành ý], [đề nghị] các biện pháp như lập kho chứa thóc tại các châu huyện để phòng ngừa năm mất mùa, cứu người bị hỏa hoạn, cứu vớt người bị chết đuối. Ứng xử tiến thoái, chẳng cầu thả bước nào! Ông bị kẻ khác sàm báng, đối với trăm nỗi vui dập vắn ung dung, tích cực dạy dỗ kẻ hậu học, cho nên có nhiều kẻ hiền tài đua nhau xuất hiện. Ông nghiêm cẩn kèm giữ chính mình, chẳng hề vi phạm Tứ Vật<sup>876</sup> [của Nhan Hối]. Do vậy, cái học Trâu Lỗ Liêm Lạc<sup>877</sup> như mặt trời giữa trưa chính là hiệu quả do Châu Tử đã dốc sức thực hiện vậy!

Đời Tống, Phạm Nghiễm là người xứ Nhân Hòa, tuổi tráng niên thi đỗ Tiến Sĩ, làm quan tại các quận, huyện rồi đạt đến chức khanh tá (卿佐, chấp chánh đại thần), làm quan suốt hai mươi mấy năm. Mỗi ngày, ông ắt suy nghĩ đạo “*trung với vua, tạo ân trạch cho dân*”. Thấy, nghe, nói năng, hành động, không dám cầu thả mảy may. Tuy ở trong nhà tối, phòng kín, luôn luôn giữ

---

<sup>876</sup> Tứ Vật (四勿) là “bốn điều đừng nên”, trích từ thiên Nhan Uyên trong sách Luận Ngữ. Sách chép: “*Tử viết: ‘Khắc kỷ phục lễ vi nhân, nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ quy nhân yên, vi nhân do kỷ, nhi do nhân hồ tai?’ Nhan Uyên viết: ‘Thỉnh vấn kỳ mục’. Tử viết: ‘Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động’*” (Khổng Tử nói: “Khắc chế sự ham muốn của chính mình, khôi phục lễ nghĩa, đó là nội dung của nhân. Ngày nào mọi người đều khắc chế tư dục, tuân thủ lễ nghĩa, [ngày ấy] khắp thiên hạ đều là người có lòng nhân. Thực hiện lòng nhân phải từ chính mình, chứ [chờ đợi] người khác thực hiện lòng nhân thì làm sao được?” Nhan Uyên thưa: “Xin thầy dạy cho biết các điều mục [để thực hiện lòng nhân]”. Khổng Tử bảo: “Việc phi lễ chớ nhìn, điều phi lễ chớ nghe, chuyện phi lễ chớ nói, hành vi phi lễ chớ làm”).

<sup>877</sup> Trâu là quê hương của Mạnh Tử, nước Lỗ là quê hương của Khổng Tử, Liêm là nói đến Châu Đôn Di vì ông sống tại Liêm Khê thuộc Đạo Châu, Lạc là nói đến anh em Trình Di, Trình Hạo vì họ sống ở Lạc Dương. “*Trâu Khê Liêm Lạc*” là nói đến Tống Nho (Trâu Lỗ là học thuyết Khổng Mạnh, còn Liêm Lạc là nói về Lý Học).

mình dè dặt, kinh sợ, cảnh tỉnh. Đến khi con ông trưởng thành, ông liền từ quan, quy ẩn, áo vải, cơm rau, chẳng dính dáng đến duyên trong cõi đời, thanh tâm nhập đạo. Hằng ngày, niệm trì các kinh Pháp Hoa, Kim Cang; hễ rảnh rỗi thì Thiền Định, quán tưởng. Hết thầy Thế Đế, chẳng có may mắn [dính mắc]. Đạo đức và tánh mạng cũng đều quy về tự nhiên. Trong niên hiệu Đại Quán [thời Tống Huy Tông], ông đã chín mươi mấy tuổi, bỗng nhiên liễu ngộ, dặn dò người hầu:

- Con người sống trong cõi đời, giống như một vở tuồng. Khi trống, phèng la vang rền, kếp, đào, hề, kếp râu<sup>878</sup>... ai nấy đều phô bày tài nghệ cho đến khi đuốc rụi, đèn tàn, thành ra hứng thú nổi gì? Như ta đến thế gian, chín mươi năm như huyễn, như hóa, như sương,

---

<sup>878</sup> Nguyên văn “*sanh, đán, sừ, mạt*” (生旦丑末) là thuật ngữ dùng để phân loại các diễn viên tuồng:

1. Sanh (生) là vai diễn viên nam (kếp), thường vẽ mặt thanh tú, trắng trẻo, không văn vận, chia thành tiểu sanh (các vai nam trẻ tuổi), lão sanh (vai nam già), vũ sanh (vai võ tướng đẹp trai như Tiết Nhân Quý, Tiết Đình San, La Thông v.v...), oa oa sanh (kếp nhí, tức các vai bé trai)...
2. Đán (旦) là đào, chia thành chánh đán (thanh y) tức các vai đào chánh, hoặc đào thương, giữ các vai trò đoan trang, trang trọng, tiết liệt, chủ yếu là đòi hỏi giọng hát, không cần vũ đạo nhiều, hoa đán (đào mùi hoặc đào lẳng, tùy theo vở tuồng), vũ đán (nữ tướng), lão đán (đào mù), thái đán (đào độc, chuyên đóng các vai gian trá, hung ác, ty tiện, hoặc những vai nữ tỳ hay bình dân tình nghịch, có tánh cách chọc cười, ăn nói sắc sảo, hoạt kê).
3. Tịnh (còn gọi là hoa kiểng) là các vai vẽ mặt văn vận, thường là nam; đa số là vai vũ tướng, rậm râu như Hạng Vũ, Trương Phi v.v...
4. Sừ (丑) là các vai hề.
5. Mạt (末) là những vai nam đeo râu dài, nhưng không vẽ mặt văn vận, thường đóng vai quan văn, ẩn sĩ, đạo sĩ...

như chớp, may mà ngộ được điều ấy. Điều ấy chẳng có bờ mé, cũng chẳng vuông, tròn, lớn, nhỏ, cũng chẳng phải là đỏ, trắng, xanh, vàng, cũng chẳng phải là dài, ngắn, trên, dưới, chẳng sâu, chẳng hỷ, không đúng, không sai, chẳng thiện, chẳng ác. Đó gọi là “*chẳng có một vật mà muôn hình tượng thấy đều được bao gồm*”. Điều này là chân thật nhất, cao tột nhất, là diệu đế chẳng đến chẳng đi, chỉ tại do lòng người chí thành, tinh tấn, tâm tâm tiếp nối, niệm niệm chẳng đoạn. Tam thế chư Phật đều từ lý này mà xuất hiện. Đó gọi là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, phi cuồng ngữ (lời lẽ chẳng dối gạt), phi dị ngữ (lời nói chẳng khác lạ). Các người ai nấy hãy nên gắng hành.

Nói xong, ông ngồi yên, chấp tay mà hóa. Nhất thời, mùi hương lạ đầy nhà, mây lành phủ khắp không trung, các thứ quang minh chiếu rọi thế giới mấy ngày chẳng an. Muôn mắt đều cùng nhìn vào, ngưỡng mộ.

Những điều vừa nêu trên đây chính là đường lối để gắng sức thực hiện tam giáo từ hạ học cho tới thượng đạt, đều quy về “*cùng lý, tận tánh, là chỗ cao tột nhất của bản tánh*”. Tôi sao chép vào đây để mong làm khuôn phép tột bậc cho các hành giả trong tam giáo, người có chí hãy nên nghĩ tưởng!

Trương Cung Thần nói: - Hết thấy các hành động, không gì là chẳng bắt đầu từ nhỏ cho đến lớn. Vì thế, phàm thuộc loài có huyết khí đều có thể chứng thẳng vào Vô Thượng Bồ Đề. Nhưng Vô Thượng Bồ Đề chỉ

ở chỗ cần trọng đối với những ý niệm nhỏ nhất vừa nảy sanh, thận trọng ngay khi chỉ ở một mình, mở rộng ra cho đến trọn hết mới thôi. Ông Viên [Liễu Phàm] chẳng nói rồi đây sao? Những thứ [trót gây tạo] trước kia, ví như ngày hôm qua đã chết. Những thứ từ nay trở đi, ví như sanh từ hôm nay, há nên tự đành lòng ruồng rẫy chính mình, để rồi phó mặc hết thảy họa phước cho mạng trời, chần chờ, cầu thả cho xong một đời này vậy thay? Tôi đã gởi lòng nơi cửa Thích, đối với phần cuối của thiên sách này, chẳng e ngại đôi ba lượt múa lưỡi, mong sao những người đã có thiện căn sẽ đều nhờ vào đây mà tự mở rộng [đức hạnh của chính mình].

Thiên hạ lớn tốt cùng, muôn đời xa tốt cùng. Dầu dùng vạn tay, vạn mắt để cứu tế cõi đời này, vẫn chẳng thể đủ. Vì thế, chuyện cấp bách nhất chỉ là dạy dỗ người khác, há bắt buộc phải đều là thánh hiền rồi mới có thể dạy dỗ người khác ư? Nếu ai có thể thật sự nghe điều thiện mà hoan hỷ, thấy điều thiện bèn vui lòng, lúc nào cũng nói lời thiện, bàn bạc việc thiện, nói đến thiện báo, phân phát thiện thư, tức là đã giáo hóa khá nhiều. Còn [trong quá trình giáo hóa ấy], sẽ chuyển đổi linh hoạt, khéo léo, ứng dụng những mẹo vặt hay ho, sống động, đều là càng ngày càng tinh tấn, càng tinh vi hơn, đạt đến tột bậc biến hóa, khéo hợp, mà chính mình chẳng tự biết. Dạy kẻ vụng về, tầm thường, lại chẳng bằng dạy bậc hào kiệt. Dạy được một người, sẽ xoay chuyển càn khôn, tiếp nối người trước, lưu truyền cho người sau, khiến cho người ấy lại dạy bảo người khác, ắt sẽ là dạy [một người] mà thành dạy trọn khắp. Bậc thánh

hiền thuở trước, truyền lại kinh thư cho cõi đời, đều là vì một nhân duyên đại sự này. Nay thiên sách này, [chính là] lời huyền diệu độ đời của đức Thái Thượng, là mật đế (chân lý bí mật) cứu độ chúng sanh của chư Phật, [đúng là] trước tác mầu nhiệm nhân từ đời đời chẳng cùng tận. Những ai tụng thiên sách này, hành theo, ấn loát, lưu truyền, cũng đều là do có một đại sự nhân duyên trong ấy. Giác ngộ cõi đời, yên dân, bồi đắp nguyên khí, tạo phước, khiến cho mọi người cùng làm lành, trời đất trong lặng, yên ổn. Tâm lượng ước kiếp thường tròn đầy, quả thật chẳng thể nghĩ bàn được!

## **Cảm Ứng Thiên Vựng Biên**

### **Trọn Bộ**

### **Thay lời kết & Hồi Hướng**

Có lẽ không có bộ thiện thư nào được chú giải, truyền bá rộng rãi bằng Cảm Ứng Thiên. Trong các tác phẩm chú giải Cảm Ứng Thiên, tổ Ấn Quang đặc biệt tán thán và ấn hành Cảm Ứng Thiên Vựng Biên với một số lượng khá lớn. Mỗi khi dạy người khác về nhân quả, Ngài luôn biểu tặng sách này và An Sĩ Toàn Thư. Tuy thế, mặt nhân vẫn không quan tâm lắm, cho đến khi có cơ duyên lui tới Tịnh Tông Học Hội Dallas, mặt

nhân rất ngạc nhiên khi thấy trong các sách vở được cơ quan Hoa Tạng và Phật Đà Giáo Dục ấn hành thường xuyên có Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và Cảm Ứng Thiên Đồ Thuyết. Tiếc rằng khi ấy, do thiếu tài liệu tham khảo, đối với những lời chú giải của các bậc túc nho do quá cô đọng, quá nhiều điển tích, dầu có chú tâm đọc, mặt nhân vẫn không hiểu rõ cho lắm. Khi xem đến quyển Cảm Ứng Thiên Vựng Biên Bạch Thoại Tiết Bản thì thấy đối với mỗi điều, sách chỉ trích yếu vài đoạn, không đủ giúp cho một kẻ học trộm, chữ nghĩa nhấp nhem như mặt nhân hiểu được phần nào các lời chú giải. Đến nay, như một duyên lành, trước là pháp sư Định Hoàng giảng đoạn mở đầu, sau là ông Hoàng Bách Lâm giảng trọn bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên; những điển cố, những thành ngữ khó tìm, khó tra cứu đều được ông Hoàng giảng rất tường tận; do đó, những phần phải tự tra cứu đã giảm bớt rất nhiều. Càng đọc, mặt nhân càng hiểu phần nào lý do vì sao các vị tổ sư như Liên Trì, Ấn Quang đều đề xướng Cảm Ứng Thiên, Công Quả Cách, và Phật môn Trung Hoa coi trọng Cảm Ứng Thiên đến thế. Đến nay, cảo bản tiếng Việt đã hoàn thành, có người đọc những phần dịch đã chê “toàn là chuyện thần tiên hoang đường, toàn là tín ngưỡng Đạo Giáo, phí công dịch để làm gì”, nhưng chúng tôi dốc lòng tin tưởng lời Tổ đã dạy: “*Hết thấy do tâm tạo*”. Nếu chúng ta lãnh hội bằng cái tâm học Phật, sẽ thấy dầu là pháp thế gian, vẫn là Phật pháp. Các vị thần, thánh, tiên, quý v.v... như sách này đã nói biết đâu đều là hóa thân của Phật, Bồ Tát, chư vị thánh

hiền, nhằm ứng hợp với tâm tư tình cảm của người thuở ấy mà hiện thân dưới các hình tượng quen thuộc trong tâm khảm của đại chúng để dẫn dắt họ về nẻo giác. Hơn nữa, bàng bạc trong tác phẩm này, tư tưởng Phật giáo vẫn là chủ đạo. Có những điều thoát nhìn thuần là Đạo Giáo, nhưng trong lời chú giải, đã được diễn giải theo cách nhìn duyên khởi của Phật giáo. Chúng tôi tin rằng, ngoại trừ những bậc thượng căn đại trí, dầu chẳng chú trọng nhân quả mà vẫn bắt muội nhân quả, chứ hàng phàm phu lẽ tẻ sát đất như mặt nhân, nếu chẳng do sợ quả báo, sợ địa ngục, ắt sẽ khó thể chẳng phạm những lỗi sai trái, khó thể làm tròn nhân đạo để mong tấn tu trên đường Phật đạo được. Chúng tôi trộm nghĩ, thường đọc Cảm Ứng Thiên, luôn giữ lòng dè dặt, kinh sợ, cẩn thận nơi từng tâm niệm nhỏ nhất, phản tỉnh suy xét chính mình, chúng ta sẽ có thể thực hiện phần nào giáo huấn “*nhàn tà tôn thành, đôn luân tận phạm, tín nguyện niệm Phật, vãng sanh Tịnh Độ*” như tổ Ấn Quang đã dạy. Tuy đã có sẵn một số tài liệu, nhưng do tâm trí chậm chạp, tối tăm, cũng như do những bận rộn vụn vặt trong cuộc sống thường ngày và việc làm, chúng tôi khởi sự chuyển ngữ từ ngày 14 tháng Giêng năm 2017 nhưng mãi cho đến ngày mùng Chín tháng Ba năm 2018 mới tạm xong草本. Xin trân trọng cảm tạ ân đức giảng giải của pháp sư Định Hoằng và cư sĩ Hoàng Bách Lâm, cơ quan phát hành kinh sách Hoa Tạng, các vị đạo hữu Đức Phong, Huệ Trang, Hồ Xuân Trường, Trịnh Văn Lộc đã góp ý sửa chữa, luôn khuyên nhủ, sách tấn trong suốt quá



trình chuyển ngữ. Chỉ sợ tâm huyết đau đáu thương đời, vệ đạo của bao thế hệ tiền nhân, nay được chuyển ngữ sang tiếng Việt qua cái nhìn hạn hẹp, ngu ám và trình độ Hán Việt nháp nhem của mặt nhân đã bị sai lạc, biến tướng, tạo thành duyên chê cười, phỉ báng, gai mắt người đọc. Nếu việc làm liễu lĩnh này có chút công đức hay phước đức nào, đều xin hồi hướng cho lịch đại tổ tiên, sư trưởng, phụ mẫu hiện thế, đa sanh phụ mẫu, các huynh đệ Đức Phong, Minh Tiến, Huệ Trang, Xuân Trường, Văn Lộc cùng các vị liên hữu và những ai tin tưởng nhân quả, tin kính Phật Di Đà, sẽ đều được nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm khang thái, nhất tâm nhất ý phát nguyện vãng sanh, cùng nhau hội ngộ nơi đài sen của đấng Từ Phụ Di Đà.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa ngưỡng bạch

***“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”***